ĐẠI CHÁNH TÂN TU
ĐẠI TẠNG KINH

Quyển thứ 34

Thuộc về „Chú giải kinh bộ thứ 2"

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Bắt đầu dịch quyển nầy vào ngày 21 tháng 8 năm 2009
nhằm ngày mồng 2 tháng 7 năm Kỷ Sửu, Phật lịch 2553
trong mùa An Cư Kiết Hạ và lạy kinh Đại Bát Niết Bàn
mỗi chữ mỗi lạy đến trang 186 tập II.

Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác
Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt.

Viết tại thư phòng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc
Ngày 21 tháng 8 năm 2009

ĐẠI CHÁNH TÂN TU
ĐẠI TẠNG KINH

Thứ tự Kinh Văn số 1718 (262, 1719)

Quyển thứ 34

Từ trang số 1 đến trang 149

Lời tựa về việc "Chú giải THIÊN THAI PHÁP HOA"

Sa Môn Cảnh Trung thuật lại

Nghe rằng: Cho đến cái lý thì chẳng có tên gọi. Tên ấy lưu truyền trong bốn cõi trời đất. Thật là chẳng thay đổi. Khi hiện ra trong ba cõi, chứng được lời dạy thì mọi việc đều ngừng lại. Tất đàn tùy theo cơ duyên mà hóa độ sự vật. Chẳng có mưu mô bày biện. Công ấy thật là lớn. Đó chính là kinh Diệu Pháp Liên Hoa. Kịp đến bậc trượng phu ra đời. Vì một đại sự nhơn duyên mà nói vậy. Cũng giống như cây làm thuốc chẳng giống nhau; khi thọ nhận thành ra khác. Căn cơ chẳng phải một. Nên sự chỉ bày kia có khác. Đây chính là quyền biến thí cho vậy. Đó chính là việc chuyển pháp luân nói Tứ Đế ở Lộc Uyển. Đây chính là sự hiển thật. Rồi nơi đỉnh Thứu 3 lần biến hóa thành Tịnh Độ. Dùng để chỉ cho lời nói thâm sâu chơn thật. Con người tôn sùng đạo ấy cao vời. Ảnh hưởng ấy vô cùng xa rộng. Rồi gần đến chốn Già Da, mưa rơi gió thổi, giương cao tiếng pháp. Bỏ đi cái

xưa cũ, mở bày chỗ vào mới. Làm lợi lạc cho đến cả cá thỏ. Cho đến những Bồ Tát nhiều như vi trần làm cho nền đạo tăng trưởng, giảm bớt sự sanh. Thanh Văn nơi am cốc, thẹn ít vui nhiều. Dược Vương thiêu cánh tay để cúng dường. Đa Bảo đã hiện ra toàn thân, đầy đủ nhỏ nhiệm; chẳng thể dùng lời mà được.

Nay có Thiên Thai Đại Sư pháp hiệu là Trí Khải. Xưa kia ở trước Đức Như Lai, tự thân nghe được những lời dạy, ở chỗ Ngũ Phẩm, nghe động đến cả 2 triều đình. Chẳng trải qua việc giảng dạy, mà Phật đã huyền ký giải bày. Cái lực của Đà La Ni vui nói chẳng cùng. Thường ở nơi cung điện lớn của ông chủ họ Trần, ở trước họ mà giảng kinh Bát Nhã Nhơn Vương. Cả vạn người quỳ nghe. Trăm vị quan khảy móng tay, há để quán tâm mình mà giải thích. Cái diệu ấy là lìa có không. Giữ lấy cái tánh chơn mà làm quy tắc. Gốc gác ấy chiếu sáng, thành chỗ triệt để. Nghe danh, giải thích, tông phong, khác với cổ đức. Năm nghĩa lý chính yếu. Tất cả đều làm hưng lời thánh giáo. Từ Ngài Trí Giả đến Ngài Hồng Pháp trong 30 năm hơn chỉ có chú giải Duy Ma. Cho đến đời nhà Tùy phụng hành sắc chỉ của Vua mới soạn ra huyền văn nầy. Đây chính là do sự quán đảnh của Pháp Sư mà tôi ghi lại thành 20 quyển. Chẳng có trí thì chẳng thể nắm bắt được. Lời nói ấy có quá chăng?

Cho đến sau khi mất 100 năm hơn, mãi cho đến năm Mậu Tý thuộc Thiên Bảo đời nhà Đường có vị Hòa Thượng ở chùa Thanh Thái thuộc quận Trần Dương cảm nhận pháp môn tốt lành như dùng chân tay mắt mũi nơi

ao nước trong mát, rồi dùng giới đắc đủ đầy. Trong ngoài đều đầy đủ, như một bình báu dung chứa lòng từ bi. Ngồi nơi nhà đá ở chỗ không vắng lặng, lần lượt giảng nói pháp nầy và mặc nhiên than rằng: Thấy nghĩa lý nầy thật là sâu xa hợp với Phật Thừa. Tìm nơi câu văn mạnh mẽ nầy thì có; nhưng chẳng liên tục. Hoặc câu văn liên tục mà ý nghĩa lại đứt khoảng; hoặc câu văn ở sau mà nghĩa thì ở trước; hoặc là hàng trước thì mở ra cho chương nầy; hoặc là từ ngay phía sau tường thuật lại nghĩa nầy; hoặc giả ở trong. Câu kệ trước có đưa ra con số nầy; hoặc ở phía sau chẳng thứ tự theo tên nầy, mà Thánh Ý thì khó lường. Chỉ do nơi lòng tin, rồi nay nhơn có những vị nghe đến khuyên bảo nói rằng:

Bậc Thượng Căn dễ ngộ. Tìm hiểu rõ ràng thì chẳng mê, để lưu lại cho kẻ trung bậc hạ. Tìm vào câu văn thì mất đi yếu chỉ. Liền làm cho lợi lạc việc nầy và chính đây làm lợi ích nhiều ra hơn nữa; nên Hòa Thượng đã 3 lần suy tính. Việc chẳng như ý; nên phải một lòng nhớ nghĩ đến Đại Sư để cầu sự gia bị chẳng phải sao? Nhơn ở trong mộng mà được cảm ứng, rồi bắt đầu nghiên cứu, sự che chở lại cũng tùy theo tình huống để mà tuyên dương. Thành tâm lượng xét; chẳng phải sự cẩu thả mà có thể cầu sự giống nhau hay khác nhau. Hay lại có sự thêm vào bớt ra ở thời gian nào đó. Đối với những kẻ hậu học, làm sáng rõ các ý nầy, tìm tòi cho ra chỗ tốt đẹp, như đá như vàng, nói pháp chơn thật; chẳng phải là người nói vọng. Giúp cho gió ấy tung cánh bay xa, rồi làm cho thuyền kia rộng hướng. Biến đến trăm ngàn cảnh giới khác; cho mọi nơi mọi chốn, hóa thành chỗ tốt

đẹp. Cho đến gần gũi nơi bến đậu. Đó là hướng đến Đức Di Lặc và quay về lại Ngài Văn Thù. Nhằm làm cho phát sinh trí tuệ đủ đầy. Cả mùa Xuân hay Thu cũng chỉ một lời, hướng đến cả tâm hồn vậy. Đan hợp lại những câu văn như trước, để làm cho nhẹ nhàng cho cái lý chơn thật. Lại chẳng phải chỗ không Vua không Phật, cùng nhau đều phát tâm. Mười sáu vị Sa Di hoặc cùng nhau thay phiên giảng nói, như cánh hoa dưới ánh mặt trời trên đồi núi. Như gìn giữ của báu, thành tâm dùng bút trước cửa công, để viết lên chỗ chính yếu xuyên thấu. Thứ đến làm cho rõ nghĩa nầy. Thấm gội được đạo ấy nhằm lưu lại ngày sau là ý chính của việc nầy vậy.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

Quyển thứ nhất
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt trong mùa An Cư Kiết Hạ, Phật lịch 2553, Dương lịch 2009 tại thư phòng chùa Viên Giác.

Phẩm Tựa Thứ Nhứt

Việc ủy thác giải thích về đề kinh như bên trên đã nói. Tựa ở đây nghĩa là chỉ rõ cho lời tựa. Nghĩa là tất cả như chủ khách vấn đáp, rõ ràng ở lời tựa vậy. Trải qua từ ý nghĩa nầy. Nghĩa là lần lượt do đây thuật lại. Như thế có 5 việc, mà tựa là phần đầu của kinh. Phóng ra ánh sáng sáu kiểu đoan nghiêm và khởi phát lên sự sáng sủa, đều do lời tựa vậy. Hỏi đáp là sự giải thích những điều nghi và nói ra dẫn dụ cho đúng. Nghe và thuật lại như thế. Ở đây đầy đủ ba nghĩa; cho nên gọi là lời tựa. Phẩm ở đây trong A Hàm gọi là to lớn và ở đây phiên dịch thành là phẩm. Phẩm nghĩa là giống các loại. Gom tụ lại một đoạn nên gọi là phẩm vậy. Hoặc Đức Phật tự xướng lên phẩm như Phạm Võng. Hoặc kết tập để trở thành như một luận lớn; hoặc người giải thích đầy đủ như Ngài La Thập. Nay thì Dược Vương Bổn Sự là do Phật xướng lên. Diệu Âm Quan Âm là kinh. Người giải thích dịch ra chưa nghe. Cho nên các phẩm ấy bắt đầu nói là đệ nhứt. Phật bảo cho biết nhơn duyên tạo ra việc

rải hoa và những vòng hoa gồm hai thuyết. Kết tập nghĩa là sắp đặt truyền lại việc đã nói. Luận ở đây nghĩa là nương vào kinh điển. Tất cả đều chẳng có tiết mục; cách cấu tạo xưa, Sư thường bổ sung vào để làm cho rõ nghĩa lý, chẳng phân chia chương đoạn. Nếu muốn dùng ngay ý nầy thì sau đó sanh ra việc nguy hại chẳng rõ xảy ra biết dường nào.

Lại nữa Phật nói lẳng hoa là những sự tập trung, tùy theo nghĩa ấy mà lập nên phẩm. Tăng thêm một nghĩa là: Khế kinh một phần; luật một phần; A Tỳ Đàm một phần. Khế kinh lại còn chia ra làm bốn. Nghĩa là Tăng Nhứt, Trường, Trung và Tạp. Tăng Nhứt A Hàm làm sáng tỏ nhân quả của Trời Người. Trường A Hàm thì phá tà kiến. Trung A Hàm thì làm rõ nghĩa sâu xa. Còn Tạp A Hàm thì làm rõ nghĩa của việc Thiền Định.

Luật thì mở ra 5 bộ và 80 loại tụng.

A Tỳ Đàm thì mở ra 6 túc và 8 loại kiền độ.

A Hàm nghĩa là thí, giới, huệ, lục độ đều đầy đủ. Nghĩa là căn tánh, đạo, định và 8 loại tụ.

Ngài Thiên Thân tạo luận dùng 7 công đức để phân chia thành phẩm tựa. Năm lần thị hiện phân chia ở phẩm Phương Tiện. Còn những phẩm khác mỗi mỗi đều có xứ phần. Ngày xưa ở Hà Tây thuộc Giang Đông lấy ý chính nầy để phân ra đề mục của kinh văn. Đến cuối đời Vưu Phiền Quang chuyển đổi nhỏ thêm. Việc chưa ra thì làm cho sáng thêm. Ba luồng ánh sáng thì càng rõ. Kẻ đến hỏi chỗ không rõ nên hỏi Đàm Loan. Loại nhỏ như khói,

hỗn tạp như bụi bay; che đậy chỗ thừa chỗ thiếu. Lô Sơn Long Sư chia câu văn làm lời tựa để rộng lưu thông. Gồm 27 phẩm cộng lại có hai loại. Từ lời tựa cho đến Pháp Sư nói phương tiện, nói chơn thật. Lý thì một mà nói thành ba. Phần Bảo Tháp thì thân ấy là phương tiện, thân ấy là chơn thật. Thật thì xa mà nói là gần. Lại nữa từ phẩm Phương Tiện đến phẩm An Lạc Hạnh. Đây là Nhơn Môn từ Dũng Xuất và dưới là Quả Môn. Ngay cả thời trung hưng của Ấn Độ ở nơi núi rừng; rồi nhận kinh từ rồng và phân phối ra câu văn giống nhau. Huyền xướng từ phần tựa cho đến phẩm Đa Bảo làm Nhơn. Từ phẩm Khuyến Trì đến phẩm Thần Lực chia ra làm quả. Từ phẩm Chúc Lũy cho đến phần Hộ Trì. Lại có vị Thầy nói rằng: Từ phẩm Tựa cho đến phẩm học vô học nhơn ký. Đây chính là thể của Pháp Hoa. Từ phẩm Pháp Sư cho đến phẩm Chúc Lũy là làm sáng tỏ công đức của việc thọ trì. Từ phẩm Dược Vương cho đến hết kinh là những bổn nguyện đẹp của chư vị Bồ Tát. Có vị Thầy lại chia ra làm 4 đoạn. Sơ phẩm là đoạn tựa ban đầu. Từ phẩm Phương Tiện cho đến phẩm An Lạc Hạnh, khai mở ra ba và hiểu rõ đoạn một. Từ phẩm Dũng Xuất cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức là khai cận hiển viễn (mở gần, hiện xa). Còn lại sau đó là đoạn Lưu Thông.

Quang Trạch Vân nhận kinh từ Ấn Độ. Ba đoạn đầu lần lượt mỗi mỗi khai làm hai. Nghĩa là lưu thông của lời tựa và phần lời tựa riêng. Đó chính là Nhơn Môn và Quả Môn. Phần lưu thông có nghĩa là hóa ra cái kia và tự làm. Hai lời tựa, mỗi mỗi có 5. Hai phần chánh mỗi mỗi gồm

4. Hai phần lưu thông mỗi mỗi có ba. Hợp lại thành 24 đoạn.

Phàm phân chia kinh văn, tất do con người. Hoa Lan, hoa Cúc ở đâu cũng đều tốt đẹp. Người đời sau chẳng muốn vì sự có, không mà cạnh tranh nhau. Chẳng lợi làm ba, mà buồn cho một nỗi. Tam ích có nghĩa là thế giới nầy có ba Tất Đàn vậy. Một nỗi (một con đường) ấy là nghĩa thứ nhất của Tất Đàn. Thiên Thai Trí Giả phân chia câu văn ra làm ba. Phẩm đầu là Tựa. Phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức, những câu kệ 19 hàng. Rồi nửa phẩm thứ 15 là một nửa cảnh gọi đúng.

Từ kệ ấy cho đến hết kinh. Cho đến giữa phẩm thứ 11 gọi là phần lưu thông. Lại nữa một lúc mà chia làm hai.

Từ phẩm Tựa cho đến phẩm An Lạc Hạnh 14 phẩm giống như: Tích, khai, quyền, hiển, thật.

Từ Dũng Xuất cho đến phẩm thứ 14 là: bổn, khai, quyền, hiển, thật. Bổn Tích gồm lời Tựa là chính lưu thông. Phẩm đầu ấy là phẩm Tựa. Phẩm Phương Tiện cho đến phẩm Thọ Học Vô Học Nhơn Ký là chánh.

Từ phẩm Pháp Sư đến phẩm An Lạc Hạnh làm chỗ lưu thông.

Từ phẩm Dũng Xuất cho đến Di Lặc Dĩ Vấn Tư Sự. Phật nay đã đáp ở nửa phẩm Tựa.

Từ phẩm Phật Cáo A Dật Đa xuống cho đến phần kệ của phẩm Phân Biệt Công Đức gọi là phần chính.

Từ đó về sau của kinh là phần lưu thông. Nay ghi lại từ ba đoạn trước đã mất các câu văn.

Hỏi rằng: Một kinh tại sao lại có 2 Lời Tựa?

Đáp rằng: Hoa Nghiêm xứ xứ các chúng đều vân tập. A Hàm biến biến như vậy. Phụ thuộc vào trước sau của Đại Phẩm. Tất cả đều chẳng phải một bộ. Hai lời tựa ấy nghi ngờ cái gì? Bây giờ chẳng yên nơi 5 nghĩa. Bổn Môn chẳng phải lần lượt đầu tiên vậy. Tích Môn thường là lưu thông đơn lẻ. Thuyết pháp chưa đến cảnh vậy. Cái ý ấy có nghĩa gì không nhỉ? Bây giờ chọn câu văn làm bốn. Một là thứ tự, hai là tại sao, ba là dẫn chứng và bốn là hiển thị ra tướng. Thứ tự nghĩa là: Thứ nhứt thuộc về nhơn duyên; thứ hai ước đoán lời dạy; thứ ba là bổn tích và thứ tư là quán tâm. Đầu tiên bắt đầu như vậy và kết cuộc như vậy mà hư. Tất cả đều dùng 4 ý ấy để làm cho câu văn mất đi. Còn nay thì lược bớt; hoặc còn ba, hai hay một. Quý ở chỗ ý chứ chẳng phải vì bút mực nhiều.

Hai là tại sao? Đây là câu hỏi lược bớt thành một. Nếu nói rộng có tới 4. Hỏi lý do tại sao? Nếu đáp rộng tức là làm cho trí tuệ thụt lùi. Còn nói lược thì ý chẳng đầy đủ. Ta nay ở trong ấy để nói, làm cho nghĩa nầy rõ ràng dễ hiểu hơn.

Nhơn duyên còn gọi là cảm ứng. Chúng sanh chẳng đầy đủ cơ duyên, tuy gần mà chẳng thấy. Từ bi là cái lực của căn lành, xa nhưng mà tự thông, cảm ứng đạo giao

vậy. Nên dùng nhơn duyên để giải thích vậy. Phàm là chúng sanh thì đều cầu thoát khỏi những căn cơ nầy. Còn Thánh nhơn thì khởi lên sự ứng hiện với các chúng sanh. Nghĩa nầy chỗ rộng nằm tại đâu mà các kinh lớn đều nói?

Lòng từ bi là căn lành lớn có vô lượng cửa ngõ; lược nói ấy là thần thông. Nếu 10 phương cơ cảm mông mênh như hư không, thì nay luận về Ta Bà quốc độ, âm thanh Phật sự ấy chính là mở cửa Cam Lồ. Nương vào sự giải thích ấy để nói rõ ràng ra. Tùy theo căn cơ mà dạy dỗ. Nên mới có quyền, thật, cạn, sâu chẳng giống nhau. Cái chính là quên đi ngón tay, chỉ còn là mặt trăng thôi. Cho nên Thầy đã viết rằng: Chẳng có cái gốc thì lại chẳng có cái tích. Chẳng có tích thì lại chẳng thể hiển bổn được. Cho nên dùng bổn tích để giải thích vậy. Nếu mà tìm Tích thì Tích ấy rộng, chạy theo đó lại cực nhọc. Còn nếu tìm gốc thì gốc ấy càng cao, chẳng thể có cái cuối cùng. Số lần ngày đêm đều quý giá. Tự nó chẳng thể có nửa hào. Nên hay quán tâm cho thật cao rộng. Sự ứng hiện của bậc Thánh cũng vô cùng. Khi căn cơ đã thành thục thì sự cảm ứng được với việc lợi ích nầy. Cho nên dùng quán tâm để giải thích vậy.

Điều thứ ba là dẫn chứng: Phẩm Phương Tiện nói rằng: Mười phương chư Phật vì một đại sự nhơn duyên để xuất hiện ra nơi đời. Phàm loài người, chư Thiên, Tiểu Thừa, chẳng một, chẳng lớn. Lại chẳng phải Phật sự thì chẳng thành cơ cảm. Thật tướng gọi một ấy là truyền rộng rãi cái danh lớn ấy. Phật chỉ vì việc nầy; nên xuất

hiện ra nơi đời. Nên gọi đây là một đại sự nhơn duyên. Lại rằng: Dùng đủ loại pháp môn để tuyên bày con đường của Phật. Hãy nên biết đủ loại nghe thấy, dạy bảo. Hoặc hiện, hoặc trước, hoặc quyền, hoặc thật. Tất cả đều là con đường của Phật nhằm tạo ra cách gọi như vậy.

Kinh nói rằng: Lời nói thô hay ngôn ngữ uyển chuyển tất cả đều quy về một nghĩa. Đây chính là ý nghĩa ấy vậy. Phẩm Thọ Lượng dạy rằng: Ngày nay Trời, Người, A Tu La tất cả đều rõ ta xuất gia từ thuở nhỏ, ra đi khỏi cung dòng họ Thích để đến thành Già Gia, rồi chẳng bao lâu chứng được Tam Bồ Đề. Nhưng thật ra ta đã thành Phật từ lâu rồi, vô lượng vô biên A Tăng Kỳ Kiếp đến nay. Nhưng vì phương tiện chỉ bày làm lợi ích cho chúng sanh. Trong phẩm Phương Tiện cũng có nói: Ta vốn đã lập thệ nguyện, phổ độ và làm cho tất cả chúng sanh, lại được giống như con đường nầy. Như vậy ta và các ngươi chẳng khác gì cả. Lại nữa trong phẩm Ngũ Bá Thọ Ký nói rằng: Bên trong sâu kín thì hành hạnh Bồ Tát và bên ngoài lại hiện tướng Thanh Văn. Thật ra từ quốc độ thanh tịnh của Phật, hiển thị ra 3 loại độc, lại hiện ra cho thấy tướng tà. Đệ tử của ta cũng như thế. Vì phương tiện độ chúng sanh nên ở đây Thầy trò tất cả đều rõ Bổn Tích nầy...

Phẩm Thí Dụ nói rằng: Nếu có người tin nhà ngươi mà nói, tức liền thấy ta, lại cũng thấy ngươi và các chúng Tăng cùng với các vị Bồ Tát. Hãy nên biết rằng tùy theo chỗ lắng tâm nghe thấy và quan sát và ở nơi tâm tin

tưởng ấy sẽ thấy được Tam Bảo. Khi nghe nói về pháp bảo nầy, liền thấy ta, tức là Phật Bảo. Khi thấy các ngươi, tức là thấy Tăng Bảo v.v...

Thứ tư là hiển thị ra tướng. Vả lại nơi ba đoạn ấy hiển thị ra tướng nhơn duyên. Chúng sanh từ lâu tối tăm và Phật thì dùng thiện xảo, làm cho đủ loại Phật đạo nhơn duyên. Ở giữa tướng ấy ngay thẳng, rồi dùng phương tiện khác để giúp hiển bày nghĩa thứ nhứt để cho thành thục. Ngày nay mưa hoa, động đất là dùng sự diệt độ của Như Lai để mà độ thoát. Lại nữa những loại nầy từ xa xưa trong quá khứ đã thành thục rồi và trong đời nầy được giải thoát. Từ dưới đất vọt lên là những việc như thế. Lại nữa ở khoảng giữa là các loại và 4 mùi vị đều thành thục, rồi thoát khỏi cung vua và bây giờ là khai, thị, ngộ, nhập vậy. Lại nữa đời nay là các loại và đời đến sẽ thành thục và đời tiếp nữa sẽ giải thoát. Người trong tương lai được độ cũng lại như vậy. Tuy chưa là Bảo Môn; nhưng giữ lấy ý, nói nghe. Ở trong khoảng thời gian nầy đủ loại, tạo ra trong 3 đời, 9 đời làm thành đủ loại, thuần thục và giải thoát. Lại cũng chẳng nên không ngần ngại. Vì sao vậy? - Vì Như Lai là lực của thần thông tự tại. Là lực của Sư Tử phấn chấn to lớn uy dũng. Nói là tự tại như vậy. Những việc như thế ấy, có lời tựa để phân định ra như vậy. Khi chúng hội thấy việc hy hữu đoan nghiêm liền khát ngưỡng muốn nghe đầy đủ việc đạo. Phật nhân cơ hội ấy mà giáo hóa để khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến. Cho nên mới chia ra phần chính vậy. Chẳng phải lúc nào cũng được sự lợi ích. Sau đến 500 năm nữa lợi ích cho đạo thì có phần lưu

thông. Lại nữa hiển thị ra giáo tướng nghĩa là bài tựa nầy chẳng phải vì người trời cao xanh mà tạo ra lời tựa. Chẳng phải vì Nhị Thừa Tiểu Đạo và tạo ra lời tựa. Chẳng phải vì không thông với ba (cõi) mà tạo ra lời tựa. Chẳng phải vì riêng Bồ Tát pháp mà tạo ra lời tựa nầy. Nhưng vì sự ngay thẳng từ bỏ phương tiện để nói vô thượng Phật đạo mà tạo ra lời tựa nầy. Việc chánh đáng nầy chẳng lấy thế gian làm chánh. Chẳng lấy ánh sáng nhỏ chia trí tuệ ra làm chánh. Chẳng phải dùng ánh sáng thể pháp trí làm chánh. Chẳng thể lấy sao, trăng, con đường của các loại trí làm chánh. Cho đến chẳng dùng ánh sáng mặt trời của tất cả loại trí để làm chánh. Còn phần lưu thông nầy chẳng phải vì lá cây, mộc ngưu, mộc mã để tạo ra phần lưu thông. Chẳng phải phần lưu thông nửa chữ; chẳng phải phần lưu thông cả chữ. Chẳng phải phần lưu thông chữ riêng. Thuần là lưu thông đầy đủ của kinh, đầy đủ pháp vậy.

Kế đến là chỉ phần Bổn Tích. Lúc hành Bồ Tát ở một thời xa xưa, đã tuyên dương ánh sáng kinh Pháp Hoa của Phật, lại có nói 3 phần là Thượng, Trung và Hạ. Lại có Bổn Tích, do Phật với Phật liên tục chẳng ngừng. Riêng lấy lúc mới thành Phật, nói kinh Pháp Hoa gồm 3 phần: Thượng, Trung và Hạ. Gọi chuyên môn là Thượng; cũng gọi là gốc. Vì sao vậy? – Vì khi mới thành Phật, thuyết pháp lấy Thượng làm gốc. Cái ý nầy có thể rõ được. Trong thời gian hành hóa đã giúp cho Ngài Đại Thông Trí Thắng và Nhiên Đăng Phật để tuyên dương kinh Pháp Hoa gồm 3 phần. Rồi có tên là Trung, lại gọi là Tích. Vì sao vậy? – Phía trước có trên, phía trước có gốc. Ngày

nay nơi Vương thành nói có ba phần. Lại gọi là Hạ, lại gọi là Tích. Cho đến sức mạnh của Sư Tử phấn chấn. Cho đến ngày sau luôn luôn vẫn nói là ba phần. Lại chỉ cho việc đầu tiên là Thượng, là Bổn. Ví như cây lớn có cả ngàn cành vạn lá. Nhưng luận về căn bản thì chẳng có sự khác nhau vì đồng gốc đồng nhóm. Với ví dụ nầy có thể rõ biết được...

Kế tiếp chỉ rõ cái tướng của việc quán tâm. Sẽ luận về tâm nầy qua 3 phần giới, định, huệ. Đầu tiên của việc tu hành là giữ giới và ở giữa là định, sau cùng là huệ. Pháp môn lấy huệ làm gốc; định giới làm Tích. Hoặc giả giới, định, huệ mỗi mỗi chia làm 3 phần. Đầu tiên vì phương tiện bạch tứ Yết Ma để kiết giới và vì giới mà chia làm 3 phần: 25 phương tiện chánh quán lịch duyên, lành hay ra vào cũng như ở tại trong trăm ngàn Tam Muội, lấy định phân chia làm 3 phần. Nhơn duyên sở sanh pháp tức là không, tức là giả, tức là giữa và lấy huệ chia làm 3 phần. Khi qua 3 phần rồi, hiển thị 4 loại tướng. Nên dùng với nghĩa nầy từ đây cho đến "đảnh lễ rồi lui ra"; tất cả tạo ra 4 ý để làm tiêu câu văn. Cứ nên lấy tiêu chuẩn mong cầu ở nghĩa nầy như thế để dễ rõ biết. Còn phân biệt hiển thị câu văn các pháp thì rất khó. Hành giả nên rõ biết điều nầy. Ngôn ngữ tuy khác; nhưng ý thì đồng. Cả ngàn chiếc xe sẽ trở thành cả vạn vậy.

Phần lời tựa có Thông và Biệt. Từ đây cho đến "rồi ngồi sang một phía" là Lời Tựa vậy. Từ "nhĩ thời Thế Tôn cho đến phẩm biệt" cũng là Tựa vậy. Thông tựa nghĩa là

Thông những lời dạy. Tựa biệt tức là tựa riêng của một kinh. Thông Tựa thường lấy 5, 6 hoặc 7 v.v... Như thị đây là dùng để chỉ cho việc nghe cái thể của pháp. Ngã văn nghĩa là kẻ hay hành trì, gìn giữ. Nhứt thời có nghĩa là nghe lấy, giữ gìn cùng với việc thời điểm chẳng khác nhau. Phật đây là từ lúc nghe Phật nói vậy. Vương thành nơi núi là chỗ nghe và giữ gìn vậy. Cùng với các vị Tỳ Kheo nghĩa là bạn với người nghe và giữ gìn việc nầy. Đây chính là do nhơn duyên hòa hợp mà lần lượt được sanh ra. Lại chữ như thị ở đây nghĩa là 3 đời chư Phật trải qua việc đầu là an ổn. Như thế các vị Phật đều giống nhau, chẳng tranh nhau với thế gian, là thế giới Tất Đàn vậy.

Luận cho rằng: đơn cử ra thời điểm là làm cho con người sanh ra lòng tin. Vì người mà Tất Đàn vậy. Lại nữa đối với việc phá ngoại đạo 2 chữ A Ẩu nghĩa là chẳng Như mà cũng chẳng Thị. Đây là đối trị Tất Đàn vậy.

Lại nữa Như Thị nghĩa là từ dùng để chỉ cho sự tin thuận. Tín tức là nghe và lý giải hội nhập. Thuận có nghĩa là theo Thầy trên con đường đạo. Đây chính là đệ nhất nghĩa của Tất Đàn. Do vậy giải thích rộng ra hơn thì chẳng thể chuyên chở hết... Giải thích lời dạy nghĩa là trải qua cách xưng tán Phật pháp của ba đời, tất cả đều như ban đầu như thế. Phật ở đời trước có tiệm, đốn, bí mật, không nhất định ở nơi các kinh. Tiệm ấy lại có 3 Tạng gồm: Thông, Biệt và Viên. Chư Phật ngày nay lại cũng như vậy. Các kinh điển không giống nhau; cho nên

lại cũng có chỗ khác nhau. Chẳng nên vì một vấn đề mà là mở ra cho các chúng.

Lại nữa Phật và A Nan, hai câu văn ấy chẳng khác, mà là giống nhau. Hay giải thích chỗ đáng giải thích là thế. Bây giờ thì A Nan được Phật truyền lại cho câu văn gì? Giải thích những gì? Chẳng thể dùng câu văn tiệm để truyền ra Đốn mà là biên thành câu văn giải thích đầy đủ. Do sự truyền đạt giải thích ấy mà sai lầm, tức là câu văn chẳng thể như vậy. Khi câu văn không đúng thì cái lý cũng chẳng đúng. Nghĩa ấy thật khó mà rõ ràng. Cho thêm ý vào cho rõ, há là nương vào chỗ Tiệm Giáo mà phân biệt. Phật đã làm rõ cái thói quen là có chữ viết nhưng thật ra là không có chữ viết. A Nan được Đức Phật truyền cho văn tự của tục đế, cùng với lời dạy của Đức Phật không sai khác. Cho nên gọi là "như". Do trong câu văn thế tục nầy lại chứa đủ giáo lý của Chơn Đế. Cho nên gọi là "thị". Đây chính là 3 Tạng kinh đầu tiên làm rõ ra như vậy. Phật làm sáng tỏ ấy là: Sắc tức thị không; Không tức thị sắc; Sắc không không sắc không phải hai mà cũng chẳng riêng biệt. Không sắc bất dị ấy là "như". Nghĩa là việc ấy đúng là "thị". A Nan được Đức Phật truyền lại lời văn chẳng khác, ấy là "như". Hay chú giải chỗ chú giải ấy là "thị". Đây chính là kinh Thông Giáo, đầu tiên có chữ "như thị" là vậy. Phật chỉ rõ việc sống chết là có biên tế; còn Niết Bàn là vô biên. Ra khỏi việc sanh tử thì có biên giới; nhưng nhập vào Niết Bàn thì vô biên. Ra khỏi Niết Bàn cũng vô biên. Vào nơi Trung Đạo; nên A Nan được truyền và điều nầy có ra, có vào; không ra thì không vào bên trong. Cùng lời Phật dạy bảo không

khác nên gọi là "như". Từ cạn đến sâu chẳng có chỗ nào là không gọi là "thị". Đây chính là Biệt Giáo Kinh, đầu tiên "như thị" là vậy. Phật chỉ rõ sanh tử là Niết Bàn, lại cũng có nghĩa là Trung Đạo.

Lại nữa Niết Bàn cũng chẳng phải là Trung Đạo; chơn như pháp giới, thật tánh thật tế, tỏa khắp ra các nơi; chẳng phải không là Phật Pháp. A Nan được truyền lại điều nầy. Cùng với lời dạy của Phật không có gì sai khác. Cho nên gọi là "như". Như như bất động; cho nên gọi là "thị" Đây chính là Kinh Viên Giáo, đầu tiên "như thị" ấy vậy. Nếu dùng "động" về vào tục thì có giống như nghĩa của Tam Tạng chăng? Nếu "chẳng động" để vào tục tức giống như nghĩa của Thông, Giáo chăng? Như "động" nhập vào ấy, là nghĩa của Biệt Giáo chăng? Chẳng động "như thị" là nghĩa của Viên Giáo chăng? v.v... Nếu Đốn "như thị" ấy giống với Viên. Chẳng nhứt định "như thị" trước sau lại hỗ tương với nhau.

Bí mật ấy chính là ẩn; chẳng thể truyền được. Rộng ra là 8 cách dạy (Bát Giáo) như võng lưới ấy hay như biển pháp giới. Sợ điều nầy là hữu lậu, lo gì một mắt mà có thể thấy rộng được. Lại nữa cùng lúc mà hứng đến 4 mũi tên, chẳng làm cho rơi xuống đất, lại chưa gọi là nhanh. Chính sách Đốn ấy liệu có phá được cái chẳng phải một nầy, hà huống là 4 kia sao v.v...

Bổn Tích thì giải thích "như thị" ấy là trong 10 phương 3 đời ngang dọc đều như thế cả. Quá khứ xa rồi. Hiện tại dần trôi. Vị lai thì còn xa lắm. Tất cả đều là "như thị". Có nơi nào là Bổn và có nơi nào là Tích. Há rằng

Đức Thích Tôn, khi đầu mới thành đạo trải qua "như thị" ấy là Bổn. Ở khoảng giữa làm Phật, giảng kinh và ngày nay chỗ kinh nói ấy là "như thị". Tất cả đều là Tích vậy. Lại nữa A Nan được chỗ truyền lại, thì "như thị" ấy là Tích. Phật nói "như thị" ấy là Bổn. Lại nữa Thầy trò hiểu nhau là "như thị". Chẳng phải cái bắt đầu của ngày hôm nay, lại chẳng phải ở khoảng giữa; nên gọi đây là Bổn. Mà khoảng giữa ấy, ngày nay ấy, chính là Tích vậy.

Quán tâm thích có nghĩa là quán sát Tất Đàn trước có dạy về Tích và nghĩa "như thị". Tất cả đây chính là nhơn duyên sanh pháp. Đó chính là Thông Quán vậy. Mà nhơn duyên ấy tức không, tức giả. Ấy là Biệt Quán vậy.

Hai quán ấy làm phương tiện đạo, được nhập vào Trung Đạo đệ nhứt nghĩa. Cả hai cùng chiếu sáng Nhị Đế lại Thông, lại Biệt quán vậy. Như trước đến nay tất cả là Trung Đạo, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt quán.

Câu văn phía dưới nói rằng: Nếu có người tin rằng ngươi nói, tức là được thấy ta, lại cũng thấy ngươi, và các vị Tỳ Kheo Tăng cũng như các vị Bồ Tát. Đây chính là việc quan sát làm cho rõ câu văn ấy. Tin ấy chính là lý luận theo căn cơ và thấy ấy chính là ứng hiện. Tức là nhơn duyên vậy. Lại nữa tin thì có cạn có sâu; thấy thì có huyễn có thật. Đủ loại phân biệt, chẳng giống nhau. Tức là Phân biệt giáo, tin vào câu văn của Pháp Hoa. Tức là thấy cái Bổn ấy là thật tướng. Nếu thấy hóa thân con trai thì cái thấy gốc ấy là Long Đà. Nếu thấy ban đầu thành Đức Thích Tôn, lại thấy Đức Phật đã thành trước lâu rồi. Nếu thấy 1.200 vị Tỳ Kheo và 80.000 Bồ Tát thì lại cũng

thấy cái gốc nầy. Lại nữa khi nghe kinh thì tâm tin, chẳng ngại. Tâm tin tưởng nầy rõ ràng sạch sẽ, tức là thấy Phật. Trí tuệ rõ biết, tức là thấy thân con trai. Những sự rõ ràng ấy là chúng Tỳ Kheo. Tâm từ bi thanh tịnh là thấy các vị Bồ Tát. Ước chừng tâm ấy chia ra làm bốn để giải thích, chuyển đổi sáng sủa. Nếu giải thích kinh kia mà hay dùng 3 ý thì vì chưa phát được Bổn, hiểu Tích vậy. Nên biết rằng kinh bây giờ với 3 sự giải thích ấy cùng giống với kia. Một sự giải thích cùng với kia khác đi. Bốn lần giải thích như thế...

"Ta nghe" đây hoặc là nghe "như thị" che trên kinh chính; chẳng giống với trước sau như đã đưa ra. Nay thí dụ với 4 cách giải thích. Nghĩa là khi nhĩ căn không bị hư thì cái nghe ấy có thể nghe được. Nếu có tâm muốn nghe, chúng duyên hòa hợp; cho nên nói rằng tôi nghe.

Hỏi rằng: Nói lỗ tai nghe chăng? hay là cái gì gọi là tôi nghe?

Đáp: Thân của ta là chủ là do ta nhiếp với các duyên để giải thích thế giới nầy vậy. A Nan ngồi đó nghe; nên gọi là "ngã văn". Đại chúng nên bi lụy để thấy Như Lai; nên gọi là "ngã văn". Kẻ vô học thì chẳng bay bổng lên để nói kệ. Phật nói kinh rất rõ ràng. Văn Thù kết tập lại. Đầu tiên là xướng đề tài và lần lượt đến "như thị ngã văn". Rồi chúng hội cầu khẩn điều ấy và vì người mà giải thích.

A Nan ngồi đó tuyên xưng "ngã văn" để trừ nghi ngờ của chúng hội. Thân của A Nan cũng giống như thân

Phật. Chỉ bé nhỏ hơn Phật 3 lóng tay, vì chúng nghi; nên Đức Thích Tôn nói lại; hoặc vì kẻ kia mà Phật đến. Hoặc giả A Nan thành Phật, khi xướng lên 3 lần "ngã văn" thì sự nghi kia liền tiêu mất. Điều nầy để đối trị cho việc giải thích ấy. A Nan là người có học, tùy theo thế gian mà xưng là "ngã văn". Nhưng ở nghĩa đầu tiên thì không có ngã mà cũng chẳng có văn. Từ xưa đến nay việc giải thích ấy giống nhau cùng một ý nầy làm nhơn duyên vậy.

Theo cách giải thích ấy có giải rằng: Đối với kẻ phàm phu có 3 loại ngã. Đó là kiêu mạn danh tự, hai loại học nhơn và một loại vô học. A Nan là kẻ có học. Không có cái "tà ngã" mà hay hàng phục "mạn ngã". Tùy theo đời mà dùng danh từ "ngã" chẳng có sao cả. Ở đây dùng ý đó để giải thích về "ngã" trong Tam Tạng vậy. Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói rằng: Bốn câu văn xưng "ngã" tất cả đều rơi vào tà kiến. Trong chánh pháp của Phật, không "ngã" thì ai nghe. Đây là dùng theo cái ý của Thông Giáo vậy. Kinh dạy rằng: A Nan là bậc đa văn, biết cái ngã ấy là vô ngã và cũng chẳng khác hai. Song có phân biệt "ngã" và "vô ngã". Đây là dùng cái ý theo Biệt Giáo vậy. Lại nữa A Nan lại rõ biết ngã, vô ngã chẳng phải hai, mà vì phương tiện của người thị giả để truyền giữ trí tuệ vô ngại của Như Lai; nên đã dùng âm thanh tự tại để truyền quyền và truyền thật. Có cái gì là chẳng thể được? Đây chính là dùng cách giải thích cái "ngã" theo Viên Giáo vậy.

Lại nữa trong kinh Chánh Pháp Niệm có nói rõ về 3 vị A Nan. A Nan Đà nghĩa là hoan hỷ giữ gìn Tạng của

Tiểu Thừa. A Nan Bạt Đà nghĩa là hoan hỷ hiền, thọ trì Tạp Tạng và A Nan Sa Già nghĩa là hoan hỷ hải, giữ gìn Phật tạng. Trong kinh A Hàm thì có điển tạng A Nan, giữ gìn Bồ Tát tạng, che chở cho mỗi người, đầy đủ nơi 4 đức, truyền trì 4 pháp môn là nghĩa nầy tự hiển bày v.v...

Bổn Tích giải thích rằng: Nếu chưa hội nhập thì có thể nói A Nan tùy theo đời nên gọi là "ngã". Còn phát Tích Hiển Bổn thì đã phát tâm cùng lúc nơi Phật Không Vương. Phương tiện chỉ bày, vì người mà truyền pháp; chỗ nào mà chẳng thể.

Quán tâm giải nghĩa là quán pháp sanh ra nhơn duyên; tức không, tức giả, tức trung. Tức không ấy là "ngã" ấy không có ngã vậy. Tức giả nghĩa là phân biệt ngã vậy. Tức trung có nghĩa là chơn diệu ngã vậy ...

Thích văn nghĩa là: Đêm Đức Phật thành đạo A Nan vừa sanh, làm Thị giả cho Phật hơn 20 năm và lúc chưa làm Thị giả Phật thì chưa nghe được; nên nói rằng: Lúc A Nan kết tập pháp, tự nói rằng: Khi Phật chuyển pháp luân lần đầu, tôi lúc ấy không thấy. Cho nên nếu nói nghe, thì rõ ràng là chẳng thể nghe được. Theo cách giải thích cũ thì A Nan được Phật chỉ rõ nhờ lực Tam Muội nên có thể tự nghe được. Trong kinh Báo Ân nói rằng: A Nan mong cầu 4 điều: Kinh nào chưa nghe, mong Phật nói lại. Lại cũng có nói rằng: Do Phật nói riêng nên gọi là nói. Trong Thai kinh nói rằng: Phật từ nơi kim quan tỏa ánh sáng vàng nơi cánh tay một lần nữa là vì A Nan, hiện ra tướng của sự nhập thai. Các kinh đều nghe, huống là nơi chốn nói sao.

Trong câu văn nầy nói: A Nan được thọ ký tức là nhớ lại bổn nguyện giữ gìn Phật pháp trước đây, tất cả đều như ngày hôm nay vậy. Do nhơn duyên nầy mà giải thích. Nếu có kẻ muốn nghe thì hoan hỷ với A Nan. Mặt ông tròn như trăng, mắt xanh như hoa sen. Do gần gũi được Phật; nên nhiều người quy ngưỡng về. Chuyển hóa người khác, như bình trút xuống nào có khác chi. Sự truyền thừa ấy như việc nghe pháp cũng vậy. Hoan hỷ với bậc hiền; trụ ở học địa, được hoàn toàn nguyện vô tướng. Mắt, tai, mũi, lưỡi và các căn chẳng bị thấm rỉ. Được truyền lại và giữ gìn những pháp không được nghe. Trong tạng kinh điển A Nan nhiều chỗ được thọ nhận như vậy. Giống như mây to thì mưa lớn. Sự truyền trì nầy do chỗ chẳng nghe mà được nghe pháp vậy. A Nan hải có nghĩa là bậc nghe nhiều. Tự nhiên có thể giải rõ chỗ nào là thường, chỗ nào là vô thường. Nếu rõ biết Như Lai thường chẳng thuyết pháp, thì đây là Bồ Tát Cụ Túc Đa Văn. Phật Pháp giống như nước trong biển, chảy vào trung tâm của A Nan. Sự truyền trì việc chẳng nghe pháp ấy lại cũng như vậy. Kinh điển ngày nay chính là biển trí tuệ đa văn của A Nan. Giữ gìn cái chẳng nghe, thì sự chẳng nghe ấy là diệu pháp. Bổn Tích đã giải rằng: Như trên về 4 việc nghe ấy tất cả đều dẫn theo tích, mà Bổn Địa thì bất khả tư nghì...

Quán tâm thích nghĩa là quán pháp nhơn duyên cũng chính là quán về việc nghe ấy. Quán Không tức là quán cái nghe và không nghe. Quán Giả tức là quán chẳng nghe. Quán Trung tức là quán chẳng nghe, chẳng không nghe v.v... Một niệm quán tức là quán diệu vậy...

Một lúc ở đây được biết rằng: Khi Đức Pháp Vương vận chuyển thế giới nầy. Luận rằng: Già La là lúc tốt dùng để chỉ cho các đệ tử bên trong, khi ăn thì mặc y áo là vì người khác. Tam Ma Gia nghĩa là lúc giả định, phá những kẻ tà kiến ngoại đạo, dùng để đối trị. Nếu thời gian và đạo cùng hợp nhau thì là đệ nhứt nghĩa vậy. Khi thấy chơn lý bên trên rồi và bên dưới vô học, đây gọi là "một lúc". Nếu có 3 người cùng vào đệ nhứt nghĩa; thì đây gọi là "trung nhứt thời". Nếu đã đến địa bên trên rồi, thì đây gọi là "thượng nhứt thời". Nếu sơ trụ dĩ thượng, tên gọi là thượng thượng nhứt thời. Nay kinh đây nói là "thượng thượng nhứt thời" tức là chỉ cho sự dạy ấy phân biệt.

Bổn Tích như trước đã nói về "một thời tích". Xa xôi hơn thì thật đã có "một lúc" là gốc vậy. Quán tâm có nghĩa là quán tâm ấy trước không, sau là giả và sau cùng thì trung. Lần lượt quán tâm như thế. Quán tâm tức không, tức giả, tức trung. Đây là viên diệu quán tâm vậy. Phật ở đây nghĩa là kiếp sơ thì chẳng có bịnh; còn kiếp tận thì nhiều bịnh. Thọ lâu thì vui, thọ ngắn thì khổ. Ở dưới cõi trời phía Đông, giàu có là thọ. Ở dưới cõi trời phía Tây, nhiều châu báu, nhiều trâu dê là thọ. Ở dưới cõi trời phía Bắc là vô ngã, vô thân thuộc. Còn ở đây "thời" và "xứ" nầy không cảm đến việc Phật ra đời; lúc 8 vạn tuổi, lúc 100 tuổi. Còn ở dưới cõi trời phía Nam chưa thấy quả đã tu nhơn. Cho nên Phật ra đời ở đất nầy. Ly Xa Tử nói rằng: Nước Ma Kiệt Đà giống như một cái hồ lớn và Phật ra đời ở xứ nầy như hoa sen lớn vậy. Vô Thắng nói: Phật đối với chúng sanh bình đẳng chẳng hai. Các ngươi vì chìm đắm trong ngũ dục; nên chẳng thấy

được Phật vậy. Chẳng phải Phật vì các người mà xuất hiện tại xứ Ma Kiệt Đà. Đây chính là việc giải thích về các thế giới. Nếu mặt trời chẳng xuất hiện thì trong hồ kia chưa sanh thì sanh ra các loại hoa, che lấp sự chết, chẳng nghi ngờ. Phật nếu xuất hiện nơi đời, tức là có Sát Đế Lợi, Bà La Môn, Cư Sĩ, Tứ Thiên Vương cho đến cõi trời Hữu Đảnh. Đây chính là vì con người mà giải thích vậy. Kẻ tam thừa căn tánh thì cảm được việc ra đời của Phật; ngoài ra chẳng thể cảm được. Lành đoạn giống như hữu đảnh thì vĩnh viễn qua khỏi được sự sanh tử. Đây chính là nói để đối trị vậy. Phật đối với pháp tánh thì chẳng động chẳng xuất. Có thể làm cho chúng sanh cảm nhận và thấy được sự động xuất ấy. Nhưng đối với Đức Như Lai chẳng có sự động xuất. Đây chính là nói đệ nhứt nghĩa vậy. Tất cả sự giải thích đều là do nhơn nghĩa. Phật được gọi là kẻ giác, kẻ trí. Ở dưới gốc cây nơi Đạo Tràng rõ biết thế gian, xuất thế gian; tổng tướng và biệt tướng. Rõ biết trong đời nghĩa là khổ và tập. Rõ biết xuất thế nghĩa là Diệt và Đạo. Lại cũng có thể giác ngộ cho kẻ khác. Thân cao một trượng sáu. Thọ mạng 80 tuổi là bậc long tượng Tỳ Kheo. Khi ở dưới gốc cây Bồ Đề 34 tâm chánh tập đều dứt hết. Tức là Tam Tạng Phật. Nghĩa là tự giác giác tha. Mang hình ảnh vị Tỳ Kheo, hiện ra thân thể đặc biệt tôn kính. Ở dưới gốc cây mỗi niệm đều giống nhau, đoạn trừ những tập khí nhỏ nhiệm, được thần thông và tự giác, giác tha. Riêng mình hiện tướng đặc biệt của bậc Thế Tôn, ngồi trên đài liên hoa và nhận lãnh danh hiệu Phật. Nghĩa là riêng Phật, tự mình giác ngộ vậy và cũng làm cho người khác giác ngộ theo. Ẩn

tàng 3 tướng; chỉ thị hiện bất khả tư nghì như tướng của hư không. Nghĩa là tròn đầy việc tự giác, giác tha. Cho nên trong kinh nói rằng: Hoặc thấy Như Lai cao một trượng sáu; hoặc thấy thân nhỏ thân lớn; hoặc thấy ngồi trên hoa sen mà vì trăm ngàn Thích Già nói các tâm địa pháp môn; hoặc thấy thân giống như hư không trong pháp giới, chẳng có phân biệt; tức là nghĩa nầy vậy. Đây chính là sự phân biệt để dạy dỗ.

Bổn Tích giải thích rằng: Một vị Phật làm gốc; ba vị Phật là Tích. Ở khoảng giữa ấy thị hiện vô số lần sanh và vô số lần diệt. Tất cả đều là Tích vậy. Duy chỉ có bổn địa bốn Phật đều là Bổn cả. Quán tâm giải thích là quán nhơn duyên sở sanh tâm. Đầu tiên là không, thứ đến là giả và sau giữa, tất cả đều biến giác. Quán tâm tức không, tức giả, tức trung; ấy chính là viên giác vậy.

Trụ ở đây có nghĩa là hay trụ ở một nơi. Chỗ trụ ấy chính là đất nơi thành vua. Hay trụ chính là 4 uy nghi. Trụ thế chưa diệt tức là giải thích về việc nhơn duyên của việc trụ ở thế giới nầy. Lại nữa trụ ở đây có nghĩa là trụ ở 10 đường lành. Trụ ở giữa Tứ Thiền. Đây chính là vì người mà giải thích về nhơn duyên trụ vậy. Lại nữa trụ có nghĩa là ở 33 vị. Chữ trụ ở đây giải thích về nhơn duyên đối trị vậy. Lại nữa trụ có nghĩa là trụ ở Thủ Lăng Nghiêm. Nghĩa là giải thích về nghĩa đệ nhứt nhơn duyên.

Đối với việc dạy dỗ thì Tam Tạng Phật từ cửa đơn lẻ mà phát ra chơn vô lậu, trụ ở hữu dư và vô dư Niết Bàn. Qua Phật từ thể môn, phát ra chơn lý. Trụ ở hữu dư vô

dư Niết Bàn; riêng Phật từ thứ đệ môn nhập vào. Trụ ở tạng bí mật. Viên Phật từ chẳng thứ đệ môn nhập vào, trụ ở tạng bí mật. Ba vị Phật trước trụ ở chỗ đều thô. Vị Phật sau trụ nơi tốt đẹp. Nay kinh gọi là Viên Phật Trụ, đối với diệu trụ vậy.

Bổn Tích giải thích rằng: Tam Tạng Phật tức là ứng với Niết Bàn. Từ bi thùy tích, sanh thân ra để trụ lại với đời. Thông Phật thệ nguyện từ bi, nhằm để độ chúng sanh và làm Phật sự. Biệt Viên Phật tất cả đều từ bi huân tập pháp tánh, yêu thương chúng sanh; cho nên ứng hiện vào pháp giới. Nên biết rằng bốn Phật trụ ở Bổn Phật Trụ. Dùng lòng từ bi; cho nên trụ nơi đất nhẫn là thành của Vua. Uy nghi trụ thế; cho nên gọi là Tích Trụ.

Chữ quán giải ở đây nghĩa là quán trụ đối với cảnh. Hoặc trụ ở cảnh vô thường; tức không, tức giả, tức trung. Lấy vô trụ pháp, trụ trong cảnh ấy; cho nên gọi là trụ. Thành Vương Xá nghĩa là theo người Thiên Trúc gọi đây là La Duyệt Kỳ Già La. Ở đây La Duyệt Kỳ gọi là Vương Xá. Già La gọi là Thành. Nước tên Ma Kiệt Đà. Nghĩa là chẳng hại. Nơi đây chẳng có những hình phạt chém giết. Lại nữa Ma Kiệt Đà ở đây nghĩa là Thiên La. Thiên La là tên của Vua vậy; rồi lấy tên vua làm tên của nước. Vua ở đây lúc là cha của Bác Túc. Ngày xưa ở một kiếp xa xôi nọ vua nầy làm chủ cả ngàn nước nhỏ. Khi vua tuần du vào núi, gặp một con Sư Tử cái. Mọi người chạy tán loạn; nhưng nó đã cùng với vua giao hợp và sau khi đầy đủ ngày tháng, nó vào cung điện để sanh. Vua biết rõ đứa con nầy và nói dối rằng ta chẳng có con;

nên đây có lẽ do trời cho; nên lấy đây làm dưỡng Thái Tử. Trên bàn chân ấy loang lổ; nên người ta gọi đây là Bác Túc. Sau khi lên làm vua lại thích ăn thị sống và bảo cho người nấu không được ít thịt. Một lúc nọ không đủ thịt; nên lấy thịt của đứa bé vừa mới chết ở cửa thành phía Tây để nấu thành đồ ăn. Vua khen ngon lắm. Rồi sắc phong nên thường hay dùng loại thịt nầy. Người làm bếp mỗi ngày bắt giết một người; khiến cho cả nước sầu oán. Cả ngàn nước nhỏ cùng với binh lính nổi lên lật đổ ngôi vua, rồi bỏ vào núi Kỳ Xà. Các La Sát bắt làm Quỷ Vương. Rồi cùng với Sơn Thần lập lời thề rằng: Thề lấy đầu của 1.000 vị vua ấy để tế núi non. Bắt được 999 rồi; chỉ còn thiếu vua Phổ Minh. Sau đó dò xét và bắt được. Khóc thật to và hận cho việc sanh ra, nói lời thật mà làm cho trái với niềm tin. Bác Túc chạy trở lại nước, làm việc bố thí lớn và lập Thái Tử. Nhưng lúc bị tử hình, tâm thật an ổn. Khi hỏi Bác Túc và được trả lời là nhờ nghe Thánh Pháp. Nhơn đó mới nói và tán thán tâm từ rộng rãi và chê bai việc giết hại. Rồi nói kệ Tứ Phi Thường. Khi Bác Túc nghe pháp, được không địa bình đẳng; tức là Sơ Địa vậy. Một ngàn vị vua mỗi mỗi lấy một giọt máu và 3 sợi tóc và cùng với Sơn Thần nguyện rằng: Bác Túc nầy cùng với 1.000 vị vua đồng nhau lập nên Thành Xá. Lấy nước lớn làm thủ đô ở trong 5 núi. Mỗi mỗi trong 1.000 nước nhỏ ấy dùng con mình để nối dõi. 1.000 vị liền mê, rõ biết việc nước lớn. Lại nữa bách tánh ở trong núi, đã 7 lần làm nhà cửa là 7 lần bị cháy rụi. Khi bách tánh hỏi thì được trả lời rằng: Do ta bạc phước nên lửa mới đốt cháy nhiều lần như vậy. Nếu vua mà có phước lực thì nhà cửa

nầy chẳng bị thiêu đốt. Từ nay trở đi tất cả đều loại ra, lấy phòng của ta làm Vương Xá. Do đó mà chẳng bị thiêu đốt và cho nên gọi là thành Vương Xá.

Lại nữa Bác Túc đã cùng với 1.000 vị vua lập nên nhà cửa tại đất nầy; cho nên gọi là Vương Xá. Bác Túc được đạo; nên đã tha cho 1.000 vị vua. 1.000 vị vua ấy được tha ở đất nầy; cho nên đất nầy được gọi là đất của vua tha. Có lẽ trải qua nhiều đời cái âm vận ấy gần với chữ nhà cửa vậy. Đây là nhơn duyên đã được nêu ra trong các bộ luận lớn và các kinh khác.

Sự dạy dỗ ấy trong Kinh Tượng Pháp quyết nghi nói rằng: Tất cả đại chúng chỗ thấy chẳng giống nhau. Hoặc thấy rừng rậm đất đai, đá sỏi, cây cỏ, tường đá. Hoặc thấy thất bảo thanh tịnh trang nghiêm. Hoặc thấy nơi rừng nầy là chỗ du hành của ba đời chư Phật. Hoặc thấy rừng nầy là cảnh giới bất khả tư nghì, chơn thật pháp thể. Theo thí dụ nầy thì thấy rõ ý nghĩa về 4 chỗ thấy ấy không giống nhau. Cho nên chỗ ở tức nhiên có thể cũng lại như vậy. Đây chính là ước giáo phân biệt. Bổn Tích quán tâm thuộc về thuyết phía sau.

Kỳ Xà Quật Sơn được phiên dịch là Linh Thứu. Lại cũng gọi là cái đầu con chim Kênh Kênh. Lại cũng có nghĩa là dấu chân con chó sói. Lương Vũ nói: Con chim Quyết dẫn cho mọi người nghe tiếng hót là đây vậy. Lúc con chim hót cũng giống như con Quyết. Lại giải rằng: Đỉnh núi ấy giống tương tợ như con chim Thứu; nên lấy đỉnh núi làm tên gọi. Lại cũng nói: Phía nam của núi có rừng Thi Đà. Con chim kênh kênh ăn thịt những thi thể

ấy rồi còn mang về núi nầy nữa. Lúc bấy giờ người ta gọi đây là Núi Thứu. Lại cũng giải thích rằng: Phật trước và Phật bây giờ đều cư ngụ tại núi nầy. Sau khi Phật diệt độ thì các vị A La Hán ở. Pháp mất thì Phật ở. Không còn Phật thì quỷ thần ở; nên gọi đây là chỗ Thánh Linh. Tất cả có 3 việc như trên; do nhơn duyên như vậy nên gọi là núi Linh Thứu. Có 5 Tịnh Xá; bia của Bà La Môn Phạt Nộ. Ở đây cũng có hang ở cho các vị Thánh như Tát Đa Bàn Na Cầu Ha. Đây cũng có hang Thất Diệp của Nhơn Đà Thế La Cầu Ha. Đây gọi là Núi Xà Thần; Tát Bá Nộ quỷ gặp Ngài Ca Bát Bà La. Đây cũng còn gọi là núi Thiêu Độc Lực. Năm điều trên được gọi chung là núi Kỳ Xà Quật.

Hỏi rằng: Ở Kiếp Hỏa, bỗng nhiên trời đất trong sáng. Vì sao mà Phật trước, Phật sau đồng ở tại núi nầy

Đáp: Về kiếp sau, lập bốn tướng hoàn hiện, người được thần thông. Nên rõ biết ngày xưa dùng tên như bây giờ. Như ví dụ bên trên ở kiếp trước có vị tên là Cù Đàm và bây giờ cũng tên ấy. Trong ước giáo giải thích về núi ấy như sau: Cũng giống như đã nói về ý nghĩa của thành bên trên rồi, tiếp theo giải thích về chữ quán. Vua ở đây tức là tâm vương. Xá ở đây là ngũ ấm. Tâm vương tạo ra nhà cửa ở đây. Hoặc bị bẻ gãy hay ngũ ấm xá ấy, chính là không. Không ấy là thành của Niết Bàn. Việc quán xét ở đây tức là chỗ cạn, như thấy đất, cây. Nếu quán ngũ ấm, nhà cửa tức không; thì không ấy chính là thành của Niết Bàn. Tức là thông giáo vậy. Nếu quán ngũ ấm là nhà cửa thì khi nhơn mất đi, sắc nầy sẽ giữ được cái sắc

thường còn. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy. Đây là 4 cái đức thường hằng mà chư Phật làm chỗ du hành. Nếu quán ngũ ấm là pháp tánh, thì pháp tánh ấy chẳng có thọ, tưởng, hành, thức. Tất cả chúng sanh đều là Niết Bàn cả, chẳng thể mất đi, rốt ráo không tịch xá. Như vậy Niết Bàn chính là chơn như thật thể vậy...

Quán tâm sơn nghĩa là: Nếu quán sắc ấm không có tánh biết như núi; thức ấm như Linh; 3 ấm như Thứu. Quán đến Linh Thứu nầy vô thường; tức là chiếc quán vậy. Quán Linh Thứu nầy không, thì chính là thể quán vậy. Quán Linh ấy là trí tính, rõ biết cái nguyên nhơn của trí tuệ trang nghiêm vậy. Thứu ấy chính là nhơn duyên tụ tập lại. Phước đức trang nghiêm là đây. Núi ấy chính là pháp tánh chánh nhơn chẳng đặng. Ba pháp nầy gọi là tạng bí mật. Tự ở trong nầy, lại cũng dùng ở trong đó để độ người.

Câu văn ở dưới nói rằng: Phật tự tại Đại Thừa; chính là biệt, viên hai loại quán... Ở giữa có nghĩa là Phật thích Trung Đạo. Lên trên trời và giữa ngày giáng xuống giữa nước và nửa đêm thì mất. Tất cả đều biểu thị cho cái ý là Trung Đạo. Nay ở trong núi nầy nói về Trung Đạo. Giải thích cho những người cùng nghe có 3 loại. Đầu tiên là Thanh Văn, sau đến là Bồ Tát và cuối cùng là Tạp chúng. Các kinh phần nhiều cũng như vậy.

Ngày xưa nói: Có việc là có ý nghĩa. Việc ở đây là tùy theo hình và tích ấy gần gũi thân cận. Hình thể của Thanh Văn xuất tục nhưng dấu tích vẫn nói liền với Như Lai. Chứng đắc trải qua sự gần gũi thân cận như đã nói

phía trước. Hình của người, trời ăn mặc khác nhau, tích ấy không chờ đợi phụng thờ. Sự chứng đắc trải qua sự thuần thục về sau nầy. Còn hình của Bồ Tát thì chẳng nhất định và tích ấy thì chẳng có nơi nào nhất định. Tức là chẳng giống với thế tục; lại chẳng khác với Tăng. Nơi chốn ấy là không gian hợp với thời tiết. Cho nên nói là ở khoảng giữa.

Có ý nghĩa ấy là các vị Thanh Văn vui với Niết Bàn; còn Trời, Người thì đắm trước nơi sanh tử. Mỗi mỗi đều có chỗ biên kiến. Bồ Tát thì chẳng vui như vậy mà cũng chẳng bị đắm trước như thế. Ở khỏng giữa ấy cầu tông chỉ. Cho nên ở tại hai khoảng không gian. Các luận giải thích ý nầy cũng lại như vậy. Điều thứ nhứt ở đây giải thích giống như hai cách giải. Còn việc giải thích thì giống như nhơn duyên. Ý nghĩa của việc giải lại ấy giống như ước giáo ...

Bổn Tích giải thích là: Thanh Văn thì nội ẩn mà ngoại hiện; nay cho chỗ chứng Niết Bàn. Còn Trời, Người tất cả là Tát Đỏa, há lại chìm đắm nơi sanh tử. Tất cả đều là Tích, dẫn đến nhị biên, mà cái gốc thường là Trung Đạo.

Quán tâm giải thích rằng: Từ cái giả, nhập vào quán không, tức là thiên lệch phá sanh tử. Từ không nhập vào giả quán. Tức là thiên lệch phá Niết Bàn. Trung Đạo chánh quán thì lại chẳng có trước sau ...

Như ví dụ phía trước: Thanh Văn chia làm hai. Trước là Tỳ Kheo, thứ đến Tỳ Kheo Ni. Tỳ Kheo lại chia

làm hai. Đầu là trí thức lớn; thứ đến là trí thức kém. Cách gọi xưa thì đây là Đại Danh Văn và Tiểu Danh Văn. Tuy nhiên vô cứ. Bây giờ nương vào câu văn nầy để phán đoán như thế nầy. Tựu trung trí thức lớn có 6 loại. Một là loại; hai là số; ba là vị; bốn là đức; năm là liệt và sáu là kết.

Loại đây có nghĩa là: Tất cả đều là Đại Tỳ Kheo khí loại. Dụ cho quần phương quý tặc; mỗi mỗi đều có ban bối. Bây giờ các Tỳ Kheo đều là chúng sở tri thức. Cao tăng đại đức. Các luận giải thích rõ về việc nầy. Cùng với nghĩa nầy giải thêm 7 nghĩa khác nữa. Nghĩa là: Một lúc, một nơi, một giới, một tâm, một thấy, một đường, một giải thoát. Trải qua Giáo mỗi mỗi làm rõ ra bảy. Tam Tạng có 17. Thông giáo có 27. Còn Biệt giáo vô lượng bảy. Viên Giáo có 17. Nếu chưa phát ra dấu tích chánh thức thì Tam Tạng thông giáo trong ấy có 7. Nói thẳng 2 ý thì có khác nhau; nhưng thời, xứ, giới, giải thoát lại giống nhau. Tâm ấy thấy đạo ba loại liền sai biệt. Cho đến khai ba, hiển một. Tức là vào được Viên Giáo của 7.

Trong luận Pháp Hoa nói có 4 loại Thanh Văn. Nay khai, trụ, quả vì cả hai mà chiết pháp trụ quả. Đây là tam tạng Thanh Văn. Thể pháp trụ quả; ấy là Thông Giáo Thanh Văn. Khai ứng hóa chia làm hai. Chứng địa ứng hóa là Biệt Giáo Thanh Văn. Chứng trụ ứng hóa là Viên Giáo Thanh Văn. Còn khai Phật Đạo Thanh Văn lại cũng chia làm hai. Làm cho người khác lần lượt nghe được con đường của Phật thì đây là biệt giáo Thanh Văn. Làm cho kẻ khác chẳng lần lượt nghe con đường của Phật, tức là

Viên Giáo Thanh Văn. Thanh Văn nghĩa là hạo nhiên (to lớn), vì sao lại chứng Niết Bàn để lìa rẽ...

Chữ Đại ở đây theo cách giải thích của luận rõ ràng là lớn; lại cũng nói là to; lại nói là hơn cả. Ở chỗ tôn trọng bậc Thiên chủ so với người lớn là chỗ kính trọng; nên gọi là lớn. Hơn cả 95 loại ngoại đạo; nên gọi là Thắng. Rõ biết nội ngoại kinh thơ; cho nên gọi là nhiều. Lại nói số đến 12.000; cho nên nói là nhiều. Nay làm rõ chỗ đường lớn; cho nên có đại dụng và đại trí; nên gọi là to. Còn thắng ở đây có nghĩa là: Đạo hơn, dụng hơn; trí hơn; do vậy nói là Thắng. Còn nhiều ở đây nói là: Đạo nhiều; dụng nhiều; trí nhiều; cho nên nói là đa. Đạo tức là tánh niệm xứ. Đại là đối với tất cả trí của ngoại đạo. Dụng đây tức là cùng với niệm xứ; hơn hẳn thần thông của ngoại đạo. Trí tức là duyên niệm xứ. Đa ở đây là ngoại đạo Tứ Vi Đà. Ước giáo giải thích là lớn, nhiều, hơn, mà người lớn nhỏ đều kính trọng. Đây chính là sự giải thích trong ba tạng.

Chữ lớn ở đây có nghĩa là lực lớn của bậc La Hán ở chỗ tôn kính. Nhiều nghĩa là biến trí sanh diệt tức là pháp vô sanh diệt. Hơn ở đây có nghĩa là hơn ba tạng 4 môn. Đây chính là sự giải thích của Thông Giáo.

Lại nữa lớn có nghĩa là thể pháp to lớn của La Hán, là chỗ tôn kính. Nhiều đây nghĩa là hằng sa Phật pháp tất cả đều rõ biết. Hơn ở đây có nghĩa là vượt hơn kẻ nhị thừa. Đây là cách giải thích của Biệt Giáo.

Lại nữa lớn có nghĩa là chỗ tôn kính của các vị Đại Bồ Tát. Pháp giới bất khả lượng pháp tất rõ biết hết vậy. Hơn có nghĩa là dùng để chỉ cho các vị Bồ Tát. Đây là cách giải thích của Viên Giáo.

Bổn Tích có nghĩa là các bậc Đại Đức nầy từ lâu tuân hành chư Phật. Cái gốc ấy là được Thắng Tràng Tam Muội, vượt qua khỏi các ngoại đạo. Trước đó đã thành tựu các loại trí, biến tri.

Còn Tích là đến để phò trì Phật hành hóa. Chỉ cho việc làm, yêu mến trong cái nhìn về Đại, Đa và Thắng. Muốn dẫn cho chất sữa trở thành sữa đun sôi. Lại nữa trong Tam Tạng thì Đại, Đa, Thắng là muốn dẫn dắt từ đề hồ thành sữa đặc. Ở đây dùng để chỉ phương cách cho Đại, Đa, Thắng là muốn dẫn dắt từ sữa đặc đi vào chỗ Thục Tô (sữa nhuần nhuyễn). Đây dùng để chỉ cho chuyển giáo tạo ra Bát Nhã trong Đại, Đa, Thắng; muốn dẫn Thục Tô vào Đề Hồ. Trong Pháp Hoa là Đại, Đa, Thắng vậy, mà ở bổn địa nầy Đại, Đa, Thắng lại là như thế ...

Quán tâm có nghĩa là lấy Không Quán làm lớn. Giả Quán làm nhiều và Trung Quán làm hơn. Lại cũng gặp ngay Trung Quán, tâm tánh rộng mở. Dụ như hư không; cho nên gọi là Đại. Tuy cả hai bên đều vào biển tịch tịnh; cho nên gọi là Thắng. Cùng chiếu vào Nhị Đế và nhiều nơi chứa đựng. Một tâm là tất cả tâm; cho nên gọi là Đa.

Tỳ Kheo theo lời nói là người sống đời tịnh hạnh, đi khất thực; phá trừ phiền não, hay trì giới và hàng phục

ma quân. Thiên Trúc gọi danh từ này hàm chứa 4 nghĩa như thế. Chữ Tấn không phiên dịch; cho nên còn lại, xưng là cái gốc. Thập Sư gọi là: Từ vô thỉ ra khỏi nhà của vợ con, muốn làm hạnh đi khất thực. Tự mình có đời sống thanh tịnh. Cuối cùng ra khỏi nhà tam giới, bắt buộc phải phá trừ phiền não, trì giới, tự giữ gìn bởi chính mình. Đầy đủ 2 nghĩa nầy thì ra khỏi cảnh giới sợ hãi của thiên ma.

Thích Luận nói: Bố Ma, phá ác, khất sĩ. Ma vui với sanh tử, mà người xuất gia thì phải giáo hóa người, cho ra khỏi tam giới; đây là cái ý đối với ma vậy. Ma dùng lực để chế ngự; dịch là bị 5 dây cột trói; nên phải lo rầu. Do vậy mà gọi là bố ma. Người xuất gia tất nhiên phá thân, miệng 7 việc ác. Cho nên gọi là phá ác. Phàm là người tại gia 3 loại như pháp. Một là làm ruộng; hai là buôn bán; ba là kẻ sĩ dùng để nuôi thân. Còn kẻ xuất gia Phật chẳng thuận hứa cho điều nầy. Duy chỉ có đi xin ăn tự nuôi sống thân, an lạc nơi đạo và làm phước lợi cho Đàn Việt. Ba nghĩa ấy hợp lại, thành nghĩa Tỳ Kheo. Trong Niết Bàn Bảo Lương nói tất cả đều phá ác cho nên gọi là Tỳ Kheo. Chẳng nói cho đủ. Cho nên bây giờ làm rõ 3 nghĩa nầy qua chỗ đầu và sau. Như đầu tiên đi xuất gia thì bạch Tứ Yết Ma, vô tác giới lực, biến tất cả cảnh; phiên dịch là vô tác ác. Đầu tiên tu thiền định. Sau khi định rồi, cùng với giới, phòng ngừa ý tham sân đừng cho khởi lên. Đầu tiên tu quán huệ, khi phát tương tợ đạo cùng với giới, hay hàng phục những phiền não. Sơ tâm cũng gọi là phá ác. Còn tâm riêng ở sau nữa là gì?

Bố Ma nghĩa là: Đầu tiên là cạo tóc và giữ giới nên làm cho ma lo lắng. Tu định là muốn hàng phục phiền não. Tu huệ là muốn phá trừ phiền não. Sơ tâm ấy lại cũng làm cho ma sợ. Còn tâm riêng ở sau ra sao?

Khất sĩ đầu tiên là lìa được đời sống tà, dùng khất thực để tự nuôi mình. Tu định trải qua các cảnh giới cầu định. Tu huệ duyên vào lý để cầu vô lậu. Tất cả ý đây là khất sĩ. Hà huống giống nhau mà chẳng gọi là khất sĩ. Đầy đủ những nghĩa nầy; nên thường gọi là Tỳ Kheo. Nương vào nơi kinh mọi người tán thán với tâm sau nầy, mà gọi là Tỳ Kheo. Ở đây là tất cả ý của ba tạng. Nếu trải qua, nương vào và cầu đến thì đúng tên là Khất Sĩ. Phá trừ những nghi hoặc chướng ngại thì gọi là phá ác. Tu việc nầy và thực hiện việc ngăn ngừa tứ ma; tức là nghĩa của Thông Giáo. Nếu trải qua 3 chân lý để cầu cái lý; gọi đây là Khất Sĩ. Trừ những hoặc thông, biệt; gọi đây là phá ác. Hàng phục 8 ma, 10 ma tức là nghĩa riêng vậy. Nghĩa là ở trong sanh tử mà cầu nghĩa thật tướng, tức là Khất Sĩ. Đạt phiền não tức là Bồ Đề, gọi đây là phá ác. Ma giới tức Phật giới. Đây chính là nghĩa của Viên Giáo. Nếu chưa phát Tích để làm sáng rõ 2 nghĩa phía trước, thì đã hiển Bổn đầy đủ, sau là ý vậy.

Bổn Tích có nghĩa là bổn chứng Niết Bàn sơn đảnh, cùng với vô minh, si ái, cha mẹ, kết nghiệp vợ con riêng biệt. Ra khỏi phần luyến ái dễ dàng ở nhà. Lâu dài trừ ngũ trụ thì làm gì cái ác có thể chuyển phá được. Rộng vì pháp chơn chánh, vui được như ăn uống sữa, mè. Liền chẳng phải cái ăn mà ở cùng trong đạo của giới (Thi Ba

La Mật), nhiếp hóa chúng sanh, dùng giới để độ; hàng phục ma giới tức là cảnh giới Phật như thế càng cao hơn. Bổn địa công đức lâu dài thành tựu rồi, vì sự điều phục chúng sanh mà có Tích, dùng để chỉ cho ngũ vị Tỳ Kheo truyền dẫn chúng sanh; giống như những ví dụ đã giải thích ở trước.

Quán tâm có nghĩa là quán một niệm tâm thanh tịnh. Nếu là hư không thì chẳng phải nhị biên trói buộc chỗ chướng ngại. Bình đẳng đại huệ, vô trụ vô trước tức là xuất gia. Dùng Trung Quán để tự làm tư lương. Sống với pháp thân huệ mệnh, gọi là Khất Sĩ. Quán xem ngũ trụ phiền não tức là Bồ Đề. Đây gọi là phá ác. Tất cả các bên điên đảo đều chẳng phải là Trung Đạo. Đây chính là Bố Ma v.v...

Chúng ở đây đối với Thiên Trúc là gọi Tăng Già; ở sự phiên dịch nầy là hòa hợp chúng. Một người chẳng thể gọi là hòa hợp. Bốn người trở lên mới gọi là một hòa hợp. Sự hòa, không sống biệt chúng. Pháp hòa không riêng lý. Phật thường cùng với 1.250 người câu hội. Ba vị Ca Diếp có 1.000 người. Thân Tử, Mục Kiền Liên có 250 người. Cũng có nơi nói Da Xá có 50 người. Trong Tạp A Hàm thì nói có 45. Trong 500 vị Tỳ Kheo ấy có 90 người chứng Tam Minh 90 người đều giải thoát; hay huệ giải thoát.

Luận giải thích rõ về 4 loại Tăng chẳng nương vào đời sống thanh tịnh thì gọi là Tăng phá giới. Chẳng rõ được pháp luật thì gọi là Tăng ngu si. Ngũ phương tiện gọi là tàm quý Tăng. Nhẫn chịu được pháp khổ, gọi là

chơn thật Tăng. Trong đây lại chẳng phải 3 loại, thường là chơn thật Tăng. Nếu nương vào Tứ Giáo thì Tăng nầy thiên lệch với Viên Ngũ Vị Tọa, làm giống như người nghe. Làm cho đúng thì đây là Viên Giáo, chứng được niềm tin vậy.

Bổn Tích giải thích rằng: Bổn ấy cùng với cái lý của thật tướng hòa với nhau. Lại cùng hòa với cơ duyên của pháp giới chúng sanh, mà Tích đây là nửa chữ về sự lý của Tăng; trải qua Ngũ Vị để hướng dẫn chúng sanh...

Chữ Quán được giải thích là đầu tiên học về Trung Quán, nhập tương tợ quán. Tức chưa phát được sự xấu hổ chơn thật. Nghĩa thứ nhứt là hồn của chư thiên và Thánh nhơn. Tức là vị Tăng ấy có thẹn thùng. Quán huệ nếu phát triển, tức là chơn thật Tăng. Nếu khác với điều nầy tức là 2 loại Tăng phía trước. Chẳng nương vào việc quán tưởng thì đây gọi là phá giới Tăng. Chẳng giải rõ được tướng quán thì gọi đây là ngu si Tăng. Tiếp theo chia theo số. Số rõ ràng là 12.000 người. Bổn Tích ấy gốc là 12.000 vị Bồ Tát. Tích ấy là 2.000 Thanh Văn. Quán là quán 12 nhập. Một nhập đầy đủ 10 pháp giới. Mỗi một giới lại có 10 giới. Giới giới mỗi mỗi đều có 10 như vậy. Tức là 1.000. Một nhập tức là 1.000. 12 nhập tức là 12.000 pháp môn.

Tam Minh vị nghĩa là tất cả đều là A La Hán. Kinh A Phong gọi là Ứng Chơn. Đoan chánh ứng hiện gọi là người chơn thật, tức là Vô Sanh; giải nghĩa là La Hán. Nương theo lối dịch cũ là Vô Tánh: chẳng sanh ứng cúng; hoặc nói là Vô Phiền. Gọi chung gồm 3 nghĩa. Ra

khỏi vô minh. Đời sau chẳng thọ vào quả báo sanh tử. Nên nói là Bất Sanh. 98 sử phiền não diệt hết; cho nên nói là sát tặc. Đầy đủ trí về công đức, là phước điền sâu xa của Trời Người nên gọi là Ứng Cúng. Đầy đủ 3 nghĩa nầy nên gọi là A La Hán. Hoặc nói đầu tiên, bắt đầu học vô sanh, sanh chưa vô sanh. Đầu tiên tuy có bố ma; nhưng ma ấy chưa phải lớn. Đầu tiên tuy là Khất Sĩ, chưa sáng tỏ việc Ứng Cúng. Nay được Vô Sanh Nhẫn, phá giặc phiền não hết sạch. Đây chính là mảnh ruộng tốt. Dùng quả đối với nhơn; nên dịch 3 nghĩa khác nhau về La Hán. Theo Luận Thành Tựu thì nên lấy quả của 3 nghĩa ấy. Nếu qua được phần đầu; lại dùng cái nhân của 3 nghĩa thì như điều giải thích nầy. Tất cả đều thông qua cái ý của Tam Tạng chăng? Nếu là Biệt, Viên thì ý nghĩa chẳng phải như vậy. Chẳng nên sát tặc thì lại sát chẳng phải tặc. Chẳng phải tặc ấy là Niết Bàn. Ở đây lại nên phá. Cho nên nghĩa là Sát Tặc. Không sanh đối với sanh; lại không sanh không sanh. Vô Lậu là chẳng sanh. Chẳng nên Ứng Cúng thì là Ứng Cúng. Tất cả chúng sanh là Ứng Cúng. Tất cả đều ca ngợi Sơ Địa và cái đức của Sơ Trụ vậy.

Bổn Tích ấy là cái gốc có được chẳng thọ Tam Vị. Đối với nhị biên chẳng có chỗ dính mắc; cho nên gọi là bất sanh. Đoạn trừ ngũ trụ hoặc; cho nên gọi là Sát Tặc. Hay làm phước nơi chín đường, làm lợi lạc chúng sanh; cho nên có Ứng Cúng. Đây là nghĩa chính vậy. Phương tiện độ chúng sanh, trải qua Ngũ Vị, truyền truyền tạo ra sự chẳng sanh. Tích cũng như vậy. Bổn ấy là pháp thân. Tích ấy chỉ có sự lợi lạc của chính mình. Bổn ấy là Bát

Nhã. Tích ấy dùng để chỉ cho sự bất sanh. Bổn ấy là giải thoát. Tích ấy dùng để chỉ cho Sát Tặc v.v...

Quán Tâm có nghĩa là: Không quán là Bát Nhã; giả quán là giải thoát. Trong quán ấy chính là pháp thân. Lại nữa quán tâm có nghĩa là từ giã, nhập vào không quán, lại có 3 nghĩa. Cho đến Trung Đạo quán; giết giặc vô minh, chẳng sanh tâm nhị thừa. Cúng dường vị nầy giống như cúng dường Đức Thế Tôn. Phương Đẳng nói: Cúng Phật và Văn Thù chẳng bằng làm việc bố thí cho Phương Đẳng một bữa ăn đầy đủ. Câu văn tiếp theo: Hủy báng hay tán dương Phật; tội phước nhẹ. Nếu hủy báng hay tán dương kẻ trì kinh thì tội phước rất nặng. Vì rằng Phật không cần tưởng nhớ đến việc ăn uống, đã lìa khỏi 8 ngọn gió; chẳng lấy gì làm tổn hại. Còn cúng thí cho người trì kinh, thì toàn thể nhục thân nầy được tiếp tục sống và khi pháp thân sanh thì tăng trưởng huệ mệnh; cho nên có được sự lợi ích. Khi hủy bán thì lo lắng sầu não, thoái tâm hối hận. Nếu gặp được, mất; liền chẳng thể cứu; cho nên nói là hao tổn lớn...

Tứ Thán Đức Văn có 5 câu thán 3 cái đức ở trên. Pháp Hoa luận nói rằng: Câu đầu nói tổng quát. Câu sau nói riêng ra. Nên biết rằng tất cả các câu đều tán thán La Hán. Các lậu đã hết, lại chẳng còn phiền não. Hai câu nầy tán thán việc Sát Tặc bên trên. Lậu đây là tam lậu vậy. Thành Luận nói: Mất đạo cho nên gọi là Lậu. Luật nói: Người si mê tạo nghiệp, khai mở các cửa lậu. Tỳ Đàm nói: Lậu làm rơi sanh tử. Lời nói của Luận và Luật tuy khác nhau; nhưng cùng một nghĩa về Lậu. Lý do tốt

nhất là tặc nầy mất đi thì chơn lý sáng tỏ. Khi bần cùng cô lộ thì tạo ra cái nghiệp, khiến cho sanh tử khổ não; đánh mất pháp thân, mất cả huệ mệnh, buồn cho giá trị quý giá kia. Tất cả đều có ý nghĩa là Tặc. Bất Ưng Vị là chẳng sanh cái nghĩa tán thán cái đức vậy.

Phiền não đây chính là 98 loại sử, luân chuyển bức bách trói buộc con người. Phiền não nầy có thể thấm qua. Lậu nghiệp chính là chỗ thấm; có thể sẽ chấm dứt. Đây đúng là nghĩa của Sát Tặc vậy. Điều nầy được tạo tác; chẳng sanh tán thán sao? Kịp được lợi mình một câu. Đây là tán thán về Ứng Cúng. Tam giới nhơn quá, tất cả gọi là vì chỗ kia. Rõ biết việc đoạn bỏ công đức; tất cả đều tên là làm lợi cho mình. Cái lợi của mình đầy đủ; cho nên thành Ứng Cúng. Tận diệt tất cả các hữu kết thì tâm được tự tại cả hai câu. Đây là tán thán về Bất Sanh. Các hữu ở đây nghĩa là 25 hữu sanh xứ. Kết ở đây có nghĩa là 25 hữu sanh nhơn. Nhơn hết, quả tiêu thì tán thán là Bất Sanh. Chắc hẳn đã rõ rồi chăng? Chẳng nên tạo ra việc tán thán Sát Tặc. La Hán hằng nên hết tất cả những kết; chưa hết thì nên có sự hết. Hữu tận ấy là: Trong nhơn ấy nói về quả. Lại nữa tận ấy chẳng dài lâu. Tâm được tự tại; định đầy đủ thì gọi là tâm tự tại. Huệ đầy đủ thì gọi là huệ tự tại. Huệ tự tại chưa phải là tâm tự tại. Tâm tự tại tức là huệ tự tại. Nay nói là tâm tự tại; tức là định huệ đầy đủ; đều là người giải thoát. Cụ giải thoát nhơn, sanh ra quyết định hết. Thường hay rõ biết tán thán về cái đức Bất Sanh. Nếu nương vào luận Pháp Hoa thì gọi đây là Thượng Thượng Khởi Môn. Nghĩa là lấy phía sau để giải thích về phía trước. Luận rằng: Dùng các

lậu tận; cho nên gọi là La Hán. Dùng tâm được tự tại cho nên gọi là Kết Tận. Như vậy cứ tiếp tục giải thích như trên.

Bổn Tích ấy là bất sanh, bất sanh cho nên gọi là Đại Niết Bàn. Phiền não lậu chủng đi thì nguồn nầy khô cạn lâu dài, chẳng trở lại đọa lạc vào Nhị Thừa và Phàm phu địa. Tức là cái gốc chẳng sanh. Pháp thân trí, đoạn thật tướng công đức; gọi đây là bổn kỷ lợi, được vua Tam Vị, phá 25 hữu, hiển xuất ngã tánh, đầy đủ 8 tự tại ngã. Gọi là bổn sát tặc. Tính ấy chỉ cho Nhị Thừa công đức.

Quán Tâm ấy là: Trung Đạo chánh quán, không lậu, không rơi vào không, giả nhị biên. Nhị biên phiền não phải diệt. Có thể quán thấy tánh của tâm; nên gọi đây là Thượng Định. Nương vào tạng bí mật quý giá thì đây chính là vật của mình và tức là lợi lạc cho chính mình. Chánh quán trung đạo kết hoặc liền đoạn trừ. Không kết cho nên lại có đoạn. Nhị biên chẳng thể tránh buộc tâm; cho nên gọi là tự tại. Tuy có phiền não đấy; nhưng giống như là chẳng phiền não. Chẳng đoạn trừ phiền não mà nhập Niết Bàn. Tức là ở nghĩa nầy vậy.

Điều thứ 5 là nêu ra danh tánh; nhưng ở đây chỉ lược nói 21 vị Tôn Giả. Đây đều là những đệ tử của Phật cùng thi hành Phật sự mà yên ổn; nên có thể tròn đầy. Mỗi mỗi từ một đức hạnh làm tiêu chuẩn để gọi tên và muốn dẫn đến chỗ tốt hơn. Tăng Nhứt A Hàm nói rằng: Tỳ Kheo Kiều Trần Như được gọi là bậc Thượng Tọa như những vị khác. Có cái đức thật lớn theo biểu tướng của người khác. Xá Lợi Phất là bậc có trí tuệ thâm sâu, làm

lợi lạc cho người theo. Mục Kiền Liên là vị có Thần Thông to lớn. Tất cả đều nắm giữ nơi một pháp, dẫn đến các ý tốt. Nếu muốn hết đi thì phải rõ biết việc làm nầy. Từ các đức lập nên cách gọi, chẳng trải qua thì chẳng thông suốt. Mỗi mỗi vị La Hán đều có nhiều ví dụ và 4 cách giải thích v.v...

Tên của Kiều Trần Như được dịch là Hỏa Khí, thuộc dòng dõi Bà La Môn. Đầu tiên sanh ra trong gia tộc thờ thần lửa. Lửa ở đây có 2 nghĩa là chiếu sáng và thiêu đốt. Chiếu sáng có nghĩa là làm cho chỗ tối chẳng sanh ra. Thiêu ở đây có nghĩa là làm cho vật chẳng sanh ra nữa. Cái bất sanh ấy chính là tánh, là tên gọi. Chữ A có nghĩa là rõ biết rồi; hoặc nói là không rõ. Không rõ ấy chẳng phải là chẳng có chỗ biết. Nhưng đây là rõ biết cái không. Nếu nương vào hai đế, tức đây là rõ biết sự chơn thật. Dùng vô sanh trí làm tên gọi vậy.

Vô Lượng Thọ hỏi Văn Thù trong A Tỳ Đàm Bà Sa: Tất cả gọi là rõ biết bổn tế, rõ biết bổn tế. Nếu nương vào Tứ Đế, tức là sự hiểu biết kia diệt đi, mà có kinh đa phần gọi là vô trí. Hoặc có nơi dịch là được đạo. Tăng Nhứt A Hàm nói rằng: Trong Phật pháp của ta rộng nhơn nghĩa và lớn sự hiểu biết. Đầu tiên thọ nhận mùi vị của pháp; giống như Tỳ Kheo Câu Lân Như là một. Cho nên lấy chữ A làm tên.

Do lời nguyện của Phật ngày xưa khi đời đói khát, hóa làm con cá lớn ở nằm chết trên sông. Có 5 người thợ mộc dùng búa để xẻ thịt cá. Lúc đó Phật phát lời thệ rằng: Đời sau sẽ độ cho những người nầy trước. Do cái

nguyện như trước kia cùng với sự vô sanh nầy; nên gọi là A.

Lại nữa vào lúc Phật Ca Diếp ra đời, có 9 người học đạo mà 5 người thì chưa chứng quả; nên thệ nguyện rằng ở trong pháp của Đức Thích ca sẽ được khai ngộ trước tiên. Do cái bổn nguyện ấy đã lập trước; nên được Vô Sanh vậy. Do đó gọi là A. Còn hạnh ở đây nghĩa là rõ biết sanh hoặc diệt, trí đoạn việc làm. Phàm trong đêm dài mọi người mê ngủ chẳng thể rõ biết, ánh sáng mặt trời chưa hiện, khi còn ánh sao mai. Kiều Trần Như Tỳ Kheo đầu tiên chứng Vô Sanh Trí và thệ nguyện rằng: Ánh sáng sao mai ấy đầu tiên phải sáng nơi mọi chúng sanh. Tất cả mọi người đều phải có trí sáng ấy. Trước đó không có, nên tên của Trần Như gọi là A. Đầu tiên phá trừ chỗ tối tăm, chưa khỏi ánh sáng của sao. Trần Như cũng như vậy. Tất cả người hết tối và trước đó không có Trần Như nên gọi là A.

Trước có nghĩa là: Thái Tử rời bỏ nước nhà, quên vua mà vào núi học đạo. Phụ Vương nhớ đến 5 người nầy và chờ đợi. Cho nên nói là Câu Lân Át Bệ. Lại cũng gọi là Thấp Bệ. Lại nữa A đây gọi là Thị. Lại cũng gọi là Mã Tịnh Bạt Đề. Cũng còn gọi là Ma Ha Nam.

Thập Lực Ca Diếp, Câu Lợi Thái Tử, hai là mẫu thân, ba là phụ thân. Cả hai người đều muốn thanh tịnh. Cả 3 người đều lấy sự khổ hạnh làm chỗ thanh tịnh. Thái Tử thì siêng hành hạnh khổ hạnh. Hai người liền bỏ đi và 3 người chờ. Còn Thái Tử thì bỏ việc tu khổ hạnh, thọ nhận đồ ăn, dầu mè và nước ấm và rời 3 người kia đi.

Khi Thái Tử đắc đạo thì vì 5 người kia nói pháp Tứ Đế. Đầu tiên dạy cho 2 người. Câu Lưu pháp nhãn được thanh tịnh. Bốn người còn lại chưa chứng. Ba người đi xin ăn; cộng chung thành sáu người cùng ăn. Tiếp theo độ cho 3 người và 3 người kia được pháp nhãn thanh tịnh. Hai người đi khất thực và 6 người cùng ăn. Đến lần thuyết pháp thứ 3 thì Câu Lưu, 5 người và 80.000 chư thiên xa lìa trần cấu. 5 người ấy được vô sanh.

Phật 3 lần hỏi, chưa rõ hết pháp. Tức là 3 lần đáp như thế. Địa Thần xướng lên rằng: Không Thần truyền lệnh cho đến Phạm Thế khó biết rõ hết. Câu Lân trước hết và thấy rõ được con đường của Đạo; nghe được tiếng trống pháp đầu tiên. Mong được hương thơm đầu tiên của đạo vào người. Thâm nhập Cam Lồ đầu tiên. Dự vào dòng pháp đầu tiên; chứng chơn đế đầu tiên, đắc đạo tại Diêm Phù Đề. Là vị được đạo trước nhất kể cả người, trời và tất cả các vị La Hán. Cho nên trong kinh 12 Du Hành nói rằng: Phật thành đạo năm đầu tiên độ cho 5 người và năm thứ 2 độ cho 3 Ngài Ca Diếp; đến năm thứ 5 độ cho Thân Tử (Xá Lợi Phất) và Mục Liên. Phải nên rõ rằng chữ A ấy là trước vậy.

Do nhơn duyên đây mà giải thích. Như trong Tam Tạng dạy rằng: Giống như người mù chẳng sanh ra trí. Cái kiếng dụ cho cảnh vô sanh: Ấm, nhập, giới. Cái đầu và 6 phần dụ cho cái nhơn trong hiện tại. Hình ảnh ấy dụ cho cái quả trong vị lai. Nếu mở mắt thì thấy hình hiện lên nơi tấm kiếng. Kẻ ngu thì không rõ hết. Nếu đóng mắt lại thì như người mù chẳng thấy được chỗ thấy, 6

phần đều là cái nhơn chẳng thể sanh. Chẳng thấy hình ảnh trên kiếng là quả chẳng sanh.

Cho nên Kinh A Hàm nói rằng: Nếu mà có sắc, sắc ấy là tịnh; tịnh tức sanh; chẳng phải chẳng sanh. Nếu là thọ, tưởng, hành, thức; thức là tịnh. Tịnh tức sanh, chẳng phải chẳng sanh. Nếu là thọ, thọ ấy là lạc; lạc tức sanh; chẳng phải chẳng sanh. Cho đến sắc, sắc là lạc; lạc là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Cho đến cả tưởng hành, hành là ngã, ngã ấy là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Cho đến sắc là ngã, ngã ấy là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Cho đến sắc là ngã, ngã ấy là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Nếu tính có thức, thức là thường. Thường ấy là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Cho đến sắc; sắc là thường. Thường là sanh; chẳng phải chẳng sanh. Giống như chấp vào tấm kiếng để thấy diện mạo mình; thì diện mạo ấy là sanh (có) nhưng thật ra chẳng phải chẳng sanh. Cho đến nói ngũ ấm tất cả là sanh; nhưng thật ra chẳng phải chẳng sanh. Nếu có thể rõ biết sắc chẳng tịnh; cho đến thức chẳng thường. Lại có thể rõ biết sắc vô thường; khổ, không, bất tịnh; cho đến thức vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Đây là chẳng sanh, chẳng phải sanh. Như đóng mắt lại chấp vào tấm kiếng chẳng thấy hình ảnh sinh ra. Đây là chẳng sanh, chẳng phải sanh. Tức liền rõ biết là chẳng sanh. Lại thấy nơi ngã là sắc; thấy ngã là khác sắc, ngã ở tại sắc, sắc tại ngã cho đến thức cũng lại như vậy. Quán như thế tức là nhơn hiện tại, quả vị lai tất cả đều chẳng sanh. Giống như người đóng mắt lại, chẳng thấy hình ảnh vậy. Đây gọi là quán ấm chẳng sanh, là quán trí vậy.

Quán nhập giới nghĩa là phàm lời nói như biển. Tuy có sâu rộng; nhưng lại có bờ nầy bờ kia. Cõi nước. Nếu mắt thấy sắc rồi, liền vùi vào chỗ sâu đắm, tham vui, khởi lên thân, miệng, ý nghiệp thì đây chính là biển lớn, mà trời, người, Tu La tất cả thế gian phải nên biết điều ấy. Mắt đây chính là biển lớn; sắc ấy chính là sự nổi trôi. Thọ (giữ) sắc nầy; cho nên phải lui tới. Ở trong ấy khởi lên chẳng lành, rõ biết có cá, rồng độc. Khởi lên đánh hại nam La Sát. Khởi lên sự nhiễm ái với quỷ nữ. Thân, miệng, ý đều muốn chìm nổi uống nước. Đây chính là nhãn sắc chẳng rõ biết, mà sanh ra ái vô minh. Ái sanh cho nên gọi là hành. Hành ấy sanh cho nên gọi là nghiệp. Nghiệp ấy trói thức và trung ấm. Đây là thức sanh. Cho nên thành bào thai, 5 vóc chưa thành. Đây gọi là danh sắc sanh. Năm vóc thành rồi thì lục nhập sanh. Lục nhập chưa thể phân biệt được khổ vui. Nên gọi là súc sanh. Riêng nhận khổ, vui nên gọi là thọ sanh. Đối với trần cảnh khởi lên sự nhiễm ô; nên gọi là ái sanh. Bốn phương rong ruổi tìm cầu, gọi đây là thủ sanh. Tạo ra thân, miệng, ý, gọi đây là Hữu. Muốn thọ nhận vị lai ngũ ấm thì gọi là cái sanh được sanh ra. Khi ấm ở vị lai ấy biến đổi, gọi đây là sự già sanh ra. Ấm ở lại vị lai ấy mất đi, gọi đây là sự chết sanh. Khi trong tâm nóng nảy, gọi đây là ưu sanh. Phát ra tiếng khóc, gọi đây là sự buồn tủi sanh ra. Thân tâm tiều tụy gọi đây là khổ não sanh. Khi mà mắt thấy sắc, tức có 3 đời 12 nhơn duyên khổ não lớn nhỏ sanh và chẳng phải chẳng sanh. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý, nhãn giới cho đến pháp giới cũng lại như vậy.

Đây chính là sanh nhập giới và chẳng phải chẳng sanh. Vì sao lại chẳng sanh?

Khi quán sắc thì chẳng trồng hạt giống khổ thì chẳng sanh mầm mống khổ. Chẳng xuất mùi hôi thối thì chẳng huân tập trong những ung nhọt. Chẳng trồng thì chẳng sanh; tức là mầm mống chẳng mọc. Khiến cho cái hôi thối chẳng sanh; tức là ung nhọt không có. Cho nên gọi là bất sanh.

Sao gọi là trồng giống khổ?

Khi mắt thấy sắc, khởi lên sự tham, si. Rõ biết đây là hạt giống của sự khổ đau. Nhớ đến pháp ngũ dục thì lại sanh ra mầm khổ. Lục căn chấp với lục trần nên mùi hôi thối mới chảy ra. Đối với lục trần lành dữ cạnh tranh nhau khởi lên; nên đây gọi là ung nhọt. Nếu rõ biết nhãn sắc vô thường, khổ, không, vô ngã thì tham, si chẳng sanh, và sự nhớ nghĩ về dục ấy lại cũng chẳng sanh. Sự chấp trước vào cảnh ấy chẳng sanh thì việc lành, dữ cũng chẳng sanh. Đây chính là bất sanh. Tai, mũi, lưỡi, thân, ý lại cũng như vậy. Đây là nhãn giới cho đến pháp giới cũng lại như vậy. Chữ A đây chính là chỗ đầu tiên được 3 Tạng bất sanh trí vậy. Nên tên A của Kiều Trần Như thông giáo quán là vô sanh vậy. Cũng giống như huyễn nhơn chấp vào kiếng huyễn và lấy huyễn lục phần với kiếng huyễn thấy ảnh trong kiếng huyễn. Ảnh ấy chẳng phải kiếng sanh, chẳng phải hình ảnh sanh. Chẳng phải kiếng và hình ảnh hợp lại sanh; chẳng phải lìa kiếng ấy để có hình ảnh. Tức là chẳng phải từ 4 câu mà sanh. Tức là chẳng ở trong, ở ngoài, ở giữa. Chẳng thường và

tự có, lại cũng chẳng mất đi đâu. Đi chẳng đến phía Đông, Tây, Nam, Bắc. Tánh ấy vốn vô sanh; chẳng mất; sanh ấy chẳng sanh. Tánh ấy vốn không mất. Chẳng mất và mất ấy lại chẳng mất. Chẳng sanh chẳng diệt; cho nên nói là vô sanh. Thọ, tưởng, hành, thức lại cũng như vậy.

Lại nữa quán huyễn sắc như hình ảnh huyễn trong tấm kiếng. Quán thọ như bọt nổi. Quán tưởng như đóm lửa. Quán hành như cây chuối. Quán thức như huyễn. Huyễn ấy chẳng từ vật huyễn mà sanh. Chẳng từ Thầy huyễn mà sanh. Chẳng phải vật, Thầy hợp lại sanh. Chẳng lìa vật, Thầy mà sanh. Bốn câu ấy cầu huyễn sanh, sanh ấy chẳng từ đâu đến. Bốn phương cầu huyễn diệt, diệt ấy chẳng đi về đâu. Tánh bổn vô sanh; chẳng phải diệt sanh vô sanh. Tánh bổn vô diệt. Chẳng phải diệt ấy, diệt ấy chẳng phải diệt. Vô sanh vô diệt; cho nên gọi là Vô Sanh. Quán các căn, trần đều rơi rụng, nên kết, Tặc đều dừng. Từ xưa đến nay mỗi mỗi chẳng thật. Do vọng tưởng khởi lên. Nghiệp lực ấy giả hợp nơi không mà tụ tập lại. Thể tánh của vô minh, cái gốc nó vốn chẳng có. Do vọng tưởng nhơn duyên hòa hợp mà có. Cái có ấy gốc nó tự chỗ không nhơn duyên mà thành vậy. Phiền não; nghiệp khổ như vòng tròn lửa. Xem điều ấy là không. Tất cả đều đã nói như trên. Ở đây nên hiểu ý ...

Hết quyển thứ nhứt (Phần Thượng)

của Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú.

(Dịch xong quyển nầy vào ngày 1 tháng 10 năm 2009 nhằm ngày 13 tháng 8 năm Kỷ Sửu - Phật lịch 2553 – tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg - Đức Quốc, nhân một tuần lễ tu học của người Đức)

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ nhất
(Phần dưới)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg vào ngày 15 tháng 10 năm 2009 - Phật lịch 2553.

Biệt quán vô sanh trí dùng tấm kiếng dụ cho pháp giới, mắt ví như sự quan sát của trí. Màu xanh, vàng, đỏ, trắng, nhỏ, lớn, dài, ngắn dụ cho mười phương pháp giới. Màu xanh dụ cho nhơn quả nơi địa ngục. Màu vàng dụ cho nhơn quả của ngạ quỷ. Màu đỏ dụ cho nhơn quả của súc sanh. Màu trắng dụ cho nhơn quả của Trời, Người. Màu sắc nhỏ ấy dụ cho nhơn quả của Nhị Thừa. Màu sắc lớn tượng trưng cho nhơn quả thông giáo của Bồ Tát. Màu sắc ngắn ấy giống như nhơn quả về biệt giáo của Bồ Tát. Màu sắc dài ấy tượng trưng cho nhơn quả của Phật. Tất cả đều ở trong tấm kiếng, phân biệt chẳng sai khác. Nếu muốn tự đúng, làm cho 9 nhơn quả chẳng sanh, một nhơn quả sanh. Hay muốn kia đúng thì làm cho 9 nhơn quả kia chẳng sanh và một nhơn quả sanh. Nương vào pháp giới để hành Bồ Tát hạnh. Rồi lần lượt dùng đến trí chiết thể quán, đoạn trừ 4 trụ sanh, làm cho chẳng sanh. Kế tiếp dùng đến hằng sa Phật pháp đoạn trừ những khách trần phiền não; làm cho vô trí chẳng sanh. Sau đó dùng thật tướng trí huệ đoạn trừ vô minh, làm cho gốc rễ chẳng sanh. Nếu không có 4 trụ, thì liền bẻ gãy chẳng sanh. Nếu vô vô trí thì phương tiện liền chẳng sanh. Nếu chẳng có vô minh thì thật báo chẳng sanh. Sanh ấy lại chẳng sanh. Bất

sanh lại cũng chẳng sanh. Cho nên gọi là bất sanh. Đây được gọi là biệt giáo vô sanh trí vậy.

Qua Viên Giáo quán về vô sanh trí nghĩa là quán sát tấm kiếng tròn đầy; chẳng quán vai, mắt, hình tướng; chẳng phải vai; chẳng phải sự tối tăm; chẳng phải mặt; chẳng phải sự sáng tỏ; chẳng chấp vào đủ loại hình thù; chẳng chấp giữ vào những hành ảnh đối tượng; chẳng ngắn mé; chẳng trước sau; chẳng có tối của vô minh; không khác sự sai biệt nào cả. Đây dụ cho viên quán. Chẳng chấp giữ vào tướng mạo của 10 pháp giới; không có lành dữ; không đúng sai; không nhỏ lớn v.v... Tất cả đều trộn lẫn vào nhau. Hay nương theo thật tướng của các pháp và pháp tánh của Phật pháp. Cũng như sắc và hương chẳng phải là chẳng có thật tướng.

Quán phiền não nghiệp sanh tức là vô sanh, vô sanh chẳng sanh. Cho nên nói là vô sanh. Ấm, nhập, giới, khổ tức là pháp thân. Chẳng hiển hiện; cho nên gọi là pháp thân. Chướng tức là pháp thân. Tham sân si tức là Bát Nhã. Chẳng hay sáng cho nên gọi là Bát Nhã. Lại nữa chỗ có thể chiếu tánh, đã tự làm sáng tỏ rồi. Hành nghiệp cột trói tất cả; cho nên gọi là giải thoát. Chẳng đoạn trừ việc trói buộc thì được giải thoát. Lại cũng chẳng có thể nào có thể trói cột được. Lại chẳng thể nào buộc lại được; cho nên gọi là giải thoát, tức là nghiệp chẳng thể sanh nữa. Bát Nhã có nghĩa là phiền não chẳng sanh. Pháp thân nghĩa là sự khổ chẳng còn sanh. Đây là ba điều chẳng sanh; tức là một chẳng sanh. Khi một không sanh thì 3 cũng chẳng sanh. Chẳng phải ba

chẳng phải một; cho nên nói là bất sanh. Hà huống là sự biên dị phiền não, nghiệp khổ mà chẳng phải chẳng sanh. Đây chính là Viên Vô Sanh Quán Trí v.v...

Bổn Tích ở đây nghĩa là Kiều Trần Như gốc ấy tự chẳng sanh; chẳng phải ban đầu chẳng sanh, muốn dẫn chứng sữa làm lạc. Cho nên Tích ấy làm đầu để chỉ cho chỗ chẳng sanh. Dẫn dụ lạc ấy sanh Tô. Cho nên Tích ấy là Thông, chẳng sanh. Dẫn dụ cho sanh ấy làm Thục. Cho nên Tích ấy là Biệt, chẳng sanh. Dẫn dụ Thục ấy là Đề Hồ; cho nên Tích ấy là Viên, chẳng sanh, mà căn bản gốc gác nầy ở chỗ cửa của chữ A. Nghĩa là tất cả pháp, đầu tiên chẳng sanh. Nếu nghe cửa chữ A; tức là giải tất cả nghĩa, đều chẳng sanh, chẳng chẳng sanh. Theo Tích ấy mà dẫn dụ chỉ bày; nên hay sanh bất sanh. Chúng sanh nếu hay gặp Viên chẳng sanh; tức là đồng với A. Phi Bổn, phi Tích, phi sanh, phi bất sanh. Việc lớn, duyên lớn đối với việc rốt ráo ấy. Cho nên câu văn ở dưới nói rằng:

Phú Lâu Na đủ loại biến hóa. Nếu ta nói đầy đủ, chúng sanh nghe điều nầy, tâm lại hoài nghi hoặc; tức là nghĩa nầy vậy.

A Hàm nói: A Nan mang dù theo sau che Phật. Đại Phạm Vương mang dù che theo sau Trần Như. Tất cả những việc nầy đều chỉ cho Tích, muốn hiểu rõ Bổn vậy.

Quán tâm bất sanh có 3 loại quán: Bất sanh có thể rõ biết; chẳng phiền lại nói. Ma Ha Ca Diếp. Đây được dịch là Đại Qui. Người nầy đời trước học đạo Linh Qui

Phụ Tiên Đồ mà ứng hiện. Từ cái đức của gia tộc; cho nên nói là Qui Thị. Ngài Chơn Đế Tam Tạng dịch là Quang Ba. Tiên Nhơn đời xưa thân hay phóng ra ánh sáng yếu so với ánh sáng; rồi khiến cho chẳng hiện ra nữa; cho nên nói là Quang Ba; lại cũng còn gọi là Ẩm Quang. Ánh sáng nơi thân của Ngài Ca Diếp có thể chiếu sáng thấy vật; nên gọi là Tốt Bát La; hay gọi là Tốt Bát Bà La Diên; hay gọi là Đệ Tỳ Lê. Cây Tát Bát La vậy. Cha mẹ cầu đảo nơi thần cây và sinh ra được người con nầy; rồi lấy tên của cây ấy đặt cho. Sanh ra nơi làng Bạt Xà Tử và người ta lấy làm hiệu. Gia đình nầy rất giàu có. Tăng Nhứt A Hàm nói: Đại Phú Trưởng Giả ở xứ La Duyệt Kỳ tên là Ca Tỳ La; người vợ tên là Đàn Na, con tên là Tốt Bát La, con dâu tên là Bà Đà. Gia đình nầy giàu hơn Bình Sa Vương gấp ngàn lần. 16 nước lớn bên cạnh cũng chẳng sánh bằng. Trong Phú Pháp Tạng nói rằng: Sau khi Phật Tỳ Bà Thi diệt độ, tháp tượng màu vàng bị hư hoại, lúc ấy có một người đàn bà nghèo muốn có vàng quý và mời người thợ bạc đến để sửa lại những tượng Phật ấy. Vợ chồng đã lập thệ nguyện trong 91 kiếp ấy khi làm người hay chư Thiên thân thể đều có màu vàng và tâm thường nhận được sự an lạc. Sau cùng được thác sanh vào nước Ma Kiệt Đà; nơi gia đình Bà La Môn Ni Câu Luật. Sợ bị tội với vua Thắng Vương; nên giảm một canh lê, mà hay dùng 999 đôi bò màu vàng.

Kinh lại nói rằng: Nhà nầy rộng rãi, có đủ loại không thiếu thứ gì cả. Vàng bạc có cả trăm kho rồi đóng chặt cửa lại, chẳng thể phá hoại dời đổi được. Có cả 60 kho chứa vàng. Mỗi kho như vậy chứa 340 đấu. Kinh lại

nói rằng: Dùng lúa gạo để cúng dường chư Phật hơn hẳn cõi trời Đao Lợi, hơn gấp ngàn lần để nhận được niệm an lạc. Thân có 32 tướng. Sắc vàng ấy là vàng Phù Na Đà. Vàng ấy ở dưới đáy hồ vẫn có thể chiếu sáng lên khỏi mặt nước, làm cho chỗ tối tăm mất đi. Thân của Ca Diếp thì sáng hơn vàng nầy. Ánh sáng thân Ngài chiếu xa đến một do tuần; nhưng thiếu hai tướng. Đó là không có tướng lông trắng giữa chân mày và nhục kế. Cho nên lúc chư Thiên thỉnh kết tập thì tán thán rằng: Bậc kỳ lão này si mạn đã trừ; hình thái giống như cây trụ vàng tía; trên dưới đoan nghiêm không có gì có thể sánh được. Mắt trong xanh như hoa sen. Rời bỏ gia nghiệp, lại từ bỏ vàng bạc của báu, không muốn ở chung với vợ, xả bỏ tất cả để xuất gia. Thân mặc áo quý, lấy đó làm Tăng Già Lê, trải xuống đất để làm chỗ ngồi cho Phật. Như vậy 3 lần xả bỏ, ở đời chẳng ai sánh kịp. Đây gọi là xả bỏ to lớn. Ở nơi làng Bạt Kỳ được gặp Phật và phụng cúng y báu; nhưng Phật chỉ nhận Phấn Tảo Y làm y lớn. Y nầy chính là Đại Thánh Đại Y. Lại chẳng có thô, nặng. Cho nên Ca Diếp nói: Khi ta thọ nhận y của Phật, ta tưởng là tháp, tưởng chưa từng gối đầu; huống nữa là nằm. Cho nên Đại Y nầy là Đại Tinh Tấn mà ta thường thực hành; cho nên thọ đại y.

Trong đệ tử của Phật có nhiều vị tên là Ca Diếp. Đầy đủ Thập Lực như 3 vị Ca Diếp. Họ là những bậc Đại Nhơn. Trong 3 người cùng tên ấy; người lớn nhất gọi là Đại Ca Diếp. Đó là người đầu tiên gặp Phật tại làng Bạt Kỳ. Khi nghe Phật giảng pháp đã tăng trưởng giới, định, huệ. Liền được vô lậu và nhận lãnh pháp khất thực. Thực

hành 12 hạnh đầu đà; cho đến già vẫn không từ bỏ. Sau đó Phật bảo rằng: Ông tuổi đã lớn hãy bỏ việc đi khất thực, trở về thọ thực với chúng và cũng có thể bỏ mặc phấn tảo y và thọ nhận hoại sắc cư sĩ khinh y. Nhưng Ca Diếp bạch Phật rằng: Khi Phật chưa ra đời, con là Bích Chi Phật, suốt đời hành hạnh đầu đà. Bây giờ con không thể bỏ mà đã thành thói quen rồi; lại làm cho người đời sau sáng tỏ thêm. Không thì người đời sau sẽ nói Thượng Tọa Ca Diếp vì Phật cho phép nên vui. Cho nên con lại phải học chuyện khó làm của việc khổ hạnh.

Phật bảo: Lành thay! Đây chính là đại hạnh. Trong Tăng Nhứt A Hàm Phật có nói 12 phép thực hành hạnh Đầu Đà. Mà khó làm việc khổ hạnh, Ngài Đại Ca Diếp là đệ nhứt. Đầu đà thì râu tóc mọc dài, y phục dơ bẩn. Khi đến Phật thì các Tỳ Kheo khác khinh khi. Phật ra lệnh cùng ngồi chung nửa tòa với Phật; nhưng Ca Diếp chẳng chịu. Phật bảo ta có Tứ Thiền. Thiền định tức là tâm từ đầu đến cuối chẳng có mảy may hao tổn. Ca Diếp lại cũng như vậy. Ta có lòng đại bi, lòng từ che cho tất cả. Ngươi lại cũng như thể tánh nầy, lại đầy đủ lòng từ. Ta có đại bi để tế độ chúng sanh thì ngươi cũng lại như thế. Ta có Tứ Thiền Tam Muội. Một là vô hình; hai là vô lượng ý; ba là thanh tịnh tánh chứa và bốn là chẳng thoái chuyển. Nhà ngươi cũng lại như vậy. Ta có lục thông ngươi cũng lại như thế. Ta có Tứ Định. Một là Thiền Định; hai là Trí Định; ba là Huệ Định và bốn là Giới Định. Ngươi cũng lại như vậy.

Trong Tăng Nhứt A Hàm nói: Có một người Bà La Môn bạch Phật rằng: Hôm qua có người Bà La Môn đến nhà con, đó là ai vậy? Phật chỉ Ngài Ca Diếp. Lại hỏi rằng: Sa Môn nầy chẳng phải là Bà La Môn. Phật bảo: Sa Môn giữ pháp luật; Bà La Môn giữ pháp luật. Tất cả ta đều biết, Ca Diếp cũng như vậy. Ca Diếp có công đức sánh với ta chẳng khác. Nhưng vì sao lại chẳng ngồi? Khi các vị Tỳ Kheo nghe Phật tán thán như vậy, tâm khiếp đảm, tóc dựng đứng. Phật lại nói chỗ nhơn duyên rằng: Ngày xưa có một vị Thánh Vương hiệu là Văn Dã Yết, tài giỏi vô song. Vua trời nghe uy đức ấy liền cho 1.000 xe ngựa đến đón nhà vua. Thiên Đế đến cùng ngồi chỗ vua. Sau khi chung vui rồi, đưa nhà vua về lại cung. Ngày xưa Ca Diếp khi sanh, khi chết, khi ngồi đều làm cho ta cùng ngồi. Ta nay đã thành Phật, dùng chỗ ngồi của chánh pháp để báo đáp lại việc xưa. Nhưng lúc đối trước Phật thì trời người vì nghĩ Phật là Thầy. Lại nữa Ca Diếp cùng với A Nan vì Tỳ Kheo Ni mà thuyết pháp. Có một Tỳ Kheo Ni chẳng vui mà nói rằng: Người con trai buôn bán vàng ở trước ông Thầy của vàng mà mua vàng. Ca Diếp nói với A Nan rằng: Tỳ Kheo Ni nầy lấy ngươi ví cho ông Thầy của vàng. Còn ta là người con trai, đi buôn bán vàng. Ca Diếp nói với vị Ni ấy rằng: Phật nói trong kinh Nguyệt Dụ: Mặt trời, mặt trăng mọc lên ví như người mới học, duy chỉ có Đại Ca Diếp, người chẳng nghe. Ở nơi đại chúng chia cho nửa tòa ngồi mà ngươi cũng không nghe lời. Ở giữa đại chúng được tán thán như Phật, công đức rộng lớn. Ngươi lại chẳng nghe. Vì sao mà người nầy là kẻ buôn bán vàng? Như những việc nầy bị Phật ấn khả

cho là Đại. Người đứng đầu trong đại chúng gọi là Đại. Trong 1.250 vị là một vị đứng đầu. Trong 500 vị là vị lớn nhất. Trong 4 đại đệ tử, Ngài là người lớn nhất. Là vị chủ chùa của 5 núi, là bậc Thượng Tọa Tri Sự tạo nên Diêm Phù Đề nầy. Cho nên nói là vị thế to lớn. Sau khi trà tỳ thân của Phật; nơi thiêu ấy mọc lên 4 cây Bát Đa La. Đây là biểu hiện cho ngài Ca Diếp kết tập 3 tăng kỳ kiếp pháp làm thành 3 Tạng và 4 A Hàm.

Bài tựa Tăng Triệu nói rằng: Tông cực tuyệt ở chỗ xưng gọi. Hiền thánh lấy đây làm cho yên nguy. Ý chính thì không lời và chẳng truyền lại. Thích Ca dùng lời dạy dỗ và dùng luật để phòng ngừa thân, miệng. Làm sáng tỏ việc lành dữ là do nơi Khế kinh. Diễn giải chỗ sâu xa và lấy làm pháp tướng. Đây chính là việc làm sáng tỏ giới, định, huệ vậy. Ở Tăng Nhứt (A Hàm) thì làm rõ nhânquả của Trời Người. Trường (A Hàm) thì phá tà kiến. Trung (A Hàm) làm rõ nghĩa chỗ sâu xa. Tạp (A Hàm) thì làm rõ chỗ Thiền Định. Tất cả là công đức của Ngài Đại Ca Diếp. Nếu nói riêng thì Ngài A Nan tụng lại các kinh. Ngài Ưu Ba Ly tụng lại các luật. Ngài Ca Diếp tụng lại A Tỳ Đàm. Cho nên nói việc kết tập nầy là lớn. Sau khi Đức Như Lai viên tịch, pháp ấy phú cho Ngài Ca Diếp. Hay vì tất cả mà làm cho nương tựa, giống như Đức Như Lai. Đó là gì? - Nếu có những người thực hành hạnh đầu đà khổ hạnh thì pháp của ta còn tồn tại. Nếu chẳng có người nào thực hành thì pháp của ta chẳng còn. Ca Diếp hay gánh vác Phật Pháp và làm cho được trường cửu. Mãi cho đến đời vị lai nhận pháp của Phật, trao y lại và sau đó nhập diệt; cho nên nói là người giữ pháp lớn. Rồi

Ca Diếp an ổn ở trên hư không và thay Phật thuyết pháp cho chư Thiên. Vì lành sanh thiên, vì ác vào hố sâu của ngũ dục, vô thường như hoa trên đường, gặp ánh mặt trời liền héo. Đối với việc nầy xa rời và chư thiên khóc than rằng: Đường xa vạn dặm, khổ ách khôn cùng; kẻ yếu đuối nghèo nàn cô lộ, Ngài thường hay thương tưởng. Nay xả bỏ và diệt độ thì ai là người che chở, giúp đỡ... Rồi dạy cho 12 loại thật rõ ràng. Đó là:

Muốn cầu y tốt là khổ; được thì nhiều lo lắng; mất thì sinh lo rầu; Phấn tảo y thì không có nước, lửa, đạo tặc, nạn vua làm khó về 5 việc lo lắng. Nếu chứa nhiều thì lại lo mất còn, nhiều ít. Cho nên chỉ 3 y. Nếu ở trong chúng mà ăn nhiều thì thuộc về việc của tăng; cho nên đi khất thực nhận được ít thì ăn ít. Lúc lo lắng buồn phiền thì lúc ngồi ăn, ăn nhiều khó tiêu, sanh ra buồn ngủ và lười biếng. Ăn ít quá thì không có sức; cho nên phải ăn vừa đủ. Khi rửa đồ đạc thì để ý, cẩn thận; chỉ có một bình bát để ăn. Nên biết làm việc chẳng nên uống nước. Phòng ốc sẽ sinh ra chỗ đắm trước; cho nên ở dưới gốc cây. Ở nơi gốc cây cũng đắm trước cho nên tìm hang động. Khi ở hang động lo lắng, phòng ngừa cho nên lên trên đường trống. Nếu nằm thì tiêu hao công đức, tăng thêm ỷ lại; cho nên thường ngồi. Hai điều nầy gọi là y pháp. Sáu việc gọi là thực pháp và bốn điều gọi là trụ xứ pháp.

Nói về việc khất thực cho rõ ràng. Sự xin ấy dễ sanh niềm vui, khó sanh ra sân hận. Được nhiều liền thích, được ít, xấu liền lo. Việc lo hay vui ấy nương vào

sắc mà khởi lên, tức là sắc ấm. Thọ nhận điều lo, điều vui nầy là thọ ấm. Giữ lấy cái tướng của ưu, hỷ nầy là tưởng ấm. Ưu, hỷ ấy chính là hành ấm. Phân biệt chuyện buồn, vui ấy tức là thức ấm. Ưu, hỷ ấy tức là ý pháp. Hai việc ấy nhập vào tam giới. Giới ấy nhập vào ấm, tức là khổ đế. Ta hay khất thực để xem ta có ngã hay không ngã. Dùng việc xin ấy làm đạo; dùng việc xin ấy làm sự thật. Như vậy chân lý ấy là tán thán niềm vui và hủy hoại sự sân hận, ta hay bị mắng; tức là việc nghi ấy chưa rõ; nên lấy làm si. Đây chính là 10 sử. Trải qua 3 cõi 4 đế. Gồm 88 sử, gọi là Tập Đế.

Nếu biết việc đi xin có 4 sự điên đảo, tương tợ tương tục bị che lấp; cho nên nói đây là thường. Theo ý để vui, tạo sự máy động che khuất; cho nên gọi là ngã. Lớp da mỏng che đậy lên, gọi là tịnh. Thức ấy bốn bề che phủ, không có bốn điên đảo động loạn; nên hai ác sanh hai thiện. Tu 4 định căn, lực, giác, đạo. Đây gọi là Đạo Đế. Đối với việc khất thực chẳng tính toán cho mình thì si mê sẽ diệt. Si diệt cho nên ái diệt. Ái diệt cho nên sân diệt. Sân diệt cho nên chẳng trạo cử, rồi mạn diệt. Mạn diệt rồi cho nên việc bị mắng kia liền chẳng có nghi ngờ. Vô ngã cho nên ngã kiến diệt. Ngã kiến diệt cho nên biên kiến diệt. Chẳng chấp con đường nầy; nên giới thủ diệt. Chẳng so đo tính toán làm thật cho nên kiến thủ diệt. Chẳng chấp tà cho nên tà kiến diệt. Mười loại nầy diệt cho nên 88 loại (sử) diệt. 88 (sử) diệt cho nên tử phược (sự trói buộc) diệt. Sự trói buộc diệt cho nên quả phược diệt. Quả phược diệt cho nên 25 cõi diệt. Đây chính là Diệt Đế.

Nếu đối với việc khất thực mà chẳng thấy Bốn Chơn Đế thì việc nầy mãi lưu chuyển sanh tử trong biển khổ lớn. Nếu hay thấy được Tứ Đế thì được đoạn lìa sanh tử. Sanh tử đã hết rồi thì chẳng thọ sanh nơi các cõi. Đây là việc khất thực dùng huệ để quan sát. Nương vào pháp và pháp trụ xứ cũng như vậy. Đây chính là 3 Tạng đầu đà vậy. Người theo Thông Giáo thực hành hạnh đầu đà đã duyên vào chơn đế để chứng tịch tịnh. Tức đây là trụ xứ không huệ. Vì sự ăn ấy với tâm không, làm các việc là chỗ nương tựa. Thường thì tánh không, không phải là không có gì hết cả, mà không huệ ấy đối với người tu đầu đà, tất cả đều như huyễn hóa. Vọng tưởng, các ác tịch diệt chẳng khởi; tâm tân số pháp chẳng hành. Dùng bất khả đắc cho nên các tướng hợp với tướng không và dẫn đầu hết thảy. Ở trong những khổ hạnh, hành đệ nhất không. Trong các pháp đầu đà, không huệ đầu đà là số một.

Lược nói qua về Biệt Giáo đầu đà. Nương vào nơi pháp thân để làm trụ xứ. Bát Nhã trí huệ lấy đó làm thức ăn. Tất cả các hạnh, trang nghiêm che phủ. Đầu đà che đậy nghiệp xấu, ác. Bát Nhã đầu đà là phiền não ác. Pháp thân đầu đà, sanh tử khổ ác. Trước đầu đà phân đoạn phiền não nghiệp khổ. Sau đó đầu đà biến hóa dễ dàng, thành phiền não nghiệp khổ. Đây là Trung Đạo chánh quán đầu đà. Ra khỏi Nhị Thừa chỗ hành khổ hạnh v.v...

Còn Viên Giáo đầu đà nghĩa là trụ xứ ấy nương vào chỗ ăn uống. Hay từ một pháp nầy phân biệt nói ba. Một

là đầu đà của tất cả đầu đà. Tất cả đầu đà của một đầu đà. Không phải một, không phải tất cả. Đối với tất cả đầu đà chẳng phải chẳng thật tướng. Chư Phật hay làm, đây là hạnh của Như Lai. Trong quá khứ chư Bồ Tát đã thực hành thanh tịnh v.v...

Bổn Tích nghĩa là Bổn ấy chính là cùng với Như Lai đồng ngồi chỗ cứu cánh không tịch. Đồng được pháp thân to lớn; đồng được vô ngại trí huệ; đồng được vô lượng công đức. Bên trong thì xả bỏ việc yêu thương và bên ngoài thì không có những cấu nhiễm. Cả bên trong lẫn bên ngoài hạnh đầu đà, căn bản ấy thanh tịnh. Lần lượt sẽ nói đến ở Trung Đầu Đà và nói đến việc thuần thục viên mãn của Trung Đầu Đà.

Quán tâm có nghĩa là không giữ lấy tướng Đầu Đà. Đây chính là trần sa đầu đà không thật. Tức là Trung Đầu Đà vô minh. Trong một tâm của Đầu Đà có 5 trụ ...

Tam Ca Diếp – Ca Diếp như phía trước đã giải thích gồm Ưu Lầu Tần Loa lại còn gọi là Ưu Lầu Tì; cũng còn gọi là Ưu Vi. Ở đây phiên âm là Mộc Qua Lâm Na Đề. Cũng có nơi dịch là Hà và cũng có nơi gọi là Giang Già Da. Cũng còn gọi là Yết Di hay Tượng. Việc phiên âm nầy là căn cứ vào Vương Thành của nhà nầy ở cách thành Vương Xá về phía Nam lối 7 do tuần. Thuở Đức Phật Tỳ Bà Thi gặp nhau dưới gốc cây. Nhân duyên anh em của họ. Người anh là Ngõa Sa Vương làm Thầy có 500 đệ tử. Hai người em mỗi người có 250 đệ tử. Người anh, làm Phật tạo ra 10 loại biến tướng. Đó là không ở trong loài rồng độc; lửa rồng không đốt cháy được; vào nước

không bị chìm. Ba bên giữ lấy quả; phía Bắc giữ lấy lượng cam lồ của Đao Lợi, rõ biết khiêm nhường và an ổn lui đi, biết rõ niệm hiện đến, lửa tắt không cháy, búa giơ lên chẳng hạ xuống được và thị hiện to lớn làm cho thấy được sự chấp tà và sau đó sửa đổi. Cho nên nói Cồ Đàm tuy có thần thông; nhưng không thấy được đạo chơn chính của Ngài. Phật liền bảo rằng:

Nhà ngươi chẳng phải La Hán; lại chẳng phải là người đắc đạo. Tuy nhiên sau khi khai ngộ, thành nghĩa Thầy trò. Tất cả đều quy phục. Hai người em thấy tướng, liền quy y với Phật. Tổng cộng thành 1.000 vị Tỳ Kheo.

Ước giáo nghĩa là như trong Tăng Nhất A Hàm nói rằng: Ưu Lưu Tì hay hộ trì tứ chúng cung cấp tứ sự làm cho chẳng có chỗ nào thiếu thốn. Đây là việc thứ nhất. Na Đề Tỳ Kheo tâm ý thanh tịnh hay hàng phục những kết sử. Đây là tinh tấn đệ nhứt. Già Da Tỳ Kheo quán rõ các pháp đều chẳng có chỗ nào dính mắc, lành hay giáo hóa, là việc tốt nhất. Đây có nghĩa là sự dạy dỗ ấy giống như sữa. Nếu chuyển nhập thành Sanh Tô (sữa đặc) thì sự hổ thẹn nhỏ kia thành lớn. Ví dụ nầy nên rõ biết. Nếu chuyển nhập vào Thục Tô (sữa đã chín) tức được ủy thác việc dạy dỗ. Nếu chuyển nhập vào Đề Hồ (sữa mịn như cháo đã nấu nhuyễn) thì như trong kinh nói: được thọ ký làm Phật.

Bổn Tích trụ ở 3 đức gồm: Lâm tức là Bát Nhã; thành tức là pháp thân; nước tức là giải thoát. Đây chính là sự bí mật của bổn tạng; mà Tích ấy lại nương vào lâm, thành, thủy ấy để độ chúng sanh vậy.

Quán tâm nghĩa là quán xét tâm tánh chánh đáng ngay thẳng. Trung Đạo chẳng động; giống như thành quách phòng ngừa quân địch chẳng động mà động. Như nước làm sạch các bờ bến điên đảo. Cùng chiếu đến cây tươi hay khô, như rừng sầm uất. Ba pháp tướng ấy đều là những cành lá dính nhau như anh em.

Xá Lợi Phất Cụ Tồn và cũng còn nói là Xá Lợi Phất La. Ở đây dịch là Thân Tử. Lại dịch Xá Lợi là Châu. Khi còn ở trong bụng mẹ, vốn đã thông minh. Tướng thông minh ấy hiện ra nơi mắt đẹp. Vì chữ Thù ấy khi sanh ra, cho nên gọi là Thù Tử. Lại dịch là Thân. Người mẹ ấy có hình thù đẹp. Từ thân ấy mà sanh ra; cho nên gọi là Thân Tử. Người con nầy làm hiển danh cho mẹ; nên dùng danh hiệu nầy. Người cha tên là Ưu Bà Đề Xá, hoặc gọi là Ưu Bà Chấn. Lại dịch là Luận Nghị. Nhờ luận nghị mà được vợ. Nhơn luận nầy đặt tên cho con. Đây chính là nhờ cái đức của cha vậy.

Thích Luận nói rằng: Ta tên là Đề Xá, theo ta cho tên; tên ấy là Ưu Bà Đề Xá. Ưu Bà ở đây có nghĩa là tìm cầu. Đề Xá là tên ngôi sao. Lại nữa Xá ấy thuộc về người cha và Lợi ấy thuộc về người mẹ. Cả hai đều có ý là làm hiển vinh cho cha mẹ; nên gọi là Xá Lợi Phất, hay Phất Tử là vậy. Tánh thuộc chủng tộc Câu Lật Đà Bà La Môn.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Ở trong Phật Pháp của ta, trí tuệ vô cùng, rõ hết được các nghi ngờ thì Xá Lợi Phất đứng đầu. Người nầy ngày xưa theo Bổn Sanh kinh nói rằng: Trong quá khứ cậu cháu đều làm nghề dệt vải, biết được nhà vua có của cải cất chứa và nhơn đó đào đất để

ăn trộm của quý. Người canh kho tâm vui. Vua bảo: Chớ đưa đồ trộm cho nó! Hãy đưa ngay đến quan phán xét. Người cháu nhân đây bảo người cậu đến trước và bị bắt đến tra hỏi. Người cháu sợ người khác biết nên đã cắt đầu của người cậu. Nhà vua ra lệnh dùng thây người chết an trí 4 bên đường để tìm ra người thân. Sau đó nhơn việc có nhiều người khách tụ tập thì người cháu kia chở 2 xe rơm đậy lại. Vua lại ra lệnh tịch thu. Tiếp đến nhơn việc các đứa trẻ múa hát đã ném lửa vào đốt cháy và đem đến an trí chỗ quán rượu. Người cai quản say túy lúy, rượu chỉ còn bình trống, rồi bỏ đi. Vua lo có loạn nên không cho đàn bà con gái ra ngoài. Ở bên dòng nước, đầu tiên khuyên người đàn bà nầy. Người đến gạn hỏi và châu báu nổi trên mặt nước. Người canh phòng ấy thấy được của quý báu không còn đủ. Nhơn đây mà bắt người đàn bà nầy rồi thông dâm. Người đàn bà ấy giữ áo quần lại và người nầy sợ bị chết; nên đã bỏ đi. Khi người đàn bà la hoán lên cũng vì sợ bị chết; nhưng nhơn đó sau nầy sanh ra một đứa con trai đoan chánh. Nhà vua ra lệnh bồng đến và nghe tiếng khóc rồi giữ lại. Mấy ngày đói khát cho nên đến nơi lò nấu bánh; người làm bánh cho bánh cũng khóc; cho nên vua ra lệnh đem đi nơi khác. Nhơn việc uống rượu mà người giữ kho say sưa, rồi bồng đứa bé ấy chạy ra khỏi nước. Đến nước kia cầu người hiền. Nhơn nước đó người nữ làm Đại Thần; cho nên không dùng đến. Do vậy mà lấy đứa nhỏ nầy và hứa cho làm vua của nước ấy. Nghi ngờ về việc ăn trộm lần trước; người nầy dùng 500 cỗ xe ngựa chứa đầy áo quần một loại giống nhau, đến nghênh tiếp người đàn bà ấy.

Nhà vua thấy vậy liền hỏi về vụ trộm trước và than lên rằng: Đây là người đàn bà gian dâm xảo trá. Người cháu ấy chính là Xá Lợi Phất và người cậu ấy chính là Điều Đạt vậy...

Khi còn ở trong bào thai, có người cha tên là Ưu Bà Đề Xá học thông điển tịch, mang giày buộc lưng, đầu đội mão lửa, một mình đi bộ đến thành Vương Xá, đánh trống luận nghị. Quốc Sư Đà La tự biết có chuyện, thấy tướng chẳng lành; nếu luận nghị thắng thì phong cho người đàn bà làm vợ. Người vợ nằm mộng thấy một người, thân bị bao bọc bởi Thủ Chấp Kim Cang tất cả là núi. Sau đó lập nên một hòn núi bên cạnh. Khi tỉnh mộng thân thể nặng nề, liền hỏi chồng. Chồng bảo: Bà khi mang thai sẽ phá được tất cả luận sự; chỉ không thắng được một người, mà phải làm đệ tử. Người cậu ấy tên là Câu Hy La. Luận nghị thường hay thắng chị mình. Nhưng khi hoài thai rõ biết được luận nghị sẽ thắng được em mình. Người em tự nghĩ rằng: Đây không phải là tự lực của chị mình. Tất nhiên khi mang thai có người gá vào qua cửa miệng của người mẹ. Khi ở trong thai mà còn vậy thì huống gì là lúc được sanh ra. Rồi ủy thác việc gia đình, liền đi xa du học, chẳng lo đến cả móng tay. Do vậy người đời gọi là Trường Trảo Phạm Chí ...

Hai con rồng Nan Đà Bạt Nan Đà giữ gìn thành Vương Xá, khi mưa đổ xuống; nước nhà chẳng có năm nào đói kém. Vua và thần dân liền mở đại hội và đặt lên đó 3 tòa cao, để cho Vương Thái Tử luận sư, Thân Tử lúc 8 tuổi cũng đã đến chốn nghị luận đó để hỏi và 3 người

đều đáp rằng người nầy siêu việt, có thể lên đàn để luận nghị. Mọi người đều mắc cỡ vì chẳng thể luận lại được, mà thẳng đứa bé nầy thì cũng chẳng có danh dự gì. Cho nên cách tốt nhất là trốn đi để tìm người lớn. Tất cả những người đi theo đều hỏi; nhưng đều đáp hết, rạch ròi rõ ràng, không vấp váp. Vua và Đại Thần xưng tán chẳng ngớt. Nước đang thái bình, bỗng dưng có người trí xuất hiện. Mãi cho đến năm 16 tuổi thì tất cả những điển tịch của cõi Diêm Phù Đề chẳng có việc nào mà chẳng rõ ràng. Rộng biết việc xưa và rõ biết việc nay, diễn dương của nghĩa sâu xa về điển tịch. Cả những vị luận nghị của 16 nước cũng chẳng ai có thể sánh bằng. Năm nơi lớn tại Thiên Trúc thì vị nầy là số một. Thầy trò cùng nhau, ấy là Phạm Chí. Phạm Chí dạy tất cả đạo thuật cho Thân Tử. Thầy có 250 đệ tử và tất cả đều phụ thuộc vào Thân Tử mà thành tựu. Khi Sa Nhiên bị chết thì Hân Nhiên cười. Thân Tử hỏi và được đáp rằng: Thế tục chẳng có mắt, chỉ vì nghĩ và thương về người thân. Ta thấy Kim Địa Quốc Vương chết, phu nhơn thiêu đốt làng, nguyện cùng sanh một xứ. Nói rồi liền mạng chung.

Sau đó thấy Kim Địa thương nhơn và hỏi ra thì đúng như vậy. Thân Tử nhớ lại là ta chưa dạy hết các pháp thuật. Có lẽ vì ta mà chẳng phải người nầy làm Thầy ta chăng. Tự biết mình chưa đạt được; nên mới đi cầu pháp tốt hơn, mà không có Thầy thì chẳng thể được. Tuy chẳng có một pháp nào là chẳng thông trong Ngoại Đạo. Vì là bậc dẫn đầu. Trên đường đi gặp Át Bệ uy nghi chững chạc; nhơn đó nên mới hỏi pháp nơi Thầy ấy. Át Bệ trả lời rằng:

Các pháp từ duyên sanh
Cho nên nói nhân duyên
Pháp và duyên đều hết
Thầy ta dạy như vậy.

Khi nghe lần đầu đã chứng được quả Tu Đà Hoàn. Sau đó đến nơi Phật và trải qua 7 ngày đã thông hiểu thuần thục Phật pháp như biển cả. Lại nói sau 15 ngày Ngài chứng được A La Hán và vì các bậc A La Hán làm Hòa Thượng. Làm Thầy của Kiều Phạm. Trong chúng Thanh Văn là đệ tử đứng hầu bên phải.

Điều Đạt phá tăng dẫn 500 Tỳ Kheo đến, Thân Tử (Xá Lợi Phất) hóa ra 500 người quy y... Thi triển sức lực giữa 2 bên. Khi biến ra hồ có hoa thì Thân Tử hóa voi để bẻ hết hoa trong hồ ấy. Điều Đạt sai hóa ra quỷ Dạ Xoa thì Thân Tử làm Tỳ Sa Môn Thiên Vương. Đủ loại Thân Tử đều hơn và hàng phục Điều Đạt.

Trong A Hàm có nói rằng: Thân Tử là chỗ sanh ra Tứ Chúng và mẹ của Ngài Mục Kiền Liên là Dưỡng Mẫu... Trung A Hàm phần hai nói rằng: Nơi an cư của các Tỳ Kheo, xưng dương tán thán là Mãn Từ Tử, thiểu dục tri túc, tinh tấn ở riêng, một lòng chánh niệm, trí tuệ vô lậu. Khuyến khích phát tâm, lại xưng dương tán thán và truyền lại pháp nầy. Lúc bấy giờ ThânTử nhớ đến ta và khi nào thì được gặp người nầy. Người nầy lúc nào đến chỗ Phật? Người kia mách rằng: Người ấy là người có hình thù đẹp đẽ cao ráo như chim Oanh Vũ. Sau đó ở nơi rừng An Đà. Ở đây gọi là Thắng Lâm. Gặp rồi Thân Tử

hỏi rằng: Thưa Hiền Giả! Đối với Cồ Đàm là nơi tu Phạm Hạnh chăng?

Đáp: Như thế.

Lại hỏi: Lấy giới thanh tịnh để tu Phạm Hạnh sao?

Đáp: Chẳng phải vậy.

Có phải vì tâm tịnh, thấy được là qua chỗ tịnh. Nghi sự thanh tịnh như con đường; không có con đường nào sạch sẽ, thì việc thấy biết đường sạch, lại rõ biết đoạn trừ sự sạch ấy là tu Phạm Hạnh chăng?

Đáp: Chẳng phải vậy.

Lại hướng đến hỏi rằng: Như vậy thì bây giờ nói chẳng phải. Nghĩa ấy như thế nào?

Đáp rằng: Vì Vô Dư Niết Bàn cho nên tu Phạm Hạnh.

Lại hỏi: Lấy giới làm thanh tịnh để lập nên Vô Dư Niết Bàn chăng?

Đáp: Chẳng phải vậy.

Cho đến đạo tích, tri đoạn tịnh để lập nên Vô Dư Niết Bàn sao?

Đáp: Chẳng phải vậy.

Lại hỏi rằng: Ý nghĩa nầy như thế nào?

Đáp: Nếu lấy giới thanh tịnh để tạo nên Vô Dư thì điều nầy dùng Hữu Dư để gọi lại Vô Dư. Cho đến đạo tích tri đoạn tạo nên Vô Dư lại cũng là hữu dư nên gọi là

Vô Dư. Nếu lìa 7 loại nầy thì người phàm phu sẽ Bát Niết Bàn. Phàm phu lìa 7 thứ nầy mà cũng chẳng lìa. Từ giới thanh tịnh tới tâm thanh tịnh; cho đến đạo tích trí đoạn tịnh. Người hay có thể vì ta mà nói thí dụ như vua Ba Tư Nặc muốn từ Câu Tát La đến Bà Kê Đế. Ở khoảng giữa ấy bố trí 7 xe. Bỏ xe đầu; lên xe thứ hai. Cho đến bỏ xe thứ 6 lên xe thứ 7. Người ở Bà Kê Đế hỏi rằng: Có phải lên xe đầu chăng? Đáp rằng: Chẳng phải. Mãi cho đến xe thứ 7 cũng đáp rằng: Chẳng phải. Hỏi rằng: Lìa khỏi 7 xe nầy chăng? Đáp rằng: Cũng chẳng phải. Với thí dụ nầy qua sự hỏi đáp đã rõ.

Thân Tử hỏi: Tên Ngài là gì? Người tu Phạm Hạnh xưng là gì?

Đáp: Tên của cha ta là Mãn; mẹ ta tên Từ. Người tu Phạm Hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử (Phú Lâu Na).

Thân Tử gọi là: Lành thay! Hiền Giả Mãn Từ Tử. Vì là đệ tử của Như Lai nên rõ biết biện tài, được Cam Lồ Tràng. Ở nơi Cam Lồ ấy tự chứng lấy. Gặp ngươi ở đây thật là lợi lạc lớn. Những người tu Phạm Hạnh nên dâng y đãnh lễ.

Mãn Từ Tử hỏi: Hiền Giả tên gì? Phạm Hạnh Nhơn gọi là gì?

Đáp: Tên cha ta là Ưu Bà Đề Xá; tên mẹ ta là Xá Lợi; cho nên gọi ta là Xá Lợi Tử.

Mãn Từ Tử (Phú Lâu Na) than lên rằng: Bây giờ cùng với Thế Tôn sánh làm đệ tử, cùng luận nghị mà cũng chẳng rõ. Cùng với Đức Thế Tôn thứ hai cùng luận

nghị mà cũng chẳng rõ biết. Cùng với pháp cùng luận nghị mà chẳng rõ biết. Cùng với chuyển pháp luân, lại chuyển đệ tử cùng luận nghị mà chẳng biết. Nếu ta rõ biết Tôn Giả thì chẳng thể đáp được một câu, huống là luận sâu thêm nữa. Lành thay! Lành thay! Làm đệ tử của Như Lai, cho đến dâng y đãnh lễ ...

Phật nói một câu, Thân Tử dùng một câu ấy làm gốc. Qua 7 ngày 7 đêm giống như tiếng gầm của Sư Tử, lại nói thêm ra nhiều câu khác và ý nghĩa khác cho đến vô cùng tận. Hà huống khi Phật nói nhiều, mà Thân Tử lại biện tài thật không có chỗ cùng tận.

Trong kinh A Hàm phần 20 nói: Khi Phật ở tại ao A Nậu Đạt thì Long Vương hỏi: Trong chúng đây không thấy Xá Lợi Phất. Nguyện Phật giải cho. Phật sai Mục Kiền Liên đến Kỳ Hoàn để gọi Thân Tử, gặp lúc đang vá y và đáp rằng: Nhà ngươi đi trước đi ta sẽ đến sau.

Mục Kiền Liên nói: Ta vì Phật đến bảo người. Vì sao lại đi trước? Mục Liên liền lấy tay chạm vào y, y ấy hoàn thành. Thân Tử nghĩ rằng Mục Liên thử ta thì ta cũng thử Mục Liên vậy. Tức thời lấy y bỏ xuống đất, ngươi có thể nhấc lên chăng? Mục Liên biết Thân Tử thử mình, liền ra hết sức nhưng không giở lên nổi. Thân Tử lúc bấy giờ cột vào cây Diêm Phù làm cho thiên hạ bị động, cột 2, 3, 4 lần. Bốn cõi trời cũng chẳng dậy được. Lại cột cả Tiểu Thiên, Trung Thiên, Đại Thiên lại cũng chẳng dậy được. Lại cột vào nơi chân của Phật đang ngồi ở nước kia, mười phương thế giới cõi Phật đều chẳng lay động.

Mục Liên tự nghĩ rằng: Ta thần lực đệ nhứt mà nay thì chẳng thể nhúc nhích được; chẳng lẽ mất thần lực rồi sao? Nhân đó liền bỏ đi và đi trước cả Thân Tử nữa. Khi đến trước Phật, Mục Liên thấy Thân Tử đã ở trước Phật rồi. Long Vương thấy đất rúng động; nên mới hỏi Phật. Phật bảo rằng: Đây là cái lực của hai người.

Long Vương và 500 Tỳ Kheo đối với Mục Liên sinh tâm khinh chê. Phật bảo Xá Lợi Phất rằng: Đối với tứ thần lực được tự tại. Mục Liên cũng tự tại mà chẳng thể mang nổi Phật lực chăng?

Nghe rồi Mục Liên nói rằng: Hiện theo thần lực của ngươi, Mục Liên dùng bình bát cùng với 500 Tỳ Kheo nầy mang đến trước Phạm Cung. Một chân đạp núi Tu Di và chân kia đến thẳng Phạm Cung. Thân ở tại nước kia, mà nói kệ nghe đầy cả các nước Đại Thiên. 500 vị ấy tâm phục...

Đối với Ước Giáo thì cho rằng Tam Tạng Trí Huệ tức là Vô Học thập trí, đoạn trừ kết sử, chứng được chơn thường và giúp Phật tuyên dương giáo hóa. Thích Luận quyển 40 gọi là Hữu Diện Đại Tướng, tức là ở nghĩa nầy.

Thông Giáo gọi Trí Tuệ là: Như trong Bát Nhã tự nói chỗ của Ma Ha Tát. Nghĩa là ta thấy chúng sanh, thấy Phật, thấy Bồ Đề, thấy chuyển pháp luân. Phá những điều thấy nầy thì gọi là Ma Ha Tát. Chư hiền thánh tự nói pháp nầy rồi, chẳng giống như bây giờ người ta vọng có mà nói. Nên rõ rằng Thân Tử chẳng phải phá cái thấy của sanh tử, lại phá cái thấy Phật, pháp Bồ Đề và cái

thấy chuyển luân, Niết Bàn, mà huệ nầy khác với sự chỉ dạy ban đầu vậy.

Còn Biệt Giáo nói về Trí Huệ giống như 5 vị phân biệt. Nghĩa là từ nguyên sơ thường nghe sữa lạt gọi là chẳng nghe dư vị. Phát tâm tu hành, hằng hành nhũ lạt thì gọi đây là sơ giáo trí huệ. Nếu thường nghe về sữa, mà sữa ấy chẳng do nước sữa, nghĩa là tánh lành dữ và gốc của tánh ấy vốn không. Chẳng phải do tu thiện phá ác, diệt sắc, thủ không, mà thường hay tu, tức là không nầy vậy.

Thông Giáo nói về Trí Huệ thì cho rằng: Từ lần đầu nghe được đề hồ lấy đó làm đề hồ. Dắt bò, tìm sữa. Chuyển sữa thành Sanh Tô. Chuyển sanh Tô thành Thục Tô mới được Đề Hồ. Người mà tu và hành như thế nầy tức là Biệt Giáo Trí Tuệ vậy. Nếu từ nguyên sơ thường hay nghe đến bò thường chịu ăn cỏ, cho ra Đề Hồ và làm cho khỏi các bịnh và trừ tất cả các loại thuốc, tất nhiên có đủ trong ấy. Đối với người tu hành như thế nầy, tức là Viên Giáo Trí Tuệ vậy.

Bổn Tích là bổn trụ nơi thật tướng, trí ấy là mẹ. Từ cảnh sanh trí huệ. Cảnh đó tức là thân trí huệ, tức là con. Từ mẫn chúng sanh. Tích ấy là 5 vị của Thân Tử. Muốn chuyển máu phiền não xấu làm thành sữa tốt thì rõ biết trí tuệ ngoại đạo, tạo luận sư lớn. Muốn có thục nhũ để làm sữa thì phải thị hiện Tam Tạng Trí Huệ. Lấy đó làm đức Thế Tôn thứ hai, muốn hướng dẫn sữa ấy thành Sanh Tô. Dung nạp chỗ lớn và hiện ra nhỏ, thọ nhận việc thanh tịnh; gọi đây là che khuất. Đây là muốn dẫn cho

Sanh Tô thành Thục Tô. An ủi làm lợi lạc cho những người cùng Phạm Hạnh là đối với Bát Nhã lãnh giáo, muốn hướng dẫn cho Thục Tô thành Đề Hồ. Đối với sự ngộ đầu tiên của Pháp Hoa là tất cả đều tích chứa bên trong và hiện ra ngoài, mà bổn địa bên trong kỳ bí; việc nầy thật là sâu xa.

Quán tâm ấy là một tâm ba quán. Nhiếp được tất cả trí huệ. Quán tâm ấy tức không; nhiếp được sữa trí tuệ. Quán tâm ấy tức giả; nhiếp được hai Sanh Tô Trí Huệ và Thế Trí Huệ. Quán tâm tức ở giữa, nhiếp được Đề Hồ Trí Tuệ. Đây gọi là quán tâm trung nhứt huệ, tất cả huệ, tất cả huệ, một huệ, chẳng phải một huệ, chẳng phải tất cả huệ ...

Đại Mục Kiền Liên là họ. Dịch là Tán Tụng. Trong Kinh Văn Thù Vấn dịch là Lai Phục Căn. Chơn Đế nói: Chớ có Già La. Đây dịch là Hồ Đậu. Hai vật nầy những ông Tiên ngày xưa hay mang theo. Nhơn đây lấy đó làm mạng cho gia tộc.

Thích Luận nói là con của người làm nghề bói toán. Tên là Câu Luật Đà. Lấy tên của cây Câu Luật Đà đặt tên và do cầu đảo thần cây mà được con. Nhơn đây lấy làm tên vậy. Lại xưng lược là Mục Già. Vị Lai Nhơn Quả kinh nói rằng: Đại Lục Liên La Dạ Na cùng tên rất nhiều; nên gọi chữ Đại vậy. Thích Luận nói rằng: Xá Lợi Phất tài giỏi, sáng thấy quý tướng. Mục Liên lấy hào hiệp làm trọng. Trí tuệ, nghề nghiệp, so với đức hạnh ngang nhau. Trong Tăng Nhứt A Hàm nói: Trong đệ tử của ta người có thần thông nhẹ nhàng bay lên không trung đến cả 10 phương

thì Mục Kiền Liên là số một. Trong Thích Luận quyển thứ 41 gọi là Tả Diện Đệ Tử (Đệ tử đứng bên trái) là Thầy ngoại đạo, có cả 500 đệ tử, dùng chú thuật có thể dời núi được. Trải qua việc làm lung lay núi và mặt trời, mặt trăng. Mục Liên nghĩ rằng: Núi nầy nếu di chuyển đi xa thì làm tổn hại. Cho nên mới ở trên đỉnh núi; ngồi kiết già trên hư không, làm cho núi trở lại như cũ không di động. Tướng ngoại đạo nghĩa là so với pháp của ta như núi động và mặt trời thì phải di chuyển. Làm thế nào để yên trở lại là chuyện đầu tiên. Chắc chắn là do Sa Môn khiến chăng? Tự rõ biết lực của mình yếu; cho nên phát tâm trở về Phật đạo, làm cho nhiều người theo chánh pháp mà xuất gia. Nan Đà Bạt Nan Đà huynh đệ ở nơi biển cạnh núi Tu Di. Phật thường hay bay vào hư không, lên cung trời Đao Lợi. Rồng nầy mới sân hận và hỏi rằng người ưu tú ấy vượt lên khỏi cả ta. Sau đó Phật muốn lên trời thì rồng nầy nổi mây đen, sương mờ che khuất ánh sáng. Các vị Tỳ Kheo thì muốn hạ xuống. Phật chẳng nghe. Mục Liên nói:

Con có thể làm cho con rồng nầy rớt xuống. Thế là rồng ấy dùng thân quấn bảy vòng núi Tu Di. Cái đuôi của nó ở biển mà cái đầu thì ở tận trên đỉnh núi. Mục Liên hiện thân nầy lớn gấp bội, quấn núi 14 vòng. Cái đuôi thò ra ngoài biển; còn đầu nằm tại Phạm Cung. Rồng nầy sân hận làm cho mưa lớn và đổ xuống đá kim cương. Mục Liên biến đá ấy thành hoa quý nhẹ nhàng dễ thương. Dụ cho sân không được, Mục Liên hóa thành thân nhỏ rúc vào trong thân rồng. Vào từ mắt và ra từ tai. Vào tai thì ra mũi. Rồng la lên, thân nầy bị đau. Liền

bị bịnh khổ; nên đã hàng phục. Mục Liên dùng thân nhỏ ấy thị hiện tượng của Sa Môn rồi cả hai cùng rồng đến trước Đức Phật. Điều Đạt dẫn 500 vị Tỳ Kheo cùng với đồ chúng. Mục Liên trốn và làm cho mắt lớn lên, rồi ra tiếng sấm sét, âm thanh phát ra. Cù Già bỏ chạy mà vẫn chưa tỉnh. Thân Tử (Xá Lợi Phất) thuyết pháp cho 500 người ấy. Mục Liên dùng tay gom lại các Tăng để hòa hợp.

Trong Tạp A Hàm quyển thứ 29 nói rằng: Khi Phật tại Xá Vệ, vào ngày 15 thuyết giới, Phật yên lặng chẳng nói. A Nan 4 lần thưa thỉnh. Phật bảo rằng: Chúng chẳng thanh tịnh; nên ta chẳng thể nói giới. Ngươi có thể làm Thượng Tọa, làm người trì biệt, tụng lên các giới chăng? - Mục Liên tìm kiếm nhập định quán thấy ai không thanh tịnh, thì thấy Mã Sư đầy đủ 2 vị Tỳ Kheo rồi lấy tay đuổi ra, đóng cửa lại và thỉnh Phật thuyết pháp. Phật bảo rằng ta chẳng nói hai lời. Nay chẳng tự nói giới. Mục Liên hỏi: Trong chúng không thanh tịnh thì con cũng sẽ lại chẳng làm Duy Na.

Kỳ Vức ở đây dịch là Cố Hoạt. Được sanh lên cõi trời Đao Lợi là đệ tử của Ngài Mục Liên bịnh và Ngài dùng thần thông đến để thăm, gặp được chư thiên và đồng ra vườn dạo chơi. Kỳ Vức ngồi xe nhưng chẳng xuống xe để chào mà chỉ chắp hai tay lại thôi. Khi Ngài Mục Liên dừng thì Kỳ Vức hỏi rằng:

Chư thiên thọ lạc say đắm không dừng nghỉ như Ngài thấy. Vậy Tôn Giả có ý cầu gì mà đến đây vậy?

Đáp rằng: Bỏ ăn là chánh.

Mục Liên bay đến trước xe, Đế Thích cùng Tu La chiến thắng, tạo ra thắng đường, thất bảo lầu các, thấy thật là trang nghiêm đẹp lạ. Đòn dông và các chi tiết khác tất cả đều đẹp đẽ. Chẳng thể dính mắc vào đâu mà có thể trụ lại đấy. Đây là do phước báu của Trời và những thần lực đặc biệt mà có được điều nầy. Mục Liên bay lên trên để xem. Đế Thích cùng Mục Liên quan sát xem chốn nầy. Chư Thiên Nữ ngại gặp Mục Liên nên tất cả đều chạy trốn chẳng có mặt. Mục Liên nghĩ rằng: Đế Thích đắm say dục lạc; chẳng tu hành gì lấy làm căn bản, liền biến hóa và thiêu Thắng Đường nầy. Lửa cháy tro tàn. Rồi từ đó rộng nói về vô thường cho Đế Thích nghe. Đế Thích hoan hỷ. Phía hậu đường không bị thiêu; nên đã tập hợp 500 vị La Hán lại, như trước đã nói.

Đức Như Lai dùng phạm thinh để nghe thật sâu xa và dẫu xa đến đâu vẫn là tiếng nói của Phật chứ chẳng khác. Mục Liên muốn rõ biết là độ nghe xa của Phật là bao nhiêu; đi càng lúc càng xa; nhưng nghe cũng rất là gần. Đoạn dùng thần lực bay mãi về phía Tây, qua khỏi hằng hà sa cõi nước; nhưng vẫn nghe tiếng Sư Tử của Phật. Giống như ở gần chẳng khác gì. Bay mãi và dùng hết thần lực nên mệt mỏi và gặp ngay nơi kia đại chúng đang dùng bữa; nên đã lấy bát ra cùng dùng và sau đi kinh hành. Những người ở tại đó hoảng kinh. Vì người nầy nhỏ như đầu con trùn và từ xứ nào đến đây vậy? Phật tại nơi đó bảo rằng: Người nầy ở phía Đông, cách đây vô lượng Phật quốc độ, có một vị Phật gọi là Thích Tôn, là đệ tử số một của Thần Thông, muốn nghe âm thanh của Ngài, chứ đây không phải là loài trùn nào cả.

Niết Bàn nói: Phật cầu thị giả và tâm nghĩ đến A Nan; giống như phía Đông thì mặt trời chiếu sáng, phía Tây thì tường vách...

Ước giáo luận thần thông nghĩa là nương vào Tứ Thiền và 14 loại biến hóa. Nương vào sự quan sát và luyện tập thuần thục, chú tâm tu đủ tất cả vô lậu sự thiền. Hay tạo ra 18 sự biến hóa. Đây là sơ giáo thần thông. Nương vào không để khởi lên trí huệ và lấy không huệ tâm ấy tu các thần thông; tức là Thông Giáo Trung Thần Thông. Rồi lần lượt nương vào tam đế huân tập để được thần thông, triển chuyển thâm nhập qua khỏi Nhị Thừa thì gọi là Biệt Giáo Thần Thông. Nương vào nơi thật tướng có được thần thông; chẳng dùng hai tướng để thấy các quốc độ của Phật. Từ chơn khởi lên; nên chẳng động; chơn ấy biến khắp 10 pháp giới. Đây chính là Viên Giáo Thần Thông... Trong quá khứ từng giúp cho các vị Bích Chi Phật. Cạo tóc, mặc áo cà-sa, phát nguyện được thần thông...

Bổn Tích ấy là bổn trụ chơn đế; nơi định của Thủ Lăng Nghiêm. Hay đối với một niệm mà biến ra 10 cõi, đủ loại thị hiện; để làm cho những Phật sự. Dùng lòng từ bi cho nên Tích ấy là Ngũ Vị Thần Thông để đi vào chỗ nhỏ nhiệm nhất...

Quán tâm ấy là quán đối với một tâm có tất cả tâm. Quán tất cả tâm lại chẳng có các tâm. Tâm chẳng có chẳng không; cho đến tướng thật. Tức là quán về Thông Thông vậy.

Ma Ha Ca Chiên Diên ở đây dịch là Chi Sức, lại dịch là Mạo Thừa. Người ta gọi chữ là Ngộ. Hay nói là Phiến Thẳng, lại cũng có nghĩa là Hảo Mạo. Cũng còn gọi là Kha La. Kha La dịch là Tư Thẳng. Tất cả đều là họ của Ngài, lấy họ làm tên. Trung Tăng Nhứt A Hàm nói: Lành hay phân biệt nghĩa lý và diễn giải đạo giáo thì Ca Chiên Diên là số một. Như Trường A Hàm cũng nói: Có ngoại đạo chấp đoạn kiến, nghĩa là không có đời sau. Nếu hỏi đến 10 lần thì ngoại đạo đều đáp là không có đời sau.

Hỏi rằng: Mặt trời, mặt trăng của người của trời bây giờ là của đời nầy hay đời khác?

Đáp rằng: Không có đời khác tức là chẳng có ngày mai.

Lại hỏi: Ta thấy người chết chẳng sống lại được. Vì sao nói là thọ khổ. Cho nên rõ biết là không có đời sau.

Đáp rằng: Như tội nhơn bị giam, có thể được thả chăng?

Lại hỏi: Nếu sanh thiên, thì tại sao chẳng trở lại. Cho nên biết rằng không có đời khác.

Đáp rằng: Như người bị rơi xuống hầm rồi được ra khỏi, rồi chẳng trở lại hầm chăng? Lại nữa ở trên cõi trời một ngày bằng ở đây 100 năm. Sanh vào nơi kia 35 ngày. Chưa nói việc trở lại của tâm; giả thử có trở lại thì ngươi cũng đã không còn nữa.

Lại hỏi: Khi ta thiêu tội nhơn, rồi che đậy lên đó. Người cai quản chẳng thấy thần hồn xuất ra. Như vậy biết rằng không có đời khác.

Đáp rằng: Con mắt của ngươi ban ngày có thấy được thần hồn của bạn ngươi. Xuất ra sao?

Lại hỏi: Khi ta chẻ xác chết ra chỉ thấy thịt, xương, đi tìm thần hồn chẳng thấy; cho nên rõ biết là chẳng có đời sau.

Đáp rằng: Như con nít bẻ củi ra từng khúc và tìm lửa thì có thấy được chăng?

Lại hỏi: Ta bồng người chết thấy nặng; nếu thần hồn ra khỏi thì nhẹ. Nếu thần hồn không đi khỏi, tức là chẳng có đời sau.

Đáp rằng: Như lửa cùng sắt đốt cháy tức nhẹ, sắt mất lửa đi ròng lại nặng. Con người có thần thức tức nhẹ, khi chết rồi không còn thần thức nữa nên nặng.

Lại hỏi: Ta thấy khi người sắp chết, ngược lại cầu thần hồn chẳng được. Rõ ràng là không có đời sau.

Đáp rằng: Như người chẳng chuyên tâm cầu nguyện thì đều nghe được âm thanh ấy chăng.

Lại hỏi: Ngươi chỉ có phá bỏ, ta chấp điều nầy thật lâu dài, chẳng thể xả bỏ được.

Đáp rằng: Như người cắt cỏ, đầu tiên thấy cây gai, lấy gai. Thứ đến bỏ cây gai lấy vỏ gai. Thứ đến bỏ vỏ gai lấy sợi tơ gai. Kế đến bỏ sợi tơ, lấy vải sợi. Thứ đến bỏ

sợi, lấy lụa. Thứ đến bỏ lụa lấy bạc. Kế đến bỏ bạc lấy vàng và bỏ hết. Vậy lấy hết tại sao chẳng thể lấy hết?

Lại hỏi: Chẳng phải ta đã nói điều nầy, mà nhiều người khác cũng nói như vậy, tại sao nói chẳng phải ta?

Đáp rằng: Cả hai thương nhơn đều gặp quỷ. Quỷ dùng hình tướng người để nói rằng: Con đường phía trước nhiều lúa gạo và chở cỏ đến đó để làm gì? Một thương nhơn liền bảo: Con đường phía trước người, bò đều đói. Vậy thì quỷ đến đó chăng? - Một thương nhân khác nói: Nếu có lúa và cỏ mới thì có thể cho lúa và cỏ. Người, bò tất cả chẳng phải vì quỷ mà ăn. Những người nầy nói dối như quỷ cuồng ngôn. Ngươi chẳng dùng lời của ta, ta thí cho lúa, cỏ. Bây giờ đã được lúa, cỏ mới sao lại chẳng bỏ ra?

Lại hỏi: Ta chẳng thể xả bỏ và khuyên ta, liền sân.

Đáp rằng: Ngươi như người nuôi heo, trên đường đi gặp phẩn, liền quay đầu lại. Trên đường ấy gặp mưa đổ xuống cũng làm dơ đầu; người bạn bảo cho liền sân. Nghĩa là ngươi chẳng phải người nuôi heo mà làm cho ta bỏ cái sân kia được. Như vậy cứ phiên dịch diễn giải rộng ra các nghĩa.

Ngoại đạo liền phục và tán thán rằng: Tôn Giả trước nói về mặt trời, mặt trăng và tôi đã hiểu rõ rồi. Muốn nghe về trí tuệ biện tài cho nên mới chấp vào chỗ dở, khó kia. Nhưng lành thay! Lời nói diệu ngọt. Ngài Ca Chiên Diên đã luận giải rành rẽ nghĩa lý lại cũng như thế.

Trong luật nói rằng: Lành hay giáo hóa về quy giới, làm cho người hay dâm thì thọ giới ban ngày, sau đó thọ quả báo thì mỗi mỗi ngày đêm đều thấy trước được tướng an lạc...

Lại ở trong đời có vị Bà La Môn nói 500 bài luận có thể cùng với ta luận chăng?

Trong 500 luận ấy có Cù Mật Thích. Ở trong nước chưa có ai mà không nghe về lời nói xấu xa như thế. Có Châu Lợi Bàn Đặc đối với người xuất gia lại chẳng phải là người thấp kém. Ngươi nên cùng với 2 người nầy tranh luận. Nếu thắng thì ta và ngươi nên danh. Người đời cho rằng thắng 2 người nầy thì chẳng khó gì. Nếu chẳng phải vậy thì giấu khuất đi. Sau đó gặp Bàn Đặc ở trên đường đi. Hỏi tên gì thì đáp rằng: Ngươi muốn hỏi nghĩa chứ tại sao lại hỏi tên?

Lại hỏi: Ngươi có thể cùng ta luận nghị chăng?

Đáp rằng: Ta có thể luận cùng Phạm Vương, hà huống là ngươi, đồ mù chột chẳng có mắt.

Lại hỏi: Mù tức là không có mắt, không mắt tức là mù, há chẳng phiền sao? rồi Châu Lợi Bà Đặc tạo ra 18 pháp biến hóa.

Liền nói: Người nầy có thể phi thân biến hóa, lại chẳng hiểu rõ. Ca Chiên Diên dùng thiên nhĩ để nghe, liền che Bàn Đặc hiện ra thân như ông ta. Từ không trung xuống hỏi: Người tên họ là gì vậy?

Đáp: Tên ta là Nam Trượng Phu.

Lại hỏi: Nam tức là Trượng Phu; Trượng Phu tức nam, há chẳng phiền sao?

Thế Diễn đáp: Hãy dừng lại ở chỗ tạp luận nầy, có thể luận vào nghĩa sâu hơn rồi hỏi: Có phải chẳng nương vào pháp, được Niết Bàn chăng?

Đáp rằng: Chẳng nương vào pháp ngũ ấm, có thể chứng được Niết Bàn.

Lại hỏi: Ngũ ấm nương vào cái gì để sanh?

Đáp: Nhơn ấy do ái sanh.

Lại hỏi rằng: Làm thế nào để đoạn ái?

Đáp: Nương vào Bát Chánh Đạo tức có thể đoạn được ái.

Thế Diễn nghe rồi liền xa rời trần cấu và theo ví dụ như đã nói.

Ước Giáo luận nghĩa hay nương vào vô thường, khổ, không và vô ngã, phá và đoạn trừ thường kiến v.v... Tối Sơ Giáo luận thì nương vào không, vô sở hữu và bất khả đắc. Phá trừ đoạn thường và ái kiến. Thông Giáo luận nghĩa do Thiên Nữ nói: Ta chẳng có chỗ được, cho nên giải như vậy. Nương vào Tổng Trì Tứ Biện. Quán sát thấy, giả và lấy đó làm thuốc để trị bịnh, phá đoạn thường kiến.

Còn Biệt Giáo luận nghĩa tướng thì nương vào thật tướng cứu cánh, chẳng có chẳng không, phá đoạn thường kiến. Còn Viên Giáo luận nghĩa thì là Ước Bổn Tích. Bổn ấy trụ ở phước đức trí huệ, hai loại trang

nghiêm, hay hỏi hay đáp. Vì thương tưởng chúng sanh. Tích ấy có 5 vị luận nghị sư. Quán tâm, quán trí, cuối cùng phát ra trí tuệ. Trí ấy tới lui, tức là quán tâm luận nghĩa vậy.

A Nậu Lâu Đà lại còn gọi là A Na Luật; cũng còn gọi là A Nê Lư Đậu. Tất cả đều dịch theo âm tiếng Phạn ngày xưa. Ở đây dịch là vô tham, lại cũng gọi là Như Ý hay Vô Liệp. Ngày xưa ở vào năm mất mùa đã cúng dường thức ăn cho một vị Bích Chi Phật; nên trong 91 kiếp được quả báo luôn luôn đầy đủ. Tên là không nghèo, họ của ngài là Kiếp Sơ; do đất, nước, gió thổi mà kết thành thế giới. Ngài từ cõi Quang Âm Thiên sau khi mạng tận sanh vào đây, hóa sanh làm người. Thân có ánh sáng, khi đi giống như bay. Vui vẻ khi ăn uống, chẳng có người nam kẻ nữ nào sánh bằng. Ở trong chúng sanh ra nên gọi là chúng sanh. Tự nhiên có mùi vị của đất. Vị ấy như Đề Hồ; màu sắc như Sanh Tô và ngọt như mật. Vì ăn nhiều cho nên mất ánh sáng, không thể bay được. Người ăn ít thì có ánh sáng yếu. Có chỗ tốt xấu theo tướng ấy; nên có thị phi. Cho đến mất cả mùi vị của đất, rồi ăn đất tự nhiên, da dẻ trở thành tướng xấu xa. Da mát ăn đất bên ngoài rồi chuyển sanh các việc ác. Đất mất thì ăn lúa gạo. Khi ăn lúa gạo thì tướng nam nữ sanh ra rõ ràng và tạo ra chỗ vợ chồng. Vì vậy nên phải tạo ra nơi chốn để giữ lúa. Sau lúa sanh ra trấu. Cắt bỏ đi rồi chẳng sanh ra nữa, chỉ còn có gốc, rồi sanh ra chuyện tranh đoạt. Sau đó lập nên người để giải quyết, gọi là điền chủ để tranh tụng lý luận với nhau. Đây gọi là dân chủ. Dân chủ có con, tên gọi là Trân Bảo. Trân Bảo

có con tên là Hảo Vị. Bắt đầu từ Dân Chủ được mở mang thì vòng vàng tương tục, ngay cả việc lành. Từ Cốc Ma cho đến Tịnh Phạn cả 4 đời đều là Thiết Luân. Tổng cộng lại là 84.210 vị vua. Trong kinh Du Hành thứ 12 nói rằng:

Ở trong kiếp xa xưa có một vị vua sớm mất cha mẹ, lấy nước để thế cho em. Gặp một Bà La Môn. Bà La Môn ấy nói rằng: Ngươi nên trao vương y và họ là Cồ Đàm. Nhơn đây mà theo. Lúc đó người ấy tên là Tiểu Cồ Đàm, trụ ở vườn Cam Giá. Giặc cướp đem đồ cướp được đi ngang vườn nầy, bị tặc tìm đến và bắt Tiểu Cồ Đàm. Bị tên bắn, máu rơi xuống đất. Đại Cồ Đàm buồn lo, thu hốt máu trên đất để vào dĩa và đem về vườn rồi để thần chú 2 bên dĩa ấy. Nếu vị Cồ Đàm nầy thành tâm thì Thiên Thần sẽ biến máu ấy thành người. Trải qua 10 tháng, bên trái thành người con trai và bên phải thành người con gái. Từ đây tộc gọi là Cồ Đàm. Cồ Đàm ở đây gọi là Thuần Tịch, lại cũng còn có tên là Xá Di. Xá Di chính là Tộc họ trân quý. Nhơn lúc đầu của Hiền Kiếp gặp ngay Đức Như Lai ra đời, Cồ Đàm biết thần thức bắt đầu thác sanh. Nếu tìm lại điều nầy thì từ thời Dân Chủ cho đến nay tức thuộc tộc họ Cồ Đàm. Từ đứa con thứ 4 của vua Cốc Ma. Một là mặt sáng; hai là như voi ăn; ba là dẫn đường và bốn là trang nghiêm. Bị thú rượt chạy vào núi tuyết và trốn vào rừng cây ở phía bắc. Người ở đây vui vẻ như ở chợ. Chia biên giới của nước và chức tước thì vua than rằng: Con ta có năng lực và 4 đứa cùng một họ nầy. Lại nữa ở đây đất nầy trồng cây Thích Ca sẽ tươi tốt. Nên ở đây dịch là Trực Lâm, tức là lấy rừng để lập nên nước. Do vậy mà lấy Lâm làm họ. Chữ ngoại quốc có

nhiều hàm ý. Thích Ca lại là Trực mà cũng là Năng. Bây giờ Tịnh Phạn nhận lấy. Sau vua Thừa Trang Nghiêm ấy; Trang Nghiêm tức là Ô Đầu. Ô Đầu sanh ra Ô La Ô Đầu La sanh Ni Cầu La. Ni Cầu La sanh Thi Hưu La; Thi Hưu La tức là Sư Tử Giáp. Sư Tử Giáp sanh Tam Phạn. Hộc Phạn có 2 con. Người con đầu tên là Ma Ha Nam và kế là A Na Luật. Như vậy là cháu của vua Tịnh Phạn và là thứ tử của Hộc Phạn. Là Đường Đệ (anh em chú bác) với Thế tôn, là anh của A Nan. La Hầu La gọi là chú, là những người thân thuộc vậy. Cho nên Chu Công than rằng:

Ta là con của Văn Vương, em của Vũ Vương, cháu của Thành Vương. Trong thiên hạ chẳng có người làm loạn, mà tắm gội nơi 3 kẻ cầm quyền, thật là 3 vị chí thiết. Lễ nghĩa hiền tài như thế, huống gì là người khác.

Trong kinh Hiền Ngu nói rằng: Trong thời kỳ mạt pháp của Phật Phất Sa thì thế gian đói khát, có một vị Bích Chi Phật tên là Lợi Cật, đi khất thực không có bình bát và chẳng được gì. Có một người nghèo thấy vậy mới thương tâm và bạch nói rằng: Ở đây có thể thọ nhận đồ ăn được. Tức liền dâng cúng. Ăn xong hóa ra 18 phép. Sau lại thành vỏ lúa. Có con thỏ chạy đến ôm chạy rồi hóa ra người chết. Đi được nửa đường chờ trời tối về lại nhà. Bỏ xuống đất thành người vàng. Lấy tay chỉ đâu thì sinh ra vô số. Người ác và vua ác muốn đến cướp đi thì chỉ thấy tử thi; nhưng trước đó chỗ nầy ai cũng thấy toàn là vàng quý. 99 kiếp với quả báo đầy đủ như vậy; nên hiệu là không nghèo. Lần sanh nầy thì gia nghiệp giàu có thêm lên, mỗi ngày càng tăng trưởng. Cha mẹ muốn thử

cho nên mang những đồ đựng trống không đến thì thấy trăm vị đều đầy đủ. Ở ngoài cửa mỗi ngày thường có 12.000 người. 6.000 người thì thu nhận của cải tài sản và 6.000 người trả lại. Sau khi xuất gia, bất cứ nơi đâu, người người trông thấy đều hoan hỷ. Nếu muốn có tu như nhà nầy cũng không khác. A Na Luật tinh tấn trong 7 ngày 7 đêm thì mắt mờ chẳng thấy. Mắt ấy là mắt dùng để ăn, tức trong 7 ngày ấy chẳng thấy mắt liền buồn, màu sáng đã mất, nhục nhãn không còn. Phật bảo phải cầu Thiên Nhãn. Sau đó nhớ đến 4 đại tịnh sắc và giữa đầu phát ra, thấy rõ tất cả trong ngoài sáng tối, tất cả đều thấy. Đối trước Phạm Vương nói rằng: Ta thấy Thích Ca trong Đại thiên Thế giới như thấy trong lòng bàn tay. Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Trong Phật Pháp của ta, người có thể thấy bằng thiên nhãn triệt thấu là A Na Luật. Ông là đệ nhứt. Khi A Na Luật mất khả năng nhục nhãn thì Phật cùng với các vị Tỳ Kheo hằng vì đó mà tài bồi. Phật ở tại động Câu Tát Lạ ở nước Xá Vệ, Đức Phật đã cùng với 800 vị Tỳ Kheo vân tập, vì A Na Luật mà may 3 y. Phật tự đo lấy và các Tỳ Kheo thì cắt may; trong một ngày thì hoàn thành. Từ đó Phật rộng nói về người xuất gia thọ nhận và không nhận y như thế nào, thật đầy đủ. Rất nhiều người đắc đạo.

Theo Ước Giáo thì nương vào thiền định nên phát ra Thiên Nhãn. Phàm phu ngoại đạo nương vào vô lậu sự thiền; phát ra Thiên Nhãn. Tam Tạng nghĩa nương vào thể pháp vô lậu huệ, phát ra các hạnh. Nương vào những hạnh ấy phát ra Thiên Nhãn.

Thông Giáo ý nói nương vào chỗ tán thán việc lành, phát ra nhục nhãn. Nương vào định, phát ra Thiên Nhãn. Nương vào chơn, phát ra huệ nhãn; nương vào túc, phát ra pháp nhãn. Nương vào Trung (Đạo) phát ra Phật nhãn.

Biệt Giáo ý nói rằng nương vào thật tướng, phát ra Thiên Nhãn. Thiên nhãn tức là Phật nhãn.

Viên Giáo ý nói lại nương vào sự tán thán những việc lành và nhờ sự tu ấy mà được nhục nhãn. Nương vào tu định; nên sinh ra Thiên nhãn.

Theo Tam Tạng ý nói nương vào không để tu, sinh ra nhục nhãn và Thiên nhãn.

Theo ý của Thông (giáo) thì nói rằng: Lần lượt tu ngũ nhãn.

Còn Biệt (giáo) thì ý nói rằng: Chẳng cần lần lượt tu ngũ nhãn.

Theo Viên (giáo) ý nói Bổn Tích là bổn trụ thật tướng mới thật là Thiên nhãn. Chẳng dùng 2 tướng để thấy những Phật quốc. Tích ấy chỉ cho Bán Đầu Thiên Nhãn.

Quán Tâm cho rằng quán nhân duyên sanh ra tâm lành, tức là nhục nhãn.

Quán Nhân Duyên, sanh ra tâm không, tức là Thiên Nhãn. Quán Nhân Duyên, sanh ra tâm giả, tức là pháp nhãn. Tức là Trung (đạo) tức là Phật nhãn...

Kiếp Tân Na ở đây dịch là Phòng Túc. Cha mẹ cầu đảo nơi phòng và ngôi sao cảm được nên sanh ra con. Dùng Phòng Tinh đặt làm tên vậy. Đây là vị Tỳ Kheo lúc đầu xuất gia chưa gặp Phật. Đêm đầu tiên hướng đến Phật thì gặp mưa, ghé vào trú mưa tại phòng ông thợ làm đồ gốm, lấy cỏ lót ngồi. Tối đến lại có một Tỳ Kheo nữa vào theo sau. Vị Tỳ Kheo đến trước liền lấy cỏ trải trên đất cho ngồi. Nửa đêm lại hỏi muốn điều gì vậy? Đáp rằng: Tìm Phật. Vị Tỳ Kheo kia liền nói pháp. Những lời nói nầy có thể kiểm lại nơi A Hàm. Hốt nhiên được đạo. Vị Tỳ Kheo đến sau ấy chính là Đức Phật vậy. Cùng với Phật, Phòng Túc được pháp thân. Từ nơi được đạo nên có tên là Kiếp Tân Na. Tỳ Sa Môn mang lọng đi sau Kiếp Tân Na. Tỳ Sa Môn ấy là Túc Chủ. Chủ ấy chờ gặp ngôi sao lại cũng như thế. Tỳ Kheo nầy lành chiếm Tinh Túc. Rõ biết được hình thù, từ đó rõ được tên. Tên ấy là Kiếp Tân Na.

Tăng Nhất A Hàm nói rằng: Trong Phật Pháp của ta, lành rõ Tinh, Túc, Nhựt, Nguyệt thì Kiếp Tân Na là đệ nhứt.

Ước Giáo bảo bẻ phá các căn trần ở nhà thì giống như phòng và lầu các Chơn Đế của Phật.

Theo Tam Tạng ý nói rằng: Thể đạt căn trần tức là cùng với Như Lai đồng ở chung trong phòng của Chơn Đế.

Theo Thông Giáo ý nói rằng: Phân biệt 10 pháp giới căn trần phòng xá, tất được thấy Phật.

Biệt Giáo ý nói rằng: Đối với một căn trần phòng xá, tức là thấy tất cả những phòng xá, thấy tất cả Phật.

Tức là ý của Viên Giáo là Ước Bổn Tích. Bổn ấy cùng với Như Lai đồng cùng thật tướng. Tích ấy để chỉ cho các Phòng Túc.

Quán Tâm là quán ngũ ấm xá, bẻ gãy không, tức là không, cùng với hóa Phật cùng ở. Quán ngũ ấm xá tức giả, cùng với báo (thân) Phật cùng ở. Quán ngũ ấm xá trung là cùng với Pháp Phật cùng ở ...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú
Quyển thứ nhất (phần dưới hết)

ꕥ❁ꕥ

Dịch xong phần nầy ngày 18 tháng 1 năm 2010
tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi,
nhân lần tịnh tu, nhập thất lần thứ 7.

ĐẠI CHÁNH TÂN TU
ĐẠI TẠNG KINH

Quyển thứ 34
Thứ tự Kinh Văn số 1718
(từ trang số 1 đến trang 149)

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH VĂN CÚ

Quyển thứ hai
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi ngày 19 tháng 1 năm 2010.

Kiều Phạm Ba Đề ở đây dịch là Ngưu Kha. Trong Vô Lượng Thọ gọi là Ngưu Vương. Tăng Nhứt (A Hàm) gọi là Ngưu Tích. Ngày xưa cách đây 500 đời đã là Ngưu Vương. Trâu sau khi ăn thường hay nhai lại. Với dư báo ấy chưa bỏ hết được; nên thường nhai. Cho nên người đời gọi là Ngưu Kha. Ngày xưa có 500 con chim se sẻ. Có một con thường hay đem hoa quả để dâng lên chim sẻ chúa. Phật trong một mùa hạ có nhận lời cung thỉnh của vua A Kỳ Đạt và đã cùng với 500 Tỳ Kheo phải dùng thức ăn của ngựa. Thế mà chỉ có Kiều Phạm ở trên trời, nơi vườn của Thi Lợi Sa, thọ nhận sự cúng dường của Thiên Vương.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói rằng: Vui ở tại cõi trên, chẳng vui nơi cõi người thì Ngưu Tích Tỳ Kheo là số một. Vui tại thiên thượng nghĩa là theo những dục lạc ở đó; là thế giới Tất Đàn vậy. Nhờ cúng dường cho se sẻ chúa mà phước báu ấy được làm người. Có người chê cười và ở dưới thế cũng có nhiều người cười như vậy... Đây là nghĩa thứ nhứt...

Lại nói: Người ta thường xem hình hài bên ngoài; chứ ít rõ biết cái đức bên trong. Nếu cười một vị La Hán, liền có tội. Muốn tránh cái cười ấy cho nên Ngài thường ở

trên cõi trời. Chư thiên rõ biết cái đức nên chẳng cười về hình tướng ấy. Cho nên hay ở trên trời là vậy. Sau khi Đức Phật diệt độ, Ngài Ca Diếp triệu tập 1.000 vị La Hán và sai bậc hạ tọa đi tìm Kiều Phạm thì Kiều Phạm mới hỏi về Phật và Hòa Thượng của mình.

Đáp rằng: Tất cả đều đã tịch diệt. Liền nói rằng: Phật đi, ta cũng đi; Phật ở ta cũng ở. Phật diệt, ta cũng diệt. Tứ Đạo lưu lại nơi Ngài Ca Diếp, rồi nói kệ chú... Voi lớn đi, voi nhỏ đi theo. Thế Tôn và Hòa Thượng đều diệt độ, thì ta nay trở lại đó để làm gì? Đây là ý nghĩa thứ nhứt.

Ước Giáo nói khi Ngài trụ ở trong vườn của chư Thiên thì thị hiện ra điều lành. Có trâu nhai lại thì đây là thị hiện việc xấu.

Tam Tạng ý cũng như vậy. Dùng sự nhai lại của trâu; nên thân được đạo. Đây để chỉ cho việc ác; nhưng không phải ác. Ở tại cõi trời mà nhai lại thì thể hiện việc lành cũng chẳng phải là lành.

Thông Giáo ý nói: Thị hiện ở các cõi, trong ngoài tốt xấu.

Biệt Giáo ý nói: Chỉ bày ra cái thật tướng của lành dữ.

Viên Giáo ý nói: Bổn Tích ấy là bổn trụ ở Tứ Vô Sở Úy. An trụ nơi Thánh chủ, như Ngưu Vương, là đệ nhứt nghĩa Thiên Tích. Thị hiện Ngưu Kha, vui ở cõi trên trời vậy.

Quán Tâm bảo: Quán với tâm tánh Trung Đạo là cái lý. An ổn yên lặng, tật nầy như gió. Tức là quán Ngưu Vương vậy.

Ly Bà Đa cũng còn gọi là Ly Việt. Ở đây dịch là Tinh Túc; hoặc Thất Túc hay Giả Hòa Hợp. Văn Thù vấn kinh gọi là Thường Tác Thinh. Cha mẹ cầu con ở ngôi sao giờ khuya. Liền được cảm ứng và nhơn đó lấy ngôi sao đặt tên. Tuy là được xuất gia; nhưng vẫn giữ chức cũ. Là Giả Hòa Hợp. Có người dẫn theo luận để giải thích. Ở giữa cái đình thấy 2 con quỷ đang tranh nhau một xác chết. Bảo rằng phải phân chia cho đều, đừng cho hại về ai. Rồi theo sự thật mà đáp. Con quỷ lớn giành chân tay. Quỷ nhỏ lấy những phần khác của tử thi. Ăn xong lau miệng rồi chạy. Do nguyên nhơn phiền não nầy, chẳng đoán được là thân của ai; cho nên nói là Giả Hòa Hợp. Thường hay tạo ra âm thanh để cho người nghi việc nầy biết. Nếu ta thấy được cái thân chính nầy thì bỏ chạy. Nếu là thân kia thì ta theo đó mà đi, đứng. Nghi hoặc, do dự gặp người liền hỏi: Ngươi có thấy thân ta chăng? Cho nên thường hay tạo ra âm thanh. Chúng Tăng nói: Người nầy dễ độ và nói rằng: Thân của nhà ngươi là di thể của người khác, chẳng phải có vậy. Tức thời nhận ra được đạo...

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Khi tọa thiền nhập định, tâm chẳng đảo lộn thì Ly Việt Tỳ Kheo là đệ nhứt.

Ước Giáo nói: Bẻ phá ngũ ấm, chẳng phải là sở hữu của ta.

Tam Tạng ý thì nói: Thể đạt ngũ ấm, gốc ấy chẳng phải có ta, cũng chẳng có cái kia; thấy thực tướng của ấm. Tức là Viên Ý.

Bổn Tích gọi Bổn là trụ ở ngôi sao Tam Muội. Tích ấy dùng để chỉ cho tên nầy.

Quán Tâm ấy là quán tâm nhớ nghĩ đến Phật, thấy 10 phương Phật rất nhiều, như ban đêm thấy sao trên trời vậy...

Tất Lăng Già Bà Sa ở đây dịch là Dư Tập, vốn 500 đời là Bà La Môn, dư khí còn nhiều. Khi qua sông Hằng quát mắng, nước chảy thành hai và Thần sông Hằng đem chuyện nầy thưa lên Phật. Phật ra lệnh phải sám hối. Liền chắp hai tay lại và bảo: Nhải sanh kia đừng giận nữa. Đại chúng cười cho việc sám hối kia. Đức Phật bảo: Cái tập quán gốc ấy thật chẳng phải là tâm cao ngạo.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Ở dưới gốc cây chịu ngồi cực khổ, chẳng bỏ chạy khi bị gió mưa thì Bà Sa Tỳ Kheo là đệ nhứt. Ước Giáo nói: Diệt đi sự kiêu mạn thì không cao ngạo. Tam Tạng ý cũng vậy. Tức mạn nghĩa là vô mạn. Thông Ý cũng nói thế. Phân biệt 10 pháp giới cao thấp. Biệt Ý cũng vậy. Bát Tự Tại thì ta đầy đủ Phật Pháp. Viên Ý cũng vậy. Bổn Tích là Bổn trụ thường, lạc, ngã, tịnh, bát tự tại ngã. Tiếng nói vi diệu. Tích ấy dùng để chỉ cho tâm kiêu mạn, ác khẩu. Quán Tâm bảo rằng: Quán thố, nói lời mềm dịu. Tất cả đều quy về một nghĩa...

Bạt Câu La ở đây dịch là Thiện Dung; hoặc là Vĩ Hình; hoặc là Đại Phì Thạnh; hoặc là Tất Nang; hoặc Lăng Đặng; hay gọi là Mại Tánh. Tướng mạo thường hay đoan chánh cho nên nói là Thiện Dung. Năm 160 tuổi không có ngày nào bịnh. Có 5 lần bị sát hại mà không chết. Sau đó bà mẹ ghẻ bỏ vào nung trong nước và cho cá ăn và dùng dao để chặt phá ra; nhưng không bị chết. Do ngày xưa trì giới không sát sanh; nên mới được vậy. 91 kiếp đời sống không có một ngày nào bị bịnh. Ngày xưa do cúng cho một vị Tăng một trái Ha Lê Lặc; cho nên thân thường chẳng bịnh. Hay giữ một giới, mà 4 giới kia trang nghiêm. Kiên trì chẳng phạm; nên không bị lửa, nước làm hư. Cũng có nhiều người trì ngũ giới mà hay hủy phạm... Thân hay hoan hỷ, tịch tịnh, thường ở nơi an ổn, chẳng vui ở chỗ đông người. Mắt thường thích màu đen, vàng v.v... Tai chẳng vui nghe âm thanh của thế gian. Mũi chẳng ngửi mùi thơm, hôi của thế gian. Lưỡi chẳng hề vì người mà nói một câu hai lời. Ý thường tại thiền định, chẳng tán loạn. Cho đến ở nơi tháp Xá Lợi lại cũng hay vui với việc nhàn tịnh. Khi vua A Dục đi đảnh lễ các tháp của các vị A La Hán, khi đến tháp nầy thì nói kệ rằng:

Tuy tự biết vô minh, đối với đời ít lợi ích; nhưng xin cúng 20 con sò.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Một đồng tiền để mua con sò ấy từ tháp bay ra, đến dính vào chân vua. Chư thần đều kinh ngạc. Tuy là nhàn tịnh thiểu dục mà ngay cả tháp nầy của Ngài cũng còn có cái lực như thế.

Tăng Nhứt nói: Thọ mệnh thật lâu; nhưng chẳng có một ngày bệnh. Thường vui với cảnh vắng vẻ; chẳng ở chung trong chúng thì Bạt Câu La là đệ nhứt.

Ước Giáo nói: Khi tịch diệt nhập vào Chơn Tam Tạng tịch tịnh. Tức là tuyên nói Chơn Thông tịch tịnh, lìa nhị biên, nhập vào trung biệt tịch tịnh. Tức là biên ấy thuộc vào Trung Viên tịch tịnh. Bổn ấy là bổn trụ nơi đại tịch tịnh diệt định. Sống lâu mà thường không có bịnh là vui không chết yểu. Đây là tịch tịnh, là tịnh vậy. Ở nơi 4 đức làm gốc. Tích ấy thị hiện 6 căn tịch tịnh.

Quán Tâm nói: Tâm tánh là Trung Đạo; tức là không, tức là giả, tức là trung, thường, lạc, ngã, tịnh quán vậy.

Ma Ha Câu Hy La dịch là Đại Tất (Đầu gối lớn), là cậu của Ngài Xá Lợi Phất. Do nguyên nhân là luận nghị thắng chị mình. Chị mình khi có thai thì luận không thắng; cho nên biết rằng khi hoài thai mà biện tài như vậy, khi xuất thai lại là dường nào? ... tức thời bỏ nhà đi xuống phía Nam xứ Ấn Độ đọc tụng 18 bộ kinh, lúc ấy người ta đàm tiếu. Đời trước khó rõ thì một đời cũng chẳng xong., rồi tự nhiên than rằng:

Ở nhà thì chị đã hơn mình, khi ra đường thì người ta chê. Cho nên thệ nguyện đọc không ngừng nghỉ và móng tay không cắt. Khi ấy người đời gọi là Trường Trảo Phạm Chí. Sau khi học xong trở lại nhà, hỏi đứa cháu ở đâu thì người nhà bảo rằng đã làm đệ tử Phật. Tức liền nổi giận nói đứa cháu trai của mình, mới 8 tuổi mà đã

chấn động 5 nước tại Ấn Độ. Vị Sa Môn kia có được đạo thuật gì ưu tú mà đã thâu nhận con của chị ta. Rồi qua nơi Phật, suy nghĩ một thời gian lâu; nhưng chẳng được một pháp nào nhập tâm. Bèn hỏi Phật rằng:

Tất cả pháp chẳng nhẫn. Nhẫn ấy tức nghĩa là an. Lời nầy tất cả pháp, ta hay phá tất cả, làm cho chẳng được an. Nói tất cả pháp chẳng nhẫn sao?

Phật hỏi: Ngươi nói là nhẫn phải không? Đây là rơi vào hai chỗ sai. Nếu ta thấy nhẫn trước điều nầy thì nói tất cả chẳng nhẫn. Nếu ta thấy chẳng nhẫn thì không lấy đó hơn Phật.

Liền đó cúi đầu được pháp thanh tịnh. Thân Tử (Xá Lợi Phất) nghe Phật luận với người cậu, liền được quả vị A La Hán.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Được Tứ Biện Tài thật là khó nên nói rằng: Câu Hy La là số một. Vị vua phía Nam xứ Ấn Độ là Tỳ Lưu Tuần Xoa thường hay đến cận kề.

Ước Giáo nói: Bên ngoài thông hiểu Tứ Vệ Đà. Bên trong thông Tam Tạng. Tam Tạng Tứ Biện vậy. Ta không được chỗ biện tài như vậy.

Thông Giáo biện thì cho rằng tên gọi nầy và nghĩa ấy biến 10 pháp giới. Biệt Giáo biện thì nương vào thật tướng để biến tất cả biện. Viên Giáo biện thì: bổn tích ấy chính là bổn trụ, miệng bí mật, miệng tròn bất tư nghì, hóa thành đại định đại huệ. Tích ấy nhằm để chỉ cho cái đầu gối lớn. Quán Tâm nói: Quán tâm tức không, tức

định, tức giả, tức huệ, lấy sự trang nghiêm ấy làm tâm nầy...

Nan Đà lại cũng còn gọi là Phóng Ngưu Nan Đà. Ở đây dịch là Thiện Hoan Hỷ. Lại dịch là Hân Lạc. Trong 100.000 người họ Thích thuộc dòng dõi vua Tịnh Phạn thì Ngài là người xuất gia. Có vị Sư nói: Trong luật gọi là Bạt Nan Đà. Ước Giáo nói: Sự hoan hỷ, lý chẳng hoan hỷ. Tam Tạng ý cũng vậy. Tức là sự hoan hỷ thì lý hoan hỷ. Thông Giáo ý cũng vậy. Hoan hỷ địa, tức là Biệt Giáo vậy. Hoan hỷ trụ, tức là Viên Giáo ý vậy. Bổn Tích nghĩa là Bổn ấy là bổn trụ thật tế, chẳng phải hỷ mà cũng chẳng phải chẳng hỷ. Tích ấy gọi là hoan hỷ. Quám Tâm thì cho rằng: Quán tâm cùng với lý tướng tương tợ tương ưng. Nên gọi là hoan hỷ quán vậy.

Tôn Đà La Nan Đà. Tôn Đà La ở đây dịch là Hảo Ái. Lại cũng có nghĩa là Đoan Chánh. Như trước về Nan Đà, thuộc họ như Na Luật đã nói. Sanh vào ngày mồng 9 tháng 4. Thấp hơn Phật 4 ngón tay, dung nghi chậm chạp, sánh với đời thật là thù dị. Nếu vào trong chúng thì ít có người biết. Nghĩa là nói khi Phật đến.

Di Sa Tắc Luật nói: Ở Ma Kiệt Đà có một ngoại đạo lõa thể rất là thông minh. Mọi người gọi là trí giả, kiến giả. Cùng với Thân Tử (Xá Lợi Phất) luận nghị và lưỡi ấy kết lại việc lành do tâm sanh. Muốn nơi Phật pháp được xuất gia. Thấy Nan Đà sắc mạo đặc thù; nên mới than rằng: Tỳ Kheo nhỏ thấp mà trí huệ còn khó sánh, huống hồ đường đường là một bậc trượng phu! Liền độ cho Nan Đà xuất gia. Người vợ tức là Tôn Đà Lợi thật là đoan

chánh; ăn rồi chẳng cho rời. Phật cùng A Nan trên đường đi khất thực, đến trước cửa, Nan Đà đang cùng với vợ ăn trên lầu cao, liền khởi thân nghinh Phật. Bà vợ nói: Xong! Xin anh trở lại cùng ăn nhé! Sau đó Nan Đà bạch Phật rằng: Loại Chuyển Luân Vương nào tự tiện đến để làm gì? rồi mang bình bát của Phật, bỏ cơm vào. Sau đó Phật trở lại vườn Ni Câu Loại, bảo A Nan là bảo Nan Đà mang bình bát đựng cơm đến. A Nan theo lời dạy của Phật, làm cho ông ta mang cơm đến cúng Phật. Phật ra lệnh cạo tóc và cầm tóc nói: Chớ mang dao đến trên đầu của vua Diêm Phù Đề. Phật không dừng cạo trên mái tóc. Đến ngày mai nhân Phật cùng với 500 Tỳ Kheo được thỉnh và ông yêu cầu được ở lại giữ chùa, có ý đào thoát. Phật ra lệnh đóng cửa và quét nhà. Ông mở cửa Nam Bắc bị đóng và quét sạch chỗ dơ kia. Không chờ Phật trở về, ông liền chạy về nhà. Giữa đường gặp Phật, ông trốn nơi bụi cây. Cây ấy lên cao, chỗ trống Phật thấy và bảo về lại Tịnh Xá. Phật hỏi vì cớ gì mà ông trốn đi. Ông ta liền đáp: Ngày hôm qua cùng vợ chia ly, sợ vợ chờ cơm và nhớ vợ; nên chạy về nhà. Liền đó Phật cho ông lên Thiên Đường và xuống tận địa ngục... cho nên dùng chữ vợ để làm tiêu đề.

Ước Giáo bảo rằng: (tức là luận cứ của những nhà Thiên Thai giáo học) Tục đế có pháp hỷ; chơn đế thì vô hỷ. Tam Tạng Giáo cho rằng: Tục hỷ là chưa hỷ. Thông Giáo cũng vậy. Theo Thông Giáo thì pháp hỷ. Có tục pháp hỷ trong pháp hỷ. Biệt Giáo cũng thế. Tức là thông hỷ đầy đủ tất cả pháp hỷ. Viên Giáo cũng thế. Bổn Tích quán tâm cũng như phía trước...

Phú Lâu Na dịch là Mãn Nguyện. Di Đa La dịch là Từ, Ni Tử. Người cha cầu con với Phạm Thiên ở Mãn Giang. Ngay lúc nước sông đầy, lại mộng thấy bảy bình báu vào đầy những của quý và người mẹ mang thai. Khi mẹ mang thai Ngài, người cha ý nguyện được mãn. Từ đó được toại nguyện. Cho nên gọi là Mãn Nguyện. Mẹ tên là Di Đa La Ni. Ở đây dịch là Từ Hành lại cũng nói là Trí Thức. Tứ Vệ Đà có phẩm nầy, bà mẹ tụng đọc và lấy đó làm tên. Ni đây để chỉ cho người nữ. Thông thường gọi người đàn bà là Ni. Hay gọi đàn ông là Na. Tức là lòng từ ấy sanh ra. Cho nên nói là Từ Tử.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói: Tên cha ta là Mãn. Tên mẹ ta là Từ. Những bậc phạm hạnh gọi ta là Mãn Từ Tử. Từ đây cha mẹ ta có đủ duyên để gọi tên như vậy. Cho nên ta được gọi là Mãn Từ Tử. Người nầy lành rõ kinh thơ nội ngoại, không có chỗ nào mà chẳng biết. Vì biết khắp cả; cho nên gọi là Mãn.

Tăng Nhứt nói: Lành hay rộng nói, phân biệt nghĩa lý, thì Mãn Nguyện Tử là người số một. Phía dưới còn viết: Đối với những người thuyết pháp, là bậc thứ nhứt. Đệ nhứt đây là ý nói để chỉ cho Ngài Mãn Từ Tử vậy. Muốn trở lại quê mình để tạo được lợi ích.

Phật bảo: Nơi nước kia tệ ác lắm, ông biết chăng?

Đáp: Con sẽ nhẫn chịu.

Nếu họ hủy báng, nhục mạ con thì con tự thấy có hạnh phúc, chưa bị mắng. Nếu bị mắng chửi con cũng thấy vui. Vì chưa bị họ đánh. Khi bị đánh cũng còn hạnh

phúc. Vì chưa bị lấy dao chém. Nếu bị đâm chém thì con vẫn còn hạnh phúc, vì lìa được 5 ấm độc khí. Đây là những việc thực hành chữ nhẫn đầy đủ; cho nên gọi là Mãn. Bảy xe (bình) ấy thí dụ như trong kinh nói. Vì thế mà Ngài Đại Trí Xá Lợi Phất xưng tán. Trong tất cả những người tu phạm hạnh, đều đem y tốt dâng lên cúng dường Ngài. Nếu ai thấy được Ngài, đều được lợi ích lớn. Khiến cho hoan hỷ đầy đủ, cho nên tên Ngài là Mãn.

Ước Giáo (Thiên Thai) nói: Bẻ gãy những pháp khác và chỗ biện tài Tam Tạng Nguyện Mãn, thể ấy đạt đến chỗ không. Đối với pháp không được chứng Thông Giáo Nguyện Mãn. (Giáo pháp thứ 2 trong Tứ Giáo của Tông Thiên Thai). Pháp nhẫn đầy đủ; nên Biệt Giáo Nguyện Mãn (Phán Giáo của Tông Hoa Nghiêm). Trụ ở tạng bí mật; nên Viên Giáo Nguyện Mãn (Thực giáo cùng cực của Đại Thừa). Bổn Tích ấy là Bổn nguyện lâu dài đầy đủ. Tích ấy ý nói là đệ nhứt, để chỉ cho trí thức của chúng sanh.

Quán Tâm đây như người trong chỉ quán, thực hành cái lý cùng với thiện tri thức quán vậy.

Tu Bồ Đề ở đây dịch là Không Sanh. Khi ông sanh ra thì trong nhà kho và các đồ đạc, tất cả đều trở thành không. Hỏi người đoán tướng thì được bảo rằng tốt. Nhơn từ không mà sanh; cho nên tên là Không Sanh. Do từ y báo mà dĩa, chén đều không. Lấy tên là Chánh Báo. Y chánh đều tốt.; cho nên nói là Không Sanh. Thường tu về hạnh không; cho nên nói là Thiện Nghiệp. Lại hay

cúng dường; cho nên được hiện báo. Nên gọi là Thiện Kiết. Thường hay vui chơi nơi rừng vắng, hang đá và những chỗ yên tĩnh. Chỗ tu hành lấy không làm chính; cho nên thường nhập vào Không Định và trụ ở Vô Chánh Tam Muội. Hay vui nói pháp không. Nếu có chỗ biện luận, cũng đều phân biệt về không. Hay giúp đỡ cho chúng sanh, chẳng lấy làm phiền lòng. Khi đi cũng giống như đứng và khi đứng cũng giống như đi. Khi Phật từ cõi trời Đao Lợi vừa về lại mặt đất thì ông đến đảnh lễ trước. Khi ngồi các nơi hang đá, ông cũng nhớ quán đến pháp không. Không có hình tướng để thấy Phật; cho đến thức cũng không thấy Phật, mắt cũng chẳng thấy Phật; cho đến ý cũng chẳng thấy Phật, mặc nhiên ngộ đạo. Phật bảo Bà Liên Hoa Tỳ Kheo Ni rằng: Chẳng phải bà là người đến lễ trước. Bà chỉ lễ sắc thân. Còn Tu Bồ Đề đã thấy trước pháp thân ta.

Ước Giáo nói: Tự chính mình diệt sắc, nên không trí sanh; thể sắc không trí sanh. Từ hữu trí sanh không trí. Từ không trí sanh tục trí. Từ tục trí sanh trung trí. Không Sanh tức là Hữu Trí. Đây là Viên, không trí sanh, mà Viên nầy không trí sanh. Bổn ấy là bổn trụ thật tướng pháp thân. Tích đây dùng để chỉ cho hiện ra không mà sanh. Quán tâm thì cho rằng chẳng phải ở trong, ngoài, ở giữa. Chẳng tự có. Đây chính là quán tâm pháp thân vậy.

A Nan ở đây dịch là Hoan Hỷ; hoặc Vô Nhiễm. Tịnh Phạn Vương (Bác) muốn Thái Tử làm Kim Luân Bá để lo cho Tông Miếu. Nhưng hốt nhiên bỏ nước, làm cho nhà vua lo rầu chẳng nguôi. Ma quỷ đến phá con của Ngài

phải chết. Nhà vua khóc than rằng: A Di nói tức tướng ấy không hay, lại chẳng có kinh nghiệm. Lại có vị Trời đến bảo rằng: Con của Ngài đã thành Phật. Nhà vua nghi chẳng tin. Sứ trời báo tin rằng: Đêm trước đất trời chuyển động mạnh, Thái Tử thành Phật. Nhà vua quá vui mừng. Bạch Phạn Vương (Cha của Ngài A Nan) tâu rằng: Con (của em) sanh ra cả nước vui mừng. Nhơn đây đặt tên là Hoan Hỷ. Đây là do cha mẹ đặt cho. A Nan đoan chánh ai thấy cũng vui.

Phật bảo đắp y phải che vai lại. Có một người nữ thấy tướng Ngài đẹp; nên rủ đến giếng. Nhìn Ngài A Nan mắt chẳng rời, thình lình dùng dây cột lại.

Trung A Hàm nói rằng: Tứ chúng nếu nghe A Nan nói, dù ít dù nhiều, chẳng ai là không vui. Muốn hỏi điều gì thì trước tiên tiếng nói ấy rõ ràng, đại chúng nghe rất hoan hỷ. Tứ chúng nếu thấy khi đi, đứng, nằm, ngồi đều yên tĩnh và các phần như đến, dừng, động, chuyển v.v... tất cả đều hoan hỷ. A Nan sanh ngày mồng 8 tháng 4 là ngày Phật thành đạo (Tam hợp gồm: Đản sanh, thành đạo và nhập Niết Bàn chung một ngày). Làm Thị Giả cho Đức Phật trong 25 năm. Lúc ấy Đức Phật 55 tuổi; và Ngài A Nan 25 tuổi. Đức Phật yêu cầu Ngài làm thị giả trong 500 vị như đã nói ở trước. Chúng khuyên A Nan và A Nan thuận theo. 500 vị (Tỳ Kheo) hoan hỷ. Ngài Mục Liên lo ngại cho A Nan ba lời nguyện. Phật bảo:

Phàm là người tri thức thì chẳng tìm cầu để thọ nhận việc ăn mặc. Muốn vì chuyện lợi ích khác, thì vào ra

(phòng) lúc nào cũng được. Phật ấn chứng và hứa khả, rồi Phật bảo rằng:

A Nan trong quá khứ đã từng là Thị Giả rồi. Trong quá khứ nhờ làm Thị Giả, nghe nói mà rõ nghĩa. Bây giờ Phật chưa nói ra thì A Nan đã rõ ý của Như Lai. Việc nầy chẳng cần làm mà tất cả có thể đều rõ biết. Cho nên nói là phú pháp cho A Nan. Như Lai hoan hỷ. Tứ Thiên Vương cúng những bình bát cho Phật. Phật để dồn hết tất cả thành một bình bát. Bốn duyên hợp lại mà thành bát lớn nầy. A Nan hoan hỷ mang bình bát chẳng biết mệt nhọc.

Trung A Hàm quyển 7 nói rằng: A Nan làm thị giả Đức Phật 25 năm. Đã nghe được 80.000 Kiền Độ, đều tụng thuộc chẳng bỏ sót bài nào. Chẳng hề hỏi lại một câu. Nhớ nghĩ niệm lực hoan hỷ. A Nan theo Phật vào cõi chư Thiên, loài người và cung rồng. Thấy Trời, Người, rồng nữ tâm không nhiễm trước. Tuy chưa dứt hết sự suy nghĩ; nhưng không thể nhiễm. Tất cả Trời, Người, Long Thần không ai mà chẳng hoan hỷ. Sau khi Phật diệt độ, tại giường Sư Tử, Ca Diếp trước Đại Chúng than rằng:

Mặt như mặt trăng tròn
Mắt như hoa sen xanh
Phật pháp như nước biển
Chảy vào tâm A Nan

Tự thệ nguyện và ngồi như thế để nhập Niết Bàn. Đứng thì sợ xa xe, sinh lo. Tiến tới thì sợ vua A Xà Thế sinh ra lo lắng đối với sông Hằng. Nên đã nhập vào gió

Tam Muội rồi phân thân ra 4 phía. Một lên trời; một cho loài rồng; một cho thành Tỳ Xá Ly và một cho vua A Xà Thế.

Khi vua A Dục lễ tháp của Ngài A Nan, cúng vào đó hàng ngàn vạn lượng vàng và dùng kệ tán thán rằng:

Hay gìn giữ pháp thân
Đàn pháp giữ pháp trụ
Nhớ rộng như trí Phật
Nên thiết lễ cúng dường

Nhớ nghe và gìn giữ; miệng nói ra lời vi diệu. Cho nên Đức Thế Tôn thường hay tán thán. Trời, Người rất yêu quý.

Tăng Nhứt (A Hàm) nói rằng: Rõ biết sáng suốt tất cả vật, đến đi vô ngại chỗ nhớ nghĩ, không quên. Đa văn học rộng, sâu xa gìn giữ thì A Nan là đệ nhứt.

Ước Giáo nói: Hoan hỷ A Nan. Tam Tạng cũng vậy. Hiền giả A Nan. Thông Giáo cũng nói vậy. Diễn Tạng A Nan. Biệt Giáo cũng nói thế. Hải A Nan, Viên Giáo nói vậy. Bổn Tích thì gọi bổn là trụ ở chỗ phi hoan hỷ, phi bất hoan hỷ. Pháp thân như hư không. Trí huệ như mây mưa. Hay giữ gìn, hay thọ trì. Tích ấy là hoan hỷ vậy.

Quán Tâm cũng tương tợ như vậy, tức không, tức giả, tức trung tương ưng. Cho nên quán tâm hoan hỷ. Cho đến chơn quán giống nhau...

La Hầu La ở đây dịch là Phúc Chướng. Ngày xưa là chuột ở trong hang. Lại chẳng thấy Bà La Môn trong 6 ngày. Do duyên nầy cho nên gọi là Phúc Chướng. Khi

Thái Tử cầu xuất gia, vua cha chẳng cho mà còn khuyên nên đừng. Vua nói: Nếu ngươi có con, thì cho ngươi xuất gia. Bồ Tát chỉ vào bụng của Vương Phi và sau 6 năm thì bà sanh ra đứa con trai. Ở tại thai 6 năm; cho nên gọi là Phúc Chướng.

Chơn Đế Tam Tạng nói: La Hầu tên chính là Tu La, hay lấy tay che ánh sáng mặt trời, mặt trăng. Ở đây dịch là Chướng Nguyệt.

Phật bảo: Phật Pháp của ta như mặt trăng. Đứa bé nầy gây chướng, ta chẳng thể xuất gia, đời đời làm chướng ta. Còn ta đời đời có thể xả bỏ; cho nên nói là Phúc Chướng. Sau khi Phật xuất gia thì Gia Du có thai, các vị Trời đều giận, vì nhơn duyên gì mà có việc nầy? nên muốn trị việc ý dục nầy và loại bỏ việc tiếng xấu kia khi bị chửa hoang. Người mẹ nhọc nhằn mang Tỳ La, việc sai quấy nhỏ ấy để chứng minh. Nhơn đó đốt lửa trong hầm và phát ra thệ nguyện lớn. Nếu ta không phải là mẹ con thì đều chết. Nếu là chơn thật thì chư Thiên làm chứng cho. Nhơn đó bồng con bỏ vào lửa thì lửa kia biến thành hồ hoa sen, rồi đảnh lễ. Vua và quốc dân lại chẳng nghi ngờ việc này. Sau khi Đức Phật trở lại quê hương thì Gia Du ra lệnh cho La Hầu hầu Phật, hoan hỷ tròn đầy.

La Hầu hỏi một cách ấu trỉ trước Đại Chúng rồi đến trước Phật. Gia Du lấy đó làm giận và chê bai. Chê là do có con; cho nên nói là Phúc Chướng. Vua cha hoan hỷ tuy mất mà người cha nầy lại được con nầy. Người cháu ấy là Kim Luân, ta lại giận ư. Nhớ lại khi lớn lên theo lời

vị Thần thì Phật sẽ bảo xuất gia. Nhưng vua cha thì chẳng chịu. Gia Du bỏ lên lầu cao định nhảy xuống. Mục Liên bay lên hư không giữ lại. Phật độ cho xuất gia và giao cho làm đệ tử của Ngài Xá Lợi Phất. Khi xuất gia rồi thì ngôi vua không còn nữa; cho nên nói là Phúc Chướng. La Hầu khi còn làm Sa Di thường hay nói dối. Ví dụ Vua chúa, Đại thần, Bà La Môn, Cư sĩ đến để gặp Phật thì La Hầu đáp là chẳng có, làm cho rất nhiều người không được thấy Phật. Cho nên đây gọi là Chướng. Ngoài ra do vọng ngữ nầy mà Đức Phật muốn dạy cho La Hầu La lấy nước để rửa chân. Ba lần rửa chân 3 lần giơ chân lên và sau đó Đức Phật hất chậu, nước đổ ra mặt đất và bảo La Hầu hốt nước lại.

La Hầu thưa: Nước chảy ra ngoài không thể hốt được.

Phật bảo: Ngươi cũng như cái chậu rửa chân kia. Đức Phật với Pháp giống như nước ấy, mà không thể giữ lại được. Bây giờ ngươi phải nói lời chơn thật, chớ có nói vọng ngữ.

Sau đó siêng năng tu học nhưng chẳng thu hoạch được nhiều, cho nên mới hỏi Phật. Phật bảo: Ngươi đã vì người khác nói về ngũ ấm chưa?

Đáp rằng: Chưa.

Nên vì đó mà nói và sau đó lại hỏi.

Ngươi đã nói 12 nhập chưa? Đã nói 18 giới chưa?

Sau khi nghe Phật giảng pháp liền đắc đạo. Nếu muốn rõ chỗ đạo, phải hay vì người khác mà nói pháp. Nhơn đó nói pháp rộng ra và sau đó mới nhận ra được lẽ đạo. Đây là Phúc Chướng (sự che đậy chướng ngại). Khi đã được rõ đạo rồi, thấy ái dục đều không ham muốn. Ba cõi sanh đã hết; cho nên nói là Phúc Chướng. Ba cõi sanh đã hết; nguyện chẳng thể xong; cho nên gọi là Phúc Chướng. Phật ra lệnh cho 4 vị La Hán lớn là không được diệt độ, chờ cho pháp của ta tận diệt hết đã. Do đây mà còn ở lại và cho đến bây giờ vẫn chưa được vào Vô Dư Niết Bàn; cho nên nói là Phúc Chướng...

Ước Giáo cho rằng: Bẻ gãy pháp Đạo Đế Chướng thì ở Tứ Trụ. Tam Tạng ý cũng vậy. Thể pháp đạo đế chướng tứ trụ. Thông Giáo cũng như vậy. Lần đến tam trí chướng ngũ trụ. Biệt Giáo cũng vậy. Nhứt tâm tam trí chướng ngũ trụ. Viên Giáo cũng vậy. Bổn Tích là bổn trụ trung đạo chướng. Lìa nhị biên, 8 loại chướng chướng Niết Bàn biên. Một loại chướng chướng sanh tử biên. Một loại chẳng phải chướng sanh tử, chẳng phải chướng Niết Bàn, chứng Vô Dư. Quán Tâm thì có thể giải thích như trước...

Sáu điều nầy gồm lại thành các sở tri thức; hoặc nói chỉ rõ có thức. Hoặc nói nghe danh và rõ biết thấy hình; nên gọi là thức. Thấy hình là rõ biết việc thấy tâm; nên gọi là thức. Bổn ấy chính là cái gốc của chúng sanh tạo ra đầy đủ cái chữ tri thức. Tích ấy là nửa chữ của tri thức... Quán hành tri thức như chỉ quán nói là đa tri thức chúng cảnh. Lần đến là tiểu tri thức. Lại có học và vô học

2.000 người câu hội. Ở đây cử ra những người sáng suốt, mà còn chẳng tán thán hết cái đức ấy, huống hồ là những người ít tri thức. Thánh và phàm khó gặp nhau. Lại cũng không phân biệt được tri thức nhiều hay ít. Đặc biệt chỉ hy vọng có những người cao cả từ xa đến dẫn theo nhiều người hiểu biết.

Theo trong Tạng gọi những người ẩn cái đức, thì lùi lại việc hộ trì để gìn giữ Thiểu Thức. Còn tùy thuận chúng sanh cho nên có sai, thì chẳng phải lấy đó làm đa thiểu, mất tích nơi gốc nầy. Học vô học, trong Tam Tạng có đến 18 loại người. 9 loại người Vô Học. Thông Giáo ở ngũ địa, tất cả đều gọi là học. 6 địa gọi là Vô Học. Lại nữa Thông Giáo 9 địa gọi là học. Phật địa thì gọi là Vô Học. Trong Viên Giáo học là đầy đủ công dụng hay không công dụng; hoặc là hoàn toàn đầy đủ hay chẳng hoàn toàn đầy đủ. Để làm sáng tỏ chỗ học và vô học A Hàm nói rằng:

Ngoại đạo hỏi Phật rằng: La Hán còn học chăng?

Phật bảo: La Hán không còn tạo ra các pháp ác nữa, trụ ở nơi pháp lành. Nên học và vô học, gọi đây là học. Nhưng cũng có người gọi đây là vô học. Người học ấy đoạn bỏ chỗ nhỏ, lại cũng chẳng cần bỏ. Đây gọi là Vô Học. Bốn câu nầy tựu chung là 5 phương tiện của phi học và phi vô học. Rồi 5 câu ấy, theo Ước Giáo 4 câu lại cũng như vậy. Trong 20 câu ấy theo Bổn Tích là bổn pháp thân của Đại Sĩ. Ở ngôi học và vô học đầy đủ với chữ nầy. Còn chúng sanh chỉ lấy nửa chữ của người học và vô học để trang nghiêm nơi cây Sa La vậy. Quán ấy là

chánh quán Trung Đạo. Chẳng duyên vào hai bên hay ở giữa; tức là Vô Học. Hay quán như thế, ở đây gọi là học. Nếu tựu chung quán môn minh số là quán tâm sắc đủ 10 pháp giới và 10 như thị. Thì giới ấy hỗ tương luận cứ. Tức là đầy đủ 2.000. Cùng với Tích; cho nên là cái đích của bổn pháp. Tích ấy chính là Bổn Tích nầy. Kế tiếp ví dụ về Ni Chúng.

Ngày xưa lấy ví dụ nầy như trước chia 2 Chúng; nay thì không còn. Nếu như ví dụ trước thì có đa thức và thiểu thức gồm 2 loại. Lại nữa câu văn không có nghĩa cũng không thể được. Do vậy mà đưa ra 2 chúng làm chính. Phải hoàn chỉnh thế nào về cách gọi: lớn, nhỏ, nhiều, ít đây?

Đầu tiên nói về Ba Xà Ba Đề.

Ở đây dịch là Đại Ái Đạo. Lại còn tên là Kiều Đàm Di. Dịch là Chúng Chủ, là vị Ni của Ấn Độ, tên nầy người nữ hay dùng. Cái gốc của bà là ở nơi pháp môn của Trí Độ. Tích ấy là làm mẹ của 1.000 vị Phật. Là vị Thầy sinh ra và dạy dỗ. Theo Quán Thích thì Trung Quán quảng bác cho nên gọi là Đại. Vô Duyên Từ nên gọi là Ái. Trung Lý hư thông nên gọi là Đạo. Đại đây nghĩa là tự làm việc yêu thương tức là để dạy dỗ cho người khác. Giống như dùng ái ấy; cho nên mới thọ sanh. Lòng từ ấy là lịch thiệp, có đạo; tức là thông qua việc tự mình làm và dạy dỗ cho kẻ khác làm theo. 6.000 lần như vậy. Quán Môn nói: Quán 6 căn thanh tịnh, đầy đủ 1.000 công đức, riêng mắt có 800; tai có 1.200. Từ nhiều cho đến ít, đầy đủ là 6.000 pháp môn chính. Lại là quán hạnh ý vậy.

Mẹ của La Hầu La, bà Gia Du Đà La, lấy con làm chỗ dựa cho mẹ. Ở đây dịch là Hoa Sắc. Lại còn gọi là Văn; hoặc gọi là Vô Phiên. Là người ôn hòa hiền thục, đức hạnh đối với Thái Tử. Khi còn tại gia là vợ của Bồ Tát. Trời người đều biết. Khi xuất gia ở trong Ni Chúng là vị đứng đầu ở bậc Vô Học. Há đây chẳng gọi là Văn Chúng hay sao? Trong Thập Nhị Du Kinh kể đến 3 bà vợ (của Thái Tử). Bà thứ nhứt là Cồ Di, bà thứ hai là Gia Du và bà thứ ba là Lộc Dã. Chưa có gì để kiểm chứng lại được. Tất cả đều nói La Hầu La là con của Cồ Di. Niết Bàn và Pháp Hoa tất cả đều nói là con của Gia Du. Hai nghĩa ấy cái nào đúng? hoặc có thể căn cứ vào kinh kia để gọi là Đại Mẫu. Ở đây nói về chỗ sanh ra. Thích Luận nói Cồ Tỳ Đà là bảo nữ không mang thai, lại là Cồ Di. Ở đây dịch là Minh Nữ. Cho nên biết rõ (La Hầu) là con của Gia Du.

Bổn Tích nói: Vợ tức là Tề (đầy đủ) ! há lại có chỗ đất đai rộng rãi tốt đẹp để làm vợ Thái Tử. Cho nên phải biết bổn trụ ấy là tịch định vi diệu pháp hỷ. Tích ấy là vợ của Đức Phật. Bi Hoa nói rằng:

Bảo Tạng Phật thệ nguyện làm vợ; quán không vô lậu pháp hỷ tức là Lộc Dã lấy làm vợ. Quán giả đạo chủng trí pháp hỷ; nên lấy Gia Du làm vợ. Quán Trung pháp hỷ; nên lấy Cồ Di làm vợ. Như bên trên đã phân tích rõ về bổn tích quán tâm. Bây giờ lần lượt tổng luận. Làm hiển bày quyền thật, khúc chiết, dối hư và làm rõ quán hạnh rõ ràng.

Phàm trong Thủ Lăng Nghiêm có đủ loại thị hiện, chỉ rõ căn tánh và chỗ nào chẳng phải. Nay luận gần thì: sanh vào chốn vương cung, giáng thần làm bá Thánh, pháp thân là Bồ Tát. Tất cả đều để giúp cho Phật hành hóa, tỏa sáng hình ảnh cho cả nhà. 32 tướng đoan nghiêm đẹp đẽ. Những bậc Đại Sĩ đều xuất sanh chốn ấy; hoặc từ không trung cho đến mưa báu, xuyên qua việc biện tài thông thái trong giấc mộng. Hoặc khi Hoàng Thái Tử bỏ nước xa vua, ra khỏi thành học đạo. Các bậc Đại Sĩ ấy tất nhiên tìm thầy học nghề. Tài nghệ lưỡng toàn, không ai hơn Ngài. Khi chuyển pháp luân lần đầu, như suối cam lồ chảy. Khi nghe những bậc Đại Sư hóa duyên chưa thuần thục, chẳng cùng, chẳng giữ, phân chia chỗ lễ bái tôn sùng đạo chơn thật của ta. Rồi hay giáo hóa để hoàn thành như sữa. Nếu chỗ hóa duyên đã thành thục cũng giống như dây tơ tằm dễ nhuộm. Hoa nở sớm nơi ao. Kẻ phàm thành Thánh, chuyển sữa thành lạc. Đối với Thầy Tổ Tông Môn, là đệ tử thượng thủ của Đức Phật. Cả trí tuệ thần thông, biện tài tam muội, mỗi mỗi đều đứng đầu. Cùng chuyển bánh xe pháp để độ cho những người đã thuần thục rồi, càng thuần thục hơn nữa. Ngồi ở nơi Phương Đẳng, nghe những công đức bất khả tư nghì của Bồ Tát. Há xấu hổ với cái nhỏ và nhớ đến việc lớn! Nếu xấu hổ với việc nhỏ thì phải tự trách. Mất đi nơi vô lượng tri kiến của Như Lai mà mong chỗ lớn, tức là chưa rõ biết. Nên nói rằng: Làm sao được vô thượng trí huệ của Phật. Giống như chuyển lạc thành Sanh Tô.

Tiếp đến nghe Bát Nhã Ma Ha Diễn Môn. Đầu tiên trải qua sắc tâm và cuối cùng đến nơi chủng trí. Gồm cả lớn nhỏ vào trong ra ngoài. Hoặc cùng hoặc khác hoặc góc hoặc tròn đầy; phụng mệnh lãnh đạo rõ biết mà không có hy vọng nắm giữ.

Tuy là chưa đốn xả, dần đến thông thái. Như chuyển Sanh Tô thành Thục Tô. Lần đến nghe Pháp Hoa, đủ thiên tánh. Quyết định thọ ký cho con, phú cho pháp Đại Thừa và phế bỏ 3 (Thừa) về một. Như ngoài 4 vị ấy chỉ đồng là Đề Hồ. Chẳng làm cho một người riêng được diệt độ, mà tất cả cùng được diệt độ giống như Như Lai. Pháp Vương, Pháp Thần vì đại sự ra đời, dùng phương tiện thiện xảo. Đầu tiên dùng nửa chữ Pháp, phá bỏ 25 cõi trói buộc. Thành đạo và Niết Bàn nơi Song Lâm là làm lợi ích cho chúng sanh. Sau đó dùng đến nửa mãn pháp. Phá nhị thừa độc thiện, thành Bồ Tát một cách quảng đại. Thành bốn (giai đoạn) tốt đẹp ở chốn Song Lâm, làm lợi ích Thánh Nhơn. Sau đó hay thường dùng đủ một chữ. Phá nhị biên sau trước. Sự thành ấy chẳng khô, chẳng tươi tốt mà nhằm làm lợi ích cho Tạng bí mật cứu cánh của Phật. Đây là sự tốt đẹp thành tựu của chủ tướng. Lời nguyện to lớn đã tròn đầy; cho nên Thân Tử (Xá Lợi Phất) Mục Liên ở nơi Pháp Hoa mà hóa. Thánh chủ chuộc mạng lại chẳng dài lâu. Kinh rằng:

Như lời thệ nguyện chính của ta, nay đã đầy đủ rồi. Như Lai còn chẳng bao lâu nữa là vào Niết Bàn. Tự nói lời ấy rồi bắt đầu từ nơi đây, có 20.000 ngọn đèn của Phật Ca Diếp cùng với tất cả cứu cánh của Pháp Hoa làm

cho tất cả Thầy trò đều trải qua đây mà phát tích. Bên trong thì bí mật hành Bồ Tát đạo. Bên ngoài thì hiện ra hành động của Thanh Văn. Ta từ thành Phật đến nay trong vô lượng ức kiếp, tìm điều nầy ở các bậc A La Hán từ pháp thân địa theo ảnh tùy duyên, chứa nhóm vạn lần như nước. Vì kẻ học và vô học mà tạo ra nam hay nữ để chỉ cho người tu hay kẻ tục. Thủ Lăng Nghiêm lực theo đó mà chẳng hiện. Phương tiện quyền xảo, lành hay làm như vậy...

Nói tổng quát rõ ràng về quán thì như trên từ Thầy truyền cho trò là làm chuyện biến hóa pháp thân. Nếu không quán về phương tiện thì với hành nhơn ấy thật vô ích. Như người tham lam của cải giàu có chất đống; cũng giống như người mù cố chấp vậy thôi. Nếu mà tâm số nhiều thì trở ngại cho Ước Thiện số. Như trong đệ tử cử ra 10 vị. Số 10 ấy tốt; nghĩa là: Tín, Tấn, Niệm, Định, Huệ, Hỷ, Ỷ, Xả, Giác, Giới. Đây là 10 điều bổ sung cho tâm vương để có thể các ác thành thiện. Biến phàm thành thánh cùng với tất cả các pháp môn. Thường lấy 10 tâm nầy làm gốc. Cũng giống như 10 đệ tử đã giúp Phật hành hóa để thuần thục chúng sanh, xây dựng Phật pháp. A Na Luật thuộc về Thiên Nhãn đệ nhứt. Mắt ấy là đứng đầu của 5 căn.

Như trong các phương hướng thì phía Đông là trên hết. Vì lòng tin ấy khởi đầu nên đã đến với Phật Pháp.

Tấn ấy là sự siêng năng mà Ngài Ca Diếp thuộc đầu đà đệ nhất. Phấn chấn chuyên cần cực nhọc là đối với vấn đề tinh tấn vậy.

Còn niệm ở đây tượng trưng cho Ưu Ba Ly thuộc trì luật đệ nhất. Niệm lực ấy thật là kiên cường, luôn luôn nhớ giữ chẳng hề quên.

Định đây đối với Ngài Mục Liên là thần thông đệ nhất. Huệ ấy là đối với Thân Tử (Xá Lợi Phất) thuộc trí tuệ đệ nhất. Tất cả đều có thể giải nghi.

Hỷ ấy thuộc Ngài A Nan, là đa văn đệ nhất. Đa văn để phân biệt sự vui vẻ. Lạc ấy cũng chính là hỷ vậy.

Ỷ ấy là Ngài Ca Chiên Diên, luận thể cùng cực cho tới chỗ nhỏ nhiệm cùng tận, dùng lý luận để trừ tà hiển chánh. Như việc lìa ác để được thiện; bỏ khổ vào vui.

Xả ở đây có Ngài Thiện Kiết (Tu Bồ Đề) thuộc giải không đệ nhất. Hay trụ ở không cũng giống như sự xả bỏ vậy.

Giác ấy là đối với Ngài Phú Lâu Na, thuộc về thuyết pháp đệ nhất. Giác là nói lời căn bản. Lập nên căn bản rồi biện thuyết vô cùng.

Giới đây là đối với Ngài La Vân (La Hầu La), là người giữ giới đứng đầu.

Tất cả đều đã rõ. Mười vị ấy phù trì cho tâm vương để trở thành quán hạnh. Ở trong một niệm sâu vào pháp lành, đầy đủ Tam Bảo. Vua ở đây tức là Phật Bảo cùng với Tăng Bảo. Sở duyên vào thật tế, không có vua, không có số lượng là Pháp Bảo. Khi nhập vào chỗ thật tế ấy thì sẽ dùng được công lực đầy đủ của Vua.

Lại nữa cùng với đại địa 10 số ấy cùng với tâm vương đều khởi lên. Nhập thiện, nhập ác rồi biến thông hết tất cả. Nghĩa là: Tưởng, dục, xúc, huệ, niệm, tư, giải thoát, ức, định, thọ.

Tưởng đây là đối với Ngài Phú Lâu Na, tưởng được giả danh. Người nầy lành được giả danh, biện tài vô ngại

Dục đây là đối với Ngài Ca Diếp. Ngài Ca Diếp không có cái dục nhiễm của thế gian, mà dục ấy đối với vô vi.

Xúc đây là đối với Ngài Ca Chiên Diên. Xúc nhập 2 loại ấy liền hòa vào nhau. Chiên Diên hay luận nghị, có thể đến chỗ qua lại tận cùng nầy.

Huệ ấy tức là Thân Tử (Xá Lợi Phất) có thể giải rõ tất cả.

Niệm nầy đối với Ưu Ba Ly. Luôn luôn nhớ việc giữ gìn giới luật là trên hết.

Tư đây là Ngài La Vân (La Hầu La). Nhớ về những hành ấm. Người nầy thực hành việc trì giới.

Giải thoát ở đây là đối với Thiện Kiết (Tu Bồ Đề). Thoát ấy có nghĩa là không tích chứa. Người nầy giải không; nên được thoát.

Ức đây là đối với Ngài A Na Luật. Nhớ những việc làm phát ra rồi giữ cảnh, tu thiên nhãn và dễ ở nơi Tam Ma Địa.

Định đây là đối với Ngài Mục Liên, tất cả đều thông suốt.

Thọ đây là đối với Ngài A Nan, đa văn lãnh đạo chẳng khoa trương.

Mười vị ấy mỗi vị đều đầy đủ những cái đức và hướng dẫn người đến chỗ chuyên môn, rồi giải rõ con đường của Phật, tùy theo ý muốn của chúng sanh.

Dục Huệ đây chính là Thầy Thân Tử (Xá Lợi Phất). Cho đến Dục Đa Văn là Ngài A Nan đã cùng giúp cho đấng Pháp Vương mỗi tay và mỗi công việc. Làm cho quán tâm cũng lại như vậy. Trong mỗi mỗi tâm ấy tất cả đều đủ Vương Số để thành sự quán sát. Cho nên Vương Số ấy giúp cho nhau để giữ lấy việc khai ngộ. Hoặc đối với Tưởng Số nhập đạo; hoặc đối với Dục Số nhập đạo. Tùy theo người tuyên dương mà tâm vương và tâm số ấy hợp lại với nhau. Biến hóa các trần lao của tâm mà tạo nên những Phật sự. Nếu thực hiện quán nầy chưa ngộ được, tức là quán việc nầy như sữa. Nếu phát vô lậu, thì quán việc nầy như Lạc. Nếu phá được trần sa hoặc thì như sanh Thục Tô. Nếu phá được Vô Minh thì quán ấy giống như Đề Hồ. Đến được Đề Hồ rồi thì Vương Số đều cứu cánh. Tâm tâm pháp số không hành. Cho nên gọi hành nầy là Bát Nhã Ba La Mật. Phổ Hiền quán nói rằng:

Quán tâm vô tâm pháp, chẳng trụ ở pháp. Tâm ta tự nó không có tội phước, không có chủ. Nghĩa là không tâm, không số; gọi đây là quán đúng. Tâm nầy nhiều trần lao nếu chẳng dứt thì quán ấy tức chưa xong. Cho nên kinh nói rằng: Chúng sanh không độ thì ta không thành chánh giác. Tức là ý nầy vậy ...

Phần kế nói về Chúng Bồ Tát – Theo Thích Luận nói: Bồ Tát là nhiếp phục tứ chúng của xuất gia và tại gia. Vì sao lại có riêng biệt?

Đáp rằng: Có Bồ Tát đọa trong tứ chúng; nhưng có tứ chúng không bị đọa. Bồ Tát ở đây có nghĩa là không phát tâm thành Phật. Cho nên bây giờ sẽ riêng nói chỗ cùng phát tâm cầu làm Phật. Đây gọi là Chúng Bồ Tát. Văn nầy có tất cả sáu. Một là khí loại; hai là đại số: ba là giai vị; bốn là thán đức; năm là liệt danh và sáu là kết cú.

Thứ nhứt khí loại nghĩa là Bồ Tát Ma Ha Tát. Nếu nói cho đầy đủ phải nói là Bồ Đề Tát Đỏa Ma Ha Tát Đỏa. Nhiều Thầy thấy phiền nên chỉ nói gọn hai chữ là Đề Đỏa; Bồ Đề. Đây ý nói là Đạo. Tát Đỏa ở đây gọi là Tâm. Ma Ha ở đây gọi là Đại. Những người như thế nầy tất cả đều cầu cho con đường rộng lớn. Lại làm cho thành thục chúng sanh vậy. Đạo tâm, đại đạo tâm là khí loại. Bồ Tát có nhiều loại; nghĩa là gồm đủ Thông, Biệt, Viên. Như Thích Luận dẫn giải rằng: Ca Chiên Diên làm rõ 6 độ cho đến chỗ nhỏ nhiệm nhất. Cái dục nầy là điều hòa máu huyết của chúng sanh thành sữa. Trong Đại Phẩm có nói rõ về việc có Bồ Tát phát tâm cùng với Tát Bà giống nhau. Dục nầy chính là điều hòa sữa thành Lạc. Trong Đại Phẩm chỉ rõ có Bồ Tát phát tâm du hí thần thông, tịnh Phật quốc độ. Tịnh ấy gọi là được bất tư nghì giải thoát. Tất cả đều có thể biến thân, lên chỗ ngồi rồi trở lại thọ chỗ khiển trách. Dục nầy tức là điều khiển Lạc ấy thành Thục Tô. Trong Đại Phẩm nói rõ có Bồ Tát phát

tâm tức là ngồi dưới gốc cây, thành chánh giác, chuyển pháp luân và độ cho chúng sanh. Đây là điều khiển tô ấy thành Đề Hồ. Cho nên phía dưới nói rằng:

Bồ Tát nghe pháp nầy thì những nghi ngờ như mắc lưới đều trừ sạch. Lại nói rằng:

Nếu Bồ Tát chẳng nghe Pháp Hoa thì chẳng phải là hạnh lành trên con đường Bồ Tát. Nếu nghe kinh nầy tức là thực hành việc lành trên con đường Bồ Tát ấy.

Trong Niết Bàn nói: Bồ Tát chẳng nghe đến Niết Bàn thường có hy vọng. Nếu nghe đến Niết Bàn thì hy vọng ấy đều tắt. Cho nên lược nói có 4 loại.

Bổn Tích nói là Bổn Địa khó lường; hoặc ở bậc Đẳng Giác; hoặc là bậc Pháp Vương. Như Thiện Tài nhập pháp giới thấy sắc tướng của Văn Thù, vô biên pháp môn sâu xa khác. Bổn ở đây là gần gũi chư Phật. Tích đây là giúp cho Đức Thích Ca, chính là những vị Bồ Tát. Đều hiện sắc thân Tam Muội lực ảnh rộng chứa khắp; dùng miệng để chuyển pháp luân, bất khả tư nghì hóa độ, tùy theo đó mà tuyên thuyết. Có thể rõ được ý. Chẳng thể dùng lời để biện giải. Cho nên Tích là dẫn theo 4 mùi vị, quy về một chỗ thật, giống như dùi bằng sắt đã được thuần chất. Thành Đề Hồ rồi sẽ hóa thành một. Sau đó thì Bổn Địa cứu cánh được thành tựu. Há điều nầy làm cho ngày nay mới bắt đầu vào Đại Thừa; lại chẳng phải tịch diệt đạo tràng, ở nơi núi cao chiếu xuống trước. Hoặc đốn hoặc tiệm tất cả đều ở chỗ Tích ấy.

Quán được giải thích là: Trung Đạo quán tâm song chiếu, hai đế ấy gọi là Đại. Thông đến quả Bồ Đề nên gọi là Đạo. Phá ngũ trụ trần lao, gọi là thành chúng sanh...

Tám vạn người ở đây là số lượng. Những kinh khác thì chúng hội nhiều. Còn ở đây tại sao lại ít? Hoặc lời nói nầy dùng để chỉ cho một số lớn; hoặc giả để dụ cho Vương Luận ấy là việc bí mật, chẳng thể thay đổi biến hóa như chủ ý ...

Ước quán tâm là quán một tâm lành đầy đủ 10 pháp giới. 10 pháp giới ấy qua lại hỗ tương cho nhau thành 100 pháp giới và 1.000 tánh tướng. Thập thiện tức là vạn pháp. Ước Giáo nói Bát Chánh Đạo là 80.000 pháp môn... Tất cả đều A Nậu Tam Bồ Đề, chẳng thối chuyển. Đây là làm sáng tỏ ngôi vị vậy.

Chữ A Nậu ở đây dịch là Vô Thượng Đạo; nói an ổn như cảnh giới, nói yên ổn ở ngôi vị như chỗ ngồi; chẳng thối lui. Ước vị ấy theo Hành Niệm luận là chẳng thối lui. Có 4 loại phân biệt. Chẳng sanh vào 3 đường ác. Ngôi vị ấy chẳng lùi. Chẳng sanh vào biên địa, các căn đầy đủ, chẳng làm thân đàn bà; tức là việc làm chẳng thối chuyển. Thường biết đời trước; tức là niệm chẳng thối. Đầy đủ như vậy gọi là A Bệ Bạt trí địa. Tam Tạng nghĩa cũng như thế. Nếu như 6 tâm nầy ở trước nhẹ nhỏm như sợi lông thì tín căn của Bồ Tát chưa lập. Ngôi vị nầy phải lùi. 7 tâm trở lên từ Sơ địa đến Lục địa, chẳng thoái tức là phàm phu nhị thừa. Gọi ngôi vị nầy là chẳng thối. Tuy chánh sử đã hết, nhưng chưa thể rộng tu vạn hạnh. Việc làm nầy giống như thối lui. Cho đến Thất địa gọi việc làm

nầy là bất thoái. Nếu khởi lên cái niệm của Nhị Thừa thì sẽ có niệm thối lui. Đến Bát địa, Đạo quán song lưu ấy nhập vào pháp, chảy nhanh như nước. Đây gọi là niệm chẳng lùi. Đây được gọi là A Bệ Bạt Trí. Đây cùng với nghĩa của Tam Thừa Thập Địa vậy.

Địa Sư nói rằng: Thập Trụ là chứng chỗ bất thối. Thập Hạnh và ngôi vị bất thối. Thập Hồi Hướng là hạnh bất thối. Thập Địa là niệm bất thối. Đây là ý nghĩa theo Biệt Giáo. Chẳng giống như kinh nầy, nay không dùng đến.

Anh Lạc nói: Sơ địa tam quán hiện tiền, tâm tâm vắng lặng, tự nhiên lưu nhập vào. Điều nầy theo Biệt Giáo là bất thối. Bây giờ lại cũng chẳng dùng đến.

Còn Hoa Nghiêm thì chỉ rõ từ Sơ Trụ được một thân Như Lai và vô lượng thân đều đầy đủ 3 bất thối. Đây là Viên Giáo bất thối. Đây là một sự thật, bây giờ dùng để chia ra ngôi vị.

Bổn Tích gọi bổn là địa tịch tịnh; chẳng trên Thập địa huống là Sơ trụ. Chẳng phải trên Sơ trụ là bất thối, hà huống là Biệt, Thông. Ngôi vị ở Biệt, Thông giải thích nhiều phía bên ngoài kinh. Ngôi vị của Viên Giáo là chính ở trong kinh nầy. Các vị luận sư của các kinh chẳng rõ về Tích; nên an tâm để biết cái gốc gác nầy. Do vậy tán dương và sự sai biệt ở trong nầy. Tới lui lại tăng giảm cả hai bên. Nghĩa là tán dương cái đức gì đây?

Quán Tâm ấy là 3 quán; tức là 3 bất thối. Lại nữa một tâm 3 quán; tức là một tâm 3 chẳng thối...

Xưa nói rằng: Tất cả đều được Đà La Ni. Nên bắt đầu tán thán về cái đức. Bây giờ giữ được bất thối chuyển; tức là đầy đủ 2 ý. Trở thành ngôi vị sáng sủa ở trên cùng. Người sau đứng lên tán thán cái đức. Ngày xưa nói tán thán cái đức ấy tạo ra 12 câu, phân ra làm 4 ý. Ba câu đầu tán thán cái đức trong hiện tại. Ba câu tiếp tán thán việc làm đã qua. Bốn câu tiếp theo tán thán nội thể và hai câu sau cùng tán thán ngoại danh. Bốn ý ấy chẳng giống nhau, mà cái Đức thì ở lúc ban đầu. Cho nên gọi là tán thán Đức. Thán hiện tại có hai. Câu đầu là tán thán việc tự làm. Hai câu sau là tán thán việc hóa tha. Tán thán việc làm lại có ba. Câu đầu là tán thán việc làm chánh. Cái gốc ấy từ chư Phật mà được Bát Nhã. Câu kế là tán thán cái hạnh gốc. Hạnh đây chính là phước đức vậy. Do có phước đức; cho nên có thể ở riêng nơi huệ. Câu kế là vì Phật mà tán thán. Thể ấy lại có ba. Đầu tiên là dùng lòng từ bi để tán thán pháp thân. Hai câu ở giữa là tâm tán thán về báo thân của huệ. Câu sau cùng là tán thán pháp thân. Tán thân đây lại có hai. Câu đầu tiên sự tán thán ấy gọi là Phổ Văn. Câu thứ hai sự tán thán ấy là hay độ chúng sanh. Đây là phần chia câu văn như có lông mày trên mắt. Chỗ luận còn che khuất thì thể ấy không phương hướng.

Việc tán thán theo Thông Giáo thì có 3 thân. Lại chẳng nhập Phật huệ; gọi đây là Phổ Văn, đủ loại ý nghĩa không thành tựu. Nếu tán thán theo Biệt Giáo thì Biệt Giáo từ Sơ địa cho qua khỏi Nhị Thừa. Vì sao Thất địa lại khởi lên sự nghĩ đến Thanh Văn, Bích Chi Phật. Nếu sự tán thán theo Viên Giáo thì chẳng nên nói dưới 7 địa,

chẳng thể có cái Đức của bất thối. Đến lui ấy không có cảnh; nên phải rõ biết tán thán ai. Ở đây không dùng đến. Bây giờ lấy ra 13 câu văn ngang dọc nầy để rõ thêm. Một là Thụ Ước Thập Địa nghĩa tiện. Hai là Hoành Ước Sơ Trụ nghĩa tiện. Bất thối chuyển trở thành như trước. Tức là làm rõ cho ngôi vị nầy. Khởi lên sau tức là tán thán cái đức ấy. Đầu tiên đối với Sơ Địa.

Sơ Địa gọi là hoan hỷ. Ở đây chẳng bị đọa vào nhị biên, nhập vào Trung Đạo, được tam bất thối. Cho nên rõ biết việc tán thán Sơ Hoan Hỷ Địa. Tất cả đều là những Đà La Ni để tán thán Nhị Địa.

Nhị Địa ấy gọi là Ly Cấu (lìa sự dơ bẩn); lại cũng còn gọi là Ly Đạt. Lần lượt lìa những điều ác và đạt đến những việc lành. Tức là nghĩa của Đà La Ni. Cho nên rõ biết việc tán thán Ly Cấu Địa vậy. Vui nói biện tài, tán thán Tam Địa.

Tam Địa được gọi là Minh Địa. Bên trong trí sáng suốt; bên ngoài nói lời thông suốt. Muốn biết rõ trí, ở ngay tại lời nói. Nói đủ loại vui thích, cao cả. Cho nên rõ biết tán thán đệ tam Minh Địa. Chuyển thành bất thối chuyển pháp luân để tán thán ca ngợi Tứ Địa.

Tứ Địa được gọi là Diệm (ánh lửa). Diệm ấy có thể phá tan bóng tối. Lại hay đốt cháy. Chuyển pháp luân để tự đốt cháy những sự tự kỷ và nghi hoặc, phá sự mê muội như trừ đi một sự tối tăm. Cho nên rõ biết tán thán Đệ Tứ Diệm Địa vậy. Cúng dường trăm ngàn chư Phật và tán thán Ngũ Địa.

Ngũ Địa gọi là Nan Thắng Địa. Đây là Địa được sâu vào Thiền Định, dùng lực thần thông, khó thắng khó bằng. Đến với trong khoảng một niệm có thể biến khắp 10 phương. Cúng dường chư Phật; cho nên rõ biết tán thán Đệ Ngũ Địa. Đối với chỗ các Đức Phật đều trồng những cái Đức căn bản; nên ca ngợi Lục Địa.

Lục Địa gọi là Hiện Tiền. Do được thiền định; nên hay cúng dường chư Phật. Phước tư chủng trí, chủng trí hiện tiền. Trí ấy là cái đức căn bản, như trồng cây vào đất vậy. Cho nên rõ biết tán thán Đệ Lục Địa. Thường vì chư Phật mà ca ngợi và tán thán Đệ Thất Viễn Hành Địa.

Địa nầy gồm hai trí phương tiện, ra khỏi tất cả. Rộng tu lợi ích, xưng tán tâm Phật; cho nên rõ biết tán thán Đệ Thất Địa. Lấy lòng từ tu thân, tán thán Đệ Bát Bất Động Địa.

Chánh trí chẳng động, chẳng ra khỏi 3 cõi. Thường lấy lòng từ để giữ thân và hay nhập vào 5 đường. Giữ miệng để thuyết pháp. Giữ tâm để tạo ra phương tiện, nói đầy đủ Pháp Hoa. Giữ 3 nghiệp. Cho nên rõ biết tán thán Đệ Bát Địa vậy. Lành nhập vào Phật huệ để tán thán Đệ Cửu Địa.

Cửu Địa gọi là Thiện Huệ. Nghĩa là thâm nhập vào thật tế, diệu triệt bổn nguyên. Tên nầy gọi là Tối Hợp. Cho nên rõ biết tán thán đệ cửu địa. Thông đạt trí huệ to lớn, tán thán Đệ Thập Địa.

Thập Địa gọi là Pháp Vân. Pháp thân như hư không. Thiền định như mây lớn. Trí huệ như mưa lớn. Lành

nhập vào Phật Pháp; nên gọi là Huệ. Khéo dùng Phật Pháp; nên gọi là Trí. Hỗ tương cho nhau để đến bờ bên kia, tán thán Thập Địa cái Đức ở bên trong, đến 3 Đế bên kia. Nhơn ấy bên trong nói về quả. Lại đến lược chỗ chẳng lâu dài; nên gọi là Phổ Văn. Tán thán cái Đức bên ngoài của Thập Địa. Do cái Đức bên trong sâu dày rộng rãi; lại làm cho có âm thanh. Cho nên gọi là Phổ Văn. Trong ngoài đều ca tụng. Nếu nằm ở Đẳng Giác Vị thì 2 câu nầy giống như vậy. Có thể độ cho trăm ngàn chúng sanh; ngoài địa ấy độ người; hoặc một cảnh giới cho đến cảnh giới thứ 9. Chẳng gọi là hay độ. Thập Địa hơn hẳn cái kia; nên gọi là năng độ. Chư Địa đều đầy đủ các công đức, mà làm cho xuất hiện sự giải thích nầy. Vì nhơn tình tốt ấy khác vậy. Nương vào nơi Thập Địa; nên gọi là Tiệm. Lại nữa nghĩa chiều dọc ấy lại dễ giải thích. Tạo ra điều nầy; điều thứ nhứt là cốt làm cho tiêu câu văn đi. Thứ đến theo chiều ngang là để tán thán, ca tụng. Trực ước nói về Sơ Trụ. Ngoài những ngôi vị ấy, thí dụ có thể giải thích được. Sơ phát tâm trụ ở một, rồi phát tất cả những loại phát khác. Ra khỏi nhị biên; dùng Phàm Siêu Thánh nhập vào Trung Đạo. Tâm nầy yên lặng; niệm niệm lưu nhập. Tát Bà ấy như nước biển. Nói là được bất thối chuyển.

Sơ Trụ ấy ngăn che, lìa thủ tướng, vô trí vô minh và chướng. Trì đạt Bát Nhã giải thoát pháp thân và Đức ấy. Cho nên nói là được Đà La Ni. Thập Tín ấy giống như đã giải thích bên trên là hay dùng đến diệu âm, biến khắp 3.000 thế giới. Hà huống là Sơ Trụ. Giải trực tiếp công đức của khẩu mật. Cho nên nói là Lạc thuyết biện tài. Sơ

Trụ hay phân thân ở trăm ngàn thế giới để làm Phật. Luận về nơi chốn tốt đẹp ấy thì vô lượng vô biên. Hay làm Phật để thuyết pháp giáo hóa. Cho nên nói là hay chuyển bất thối pháp luân. Sơ Trụ được thần lực bất tư nghì như vậy; hay biến khắp các nơi và giúp chư Phật ở những pháp giới khác. Cho nên nói là cúng dường trăm ngàn chư Phật. Sơ Trụ được cái gốc của thật tướng, hay trồng cái Đức vào nơi chúng sanh. Sơ Trụ mở tri kiến Phật. Thấy được pháp nầy rồi, cùng với chư Phật giống nhau. Cho nên vì Phật mà xưng tán. Sơ Trụ vô duyên từ, đều hiện sắc thân, biến khắp pháp giới. Cho nên nói là lấy lòng từ để tu thân. Sơ Trụ nhập vào tạng bí mật; cho nên nói là lành nhập vào trí huệ Phật. Sơ Trụ, một tâm ba trí, không có những chướng ngại. Cho nên nói là thông đạt đại trí. Sơ Trụ sự lý phân ra cứu cánh. Cho nên nói rằng đến bỉ ngạn. Sơ Trụ đầy đủ cái Đức chơn thật cùng với tên gọi tương ưng. Cho nên nói là Phổ Văn (đều nghe) chư Phật ở các thế giới khác. Sơ Trụ hay vì 10 pháp giới mà nương tựa vào, an lập cứu hộ, cho nên nói là hay độ trăm ngàn chúng sanh. Sơ Trụ lại có vô lượng vô biên bất khả tư nghì, đủ loại công đức; nên lược nói 13 câu như vậy.

Nhị Trụ cho đến Đẳng Giác cũng lại như vậy. Cho nên Đại Phẩm nói rằng:

Đầu tiên là chữ A đến 41 chữ là công đức. Sau cùng là Trà, lại cũng đầy đủ các chữ công đức. Ở giữa cũng lại như vậy. Chữ ấy cùng với lời nói và công đức đều như thế cả. Hỏi rằng trong nầy tán thán về đoạn hoặc về đức.

Tam Tạng chẳng đoạn hoặc, có thể chẳng được tán thán. Thanh Văn thường được thán. Còn Tích vì sao chẳng tán thán cái đức của Thông, Biệt?

Đáp rằng: Thông tán thán với Tích; nhưng lại có nghĩa nầy. Bây giờ kinh nầy làm rõ con người chơn chánh, nên chẳng tán thán phương tiện ấy.

Hỏi: Vì sao các câu văn về công đức đều tán thán về Sơ Trụ?

Đáp rằng: Dư vị lại cũng như thế. Không riêng gì Sơ Trụ. Ngày xưa nói rằng: Bát Địa có những công đức; chẳng lấy đó làm nghi. Làm cho Viên tán thán Sơ Trụ, đức nào lại chẳng nhiếp phục được. Sơ Trụ hơn sao? Hà huống là ngôi vị ở sau. Pháp Hoa luận rằng: Thượng chi và Hạ chi môn, tổng tướng và biệt tướng; nên biết Sơ ấy được bất thối chuyển; một câu ấy là Tổng. Ở đây chẳng thoái có 10 loại thị hiện.

Nghe pháp chẳng thoái chuyển, tức là Đà La Ni. Vui nói chẳng thoái chuyển, tức là vui với biện tài. Thuyết bất thối chuyển, tức là chuyển bất thối pháp luân. Nương vào thiện tri thức chẳng thối chuyển, tức là cúng dường trăm ngàn chư Phật, trồng cái gốc công đức vào trong chúng. Đoạn nghi bất thối chuyển, tức là vì chư Phật mà xưng tán. Nhập sự bất thối chuyển, tức là dùng lòng từ để tu thân. Nhập nhứt thiết trí như thật cảnh bất thối chuyển, tức là lành nhập vào Phật trí huệ. Nương vào ngã không, pháp không bất thối chuyển, tức là thông đạt đại trí. Nhập như thật cảnh bất thối chuyển, tức là đến

được bờ kia. Ưng tác sở tác bất thối chuyển, tức là độ 100.000 chúng sanh. Cho nên Sơ ấy Tổng nói về câu văn tức là chi bên trên. Sau đây có câu riêng, tức để nói về chi bên dưới.

Đã ghi lại về việc tán thán chiều ngang về cái Đức của Sơ Trụ, tức là cùng với ý nầy giống nhau vậy. Luận về 2 việc nầy thì giữ lấy sự môn. Chỉ bày cho các Bồ Tát trụ ở nơi nào thì thanh tịnh địa. Nhơn nào là cùng với phương tiện và cảnh giới gì, ưng tác sở tác như thế nào. Tất cả đều từ nghĩa nầy. Tạo sự tán thán bề dọc về cái Đức của các Bồ Tát lại cũng chẳng phương hại.

Quán tâm giải thích sự tán thán về cái Đức ấy là bất thối chuyển như trước đã nói.

Đà La Ni nghĩa là quán không ấy tức là toàn Đà La Ni. Quán giả ấy là 100.000 toàn Đà La Ni. Quán trung ấy tức là pháp âm phương tiện Đà La Ni. Lại nữa, quán không và quán tâm thường có tên gọi. Đây gọi là Văn Trì Đà La Ni. Quán giả, quán tâm ấy vô lượng tâm, tâm và tâm số pháp tất cả đều là những pháp môn. Tức là hành trì Đà La Ni. Quán trung, quán tâm, tâm ấy tức là thật tướng. Tức là Nghĩa Trì Đà La Ni. Quán giả, quán tâm ấy đầy đủ 10 giới pháp. Tức là pháp vô ngại biện. Quán trung, quán tâm về 10 pháp giới ấy tất cả đều nhập vào thật tướng; tức là nghĩa vô ngại biện. Quán không, quán tâm thập pháp giới cũng có tên và cách gọi. Tức là Từ vô ngại biện. Quán 1 tâm tức là 3 tâm; 3 tâm ấy tức là 1 tâm. Một cảnh giới là tất cả cảnh giới. Toàn chuyển vô ngại tức là vui nói vô ngại biện. Quán không đây là

chuyển vị bất thối pháp luân. Quán giả đây là chuyển hành bất thối pháp luân. Quán trung đây nghĩa là chuyển niệm bất thối pháp luân, cúng dường chư Phật. Hay tùy thuận chư Phật bằng lời, làm thuận theo lời Phật dạy, tu 3 phép quán tâm. Tức là cúng dường chư Phật. Vì phá 5 trụ mà được giải thoát; tức là cúng dường Pháp. Tam Đế lý hòa tức là cúng dường Tăng. Lại nữa các việc làm, tâm riêng quán để rõ tâm; tức là cúng dường chư Phật. Quán để rõ bất tâm khai phát những cảnh giới; tức là cúng dướng Pháp. Cảnh trí tâm hòa tức là cúng dường Tăng. Thật tướng của tâm tức là quán rõ biết tâm là gốc. Quán trí tâm là những việc làm ấy, tâm là chủ. Được cái gốc rồi, liền trồng sẽ được thiết lập nên. Cho nên nói là trồng cái gốc của Đức vào chúng là vậy.

Tâm quán để rõ biết cảnh giới tối. Cảnh giới ấy ghi nơi quán trí. Trí ấy có chiếu đến thì thường cùng với cảnh giới hợp lại. Tức là vì Phật mà xưng tán. Không quán ấy là pháp duyên từ huân tập lại. Giả quán ấy là chúng sanh duyên từ huân tập lại và Trung quán ấy là vô duyên từ huân tập thành. Không quán ấy nhập vào Thông, Phật Huệ; giả quán nhập vào Biệt Phật Huệ; Trung quán nhập vào Viên Phật Huệ. Không quán đến tất cả trí bờ kia. Giả quán đến đạo chủng trí bờ kia. Trung quán đến tất cả chủng trí bờ kia. Không quán nghe nơi Chơn Đế; Giả quán nghe nơi Tục Đế và Trung quán đều nghe ở Trung Đạo đệ nhứt nghĩa đế. Lại cũng nghe cả Tam Đế. Không quán, độ Tứ Trụ trăm ngàn chúng sanh. Giả quán độ trần sa trăm ngàn chúng sanh. Trung quán độ vô minh trăm ngàn chúng sanh. Một tâm 3 quán có

vô lượng đức. Tán thán không cùng tận. Dừng nói về việc nầy.

Ngũ liệt danh là Đại sĩ danh lớn; hoặc là từ pháp môn; hoặc từ những việc làm của Đức; hoặc từ Bổn Nguyện. Tuy là một tên gọi; nhưng có rất nhiều nghĩa. Nay nương vào kinh và vào quán. Ví dụ như 18 tên gọi của Bồ Tát về Ngài Văn Thù. Văn Thù Sư Lợi ở đây gọi là Diệu Đức. Trong Đại Kinh gọi là Liễu Liễu Kiến Phật Tánh; giống như Diệu Đức vậy. Trong Vô Hành Kinh thì gọi là Mãn Thù Thi Lợi. Phổ Siêu gọi là Nhu Thủ. Tư Ích: Tuy nói các pháp mà chẳng khởi pháp tướng; chẳng khởi phi pháp tướng. Cho nên gọi là Diệu Đức. Bi Hoa nói:

Ta nguyện thực hành Bồ Tát đạo để hóa độ chúng sanh. Tất cả đều ở 10 phương thành chánh giác trước, làm cho ta thấy tất cả đều được thiên nhãn thì ta sẽ làm cho quốc độ đó là những Bồ Tát nhứt sanh. Rồi cùng với ta khuyến phát đạo tâm. Ta hành Bồ Tát hạnh không có giới hạn. Phật Bảo Tạng nói:

Ngươi tạo công đức sâu xa, sâu xa nguyện ấy giữ lấy Diệu Sĩ. Cho nên bây giờ hiệu là Diệu và tên là Văn Thù Sư Lợi. Tại phương Bắc, thế giới hoan hỷ làm Phật, hiệu là Hoan Hỷ Tạng Ma Ni Bảo Tích Phật. Bây giờ cũng giống như trong hiện tại, khi nghe tên, liền diệt 4 tội nặng. Vì Bồ Tát tượng ảnh ấy động đến Đức Thích Ca chăng?

Quán tâm tánh, lý giải 3 Đức bí mật. Chẳng ngang chẳng dọc; nên gọi là Diệu Đức.

Quán Thế Âm ở Thiên Trúc gọi là Bà Số Kiết Đệ Thuế. Tư Ích nói: Nếu chúng sanh nào gặp được thì liền được định ở nơi Bồ Tát; nên gọi là được miễn trừ những sự khổ. Lại có tên là Quan Âm. Bi Hoa nói:

Nếu có chúng sanh nào thọ các sự khổ, xưng danh hiệu ta và nhớ nghĩ đến ta. Vì ta có tai và mắt của cõi Trời nên thấy nghe được. Không làm cho hết khổ thì ta chẳng giữ ngôi chánh giác.

Bảo Tạng Phật nói: "Ngươi xem xét tất cả chúng sanh, sanh ra tâm đại bi. Nên tên của ngươi là Quán Thế Âm". Câu văn ở dưới sẽ giải thích tiếp...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú
Hết quyển 2 (phần trên)

Dịch xong phần nầy ngày 21 rháng 1 năm 2010
tại Tu Viện Đa Bảo Sydney – Úc Đại Lợi
nhân tịnh tu nhập thất lần thứ bảy.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ hai
(Phần dưới)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo – Úc Đại Lợi ngày 22 tháng 1 năm 2010.

Quán Tâm giải thích rằng: Tam Trí gọi là Quán; Tam Đế gọi là Thế. Tam Quán là tiếng gốc; cho nên nói là Âm.

Đắc Đại Thế theo Tư Ích cho rằng: Khi ta đặt chân đến các nơi thì chấn động tam thiên đại thiên thế giới cho đến những cung điện của vua quan. Cho nên gọi là Đại Thế Chí.

Bi Hoa nói: Nguyện cho thế giới của ta cũng giống như của Quan Thế Âm, chẳng có gì sai khác.

Phật Bảo Tạng nói: Do ngữ lấy đại thiên thế giới; cho nên bây giờ tên của ngươi là Đại Thế Chí.

Quán Tâm giải thích rằng: Tam Chỉ là Chân, đặt Tam Đế vào đất thì đất ấy rung động đến 10 pháp giới. Tất cả thấy ưa thích ở chỗ, đều phải rúng động... chẳng dừng nghỉ.

Tư Ích nói: Cứ trong hằng hà sa kiếp như vậy có một ngày một đêm. Cứ 30 ngày đêm là một tháng; cứ 12 tháng là một năm. Trải qua trăm ngàn ức ức kiếp như thế được gặp một vị Phật. Như thế gặp được hằng hà sa số Phật. Hành những phạm hạnh và tu tập các công đức, sau đó được thọ ký. Tâm ấy chẳng dừng nghỉ; cho nên nói là Bất Hưu Tức.

Quán Tâm nói: Quán không, chẳng trụ vào không. Ra khỏi giả chẳng trụ vào giả, mà khi vào Trung cũng chẳng trụ lại. Song Chiếu Nhị Đế gọi đây là Bất Hưu Tức, Bảo Chưởng.

Phổ Siêu nói: Bên trên được phủ lên bởi cái Đức; cho đến Phật cũng chẳng thể đánh bại được, khiến cho đi vào lối Đại Thừa. Nếu ở trong mộng, cũng không quên Nhị Thừa. Thường hay dùng tâm chân thật và thông hiểu các tâm huệ khác. Vì người mà tuyên thuyết, giảng nói. Đối với đồ quý giá thì tâm chẳng muốn tham chứa. Cho nên gọi là Bảo Chưởng.

Quán Tâm nói: Bất tư nghì Tam Đế gọi là Bảo. Nhứt tâm tam quán gọi là Chưởng. Dùng quán chưởng nầy để cầm giữ Đế Bảo nầy, tự lợi lợi tha; cho nên gọi là Bảo Chưởng

Dược Vương theo Bi Hoa nói rằng: Nguyện trong Hiền Kiếp 1.000 vị Phật và với 4 vị Phật đầu thành đạo thì ta đều cúng dường. Chư Phật nhập diệt thì ta đều xây tháp. Kiếp tận khổ não ta nguyện cứu giúp. Khi đao binh bệnh tật ta làm Y Vương, sau đó làm Phật.

Phật Bảo Tạng nói: Nay gọi ngươi là Hỏa Tịnh Dược Vương. Sau nầy làm Phật; tức là Lầu Chí Như Lai. Theo Quán Tâm giải thích như vậy ...

Dưới đây lần lượt giải thích về 7 vị Bồ Tát.

Bạt Đà Bà La từ nầy nghĩa là Thiện Thủ. Lại cũng còn gọi là Hiền Thủ.

Tư Ích nói: Nếu có chúng sanh nghe được tên, tất được định Tam Bồ Đề; cho nên gọi tên là Thiện Thủ.

Quán giải thích rằng: Trung Đạo chánh quán. Đối với các việc lành là Thượng Thủ. Cho nên gọi là Thiện Thủ.

Di Lặc gọi là Từ Thị. Tư Ích nói: Nếu chúng sanh gặp được, liền được tâm từ Tam Muội; cho nên gọi là Từ Thị.

Hiền Ngu nói: Quốc Vương thấy người nài chăn voi, tức sanh từ tâm. Từ đó được gọi là Từ Thị.

Bi Hoa nói: Phát nguyện trong kiếp đao binh khói lửa cứu hộ chúng sanh, làm cho quán giải Trung Đạo chánh quán; tức là Vô Duyên Đại Từ. Từ là căn lực lành làm cho các tâm số đều vào đồng thể với pháp đại từ và lìa những việc chẳng lành. Cho nên gọi là Từ Thị. Lại nói Từ đây chính là họ. Cũng còn gọi là A Dật Đa. Ở đây dịch là Vô Thắng ...

Từ đây trở đi giải thích về Bảo Tích.

Đạo Sư theo Tư Ích là đối với những chúng sanh bị lạc vào đường tà, sanh ra tâm đại bi, làm cho vào chánh đạo, chẳng cầu báo ân; cho nên gọi là Đạo Sư.

Quán giải thích rằng: Tam Quán diệu trí chỉ bày tất cả hành, chẳng lạc vào nhị biên. Tất cả đều nhập vào chánh quán; cho nên gọi là Đạo Sư. (Phần sau còn giải thích tiếp ...).

Lục như thị bên dưới là câu văn kết.

Phần thứ ba nói về Tạp Chúng. Xưa nói rằng Phàm Phu Chúng. Ở trong nầy có cả Thánh. Xưa gọi là Tục Chúng. Trong nầy có cả Đạo. Xưa bảo rằng Thiên Nhơn Chúng. Trong nầy có cả rồng, quỷ; tất cả không phân rõ.

Cho nên gọi là Tạp Chúng. Ý ở đây gọi chung vậy. Cho nên trong 5 đường 2 cõi 8 nơi gọi là Tạp. Phương Đẳng Kinh lại có thêm Địa Ngục. Trung Ấm kinh lại có cả Hóa Vô Sắc. Những loại nầy tùy theo căn cơ mà hiện ra. Chẳng phải riêng cho một loại nào. Lại chẳng phải định trước theo thứ lớp. Người xưa nói rằng đây là Chủ Đất, làm cho những người khách ở trước. Vô Lượng Nghĩa kinh thì cùng với kinh nầy giống nhau.

Quốc Vương, Quốc Thần, Quốc Sĩ, Quốc Nữ chẳng luận, chủ khách tương nhượng nhau, khi ra khỏi nhà, đến tại nơi nầy; hoặc còn ý khác, chưa rõ biết. Bây giờ xem câu văn nầy có 8 phần. Đầu tiên nói về Đế Thích rồi lần lượt đến Tứ Thiên Vương.

Bên trước có rồng, bên sau có chim hình quỷ thần nặng nề. Vì nghĩa nầy; cho nên gọi là Tạp Chúng. Chẳng thể nói lần lượt, mà lại gọi là Tạp Chúng. Trong nầy có loại đã được đạo và chưa được đạo. Do tạp quả báo cùng với hình thù ăn mặc phức tạp; cho nên gọi là Tạp. Trong nầy có Nhị Thừa Đạo. Cả Vô Lậu Trí và Vô Minh phiền não hỗn tạp cho nên nói là Tạp. Trong nầy có cả Bồ Tát đạo và các loại khác; cho nên nói là Tạp. Trong nầy có cả Phật đạo nữa. Một pháp đầy đủ tất cả; cho nên nói là Tạp. Tạp là nghĩa như vậy. Há có thể dùng phàm phu thế tục để phán đoán sao? Chẳng thể dùng 5 đường Người Trời để phán đoán. Cho nên nói là Tạp. Đây là do Ước Giáo giải thích...

Thích Đề Hoàn Nhơn Nhơn Đà La; hoặc nói là Chiên Đà La. Ở đây dịch là Năng Tác. Làm chủ cõi Đao Lợi. Đao Lợi ở đây dịch là 33 (cõi thứ 33). Có 4 mặt, mỗi mỗi có 8 thành, tất cả thành nầy khi thấy đều vui; hợp chung thành 33. Cùng ở trên đỉnh núi Tu Di. Tu Di ở đây dịch là

An Minh, do 4 báo hợp thành. Núi cao rộng 336 vạn lý. Ở đây là cõi Trời làm chủ thuộc về Dục Giới; cho nên nói là Tiền Lệ.

Tạp A Hàm quyển thứ 40 nói rằng: Có một vị Tỳ Kheo hỏi Phật vì sao tên là Thích Đề Hoàn Nhơn?

Đáp rằng: Cái gốc khi còn làm người hay làm việc bố thí nhanh gọn, lại hay làm chủ; cho nên gọi là Thích Đề Hoàn Nhơn. Vì sao gọi là Phú Lan Đà Lan Đà La? Vì người nầy vô số lần làm việc bố thí. Vì sao gọi là Ma Già Bà? Vì đây là cái tên lúc còn làm người vậy. Vì sao tên là Ta Bà La? Vì người nầy khi còn làm người hay bố thí y áo. Vì sao gọi là Kiều Thi Ca? Vì đây là họ khi còn làm người vậy. Sao gọi là Xá Chỉ Bát Đệ? Xá Chỉ là vợ; còn Bát Đệ là chồng. Vì sao gọi là Thiên Nhãn? Khi còn làm người rất thông minh. Trong một lúc ngồi suy nghĩ đến cả ngàn nghĩa lý. Quán sát đủ điều cho nên gọi là Thiên Nhãn. Sao gọi là Nhơn Đề Lợi? Vì là chủ của cõi trời thứ 32.

Lầu Các Đệ Tam nói: Thiên Đế gọi là Câu Dực. Giáo Môn nói trong A Hàm, Đế Thích là A Na Hàm. Bát Nhã làm rõ 10 phương khó hỏi Bát Nhã. Tất cả đều là tên Thích Đề Hoàn Nhơn. Trong Biệt, Viên giải thích rõ Thích Đề Hoàn Nhơn được Thủ Lăng Nghiêm Tam Muội. Bên trong chứng đạo chẳng giống nhau. Trải qua Hiền Kiếp 2024 kiếp làm Phật; hiệu là Vô Trước Thế Tôn ...

Bổn Tích nói Thập Trụ Hành Hướng tức là cõi thứ 30. Thập địa là một: Đẳng Giác là hai. Diệu Giác làm chủ. Đồng Thê (cái thang) là Đệ Nhứt Thiên; cùng mặc chiếc áo thật tướng cam lồ; tức là cái gốc vậy. Ở trên đỉnh núi Tu Di cũng là tích ấy.

Quán Tâm giải thích rằng: Tự thực hành Thập Thiện và khuyên những người khác tùy hỷ theo. 30 điều lành nầy đều là Không; đều là Giả và đều là Trung. Tức là 33 Quán Môn vậy. Gọi là Nguyệt Đẳng Tam Thiên Tử. Đây là vị Thần bên trong, chức vụ như là Khanh Tướng; hoặc gọi là Tam Quang Thiên Tử. Gọi Nguyệt là Bảo Kiết Tường Nguyệt Thiên Tử. Đại Thế Chí thường làm và Phổ Hương là Minh Tinh Thiên Tử. Hư Không Tạng hay làm. Bảo Quang là Bảo Ý Nhựt Thiên Tử. Quan Thế Âm hay làm. Đây là do Bổn Tích giải thích như vậy.

Quán Tâm giải thích rằng: Dùng 3 quán tức là 3 trí; 3 trí tức là 3 ánh sáng. Từ Tam Đế sanh Tam Trí. Đế ấy chính là Thiên Trí, nghĩa là con ...

Tứ Đại Thiên Vương là những vị Thần bên ngoài của Đế Thích giống như võ tướng. Họ ở tại 4 núi báu, cao bằng nửa núi Tu Di, rộng 24 vạn lý; nằm ở phía Đông của Đề Đầu Tần Thác. Đây gọi là Trì Quốc. Lại cũng còn gọi là An Dân. Ở trên núi vàng nầy là 2 con quỷ Kiền Thác Bà và Phú Đơn Na. Phía Nam có Tỳ Lưu Lặc Xa. Đây dịch là Tăng Trưởng lại cũng còn gọi là Miễn Ly. Ở trên đỉnh của núi Lưu Ly nầy có 2 con quỷ. Đó là Tiết Lệ Đa Cưu Bàn Trà. Phía Tây có Tỳ Lưu Bác Xoa. Đây gọi là Phi Hảo Báo; lại cũng còn gọi là Ác Nhãn. Lại gọi là Tạp Ngữ. Ở trên núi bạch ngân nầy có 2 con quỷ. Đó là Độc Long Tỳ Xá Xà. Phía Bắc là Tỳ Sa Môn. Đây dịch là Chủng Chủng Văn; lại gọi là Đa Văn. Ở trên đỉnh núi Thủy Tinh nầy là 2 con quỷ. Gồm La Sát và Dạ Xoa. Mỗi mỗi núi đều được lãnh đạo bởi hai con quỷ, không cho làm não hại người; cho nên gọi là Hộ Thế.

Bổn Tích nói bổn đây là thường, lạc, ngã, tịnh của Tứ Thiên Vương hộ trì Phật Pháp. Chẳng làm cho người

ngoài có thể lấy cành lá hay chặt cây phá hoại. Thường hay gìn giữ các Vua. Ở phía Đông có Thường Vô Thường song thọ. Giữ gìn vua Lạc Vương. Ở phía Nam có Lạc Vô Lạc song thọ. Hộ trì vua ở phía Tây Ngã Vương có Tây Phương Ngã Vô Ngã song thọ. Hộ trì ở phía Bắc cho vua Tịnh Vương có Tịnh Bất Tịnh song thọ. Cành lá ấy dụ cho thường. Hoa ấy dụ cho Ngã; quả ấy dụ cho Lạc và cuống lá ấy dụ cho Tịnh. Giữ gìn ở phía Bắc là hoa quả, thường hay làm lợi ích cho tất cả chúng sanh.

Tích ở đây là 4 vị vua dùng để giúp đỡ cho đời.

Quán Tâm giải thích rằng: Quán Tứ Đế Trí tức là Tứ Vương. Đế thứ nhứt là trừ đi ái kiến nhị hôn; tức là giữ gìn Bác Ái kiến. Thứ đến là trên Đao Lợi có Diệm Ma. Ở đây dịch là Thiện Thời.

Đại Luận nói: Diệu Thiện đến Đao Lợi, cách 336 vạn lý. Thiện Thời ở bên trên có Đẩu Suất Đà. Đây dịch là Diệu Túc. Đến Diệm Ma như Địa Viễn, mà chẳng thể thí dụ được, nên ở đây nói lược. Vì sao? - Từ cõi trời phía dưới đến cõi trời phía trên toàn là đắm say niềm vui. Khi đến đó chẳng phải đắm trước, chẳng phải đần độn thì chẳng đến.

Tự Tại tức là đệ ngũ. Đại Tự Tại là đệ lục. Tự hóa ra ngũ dục và kia hóa ra ngũ dục... Có người nói rằng: Ở trên đảnh của Sắc Giới là Đại Tự Tại. Ở đây chẳng thể qua khỏi chỗ kia vậy.

Bổn Tích nói: Căn bản của 2 trời nầy trú ở Tự Tại, Tự Tại Vương đẳng định. Tích ấy là 2 vị Trời.

Quán Tâm nói: Nhập vào không là Tự Tại quán; nhập vào Trung là Đại Tự Tại quán ...

Kế đến là Trời Sắc Giới. Sa Bà ở đây dịch là Nhẫn. Những chúng sanh ở cõi nầy sống trong 10 điều ác, chẳng chịu ra khỏi. Từ con người được gọi là độ và xưng là Nhẫn. Kinh Bi Hoa nói rằng: Vì sao nói là Ta Bà?

Những chúng sanh ở đây nhẫn chịu tam độc và những sự phiền não. Cho nên gọi là Nhẫn Độ. Cũng còn gọi là tạp cửu đạo cộng cư (ở lẫn lộn với 9 đường).

Phạm ở đây dịch là ly dục. Từ dưới đất được lên sắc giới; cho nên nói là ly dục-Lại xưng là Cao Tịnh.

Thi Khí ở đây dịch là Đảnh Kế. Lại nữa ở từ nước ngoài la lên có lửa và vì cây Đề Thi Khí. Chỗ nầy là nơi vua tu luyện Hỏa Quang Định, phá những nghi hoặc nơi dục giới. Từ cái đức lập nên tên. Cho nên là điểm cao của Phạm Vương, lại cử Thi Thí, giống như là 2 người. Nương vào Thích Luận chánh thì dùng Thi Thí làm vua. Kinh bây giờ đưa cao ngôi vị và hiển danh, lo sợ cho những việc của một người. Trụ ở trung gian thiền; bên trong có giác quan; bên ngoài có nói năng; được làm vua cai trị. Nếu chỉ riêng tu thiền thì là dân của Phạm. Thêm Tứ Vô Lượng tâm thì được làm vua. Sơ Thiền có Phạm Chúng, Phạm Phụ và Đại Phạm. Bây giờ cử vua cai trị tất cả.

Quang Minh là Nhị Thiền. Ở đây có Thiểu Quang Vô Lượng Quang Quang Âm. Tam Thiền có Thiểu Tịnh Vô Lượng Tịnh Biên Tịnh. Tứ Thiền có Mật Thân lại Vô Trụ Ngại, vô lượng mật lại Thọ Phước Mật Quả; lại Hoàng Quả Vô Tưởng Mật, lại Vô Tưởng. Lại có 5 Na Hàm. Chẳng phiền, chẳng nhiệt, lành thấy, lành hiện sắc cứu cánh. Lại Đại Tự Tại tức là Ma Hê Thủ La. Trong kinh văn

nói lược, chẳng giải thích đủ. Cùng với các vị chư thiên vậy.

Thí dụ có Giáo Môn, Bổn Tích, Quán Tâm, Tự Tư. Ở đây lần lượt nói 8 con rồng.

Nan Đà tên là Hoan Hỷ. Bạt tên là Thiện. Huynh đệ thường hay giữ gìn xứ Ma Kiệt Đề. Khi trời mưa thì dân trong nước chẳng đói năm nào. Bình Sa Vương mỗi năm gặp một lần. Bách tánh nghe đều hoan hỷ. Từ đây được gọi tên. Liền đó Mục Liên hạ xuống. Sống ở trong biển.

Theo Bổn Tích giải thích thì cái gốc là ở Hoan Hỷ địa. Tích ấy ở trong biển.

Quán Tâm giải rằng: Tam quán tức là Trung Đạo sanh pháp hỷ. Bà Già La ở tại biển nhận tên nầy. Hoa Nghiêm cũng gọi thế. Cách nói xưa là nhơn vì quốc gia mà có tên. Chỗ ở chính là trí độ đại hải. Tích xứ là Thương Minh, Hòa Tu Kiết. Ở đây nói có nhiều đầu. Lại cũng gọi là Bảo. Ở trong nước. Chỗ ở chính là Phổ Hiện Sắc Thân Tam Muội. Tích ấy hiện ra nhiều đầu vậy.

Quán đây là nhập vào giả quán; phân biệt vô lượng pháp môn ...

Đức Xoa Ca ở đây nghĩa là Thị Độc. Lại cũng có nghĩa là nhiều lưỡi; hoặc cũng gọi là hai lưỡi. Chỗ ở chính là lạc thuyết vô ngại biện pháp môn. Tích ấy chỉ cho nhiều lưỡi.

A Na Bà Đạt Đa. Từ cái hồ mà có tên. Đây gọi là Vô Nhiệt; Vô Nhiệt hồ. Trường A Hàm quyển thứ 18 nói rằng: Trên đảnh núi tuyết có một cái hồ; tên là A Nậu Đạt Trì. Ở giữa có 5 trụ chống. Từ cái hồ mà có tên.

Long Vương thường ở trong đó. Những Long Vương nầy ở trong cõi Diêm Phù Đề thường hay có 3 sự xung khắc nhau. Một là gió nóng, cát nóng làm dính vào thân; thiêu đốt da thịt và xương tủy; nên rất khổ não. Hai là gió ác thổi đến làm cho cung điện bị mất những đồ che đậy quý giá, thân rồng tự hiện lấy làm khó chịu. Ba là khi các vua rồng vui đùa thì Kim Súy Điểu (chim Đại Bàng) hay vào cung, bắt các con rồng con để ăn thịt; cho nên lo lắng phiền muộn. Ao nầy có 3 sự xung khắc như vậy. Nếu chim chóc có tâm muốn bay qua lại tức liền bị chết. Cho nên nói là Vô Nhiệt Não Trì. Chỗ ở chính ấy là mát mẻ, thường, lạc, ngã, tịnh.

Tích xứ ấy nguyên là cái hồ. Quán ấy là tam quán diệu huệ, yên lặng nơi ngũ trụ phiền hà, miễn đi hai việc chết của cát nóng ...

Ma Na Tư ở đây dịch là Đại Thân; hoặc Đại Ý Đại Lực. Tu La chê nước biển, vui thấy thành. Rồng nầy thân tốt, lấy nước biển để uống. Cái gốc chỗ ở là vô biên thân pháp môn. Tích ấy là Đại Thể. Quán ấy là Trung Đạo chánh quán; tánh nầy rộng rãi...

Ẩn Bát La ở đây dịch là Hắc Sắc Liên Hoa Trì (ao hoa sen đen). Rồng ở nơi hồ nầy; nên lấy đó đặt tên. Theo Pháp Hoa Tam Muội thì nói rằng: Đây là hồ chính để rồng ở. Quán ấy là 3 quán tức là thuộc về tu nhơn. Nhơn đây chính là hoa sen. Trong Chánh Pháp Niệm Kinh nói rằng: Rồng ấy bảo hộ cho chư Thiên. Khi đánh nhau với Tu La và binh lính thì rồng xuất hiện; cho nên biết rằng rồng ấy bảo quản chư Thiên.

Tiếp đến là Tứ Phược Na La. Ở đây dịch là Chơn Đà La. Cũng còn dịch là Nghi Thần; giống như loài người;

nhưng lại có một cái sừng; cho nên gọi là phi nhơn. Thiên Đế Pháp Lạc Thần ở nơi 10 núi báu, thân có tướng dị thường, liền tấu lên nhạc vui. Khi Đức Phật thuyết pháp cũng có chư Thiên ca hát gảy đàn và xưng tán pháp môn. Xưa nói rằng: Hay tấn pháp Tứ Đế và nhiều khi còn tấu lên 12 nhân duyên nữa. Đàn lớn thì tấu Lục Độ. Đàn đặc biệt thì tấu cả 3 loại như trước. Bây giờ sẽ nói lên việc tấu lên 4 pháp môn.

Chỗ ở chính thật là bất khả tư nghì; chẳng khởi lên sự diệt định, ngồi yên chắp tay thiền định. Dùng trăm ngàn bài kệ tán thán Pháp Vương. Tích ấy là đàn ca, ngâm vịnh 10 lực. Còn quán ấy là quán âm thanh, tức không, tức giả, tức trung. Tùy thuận với 3 đế. Tức là ca ngợi tán thán Đức Phật vậy.

Bốn Càn Thát Bà ở đây dịch là Xú Hương (mùi thối); lấy mùi hương thơm để ăn. Lại còn gọi là Hương Âm. Thân ấy tỏa ra mùi. Đây là thần Tục Lạc của Thiên Đế. Niềm vui ấy là tàn lọng che rộng ra. Niềm vui ấy qua âm thanh của trống, đờn, sáo. Điều đẹp đẽ là Tràng Phan ấy là những loại đẹp. Tiếng hay ấy là đàn sáo cao vút.

A Tu La ở đây dịch là Vô Tửu (không có rượu). Đi hái hoa trong 4 cõi thiên hạ, chất thành như biển lớn. Những con cá, rồng do nghiệp lực ngửi mùi nầy không biến hóa được. Muốn đoạn trừ sân si tật đố; cho nên nói là Vô Tửu Thần. Lại cũng có nghĩa là Bất Đoan. Theo Di Thiên An nói rằng: Bản chất hay trực tính. Vị thần nầy được gọi là chẳng dua ngoa và danh tướng. Có 2 loại. Một là thống lĩnh loài quỷ thì ở ngoài biển khơi; còn thống lĩnh loại súc sanh thì ở dưới đáy biển.

Bà Trỉ ở đây gọi là Bị Phược; hoặc nói là Ngũ Xứ Bị Phược; hoặc cũng gọi là Ngũ Ác. Bị dây cột lại chẳng thoát khỏi được; cho nên nói là bị trói. Lại cũng nói là Hữu Phược. Vì bị Đế Thích cột lại. Cái gốc ấy là hay sanh ra nơi ngũ phược và ma ngoại đạo. Còn Tích ấy là hình tượng nầy. Chánh Pháp Hoa nói là TốI Thắng Quán; dùng Tam Quán Trí để cột ngũ trụ hoặc khi vào trong thực tế.

Khư La Cưu Đà gọi là Quảng Kiên Giáp. Lại còn gọi là Ác Âm, phun lên từ nước biển. Theo Chánh Bổn nói là Bảo Tuyến. Gốc ấy ở tại quyền thật nhị trí, dùng lòng từ để mang vác chúng sanh. Tích ấy là hai vai rộng lớn. Quán đây là tam quán hay đánh trống; che khuất ngũ trụ và sanh tử nơi biển lớn.

Tỳ Ma Chất Đa dịch là Tịnh Tâm. Lại cũng còn gọi là Chủng Chủng Nghi. Xuất ra tiếng từ âm thanh của nước biển; nên gọi là Tỳ Ma Chất Đa. Tức là cha của Xá Chỉ Quán Phật Tam Muội nói rằng: Quan Âm Thiên sanh ra đất nầy. Đất ấy khiến cho kẻ có lòng ham muốn vào nơi biển để tắm rửa bất tịnh; rồi rớt xuống bùn, biến thành trứng. Đến năm 8.000 tuổi thì sanh một con gái, có 1.000 cái đầu và 24 tay. Người con gái nầy vui với nước và nước ấy vào thân thành thủy tinh. Đến 8.000 tuổi lại sanh một người con trai, có 24 đầu và 1.000 cái tay. Do nghe tiếng dội của sóng biển; cho nên có tên là Tỳ Ma Chất Đa.

Tác Càn Thát Bà nữ sanh ra Xá Chỉ. Theo nghiệp lực Đế Thích ra lệnh cho người cha nầy ở tại Thất Bảo Điện; cho lấy vợ. Sau đó gièm pha người cha nầy liền giao cho binh lính rồi chạy ra biển dùng tay để múc nước biển, lấy đó thấy vui. Đế Thích dùng thần lực của chú Bát

Nhã nên chẳng thể làm hại. Chánh Bổn gọi là Yến Cư. Bổn ấy chính là sắc tâm vốn sạch. Tích ấy lấy làm tên. Quán thì cho rằng: Chánh quán Trung Đạo ấy chính là tâm trong sạch nầy.

La Hầu Ha ở đây dịch là Chướng Trì. Che khuất mặt trời, mặt trăng. Đây là một loại súc sanh, thân dài 84.000 do tuần. Miệng rộng 1.000 do tuần. Dùng những vật quý trang sức; hay đi xem Thiên Nữ trong vườn của chư Thiên. Nếu loài người trong 4 cõi thiên hạ mà hiếu dưỡng với cha mẹ, hay cúng dường các bậc Sa Môn thì chư Thiên có uy lực. Trên không trung mưa đao kiếm. Nếu chẳng được như vậy thì chư Thiên vào cung, chẳng xuất hiện. Lại nữa khi mặt trời chiếu ra ánh sáng thì mắt nầy chẳng thể thấy được. Liền lấy tay để che. Cho nên người đời hay nói rằng mặt trời bị khuyết hay nhiều loại tà thuyết khác. Che mặt trăng cũng giống như thế. Hoặc tạo ra âm thanh lớn. Người đời sẽ nói là thú trời là to nguy hiểm, loạn động nên vua sửa đổi, thật là đủ loại tà thuyết. Lo cho mặt trời mặt trăng lớn gấp đôi, làm cho thân nầy lớn lên với mặt trời mặt trăng. Khi mặt trời, mặt trăng mất ánh sáng thì đến thưa với Phật. Phật bảo La Hầu rằng: Chớ có che mặt trời mặt trăng. Tay chân của La Hầu chiến đấu, động loạn; nên thân chảy mồ hôi, liền thả mặt trời mặt trăng ra. Cái sức mạnh của mặt trời mặt trăng cũng là cái lực của chúng sanh và Phật lực nữa. Do những nhơn duyên như vậy nên chẳng thể làm hại được.

Ngày xưa có một vị Bà La Môn thông minh, hay bố thí rộng rãi, cả 4.000 xe lương thực như thế. Ngay cả các loài khoáng giả cũng thí cho. Có một cái tháp của Phật bị người ác đốt cháy; tức thời lấy 4.000 xe nước để diệt ngọn lửa ấy, cứu tháp. Rồi hoan hỷ phát nguyện rằng:

Nguyện được làm thân to lớn nhất ở Dục Giới. Do không phải vì chánh tín mà thích đấu chọi và ưa chiến thắng, vui với việc thí nầy; cho nên sanh vào thành có ánh sáng và làm La Hầu La; chủ của Tu La vậy. Chánh Bổn gọi là hấp khí. Bổn quán ...

Sau đây nói về Tứ Ca Lầu La. Ở đây nói là Kim Súy (cánh vàng). Cánh ấy màu vàng và ở trên cây lớn trong 4 cõi thiên hạ. Hai cánh ấy có thể bay đến 336 vạn lý. Có người nói Trang Tử gọi là Bằng (chim Đại Bàng). Chim nầy lớn nhất và cũng còn gọi là Phượng Hoàng. Giải thích là loài Phượng ấy chẳng giẫm vào cỏ, mà chỉ ăn những cây trúc mềm như sữa. Kim Súy thì ăn rồng và những loại khác.

Đại Uy Đức đây có uy hơn những loại khác. Lại nói uy nầy sẽ nhiếp phục ở các loài rồng. Chánh Bổn gọi là Cụ Túc. Thân lớn ấy là loại đàn anh trong tất cả. Còn biển lớn ở đây để chỉ cho rồng thường hay đầy dẫy, là ở ý trên.

Như Ý là loại châu quý báu ở trên trán. Chánh Bổn gọi là chẳng thể động. Ca Lầu Điểu có thần lực và hay biến hóa thành Thiên Tử. Con mái biến thành Thiên Nữ. Sau khi hóa hiện rồi, ở lại nơi bảo cung, đầy đủ trăm thức ăn; nhưng vẫn muốn ăn rồng. Khi có thai thì ăn thai, chẳng thể ăn cả ba; nhưng trứng thì ăn hai. Loài côn trùng thì ăn ba. Hóa sanh thì có thể ăn đến bốn. Trong kinh Quán Phật Tam Muội nói rằng: Chánh Âm Ca Lầu một ngày ở núi phía Đông ăn một con rồng chúa và 500 con rồng con. Ba phương khác cũng như vậy. Quanh đi quẩn lại thọ đến 8.000 năm. Khi lâm chung không còn mạnh nữa; nên muốn ăn rồng con. Rồng mẹ phà khói chẳng thể ăn được liền sân hận và từ núi Kim Cang (chim

Ca Lầu) bay ra biển. Bay xuyên qua đất; nhưng chẳng thể qua khỏi gió; gió dang ra; nên từ đó bay lên trên núi Kim Cang; như thế đến 7 lần, rồi bay lại trên đỉnh núi và chết tại đó. Thịt ấy đốt lên, làm cháy cả núi quý. Nan Đà làm cho mưa, mưa kia dứt, thịt kia lại bị gió bay đi 7 lần như thế và sau đó rớt lại trên đỉnh núi, trở thành Như Ý châu. Rồng nhặt lấy và làm chủ. Vua, người cũng ưa thích châu báu nầy.

Kế đến nói về người. Đó là bà mẹ Vi Đề Hy. Dịch là Tư Duy; còn Tần Ba Sa La ở đây dịch là Mô Thật, là cha của A Xà Thế. A Xà Thế nghĩa là Vị Sanh Oán (chưa sanh ra đã có oán thù nhau). Hoặc cũng còn gọi là Bà Lưu Chi. Đây dịch là Vô Chỉ (không có ngón tay). Người bên trong gìn giữ gọi là Thiện Kiến. Thiện Kiến là tên gốc vậy. Vô Chỉ ở đây là gọi theo cái Tích. Trong Đại Kinh chép rằng: A Xà gọi là chẳng sanh; Thế ấy gọi là Oán. Nghĩa là Phật tánh chẳng sanh, mà do phiền não sanh ra. Vì do phiền não sanh ra; cho nên chẳng thấy được Phật tánh. Phiền não không sanh, thì có thể thấy được Phật tánh. Lại nữa A Xà Thế gọi là chẳng sanh và Thế ấy chính là pháp của thế gian, lấy 8 pháp của thế gian làm chỗ chẳng nhiễm ô nên gọi là A Xà Thế. Đây là nghĩa chính vậy. Theo Phổ Siêu kinh nói rằng: A Xà Thế sám hối với Văn Thù; nên được nhu thuận nhẫn. Khi chết đi, rơi vào nơi địa ngục Tân Thác La. Sau khi vào rồi liền ra khỏi và sanh vào cõi Phật, được Vô Sanh Nhẫn. Khi Đức Phật Di Lặc ra đời thì sẽ trở lại thế giới nầy; gọi là Bồ Tát Bất Động. Sau đó làm Phật, hiệu là Tịnh Giới Như Lai. Theo Tích nầy là chánh, há có thể sánh được chăng. Khi nói Pháp Hoa thì dựa vào chúng thanh tịnh. Cho đến lúc nói Niết Bàn thì trở lại tội nghịch. Khác với Ca Diếp khi thọ ký nơi Pháp

Hoa ở nơi Niết Bàn chẳng kham phó chúc (nhận lời); chẳng thể mê nơi Tích, mà chìm nơi cái gốc căn bản nầy vậy.

Theo Quán Tâm giải thích rằng: Do sự tham ái của người mẹ và sự vô minh của người cha gây nên tai hại. Cho nên ở đây gọi là nghịch. Nghịch ấy lại cũng là thuận. Việc làm ấy đối với phi đạo nghĩa sẽ tiến đến Phật đạo.

Hỏi rằng: Khi Phật thuyết pháp cho loài người thì những người như thế nhiều ít?

Đáp rằng: Ở đây không nói hết; nhưng người như thế thật không phải là ít. Theo cách nói thì có cả các Tiểu Vương và Chuyển Luân Thánh Vương. Trong đây có nhiều nghĩa, có cả Tứ Luân Vương, Quốc Vương, Quốc Thích, Quốc Dân gồm nam nữ có nhiều loại.

Hỏi: Tất cả Trời, Người, Quỷ, Thần đều nghe thấy Phật thuyết pháp. Còn ở địa ngục và vô sắc giới sao chẳng thấy thí dụ?

Đáp rằng: Ý nghĩa nầy sẽ giải thích. Phàm các đường lên, xuống là do giới có tính cách đặc thù để thấy Phật hay không thấy Phật. Do Thừa mà có khoan, nhặt. Tuy nhiên việc trì giới có thô có tế. Do vậy quả báo có tốt xấu. Đặc biệt về Thừa thì có nhỏ, lớn. Thấy Phật có quyền có thật. Lược nói về giới và Thừa thì mỗi mỗi đều có 3 loại. Nương vào Niết Bàn một câu lại khai mở đến 4 câu. Giải thích ý nghĩa nầy liền rõ. Một là giới, thừa đều cần thiết. Hai là giới ấy khoan mà thừa ấy nhặt. Ba là giới ấy nhặt mà thừa ấy khoan. Bốn là giới và thừa đều khoan. Nếu theo Thông Giáo thì luận rằng giới, thừa tất cả đều là những pháp lành. Tất cả quán huệ đều được gọi là giới. Lại nữa tất cả đều là thừa của người, trời Ngũ

Thừa. Tức là ở ý nghĩa nầy. Đạo cùng sánh với giới tất nhiên là ý nầy của Thông Giáo vậy. Nay nói chung, chia ra Biệt. Ba quy y, 5 giới, 10 điều lành, 8 quan trai, xuất gia luật nghi cho đến định cùng với hay phòng ngừa thân, miệng. Cái quả của việc che đậy đường ác sẽ được cái báo làm người, trời. Gọi đây là Giới. Nếu nghe kinh mà sanh lòng tin thì quán xem trí ấy tìm đến Tứ Đế, Thập Nhị Nhơn Duyên, Lục Độ, sanh diệt chẳng sanh diệt v.v... Trí ấy có thể phá phiền não, làm cho ra khỏi 3 cõi. Đây gọi là Thừa. Cho nên trong Đại Phẩm nói rằng:

Có tướng lành chẳng động, chẳng rõ. Lành không tướng ấy hay động, hay rõ. Tức là nghĩa nầy vậy. Nếu giới, thừa đều nhặt thì là giữ giới hạ phẩm. Giới nhặt ấy quả báo tại người. Giữa Tiểu Thừa và Thừa ấy nhặt. Lấy được thân làm người và ở nơi ba Tạng giáo được thấy Phật nghe Pháp. Nếu người giữ giới là Trung Thừa, thì Thừa ấy nhặt, dùng quả báo là thân người. Đối với Thông Giáo Đại Thừa cho đến dùng Phương tiện của các thời kinh Đại Thừa thì thấy Phật nghe Pháp. Giữ giới Thượng Thừa, Thừa ấy nhặt; dùng quả báo ở thân thì đối với Hoa Nghiêm, Pháp Hoa và các Giáo khác thì các giáo thuộc Trung Viên, được thấy Phật nghe Pháp. Ngoài ra thì người nghe giống nhau.

Nếu giữ Trung Phẩm giới nhặt, thì báo ấy tại cõi trời Dục Giới. Trì giới Tiểu Thừa thì Thừa ấy nhặt. Dùng thân của cõi Trời Dục Giới, đối với Tam Tạng thì thấy Phật nghe Pháp; ngoài ra như trên đã nói.

Nếu giữ Thượng Phẩm giới nhặt, thêm tu thiền định thì báo ấy ở tại cõi trời sắc giới và vô sắc giới. Nếu giữ Tiểu Thừa, thừa ấy nhặt thì dùng thân ở cõi trời sắc và

vô sắc. Đối với Tam Tạng thấy được Phật nghe Pháp. Ngoài ra như trên đã nói.

Đã giải thích câu số một rồi. Còn nếu giới khoan, thừa nhặt thì 3 phẩm giới ấy tất cả đều có quả báo là khoan và rơi vào Tam Đồ. Giữ Tiểu Thừa và Thừa nhặt, dùng thân của Tam Đồ và theo như Tam Tạng thì thấy Phật nghe Pháp. Ngoài ra như trên đã nói.

Câu thứ 2 đã giải thích rồi. Nếu giới nhặt, thừa khoan, ba giới nhặt thì thọ thân làm Trời Người ở cõi Dục Giới và Sắc cũng như Vô Sắc Giới. Tam Thừa khoan (chậm) vậy. Phật tuy ra đời nói pháp ba thừa. Nhưng người dính vào ái lạc, quả báo trầm luân, trôi nổi nơi ngũ dục chẳng thấy Phật và chẳng nghe pháp. Ở nước Xá Vệ có 3 triệu người; nhưng nhiều người cũng không được nghe, thấy. Dính mắc niềm vui của 3 cõi, chư Thiên cũng vậy.

Đã giải thích câu thứ 3 rồi. Nếu cả giới và Thừa đều khoan (chậm) thì thọ quả báo ở Tam Đồ chẳng thấy Phật chẳng nghe Pháp.

Đã giải thích câu số 4 rồi vậy. Câu văn ở đây chẳng ví dụ địa ngục và dùng giới khoan (chậm) ấy có quả báo xấu, nặng và xa lìa với Thượng Thừa. Lại nữa khoan ấy chẳng thể ở nơi Pháp Hoa để thấy Phật và nghe Pháp. Ngoài ra kinh cũng có ví dụ ngoài Thừa và nhặt. Lại nữa chẳng đề cập đến vô sắc thiên là thượng giới nhặt; cho nên thọ thân chư thiên và say vào định vị. Còn ở Thượng Thừa khoan, thì chẳng thể ở nơi Pháp Hoa để thấy Phật và nghe Pháp. Ngoài ra kinh có nói theo thứ tự; có Thừa, cấp. Nếu được ở ý nầy thì mỗi mỗi trời rồng; tám bộ chúng đều rõ biết bổn duyên về khoan (chậm) và cấp

(nhặt, nhanh). Nghĩa đến hay không đến đều có thể giải rõ. Giải thích rõ như gương sáng thì gọi là sớ. Lại nữa biết quyền ấy dẫn đến thật. Bổn Tích nghĩa ấy chuyển thành rõ ràng hơn. Từ đó mới có thể quán được hạnh nầy. Ba đời nhân quả hẳn nhiên có thể rõ biết. Mỗi mỗi đều lạy dưới chân Phật. Cuối cùng mọi người đều vân tập lại.

Từ câu: Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn đến xong Phẩm Tựa, câu văn có 5 cách. Cách thứ nhất là Đại Chúng tập trung lại. Cách thứ 2 là hiện ra đoan chánh. Cách thứ 3 là nghi ngờ, nhớ nghĩ. Cách thứ 4 là hỏi và cách thứ 5 là đáp lại câu hỏi ấy.

Ánh sáng sanh khởi thuận rồi nghịch. Do đại chúng vân tập; cho nên hiện ra đoan nghiêm. Cho đến do có hỏi; cho nên mới có đáp. Đáp ấy từ nơi hỏi. Cho đến đoan ấy là do đại chúng vân tập. Ở đây dịch là Phúc Duyên khởi, che đậy tương liên. Lời tựa ấy có ý chính và cuối sau thì làm rõ dần. Trực ấy là nhơn duyên; một ấy là tự nó không rõ; huống nữa là 2, 3, 4 duyên vào nơi liễu vô, thú hướng. Nay làm rõ 5 điều ở Lời Tựa về chánh, trung, bốn, một.

Bài Tựa có tập chúng thì người là một; hiện đoan nghiêm nơi lời tựa thì lý là một; nghi niệm ở lời tựa hành là một. Vấn đáp ở lời tựa thì giáo là một. Đây giải thích về nhơn duyên vậy.

Ước Giáo cho rằng lời tựa nầy là chánh. Chẳng phải Tam Tạng, chẳng phải Thông, chẳng phải Biệt. Nhưng lời tựa nầy là Viên.

Ước và Bổn Tích dùng lời tựa trong thọ lượng bổn địa phần 4, 1. Nghĩa nầy tự có thể rõ; chẳng nói lại nữa.

Quán Tâm có thể giải thích v.v... Tựu chung chúng tập lại có 2. Đầu tiên là uy nghi của Đại Chúng vân tập; thứ đến là Đại Chúng vân tập rồi cúng dường. Pháp Hoa luận về mục nầy và nói rằng: Vì uy nghi như pháp mà ở của tứ chúng. Xưa nói gồm xuất gia và tại gia; mỗi mỗi có 2, hợp lại thành 4 chúng. Tên nầy là ý sau cùng, chẳng phải nói thêm. Nay gọi là một chúng; lại mở ra thành 4. Nghĩa là phát khởi chúng, đương cơ chúng, ảnh hưởng chúng và kết duyên chúng. Phát khởi ấy là quyền mưu rõ biết chỗ, rõ biết lúc và rõ biết căn cơ, đánh khánh phát động, thành lập đầy đủ lợi ích. Giống như con voi mẹ ở dưới bóng cây làm cho voi con được che chở. Cho nên nói là phát khởi, làm cho tập hợp lại và phát khởi tướng đoan nghiêm; cho đến phát khởi việc hỏi đáp. Tất cả đều gọi là: Phát khởi chúng. Còn đương cơ là túc trực đức bổn duyên hợp vào lúc thành thục, như ung nhọt muốn vỡ ra chẳng thể ngồi để nghe, liền được đạo. Đây gọi là đương cơ chúng.

Ảnh Hưởng là đến trước pháp thân chư Phật, Bồ Tát, ẩn mình thật kín, khuông phò giáo pháp, giống như những ngôi sao vây quanh mặt trăng. Tuy chẳng làm gì; nhưng có rất nhiều lợi ích. Đây gọi là ảnh hưởng chúng.

Kết duyên nghĩa là không có sức mạnh nào có thể kích động, dẫn dường. Đức ấy chẳng thể lấy vật để hàng phục và trấn lại. Bởi vì trong quá khứ cái gốc cạn cợt, lại bị che đậy bởi những lậu hoặc sự ô tạp; nên 3 huệ chẳng sanh. Hiện đời tuy có gặp Phật nghe pháp; nhưng chẳng được sự lợi ích của Bốn Tất Đàn. Chỉ tạo ra nhân duyên đắc độ trong tương lai. Đây gọi là kết duyên chúng.

Tỳ Kheo chúng lại cũng như thế. Ngoài 3 chúng kia lại cũng như vậy. Cộng chung tất cả thành 16 chúng.

Giống như ở vào thuở Đức Phật Đại Thông Trí Thắng. Vương Tử che đậy việc giảng dạy, liền lúc ấy là lúc Phát Khởi Chúng. Khi nghe pháp được đạo, tức lúc ấy là Đương Cơ Chúng. Khi nghe pháp chưa đắc độ, mà đời đời có căn duyên, làm cho nay có thể ở vào Thanh Văn Địa; lúc ấy gọi là Kết Duyên Chúng. Đức Phật ấy lúc còn ở đời có 46 chúng. Nay Phật đạo giống nhau, há có khác chăng?

Ở đây nói về Viên Giáo có 16 chúng. Ước Tam Giáo lại có ví dụ để rõ biết như thế. Theo Bổn Tích có thể rõ rằng: Theo Quán Tâm thì nghiên tầm cảnh giới mà quán. Tại danh tự quán ở hành vị trung; tức trở thành Kết Duyên Chúng. Vào Tương Tợ Vị tức thành Đương Cơ Chúng. Vào Phân Chơn Vị tức thành Phát Khởi Ảnh Hưởng Chúng v.v...

Vi nhiễu nghĩa là khi Đức Phật mới ra đời; người đời chưa rõ pháp, người ở cõi Tịnh Cư mới xuống hóa ra làm người; khi đến trước đi nhiễu, qua bên mặt và đảnh lễ. Lễ rồi liền ngồi xuống để nghe pháp. Do chư thiên cung kính mà loài người cũng làm vậy. Do nhơn duyên nầy mà giải thích như thế. Vi nhiễu cũng có nghĩa là đi có tính oai nghi. Điều nầy biểu thị cho 4 cửa căn bản đầy đủ khi thấy cái lý ấy tròn đầy. Dùng sự đầy đủ ấy để đối lại cái sơ sài; cho nên dùng ví dụ cho bốn nghĩa; tức là giải thích theo Giáo Môn vậy. Lại nữa, chung quanh thân Phật tướng hảo trang nghiêm. Nếu đi chung quanh chiêm ngưỡng thì tăng thêm sự nhớ nghĩ về Phật. Đây tức là giải thích theo lối quán tâm vậy. Nếu quán sắc thân của Phật thì liền thấy được pháp thân. Đây chính là lối giải thích của Bổn Tích. Kẻ cúng dường trải qua 3 nghiệp, đều là sự cúng dường. Cách nói khác là biểu hiện sự lễ

bái ấy gọi là cung kính. Cho đến nhớ nghĩ chăm chú; gọi là tôn trọng. Khi nói lời hay đẹp gọi là tán thán. Sự bố thí là ý báo; gọi là cúng dường. Ở đây xin lược bớt. Đầy đủ hơn về việc nầy thì có nhiều kinh khác giải rộng hơn. Dùng bếp trời, hương trời, bình bát ở cõi trời để cúng dường. Rồi Đại Trang Nghiêm Bồ Tát cùng với tám vạn đại sĩ chắp hai tay lại, tức là sự cung kính. Một lòng chiêm ngưỡng được gọi là sự tôn trọng. Nói bảy lời kệ gọi là tán thán. Nay nói về chúng tập, để chỉ cho câu văn kia. Kinh kia nói chúng tập thuyết pháp, cảnh ấy nghiễm nhiên chẳng tan ra; tức là chỗ ngồi ấy, dùng để nói Pháp Hoa. Cho nên rõ biết ba nghiệp cúng dường, tức chẳng có gì sai khác. Dùng điều kia để giải thích rộng ra, còn ở đây lược bớt; nên đối với nghĩa riêng không có giải đáp.

Từ khi còn làm Bồ Tát nói kinh Đại Thừa cho đến khi Xá Lợi Phật và hiện Bảo Tháp. Đây là sự thị hiện tướng ban đầu. Ở đây Ngài hiện rõ 7 tướng. Nơi quốc độ nầy mở bày ra 6; còn nơi kia tổng thể có một. Ánh sáng ấy ở nơi đây và kia mỗi mỗi có 6 loại đoan nghiêm. Sáu loại ở đây động, tức là dùng để thuyết pháp độ người. Còn tịnh tức là nhập vào định để quán lý. Động tịnh là một cặp. Ở trên trời rải xuống 4 loài hoa và ở dưới đất có 6 loại chấn động. Trên dưới cũng là một cặp. Bên trong tâm đại chúng hoan hỷ; bên ngoài Như Lai phóng ra ánh sáng. Trong ngoài là một cặp, làm cho ý nghĩa tìm cầu hết sạch bởi ánh sáng ấy. Nếu chấp vào danh nghĩa thì dễ bị cái ý hiện ra, sẽ tự làm chỗ che khuất. Nay rõ chỗ trí định, nhơn quả cảm ứng làm ba cặp. Tri tức là chỉ cho việc nói nhiều. Định tức là đế duyên nghĩa xứ. Nhơn ấy là 4 loại hoa trời. Quả ấy chính là 6 nơi đất động. Cảm ấy tức là phát ra căn cơ Đại Thừa. Ứng ấy chính là chiếu rõ

đầy đủ. Sáu loại nầy gọi là tướng đoan nghiêm. Theo câu văn giải thích thì nay hiện tướng như Bổn Đoan. Tướng đẹp ấy chỉ cho tướng của tai. Người đời phân biệt, dùng sự bí mật làm tướng đẹp lạ. Tướng ấy do báo gì? Theo lý sâu thì khó nói hết, khiến cho con người chẳng thể tôn trọng. Đầu tiên là do cái nhơn của dị tướng mà biến ra thường tình. Vì chỗ thường tình ấy mà sanh ra chỗ khiếm khuyết, thiếu sót. Cho nên gọi đây là dị tướng. Còn dùng chữ báo để giải thích cho tướng đẹp. Lược nói về sáu tướng đẹp để chỉ cho cái báo của 10 loại vi diệu.

Trong cảm ứng diệu đã nói rồi; nay liền nói về Đạo.

Thuyết pháp đoan nghiêm tức là biểu thị cho báo thuyết pháp diệu, trí diệu.

Nhập định đoan là biểu thị cho báo hành diệu.

Rải hoa đoan nghiêm là biểu thị cho báo vị diệu.

Địa động đoan nghiêm là biểu thị cho báo cảnh giới diệu và thừa diệu.

Chúng hỷ đoan nghiêm là biểu hiện cho báo của quyến thuộc diệu và lợi ích diệu.

Pháp quan đoan nghiêm là biểu thị cho báo của cảm ứng diệu và thần thông diệu.

Cho nên sáu loại nầy đầy đủ gọi là hiện tướng ban đầu.

Nói kinh Đại Thừa – theo kinh Thiện Giới có 7 loại lớn.

Một là pháp lớn. Tức là 12 bộ Tỳ Phật Lược.

Hai là tâm lớn; nghĩa là cầu nơi quả vị Bồ Đề.

Ba là giải lớn; nghĩa là giải rõ Bồ Tát tạng.

Bốn là Tịnh lớn; nghĩa là thấy đạo tâm liền tịnh v.v...

Năm là trang nghiêm lớn; nghĩa là phước đức trí huệ vậy.

Sáu là thời lớn; nghĩa là 3 A Tăng kỳ kiếp vậy.

Bảy là Cụ Túc lớn; nghĩa là dùng tướng tốt tự trang nghiêm được quả giác ngộ vậy.

Sáu phần trước là Nhơn lớn và điều thứ bảy là Quả lớn. Nhơn lớn và Quả lớn hợp lại thành kinh điển của Đại Thừa. Nay nương theo 10 diệu nghĩa ở trong kinh để giải thích. Có vị Thầy bảo: Vô tướng và lý không là căn bản của Đại Thừa. Đối với 3 đời Như Lai không thiếu nên nói là không có 3 ấy thì chẳng thể làm tin. Cho nên nói vô tướng ấy lấy làm tựa của Pháp Hoa vậy. Các vị Thầy của Quán Tông đồng ý. Nếu mà trên danh nghĩa của Bát Nhã thì tất cả đều là lời tựa; cần gì là nhiều nghĩa. Giải thích rằng: Ở đây do chia ra 5 thời; cho nên sau nầy các thuyết khác mới khởi lên.

Lại hỏi rằng: Nếu là vô lượng nghĩa thì cùng với các kinh khác đều thông thoáng tương sanh, chẳng cần liên hệ và có bài tựa riêng. Vị Thầy cho rằng: Cái lý về không, nó vô hình; cho nên nói là vô lượng. Lời tựa, ý giống như trước, khó có thể như thế nầy (Ngài Ấn Quang) nói rằng: Lành vô tướng ấy có nghĩa là thành Phật; cho nên nói là vô lượng. Lại cũng nói rằng: Kinh kia chẳng nói: Có tam vô khác với tam hữu. Đại phẩm chẳng phải chỉ chỗ Pháp Hoa. Chỉ ở đây có nghĩa là chẳng đến được Tấu Địa. Ở đây kinh nầy là do vào thời Tông Nguyên Gia năm thứ 3

có vị Tỳ Kheo tên là Huệ Biểu ở chùa Triều Đình tại quận Nam Hải gặp Ngài Đàm Ma Da Xá và nhận được bản kinh nầy; sau đó trở lại chùa. Đến năm Vĩnh Minh thứ 3 mới bắt đầu truyền ra cho đời. Sau khi kinh đã được truyền rồi, há có thể trở lại Thiên Trúc. Cho nên Quang Trạch nói rằng: Vô lượng nghĩa ấy là trăm ngàn điều lành đều quy về và có thể thành Phật được. Pháp Hoa chánh lý thì không hai, không ba, phá ba trở về một, lấy làm khác. Cho nên lấy đây làm lời tựa. Nếu nói rằng trăm ngàn điều lành đồng về một thì hai, ba ấy sao lại chẳng trở về một? Hai, ba ấy nếu quy về lời tựa thì đúng chứ chẳng sai. Nếu nói phá hai, phá ba, tại sao lại không phá hàng vạn lần? Phá hai, phá ba tức là chẳng hai, chẳng ba. Nếu phá vạn lần thì chẳng có lời tựa nầy. Dùng kinh để ví dụ, ý ấy khác mà chẳng thành khác. Ý khác chẳng thể làm rõ lời tựa được. Nghĩa ấy lại chẳng thành. Lưu Trùng chú thích rằng: Vô tướng làm gốc, vô tướng của một pháp hàm chứa cái nghĩa chẳng thể lường được. Tức là hữu tướng, sao nói là vô tướng? Tìm đến các vị Thầy thì mỗi vị đều nói khác nhau. Nếu nói hữu tướng nghĩa là tướng lành thành Phật, thì nghĩa nầy theo ý trong Tam Tạng chăng? Nếu nói vô tướng là nghĩa lành được thành Phật, thì đây là ý của Thông Giáo chăng? Nếu nói là các pháp chức trong ấy chẳng thể lường được, thì đây là ý của Biệt Giáo chăng? So ra với các kinh kia, chỗ rõ ràng thì chẳng phải là ý của lời tựa Pháp Hoa chăng? Nếu luận về Pháp Hoa về 17 loại thí dụ, thì tất cả đều là tên khác của Pháp Hoa. Vô Lượng Nghĩa ở đây tức là một tên khác của Pháp Hoa vậy. Lúc bấy giờ do ý của Phật; nên liền nói điều nầy và nhập vào định. Cho nên có được lời tựa nầy. Nơi Đại Phẩm, Kim Quang Minh Niết Bàn, tất cả đầu tiên là xướng tên làm tựa chẳng có nghi ngờ hay hại gì. Nay

kinh nầy Ngài Văn Thù dẫn lời của Phật xưa. Cho nên lại có tên là: Vô Lượng Nghĩa. Lại cũng còn gọi là Kinh Đại Thừa Diệu Pháp Liên Hoa. Ở đây cũng dùng lời tựa để gọi tên; cùng với ý của các luận sư giống nhau. Nay dùng kinh kia để giải thích. Vô Lượng Nghĩa ấy là từ một pháp mà sanh. Cho nên một pháp nầy vô tướng. Vô tướng, chẳng có tướng ấy gọi là thật tướng. Từ thật tướng nầy sanh ra vô lượng pháp. Cho nên nói là nhị pháp, tam đạo, tứ quả.

Bây giờ giải thích kinh văn nầy. Vô tướng ở đây nghĩa là không có tướng của sự sống chết. Bất tướng ấy là chẳng có tướng của Niết Bàn. Niết Bàn lại chẳng không; cho nên gọi là chẳng tướng không tướng. Chỉ cho Trung Đạo, lấy đó làm thật tướng. Nhị pháp tức là đốn, tiệm. Đốn ở đây nghĩa là Hoa Nghiêm đốn tất cả các pháp. Còn tiệm ở đây nghĩa là Tam Tạng, Phương Đẳng, Bát Nhã tất cả các pháp. Tam đạo có nghĩa là Tam Thừa. Tứ quả ấy là La Hán, Bích Chi Phật, Bồ Tát và Phật. Những điều nầy đối với các pháp gọi là vô lượng. Thật tướng làm nghĩa xứ là từ một nghĩa xứ nầy tạo ra vô lượng pháp; được vô lượng rồi, nhập vào một nghĩa xứ để tạo ra lời tựa nầy. Cũng giống như các vị bói toán, trừ những cách tính quay về một. Cách tính ấy do từ thấp; cho nên ngoài sự thấp ấy không có lời tựa. Từ một phái rồi thâu các phái khác về một. Khai mở ra rồi hợp chung lại làm Lời Tựa lại cũng như vậy. Như đây làm tiêu chuẩn để giải thích chẳng khác với những kinh luận kia. Ở đây kinh nầy hợp lại cũng giống như vậy.

Lại nữa Vô Lượng Nghĩa tán kệ làm rõ pháp thân hằng trăm loại chẳng giống nhau, cốt để làm gốc cho sáu chỗ chiếu sáng ấy. Phổ Hiền quán làm rõ chỗ: thường,

lạc, ngã tịnh, bốn Ba La Mật trụ xứ. Trước sau hai câu văn ấy làm rõ cho Thường. Há ở giữa có Thọ Lượng mà là Vô Thường chăng? Ở kia khó nói lời tựa, rồi nói Thường, là điều chơn chánh gì nơi đạo? Bây giờ ngược lại cái khó kia, ở Niết Bàn lấy Thuần Đà làm Lời Tựa. Khi khai mở Thường Tông rồi thì chỗ chánh đạo là gì? Ở kia lại lấy ví dụ Tịnh gọi là Lời Tựa Kim Cang, vô vi vô số mà nói chánh, chẳng làm rõ Thường. Pháp Hoa lại cũng như vậy. Bây giờ trở lại phản nan. Thuần Đà làm Lời Tựa là Thường ở Niết Bàn; nhưng chánh ứng là vô thường. Nay nói lời tựa ấy là Thường. Còn chánh thường nghi ra sao đây? Giáo Bồ Tát pháp nghĩa là vô lượng nghĩa xứ dùng để dạy cho các Bồ Tát vậy. Nghĩa xứ tức là Đế Lý. Những câu văn phía dưới đều làm cho tất cả chúng, lại cũng cùng được đạo nầy.

Lại nói: Nếu ta gặp chúng sanh, dạy hết các Phật đạo, tức là ở ý nầy vậy. Phật sở hộ niệm nghĩa là vô lượng nghĩa xứ ấy Phật tự sở chứng được. Cho nên Như Lai hay hộ niệm. Câu văn tiếp theo nói: Phật tự ở nơi Đại Thừa. Tuy muốn khai thị; nhưng chúng sanh căn tánh trì lụt, trầm tư lâu dài là cần thiết, chẳng cần vội nói. Cho nên gọi là hộ niệm.

Phật nói kinh rồi, liền nhập vào Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội nghĩa là tướng của định huệ thành tựu. Chẳng phải thiền, chẳng có trí, trước tiên đều phải nhập định. Chẳng có trí, chẳng có thiền; cho nên trước phải nói pháp. Tức là từ trí mà định; tức định mà có trí tuệ. Trước sau ra vào chẳng có ngăn cách phá hoại.

Kẻ nghi cho rằng: Nếu nói Vô Lượng Nghĩa có thể nhập vào Tư Định thì khi nói kinh nầy rồi tại sao phải nhập định?

Giải rằng: Đầu tiên nhập vào định nầy, sau đó mới nói kinh, là điều có thể giải thích được. Nói kinh nầy rồi, lại nhập. Đây chính là vì Pháp Hoa mà tạo ra lời tựa chăng? Vì sao? - Nếu trước chẳng khai thì sau chẳng có chỗ hợp lại. Đầu tiên nhập vào chỗ mở định và vì hợp các định lại, mới tạo ra lời tựa. Gọi đây là đoan tướng, tức là ở nghĩa nầy. Nếu tạo theo thứ lớp thì trước phải nhập vào Vô Lượng Nghĩa Tam Muội rồi, sau đó mới nhập vào Pháp Hoa Tam Muội. Nếu làm cho rõ câu văn rồi, làm hiển lộ ra, tức mọi người đều rõ. Cần gì đến Di Lặc khuyên bảo Ngài Văn Thù. Cho nên phải rõ việc tạo lời tựa là nghĩa nầy chuyển thành sáng tỏ hơn.

Thân tâm chẳng động cùng với chỗ duyên vào tương ưng với nhau. Thân là gốc chỗ sâu xa như hư không. Tâm ấy là lý tánh cứu cánh thường tịch. Thân thể của Đại Thông Trí Thắng và tay chân tịch nhiên an tịnh chẳng có động. Tâm nầy thường lo sợ, mà chưa hề có tán loạn. Thân nếu là kim cương thì chẳng có sự chuyển động. Tâm nếu là hư không thì chẳng có sự phân biệt. Vô Lượng Nghĩa Xứ Tam Muội Pháp giữ nơi thân nầy; cho nên bất động vậy.

Gọi là vô lượng là định nầy tịch tịnh hay chiếu sáng, có thể rõ biết thế gian. Từ đây một pháp xuất ra vô lượng pháp. Nếu tạo nghĩa của lời tựa thì thân và pháp thể động vận, bây giờ lại làm cho chẳng cử động vận chuyển. Tâm và pháp thể phân biệt, bây giờ làm cho chẳng phân biệt. Nghĩa của lời tựa đã sáng tỏ rồi chăng?

Hỏi: Tướng đoan nghiêm ấy ở đây luận có khác. Sự thuyết pháp và nhập định của Phật là ý nghĩa thường hằng. Sao lại được đoan nghiêm?

Đáp: Thuyết pháp tuy xong rồi, mà chúng lại chẳng hiểu ra, có ý chờ đợi; cho nên biết rằng trước khi thuyết pháp hội chúng tập hợp đến chờ và sau đó nghe. Việc nầy đặc biệt kỳ lạ và khi hay nói khác nhau cái gì mà ý nói là chẳng đoan nghiêm? – Tuy nhập vào khai định, mà ý thì tại hợp định, cùng với thường nhập định có sự khác biệt. Ý nào không phải là tướng đoan nghiêm vậy?

Lại nữa theo Ngài Văn Thù thì Phật xưa có sáu tướng đoan nghiêm là việc nầy vậy. Nếu xưa chẳng có tướng đoan nghiêm thì bây giờ chứng so với xưa lại giống nhau. Đó chẳng phải là chuyện bình thường sao?

Trời mưa 4 loài hoa theo xưa nói là màu trắng lớn nhỏ và màu đỏ lớn nhỏ. Theo chánh Pháp Hoa nói: Đó là Ý hoa và Đại Ý hoa; Bồ Hưởng Hoa và Đại Bồ Hưởng Hoa. Theo Thích Luận quyển 99 nói rằng: Thiên Hoa Diệu ấy là tên của hoa Mạn Đà La. Lại nữa ở quyển 19 nói rằng: 800 vị Tỳ Kheo thành Phật và nơi nước ấy thường có mưa hoa Mạn Đà La năm màu. Xưa nói rằng: Mưa ấy có màu trắng lớn nhỏ, biểu thị cho hai chúng tại gia. Màu đỏ lớn nhỏ tượng trưng cho hai chúng xuất gia. Sự biểu thị cho việc nầy từ xưa đến nay; nhơn ấy là quả của vị lai. Nay với nghĩa nầy giải hẹp không thể được.

Nay nói ngay về bốn chúng. Theo trong Tam Tạng có 16 chúng đã chưa cùng, lại còn 48 chúng nữa. Cho nên gọi đây là hẹp. Phàm là tướng của hoa, riêng báo cho biết cái nhơn nầy. Tứ chúng ngày xưa đã đến rồi, là cái nhơn, sao lại còn có sự báo hiệu của hoa. Nếu sự báo hiệu là quả nầy, thì trời mưa là thật, sao lại phải mưa hoa; cho nên nói là chẳng thể. Nay nói mưa hoa là làm rõ cái việc xưa và nhơn ấy chẳng phải là nhơn Phật. Trong Tam Tạng nói: Nhơn nầy là nhơn của Nhị Thừa.

Theo Thông Giáo thì nhơn đây là cộng nhơn. Theo Biệt Giáo thì đây là cái nhơn của Bồ Tát; tất cả chẳng là cái nhơn của Phật. Bây giờ mưa hoa từ cõi trời là hậu báo rộng được cái nhân Phật. Nhơn Phật tức là nguyên nhơn của bốn bánh xe.

Hoa trắng nhỏ tượng trưng cho bánh xe bằng đồng, huân tập chủng tánh, khai mở tri kiến Phật.

Hoa trắng lớn tượng trưng cho bánh xe bằng bạc, huân tập chủng tánh 10 hạnh, để chỉ cho tri kiến của Phật.

Hoa nhỏ màu đỏ, tượng trưng cho bánh xe bằng vàng, huân tập đạo chủng tánh 10 hồi hướng, ngộ Phật tri kiến.

Hoa lớn màu đỏ, tượng trưng cho bánh xe bằng lưu ly, là thánh chủng tánh của 10 địa, nhập vào Phật tri kiến.

Bốn bánh xe ở đây tất cả đều giống nhau, là nguyên nhân. Những nhơn nầy do trong ấy sanh ra. Cho nên từ cõi trời mà có mưa. Do nguyên nhơn nầy; cho nên lấy hoa làm biểu tượng. Với nhơn nầy có nghĩa là tạo ra cái quả của nơi chốn; cho nên rải hoa lên trên Phật. Đây là nhơn và quả, ai là người có thể cảm nhận được. Nơi vườn của Thái Tử Kỳ Đà các chúng câu hội lại; cho nên nói là cùng với Đại Chúng. Từ phía dưới tiếp theo Ngài Văn Thù giải thích những điểm nghi. Thổi pháp loa lớn tuyên dương 4 câu, lại nói thẳng về khai, thị, ngộ, nhập. Lại cùng với xe lớn dạo đi bốn phương; mỗi mỗi đều theo ý nghĩa từng nơi một. Cho nên rõ biết hoa ấy tượng trưng cho nhơn vị vậy.

Hỏi: Bốn bánh xe ấy có nghĩa là biệt vị, thì cái nào được gọi là viên vị?

Đáp: Tên là Thông; nghĩa là Viên. Bên trên không có chỗ mất, hà huống là danh biệt, nghĩa Viên, mà chẳng được dùng đến sao?

Hỏi: Biệt nghĩa Hiền Thánh, Viên lại cũng có sao?

Đáp: Đây là nghĩa đen. Nếu nói 4 loại hoa đều rải xuống từ trời là biểu hiện của 4 chúng thì sẽ thành một cái nhơn. Như theo đây mà giải thích thì, theo xuất Tam Tạng nghĩa, chưa ra khỏi cái nghĩa của Thông Giáo. Nếu nói 4 chúng đều đồng với Bồ Tát thì sự giải thích nầy xuất phát từ ý nghĩa của Thông Giáo, chưa ra khỏi nghĩa của Biệt Giáo, lại chẳng phải là cái nhơn của Phật. Tất cả chẳng phải là ý của Pháp Hoa vậy. Ý của Pháp Hoa như trước đã nói rồi là cùng với thế giới của Phật, đất đai có 6 loại chấn động.

Sách xưa nói rằng: Sự chấn động ấy là Tam Thừa; con người quyết định 6 loại chấp trước về nhơn quả. Đây chính là phá Tam Tạng gia, 3 Thừa và 6 Chấp. Chưa phá được Thông Giáo 3 Thừa 6 Chấp. Thông Giáo cho rằng pháp ấy có 3 loại đồng nhau là con người, nhơn và quả. Nếu cho rằng con người và nhơn quả có sai khác, thì ở đây giống và khác nhau đều bị phá cả. Theo những người xưa thì cái ý phá ấy, chẳng phá được điều nầy.

Biệt Giáo không có tên Tam Thừa; cho nên không có 6 việc chấp. Chỗ xưa chẳng thể phá. Bây giờ làm rõ cái nhơn của những nhà Biệt Giáo là 3 pháp ngang dọc. Cái quả của 3 pháp ấy cũng ngang dọc. Ở đây liền bị phá. Bây giờ giải thích về đất có 6 loại chuyển động. Sự biểu hiện của những nhà giải thích về Viên Giáo là 6 loại

ấy phá trừ vô minh. Vô minh ấy che lấp, chưa từng xâm hủy; cho nên sẽ phá hoại. Do vậy mà đất động. Đây là biểu tượng. Vô minh nếu chuyển, tức sẽ biến thành sự sáng suốt. Cho nên cùng với thế giới của Phật, sáu loại đều chấn động. Sáu loại ấy biểu trưng cho trụ, hạnh, hướng, địa v.v... (Thập trụ, thập hạnh, thập hồi hướng, thập địa). Sánh cùng với sáu loại diệu kia.

Theo Kinh Ưu Bà Tắc Thanh Tịnh Hạnh nói rằng: Lúc Bồ Tát sanh thì đất chấn động, để chỉ cho sự sanh nầy đã hết, không còn phiền não nữa. Tất cả chúng sanh, đều được đạo. Phiền não sẽ diệt; cho nên động. Chính là nghĩa nầy vậy.

Bổn Tích giải thích rằng: Như Văn Thù trích dẫn theo Phật xưa để giải đáp chỗ nghi. Chỗ thâm mật là được cái ý nầy; tức là cái gốc của thức. Chẳng có nghĩa là vị Phật xưa kia hiện ra tướng đoan nghiêm, mà cái gốc của Thế Tôn chúng ta lại cũng đoan nghiêm như vậy. Chẳng phải bây giờ khác với kia v.v...

Quán hạnh nghĩa là lục căn động. Tướng của đất cứng cáp như lục căn băng, chấp chưa từng vào con đường của Đại Thừa, động khó động được đất. Biểu tượng của tịnh chưa tịnh được căn. Phía Đông trồi, phía Tây sụt xuống. Phía Đông chính yếu thuộc về gan, gan là chủ của con mắt. Phía Tây chính yếu là phổi, phổi là chủ của lỗ mũi. Điều nầy biểu hiện cho công đức của nhãn căn và phiền não của tỉ căn sanh ra hỗ tương còn mất với nhau. Tỉ căn công đức cùng với phiền não của mắt hỗ tương sanh ra sự hỗ tương và tiêu diệt. Các phương khác trồi lên sụp xuống biểu hiện cho sự sanh diệt lại cũng như vậy.

Sáu động ấy là: Khi tiếng động ấy khởi lên, địa chấn nổi lên và biết được tiếng ấy. Mỗi một trong ấy lại có ba. Nghĩa là cái động bên ngoài, động cùng với bên ngoài và động ngang với động ấy làm động. Bốn châu thiên hạ động ấy là động bên ngoài. Đại Thiên động ấy là động cùng với bên ngoài, cùng với 5 loại khác cũng như thế. Cộng lại thành 18 loại động. Đây tức là sự biểu thị làm cho thanh tịnh 18 giới vậy v.v...

Thứ đến làm cho đại chúng rõ tâm hoan hỷ đoan nghiêm. Mọi người thấy mưa hoa và đất chấn động, rõ biết nước Cam Lồ rưới xuống nên bên trong hân hoan vui mừng. Điều nầy biểu thị cho căn cơ lớn sẽ phát hiện và cảm đến việc lành.

Hỏi: Kẻ vui buồn thường tình, sao có thể được chỗ đoan nghiêm ấy?

Đáp: Hoa trời làm cho mắt vui và đất động nên tâm chuyển đổi.

Đại Kinh nói rằng: Lúc động có thể làm cho tâm chúng sanh động. Hoa ở trên đất là sắc đẹp bề ngoài. Tâm vui là cái đẹp bên trong. Niềm vui ấy thật kỳ lạ, xưa nay chưa từng có. Nhưng mà chẳng phải vì sự vui nầy mà động. Nhưng có thể một lần nhìn Phật làm sao chẳng được sự đoan nghiêm. Nếu nói là vì vui mừng nên tâm động thì trời người nằm ở nghĩa nầy. Nếu vui mà động chơn đế tâm vô lậu thì đây thuộc về nghĩa của Tạng Thông vậy. Nếu niềm vui động ấy thuộc về tâm giả thì thuộc về biệt nghĩa vậy. Nếu niềm vui động ấy là tâm thật tướng thì thuộc về viên nghĩa vậy.

Tiếp đến là làm rõ việc Phật phóng quang đẹp lạ. Tức là biểu thị ứng cơ thiết giáo, phá trừ nghi hoặc.

Tướng lông trắng đầy đủ các loại công đức. Theo kinh Quán Phật Hải Tam Muội nói rằng: Lúc Phật mới sanh lông trắng ấy dài 6 phân. Khi đi thì một trượng bốn xích. Khi thành Phật thì lông trắng ấy dài một trượng năm xích. Lông nầy bên trong trống rỗng như ống lưu ly trong suốt. Trong ngoài thấy rõ. Từ lúc mới phát tâm cho đến thời gian giữa đó và thị hiện nhiều tướng mạo cho đến khi nhập Niết Bàn. Tất cả những công đức đều hiện ra nơi lông trắng nầy. Lông nầy nằm giữa hai chơn mày. Điều nầy thường là để chỉ cho Trung Đạo. Tướng nầy mềm mại biểu hiện cho niềm vui. Tới lui tự tại biểu thị cho cái ta. Màu trắng tượng trưng cho sự thanh tịnh. Phóng hào quang phá đi màu tăm tối biểu tượng cho nơi Trung Đạo sanh ra trí tuệ. Ánh sáng ấy chiếu lên đất nầy và đất kia biểu thị cho sự tự giác và giác tha. Lại nữa Nhị Thừa tuy đạt được Nhị Đế; nhưng chẳng rõ được Trung Đạo. Như có hai hàng mi mà chẳng thấy lông trắng. Biệt Giáo tuy rõ biết Tam Đế; nhưng chẳng thể rõ biết tất cả pháp của lông trắng nầy. Cho nên phải biết từ đầu đến cuối những việc trong pháp giới, tất nhiên đều hiện tướng lông trắng bên trong. Tức là biểu hiện cho ý của Viên Giáo. Lại nữa các kinh điển nói về sự phóng quang chẳng giống nhau. Theo Đại Phẩm thì từ tướng hàng ngàn hình bánh xe dưới bàn chân cho đến trên nhục kế, mỗi mỗi đều phóng quang sáu vạn ức thứ ánh sáng, khó thể nói cho cùng được.

Kinh lớn nói về phương tiện phóng quang. Kinh nầy nói về tướng lông trắng phóng quang có nhiều duyên khác nhau chẳng giống. Lại nữa khi thâu lại ánh sáng cũng chẳng giống nhau. Kinh Dục Vương nói rằng: Nếu hiện ra từ vai để chỉ cho việc quá khứ; hiện ra từ phía

trước, tượng trưng cho việc vị lai. Khi chẳng thấy thì biết rằng việc hiện tại. Riêng nơi hông là việc của hiện tại. Từ chân tức là địa ngục. Từ đầu gối là súc sanh. Dưới bụng thuộc về ngạ quỷ. Từ ngực cho loài người. Hiện ra nơi cánh tay trái để chỉ cho Thiết Luân Vương. Hiện ra nơi tay phải chỉ cho Kim Luân Vương và chư thiên. Nhập vào rốn là Thanh Văn, nhập vào mông là Viên Giác. Tướng bạch hào ấy nhập và nhục kế là Phật và Bồ Tát, rồi từ đó phóng ra ánh sáng trắng. Còn những câu văn giải thích về việc thâu lại ánh sáng thì lược bớt.

Lại giải rằng: Sự phóng hào quang chiếu soi hiện tại rồi thu giữ ánh sáng ấy cho việc của tương lai. Kinh nầy luận nói về đất ở đây và đất ở kia cùng với chư Phật giống nhau. Cho nên nói đúng về việc phóng quang. Nếu giải rằng cùng chư Phật giống nhau, tức là khai, thị, ngộ, nhập. Cùng với việc vận hành rộng rãi của việc phóng quang rồi thâu lại ánh sáng ấy là chỗ nương tựa. Cho nên ở đây lược bớt, chẳng nói hết.

Nếu là Phật phóng quang một trượng sáu, tức là theo nghĩa của Tam Tạng vậy. Nếu Phật cùng với các vị Phật khác phóng quang một trượng sáu, tức thuộc nghĩa của Thông Giáo vậy… Nếu chỉ riêng một vị Phật khác phóng quang; tức thuộc nghĩa của Biệt Giáo. Nếu Phật dùng một trượng sáu để phóng quang, tức là dùng thân của Tỳ Lô Giá Na pháp thân, thuộc ý nghĩa của Viên Giáo.

Xưa nói rằng: Đây là 16 loại đoan nghiêm cho đến cõi Trời Nị Ngật. Bây giờ theo dấu câu văn thì ánh sáng ấy chiếu ra từ phía Đông đến 8.000 cõi đất. Tức là cõi kia có 6 loại tướng đoan nghiêm. Che khuất là do con người vậy.

Xưa nói rằng: Thật ra ánh sáng ấy chiếu đến 10 phương. Chiếu từ phía Đông nghĩa là biểu hiện cho nhân quả của một thừa. Đây chính là cái nhơn bên trên. Hằng vạn ấy là số lượng đầy đủ để chỉ cho quả vị viên mãn. Số 8.000 ấy không trọn vẹn là biểu tượng của nhơn quả chưa đầy đủ. Nếu chiếu từ phương Đông, nghĩa ấy đầy đủ rồi, liền chiếu 9 phương khác, lại để biểu hiện cho việc gì đầu tiên làm sáng tỏ ở phương Đông, là biểu hiện của Thập Trụ, là địa vị đầu tiên của Tích Môn thuyết pháp sanh thiên Bồ Tát, hẳn nhiên thấy được lý nhập nơi Thập Trụ và khai mở Phật tri kiến cùng với lúc đầu, tức là rõ biết về sau. Cho nên nói là chẳng đầy đủ khắp nơi. Do vậy rõ biết các phương khác cũng lại như vậy. Các quả vị cũng lại như vậy. Nếu dùng Bổn Môn để thuyết pháp thì 4 phương Phật vân tập, tức là biểu hiện cho Bổn Môn thuyết pháp, pháp thân Bồ Tát tăng đạo, chưa sanh vào Tứ Vị thì sẽ tăng trưởng vậy.

Theo Quán Kinh giải thích rằng: 18.000 ấy là ước chừng của 18 cảnh giới. Luận về 100 pháp giới thì có 1.000 tánh tướng; tức là 18.000. Những cảnh giới nầy Phật huệ chưa được khai mở, bây giờ sẽ được khai. Cho nên lấy con số ấy để làm biểu hiện vậy.

Theo Kinh Văn cho rằng: Từ cõi địa ngục A Tỳ cho đến cõi Trời Hữu Đảnh, tức là 6 pháp giới, lại thấy chư Phật, Bồ Tát, Tỳ Kheo v.v... Ở đây nơi 10 cõi. Cho nên câu văn nầy nói rằng: Chẳng đầy khắp, tức là ở ý nầy. Nếu phân câu văn riêng lẽ ra đất nầy thuộc đất có 6 tướng. Nếu thuộc về đất kia, tức là tướng tổng quát, chiếu đến đất kia.

Tiếp đến làm rõ sự chiếu sáng ở đất kia về 6 việc đoan nghiêm. Một là thấy 6 cõi; hai là thấy chư Phật, tức

là bên trên Thánh, bên dưới phàm là một cặp; ba là nghe Phật thuyết pháp; bốn là thấy tứ chúng đắc đạo, tức là người và pháp một cặp; năm là thấy thực hành Bồ Tát hạnh; sáu là thấy Phật nhập Niết Bàn, tức là có thể hóa Phật. Có Phật tức là có thuyết pháp. Khi thuyết pháp tức là có đệ tử. Đệ tử tức là bắt đầu có việc làm. Khi có bắt đầu tức là có cuối cùng. Nếu đất nầy có 6 việc đoan nghiêm thì tất cả chúng sanh đều sẽ được tự giác. Đất kia với 6 đoan nghiêm kia, chúng sanh tất cả sẽ được giác tha. Lại nữa ở đây và kia với 6 trang nghiêm ấy là biểu thị cho Phật ở đây và kia cùng một con đường với nhau. Từ chỗ thấy hết nơi đất kia 6 cõi chúng sanh cho đến hành Bồ Tát đạo là thị hiện đất kia rồi cùng với đất nầy giống nhau. Từ đó lại thấy chư Phật, phía dưới đến 7 tháp báu. Thị hiện ở đất nầy tức cùng với đất kia giống nhau. Ở đây lược bớt.

Lại nói rộng ra. Từ đó lại thấy chúng sanh nơi 6 cõi. Vị Phật kia thị hiện ở đời ngũ trược; cho nên xuất hiện ra nơi đời. Vị Phật nầy lại cũng như vậy. Ở hai cõi xuất thế giống nhau. Lại nghe chư Phật nói các loại kinh. Vị Phật kia thị hiện, đầu tiên từ vô tướng một pháp; không đốn mà đốn cùng với cõi nầy nói Hoa Nghiêm, ý ấy giống nhau. Từ việc thấy các Tỳ Kheo đến việc thị hiện Phật kia chẳng giảm mà giảm cùng với Phật ở quốc độ nầy lần lượt diễn nói Tam Tạng, ý ấy giống nhau vậy.

Từ chỗ lại thấy chư Bồ Tát trở đi và sau vị Phật Tam Tạng kia, nói Phương Đẳng, Bát Nhã và những kinh khác. Cùng với Phật Tam Tạng sau ở quốc độ nầy, ý giống nhau. Từ câu lại thấy chư Phật trở đi, cho đến bảo tháp hiện lên. Sự thị hiện của vị Phật kia, sau phần Bát Nhã là khai quyền hiển thật, thâu giữ vô lượng pháp, rồi

trở lại nhập vào một pháp, gọi là nhập Niết Bàn, liền hóa hiện ra bảo tháp. Ánh sáng chiếu đến nước kia trước sau rốt ráo rõ ràng trước mắt. Nên biết đất kia từ một sanh ra vô lượng; không đốn mà đốn; không tiệm mà tiệm. Việc nầy hoàn tất. Hiển nhiên thâu vô lượng pháp rồi trở lại nhập vào một pháp, khai quyền hiển thật, liền trở về chơn, cùng với quốc độ kia giống nhau vậy.

Lại nữa đủ loại nhơn duyên, xưa kia do nhơn lành mà nay giáo hóa làm duyên. Nói cách khác. Đó chính là sau Tam Tạng, cùng làm sáng tỏ hay chẳng cùng với Bát Nhã là nhơn và các trợ đạo giới, định, huệ làm duyên. Cùng với 3 người tức là có nhiều loại nhơn duyên. Lại cùng với hay không cùng với con người, đủ loại nhơn duyên; đủ loại tướng mạo. Cùng với hay không cùng với mỗi mỗi Tứ Môn. Mỗi mỗi môn lại có vô lượng tướng mạo. 500 Tỳ Kheo mỗi mỗi nói về nguyên nhơn của thân; tức là nghĩa nầy vậy. Chẳng cùng với Tứ Môn lại cũng như vậy. Cho nên rõ biết nguyên nhân tướng mạo đủ loại sai biệt khác nhau. Tất cả nơi đây đều giống với kia. Ở kia làm rõ tướng nầy; nhơn duyên tướng mạo trở lại nhập vào một nhơn, một duyên, một tướng, một mạo. Nên biết rằng ở đất nầy lại cũng giống như đất kia.

Lúc bấy giờ Đức Di Lặc lại nghĩ rằng: Việc nầy nên hỏi ai về điều nghi ngờ nhớ nghĩ ở lời tựa nầy? Câu văn nầy có hai. Một là Di Lặc nghi ngờ; hai là Đại chúng nghi ngờ. Ngài Di Lặc có 3 sự nhớ nghĩ. Một là chánh niệm lục đoan; hai là nhớ nghĩ để hỏi ai; ba là nhớ đến Ngài Văn Thù. Khi mà khởi lên sự nhớ nghĩ đến Ngài Văn Thù thì niệm thứ hai mất đi. Chỉ còn lại một điều nghi.

Thần biến có nghĩa là thần lực bên trong biến ra bên ngoài. Tên của Thần là tâm của Trời; tức là trí huệ

bên trong của thiên nhiên đất trời. Biến ấy gọi là biến động; tức là lục đoan ngoại ảnh. Thủ Lăng Nghiêm nói: Phật trụ ở pháp bất nhị; hay tạo ra thần thông, qua khỏi tất cả sự che đậy của pháp vương và pháp lực; chẳng thể đo lường sự biến đổi bên ngoài được. Lại chẳng rõ biết được trí tuệ bên trong. Cho nên cùng với sự liên tưởng kia để đến nơi nầy. Nếu là người thường thì sẽ chẳng rõ biết người có xảo thuật. Kẻ tán loạn không thể rõ biết người định tỉnh. Người phàm không thể rõ biết được các bậc Thánh. Bậc Thánh nhỏ không thể rõ biết được các bậc Thân Tử, Thân Tử chẳng biết rõ được Bồ Tát. Bồ Tát chẳng rõ biết hết các vị Bổ Xứ. Bổ Xứ chẳng thể rõ hết được chỗ Tôn Cực. Cuối cùng nơi Cực Xứ nầy lại cũng chẳng thể rõ biết hết vậy. Lại nữa khi Ngài Di Lặc gặp Phật, liền trồng nhiều căn lành, chẳng lẽ không rõ biết ít nhiều sao, cho nên liền ẩn chỗ sáng, chỉ chỗ tối; nói lời quyền biến, chẳng rõ biết vậy.

Đại Chúng có 2 sự nhớ nghĩ. Một là chánh niệm lục đoan và hai là nhớ đến để hỏi ai. Nếu theo câu kệ dưới để nhớ lại điều nầy thì lại có 3 loại nhớ nghĩ. Kệ rằng: Bốn Chúng vui mừng chiêm ngưỡng duyên lành và ta. Nếu không có niệm thứ ba thì làm sao có sự chiêm ngưỡng về nhân duyên ấy. Ở trong nầy lại chẳng có gì. Muốn được bổ xứ, trước phải ở đây vậy.

Lời xưa giải rằng: Trước có 3 ý. Một là Bổ Xứ: hai có 3 niệm; ba là hay tạo ra nghi vấn. Chính vì nghĩa nầy cho nên Đại Chúng thiếu đi một niệm.

Hỏi: Văn Thù, Di Lặc về cái đức thì giống như ngôi hai. Vì sao lại mỗi một câu hỏi là một lời đáp.

Đáp: Phàm là căn cơ thì lập nơi không. Còn ngôi vị tuy chi tiết, nhưng chủ khách khác nhau. Những bậc Thánh không nhờ cơ duyên thưa hỏi thì chẳng đáp được. Lại nữa pháp môn có quyền thật. Quyền bổ xứ đầy đủ. Vấn thật ấy đủ để đáp. Lại nữa Tích lại có xa, gần; gần hỏi, đáp xa. Lại có tên tiện nghi, dễ dãi. Di Lặc gọi là Từ. Từ đây tức là làm cho chúng sanh nên biết hỏi. Văn Thù tên là Diệu Đức. Đức ấy là nên đáp lại đầy đủ. Đây chính là ý của bốn loại Tiêu Văn vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú
(Hết quyển hai, phần dưới)

Dịch xong đoạn trên vào ngày 5 tháng 4 năm 2010
nhằm ngày 21 tháng 2 năm Canh Dần,
nhân Lễ Vía Đức Phổ Hiền Bồ Tát tại chùa Đôn Hậu,
Trondheim, Na Uy.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 3
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại chùa Đôn Hậu Trondheim, Na Uy ngày 5 tháng 4 năm 2010.

Từ "Nhĩ thời Di Lặc dục tự quyết nghi đến hết những câu kệ" tức là phần phát khởi câu hỏi ở lời tựa. Câu văn nầy chia làm hai. Đó là kệ tụng trường hàng và kinh trường hàng. Trong đó thuật lại sự tự nghi và nghi ngờ của người khác rồi phát khởi lời hỏi han. Hỏi về nơi cõi nầy và cõi kia như câu văn, với ý gì lại còn có kệ tụng nữa?

Long Thọ Tỳ Bà Sa nói rằng: Một là theo quốc độ Thiên Trúc có nói về tục lệ rải hoa. Theo đây, sau đó tạo nên tên của lời tựa. Hai là tùy theo sự vui muốn không giống nhau. Có niềm vui về rải hoa và cũng có niềm vui về câu văn. Ba là sự giải thích chẳng giống nhau; hoặc đối với việc rải hoa mà giải thích; hoặc đối với câu văn mà giải thích. Bốn là tùy theo nơi lợi căn của người nghe chỉ một lần liền được ngộ. Kẻ độn căn thì phải nói lại một lần nữa mới ngộ. Sự biểu hiện nầy nơi Phật, khuyên nói lại. Lại nữa vì Đại Chúng trước sau vân tập, cho nên nói kệ. Kệ nầy có 62 hàng. Văn thì chia làm hai. Đầu tiên 54 hàng, tụng những nghi vấn phía trên. Sau đó 8 hàng, thỉnh cầu sự trả lời. Nói chung là câu hỏi có hai. Ở phía trước 4 hàng hỏi về quốc độ nầy. Sau 50 hàng hỏi về quốc độ kia. Câu văn dài dùng để hỏi chung về 6 sự

đoan nghiêm ở quốc độ nầy. Trong những câu kệ dài có gió thơm, đất sạch; chẳng có thuyết pháp nhập định.

Quán văn nghĩa là nói đầy đủ thẳng thắng, tìm nghĩa chẳng như thế. Thuyết pháp là huệ tánh. Nhập định là Thiên Tâm. Do Thiên Tâm huệ tánh nầy có thể tác động cho đất để phóng ra ánh sáng. Nhìn phía cuối, liền rõ biết về cái gốc vậy; thẳng hay chẳng thẳng vậy. Ở kia chẳng thấy được là ở ý nầy. Nghĩa là Ngài Di Lặc chẳng hỏi về hai việc; liền chẳng lấy đó làm chỗ tốt đẹp. Bây giờ khó ngược lại. Nếu Ngài Di Lặc chẳng hỏi, thì Ngài Văn Thù lấy gì để đáp.

Lại nữa khi hỏi thì chỉ cho nơi nào để hỏi? – Bây giờ chỉ cho những câu văn dài để hỏi tổng quát. Nếu lại hiểu riêng việc nầy để hỏi thì "Kỳ Tôn Sư", hai chữ ấy là đây. Lành hay thuyết pháp, nhập định, lại hay chỉ bày cho người; nên gọi là Đạo Sư. Tức là hỏi về việc thuyết pháp và nhập định vậy. Cho nên không đi thẳng. Ở kia nói về gió là do riêng rừng trầm; nên tạo ra hương thơm. Đất kia lại đẹp sạch; nên chứa hai việc lâu bền. Ở đây nghĩa là chẳng đầy đủ; gió ấy gốc vốn chẳng có hương thơm mà lại thơm. Vì kỳ lạ; cho nên thành ra đoan nghiêm đẹp đẽ. Phàm là hoa trời thật đẹp, há lại có sắc mà chẳng có hương thơm sao? Ở đây biểu hiện sự vận hành của nhơn duyên cho đến quả vậy. Như hoa ấy có gặp gió; hoa liền rơi trên đất; đất kia liền đẹp đẽ. Nhơn ấy nếu ở chỗ quả, quả ấy liền nghiêm tịnh.

Kim Quang Minh nói rằng: Tụ tập công đức trang nghiêm Phật thân; cho nên lấy hai việc hiển thành bốn

loại hoa. Đầy đủ và chẳng đầy đủ. Dưới lông mi, có ánh sáng.

Tiếp theo có 50 hàng. Kệ tụng hỏi về quốc độ kia với sáu sự đẹp lạ. Xưa nói rằng: Trong kệ tụng ấy chẳng hỏi về 3 Thừa 4 Chúng. Chẳng hỏi về Phật Niết Bàn. Bây giờ dạy cho bỏ 3 rồi hỏi 3. Sau đó lại nói Thọ Lượng và hỏi về sự diệt độ. Với nghĩa nầy không yên; nên chẳng hỏi vậy. Sao lại chẳng giải rõ Tiểu Văn? Qua kinh sẽ rõ. Bây giờ trong lời kệ tụng rõ, đều hỏi về 6 sự đoan nghiêm của quốc độ kia. Câu văn ấy chia làm 6. Đầu tiên 3 hàng hỏi về 6 cõi chúng sanh. Thứ hai là 4 hàng hỏi về việc thấy Phật kia và thuyết pháp. Ba là 3 hàng hỏi về quốc độ kia cùng tứ chúng. Kế đến một hàng rưỡi là kết lại phía trước và mở ra cho phía sau. Thứ năm là 31 hàng rưỡi hỏi về sự tu hành của Bồ Tát ở quốc độ kia. Thứ sáu là 7 hàng hỏi về sự cúng dường xá lợi. Tức là hỏi về việc Phật Niết Bàn vậy.

Đầu tiên 3 hàng hỏi về 6 cõi. Qua bài tụng nầy rõ biết câu văn trên phóng ánh sáng chiếu đến phía đông; tức ý nói là chiếu khắp cõi nước kia. Bài tụng nầy, tụng ở phía trên là tất cả các câu hỏi. Sáu cõi chúng sanh, có thể chỉ cho cõi người. Sống, chết chính ở cõi ấy; lành, dữ, nghiệp duyên là nguyên nhơn của cõi đó. Tốt, xấu là quả của cõi ấy. Từ đó lại thấy được chư Phật.

Bốn hàng ở phần hai hỏi về sự thấy Phật ở quốc độ kia; gặp nghe Phật thuyết pháp. Ở đây tướng thuyết pháp rõ ràng to lớn. Nghĩa là nói về đốn giáo cho những bậc có căn tánh lớn. Thánh Chủ Sư Tử tức là hiện nên

tượng Lô Giá Na ở cõi đất nầy. Diễn nói kinh điển vi diệu thứ nhất tức là ở quốc độ nầy trước chiếu đến núi cao để diễn thuyết chỉ bày kinh Hoa Nghiêm vậy. Dạy các Bồ Tát nghĩa là ở 7 nơi của quốc độ nầy không cùng với người và các bậc Thanh Văn. Chiếu rõ Phật Pháp, mở bày cho chúng sanh rõ biết nghĩa là ở quốc độ nầy bắt đầu thấy thân Phật, nhập vào trí huệ của Như Lai.

Từ "nhược nhơn tao khổ" trở đi 33 hàng ấy hỏi về quốc độ kia và 4 chúng. Tức là nói đốn về sau. Tiếp theo làm rõ cho Tam Tạng giáo điển. Nếu người gặp khổ nghĩa là khai mở cho Thanh Văn Thừa. Bài tụng nầy làm rõ đủ cho Tứ Đế. Ở câu văn nầy đã làm rõ rồi v.v...

Nếu người gặp khổ mà tạo việc ác; khổ ấy chẳng dứt. Cuối cùng chúng sanh là như vậy. Nếu người gặp khổ mà tạo nghiệp lành, khổ ấy lại cũng chẳng hết. Che phía dưới, đậy ở trên như Nan Đà vì cơn dục mà giữ giới vậy. Nếu người gặp khổ, mà ở nơi ngoại đạo để cầu pháp giải thoát thì chỉ tăng thêm sự thấy biết lâu dài mà kẻ ấy chẳng hết được sự khổ. Nếu người gặp khổ mà xa lìa tập đế, lại lìa sự nương vào quả, cảm được Phật thuyết pháp về Niết Bàn, thì người nầy có thể tận diệt hết các khổ vậy. Ở quốc độ kia lại cũng khai mở thừa nầy. Nếu người có phước - dưới đó một hàng, thì đây là khai mở Trung Thừa vậy. Nếu cúng dường Phật ít, gặp khổ cho đến não. Nếu cúng dường Phật nhiều, tuy gặp khổ mà có phước. Cho nên nói rằng: Thanh Văn ba đời trồng phước; Bích Chi Phật 100 kiếp cũng trồng phước. Hình thức kia là Thanh Văn; cho nên nói là có phước.

Cho đến kẻ cầu Thắng Pháp đi nữa thì Thanh Văn lìa khổ mà tu hành. Bích Chi Phật cầu đạo mà tu hành. Sâu cầu vào cái lý thắng diệu mà khởi lên cái duyên; tức là quốc độ kia khai mở Trung Thừa vậy.

"Nếu có Phật Tử" trở đi, là khai mở Lục Độ Đại Thừa. Chơn từ bi hay mời gọi giống Phật; cho nên nói là Phật Tử. Tu nơi lục độ; cho nên nói là đủ hạnh; chí cầu cho nên nói là Vô Thượng huệ. Trong lục độ không có 6 sự che đậy; như trong thuốc chẳng có bệnh; cho nên nói là con đường thanh tịnh. Chẳng phải là chỗ cứu cánh thanh tịnh vậy. Lại nữa Thanh Văn lấy Khổ Để làm quán môn. Còn Duyên Giác thì lấy Tập Đế làm quán môn. Còn lục độ Bồ Tát thì lấy Đạo Đế làm quán môn; cho nên nói là con đường thanh tịnh.

Tiếp đến từ "Văn Thù ngã trụ trở đi". Phần thứ 4 có một hàng rưỡi, kết trước và khai sau, thấy nghe rõ ràng tức là kết trước; như vậy chúng ta gọi là khai sau.

"Ngã kiến bỉ độ" trở đi. Phần thứ 5 có 31 hàng rưỡi. Hỏi về các loại tu hành của những Bồ Tát ở quốc độ kia. Chung quy có 3. Hàng thứ nhất hỏi chung. Kế đến 15 hàng lần lượt có câu hỏi. Kế đến 15 hàng rưỡi hỏi nhiều loại khác nhau. Đầu tiên hỏi tổng quát có thể rõ được; hoặc có hàng lượt bớt. Phần thứ hai có 15 hàng, lần lượt hỏi; trong ấy có 6. Đầu tiên 6 hàng hỏi về Bố Thí (Đàn); 22 hàng kế tiếp hỏi về Trì Giới (Thi); 21 hàng sau hỏi về nhẫn nhục (Nhẫn); 41 hàng kế hỏi về Tinh Tấn (Tấn); 52 hàng tiếp, hỏi về Thiền Định (Thiền); 63 hàng sau hỏi về Trí Tuệ (Huệ). Nói chung khi hỏi về Bố Thí có 3 ý; 4 hàng

đầu hỏi về việc xả bỏ tài sản; một hàng hỏi về xả bỏ thân; một hàng hỏi về sự xả bỏ mạng sống. Cùng với của cải quý báu, kẻ ăn người ở, cũng có thể ở nơi việc bố thí nầy. Trâu, ngựa quý giá đều bố thí, vợ con cũng là vật ở ngoài thân. Những gì thuộc về thân là bên trong như xả bỏ đầu, mắt; tức là xả bỏ mạng sống; mà chẳng nói đó là pháp thí, làm cho trở thành trí tuệ vậy. Lại nói đến thân mệnh và tài sản cùng với sự sống chết sẽ được bất hoại, thường trụ. Tức là pháp thí; cho nên chẳng nói riêng ra vậy.

Từ "Văn Thù Sư Lợi kiến vương" trở đi có 22 hàng hỏi về giới. Đây luận nói về các vị Tỳ Kheo giữ giới. Người tại gia bố thí thì dễ; nhưng giữ giới lại khó. Người xuất gia thì bố thí khó; nhưng giữ giới lại dễ. Cho nên đối với các vị Tỳ Kheo làm cho rõ những giới nầy. Ở trong đây có trích dẫn kinh Ngũ Vương v.v...

"Hoặc kiến Bồ Tát" trở đi 31 hàng hỏi về việc nhẫn. Nhẫn ấy có 3 loại. Ở nơi thâm sơn cùng cốc nhẫn nại với người và thú ác, chẳng sanh sân hận. Đó là sanh nhẫn. Tự giữ lấy ý chí tức là khổ hạnh nhẫn. Vì cầu Phật đạo; tức là nghĩa nhẫn thứ nhất. Lại nữa khi làm Tỳ Kheo tức là khổ hạnh nhẫn. Ở riêng một chỗ tức là sanh nhẫn. Vui tụng kinh điển tức là đệ nhất nghĩa nhẫn.

Lại nữa từ "Kiến dũng Bồ Tát" trở đi; phần thứ 4 có một hàng hỏi về sự Tinh Tấn. Phàm ở chỗ núi sâu dễ sinh ra sợ hãi; chẳng phải là chỗ ở của những người yếu đuối. Chỉ có những người dũng mãnh tinh tấn mới có thể ở yên được. Bên cạnh nếu chẳng có vật gì thì riêng tu

thật tướng; niệm niệm chẳng dừng nghỉ. Mau cầu đến Phật đạo.

Lại từ "Kiến Ly" trở đi; phần thứ 5 có hai hàng, hỏi về sự Thiền Định. Hàng phía trước hỏi về sự tu hành căn bản của Thiền Định. Hàng sau hỏi về sự tu hành xuất thế, thượng thượng Thiền. Trải qua sự hành trì sẽ được căn bản của sự tu học. Kẻ lìa dục - Nếu lìa dục thì được ngũ thông. Đây chính là Định của Thông Giáo vậy. Lại nữa căn bản của sự ly dục gốc là ở chỗ xả bỏ, lại tu bất tịnh và ly dục. Biệt Giáo cùng lìa nhị thừa dục. Trung Đạo lại lìa thuận theo đạo pháp, ái dục v.v... Kẻ mà sâu tu Thiền Định, phát sơ thiền nhất phẩm; định nầy chưa sâu. Cho đến 9 phẩm liên tục chuyên tâm tu học mới sâu. Lại nữa Bối Xả, Cửu Định, Bát Thắng, Thập nhứt thiết nhập v.v... chuyên tu lấy đó làm chỗ sâu sắc. Định nầy chuyển biến tự tại, hay phát ra những thần thông. Nếu là phàm phu thì được ngũ thông. Nhị Thừa đầy đủ lục thông; Biệt Giáo Bồ Tát giúp cho Phật phân biệt rõ chỗ vô lậu. Lại cũng thường hay xưng là ngũ thông. Viên Giáo trước sau đều đầy đủ lục thông.

Từ "An thiền vạn kệ" trở đi; phần thứ hai một hàng, làm rõ thượng thượng Thiền. Đây chính là Thiền của Biệt Giáo. Tịnh ấy tan ra chẳng có tướng hại, chẳng khởi diệt định; hiện những uy nghi, như đàn của A Tu La chẳng khảy nên âm. Vô duyên, vô niệm, có cảm tức hình; cho nên có thể an nơi thiền định để tán thán Phật vậy.

Từ "Phục kiến trí thâm" trở đi; phần thứ 6 có 3 hàng hỏi về Bát Nhã có 2. Hàng đầu là tự hành, trí huệ

thâm sâu; huệ cùng, lý chánh. Ý chí kiên cố, sự thệ nguyện rộng lớn vậy. Đây chính là hai loại trang nghiêm hay hỏi, hay trì.

"Lại nữa từ Kiến Phật Tử định huệ" trở đi lần lượt có hai hàng là hóa tha vậy. Chưa đến được huệ, đa phần không có sắc định nhiều. Tứ Thiền cùng với Bội Xả, huệ nhiều, cửu định, định nhiều và Mười là tất cả ở trong ấy. Lại nữa Nhị Thừa Định thì nhiều Bồ Tát và huệ nhiều là Phật; tức là giống nhau. Lại nữa không quán thì định nhiều, mà già quán thì huệ nhiều. Trung quán cũng lại nhiều vậy. Nhiều loại thí dụ tức là đủ loại phương tiện. Trong những lời dạy ấy trích dẫn rất nhiều loại thí dụ, để giúp hiển bày nghĩa thứ nhất. Phá ma binh có nghĩa là Không quán phá Tứ Ma; Giả quán lần lượt phá Bát Ma. Trung Quán Viên Giáo phá Bát Ma, Thập Ma và tất cả các thứ ma. Đánh trống có nghĩa là trụ ở chỗ sơ phát tâm, đến thành Đẳng Chánh Giác. Làm Phật ở hàng trăm thế giới Phật. Đánh đều tiếng trống Pháp và trỗi lên tiếng Phạm âm.

Từ "hựu kiến Bồ Tát tịch nhiên yên mặc" trở đi; phần 3 có 15 hàng rưỡi. Chẳng phải lần lượt trải qua; tùy theo sự thấy mà hỏi.

Hỏi: Nơi lục độ tự có được vạn hạnh, sao lại hỏi quá nhiều, sinh ra phức tạp vậy?

Đáp: Theo những câu hỏi lần lượt bên trên, tự giảm dần đi. Chẳng phải lần lượt và chẳng nhất định ở một

loại. Cho nên mới nói là đủ loại tướng mạo. Sao lại còn chia ra hai để nói cho phiền hà vậy?

Ở đây lần lượt tạp loạn hai bên của lục độ. Làm phỏng theo nơi quốc độ kia để khai bày Tam Tạng, sau mới nói Phương Đẳng và 12 bộ kinh, biện giải lục độ tướng mạo. Đều giống như thời gian nầy chẳng khác. Chung quy trong câu văn hỏi đủ loại có 7 ý. Đầu tiên 2 hàng hỏi về Thiền, lại 2 câu nữa, một hàng trước hỏi về nhập và xả Thiền. Tức là tự hành Thiền.

"Thứ đến hựu kiến Bồ Tát phóng quang" trở đi; phần thứ 2 hàng thứ nhất hỏi về nhập vào bi thiền; đầu tiên là để hóa tha. Bồ Tát nhập định phóng quang đủ loại lợi ích, đều có nơi Hoa Nghiêm Tứ Ích v.v...

"Lại nữa từ hựu kiến Phật Tử Vị thường" trở đi; phần thứ 2 hàng thứ nhất hỏi về Tinh Tấn, tức là hỏi rõ về pháp môn niệm Phật.

"Kế đến từ hựu kiến cụ giới" trở đi; phần thứ 3 một hàng hỏi về giới. Uy nghi không khuyết; tức là đầu tiên giới không được thiếu. Trong như bảo châu; tức là giới cứu cánh thứ 10. Ở giữa đó có giải thích về nghĩa đen của 10 giới như vậy.

"Kế đến hựu kiến Phật Tử trụ nhẫn" trở đi; phần thứ 4 một hàng rưỡi hỏi về nhẫn; tức là sanh pháp hai nhẫn.

"Lần lượt từ hựu kiến Bồ Tát ly hí" trở đi; phần thứ 5 có hai hàng lại hỏi về Thiền. Lìa sự vui đùa. Đây chính là chối từ hối cái; lìa bỏ quyến thuộc của si mê; tức là trừ

đi sân cái; gần bậc trí tức là trừ nghi cái. Một lòng trừ loạn, tức là chước từ sân cái; một lòng ở chỗ núi rừng; túc là trừ đi sự che đậy của ngủ nghỉ.

"Kế đến từ hoặc kiến Bồ Tát đến dục thực" trở đi; phần thứ 6 có 5 hàng hỏi về Bố Thí chia làm hai. Bốn câu trước làm rõ 4 việc bố thí. Như vậy tiếp theo 21 hàng kết thành.

Từ "kế hoặc hữu Bồ Tát thuyết" trở đi; phần thứ 7 có 3 hàng, hỏi về Bát Nhã. Hàng đầu chẳng nói, mà nói Bát Nhã. 21 hàng chẳng thể quán mà quán Bát Nhã. 31 hàng lời nói đạo, đoạn tâm hành xứ diệt; tức là nói mà chẳng thể nói. Quán bất khả quán, mà thật ra là Bát Nhã; hoặc có thể dùng 3 sự phán đoán nầy về Bát Nhã để thành sự thấy bên trên của quốc độ kia, để nói Phương Đẳng trong Lục Độ. Hoặc có thể phân biệt riêng với quốc độ kia mà nói Phương Đẳng; sau đó mới làm rõ Đại Phẩm, dạy rõ về Bát Nhã tịch diệt, chẳng có hai thanh tịnh, chẳng dính mắc. Đây giống như kia vậy. Hoặc có thể nói pháp tịch diệt là nằm trong ý của Phương Đẳng, quán xem các pháp tánh giống như hư không, tức là ý của Bát Nhã vậy.

Đúng ra các pháp quán trải qua pháp tướng không hai. Nghĩa nầy là thật, cùng với Đại Phẩm gặp nhau. Nếu ý nói tạo cho quốc độ kia thấy Pháp Hoa, thì dùng diệu huệ nầy cầu vô thượng đạo là một hàng nầy vậy. Hay thấy người tu diệu huệ; nhưng chẳng thấy được chỗ ngồi của Pháp Hoa Diệu Huệ. Nếu thấy được chỗ ngồi, tức là rõ biết đây cũng như kia. Sao lại cần nghi. Hay thấy

người, chẳng hay thấy chỗ ngồi. Cho nên mọi người nghi vấn chăng? Hoặc có thể 3 loại Bát Nhã cùng với Bát Nhã trong thời gian nầy giống nhau. Chưa rõ được điều nầy thì sau làm sao nói được. Cho nên nghi vấn. Ý của hai điều nầy là từ con người vậy.

Bên trên câu văn trường hàng tạo ra cùng với 6 ý; còn kệ tụng tức là làm cho cái nghĩa rộng ra để lãnh hội v.v...

Từ câu "Văn Thù Sư Lợi hựu hữu Bồ Tát" trở đi; phần thứ 6 có 7 hàng, làm rõ chỗ Phật diệt độ rồi dùng Xá Lợi để dựng nên tháp. Kệ tụng như bên trên, quốc độ Phật kia ra khỏi ngũ trược; từ một tướng vô pháp từ từ khai mở đốn giáo; cho nên nói có 2 pháp, ba con đường, đủ các việc làm, tướng mạo chẳng giống nhau. Như chỗ bên trên đã thấy rồi. Bây giờ thấy Phật ở quốc độ kia vào Đại Bát Niết Bàn; nên Phật Tử luyến tiếc cái đức; rồi ở dưới cây tạo nên tháp. Tức là biểu hiện cho tất cả mọi việc đều quy về một. Một ấy phóng ra vô lượng. Tướng phía trước nầy biểu thị việc quy về một. Đúng là nhập Niết Bàn. Sao lại còn sợ về tuổi thọ. Tạo lập nên Tháp là Phật sự sao? Khổ thay! Khổ thay! Câu văn có 6. Hàng đầu tổng nói về Phật nhập diệt nên xây dựng tháp.

"Kế đến từ hựu kiến Phật Tử tạo" trở đi; phần thứ 2 hàng đầu làm rõ tướng số tháp. Kế đến là chư thiên, long thần. Phần thứ 5 hàng thứ nhứt làm rõ sự cúng dường. Kế đến là Văn Thù. Phần thứ 6 có 2 hàng kết luận lại về tháp nầy v.v... Đất phun lên, phun lên rồi trũng đi. Đây chính là Đại quán đảnh và gọi là chỗ trũng vậy. Lầu đài

như thế từ dưới đất mọc lên cao đến tận mây, dài rộng đẹp đẽ, tâm quay về bực Thánh. Vậy vua ấy chính là cây Ba Lợi Chất Đa. Chính thức cúng dường Xá Lợi, bên cạnh nghiêm sức Phật quốc độ v.v...

Từ "Phật phóng" trở đi; phần thứ 2 có 8 hàng, thỉnh cầu sự đáp lại, chia làm hai. Ba hàng đầu tiên tạo ra sự nghi ngờ và thuật lại lời thỉnh cầu. Sau đó 5 hàng giải thích về phục nan. Phần đầu 3 hàng chia làm 3. Hàng đầu thí dụ về việc thấy đất. Lông trắng là chính; cho nên đưa ra trước cùng các việc khác; cho nên nói là đủ loại.

Từ "chư Phật" trở đi; phần thứ hai hàng thứ nhất đưa ra việc thấy quốc độ kia. Chư Phật vì cái gốc ấy; tức là tổng nhiếp, ngoài 5 ấy.

Từ "ngã đẳng" trở đi; phần thứ 3, hàng đầu là yêu cầu đáp lại. Phần thứ hai chung quy giải thích phục nan, chia làm 2 phần. Bốn hàng đầu tiên chính thức giải thích về phục nan. Kế đến một hàng là câu kết thỉnh cầu. Nói là phục nan nghĩa là nội tâm của Ngài Văn Thù lờ mờ, khó thể đáp được. Ý nầy có 3. Một là đoan nghiêm, hy hữu; chẳng thể khinh thường để phán đoán; hai là trí chúng như biển; ánh sáng cao quý; ba là kiên cố vững vàng, khiến cho chúng sanh khát ngưỡng. Cho nên gọi là phục nan, tán thán, rộng rãi.

Ngài Di Lặc giải thích ý khó nầy cũng lại chia làm ba. Một là đoan nghiêm to lớn tức là nghi ngờ lớn. Nếu chẳng giải thích thì lo lắng ánh sáng nầy hoài nghi, bên cạnh việc nghe nói chơn chánh. Hai là chúng hải cùng với

nhiều căn cơ ở tại lòng nhơn của con người. Ba là Đại chúng chiêm ngưỡng lòng nhơn từ; cho nên rõ biết sự thành tâm trang trọng. Cho nên ảnh ấy gọi là khó giải thích.

Thỉnh thì đáp; cho nên đầu tiên nói là phục nan. Do nguyên nhơn chính thức lời thỉnh cầu phát sanh. Sự thỉnh cầu cần nói là Ngài Văn Thù nguyện giải quyết vì các nghi của chúng. Văn Thù khởi lên điều phục nan nầy đầu tiên. Người nói là chúng nghi; nhưng chúng chưa từng nghi; nếu nghi thì nên hỏi. Chúng liền chẳng nghi thì ta quyết đoán nơi nào? Ngài Di Lặc liền vì câu kệ thứ nhứt mà giải thích rằng:

Bốn Chúng hân hoan chiêm ngưỡng lòng nhân từ và ta và chính ta muốn tự hỏi ta; chiêm ngưỡng lòng nhân, tức là muốn được lòng nhân vậy. Văn Thù nhân đây khởi lên cái khó thứ hai. Mọi người đều nghi, chẳng dễ dàng có thể đáp lại được; chờ cho Phật ra khỏi định, sau đó mới hỏi điều nghi ngờ. Di Lặc liền dùng kệ thứ hai để giải thích. Nếu có nghi ngờ lại sinh ra lo lắng; nên chẳng được vui và chờ câu trả lời. Lại biết lúc nào Đức Như Lai ra khỏi định; cho nên nói rằng lúc Phật Tử được giải đáp điều nghi liền hoan hỷ. Nhơn đó Văn Thù khởi lên điều nghi khó thứ hai. Ta và ngươi cùng ở một học địa muốn biết được ý của Phật về tuổi thọ. Chỉ riêng một mình, ta đáp lại thì chẳng đúng lý; nên Di Lặc liền giải thích bằng bài kệ thứ 3. Ta lại nghĩ do dự khó phân. Vì đó nói diệu pháp, vì đó mà thọ ký. Cho nên nói Phật ngồi nơi đạo tràng, chứng được diệu pháp và vì đó muốn nói

điều nầy cũng như việc thọ ký. Từ đó Văn Thù lại khởi lên cái nghi ngờ khó khăn thứ 4. Nếu như ngươi nói tức là đã thích nghi rồi, sao ta lại phải giải đáp? Di Lặc liền giải thích bài kệ thứ 4. Khi được yên rồi ta còn có tâm do dự để nói về việc lớn nầy. Cho nên bảo rằng: đây chẳng phải là duyên nhỏ để chỉ cho việc Phật ở quốc độ nầy. Khi Văn Thù hỏi những điều khó xong thì ánh sáng vụt tắt. Sau đó có một bài kệ để kết thúc, đáp lại lời thỉnh cầu nầy. Bốn điều thưa thỉnh nầy các vị Thầy lần lượt thọ nhận rõ ràng. Rồi các Ngài thọ nhận ở Giang Bắc; liền từ đó các bậc Tiên Hiền dùng ngoài câu văn để tư duy cho đến ngày nay.

Từ thị "thời Văn Thù Sư Lợi ngữ Di Lặc" trở đi cho hết bài kệ; gọi đây là lời tựa vấn đáp. Có cả Trường Hàng kệ tụng và câu văn Trường Hàng chia ra làm bốn. Một là "từ ngữ Di Lặc trở đi" gọi là đáp: suy nghĩ kỹ. Hai là từ "Thiện Nam Tử ngã ư quá khứ trở đi" gọi là đáp: lược bớt việc thấy gặp. Ba là từ "Chư Thiện Nam Tử như quá khứ" gọi đây là đáp: phân minh phán đoán. Phàm từ dưới đến trên, dừng lại chỗ nghi mấy lần. Tuy xưa như vậy, còn bây giờ thì khó thể quyết đoán được. Vì thế từ đầu chỉ phảng phất. Dần đến chỉ thấy sơ lược. Khi thấy sơ sài chưa đủ; liền dẫn đến chỗ thấy rộng. Dùng nhiều chứng một cho đến việc phân chia quyết đoán, suy nghĩ rõ ràng chỗ đáp lại.

Đáp lại lời hỏi về quốc độ nầy bên trên là đáp lược về sự thấy gặp. Đáp lại lời hỏi về quốc độ kia tức là đáp về sự gặp gỡ thấy nghe rộng rãi. Cả hai sự đáp lại về câu

hỏi của quốc độ nầy và quốc độ kia; phán quyết về lời đáp cả hai đó và phán quyết về câu hỏi quốc độ nầy và quốc độ kia. Suy nghĩ chín chắn ấy để đáp lại, chia ra làm hai. Đầu tiên là nêu lên điểm chính, sau đó suy nghĩ chín chắn. Suy nghĩ ấy chính là sự tư duy. Nghĩ ấy chính là nghĩ kỹ vậy. Duy ấy là như xưa và suy ấy là xưa như bây giờ. Rồi Văn Thù cổ Phật, há chẳng rõ sao? Tích ấy chỉ cho sự tư duy. Ánh sáng rõ ràng ấy dùng 2 câu ở đầu và cuối để thuyết pháp. Ở đây tượng trưng cho nhân quả lược bớt đi nhiều. Ở giữa đó có 3 câu là để chỉ cho thí dụ. Muốn nói Pháp lớn; lược khai ba, mà hiển thành một. Lược khai với gần và hiển xa, diễn pháp nghĩa lớn. Đây là quảng khai ba và hiển một. Quảng khai gần và hiển xa cũng lại như vậy.

Đại pháp vũ dụ cho việc được thọ ký làm Phật. Ngày xưa chấp vào nhơn quả nhứt định, chẳng thể làm được Phật; cho nên nghĩa ấy chết cứng. Bây giờ tất cả đều được làm Phật; nên được mưa gội nhuần là nghĩa ấy. Thổi pháp loa chính là báo hiệu việc cải đổi Tam Thừa. Trang nghiêm pháp cổ và binh lính dụ cho việc trừ phá vô minh. Nay làm rõ việc thuyết pháp nầy chẳng cần. Vì sao Tích Môn và Bổn Môn cả hai do gốc gác nào mà có sự khác biệt? – Tích ấy chính là do nơi gốc khởi lên niềm nghi vấn của Ngài Di Lặc. Ngài Văn Thù vì đó mà giải thích. Bổn ấy chính là cái gốc chưa khởi lên. Di Lặc nghi chỗ nào thì Ngài Văn Thù giải thích chỗ ấy. Nếu ở trong nầy, đây là sự giải thích khai gần, hiển xa làm sự nghi ngờ, thì sau đó từ dưới đất các Chúng (Bồ Tát) lại nổi lên. Di Lặc vì sao lại nghi nữa. Liền nghi cho nên

dùng sóng nghi ngờ để giải thích cho sóng nghi ấy. Sau đó liền giải thích hư cấu những gì ở trước lại khoa trương. Điều vĩ đại nầy có chỗ phương hại; cho nên chẳng dùng được. Để làm cho rõ việc nầy; nên Di Lặc hỏi về sự đoan nghiêm của Tích thuộc hai quốc độ nầy ở đây và kia. Văn Thù dùng sự suy nghĩ kỹ mà đáp. Đáp ấy là thuộc về Tích; chẳng liên hệ với việc thọ lượng của Bổn vậy.

Muốn thuyết pháp lớn, nghĩa là đáp lại lời pháp đoan nghiêm; mưa pháp lớn tức là đáp lại việc mưa hoa đoan nghiêm đẹp lạ. Thổi pháp loa lớn là đáp lại tâm của đại chúng hoan hỷ, đoan nghiêm. Đánh trống pháp lớn là đáp lại việc đất đai chuyển động đoan nghiêm. Diễn bày đại pháp nghĩa là đáp lại sự phóng hào quang đoan nghiêm.

Muốn nói pháp lớn nghĩa là: suy nghĩ về việc chư Phật xưa kia đã nói vô lượng nghĩa. Sau đó lại khai quyền hiển thật, thâu tất cả về một mối. Chín chắn ở đây có nghĩa là Phật nay thuyết pháp rồi, lại còn khai quyền hiển thật, làm cho tất cả quy về một. Một ấy chính là pháp lớn vậy.

Mưa pháp vũ lớn nghĩa là nhớ, nghĩ việc xưa trời mưa hoa lên chư Phật và sau đó phổ cập vào cái nhơn viên mãn ở (Thập) Trụ, (Thập) Hạnh, (Thập) Hồi Hướng và (Thập) Địa. Sự chín chắn ấy là đối với việc mưa hoa trước Phật, sau đó tất cả là cái nhơn để thành Phật và vào trụ, hạnh, hướng và địa. Cho nên gọi là mưa pháp lớn vậy.

Thổi pháp loa lớn nghĩa là suy nghĩ ngày xưa bốn chúng thấy việc đẹp lạ, hoan hỷ việc chưa từng gặp, lại trừ được những người có căn cơ chướng ngại manh động; tức là cải đổi người ấy, dạy cho họ về lý hạnh. Sự chín chắn nghĩa là làm cho chúng hoan hỷ và cũng làm cho những kẻ bị chướng ngại, cải đổi người ấy về hạnh lý. Chỗ cải đổi ấy sâu xa; cho nên nói là thổi pháp loa lớn.

Đánh trống pháp lớn nghĩa là nhớ nghĩ về ngày xưa đất rung động rồi, sau đó liền có 6 lần phá tặc vô minh. Sự chín chắn ấy là sau khi làm cho đất Phật rung động rồi, lại phá 6 hoặc của vô minh. Nghe lời dạy bảo cực diệu; cho nên nói là đánh pháp cổ lớn.

Diễn pháp nghĩa lớn là nhớ nghĩ ngày xưa chư Phật phóng ánh sáng trắng nơi hào quang và sau đó nói kinh Pháp Hoa. Ở đây và kia đều giống nhau. Sự chín chắn ấy là sau khi Đức Phật phóng hào quang rồi, lại rộng làm cho sáng tỏ 5 con đường của Phật giống nhau, liền vào con đường của Phật. Cho nên nói là diễn pháp nghĩa lớn. Như vậy cả 5 đoạn trên đều là suy tích xưa để suy nghĩ phán đoán và nhớ nghĩ các loại bây giờ so với xưa, làm cho câu văn thêm nghĩa; tuy có một ít nhập định, một tướng đoan nghiêm, mà mưa hoa làm cho đất động và phóng quang. Tất cả đều là do sự nhập định vậy. Ý ấy gồm luôn cả đầy đủ, chẳng còn phải mất công nghi ngờ gì nữa. Bỏ bớt một điều ở đây; cho nên gọi là lược đáp vậy.

Bây giờ là phân biệt giải thích. Câu đầu tiên là Tổng và 4 câu sau là Biệt. Tổng đây chính là Đại Pháp. Biệt đây chính là mưa (hoa), thổi (pháp loa), đánh (pháp cổ), diễn (diệu pháp) để khai, thị, ngộ, nhập vậy. Giống như Trời chẳng có lớn nhỏ; chẳng có đỏ trắng, mà mưa hoa lại có đỏ trắng.

Như nghĩa thứ nhất thì chẳng khai, thị, ngộ, nhập. Lúc thấy được lý nầy, tức thì chứng được khai, thị, ngộ, nhập. Giống như hạt giống được nhờ mưa mà nảy mầm; bây giờ nghe mưa pháp lớn, thấm nhuần được tánh của pháp; cho nên phá được chỗ tối tăm; khai mở nơi Thập Trụ, Phật tri kiến vậy. Dụ như việc thổi pháp loa thì rõ biết dấu hiệu thay đổi, làm cho cùng với trước, đều được vào Thập Trụ. Bây giờ từ Thập Trụ nghe pháp, liền đổi và nhập vào Thập Hạnh; gặp Phật tri kiến vậy.

Dụ như đánh trống pháp, thì rõ biết sự huấn luyện lính tráng. Bây giờ cùng với trước ở nơi Thập Hạnh và từ Thập Hạnh nầy nghe lời huấn dụ của Pháp, nhập vào Hồi Hướng để ngộ Phật tri kiến vậy, nhằm diễn nói lời hy hữu, sâu xa rộng rãi. Cho đến việc diễn nghĩa nầy, làm cho với trước, cùng vào Thập Hồi Hướng. Bây giờ từ Thập Hồi Hướng vào nơi Thập Địa và nhập Phật tri kiến. Cuối cùng gốc rễ hết và góc cạnh đều sâu xa rộng đủ.

Nhớ nghĩ về 6 loại đoan nghiêm của việc xưa rồi, sau đó liền khai, thị, ngộ, nhập. Sự chín chắn ấy là sau khi làm cho đoan nghiêm rồi, lại cũng như thế. Giải thích rộng về sự nhớ nghĩ chín chắn là lời đáp vậy.

Từ ”ngã ư quá khứ” trở đi; phần thứ 2 dẫn lược việc đáp lại sự gặp gỡ, thấy nghe. Đầu tiên dùng chính ta để rõ biết; bây giờ lại lấy việc lược bớt về việc gặp gỡ ở chỗ ít rõ biết phía trước để hỏi về quốc độ kia và đáp về quốc độ nầy. Năm việc đoan nghiêm ở quốc độ nầy không thông qua được quốc độ kia. Duy chỉ có phóng hào quang là một sự đẹp lạ, biến chiếu đến phía đông. Lược đáp về sự gặp gỡ và đáp về sự chuyên biệt cũng như phóng quang. Cho nên rõ biết điều đáp lại nầy cho câu hỏi về quốc độ kia. Bây giờ thấy như xưa, xưa ấy (vườn ông Kỳ Đà) là như bây giờ. Muốn làm cho chúng sanh đều được nghe biết rõ ràng; tức là nghe và suy nghĩ, cả hai ấy là huệ cùng với lòng tin pháp cả hai đều thực hành. Thâu tất cả về một mối. Cải đổi giáo lý Tam Thừa và 6 loại phá vô minh v.v... Những con đường của Phật đều khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến. Cho nên nói rằng: Tất cả thế gian, thật là pháp khó tin.

Từ ”như quá khứ” trở đi dẫn về 3 việc đáp lại của việc gặp gỡ, thấy nghe rộng rãi, liền chỉ bày và bỏ bớt. Ở đây đáp lại lời hỏi rộng rãi về đất nầy và đất kia. Ngài Di Lặc nhơn đó thấy ánh sáng phía bên đông và lấy đó để hỏi. Ngài Văn Thù dẫn việc thấy ở tích xưa để đáp lại. Việc qua lại là hiển thị con đường của chư Phật giống nhau. Câu văn chia làm ba. Ban đầu dẫn dụ một vị Phật giống nhau; kế đến dẫn dụ hai vạn Phật giống nhau. Sau cùng dẫn dụ cho một vị Phật giống nhau. Tựu chung như một vị Phật ở trước lại chia ra làm ba. Một là làm rõ thời tiết; hai là tên đề và ba là lúc thuyết pháp như câu văn.

Có Đức Phật hiệu là Nhựt Nguyệt, tên lại giống nhau. Thông thường hiệu của Phật ấy cùng với Phật nầy giống nhau. Đối với Biệt Giáo thì gọi tên gì là giống nhau. Ở đây giải thích rằng: Tên thì khác; nhưng nghĩa lại giống. Vì sao mặt trời là huệ; mặt trăng là định. Định huệ là chính mình thực hành cái đức. Ngọn đèn sáng là nhiếp hóa cho cái đức của kia. Năng Nhơn ở đấy có nghĩa là định huệ ấy có thể làm cho mình và cho kia. Lại nữa Nhựt Nguyệt Đăng chính là 3 trí. Bây giờ Phật lại cũng có trí. Tùy theo duyên mà xưng, còn nghĩa tức chẳng có gì đặc thù. Cho nên nói tên giống là vậy.

Từ "diễn thuyết pháp" trở đi. Lần thứ 3 thuyết pháp giống với Phật trước đốn, sau tiệm. Cùng với Phật nầy ban đầu đốn, sau đó tiệm giống nhau vậy. Diễn nói chánh pháp ở lúc đầu, giữa và sau đều lành tức là đốn giáo. Phàm nói 7 việc lành; nhưng qua Thông Giáo thì lớn, nhỏ. Tìm hiểu theo câu văn thì Đại Thừa 7 việc lành. Đầu, giữa và sau lành có nghĩa là cái tựa của Đốn giáo, phần lưu thông chánh. Nên gọi là thời tiết tốt; ý nghĩa nầy sâu xa, tức là cái lý liễu nghĩa của Đốn giáo. Nhị Thừa chẳng đo lường được chỉ sâu xa; cho nên nói là thâm viễn. Đây chính là ý nghĩa lành. Ngôn ngữ nầy xảo diệu, tức là Đốn giáo, chỗ 8 âm thanh sinh ra. Cùng với cái lý trực vui nói Bồ Tát tâm; tức là câu văn của Đốn giáo. Gọi đây là lời nói lành. Thuần nhứt chẳng tạp; chẳng cùng chung với Nhị Thừa. Tức là Đốn giáo độc nhứt lành hay đầy đủ. Đều làm rõ cho cảnh giới bên trong và cảnh giới bên ngoài, đầy đủ các câu văn. Tức là Đốn giáo viên mãn lành. Xanh, trắng hai bên không dơ;

tức là Đốn giáo nhu nhuyến lành. Thấy gọi đó là tướng hành thiện phạm hạnh. Phạm đây nghĩa là lành Đốn giáo vô duyên từ. Lại nữa ban đầu, ở giữa và sau cùng lành tốt ấy theo các vị giải thích chẳng giống nhau. Bây giờ chỉ y cứ vào một chỗ. Nếu là Tiểu Thừa thì lấy giới, định, huệ làm 3 điều thiện. Nếu là Đại Thừa thì lấy 3 tâm lúc ban đầu, giữa và sau làm 3 điều lành.

Kim Quang Minh nói: Tâm trước Như Lai bất khả tư nghì; tâm giữa Như Lai đủ loại trang nghiêm; tâm sau Như Lai chẳng thể phá hoại. Đây là ý của 3 việc lành vậy. Văn Thù ví dụ 7 việc lành đốn giáo của 7 vị Phật xưa và cùng với bây giờ Phật nói 7 việc lành đốn giáo giống nhau. Lại cùng với quốc độ kia, đầu tiên nói đốn giống nhau. Cho nên dùng điều nầy để đáp lại.

Trở lại bên trên Đức Di Lặc căn cứ theo ánh sáng rộng để hỏi quốc độ của Phật kia. Thánh chủ Sư tử diễn nói kinh pháp vi diệu đệ nhứt. Văn Thù liền dẫn chuyện xưa để đưa ra đáp lại điều nầy. Tức là Đức Phật đầu tiên nói pháp đốn giáo giống nhau. Vì cầu Thanh Văn và con người; nên nói pháp Tứ Đế. Tức là cổ Phật lần lượt sau đó đốn giáo; khai mở giáo pháp tiệm giống nhau.

Như trên có hỏi: Nếu người gặp khổ, mà vì đó nói Niết Bàn; nay dẫn cổ Phật, lại khai mở cho việc tiệm nầy; dùng để đáp lại lời hỏi kia vậy. Vì cầu Bích Chi Phật; nên nói pháp 12 nhân duyên. Đáp lại bên trên. Nếu người có phước, chí tâm hỏi cầu thắng pháp thì vì chư Bồ Tát mà nói sáu Ba La Mật. Lời đáp như trên - Phật Tử tu và hỏi đủ loại hạnh. Tất cả đều dẫn cổ Phật, khai mở tiệm giáo

giống nhau. Rộng dẫn chỗ gặp gỡ và thấy được Phật, đáp lại lời hỏi của quốc độ kia, làm cho được 3 giải thoát, thành tất cả mọi loại trí. Ở đây làm rõ cổ Phật khai mở đốn tiệm theo sau; tức là nói hiển thật, trước sau rốt ráo. Lời đáp nầy về câu hỏi của việc hiện bảo tháp mà Ngài Di Lặc thấy ở quốc độ kia, sau khi Đức Phật nhập Niết Bàn. Nếu dẫn chứng từ cổ Phật thuyết pháp cho đến sáu Ba La Mật là làm rõ cho Đức Phật bây giờ đã cùng với xưa không khác. Từ đây làm cho chứng được 3 sự giải thoát. Đó chính là làm rõ vị Phật bây giờ cùng với xưa giống nhau.

Tiếp đến 20.000 vị Phật tên, hiệu thuyết pháp đều giống nhau. Đầu tiên trích dẫn một vị Phật rồi thêm vào đốn, tiệm thuyết pháp giống nhau. Ở giữa đưa ra 20.000 vị Phật và đưa ra việc thuyết về đốn giống nhau. Nói về đầu, giữa và sau đều lành. Sau đó dẫn dụ một vị Phật, đơn cử việc khai mở cho tiệm giáo giống nhau. Cho nên đều hỗ tương với nhau; dùng để chỉ phía trước có thể rõ được: nhưng mà trích dẫn 20.000 vị Phật phía trước, chính là vì danh tự thuyết pháp, đều giống nhau. Căn cứ vào nghĩa ấy làm phương tiện vậy.

Gọi Tần Ba Đọa là phiên âm của bịnh chép miệng. Lại gọi là lợi căn; lại còn gọi là nói đầy đủ. Cho đến phần cuối cùng nầy; ở phần thứ 3 có trích dẫn một vị Phật giống nhau. Văn ấy chia làm ba. Một là làm rõ việc gặp, thấy Phật cùng với bây giờ giống nhau. Hai là làm rõ việc gặp và thấy Phật cùng với ngay bây giờ giống nhau. Ba là làm rõ việc gặp, thấy Phật và làm cho sẽ giống nhau.

Chữ gặp ấy có nghĩa là từ xưa đã từng. Chữ dĩ nầy có nghĩa là cảm tạ quá khứ. Gặp cùng với đây, liền cảm tạ đầy đủ. Nay giữa kẻ xa xôi làm sự gặp gỡ. Tiểu cận có nghĩa là đã qua. Thân giữ 6 điều đoan nghiêm cùng với bây giờ. Thân Phật xuất định, ra khỏi điều kia vậy. Từ một đến Phật sau cùng có 8 người con; tức là gặp rồi đều giống nhau. Phật xưa có 8 người con và nay thì có một người con. Số lượng tuy chẳng đồng; nhưng mà sự ra đời cùng một quốc độ. Đất đai ấy có thấy, suy nghĩ. Tất cả đều chỉ cho việc có con. Việc có con ấy giống nhau. Một và tám ấy là duyên riêng biệt phó chúc, có chỗ biểu tượng. Sanh ra một con là tổng cộng biểu hiện một con đường thanh tịnh. Sanh ra 8 con là biểu hiện của Bát Chánh Đạo. Số lượng thì khác; nhưng nghĩa lại giống nhau. Bây giờ chấp vào chỗ có con thì nghĩa ấy giống nhau. Lại nữa xưa Phật Tử xuất gia, phát nguyện ý tưởng Đại Thừa. Bây giờ Phật Tử trụ ở quả Tiểu Thừa. Ở đây gọi là giống ở điểm nào? Ngày xưa khi hóa đạo rồi, liền hiển ra hình ảnh bổn sự. Cho nên nói là phát nguyện ý Đại Thừa. Còn bây giờ chưa phát tích, dụ cho lời nói của La Hán và sau đó câu văn mới phát ra Bổn Môn, tức là Bồ Đề nghĩa nầy lại giống nhau.

Từ "thị thời Nhật Nguyệt Đăng Phật thuyết Đại Thừa Kinh" trở đi; lần thứ 2 làm sáng tỏ chỗ gặp cùng với nay giống nhau. Phật ngày xưa tự nơi đất hiện ra 6 điềm lành, tất nhiên cùng bây giờ giống nhau. Lần lượt tiếp theo như câu văn. Phật xưa ở quốc địa kia với 6 điềm lành, tổng nói như bây giờ chỗ thấy biết. Tức là rõ biết Phật xưa ở quốc độ kia có 6 điềm lành, lại cũng

giống như bây giờ. Ngày xưa làm rõ, phân biệt lời tựa, liền có hiện tướng hoài nghi, cả hai lời tựa giống nhau, mà chẳng có tập chúng, lại phát khởi lời vấn đáp để hỏi lời tựa thứ ba. Nghĩa là sự suy nghĩ ấy tất có, rồi liền nói pháp, rõ biết tất cả tập chúng; tức là hoài nghi về Đạo và biết rằng nên hỏi. Nếu có hỏi tất nhiên có đáp lại. Ví dụ thứ 2, tất nhiên kiêm luôn lời tựa thứ 3 giống nhau vậy. Lại nữa nếu thuật lại lời đáp xưa, tức là chẳng cầu Văn Thù phí lời. Liền chẳng nói lời đáp lại, lại cũng chẳng phát ra lời hỏi. Nghĩa nầy có thể rõ.

Từ "thời hữu Bồ Tát danh việt Diệu Quang" trở đi. Lần thứ 3 làm rõ chỗ gặp gỡ cùng với nay giống nhau. Câu văn nầy chia làm 6. Một là "Từ hữu Bồ Tát là nhơn và người đồng nhau. Hai là từ "Nhĩ thời Nhựt Nguyệt Đăng Minh Phật tòng Tam Muội khởi" là nói về tên của Pháp giống nhau. Ba là từ "60 Tiểu Kiếp" đây chính là thời gian giống nhau. Bốn là từ "Thuyết thị kinh dĩ ư Phạm Ma, Sa Môn" là xướng lên chỗ nhập diệt giống nhau. Năm là từ "Thời hữu Bồ Tát danh viết Đức Tạng" đây là sự thọ ký giống nhau. Sáu là từ "Tiện ư trung dạ" là làm rõ chỗ sau khi mất đi, kinh điển của Thông giáo giống nhau.

Bây giờ đầu tiên nói về nguyên nhơn và con người giống nhau cái gì? - Ngày xưa Phật từ định mà khởi ra nguyên nhân, Diệu Quang Bồ Tát nói kinh. Nay thì nguyên nhơn Phật từ định khởi là để nói kinh cho Thân Tử (Xá Lợi Phất) Thanh Văn. Ở đây nói giống nhau điều gì? - Các vị Thầy nói rằng: Nguyên nhơn ấy là cái nhơn

đã qua, phụ giúp việc truyền lại kinh Nhứt Thừa. Chẳng phải đối diện để nói với người vậy. Vị Phật kia đối diện để bảo thì hà tất phải là Diệu Quang. Như bây giờ đối mặt để dạy cho Thân Tử. Thân Tử chưa hề có thể có tuyên bố về Thông giáo. Cái nhơn và quả nói về Thông thì chưa nói về Diệu Quang. Như cái nhơn bây giờ thì ủy thác cho Văn Thù. Bây giờ Phật chẳng ca ngợi. Qua đến Phật sao lại phải ca tụng vậy. Văn thù dẫn đến trước Phật để tán thán Diệu Quang chính là làm rõ cái nguyên nhơn đã qua rồi.

Lại nữa xưa dùng Dược Vương để làm cái nhơn của con người, lại có thể như thế. Theo dẫn chứng đã qua, chứng tỏ cho bây giờ là loại chẳng nhỏ. Hoặc nói rằng: Các nguyên nhơn ấy là do Văn Thù giải thích sự nghi ngờ, được khởi đi từ định để nói kinh nầy đối lại chẳng thể được. Bây giờ làm rõ chẳng thể được vậy. Kinh văn tự nói rằng: Nguyên do là Diệu Quang nói, mà tác nhơn và qua đó giải thích phần lưu thông. Lại lấy Dược Vương để làm thí dụ. Ở đây lại công khai trái lại lời Phật. Vậy thì kinh nào liên hệ để giải thích? – Ngày xưa nguyên nhơn là Ngài Diệu Quang và ngày nay nguyên nhơn là Thân Tử. Điều chính đáng là chỗ nguyên nhơn và con người giống nhau. Ngày xưa Đức Phật là Thầy của 8 vị Vương Tử và cả đối với Diệu Quang. Khi Như Lai từ định ra liền đối trước Diệu Quang bảo: Lại phú thác cho Diệu Quang làm Phật Tử và Lan Vân (Hầu) làm Thân Tử (đệ tử của Ngài). Phật từ định ra, lại đối trước Thân Tử bảo rằng: Theo Tích Môn, lại phú thác cho Thân Tử. Xưa nay che

khuất, nên lại chẳng rõ hơn điều nầy; gần thì nắm lấy Thân Tử; còn xa thì nhận Dược Vương.

Người nghi ngờ nói rằng: Diệu Quang là Bồ Tát, Thân Tử là Thanh Văn thì làm sao giống nhau được? - Việc ngày xưa đã hiện rõ là Bồ Tát. Còn việc bây giờ chưa phát khởi ở đạo; nên nói là Thanh Văn. Điều nầy cùng với sự phát hiện của Tích (Môn). Thân Tử là đại Bồ Tát thì chẳng giống nhau ở nghĩa nào? - Ngày xưa Diệu Quang Thùy Tích thì hà tất phải làm Thanh Văn? Đặc biệt ở đây Văn Thù đã khéo nói phương tiện ẩn dụ chăng?

Từ "thị thời nhựt nguyệt" trở đi; lần thứ 2 thuyết pháp nói là giống nhau câu văn. Bên trên Di Lặc thấy quốc độ kia là sơ đốn. Đốn rồi, sau đó lại thấy tiệm. Tiệm rồi sau đó lại thấy đủ các việc làm, sau khi làm lại chẳng thấy rốt ráo, sau đó thấy Phật Niết Bàn. Bây giờ Văn Thù đáp rằng: Khi gặp thấy Phật đầu tiên là đốn, sau đốn là tiệm và sau đó nói đủ các hạnh; tức là thấy Pháp Hoa. Sau sáu loại đoan nghiêm ở đây và kia, mới nói Pháp Hoa. Sau Pháp Hoa tức là nhập Niết Bàn. Đây chính là việc trả lời cho quốc độ kia và đáp lại rõ ràng về việc nầy.

Từ "60 Tiểu" trở đi; thời thứ 3 giống nhau như câu văn ở dưới nói 60 Tiểu kiếp, giống như nửa ngày. Tức là giống nhau vậy.

Từ "Nhựt Nguyệt Đăng Minh" trở đi; lần thứ 4 xướng lên sự nhập diệt giống nhau. Ngày xưa đã nói Pháp Hoa; tức là xướng lên sự nhập diệt, lại giống như

Phật Ca Diếp v.v... Bây giờ Phật nói phẩm Bảo Tháp là làm rõ việc Như Lai chẳng còn bao lâu nữa sẽ vào Niết Bàn. Hóa độ đã xong, liền xướng lên việc nhập diệt vậy.

Từ "thời hữu Bồ Tát" trở đi; là lần thứ 5 thọ ký giống nhau. Ngày xưa thọ ký nơi Ngài Đức Tạng Bồ Tát. Bây giờ trải qua việc thọ ký làm Thanh Văn, há lại giống nhau sao? - Việc xưa đã hoàn thành, cho nên nói rằng thọ nhận việc Bồ Tát ký thác. Đó mới đúng là gặp 3 và trở về một. Thanh Văn được thọ ký vậy. Nếu nói rằng: Ngày xưa thọ nhận việc Thanh Văn ký thác thì Phật từ định khởi, liền luận cứ vào nơi nào? Văn Thù khéo nói; cho nên chẳng phát khởi ra Tích (Môn) vậy. Nếu nghi việc thọ nhận Bồ Tát ký thác thì các kinh đều như thế. Người chấp vào các lời dạy thì chưa rõ biết vậy v.v...

Từ "Phật thọ ký" trở đi. Lần thứ 6 qua các kinh, giống với câu văn và chia ra làm 5. Một là thời gian; tức là sau khi Phật nhập diệt. Hai là ra khỏi người nầy; tức là Diệu Quang vậy. Ba là xa gần; tức là 80 Tiểu Kiếp. Bốn là chỗ người hóa độ; tức là 800 Vương Tử. Năm là xưa nay gặp nhau; tức là cầu danh Diệu Đức v.v...

Nói chung việc hóa độ cho người có hai. Đầu tiên là 8 người con thực hành trong lâu xa, đã được thành Phật. Còn 800 vị kia, mỗi vị sẽ ở ngôi Bổ Xứ. Cho nên lấy dẫn dụ của 8 người con nầy với 800 vị kia. Gần hơn là giải thích điều nghi và bí mật khai mở thọ lượng. Giải thích điều nghi ấy hoặc là lấy sự Bổ Xứ của Ngài Di Lặc làm lớn. Ngài Văn Thù chẳng được Bổ Xứ làm nhỏ. Nhỏ thì chẳng thể đáp và lớn chẳng thể hỏi. Cho nên đưa ra 800,

mới có việc hỏi. Diệu Quang xưa gần gũi thân cận với Đức Phật. Muốn làm rõ chỗ Thầy mình; nên giải thích điều nghi, chẳng phải là ngoa.

Mật khai thọ lượng nghĩa là trong 8 người con ấy, vị nhỏ nhất hiệu là Phật Nhiên Đăng. Nhiên Đăng có nghĩa là Định Quang. Còn Diệu Quang ấy là Tổ Sư 9 đời của Phật Thích Ca. Cháu bây giờ thành Phật; còn Sư Tổ làm Đệ Tử. Thầy trò không định trước. Cùng nhau bí mật hiển thị sự sanh diệt là ý của chẳng diệt vậy.

Hỏi: Di Lặc xưa thấy chư Phật, gặp gỡ nghe Pháp Hoa, sao lại còn nghi ngờ?

Đáp: Do căn cơ của chúng hội còn nghi, nên mới phát ra lời ấy.

Phần thứ tư từ "Kim kiến thử đoan" trở đi gọi là đáp lại rõ ràng sự quyết đoán. Bây giờ và xưa kia, sáu việc đoan nghiêm ấy giống nhau. Sự suy nghĩ kỹ càng, quyết định chẳng ngoa. Lược nói về sự gặp gỡ và sự gặp gỡ rộng lớn, đều là sự quyết định vậy. Sẽ nói về Đại Thừa quyết định, trước khi thuyết pháp về sự đoan nghiêm. Gọi là Diệu Pháp Liên Hoa. Quyết định ấy trước khi mưa hoa đẹp. Dạy pháp cho Bồ Tát, quyết định trước chúng hội vui vẻ đoan nghiêm. Phật sở hộ niệm là quyết định trước, đất rung chuyển đẹp đẽ. Cùng với tất cả sự nhập định, tất nhiên ở trong đây. Có người làm giống rồi, sẽ giống; chẳng làm giống như bây giờ.

Tìm theo câu văn thì nói rằng: Nay thấy việc đoan nghiêm cùng với chuyện xưa chẳng khác. Lời nói chơn

chánh ấy đối với bây giờ, vì sao lại hoán đổi để làm 6 sự đoan nghiêm? Củng cố lời văn nầy cho bây giờ. Cho nên tạo ra sự giải thích 3 điều giống nhau. Tụng ấy có 45 hàng kệ. Chẳng tụng bên trên và đáp lại sự suy nghĩ, lược bớt chỗ gặp gỡ, thấy nghe. Đối với việc gặp gỡ, thấy nghe rộng rãi thì trước sau đều tụng, ở giữa lại không. Đầu tiên có 2 hàng, tụng về lúc gặp gỡ, thấy nghe rộng rãi, gọi đây là sự thuyết pháp giống nhau.

Từ "Phật vị xuất gia" trở đi. Phần thứ 2 có 39 hàng kệ, tụng về vị Phật sau cùng có 3 điểm giống nhau. Kế tiếp có 4 hàng, tụng ấy đáp lại sự quyết định. Tựu chung hàng thứ 23 ấy giống với giữa và có 3. Đầu tiên có một hàng là kệ, tụng về sự gặp gỡ, cùng với đây giống nhau. Kế đến phần thứ hai có 15 hàng rưỡi, tụng sự gặp gỡ cùng với bây giờ giống nhau. Phần thứ 3 có 22 hàng rưỡi, tụng sự gặp gỡ cùng với việc tương lai giống nhau.

Từ "thời Phật thuyết đại" trở lại. Phần thứ 2 tựu chung giống với bây giờ, trong ấy có hai. Đầu tiên 14 hàng tụng về 5 sự đoan nghiêm của đây và kia. Phần thứ hai từ "nhĩ thời tứ bộ chúng trở đi" một hàng rưỡi, tụng về sự hoài nghi của 4 chúng. Đầu tiên lại chia ra làm hai. Đầu ấy lại có 4 hàng kệ, tụng về 6 việc đoan nghiêm. Ở đây và kia giống nhau, mà câu văn dài thì sanh thiên và trống thì tự kêu. Điều nầy biểu hiện việc "vô vấn tự thuyết" vậy.

Hiện ra các điều hy hữu nghĩa là tổng tụng các điều đoan nghiêm và từ "thử quang chiếu trở đi". Phần thứ 2 tiếp theo 10 hàng, tụng ở quốc độ kia có 6 sự đoan

nghiêm giống nhau. Trong câu văn Trường hàng (dài) thường nói như bây giờ chỗ thấy là quốc độ của chư Phật. Câu văn nầy tức là lược bớt bài tụng rộng nầy vậy. Câu văn nầy chia ra làm 5. Ba hàng đầu tụng thấy 6 nơi chúng sanh giống nhau. Kế tiếp là từ "kiến chư Như Lai trở đi". Phần thứ hai, một hàng có 2 câu. Tụng ấy thấy Phật giống nhau. Kế đến từ "Thế tôn tại trở đi". Phần thứ 3 có 2 câu, khi tụng nghe Phật nói về đốn giáo với 7 pháp lành giống nhau. Kế đó từ "nhứt nhứt chư Phật trở đi". Phần thứ 4 có 3 hàng. Tụng thấy Thanh Văn và Tam Thừa, tức là xưa Phật khai mở giáo pháp tiệm giáo giống nhau. Kế tiếp từ "hựu kiến chư Phật Bồ Tát trở đi". Phần thứ 5 có 2 hàng. Tụng thấy Bồ Tát đủ loại nhơn duyên; tức là lời tụng, mở khai Phương Đẳng, Bát Nhã giống nhau. Phần đầu 3 hàng như câu văn. Phần 2, một hàng rưỡi giải thích. Tự nhiên thành Phật đạo nghĩa là Phương Tiện đạo, tức là gia tâm việc tu tập. Phát chơn đạo nghĩa là nhiệm vận tự nhiên cùng với lý ấy hợp nhau. Đối với tứ giáo đều có thể rõ biết v.v...

Hỏi: Phát chơn tự nhiên có phải là thuận theo lời thuyết pháp của chư Phật?

Đáp: Như thuyền thuận chiều gặp gió, gia thêm sức mạnh và trợ duyên cho cán chèo, tất có chỗ đến. Gió ấy dụ cho việc thấy Phật, nghe pháp. Cán chèo dụ cho sự tu hành – Ví dụ ấy như từ sơ quả đến 7 lần sanh. Nếu được gặp Phật thì gia thêm sự tu trì; hoặc một lần sanh; hai lần sanh khiến được đến vô học v.v... Tự nhiên thành

Phật Đạo là báo thân. Lưu ly ấy là pháp thân vốn thanh tịnh. Tượng vàng ấy là vật hiện hành.

Từ "Thế Tôn tại đại chúng phu diễn thâm pháp nghĩa" trở đi. Phần thứ 3 gồm nửa hàng; đây chính là giáo pháp đối với con người. Pháp ấy sâu xa, nên rõ biết tất nhiên vận dụng cơ lớn để khai mở đốn giáo vậy. Bài tụng nầy như trên thuần nhứt, chẳng tạp, là câu văn của 7 việc lành.

Từ "nhứt nhứt chư Phật độ Thanh Văn chúng trở đi". Phần thứ 4 gồm 3 hàng nầy; tức là nói về con người đối với giáo pháp. Người đây tức là Nhị Thừa. Tất nhiên rõ biết, khai mở để nói Tam Tạng. Tức là bài tụng trên về Thanh Văn, loài người mà nói Tứ Đế. Tuy chẳng tụng về Duyên Giác; nhưng trong đó có nhiếp lấy; thực hành bố thí, nhẫn nhục v.v... cùng với bốn độ. Một hàng nầy ở trên tụng về 6 độ của Đại Thừa.

Lại nữa từ "kiến Bồ Tát thâm nhập chư Thiền Định" trở đi. Phần thứ 5 có 2 hàng, tụng ở trên thấy Bồ Tát ở quốc độ kia cùng với đủ loại nhơn duyên, tín, giải, tướng mạo vậy. Lược bớt chẳng đáp việc khởi bảo tháp ở trên. Bên trên chẳng thấy quốc độ kia có tướng Pháp Hoa; thứ đến thấy có pháp hiện ra. Bây giờ tháp ấy hiện ra tướng Pháp Hoa; cho nên khởi tháp nhập diệt và việc ấy đáp lại sau đó.

Kế đến từ "nhĩ thời tứ bộ chúng" trở đi. Phần thứ 2, một hàng rưỡi; theo cách tụng như câu văn, ngày xưa Phật đã tứ chúng có nghi ngờ nhớ đến.

Từ câu "Thiên nhơn sở phụng tôn" trở đi gồm có 22 hàng rưỡi, tụng ấy là chỗ gặp và bây giờ giống nhau. Câu văn nầy lại chia làm 6. Hai hàng đầu, 2 câu tụng, nguyên nhơn và con người giống nhau.

Kế đến "thuyết thị pháp" trở đi; phần thứ 2 câu thứ nhứt tụng với việc thuyết pháp bên trên giống nhau.

Kế tiếp "mãn 60 Tiểu kiếp" trở đi; phần thứ 3 một hàng một câu tụng về thời gian giống nhau. Rõ biết đầy đủ các kiếp dài lâu; thật bất tư nghì. Ngài Diệu Quang cũng đều thọ trì Phật Pháp ngày xưa. Cũng giống như Thân Tử thọ nhận sự phó chúc vậy.

Kế đến "Phật thuyết thị Pháp Hoa" trở đi; phần thứ 4 gồm 5 hàng tụng bên trên và xướng về việc nhập diệt giống nhau. Tức là đáp lại cái ý của việc nhập diệt tại quốc độ kia ở bên trên. Tựu chung câu văn nầy có đề xướng lên sự nhập diệt, có sự chúc lũy. Chúc lũy nầy giống như là di giáo. Có buồn khóc như Niết Bàn, có ưng dụ lại giống như Di Giáo vậy. Những người đắc độ, tất nhiên đều được đắc độ. Những kẻ chưa được độ là nhơn duyên sẽ được độ. Giống như bây giờ Phật sẽ phó chúc cho Ngài Di Lặc vậy v.v...

Từ "Thị Đức Tạng" trở đi; phần thứ 5 có một hàng rưỡi, tụng về sự thọ ký bên trên. Kế đến "Phật thử dạ trở đi"; phần thứ 6 có 12 hàng, tụng qua kinh bên trên. Thông Kinh ấy lại có 5. Đầu tiên có 2 hàng, tụng lúc Đức Phật nhập diệt thì 4 chúng được lợi ích; như củi hết lửa tắt. Tiểu Thừa Phật lấy quả báo của thân làm củi và trí

huệ làm lửa. Huệ ấy nương vào báo thân và báo thân ấy diệt thì trí mất. Đại Thừa Phật lấy căn cơ làm củi và nhánh đậu làm lửa. Chúng sanh căn cơ, thì hình tướng lại hoại diệt. Phải tinh tấn gấp bội; nên lấy sự diệt độ để độ.

Kế tiếp "từ thị Diệu Quang" trở đi; phần thứ 2 có 2 câu. Tụng nầy có thể giúp cho người hoằng pháp qua kinh.

Kế đến từ "80 Tiểu kiếp" trở đi; phần thứ 3 có 2 câu, tụng về việc làm trải qua thời gian.

Kế tiếp từ "thị chư Bát Vương" trở đi; phần thứ 4 có 8 hàng, phần tụng bên trên là chỗ nhiêu ích cho đệ tử. Ở đây chia ra làm hai. Ba hàng đầu tụng rồi, thành đệ tử.

Kế tiếp từ "Diệu Quang trở đi"; 25 hàng tụng, sẽ thành đệ tử.

Kế tiếp từ "Phật diệt" trở đi; phần thứ 5 có một hàng, tụng về phần cuối của việc gặp gỡ xưa nay. Sau 4 câu kệ, xưa gọi là kết thành, làm cho mọi vật đều ngưỡng mộ. Bây giờ sự giải thích chẳng phải như vậy.

Câu văn Trường hàng bên trên có phân minh phán đoán về lời đáp lại của câu văn tụng nầy. Câu văn lại chia làm 3. Đầu tiên từ "ngã kiền đăng trở đi"; đầu tiên có một hàng, tụng về việc sẽ nói kinh Đại Thừa.

Kế đến từ "Kim tướng như bổn" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng, tụng về cách dạy dỗ các pháp cho Bồ Tát.

Kế đến từ ”chư cầu Tam Thừa nhơn trở đi”; phần 3 có một hàng, tụng về Phật hộ niệm. Ở câu văn nầy có thể giải thích được.

Lại nữa phía trước Ngài Di Lặc giải thích về 4 loại phục nan. Bây giờ nhất định Ngài Văn Thù có đáp lại. Ở trong nầy Văn Thù đoạn trừ 4 phục nghi; khiến cho Di Lặc chưa rõ lại hỏi. Cái nghi đầu tiên là Ngài Văn Thù rộng dẫn việc gặp Phật trước, nói kinh Pháp Hoa; cho nên Di Lặc có nghi và muốn hỏi. Chư Phật tùy theo duyên còn con người thì mỗi mỗi khác nhau. Phật xưa chỉ gọi Pháp Hoa và Phật bây giờ hà tất phải như vậy. Văn Thù tức là lấy câu kệ thứ nhứt để nói việc đoạn (nghi). Ta thấy Phật Đăng Minh vốn có ánh sáng đoan nghiêm như đây; cho nên rõ biết Phật bây giờ muốn nói kinh Pháp Hoa? Việc đoạn nghi nầy gọi là hỏi vậy. Di Lặc do nhơn nầy mà lại nghi. Tự có tên giống và nghĩa giống vậy. Tự có tên giống và nghĩa khác. Tên nầy là chỗ để làm rõ tên gì?

Văn Thù tức là lấy câu kệ thứ 2 để đoạn trừ nghi. Tướng bây giờ đoan nghiêm như xưa kia. Đây là chư Phật phương tiện. Phật bây giờ phóng ra ánh sáng, trợ giúp cho cái nghĩa phát ra thật tướng. Đây là đoạn cái nghi về cách hỏi. Di Lặc nhơn điều nầy lại nghi. Thật tướng vô tướng ai là người có thể gặp được? Văn Thù tức là dùng câu kệ thứ 3 để đoạn nghi. Con người bây giờ sẽ rõ biết, chắp tay một lòng chờ đợi. Phật sẽ mưa pháp, mưa ấy rải khắp cho người cầu đạo. Đoạn trừ nghi nầy là căn bản của câu hỏi. Di Lặc nhơn đó lại nghi nữa.

Phật mưa pháp, mưa ấy dừng nơi Bồ Tát và nhuần thắm Đại Thừa. Văn Thù tức là dùng câu kệ thứ 4 để đoạn nghi. Những người cầu Tam Thừa, nếu có nghi hối, Phật sẽ vì đó mà trừ nghi, làm cho không còn sót gì nữa. Đây tức là dùng câu hỏi để đoạn nghi nầy. Di Lặc lại càng nghi hơn. Văn Thù lại đoạn trừ phiền não; tức là việc cùng lý tận; tức là ở nơi hoài nghi; có thể ở nơi hỏi đáp hay đầu, đủ 2 việc trang nghiêm. Làm cho rõ ràng để hiểu, thuật lại nơi những vị Thầy sáng suốt, giải thích 4 loại phục nan, làm cho Văn Thù tất nhiên phải đáp lại. Rõ ràng cái đẹp của Di Lặc là chẳng thấy Văn Thù giải thích 4 phục nan ấy và làm cho Di Lặc chẳng hỏi, mà hướng về Diệu Đức. Nghĩa nầy phát xuất từ Thiên Thai, chẳng phải truyền lại từ kia. Lời nói ỷ ngữ, người hiền đời sau chớ có ngăn cấm người lâu dài. Từ các vị Thầy ấy về sau, cả 100 năm hơn, kẻ giảng Pháp Hoa là con đường lợi ích. Phàm có thấy được ý ấy chăng? Chẳng phải lâu gì.

Giải thích về phẩm Phương Tiện

Việc giải thích ở đây có lược bớt nghĩa rộng. Lược ấy lại có 2. Trước tiên, sự lược bớt ấy lần lượt giản đơn; sau đó là pháp và tiếp theo là dụng. Pháp ấy có tròn đầy; dụng ấy có sai đúng. Ba quyền là ánh đèn, là phương hướng. Một sự thật là quy tắc, là tròn đầy. Nếu kẻ trí thường hay tiếp cận với ánh sáng; tức là hay dùng biện pháp gần gũi với chúng sanh. Nếu kẻ trí gặp nơi quy tắc; tức là lành dùng phép Viên (giáo) để gặp gỡ chúng sanh. Giống như khắp cả cử chỉ dùng mắt để ở các nơi. Đây chính là pháp ở khắp nơi, dùng mắt để rõ biết. Dùng pháp nầy để giải thích là phương pháp vậy. Nếu nói tổng quát về cử chỉ thì dùng mắt để thấy nơi Viên (giáo). Há phải giải thích điều vi diệu, lại phải giải thích nữa sao? Dùng sự thấy khắp các pháp để giải thích phương tiện. Sự che đậy tùy theo chúng sanh, muốn chẳng nhớ lại vị Phật chính, như trong kinh để lìa những sự dính mắc, ra khỏi 3 cảnh giới hữu. Cho nên Đức Như

Lai mới khuyến khích, xưng dương tán thán phương tiện là vậy. Nghĩa nầy có thể giải thích ở kinh kia và chẳng phải ý của phẩm nầy. Lại nữa cũng là cửa của phương tiện. Môn đây hay thông; thông ấy là đối với chỗ thông phương tiện, quyền lược. Tất cả đều được hướng dẫn. Vì sự chơn thật mà tạo ra cửa nầy. Sự chơn thật được hiển thị ra công đức là do phương tiện. Từ chỗ hay hiển bày, mà được gọi tên. Cho nên dùng môn để giải thích phương tiện. Như kinh khai mở cửa phương tiện để chỉ bày tướng chân thật. Nghĩa nầy có thể giải thích ở kinh kia, chẳng phải là ý của phẩm nầy. Lại nữa Phương đây là huyền bí và Tiện đây chính là diệu dụng vậy. Lành đạt ở Phương, tức là chân huyền bí. Điểm bên trong nương vào phía sau, chẳng có châu báu giá trị; cùng với trên đảnh của vua, tuy có một hạt châu, chẳng hai và chẳng sai khác. Chỉ cho vị khách làm người là Trưởng giả; còn con ấy lại chẳng hai và không sai biệt. Như lời nói ấy được chẻ ra thì là huyền bí, là vi diệu. Như kinh, tuy ta biết là tướng, mà mười phương chư Phật cũng vậy. Dừng lại chẳng cần nói; pháp ta thật khó nghĩ. Cho nên nói là huyền bí và giải thích là Phương. Lấy sự vi diệu ấy nói là Tiện.

Đây chính là cái ý của Phẩm nầy. Cho nên gọi là Phẩm Phương Tiện.

Liệu giản nghĩa là đầu tiên lần lượt giải thích; đây chính là bề ngoài của Phương Tiện. Vật thay đổi ấy là quyền, tùy theo ý của lời nói kia. Kế đến sự giải thích lại là thể ngoại của Phương Tiện. Tự hành và hóa tha, chính

là quyền. Lại nữa cũng tùy theo ý nói về tự và tha. Sau đó giải thích điều nầy đồng thể với Phương Tiện. Tức là tự hành quyền, tùy theo ý của lời nói. Đầu tiên giải thích Phương Tiện chẳng hay vào, chẳng có chỗ vào. Kế đến giải thích Phương Tiện là chỗ có thể vào, chẳng có chỗ vào. Sau đó giải thích Phương Tiện là chỗ vào, chẳng phải hay vào được. Cho nên rõ biết là tên giống; nhưng nghĩa nầy thì khác nhau rất lớn. Đa phần người đời ít thấy được ý nầy; nên hiểu xa về sự giải thích của Phẩm Phương Tiện nầy v.v...

Hỏi: Phương Tiện cùng với quyền là thế nào?

Đáp: Bốn câu phân biệt, tự có phương tiện và phá quyền. Quyền phá phương tiện; phương tiện tu quyền. Quyền tu phương tiện; phương tiện tức quyền; quyền tức là phương tiện. Phương tiện phá quyền nghĩa là 4 loại ấy đều là bí diệu của phương tiện. Phương tiện nầy phá tùy theo ý của quyền kia. Quyền phá phương tiện là quyền, là đồng thể của quyền. Phá ấy là đối với thể bên ngoài của phương tiện vậy. Tướng tu lại cũng có thể giải thích như thế. Tướng ấy tức là người, lại cũng có thể giải thích như thế v.v...

Ba câu có thể giải thích ở kinh kia. Câu thứ 4 là ý của Phẩm nầy vậy. Cho nên Chánh Pháp Hoa gọi là Phẩm Thiện Quyền. Quyền đây tức là Phương Tiện, không hai và không khác biệt. Cúi đầu, chắp tay, tất cả đều thành Phật. Phương Tiện thiện quyền đều là chơn thật. Giải thích rộng như trước đã trích lời xưa để giải về 5 thời quyền và thật. Trước 12 năm chiếu rõ sự vô thường và

việc ấy là quyền. Chiếu rõ cái lý của vô thường là thật để chỉ cho A Tỳ Đàm. Bây giờ giải thích luận nầy là phá vô thường, nghĩa là pháp đối trị. Tất cả đều thuộc về 3 Tất Đàn.

Vì sao lại có thật vậy? Bây giờ lại chẳng có chỗ dùng đến?

Sau 12 năm ấy là Bát Nhã chiếu soi cái giả và lấy đó làm quyền. Chiếu giả ấy; tức là lấy không làm thật. Thích luận lại phá bỏ nghĩa nầy; trừ ra cái quán về nhớ nghĩ. Tất cả ngôn ngữ đều tiêu sạch.

Chiếu giả hữu tức là không. Điều nầy dụ cho sự quán tưởng; chỗ dùng bây giờ chẳng có.

Kế đến gọi việc yên tịnh là tư ích. Bên trong tranh với không kia, có 2 cảnh lấy làm thật trí. Bên ngoài biến động hay dùng đến và lấy đó làm quyền trí. Bây giờ nghĩa là bên trong tranh chấp; bên ngoài dùng đến, chia làm hai. Chẳng vào được cửa bất nhị. Bây giờ chẳng có chỗ dùng được.

Kế đến Pháp Hoa chiếu vào ba và ba ấy làm quyền. Chiếu vào bốn và một ấy là thật. Bây giờ nghĩa là 3 quyền 1 hướng, chẳng gặp nhau chỗ thật. Mặt thật ấy chẳng liên quan với 3 quyền. Bây giờ chẳng thể dùng được.

Kế đến, trước Niết Bàn Kim Cang thì vô thường là quyền. Sau Kim Cang thì thường ấy là thật. Bây giờ nghĩa là trước đạo thì chơn như cũng lại là thường. Sau đạo như lượng trí lại là quyền. Năm thời quyền, thật nầy nay

chẳng thể dùng được. Cho đến đầy cả 4 Tông chỗ làm sáng tỏ cho quyền, thật, hai trí. Lại bây giờ cũng chẳng dùng được.

Lại có người giải thích rằng: Phương Tiện cũng là quyền, mà thật thì chưa thật. Lại nữa phương tiện là quyền, xảo thật là trí tuệ. Lại nữa phương tiện là quyền giả; giả 3 xe ra khỏi cửa. Lại nữa phương tiện là quyền nghi. Nghi nói về 3 Thừa. Cho nên lại quyền là dụ cho danh. Dụ như trước cái câu là trọng lượng, đo chỗ nhẹ nặng và sau đó cân bằng. Hợp nơi trí Phật, chiếu tỏ gọi là lượng. Như thế cùng với sự giải thích, mỗi mỗi thu về một. Quyền là quyền giả chỗ nơi chốn; quyền nghi về pháp môn; quyền xảo đo lường thuộc về trí năng. Mỗi thứ chẳng bao hàm ý nghĩa; chẳng dung thông chỗ diệu dụng. Chẳng có thể dùng sự giải thích nầy cho Phẩm nầy được.

Lại cũng có người lấy bốn loại của hai huệ. Một trước là quyền; một sau là thật. Kế đến, không ấy có hai trí. Quán về không chẳng chứng lìa Nhị Thừa, lại có sự vô nhiễm, ra khỏi chỗ phàm phu.

Lại nữa không ấy có bên trong thanh tịnh làm thật. Bên ngoài dùng làm quyền. Thứ đến, trước sau Kim Cang thường, vô thường làm quyền, thật. Hai huệ đầu làm cho sanh niềm tin. Hai huệ sau làm cho sanh sự hiểu rõ. Hai huệ tiếp làm cho hóa tha. Hai huệ sau là quả. Hai huệ nầy, phàm có 2 chuyển. Cái đầu lấy hữu vi của không thế tục làm chơn. Kế đến là không hữu vi tục; lấy chẳng không, chẳng có làm chơn. Tiếp theo là không hữu có

hai. Chẳng phải không, chẳng phải hữu lấy đấy làm bất nhị. Hai là bất nhị ấy, tất cả đều là tục; chẳng phải hai, chẳng phải chẳng hai làm chơn. Giáo trí lại cũng như vậy. Vì sao thế? – Vì con người Tất Đàn (trí) vậy. Vì có người trước nghe chẳng ngộ; nhưng sau nghe lại ngộ. Cho nên nhị đế chẳng đồng.

Lại nữa Như Lai thường nương vào nhị đế để thuyết pháp. Cho nên nhị đế có 3 cửa. Ngoài ra Phật dạy tuy nhiều nhưng chẳng ra khỏi 3 môn. Dần dần hướng dẫn cho chúng sanh vậy. Phàm phu so đo thân hình là thật; bị che đậy chẳng thật. Pháp tánh không lại là chơn. Phàm phu xả bỏ hữu, thủ, không. Nói là không, có đều là tục. Phi không, phi hữu lại là chơn. Hoặc giả xả nhị biên, vào Trung Đạo. Lần thứ 3 xa rời nhị biên; chẳng dính vào Trung Đạo. Thế là chơn. Đây là Ngũ Thừa nhơn. Đầu tiên dẫn kẻ phàm phu sanh lòng tin ra khỏi chỗ có. Kế đến dẫn Nhị Thừa làm cho nhập vào Trung (Đạo). Kế đến dẫn Bồ Tát làm cho giữa, biên đầu xả bỏ.

Lại vì kẻ học trung ấy thành 3 giả của thế gian. Ba giả; không là chơn nầy hay được ý ban đầu. Kế đến chẳng phải 3 giả, không, hữu ấy đều là tục. Phi không, phi hữu lấy làm chơn v.v...

Bây giờ làm cho rõ ràng lời giải thích kia. Cho đến bên cạnh 5 thời, hiển thị ý nầy. Qua khỏi tiệm, lần lượt vào chỗ chẳng có. Có thể giải thích kinh kia chẳng phải là ý của Phẩm nầy.

Kinh rằng: Hoặc làm cho chúng sanh tất cả đều thấy được, sao lại có trước sau khai ngộ, chẳng giống nhau. Lại nói rằng: Chánh trực xả phương tiện, sao lại dùng tiệm, thứ nào để gặp nơi viên diệu? Đầu tiên lại dẫn đến sanh tín, giải, hóa, quả. Có sự liên hệ nào nay kinh nầy ngộ nhập vào ý kia? Như Thiên (Thế) Thân liệt kê 17 tên gọi. Tên thứ 13 gọi là đại xảo phương tiện.

Lại nữa ở nơi Đại Thừa Phương Tiện Kinh làm rõ về phương tiện có 10 loại. Loại thứ 9 gọi là Thiện Xảo đổi từ Nhị Thừa làm cho nhập vào Đại Thừa phương tiện Ba La Mật. Nên biết rằng Phẩm nầy còn gọi là Như Lai phương tiện, nhiếp lấy tất cả pháp như không, bao hàm các sắc. Nếu là biển thì thêm nước, há có thể dùng chư Sư một nhánh, một phái giải thích pháp giới đều được hết sao?

Bây giờ làm cho rõ chỗ quyền, thật. Trước tiên tạo ra 4 câu. Nghĩa là tất cả pháp đều là quyền; tất cả pháp đều là thật. Tất cả pháp vừa quyền vừa thật. Tất cả pháp phi quyền phi thật. Tất cả pháp là quyền như câu văn nói; nghĩa là các pháp như thế, tánh, tướng, thể, lực, bổn, mạt v.v... Tuy có dùng đến lời nói; nhưng tất cả đều là quyền. Tất cả pháp đều là thật như câu văn giải thích. Như Lai xảo nói các pháp để làm cho tâm của chúng sanh sanh vui. Khi tâm của chúng sanh nhập vào thật thì lấy đó làm vui. Lại nữa chư pháp từ bổn lai, thường tự nó có tướng tịch diệt. Lại nói rằng: Như Lai sở thuyết, tất cả đều đến tất cả trí địa. Lại nói: Tất cả đều thật chẳng hư ngụy. Hơn nữa 4 câu của Đại Kinh ấy đều chẳng thể nói được. Tất cả pháp vừa quyền vừa thật. Như câu văn nói

cho nên các pháp, tướng như thật. Cả hai điều nầy đều làm rõ tất cả vừa quyền, vừa thật. Ví dụ như quán bất tịnh vừa quyền, vừa thật, vừa hư v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú
Hết quyển ba (Phần trên)

Dịch xong phần nầy vào ngày 8 tháng 4 năm 2010
tại chùa Tam Bảo Moss – Na Uy.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 3
(Phần dưới)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại chùa Tam Bảo Moss, Na Uy, ngày 8 tháng 4 năm 2010.

Tất cả pháp phi quyền phi thật theo như kinh nói thì phi ấy như khác phi. Lại nói: Lại chẳng phải chẳng hành các pháp trên, giữa, dưới và các pháp hữu vi, vô vi, thật, chẳng thật. Chẳng hư, chẳng thật, như thật tướng vậy. Nếu tất cả các pháp là quyền, sao lại chẳng có chỗ phá? Lại làm cho 100, 1000 Thầy; mỗi mỗi Thầy lại nói trăm, ngàn cách khác nhau. Chẳng phải đó chẳng là quyền. Như Lai có nói phía trên lại là quyền; huống là con người, bậc Thầy há được nói không phải quyền? Như phía trước đã thấy, tất cả đều là quyền vậy.

Nếu tất cả pháp đều là thật, sao lại chẳng phá chỗ nào cả? Duy chỉ có một sự thật; trừ hai, tức là chẳng thật. Chỉ có một con đường cứu cánh, há lại có nhiều con đường cứu cánh hay sao? Như trước chỗ thấy của các vị Thầy; tất cả đều phá để nhập vào thật. Há lại còn giữ điều che khuất nầy sao?

Nếu tất cả pháp vừa quyền vừa thật, có chỗ nào lại chẳng phá? - Tất cả tất nhiên có quyền có thật. Cái nào được ở một, chẳng giải khác đi được. Mỗi mỗi pháp trung, đều có quyền, thật. Chẳng được một hướng quyền một hướng thật.

Nếu tất cả pháp phi quyền phi thật, thì có chỗ nào lại chẳng phá? sao lại phân chia và kiến lập ra chỗ khác nhau? Ngay ví dụ phía trước; tên gọi đều như thế. Cái thấy của những bậc đi trước thật là rộng rãi cao minh là điều nầy. Hà huống là luận về chỉ thú sao?

Bây giờ tựu trung có quyền, có thật, câu văn liền khai ra 10 pháp. Tựu chung trong 10 pháp ấy lấy 8 phần để giải thích. Một ví dụ về 10 tên gọi. Hai sanh khởi. Ba là giải thích. Bốn là dẫn chứng. Năm là kết 10 ấy làm 3 loại quyền thật. Sáu là phân biệt 3 loại quyền, thật, chiếu, 3 loại nhị đế. Bảy là các kinh phê phán về quyền thật. Tám là Bổn Tích phê phán và quyền, thật.

Một dùng tên thí dụ nghĩa là sự và lý. Lý giáo, giáo hạnh, trói mở, nhơn quả, thể dụng, tiệm đốn, khai hợp, thông biệt Tất Đàn. Tức là 10 loại tên gọi vậy.

Hai là sanh khởi; tức là từ vô trụ, vốn lập nên tất cả pháp. Vô trụ ấy là cái lý vậy. Tất cả pháp là sự. Lý sự cho nên có giáo. Do giáo cho nên có hạnh. Do hành cho nên có cởi mở. Do cởi mở cho nên thành nhơn quả. Do quả ấy cho nên thể hiển hay dụng. Cho nên có tiệm đốn hóa hiện. Do khai mở tiệm đốn cho nên có khai hợp. Khai hợp cho nên có sự lợi ích của Thông Biệt. Thông Biệt cả hai sự lợi ích ấy; cho nên có 4 Tất Đàn. Đây là 10 chương theo thứ tự như vậy v.v...

Ba là giải thích. Lý ấy là chơn như. Chơn như gốc ấy thanh tịnh. Có Phật hay không Phật, thường chẳng dễ thay đổi. Gọi cái lý ấy là sự thật thì tâm, ý, thức đồng

khởi lên tịnh và bất tịnh nghiệp, cải đổi động và bất định. Gọi sự là quyền. Nếu chẳng phải lý thì lấy đâu ra lập sự. Phi sự thì chẳng thể hiển lý. Sự có hiển lý là công; cho nên hay siêng năng xưng tán phương tiện. Lý giáo ấy là tổng tất cả sự lý phía trước; tất cả đều gọi là lý. Ví dụ như chơn, tục đều gọi là Đế. Đây là thể của chư Phật để thành các bực Thánh. Thánh ấy là chánh thật vậy. Muốn dùng pháp nầy làm cho chúng sanh, nhơn lý ấy mà thiết giáo; giáo ấy tức là quyền vậy. Phi giáo chẳng lấy đâu mà hiển lý. Hiển lý là do giáo. Cho nên Như Lai tán thán phương tiện v.v...

Giáo hành nghĩa là nương vào giáo để cầu lý; tức sanh chánh hạnh. Hạnh ấy có vào, ra, sâu, mỏng đặc thù. Cho nên việc làm ấy gọi là quyền. Giáo không có tiến thú, thâm triển khác biệt; nên giáo ấy gọi là thật. Phi giáo thì chẳng thể lập hạnh; phi hạnh thì chẳng thể gặp giáo. Gặp giáo là do hạnh: cho nên Như Lai tán thán phương tiện v.v...

Trói mở nghĩa là vì hành vi của lý, tức có sự trói buộc. Sự buộc ấy là hư vọng; cho nên gọi là quyền. Vì việc làm ấy thuận với lý; cho nên sanh ra giải. Giải ở nơi lý; cho nên gọi là thật. Phi trói buộc; chẳng do đó mà cầu thoát khỏi. Được thoát khỏi là do sự trói buộc. Như thây chết trôi ở biển. Tử thi ấy nhờ lực đẩy vào bờ, xưng tán phương tiện.

Nhơn quả là nhơn có tiến thú; công dụng cho nên gọi là quyền. Quả ấy có cuối cùng vĩnh viễn chứng được; cho nên gọi là thật. Không có quả thì nhơn ấy không có

chỗ nương vào. Không nhơn quả sẽ chẳng thể tự hiển thị và dùng 2 quán ấy làm phương tiện đạo. Đoạn hoặc thành nhơn, được nhập vào Trung Đạo giải thoát là quả. Nếu không phải nhị quán, há gặp được trung Đạo? Quả ấy do nhơn khắc phục vậy. Cho nên xưng tán phương tiện.

Thể dụng như trước đã nói là cái nhơn của phương tiện.Chánh quán nhập trụ là quả. Trụ xuất là thể dụng. Thể ấy tức là thật tướng, chẳng có phân biệt. Dụng ấy tức là lập tất cả pháp, sai biệt chẳng giống nhau. Như đất đai sanh tất cả mọi loài mầm. Không có đất thì chẳng thể sanh được. Không sanh thì chẳng lấy đâu mà hiển. Tìm được căn nguyên thì rõ dụng, thức, thể. Dụng ấy là công của hiển thể xưng tán phương tiện.

Tiệm đốn ấy là tu nhơn chứng quả, từ thể khởi dụng, đều có tiệm đốn. Bây giờ làm rõ chỗ khởi dụng. Dụng tiệm làm quyền, dụng đốn làm thật. Nếu chẳng phải tiệm dẫn dắt thì không có lý do để nhập đốn. Từ tiệm được thật; cho nên gọi là phương tiện.

Khai hợp nghĩa là từ đốn khai tiệm; tự tiệm chẳng hợp, lại chẳng hợp với đốn; cho nên nói là quyền. Tiệm ấy làm cho cứu cánh, trở lại hợp nơi đốn; cho nên nói là thật. Do khai cho nên có hợp. Khai ấy có hợp lực; từ khai nhận lấy tên gọi. Cho nên nói là tán thán phương tiện.

Thông, biệt, ích nghĩa là thông ấy là nửa chữ vô thường của sự ích lợi. Rồi thường ấy ích lợi, đạo tăng trưởng dài lâu. Hỉ ấy sanh đến hư, chìm nổi, rồi hóa

thành để tiếp dẫn. Sanh ra tưởng tượng an ổn. Sau đó liền hóa lại và dẫn đến bảo sở. Nếu không có nửa sự ích lợi thì chẳng gặp được thường. Một nửa ấy là cái công để hiển được đầy đủ; cho nên gọi là tán thán phương tiện.

Tứ Tất Đàn nghĩa là 3 việc nầy của thế gian; cho nên lấy đó làm quyền. Nghĩa thứ nhất là xuất thế; cho nên lấy đó làm thật. Không có đời thì chẳng thể ra khỏi đời được. Do Tam Tất Đàn mà được nghĩa đệ nhất vậy. Cho nên Như Lai xưng tán phương tiện.

Thường dùng 4 câu để giải thích 10 loại quyền, thật. Ba loại ấy là ý của kinh khác. Một loại là ý của Phẩm nầy vậy.

Bốn loại dẫn chứng ấy là 10 nghĩa thông, đại giáo và tiểu giáo nầy, cho nên tất cả pháp; há là dẫn kinh nầy. Chẳng phải như 3 cõi mà thấy nơi 3 cõi. Ba cõi ấy là sự. Chẳng như 3 cõi mà thấy, ấy là lý. Các pháp tịch diệt, chẳng thể nói đó là lý. Phương tiện lực là 5 Tỳ Kheo nói giáo nầy. Nếu nghe kinh nầy là lành làm con đường Bồ Tát và chứng được giáo hạnh. Lại nữa các người chỗ làm là con đường Bồ Tát. Phật Tử hành đạo rồi, đời sau được làm Phật; lại có đủ nhân duyên mà cầu Phật đạo. Thường lìa hư vọng; nên gọi là giải thoát. Chưa được tất cả giải thoát, làm hết chỗ đạo pháp của chư Phật, thì đạo tràng ấy được kết thành quả v.v...

Tất cả dùng Phật nhãn để quán, thấy chúng sanh trong 6 đường, đầu tiên thấy thân ta, nghe ta thuyết

pháp. Tức là tất cả đều tin nhận vào trí huệ của Như Lai. Trừ kẻ, trước lo tu học nơi Tiểu Thừa v.v...

Cùng tử ấy đầu tiên phải vào làm khách hốt phân và sau đó được giao phó cho tài sản. Đầu tiên ấy chính là hóa thành và sau đó dẫn vào bảo sở, đủ loại dục đủ loại tánh, tướng, ức, niệm v.v...

Điều thông dẫn một bộ làm chứng nầy, bây giờ biệt dẫn một phẩm. Tuy chẳng lần lượt theo 10 bài văn đầy đủ; nhưng trí tuệ của chư Phật thì thậm thâm vô lượng. Trí tuệ môn nầy thì khó giải, khó nhập. Tất cả sự lý cảnh trí v.v... đều gọi là thật. Chuẩn bị rõ ràng đầy đủ trong lời dạy của A Hàm; tất cả đều là trí huệ môn. Đây là chứng minh cho lý giáo, luận về quyền và thật; khó giải, khó nhập. Tất cả Thanh Văn, Bích Chi Phật chẳng thể rõ biết. Tức là trói, mở luận về quyền và thật. Vì sao vậy? Chỗ Phật gần gũi cho đến gọi tên là Phổ Văn; tức là giáo hạnh, hoặc về quyền và thật. Thành tựu sâu xa cho đến ý thú khó giải thích được. Tức là thể, dụng luận về quyền, thật.

Ta từ thành Phật đến nay. Thành Phật tức là quả; quả ấy tất nhiên có nhơn. Tức là nhơn quả luận về quyền thật. Đủ loại nhơn duyên thí dụ; cho đến làm cho lìa những sự dính mắc. Tức là tiệm đốn luận về quyền thật. Cho nên Như Lai phương tiện thấy biết tất cả đều đầy đủ rồi. Tức là khai hợp luận về quyền thật. Chư Phật vì đại sự nhơn duyên cho nên xuất hiện ra nơi đời. Vì làm cho chúng sanh khai mở ngộ nhập Phật tri kiến. Đây là sự lợi ích luận về quyền thật. Thâu nhận những lời căn bản của

Phật, tất nhiên sẽ thành tựu. Tức là ba Tất Đàn thành tựu vậy. "Chỉ chỉ bất tu thuyết"; tức là đệ nhất nghĩa của Tất Đàn. Đây chính là 4 Tất Đàn luận về quyền và thật. Vì sao vậy? Vì Phật tất cả đều thành tựu hy hữu, cho đến thật tướng của các pháp; tức là cái lý. Cho nên các pháp, tướng là như vậy. Đây tức là sự. Điều nầy chính lá lý sự luận về quyền và thật. Chỉ một đoạn văn Trường Hàng như thế làm rõ 5 việc của Phật quyền và thật. Phật Phật đều như vậy. Rồi sau đó Pháp Hoa luận giải về trí huệ sâu xa của chư Phật và vì chứng chỗ sâu xa ấy. Chỗ sâu xa nầy lại có 5. Đó là nghĩa sâu xa, thật thể sâu xa, nội chứng sâu xa, nương tựa sâu xa, vô thượng sâu xa. Vô thượng sâu xa tức là chứng Đại Bồ Đề vậy. Gọi là trí huệ môn, vì nói nghĩa A Hàm sâu xa. Ở đây cùng với lý giáo, quyền thật ý giống nhau.

Luận giải về gặp Phật, thân cận trăm ngàn Đức Phật. Vì sự tu hành sâu xa, siêng năng tinh tấn nên gọi là Phổ Văn. Vì tăng trưởng công đức sâu xa. Đây là giáo hạnh, quyền thật, ý giống nhau.

Luận giải thành tựu sâu xa chưa hề có pháp. Vì sự vi diệu sâu xa, ý thú khó giải. Vì vô thường sâu xa, vào chỗ sâu xa, đây cùng thể dụng, quyền thật, ý ấy giống nhau.

Luận giải về "ta từ thành Phật đến nay". Vì đây là nói về pháp công đức thành tựu của Như Lai. Điều nầy cùng với nhơn quả, quyền thật, ý ấy giống nhau để luận giải về vô số phương tiện. Tức là giáo hóa thành tựu,

thuyết pháp thành tựu. Điều nầy cùng với tiệm, đốn quyền thuật, ý ấy giống nhau.

Luận giải về Phương Tiện tri kiến của Như Lai; cho đến thâm nhập vào nơi cùng cực nhất. Đây chính là tự thân thành tựu, bất khả tư nghì vậy; hơn hẳn tất cả các vị Bồ Tát. Đây chính là làm sáng tỏ điều lợi ích ấy.

Luận giải có thể có đủ loại phân biệt, làm cho tâm của Đại Chúng được vui. Đây chính là lời nói thành tựu. Điều nầy cũng là sự lợi ích vậy. Cùng với sự lợi ích về quyền thật, ý ấy giống nhau.

Luận giải giữ lấy sự dừng lại của lời nói quan trọng, chẳng nói đủ. Vì có thể hóa độ cho chúng sanh thành tựu. Việc nầy cùng với Tứ Tất Đàn phân biệt có thể hóa độ, mà cũng chẳng có thể hóa độ, ý nầy giống nhau.

Luận giải chỉ có Phật với Phật mới hiểu hết được. Vì thành tựu vô lượng phước đức, cho nên chư Phật có thể rõ biết. Nghĩa là cái thể của pháp thân Như Lai chẳng thể biến đổi; cho nên gọi là giác. Hay tự chứng thành tựu; hay tùy thuận chúng sanh; nói tất cả các pháp tướng v.v...

Việc nầy cùng với lý sự, quyền thật, ý ấy giống nhau. Sự luận giải kia về kinh Phật, bây giờ sớ giải về hai vị Thánh, có thể nói cùng với Tu Đa La (Kinh) và Ưu Bà Đề Xá (luận nghị) đều hợp nhau.

Năm thời ấy kết lại làm quyền, thật. Mười loại nầy thông với 4 giáo. Hợp chung lại thành 40 quyền, thật. Nếu trong Tam Tạng tự chứng có 10 pháp thì tên của

mỗi loại là quyền, thật. Sau khi nói 10 pháp rồi; lợi ích chúng sanh, gọi là hóa tha quyền, thật. Tất cả 10 sự hóa, tha ấy hợp với quyền. Mười việc tự thực hành ấy, tất cả đều hợp với thật. Gọi đây là tự tha quyền thật. Ngoài 3 giáo và 10 pháp, cả 3 loại quyền, thật đều như thế. Lại nữa sẽ dạy mỗi mỗi lấy sự lý, giáo hạnh, trói mở, nhơn quả 4 loại vì đó tự hành quyền thật. Mỗi mỗi dùng lý giáo khai hợp 2 loại làm hóa tha quyền thật. Mỗi mỗi lấy thể dụng, tiệm đốn, thông biệt, tất đàn 4 loại làm tự tha quyền thật. Tên nầy tuy giống nhau mà nghĩa mỗi mỗi lại khác nhau.

Biệt kết nghĩa là 3 giáo hoặc thông hoặc kết hoặc biệt, sẽ chia tất cả thành hóa tha quyền thật. Tùy theo ý và lời của kia vậy. Viên Giáo hoặc thông hoặc biệt sẽ chia tất cả tự hành quyền thật. Tùy theo chính lời nói và ý nghĩa. Ba hóa tha ấy đều gọi là quyền. Tự hành tất cả gọi là thật.

Kế đến kết thành 4 câu tùy theo ý kia nói. Tức là tất cả pháp quyền; tùy theo tự ý của lời nói; tức là tất cả pháp bảo. Song thủ, tức là tất cả pháp vừa quyền vừa thật. Song phi, tức là tất cả pháp phi quyền phi thật.

Kế đến kết thành 3 loại giải thích phẩm nầy. Nếu tự hành, tự ý là câu văn gọi đạo tràng được pháp. Đại kinh nói rằng: Tu đạo được nhiếp Đại Thừa, gọi là như lý, nhưng lượng trí. Tất cả đều là Viên Giáo tự hành quyền thật, tùy theo tự ý nghĩ và lời nói. Phật tuy hay đối với điều nầy có thể chẳng nói pháp; nhưng phương tiện thì hay nói, mà chúng sanh thì chẳng sâu xa. Nếu tự mình

nói pháp nầy để thu nhập chúng sanh, tức chẳng thể được vậy; cho nên nói rằng chẳng thể nói, chẳng thể nói vậy. Để việc nầy trở lại, dùng tự hành quyền thật cùng với biệt giáo quyền thật, cùng với sự thu nhiếp chúng sanh. Kẻ lợi căn liền được; người đốn được từng phần. Kẻ căn cơ ít và lợi đốn đều chẳng được. Theo ý của Hoa Nghiêm thì đây là sự che đậy.

Lại nói về việc nầy, riêng dùng 3 tạng quyền thật, thu nhiếp chúng sanh, kẻ đại cơ lợi độn mật được; nhưng hiển thì chẳng được. Tiểu cơ hội độn nghĩa là hay bảo thủ nơi chứng ấy lại cũng chẳng được. Ý nầy theo Tam Tạng là sự che khuất. Để việc nầy lại hợp dụng 4 loại quyền thật cùng với chấp lấy chúng sanh, đại cơ lợi độn được ngay từng phần. Tiểu cơ lợi độn bảo thủ đều chẳng chứng được. Đây là ý nói che đậy Phương Đẳng vậy. Lại riêng việc xả bỏ Tam Tạng quyền thật, dùng 3 loại quyền thật, cùng với giữ lấy chúng sanh, đại cơ lợi độn đều được; tiểu cơ lợi độn bảo thủ việc chứng đạo đều chẳng được. Đây là ý của Bát Nhã bị che đậy. Lại để việc xả bỏ 3 loại quyền thật, riêng dùng Viên giáo tự hành quyền thật, thu giữ chúng sanh, đại tiểu cơ, lợi đốn đều được; đây là ý của Pháp Hoa bị che đậy vậy. Chỗ trí huệ của Như Lai không đạt được. Ngay cả khi chiếu sáng mà còn sự nghi ngờ thì vẫn không gặp. Cho nên phẩm giải thích nói rằng: Phương đây chính là những phương pháp vậy. Tiện đây chính là dùng tiện xảo. Phương pháp dụng xảo đây là thu nhiếp được chúng sanh. Cho nên khuyên xưng tán thán là Phương Tiện.

Lại nữa Như Lai tự chứng quyền thật, đều chẳng thể nói. Vì thương chúng sanh mà nói tự chứng ở quyền làm cửa ngõ. Đối với vật chẳng nghi ngờ. Chúng sanh chẳng thể vào được. Cho nên tự chứng lại chẳng thể nói được. Nói biệt quyền, thật làm cửa ngõ. Kẻ lợi căn thì được vào; còn kẻ độn căn thì chẳng thể. Đối với vật chẳng nghi về biệt quyền thật, lại chẳng thể nói. Nơi Tam Tạng quyền thật làm cửa ngõ. Kẻ lợi căn thì mật vào; kẻ độn căn lại chẳng thể vào. Vật ấy chẳng nghi ngờ, lại chẳng thể nói. Nói 3 loại hóa tha, quyền thật làm cửa ngõ. Kẻ lợi căn được vào, kẻ độn căn chẳng thể vào. Đối với vật chẳng nghi ngờ, lại chẳng thể nói. Nói 2 loại hóa tha quyền thật làm cửa ngõ. Đối với kẻ lợi căn thì được vào; kẻ độn căn lại chẳng thể vào, lại chẳng thể nói được. Đối với vật chẳng nghi ngờ, xả bỏ 3 loại hóa tha quyền thật, hay nói quyền của tự hành. Đối với kẻ lợi căn và kẻ độn căn đều có thể vào được. Từ đầu chí cuối lấy phương tiện làm cửa ngõ. Cho nên nói Như Lai xưng tán Phương Tiện.

Phẩm Giải Thích nầy nói rằng: Phương tiện là đi vào cửa thật; tức là ý nầy vậy. Trước đó một lần đã làm rõ Đức Như Lai hay lành biết Phương Tiện và hay dùng đến Phương Tiện. Điều thứ nhứt nầy làm rõ chỗ hành giả hay tùy thuận theo Phương Tiện v.v...

Lại nữa Như Lai tự tu chứng đạo và chỗ được ấy đối với tất cả phương tiện, tức là sự chân thật vậy, mà điều chân thật nầy khó có thể nói. Tuy có thể nói với chúng sanh; nhưng chẳng thể; nên gọi là thật. Dùng lực

phương tiện để mang đến chăng; tức là nói một, tức là kẻ lợi căn thì có thể, mà kẻ độn căn thì chẳng nên. Lại nữa nói về một chẳng phải. Kẻ lợi thì một; tức là kẻ độn chẳng thể vậy. Lại nữa mang đến 3 không; tức là nói về một. Kẻ lợi căn ấy có thể; nhưng kẻ độn căn thì chẳng thể. Lại nữa mang lại 2 không; tức là nói về một. Kẻ lợi căn có thể; tức là kẻ độn căn chẳng thể. Lại bỏ 3 không ấy; tức là kẻ độn căn nói tất cả. Kẻ lợi độn đều có thể. Đối với phương tiện đều có thể thấy chơn thật. Hai ý bên trên đều dùng đến phương tiện và từ phương tiện. Ý thứ nhứt tức là Phương Tiện, tức là chơn thật. Chơn thật ấy tức là tròn đầy nhơn quả. Tròn đầy nguyên nhơn tức là tự hành phương tiện. Như tự hành nầy là phương tiện bây giờ bắt đầu vào sự chứng nhập.

Giải Thích Phẩm ở trên ghi lại rằng: Phương tiện tức là chơn thật. Từ tự hành phương tiện mà được tên. Cho nên nói là Phương Tiện Phẩm. Sáu phân biệt chiếu rõ chân lý ấy là như trước đã trải qua thông (giáo), biệt (giáo) sẽ phân chia phần kết ra làm quyền thật.

Bây giờ trở lại cái nghĩa của trí tuệ chiếu sáng nầy tức sẽ dễ thấy được. Nếu thông (giáo) dùng 10 loại để làm rõ tự hành 2 trí tức là chiếu sáng ấy tùy theo trí của Nhị Đế vậy. Thông (giáo) dùng 10 pháp theo tùy duyên; tức là sự chiếu sáng ấy tùy theo tình cảnh của Nhị Đế vậy. Nếu 4 ấy chia làm 2; tức là sự chiếu sáng ấy tùy theo tình trí nhị đế. Nếu phân chia sự chiếu sáng về đế ấy thì sự lý, giáo hành, buộc cởi, nhơn quả, tất cả đều là tự chứng; tức là sự chiếu sáng ấy tùy theo trí của Nhị

Đế. Lý giáo, khai hợp cả hai điều nầy thuộc về hóa tha. Tức là sự chiếu sáng ấy tùy theo tình của Nhị Đế. Thể dụng, tiệm đốn, thông biệt, tất đàn, tứ thông, tự tha thức là sự chiếu sáng ấy tùy theo tình trí Nhị Đế. Tam đế chiếu sáng chơn lý để giúp cho điều nầy có thể hiểu được.

Lại nữa Tam Tạng có 30 loại và 2 trí. Đây là hóa tha 2 trí. Tất cả đều chiếu theo tình của Nhị Đế. Cả thông, biệt (giáo) 60 loại, thì tự tha có 2 trí; tức là chiếu sáng tùy theo tình, trí Nhị Đế. Thông giáo hoặc thời cùng với Tam Tạng phía trước cộng với tùy thích Nhị Đế. Nếu là Viên Giáo thì 30 loại quyền thật; đây là tự hành Nhị Trí. Sự chiếu sáng ấy tùy theo trí của Nhị Đế.

Lại nữa Tam Giáo hoặc thông, hoặc biệt; tất cả đều tùy theo duyên. Tất nhiên là hóa tha Nhị Trí. Sự chiếu sáng ấy tùy theo tình của Nhị Đế. Viên Giáo hoặc thông hoặc biệt. Tất cả đều là tự hành Nhị Trí. Tức là sự chiếu sáng ấy tùy theo trí của Nhị Đế. Đây là thật là quyền của Tam Giáo; đồng thời là thật là quyền của Viên Giáo; tức là tự tha Nhị Trí; chiếu sáng tùy theo tình, trí Nhị Đế vậy.

Ngoài 7 việc của các Kinh ra Hoa Nghiêm lập luận về giáo hay đầy đủ chữ nghĩa. Luận về thời, giống như sữa; luận về pháp là tự hành hóa tha. Nếu đối với người là Bồ Tát. Nhị Thừa sanh thành thân câm ngọng; Bồ Tát lại chưa thể phát ra quyền của tự hành và tùy theo thật của trí. Nếu nương vào kinh văn thì chưa hề hướng con người để nói những việc như thế nầy.

Qua Tam Tạng - Nếu luận về giáo, tuy là mới nửa chữ. Còn luận về pháp thì một loại hóa tha. Nếu luận về thời tức là sữa đặc. Nếu nương vào câu văn nầy tức ở bên ngoài cửa, dính mắc nơi áo quần dơ bẩn; chắp vào đồ dơ uế phẩn dãi. Đấy là kẻ Nhị Thừa.

Còn đối với Phương Đẳng giáo thì luận giáo ấy đối với nửa luận đầy đủ. Nếu luận về thời thì cùng với sữa đặc làm rõ nơi tô (sữa đã đóng thành ván bên trên mặt). Nếu luận về pháp lại có 3 loại hóa tha, một loại tự hành. Nếu nương vào câu văn nầy thì tâm, tín, thể, tướng, vào, ra không khó khăn gì.

Còn đối với Bát Nhã, nếu luận giáo mang theo nửa việc luận là đủ. Nếu nương vào thời, lại sanh ra Thục (sữa đã tốt). Nếu nương vào pháp tức là có 2 loại hóa tha và một loại tự hành. Nếu nương vào câu văn nầy thì ra khỏi bên trong sự chấp giữ cùng với tất cả làm cho sáng tỏ. Còn Pháp Hoa luận về giáo, phá bỏ nửa luận là đủ. Nếu luận về thời, độn thì thành Đề Hồ (sữa ngon nhất). Nếu luận về pháp chỉ có tự hành. Nếu nương vào câu văn nầy để khai quyền hiển thật thì sự thật nầy là con ta do chỗ ta sanh và chính ta là cha vậy. Tiếp đó lấy gia nghiệp để thọ ký và cho làm Phật.

Như phía trước giáo chẳng nói; bây giờ tất cả đều phát ra, chính thức xả bỏ phương tiện, mà nói đạo vô thượng. Cho nên đây là quyền của tự hành. Rồi nói Phẩm Phương Tiện. Ngoài mình ra; hoặc tự tha Nhị Trí; hoặc là hóa tha Nhị Trí.

Lại nữa Hoa Nghiêm đối với 2 Bồ Tát nói một tự và một tha. Chẳng nghi ngờ Nhị Thừa không nghe, không rõ. Tam Tạng đối với Nhị Thừa nói một hóa tha. Chẳng nghi Bồ Tát cho nên chẳng có tự hành.

Phương Đẳng đều đối với Đại, Tiểu. Đối Nhị Thừa, nói 2 hóa tha. Đối Bồ Tát thì nói một tự một tha. Bát Nhã lại đối với 3. Nói một tự và hai tha. Đối với Nhị Thừa nói một tha. Đối với Bồ Tát nói một tự một tha. Pháp Hoa thì đều đối với những người căn cơ đã thuần thục; mà làm cho rõ một tự, chẳng luận về tha kia.

Câu văn nói rằng: Bồ Tát nghe pháp nầy những sự hoài nghi đều tiêu trừ. 1.200 vị La Hán, tất cả đều sẽ làm Phật. Tất cả chúng sanh đều nhập vào tự hành của Phương Tiện. Cho nên nói Phẩm Phương Tiện nầy v.v...

Thứ 8 là Bổn Tích – Như Lai vốn từ xa xưa đã chứng được tất cả quyền và thật; gọi đây là tự, hành. Ở giữa có Thùy Tích lại tạo thêm việc mang lại lời nói nầy. Ngày nay Thùy Tích tịch diệt nơi Đạo Tràng..Mang biệt, hóa tha nói về tự, hành. Kế đến nói về một hóa tha. Tiếp theo nói 3. Sau lại nói 2. Tiếp đó lại bỏ 3 v.v... Tất cả đều gọi là hóa tha, quyền và thật. Căn bản của quyền gọi là thật. Tích ấy là thật, gọi là quyền. Tức là tự, tha, quyền và thật vậy. Kết lại điều nầy tức có 4 câu. Đó là:

Tất cả thật, tất cả quyền
Tất cả vừa quyền vừa thật
Tất cả phi quyền phi thật v.v...

Thân Tử gốc là chứng được tất cả quyền thật, tức là tự hành. Tích ấy tại Lộc Uyển, riêng thọ hoá tha. Ở Phương Đẳng thì thọ 1 và bị 3 gãy. Tại Bát Nhã thì mang 2 chuyển 1. Cho đến Pháp Hoa bỏ 3 ngộ 1. Tất cả đều là hóa tha, quyền thật.

Cái gốc của quyền là thật và Tích thật ấy là quyền. Tức là tự, tha, quyền, thật lại đầy đủ 4 câu v.v...

Nếu từ Phật Tích nói thì lại là hóa, tha, quyền, thật. Lại còn gọi là phẩm Phương Tiện. Nếu từ sự dẫn nhập nguyên nhân đầy đủ, thì tự, hành cũng là phẩm Phương Tiện. Nếu từ Thân Tử Tích quyền thì lại cũng là phẩm Phương Tiện. Nêu từ Thân Tử Tích nhập vào thật, thì cũng lại là phẩm Phương Tiện. Đây là cái nghĩa; cho nên gọi là phẩm Phương Tện vậy.

Tử phẩm nầy trở đi đến phẩm Phân Biệt Công Đức hàng hệ thứ 19; hoặc từ sau kệ hiện tại cho đến hết câu văn "Tứ Tín Đệ Tử" gọi đây là chánh thuyết phần. Muốn tạo ra hai chánh thuyết thì từ đây đến phẩm "Thọ học vô học nhơn ký" là Tích Môn chánh thuyết. Bây giờ tùy theo chỗ gần gũi mà tựu chung Tích Môn chánh thuyết lại chia làm 2. Một là từ đây trở đi, là lược khai 3 hiển 1. Hai là từ "Cáo Xá Lợi Phất nhĩ dĩ bàn cần trở đi" là quảng khai 3 và hiển 1.

Lược ấy lại chia làm 2. Đầu tiên là từ "nhĩ thời Thế Tôn trở đi"; đây là lược khai 3 hiển 1. Hai là từ "nhĩ thời Đại Chúng trở đi" là động chấp sanh nghi; lược khai 3 hiển 1. Có kệ tụng Trường Hàng và Trường Hàng lại chia

làm 2. Một là ỷ ngôn, tán thán nhị trí. Hai là tuyệt ngôn, ca tụng nhị trí. Nếu chẳng mượn lời tức chẳng rõ biết được. Tuy là xưng dương, lời nói chẳng cùng, mà chư Phật nhị trí thì như trước đã nói v.v... Ỷ ngữ chia làm hai; một là làm rõ quyền và thật của chư Phật; hai là làm rõ quyền, thật của Đức Phật Thích Ca. Con đường của chư Phật giống nhau; cho nên đều tán thán.Bên trên chiếu đến đất kia, Ngài Di Lặc hỏi. Văn Thù dẫn lời của Đại Chúng Thanh Văn xưa kia. Điều đúng đắn biểu hiện nơi nầy cho nên bánh xe của định khởi lên. Tức là chứng minh cho tất cả chư Phật giống nhau vậy.

Chung quy ca ngợi chư Phật thì văn nầy chia làm 3. Một cặp tán thán; hai cặp giải thích và ba cặp kết luận. Tựu chung cặp tán thán, trước thì trải qua thực hành, sau đó tán thán.

Lúc bấy giờ là đúng lúc ấy vậy, Phật thường ở trong định. Cho nên nói là dậy. Ở đây dùng để chỉ cho những vị Phật xưa kia lúc nói kinh nầy. Dĩ nhiên trước đó nhập vào Vô Lượng Nghĩa; tức là nhập vào Pháp Hoa. Bây giờ Đức Phật lại cũng như vậy. Điều nầy chỉ cho thế giới Tất Đàn (Trí hay thành tựu) thương cảm từ định mà dậy. Che đậy pháp và duyên 2 loại chơn lý. Nói đây tất nhiên chẳng ngoa, tăng trưởng điều tin.. Ở đây chỉ cho con người Tất Đàn thương xót và từ định trở dậy. Phật tịch diệt mà hay thường chiếu sáng, đầy đủ nhập định mới thuyết pháp, hà huống là tán tâm, vọng động mà nói pháp. Điều nầy gọi là đối trị Tất Đàn. Sự ai mẫn ấy từ định mà ra. Nhân việc nhập định là cái lý để an tâm thật

tướng. Xuất định làm cho kia an tâm thật tượng. Đây là nghĩa thứ nhất của Tất Đàn.

Sự ai mẫn ấy từ định mà dậy, rồi an tịnh việc nầy vào 4 pháp; cho nên nói rằng an tường mà khởi dậy. Rồi bảo Ngài Xá Lợi Phất. Trong trí của Tiểu Thừa, huệ là số một. Ở đây muốn nhơn nầy mà phá trí nhỏ và hiển thị trí lớn. Còn phế bỏ việc gặp, khai mở chỗ che khuất, phàm có 10 loại. Như nghĩa đen nói. Đây là câu văn của những nhà soạn kinh đề xướng lên.

Pháp Hoa cho rằng: Phật vào sâu xa Tam Muội, chánh niệm bất động, như thật trí quán, từ Tam Muội mà dậy, hiện Như Lai được lực tự tại. Khi Như Lai nhập định chẳng gì có thể làm kinh động được. Luận cùng với nghĩa nầy giống nhau. Nghĩa Tất Đàn (trí) thứ nhất là ra khỏi thế gian. Cho nên chẳng thể kinh động. Bốn Tất Đàn không chướng ngại; cho nên được tự tại v.v...

Già phu tọa nghĩa là từ xưa đến nay chư Phật và các hàng đệ tử thường thực hành pháp nầy. Lại nữa ngồi xếp bằng khởi lên sự nhớ nghĩ xấu và sanh ra tâm cung kính kia. Huống là nhập vào cảnh giới, mà chẳng làm cho người, trời ưa mến sao? Lại nữa chẳng phải ở đời thọ dụng pháp, cũng chẳng cùng với ngoại đạo vậy. Hay phá trừ ma quân phiền não. Lại hay sanh 3 loại Bồ Đề. Theo tôi nghĩ (Ngài Thiên Thai) đây chính là ý của 4 Tất Đàn vậy.

Hỏi: Ngoài ra kinh nói: Tâm cột chặt như trước nghĩa là gì?

Đáp: Bội sắc nghĩ về sanh tử, phiền não cảnh giới theo sau đó. Quán tịch diệt, Niết Bàn làm chỗ duyên vào. Ở trước cho nên tạo ra 4 lời giải v.v...

Hỏi: Vì sao lại ở mặt?

Đáp: Người phàm ở nơi nét mặt hay khởi dục, hay sanh ra niềm vui. Sau đó mới đến thân. Lại nữa 9 nơi chảy ra đồ dơ. Ở nơi mặt có 7 lỗ (hai mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi và miệng) là nơi có thể trị dục bất tịnh. Cho nên nói là bị cột trói ở mặt là vậy. Lại nữa 6 thức cũng hay hiện lên nơi mặt, vì tâm có nhiều duyên khởi lên. Tất cả các vị hiền Thánh đều lấy không biểu hiện và cùng với tướng không giống nhau. Còn sự trói buộc thường ở tại mặt. Lại nữa nếu quán nơi mặt có thể phân biệt với 6 thức. Vì phân biệt cho nên duyên vào nơi mặt. Lại nữa thân có 6 phần, mà đầu và mặt là hơn cả. Biểu hiện các pháp trong đó về tướng thật số một. Pháp thứ nhất cho nên trói buộc ở nơi mặt.

Cuối cùng của một cặp là tán thán về hai trí. Trước tiên tán thán về thật và sau đó tán thán về quyền. Thật đây chính là trí tuệ của chư Phật vậy. Chẳng phải 3 loại hóa tha; cho nên nói là chư Phật. Hiển sự thật của tự hành; cho nên nói là trí tuệ. Thể của trí tuệ nầy tức là một tâm 3 trí.

Sâu xa vô lượng tức là danh từ để tán thán. Làm rõ chỗ thật trí của Phật và chỗ tận cùng thấu triệt của lý; cho nên nói là sâu xa. Ngang dọc khắp pháp giới cho nên gọi là vô lượng. Vô lượng sâu xa nghĩa là thật cao và thật

rộng. Ví dụ như rễ sâu tức là cành lá chắc chắn và bền vững. Thật trí ấy tất nhiên là ví dụ cho quyền trí vậy v.v...

Trí tuệ môn nầy tức là sự ca ngợi về quán trí. Sự che đậy là việc tự hành đạo, trước phương tiện. Có lực tiến thú; cho nên gọi là cửa. Từ cửa nầy nhập vào cửa giữa. Từ con đường giữa gọi là con đường thật, mà ở trước gọi là quyền.

Nan giải nan nhập ở đây là ca ngợi về quyền. Chẳng mưu mô mà rõ, không cách nào dùng được. Bảy loại phương tiện chẳng nên so lường. 10 trụ ấy bắt đầu rõ biết Thập Địa mà vào. Cùng với đầu và sau, ở giữa khó thấy khó ngộ, có thể rõ được, mà biệt (giáo) cùng với chỗ Thanh Văn, Duyên Giác chẳng thể rõ biết được. Chấp nặng như vậy; cho nên biệt (giáo) phá bỏ.

Pháp thân cái ý chính là lấy tự hành, quyền thật; chẳng có cơ hội để trốn khỏi; cho nên nói rằng không rõ biết. Hoa Nghiêm đốn (giáo) nên chiếu vào chỗ câm, ngọng, mù, điếc cho nên nói là chẳng rõ. Còn Phương Đẳng thì móng tay giữ gìn nơi am cỏ; cho nên nói là chẳng rõ. Bát Nhã thì chuyển dạy không tâm, ý nói khó lấy được một bữa ăn; cho nên nói rằng chẳng rõ. Bây giờ cơ lớn đã phát, phóng hào quang và mặt đất giao động. Chư Phật xưa nay, ở đây và kia đều giống nhau. Do hoài nghi mê hoặc; cho nên nói là chẳng rõ. Lợi Căn Bồ Tát mỗi mỗi đều rõ biết. Độn Căn cùng với Nhị Thừa lại chẳng rõ điều gì cả.

Môn ở đây là ánh sáng soi tỏ và dùng Nhị Thừa làm Phương Tiện. Vì làm cho rõ cửa trí tuệ; cho nên ở đây đầy đủ và đạt được. Nếu là như vậy thì được vào cửa. Vì sao Đức Như Lai phá việc nầy và nói là chẳng rõ biết?

Chẳng rõ biết ở đây tức là chẳng phải pháp môn vậy. Cùng với điều nầy quá cạn, hay vĩnh viễn chẳng rõ biết v.v...

Bây giờ giải về tự có phương tiện trí huệ làm cửa ngõ được nhập vào trí huệ Phật.

Như Anh Lạc nói: Nhị quán là phương tiện đạo, được vào Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế, lại là 3 giáo, mỗi mỗi có 4 cửa. Vì phương tiện; nên được vào Trung Đạo. Sự giải thích về ánh sáng nầy đối với Nhị Quán thì cây của Kỳ (Đà) là một quán và đối với 12 cửa của Kỳ (Đà) là một cửa v.v...

Lại nữa phương tiện trí huệ làm cửa được nhập vào phương tiện trí; tức là tam giáo; mỗi mỗi 4 cửa và các giáo đều được chứng vào. Tự có Phật trí làm cửa, được nhập vào trí tuệ của Phật.

Như trên đã nói về nguyên nhân tròn đầy, gọi là Phương Tiện phẩm; tức là tự hành, quán trí làm cửa ngõ. Tức là chỗ kinh nầy ca ngợi về cửa trí tuệ. Viên giáo 4 cửa; tức đây là một. Tự có thật làm cửa, nhập vào phương tiện trí; cả 2 chiếu vào Nhị Đế; tức là nghĩa nầy vậy. Như ở đây giải thích phong phú, khai quát. Ánh sáng ấy lại còn một loại nào khác chăng?

Nếu nương vào luận và lấy A Hàm làm cửa ngõ thì điều nầy khai phá các giáo và các tiêu chuẩn về quán có thể rõ biết v.v...

Từ "sở dĩ giả hà" trở đi. Quang Trạch nói về chương xưng tán Đức Thích Ca; bây giờ giới thiệu ý của câu văn nầy; cả 2 giải thích về 2 trí của chư Phật. Đức Phật gặp gỡ, gần gũi cho đến tận hành đạo pháp; đây là việc giải thích về thật trí của chư Phật. Lý do là bên ngoài gặp Phật nhiều; còn kia thì đến chỗ chính yếu, thật trí sâu xa. Lý do là bên trong hành thuần hậu hết tất cả các việc làm của đạo pháp. Thật trí vô lượng. Vô lượng tức là giải thích chiều rộng. Sâu xa tức là giải thích chiều cao. Dũng mãnh, tinh tấn gọi là Phổ Văn. Đây giải thích về quyền trí của chư Phật. Trí huệ môn nầy khó giải, khó vào. Lý do là dũng mãnh, tinh tấn hay nhập vào cửa khó nhập. Tức là vào cửa rồi, chọn lựa, bị vật không giới hạn làm cản trở cái đức kia. Cho nên gọi là Phổ Văn. Lại có thể phân câu dũng mãnh tinh tấn hay nhập vào pháp môn; tức là giải thích về quyền trí sâu xa. Gọi là Phổ Văn, tức là giải thích về quyền trí rộng rãi. Quán về câu văn quyền thì nói chẳng sâu, rộng. Ví dụ như thật trí là nghĩa nầy, liền thành tựu v.v...

Từ "thành tựu thậm thâm" trở đi. Hai cặp kết luận về nhị trí của chư Phật. Gọi lý ấy là cứu cánh; cho nên nói là thành tựu. Cho đến sâu thẳm bờ kia; do vậy nói là sâu xa. Câu kết nầy là thành thật trí vậy. Xưng cơ thích hội; cho nên nói là tùy nghi. Chẳng phải 7 phương tiện mà biết; cho nên nói là khó giải. Câu kết nầy thành

quyền trí vậy. Tùy theo tình, tức ở nơi lý; cho nên nói là khó giải. Rõ nghĩa cho nên hiểu ý và lời nói dễ rõ biết.

Nhiếp Đại Thừa nói rằng: Kinh liễu nghĩa nương vào nửa ý nghĩa của câu văn. Kinh bất liễu nghĩa nương vào nửa ý nghĩa của câu văn, tức là nghĩa rõ ràng nầy vậy. Có lúc giải thích thành tựu sâu xa, chưa hề có pháp. Kết lại tự hành, quyền thật; tùy nghi mà nói, ý thú khó giải. Kết nầy hóa tha, quyền thật v.v...

Từ "Ngô tùng thành Phật dĩ lai" trở đi; tức là tán thán quyền thật của Đức Thích Ca. Xưa giải rằng: Thích Ca quyền thật, mỗi mỗi ca ngợi. Nghĩa là: Từ ta thành Phật trở đi, là tán thán về quyền. Sao lại như vậy? Đây là giải thích về quyền của Như Lai, tri kiến rộng lớn vậy. Đây là sự xưng tán về thật.

Từ "Vô lượng vô ngại" trở đi; đây là sự giải thích về thật.

Từ "Như Lai năng chủng chủng phân biệt trở đi"; là lời kết của câu văn tán thán về thật.

Tài liệu xưa như trước sau đã nói. Có 3 ý. Một là hợp lại tán thán chư Phật hai trí. Làm rõ 2 trí thể ấy giống nhau. Khai mở sự tán thán Đức Thích Ca Nhị Trí. Làm rõ nhị trí công dụng có khác. Hai là làm rõ chỗ căn bản của Thùy Tích. Cho nên chư Phật đầu tiên tán thán về thật. Làm rõ chỗ có thể hiển bày căn bản; cho nên Đức Thích Ca trước tiên tán thán về quyền. Ba là chư Phật hiển thị tại hành trước, rồi mới được thật. Đức Thích Ca làm rõ chỗ hóa tha.

Đầu tiên lấy quyền ấy dẫn đến chỗ tốt đẹp, mà hỗ tương và chưa xuất hiện. Rồi sẽ làm rõ thể của Viên; chẳng thể tồn tại bên lề. Sự tồn tại ấy liền mất yếu chỉ vậy. Bây giờ nghĩa là chẳng giống. Hay nương vào câu văn, rồi lần lượt đối với nghĩa, dễ giải thích; chẳng cần biện luận khúc chiết.

Ngươi lại bảo chư Phật giống nhau. Vì sao lại giải khác đi? - Giống như người lành tán thán sự hiếu thuận mà lại đi đánh cha mẹ v.v... Tựu chung giải thích câu văn nầy lại chia làm ba. Cặp đầu tiên là tán thán; cặp kế tiếp là giải thích và cặp cuối là sau cùng. Ta từ thành Phật trở đi là tán thán thật trí. Nếu thật trí chẳng tròn đầy thì Phật đạo chẳng thành tựu. Liền nói là thành Phật; một thành và tất cả thành. Tức là ca ngợi trí Phật vậy. Đủ loại nhân duyên nghĩa là ca ngợi về quyền của trí. Hơn 40 năm dùng 3 loại hóa tha, quyền thật để gặp gỡ chúng sanh; cho nên nói rằng: đủ loại nhơn duyên vậy.

Thí dụ là đối với Tiểu Thừa lấy nước nhỏ của cây chuối làm thí dụ. Còn Đại Thừa lấy cảnh huyễn của thành Càn Thác Bà để ví dụ. Nương vào các bậc luận sư, Tiểu Thừa lấy sữa làm thí dụ. Còn Đại Thừa dùng Đề Hồ (sữa tốt) để làm ví dụ.

Quảng diễn ở đây có thể nói là đối với một pháp, có rất nhiều ý nghĩa, vô số phương tiện; tức là 7 loại phương tiện vậy. Dẫn dắt chúng sanh làm cho lìa những sự dính mắc. Nói rộng ra thập thiện, lìa dính mắc 3 cõi. Nói lành Thập Thiện, lìa sự dính mắc của dục giới. Nói Tam Tạng, lìa sự dính mắc của kiến, tư (hoặc). Nói pháp

Bồ Tát, lìa dính mắc Niết Bàn. Nói pháp Phật, lìa thuận đạo pháp, dính mắc yêu thương.

Từ "Sở dĩ giả hà". Đây là một cặp giải thích về hai trí vậy. Nửa câu Như Lai tức là giải thích về thật trí.

Từ "Chơn như thật tướng đến" mà được thành Phật đạo; cho nên gọi là Như Lai. Tức là giải thích thành thật trí. Phương tiện tức là giải thích về quyền trí. Do ở nơi phương tiện thiện xảo; cho nên hay đủ các loại nhân duyên. Tri kiến Ba La Mật tức là một cặp giới thiệu về quyền thật, tri kiến vậy. Tất cả các loại trí đều gọi là thật trí. Phật nhãn gọi là Phật kiến. Tất nhiên đều đến sự lý bên cạnh. Tất ấy gọi là Ba La Mật. Tất cả đều đầy đủ; quyền thật tất nhiên là cứu cánh vậy. Nếu chẳng tạo một cặp để giải thích cái ý, thì dùng lời nói nào để thực hiện. Tất cả đều là một cặp để giải thích và cái ý lại hiển bày vậy.

Từ "Như Lai tri kiến quảng đại thâm viễn"; tức là một cặp câu kết giải thoát thêm về hai trí. Như Lai tri kiến như trước đã nói. Quảng đại là làm rõ chỗ rộng rãi sâu xa, làm rõ cái ý ấy. Như đây là thật trí; chẳng phải rộng, chẳng phải sâu. Dùng lời nói để tán thán, luận về sự sâu xa nầy, chiếu sáng chẳng có giới hạn; như chỗ tối nhiều và chỗ che khuất nhiều.

Từ "Vô lượng vô ngại" trở đi; tức là chỗ kết về quyền và trí. Tự hành là quyền như phía trước phương tiện của các pháp môn. Cho nên rõ biết câu kết nầy là quyền trí rõ ràng vậy. Thật trí thì chẳng có can dự vào.

Quang Trạch dùng sự giải thích về thật trí nầy. Chẳng phải vậy thì Quang Trạch chẳng thể biết rõ về thật trí. Đời nhà Lương, tất cả đều chẳng rõ vô ngại huệ và vô can nầy v.v...

Vô lượng tức là Phật địa tứ đẳng. Vô ngại tức là Phật địa tứ biện. Có thể đối với một từ một nghĩa, làm cho ra khỏi vô lượng niềm vui; nên nói chẳng cùng. Đây là đối với Biệt, Thông (giáo) Bồ Tát, như ở bên trên của đất nầy. Lực ấy chính là 10 lực. Ưng ấy chính là 4 vô sở úy. Thiền tận là thật tướng của thiền. Định ấy tức là Thủ Lăng Nghiêm định. Tam Muội tức là vua Tam Muội. Thâm nhập vô tế nghĩa là kết thành chỗ sâu xa, thành tựu tất cả chưa từng có pháp, kết thành sự sâu rộng.

Từ "Xá Lợi Phất Như Lai năng chủng chủng phân biệt trở đi"; xưa sẽ kết thành trước quyền và thật. Bây giờ dùng sự khởi lên, sau đó lại muốn dứt hết lời nói. Liền đưa ra quyền thật làm lý do tuyệt đối để ca tụng tán thán. Câu văn nầy có hai. Đầu tiên là đưa ra lý do tuyệt đối để tán thán. Kế đến là chỉ cho cảnh giới không có lời nói. Trầm trọng là sự biểu thị cho sự khuyến tấn siêng năng. Như Lai có thể lành phân biệt. Xảo nói các pháp tức là dựa vào quyền ngôn từ nhu nhuyến, có thể làm cho tâm chúng sanh vui vẻ. Dựa vào thật làm sao được rõ?

Như trên đã thấy về quốc độ kia nói về đốn rằng: Cái nghe nầy thanh tịnh xuất phát từ nơi âm thanh nhu nhuyến. Thân Tử lại giải thích rằng: Nghe âm thanh của Phật nhu nhuyến, sâu xa vi diệu: giống như 2 câu văn

phía trước. Rõ biết như vậy để đưa đến thật trí. Phía trước thì tán thán về thật, phía sau về quyền. Bây giờ với ý gì mà trước quyền và sau thật? Muốn làm rõ nghĩa phía trước về ỷ ngôn; cho nên từ thật mà đổi thành quyền để làm cho lời nói không còn nữa và giả lấy quyền để quy về thật. Từ việc tối quan trọng nầy, dùng để chỉ cảnh thật. Sự quan yếu ấy là chưa qua khỏi cái thật vậy.

Vô lượng vô biên chưa hề có pháp nào chỉ về chỗ rốt ráo của quyền. Lại nữa đưa ra chỗ cốt yếu đó là sáng tạo ở chỗ đoan nghiêm. Vô lượng vô biên là chỉ cho quyền. Pháp vị tằng hữu là để chỉ cho thật. Nói 2 pháp nầy, Phật đều thành tựu. Thực hành được đạo rồi cho nên điều nầy có thể nói. Nếu chỉ làm rõ riêng một việc thì chẳng nên nói vậy. Lại cặp đôi ấy chỉ cho quyền và thật. Ý nầy đã làm cho rõ rồi.

Từ chỗ "kẻ dừng" trở đi là phần thứ 2; tức là tán thán không bằng lời. Thầy Ấn dạy rằng: Muốn cho nguyên nhơn đừng sanh thì tâm ấy có ý thỉnh cầu giải đáp về nghi nầy.

Quý Thầy bên Quán (Tông) dạy rằng: Pháp thật khó rõ; cho nên trước phải dừng tiếng động, là chuyện thường tình. Bây giờ muốn làm rõ pháp sâu xa, ngôn ngữ yên lặng để dứt trừ nơi cửa đạo. Thể ấy chẳng thể nói; cho nên dừng lại để ca ngợi là vậy. Giả sử như lòng từ bi thì nghe nói; nhưng không thể giải thích được. Làm thương tổn căn lành; cho nên dừng lại.

Từ câu "Sở dĩ giả hà" trở đi là giải thích cái ý về việc dừng lại và tán thán ý nầy. Ý nầy lại chia ra làm 2. Một là đối với Đức Phật, là bậc tối thượng, thành tựu mọi pháp, được pháp tối thượng; cho nên chẳng thể so sánh. Kế đến là làm rõ chỗ cảnh giới sâu xa chẳng thể nghĩ bàn; cho nên chẳng thể nói.

Từ chỗ "tựu Phật thành tựu" trở đi làm rõ bậc Thượng Nhơn nói quyền thật, ngang dọc đầy đủ chẳng thể nói hết được.

Từ chỗ "Duy Phật dữ Phật" trở đi làm rõ bậc Thượng Nhơn quyền thật sâu xa chẳng thể nói được. Thành tựu đối với chẳng thành tựu; cho đến nan giải đối với bất nan giải; tức là làm sáng tỏ chiều rộng của việc thành tựu nầy. Tu đạo được; cho nên chẳng thể nói. Chỉ có Phật với Phật mới có thể đi đến chỗ cùng tận sâu xa. Ở phần đầu và giữa chưa giải rõ hết chỗ căn nguyên nầy. Như ngày 14 ánh sáng của trăng chưa tròn đầy. Chỉ Phật cùng Phật mới có chỗ cứu cánh sâu xa. Khi ánh trăng rằm vào ngày 15 thì thể ấy không thể không chiếu sáng tròn đầy, mà chẳng nơi nào lại chẳng sáng đến. Giống như ý nghĩa tu đạo chứng được sâu xa vậy. Do thế không thể nói hết được.

Từ "chư pháp thật tướng" trở đi tức là cảnh giới sâu xa chẳng thể nghĩ bàn; cho nên không thể nói được. Quang Trạch nói: Câu thứ nhứt là tiêu biểu của 2 trí. Các pháp là tiêu biểu của quyền trí. Trong 3 pháp ấy chẳng là một; cho nên nói là các pháp. Trong 3 pháp ấy, giáo nầy là tối hiển. Giáo ấy tất nhiên là căn cơ đối với người nầy.

Cho nên rõ 3 ấy là quyền vậy. Thật tướng là cứu cánh của thật trí. Lý thứ nhứt là chẳng hư, cho nên nói là thật tướng. Trong 41 biên ấy cử ra một lý. Lý ấy là cái gốc; cho nên thật vậy. Trong ấy có 9 câu trở lại giải thích 2 chương trên. 5 câu đầu giải thích chương nói về quyền.

Như thị tướng nghĩa là Tam Thừa nói về giáo lý có thể riêng biệt được. Như thị tánh nghĩa là Tam Thừa giáo tánh chẳng thể phân biệt, tách rời ra dễ dàng được.

Như thị thể tức là Tam Thừa giáo 8 âm, chương cú mỗi mỗi đều có thể. Bồ Tát dạy lấy lục độ làm thể v.v... Như thị lực là lấy Tam Thừa dạy cho cách dùng lực để huấn đạo. Như thị tác tức là Tam Thừa dạy cho người bị trước kia có chỗ tạo tác. Nói rộng về cảnh của thật trí và lược bớt chỗ từ chương. Thật cảnh ấy có 41. Lấy 4 ấy làm chỗ rộng và một nầy là cái lý. Như thị nhơn là cảnh ấy sanh ra chơn giải làm nguyên nhơn. Vạn điều lành đều mong nhờ ở quả nầy vậy. Như thị duyên tức là cảnh ấy phát ra thật trí làm duyên. Dùng chỗ nhơn duyên, chốn vọng ấy làm quả. Quả ấy khởi lên làm nhơn và bảo. Hai câu sau là một cặp kết luận. Câu đầu kết về quyền. Cái gốc ấy tức là đưa ra cái tướng; còn mạt ấy tức là đưa ra chỗ làm. Câu kết kế tiếp là thật. Cứu cánh tức là kết lại nhơn duyên. Đẳng ấy tức là kết với hậu báo vậy. Thầy Bắc Địa giải rằng: Tam Thừa pháp, tất cả đều có tướng, tánh, quả, báo, bổn, mạt. Thầy Diêu thì nói rằng: Những tướng tánh giải thích như thế ở đây là trí huệ chiếu dụng. Mầm mống của Tam Thừa khác với tướng ấy. Tất nhiên là trở thành 3 và 3 ấy là tánh. Phát tâm là

cái thể tùy theo tâm. Chổ sâu xa làm lực. Lực ấy có chỗ tạo làm tác. Tác ấy chiêu nạp quả làm nhơn. Nhơn ấy là lời nói để phân biệt việc nầy. Tại vì duyên và duyên ấy là cái lực bên ngoài; tùy theo thời khắc mà làm quả. Thuần thục của nhơn ấy là báo. Tướng làm gốc và báo làm mạt. Cuối cùng giống nhau với một và đi đến chỗ cứu cánh vậy.

Như vậy là việc nầy chẳng sai.Thầy Sắc cho rằng Phật ở trên làm. Còn tướng ấy là 10 lực, mỗi mỗi có tướng mạo. Tánh ấy là từ gốc rễ, mỗi mỗi có chỗ huân tập. Chỗ huân tập ấy chẳng sửa lại. Có nghĩa là tánh. Tánh lực nầy là cứu cánh vậy. Thể ấy là căn tánh chẳng đồng nhau; chỗ ham muốn lại khác. Nói rằng tâm nầy dùng sự cột chặt dính vào; cho nên lấy thể làm tên. Ở đây lấy lực của dục làm cảnh vậy. Định cũng là tên riêng. Thần thông biến động; chẳng định thì chẳng di chuyển được. giữ tâm cho thanh tịnh, loạn ấy chẳng thể định và chẳng yên lặng. Cho nên lực ấy là cảnh của Thiền Định. Tác ấy là nghiệp. Tức là nghiệp lực vậy. Nhơn ở đây chính là nguyên nhơn của Đạo và có thể đến Niết Bàn. Tức là đến chỗ đạo lực cứu cánh. Duyên nghĩa là duyên vào cái lực của túc mệnh. Quả đây có nghĩa là củng cố cái nhơn bây giờ là chỗ chiêu tập của quả cho vị lai là lực Thiên Nhãn cứu cánh. Báo ấy là báo bây giờ lấy sự ngưỡng vọng cái nhơn đã qua; tức là lực của lậu tận. Cho nên nói báo tức là lậu tận. Bổn ở đây là tướng và mạt là báo vậy. Tổng quát mà nhìn thì cả xứ và không phải xứ đều là cảnh của lực vậy.

Bên trên những sự giải thích chẳng phải chẳng là một. Nhưng do lý không thông; cho nên câu văn chẳng đủ. Văn chẳng đủ nghĩa là các kinh nói: chư Pháp, mà pháp nào lại chẳng thu nhiếp và dừng lại ở Tam Thừa? Lý ấy chẳng thông; cho nên kinh gọi là thật tướng. Chỗ nào lại chẳng tồn tại, nay hay ở tại nhơn, quả và thể. Nếu thật ở riêng lẽ nơi Phật; thì Phật ấy lại chẳng quyền. Quyền riêng ấy ở nơi Tam Thừa. Tam Thừa tức là chẳng bao giờ có thật. Nếu Tam Thừa chia ra làm 5; tức là quyền pháp chẳng đủ, lại hoàn toàn là chẳng thật. Nếu 4 câu ở nơi Phật, thì Phật hoàn toàn chẳng quyền. Thật cũng lại chẳng đầy đủ; nghĩa là chẳng dính dáng với phàm phu. Tức là câu văn của pháp. Điều nầy lại chẳng dùng được gì. Thật tướng chẳng biến; thật tướng ngoại biệt; lại có các pháp. Những điều như thế ngoài ra; cho nên nói là chẳng dùng được.

Giải thích về luận quyển 34 có làm rõ mỗi mỗi pháp đều có 9 loại. Mỗi một loại như vậy đều có thể và thứ đến là mỗi thứ đều có pháp, có mắt tai tuy giống nhau do tứ đại tạo thành; nhưng mắt thì thấy; còn tai chẳng thể dùng để thấy được. Như lửa thì dùng nhiệt làm pháp mà chẳng thể thấm vào được. Ba là mỗi mỗi đều có lực. Như lửa lấy ánh sáng làm lực; nước lấy tánh ướt làm lực. Bốn là mỗi mỗi đều có nhơn. Năm là mỗi mỗi đều có duyên. Sáu là mỗi mỗi đều có quả. Bảy là mỗi mỗi đều có tánh.Tám là mỗi mỗi đều có giới hạn. Chín là mỗi mỗi đều có khai thông phương tiện. Đạt Ma Uất Đa sẽ có 9 loại để gặp Pháp Hoa trong 10 loại như ấy. Mỗi mỗi đều có pháp. Tức là trong Pháp Hoa như thị túc. Mỗi mỗi đều

có sự giới hạn. Tức là trong Pháp Hoa có tướng như thị. Mỗi mỗi đều có quả, tức là trong Pháp Hoa đều có như thị quả, như thị báo. Mỗi mỗi đều có khai thông phương tiện; tức là trong Pháp Hoa có như thị bổn, mạt, cứu cánh v.v... Ngoài ra tên gọi đều giống nhau có thể giải thích được. Bây giờ làm rõ chỗ cảnh giới nầy làm hai.

Đầu tiên câu văn lược bớt mục tiêu về chương quyền và thật. Thứ đến 10 câu giải rộng về tướng của quyền và thật. Bây giờ tạo ra 4 lần giải thích. Một là 10 pháp giới; hai là Phật pháp giới; ba là sự ly hợp và bốn là ước vị.

Kinh rằng: Các pháp dùng 10 pháp giới để giải thích. Kinh nói chỗ Phật thành tựu là pháp đệ nhứt khó có được. Cho nên dùng pháp giới của Phật để giải thích. Kinh rằng: Dừng dừng chẳng nói đủ - Pháp ta khó nghĩ lường. Cho nên dùng ly hợp để giải thích. Kinh rằng: Chỉ có Phật với Phật mới có thể rõ biết hết được. Cho nên dùng địa vị để giải thích. Về 10 pháp giới là thí dụ để làm sáng tỏ chỗ bất khả tư nghì.

Như Thích Luận quyển thứ 14 nói: Chẳng dùng sắc bại hoại; được ở chỗ bình đẳng của Đạo. Quán sắc chẳng khác, mà có thể sánh được với Đại Thừa. Như sáng cùng với tối có thể cùng nhau, mà ngươi thì chẳng thấy; nghĩa là cho rằng sáng tối khác nhau. Muốn rõ biết nghĩa nầy, như ánh sáng của mặt trăng vậy.

Lại nữa khi mặt trời mọc thì bóng tối chẳng hướng về 10 phương, mà bóng tối ấy thường còn,chẳng có nơi

để quay về. Ánh sáng lại cũng như vậy, cùng với bóng tối hợp lại với nhau. Sanh tử cùng với Đạo hợp nhau. Đạo ấy chính là sanh tử. Phật đã độ hết cho những người nào đáng được độ. Tất cả đều bất khả tư nghì. Chư kinh chư luận đa phần dùng thí dụ nầy. Nếu tất cả việc đều bất khả tư nghì; như kinh A Hàm làm sáng tỏ 4 bất tư nghì nầy. Nghĩa là thế giới của chúng sanh, rồng và Phật. Chúng sanh đến từ nơi nào và sẽ hướng tới nơi đâu để đi? Vì chỗ thấp mà sanh; vì chỗ thấp mà tử. Thế giới ấy có biên và vô biên. Có thể đoạn trừ được, mà cũng chẳng thể đoạn trừ được. Vì trời, rồng, người, quỷ ai đã tạo ra?

A Hàm nói rằng: Có một vị sĩ phu tại thành Vương Xá, bên bờ hồ Câu Hy La suy nghĩ về thế gian có biên giới hay không biến giới, thấy 4 người lính chui vào lỗ chơn lông, tự sợ hãi và sinh ra điên cuồng. Thế gian chẳng điên cuồng. Sau đó hỏi Phật. Phật bảo chẳng phải điên là A Tu La. Vì chư thiên mà tùy tiện ra vào nơi chứa ấy. Suy nghĩ điều nầy đối với thế gian chẳng phải là con đường của Niết Bàn; chẳng có nghĩa nhiêu ích; chẳng có pháp lợi lạc; chẳng lợi lạc về phạm hạnh v.v...

Rồng mưa là từ miệng rồng. Tai, mắt, mũi, lưỡi đều hiện ra. Sự thật ấy chẳng từ điều kia mà hiện ra. Hay từ niệm nhớ nghĩ mà xuất hiện. Niệm lành, niệm dữ tất cả đều có thể thành mưa. Do việc làm căn bản thuở trước, mà nay được cái lực như vậy. Bụng núi Tu Di có trời tên là Đại Lực lại cũng có thể làm mưa.

Lại nữa trải qua 5 đường hợp với một, thật bất khả tư nghì. Địa ngục có hết và tiếp tục. Súc sanh có loài bay. Quỷ cũng có thể biến ít thành nhiều. Người có thể làm cho lửa thiêu đốt rơm rạ. Trời có thể tự nhiên đến hgồi quả báo. Tất cả đều là quả báo. Pháp sự ấy thật là bất khả tư nghì v.v... Điều nầy noí về 4 việc nhơn duyên; giải thích chẳng thể được; huống là cảnh giới sâu xa; há chẳng phải là chẳng bất khả tư nghì sao?

Kệ có 21 hàng, chia làm hai. 17 bảy hàng rưỡi đầu tiên tụng Trường Hàng (câu văn dài), sau đó 3 hàng rưỡi lược khai 3 hiển 1, động chấp sanh ra nghi ngờ. Câu văn trước lại có 2. Đầu tiên 4 hàng, tụng về ỷ ngôn ca tụng. Sau đó 13 hàng rưỡi, tụng về tuyệt ngôn ca tụng. Phàm là kệ tụng Trường Hàng hỗ tương với nhau có rộng, có lược bớt, làm cho nghĩa dễ hiển bày vậy. Hai loại Trường Hàng ở nơi Phật là quyền, thật; mỗi mỗi ca ngợi. Biểu hiện cho sự hóa duyên khác nhau. Cho nên trong việc tụng về 2 loại ấy, Phật hợp lại ca ngợi, tán thán. Điều nầy để chỉ cho 2 trí và lý giống nhau. Đầu tiên trong lời văn ỷ ngôn lại có 2. Hai hàng đầu hợp với tụng 2 Phật và 2 trí. Hai hàng sau hợp với tụng 2 Phật, tán thán sự giải thích và tán thán những kết luận. Đầu tiên lại có 2. Bây giờ câu đầu là Thế Hùng, tụng trí tuệ bên trên của chư Phật. Chẳng thể lường được là tụng về thậm thân vô lượng bên trên. Tụng nầy là thật trí của chư Phật vậy. Ba câu tụng kế tiếp là quyền trí bên trên của chư Phật. Điều nầy lại có 3 việc khác. Một là bên trên suy cử về người, lại cùng với tiêu chuẩn của pháp. Cho nên nói là trí huệ của chư Phật. Bây giờ tụng về người tụng, sẽ là người

dùng pháp đẹp đẽ ấy; cho nên nói là Thế Hùng. Hai là bên trên khai bày việc tán thán và bây giờ hợp lại để ca ngợi. Dùng pháp riêng cho nên nói là liền khai mở. Lấy người làm tổng quát cho nên nói là tu hợp. Ba là như trên đã nói. Tất cả Nhị Thừa đều chẳng rõ. Bây giờ nói tất cả các loại chúng sanh chẳng rõ.

Từ "Phật lực" trở đi sau đó 1 hàng tụng ca ngợi Đức Thích Ca nhị trí. Phật đó là tụng: Ta từ thành Phật. Chánh tụng thật trí. Lực vô úy và tụng là những công đức. Tụng nầy là quyền trí. Dừng ấy là chỉ cho hóa tha của quyền. Đây là thật trí ngoài sự trợ giúp vậy. Chánh tụng như trên, đủ loại nhơn duyên v.v...

Theo sách thì từ dưới, phía sau 2 hàng hợp với tụng, hai Phật giải thích, tán thán về cái ý của việc tán thán câu kết. Theo sách thì từ vô số Phật đầy đủ các việc làm ở các đường. Lời tụng bên trên về chư Phật và giải thích, tán thán. Phật gặp, gần gũi trăm ngàn chư Phật, cùng làm đạo pháp là câu văn như thế. Là pháp vi diệu sâu xa. Bài tụng ở trên là lời kết, tán thán về thật, thành tựu sâu xa, chưa từng có pháp nào như vậy. Khó thấy khó được rõ biết bài tụng bên trên về đoạn kết là ý thú ca tụng về quyền, khó giải thích vậy. Đối với vô lượng ức kiếp thực hành những đạo pháp rồi. Bài tụng bên trên giải thích về tri kiến Ba La Mật của Đức Thích Ca; tất cả đều đã được đầy đủ.

Bên trên 2 câu là đưa ra cái nhơn đầy đủ. Bên dưới một câu là đưa ra cái quả đầy đủ. Ta đã rõ biết và thấy một câu. Lời tụng bên trên là lời kết; giải thích về 2 trí

của Đức Thích Ca, Như Lai tri kiến, quảng đại là câu văn như vậy. Hoặc có lúc dùng 4 câu kệ, hợp tụng bên trên của 2 vị Phật về quyền và thật. Câu văn ấy chia ra làm 6. Đầu tiên nói về Thế Hùng một câu. Tổng tụng về 2 vị Phật và 2 trí. Thứ hai là chư Thiên và người đời 3 câu tụng về con người. Ba là Phật lực, dưới đó 1 hàng tụng về Đức Thích Ca và giải thích về quyền, thật. Bốn là gốc từ dưới, một hàng. Tụng về chư Phật và giải thích về quyền, thật. Năm là vô lượng trở đi, nửa hàng. Đây là cái nguyên nhân của việc làm bên trên. Sáu là từ Đạo Tràng được thành tựu trở đi, hai câu. Tụng về việc đắc quả.

"Từ như thị đại quả báo khứ" lần thứ 2 có 13 hàng rưỡi, tụng về việc không còn dùng đến lời nói như bên trên. Câu văn ấy lại chia ra làm 5. Nửa hàng đầu là quả báo to lớn như vậy. Tức là tụng về cảnh giới bất tư nghì. Thường hay đưa ra việc ở đầu, cuối và trung gian. Việc lược bớt nầy có thể rõ được. Nghĩa của chữ và lời tụng, đều rốt ráo. Lớn ở đây đưa ra đủ loại nghĩa đen để mà nói.

"Ta và mười phương chư Phật" trở đi hai hàng rưỡi, theo đó tụng chỗ tối cần thiết về việc Phật tất nhiên thành tựu.

"Từ bất khả thị" trở đi ba hàng rưỡi, tụng chỗ không nói như bên trên. Thật tướng không có chỗ; cho nên chẳng thể chỉ cho thấy. Chẳng bằng ngôn ngữ của Đạo; cho nên nói lời tương ứng với tịch diệt.

"Từ tư dư chúng sanh loại" trở đi 4 hàng tụng ấy đưa ra chỗ không rõ biết của con người. Cho nên phía trên câu văn dài làm rõ chỗ không có người trí nào. Do vậy mà dừng lại chẳng nói. Trong 10 hàng rưỡi tụng ấy, tụng về người chẳng rõ biết. Câu văn nầy lại chia ra làm 8. Nửa bài kệ đầu nói chung về chỗ chẳng nhập; tức là 7 phương tiện.

"Từ trừ chư" trở đi 22 câu chỉ rõ chỗ có thể nhập; tức là Viên giáo, thập tín. Cho nên nói tín lực kiên cố là vậy. Câu văn dài làm rõ chỗ cứu cánh của Phật tri kiến. Trong tụng ấy làm rõ biết chỗ tin ban đầu. Rồi cùng đưa ra như thế.

"Từ chư Phật" trở đi phần thứ 3 có một hàng rưỡi làm rõ chỗ Nhị Thừa chẳng rõ biết.

"Từ giả sử mãn" trở đi phần thứ 4 có một hàng đưa ra chỗ Thân Tử (Xá Lợi Phất) chẳng rõ biết.

"Từ chánh sử mãn" trở đi phần thứ 5 một hàng rưỡi đưa ra việc các Đại Đệ Tử.

"Từ Bích Chi Phật" trở đi phần thứ 6 gồm 2 hàng đưa ra việc Bích Chi Phật.

"Từ tân phát ý" trở đi; phần thứ 7 hai hàng rưỡi, đưa ra việc phát tâm của Bồ Tát chẳng nhập. Phát tâm ngữ thông; hoặc có thể lục độ Bồ Tát ở vào 3 A Tăng Kỳ chưa đoạn được hoặc; nên gọi là phát tâm. Hoặc có thể chỉ cho người ở trên trời, tự nhiếp lấy lục độ mà phát tâm, là lời nói riêng biệt, nghi về Thông, Biệt (giáo) mà phát tâm.

"Từ bất thối Bồ Tát" trở đi phần thứ 8 có một hàng nói về chỗ bất thối Bồ Tát lại chẳng rõ biết. Thông giáo bất thoái, đoạn trừ cảnh giới hoặc bên trong. Cho nên chẳng rõ cái lý riêng biệt. Biệt giáo địa tiền lại có chứng vị bất thoái hạnh và bất thoái v.v... Lại cũng chẳng rõ biết.

Kế đến "từ cáo Xá Lợi Phất vô lậu" trở đi phần thứ 5 một hàng rưỡi bài tụng về pháp khó giải và Phật thì hay rõ cảnh thật tướng. Vô lậu bất tư nghì nghĩa là tụng phần kết chính yếu và đưa ra quyền, thật; chỗ cảnh giới dừng lại. Thậm thâm vi diệu pháp một câu, tụng bên trên phần một là hy hữu nan giải pháp. "Ngã kim dĩ cựu đắc 3 câu" tụng về việc chỉ Phật nói với Phật mới có thể rõ biết, làm rõ con đường giống nhau của chư Phật; tất cả đều đi đến chỗ cứu cánh. Cho nên nói rằng: Riêng chỉ ta biết tướng nầy và 10 phương chư Phật lại cũng như vậy. Việc giải thích bất tư nghì là giống như ý châu, không có một chỗ sứt mẻ, có thể mưa xuống những loại quý giá. Đây là thật tướng chẳng sanh thì hay sanh ra Bát Nhã vậy. Vô lậu bất tư nghì một hàng rưỡi là cái gốc, sanh ra 4 loại giải thích như trên đã nói.

"Từ vô lậu có nữa 2 câu" là 10 pháp giới giải thích về việc làm chính. Thập pháp giới và Thập Như (thị) thu gom Phàm Thánh, lý tánh và vô lậu mất đi.Tam Đế mất vô lậu; quyền thật trí, mất vô lậu. Với bất khả tư nghì làm chỗ khai mở, hợp lại và giải thích chỗ tạo tác căn bản. Tức là quyền mà thật; tức là thật mà quyền. Cho nên nói là bất khả tư nghì vậy. Về việc Pháp vi diệu sâu

xa, vì Phật pháp giới mà giải thích chỗ tạo tác căn bản. Điều nầy có thể rõ. Chỉ có ta biết là tướng. Vì ngôi vị mà giải thích, tạo tác ra chỗ căn bản. Điều nầy lại cũng có thể rõ v.v...

"Từ Xá Lợi Phất đương tri chư Phật ngữ vô dị" trở đi. Lược khai 3 và hiển 1; động chấp sanh nghi. Tựu chung khai hiển ấy làm hai. Đầu tiên làm sáng tỏ việc chư Phật hiển thật. Thứ đến làm rõ việc Đức Thích Ca khai 3. Hỗ tương làm rõ một bên vậy. Chư Phật nói không khác nghĩa là luận về chư Phật hóa đạo giống nhau. Kế đến 2 câu khuyên nên siêng tin. Hai câu sau chính thức hiển thật. Sau đó pháp của Thế Tôn lâu dài; nên cần nói chân thật; tức là hiển chân vậy. Động ấy từ xưa là việc chấp vào; nên sanh ra nghi, sẽ chẳng phải ma làm Phật. Chính là do nghe lời nói nầy vậy. Phật liền như lời nói thật mà khuyến khích siêng tin. Việc gì lại nghi ngờ? – Vì phòng hờ cái nhơn nghi khởi lên sự hủy báng; cho nên siêng tin là vậy.

"Từ cáo chư Thanh Văn chúng" trở đi làm rõ Đức Thích Ca khai ra 3. Câu văn ấy lại chia ra làm 3. Đầu tiên một hàng chính thức làm sáng tỏ khai mở ra 3,sẽ làm sáng tỏ chẳng phải Nhị Thừa. Cho nên nói là được Niết Bàn vậy. Lại giải rằng: Ta làm cho thoát khổ cột chặt, chứng được Niết Bàn. Tức là tiến đến lục độ Bồ Tát thừa. Sao lại biết được việc nầy? Tu lục độ hạnh tức là miễn trừ việc trói buộc vào 4 cõi; chưa có thể vào chỗ diệt độ. Còn 3 A Tăng Kỳ và 100 kiếp nữa mới được Niết Bàn. Nên nói là còn xa vậy. Lại nữa lục độ hạnh, trước độ cho

kẻ khác; cho nên nói là "ta làm cho thoát khổ bị trói buộc". Sau đó giữ lấy vô lậu; cho nên nói là được Niết Bàn. Nghĩa nầy nên nói rõ là lục độ thừa vậy. Lại nữa lấy số lượng để giới thiệu câu văn ở dưới. Nói rằng: Phật dùng Phương Tiện lực để chỉ cho Tam Thừa giáo. Nếu chẳng chỉ điều nầy thì 3 ấy là gì? - Chẳng nên để ý nhiều về Nhị Thừa làm Tam Thừa vậy. Kế tiếp nửa câu sau là chánh thức nói về Tam Thừa. Tất cả đều là hư ngụy. Kế đến 2 câu đề xuất và thành lập 3 ý. Ý đây là quyền, dẫn là những sự khổ; chẳng phải là chơn thật. Đây chính là cửa phương tiện vậy.

"Từ nhĩ thời đại chúng" trở đi vì sợ, nghi đến thỉnh cầu. Do nghe 3 ngụy một chơn; chấp vào động và nghi lại sanh. Câu văn chia làm 2. Một là nghi chín muồi và 2 là chánh thức mời và quyết định. Thục nghi lại có 2. Một là những nhà giải thích kinh thuần thục; hai là chính thức sinh nghi. Đầu tiên thục ấy có 1.200 nghi. Thứ đến thục ấy 4 chúng. Bên trên là Tam Thừa; tất cả đều là phương tiện. Thục nghi ấy thường tại nơi Nhị Thừa. Dùng sự chấp sâu nầy và nghi sâu vào biên kiến rồi đưa đến nơi khác nhiều sự nghi. Tức là nói rằng: Cầu Phật và chư vị Bồ Tát số nhiều có đến tám vạn. Lại đều có nghi. Cho nên rõ biết Tam Thừa, kiểm lại sự nghi biên kiến ấy, đưa ra Nhị Thừa vậy.

"Từ các tác thị niệm" trở đi là chánh nghi. Lại chia ra làm 2. Một là nghi Phật nhị trí. Hai là nghi điều nầy là chỗ được. Từ điều gì mà là xưng tán phương tiện? – Tức là tổng nghi quyền, thật nhị trí. Từ điều tạo tác mà nói

Phật chỗ được pháp sâu xa. Đây chính là nghi thật trí. Có chỗ dùng lời nói ý thú khó rõ. Đây là nghi quyền trí. Dùng sự nghe lời nói của chư Phật không khác chỗ chính yếu và sẽ nói chơn thật. Từ đây sanh ra nghi. Kẻ nào xưa Phật nói Tam Thừa trí huệ giống nhau và việc chứng chẳng khác? Ngoài ra tập ấy có cuối cùng và chẳng cuối cùng. Bây giờ lấy việc xưng tán Như Lai nhị trí, chẳng phải thuộc về ta và đây chính là điều nghi Phật nhị trí vậy.

"Từ Phật thuyết nhứt giải thoát nghĩa ngã đẳng diệc đắc thử pháp" trở đi. Điều nầy là tự nghi chỗ sở đắc. Tam Thừa Thánh Đạo là chơn thật ra khỏi cái ta cần yếu và tu lý nầy, lại đến được Niết Bàn, mà bây giờ lại nói tất cả đều là phương tiện. Chưa rõ được cái gì là chơn thật. Cho nên nói chẳng rõ là nghĩa chỗ nầy. Đây là từ trên chia ra 3 làm ngụy, mà sanh ra nghi vậy.

"Từ nhĩ thời Xá Lợi" trở đi. Lần thứ 2 chính thức thỉnh. Văn nầy có 3 lần thỉnh và 2 lần dừng lại. Tựu chung trước đó 3 dừng lại. Thầy Diêu và Thầy Long nói rằng: Cái dừng đầu tiên là lý sâu xa khó giải. Cái thỉnh đầu tiên là tự tha cầu quyết nghi. Kế tiếp là dừng lại chỗ sợ nghi mà chẳng tin. Kế tiếp lời thỉnh cầu là vì sự lâu dài ngay thẳng tất nhiên rõ biết. Sau đó dừng lại là việc tất nhiên của việc hủy báng và đọa vào nơi ác đạo. Sau đó thưa thỉnh là lợi căn đắc đạo, được lợi ích. Bây giờ Thầy ấy nói: Phật dự tri 3 tuần được lợi ích trước mà sau thì chẳng đầy đủ. Cho nên 3 điều ấy là 3 lần thỉnh. Tựu chung cái thỉnh đầu ấy chia làm 2. Một là Trường Hàng;

hai là kệ tụng. Trường hàng lại chia làm 2. Một lần nghi, 2 lần thỉnh. Trần tình việc nghi về 2 trí. Trần thỉnh rồi thỉnh chúng thỉnh. Trong tụng ấy có 11 hàng kệ. Văn ấy lại có 6. Hai câu đầu tụng về nghi thật trí.

"Từ tự thuyết đắc" trở đi. Lần hai là 3 hàng tụng về nghi quyền trí.

"Từ vô lậu chư" trở đi. Lần thứ ba có 3 hàng làm rõ Tam Thừa Tứ Chúng có sự nghi ngờ. Câu trên làm rõ cho A La Hán. Hai câu sau làm rõ cho Duyên Giác. Ở giữa là xưng tán và cầu Niết Bàn; tức là làm rõ lục độ Bồ Tát. Vì sao lại biết? Như trên đã nói: Được Niết Bàn là xưng tán ở giữa nầy và các vị Bồ Tát tự cầu lấy Niết Bàn. Lại nữa cùng với kia; cho nên khác với Nhị Thừa; trí ấy là Bồ Tát vậy.

"Từ ư chư" trở đi lần thứ tư có một hàng rưỡi làm rõ Thân Tử nghi và "từ chỗ Phật khẩu sở sanh trở đi", lần thứ 5 có 1 hàng, làm rõ chỗ Phật Tử nghi.

Từ "chư Long Thiên" trở đi lần thứ 6 có 2 hàng tổng cộng làm rõ chỗ nghi và thỉnh cầu giống nhau vậy.

Phàm là kệ tụng Trường Hàng có cái ý gì muốn nêu lên? Như đây chẳng phải tụng, tức là Trường xuất. Đối với nghĩa chẳng phải gấp gáp. Chẳng thể não phiền nơi câu văn phân chia ra; cho nên lược bớt.

Từ "nhĩ thời Phật cáo" trở đi là hai chỗ dừng; liền lấy chỗ nghi ấy thưa thỉnh, tất nhiên như câu văn v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển 3 (Phía dưới)

Dịch xong phần trên vào ngày 10 tháng 4 năm 2010

tại chùa Tam Bảo – Moss – Na Uy.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 4
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác – Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt.

- Bắt đầu dịch phần nầy tại Chùa Linh Sơn Detroit – Hoa Kỳ ngày 22 tháng 4 năm 2010.

Từ „nhĩ thời Thế Tôn cáo Xá Lợi Phất! nhữ dĩ ân cần tam thỉnh khởi đắc bất thuyết‟ trở đi. Nói rõ rộng ra là: khai ba hiển một. Phàm câu văn của 7 phẩm rưỡi lấy làm ba. Một là vì kẻ thượng căn mà thuyết pháp. Hai là vì người trung căn nói thí dụ và ba là vì người hạ căn nói về nhơn duyên những đời trước. Lại còn có tên là Lý Sự hạnh. Ví dụ như Đại Phẩm lại cũng chia làm 3 căn cơ như vậy v.v… Ở đây giản lược lại trong 10 nghĩa. Một là có thông có biệt; hai là có Thanh Văn, không Thanh Văn; ba là hoặc hữu, hậu bạc; bốn là căn chuyển, chẳng chuyển; năm là căn có ngộ, không ngộ; sáu là lãnh giải, không lãnh giải; bảy là được thọ ký, không được thọ ký; tám là sự giác ngộ có sâu, cạn; chín là sự lợi ích có quyền, thật; mười là chờ thời và không chờ thời.

Đầu tiên là làm rõ nghĩa chỗ thông và biệt. Chữ biệt ấy là việc thuyết pháp. Thông ấy gồm đủ có ba. Giống như hoa Ưu Đàm hiện ra một lần vậy. Tức là nói về thí dụ. Nếu ta gặp chúng sanh, dạy dỗ cho nên Phật đạo; đây ý nói về nhơn duyên. Phần giữa của biệt, gọi là nói thí dụ. Phần thông lại cũng có ba. Ta trước chẳng nói, đều là hóa Bồ Tát cả. Lại hợp dụ chỉ một thừa; nhưng do phân biệt nói làm ba. Tức là thuyết pháp ở nơi 2 vạn ức

Phật, thường hay giáo hóa ngươi. Đây tức là nói về nhơn duyên. Nếu nghĩa của câu văn nầy thuộc về thuyết pháp, thì có thể nhận Trưởng Giả; nhưng khi nghe rồi, liền sợ vào ngôi nhà lửa; cho nên được cứu khỏi. Đây cũng nói về nhơn duyên. Phần cuối của biệt là nói về nhơn duyên của đời trước.

Phần thông lại có ba. Lúc đến giờ Niết Bàn thì chúng lại thanh tịnh, làm cho sâu vào trí huệ Phật. Đây là thuyết pháp. Có một vị Đạo Sư nói về thí dụ nầy. Rồi tạo ra 3 lần nghĩa là từ nhiều, từ chánh, từ giản lược và từ một bên, muốn làm cho tên gọi chẳng lạm dụng mà mỗi mỗi đều có một ý riêng.

Hỏi: Ba lần ấy có 3 loại người. Một lần thông ấy có 3 cách nói và một cách nói đủ 3 căn chăng ?

Đáp: Pháp nói chẳng dừng lại ở bên trên hay giữa phía trên, lại có giữa phía dưới. Từ chánh, lược và bên cạnh; cho nên nói là dừng lại ở bậc thượng căn. Ngoài ra 2 vòng kia cũng lại như vậy.

Hai là rõ chỗ có Thanh Văn và không có Thanh Văn. Nhà lửa ấy nhất định có những vị Thanh Văn đang thực hành. Nếu nói rằng không có thật, quyền sao lại có chỗ tương ưng. Mở con đường lành; nhưng giải thích là không thực hành Thanh Văn. Dẫn dắt đến Tam Thừa, nghiệp đầu chẳng gặp được pháp. Bên ngoài kẻ phàm phu rõ biết đây là Nhứt Thừa. Chắc rằng có Nhị Thừa dụ cho sự chấp chặt vào quả nhỏ. Kinh cho thấy rõ là có quyền. Cả 2 bên đều chấp vào biên kiến; nên làm mất ý

nghĩa của kinh. Nếu ở người định thì kinh nào nói là không có đệ tử Thanh Văn, thường hay hóa làm Bồ Tát. Nếu không có định thì ai là người vào hóa thành ? Lại chẳng có 3 ấy có thể cùng quyền có thể dẫn đến nơi chốn. Nếu nói rằng thật ấy là có quyền là chỗ dẫn đến thì ở nơi thật lại có chứa đến 3 Tạng Phật. Lại lấy quyền làm 3 Tạng Phật để chỉ dẫn. Nếu thật ấy chẳng có Phật nầy thì lại có quyền Phật. Với ý gì mà chẳng cho có quyền nơi Thanh Văn và không có thật nơi Thanh Văn ? Nghĩa nầy chẳng lấy đó làm thí dụ. Thật ấy có đoạn giới nội hoặc; gọi đây là thật, mà quyền ứng hiện.

Ở nơi nào có đoạn giới hoặc Phật mà có quyền Phật tương ưng với Phật nầy ?

Bây giờ làm rõ chỗ có không thuộc về bất khả biên chấp.

Nếu từ vị Trưởng Giả có thật trí đến xem; tức là chẳng có khách làm người. Cuối cùng căn tánh của gã cùng tử, liền vì đó mà làm người. Theo luận về Pháp Hoa có 4 loại Thanh Văn. Một là quyết định; hai là thương mạn; ba là thoái đại và bốn là ứng hóa. Hai loại phía trước chưa thuần thục, chẳng được thọ ký. Nếu nương vào kinh nầy lại có đến 5. Một là lâu dài luyện tập việc nhỏ và bây giờ đã thuần thục ở đạo, khi nghe dạy về Tiểu Thừa thì chứng quả. Theo như luận nầy, đây là Quyết Định Thanh Văn.

Hai là căn bản có tích chứa công đức tu hạnh Bồ Tát mà giữa đường lại mệt mỏi với sự sanh tử nên bỏ lớn

trở về nhỏ. Trong Đại Phẩm gọi đây là biệt dị thiện căn. Phật chẳng thành ở con đường nhỏ mà nói giáo lý bậc thấp. Giáo lý vi tế ấy đoạn trừ nội kết và lấy quả. Đây là thối tâm nơi đại và lâu dài tu tập nơi Tiểu Thừa và gần gũi với giáo lý; nên dễ giác ngộ. Như luận nầy nói rằng thối Bồ Đề Thanh Văn.

Điều thứ 3 cũng như điều hai nầy.

Chư Phật và Bồ Tát bên trong thì mật, bên ngoài là hiện. Thành tựu tiếp dẫn, làm cho vào con đường lớn. Như luận nói: Đây là ứng hóa Thanh Văn.

Bốn là nếu thấy quyền, thật đủ hai loại, hay ra khỏi sanh tử, vui nơi Niết Bàn, tu trì giới định huệ. Chỗ nhỏ nhiệm của quán huệ chưa vào được; giống như địa vị còn thấp, chưa có chỗ được. Nghĩa là việc chứng quả. Đây được gọi là: chưa đắc chỗ chưa được; chưa chứng được chỗ chứng. Như trong luận nói: Đây là Tăng Thượng Mạn Thanh Văn.

Năm là Đại Thừa Thanh Văn. Dùng Phật đạo để nghe và làm cho tất cả đều nghe. Từ quyết định và thối Bồ Đề hai loại ấy. Nghĩa là có Thanh Văn. Nếu từ cái lý của Đại Thừa, không giam hãm vĩnh viễn nơi hóa thành, chung quy đến bảo sở. Thật đây liền như thế; tức là không có quyền; cho nên không có Thanh Văn.

Còn Tăng Thượng Mạn nghĩa là chưa nhập vào địa vị, tức là chẳng phải thật; lại chẳng phải ứng hóa; cho nên chẳng phải quyền. Nếu được ở ý nầy thì chẳng có nóng, lạnh, sao lại còn khổ não mà tranh tụng. Lại nữa

cuối cùng là Đại Thừa Thanh Văn. Theo luận nầy thì có, không ấy là do quyền tạo ra sự ứng hóa. Bên ngoài hiện ra Tiểu Tích mà bên trong lại chứa đức lớn. Nghĩa là chẳng có Đại Thừa Thanh Văn. Từ tự hành phát tích và hiển lộ cái gốc gác; tức là nói: có Đại Thừa Thanh Văn. Bây giờ là mở 3 hiển 1 là ý chánh. Vì quyết định thối Đại Thanh Văn làm cho thành Đại Thừa Thanh Văn. Tự hành liền lập được; tức là hay hóa ứng Thanh Văn. Nếu được ý nầy; tức là đạt được hữu vô vậy.

Đệ tam hoặc hữu hậu bậc theo Ngài Diêu thì 3 căn được quả nầy rồi, nhìn thấy chỗ vô sanh. Cái lý của vô sanh thì đây là một. Cho đến khi ra khỏi quán, duyên vào 3 lời dạy, liền khác. Đương nhiên sự khác biệt của 3 lời dạy ấy là cái lý của vô sanh nằm nơi hoặc. Nghĩa là lời dạy ấy làm cho 3 lý kia há dụng được một. Lại nữa sẽ có một lý và hoặc ấy nằm nơi 3 lời dạy. Lý ấy tức là một lời dạy, chắc sẽ được 3. Thời gian dụ dự của lý giáo, trở lại việc được mất. Dùng lý của hoặc để dạy cho điều nầy sẽ có được nghĩa. Dùng giáo của hoặc để lý giải điều nầy, sẽ có sự mất đi ý nghĩa. Người thượng căn dùng lý; hoặc ấy chỉ cho nhiều tình. Đầu tiên nói pháp thuận theo đó và được giác ngộ. Kẻ hạ căn dùng giáo; hoặc ấy lý tình nhiều, khi nghe thuyết pháp không đủ ba. Ngược lại sự lo toan nầy làm cho 3 việc nghe ấy được liễu giải. Kẻ trung căn ở giữa 2 việc ấy; khi nghe pháp chẳng ngộ và khi thí dụ lại rõ. Nay giải thích về 3 căn nầy chưa đầy đủ hẳn. Ba người nầy dụ dự những gì về lý và giáo ? Nếu hồi hoàn trở lại cái lý của Tiểu Thừa thì giáo ấy liền nghi hoặc chưa biết. Bên trên chẳng phải là quả đầu tiên của

người đoạn trừ kết hoặc. Nếu trở về lại với lý, giáo của Đại Thừa thì chắc hẳn với Đại Thừa luôn còn khác biệt. Cái gì có thể gặp được với Tiểu Thừa, mà nói lời do dự sao? Hoặc lấy Tiểu để mê hoặc Đại hay dùng Đại để mê hoặc Tiểu. Như phía trước chưa chỉ ra chỗ lầm của phương tiện; làm sao nói chuyện du quán, xuất nhập. Sự do dự ấy là do nơi chưa an. Cho nên sự trù trừ do dự ấy liền sanh ra nghi ngờ và chấp trước. Không phải lúc bắt đầu hay ngày nay. Nếu trước có động và chấp vào đó thì sanh ra nghi ngờ. Khi nghe thì khai 3 hiển 1; tức là lãnh hội được; làm sao lại có chuyện lo sợ sanh nghi. Đến lui vô cùng; cho nên chẳng dùng đến lời giải nầy.

Bây giờ nói rõ về căn, có lợi độn. Tất cả đều luận về căn tánh Đại Thừa. Hoặc ý ấy có dày mỏng; ấy là nói riêng biệt về hoặc. Tức là có 4 câu. Một là hoặc ấy nhẹ mà căn là lợi căn. Hai là hoặc ấy nặng, mà căn là lợi căn. Ba là hoặc ấy nhẹ và căn ấy độn. Bốn là hoặc ấy nặng, căn ấy độn. Nếu biệt hoặc nhẹ và đại căn lợi thì lúc nghe đầu tiên liền ngộ. Nếu hoặc ấy nặng, căn ấy lợi; khi nghe lại thì sáng ra. Nếu hoặc ấy nhẹ, căn ấy độn, sau 3 lần nghe mới quyết định. Trong 4 câu ấy chỉ có 3 lần nghe là chẳng có thể được giác ngộ. Dừng lại sự kết duyên với chúng sanh chăng ? Hoặc có thể đầu tiên 2 câu ấy căn và lợi giống như là Thượng Căn. Hoặc có thể ở giữa 2 câu ấy là trung, hạ căn v.v...

Lại nữa ở phẩm đầu, vô minh có 3 loại. Sự che đậy ban đầu, ở vào Trung Đạo. Nếu là lần đầu thuyết pháp đối với bậc thượng căn thì 3 loại vô minh trong một lúc

đều hết. Khai mở tri kiến Phật, nhập vào Bồ Tát vị và được thọ ký Bồ Đề. Kẻ trung căn thì đoạn lìa 2 loại vô minh nặng. Kẻ hạ căn thì đoạn trừ một loại nặng: kế đến lúc nghe nói về thí dụ, trung căn đoạn 3 loại nặng hết sạch, khai mở tri kiến Phật vào địa vị Bồ Tát và được thọ ký. Kẻ hạ căn tiến đến đoạn trừ 2 loại nặng. Kế đến là nghe nói về nhơn duyên. Hạ căn đoạn trừ 3 loại nặng hết sạch, khai mở tri kiến Phật, nhập vào địa vị của Bồ Tát. Ví như Tiểu Thừa 16 tâm chưa đầy đủ thì chưa được gọi là Sơ quả. 16 tâm đầy đủ thì gọi là Tu Đà Hoàn.

Thứ tư là làm rõ chỗ chuyển căn và không chuyển căn. Ngày xưa nói rằng: Kẻ thượng căn đầu tiên nghe thuyết pháp liền tỏ ngộ, rồi kẻ trung căn chuyển đổi giống như thượng căn. Người hạ căn tiến dần lên trung căn. Nếu lúc nghe nói thí dụ thì kẻ trung căn sẽ thành thượng căn; liền đó có thể ngộ được. Hạ căn thành thượng. Kế tiếp khi nghe nói về nhơn duyên thì kẻ hạ căn cũng giống như thượng căn, liền đó được tỏ ngõ. Nếu được như vậy, tức là chuyển hạ thành thượng. Khi nghe nói về nhân duyên, tất cả đều là thượng, vì là lợi căn nên liền đều nhau. Còn cái nào được gọi là độn căn thì chờ nghe nói về nhân duyên. Nếu chuyển thành thượng căn, tức giống như bên trên, liền ngộ. Nếu điều nầy chưa ngộ được; giống như giữ lại tên gọi là độn. Tức nghĩa là chẳng chuyển được căn. Ví dụ như Thân Tử (Xá Lợi Phất) một lần nghe Mục Liên và nói cho nghe lại giống nhau, được chứng sơ quả. Nếu cả hai đều là lợi căn thì chẳng có chỗ ưu, kém. Như vậy thì gọi là lợi độn, nghĩa chuyển căn ấy không thành. Phàm chúng sanh, tâm thần bất

định, gặp duyên ác thì sẽ bị chuyển lợi thành độn. Gặp duyên lành thì sẽ chuyển độn thành lợi.

Đời trước gặp được Phật, nghe pháp, tự đó có thể chuyển từ hạ, trung lên bậc thượng. Tất cả đối với việc nghe pháp đều được giác ngộ. Tự mình chuyển đổi từ hạ lên bậc trung là khi nghe nói thí dụ đến chỗ rõ bày. Bậc hạ ấy là chẳng thể chuyển 3 lần được. Như ở đây việc chuyển căn chẳng đồng, như lối giải thích xưa. Giống như cỡ con dao chặt cây; những kẻ lợi căn thuộc về bậc nhứt, trung căn thuộc bậc hai và kẻ độn căn thuộc bậc ba. Được gọi là lợi, độn nghĩa là chẳng đốn mất cây; nơi ấy giống nhau.

Hỏi: Ba căn nhập vào địa vị Sơ Trụ có giống như lợi, độn chăng ?

Đáp: Chơn tu thể hiển, tức là chẳng có sự sai biệt.

Hỏi: Nếu vậy thì Sơ Trụ trở lên lại khởi duyên tu, có ưu khuyết chăng ?

Đáp: Người mà đồng với ngôi vị thì không có chỗ hơn thua. Chơn tu thể dụng thì chắc rằng có chỗ sai khác.

Điều thứ năm là làm rõ chỗ ngộ và không ngộ. Trong kinh đa phần cho thấy rõ rằng Bồ Tát là những bậc Thượng căn; Duyên Giác là Trung căn; Thanh Văn là Hạ căn. Nếu nói Bồ Tát là Thượng căn thì chỗ nghe pháp của Duyên Giác cũng ngộ được; chỗ nói thí dụ cũng lý giải được. Thanh Văn ở nơi Duyên Giác cũng ngộ được. Dĩ nhiên trong kinh cho rằng: một ấy quá phân nửa ra

khỏi 3 căn. Cho đến giác ngộ việc giải rõ ý nghĩa, chưa hoàn chỉnh. Ngày nay trong kinh thường thấy: Thanh Văn được chỗ giải nghi; chẳng thấy Bích Chi Phật. Bích Chi Phật thuộc về Trung căn, tức gặp khi Phật ra đời thì nhập vào các vị Thanh Văn, tùy theo căn cơ mà được ngộ vậy, chẳng phải riêng gì Duyên Giác. Cho nên Thân Tử (Xá Lợi Phất) mới thưa thỉnh qua các bài kệ.

Việc cầu Duyên Giác nầy là các Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni nương vào câu văn nầy liền rõ biết Duyên Giác nhập vào trong 4 chúng để nhiếp phục. Lại nữa trong phẩm Pháp Sư nói rằng: Tỳ Kheo, Tỳ Kheo Ni, Ưu Bà Tắc, Ưu Bà Di cầu Thanh Văn, cầu Bích Chi Phật há chẳng giải rõ chỗ của Duyên Giác sao ? Xưa nói rằng: Bồ Tát là những bậc Thượng căn, chẳng phải vì tất cả đều thuộc bậc lợi căn, mà từ số nhiều lấy làm trên và tâm chấp ấy dễ chuyển. Nguyên là từ lãnh vực nầy mong cầu được Phật đạo. Thường hay chấp hơn số 300 và cầu quả vị gần. Điều nghi nầy dễ ngộ. Với 3 căn ấy Bồ Tát giống nhau ở chỗ khi nghe pháp liền được giải nghi. Bậc thượng thì nói lược. Bậc trung, đầu tiên phải nói rộng ra. Bậc hạ là cùng với Thân Tử. Nay làm rõ chỗ lời nói thông qua Bồ Tát. Thường khiến cho phát tâm lớn, tất nhiên là Bồ Tát, hà tất là cùng với các bậc lợi căn. Cùng với Thân Tử trên, dưới. Há rằng được chỗ đầu tiên, cùng với trước được ngộ. Nếu như vậy thì phần lưu thông thọ lượng với ý gì mà có các vị Bồ Tát mỗi mỗi được ngộ nơi Vô Sanh nhẫn và phát tâm Bồ Đề.

Xưa nói rằng: trong thọ lượng mà ngộ; đó là tất cả những pháp thân tăng trưởng con đường đạo và làm hại các đời sống. Ngày nay lại chẳng nói như thế. Có 680 vạn ức Na Do Tha, Hằng Hà Sa người được Vô Sanh Pháp Nhẫn. Người nầy đầu tiên được nhẫn nầy sẽ rõ được trước sau thọ lượng. Đây chính là pháp thân. Cho nên biết được Bồ Tát được ngộ hay chẳng thể ở chỗ lần chuyển đầu tiên vậy.

Hỏi: Bồ Tát được ngộ rồi, rõ biết trước sau. Nhị Thừa được ngộ rồi, lại cũng đến sau phải không ?

Đáp: Ba lần ấy nhất định rõ biết tánh của cha, con, Trời v.v... Tất cả đều gọi là Bồ Tát. Giả sử sau đó ngộ được thì cũng giống như là cái ngộ của Bồ Tát vậy.

Điều thứ sáu là làm rõ lãnh vực giải và lãnh vực chẳng giải. Nếu Tam Thừa sự ngộ giống nhau thì ý gì hay thấy Thanh Văn lãnh giải. Điều thứ 2 nầy tức chẳng có. Bây giờ nói rõ rằng: Nếu không có Phật ra đời thì gọi là độc giác. Nghe Phật nói 12 pháp nhơn duyên, gọi là Duyên Giác, liền nhập vào số Thanh Văn và được ngộ chỗ lãnh giải. Tất cả đều chẳng có riêng ý lớn có thể thấy được Thân Tử và Ca Diếp v.v... Tất cả đều có căn tánh của Trung Thừa; cho nên Thanh Văn lãnh giải, cộng thêm việc được Duyên Giác; chẳng khó nhọc để ra riêng vậy. Lại nữa trong 4 chúng ấy có người phát tâm Duyên Giác; người nầy được ngộ; tức là chẳng phải một vậy.

Trong phẩm Tín Giải nói rằng: Mật bỏ đi hai người và đuổi theo, nắm bắt, rồi hoàn lại. Tức là ở nghĩa nầy.

Bồ Tát bất lãnh giải là sự dạy dỗ cho Thanh Văn, chẳng rõ được việc thành Phật. Bây giờ theo kinh khai mở cho con đường trở về rộng rãi to lớn nầy. Tự sợ, lo việc giải bày khoa trương; cho nên đối trước Phật mà thuật lại việc kiến giải nầy. Bồ Tát chẳng phải vậy; cho nên nói là Vô Lãnh Giải. Lại nữa ý nầy có đến ba. Một là bổn ý của Bồ Tát là cầu thành Phật . Giả sử có chấp khác, mà chấp nhẹ hơn thì chung quy được giữ ngôi vị Phật; chẳng có chỗ chẳng được suy tư, lo nghĩ. Bây giờ nghe nói 3 điều ấy thường là đúng đắn về sự quán huệ nầy; cho nên chẳng đủ lãnh giải. Hai là Bồ Tát biết rằng các nơi kia có văn tự, chữ nghĩa. Nhị Thừa làm Phật, đầu tiên tự mình làm cho lời dạy nầy theo chỗ cần yếu mà lưu chuyển. Cho nên lược nói rằng: Bồ Tát lãnh giải. Câu văn chữ Phạn hoặc chữ Hán được lược bớt, chẳng viết ra. Ba là Bồ Tát vị, thực hành sâu xa tuyệt diệu. Các vị Bồ Tát mới, nhỏ hơn chẳng cảm được đón nhận. Nói Thọ Lượng rồi Di Lặc (Bồ Tát) mới tổng kết cả lại và đều lãnh giải. Ở giai đoạn đầu là Vô Sanh Pháp Nhẫn và cho đến cuối cùng còn một lần sanh; tức là đầy đủ đón nhận, liền cầu vật gì v.v...

Điều thứ bảy là được thọ ký và chẳng được thọ ký. Nếu tất cả đều là đón nhận thì vì sao Thanh Văn lại được thọ ký? mà chẳng thấy Duyên Giác và Bồ Tát được thọ ký? Ở đây lại có 3 ý. Một là ngày xưa làm rõ Nhị Thừa nhập vào chánh vị; chẳng thể phát tâm, do đâu mà được thọ ký? và bây giờ lại ngộ được Đại Thừa? Vui mừng riêng biệt quyết định cho nên được thọ ký ở nước nào đó ở vào một kiếp sau. Bồ Tát phát tâm, cầu được thành

Phật, thực hành thành tựu và tự cho là đủ. Cho nên chẳng mau vui cầu làm Phật, lại cũng chẳng đầy đủ để thọ nhận. Lại nữa như trước đã cho thấy; nơi nơi Bồ Tát đều nhận sự thọ ký. Ở đây thường nói rằng tùy theo chỗ cần yếu mà thay đổi, giải thích như phía trước v.v... Hai là Bồ Tát cũng có thọ ký riêng biệt. Điều Đạt, Long Nữ há chẳng phải là sự thọ ký sao? Ở nơi Phẩm Pháp Sư có nói rằng: Kẻ cầu Thanh Văn, kẻ cầu Bích Chi Phật, kẻ cầu Phật Đạo v.v... như vậy các loại; hoặc ở trước Phật, nghe kinh Pháp Hoa thì "ta đều thọ ký" sẽ chứng được Tam Bồ Đề. Đây há chẳng phải là sự thọ ký sao? Ba là Nhị Thừa từ xưa đến nay chưa hề được thọ ký 8 tướng; cho nên sự thọ ký ấy ở kiếp nầy và nước nầy. Còn Bồ Tát trước đó đã gặp và thọ ký rồi. Do vậy chẳng nói thêm ở đây nữa. Gần nhất của việc thọ ký là ở bậc Sơ Trụ. Chẳng phải ở chỗ Bồ Tát hân hoan. Chỗ hân hoan của Bồ Tát là viên mãn, cực diệu giác được thọ ký. Cho nên trong phẩm Thọ Lượng bắt đầu từ chỗ phát tâm, mãi cho đến còn một lần sanh nữa. Cái nguyên nhơn vi diệu ấy làm đầy đủ cái quả tốt đẹp nhất là đốn, viên. Đây là sự thọ ký về pháp thân. Sao lại chẳng được thọ ký?

Hỏi: Nếu nhỏ ngộ được lớn thì thọ ký pháp thân giống nhau, sao lại được thọ ký 8 tướng?

Đáp: Bát tướng đây nên thọ ký, liền được thọ ký, rõ biết tất cả cái gốc gác, muốn làm cho vật ấy rõ nghe cùng với việc kết duyên ở vị lai; cho nên, nên thọ ký. Lại nữa Nhị Thừa nầy nếu nghe về Thọ Lượng, tức là giống với sự tổn hại đời sống, mà được thọ ký pháp thân.

Điều thứ tám là làm rõ chỗ ngộ có sâu cạn. Một là trải qua việc phá vô minh giống nhau để chứng nhập vào Sơ Trụ. Khi tìm hiểu kỹ càng thì tất nhiên nên sám hối. Đầu tiên khi mới nghe pháp đã nhập vào trí huệ của Phật. Lại nghe nói về ví dụ há chẳng rõ thêm sao? Lại nghe Lý nhơn duyên thì tự tăng tiến, lại nghe về Thọ Lượng, liền được chỗ sâu xa ưu việt. Như nghe được người nói pháp thì việc nghe ấy gấp đôi phía trước. Riêng lại rõ biết các phương diện dày mỏng v.v...

Chín là làm rõ chỗ quyền, thật được chỗ lợi ích chẳng giống nhau. Một ấy gọi là thực hành được lợi ích. Quyền ấy là làm việc dừng lại để mà tiếp lấy ảnh hưởng, chẳng luận về sự lợi ích nầy. Bây giờ mới rõ ra, chẳng phải vậy. Nếu đến với Thọ Lượng thì quyền, thật tất nhiên được lợi ích. Tăng trưởng nơi đạo và việc tổn hại đời sống cao, lại hết. Những điều nhỏ nhiệm nhất chỉ còn một lần sanh. Há chẳng phải do quyền làm cho được lợi ích chăng? Cho nên đầu tiên là ảnh hưởng cùng với sự thuần thục của việc thực hành. Sau đó nói chỗ quả tinh vi; tức là tự làm sáng cái đạo vậy. Câu văn nói rằng: hơi thở vào ra là lợi lạc, cho đến biến khắp các nước kia. Tức là việc lợi ấy tại nơi kia; cho nên đây là việc lợi cho mình, thực hành được lợi ích, do nơi quyền dẫn đến vậy. Hóa công quy quyền nầy lại cũng được sự lợi ích; cho nên một âm thanh thuyết pháp, làm cho chúng sanh tùy loại, mỗi mỗi được giải rõ. Hà tất phải chờ đến Thọ Lượng v.v... Lại nói "ta tự muốn được chơn tịnh đại pháp nầy" tức là tự làm lợi ích vậy.

Mười là làm rõ chỗ chờ thời và chẳng chờ thời. Như trước chẳng ngộ, tất nhiên phải chờ Pháp Hoa mới ngộ. Đây gọi là chờ thời. Phía trước Pháp Hoa đã dạy và giải điều nầy rồi. Gọi là đãi thời. Vì sao lại như vậy? Phật có nói hiển, mật hai loại. Nếu dựa theo hiển mà luận thì trước Pháp Hoa Nhị Thừa chưa ngộ được con đường lớn, cần phải tu Ngũ vị điều thục thì gặp được ở Pháp Hoa. Cho nên nói rằng: thời nói chưa đến. Bây giờ chính là lúc đúng thời, quyết định nói về Đại Thừa. Đây chính là chờ thời vậy. Nếu dùng theo mật giáo để luận, nếu chưa đầy đủ Ngũ vị thì tại hội Pháp Hoa sẽ gặp. Như trước, mật có nhập vào; cho nên nói là chẳng chờ thời. Đây cũng là giữa thời lớn chưa phải lúc. Nếu là 3 vòng thì lại là chờ thời và chẳng chờ thời. Tích, Bổn hai môn ấy lại cũng là chờ thời và chẳng chờ thời; ngay cả đến trước sau việc ngộ, nhập; tức là ở ý nầy vậy.

Hỏi: Có một loại căn tánh chẳng mật chẳng phải hiển, hai thời ấy chẳng nhiếp lấy, làm cho vĩnh viễn mất thời ấy, thì chẳng được ngộ chăng?

Đáp: Ngoài kinh, hoặc nghĩa nầy là không gặp thời. Bây giờ kinh lại chẳng nói vậy. Người nầy tuy ở nơi hiển mật hai thời chẳng ngộ. Tuy có nhớ tưởng về sanh diệt, mà ở quốc độ kia được nghe kinh nầy; cho nên nói là chẳng mất thời. Cho đến sự chờ thời ở quốc độ kia.

Hỏi: Năm ngàn người đứng lên bỏ đi là không phải thời phải không?

Đáp: Những người nầy sau khi Như Lai diệt độ, người hoằng trì kinh nầy thọ được nhiều lợi ích.

Hỏi: Thân Tử lần đầu tiên đã vì 4 chúng và 3 căn mà thưa thỉnh. Thí dụ ấy có trung, hạ mà thỉnh. Vì sao lại nói Phật đã vì mỗi 3 căn của con người mà đã có 3 lần thuyết pháp?

Đáp: Những lời nói ấy chẳng khiến cho thỉnh, tức là thỉnh nói chung hay cùng nói. Vì kẻ thượng căn trí lực thuận lợi, khi nghe pháp, liền được ngộ. Kẻ trung căn ở chỗ trung bình, khi nghe thí dụ, liền được ngộ. Kẻ hạ căn ở nơi thấp, khi nghe 3 lần liền được ngộ. Ngươi nên theo nghĩa, sao lại theo lời nói? v.v...

Hỏi: Túc thế là những việc đã ở trong quá khứ; Còn thí dụ là những việc xảy ra trong hiện tại phải không?

Đáp: Theo kinh điển, ý nghĩa của câu văn là vậy, hướng dẫn cả 3 trở về một; ba ấy hướng đến một. Một ấy tức là sẽ cùng với thí dụ và dụ ấy chính là hiện tại. Để chuẩn bị cho sự hướng đến trước, sau cho nên đã hỏi như vậy.

Hỏi: Ngày xưa dùng năm trược chướng và cho là lớn. Bốn câu tìm tòi như trước đã nói. Có người đoạn kiến cùng với vô minh, hợp chung lại thành chướng. Chỉ luận Pháp Hoa nói rằng: Người không phiền não có nhiễu mạn, chẳng biết nhất thừa, thân thường trụ là thế. Nếu Bát Địa chẳng chấp vào Niết Bàn mà chẳng nghe pháp tức là vô minh, riêng lý đó làm chướng. Nếu như thế thì 3 lần nghe pháp ấy rồi sẽ phá được vô minh. Vì kẻ chưa

nghe pháp, phá được vô minh. Nếu đã nghe pháp được rồi mà phá, tức là vô minh ấy chẳng phải là những sự chướng ngại. Nếu chưa nghe pháp mà có thể phá được vô minh thì cả sự yên lặng ấy cũng không có chướng ngại. Nghĩa nầy là gì vậy?

Đáp: Đây là người khác lập nghĩa và bây giờ làm chỗ thông nầy. Dụ như khi đèn sáng thì bóng tối chẳng thể có đó trước hay sau. Cũng chẳng có cái tối nhất định trước, sau là những chướng ngại v.v...

Hỏi: Thắng Man (kinh) nói rằng: Tam Thừa sơ nghiệp chẳng lừa dối ở nơi pháp và tự rõ biết sẽ được giác ngộ. Trong kinh Ưu Bà Tắc giới phẩm thứ 14 nói rằng: Nhị Thừa tự rõ được Bồ Đề, há nhận quả Tiểu Thừa. Lại nữa phẩm 13 nói rằng: Kẻ rõ biết thì dễ; nhưng người thực hành mới khó. Tuy rõ biết Nhứt Thừa mà ở giữa quả A La Hán. Cả hai kinh kia đều nói như vậy; tất cả nói rất rõ ràng. Còn kinh bây giờ thì nói như thế nào về 3 căn và sau đó giống như chính mình chẳng rõ biết. Đầu tiên là nghi ngờ và sau đó là ngộ được. Ý nghĩa nầy như thế nào?

Đáp: Kinh nầy lại nói rằng: Câu văn ấy, thật được A La Hán mà chẳng tin pháp nầy thì chẳng có ý cứ. Trừ sau khi Phật diệt độ và trong hiện tại không có Phật. Người nầy tuy có nghĩ về chuyện sanh diệt; nhưng nếu gặp được Phật thì khiến được quyết định. Phàm việc nầy có 3 ý. Trước làm rõ chỗ hiểu biết. Kế đến làm rõ chỗ không hiểu biết; sau đó gặp nhau rồi trở về chỗ hiểu biết. Chẳng phải là vĩnh viễn không rõ biết.

Lại nữa Thân Tử nói rằng: Bây giờ đối trước Phật, tất cả đều sa vào chỗ nghi hoặc, ta sẽ làm cho chẳng rõ nghĩa nầy cùng nơi chốn. Lại nữa lúc Đức Phật Đại Thông, các vị Thanh Văn thường hay sinh ra nhiều nghi hoặc. Người kia thấy Phật và nghe pháp, thường nghi ngờ chẳng rõ; hà huống là chẳng thấy, nghe mà được rõ. Nếu chấp vào 2 câu văn ấy, sẽ giống như lời dự đoán; chỉ tăng thêm sự tranh luận, còn đạo có ích gì? Người lý luận dừng lại, có thể luận những việc khác. Thanh Văn thành Thánh có thể rõ biết, mà cũng chẳng thể rõ hết. Chỉ có cảnh giới Phật, thì chẳng phải chỗ nhận thức như vậy. Bây giờ giả sử như dung nạp nơi Tam Thừa thì Sơ nghiệp và Sơ nghiệp ấy là 2. Nếu cái nghiệp đầu tiên ở trong quá khứ, gặp nghe nơi Đại Thừa; tức chẳng phải lừa dối nơi pháp. Nếu giữ trung dung, quên đi cái học Tiểu Thừa ngày nay thì đầu tiên nên tu niệm xứ. Vì Sơ nghiệp ấy chính là việc chẳng rõ ý nghĩa nầy như vậy. Nếu được cái ý nầy thì quyền ấy là Sơ nghiệp và đây chính là việc có thể rõ biết. Thật ấy là Sơ nghiệp; tức là chẳng thể rõ biết. Có người nói rằng: Kẻ lợi căn hay rõ biết; người độn căn chẳng thể rõ biết. Đây là 4 câu mà quyền làm lợi, độn và chỉ cho tất cả đều chẳng thể rõ biết được. Quyền ấy là lợi, độn; chỉ cho tất cả có thể rõ biết. Quyền ấy là lợi, độn; khi nghe liền có thể rõ biết chẳng nghe và chẳng rõ biết. Quyền ấy là lợi, độn. Tất cả đều chỉ cho sự chẳng rõ biết và chẳng phải chẳng rõ biết. Nay chẳng chấp giữ vào sự phê phán nầy. Với những kẻ chỉ giữ nơi quyền thì nội tâm rõ ràng biết kẻ thật hành

chưa được nhập vào nơi Đại Thừa; cho nên chẳng rõ biết. Đối với nghĩa nầy tự nó hiển lộ v.v...

Hỏi: Duyên Giác ra đời khi không có Phật. Vì sau 3 lần lại được Duyên Giác?

Đáp: Thích luận nói về Duyên Giác, Độc Giác như sau: Độc Giác khi ra đời chẳng có Phật tại thế; Duyên Giác nguyện sanh vào trong đời có Phật. Kinh Hoa Nghiêm nói: Khi Bồ Tát giáng xuống từ cõi trời Đẩu Suất, phóng quang chiếu sáng. Sự giác ngộ ấy tức là sự xả thân, chẳng chạy khỏi cái giác ấy. Đại Kinh nói rằng: Đây là Sao Chổi; Trung Luận lại cho rằng: Bích Chi Phật ra đời; vì Phật Pháp đã mất hẳn. Đây chính là người Độc Giác. Nguyện sanh ra trong đời có Phật; trước tiên được Sơ quả; 14 lần sanh chưa đủ, gặp Phật rồi thành La Hán. Nếu chẳng gặp Phật tức thành Độc Giác. Ở đây khi gặp Phật lại chẳng xả bỏ thọ mạng, lại chẳng bị di dời. Nguyện được thấy Phật; cho nên hai quả, ba quả là lẽ đương nhiên. Lại nữa còn bộ hành Duyên Giác. Khi Phật không ở đời, thì Thầy trò dạy dỗ cho nhau. Ở đây có 2 loại. Phật đã qua đời rồi, sau đó không có chữ viết, chúng sanh căn cơ lụn bại. Bích Chi Phật thì chẳng nói pháp. Đây chẳng phải là bộ hành vậy. Bộ hành ở đây có nghĩa là hay thuyết pháp. Lại cũng có sự biến hóa của Duyên Giác. Tuyên Ưng Kiến là hiện thân của Duyên Giác. Bây giờ 3 lần ngồi, có Duyên Giác là nghĩa nầy có thể giải thích được.

Tuần đầu tiên thuyết pháp, câu văn ấy có 5. Một là sự ân cần 3 lần thưa thỉnh há chẳng được nói ở quyển

dưới rồi sao? Đây là thời thuyết pháp chánh thức. Hai là từ quyển thứ 2 và bắt đầu là những bài kệ tụng. Đây chính là sự lãnh giải của Thân Tử (Xá Lợi Phất). Ba là từ "Ta bây giờ ở nơi trời người cho đến Phật sở hộ niệm". Đây chính là Phật đã thuật lại. Bốn là từ "nhữ ư lai thế đến tuyên ưng tự hân khánh". Đây chính là sự thọ ký. Năm là từ "bốn chúng đến tận hồi hướng Phật đạo". Đây chính là bốn chúng hoan hỷ.

Đầu tiên có kệ tụng trường hàng. Trường hàng ấy lại chia làm ba. Một là hứa khả; hai là thọ nhận; ba là đúng lúc nói; câu văn hứa khả ấy cũng chia làm ba. Một là nguyện hứa; hai là hứa việc răn dạy và ba là hứa việc rõ ràng. Ngươi đã 3 lần thỉnh tức là thuận hứa. Ngươi nay nghe đây tức là giới hứa. Lắng nghe ấy là nghe về huệ; lành suy nghĩ là tư huệ và nhớ nghĩ ấy chính là tu huệ.

Đại kinh chỉ rõ 4 pháp lành, vì Đại Niết Bàn là nguyên nhơn. Có một Thiện Tri Thức Như Lai; ngoài ra có thể giải thích được; nói đây là lúc nói đúng thời; là sự hứa khả với hội chúng. 5.000 người ngồi đó; cho nên Như Lai 3 lần dừng lại và bây giờ mới nhận lời nói. Oai thần khiến lui, cho nên gọi là an ủi chúng. Năm trược nhiều chướng duyên và gọi đây là tội nặng. Chấp vào Tiểu, che lấp Đại; nên gọi là gốc sâu. Chưa được mà cho đã được; nên gọi là Thương mạn. Chưa được ba quả, chưa chứng vô học; có những người không được như vậy; nghĩa là bị mất 3 loại chướng, chấp và mạn, mà chẳng ngăn chận được.

Như bên trên nghe nói về khai 3 hiển một là nói lược nghĩa ẩn chứa, chưa phát sanh. Đây chính là sự trói buộc nhân duyên thù thắng. Quá khứ ấy có ích lợi, nếu nghe rộng và mở 3 hiển một ấy. Trái nghịch với tình khởi và hủy báng chỗ trụ, tức là có sự tổn hại. Đây gọi là chẳng thể chế ngự được. Những điều nầy không như cành lá của cây. Cành lá ấy nhỏ nhiệm, không cần phải dùng đến đồ đốn. Những loại nầy chấp vào phương tiện là phương tiện. Đối với việc lớn thì chả phải là người có chí khí.

Đại Phẩm nói rằng: Đốn cành lá phụ há phải gốc rễ đâu? Đây là người chẳng thông tuệ; tức là ở ý nghĩa nầy. Thối hư lại cũng đẹp chăng? Tức là lấy Tiểu để tự che đậy lấy; lại làm phương hại đến ánh sáng kia. Bây giờ sự thoái lui ấy chẳng phải hủy báng pháp, lại cũng chẳng phải làm chướng ngại cho việc kia đã qua. Cho nên nói rằng đẹp. Như bên trên đã nói về cành lá và cuối cùng thì Như Lai dừng lại 3 lần. Chỉ vì nguyện thật muốn nghe; cho nên Thân Tử 4 lần thưa thỉnh. Thầy trò hiểu rõ căn cơ, chẳng có gì ngăn cách.

Hỏi: Phật đại từ bi sao lại chẳng dùng thần lực để khiến cho trụ nầy chẳng nghe như khi nghe Hoa Nghiêm là kẻ câm điếc? Sao lại chẳng tăng thêm trống độc, như niềm vui hơn cả ý?

Đáp: Mỗi mỗi có chỗ như Hoa Nghiêm trước sau khai mở nơi tiệm; chưa phá nơi chấp vào Tiểu; cho nên ngồi đó mà như xa cách. Bây giờ Phật Pháp của chư Phật dài lâu về sau, cần được nói sự chân thật. Chính là muốn

diệt hóa và phá chỗ tối tăm nên mới thay đổi; nếu đi, ở đều hủy báng, thì như nói mạnh về các căn vui thú. Bây giờ đi rồi tức là có ích cho việc ở lại. Việc ở lại nầy gây nên tổn hại; nên chẳng di dời. Hỉ căn ấy là lòng từ; cho nên nói mạnh. Như Lai dùng lòng từ; cho nên phát ra lời di huấn.

Hỏi: 5.000 người ở chỗ ngồi chẳng phải nhiều sao mà còn bỏ đi thì có ích lợi gì?

Đáp: Đây chẳng phải là những người đầy đủ cơ duyên, mà chỉ là những người kết duyên thôi.

Như trên đã nói: Ngày xưa từ thời Đức Phật Đại Thông lại có vô lượng chúng sanh, tâm sinh nghi hoặc; đời đời cùng với Thầy mình cùng sanh ra và bây giờ tất cả những người nầy được độ cũng như vậy. Lúc nói Đại Kinh có tới một vạn năm ngàn ức người nghe. Đối với kinh ấy chẳng sanh tín tâm. Người nầy đối với vị lai lại cũng được tin tưởng. Như ví dụ nầy thì sự ích lợi ở lại chẳng lâu bền. Trong Kim Quang Minh nói lúc ấy tại Diêm Phù Đề nầy có 2 loại người, lại cũng là do ý nầy đã thí dụ.

"Nhữ kim thiện thính" tức là kết cuộc đã hứa khả. Thọ lời dạy bảo như câu văn từ "như thị diệu pháp" trở đi. Đây chính là nói rộng câu văn ấy và chia làm hai. Một là làm rõ 4 chương về Phật, nói rộng như bên trên về quyền, thật của chư Phật. Hai là làm rõ chương của Đức Thích Ca, giải rộng về chỗ quyền, thật của Đức Thích Ca. Câu văn ở trên gặp ít và ở đây câu văn lược bớt. Tổng

nói về chư Phật là con người cũng được lược bớt; nên khai ba mà hiển một. Nghĩa nầy cũng lại lược bớt. Trong chương nầy có nhiều câu và văn nầy giải rộng làm rõ 5 vị Phật, là người giải rộng. Làm rõ 6 phần nghĩa rộng. Sáu phần ấy là: Một là tán thán pháp khó có. Hai là lời nói chẳng hư vọng. Ba là phương tiện. Bốn là chỉ bày sự chân thật. Năm là cùng với ngũ trược giải thích về quyền. Sáu là làm rõ chỗ ngụy thành thật. Tán thán pháp làm cho sanh ra sự tôn trọng. Nói chẳng hư dối, dừng lại sự hủy báng, khai mở phương tiện; làm cho chẳng chấp vào Tiểu. Chỉ bày sự chơn thật, làm cho sự tỏ ngộ nầy lớn. Cùng với ngũ trược mở bày sự thành tựu nơi ba. Làm rõ chỗ ngụy là cần thiết của sự chân thật. Đối với trong 5 chương ấy; mỗi một chương đều có đầy đủ 6 nghĩa, mà trước sau hỗ tương cho nhau phát sanh, chẳng đầy đủ. Che đậy chỗ Như Lai nói lời phương tiện làm cho lược bớt đi; nên khiếm khuyết sự thưa thỉnh; nên câu văn sanh ra phiền hà. Lại nữa 6 nghĩa trước sau lại chẳng tồn tại v.v...

Bốn chương về Phật lại chia làm 2. Đầu tiên tổng quát làm rõ chư Phật; sau đó lần lượt 3 đời. Tổng cộng các chương đầy đủ là 6. Bây giờ chỉ có 4. Một là ca ngợi pháp. Hai là chẳng hư vọng. Ba là khai mở phương tiện. Bốn là hiện bày ra sự chơn thật. Thiếu 2 ý nghĩa, câu văn sau sẽ nêu ra. Trong pháp tán thán lại có 2 pháp thí dụ tán thán. Lúc nói thì chư Phật cùng ra khỏi nơi ngũ trược. Tất nhiên trước đó mở ra ba, như Đức Thế Tôn bây giờ. Hơn 40 năm ấy bắt đầu hiển ra sự chơn thật. Vĩnh viễn sâu xa, thiếu thông suốt; cho nên nói là lúc nói. Lâu rồi

chẳng nói, vì con người chẳng sâu sắc vậy. Thời gian chưa tới; 5.000 người ấy chưa đi khỏi. Bây giờ đã đến lúc người ta rõ biết sâu xa rồi và 5.000 người ấy đã đi rồi; nên mới quyết định nói Đại Thừa. Cho nên nói đúng lúc là vậy.

Hoa Ưu Đàm ở đây ý nói loài hoa linh thiêng, đẹp đẽ, 3.000 năm mới một lần hiện ra. Khi hoa hiện thì vua chuyển luân hiện ra đời. Biểu hiện cho 3 thừa đã điều hòa thuần thục và sau đó mới nói Diệu Pháp và thọ nhận lời dạy của bậc Pháp Vương. Lại nữa ngăn cấm vượt qua lạc (sữa) Sanh tô (sữa đã đóng ván) và Thục tô (sữa đã thuần thục) là 3 vị về sau để nói về Đề Hồ (sữa đã đông đặc) v.v...

Quán tâm và trung quán tâm ấy gọi là đoan nghiêm, đẹp đẽ. Quán nầy thông qua tất cả pháp, cho đến thật tướng. Gọi đây là linh diệu v.v...

"Nhữ đẳng đương tín" nghĩa là siêng năng tin tưởng pháp không hư vọng. Đây là cái lý đến chỗ sâu xa. Lý ấy cùng với xưa lại khác. Lời nầy thật chí diệu; nói khác với ngày xưa. Việc làm nầy được phổ biến. Việc thực hành ấy ngày xưa trái ngược lại. Người nầy đi đến chỗ ưu việt. Hơn hẳn ngày xưa yếu kém. Trở lại chỉ cho khách tạo ra 4 loại thô, mà bây giờ tất cả đều là diệu. Sợ sanh ra việc hủy báng; cho nên khuyên tu tin tưởng. Niềm tin ấy nơi người nói chẳng hư vọng và pháp ấy cũng chẳng hư vọng.

Từ "tùy nghi sở thuyết" trở đi là khai mở phương tiện. Câu văn ấy có 3. Nghĩa là khai mở, giải thích và kết luận. Đầu tiên là làm rõ con đường Phật, tùy theo 3 loại căn cơ mà nói phương tiện; cho nên nói là tùy nghi, mà ý Phật ở tại việc thật chưa có giải ra. Cho nên nói là: ý thú nan giải là vậy. Vì sao lại phải giải thích? Cùng với quyền nầy có thể giải thích phương tiện của chư Phật, phương tiện nói giống nhau với trí huệ; cho nên mượn điều giải thích nầy để nói kia.

"Như ngã dĩ vô số phương tiện" nghĩa là chư Phật khai mở quyền lại cũng như ta vậy. Đây là pháp khó thể nghĩ bàn được. Ở đây lại có 2 nghĩa. Hoặc là tạo ra kết luận và khai mở quyền, hoặc là chánh, tức hiển thật. Kết khai quyền là ý Phật khó rõ biết. Chỉ Phật với Phật mới rõ. Sự dạy dỗ kia có 3. Chư Phật rõ biết duy nhất; tạo ra hiển, thật, tức là thuộc về những câu văn sau. Văn ấy lại chia làm 5. Một là làm điểm tựa tốt cho người cầu pháp; hai là ý chính phải ra khỏi thế gian; ba là chỉ bày sâu xa; bốn là giải thích đúng đắn; năm là kết luận pháp ấy mục tiêu thành tựu của con người. Đưa ra những pháp phân biệt như vậy, chỉ có Phật mới rõ biết mà thôi. Phật dùng trí vô phân biệt để giải trí vô phân biệt; tức là pháp hiển, thật vậy.

Từ câu "sở dĩ giả hà" trở đi nói về mục tiêu thứ hai là ý chính dẫn dắt ra khỏi thế gian. Ở đây lại chia ra làm hai. Đầu tiên là tổng quát và sau đó chia ra từng chữ. Tổng quát ở đây nghĩa là tướng như thật giác ngộ của chư Phật. Dùng con đường chơn thật nầy ra khỏi thế

gian và chỉ bày cho chúng sanh được thật tướng nầy. Chỉ vì điều nầy mà xuất hiện ra nơi đời, chẳng gặp việc khác, ngoại trừ các pháp là thật tướng. Ngoài ra tất cả được gọi là việc của ma.

Dùng chữ phân tích để giải thích là dùng một; một ấy tức là thật tướng vậy. Chẳng phải 5, chẳng phải 3, chẳng phải 7, chẳng phải 9; cho nên nói một là vậy. Tánh nầy rất rộng. Rộng ấy chính là 5, 3, 7, 9. Cho nên cũng nói là to lớn. Nghi thức của chư Phật ra đời; nên nói đây là sự. Chúng sanh có cơ hội để cảm đến Phật; cho nên gọi là cái nhơn. Phật thừa cơ hội nầy mà ứng hiện; nên nói là duyên. Đây chính là ý căn bản khi Phật ra đời, mà bây giờ lại khai mở làm 3. Vì một ấy mà dẫn giải. Như người muốn giữ trước lấy. Tuy nói đủ loại đạo; nhưng kỳ thật chỉ có một Thừa; tức là nghĩa nầy vậy.

Từ "Xá Lợi Phất vân hà" trở đi nói về 3 loại mục tiêu ấy. Nay muốn phân biệt; nên liền để khởi thêm nữa để giải thích cho rõ ràng. Lại nữa việc to lớn nầy là chỗ tôn trọng Phật. Như trong luận có giải rõ. Phụ Vương muốn nghe nhiều về tên của Thái Tử. Có nhiều người nói; nhưng chẳng đủ v.v...

Từ "chư Phật Thế Tôn" trở đi nói về loại thứ 4 là giải thích đứng đắn. Đầu tiên cho ra các loại giải thích. Xưa nói rằng: Bốn ấy có mỗi một. Nghĩa là quả ấy một, nhơn ấy một, số ấy một và nguyên nhân ấy một. Quả ấy một nghĩa là hai câu đầu nói rộng ra, hai câu sau nói cho người thọ nhận. Nói chung là: Một ấy chính là nói lược qua nguyên nhơn ở trước và cái lý của cái quả. Trước đó

khai mở tri kiến Phật. Cuối cùng mới là cái quả phía sau; để rộng hiển cái lý của quả. Phật chỉ bày chỗ thấy nghe cho người thọ nhận, trước đó lược khai cửa nguyên nhân, bắt đầu được giác ngộ và giải nghi. Sau đó là quả môn, rộng được thâm nhập vào lý thú. Nay chẳng dùng để giải thích về việc nầy. Vì sao mà kinh lại làm rõ nơi 4 câu ấy? Tất cả đều làm cho chúng sanh lời nói, ý nghĩa tất được làm chủ và cơ duyên trước đó được lợi ích; chẳng có quan hệ việc giáo hóa chính. Chỉ muốn làm cho người được hóa độ khai ngộ. Việc nầy lại chia ra 2 câu là chỗ làm của người hóa độ để khai thị. Lại nữa việc chánh ấy là nguyên nhân của việc thuyết pháp. Lúc ấy là lúc khai 3 hiển 1. Việc kia được phân chia 2 câu làm quả môn để nói. Quả môn ấy là nhơn duyên chưa gặp. Nay lại được nói. Nếu như thế thì sẽ cùng với 6 việc đoan nghiêm làm đầu. Phật chưa ra khỏi định; nên gọi là nói tắt. Vì 5.000 vị ấy chưa đi khỏi; nên nói rộng. Hai nơi ấy tức là việc chẳng tự nhiên nầy. Quả môn ấy dễ dàng được như điều nầy. Phước dưới chưa phân thân, chưa tập hội và điều nầy được dùng làm nhơn môn, 2 câu lấy làm quả môn. Kế tiếp Quang Trạch nói rằng: Câu đầu tiên có nghĩa là khai trừ, bỏ ra. Ngày xưa dùng phương tiện nói làm 3; làm cho tiêu trừ ngũ trược. Mở bày Đại Thừa giác ngộ, rõ biết đạo lý. Đầu tiên tuy là vì con người khai nói lý nầy. Sở dĩ chẳng nói, liền thị hiện, huống là lý nầy làm cho người nghe sinh ra trí tuệ. Tuy nghe mà chưa ngộ được; nên phân biệt nói rộng để khai mở tư huệ. Tức là niềm tin tưởng được giác ngộ ấy được nơi ý; tức là làm cho phát tâm học Phật tri kiến; làm cho

được tu huệ, nhập vào tri kiến đạo lý của Phật. Bây giờ lại chẳng dùng đến. Kẻ nào cùng với ngươi theo xưa nói chương nầy là quả của một. Bốn câu ấy tất cả nên tạo ra cái nghĩa của quả. Vì sao lại dùng 3 huệ ấy để làm mất câu văn. Nhơn quả đề phòng trước sau sai biệt. Lại nữa 3 huệ ấy có nhiều loại. Kinh nầy chính thức phá bỏ Nhị Thừa, quyết định chẳng dùng Tam Tạng trong Tam Huệ.

Bồ Tát phương tiện cùng với Nhị Thừa giống nhau là che đậy cái ý thông thường, lại chẳng có thể dùng được.

Nếu tạo ra riêng biệt Tam Huệ thì Bồ Tát pháp đều chẳng phải là Phật Pháp. Nếu tạo ra Viên Tam Huệ thì Viên Tam Huệ ấy chưa khai mở Phật tri kiến, làm tiêu mất kinh điển, là điều chẳng có thể. Nếu tạo ra ngoài 3 huệ ấy rồi xa kinh điển và nếu tạo Viên Tam Huệ thì quả một ấy, ý nghĩa không thành tựu. Cả 2 đều chẳng thể dùng được v.v...

Lại nữa trong Đại Luận Sư nói rằng: Đệ ngũ hằng sa được 8 phần giải; tức là 30 tâm vị được khai. Từ sơ địa đến lục địa, giải hết chỗ kiến, tư và chuyển đổi thành rõ ràng như vậy. Thất địa đến bát địa thì không, có điều quán vô ngại như vậy để ngộ. Khi nào Thập Địa thì theo kinh Thập Địa nói là nhãn kiến. Bây giờ lại chẳng dùng đến. Vì sao kinh nầy làm rõ chỗ Phật khai mở tri kiến? Phật dùng tất cả những loại trí; Phật dùng Phật nhãn để thấy, khai trí nhãn nầy và gọi là Phật tri kiến. Vì sao lại lấy 5 hằng sa sanh ra để giải cho 8 phần để thí dụ cho việc chưa nhập vào Địa? Xưng đây là khai. Như luận nầy

khai ấy chẳng phải khai mở được Phật nhãn. Như đây là trí mà chẳng phải tất cả những trí tri. Chẳng cùng với kinh gặp nhau; cho nên chẳng dùng đến v.v...

Có người giải rằng: Câu đầu là lý do và 3 câu sau là lược giải. Nghĩa là 8 khổ và chướng ngũ trược là quả sẽ được đóng lại. Bây giờ lại bảo trừ ngũ trược. Phật quả tri kiến hiển bày; cho nên nói là khai. Việc cấu uế tích lũy diệt trừ hiển lý; nên gọi là thanh tịnh. Ba câu sau là Văn Tư Tu, khó giống như phía trước.

Có người nói Tam Thừa biệt giáo là Khai. Tam Thừa thông giáo là Thị. Vở ra là Ngộ. Pháp Hoa là Nhập. Lại cũng có người giải rằng: Tam Thừa theo Tông (giáo) là Khai. Vở ra là Thị. Vô lượng nghĩa là Ngộ. Pháp Hoa là Nhập. Đây là 2 lối giải về 3 câu hướng đến kinh kia. Sự tách riêng từng câu nơi Pháp Hoa là sự tách rời mầm mống làm thương hại quá lớn vậy. Có người nói rằng: 30 tâm ấy là Khai. Sơ địa đến lục địa là Thị. Thất địa đến cửu địa là Ngộ. Thập địa là Nhập. Người nầy chê Thông (giáo) hẹp hơn Biệt (giáo). Tạo ra lời nói như vậy là chưa thấy Pháp Hoa kỳ dị, sao lại còn xưng tán? Có người lại dẫn chứng Hoa Nghiêm, phần lầu các Nhơn Vương nhiếp Đại Thừa 17 Địa Luận và cùng với 5 loại phàm phu, tất cả đều có 52 vị. Địa Tiền có 40 tâm, sao lại chẳng dùng đến? Người nầy sai lầm dẫn kinh Hoa Nghiêm. Vì Hoa Nghiêm chẳng làm rõ Thập Tín. Từ đó khiến cho các bộ làm rõ Địa Tiền 40 tâm vị. Tất cả đều chẳng đoạn dứt con đường đạo. Vì sao lại dùng nhơn duyên nầy để giải thích và khai mở tri kiến Phật? Tất cả đều là lời nói dối.

Lại có người trích dẫn giải thích về Tổng, Biệt của luận Tứ Trí, được một lúc, nhưng chẳng dùng được cho việc giải thích nầy về Khai, Thị, Ngộ, Nhập. Khai, Thị, Ngộ, Nhập giống như chỗ có sâu, cạn. Lại nữa ở Tứ Trí vị ấy cao, khai thị theo Thông (giáo) thì có sâu, cạn. Điều nầy chẳng nên làm thí dụ. Người nầy hay thấy một lúc về Thích Luận Tứ Trí; chẳng thể thấy một thời của Khai, Thị.

Có người nói rằng: Chẳng không, chẳng có là Khai; hay không hay có là Thị; không, có chẳng hai là Ngộ; rõ chỗ không, có chẳng hai là Nhập. Người nầy căn cứ theo Nhị Đế để giải thích. Lại cũng chẳng thể đánh bạt ra khỏi Nhị Thừa. Chắc chắn là Pháp Hoa chỉ có một ý.

Lại có người nói: Đạt được cái lý của Tam Đế là Khai; Tam Đế rõ ràng ấy là Thị; chẳng thấy Tam Đế khác một, đó là Ngộ. Nhiệm vận thuận theo dòng chảy, ấy là Nhập. Người nầy dựa theo sự quanh co của Tam Đế để tạo ra nghĩa nầy. Thường chẳng ra khỏi pháp của Bồ Tát; cho rằng đó là Phật Pháp.

Lại có người giải rằng: Phật tri kiến ấy là tất cả trí; tổng cộng các tướng ấy là tri. Tất cả loại trí, biệt tướng ấy là Kiến. Đây cũng chẳng phải là như vậy. Thích Luận làm rõ tất cả trí đó là Thanh Văn trí. Đạo chủng trí, đó là Bồ Tát trí. Tất cả chủng trí, đó là Phật trí. Đây là cách riêng của tất cả chủng trí. Chẳng có 3 trí ở nơi một tâm. Sao lại trí Nhị Thừa phân biệt chỗ thấy của Phật; giải thích về chỗ rõ biết chỗ thấy viên mãn của Phật sao?

Lại có người giải rằng: Tận diệt trí phiền não và thanh tịnh; gọi đây là trí chẳng sanh ra trí nhơn quả. Trung thật tích lũy cứu cánh không sanh; gọi đây là Kiến. Người nầy chấp vào những nhà Thông (giáo) gọi Phật là giáo. Giải rốt ráo là Phật. Cả 2 đều chẳng tương ưng. Như trên các vị Thầy đều trích sai lầm những lời trong kinh. Cả hai đều chẳng thấy ý chính của Pháp Hoa.

Pháp Hoa luận rằng: Một là nghĩa vô thượng, trừ tất cả trí, liền chẳng có việc ngoại lệ. Như kinh: mở Phật tri kiến là làm cho chúng sanh được thanh tịnh; cho nên xuất hiện ra nơi đời. Hai là đồng nghĩa với Thanh Văn, Bích Chi Phật, Phật tánh pháp thân bình đẳng. Như kinh muốn chỉ bày cho chúng sanh về tri kiến của Phật; cho nên xuất hiện ra nơi đời. Phật tánh pháp thân ấy lại chẳng có chỗ sai biệt; cho nên 3 nghĩa ấy chẳng rõ. Nghĩa là người Nhị Thừa chẳng rõ và cứu cánh chỉ có Phật Thừa. Như kinh nói: Vì muốn tỏ ngộ Phật tri kiến; nên xuất hiện ra nơi đời. Bốn là làm cho chẳng được bất thối chuyển địa và hiện ra cùng với vô lượng trí nghiệp. Như kinh nói là: muốn làm cho chúng sanh nhập vào tri kiến Phật vậy.

Luận ấy lần lượt giải thích. Đầu tiên là mở Phật tri kiến làm chỗ vô thượng. Kế đến là mở bày cho Tam Thừa đồng có Phật tánh pháp thân. Tuy làm rõ chỗ Phật trí không trên; nhưng lại lo sợ cho riêng chỉ có Phật; cho nên phần thứ 2 làm rõ cho Tam Thừa giống với hữu. Tuy là Tam Thừa cùng có hữu, mà Nhị Thừa lại chẳng Ngộ, mở bày điều nầy cho rõ biết; tuy là đã rõ rồi mà chẳng

được chỗ bất thối. Cho nên lần thứ 4 làm cho được chỗ bất thối.

Lại nữa, một lần nói về Bồ Tát lại khai mở như trước; chỉ bày cho các vị Bồ Tát có nghi ngờ, làm cho rõ biết như thật tu hành. Ngộ ấy là chưa phát tâm Bồ Đề thì làm cho phát tâm. Nhập ấy là đã phát tâm Bồ Đề rồi làm cho nhập vào pháp vậy.

Phần thứ ba là đối với những kẻ phàm phu, khai mở như trước; còn chỉ bày ấy là chỉ bày cho cái có của pháp thân Phật tánh. Ngộ ấy là làm cho ngoại đạo và chúng sanh giác ngộ. Nhập ấy là làm cho nhập vào Đại Bồ Đề. Nay các vị Thầy tạo ra 4 loại giải thích ấy chẳng trái ngược với luận. Luận từng câu, từng câu rồi giải thích. Bây giờ mỗi câu có 4 cách giải thích. Luận ấy làm sáng tỏ chỗ chứng bất thối chuyển địa. Bây giờ tạo ra 4 vị để giải thích. Luận rõ biết Như Lai có thể chứng thật; nay tạo ra 4 trí để giải thích. Luận ấy làm rõ nghĩa giống nầy. Nay tạo ra quán tâm thích. Luận ấy làm rõ chỗ chẳng rõ nơi cứu cánh. Nay tạo ra 4 môn để giải thích v.v…

Nay giải thích về hiển, thật vô lượng pháp, tất cả đều là một. Như trong huyền nghĩa có 10 điều diệu kỳ; tức là 10 loại nhứt. Nên cùng với xưa giải thích thì có 4 loại nhứt. Nếu vô lượng là một thì mỗi sắc, mỗi hương chẳng có đâu là không có Trung Đạo. Nghĩa nầy có thể rõ biết. Nếu tạo ra 11 thì lấp câu văn và sửa lại đủ và tuy chẳng lần lượt với 10 nghĩa ấy cũng chẳng giảm bớt. Vì sao vậy? - Vì ta dùng vô số phương tiện, đủ loại nhân duyên để diễn thuyết các pháp. Đây chính là câu văn

khác mở quyền (thừa) vậy. Từ pháp nầy không có phân biệt số lượng về chỗ có thể giải về cái lý hiển mật ấy. Chỉ có chư Phật mới có thể rõ biết về trí hiển mật ấy. Duy chỉ có một đại sự. Phân biệt nhỏ ấy về một; tức là lý. Đại ấy tức là trí. Sự ấy tức là hành. Lý ấy phát ra trí và trí ấy dẫn đường cho hành. Tùy theo nghĩa nầy lại hiển cho hành là một.

Tri kiến ấy là Trí rõ biết nơi lý về con mắt khi nghe nhận giáo pháp. Đế pháp ấy vô vi, tức là vô phân biệt. Dùng vô phân biệt ấy cho nên có sự sai biệt. Về điều nầy, tức là rõ biết chỗ thấy nghe và luận giải về khai, thị, ngộ, nhập. Dùng sự tóm lược để giải chỗ rộng; tức là có 40 vị. Hiển vị thứ nhứt và lấy 4 câu kết làm câu văn soi sáng cho một ấy. Một ấy tức là pháp thân. Lớn ấy tức là Bát Nhã; sự ấy tức là giải thoát, là tạng bí mật; tức là hiển ba pháp làm một. Xuất hiện ở nơi đời, hiển sự cảm ứng ấy làm một. Hay giáo hóa các Bồ Tát, hiển quyến thuộc làm một. Các chỗ đã làm, hiển thần thông làm một. Duy chỉ Phật mới hiểu rõ điều nầy về chỗ mở bày sự giác ngộ cho chúng sanh, hiển lợi ích ấy làm một. Lại dùng một Phật thừa để thuyết pháp cho chúng sanh; đây là hiển thuyết pháp làm một. Kinh văn ấy đã ấn chứng cho nghĩa ấy và lòng tin như bùa đeo. Dẫu có lược thì cũng cùng với xưa tạo ra 41. Số ấy giống nhau, nhưng nghĩa lại khác. Ngày xưa nói rằng quả ấy là một và bây giờ thì nói lý ấy là một. Nương vào nghĩa và nương vào câu văn. Nương vào ý nghĩa nghĩa là: nếu chẳng phải lý làm một thì các việc điên đảo, tất nhiên đều là ma thuyết. Lại chẳng phải là kinh của Phật. Cho nên đầy đủ

ở lý là một. Còn nương vào câu văn nghĩa là câu văn ấy xưng tán tri kiến của Phật. Bây giờ giữ chỗ thấy nghe ấy. Sở kiến ấy chính là chân lý và sở tri ấy là cứu cánh. Cứu cánh của chân lý tức là cái lý của thật tướng. Cho nên nói rằng lý ấy là một.

Ngày xưa nói rằng: Nguyên nhân ấy là một và bây giờ lại nói hành ấy là một. Nói về nguyên nhân thì ngôn ngữ đơn giản mà ý nghĩa lại riêng biệt. Hành ấy là một và lời nói ấy thông qua, thu nhiếp lấy nhơn quả. Cho nên nói hành ấy là một. Một người dạy một việc cũng giống với kia. Bây giờ há từ chỗ nói sơ lược, dùng số 41 để làm mất câu văn.

Trước đây giải thích về lý làm một, lại có 4 ý. Một ấy chính là 4 vị; hai là 4 trí; ba là tứ môn và bốn là quán tâm.

Một ấy chính là 4 vị nghĩa là cứu cánh của chân lý chẳng thể rõ thấy và đối với cái biết của con mắt cũng chẳng thể rõ biết được.

Hai là trí ấy có 4, mắt chẳng thể rõ biết được. Chỉ có tất cả chủng trí Phật nhãn mới có thể rõ thấy được.

Kinh nói rằng: Vì muốn làm cho chúng sanh khai Phật tri kiến, nên chẳng luận về Phật quả, tự biết, tự thấy. Nếu nói lệch đi về Phật quả tức là mất đi chúng sanh. Nếu nói về chúng sanh tức là chẳng thấy rõ tri kiến Phật. Do vậy chẳng thể chấp sai về tam giáo hành nhơn. Chỉ có chúng sanh chưa có Phật nhãn Phật trí; nên chẳng thể rõ biết về thật tướng của tri kiến. Viên Giáo tứ vị lại

là chúng sanh. Lại có thể phân biệt được Phật nhãn và Phật trí. Tức là cái nghĩa chúng sanh thành tựu. Nghĩa của tri kiến cũng thành. Cho nên theo đây 4 vị nầy dùng sự giải thích về lý ấy là một. Như trong tướng đoan nghiêm ấy lại có 4 loài mưa hoa, biểu hiện vạn điều lành đều quy nhập vào tứ vị và lên trên 4 vị hoa ấy để chỉ cho Phật quả. Nên nói rằng: Vị ấy hiển cho cái lý vậy.

Khai ấy chính là Thập Trụ. Đầu tiên là phá trừ vô minh, khai mở Như Lai tạng, thấy được cái lý của thật tướng. Cái gì là cái lý về tánh đức? Do nơi thông (giáo) biệt (giáo) cả hai chỗ mê hoặc nhiễm trước, khó có thể rõ biết. Sơ tâm ấy có thể đầy đủ đức tin, đầy đủ sự thọ nhận và đầy đủ sự hàng phục, mà chưa thể đoạn được; nên chẳng gọi là khai. Bên trong thêm quán hạnh; bên ngoài cần thêm mưa pháp, phá trừ những hoặc của thông (giáo) biệt (giáo) chứa đựng. Hiển xuất tánh chơn tu, tri kiến hiển nhiên khai phát, như mặt trời mọc thì bóng tối tiêu trừ, cái nhìn có công dụng: Cho nên gọi đây là khai. Nương vào chỗ tu để phá hoặc; cho nên gọi là làm cho được thanh tịnh. Nhơn Vương (kinh) nói rằng: Nhập vào lý Bát Nhã; nên gọi là Trụ. Trụ ấy là Thập Trụ, có ngôi vị của hoa màu trắng. Sự mở bày là làm cho chướng hoặc kia liền trừ được tri kiến và hiển ra nơi thể. Hiển ấy gồm đủ vạn đức và pháp giới đức hiển thị rõ ràng; cho nên gọi là mở bày. Đây tức là Thập Hạnh, biểu thị cho ngôi vị ở hoa (trắng) lớn.

Ngộ ấy là những chướng tiêu trừ, hiển thị cái thể của pháp giới về việc làm rõ ràng. Sự lý dung thông,

không phải hai. Các vị Thầy thuộc Nhiếp Đại Thừa nói rằng: Như lý mà rõ biết; như số lượng mà rõ biết. Bây giờ lý và lượng không hai; cho nên gọi là Ngộ. Tức là Thập Hồi Hướng ở ngôi vị nhỏ.

Nhập ấy là sự lý dung thông, tự tại vô ngại. Tự tại lưu xuất, tuông chảy từ A đến Z nhập vào biển cả bao la rộng lớn. Như Nhiếp Đại Thừa Sư nói rằng: Như lý như lượng, thông đạt tự tại. Như rõ biết về lượng thì có thể giữ lại cái đức của chúng sanh. Như rõ thấy cái lý thì có thể qua khỏi chỗ mê hoặc. Tức là Thập Địa, lại ở ngôi vị lớn. Rồi đạo đầy đủ vi diệu, vị ấy ở trong một vị; tức là đầy đủ 41 công đức của Địa. Chỉ có khai mà gồm đủ thị, ngộ, nhập và lại chẳng sai khác với tâm nầy. Thường hay dùng như lý để thấy biết; chẳng có phân biệt cái tướng cạn sâu, muốn hiển bày như lượng tri kiến vậy. Phân biệt Tứ vị, phát tâm cứu cánh chẳng ra khỏi hai. Như vậy 2 tâm trước là tâm khó; tức là nói về việc khó, dễ; tức là rõ biết tâm đầu tiên cùng với tâm rốt ráo; nên có sự phân biệt chỗ sám hối rõ ràng về chỗ sâu, cạn; giống như mặt trăng, thể của nó ở đầu và sau đều tròn đầy; nhưng do có sự vọng tưởng nên có sự sai biệt. Tứ vị ấy rõ biết thì tất cả đều chiếu rõ thật tướng, mà nói khai, nhập có chỗ sai biệt là vậy v.v…

Hai là tứ trí. Bây giờ muốn dùng Viên Giáo Tứ Trí để đối với Tứ Vị, chẳng giống như trong Bát Nhã mà Thông giáo đã giải thích. Một là con đường huệ ấy thấy thật tánh của đạo. Trong Phật tánh ấy lại có khai Phật tri kiến. Hai là đạo chủng huệ, rõ 10 pháp giới về những con

đường khác biệt và giải rõ tướng của hoặc. Mỗi mỗi như vậy tất cả đều chỉ rõ Phật tri kiến. Ba là tất cả trí, rõ biết tất cả pháp một tướng tịch diệt. Sự tịch diệt ấy chính là ngộ tri kiến Phật. Bốn là tất cả chủng trí, rõ biết tất cả pháp một tướng tịch diệt. Tất cả những hành động và tướng mạo đều nhận ra được. Tức là nhập vào Phật tri kiến. Lại nữa con mắt huệ của đạo ấy như lý nên gọi là Khai. Đạo chủng huệ như lượng; nên gọi là Thị. Tất cả trí về lý và lượng chẳng có hai nên gọi là Ngộ. Tất cả chủng trí về lý và lượng song chiếu nên gọi là Nhập. Đây cũng là thật lý, chẳng có sâu cạn, mà sự sâu cạn ấy là do sự phân biệt mà có. Ba là Viên Giáo Tứ Môn; giải thích chiều ngang về 4 câu đó là: Không muốn - một không thì tất cả đều không. Tức là khai mở Phật tri kiến. Hữu Môn - Một có tất cả đều có. Tức là chỉ bày về Phật tri kiến. Lại không, lại hữu môn thì tất cả đều không và đều có. Tức là ngộ Phật tri kiến. Chẳng không chẳng hữu môn là tất cả phi không, phi hữu. Tức là nhập vào Phật tri kiến. Hay thông, liền có 4. Chỗ thông ấy tức là một. Khai, Thị, Ngộ, Nhập đều có thể thông qua những cửa ấy. Chỗ biết, chỗ thấy ấy là cái lý của việc thông kia.

Bốn là nói về quán tâm thích. Quán đây là đối với tâm tánh 3 chân lý chẳng thể rõ biết hết được. Quán nầy làm rõ chỗ thanh tịnh; nên gọi là khai. Tuy là bất khả tư nghì mà có thể phân biệt về tâm của không và giả. Trong tay chẳng giữ gì, gọi là Thị Tâm không và giả ấy tức là 3 mà một; tức một mà ba, gọi đây là Ngộ. Tâm không, giả ấy hay phi không, giả ấy mà chiếu dọi vào không, giả ấy; nên gọi là Nhập. Đây là một tâm ba quán và chia ra làm

khai, thị, ngộ, nhập riêng biệt. Cho nên 4 loại ấy giải thích rằng: Thấy lý do của vị và vị ấy lập được là do trí. Trí ấy phát ra là do môn; môn ấy thông là do quán: Quán ấy tức là môn thông. Môn thông cho nên trí thành. Trí thành cho nên vị lập. Vị lập cho nên thấy được lý. Thấy được lý; cho nên gọi lý ấy là một vậy.

Từ „Xá Lợi Phất thị vi chư Phật dĩ nhứt đại sự" trở đi tức là kết thành cái lý một là nghĩa ấy. Ngày xưa dùng phương tiện để dạy, lại được nghĩa luận về khai, thị, ngộ, nhập mà chẳng phải Phật tri kiến. Cho nên gọi đây là quyền. Bây giờ làm rõ chỗ Phật tri kiến; cho nên nói là thật. Thật ấy tức là cái lý của một vậy.

Từ chỗ „Bảo Xá Lợi Phất rằng: Như Lai hay giáo hóa các Bồ Tát; đây chính là làm rõ ở người là một. Tựu chung ngày xưa dùng phương tiện, nghĩa là dùng để giáo hóa Tam Thừa. Lý thật mà nói là để giáo hóa các Bồ Tát. Như gã cùng tử kia, tự cho là khách nên làm người hạ tiện. Còn Trưởng Giả thì quán thấy thật cho nên đã rõ biết đứa con nầy. Tức đây là người thuộc về một".

Từ chỗ „Chư hữu sơ tác thường vị nhứt sự" Quang Trạch cho rằng đây là giáo thuộc về một. Bây giờ nói hành thuộc về một. Cả Tam Thừa đều làm; nên gọi đây là nhiều (chư). Vì Viên (giáo) nên gọi là chư. Nghĩa là đây là một việc. Việc làm nầy đến nơi đâu? Duy chỉ có tri kiến Phật, tức là hành thuộc về ý của một vậy. Lại cũng có thể giữ điều nầy làm chỗ dạy dỗ thứ nhứt. Cho nên Giáo chủ đã nói: Có những chỗ tạo tác, chỉ lấy việc giáo hóa làm sự. Một việc dạy dỗ này là phương tiện. Rốt cuộc

người thực hành ấy lấy làm lời nói. Chỗ làm những công việc ấy, tức là hành. Bây giờ chấp giữ vào phương tiện nầy nên gọi hành là một. Rồi thì 4 câu ấy tất cả đều có 2 nghĩa. Cho đến cái lý trong ấy chỉ còn một. Nếu chấp vào chỗ thấy biết; tức là dùng phương tiện ấy là vị thứ nhất. Chỗ thấy biết về cái lý một ấy là phương tiện. Con người trong mỗi câu ấy nếu chấp sự giáo hóa và lời dạy ấy là một, lấy đó làm phương tiện. Nếu chấp vào Bồ Tát lấy người là một, làm phương tiện thì ở trong sự giáo hóa một câu ấy lại chấp vào một Phật Thừa để mà thuyết pháp cho chúng sanh. Lời dạy nầy là một phương tiện. Hay chấp vào ý nghĩa của việc vận hành là hành động của một và lấy đó làm phương tiện, thì 4 câu ấy thông suốt qua sự giải thích về phương tiện.

Từ „Đản dĩ nhứt Phật Thừa" Quang Trạch lấy đó làm nguyên nhân của một và bây giờ nói là lời dạy của một. Đó là lời dạy của Viên (giáo) Đốn (giáo). Gọi đây là một Phật Thừa. Cho nên Phẩm Tựa nói rằng: Nói kinh Đại Thừa, tức là dạy về ý nghĩa nầy vậy. Tự đã nói về Biệt giáo rồi, tất cả đều gọi là nói thêm; tức là chẳng liễu nghĩa, chẳng phải là Nhứt Thừa của Phật.

Quang Trạch nói rằng: Duyên Giác và Thanh Văn chẳng phải hai. Và hạnh Bồ Tát vô biên là 3. Lại cũng có người nói rằng: Không Bồ Tát, Duyên Giác, lấy đó chẳng phải hai. Vô Thanh Văn, lấy đó chẳng làm ba. Nếu giải thích theo lối nầy thì chỉ có sự tồn tại nơi Thông Thừa, không có Tam Tạng của các Thừa. Có liên quan gì với một Phật Thừa.

Có người nói rằng: Không Duyên Giác lấy đó chẳng có hai. Vô Thanh Văn lấy đó làm ba. Còn nơi Đại Thừa Bồ Tát. Nếu chỉ như vậy thì chẳng có Tam Tạng nơi Nhị Thừa. Chẳng phải chẳng có Tam Tạng nơi Bồ Tát. Điều nầy ngoài ra còn cái gì liên quan đến Phật Thừa? Ở nơi nào kinh luận dùng Thanh Văn để làm bậc thứ ba? Nghĩa là chẳng theo thứ tự với điều nầy, mà tất cả đều là nói dối. Nếu nương vào Ngươi để giải thích thì chẳng có hai mà chẳng phải Duyên Giác; chẳng phải ba mà chẳng phải Bồ Tát. Thứ nhất là Thanh Văn, nên chẳng phải kể là không. Nếu điều nầy như vậy thì sẽ có một sự đảo lộn lớn. Nay nói hay dùng một Phật Thừa là nói về đốn của Phật pháp theo Viên Giáo Thừa. Ngoài ra chẳng có thừa nào cả. Chẳng có lời dạy riêng biệt nào mang đến dùng làm phương tiện để nói cả.

Không hai ấy là không mang tính cách của Bát Nhã làm hai. Không ba ấy là trong phương đẳng chẳng có đối với ba. Như đây thì hai hay ba đều chẳng có. Huống nữa trong Tam Tạng lại có ba sao?

Từ „Xá Lợi Phất nhứt thiết thập phương chư Phật, Pháp diệc như thị" nghĩa là ở đây thành chỗ tổng kết thứ 5. Cả 3 đời chư Phật, mỗi chương nầy đều làm sáng tỏ chỗ dạy một việc và thực hành một việc. Sau cùng tổng luận về người là một và lý là một. Ở câu văn ấy có thể thấy. Chương ấy tự tạo ra bốn, một lại cũng được như vậy, mà chẳng phải cùng với câu tổng kết để hiển bày.

Trong kinh Bồ Tát Anh Lạc quyển thứ 13 làm rõ 9 đời Phật; quá khứ 3 đời Phật, hiện tại và vị lai cũng lại

như thế. Vị lai 3 đời Phật ấy là cổ Phật từ bi nhập vào vị lai, tạo ra đủ loại hình để độ cho chúng sanh là đây vậy. Vị lai hiện tại Phật ấy là việc thọ ký về sau nầy. Vị lai là vị lai Phật, đó là Phật lần lượt chuyển đổi sự thọ ký ở thời vị lai. Quá khứ đã chuẩn bị cho việc nầy; nên có thể biết như thế v.v… Hiện tại hiện tại Phật chính là Đức Hóa chủ. Hiện tại vị lai Phật tức là lần lượt sẽ được bổ xứ. Hiện tại quá khứ Phật, tức là cổ Phật thùy tích là đây.

Từ chương nói về Phật quá khứ, ở đây đầy đủ 6 nghĩa. Lại hay tạo ra 2 loại. Một là khai mở phương tiện; hai là hiển thị sự chơn thật. Cả hai tức là chỉ cho điều ở trên. Cả 2 đều để chỉ cho điều ở dưới. Dùng vô lượng vô số phương tiện để làm sáng tỏ chỗ khai mở quyền thừa vậy. Đó chính là pháp mà tất cả đều là một Phật Thừa; cho nên làm hiển rõ chỗ thật là vậy. Ví dụ như trên về một Phật Thừa tức là lời dạy duy nhất nầy.

Từ „Chư Phật thuyết pháp". Đây chỉ là nói việc nghe pháp. Pháp ấy bị chúng sanh cùng với con người làm một. Cứu cánh thì tất cả đều được nhứt thiết chủng trí. Rõ biết chủng trí tức là cái lý về một ấy. Có thể hay rõ biết tức là hành thuộc một. Tuy chẳng lần lượt theo bốn, một ấy luôn đầy đủ.

Từ „Chương vị lai Phật" lại có 2 nghĩa, dùng để chỉ việc bên trên, bên dưới đầy đủ thành 6 v.v…

Từ „Hiện tại Phật môn". Đây chính là Hóa Chủ. Đây cũng là cái ý về mục tiêu đầu tiên của Phật ra đời. Như trong chương về chư Phật, chỉ dùng Đại Sự Nhơn Duyên

mà xuất hiện ra nơi đời. Ở đây lại cũng như vậy. Tuy vì sự nhiêu ích an lạc của chúng sanh mà xuất hiện ra nơi đời. Kế đến là khai mở quyền (thừa) và sau đó là hiển thật. Lại cũng đầy đủ bốn, một vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

(Hết quyển thứ 4 - Phần trên)

Dịch xong phần nầy vào ngày 28 tháng 4 năm 2010 nhằm ngày rằm tháng 3 năm Canh Dần - Phật lịch 2554 tại Thiền Viện Chánh Pháp Oklahoma – Hoa Kỳ.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 4
(Phần dưới)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư thuyết giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác – Hannover, Đức Quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 28 tháng 4 năm 2010 tại Thiền Viện Chánh Pháp Oklahoma – Hoa Kỳ.

Phần thứ 2 giải thích rộng về chương Thích Ca. Trong 6 nghĩa ấy chẳng tán thán pháp hy hữu. Đầu tiên khai mở quyền và tiếp đến là hiển thật; ba là cùng với 5 trược giải thích phương tiện; bốn là giảng lược chỗ ngụy đốn và tin một sự thật; năm là chẳng có hư vọng. Ta bây giờ lại cũng như thế. Ta đây chính là Đức Thích Ca. Hiện tại trước ba và sau một. Giống như 4 vị Phật chẳng có khác. Nói cũng như vậy. Rõ biết các chúng sanh có đủ loại ham muốn; tức là ngũ thừa căn tánh dục. Quá khứ gọi là căn; hiện tại gọi là dục; vị lai gọi là tánh. Tâm ấy đắm trước sâu xa, tức là gốc rễ. Phương tiện ấy là tùy nghi khai mở Tam Thừa, quyền pháp và tất cả đều được Nhứt Thừa; tức là hiển thật vậy. Phật Thừa chính là lời dạy chỉ một. Tất cả đều thực hành duy nhất. Đủ loại trí nên biết là lý một.

Từ „Thập phương thượng vô Nhị Thừa hà huống hữu tam" là phần thứ ba sánh với ngũ trược để giải thích về chỗ khai mở quyền (thừa) vậy. Cùng với 5 trược làm mục tiêu là cái ý đầu tiên. Như trên đã nói về sự khai mở quyền (thừa) và hiển thật. Chưa làm rõ chỗ ẩn của thật và thí cho quyền. Pháp nầy thanh tịnh sâu xa thứ nhất như hư không. Chẳng phải mang đến hai, ba của quyền; huống là riêng lẻ 3 hay riêng lẻ 5 về quyền. Chỉ vì 5

trược chướng nặng; nên sự thật ấy chẳng được tuyên dương. Nên thí về quyền của 5 riêng l ẻ hay 3 riêng l ẻ cũng thí về quyền của 2 hay 3 mang lại. Cho nên nói đây là Nhứt Thừa, phân biệt nói làm ba. Phân biệt nói đối với 2, 3 ấy là để đối với 5 lẽ hay 3 ấy vậy. Ngũ trược ở đây tự có 4 sự khác biệt. Đầu tiên là xướng số; hai là liệt danh; ba là thể tướng; bốn là thích kết. Xướng số, liệt danh như câu văn. Như vậy là làm rõ chỗ thế tướng. Ở kiếp trược, chẳng có chỗ riêng biệt. Kiếp ấy chính là thời gian dài. Sát na là thời gian ngắn. Đối với 4 trược lập nên là giả danh. Câu văn gọi đây là kiếp loạn. Tức là ở ý nghĩa nầy vậy. Chúng sanh trược, lại cũng chẳng có thể riêng biệt, thấy có mạn và quả báo được thành lập là giả danh. Câu văn ấy nói rằng chúng sanh sâu dày tức là ý nghĩa nầy. Phiền não trược dùng để chỉ cho 5 độn sử làm thể. Kiến trược dùng để chỉ cho 5 lợi sử làm thể. Mệnh trược ấy dùng để chỉ cho sự gìn giữ tâm sắc ấy làm thể v.v...

Tướng ấy là 4 trược tăng thêm và tụ lại vào lúc nầy, tham si tăng gấp và chiến tranh bắt đầu, tham dục tăng lên; nên đói khát hoành hành. Ngu si tăng dần; nên bệnh tật lại nổi lên. Tam tai khởi lên; cho nên phiền não tăng gấp đôi và làm hưng thịnh chỗ thấy và tạo thành chỗ đốt cháy. Sự thô xấu của sắc tâm ác gọi là uế xưng. Tuổi thọ bị giảm do trược gần gũi, như nước cùng với gió, sóng thổi mạnh thì cá, rồng trôi giạt, chẳng còn một loại gì thì lúc ấy lại bị đốt cháy. Như ở thời kỳ nhiếp sơ từ Quang Âm Thiên bị rơi vào cõi đất và đất ấy lại có dục. Như từ cõi trời Đao Lợi nhập vào vườn thô nhám và từ vườn ấy

sanh ra tâm đấu tranh. Đây gọi là tướng của kiếp trược vậy.

Phiền não trược là do biển tham ấy chảy vào chưa đầy đủ; nên sân vẫn vào và độc ấy khiêu khích thế gian và sự ngu si ám muội qua đó thấm sâu vào cùng với ngã mạn cao thấp khiến cho không đủ chỗ, làm cho lưới nghi không tin tưởng lại chẳng thể cho biết sự thật. Đây chính là tướng của phiền não trược vậy.

Kiến trược nghĩa là không có người nói là có người; có đạo nói là vô đạo; 16 tri kiến thành 62 v.v… Lại giống như lưới giăng; lại giống như rừng rậm; trói buộc khắp nơi chẳng thể ra khỏi. Đây chính là tướng của kiến trược.

Chúng sanh trược ấy là sự nắm giữ của sắc tâm và lập nên một chủ tể, giống như keo sơn không có vật nào chẳng thể dính được, lưu chuyển nơi 6 đường, thọ sanh nhiều chốn khác nhau. Như lòng tham cho là ngắn và nói dài lâu tức là giàu. Đây chính là tướng của chúng sanh trược.

Mệnh trược nghĩa là sáng mới sanh ra chưa gì thì đã biến và tối lại mất, như sáng chuyển, khói bay, hơi thở mong manh, chẳng trụ lại. Đây là tướng của mệnh trược. Tướng trược ấy của chúng sanh có nhiều chẳng thể nói đầy đủ hết được. Dần dần phiền não lấy đó làm căn bản. Từ hai trược nầy thành chúng sanh. Từ chúng sanh có sự liên hệ giữ gìn mạng sống. Việc nầy trải qua 4 lúc, gọi đây là kiếp trược. Nói đơn giản là vậy.

Hỏi: 5 trược nếu có chướng ngại lớn thì tại sao trong Hoa Nghiêm chưa trừ bỏ trược ấy, mà kẻ nghe pháp ấy là gì?

Đáp: Đây là 4 câu phân biệt. Một là Đại Thừa lợi căn nhưng nhiều chướng duyên. Dùng lợi căn ấy; cho nên chướng nặng chẳng thể chướng. Ở quốc độ nầy Hoa Nghiêm đầu tiên khai mở Đại Thừa là đây. Hai là lợi căn nhưng chướng nhẹ. Ba là căn độn và chướng nhẹ. Ở nơi Tịnh Độ kia nghe Đại Thừa là đây. Bốn là căn độn và chướng nặng. Như nơi nầy Thân Tử giải trừ những chỗ ô trược, rồi mới nghe Đại Thừa là đây vậy.

Hỏi: 5 trược chướng ấy có nơi Tiểu Thừa không?

Đáp: Cả Tiểu Thừa cũng có điều nầy; nên phân biệt qua 4 câu như: Tiểu Thừa lợi căn che chở những chướng nhẹ nên chẳng thể chướng. Thân Tử là trường hợp nầy. Lợi căn che chở chướng nặng lại chẳng thể chướng và Ương Quật (Vô Não) là trường hợp nầy. Lợi độn che chở ít, lại chẳng thể vì đó mà chướng, Bàn Đặc là trường hợp nầy. Căn độn che chở chỗ nặng. Đây sẽ thành chướng chẳng thể nghe nơi Tiểu Thừa. Kẻ chẳng được độ là đây.

Hỏi: Tự có chẳng phải chỗ Hoa Nghiêm, chẳng phải nơi 3 tạng mà được nghe Đại và Tiểu Thừa là cái gì vậy?

Đáp: Đây tựu chung là 4 giáo; trong những giáo ấy tạo ra 4 cửa phân biệt. Kẻ lợi căn che khuất chỗ nhẹ, khi nghe thì chẳng không, chẳng có và được vào cửa. Kẻ lợi căn và bị che khuất nặng thì khi nghe lại không đồng thời lại có cửa vào. Căn độn che khuất chỗ nhẹ, khi nghe

được vào không môn. Kẻ độn căn che khuất chỗ nặng, người nghe có nhập vào cửa. Cả hai đều có 4 cửa. Về Tiểu Thừa phân biệt hai giáo tứ môn. Còn về Đại Thừa phân biệt rõ ràng có thể giải rõ được v.v…

Hỏi: 5 trước ấy một lần trải qua. Vì sao chướng lớn mà không phải chướng nhỏ?

Đáp: Chúng sanh trược nặng, vọng tính ngũ ấm làm 4 đức, nếu nghe về thường ngã, tức liền chấp không là có. Xưa có người Thầy thuốc chẳng biết sữa bò xấu tệ; chẳng biết căn nguyên của bịnh do đâu; chẳng rõ thuốc nào có thể chữa khỏi, chẳng biết rõ ràng nên trược chướng ấy lớn. Câu văn lại nói rằng: Ta nếu tán dương Phật Thừa, còn chúng sanh chìm đắm ở khổ sở; tức là nghĩa nầy vậy. Nếu nghe về vô thường, khổ, không tức là xa lìa sự sanh tử, vui với Niết Bàn. Phá trừ điều tà v ạy kế chấp nầy. Ngũ trược chẳng chướng nơi Tiểu Thừa.

Kinh rằng: Lúc suy nghĩ mười phương chư Phật đều hiện ra Phạm âm để an ủi ta. Tức là ở nghĩa nầy. Về ngũ trược luận Tứ Tất Đàn (bốn việc thành trược) thì thời kỳ kiếp mạng ở thế giới nầy chúng sanh thấy đây là người, dùng phiền não để đối trị. Dùng tam Tất Đàn để trừ ngũ trược nầy, sau đó vì nói Đại Thừa đệ nhất nghĩa Tất Đàn. Nếu luận về nhơn quả; tức là 2 nguyên nhân và 3 kết quả. Một là người và 4 pháp; 4 pháp trong một lúc. Hai là báo chướng với phiền não chướng, nghiệp ở trong thời gian nầy; chúng sanh là nguyên nhơn, trở thành giả. Mạng ấy cũng tương tục giả. Tướng ấy đợi sự giả có thể rõ được. Chúng sanh thọ nhận sự giả lập nầy. Bốn là

pháp giả. Gọi sự giả lập nầy thông qua 2 nơi. Phiền não thấy ở nơi phàm phu ngoài 3 thông của phàm thánh. Mạng ấy ngắn, kiếp ấy dài, ngoài 3 thông dài ngắn. Kiếp ấy là một lúc. Mạng ấy mang đến lúc luận về pháp. Kiếp ấy thông trong ngoài. Mạng ấy thường ở bên trong. Ba Tiểu ấy làm hại người mà chẳng hại vật. Ba Đại ấy hại vật mà chẳng hại người. Tiểu kiếp thường ở nơi con người, Đại kiếp thường thông qua sắc giới; mạng ấy thông qua 5 đường và 3 cõi. Kiếp ấy cùng chung với trược và 4 ấy mỗi mỗi đều trược. Tiểu kiếp là kiếp trược. Đại kiếp trải qua trược chẳng trược. Từ 8 vạn đến 10 tuổi là Tiểu kiếp. Ngược lại 80 là Đại kiếp.

Hỏi: Khi nói về 5 trược, vậy thì 5 thanh là gì?

Đáp: Lấy thí dụ tà chánh tam độc. Tà đó là ngũ trược; chánh ấy là 5 thanh. Ở cõi Tịnh Độ kia chẳng có tà và tam độc. Tức là ngũ trược chướng nhẹ là ở nghĩa nầy có thể rõ được v.v…

Từ „Nhược ngã đệ tử tự vị" trở đi. Đây chính là 4 điều đơn giản để giải thích về chơn. Là đệ tử Phật có thể tín giải được. Nếu chẳng tin giải thì chẳng phải là chơn đệ tử; lại chẳng phải là La Hán. Lúc thúc bách, làm cho chúng tin nhận và thọ trì, tín giải. Tựu chung câu văn nầy chia làm hai. Đầu tiên là giản lược nói về chơn ngụy. Hai là khai trừ giải thích việc nghi ngờ; đơn giản lại có 2. Đầu tiên là chẳng nghe chẳng biết, không phải là chơn đệ tử. Kế tiếp là nghe mà chẳng tin nhận, thành ra là tăng thượng mạn. Như ở đời đệ tử tùy thuận theo Thầy để được nhận pháp truyền lại. Chẳng nghe chẳng rõ tức

là chẳng có pháp nào có thể thuận theo. Nghĩa là đệ tử nào mà Như Lai ngày xưa nói về 5 trược và mở cho 3, người tùy thuận thì được Niết Bàn, được nghe thì được rõ; gọi đây là đệ tử, làm cho ngũ trược được tiêu trừ. Vì ngươi mà nói một. Ý gì mà chẳng nghe chẳng rõ? Chẳng nghe ấy là chẳng nghe lời dạy về một; chẳng rõ ấy là chẳng rõ hành là một. Phi chơn tức là chẳng phải cái lý nơi một. Phi đệ tử tức là chẳng phải người là một.

Tiếp theo „Từ hựu Xá Lợi Phất" trở đi, phần thứ 2 làm rõ chỗ chẳng tin tưởng và trở thành tăng thêm việc kiêu ngạo. Đây chính là sự đốc thúc làm cho tin tưởng. Vì sao ngươi lại tự nghĩ về thân sau? Thân thì thật là vô lượng; thật chẳng phải thân sau. Ngươi tự nghĩ về cứu cánh; giống như 200 do tuần, thật chẳng phải rốt ráo. Chưa được mà nói đã được, há chẳng tăng thêm chỗ cao ngạo sao? Bậc chơn A La Hán là không còn trược ở căn, lợi và trí, chẳng phải rốt ráo. Tin vào pháp chơn thật nầy chứ chẳng phải thân sau; nên chẳng khởi lên sự cao ngạo. Rõ biết chẳng phải cứu cánh, lại tin vào cứu cánh. Tức là tin vào cái lý nầy. Chẳng tăng thêm sự cao ngạo tức là thành hạnh thứ nhứt. Sự tin tưởng ấy tức là tin vào giáo pháp, mà lời dạy ấy là một. Là đệ tử Phật, tức là một người trong ấy, trừ khi Phật diệt độ rồi.

Phần thứ hai là khai trừ và giải thích chỗ nghi ngờ. Trước tiên là khai mở và trừ đi. Trừ đi nghĩa là sau khi Phật diệt độ, chẳng thành cao ngạo nữa.

Tiếp theo từ „Sở dĩ giả hà Phật diệt" trở đi làm rõ chỗ người tốt khó được sâu xa và trải qua việc khó giải

thích, lại cũng chẳng thành chỗ cao ngạo. Nếu Phật còn tại thế, nói đúng kinh nầy; chẳng tin tưởng, chẳng thọ trì thì chẳng phải là bậc chơn A La Hán, thành kẻ cao ngạo. Nếu sau khi Phật diệt độ rồi mới chứng A La Hán lại chấp vào quyền của kinh mà chẳng tin vào pháp Viên (giáo), khi nghe được nhận là người chẳng cao ngạo. Lại nữa, tuy Phật nhập diệt mà ở nơi kinh nầy chẳng tin, chẳng thọ trì thì có phải là tăng thêm sự cao ngạo chăng? Tức là việc nầy sẽ khai trừ. Phật diệt độ rồi tuy có kinh nầy và văn nghĩa giải thích về điều nầy thì người nầy thật khó gặp. Cho đến làm cho La Hán chẳng tin, chẳng giải. Lại nghe được, chẳng phải tăng thêm sự cao ngạo.

Kế đến là giải thích về nghi ngờ. Nếu sau khi Phật diệt độ, người giải kinh thật là khó gặp được bậc La Hán, tức là đã vào Niết Bàn vĩnh viễn rồi sao? Liền giải thích rằng: Tuy rằng người nầy nghĩ rằng sanh sau khi Phật diệt độ và khi xả bỏ thân nầy rồi liền sanh vào các quốc độ khác ở bên ngoài, gặp được những vị Phật để được nghe kinh nầy. Liền đó rõ được.

Hỏi: Theo Thích Luận quyển thứ 33 phẩm Tốt Định nói rằng: Các vị A La Hán thọ thân ở đời trước và thân ấy ắt mất đi, rồi trụ ở xứ nào mà đầy đủ được Phật đạo?

Đáp: Các vị A La Hán lậu tận nhơn duyên không còn nơi 3 cõi, liền chẳng sanh lại nơi 3 cõi, ra khỏi 3 cõi và những cõi bên ngoài ấy là những cõi Phật thanh tịnh, không có những sự phiền não. Ở nơi những quốc độ ấy nghe Phật nói kinh Pháp Hoa và đầy đủ Phật đạo, liền đó theo kinh Pháp Hoa và nói rằng: Có bậc A La Hán, nếu

chẳng nghe kinh Pháp Hoa, tự mình rõ biết được sự diệt độ, thì ta ở cõi kia sẽ vì đó mà nói việc nầy. Ngươi sẽ làm Phật. Luận ấy liền dẫn kinh nầy để làm chứng. Bây giờ giải thích kinh và sẽ trở lại luận giải.

Sư Nam Nhạc nói rằng: Ngoài Phật thì nương vào 4 nơi. La Hán gặp và nghe kinh rõ biết. Lại nữa La Hán tu niệm Phật và ở yên nơi chỗ thấy của 10 phương Phật. Vì đó mà nói kinh nầy, liền được rõ suốt. Lại nữa kẻ phàm phu thực hiện từ chỗ khổ đến việc sám hối và thấy được 10 phương Phật, vì đó nói và lại được rõ biết.

Nam Nhạc bảo: Nếu thật là A La Hán thì tất nhiên tự biết Pháp Hoa và có ý chí cầu nơi Đại Thừa. Lợi căn cho nên tự rõ biết. Những người trung và hạ căn thì nghe cho đủ mới biết. Cho nên gọi là Văn tri. Sao lại ở nơi sau khi Phật diệt độ chẳng nghe kinh Pháp Hoa; hoặc nghe mà chẳng tin và gặp Phật bên ngoài mới được giải nghi cho? Kẻ phàm phu ở đời mạt pháp còn hay tin, hà huống là những bậc Thánh nhơn sao? Trừ khi sau Phật diệt độ là chỉ cho phàm phu vậy.

Có người nói rằng: Phàm phu chưa chứng được pháp tướng; cho nên chỗ thấy chẳng rõ và tâm chấp, chẳng cố định chỗ nào và lấy đó, dễ tin. Còn La Hán chứng được pháp tướng, chỗ thấy rõ ràng, chấp vào tâm kiên cố, khi nghe nói khác, chưa liền tin nhận; cho nên chẳng tin ở nghĩa nầy là tất nhiên vậy. Do vậy Thân Tử nói: Chẳng phải ma tạo Phật, làm não loạn tâm ta sao? - Nếu từ nghĩa nầy thì để chỉ cho các bậc La Hán, chứ

chẳng phải để chỉ cho phàm phu v.v... Ở đây gặp điều giải thích khác thì chẳng dùng nghĩa nầy vậy.

Từ „Xá Lợi Phất" trở đi, phần thứ 5 làm rõ chỗ không hư vọng. Đó là dừng lại việc có tâm hủy báng. Việc nầy lại chia ra làm ba. Đầu tiên là khuyến khích tin vào những điều chơn thật mà Đức Thích Ca nói. Cho nên nói rằng: Các ngươi nên một lòng tín, giải, thọ trì lời Phật nói. Thứ đến là khuyên nên tin ở chư Phật. Cho nên nói rằng: Chư Phật nói không bao giờ hư vọng. Con đường của chư Phật giống như sự tin nhận của Di Ca vậy. Sau đó kết luận chẳng hư vọng. Cho nên nói rằng: Chẳng có thừa nào khác, duy chỉ có một Phật Thừa thôi.

Phần thứ 2 là kệ tụng có 121 hàng và chia ra làm 2. Đầu tiên có 4 hàng; mỗi câu tụng bên trên đều có đáp lại. Sau đó có 116 hàng và 3 câu tụng bên trên là chính thức đáp lại. Câu hứa đáp lại bên trên lại có 3 nghĩa là thuận theo đó mà dạy bảo đơn giản và làm cho chẳng tùy thuận theo, mà hay tụng theo lời dạy đơn giản. Sự đơn giản ấy đối với chúng lại chia làm 2. Đầu tiên 3 hàng rưỡi, tụng trên 5.000 lượt. Kế tiếp 2 câu tụng bên trên, đại chúng được thanh tịnh. Kế đến một câu tụng răn dạy để nghe. Những kẻ kiêu ngạo, ngã mạn chẳng tin nơi tứ chúng đều có. Đối với hàng xuất gia có 2 chúng; có nhiều người tu được thiền định; nhưng khoa trương quả Thánh. Chấp chặt một bên, rồi kiêu ngạo và đối với người thế tục hay cao ngạo và khởi tâm ngã mạn. Người nữ trí mỏng và sanh nhiều tà tích (hẹp hòi) chẳng tự thấy được chỗ sai nầy. Ba là mất chỗ che tâm, chứa

đựng sự tổn thương và đức ấy tự chẳng thể phản tỉnh. Người nầy chẳng xấu hổ. Nếu tự thấy được chỗ sai quấy thì cũng có vị Tăng xấu hổ vậy. Còn đối với giới có chỗ khiếm khuyết và không đầy đủ luật nghi, gọi đây là khuyết. Định ấy cùng với đạo và cùng với hữu mất đi, nên gọi là lậu, chẳng có con đường nào định cả; cho nên bên trong khởi lên ác giác, như ngọc kia có chứa vết ngọc. Chẳng có luật nghi cho nên bên ngoài thì thân, miệng động loạn, giống như ngọc kia lộ ra vết nứt; che giấu tội lỗi và tự đắc; cho nên gọi đây là hộ tích. Kẻ trí nhỏ chẳng được học cái trí vô học, mà chỉ có trí nhỏ của thế gian. Vọng nói hữu lậu, lấy đó làm vô lậu. Ở trong cái nhỏ ấy lại càng nhỏ; cho nên nói là trí nhỏ. Kẻ bại hoại ấy chẳng có vô lậu, thiền định thấm nhuần cho nên giống như bã mía. Chẳng có lý giải về trí huệ; cho nên như bã đậu. Đây chính là 5.000 người ở trong thế gian thiền, mà như bã đậu. Chủ nghĩa giải thích như bã đậu là đối với việc nầy câu văn mất đi sự chú giải rõ ràng, giống như trấu, không phải là gạo. Lại nữa kẻ bại hoại ấy giống như người chẳng có căn cơ lớn. Cành lá ấy dụ cho không phải là bậc trượng phu; tất nhiên chẳng thể dùng vào đâu được; cho nên trở lại thừa thãi.

Xá Lợi Phất lành nghe, tức là bài tụng bên trên rồi hứa khả giáo huấn và lời dạy ấy làm cho lành nghe.

Từ „Chư Phật sở đắc pháp" trở đi có 116 hàng 3 câu. Lời tụng bên trên là lời đáp chơn chánh. Lại chia làm 2. Đầu tiên là từ „chư Phật sở đắc pháp" trở đi có 73 hàng 1 câu; tụng 4 chương về Phật môn. Từ „kim ngã

diệc như thị" trở đi có 43 hàng rưỡi, tụng bên trên về chương Thích Ca môn. Tổng cộng, lần đầu ấy lại chia ra làm 4. Đầu tiên từ „chư Phật sở đắc" trở đi 34 hàng 3 câu; tụng bên trên về chư Phật môn. Từ „quá khứ vô số kiếp" trở đi, phần thứ 2 có 27 hàng rưỡi, tụng về quá khứ Phật môn. Từ „vị lai chư Thế Tôn" trở đi, phần thứ 3 có 6 hàng rưỡi, tụng về vị lai Phật môn. Từ „thiên nhơn sở cúng dường" trở đi, phần thứ 4 có 4 hàng rưỡi, tụng về hiện tại Phật môn. Bây giờ gom lại đầu tiên tụng về chư Phật môn. Cùng với văn trường hàng, lại có 3 điều khác nhau. Một là đây và kia không hỗ tương nhau; hai là trước sau giữ đó xuất hiện và ba là khai, đóng chẳng giống nhau. Bên trên có pháp ca ngợi, tán thán, hy hữu, mà chẳng có ngũ trược mà chẳng tán thán pháp. Đầu tiên bên trên là tán thán pháp và kế đến là làm rõ chỗ không hư vọng. Khai quyền hiển thật. Bây giờ trước tiên là khai quyền hiển thật và sau đó làm rõ chỗ chẳng hư vọng. Bên trên khuyến khích về niềm tin và không hư vọng, hợp lại nói chung. Bây giờ phân ra khuyến khích về niềm tin, chia cắt với sự không hư vọng ấy. Riêng bên trên dùng phương tiện của Đức Thích Ca giải thích về sự thành Phật là quyền. Kệ ấy lấy sự thật của Đức Thích Ca. Giải thích việc thành Phật là hiển một. Đây là 4 việc khác biệt.

Từ đầu câu văn tụng lại chia ra làm 5. Đầu tiên từ „chư Phật sở đắc pháp" trở đi có 5 hàng 3 câu, tụng về việc chư Phật thí cho quyền. Hai là từ „ngã thiết thị phương tiện" trở đi có 13 hàng, tụng về việc chư Phật hiển thật. Ba là từ „nhược nhơn tín quy Phật" trở đi có 4

hàng rưỡi, tụng về chương chư Phật khuyến khích tin tưởng. Bốn là từ „nhược ngã quá chúng sanh" trở đi có 9 hàng rưỡi, văn trường hàng, tụng về ngũ trược. Năm là từ „ngã hữu phương tiện" trở đi có 2 hàng, tụng phía trên về sự chẳng hư dối.

Bây giờ đầu tiên giải thích về khai quyền. Câu văn nầy lại có 2. Đầu tiên là 4 hàng một câu tụng, chính thức thí cho quyền. Kế đến 1 hàng rưỡi tụng kết luận về cái ý của việc thí quyền. Bây giờ đầu tiên nơi chư Phật được các pháp; tu đạo được pháp nơi các quyền. Từ „vô lượng lực" trở đi, tụng bên trên vô số phương tiện, đủ loại nhân duyên, diễn nói các pháp.

Tâm niệm của các chúng sanh như trên tụng về sự tùy nghi thuyết pháp. Trong khi tụng phát ra rộng rãi tướng của sự tùy nghi. Tức là chiếu đến căn cơ nơi 9 pháp giới và nói về 7 phương tiện. Tổng cộng nói 97 chuyển thể phân định được. Cho nên nói rằng tùy theo sự nghi ngờ của dục; nên ứng dụng về thế giới Tất Đàn. Tùy theo tánh ấy; nên dùng con người Tất Đàn. Tùy theo ác nghiệp ấy; nên ứng dụng về sự đối trị với Tất Đàn. Hiện khởi sự hy vọng, gọi đây là sự nhớ nghĩ. Pháp môn chẳng giống nhau nhiều loại, quá khứ huân tập lại và gọi đây là tánh. Hiện tại vui vẻ, gọi là dục; hoặc có thể huân tập các dục lại thành tánh. Khi thành tánh lại sanh ra thói quen về dục v.v…

Nghiệp lành dữ là do 7 phương tiện ấy chuyển mãi chuyển mãi về việc lành dữ v.v… Phật dùng quyền trí để chiếu đến những phương tiện của tánh dục. Sau đó dùng

những nhân duyên thí dụ, tùy theo chỗ mà tuyên nói 9 bộ kinh. Nói theo nghĩa đen là có 12 bộ. Kẻ độn căn vui với pháp nhỏ có một hàng rưỡi; kết lại về ý của việc thí quyền. Kiếp trước căn độn; đời nầy chẳng có cơ duyên; chẳng sâu nghe về Đại Thừa; cho nên nói rằng: Chẳng thực hành sâu xa nơi đạo vi diệu. Đời trước tham đắm, chướng nặng; đời nầy gặp nhiều khổ não. Tuy có thể nghe ít; cho nên nói là vì đây mà nói Niết Bàn.

Từ „ngã thuyết thị phương tiện" trở đi gồm 22 hàng tụng về chư Phật hiển thật. Câu văn ấy lại chia ra làm 4. Đầu tiên là 3 hàng, tụng về cái lý thứ nhất, làm cho được vào Phật huệ. Tụng phần bên trên là một đại sự nhân duyên vậy. Quyết định nói về Đại Thừa. Nói chung là tụng ấy nhằm khai, thị, ngộ, nhập Phật tri kiến. Lấy việc vào Đại Thừa làm căn bản. Phần tụng bên trên thuộc về nhập Phật tri kiến.

Từ „Phật Tử tâm tịnh" trở đi gồm 24 hàng rưỡi. Bên trên tụng về chư Phật Như Lai hằng giáo hóa các vị Bồ Tát, để làm sáng tỏ cho người là một. Bên trên trực tiếp nói về sự giáo hóa Bồ Tát ở trong các kệ tụng. Rộng bày phương tiện cho con người, tất cả đều thành con người thật.

Có Phật Tử tâm thanh tịnh tức là dạy riêng cho người. Vì Phật Tử nầy mà nói kinh Đại Thừa, được thọ ký nên tâm vui mừng; tức là thành Viên giáo và là người chơn thật. Thanh Văn hoặc Bồ Tát; Thanh Văn cùng với Duyên Giác hay Bồ Tát cùng với lục độ. Cùng với Thông giáo thì các Bồ Tát đều sẽ thành Phật đạo; ấy là điều

chẳng nghi ngờ; tức là 7 loại phương tiện, chẳng phải chẳng là Phật Tử. Tức là tụng về con người thứ nhất.

Từ „Thập phương Phật độ trung" trở đi có 31 hàng 3 câu, tụng bên trên về Như Lai thường dùng một Phật Thừa để thuyết pháp cho chúng sanh; chẳng có Thừa nào khác; hoặc 2 hoặc 3 cả. Nếu 10 phương chư Phật chỉ nói có một pháp; tức là nói điều dạy dỗ nầy là một. Giả danh làm kẻ chỉ đường, tức là dạy cho phương tiện vậy. Tạm gọi là 3 lời dạy. Hiển Phật huệ là một cách dạy. Câu văn nầy rõ ràng. Chẳng có dư thừa. Không có biệt giáo trong ấy, cũng chẳng ngoài Viên (giáo) nhập biệt vào.

Vô nhị có nghĩa là không hai trong thông giáo, gồm nửa tướng của sự đầy đủ. Vô tam nghĩa là không có 3 của Tam Tạng. Như đây là 2, 3. Tất cả đều là giả danh tự dùng để chỉ bày cho các chúng sanh. Nay chỉ để cho một vị Phật thuộc Viên giáo thừa.

Từ „Chư Phật xuất ư thế duy thử nhứt sự thật" trở đi; phần thứ 4 ấy có 3 hàng 3 câu. Tụng bên trên chỗ các việc làm, thường là một việc làm và một câu văn vậy. Sự ấy chính là việc làm. Cuối cùng chẳng dùng Tiểu Thừa để tế độ chúng sanh; tức là tụng bên trên thường lấy ý là một đại sự. Phật tự tại Đại Thừa, dùng điều nầy để độ chúng sanh. Tụng bên trên chỉ dùng tri kiến của Phật để chỉ bày chỗ ngộ cho chúng sanh. Sau đó một hàng thì giải thích về việc chẳng dùng cái nhỏ để độ, là ý nầy.

Từ „Nhược nhơn tín quy Phật" trở đi; phần thứ 3 gồm 4 hàng rưỡi; tụng bên trên nhằm khuyến khích về

niềm tin. Bên trên nói: Các ngươi nên tin chỗ Phật nói. Trong tụng ấy lại có 2. Đầu tiên có 2 hàng rưỡi đưa ra kết quả của việc khuyến khích về niềm tin.

Hai là từ „Xá Lợi Phất" trở đi gồm 2 hàng đưa ra nguyên nhân khuyến khích về niềm tin, đưa ra kết quả. Đầu tiên một hàng rưỡi ấy sánh với nội tâm. Nếu người nào tin tưởng và nương vào Phật Như Lai thì chẳng bị cuồng loạn, làm cho tâm Phật thanh tịnh. Vô minh, bỏn xẻn và các việc ác được đoạn trừ và nói về tâm thanh tịnh; cho nên điều nầy có thể tin được.

Từ „Ngã dĩ tướng nghiêm thân" trở đi gồm một hàng, làm rõ ngoại sắc, thân tướng rõ ràng, dính mắc vào ánh sáng đoan nghiêm. Bên trong không có những chỗ tối tăm và bên ngoài có ánh sáng. Tức là miệng chẳng nói điều dối trá. Vì đó mà người tôn trọng. Nói Đại Thừa ấn tức là có thể tin nhận thọ trì.

Từ „Ngã bổn lập thệ nguyện" trở đi gồm 2 hàng. Đây là đưa ra nguyên nhân, khuyến khích sự tin tưởng. Đây lại cũng chia ra làm 2. Đầu tiên từ „ngã bổn lập thệ" trở đi gồm một hàng đưa ra thí dụ ngày xưa; hai là từ „như ngã tích" trở đi gồm một hàng, làm rõ chỗ nguyện đầy đủ. Ta xưa thệ nguyện chẳng phải tự thệ nguyện giác ngộ, mà lại thệ nguyện cùng với chúng sanh đồng vào trí huệ Phật. Bây giờ để trả lại lời thệ ấy cho nên nói: Điều nầy lại có thể tin được. Bây giờ giác ngộ tức liền đầy đủ. Chúng sanh lại cũng được vào. Ngươi liền chứng vào trí huệ của Phật. Lại nghiệm đến lời thệ nguyện của

ta chẳng có hư vọng. Kết quả là đưa ra cái nguyên nhân để khuyến khích về niềm tin.

Hỏi: Lời thệ căn bản ấy liền phổ cập cho chúng sanh ngày nay hay nhiều. Nguyện ấy nói sao được đầy đủ?

Đáp: Phật 3 đời làm lợi ích cho muôn vật. Bây giờ làm rõ chỗ hiện tại và luận về lời nguyện ấy đầy đủ vậy.

Từ „Nhược ngã ngộ chúng sanh" trở đi; phần thứ 4 có 9 hàng rưỡi, đưa ra vấn đề ngũ trược. Bên trên làm rõ 5 trược tại chương nói về Đức Thích Ca. Bây giờ tụng câu văn tại tổng Phật môn; cuối cùng là trong Thích Ca môn, lại liền phát sinh ra nữa. Đây là làm rõ chỗ chư Phật cùng ra đời nơi ngũ trược, Tất cả gồm trước 3 và sau một. Câu văn nầy chia ra làm 4. Đầu tiên một hàng. Tổng nói rõ chướng ngũ trược là lớn. Kế đến 6 hàng làm rõ chỗ riêng biệt của ngũ trược chướng và thứ ba là 31 hàng làm rõ chỗ ngũ trược. Cho nên phương tiện nói chỗ nhỏ. Bốn là gồm một hàng rưỡi, làm rõ chỗ Đại và nói Tiểu. Tiểu ấy là dùng để trị ngũ trược và đại nguyện ấy cũng sẽ được như vậy.

Nếu ta gặp chúng sanh nghĩa là trong A Hàm 12 nói rằng ở kiếp sơ từ cõi trời Quang Âm sanh xuống thế gian nầy. Chẳng có trật tự nam nữ, họ cùng chung sống với nhau trong đời; cho nên gọi là chúng sanh. Đây để chỉ cho chỗ đầu tiên vậy. Nếu nắm giữ được ấm của chúng sanh thì có sự giả hợp; cho nên gọi là chúng sanh. Đây chính là làm rõ một thời kỳ thọ báo (thân) nữa. Cũng nói

rằng thọ sanh ở nơi nơi; cho nên gọi là chúng sanh. Điều nầy làm rõ nghiệp lực lưu chuyển vào 5 đường. Chánh Pháp Niệm nói rằng có 10 loại chúng sanh. Nghĩa là dài, ngắn, vuông, tròn, 3 cạnh, xanh, vàng, đỏ, trắng, tím.

Thế nào gọi là chúng sanh sanh tử dài lâu? Nơi địa ngục thì thân thọ khổ không kể xiết. Tâm niệm có nhiều điều ác. Lúc làm súc sanh thì thân tướng cục mịch thô xấu, tâm tướng bức hách não hại. Lúc làm quỷ thì thân như cái núi đang cháy; tâm như cái vạc nấu nước đang sôi; tà kiến đốt mạnh, rơi vào chỗ ngu si hung ác. Lúc làm người thì thân, miệng, ý thường hay chẳng làm việc lợi ích mà tự mình chuốc khổ. Thân, miệng, ý thường nhớ đến việc chẳng lợi lạc và tự mình cột trói lại. Lúc ở cõi trời thì chìm đắm nơi lục trần, chỉ vui thích đùa giỡn; chẳng nghe chánh pháp, lấp che phước đức và đây gọi là chúng sanh sanh tử lâu dài.

Thế nào là chúng sanh sanh tử ngắn?

Lúc ở địa ngục có một niệm yên tĩnh và tâm giữ giới. Lúc làm súc sanh có một niệm yên lặng và tâm nương vào Tam Bảo. Lúc làm ngạ quỷ có một niệm yên tĩnh, tâm thường tĩnh lặng với các căn. Khi làm người hay tu lục độ, nuôi nấng cha mẹ, cung kính Tam Bảo, dùng việc lành để giữ gìn thân, miệng, ý. Lúc ở cõi trời và khi xả bỏ cõi trời vui liền giữ giới, vui với Thiền Định; giáo hóa tụng đọc, giữ gìn phạm hạnh và ít nói năng. Đây được gọi là sự sanh tử ngắn của chúng sanh.

Thế nào là sự sanh tử vuông vức của chúng sanh?

Như ở cõi Uất Đơn Việt đối với tất cả vật, không làm chủ. Khi xả thân, liền sanh Thiên. Từ trên trời lại sanh lên trời cao hơn nữa. Chỉ hướng đi thẳng lên nơi lành đẹp. Đây gọi là sanh tử theo hình vuông (phương hướng).

Sao gọi là chúng sanh sanh tử theo hình tròn?

Đó là 3 cõi và 4 loài, biến hóa xoay chuyển theo hình tròn như lửa và khói vậy.

Thế nào là sanh tử theo hình tam giác?

Đó là nghiệp lành, nghiệp chẳng lành và nghiệp vô ký.

Thế nào gọi là sanh tử theo màu xanh?

Hay vào trong địa ngục tối tăm thường hay sợ hãi vậy.

Thế nào là sanh tử theo màu vàng?

Ngạ quỷ đói khát dơ bẩn vàng rực vậy.

Thế nào là sanh tử theo màu đỏ?

Súc sanh biến đổi thức ăn thành máu đỏ vậy.

Thế nào là sanh tử của chúng sanh theo màu trắng?

Nghĩa là lúc làm người hay ở cõi trời do nghiệp đã sạch; nên được sanh vào đường lành. Như chư thiên lúc chết, ngoại trừ ngôn ngữ của chư thiên. Ngươi nếu sanh vào cõi người, khi làm người thì rõ biết ngôn ngữ ấy.

Ngươi hướng về cõi Thiên mà đi. Rõ biết cả 2 nơi, gọi là sanh tử theo màu trắng.

Phần thứ 5 lại nói rằng: Tâm ban ngày ở địa ngục thì màu đen; ở ngạ quỷ thì màu chim bồ câu; ở cõi súc sanh thì màu vàng; ở cõi người màu đỏ và ở cõi trời màu trắng. Nghĩa nầy như thế nào?

Đáp: Như trên đã nói về quả báo của 5 đường. Bây giờ nói về chỗ tạo nghiệp của 5 đường ấy. Cho nên điều nầy chẳng giống nhau v.v…

Như vậy các chúng sanh nếu được gặp Phật thì những chúng sanh ấy dùng sự khổ não để tự nung nấu mình. Còn chư Phật thì dùng lòng từ bi để cứu tế. Lòng bi ấy đối lại sự khổ kia; cho nên nói là tương ngộ. Lại nữa Phật và chúng sanh giống nhau. Một sự giống nhau, không phải hai. Có tướng, tánh liên hệ với chư Thiên; cho nên nói là tương ngộ. Phàm có tâm đại bi thì hay thương tưởng đến chúng sanh; nếu dùng người, trời để giáo hóa thì ta sẽ bị rơi vào chỗ mê hoặc tối tăm. Dừng lại ở ban đêm thì sự sanh tử ấy hóa ra xanh, vàng, đỏ, tím, hình vuông, tròn, tam giác v.v… chẳng thể giáo hóa theo con đường của Phật. Nếu gặp được chúng sanh thì khiến cho tu Tiểu Thừa. Ta liền rơi vào chỗ tham lam bỏn xẻn. Việc nầy chẳng thể được, chỉ khi ra khỏi 25 cõi. Nếu gặp chúng sanh giáo hóa và làm cho thông (giáo) biệt (giáo). Ta liền rơi vào chỗ biên kiến, mất đi tri kiến Phật. Bây giờ tất cả làm cho chúng sanh được tướng thật và thể diệu huệ, đạt được tất cả và mọi việc đều là Phật Pháp; chẳng có gì là không chánh đạo. Đây chính là sự

dạy dỗ hết lời để đến Phật đạo. Quyết đoạn trừ cái khổ của sanh tử. Ta thường nói như vậy, mà chúng sanh thì căn tánh độn lụt, tội nặng chẳng thể rõ được như nguyện.

Vào thời quá khứ có một vị Phật hiệu là Trụ Vô Trụ phát nguyện, khiến cho chúng sanh ở quốc độ kia thành Phật cùng ngày, cùng giờ và cũng trong ngày ấy diệt độ. Lại nữa ở vào thời Hiền Kiếp trước đây có vị Phật hiệu là Bình Đẳng lại nguyện cho quốc độ nầy và 10 phương chúng sanh lại thành Phật cùng chung trong một ngày và cũng diệt độ trong một ngày. Bây giờ lại có Phật lại có chúng sanh. Vì sao vậy?

Phật bảo rằng: Hãy dừng, hãy dừng lại! Ta trước đã nói rằng con người được làm người, vả lại có phát nguyện làm cho 5 đường cùng thành Phật trong một ngày sao?

Phật nói: Chẳng thể dùng thân nầy để thành vô thượng đạo. Điều cần yếu đầu tiên là hóa độ nơi 3 cõi. Làm cho được thành trời, người. Sau đó mới có thể như nguyện được. Ba cõi ấy chẳng có con đường lành, sao lại có thể thành Phật được? Giống như người muốn tìm cầu châu báu, không thể cầu trên hư không được. Ta rõ biết những chúng sanh nầy rất thấp kém.

Phần thứ 2 có 6 hàng, riêng biệt làm rõ chỗ ngũ trược và ở đây lại có 5. Hai hàng đầu tiên làm rõ chỗ ô trược của chúng sanh. Kẻ có căn bản lành thì có tướng

chơn như. Chẳng y cứ vào điều nầy để trồng những căn lành; cho nên chẳng cảm được việc lớn.

Kẻ tham đắm ngũ dục tức là có gốc gác tệ ác. Từ chỗ si mê mà có ái; tức là ta sinh bịnh. Từ khi thọ thai là hình hài nhỏ nhiệm.

Phần thứ 2 có một hàng, riêng biệt làm rõ chỗ mạng trược. Quán Tâm giải thích rằng: Một niệm khi tâm khởi, tức là sẽ tạo nghiệp ra trong vị lai và nghiệp ấy tức là bào thai, thai nghiệp ấy vô cùng, đời đời chẳng dứt được; chẳng dứt có nghĩa là tiếp tục tăng trưởng. Khi thọ thai với hình hài nhỏ nhiệm. Hình ấy chính là ngũ ấm. Ấm ấy gọi là đời. Thọ mạng liên tục giữ gìn các ấm ấy để đi vào đời. Đầu tiên từ chỗ trẻ thơ cho đến khi già chết. Đây gọi là đời đời tăng trưởng, gọi đây là mệnh trược.

Thân thọ ấm như trong kinh đã nói: Kẻ phàm phu thọ thân nầy 7 ngày đầu tiên chưa chuyển đổi gì khác; đến 2 lần 7 ngày có tướng sanh giống như chất hồ; 3 lần 7 ngày như hồ đặc lại; 4 lần 7 ngày giống như chất Tô; 5 lần 7 ngày giống như phôi; 6 lần 7 ngày đã có thịt: 7 lần 7 ngày thịt ấy sinh ra 5 cái túi nước, đầu, tay, chân v.v…; 8 lần 7 ngày lại sinh thêm 5 túi nữa, gồm một cái đầu, hai tay và hai chân; 9 lần 7 ngày tiếp tục sinh ra 24 túi nữa. Bốn túi tạo ra mắt, tai, mũi, lưỡi; 20 túi còn lại tạo thành 20 ngón (tay, chân); 10 lần 7 ngày chuyển thành tướng của bụng, dần dần da, xương phân chia ra để tạo thành những tướng khác. Sanh ra 700 dây gân và 7.000 mạch máu. Tùy theo đó mà tướng ấy nhiễm theo gió, rồi tướng trắng nhiễm gió trắng cho đến các gió khác cũng

lại như vậy. Nhờ mùi gió thơm cho nên ở yên ngay ngắn. Khi gió thối mang đến sự bất an; liền bị xấu xa, tà vạy. Sau đó được sinh ra rồi ăn ngũ cốc và liền sanh ra 8 vạn loại trùng, nhập vào rừng tà kiến.

Phần thứ 3 có một hàng; đây là nói về chỗ kiến trược. Năm sự thấy ấy giao thoa nhau như rừng cây rậm rạp. Nếu có hay thấy thì cũng chẳng đoạn kiến. Đây là nguyên nhơn sanh ra 2 chỗ thấy thành 62. Hoặc nói rằng ngoại đạo đoán ta có 4 câu. Sắc tức là ngã; lìa sắc là ngã; sắc lớn, ngã nhỏ; ngã trụ ở trong sắc kia. Ngã lớn, sắc nhỏ; sắc trụ trong ngã kia. Bốn ấm lại cũng như vậy. Đây là 20. Cộng 3 đời thành 60. Căn bản là 62.

Như trong Đại Phẩm có nói: Kế đến là đắm say vào chỗ hư vọng.

Phần thứ 4 có một hàng, tụng về phiền não trược như câu văn ở nơi ngàn, vạn, ức như thế.

Phần thứ 5 có một hàng tụng về kiếp trược. Trong thời gian dài không có Phật Pháp; tức là kiếp trược. Lại bên trên nói 4 trược; bây giờ tập trung lực; cho nên nói là kiếp trược.

Con người như thế nầy thật là khó độ. Do chướng ngại ngũ trược; cho nên chẳng tin vào Nhứt Thừa; tức là chẳng thể độ được. Quán giải nói rằng: Niệm niệm ác giác vĩnh vô chánh quán tự giác (niệm niệm rõ biết chỗ ác thì vĩnh viễn chẳng quán đúng nơi tự giác); tức là chẳng thể thấy Phật được. Tâm chẳng có 8 điều chơn

chánh thì chẳng thể nghe pháp được. Tâm nầy thật khó độ. Do vậy Xá Lợi Phất mới nói.

Phần thứ 3 có một hàng tức là nói vì Tiểu Thừa là do quyền (thừa) như câu văn.

Từ „Ngã tuy thuyết Niết Bàn" trở đi; phần thứ 4 có một hàng rưỡi; tức là cuối cùng làm cho nhập vào đại. Tẻ ra 3 cõi, hư vọng hết, sắc mất trở lại không; tức là chẳng phải chơn diệt. Nếu thể đạt được vô minh, thì gốc vô thượng vốn là tịch tịnh. Đây mới là chơn diệt; gốc ấy không, tuy là tịch diệt. Nếu chẳng tu đạo, thì chẳng do đâu mà gặp được. Cho nên nói rằng: Phật Tử hành đạo rồi, ở đời sau sẽ được làm Phật.

Từ „Ngã hữu phương tiện lực" trở đi; phần thứ 5 có hai hàng; tụng phía bên trên, chẳng hư vọng. Bên trên nói rằng: Các ngươi nên tin chỗ Phật nói là điều chẳng hư vọng. Khuyến khích niềm tin để tụng như phía trước rồi; chẳng hư vọng và bây giờ liền tụng. Hai câu đầu tiên làm rõ chỗ Đức Thích Ca trước khai ra 3. Hai câu sau đó làm rõ chỗ chư Phật sau đó hiển thật, hỗ tương với hiện tại. Một hàng sau chính thức làm sáng tỏ chỗ không sai quấy. Trước là quyền, sau là thật; thành ra lời nói chẳng hư vọng; hãy chớ sanh nghi.

Từ „Quá khứ vô số Phật" trở đi; phần thứ 2 có 27 hàng rưỡi, tụng bên trên về chương của Phật quá khứ và câu văn nầy chia làm 2. Hai hàng đầu tiên tụng khai mở ra làm 3 như câu văn.

Từ „Thị chư Thế Tôn" trở đi; phần thứ nhất có 25 hàng rưỡi, tụng ấy hiển về một. Câu văn trên hiển sự thật và kiêm luôn việc một trong bốn ấy. Bây giờ bài kệ đầy đủ tụng đọc; trong ấy lại chia ra làm hai. Một hàng đầu tụng lược bớt và tụng phía bên trên về một của ba. Tất cả đều nói về pháp Nhứt Thừa. Tức là tụng về sự giáo hóa thứ nhứt. Giáo hóa cho vô lượng chúng sanh; tụng cho người thứ nhứt, làm cho nhập vào nơi Phật đạo; cho nên tụng về cái lý thứ nhứt; kiêm luôn việc thực hành thứ nhứt.

Kế tiếp từ „Hựu chư Đại Thánh chủ" trở đi; phần thứ 2 có 24 hàng rưỡi nói về Ngũ Thừa rộng tụng để hiển về một. Tựu chung câu văn ấy chia ra làm hai. Một hàng rưỡi đầu tiên, tổng nói về Ngũ Thừa, dùng đó để hiển một; trời người và quần sanh. Đây chính là đưa ra các Thừa để làm rõ cho một về con người; liền dùng đến phương tiện khác, đưa ra các hành để hiển về một của hành, cộng với việc dạy dỗ về một. Nghĩa thứ nhất tức là cái lý về một.

Từ „Dị phương tiện" trở đi nói về chánh nhơn Phật tánh, tức là đệ nhứt nghĩa lý. Nếu dùng viên diệu chánh quán thì đây tức là thật tướng phương tiện. Chẳng phải gọi gì khác. Nếu dùng đến 7 phương tiện quán thì sẽ giúp cho việc hiển nghĩa thứ nhất nầy. Gọi đây là phương tiện khác.

Kế đến từ „Nhược hữu chúng sanh" trở đi, phần thứ 2 có 23 hàng, riêng biệt nói về Ngũ Thừa, dùng để hiển sự chơn thật. Việc nầy có 3. Hai hàng đầu dùng để

khai mở về Bồ Tát Thừa. Kế tiếp phần thứ 2 gồm 1 hàng là khai mở Nhị Thừa. Phần thứ 3 gồm 20 hàng là khai mở Nhơn, Thiên Thừa.

Bây giờ đầu tiên từ „Nhược hữu chúng sanh loại" trở đi có 2 hàng là khi mở Bồ Tát Thừa. Nếu làm sự giải thích về Ngũ Thừa thì chính là lục độ Bồ Tát Thừa. Nếu tạo ra 7 phương tiện để giải thích thì kiêm luôn cả Thông (giáo) Biệt (giáo) Bồ Tát Thừa. Vì sao mà Tam Giáo Đại Thừa đều thực hành lục độ? Mà vận tâm có chỗ khác biệt? - Tướng và tâm thực hành lục độ tức là Tam Tạng Bồ Tát. Vô tướng tức là Thông giáo. Phi tướng, vô tướng lần lượt thực hành lục độ, tức là Biệt giáo. Bây giờ thường lấy ví dụ lục độ chưa rõ biết về sự phán đoán nơi trược là ai. Khi tìm hiểu về câu văn trên thì biết rằng lại được dùng đến phương tiện khác. Chẳng có trược lục độ Bồ Tát tức là tam giáo Bồ Tát phương tiện. Ngày xưa khi nghe pháp rồi thành chỗ số một của việc giáo hóa. Ngày xưa khi thực hành lục độ rồi; tất cả đều thành việc thực hành thứ nhứt. Như vậy tất cả những người đều thành thứ nhứt của con người. Tất cả đều thành Phật đạo. Tất cả đều thành một của cái lý.

Từ „Chư Phật diệt độ dĩ, nhược nhơn thiện nhuyễn tâm" trở đi một hàng, khai mở Thanh Văn, Duyên Giác tất cả đều nhập vào Nhứt Thừa. Sao lại rõ được? –Vì Đại Phẩm ca ngợi A La Hán, tâm điều hòa nhu nhuyến. Lại còn gọi khác hơn là: trụ điều phục tâm; đây là việc làm của hiền Thánh. Nên rõ điều nầy. Ngày xưa tâm lành nhu nhuyến tất cả đều là số một về việc thực hành. Những

người ấy là số một trong con người. Thành Phật đạo là cái lý số một.

Từ „Cúng dường xá lợi" trở đi, phần thứ 3 có 20 hàng, là khai mở nhân thiên thừa. Chẳng ảnh hưởng với nhơn thiên thừa. Thường hay làm rõ chỗ tạo tưởng, xây tháp cho đến việc tán loạn; cho nên phải biết rằng đây là cái nghiệp của nhơn thiên.

Địa Sư giải rằng: Đồng Tử là Đồng Chơn Địa. Chẳng có Nhị Thừa phàm phu, nhị biên, tâm dục để làm tháp bằng cát. Cát ấy chẳng dính mắc. Tháp ấy là các việc làm được tích tập lại, hàm chứa cái tâm chánh giác. Nghĩa là việc gặp kia thành vô sanh và lấy đó làm chỗ đến sâu xa. Bây giờ nghĩa là câu văn nầy ngăn cách trở thành nhỏ hẹp. Ai là người có thể đăng địa và thành Phật được? Như Tu La qua biển, dùng chân nào để ghé qua? Bây giờ dùng trẻ con múa hát cho loạn tâm và ca vịnh chỉ làm cho dính mắc. Giống như kẻ phàm phu qua biển, thật là bất khả tư nghì. Phật rõ ràng rộng mở Ngũ Thừa, đẹp lành chẳng lậu, mà quên thu nhận Tu La là cái ý riêng trải qua chỗ chấp giữ vô sanh. Nếu như hướng đến để giải thích thì chẳng nhiếp được Nhị Thừa, huống hồ phàm phu sao? Luận sâu thì đây là một vậy.

Định ấy rộng cho nên câu văn ngăn cách.

Hỏi: Người, Trời lành ít nên trụ ở quả báo. Vì sao tất cả đều nói là thành Phật đạo rồi?

Đáp: Ở đây nên làm rõ nghĩa của 3 Phật tánh. Đại Kinh nói rằng: Có Phật tánh nơi người có căn lành mà

Nhứt Xiển Đề thì không; tức là người, trời lành ít, cúi đầu giơ tay giống như ở núi cây cối bao quanh rất đẹp. Ngày xưa vì chưa mở ra phương tiện; cho nên trụ nơi quả báo; còn bây giờ đã thực hiện phương tiện khai mở rồi tức là nương vào cái nhơn Phật tánh ấy, có thể đến chỗ giác ngộ và thành cái nghĩa để hiển thật vậy. Tựu chung điều nầy chia làm hai. Trước 19 hàng nói về chư Thiên, loài người ít căn lành và thành hạt giống của nhơn duyên, để làm sáng tỏ và hiển thật. Phía sau đó một hàng là rõ biết cái nhơn của hạt giống, lấy đó làm sáng tỏ hiển thật, nương theo câu văn, có thể giải được. Trước 19 hàng nầy lại chia ra 10. Ba hàng rưỡi đầu tiên là nói về việc xây tháp; làm rõ chỗ Thiên Thừa. Cái nhơn ấy là chú tâm hướng về việc xả bỏ tiền tài của cải. Cái quả ấy là nhiệm vận tự nhiên hưởng lấy niềm vui. Cho nên gọi đây là Thiên Thừa vậy.

Cây Mật nghĩa là tại Trường An có một cây gọi là Mật, hay dùng để tạc tượng. Kinh Kim Quang Minh nói rằng: Lấy xá lợi của Phật như hạt cải để vào trong tháp thì sẽ được quả báo tự nhiên ở cõi Trời thứ 33; tức là nghĩa nầy vậy.

Tiếp theo từ „Nãi chí Đồng Tử" trở đi; phần thứ 6 có một hàng nói về Đồng Tử chơi giỡn lấy cát tạo tháp; tức là cái nghiệp thuộc con người. Cái nguyên nhân ấy là tạo tác việc lành rộng khắp. Cái quả là tác ý khuyến khích cầu được niềm vui. Cho nên đây là nghiệp của con người.

Tiếp theo từ „Nhược nhơn vi Phật cố" trở đi; phần thứ 3 có 4 hàng ý nói chí tâm làm tượng, làm rõ cho cái nghiệp ở cõi Trời. Trong kinh Ưu Bà Tắc giới nói rằng: Chẳng được dùng keo để dán; sai quấy ấy thuộc về ý tội. Nhưng kinh nầy dùng là do các vị Sư ngày trước ở ngoại quốc dùng đến nhựa cây chăng? Quang Trạch nói hoặc có nơi cần được tượng; nên nghe nói đã dùng keo làm bằng da trâu, bò. Nếu có vật khác thay thế, tức chẳng được dùng. Lại nói rằng: Nước đậu hủ có thể thay thế để dán được mà trong sạch; còn keo của da bò, trâu thật là chẳng sạch sẽ, sau đó phải chịu quả báo bất tịnh. Tiền không thanh tịnh chẳng nên lấy đó để tạc tượng; có thể hoán đổi tiền như pháp để tạo tượng. Đất thì không được dùng loại đất màu vàng hôi thối. Trong giới kinh không cho phép tạo tượng bán thân; đây thuộc về thất ý tội. Nếu tướng lành không hiện thì theo đó mà rơi vào trong sanh tử. Tuy nhiên tạo tượng mỗi mỗi đều có chỗ làm phỏng theo. Tượng Phật thì đường đường phải ngồi; hình ảnh Phật thì hoặc ngồi, hoặc nằm, khi đi hay đứng; nhưng khi đệ tử lập nên tháp thờ thì trước tượng đứng không được ngồi. Nơi ấy thuộc về chỗ của Phật. Người bạch y (cư sĩ) thờ tượng ở nhà; nơi trước tượng thờ (ngồi) ấy chẳng được đứng lâu; ăn rồi ngồi thì được. Trước tượng đứng, chẳng được ngồi v.v…

Kế đến từ „Nãi chí Đồng Tử" trở đi; phần thứ 4 có một hàng, làm rõ chỗ nghiệp của con người. Kế tiếp từ „Như thị chư nhơn" trở đi; phần thứ 5 có một hàng rưỡi là kết thành sự hiển thật. Tất cả người ấy đều thành số một của con người. Dần dần tích chứa công đức, đầy đủ

tâm đại bi, tức sẽ thành việc thực hành thứ nhứt. Phật đạo tức là thành cái lý thứ nhứt; tức là liền thành Phật, lại là điều thứ nhất trong 4 việc ấy. Thường hay giáo hóa Bồ Tát tức là cái nghĩa dạy dỗ thứ nhứt nầy v.v…

Kế đến từ „Nhược nhơn ư tháp miếu" trở đi; phần thứ 6 có 3 hàng rưỡi nói về việc dùng các loại cúng dường để làm rõ chỗ nghiệp của chư Thiên. Cái não bạc bằng đồng người Trường An gọi là Lộ Bàn, lấy đó để làm não bạc (thanh la). Ở đó do sự phiên dịch kinh, mà hay dùng đến tên nầy vậy.

Kế tiếp từ „Nhược nhơn tán loạn" trở đi; phần thứ 7 có một hàng nói về sự tán tâm, dùng bụi để cúng dường làm rõ cái nghiệp của loài người.

Kế đến từ „Hoặc hữu nhơn Lễ" trở đi; phần thứ 8 có một hàng nói về việc dùng thân nghiệp để cúng dường là làm rõ chỗ nghiệp của Trời và người. Lễ bái một câu, năm vóc sát đất là Lễ kẻ trên; tức thuộc về cái nghiệp của chư Thiên; chắp tay cúi đầu, là cái Lễ người ngang hàng và là cái nghiệp của con người.

Kế đến từ „Dĩ thử cúng dường" trở đi; phần thứ 9 có một hàng rưỡi kết thành; chẳng hề hiển thật, mà tự thành Phật đạo, lại có thể khai quyền đến tận Niết Bàn v.v…

Kế đến từ „Nhược nhơn tán" trở đi; phần thứ 10 có một hàng nói về khẩu nghiệp. Cũng giống như ví dụ bên trên đều thành cái nghiệp của nhơn, thiên. Bây giờ hay ra khỏi cái nghiệp của loài người v.v…

Chữ Nam Mô có nghĩa rất lớn; hoặc nói là độ ngã; độ ngã có thể thí cho chúng sanh. Nếu Phật đáp lại chư Phật là độ ngã thì nghiệp ấy chẳng phải. Trong ngũ giới kinh gọi đây là sự lo sợ. Sự lo sợ ấy chính là có thể cho nơi Phật. Sanh tử hiểm nạn, thật là lo sợ. Dùng sự cứu giúp lớn chẳng được thì bây giờ chư Phật dùng sự cứu tế nhỏ. Sự lo sợ ấy có thể gởi cho Phật. Cho nên nói rằng: Vui xưng Nam Mô Phật. Vui đây có nghĩa là được cứu nạn vậy. Trong kinh 5 giới lại nói rằng: Quy mạng, liền thí cho chúng sanh. Khi Điều Đạt (Đề Bà Đạt Đa) lâm chung, niệm chữ Nam Mô và chưa nói được chữ Phật đã bị rơi vào địa ngục. Rồi Phật thọ ký cho và từ địa ngục mà ra để làm Bích Chi Phật. Chữ viết là Nam Mô.

Việc ở nước ngoài hay thờ tượng chư thiên, lấy vàng làm đầu tượng, khi ăn trộm đến, chẳng thể lấy được, liền xưng Nam Mô Phật, lại lấy được đầu kia. Ngày hôm sau chúng tập họp lại nói: Tượng chư thiên mất đầu cho nên chẳng có chư thiên nào dính mắc vào đó. Chữ dính mắc đây có nghĩa là mất cái đầu của chư thiên, tức là giáng xuống làm một người để nói: Khi ăn trộm đến lấy đầu liền xưng Nam Mô Phật. Chư thiên đều lo sợ; cho nên được ta; vì vậy ta mất đầu. Chúng nhơn nói rằng chư thiên không giống như Phật; tức là sự chẳng như thế đó bây giờ chẳng có việc gì nơi Phật. Còn ăn trộm xưng Nam Mô Phật lại được cái đầu của chư Thiên; huống là những kẻ hiền lương mà xưng Nam Mô Phật. Mười phương Tôn Thần chẳng sánh bằng. Thường nên tinh tấn, chớ có lười nhác.

Kinh Na Tiên nói rằng: Khi người mất, xưng Nam Mô Phật, liền miễn vào (địa ngục) Nê Lê. Cũng giống như con người dùng một tảng đá để bỏ vào nước. Đá ấy tất chìm chẳng nghi gì; nhưng nếu dùng 100 tảng đá mà bỏ vào thuyền thì chẳng chìm. Việc khi chết phải vào địa ngục Nê Lê cũng như đem đá bỏ vào nước và khi chết xưng Nam Mô Phật. Vì cái lực của Phật cho nên làm cho chẳng vào ngục Nê Lê. Cái lực của thuyền làm cho 100 hòn đá chẳng chìm cũng như vậy v.v…

Thai kinh và kinh Báo Ân nói rằng: Khi đại hội ở Hoa Lâm Viên lần thứ 3 có 92 ức người. Đây là điều di huấn của Đức Thích Tôn; có một người xưng Nam Mô Phật, liền thấy được Đức Phật Di Lặc.

Kế đến từ „Ư chư quá khứ Phật" trở đi; phần thứ 2 có một hàng, làm rõ chỗ nguyên nhân của hạt giống: Như những ví dụ bên trên, tất cả đều có tướng vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng, chí tâm hay tán tâm là hạt giống của Ngũ Thừa; bây giờ tất cả làm cho khai, nhập vào một sự thật v.v… Chí tâm nghe một câu, là cái nghiệp nơi cõi Trời. Tán tâm nghe một câu, là cái nghiệp ở cõi người v.v…

Hỏi: Ý gì mà nói về quá khứ Phật môn để làm rõ chỗ Ngũ Thừa?

Đáp: Ba đời chư Phật tất cả đều có khai quyền. Ngay cả vị lai chưa đến; nhưng hiện tại đã bắt đầu thực hành; đối với nghĩa thực chứng thì yếu. Quá khứ khai mở quyền đã lâu rồi; người thọ nhận để thành người đều

thành một trong bốn ấy. Cùng với 10 phương thí quyền, hiển thật, việc chứng được cái nghĩa nầy rất mạnh. Dẫn dắt lời nói không thật, chẳng như thể nghiệm mà lấy đó làm thật. Cho nên nói Phật trong quá khứ rộng nói Ngũ Thừa là vậy.

Từ „Vị lai chư Thế Tôn" trở đi; phần thứ 3 có 6 hàng rưỡi; chương bên trên tụng về các Đức Phật vị lai. Câu văn ấy chia làm hai. Hàng rưỡi đầu tiên tụng ấy khai mở cho 3. Sau đó 5 hàng thì tụng để hiển cho một. Độ thoát các chúng sanh gồm một hàng. Tụng về người là một. Chư Phật vốn có thệ nguyện là một việc làm, tụng việc thực hành ấy là một. Chỗ Phật hành đạo, thệ nguyện làm cho được đạo nầy; há chẳng phải là một việc làm sao? Đến đời vị lai chư Phật có 2 việc làm. Tụng về sự dạy dỗ ấy là một. Rõ biết pháp ấy tánh thường vô và thật tướng thường trụ thì chẳng có tự tánh; cho đến chẳng phải chẳng có tánh của nguyên nhơn, vô tánh lại vô tánh. Đây gọi là vô tánh. Giống Phật từ duyên khởi, trung đạo không. Tánh ấy tức là giống Phật. Mê điều nầy là lý. Do vô minh làm duyên, thì có chúng sanh khởi lên. Giải thích việc nầy tức là lý. Do sự chỉ bày và việc làm làm duyên, tức có chánh giác khởi lên. Muốn khởi lên giống Phật thì phải đủ Nhứt Thừa giáo. Đây tức là tụng thuộc về lời dạy thứ nhứt. Lại vô tánh có nghĩa là cái nhơn chánh của Phật tánh vậy. Giống Phật từ duyên khởi, tức là duyên đã hết. Dùng duyên rốt ráo ấy để trồng được thì khởi lên. Một là khởi lên tất cả những sự khởi khác, như 3 tánh nầy gọi là Nhứt Thừa. Pháp nầy trụ ở pháp vị thuộc hành thứ nhất và tụng ấy là cái lý thứ

nhất. Chúng sanh chánh giáo chỉ có một, không hai; tất nhiên chẳng ra khỏi cái như nầy. Tất cả đều như pháp mà có vị vậy. Tướng thế gian thường trụ nghĩa là xuất thế chánh giác lấy như ấy làm vị (chỗ), lại lấy như ấy làm tướng. Tướng vị ấy thường trụ. Chúng sanh ở thế gian lại lấy như ấy làm vị, lại cũng lấy như ấy làm tướng, há chẳng thường trụ. Tướng thế gian liền thường trụ, há chẳng phải là cái lý thứ nhứt. Lại giải thích về thế gian tức là thuộc về ấm giới. Thường trụ ở đây tức là chánh nhơn vậy. Rồi nguyên nhơn chánh nầy cũng chẳng phải, mà đó là 6 pháp. Duyên đầy đủ chẳng lìa nơi 6 pháp. Nguyên nhơn chánh ấy thường hằng cho nên duyên ấy rốt ráo, lại cũng thường hằng. Do vậy nói rằng tướng thế gian thường trụ vậy. Đối với đạo tràng đã rõ biết rồi và đây là đưa ra kết quả thành tựu của việc giải thích về khai quyền để hiển thật. Đạo tràng sáng lên cái lý trường cửu. Sự vật và tình cảm bị chướng nặng; nên phương tiện thí làm 3 v.v…

Từ „Thiên nhơn sở cúng dường" trở đi; phần thứ 4 có 4 hàng rưỡi; chương nầy tụng về Phật trong hiện tại. Câu văn trên có 4 và bây giờ tụng 3; chẳng tụng phần kết ở phía sau. Một hàng rưỡi đầu tiên tụng về cái ý của sự giáo hóa. Chính vì sự an ổn của chúng sanh.

Kế đến „Tri đệ nhứt tịch tịnh" trở đi một hàng, tụng bên trên về sự hiển thật, rõ biết đệ nhứt tịch tịnh; tức là tụng về cái lý thứ nhứt. Sự thật nầy chính là Phật Thừa; hoặc tụng về lời dạy thứ nhứt; hoặc tụng về sự thực

hành thứ nhất. Câu sau từ „Tri chúng sanh chư hành" gồm 2 câu, tụng về sự khai quyền như câu văn.

Từ „Ngã kim diệc như thị" trở đi; phần thứ 2 có 43 câu rưỡi, tụng về chương Thích Ca. Câu văn bên trên chẳng ca ngợi pháp hy hữu, trong việc tụng ấy có đầy đủ 6. Thường theo cách giải xưa về chương Thích Ca, dùng thí dụ căn bản để đưa ra. Chỉ dẫn bên trên và căn bản phía dưới. Nghĩa của câu văn thì được thêm vào. Tìm sự giải thích tức liền gặp khó khăn. Nghe nói, tâm liền loạn. Kẻ độn căn thì bị mê hoặc. Riêng việc viết có nghĩa là trước tiên tuyển chọn, rồi cho câu văn vào. Thứ đến lấy đó mà soi. Tuy nhiên chương Thích Ca phàm là kệ thì có 2 ý. Một là tụng bên trên và 2 là căn bản phía dưới. Bậc thượng căn đã ngộ rồi; còn trung căn thì chưa rõ; cho nên phải nói lại thí dụ pháp bên trên. Dụ ấy chẳng cô đọng lại mà phải nói rộng ra. Cho nên nói lấy thí dụ làm căn bản. Về miệng nói, ngày xưa có đề cập đến 5 thí dụ. Một là thí dụ về việc lâu dài; hai là dụ cho sự suy nghĩ chín chắn; ba là dụ cho quyền và việc khuyên bảo; bốn là dụ cho sự bình đẳng; năm là dụ cho chẳng hư vọng.

Đầu tiên là tổng dụ, chẳng phải chỉ riêng việc lâu dài: Tư tế ở đây là cứu con mình; chẳng phải được ở nghĩa. Dụ nầy cho việc thấy ít và lấy lửa để dụ; cho nên không dùng đến. Thầy Diêu nói rằng: Trong phẩm Phương Tiện từ „chư Phật tùy nghi sở thuyết" đều là văn Trường Hàng. Điều chính là hiển Nhứt Thừa chơn thật. Phàm việc nầy lại có 4 chương. Một là khai, ngày xưa có 3 việc nói về 4 loại. Bây giờ thì nói một trong 4 loại. Hai

là dùng ngũ trược; cho nên chẳng được nói Nhứt Thừa. Ba là từ „nhược ngã đệ tử tự vị" trở đi, làm rõ chỗ chẳng được. Bốn là từ „nhữ đẳng đương nhứt tâm tín giải" trở đi, làm rõ chỗ chẳng hư vọng. Từ đầu chí cuối nói sự khác biệt và dùng cái ý để cầu cho tất cả được thật.

Bên dưới nói về nhà lửa là dụ cho phẩm Phương Tiện, trong đó có 3 chương. Từ „dụ như" trở đi là nguyện cùng với bên trên. Đây là dụ thứ nhất trong chương về ngũ trược. Từ „các tứ chư tử đẳng nhứt đại xu". Đây là điều chưa từng có. Là thí dụ thứ hai về chương chơn thật. Từ „thị Trưởng giả đẳng tứ chư tử" là chẳng hề hư vọng. Lần thứ 3 là chương nói về chỗ chẳng hư vọng. Như Sư Huyền Sướng thì nói có 6 thí dụ. Một là tướng ở trong nhà lửa. Hai là kẻ thức tỉnh thì nhớ nghĩ đến Phật và khởi tâm Nhất Thừa. Ba là chúng sanh chẳng thọ; nên nói ra những việc sợ hãi. Bốn là nói ba thừa vui. Năm là trở lại nói Nhứt Thừa giáo và sáu là kết luận chẳng hư vọng.

Long Sư nói cũng có 6 dụ. Một là nhà cửa, cha con giống như Đức Phật và 3 cõi; nơi giáo hóa chúng sanh. Hai là Trưởng Giả thấy lửa; dụ cho ta dùng Phật nhãn xem xét thấy chúng sanh nơi lục đạo. Ba là Trưởng Giả cứu lửa, dụ cho Phật 3 lần, 7 lượt muốn độ cho chúng sanh, chẳng chờ đến việc lớn. Bốn là Trưởng Giả dùng phương tiện, liền dỗ dành lấy 3 xe; dụ cho Phật giả làm 3 Thừa giáo. Năm là Trưởng Giả chỉ cho một xe lớn; dụ cho việc nói Diệu Pháp Liên Hoa. Sáu là dụ cho việc chẳng hư vọng.

Nhà lửa ở đây lại có 10 thí dụ.

Một là nay ta cũng lại như thế, có 2 hàng. Tổng cả tụng về quyền, thật bên trên và vì kẻ dưới mà tổng dụ để làm căn bản.

Hai là Xá Lợi Phất đương tri có 4 hàng. Tụng bên trên về ngũ trược. Vì bên dưới thấy lửa, dụ cho việc căn bản.

Ba là „ngã thỉ tọa đạo trường" có 6 hàng rưỡi, làm rõ chỗ giáo hóa Đại Thừa chẳng thể được. Vì bên dưới mà cứu con chẳng được và dụ cho cái gốc.

Bốn là „tâm niệm quá khứ Phật" 11 hàng, làm rõ sự giáo hóa 3 Thừa thành tựu. Vì kẻ dưới mà cứu con mình được, dụ cho điều căn bản.

Năm là „ngã kiến Phật Tử đẳng" một hàng, làm rõ chỗ phát ra căn cơ lớn. Vì bên dưới mà thấy con mình được khỏi nạn, dụ cho việc căn bản.

Sáu là „hoặc dĩ cung kính tâm" một hàng, làm rõ chỗ Tam Thừa và các quả. Vì bên dưới các con mà cho xe, dụ cho việc căn bản.

Bảy là „ngã tức tác thị niệm" hai hàng một câu; làm cho rõ chỗ hoan hỷ của Như Lai; vì bên dưới mà Trưởng Giả hoan hỷ, dụ cho việc căn bản.

Tám là „ư chư Bồ Tát tiền" gồm 3 câu, làm cho rõ chỗ nói về Đại Thừa. Vì bên dưới mà cho xe lớn, dụ cho việc căn bản.

Chín là „Bồ Tát văn thị pháp" một hàng, làm rõ chỗ chúng sanh hoan hỷ; vì bên dưới các con được xe cũng vui mừng, dụ cho việc căn bản.

Mười là „nhữ đẳng vật hữu nghi" một hàng rưỡi, làm rõ chỗ Phật chẳng hư vọng, vì bên dưới mà Trưởng Giả chẳng hư vọng, dụ cho cái gốc ấy.

Có người phê bình rằng: Nếu dùng câu văn để phán đoán thì có đến 19 câu; nếu dùng nghĩa để phán đoán thì có 6 nghĩa. Một là tổng; hai là thấy lửa; ba là giáo hóa Nhứt Thừa chẳng được; bốn là giáo hóa cho ba thừa thì được; năm là trở lại nói Nhứt Thừa và sáu là chẳng hư vọng. Ngoài ra tự nhiếp lấy chỗ vào của 6 nghĩa bên trong.

Lại có 10 thí dụ, tức là ngay nơi pháp thí dụ ấy vẫn có nhiều chỗ khác biệt. Trong pháp ấy có nói về việc cho xe trước và sau đó người cha vui mừng. Trong thí dụ nầy thì người cha vui trước và cho xe sau. Chỉ muốn gặp nhau và cuối cùng trở lại như cũ. Lại nữa xe lớn, xe nhỏ khác nhau. Khi thấy pháp gặp cơ duyên lớn; nên sanh ra hoan hỷ. Thí dụ ấy nói về nhơn duyên nhỏ; cho nên chẳng lấy đó làm vui. Khi nói pháp, tức làm rõ cái nhơn duyên ấy; giống như nói về thục là quả nhỏ và nói về chướng lớn tức sẽ điên đảo. Thí dụ nói về nhỏ thì khó lìa bỏ điều nầy. Nghĩa ấy để chỉ cho các loại. Lại cũng chẳng có khác biệt. Trong pháp ấy nói về thục là những kẻ có thượng căn, liền dễ ngộ. Cho nên chẳng cần xe tốt. Dụ ấy cho biết người trung căn do sự mê hoặc; nên mới có xe tốt. Cho nên dẫn sự cung kính cho xe tốt vậy. Đặc thù

là chẳng theo cái thể và ý của câu văn. Nay thì không có điều nầy mà lại mất bốn; nhưng mà cũng có không ít người cho rằng văn trường hàng có năm. Một là khai ba; hai là hiểu một; ba là ngũ trược; bốn là chơn ngụy và năm là chẳng hư cấu. Kệ ấy lại có 5. Thường là trường hàng có đúng, sai. Nhưng kệ thì không có. Kệ ấy dùng để tán thán pháp, mà trường hàng thì không có; điều nầy hỗ tương cho hiện tại.

Lần lượt nói về trường hàng. Trước tiên là khai 3 và sau đó hiển một. Còn kệ thì trước đó hiển một và sau lại khai ba. Khai ấy hợp lại là khai ba hiển một. Vì tổng thể mà có ví dụ chính. Hai là kệ ấy hợp lại mà chẳng khai. Kế tiếp là lìa khỏi câu văn ngũ trược. Vì lấy 4 thí dụ làm gốc, khai mà chẳng hợp lại. Chẳng hư vọng và lấy chẳng hư vọng ấy dụ cho cái gốc chẳng hợp, chẳng khai, làm rõ chỗ thủ, xả. Bốn là bỏ bớt kinh văn và lấy 6 thí dụ làm căn bản. Thủ mà chẳng xả. Ca ngợi pháp ấy một chương; chẳng có 6 thí dụ; cho nên xả mà chẳng thủ.

Luận về tổng và biệt thì đầu tiên khai ba và hiển một. Tổng ấy là thục; nói về một việc hóa hiện của Đức Thích Ca về việc giáo môn. Từ năm trược cho đến tất cả đều thuộc về biệt dụ.

Kế đến là Bổn Tích. Tổng thu về những lời dạy của Đức Phật và gồm tất cả những Bổn Tích. Từ ngũ trược cho đến biệt (giáo) ấy làm rõ Bổn Tích. Ngũ trược gồm một chương, chính là làm rõ chỗ pháp thân gốc, thấy chúng sanh khổ; cho nên liền khởi tâm đại bi. Từ nhứt thừa, hóa hiện sự chẳng chứng đắc, là Thùy Tích v.v…

Bây giờ nói về đại ý của Tích Môn. Đúng là khai ba, hiển một. Ngay trước khi thuyết pháp thì kẻ có thượng căn, liền liễu ngộ. Kẻ trung và hạ thì chưa rõ; liền vì đó mà nói ví dụ. Từ 3 trở về một, làm cho được lợi ích. Trước khi nói pháp liền lược bớt chỗ rộng, rồi khai 3 và hiển một. Sau đó trong khi nói thí dụ, lại lược bớt chỗ rộng để 3 ấy trở thành một. Trong phần Nhơn Duyên cũng dẫn 3 ấy trở về một. Nếu tạo thành 3 thí dụ, 6 thí dụ hay 10 thí dụ, thì đối với 3 ấy đều là câu văn chẳng hợp. Đối với bốn thì chỗ tín giải người ta xa lìa. Cho nên ở đây chẳng dùng đến. Nay làm rõ chỗ văn tụng nơi chương Thích Ca. Lớn lại chia làm hai. Đầu tiên từ „Kim ngã diệc như thị cho đến hai hàng kệ" lược tụng bên trên về quyền và thật. Vì kẻ bên dưới tổng dụ và lấy đó làm gốc. Phần thứ hai là từ „Ngã dĩ Phật nhãn quán kiến" trở đi có 41 hàng rưỡi thuộc về kệ. Bên trên tụng rộng về 6 nghĩa. Bên dưới thí dụ riêng biệt và lấy đó làm căn bản. Bây giờ nói tổng quát về tụng, tức là có 6 ý; được làm tổng dụ và có 6 nghĩa để tạo thành căn bản. Kệ nói rằng: „Ta nay cũng như vậy". Ta đây chính là Đức Thích Ca; tức là một hóa chủ. Phía dưới lại có dụ cho Trưởng Giả và lấy đây làm gốc. An ổn ấy, chính là Đại Niết Bàn, thường lạc trụ xứ. Xứ nầy tịch tĩnh; chẳng có những chướng nạn của ngũ trược; cho nên gọi là an ổn. An ổn đây tức là đối lại với việc chẳng an ổn. Chẳng an ổn ấy chính là chỗ sanh tử hành hóa trong 3 cõi. Ba cõi ấy lại có những chướng của ngũ trược; nên nói là chẳng an ổn. Tức là phía dưới giống như nhà lửa. Chúng sanh tức là việc đi đầu thai nơi 5 đường. Phía dưới có 500 người ấy

lấy đây làm thí dụ căn bản. Lại nữa an ổn tức là pháp an ổn, lại đối với pháp chẳng an ổn. Pháp chẳng an ổn tức là pháp của ngũ trược vậy. Phía bên dưới lửa đốt cháy là dụ cho việc căn bản nầy. Đủ loại pháp môn tức là đối với việc chẳng có nhiều loại. Bên dưới chỉ có một pháp môn là dụ cho việc làm căn bản nầy. Rõ biết tánh dục của chúng sanh tức là căn tánh của 5 đường chúng sanh, có 3 Thừa sai biệt. Vì bên dưới mà 30 người con dụ cho việc làm căn bản nầy. Hướng thượng tức là lược tụng; hướng hạ nghĩa là tổng nói về các dụ căn bản. Căn bản ấy chưa chỉnh lại nghĩa đầy đủ. Trong thí dụ ấy lại dẫn thượng và chứng hạ v.v…

Từ „Tụng rộng 6 nghĩa bên trên"; phân chia câu văn ra làm 4. Tạo ra bên dưới thí dụ căn bản riêng biệt. Đầu tiên từ „Ngã dĩ Phật nhãn quán đến 4 hàng" tụng rộng bên trên về 5 trược và bên dưới vì thấy lửa, là thí dụ căn bản. Hai là từ „Ngã thỉ tọa đạo tràng cho đến 17 hàng rưỡi", phần tụng rộng bên trên là đối với một và khai ba và vì bên dưới lấy lớn thí cho nhỏ, dụ cho việc làm căn bản nầy. Ba là từ „Ngã kiến Phật Tử đẳng gồm 6 hàng", phần tụng rộng bên trên là hiển thật. Phần bên dưới là việc cho xe lớn, dụ cho việc căn bản nầy. Bốn là từ „Như tam thế chư Phật đến 5 hàng rưỡi" bên trên rộng tụng và tán thán về pháp hy hữu. Kế đến có hai hàng rưỡi, phần chính bên trên tụng về bất hư; kế tiếp có 6 hàng bên trên tụng về lòng tin đôn hậu. Ba ý nầy hợp lại và vì bên dưới làm thí dụ căn bản cho việc bất hư. Vì bên dưới bất hư mà dụ cho việc làm căn bản nầy. Đại khái như việc nầy, còn việc chi tiết liền khai mở. Đầu

tiên tụng về 5 trược, trong đó có 3 ý. Phần đầu có nửa hàng và một chữ, làm rõ chỗ thấy của Phật qua sự quan sát của mắt. Về sau vị Trưởng Giả có thể thấy thí dụ nầy là chỗ làm căn bản. Kế đến từ „lục đạo chúng sanh" trở đi có 2 hàng 3 câu 4 chữ, làm rõ chỗ thấy về 5 trược. Vì chỗ thấy sau ấy nơi lửa, dụ cho việc làm căn bản nầy.

Kế đến là vì chúng sanh trở đi, phần thứ 3 có nửa hàng, làm rõ chỗ khởi tâm đại bi. Về sau Trưởng Giả sợ vào nhà lửa dụ cho việc làm căn bản nầy. Hai là „Ngã thỉ tọa" trở đi nếu tụng để khai, thì điều thứ 3 là khai cái ý của hai. Đầu tiên có 6 hàng rưỡi, nhớ nghĩ dùng đến sự biến hóa của Đại Thừa, liền chẳng được. Vì bên dưới thân hình, tay chân có sức mạnh, mà chẳng dùng đến việc lớn là dụ cho việc làm nầy. Kế tiếp là „Tâm niệm quá khứ có 11 hàng"; niệm ấy cùng với chư Phật và hóa ra 3 Thừa. Vì về sau mà chế ra 3 xe để cho, lấy ví dụ nhỏ nầy làm căn bản. Ba việc tụng nầy ở trên là hiển ra sự thật; lại khai ra 4 ý. Đầu tiên từ „Xá Lợi Phật đương tri ngã kiến Phật Tử" trở đi hai hàng làm rõ căn cơ Đại Thừa tác động và vì về sau được xe là dụ cho việc làm căn bản nầy. Kế tiếp „ngã tức tác" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng và 1 câu, làm rõ chỗ hoan hỷ của Phật. Về sau thấy con không còn khó khăn nữa, dụ cho việc làm căn bản nầy. Kế đến từ „Ư chư Bồ Tát" trở đi; phần thứ 3 có 3 câu chính dùng để hiển thật. Vì sau đó chỉ cho một xe lớn, dụ cho việc làm căn bản nầy. Kế đến „Bồ Tát văn thị" trở đi gồm phần thứ 4, một hàng là làm rõ chỗ thọ lãnh việc làm và ngộ, nhập. Về sau những người con đều được một xe lớn vui vẻ, dụ cho việc làm căn bản nầy. Tụng

bên trên về bất hư cho đến bên dưới chẳng hư là dụ cho việc làm căn bản nầy, chẳng luận về việc mở bày vậy. Lại có một lúc khai mở phần lớn ấy ra làm 3 thí dụ. Đầu tiên „Kim ngã diệc như thị" gồm 2 hàng, hợp lại chẳng lìa. Vì bên dưới tổng nói thí dụ làm căn bản. Hai là từ „Ngã dĩ Phật nhãn quán trở đi" là lìa mà chẳng hợp. Bên dưới lấy biệt dụ làm căn bản. Ba là bất hư ấy dụ cho sự chẳng lìa, chẳng hợp. Vì bất hư ấy dụ cho việc làm căn bản nầy. Nếu dùng bản trên và lược bớt ở dưới, rộng tụng làm hai. Tức là trải qua 3 lần và ở nơi tín giải. Văn ấy và nghĩa, tất cả đều chẳng khuyết. Nếu tụng rộng ra thì phải khai 4 ý và tụng 4 nghĩa bên trên. Vì bên dưới lấy 4 thí dụ làm căn bản. Điều nầy lại đầy đủ cả 3 và trong văn tín giải chẳng thiếu. Nếu vì con mà khai mở thì phần tụng về ngũ trược lại chia làm 3. Trong đó khai tụng phương tiện lại chia làm 2. Khai tụng hiển thật lại chia làm 4. Trong bất hư lại có một, hợp thành 10 ý, tạo cho bên dưới làm 10 thí dụ căn bản. 10 ý nầy lại ở nơi pháp, dụ cho 2 đều tròn đủ. Tín giải cùng nhơn duyên. Văn nầy lại thiếu. Cho nên tạo ra 3 phần trong chương khai mở bên trên để làm căn bản cho phía dưới. Chẳng phải là chẳng nơi chốn tạo ra đầy đủ. Phần đầu tụng lược có một hàng. Phần tụng bên trên là hiển thật và một hàng sau đó, tụng bên trên là khai về quyền. Câu văn nầy muốn đầy đủ thì phải tụng 4 câu, một hàng. „Ta nay lại cũng như vậy; giống như nơi chư Phật và cùng một việc thật, để giáo hóa chúng sanh". Đây chính là tổng tụng và hiển thật vậy.

An ổn ở đây chính là Niết Bàn mật tạng, là nơi chốn an ổn. Phật tự tại trong ấy và lại an trí chúng sanh nhập

vào tạng bí mật ấy. An ổn xứ tức là tụng về cái lý thứ nhất. Chúng sanh đây tức là tụng về người, thứ nhất. Đủ loại pháp môn nhập vào Phật đạo, tức là tụng về cái hạnh thứ nhất. Tuyên nói chỉ bày, tức là lời dạy thứ nhất. Trí huệ lực ở đây tức là nói về quyền lực của trí huệ vậy. Trí chúng sanh tánh dục nghĩa là rành rẽ căn cơ Tiểu Thừa. Phương tiện nói các pháp nghĩa là chính thức thí về quyền vậy. Đều làm cho hoan hỷ nghĩa là tùy nghi xưng tụng theo căn cơ vậy. Tất cả đều làm cho được hoan hỷ nghĩa là tùy nghi theo căn cơ. Hai là kệ tuy lược thu nhưng Phật hóa thành một. Khai quyền hiển thật, nguyên thỉ đến cuối, quyết chẳng có cái tận cùng. Cho nên gọi là lược tụng và vì bên dưới mà tổng nói về những thí dụ căn bản. Hai là từ „Ta dùng Phật nhãn để quan sát trở đi" có 41 hàng rưỡi, rộng tụng 6 nghĩa bên trên. Ngày xưa dùng sau cùng 7 hàng. Đây chính là pháp nói phần lưu thông, ngày nay chẳng dùng nữa, mà chỉ tụng để tán thán pháp đôn hậu, tin tưởng kia. Đầu tiên 4 hàng là tụng bên trên về ngũ trược và khai mở ra làm 3. Kế đến 27 hàng rưỡi là tụng để thí cho phương tiện nhằm giáo hóa. Lần lượt tiếp đó 36 hàng tụng bên trên dùng để hiển thật. Rồi 45 hàng rưỡi, phần tụng bên trên nhằm tán thán pháp hy hữu. Tuy chương Thích Ca không có và chỉ có nơi chương của chư Phật. Kế tiếp 52 hàng rưỡi phần tụng bên trên về bất hư, lần lượt 66 hàng, tụng bên trên về lòng tin đôn hậu. 4 hàng đầu tụng về ngũ trược. Câu văn bên trên có 4. Xướng lên số thí dụ gọi đây là „ra thể mà kết thích". Bây giờ lại tụng số, gọi thể nầy có 3. Bên trên nói là 5 trược; cho nên nói ba. Bây

giờ nói 5 trược cho nên xuất thế; căn bản của xuất thế ấy; nên nói là Đại. Chướng ấy chẳng rộng ra, nên phía trước nói là Tiểu. Điều nầy lại chia ra làm 3. Đầu tiên là 11 chữ, làm rõ cho việc Phật có thể dùng mắt để thấy. Kế tiếp phần thứ hai là 6 đường gồm 2 hàng 3 câu và 4 chữ, làm rõ chỗ thấy ngũ trược. Phần thứ 3 là từ chúng sanh trở đi có nửa hàng, làm rõ chỗ khởi tâm đại bi ứng phó. 11 chữ đầu là „ta dùng Phật nhãn để thấy" và câu văn ở dưới nói rằng: Trưởng Giả đứng ở ngoài cửa tức là xem bên dưới và chứng bên trên, rõ biết pháp thân Phật ở đây, dùng mắt Phật thường tịch, chiếu khắp quần cơ. Nếu mà căn tánh lợi, uế trược nhẹ thì dùng hình tượng của Lô Xá Na để thuyết pháp Nhứt Thừa. Nếu căn tánh độn và uế trược nặng thì dùng tượng Tỳ kheo già bằng Anh Lạc sợ vào trong nhà lửa và vì phương tiện khai ra làm 3. Chỉ tùy theo từng căn cơ; cho nên nói: Ta dùng Phật nhãn để thấy. Nếu quán sắc pháp thì nên dùng Thiên nhãn. Nếu phân biệt căn cơ thì nên dùng pháp nhãn.

Vì sao lại nói dùng Phật nhãn để thấy vậy? Vì Phật nhãn đầy đủ cả cao và thấp. Lại nữa 4 mắt nhập vào Phật nhãn; nên tất cả đều gọi là mắt Phật v.v…

Từ „Lục đạo chúng sanh" trở đi phần thứ hai có 2 hàng 3 câu và 4 chữ, làm rõ chỗ thấy về ngũ trược, bần cùng chẳng có phước huệ gồm nửa hàng. Tụng về trược của chúng sanh, nhập vào con đường nguy hiểm của sanh tử, luôn luôn khổ ấy chẳng dứt. Tụng đây về mệnh trược, đắm nhiễm sâu xa về ngũ dục có một hàng. Tụng

về phiền não trược, chẳng cầu thế lực mạnh của Phật cùng với sự đoạn trừ những pháp khổ. Đây tụng về kiếp trược, thâm nhập vào những tà kiến, dùng khổ dục để xả bỏ khổ. Đây tụng về kiến trược; hay nói 5 loại lửa đốt cháy thân. Muốn xả bỏ quả khổ, liền bị khổ báo. Hoặc nói về những việc thấy tức là thọ thọ; tức là khổ vậy. Hành ở đây là cái nhơn của khổ muốn xả bỏ khổ; há có thể được chăng?

Phổ Diệu nói rằng: Từ 5 đường mà đến, mà người ngũ giới già Thập Thiện thì sanh Thiên. Xan tham thì đọa vào ngạ quỷ. Bỏn xẻn thì đọa vào súc sanh; làm 10 điều ác thì đọa vào địa ngục. Nếu chẳng phải nơi ngũ thú, ngũ ấm, lục ai tức là Nê Hoàn (Niết Bàn). Chẳng có nơi nào sống chết và chẳng trụ ở nơi Niết Bàn thì liền thọ nhận khổ cực hình. Tỳ Đàm Tỳ Bà Sa quyển thứ 7 nói rằng: Đầu tiên khi con người mới sanh vào đó liền nhớ lại rằng: Ngày xưa nghe các vị Sa Môn nói rằng: Tham dục là địa ngục quá ác, là nơi đáng sợ. Ta xưa chẳng từ bỏ tham dục, nay mới thọ sự khổ não nầy. Đây chính là cái nhơn do tham dục mà vào địa ngục. Lại nói rằng: 5 đường, mỗi mỗi đều tự có các pháp như vậy. Địa ngục làm cho xa lìa rồi trở lại. Súc sanh hay bay trên hư không. Khi thí cho ngạ quỷ ăn thì hay đến nơi loài người. Con người lại có dũng kiện niệm lực phạm hạnh. Dũng kiện ấy là chẳng thấy quả mà hay rộng tu nhơn. Còn niệm lực ấy là nhờ chỗ tạo ra cái nhân trước; nhờ đó có thể nhớ lại.

Phạm hạnh có nghĩa là hay được giải thoát, đạt được từng phần và được chánh quyết định. Trong cõi trời lại có sự tự nhiên tùy ý thuận theo, liền được v.v… Trong địa ngục thành tựu Tha Hóa Tự Tại Thiên, phiền não nghiệp và thiện nghiệp, mà chẳng hiện ra việc làm trước. Bên trên, bên dưới, ở giữa đều có thể rõ biết. Địa ngục ở đây tiếng Phạn gọi là Nê Lê; chẳng có lời xin; chẳng có niềm vui. Không khí vị, không vui, chẳng có lợi; cho nên nói là vô hữu. Hoặc nói ti hạ; hay gọi là đọa lạc. Trung ấm mai một rồi, các căn đều hủy hoại; hoặc nói vô đây có nghĩa là chẳng có nơi chốn. Ngục tốt biến hóa làm cho thấy chúng sanh quá nhiều. Đầu tiên tội nhơn bị cột trói và dẫn đến Diêm Vương, khi chúng sanh ấy, nếu thọ khổ thì chẳng kể xiết chúng sanh. Như đây giải là đầu tiên đều nói thật. Nếu thọ khổ bịnh thì nghe chẳng thể phân biệt. Súc sanh thì nằm ngang (xương sống); cho nên gọi là súc sanh. Lại nữa súc sanh còn gọi là biên hữu. Biên hữu ấy ở trong 5 đường. Cõi Tứ Thiền và cõi trời thứ 33 đều là hữu, mà ở trên trời cõi ngựa là do phước nghiệp tạo ra vậy, lại chẳng đếm xiết số chúng sanh ấy. Súc sanh còn gọi là manh minh. Manh minh nghĩa là nhiều vô minh; cho nên gọi là súc sanh. Kiếp sơ thì hay giải rõ lời thánh; nhưng sau đó thì ăn uống khác đi. Tâm đốt cháy lời nói hay ngược lại. Hoặc chẳng có thể nói.

Quỷ tiếng Phạn gọi là Xà Lê Đa, hay gọi là Tổ Phụ. Đầu tiên chúng sanh sanh vào đường ấy, gọi là Tổ Phụ. Sau đó sanh lại, cũng gọi là Tổ Phụ. Lại keo kiệt tham lam; nên bị đọa vào chốn nầy. Nơi nầy đói khát nhiều;

cho nên có tên là ngạ quỷ. Lại bị Thiên Lôi sai biểu, hy vọng có đồ ăn uống; cho nên có tên là ngạ quỷ.

Con người tiếng Phạn gọi là Ma Thố Xà. Đây nói đại ý rằng: Xưa kia Đảnh Sanh Vương đầu tiên hóa hiện và tạo ra các việc làm. Hay lành suy nghĩ, lành so lường và lành nhớ nghĩ. Cho nên có tên là con người, nhằm ở ý nầy. Lại nữa con người hay thở, hay tu ở đường đạo và đạt được từng phần. Lại nói con người nghĩa là Mạn. Trong 5 đường, có nhiều mạn; cho nên gọi là nhơn thú.

A Tu La – Tu La là tên của vị Trời. A được gọi là chẳng. Chẳng phải là Trời; nên gọi là A Tu La. Tu La cũng có tên là Đoan Chánh. Kia chẳng đoan chánh cho nên gọi là A Tu La. Tu La gọi là rượu. A nói là không. Kia không say; cho nên nói là A Tu La.

Thiên đây có nghĩa là Thiên nhiên, hơn cả tự nhiên, lạc thân, thắng thân; cho nên cõi trời cũng gọi là Thắng. Tất cả mọi việc đều dư dã; thường dùng ánh sáng để tự soi sáng; cho nên gọi là Trời. Lại nữa Trời cũng là Thiên Nhiên, Tự Nhiên. Trong A Hàm nói rằng: Chúng sanh là giả danh; giới ấy là pháp. Ngũ thú chúng sanh cùng với pháp giới hòa hợp. Lúc chúng sanh nếu có tâm làm việc chẳng lành cùng với cảnh giới chẳng thiện đầy đủ. Lúc hành tâm lành cùng với cảnh giới lành đầy đủ và khi việc làm của tâm hơn hẳn với cảnh giới hơn hẳn đầy đủ thì lúc tâm làm việc kia cùng với cảnh giới kia đầy đủ. Do vậy Tỳ Kheo hay học nơi các cảnh giới lành. Phía trước chính là nhơn duyên giải thích về sáu chốn. Sau đó dùng

sự quán tâm giống nhau để giải thích về sáu cõi. Đó chính là chúng sanh vậy.

Phần thứ 3 có nửa hàng, làm rõ chỗ khởi tấm lòng từ, mà khi khởi tâm đại bi, như bên trên có thể thấy. Kế đến làm rõ chỗ thấy và bây giờ làm rõ tâm nung nấu lòng đại bi ấy để vào trong 3 cõi; cho nên mới tạo ra phương tiện dẫn dắt cho vào trí huệ của Phật.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú
Hết quyển 4 (Phần dưới)

Dịch xong đoạn trên vào ngày 19 tháng 5 năm 2010
tại Chùa Hải Đức vùng Jacksonville,
Tiểu Bang Florida, Hoa Kỳ

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 5
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 19.05.2010 tại Chùa Hải Đức vùng Jacksonville, Tiểu Bang Florida - Hoa Kỳ.

Từ „Ngã thỉ tọa đạo tràng" trở đi, phần thứ hai có 17 hàng rưỡi. Tụng về việc thí phương tiện để giáo hóa. Điều nầy lại có 2. Sáu hàng rưỡi đầu làm rõ chỗ công dụng của sự nhớ nghĩ về Đại Thừa; nghi ngờ chẳng được. Kế đến là tìm đến sự nhớ nghĩ. Phần thứ 2 có 11 hàng, làm rõ chỗ nhớ nghĩ cùng với chư Phật dùng Tam Thừa để hóa độ nên gọi là tuyên khả đắc. Tựu chung cái niệm đầu tiên ấy dùng đại hóa. Ở đây lại chia ra làm ba. Một hàng rưỡi đầu làm rõ chỗ dùng vào việc nghi lớn. Kế đến là chúng sanh.

Phần hai có 3 hàng làm rõ chỗ chúng sanh không có cơ duyên. Kế đến phần thứ 3 có 2 hàng. Làm rõ chỗ nhớ nghĩ về hơi thở về chỗ hóa hiện to lớn ấy. Bắt đầu ngồi nơi đạo tràng cho đến cái lý không thời gian và thời gian giả hóa ra vật ấy. Vì sự biến hóa ban sơ ấy; cho nên gọi là bắt đầu.

Chữ sự ấy giải thích rằng: Đầu tiên ở tại nơi nầy, tu giữ được đạo; cho nên nói là đạo tràng. Ngồi nơi dưới gốc cây được Bồ Đề; cho nên gọi là Đạo Thọ. Cảm thọ ân đức ấy cho nên nói là quan sát. Nhớ nghĩ cái đức nơi đất ấy nên đi kinh hành. Lúc thành đạo rồi, muốn nói pháp lớn cho chúng sanh nghe. Quán Tâm giải thích rằng: Cây ấy chính là cây lớn của 12 nhơn duyên. Sâu

quán duyên khởi và tự được giác ngộ. Muốn dùng pháp vô lậu, cây rừng che tàng, làm lợi ích chúng sanh; cho nên nói rằng: Quán thọ kinh hành. Kinh Đại Thừa phẩm thứ 37 nói về pháp hành đạo nầy. Tự dùng phẩm đạo ấy che đậy tất cả đất để được thành Phật đạo, muốn dùng pháp nầy để hóa độ chúng sanh; do vậy khởi lên chỗ đi. Còn cây với đất thì chẳng có phân biệt, há phải tu báo ân.

Kinh Vị Tằng Hữu nói rằng: Chỉ dùng sự thông hóa để chuyển pháp; nên gọi là báo ân.

Kinh quá khứ nhơn quả nói rằng: Phật thành đạo, sau 7 ngày đầu suy nghĩ rằng pháp của ta rất sâu vi diệu, chẳng ai có thể thọ nhận được; đến 14 ngày sau suy nghĩ chúng sanh có căn tánh cao, thấp và vừa. Tuần lễ thứ 3 suy nghĩ về việc ai là người sẽ nghe được pháp trước; liền đến Ba La Nại để độ cho 5 người và nói pháp Tứ Đế. Trần Như được pháp nhãn thanh tịnh. Ác Bệ, Bạc Đề, Thập Lực Ca Diếp, Ma Ha Nam Câu Lợi chưa được đạo. Nên Phật nói Tứ Đế một lần nữa, khiến cho 4 người nầy được pháp nhãn thanh tịnh. Phật lại nói về ngũ ấm vô thường, khổ, không và vô ngã. 5 người nầy chứng được A La Hán. Phật là Phật Bảo. Tứ Đế ấy chính là Pháp Bảo. 5 người và Phật ấy là 6 vị A La Hán. Những vị nầy là Tăng Bảo.

Tiểu Vân giải thích rằng: Tuần lễ thứ 3 thì nói kinh Pháp Hoa. Câu văn khác thì nói thời; Túc Vương Hoa Trí Phật ở tại dưới cây Bồ Đề thất bảo nói kinh Pháp Hoa. Do vậy nên biết rằng nay Phật ở tại dưới cây Bồ Đề nói kinh

Pháp Hoa, mà những chúng sanh độn căn thì chẳng thâm nhập được. Đều cùng với chư Phật khai mở ra 3 (thừa) để giáo hóa. Sau đó nơi Vương thành chỉ nói một thừa. Nếu mà người trí rõ được ý nầy tức là trước tiên ở dưới cội Bồ Đề dùng trí huệ Phật để nói. Rồi sau đó ở những nơi khác, nói về trí huệ của Phật. Cũng giống như ngày nay Phật trước nói Hoa Nghiêm và sau đó nói Pháp Hoa. Cho nên câu văn nói rằng: Đầu tiên thấy thân ta và nghe ta thuyết pháp, rồi nhập vào trí huệ của Như Lai. Trừ ra những kẻ trước tu tập và học theo Tiểu Thừa, mà bây giờ lại làm cho vào trí huệ của Như Lai là cùng với nghĩa nầy giống nhau.

Năm vị Tỳ Kheo ấy là những người nữ nghe Tiên Nhơn thuyết pháp. Ác Sanh Vương sân hại hai cánh tay, lỗ tai, lỗ mũi và máu biến thành sữa. Ác Sanh Vương đó là Câu Lân Thị. Tiên Nhơn ấy là Phật. Phật thệ nguyện làm cho được cam lồ. Làm cho nghe được pháp âm đầu tiên vậy.

Hỏi: Vì sao mà chuyển pháp luân đầu tiên cho 5 người nầy?

Đáp: Người đầu tiên thấy được chân lý vậy.

Người là hiện tại được thấy; người vì đó mà chứng. Phật chỗ thực hành sự nghiệp cùng với người giống nhau. Chư thiên từ người mà được thiện lợi. Người lại có 4 chúng. Luân Vương ra đời nghe đến Tha Hóa Tự Tại. Kiều Trần Như được đạo nghe đến Phạm Thiên. Phật được đạo, nghe đến Thủ Đà Hội.

Vì sao vậy?

Đáp: Nghiệp lành được gọi là dự nghiệp, xưng tán cha mẹ, Thầy Tổ nghiệp, có trên, giữa và dưới; cho nên là vậy. Nếu làm cho cõi Hữu Đảnh có tai và sự nghe, thì âm thanh của Phật lại có thể đến nơi kia. Luân Vương thực hành 10 điều lành; nên lành sanh vào cõi trời Dục. Cõi trời Dục vui với ta làm quyến thuộc tăng trưởng. Trần Như lìa dục; cho nên tối phạm hạnh. Phật là bậc tối thắng cho đến Ni Tác v.v…

Nếu nương vào Đại Thừa thì cho rằng: Khi Phật đắc đạo, âm thanh ấy biến khắp trăm ức Ni Tác. Lại cũng biến khắp 10 phương vô lượng vô biên thế giới Ni Tác v.v…

Sơ chuyển pháp luân xứ, tức là dưới cội Bồ Đề. Đầu tiên ở cõi Trời Đao Lợi giáng xuống, cùng Đại Thần biến xứ. Bốn nơi nầy tất cả là chỗ định của chư Phật. Ngoài ra những nơi khác thì không định. Lại nữa trừ chuyển pháp luân một nơi, là do 3 nơi nầy quyết định.

21 ngày theo xưa nói là để suy nghĩ về giáo lý, lại nói là để khuyến huấn. Diêu Sư nói việc nầy thật sâu xa. Cho nên các bậc Thánh hay tư duy và sau đó mới thực hành. Bảy ngày đầu tiên Phật suy nghĩ và trí ấy vi diệu. Thất thứ 2 suy nghĩ về căn tánh của chúng sanh chẳng giống nhau. Thất thứ 3 suy nghĩ về thuốc pháp có hàng vạn loại; tức là đưa ra những câu kệ tu chứng.

„Ta được trí tuệ vi diệu thứ nhất, chúng sanh các căn trì trệ, làm sao có thể độ được". Nay làm rõ chỗ

pháp thân Phật, đất đai nhuần nhuyễn mà thường chiếu sáng, hay dùng Phật nhãn để quan sát, chẳng ngằn mé. Há từ đầu cho đến Đạo Tràng còn lưu lại trong 21 ngày ấy; nên mới suy nghĩ về việc nầy. Nói 21 là làm rõ chỗ biểu hiện ấy. Sự biểu hiện nơi Phật là 3 lần thuyết pháp; giả nói là 3 lần 7. Thất đầu tiên suy nghĩ về sự thuyết pháp. Thất kế tiếp nói thí dụ và thất sau nói về nhơn duyên. Tất cả nếu chẳng có nhơn duyên, đều chẳng được. Cho nên dùng Đại để thí Tiểu vậy. Việc nầy là do Viên Giáo Đại Thừa giải thích. Nếu theo Thông (giáo) giải thích về Đại Thừa thì: Thất đầu tiên tư duy và muốn nói về Viên Giáo Đại Thừa. Thất kế tiếp suy nghĩ muốn nói về Biệt Giáo. Bảy ngày trong tuần thứ ba suy nghĩ muốn nói về Thông Giáo Đại Thừa. Tất cả đều chẳng hợp căn cơ nên chẳng được. Cho nên liền nói về Tam Tạng và Tam Thừa. Vì phương tiện mà giáo hóa vậy.

Quán Tâm giải thích rằng: Đầu tiên muốn quán về Trung Đạo. Trung Đạo thật khó quán; nên chẳng được. Kế đến muốn quán tức là giả. Tức giả quán phân biệt trí khó sanh; nên chẳng được. Sau đó muốn quán về không. Tức không ấy là xảo để độ; lại cũng chẳng thể được; rồi quán về phương tiện, bẻ gãy pháp Tiểu quán vậy.

Từ „Chúng sanh các căn độn" trở đi phần 2 có 3 hàng làm rõ chỗ không có cơ duyên; lại chia ra làm 3. Nửa hàng đầu tiên làm rõ chỗ chướng sâu. Kế đến làm rõ hơn gồm 2 hàng rưỡi, làm rõ chỗ chẳng thể nghe sâu xa.

Từ „Lúc bấy giờ Phạm Vương" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng, làm rõ những phạm hạnh chỉ thưa thỉnh để nói

pháp lớn; nhưng Đức Phật rõ biết không có nhân duyên; cho nên chẳng nói.

„Ta liền tự suy nghĩ" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng, làm rõ chỗ nhớ nghĩ đến chỗ muốn hóa độ. Lại chia ra làm 2. Một hàng rưỡi đầu làm rõ chỗ không có cơ duyên, mạnh nói chỗ nghe tức là có sự tổn hại, mất mát. Nửa hàng sau chính thức làm rõ chỗ giáo hóa.

Từ „Tìm sự nhớ nghĩ về quá khứ, Đức Phật"; phần 2 có 11 hàng. Phần tụng bên trên đối với một Phật Thừa, phương tiện nói thành 3. Cuối cùng thì điều nầy chia ra làm 2. Mười hàng đầu chính thức làm rõ chỗ hóa độ được. Sau đó một hàng giải thích về chỗ nghi. Phía trước 10 hàng ấy lại có 4. Hàng đầu tiên làm rõ chỗ Tam Thừa. Kế đến tạo ra sự suy nghĩ. Phần thứ hai gồm 6 hàng rưỡi làm rõ chỗ những người có căn cơ. Kế đến suy nghĩ. Phần thứ 3 có một hàng rưỡi làm sáng tỏ chỗ bố thí giáo hóa. Kế đến là tên gọi. Phần thứ 4 có một hàng làm rõ chỗ thọ nhận chỗ ngộ nhận.

Tầm niệm nghĩa là niệm kia chẳng là căn cơ lớn, chẳng dung nạp, vĩnh viễn xa lìa việc dùng phương tiện để nhuần khắp. Chẳng phải cả hai, chẳng rõ biết khai 3. Muốn dẫn chứng cùng với chư Phật; cho nên nói là tầm niệm. Từ chỗ suy nghĩ ấy trở đi; phần thứ 2 có 6 hàng rưỡi làm rõ chỗ căn cơ nhỏ. Điều nầy lại chia ra làm 2. Bốn hàng rưỡi đầu tiên làm rõ chỗ chư Phật tán thán hoan hỷ. Hai hàng sau đó làm rõ chỗ Thích Ca tùy thuận. Bên trên muốn giáo hóa việc lớn, đối với việc kia không có cơ duyên; cho nên chư Phật chẳng ca ngợi. Nay muốn

nói Tiểu là hợp với căn duyên, tức là trước sau đều được độ. Cho nên Phật ca ngợi vậy. Ban đầu sự tán thán của Phật được chia ra làm 5.

Ba câu đầu Đức Thích Ca tự sánh với chư Phật trong hiện tại. Phật hiện đây chính là do niệm Phật phương tiện và lực ấy liền hiện. Hiện là do muốn pháp đầy đủ cơ duyên 2 nghĩa; cho nên Phật hiện.

Từ chỗ „lành thay" phần thứ 2 có một hàng và một câu làm rõ chỗ chư Phật chính thức ca ngợi Đức Thích Ca, có thể an ổn nơi thật và giả định nơi quyền. Cho nên nói là lành thay. Vì một mà nói làm 3 để dẫn nhập vào trí huệ Phật. Tức là đệ nhứt Đạo Sư, được pháp vô thượng vậy. Tức là được thật trí vi diệu đệ nhứt mà dùng phương tiện lực để tùy theo tất cả chư Phật, ẩn thật và dụng quyền.

Từ „Ngã đẳng diệc giai đắc" trở đi; phần thứ 3 có một hàng làm rõ chỗ chư Phật lại cũng ẩn thật và dùng đến quyền như câu văn.

Từ „Thiểu trí lạc tiểu pháp" trở đi; phần thứ tư một hàng đôi, giải thích về 2 nghĩa. Vì chúng sanh trí nhỏ chẳng thể nghe được việc lớn; cho nên giấu đi sự thật; lại vui với việc nhỏ cho nên thí cho quyền.

Từ „Duy phục thuyết tam" trở đi; phần thứ 5 gồm nửa hàng đôi, kết lại hai nghĩa. Tuy lại nói ba lần; nhưng cuối cùng lại hiển thật.

Từ „Xá Lợi Phất đương tri" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng làm rõ chỗ Đức Thích Ca tùy thuận, liền nghe chư

Phật ca ngợi và nói rằng: Nam Mô. Nam Mô ở đây nghĩa là cung kính, tin theo. Ở đây lại chia ra làm hai. Hàng đầu nói ra lời tùy thuận. Hàng sau nói về việc nhớ nghĩ thuận theo căn cơ của sự vật.

Từ „Tư duy thị sự" trở đi; phần thứ 3 gồm một hàng rưỡi chính thức làm rõ chỗ bố thí cho giáo pháp.

Từ „Chư Pháp tịch diệt tướng, bất khả dĩ ngôn tuyên" trở đi; tức là trước đó nói về Trung Đạo, cái lý của chủng tử Phật vô tánh. Lý nầy không cùng và lại chẳng thể nói hết. Nay dùng phương tiện để nói ra ba Thừa. Lại chẳng sanh chẳng diệt, mà dùng phương tiện để nói ra việc sanh diệt. Lại nữa cái lý đúng hay không cũng chẳng phải là chỗ để chỉ bày để nói. Vì là phương tiện cho nên nói ra tứ môn. Đầu tiên vì 5 người mà nói vô thường hữu môn.

Từ „Thị danh chuyển pháp luân" trở đi; phần thứ 4 một hàng thọ nhận việc thực hành và ngộ nhập. Chuyển tâm Phật và dùng pháp để hóa độ kẻ kia. Độ cho vào tâm kia, gọi đó là chuyển Pháp luân. Trần Như đầu tiên chứng được Kiến Đế, tức là đoạn Kiến Hoặc phần, chứng được Diệt Đế; lại là phần, được Hữu Dư Y Niết Bàn. Tiếng gọi là Niết Bàn khởi lên chính mình ở nơi nầy. Do đó mà thành Vô Học, cũng còn gọi là La Hán. Hay nói pháp ba Thừa gọi là Phật. Chỗ nói ba Thừa tức là pháp. Thấy được chân lý La Hán, gọi đó là Tăng. Đây là Tam Bảo hiện đời của thế gian.

Từ „Cửu viễn kiếp lai" trở đi; phần thứ 2 có một hàng, giải thích về chỗ nghi. Các vị Thầy nghi ngờ nói rằng: Phật đầu tiên chưa có thể rõ hết căn cơ, nhớ lại chư Phật, bắt đầu rõ biết căn tánh, liền giải thích rằng: Không phải ta chẳng rõ mà dùng nơi phương tiện; đặc biệt muốn dẫn dắt giống nhau, cho nên nhớ đến chư Phật. Chẳng phải bắt đầu niệm mới biết, mà từ những kiếp xa xôi đến nay, thấy vui với pháp nhỏ nầy, liền vì đó mà tán thán, chỉ bày và làm cho chúng sanh hết khổ. Cho nên khi nghe về Tiểu (Thừa) liền đó được giải thoát.

Nghi về Đệ Tử thì bảo rằng: Vì sao chúng sanh trong một đời mới nghe liền chứng được La Hán? Liền giải thích rằng: Từ chỗ kiếp lâu xa đến nay vì đây mà tán thán chỉ bày, xưng tụng nơi thói quen chính; cho nên liền được đạo.

Sách xưa nói rằng: Kệ nầy ý nghĩa thâm sâu vô cùng. Nay làm rõ chỗ ý bí mật để luận; hoặc là như đây? Làm rõ ràng cái ý, tức là chẳng phải tự nhiên. Sao lại làm rõ chỗ thọ lượng? Di Lặc bên trên chẳng rõ biết. Sao ở trong nầy có một câu kệ sâu xa? Nay lấy sự giải thích việc nghi ngờ ấy để làm mất câu văn kia đi.

Từ „Ngã kiến Phật Tử đẳng" trở đi; phần thứ 3 có 6 hàng, tụng bên trên để hiển thật. Câu văn đầy đủ là 41. Đầu tiên từ „Ngã kiến Phật Tử" trở đi; hai hàng, tụng về người là một. Tam Thừa hành nhơn đều là Phật Tử. Câu văn trên kiêm luôn cả 2 nầy.

Từ „Ngã tức tác thị niệm" trở đi; phần thứ 2 gồm một hàng, tụng về cái lý là một. Vì đó nói về trí huệ của Phật; tức là trên tất cả các trí, Phật tri kiến.

Từ „Xá Lợi Phất đương tri" trở đi; phần thứ 3 gồm 2 hàng tụng về giáo là một. Hay nói về đạo vô thượng; tức là sự dạy dỗ, chỉ bày là một.

Từ „Bồ Tát văn thị pháp" trở đi; phần thứ 4 gồm một hàng, tụng về sự thực hành thứ nhứt. Tất nhiên lại làm Phật. Đây là hạnh thực hành thứ nhứt.

Tựu chung câu văn nầy chia làm 4 ý. Hai hàng đầu làm rõ căn cơ Đại Thừa bộc phát. Cũng lại nói về cái quả. Kế tiếp 2 hàng gồm một câu làm rõ chỗ Phật hoan hỷ, vì chúng sanh được lợi ích nơi Đại Thừa. Kế tiếp 3 câu chính thức làm rõ chỗ hiển thật. Tiếp đến một hàng, thọ nhận việc làm ngộ nhập. Làm rõ lý do và căn cơ bộc phát; nên gọi là quả. Quả ấy là do nơi cơ duyên bộc phát. Ứng với điều nầy có 4 câu. Tự có chướng ngại, ngoại trừ cơ duyên chưa phát. Như các vị La Hán ở nơi Tam Tạng, hay dùng niềm vui nhỏ; cho nên trược chướng tuy trừ mà căn lớn lại trì trệ, căn lành chưa phát. Tự có căn lớn; nhưng chướng phát ra chưa trừ được. Như trong Pháp Hoa nói về những kẻ phàm phu. Tuy chưa đoạn trừ kết; nhưng dùng căn lành lớn lợi lạc; nên cơ duyên mới phát. Tự có chướng ngại, tức là ngoại trừ cơ duyên, liền tự phát. Như lúc nói về nghĩa vô lượng thì chứng được quả Nhị Thừa. Tức là ở nơi chỗ ngồi nầy cơ duyên to lớn đã phát ra. Chướng nạn tự có chưa trừ thì cơ duyên lớn chưa thể phát. Gồm cả thảy 5.000 thứ. Kẻ

có chí cầu Phật đạo tức là có ý lớn, chẳng cầu nơi quả nhỏ. Ở đây có 3 ý. Một là cơ duyên lớn ấy có cái nghĩa của sự cảm ứng về quả. Trong cơ duyên ấy có lý luận đầy đủ. Hai là trong tình ấy có sự mong cầu kín đáo. Vì đó mà được hay chẳng được tức là ở ý nầy. Ba là phát ngôn đầy đủ, tức là 3 lần thưa thỉnh đầy đủ. Ngày xưa trong lời dạy ấy có 2 sự mong muốn mà chưa nói thành lời; mãi cho đến ngày nay, đầy đủ cả 3 yếu tố nầy.

Hỏi: Ngày xưa ra khỏi nhà có 3 cách. Đây là cơ duyên, tình ý và sự đầy đủ. Câu văn ấy nói như chỗ đã hứa trước. Đây là mong cả 3, sao lại liên quan đến cầu một?

Đáp: Khi ra ngoài mà chẳng thấy, tức có chốn đi nơi khác. Xưa đã hứa cho 3, dùng sự mong cầu nầy để có ý khác. Đây chính là được ý đầy đủ thứ nhất. Hoặc dùng tâm cung kính, tất cả đều đến nơi ta. Một là bỏ nhỏ, ưa lớn. Căn cơ lớn ấy là cảm nơi Phật; cho nên nói rằng đến chỗ Phật. Bây giờ làm rõ chỗ những kẻ không có cơ duyên đến chỗ Phật, lại cũng dùng thân để đến. Như vô lượng nghĩa nói 4 chúng vây quanh chắp tay cung kính, tâm muốn nghe đầy đủ đạo. Gặp nơi các Đức Phật nghe phương tiện nói pháp. Ở trong nầy đầu tiên có những người chưa điều phục, thọ nhận thực hành Tam Tạng, lục độ cùng với Thông, Biệt và Tam Giáo phương tiện. Do sự điều phục nầy thuần thục, làm cho các chướng kia tiêu trừ và các cơ duyên bộc phát, mà cầu nên việc lớn.

Từ „Ngã tức tác thị niệm" trở đi; hai hàng một câu làm rõ chỗ nghiệp chướng tiêu trừ, Phật hoan hỷ Phật vì

đó mà ra khỏi Phật huệ. Ngày xưa chướng nặng chẳng có cơ duyên, chẳng được; nên liền nói Phật huệ. Ở giữa đó các chướng tuy có trừ mà lại chưa được nói. Nay cơ duyên đã phát chính thức nói đúng lúc. Ngày xưa chúng sanh căn cơ trì trệ, trí ít, hay sợ hãi và hủy báng Phật Pháp; nên bị đọa vào đường ác. Cho nên chưa đúng lúc để nói. Bây giờ căn tánh thuận lợi, ý chí to lớn, khi nghe tất liền tin hiểu; cho nên Phật hoan hỷ.

Vô úy nghĩa là chẳng sợ chấp vào nơi Tiểu để hủy báng Đại, khởi lên tội và bị đọa vào đường ác; cho nên nói là vô úy. Đối với Bồ Tát ở phần giữa và phần sau gồm 3 câu, chính thức hiển thật. Ngũ Thừa là từng đoạn, chẳng phải đi thẳng, Thông, biệt, biên, bạn chẳng phải đi thẳng. Nay tất cả xả bỏ biên khúc kia, hay nói ngay thẳng là một đạo.

Từ „Bồ Tát khai thị pháp" trở đi; gồm một hàng, làm sáng tỏ thọ nhận việc làm chỗ ngộ nhận. Lục độ thông qua hai Bồ Tát. Đầu tiên khi nghe nói lược về sự loạn động; ngày xưa chấp chặt cho đến nay thì nghi ngờ; nay tất cả đều trừ đi. Chẳng riêng Bồ Tát, Nhị Thừa cũng lại như thế. Khi nghe Thanh Văn tất cả đều muốn làm Phật. Ngày xưa dạy cho biết rằng chẳng nói Nhị Thừa muốn làm Phật; nay thực hành cùng thọ ký. Thọ ký há riêng của Nhị Thừa và trừ nghi há riêng của Bồ Tát. Tương tức tồn tại cả hai bổ sung cho nhau.

Hỏi: Bồ Tát sao còn nghi những gì?

Đáp: Trong Tam Tạng nói rằng: Tam Tăng chưa đoạn hoặc một đoạn, liền nhập vào chơn. Thông giáo nói Bồ Tát đoạn chánh lưu tập hết, liền thành Phật. Đầu tiên nghe nói lược qua và tất nhiên gọi đây là phương tiện. Xưa kia chơn ấy thành cũ và trí ấy an ổn tự tại. Lại nữa Tam Thừa đồng học một đạo, với ý gì lại có khác biệt. Nay nghe Pháp Hoa tảo trừ những nghi ngờ, không thể cho những mầm mống ấy còn cũa.

Từ „Như tam thế chư Phật" trở đi; phần thứ 4 có 5 hàng rưỡi, phần tụng bên trên tán thán pháp hy hữu ấy. Chẳng có việc chánh đáng nào mà lại thấp kém, chẳng hư dối và dùng thí dụ để làm căn bản. Tựu chung ở đây có 2 phần. Hàng đầu tụng phía bên trên như pháp vi diệu nầy. Diệu Pháp ấy chính là quyền và thật. Như ba đời chư Phật thường hay chỉ dẫn như chư Phật đã dùng đến quyền. Quyền ở đây chính là chỉ dẫn nghi thức về sự việc. Nói pháp không có phân biệt là hướng dẫn giống như chư Phật hiển bày sự thật. Sự thật ấy tức là ngôn ngữ của đạo dứt trừ, há còn lại nghi thức sao. Lại nữa quyền và thật gốc ấy vốn chẳng có sự phân biệt. Vì độn căn tiểu trí phân biệt về quyền và thật. Nay lại nơi ngộ và nhập. Một và ba thì chẳng phải hai, liền đó rõ biết Phật nói ba hay một chẳng phải là không phân biệt. Tất cả chư Phật đều như vậy, sao riêng nơi mình sao?

Từ „Chư Phật dữ xuất thế" trở đi; gồm 4 hàng rưỡi, lúc tụng bên trên được nói như vậy. Bên trên đưa ra hoa Ưu Đàm để tụng về việc nói lại của chư Phật cùng với việc xuất thế của 2 câu. Từ xa xưa kia đã có Phật ra đời.

Đây nói về cái khó của con người, làm cho việc ra đời có 2 câu. Ở đây nói về pháp khó, như ngày nay Phật ra đời, hơn 40 năm mới bắt đầu hiển bày sự chơn thật v.v…

Vô lượng vô số kiếp gồm 2 câu. Ở đây đưa ra việc nghe pháp là khó, như việc trôi nổi trong 5.000 năm. Phạn âm nơi tai mà bị vượt khỏi để đi nơi khác. Việc nghe ấy chẳng khó sao?

Người hay nghe pháp nầy gồm 2 câu, đưa ra việc tin tưởng, thọ nhận thật là khó. Tất cả chúng chỉ có Thân Tử (Xá Lợi Phất) là thành tựu như trước. Kẻ bậc trung và bậc hạ tuy có nghe đấy; nhưng chưa thể rõ biết. Đưa lên hoa Ưu Đàm thí dụ như bên trên có 4 cái khó. Hằng cùng nghe với nhau thì khó có cái gì là không thể giải được.

Từ „Nhữ đẳng vật hữu nghi" trở đi; phần thứ 5 có 2 hàng rưỡi. Phần tụng bên trên chẳng hư vọng lại chia làm 2. Một hàng rưỡi đầu tiên ấy chớ đối với người khả tín mà lại sanh ra nghi ngờ.

Kế đến từ „Nhữ đẳng Xá Lợi" trở đi; gồm một hàng; chớ đối với việc tin pháp mà khởi lên sự nghi ngờ.

Pháp Vương ấy là người làm vua nói chẳng có hai. Phật là vị pháp vương há lại dung chứa sự nói năng hư vọng. Phàm là phương tiện có thể là giả quyền. Chơn thật há là vọng chăng. Nghe Pháp Vương chớ có sanh nghi.

Từ „Nhữ đẳng Xá Lợi Phất" trở đi; gồm 7 hàng, chẳng tụng về lòng tin đôn hậu; đây chính là trong chương Thích Ca, khuyến khích lòng tin và hoằng truyền

kinh điển là ý nầy. Câu văn nầy lại chia ra làm hai. Đầu tiên 5 hàng rưỡi sự hoằng truyền kinh điển khiến cho việc làm nầy là nguyên nhân. Kế đến một hàng rưỡi lược nói về việc thọ ký. Hàng đầu tiên làm cho việc mến mộ cái quả nầy là nguyên nhân của việc làm, tất nhiên là việc hoằng truyền kinh điển.

40 năm hơn chứa nơi tâm Phật; người khác chẳng ai biết; nên gọi đây là bí. Một thừa đi thẳng ngay vào đạo để tổng nhiếp vạn loại; cho nên nói là tinh yếu.

Từ „Ngũ trược ác thế" trở đi; gồm một hàng, giải thích sự bí mật, tinh yếu, làm sáng tỏ cái nghiệp chướng nặng nề của con người và rốt cuộc chẳng thể rõ hết. Do vậy khiến cho Như Lai bí mật, chẳng tuyên nói lời vọng.

Từ „Đương lai thế" trở đi; gồm 2 hàng, làm rõ chỗ cái thể của việc hoằng truyền kinh điển. Hàng đầu làm rõ chỗ chẳng lành của con người, chớ vì đó mà nói. Sau đó làm rõ chỗ người lành thì nên vì đó mà nói.

Từ „Xá Lợi Phất" trở đi; gồm một hàng rưỡi, 2 câu kết có 2 nghĩa. Hàng đầu kết về bí yếu. Làm sáng tỏ pháp nầy như trước dùng vạn ức phương tiện, sau đó mới chỉ cho sự chơn thật. Nửa hàng sau là kết lại phần hoằng truyền cái thể của kinh. Điều nầy chẳng thể do sự học tập mà chẳng thể liễu giải điều nầy được. Kết luận chánh về kẻ chẳng lành thì chớ nên nói. Cả đối với việc học tập, tức là hay rõ biết. Đây lại có thể nói được.

Từ „Nhữ đẳng khải dĩ tri" trở đi; một hàng rưỡi lược nói về việc thọ ký. Bên trên làm rõ 3 câu; luận về việc có

thể liễu giải nầy. Trong ấy một câu làm rõ chỗ không hoặc. Bên dưới nữa bài kệ làm rõ được sự thọ ký nầy, liền có sự giải rõ, không có nghi hoặc. Ngay đấy nên hoan hỷ làm Phật. Trong nầy việc thọ ký khai mở bên dưới với Thân Tử được thọ ký làm căn bản. Trong đây sự hoằng truyền kinh điển khai mở cho đến bên dưới mệnh lệnh cho Thân Tử phần lưu thông tạo ra căn bản.

Cái ý cũ như việc nầy, nay làm sáng tỏ từ „ngũ trược trở đi" phần thứ 6 có 6 hàng, tụng bên trên, giảng lược việc tin tưởng đôn hậu của mọi người. Phía bên trên có 4 câu văn nầy. Gần mà chẳng tụng. Lại chia làm hai. Ba hàng đầu tụng về sự giảng lược của chúng. Kế đến 3 hàng sau tụng về sự tin tưởng đôn hậu. Ngũ trược gồm một hàng. Tụng bên trên giảng lược, chẳng phải là Đệ Tử Phật. Người nào nếu vui về cái dục ấy thì việc làm của ma nghiệp. Cho nên đủ sự giảng lược. Câu văn bên trên duyên vào Niết Bàn, hẳn chẳng phải là Phật Tử. Câu văn nầy thì duyên vào sanh tử. Vậy đâu là Phật Tử; hỗ tương cho nhau một cách đơn giản, chẳng phải như thế sao. Cuối cùng là chẳng cầu con đường Phật. Bên trên tụng đơn giản về Tăng Thượng Mạn. Thượng Mạn ấy là chưa được pháp thượng; nghĩa là được pháp cao thượng. Cho nên người nầy chẳng cầu con đường Phật. Về đời sau người ác có một hàng; tụng bên trên về Như Lai sau khi diệt độ đã giải rõ. Người nầy khó được vậy. Về tàm quý (xấu hổ) thanh tịnh gồm một hàng. Bên trên tụng rằng nếu gặp được các vị Phật thì liền được giải rõ. Kế đến 3 hàng tụng bên trên về lòng tin đôn hậu. Nếu chẳng tin về pháp nầy thì chẳng có nơi nầy. Một hàng rưỡi ban đầu

thuộc về lòng tin đôn hậu nơi quyền. Kế tiếp một hàng rưỡi về lòng tin đôn hậu nơi thật. Thật và quyền không có nghi, tự rõ biết chỗ làm Phật v.v…

Giải thích về phẩm Thí Dụ

Trước tiên giải thích tổng quát. *Thí* đây là tình huống nầy và *Dụ* đây là huấn dụ rõ ràng. Thác ở đây so sánh với kia nói ít, dạy sâu. Phía trước rộng làm rõ về 5 vị Phật bằng văn Trường Hàng và Kệ Tụng. Kẻ thượng căn lợi trí khi nghe đầy đủ, liền được ngộ. Kẻ trung và hạ sanh vào chỗ mê; cho nên chưa đạt được. Lòng đại bi ấy chẳng kỷ xảo mà trí huệ lại vô biên. Dùng sự việc cây động để nói về gió và quạt để dụ cho mặt trăng. Làm cho việc ngộ nầy được giải rõ; cho nên nói là Thí Dụ.

Giải thích thêm: Dùng thế pháp để so sánh với pháp xuất thế. Nhơn ấy đối với việc gặp gỡ, có nghe mà chưa gặp, có sự dũng mãnh hoan hỷ. Như trong kinh thế gian ví như cha con để dụ cho xuất thế gian như thầy trò. Lại nữa dùng thế sanh pháp so sánh với xuất thế sanh pháp, làm cho lợi lạc âm thanh của Phật để dạy dỗ, chẳng mất đi Đại Thừa.

Như kinh nói người cha rõ biết cái tâm trước của các con; mỗi mỗi đều có chỗ ưa thích đồ chơi. Lại nữa dùng thế diệt để so sánh với xuất thế diệt. Tuy được vô

lậu; nhưng nghe lại cũng trừ được phiền não. Như kinh nói: ta là cha; nên đánh bạt các khổ nạn, làm cho miễn trừ đi sự thiêu đốt. Lại dùng cuộc đời chẳng sanh chẳng diệt so sánh với xuất thế chẳng sanh, chẳng diệt, làm cho sự an trụ nầy ở trong thật trí, ta nhất định sẽ làm Phật. Như trong kinh, lên được chỗ quý hóa, lên thẳng nơi đạo tràng. Nên biết rằng Phật dùng một âm thanh để nói Thí Dụ. Sự xảo thuật ấy làm cho ở giữa hoặc ở phía dưới đều được lợi ích của Tứ Tất Đàn. Cho nên nói là phẩm Thí Dụ vậy.

Về giáo thì giải thích rằng: Ý Phật tán thán căn bản về Phật Thừa. Vì vật chẳng sâu tìm nhớ nghĩ việc trước về lòng đại bi phương tiện của Phật. Ở nơi Lộc Uyển xưng tán 3 xe. Nhị Thừa dùng hạ và trung tự mình rõ biết ân đức, chẳng cần với người. Bồ Tát dùng xe trâu mang họ ra khỏi lửa; cho nên gọi là Ma Ha Tát. Đây là thí dụ trong Tam Tạng giáo vậy. Lại nữa cả 3 người đồng sợ sự đốt cháy và khi nghe âm thanh như thế liền chạy khỏi, chẳng hề quay lại. Duyên Giác giống như nai mẹ luôn ở bên con. Còn Bồ Tát như voi lớn, lấy thân để che tên bắn, khiến chúng ra khỏi.

Kinh Niết Bàn nói rằng: Thỏ và ngựa dùng để Thí Dụ trong Thông và Giáo. Phát tâm với Tam Thừa gần đây. Nương vào cái lý cạn, trí huệ yếu kém, đoạn trừ thông hoặc, chẳng thể hết sạch tận đáy; không phải Ba La Mật. Còn Bồ Tát thì phát tâm từ xa xưa, lý sâu và trí vững, đoạn trừ biệt hoặc, sâu xa tận cùng của cội rễ về tánh.

Đại Phẩm nói rằng: Nhị Thừa như một đốm lửa. Còn Bồ Tát như ánh sáng mặt trời. Điều nầy thí dụ cho Biệt Giáo. Lại nữa từ nguyên thủy thấy thân của ta, nghe chỗ ta nói, tất cả liền tin nhận và vào trí huệ của Như Lai. Như với những người nầy thật dễ hóa độ, chẳng làm cho Như Lai sanh ra mệt nhọc.

Trong Hoa Nghiêm nói: Như sự việc ấy chơn thật thì chẳng cần thí dụ. Vì những người chưa vào được; nên hơn 40 năm liền dùng những phương tiện khác, giúp cho hiển được nghĩa đệ nhứt, làm cho mặt trời ở nơi thành vua quyết định nói Đại Thừa, để làm cho tất cả khai, thị, ngộ, nhập trí huệ của Phật. Chẳng làm cho một người nào riêng được diệt độ. Giống như bây giờ, như lúc ban đầu; như bây giờ, chẳng có hai và chẳng có khác. Những kẻ thượng căn lợi trí khi nghe, liền có thể tỏ rõ. Chẳng làm cho Như Lai sanh ra mệt nhọc, lại chẳng cần phải thí dụ. Chỉ vì bậc trung và hạ hay vọng động chấp trước và sanh nghi, do dự nơi cửa đạo, liền vì đó mà làm cho ánh sáng mặt trời như xe lớn làm thí dụ, để được lợi ích.

Đây gọi là Viên Giáo thí dụ. Bổn Tích quán tâm thí dụ có thể rõ được, chẳng cần ghi lại nữa v.v…

Thuyết pháp có 5 đoạn kinh văn. Phần một bắt đầu xong với 4 dụ chưa xong. Phẩm nầy ở tại Chư Thiên nói kệ sau đó và nhà lửa thí dụ trước đó. Theo kinh thì các quyển đều giải thích lúc ban đầu.

Có người lại nói: Kẻ phát khởi trung căn, nằm ở nơi phần đầu của quyển thứ hai, như sáu tướng lành khi hỏi

và nói trong khi nói pháp và tạo ra lời tựa. Rõ biết được chỗ ghi nhớ cho nên nói thí dụ làm lời tựa. Người nầy tận tình ở ngay sau khi thuyết pháp. Kẻ trung căn chẳng thể ngộ. Cho nên sự lãnh hội nầy đứt đoạn, lãnh hội chỗ nghe thuật lại mới rõ biết. Văn Trường Hàng thì lãnh hội cùng giải bày nói chung lại. Trong kệ thì lãnh và giải, mỗi mỗi rõ riêng; cho nên nói rằng lãnh giải từng phần. Văn ấy lại có hai. Một là những nhà chú thích kinh thuần thục và hai là Thân Tử (Xá Lợi Phất) tự trần tình. Thuần thục cũng lại có hai. Nghĩa là bên trong thì rõ mà bên ngoài thì nghi. Nội giải ở bên trong tâm; nên gọi là niềm vui. Vui ấy động nơi hình thú; nên gọi là dũng dượt. Từ con người hiền thục ấy nghe diệu pháp liền được sự lãnh hội vi diệu. Nếu gặp ngay một hạnh, liền được hân hoan. Hà huống là 3 niềm vui đều đầy đủ mà chẳng thể vọt lên (dũng dượt).

Câu văn cho biết rằng: Từ Thế Tôn mà nghe được pháp âm nầy thì tâm liền hoan hỷ, trong ngoài hòa hợp cho đến vui vẻ, liền đó thế giới lại giải bày. Lại cải đổi nhỏ thành lớn. Từ bỏ nghèo hèn nơi am cốc mà thọ nhận gia nhập giàu có.

Câu văn cũng giải thích rằng: Ngày nay rõ biết mình thật là Phật Tử; cho nên vui mừng. Đây là giải thích về người. Lại nữa lo lắng hối hận, song còn nghi ấy khó trừ; trong ngoài đề phòng chướng ngại; nên mới được rõ ràng.

Văn cũng cho biết: Ta đã được lậu tận, khi nghe liền trừ ưu não; cho nên hoan hỷ. Đây là giải thích việc

đối trị. Lại nữa chỗ Phật Tử được thì liền được và rồi tất cả đều được. Câu văn cũng nói: An trụ nơi thật trí, ta định sẽ làm Phật. Đây là giải thích về nghĩa đệ nhất. Theo giáo thì: Phàm là hoan hỷ thì niềm vui ấy nhập vị, mà một vị A La Hán ra khỏi 3 cõi u tối phan duyên, phá trừ tứ trụ tứ quả đối lại với việc hại chẳng gặp được sự lợi lạc; nên chẳng vui. Nay nói là hoan hỷ, quyết chẳng phải là cái hoan hỷ của thế gian. Nếu khổ công nhẫn chịu thì sẽ làm rõ chỗ phát khởi. Cứu cánh vô học thì trước đó đã được rồi; nay chẳng cần vui thêm nữa. Nếu 3 người cùng giống nhau thì lấy vô ngôn để nói đạo. Thể ấy bẻ gãy; tuy khác với việc chứng không là một. Một ấy là sự vui vẻ lâu dài đã được rồi, lại chẳng cần làm cho vui thêm nữa. Hai là không quán ấy để chỉ cho phương tiện đạo và giả quán ấy là cái nhân của Nhị Thừa. Không quán ấy đối với chỗ phàm phu lo lắng, qua khỏi nhị biên ác mới được hoan hỷ lớn. Nương vào chỗ viên ngộ sơ phát tâm trụ mà gọi là hoan hỷ trụ. Sơ hạnh lại cũng còn gọi là hoan hỷ hạnh. Sơ địa lại cũng còn gọi là hoan hỷ địa. Thân Tử là bậc thượng căn lợi trí, tất nhiên là siêu nhập và liền được hoan hỷ. Giả sử chẳng siêu nhập thì cũng có tên là hoan hỷ. Điều nầy tất cả đều theo Thông và Biệt (giáo) giải thích như vậy.

Bổn Tích giải thích rằng: Thân Tử (Xá Lợi Phất) đã thành Phật từ lâu xa hiệu là Kim Long Đà. Xưa kia trợ giúp Đức Thích Ca đứng bên trái, tượng trưng cho đệ tử có trí tuệ. Đầu tiên Ngài từ ngoại đạo bỏ tà quy chánh; đây chỉ cho nhũ vị (vị của sữa) hoan hỷ, làm lợi ích cho phàm phu. Kế đến chỉ cho lạc vị hoan hỷ, làm lợi ích cho

hiền thánh. Kế đến để chỉ cho Sanh Tô, Thục Tô hoan hỷ, làm lợi ích cho các vị Bồ Tát. Nay làm chất đề hồ để nhập vào Phật tri kiến hoan hỷ, làm lợi ích cho kẻ học Phật đạo. Như những sự hoan hỷ nầy, tất cả đều là chỗ xa xưa vậy. Quán Tâm giải thích chẳng cần nhắc lại v.v…

Thục ngoại nghi liền khởi thân, chắp tay; nên gọi là thân ấy lãnh thọ và giải rõ. Ngày xưa cho rằng quyền và thật chia ra làm 2, như bàn tay chẳng chắp lại. Nay thì giải rằng: Quyền tức là thật, như hai bàn tay chắp lại.

Hướng về Phật nghĩa là: Xưa kia quyền ấy chẳng phải là cái nhơn của Phật và thật ấy chẳng phải là cái quả của Phật. Nay thì giải thích rằng: Quyền ấy tức là thật, thành ra cái nhơn của Đại Viên. Nhơn ấy tất nhiên ở nơi quả; cho nên nói là chắp tay hướng về Phật.

Chiêm ngưỡng tôn nhan là biểu hiện sự giải bày về thật nầy. Thật ấy là Phật cảnh; chẳng phải pháp phương tiện. Chiêm ngưỡng tôn nhan, không còn suy nghĩ gì nữa là biểu hiện việc khai Phật tri kiến. Cái ý ấy rõ về thật lại cũng giải rõ về quyền, Thân ấy lãnh thọ nơi quyền, lại cũng giải rõ nơi thật. Sau đó ngồi qua một bên và bạch Phật về sự lãnh giải nầy. Nghĩa là Thân Tử tự giải thích. Câu văn nầy lại chia ra làm 2. Đầu tiên Trường Hàng có 2 bài kệ tụng. Câu văn đầu lại chia làm 3. Phần đầu là chương nói về sự hoan hỷ. Kế đến giải thích về 3 việc kết thành. Bây giờ từ chính nơi Thế Tôn ta thấy được thân Phật; cho nên nói là thân hoan hỷ. Nghe pháp âm nầy, nương vào nơi miệng của Phật để nghe và hoan hỷ; cho nên nói là miệng hoan hỷ, được điều chưa từng có. Đây

chính là giải rõ về ý của ta về ý của Phật; cho nên nói là ý hoan hỷ. Đây gọi là chương tiêu biểu.

Kế đến từ „Sở dĩ giả hà" trở đi; phần thứ 2 nầy giải thích về việc ngày xưa mất đi sự hiển thị thì nay lại được.

Từ „Sở dĩ giả hà đến vô lượng tri kiến" làm rõ chỗ ngày xưa chẳng thấy Phật; nên mất. Phật ngày xưa khi làm Bồ Tát đã được thọ ký. Ta chẳng dự tính việc nầy. Ý nghĩa thấy Phật xa, tức là chẳng thấy Phật; cho nên thân chẳng hoan hỷ. Nghe pháp như vậy như mặt trời chiếu trên núi cao, nghe được nghĩa bí mật, hiển rõ chỗ điếc chỗ câm. Chẳng được đạo, nghe pháp như thế nầy. Chỉ trong những lời dạy của Phương Đẳng, nghe Đại Thừa Phật Huệ và nay chẳng đặc thù. Cho nên nói nghe như Pháp nầy.

Thọ ký cũng ở trong Phương Đẳng cùng với Bồ Tát thọ ký. Nhị Thừa chẳng dự tính được điều nầy, sâu làm tự cảm thương, suy nghĩ sự lợi ích, thanh tịnh gọi đó là trung; nghe về lớn, bẻ gãy nhỏ. Bên trong nghi ngờ mà bên ngoài thì xấu xa; gọi đây là sự cảm thương.

Mất tất cả tri kiến nghĩa là mất cái thấy của Phật nhãn, mất sự hiểu biết của Phật trí.

Từ „Thế Tôn cho đến phi Thế Tôn" làm sáng tỏ chỗ ngày xưa làm mất việc chẳng nghe pháp. Tốt thì dùng nơi tâm, tâm thì chấp vào con đường nhỏ của núi rừng; tức là chẳng nghe pháp; cho nên miệng chẳng có niềm vui.

Ngã thường độc xứ nghĩa là suy nghĩ qua nơi đó. Cùng nhập vào pháp tánh ấy và chính thức ra khỏi việc nầy. Chấp vào chỗ nhập ấy là một lý. Sự nghi ngờ đối với Tam Giáo là những cửa có thể. Một lý ấy cùng giống với cái mất về tri kiến của ta. Tam Giáo ấy lại khác, mà Bồ Tát thì thọ nhận. Sự thọ nhận ấy tức là Như Lai có chỗ biên chấp và trở thành việc sai trái. Nay thuật lại điều mất mát nầy chính là nói về sự hối quá ấy. Dầu do nơi ta và do ta mê ở quyền thì làm sao đóng được cái lý của việc dạy ấy. Do ta hoặc nơi thật làm thế nào để đóng lại việc biên kiến nơi Phật. Theo sự tường thuật lại ngày xưa, chẳng ngưỡng vọng thâm tạ Như Lai. Đây chính là dẫn sự sai quấy tự quay về.

Từ „Sở dĩ giả hà cho đến mỗi tự khắc tích" làm rõ cái ý không giải đáp được sự mất mát. Lành dùng sự chẳng chờ nói chỗ nguyên nhơn; tức là chẳng giải về cái thật. Lại nữa chẳng rõ biết phương tiện cho nên chẳng giải rõ về quyền. Giải không được cho nên cái ý không vui. Ngày xưa mất liền ảnh hưởng và nay lại được tự hiểu. Chẳng chờ nói chỗ nguyên nhơn là tự tích chứa, chẳng giải về cái thật. Chẳng giải rõ phương tiện là tự tích chứa, chẳng giải rõ được chỗ quyền. Chỗ nhơn duyên ấy có 2 nghĩa. Một là chẳng thọ trì chờ đợi như đối với trước. Hai là chẳng dừng lại sự chờ đợi đối với phía sau. Đầu tiên chiếu trên núi cao là làm rõ cho trí tuệ của ba chân lý. Gọi là được cái nhơn của Phật. Dùng điều nầy để chờ đợi đối với cái ta, mà ta đây chẳng thọ nhận, để mất đi như phía trước. Với chư Phật, pháp vĩnh cửu sau đó, cần được nói sự chơn thật. Ta chẳng dừng lại chờ

đợi. Đối với cả hai điều nầy là khoảng không gian và từng là chấp nhỏ, chẳng giải rõ được về quyền và thật như câu văn, mà nay từ Phật cho đến kết thành với 3 niềm vui. Đầu tiên là kết và sau đó thành tựu. Từ Phật là kết thân nầy với niềm vui. Nghe pháp tức là kết miệng nầy làm vui. Đoạn các nghi hối là kết lại cái ý với niềm vui. Như vậy mới rõ được là chơn Phật Tử, gần Phật, nghĩa ấy thành tựu vậy. Từ miệng Phật sanh, kết thành nơi miệng. Từ pháp hóa sanh, tức là cái ý kết thành. Như đây câu văn hết, câu văn không còn, giải thích cái lý và cái lý ấy ảnh hưởng. Nên dùng Tứ Tất Đàn để làm mất câu văn.

Nay từ „Thế Tôn" trở đi; là thế giới hoan hỷ. Từ „Sở dĩ giả hà" cho rằng xưa mất sự hiển mà nay lại được. Đây chính là cái vui của người. Từ „Thế Tôn ngã tòng tích lại" đối trị với cái vui. Từ „Kim nhật nãi trí" trở đi; đây chính là nghĩa thứ nhất của niềm vui. Lại nơi tâm vui ấy làm sáng tỏ Tứ Tất (Đàn). Tâm hoan hỷ ấy dấy động niềm vui, thường chẳng gặp được. Niềm vui ấy động đến giác quán, lại động đến hình hài v.v…

Kệ nầy có 25 hàng rưỡi và chia ra làm ba. Hàng đầu tiên tụng về 3 niềm vui, đưa ra việc ta nghe cùng với việc được làm Phật. Từ „xưa đến nay" trở đi; phần thứ 2 có 22 hàng, tụng lên để giải thích về 3 niềm vui. Lại chia ra làm 3. Một hàng rưỡi đầu tiên tụng về sự thấy Phật mà hoan hỷ. Văn Trường Hàng làm rõ chỗ mất tri kiến. Trong việc tụng ấy làm rõ chỗ chẳng mất nơi Đại Thừa.

Bên trên luận về sự mất mát luận cứ xa xôi, tụng ấy luận với gần thì luận được, cùng với hiện tại.

Từ „Ngã xứ ư sơn cốc" trở đi; phần thứ 2 có 11 hàng, tụng bên trên về việc chẳng nghe pháp. Lại chia làm 2. Chín hàng đầu tiên tụng phần bên trên về thân thời xa xôi; cho nên chẳng nghe. Kế đến „Ngã bản trước tà kiến" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng, phần tụng bên trên thuộc về pháp tánh. Cho nên chẳng nghe. Tà kiến là do chỗ đắm trước của phàm phu. Nhập vào pháp tánh thì đắm trước nơi Nhị Thừa, đều chẳng nghe pháp.

„Ngã thường ư nhựt dạ" là sự sanh tử ở đêm Niết Bàn trở thành ngày. Trong sự sanh tử ấy lại có Niết Bàn. Vì sanh tử là việc bên ngoài. Nếu lúc ngộ được 2 việc nghi nầy thì sanh tử Niết Bàn đều là ban đêm. Khi nghi nầy được trừ đi, tức là ban ngày. Khi mặt trời lên thì 2 điều nghi kia đi khỏi. Lại nữa người đời có 2 loại. Một là như cỏ trưởng thành; hai là tập nhỏ làm lớn. Khi rõ sự tướng nầy thì liền vào chỗ yếu kém. Ví dụ như từ A Tỳ Đàm vào chỗ ưu việt hơn. Bồ Tát lại cũng như vậy. Đối với Hoa Nghiêm việc nhập ấy là sự hóa đạo; nên yếu kém. Ngũ vị thấm vào thì hơn hẳn.

Từ „Nhi kim nãi tự giác" trở đi; phần thứ 3 có 9 hàng rưỡi. Phần tụng bên trên tâm được diệu giải về niềm hoan hỷ. Bên trên làm rõ chẳng chờ đợi chỗ nhơn duyên, chẳng giải rõ về phương tiện. Phần tụng ấy giải rõ được chỗ nguyên nhơn, lại giải rõ được phương tiện. Nghe sẽ được làm Phật tức là chỗ nguyên nhân. Nghe về 5 con đường Phật giống như giải rõ về ma và chẳng phải

ma. Đây là sự giải bày về phương tiện. Hỗ tương sự hiển thị ấy một bên của chương về ngũ Phật. Tức là lãnh hội câu văn đây vậy.

Từ „Văn Phật nhu nhuyến âm" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng rưỡi, tụng phần kết thành bên trên như câu văn. „Lúc bấy giờ Phật bảo Ngài Xá Lợi Phất, ta nay" trở đi; phần thứ 3 thuật lại sự thành tựu và sự gián đoạn. Bên trên, Thân Tử (Xá Lợi Phất) tự trần tình được sự giác ngộ; nay Như Lai thuật lại việc liễu giải, chẳng hư vọng. Câu văn nầy có 3. Một là từ xưa gặp nơi chỗ dạy về Đại. Phần 2 quên đi sự chấp về Tiểu. Phần 3 nói trở lại về Đại. Sở dĩ dùng sự dẫn giải ngày xưa, hội tụ với việc dạy dỗ. Thuật lại việc thấy Phật là nhân duyên. Nếu muốn bên trong sự quên chấp về Tiểu ấy thì thuật lại việc ưu hối nầy là cái duyên của việc nghe pháp, trở lại nói về Đại. Thuật lại sự liễu ngộ giải thích ấy chẳng hư vọng. Thuật lại sự thành tựu 3 ý bên trên vậy.

Luận Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói rằng: Thân vô thượng; nghĩa là tướng hảo, thọ trì vô thượng; nghĩa là tự lợi lợi tha, đầy đủ vô thượng. Nghĩa là mệnh kiến giới, trí huệ vô thượng. Nghĩa là tứ vô ngại, bất tư nghì vô thượng; nghĩa là 6 Ba La Mật, giải thoát vô thượng; hay hoại đi hai chướng, hành vô thượng. Nghĩa là Thánh hạnh phạm hạnh, lại là thân vô thượng gọi đó là Đại Trượng Phu. Sự thọ trì vô thượng gọi đây là Đại Từ Bi. Cụ Túc vô thượng gọi là đáo bỉ ngạn. Trí vô thượng gọi đây là nhứt thiết trí. Bất tư nghì vô thượng gọi là A La Hán. Giải thoát vô

thượng gọi là Đại Niết Bàn. Hành vô thượng gọi là Tam Miệu Tam Phật Đà.

Bồ Tát Anh Lạc phẩm thứ 13 nói rằng: Đạo ấy thanh tịnh, uế trọc chẳng phải là đạo. Đạo ấy nhứt tâm, nhiều tưởng chẳng phải là đạo. Đạo là tri túc; nhiều sự ham muốn chẳng phải đạo. Đạo ấy cung kính, kiêu mạn chẳng phải đạo. Đạo ấy kiểm soát ý chí, phóng dật chẳng phải đạo. Đạo ấy là hiển diệu, tự ẩn mình chẳng phải đạo. Đạo ấy liên thuộc, vô hạnh chẳng phải đạo. Đạo ấy là sự giác ngộ, ngu hoặc chẳng phải đạo. Đạo ấy là sự giáo hóa, xan tham chẳng phải đạo. Đạo ấy gần thiện hữu, tập ác ấy chẳng phải đạo. Như vậy các loại ấy minh chứng về con đường vô thượng đạo. Nay kinh dùng sự viên thông để làm vô thượng đạo. Hoặc biên, hoặc thứ tất cả do chỗ luận của kinh kia.

Đêm dài theo ta thọ học nghĩa là ngày xưa tuy sự hóa độ lớn nhưng chưa phá được sự vô minh. Do hoặc ấy che tâm, theo Phật thọ học, rõ hết nguyên nhân tuy xa mà dụ cho sự bất diệt. Huống là nay làm cho chơn ngộ ấy há hư sao? Cho nên đưa ra việc gặp giáo pháp, tường thuật lại sự thấy Phật chẳng ngoa.

Ta dùng phương tiện sanh vào pháp của ta nghĩa là cả 2 nghĩa đây đầy đủ. Nếu ngày xưa dùng sự hóa độ lớn thì nay sanh ra đại giải. Đây thuộc về ý đầu. Nếu làm cho miễn ác đạo thì quyền dùng Tiểu để dẫn dắt. Đây là cái ý thứ 2 vậy.

Từ „Ta xưa dạy ngươi chí nguyện Phật đạo; ngươi nay đều quên" nghĩa là ở giữa đó bỏ Đại lấy Tiểu; nên giữa chừng đã quên mất. Nếu mà nay liền tự mình; nghĩa là đã được diệt độ rồi; tức là nay đã quên. Do ngươi đã quên nguyện lớn; tức là quen với Tiểu; nên có những ưu hối, mà được nghe pháp, tức là chẳng hư vọng vậy.

„Ta nay lại muốn làm cho ngươi nhớ lại bổn nguyện" tức là thuật lại việc được giải thoát, chẳng phải việc hư vọng. Trước tiên là thí cho quyền giáo, thành tựu đoạn giữa của thiện nhỏ. Sau đó hiển chơn thật và tùy theo bổn nguyện nầy của tâm lớn vậy.

Từ „Ngươi ở nơi vị lai" trở đi, là đạo lớn, đoạn thứ 4 nói về thọ ký. Ở trước Phật tự trần tình để được ấn chứng. Cho nên đã cùng với việc thọ ký. Nếu được giải lớn thì tự rõ biết được Phật. Vui với sự thọ ký đầy đủ. Sự thọ ký ấy có 4 ý. Một là từ xưa chỉ nhớ Nhị Thừa, mà làm cho nhớ nghĩ đầy đủ. Hai là trung, hạ chưa ngộ, dùng sự thọ ký không che khuất. Ba là làm cho kẻ nghe được kết duyên. Bốn là đầy đủ bản nguyện nầy; cho nên thọ ký vậy.

Có Trường Hàng kệ tụng. Trường Hàng ấy lại chia ra làm 10. Một là thời tiết; hai là hành nhơn; ba là đắc quả. Giải thích về 10 hiệu thì nhiều; chẳng nhớ một loại, chẳng hư vọng gọi là Như Lai. Phước điền tốt gọi là Ứng Cúng. Rõ biết pháp giới gọi là Chánh Biến Tri. Đầy đủ Tam Minh gọi là Minh Hạnh Túc. Chẳng trở lại gọi là Thiện Thệ. Rõ biết quốc độ của chúng sanh gọi là Thế

Gian Giải. Chẳng có ai sánh bằng gọi là Vô Thượng Sĩ. Điều phục tâm của kẻ khác gọi là Trượng Phu. Vì con mắt của chúng sanh gọi là Thiên Nhơn Sư. Rõ biết Tam Tụ thì gọi là Phật. Hoại ma Ba Tuần gọi là Bà Già Bà. Bốn quốc độ; năm thuyết pháp; sáu kiếp gọi; bảy chúng số; tám thọ lượng; chín là Bổ Xứ; mười là pháp trụ xa gần tất cả như câu văn.

Đại Luận chương thứ 48 nói rằng: Xá Lợi Phất, chánh pháp 32 Tiểu Kiếp. Tam tai gồm đói khát, bịnh tật và chiến tranh. Chúng sanh mất đi gọi đó là Tiểu Kiếp. Lại ngay nơi thời tiết đó gọi là Tiểu Kiếp. Như nói kinh Pháp Hoa trong 60 Tiểu Kiếp, lại là con số về thời tiết. Chẳng phải Tam Tai kia mất mà vật bên ngoài là Tiểu Kiếp. Bài kệ có 11 hàng rưỡi; chia ra làm 2. Mười hàng tụng ban đầu, bên trên có 9 ý. Lược bớt chẳng tụng về Bổ Xứ. Câu văn dài ấy có việc cúng dường Xá Lợi. Sau đó có một hàng rưỡi, phần kết ấy ca ngợi. Một hàng đầu tiên tụng về sự được quả. Kế đến là cúng dường. Phần thứ 2, một hàng theo tụng về hành nhơn. Kế đến qua vô lượng. Phần thứ 3 có nửa hàng, siêu tụng kiếp danh. Kế đến là thế giới danh. Phần thứ 4 gồm một hàng rưỡi tụng về quốc độ tịnh. Tiếp theo về nước kia. Phần thứ 5 gồm một hàng rưỡi. Tụng về số lượng Bồ Tát. Kế đến là như thị đẳng. Phần thứ 6 có nửa hàng tụng về việc thuyết pháp. Kế đến là Phật vì Vương Tử trở đi; phần thứ 7 gồm 2 hàng tụng về thọ lượng. Kế đến từ Phật diệt độ trở đi; phần thứ 8 gồm một hàng rưỡi, tụng về pháp trụ gần, xa. Xá Lợi Phất quảng trở đi; phần thứ 9 gồm nửa hàng là cúng dường Xá Lợi Phất.

„Hậu Hoa Quang Phật" trở đi; phần 2 có một hàng rưỡi là kết luận và tán thán. Hãy nên tự vui mừng, thành sơ nhập vào sự giải thoát của hoan hỷ vị. Ở địa vị Sơ Trụ có thể 100 vị Phật ở thế giới ấy làm Phật. Hành địa bội thị; phần thứ 5 gồm 4 chúng lãnh giải. Có Trường Hàng kệ tụng. Đầu tiên trải qua ngôi nhà quen biết cho chúng hoan hỷ. Kế đến là trần tình về việc cúng dường. Từ „Túc thị nhơn hạ" trở đi; thuộc chánh lãnh giải. Lãnh ban đầu là khai về quyền. Nay cho đến chuyển tiếp là lãnh hiểu sự thật. Kệ ấy có 6 hàng rưỡi, chia làm hai. Đầu tiên hai hàng tụng phần trên là khai quyền và hiển thật. Sau đó 4 hàng rưỡi là tự thuật về việc được giải, tùy hỷ hồi hướng vậy. Chúng ta cũng lại như vậy. Như Thân Tử (Xá Lợi Phất) về việc lãnh giải. Như Thân Tử bị thuật thành. Như Thân Tử được thọ ký vậy.

Hỏi: Ca Diếp là vị Thanh Văn thanh tịnh, sao lại chưa được liễu giải? Trong tứ chúng người nào được ngộ trước?

Đáp: Tứ chúng trời người lại cũng đầy đủ ba loại. Thượng căn thì giống như Thân Tử. Trung, hạ có thể rõ biết. Lại giải rằng: Thân Tử, Ca Diếp cùng với quyền, thực hành. Kẻ trung và hạ chưa khai. Ca Diếp mãn nguyện chỉ cho sự giống nhau, chẳng giải. Tịnh Danh nói rằng: Chúng sanh chưa thuần và Bồ Tát lại cũng chưa thuần v.v…

Từ „Nhĩ thời Xá Lợi Phất bạch Phật" trở đi; phần thứ 2 nằm ở đoạn lớn dùng thí dụ căn bản để nói. Văn ấy lại có 4 phẩm. Phẩm thứ nhất nầy đúng là nói thí dụ để khai

ba và hiển một. Phần tín giải; những người trung căn được hiểu rõ. Đức Như Lai ví dụ về cỏ thuốc; thọ ký và quyết nghi. Tất cả 4 điều nầy đều nói về thí dụ. Đoạn phía dưới phần thứ 4 tất cả đều nói về nhân duyên. (Kiều) Trần Như rõ được nhân duyên bị trói buộc, rồi lãnh hội. A Nan đã chứng minh nhân duyên của Không Vương mà nói rộng ra chỗ thọ ký v.v…

Lại nữa: Ví dụ về thuyết pháp, trong đó có những người thuộc trung căn, tứ chúng đều hoan hỷ, đã làm cho bất cứ người nào cũng hiểu về ngôi nhà ấy mà lược nói. Ví dụ thứ 2, trước sau đều có thể rõ. Câu văn phía sau nằm ở phẩm Pháp Sư v.v… Câu văn nói về thí dụ ấy có hai. Một là thỉnh, hai là đáp. Thỉnh ấy lại chia ra làm ba. Một là tự thuật chẳng nghi. Hai là thuật ấy giống với mặt trái có hoặc. Ba là phổ cập đến tứ chúng. Tự thuật như câu văn, giống như mặt sau, nghĩa là đồng hành. Vì nhớ lại xưa; cho nên thỉnh. Tứ chúng ở đây là cảnh hóa ra, làm cho đại bi mới được vận dụng, tức liền có sự thỉnh cầu.

Phật thường giáo hóa nghĩa là chấp vào tam giáo lúc xưa; mà nay thì ở trước Phật. Chấp xưa thuộc về một lý vậy. Ngày xưa nói ba; tức là cứu cánh. Nay lại nói một, làm sự chân thật, dự biết về việc mê; cho nên nói rằng: Mọi việc đều rơi vào chỗ nghi hoặc. Có người nói rằng: Thân Tử (Xá Lợi Phất) cũ mới đều có nghi cả hai. 1.200 sự dừng lại ấy cũng có cái nghi mới. Nay thì rõ biết là kẻ thượng căn thì ít nghi. Kẻ trung hạ (căn) lại nghi nhiều, sao có thể giải thích ngược lại?

Từ „Lành thay Thế Tôn" trở đi; vì tứ chúng đồng thỉnh vậy. Nhân duyên nghĩa là nhơn duyên trước 3 sau 1.

Từ „Nhĩ thời Phật cáo Xá Lợi Phất" trở đi. Lần thứ 2 Phật đáp. Câu văn nầy chia làm ba. Một là phát khởi; hai là thí dụ; ba là khuyến tin. Phát khởi lại chia ra làm 2. Một là đè nén; hai là lấy đi. Đè nén làm cho mạnh hơn và kéo theo làm cho mau hơn.

Từ „Ngã tin bất tín" trở đi; dùng để chỉ cho cái quyền rõ ràng bên trên. Tất cả đều vì bồ đề, chỉ cho bên trên được hiển thật. Tất cả đều hóa thành Bồ Tát. Nếu là quyền, nếu là thật thì tất cả đều vào Phật Đạo ở vô trụ Niết Bàn. Như bên trên đã nói rõ. Sao lại còn chấp vào lời dạy mà mê mờ chẳng thể rõ biết. Như việc nầy chứa đựng; nghĩa là câu văn nầy bị đè nén.

Từ „Rồi Xá Lợi Phất nay sẽ" trở đi; kế tiếp làm cho an ổn. Phía trước thì gạt ra, rối cắt đứt đi. Lo sợ làm cho tự chìm sâu xuống. Bây giờ với thí dụ nầy hứa rằng sẽ làm sáng tỏ nghĩa nầy. Kẻ nào hay giải được thì được xưng tán là kẻ trí. Có 2 thí dụ nói bằng văn trường hàng, kệ tụng. Văn trường hàng khai dụ và sau đó hợp dụ lại. Khai dụ chẳng giống nhau như bên trên đã nói về điều nầy. Nay lại chia làm hai. Một là tổng; hai là biệt. Tổng thí dụ như trong chương Thích Ca, nay ta cũng như vậy, gồm 2 hàng kệ lược tụng dùng để khai, quyền, hiển, thật. Biệt thí dụ có trong chương Thích Ca nói: Ta dùng Phật nhãn để quan sát xem thấy, gồm 41 hàng rưỡi kệ, rộng tụng khai, quyền, hiển, thật có 6 ý. Tổng dụ có 6.

Một là Trưởng Giả; hai là nhà cửa; ba là một cửa; bốn là 500 người; năm là lửa cháy; sáu là 30 người con. Trưởng Giả ở đây dụ cho ta. Ta đây tức là một hóa thân của Đức Thích Ca. Nhà lửa ở đây dụ cho chỗ an ổn nằm bên trên 3 cõi chẳng an ổn. Một cửa đây dụ cho chỗ tối thượng tuyên nói cửa vào chốn Phật. 500 người dụ cho chúng sanh. Lửa đốt cháy dụ cho bên trên đối với việc các pháp chẳng an ổn của ngũ trược, bát khổ. 30 người con ấy dụ cho việc rõ biết tánh dục của chúng sanh, tam thừa hành nhơn.

Dụ về Trưởng Giả lại chia làm 3. Một gọi là hạnh; hai là vị hiệu và ba là đức nghiệp. Danh như khách và hạnh như chủ. Hạnh ấy có chỗ thân cận, gần gũi gọi là gần xa. Cho nên đưa ra nơi chốn dùng hiển danh cho việc làm vậy. Đối với cương lĩnh của quốc gia xa xôi cũng như việc cai trị nơi làng ấp thôn xóm lân cận gần gũi.

Trưởng Giả ở đây gọi là di hành ở 3 nơi nầy. Gần chẳng thấy cái tiếp cận nhỏ nhặt, xa chẳng ôm lấy chỗ cao xa. Miệng chẳng nói lời phân biệt, thân chẳng làm việc phân biệt, ý chẳng chọn pháp. Gọi đây là những hành tướng và xưng là người lớn chơn thật. Bên trong thì hợp với Như Lai tam nghiệp, tùy theo trí tuệ và việc làm nầy gọi là tùy theo căn cơ mà giáo hóa. Gọi đây là việc xưng tán cũng như nghe đến cái đức đầy đủ khắp nơi. Ngày xưa dùng mười phương hư không, từ bi là chỗ thể nhập vào; nơi đó gọi là quốc gia; gồm 3.000 thôn ấp. Một tứ thiên hạ gọi là một làng. Lại lấy đại thiên làm

quốc gia. Trong đó có trung thiên làm ấp và tiểu thiên làm làng. Nay tất cả đều chẳng còn dùng đến nữa.

Trong Đại Luận quyển 60 nói rằng: Nhu, thuận, nhẫn là làng; vô sanh nhẫn tam Bồ Đề là thành. Nhơn quả cùng chung là lời thệ nguyện. Bây giờ trải qua việc thường dùng thì cái quả của đức ấy, chính là lời thệ. Thật báo độ, ấy là quốc gia; hữu dư độ, ấy là ấp; đồng cư độ, ấy là làng. Từ bổn thùy tích, nhiếp tích khác với bổn. Gọi hành tướng và nói là chẳng khác với ông khách cũng như chủ. Vẽ nên bờ cõi của 3 nước, lấy 2 cột làm hiệu và chia ra làm 3. Một là Trưởng Giả trong đời; hai là Trưởng Giả xuất thế; ba là quan tâm Trưởng Giả. Thế ấy gồm 10 đức. Một là dòng dõi cao quý; hai là địa vị cao sang; ba là giàu có lớn; bốn là uy lực; năm là trí tuệ sâu dày; sáu là tuổi cao; bảy là việc làm trong sạch; tám là đầy đủ lễ nghĩa; chín là được xưng tán và mười là ở dưới hướng về. Tánh ấy như Tam Hoàng Ngũ Đế. Nhà có người hầu. Vị ấy như là một ông Tướng. Còn việc giàu có như nhiều vàng, bạc. Uy đức nghiêm trang chẳng phải chẳng cung kính được. Trí ấy uy vũ, có quyền uy siêu bạt. Tuổi thọ như cây cao. Còn việc làm chẳng có việc gì là không như lời nói. Lễ ấy chính là sự điều độ theo thuật xử thế ở đời. Bên trên là chỗ cung kính của người. Bên dưới nghĩa là 4 biển đều quay về. Nếu 10 đức ấy mà đầy đủ thì gọi là Đại Trưởng Giả.

Còn xuất thế Trưởng Giả nghĩa là được sanh ra trong 3 đời chơn như thật tế như Phật. Thành tựu với đạo nghiệp 10 hiệu chẳng gì sánh được. Pháp và tài vạn

đức, tất cả đều đầy đủ; mười lực hùng dũng hàng phục tà ma bên ngoài. Một tâm ba trí chẳng có đâu là không thông suốt, sớm thành chánh giác từ xa trở lại đây. Ba nghiệp tùy theo trí vận động, chẳng mất đi. Uy nghi đầy đủ như Phật, tâm như biển rộng. Mười phương các cõi đều xưng tán. Bảy loại phương tiện đến để nương nhờ. Đây gọi là xuất thế Phật Trưởng Giả.

Tam quán tâm nghĩa là trí tuệ từ thật tướng mà xuất ra. Sanh nơi nhà của Phật thì chủng tánh chơn chánh. Tam hoặc chẳng khởi, tuy rằng chưa có phát ra sự chơn thật. Rồi mặc áo Như Lai, gọi là tịch diệt nhẫn. Tam đế hàm tàng tất cả các công đức. Nhờ huệ chánh quán mà hàng phục ái kiến. Trung đạo song chiếu, quyền thật lại rõ ràng. Xưa nhờ tích tụ những căn lành và hay tu về quán nầy và quán nầy ra khỏi trên bảy phương tiện. Quán nầy quán về tâm tánh, gọi là thượng định. Tức là tam nghiệp chẳng sai. Trải qua các duyên cũng như cảnh, uy nghi chẳng mất, nên quán như vậy; thì tín sâu và có tướng rõ biết. Chư Phật đều vui mừng. Tán thán kẻ giữ gìn pháp nên trời rồng và 4 bộ chúng đều cung kính cúng dường

Câu văn phía dưới nói rằng: Phật Tử trụ ở đất nầy tức là Phật thọ dụng. Kinh hành và ngồi nằm, liền gọi người nầy là Phật, há chẳng gọi là quán tâm Trưởng Giả. Bây giờ dùng 10 đức ấy chiếm đầy đủ ý nghĩa nơi kinh, mà thiếu một câu văn.

Quốc, ấp, tụ lạc có một vị Trưởng Giả. Ba nơi gọi là lớn, há chẳng phải vì tộc họ cao quý. Trưởng ấy há

chẳng phải địa vị cao. Suy ấy há chẳng phải là già. Tài phú vô lượng há chẳng phải là quá đầy đủ. Có nhiều nhà cửa ruộng vườn phân chia đồng đều, há chẳng phải là có trí tuệ sâu xa. Có nhiều nô bộc há chẳng phải là kẻ có thế lực. Nhà nầy to lớn, há chẳng phải là vị Thầy đức hạnh. Nhưng chỉ có một cửa, há chẳng phải dạy bảo răn người chỉ có một con đường. Có nhiều người làm tức là có kẻ qui thuận. Tuy nhiên thiếu một câu văn nói về việc kính phục người bên trên. Nay dùng chữ lớn để thêm vào. Chỗ biết của người lớn ấy gọi là đại.

Từ „Người nầy già suy" trở đi; có 3 sự ca ngợi về đức nghiệp. Đức ấy có trong và ngoài. Trong ấy chính là trí tuệ; ngoài ấy tức là tài vật. Tuổi cao, quảng bát xưa nay dụ cho trí đức của Đức Phật. Già suy ấy của căn và ý chí thuần thục ấy dụ cho đoạn đức của Phật. Của cải giàu có ấy dụ cho cái đức nằm bên ngoài. Vô lượng ấy tổng dụ cho vạn đức vậy. Nhà cửa thì dụ riêng. Đất đai ở đây có thể dưỡng nuôi mạng sống, dụ cho thiền định cùng Bát Nhã. Nhà cửa có thể là chiếc thang của thân, dụ cho thật cảnh làm chỗ thác của trí. Lược nói có 18 cửa không. Nói rộng thì có vô lượng cõi không. Nếu luận về phước đức thì chẳng có hạnh nào mà chẳng tu. Nếu luận về trí tuệ thì chẳng có cảnh nào mà chẳng chiếu sáng. Cho nên nói rằng: Có nhiều nhà cửa.

Nô Bộc là kẻ ở dùng để giúp người, dụ cho phương tiện tri kiến; tất cả đều đầy đủ. Cùng với ánh sáng trong 6 đường theo đó mà thuận nghịch vạn lần tức là thật trí của kẻ ăn người ở. Hai là nhà nầy rộng lớn. Nhà cửa ở

đây dụ cho sự an ổn, đối với chỗ chẳng an. Chẳng an ổn đây dụ cho 3 cõi. Chúng sanh tất cả đều ở nơi nhà của ba cõi. Như Lai ứng hóa nơi nhà nầy. Cho nên nói là to lớn vậy. Tuy là 3; nhưng chỉ có một cửa; điều nầy dụ cho các pháp môn tuyên bày chỉ nói về con đường của Phật.

Đạo Tràng Quán nói rằng: Cái lý của thật tướng chẳng khác. Huệ ấy lại tuyên dương có một. Không đường nào ra khỏi được nữa; cho nên nói rằng một cửa.

Quang Trạch nói rằng: Ba cõi tuy rằng rộng và 90 lần gọi là lớn; nhưng luận ấy về việc ra khỏi nầy, chỉ có lời dạy của Phật. Cho nên nói một cửa. Bây giờ làm rõ cái lý đơn thuần về cửa ấy. Lý ấy chẳng thông thì cửa nào mới có ý nghĩa? Đơn giản nói là cửa. Người có thể qua được; nhưng với ý gì lại chẳng ra khỏi? Nay giữ cái lý nầy làm chỗ dạy bảo. Câu văn cho biết rằng dùng lời dạy của Phật để làm cửa. Ra khỏi 3 cõi khổ, được chứng cửa Niết Bàn lại có hai. Đó là cửa nhà và cửa xe. Nhà ấy chính là chỗ sống chết. Cửa ấy chính là con đường cần thiết để ra. Phương tiện nầy dạy cho biết rõ ràng. Còn xe ấy chính là pháp Đại Thừa. Cửa ấy chính là làm rõ chỗ Viên Giáo. Nếu là cửa của nhà thì cũng là cửa của xe. Đầu tiên dùng 3 xe để cứu con và nếu ra khỏi được lại cho xe lớn. Nếu ra khỏi được cửa rồi thì chẳng vào lại. Kết quả của xe, nhà khác nhau.

Bốn, năm trăm người là dụ cho chúng ở bên trên, tức là 5 con đường. Năm điện đường lầu các ấy dụ cho sự an ổn bên trên và đối lại với pháp chẳng an ổn là ngũ trược vậy. Trước tiên ra khỏi chỗ nơi nhà bị thiêu đốt;

đây dụ cho quả báo của 6 đường. Kế đến là làm rõ việc có khả năng đốt cháy của lửa. Đây dụ cho 8 khổ của ngũ trược. Chỗ ở ấy dụ cho dục giới. Lầu các ấy dụ cho sắc giới và vô sắc giới. Tường vách dụ cho tứ đại. Tần Lạc dụ cho sự giảm tổn, khuynh đảo nguy hại dụ cho sự biến đổi. Cây trụ ấy dụ cho mạng sống. Cây đòn dông dụ cho ý thức. Sự mục thối ấy dụ cho việc nguy hại chẳng lâu bền. Muốn làm cho dễ giải thích thì nên quán về sự giải thích nầy.

Nhà ấy dụ cho những phần bên dưới của thân thể. Các ấy dụ cho những phần bên trên của cái đầu. Tường ấy dụ cho da thịt. Tần Lạc ấy dụ cho sự già yếu. Cây trụ ấy dụ cho 2 chân. Sự hư hại ấy dụ cho sự vô thường. Cây đòn dông ấy dụ cho xương gân. Khuynh nguy ấy dụ cho thời kỳ lớn. Chỗ lấp khuất dụ cho ruột non và ruột già. Lại còn nói thí dụ về tâm v.v...

Chung quanh phía dưới làm rõ việc lửa có thể thiêu đốt. Tám khổ ấy biến dị nơi tứ đại và tứ sanh; cho nên nói là khắp cùng. Lại nữa tất cả đều là vô thường; cho nên nói là câu thời. Lửa đốt cháy dụ cho trước không, nay có. Trước không đây chính là khổ, vô minh cho nên có.

Từ „Lục trưởng giả chư tử" trở đi; có 30 người con dụ cho tánh dụ của những chúng sanh thượng trí, cùng gặp nhau học hỏi Phật Pháp, có liên hệ với tánh tướng của cõi trời, tức là ý nghĩa về những người con nầy. Tánh dục ấy có khác. Nếu đủ 10, tức là con của Bồ Tát; hai mươi, ba mươi ấy là con của Nhị Thừa. Cơ hội nầy được

ra khỏi nhà; cho nên gọi là con. Nếu chẳng có cơ hội nầy thì 500 người ấy hoặc là (Bích) Chi Phật xuất thế. Chưa giống nhau. Hoặc là nhiếp Tiểu Thừa, hoặc là nhiếp Trung Thừa. Tất cả gọi đủ là 10. Tất nhiên gồm 10 trí tánh cho nên nói rằng bên trong có trí tánh, thường chẳng phải như thật trí tánh. Ba câu kệ bên trên, trước là tụng về thật và sau tụng về quyền. Nay tổng dụ lại thì trước thật sau quyền v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển 5 (Phần bên trên)

Dịch xong phần nầy vào ngày 2 tháng 6 năm 2010 nhằm ngày 20 tháng 4 năm Canh Dần (ngày Bồ Tát Thích Quảng Đức vị pháp thiêu thân năm 1963 tại Việt Nam) tại Hannover Đức Quốc trong mùa An Cư Kiết Hạ - Phật lịch 2554.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 5
(Phần dưới)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 2 tháng sáu năm 2010 tại Hannover.

Từ „Vị Trưởng Giả thấy lửa lớn" trở đi; là phần 2 của biệt dụ. Biệt nầy lại chia ra làm 4. Đầu tiên Trưởng Giả thấy về lửa. Dụ nầy như bên trên Phật thấy về ngũ trược. Có 4 hàng kệ làm căn bản. Hai là dụ cho việc xả bỏ bàn ghế, xe cộ. Dụ bên trên nầy nói Đức Thích Ca đã vì ngũ trược mà ngủ thì nhiều, cho lại ít; đầu tiên ngồi nơi Đạo Tràng, 17 câu kệ rưỡi làm căn bản. Ba là việc ra lệnh cho các con, dụ ra được thì cho xe lớn. Dụ nầy ý nói Đức Thích Ca hiển bày tướng chân thật và „ta thấy Phật Tử có ý cầu Phật đạo" gồm 6 hàng kệ và lấy đó làm căn bản. Bốn là Trưởng Giả dụ cho việc không hư vọng. Dụ nầy nói về: „ta làm vị vua của Pháp" gồm hai hàng rưỡi kệ, làm căn bản. Tựu chung gồm: Đầu tiên thấy lửa. Câu văn nầy lại chia làm 4. Ý nầy lại có 3. Một là làm sáng tỏ việc có thể thấy; hai là làm sáng tỏ chỗ thấy; ba là làm sáng tỏ chỗ lo sợ; bốn là rộng biết chỗ thấy trước. Tạo thành 3 ý là: Trưởng Giả thấy cái ngọn thò ra nên có thể thấy. Dụ nầy là do „ta dùng Phật nhãn để xem thấy. Đó là lửa lớn đang vây chặt bốn bên nổi lên. Ngọn ấy ra khỏi nên thấy, dụ cho chỗ thấy nơi 6 đường của chúng sanh, liền quá sợ hãi. Dụ nầy về chúng sanh; cho nên mới khởi tâm đại bi, mà các con lại bị ở trong lửa.

Nói rộng thì phần hai là chỗ thấy lửa. Trở lại việc giải thích nầy thành ý nghĩa của việc sợ hãi. Thân thọ lãnh tâm pháp; tức là ngôi nhà có 4 bên. Từ 4 phía nầy mà khởi lên sạch, vui v.v… gồm 4 điên đảo. Lửa của 8 sự khổ đang tụ tập nơi ấy. Nếu thân nầy rõ biết là bất tịnh, khổ, vô thường, tức là lửa phiến não sẽ diệt. Ngày xưa có 3 cách để giải thích. Một nói là Tứ đại chính là 4 phía. Sáu thức nằm ở giữa. Hai ấy là tứ sanh; ba gọi là bốn điên đảo. Nương vào câu văn ở dưới thì dùng, sanh, lão, bệnh, tử làm 4 phía, liền quá sợ hãi. Nhớ lại việc nầy liền thối lui việc lành; cho nên lo sợ. Buồn rầu rồi khởi lên việc xấu; cho nên lo toan. Sợ ấy chính là đối lại với sự nhớ nghĩ lòng từ mà chẳng được vui. Lo ấy tức là đối lại với bi ưu. Việc nầy lại sanh ra sự khổ. „Ta tuy có thể làm cho mọi người ra khỏi chỗ chán nầy được an ổn"; tức là việc giải thích về sự lo sợ nầy do từ bi mà thành tựu. Tuy là từ sau cùng mà làm rõ nơi Phật đã dùng lực trí tuệ có thể tìm đến lời dạy chơn chánh để thấy chỗ giải thích chơn thật. Chẳng vì ngũ trược bát khổ là chỗ nguy hiểm mà gọi là an ổn. Bốn điên đảo ấy gió thổi chẳng lay động; cho nên gọi là ổn. Cuối cùng được ra khỏi sự nhọc mệt ấy.; cho nên gọi là được ra khỏi; mà chúng sanh thì chẳng phải như vậy. Vì chỗ bị lửa đốt; nên Như Lai từ bi giống như lo lắng bị lửa đốt; cho nên nói như vậy. Qua lời nói về chỗ đốt ấy chính là cái cửa. Nay hỏi rằng: Lời dạy ấy là do vì cái cửa thì lời dạy nầy có phải vì sự đốt cháy hay chẳng phải vì sự đốt cháy? Để cứu vớt thì cho rằng: Giáo môn ấy chẳng đốt cháy được cánh cửa của Phật dạy được mà có thể thông qua việc đốt cháy nơi

con người. Chỗ qua con người đó, bị đốt cháy. Có thể gọi đây là thông môn và chính là sự đốt cháy. Như trong cửa ấy có người chết, thì gọi cửa nầy là sung môn; nhưng thật ra chẳng có sung.

Lại hỏi rằng: Nếu như lời dạy ấy là thường còn, chẳng phải pháp hữu vi. Nếu chẳng phải như vậy thì vì sao lại chẳng bị đốt cháy, mà nay lời giải thích lại chẳng phải như vậy.

Phàm cửa ấy có đồ vật hay không có. Không có đồ vật thì chẳng lấy gì làm tiêu đích của cái cửa. Chẳng phải không, mà không ấy lấy thông vậy. Đồ vật ấy có thể bị đốt cháy; nhưng cái không thì chẳng thể đốt được. Lời dạy có thể làm sáng tỏ cho các chỗ. Nếu chẳng làm sáng tỏ bằng lời thì chẳng lấy đó làm lời dạy. Nếu chẳng phải chỗ làm rõ thì vì sao được ra khỏi? Lời nói rõ ràng ấy có thể là vô thường; nhưng chỗ giải thích ấy lại chẳng phải là vô thường. Được sự dạy dỗ cho nên được giải thích; gọi đây là sự an ổn, được ra khỏi. Có thể sự giải thích ấy bị ma sát mà mất đi. Cho nên nói là cái cửa bị đốt cháy. Nếu chẳng từ cái cửa thiêu đốt nầy thì tại sao ra khỏi được một cách an ổn vậy? Cái gốc ấy đối với lời dạy dỗ, cốt ở nơi sự giải thích rõ ràng.

Đại Kinh nói rằng: Cái nhơn vô thường cho nên cái quả là thường. Nếu như lời giải thích nầy căn cứ theo kinh thì đối với cái cửa bị đốt cháy ấy Tiểu Thừa cho rằng vô thường giáo môn và từ cái cửa bị thiêu đốt nầy mà ra. Còn Đại Thừa là thường trụ giáo môn. Câu văn ấy liền ra khỏi. Lời dạy nầy chính là lý; còn thể ấy đạt được ở chỗ

thiêu mà chẳng thiêu, được an ổn ra khỏi. Cuối cùng rồi cũng phải hiểu là chỗ quyền, trí của Như Lai. Tức là từ chỗ cửa bị thiêu đốt, được ra khỏi. Nếu tự chung thật trí thể, đối với chỗ thiêu ấy an ổn mà ra; cho nên trước đó phải nương vào sự hướng dẫn để mà ra chẳng được. Sau đó do vô thường mà ra khỏi; tức là ở ý nầy vậy. Đắm say ưa thích. Dính mắc chỗ thấy gọi là mắc vào niềm vui và yêu mến; gọi đây là hí. Lại bị chìm đắm qua 4 cái thấy; gọi đây là niềm vui. Sách nhà Đường gọi đây là hí. Dính mắc vào tình ái cũng như vậy. Đắm chìm nơi ngũ trần thì gọi đây là vui. Chẳng có chỗ nào chẳng rộng mở; gọi là hí. Không sanh từ chỗ chết, mà chẳng rời bỏ, như kia vui với đứa bé, chẳng rõ biết, cả hai chẳng nói có lửa; gọi đây là chẳng biết. Chẳng rõ biết lửa đang đốt pháp; gọi đây là bất tri. Tức là chẳng rõ được sự đốt cháy của lửa. Chẳng sợ bị thương tật nơi thân; gọi đây là chẳng lo. Chẳng lo mất mạng; cho nên nói là chẳng sợ. Chúng sanh hoàn toàn chẳng rõ biết về ngũ ấm và tám sự khổ. Chẳng rõ 4 điên đảo và 3 độc; tức là chẳng biết hoặc làm lo lắng như thế nào. Hoặc ấy xâm phạm pháp thân, làm thương tổn đến huệ mệnh. Như vậy chẳng rõ biết về sự khổ. Sự chẳng biết ấy nhóm chứa lại; chẳng sợ làm thương tổn nơi đạo; chẳng sợ thất lạc mất mát. Vì chẳng nghe Tứ Đế dạy dỗ; cho nên chẳng nghe được huệ; gọi đây là bất giác. Chẳng được tư huệ; nên gọi đây là bất trí. Chẳng được kiến giải; nên gọi đây là bất giác. Chẳng được tư duy giải; nên gọi đây là bất tri. Thấy được chân lý tức là lo chỗ ngộ. Tư duy tức là tránh sự sợ, lại chẳng giác; nên hiện tại khổ. Bất tri thì cái khổ nằm ở vị lai. Cho

nên câu văn tiếp theo nói rằng: Hiện tại thọ nhận những sự khổ và sau nầy sẽ thọ quả ở địa ngục cùng với những sự khổ khác; tức là ở nghĩa nầy. Bực bội thân nầy với ngũ thức. Tâm ấy tức là ý thức của tâm vương. Thân là chỗ bức bách của 8 khổ, mà tâm lại chẳng che giấu sự não phiền. Lại cũng nói rằng: Gặp gỡ những mầm mống công đức Đại Thừa, lấy pháp thân trí tuệ nầy làm thể. Thể ấy là chỗ bức bách của 4 sự điên đảo, mà chẳng hay chẳng biết. Tâm chẳng lo toan; chẳng sợ vô thường, khổ; chẳng lo đến sự chứa nhóm của sự não phiền; cũng không có ý cầu ra khỏi. Chẳng tu hành, cầu giải thoát. Bây giờ đây cái nhà lửa ấy là chỗ chính, dụ cho 5 trược. Vui ấy dụ cho kiến trược; mừng ấy dụ cho phiền não trược; chẳng rõ, chẳng biết, chẳng lo, chẳng sợ ấy dụ cho chúng sanh trược. Khi lửa đến bức bách thân khổ bịnh đau đớn dụ cho mệnh trược. Tâm nầy chẳng lo toan, chẳng cầu ra khỏi, dụ cho kiếp trược. Ở đây cùng với tướng của 5 trược như vậy v.v…

Từ „Vị Trưởng Giả nầy liền suy nghĩ như thấy nầy" trở đi; đây là phần xả bỏ thứ hai dùng xe để thí dụ. Dụ bên trên là nhận lớn bỏ nhỏ. 6 hàng rưỡi phía trên làm rõ chỗ chờ đợi lớn chẳng được. Sau đó 11 hàng dùng sự chờ đợi nhỏ thì được. Bên trên không được lại có 3. Một là suy nghĩ chờ đợi; hai là chẳng đủ căn cơ; ba là liền hóa. Nay dụ ấy chia làm hai. Đầu tiên dùng khuyến môn để chờ đợi chỗ nghi. Hai là dùng huấn môn để chờ đợi việc như thế. Tựu chung sự khuyến, huấn ấy mỗi thứ có 3. Một là chờ đợi sự việc như thế; hai là chẳng nhận và ba là bỏ rơi. Khuyến môn ấy có ba. Một là từ „Trưởng Giả

suy nghĩ về thân thể, tay chân có sức mạnh" trở đi; dụ cho sự nhớ nghĩ bên trên dùng sự lo lớn để hóa nơi 21 ngày và sự suy nghĩ như việc nầy. Hai là từ „Lại suy nghĩ nữa" làm rõ chỗ con cái chẳng chịu nhận. Dụ nầy nói về những chúng sanh không có căn cơ và bị đần độn, làm sao có thể độ được. Ba là từ „Hoặc bị rơi vào chốn lửa đốt cháy"; nghĩa là bỏ mất việc lành. Thí dụ trên đây nói với những kẻ không có căn cơ, ta đã hóa, chẳng thuyết pháp, bệnh tật và vào Niết Bàn. Trưởng Giả suy nghĩ như thế nầy dụ cho sự suy nghĩ 21 ngày bên trên. Còn tay chân ấy dụ cho những việc làm bên dưới, dụ ấy nói về việc thường dùng thần lực cũng như trí huệ lực; dùng sự giải thích về thí dụ nầy. Thân dụ cho thần thông mang vác. Tay dụ cho trí tuệ đề bạt; nương vào Tam Muội đoạn đứt, liền có thần thông. Nương vào trí tuệ trí đức, liền có sự thuyết pháp. Trí đoạn nơi lực, có thể thành pháp thân. Trí đoạn nầy trở lại từ sự khuyến, huấn hai cửa mà vào. Khuyến ấy là con người tất đàn (thành tựu); huấn ấy là sự đối trị của tất đàn. Đây là hai tất đàn. Vì đệ nhất nghĩa của tất đàn mà tạo ra phương tiện. Đức Như Lai đầu tiên muốn khuyến môn, rộng tuyên bày cho chúng sanh và khiến chúng sanh lành làm thành tựu Thập Lực, vô úy tất cả chủng trí, mà chúng sanh chẳng kham nổi. Thứ đến muốn dùng giới môn rộng nói, làm cho các việc ác không còn, chứng được Niết Bàn; nhưng chúng sanh chẳng kham nổi; không có cơ duyên để cảm hóa. Cho nên Ngài rõ biết dùng Đại Thừa chỉ để khuyên nhắc cả 2 Tất Đàn (thành tựu), thần thông trí đoạn; cho

nên như câu văn ở trên nói. Định huệ lực trang nghiêm, lấy đây để độ chúng sanh; tức là ở nghĩa nầy vậy.

Phần đầu ca ngợi Trưởng Giả; nhưng sự già suy tức là dụ cho việc trí tuệ đoạn mất. Trí đoạn tức là sức mạnh của thân thể tay chân vậy. Nương vào người chỉ dẫn theo Tam Tạng Pháp Sư giải thích là sự nương tựa ấy ở ngoại quốc có một loại cây hoa đẹp, đem dâng tặng cho người quý tộc dùng để cất chứa. Xưa nói rằng: Y khâm ấy dụ cho cái nhơn của Đại Thừa. Người hướng dẫn đó dụ cho cái quả của Đại Thừa. Đầu tiên xiển dương cả nhân quả của Đại Thừa. Đây chính là không cơ duyên vậy. Ngày xưa lại nói rằng: Việc nầy dụ cho giới, định, huệ của Đại Thừa. Bảy ngày đầu tiên suy nghĩ về chỗ được pháp. Điều nầy giống như dùng áo mặc (y khâm); bảy ngày thứ hai suy nghĩ về căn duyên của chúng sanh như dùng con người. Bảy ngày thứ ba suy nghĩ về cây cối, đất đai và ân nghĩa, như dùng cách chỉ bày. Nghĩa nầy được nói ra trong kinh A Hàm. Nay thâu lại thí dụ nơi câu văn. Nếu ta hay dùng thần lực và trí huệ lực để tán thán trí kiến lực của Như Lai vô sở úy, thì chúng sanh chẳng thể lấy đây để độ. Thần lực chính là thân nầy. Huệ lực tức là tay nầy. Như trước đã nói. Tri kiến dụ cho mặc áo (y khâm). Vô úy dụ cho con người. Thập lực dụ cho sự hướng dẫn. Như Lai dùng thần thông phát động 3 pháp nầy, dùng trí tuệ để nói về 3 pháp nầy; kẻ không có cơ duyên biến mất. Mặc áo (y khâm); con người; hướng dẫn v.v… ở đây lược bớt.

Nói lược gọi là Như Lai tri kiến. Trí tức là tất cả chủng trí; kiến tức là Phật nhãn. Gọi là lược bớt nghĩa đen. Giống như phủ kín (y khâm) một chân, mà nhiều chỗ bao hàm. Ở trong ấy nói liền gọi là Tứ Vô Sở Úy, dùng để đối lại với Tứ Đế của con người. Đối với pháp thì có nhỏ, có rộng. Đối với vật nhỏ thì an ổn; hoặc tạo ra việc nói rộng; gọi đây là Thập Lực. Qua lại khái quát, như bàn nhiều chân, tức chẳng thể khuynh đảo được. Đối với pháp, vật rộng thì an ổn nhiều. Đối với sự suy nghĩ trong thất thứ ba muốn làm cho việc nầy rộng nói Phật Pháp, mà chúng sanh thì chẳng kham nổi; cho nên nói là mặc áo (y khâm), con người, chiếc bàn. Ở dưới sự suy nghĩ ấy, lần thứ hai làm rõ cho thấy đứa con chẳng thọ nhận; giống như trên chẳng có căn cơ. Duy chỉ có một cửa, mà lại cửa hẹp nữa. Cánh cửa như bên trên đã nói; nay lại làm rõ chỗ Thông, Biệt. Biệt đây chính là một nghĩa, một lý; một con đường thanh tịnh. Cửa đây nghĩa là chánh giáo. Thông ấy là chỗ thông. Nhỏ ấy chính là chẳng dung chứa được, đoạn thường bảy phương tiện v.v… Giáo lý ấy rộng rãi; nghĩa là chẳng phải nhỏ hẹp. Chúng sanh chẳng thể dùng cái lý nầy để tự thông. Nói chuyện với nhau chẳng hợp căn cơ; cho nên nói là nhỏ hẹp.

Thông ấy là cái lý đốn, chẳng tạp; cho nên nói là một; tức là lý ấy có thể thông; cho nên nói là môn (cánh cửa). Vi diệu khó rõ biết cho nên nói là nhỏ hẹp. Giáo ấy nghĩa là 10 phương chân lý cầu được chẳng dư thừa. Duy chỉ có một Phật Thừa cho nên nói là một. Lời dạy nầy có thể thông; cho nên nói là môn. Lời dạy nầy vi diệu, phàm phu chẳng thể rõ biết chỗ ra khỏi. Đây chính

là chẳng rõ quyền, chẳng rõ nhập xứ. Đây chính là chẳng rõ thật. Nhị Thừa nhơn nghe đây, phát ra trí nhỏ; nên vĩnh viễn chẳng thể nhập vào trí. Bồ Tát tuy tự biết ra khỏi, lại chẳng thể biết vào. Đoạt 7 phương tiện, tất cả đều chẳng rõ biết chỗ vào ra.

Câu văn trên nói rằng: Nếu ta xưng tán Phật Thừa thì chúng sanh rơi vào chỗ khổ. Chẳng thể dùng giáo để tự thông.

Cùng nói chuyện với nhau nhưng chẳng đủ căn cơ; cho nên nói là hẹp, nhỏ. Hành giả theo cái nhơn tròn đầy, tự thực hiện. Đi trên đường lớn, đường ấy chẳng giữ lại sự khó khăn. Cho nên nói là một. Lành thay con đường Bồ Tát, đến thẳng đạo tràng; cho nên nói là cửa. Diệu hành, nan hành, phương tiện, vô cơ cho nên hẹp, nhỏ.

Xưa giải rằng: Người, Trời lành ít cho nên nói là ấu trĩ. Không có duyên lành nơi Đại Thừa cho nên nói là chưa có chỗ hiểu biết. Nay làm rõ 20.000 chỗ dạy dỗ về con đường vô thượng. Kẻ yếu đuối với căn lành Đại Thừa gọi là ấu trĩ. Nếu nghe Đại Thừa mà hay sanh hủy báng thì đây gọi là chưa rõ chỗ hiểu biết.

Luyến trước chỗ vui như trước đã làm rõ chỗ ít điềm lành; điều nầy chứng minh cho việc xấu ác mạnh lớn. Tức là cái nguyên nhân nầy sâu xa đắm trước về thấy, yêu. Quả ấy chìm sâu vào y, chánh (báo). Ở Dục giới thì đắm trước lục trần. Sắc giới thì đắm trước Thiền Vị. Vô sắc giới thì đắm trước ở định.

Câu văn trên nói rằng: Các căn của chúng sanh độn, đắc trước vui say, si mê tăm tối, nên chẳng kham nổi việc nghe Đại Thừa vậy. Hoặc đang bị đọa lạc vào nơi hầm lửa đang bị đốt cháy. Chỉ có 2 câu nầy gọi là từ bỏ việc lành hay. Đọa lạc ấy lại có hai. Một là ấu trĩ, nhớ nghĩ về chỗ vui ban đầu; cho nên bị đọa lạc. Hai là cả 2 đều chẳng nhận thức, chấp vào vật, chẳng chắc chắn; cho nên đọa lạc. Thí dụ cho biết đắm trước và ngũ dục thì sẽ đọa vào Tam Đồ (ba đường dữ). Hai là lành ít, chẳng suy nghĩ, hủy báng Đại Thừa; cho nên bị đọa vào Tam Đồ vậy.

Từ „vì nói sợ hãi" trở đi; phần thứ 2 đối trị môn có 3. Một là cử tuyên đối trị. Chỉ bày chỗ sợ hãi để ra khỏi. Tướng của sự đối trị như trong Đại Phẩm có nói; Trí Niệm là Ma Ha Diễn (Đại Thừa); chẳng thể được vậy; khác xa đối với Tiểu Thừa; liền dính mắc vào chỗ vui khoái. Nói việc lo sợ là làm cho được khỏi ngũ trược bị đốt cháy cũng như ngôi nhà ngũ ấm; khuyên nên xa lìa. Nếu ở đó lâu dài đắm nhiễm, tất nhiên sẽ đoạn mất căn lành; cho nên nói rằng chẳng làm cho lửa đốt cháy được.

Từ „người cha tuy thương xót" trở đi; thấy con lại chẳng nghe lời dạy bảo; chẳng lo chẳng sợ; chẳng tỏ ra nghe lời và suy nghĩ như trên đã nói; chẳng rõ biết 8 khổ, ngũ trược hay đốt cháy những căn lành, như chẳng hề rõ biết lửa; chẳng rõ biết ấm, giới, nhập, pháp là những chỗ chứa khổ; giống như chẳng rõ biết căn nhà ấy; chẳng lo bị mất pháp thân và chẳng rõ cái gì sẽ bị mất.

Rồi từ Đông Tây liền mau chạy đến người cha. Chỉ 2 câu nầy là nói việc rời bỏ cái nhà (cháy) khổ sở đó. Tất cả phía sau làm rõ cái hướng tối tăm phía Đông, Tây. Đó là việc sống chết tới lui mau chóng như việc chạy trốn vậy. Ở giữa đó khi thấy, khởi lên niệm yêu thương như niềm vui. Tuy dùng sự củng cố to lớn; chẳng phải từ lời dạy to lớn; cho nên nói rằng: người cha đã hài lòng.

Từ „Trưởng Giả liền nghĩ rằng nhà nầy đã bị lửa đốt cháy" trở đi; liền sau đó phần thứ hai dùng xe để thí dụ. Thí dụ bên trên tìm về quá khứ chỗ Phật thực hành phương tiện lực gồm 11 hàng kệ. Câu văn trên lại chia ra làm 4. Nay lại thí dụ cũng có. Một là đưa ra thí dụ cho 3 xe; thí dụ bên trên tìm về Phật quá khứ lại cũng hóa ra 3 Thừa như vậy. Hai là người cha rõ biết tâm trước, thí dụ chỗ ưa thích. Thí dụ bên trên là tạo ra sự suy nghĩ về 10 phương chư Phật; tất cả đều hiện hữu. Ba là tán thán dụ cho 3 chiếc xe. Dụ ở bên trên nầy chỉ là cho Tam Thừa. Suy nghĩ việc nầy rồi liền đến Ba La Nại. Bốn là chính người con có nguyện như vậy. Dụ nầy là lãnh thọ, thực hành và ngộ nhập. Đây gọi là chuyển pháp luân. Đại Thừa hóa hiện công phu như mệnh lệnh của người cha. Chúng sanh lành thay như đời sống của các con. Việc thiện lớn nầy nếu hết thì đời sống của các con cũng tận diệt. Mạng sống của các con mất đi tức là hóa công cũng hỏng, liền đó mạng sống của người cha cũng mất đi. Như trước đã nói về bịnh khổ bức bách, dụ cho việc chưa chết nầy. Nay nói bị đốt cháy tức là nghĩa chết vậy. Câu văn trên đối với nơi cửa bị cháy mà an ổn ra khỏi được. Nay lại nói nếu chẳng ra, liền bị thiêu đốt. Nghĩa nầy nói

điều gì? Trước nói ra khỏi, tức là pháp thân ra khỏi. Nay nói nếu chẳng ra khỏi tức là ứng thân đồng với bệnh tật. Chúng sanh có điềm lành cùng với ứng thân ra khỏi. Nếu chúng sanh đoạn những việc lành thì chẳng thể cùng với pháp thân ra khỏi được. Liền đó bị thiêu đốt. Nay muốn ứng thân rộng mở cho ra khỏi.

Từ „Ta nay đang tạo ra phương tiện muốn giả làm quyền" và từ „Rõ biết tâm con" trở đi; phần thứ 2 làm rõ chỗ cơ duyên có thể độ được. Ở đây chứa nhóm những việc nhỏ, rõ biết tâm phía trước và tánh ưa muốn chẳng giống nhau. Cho nên biết rằng, mỗi mỗi đều có chỗ ưa thích. Lại rõ biết chúng sanh tích chứa điều to lớn. Nếu sự huân tập lớn ấy còn mỏng thì việc lớn ấy yếu. Chán cảnh già, bệnh, chết; cho nên dùng việc nhỏ để tiếp cận. Đây lại mạnh cho việc nhỏ. Như Thân Tử (Xá Lợi Phất) thoái lui giữa 6 tâm. Cái căn bản của sự hội tập lớn gọi là rõ biết tâm trước. Còn ở giữa thì chán lão, tử cho nên gọi rằng: mỗi mỗi đều có chỗ ưa thích.

Từ „mà nói lời rằng" trở đi; phần thứ 3 là tán thán 3 xe khó có để thí dụ. Thí dụ ấy chính là việc chuyển pháp luân. Đây tức là 3. Nghĩa là quyền, thị và chứng. Từ „vui chơi hy hữu" trở đi tức là quyền chuyển. Như „các loại ấy" tức là chỉ cho việc chuyển đổi các ngươi nơi nhà lửa nầy khiến cho ra khỏi và đến cùng với ngươi. Đây chính là chứng chuyển.

Từ „Lúc bấy giờ các con nghe cha nói" trở đi; phần thứ 4 là dụ cho sở nguyện của các con. Dụ nầy là thọ nhận việc thực hành việc ngộ nhập. Kệ phía trước vốn đã

lược; nay thí dụ sự việc rộng rãi hơn. Riêng xác nhận việc tu nhơn cho đến quả là nương vào 6 câu để giải thích. Một là như lời nguyện. Do căn cơ dạy dỗ, tương xứng. Đây chính là văn huệ vậy. Dũng duyên tức là tư huệ. Tâm suy nghĩ làm động sự yên tĩnh; tư ấy là huệ phương tiện. Hỗ tương bỏ ra; đưa ra 4 chân lý và bài bỏ kiến hoặc. Tà chánh chưa rõ; nên gọi là hỗ tương. Điều nầy khi vào tu huệ, thuộc noản đảnh vị. Cạnh (tranh) ở đây có nghĩa là giữ lại cái lý hơn. Đây chính là nhẫn pháp vị sánh với cái lý của Thủ Thắng. Đầu tiên quán 32 đế sánh với chỗ chơn đạo. Sau đó liền quán nơi pháp nhẫn khổ. Cùng với có nghĩa là ở đời thuộc đệ nhất pháp vị. Cùng quán một chân lý tức là cùng với khổ pháp nhẫn, 4 điều quán chẳng khác biệt. Chạy khỏi nghĩa là nhập vào thấy được con đường của 15 tâm. Liền được thấy lý. Dụ bên trên liền có âm hưởng của Niết Bàn. Phần giữa thấy được đạo là được Niết Bàn. Tranh ra khỏi nghĩa là con đường suy nghĩ, tranh ra khỏi 3 cõi, thành quả Vô Học (A La Hán). Đoạn lìa biết sự suy nghĩ, mới ra khỏi nhà lửa, tức là những câu kệ thí dụ bên trên cùng với tên gọi sai biệt của các pháp thuộc A La Hán.

Quán Tâm giải thích rằng: Trung Đạo chánh quán, quán thẳng thật tướng; tâm pháp tương xứng gọi đây là tùy theo sự mong cầu. Cảnh lại vô biên; cho nên quán cũng lại vô cùng; nên gọi là dũng (từ dưới vọt lên). Cảnh ấy nghiên tầm tâm; nên gọi là duyên (mềm mại). Tâm cảnh cùng nghiên tầm; gọi đây là hỗ tương thôi bài (đưa ra sự bài bác). Tâm vương, tâm số mau duyên vào với cảnh; gọi đây là cùng chạy theo bên nhau, trải qua tất cả

các ấm giới và nhập vào vô phi thật tướng; gọi đây là ra khỏi nhà lửa v.v…

Từ „lúc ấy Trưởng Giả thấy các con" trở đi; đây chính là biệt dụ. Lần thứ 3 hứa cho các con xe lớn. Dụ bên trên nầy hiển được tướng chân thật. Câu văn nầy lại chia làm 4. Một là người cha thấy con khỏi nạn nên vui mừng. Dụ bên trên về „ta liền nghĩ rằng: sở dĩ ra đời cho đến nay ta hoan hỷ chẳng lo lắng" gồm 2 hàng và lấy một câu kệ làm căn bản. Hai là các con dụ cho chiếc xe hư. Dụ bên trên là căn cơ Đại Thừa đã phát, ta thấy các Phật Tử có chí cầu Phật đạo; hoặc dùng tâm cung kính; tất cả đều đến nơi ta. Ở đây có 2 hàng kệ làm căn bản. Thứ ba là dụ cho các con xe lớn. Dụ bên trên nầy nói về các Bồ Tát, xả bỏ ngay phương tiện để nói đạo vô thượng, gồm có 3 câu làm căn bản. Thứ 4 là các con được xe liền hoan hỷ. Dụ bên trên cho biết khi các Bồ Tát nghe pháp, lưới nghi tất cả đều hết, gồm 1 bài kệ làm căn bản.

Phần thuyết pháp bên trên, trước là làm rõ chỗ căn cơ bộc phát. Sau đó nói các chướng tiêu trừ, Phật vui vô úy. Nay trong thí dụ nầy trước làm rõ chỗ khỏi nạn. Sau đó làm rõ chỗ xe xấu. Nếu muốn luận đủ phải gồm 4 câu. Trước trừ hết những chướng ngại, sau đó căn cơ mới phát. Giống như Tứ Đại Thanh Văn đối với ba tạng các chướng đều trừ.

Cuối Đại Phẩm, đầu Pháp Hoa, cơ lớn bắt đầu phát hiện. Hai chướng chưa trừ, căn cơ Đại Thừa phát. Như trong Hoa Nghiêm và trong Pháp Hoa, những phàm phu

được vào trí huệ Phật. Ngoài ra có 2 câu nói như bên trên. Nếu đại cơ, trước động (loạn) và sau đó chướng trừ; như trong phẩm Phương Tiện nói. Nếu trước trừ chướng, sau căn cơ động thì như nay nói. Cơ động chướng trừ hỗ tương trong hiện tại, cùng chung với nhau thành một ý vậy. Lại nữa phẩm Phương Tiện làm rõ chỗ Phật hoan hỷ việc chẳng sợ. Ở đây chính là những người con hoan hỷ. Dùng niềm vui của con; cho nên người cha cũng vui. Đây cũng lại là việc hỗ tương với nhau trong hiện tại, trở thành một ý chung. Tựu chung trong sự khỏi nạn ấy có 2 ý nghĩa. Đó là ra khỏi nạn; nên vui. Nếu các con chưa khỏi các nạn; thì người cha liền lo rầu. Nếu rời được khỏi lửa thì tâm lại thư thái. Cho nên việc khỏi nạn, vui mừng là một thí dụ. Dùng sự vui mừng của con, người cha nầy cũng vui lây, được dụ cho sự hoan hỷ của Phật vậy.

Bốn vệ đường ngày xưa gọi là bốn chướng dơ đã trừ khử như 4 phía đường tốt, liền được trừ một chỗ dơ, như ngồi trên đất; nay chẳng như vậy. Ngũ trược ngay đó là pháp cấu chướng, chưa luận về việc giữ đường; chẳng nên thí dụ cho lề đường. Lề đường chính là dụ cho 4 chân lý. Quán Tứ Đế khác, gọi là Tứ Vệ. Tứ vệ đồng nghĩa với thấy được chân lý. Như ở đầu đường thấy có ngăn trở tuy trừ; nhưng suy nghĩ chẳng giống; gọi là lộ địa. Ba cõi suy nghĩ tận cùng, gọi là lộ địa (đất trống). Trụ ở quả ấy chẳng tiến lên; cho nên gọi là ngồi. Chẳng thấy cần suy nghĩ chỗ ấy; cho nên nói là thư thái. Sanh, diệt qua khỏi, tưởng nhớ đến sự an ổn; cho nên nói là hoan hỷ. Mỗi mỗi đều thưa với người cha.

Phần thứ hai thí dụ cho xe rách. Câu văn nói: Nguyện cho chúng con 3 loại xe. Câu văn nầy chẳng có chữ nào nghĩa là hư nát. Nương vào đây để tìm từ chứng minh cho xe nát ấy. Có người nói rằng: Nhị Thừa là xe nát, còn Bồ Tát thì chẳng hư. Tạo 10 nạn ấy thật khó.

Thứ nhứt nói rằng: Nhị Thừa khi ra khỏi cõi; cho đến hứa đến nơi xe và sự hư ấy là cái quả của xe. Bồ Tát chưa đến nơi ấy thì làm sao có xe hư.

Thứ hai bảo rằng: Theo kinh Đại Thừa thì chẳng có Bồ Tát sai nơi quả của Tiểu Thừa; cho nên rõ biết việc chẳng hư ấy.

Thứ ba nói rằng: Các hóa Bồ Tát từ chỗ sơ phát tâm cho đến cuối cùng là Bổ Xá, tất cả đều là phàm phu, chẳng ra khỏi 3 cõi. Nghĩa đây tức là chẳng phải hư nát. Có thể các hóa Bồ Tát ở tâm thứ 33, thấy khoảng suy nghĩ chưa cùng. 34 tâm mới là Phật. Phật từ ai mà hư?

Bốn là cái quả của Nhị Thừa ở ngay tại cửa bên ngoài. Còn Phật quả thì ở tại tập khí, chẳng rõ bên ngoài cửa. Nhị Thừa đoạn chánh làm cho tận diệt; nên chẳng thấy xe; cho nên nói là hư nát. Còn Bồ Tát chưa đoạn tập, cùng với vô trí sao lại hư được.

Thứ năm là làm rõ chỗ phương tiện; cho nên nói là hư nát. Câu văn nói, duy chỉ có một sự thật; ngoài 2 thì chẳng có chơn thật. Dùng ở đây để đưa ra 2 việc hư nát một, mà lại chẳng hư.

Sáu là từ Đại Phẩm trở đi, cho đến Pháp Hoa phía trước, nhơn Phật thì quả Phật đều là phương tiện. Cuối

cùng thì cho gã cùng tử các tài sản quý báu. Tất cả cũng đều là phương tiện. Nếu cho tài sản chơn thật; tức là Đại Phẩm đã làm sáng tỏ Phật Thừa. Đây chính là những việc chơn thật, nào có gì là hư dối.

Bảy là trong bài kệ của phẩm Phương Tiện ngày xưa cho rằng nhỏ ấy là phương tiện; chẳng phải lớn ấy là phương tiện. Nên biết rằng Phật Tử Đại Thừa chẳng phương tiện thì sao lại có chuyện sai quấy.

Thứ tám nói rằng: Nếu cả 3 đều hư nát thì cái gì chẳng thể rõ được. Sự lãnh hội giải bày không; cho nên sự biết ấy cũng chẳng hư nát.

Chín là cuối cùng cho xe. Câu văn nói: Thấy chúng sanh ra khỏi 3 cõi khổ, được Niết Bàn an lạc; cho nên cho xe lớn. Bồ Tát chẳng chứng Niết Bàn.

Mười là các con ngồi yên cho nên cuối cùng người cha lại hư nát. Nhị Thừa vui với quả chẳng tu hành; cho nên ngồi yên đó, do vậy mà có việc hư thối. Bồ Tát việc làm chưa xong, không an ngồi, thì nghĩa nầy sao lại bị hư thối được?

Ta dùng sự tổng, biệt để nói sự hư hại ấy chính là việc cầu thỉnh tên riêng. Cái ý là cầu sự hư hoại. Ở miệng gọi là thỉnh sự sai trái; ở thân gọi là xin ăn trái phép. Như kẻ mông lung cầu rõ biết; như người đói muốn cầu việc ăn uống; như người mê hỏi đường. Kẻ phàm chẳng đạt đến chốn, sao lại có lý của việc chẳng sai. Do sự hư nát ấy mà hứa khả cho vậy. Hứa cho nên vui vẻ. Nay trong câu văn lại đầy đủ sự thỉnh cầu hoan hỷ. Trong pháp hội

ấy có 1.200 người, Thân Tử (Xá Lợi Phất) đứng đầu, đã ba lần thưa thỉnh. Trong các Bồ Tát thì có Di Lặc đứng đầu. Nơi miệng Phật sanh ra các con, nhiều khoảng 80.000 người chắp hai tay với tâm cung kính, muốn nghe đầy đủ đạo. Thí dụ nói lần đầu. Thân Tử vì những người trung căn mà thưa thỉnh, lại cùng với tứ chúng mà thỉnh, rồi vì những người hạ căn mà thỉnh.

Câu văn nói rằng: Lành thay Thế Tôn! Nguyện vì Tứ chúng mà nói nhơn duyên nầy, hứa khả nói pháp cho, rồi nói: Ngươi đã ân cần thưa thỉnh 3 lần há chẳng nói sao. Thí Dụ ấy sẽ nói: nói thí dụ ấy làm rõ cho nghĩa nầy. Nhơn duyên hứa nói và ta sẽ vì các ngươi mà nói về nhơn duyên của đời trước. Ta nay sẽ nói. Pháp được nói rồi, Thân Tử vui vẻ. Thí dụ ấy nói rồi. Ca Diếp cũng hoan hỷ. Chuyện đời trước nói rồi, Phú Lâu Na hoan hỷ. Lại chắp tay nói rằng: Làm cho chúng con ngày đêm, kiếp số thường được vui đùa, cùng với Bồ Tát Thừa là thừa (xe) quý báu để đi thẳng đến đạo tràng. Dùng niềm vui để biết vậy. Cùng với sự thưa thỉnh nên rõ biết. Ba lần 3 nghĩa, làm rõ câu văn chỗ đốt cháy. Vì sao lại nói khác; nói hai hư mà một chẳng hư. Riêng chỉ một nầy. Nơi Tam Tạng làm rõ Bồ Tát chẳng đoạn trừ hoặc; nương vào Pháp Hoa có 4 câu. Nghĩa là chướng trừ, đại cơ động; chướng chưa trừ, đại cơ động; cơ động nên rõ biết sự hư hại.

Việc thứ 2 nói rằng: Kinh Đại Thừa nói chẳng có Bồ Tát hư hại ở quả của Tiểu Thừa. Đại Phẩm nói rằng: Người của Tam Thừa đồng với việc nói đạo không có lời

nào; đoạn trừ phiền não, vào Niết Bàn. Đoạn phiền não giống vào Niết Bàn vì sao lại chẳng hư hại?

Điều thứ ba nói rằng: 33 tâm ấy gọi là Bồ Tát. 34 là đoạn tận sự suy nghĩ tức là thành Phật. Phật từ ai mà hư hại? Điều nầy dụ cho nghĩa của Tam Tạng. Thấy chướng chưa trừ, đại cơ sao động; huống là 33 tâm lại chẳng động sao? Động ấy tức là rõ biết sự hư nát.

Việc thứ tư là Bồ Tát chưa đoạn tập khí, chẳng rõ biết; nên chẳng hư hoại. Đoạn hết thành Phật. Phật từ ai mà hư hại. Đây là nghĩa của 3 thừa thông giáo. Đều cột chặt nơi chướng; nên đại cơ động; huống nữa là sự huân tập còn mà chẳng biết sao?

Điều thứ 5 là tuy chỉ một sự thật nầy, mà thật ấy chính là chơn thì sao lại hư hại được. Bị gặp chỗ tuyệt đối duy nhất ấy; ngoài một chẳng có pháp. Xưa chờ đợi nơi hai, mà duy chỉ có một. Ngoài một ấy lại có pháp; một ấy là giống nhau mà thể thì khác nhau, Trong bóng tối nhầm thấy ngói gạch là mắt con cá; nghĩa là ánh sáng tạo ra hình mặt trăng. Người ngu há có trí mẫn tiệp sao? v.v...

Phần thứ 6 nói về từ Bát Nhã đến Pháp Hoa cho tài và pháp giống nhau, chẳng có gì sai quấy. Ngươi chẳng nghe cùng và chẳng cùng Bát Nhã; chẳng cùng nên chẳng hư hại. Cùng ấy tức là chẳng sai quấy v.v...

Điều thứ 7 ở phần đầu của phẩm Phương Tiện nói về việc nhỏ ấy là phương tiện; chẳng nói việc lớn là phương tiện. Lớn chẳng phải là phương tiện; cho nên

chẳng dư thừa. Ngươi chẳng nghe thấy trong phẩm Lượng Thọ rằng: Ta lúc nhỏ xuất gia được Tam Bồ Đề; cho đến khoảng giữa hoặc nhỏ, hoặc lớn; hoặc ta; hoặc người. Tất cả đều là phương tiện. Chư Phật lại cũng như vậy, sao lại chẳng sai?

Điều thứ 8 nói rằng: Nếu Bồ Tát sai quấy thì Bồ Tát nên lãnh thọ giải bày. Lãnh giải liền không; cho nên biết rằng chẳng sai quấy. Ngươi đã chẳng nghe pháp rồi - trời, rồng 4 chúng đều lãnh thọ. Đây chẳng phải là Bồ Tát thì nghĩa là gì? Lại nữa trong phẩm Pháp Sư nói: Ba Thừa đều cùng ghi nhớ. Nếu chẳng lãnh thọ giải bày thì nhớ làm sao?

Điều thứ 9 là ra khỏi khổ tam giới thì được an ổn vui thú, lại cho, lại sai. Bồ Tát chưa ra khỏi, chưa chứng; cho nên chẳng hư nát. Giống như nghĩa của Tam Tạng vậy.

Điều thứ 10 nói về các con ngồi yên cũng như việc cho xe. Việc thực hành hai thừa tức là ngồi yên. Bồ Tát hạnh thì chẳng ngơi nghỉ và chẳng ngồi yên thì sao lại có xe xấu, hư. Dụ nầy là nghĩ ở phía trước. Tự có thực hiện, liền có hư nát, sai quấy; chưa thực hiện thì chưa hư nát, sai quấy.

Lại nữa Bồ Tát hạnh là thực hành. Tức là thừa ấy lên xe. Xe ấy do xấu hư thì sao lại chẳng có nghĩa là xấu. Xem sự quỷ quyệt nầy làm nhọc Ba Tạng; cho nên tạo ra 10 sự khó khăn nầy. Gồm chung thấy một, cả hai đều chẳng là thể lớn. Nay vì như thế, phân biệt mà nói. Tự có

chẳng đoạn lìa hoặc; chẳng phải xe xấu. Tam Tạng Bồ Tát chính là có việc đoạn hoặc, xe hư. Còn Thông, Giáo Bồ Tát chính là tự hữu cũng có đoạn hoặc; lại cũng chẳng đoạn hoặc; lại cũng chẳng xấu, lại cũng chẳng phải chẳng xấu. Biệt giáo Bồ Tát là tự, là tự hữu chẳng đoạn hoặc; chẳng phải chẳng đoạn hoặc; chẳng phải hư; chẳng phải chẳng hư. Viên Giáo Bồ Tát thì phải trải qua 5 mùi vị của sữa gồm 2 ý. Một là lại đoạn, lại chẳng phải chẳng đoạn. Hai là chẳng đoạn; chẳng phải chẳng chẳng đoạn. Chẳng hư, chẳng phải chẳng hư. Lạc vị là một ý, chẳng đoạn, chẳng hư. Sanh tô gồm 4 ý. Thục tô lại có 3 ý. Đề hồ có 1 ý. Nói nghĩa rộng của việc nầy bao hàm như thế. Đối với mỗi một câu là mỗi một ý. Lại mỗi mỗi có 4 câu. Nghĩa là chướng trừ cơ động; chướng chưa trừ, cơ động; chướng lại trừ và lại chưa trừ, cơ động. Chướng chưa trừ; chưa phải chưa trừ, cơ động. Các Tông chẳng thấy đó mà chấp một chẳng phải là 3. Sự sâu xa ấy là do lòng bi mẫn. Người đời chấp vào số xe, chẳng giống nhau. Nói thể của xe chẳng giống nhau. Hoặc đầu tiên nói 3 xe; nhưng sau đó nói hai, rồi lại quy về một. Hoặc đầu tiên nói có 3. Sau đó nói 3 và quy về một; hoặc đầu tiên nói có 4 và sau đó nói 3 quy về một. Cho nên hãy xem nơi kinh, chớ tin nơi lời nói của người. Câu văn nầy dẫn lại tích xưa, Phật vì các vị Thanh Văn mà nói pháp Tứ Đế. Vì người Duyên Giác mà nói pháp 12 nhơn duyên. Phật vì người tu theo Bồ Tát mà nói pháp lục Ba La Mật. Nay Phật nói số 3 lại cũng như đây vậy.

Hoa Nghiêm phẩm thứ 8 nói rằng: Những kẻ thấp kém chìm đắm; cho nên chỉ cho con đường Thanh Văn.

Căn độn, vui với nhơn duyên, vì đó mà nói con đường Duyên Giác. Lợi căn, có lòng từ bi, vì đó mà nói Bồ Tát đạo. Vui vô thượng với việc lớn, nói đủ loại Phật Pháp và quyển thứ 36 lại nói rằng: Pháp 3 giải thoát, làm cho ra khỏi Thanh Văn Thừa. Vô tránh pháp, ra khỏi Duyên Giác Thừa. Lục độ, tứ nhiếp làm cho ra khỏi Đại Thừa. Rõ biết tất cả pháp, ra khỏi Phật Thừa. Lại nữa ở đệ cửu địa nói về Thanh Văn Thừa cùng với Bích Chi Phật Thừa, cùng với Bồ Tát Thừa và cùng với Như Lai Thừa. Trong Địa Luận giải thích về địa thứ hai rằng: Quán 10 điều chẳng lành thì rơi vào 3 cõi; 10 điều lành lại sanh lên cõi Trời. Trên thập thiện cùng với Tứ Đế quán sát, rõ biết thì hợp thành Duyên Giác. Lại nữa trên thập thiện cùng với việc đầy đủ thanh tịnh, quán rõ hợp lại, thành Bồ Tát địa. Lại nữa trên thập thiện cùng với tất cả loại, tất cả Phật pháp hợp thành Phật.

Phẩm Anh Lạc thứ 13 nói rằng: Mười phương Phật nói ba thừa. Trong mỗi một thừa lại khai 3 và hợp lại thành 9 thừa. Chín thừa ấy tất cả đều gặp ở bình đẳng đại huệ. Thánh nói như vậy, chẳng thể chẳng hiểu. Hỗ tương với nhau là chẳng phải chẳng phi pháp, mà con người đi quá xa và chưa thành lớn. Nay nói về giáo phân biệt. Hoặc nói về 3 thừa pháp môn khác, mà giống với chơn đế, chính là 3 tạng giáo vậy. Hoặc nói 3 thừa pháp môn cùng với chơn đế và tất cả đều giống với Thông giáo. Hoặc nói 3 thừa gồm 3 x 3 là 9 thừa. Hay nói tứ thừa ít sâu sắc, thứ lớp mỗi mỗi chẳng giống nhau, mà cùng vào chỗ bình đẳng đại huệ là Biệt giáo vậy. Hoặc nói tam thừa, cửu thừa, tứ thừa mỗi mỗi đều bình đẳng;

đại huệ tương ưng; chẳng hai chẳng khác là Viên giáo vậy. Lại nữa trải qua 5 vị phân biệt như nhũ vị hay làm sáng tỏ cho Bồ Tát Thừa; Phật Thừa. Lạc vị hay làm sáng tỏ cho khác Tam Thừa. Sanh Tô vị làm sáng tỏ cho Tam Thừa, Tứ Thừa, Cửu Thừa; mỗi mỗi phân chia nhỏ nhiệm chẳng giống nhau. Thục Tô vị, chỉ trừ khác Tam Thừa. Ngoài ra như Sanh Tô vậy. Trong Đề Hồ nói gọn về Phật Thừa; ngoài ra chẳng có thừa nào khác. Hoặc rõ biết ý nầy nói khác, chẳng phương hại; hay chẳng rõ biết; chỉ tăng thêm sự tranh luận mà thôi.

Người đời làm sáng tỏ Phật Thừa, thừa thể ấy có khác. Quang Trạch thì chấp Phật quả cứu cánh; cuối cùng chẳng sanh ra hai trí. Vì xa thể, ra khỏi 500 do tuần; ở bên ngoài đối lại với chiều cao của ngày xưa. Đầy đủ vạn đức để đối lại với chỗ rộng kia. Trang nghiêm chấp lấy nguyên nhơn, chung cả vạn hạnh làm thể. Cầu bên trên gọi là cao; bên dưới hóa độ, gọi là rộng. Ngày xưa chẳng chấp lấy công đức. Công đức cùng với phàm phu cộng lại, duy chỉ chấp có trí tuệ làm thể. Ngày xưa lại chấp cùng với phước huệ làm thể.

Lại nói rằng: Thừa ấy là 3 xe. Dùng vô lậu căn lực, giác đạo thiền định, giải thoát tam muội mà tự được vui, há phải là trí tuệ sao. Lại có vị Thầy chấp vào giải để làm thể. Không giải, không động; cho nên chẳng chấp thủ. Tận vô sanh trí thì liền có giải. Lại nữa Tiểu Thừa chấp vào không huệ làm thể của xe. Câu văn nói rằng: „Chúng ta tu tập không pháp lâu dài v.v…". Đại Thừa lại dùng chơn huệ phương tiện làm xa thể. Xa thể ấy dụ cho có;

có ấy là có vận động vậy. Riêng mỗi Thầy giải thích về cái thể của Phật Thừa, cạnh tranh nhau để chỉ trích thì có khác gì chúng mù mờ húc nhau như voi tranh với ngà và đuôi. Nương vào Thiên Thai Trí Giả làm rõ các pháp thật tướng, đúng là xa thể của tất cả chúng bảo, trang hoàng cho đẹp đẽ trang nghiêm. Cho đến việc cho xe, trong câu văn có những điểm hiện ra. Xưa giải thích rằng: Xe nhỏ thì quả nhỏ. Quả ấy lại có hữu vi và vô vi công đức. Chánh ấy là giữ lấy hữu vi để dụ cho xe chuyên chở; chở vào chỗ Vô Dư vậy. Trong quả hữu vi ấy lại có đầy đủ phước huệ. Dùng huệ ấy làm phước chánh để độ tất cả. Huệ nầy có 10, mà 8 trí đã thông nhơn quả. Tận vô sanh trí, duy đó mới là quả vị. Lại chấp vào nhị trí dùng để dụ cho quả của xe. Dùng ý nghĩa nầy; cho nên xe ở bên ngoài cửa. Nếu nương vào Đại Phẩm để nói thì Thừa nầy từ 3 cõi ra khỏi, đến được Tát Bà (nhất thiết trí) và ở lại nơi ấy. Lúc chưa ra khỏi thì thừa nầy thừa kia tranh nhau ra khỏi nhà lửa. Sao lại nói xe ở bên ngoài cửa? Hoặc nói trước đó xe ở bên ngoài, sao lại phải ra? Mà thừa (xe) ấy thông qua nhơn quả; đoạn trừ kiến, tư hoặc ở 37 phẩm. Tất cả đều là nhơn thừa. Tận vô sanh trí, tất cả gọi là quả thừa. Nhơn cần yếu, đoạn nguyên nhơn của thừa, trừ hoặc hết, thì mới được quả, thừa tận vô sanh trí. Cho nên nói rằng: Xe ở bên ngoài cửa. Hay cái quả là chánh; còn nguyên nhơn bên cạnh. Tựu chung cái quả ấy là nói việc xe để bên ngoài cửa. Hoặc giả cái nguyên nhơn bên trong đoạn trừ cái nghĩa kết vận thì gọi đây là thừa. Ngoài cái quả chẳng vận thì sao lại có tên là thừa. Tuy nhiên quả không đoạn cái vận của hoặc. Điều

cần yếu là phải tận vô sanh trí, nhập vô dư Niết Bàn thì mới gọi là vận tốt. Hoặc từ nguyên nhơn của Thừa cho đến quả, với ý gì mà lại hư xe? Ngày xưa bảo rằng: Cơ duyên xấu, thì tình hình xấu. Cơ duyên xấu có thể giải thích được; còn tình xấu ấy Phật nói tận vô sanh giáo. La Hán chứng được quả nầy, rồi dùng thần thông thiên nhãn, xem qua vị lai; giống như thấy sự biến hóa dễ dàng, sanh tử hạo nhiên. Tự nghi chỗ được tận vô sanh chứng. Nếu thật vô sanh, thì nói thấy có cái gì? Như việc hạo nhiên nầy, ngày xưa chẳng phải cứu cánh. Từ trong tình ấy, trước tiên Phật làm hư chỗ hứa khả; do vậy mà tình hư. Nếu tìm đến kinh văn thì văn ấy chẳng có lời nầy. Nếu đưa ra ý nghĩa hư thì nghĩa ấy cũng chẳng phải như vậy. Văn ấy chẳng thể giải được. Đưa ra như câu văn dưới đây nói rằng: Tự nơi chứng được; sanh diệt qua sự tưởng tượng; liền dùng thiên nhãn để thấy có sanh tử. Vì sao lại khởi lên tư tưởng diệt độ? Đây chính là tự tướng tự thấy. Lại nữa sau khi Phật diệt rồi, các vị A La Hán chẳng gặp được Phật; nên chẳng thể quyết đoán; liền tự mình dùng thiên nhãn để thấy nơi sanh tử, làm sao có thể thấy Phật mà quyết đoán? Lại nữa sơ thiền thiên nhãn thường chẳng thấy được nhị thiền, hà huống là thấy sự biến đổi dễ dàng, lại cùng với người gìn giữ Đại Thừa. Lại nữa La Hán được vô lậu nghiệp. Dùng thiên nhãn thấy biến đổi dễ dàng vị lai sanh tử quả báo. Liền đó tu 5 giới, thập thiện; nên tự thấy được vị lai quả báo. Rõ biết được cảnh giới bên ngoài quả báo; há dùng thiên nhãn để thấy được ư? Chẳng dùng đến điều phê phán về tình ấy hư cấu. Nay nói tình tan tác. Ngày xưa

nương vào mặt trời để dạy; nghĩa là tận vô sanh, hay nhập vào vô dư, mà đối với Phương Đẳng, thấy Bồ Tát thật là bất tư nghì. Nghe thanh tịnh, gọi là đuổi theo thiền. Nếu ta chỗ đắc được như thật thì Đại Sĩ chẳng bền bẻ gãy. Nếu ta chẳng thật thì Phật chẳng nên nói chơn; cho nên nói mờ mịt chẳng rõ chỗ nói. Cho nên trong Đại Phẩm thấy lãnh rõ biết Đại Pháp; nghe niềm vui nầy thì tâm lớn khởi lên; rồi mới tiến tu Đại Thừa, mà chẳng nên rõ được cùng với chẳng được. Những điều nầy tất cả đều là trong tình cảm sai quấy về cái ý nghĩa của Đại Thừa. Cho nên Thân Tử (Xá Lợi Phất) lãnh giải, đưa ra cái nghi tình ngày xưa. Thấy các Bồ Tát được thọ ký làm Phật, chẳng do dự về việc nầy. Hà huống là tự bảo rằng dùng sự ưa thích để hỏi Đức Thế Tôn. Vì sự mất hay việc chẳng mất; tức là chỉ cho Phương Đẳng ngày xưa có cái tình sai trái nầy vậy. Nay thêm vào cái miệng sai trái nữa. Nhơn nghe phương tiện phẩm; bài kệ đầu lược bớt, nghe Phật nói cùng với phương tiện; tức là lại chấp vào phương tiện ngày nay và nghi xưa chưa rốt ráo. Cho nên nói rằng: Ta nay chẳng rõ nghĩa nầy và nơi chốn. Động túc nghi tình cho nên nói lên 3 lần thỉnh. Sai quấy cầu ngày xưa chỗ nói thật, căn cơ ở Đại Thừa và tình thì cầu ở cái thật của ngày xưa. Lại nữa tình cầu nơi Đại Thừa, miệng hỏi về cái thật của ngày xưa. Lục độ, thông, giáo cũng giống như thế.

Từ „Xá Lợi Phất lúc bấy giờ" trở đi; có 3 lần cho xe lớn. Có 2 chương giải thích rộng. Một là các con và hai là các xe. Dùng những người con ấy tức là tâm nầy, dụ cho tất cả chúng sanh cùng có Phật tánh. Phật tánh giống

nhau như các con vậy. Phần thứ 2 là các xe, dùng pháp để so sánh; cho nên không có cái gì chẳng phải là Phật Pháp. Dụ cho tất cả pháp đều là Ma Ha Diễn (Đại Thừa). Ma Ha Diễn giống như những chiếc xe lớn ấy. Nói mỗi mỗi đều cho; nghĩa là mỗi mỗi tùy theo sự huân tập căn bản của Tứ Đế, Lục Độ và vô lượng các pháp. Mỗi mỗi theo sự huân tập xưa là: Khai thị chơn thật. Xưa sự huân tập chẳng giống; cho nên nói là mỗi mỗi. Tất cả đều là Ma Ha Diễn; cho nên nói là xe lớn. Xe nầy cao thấp và xe rộng chia làm hai. Một là xe ấy hình thể lớn. Kế đến giải thích lý do có xe và thể hình của xe trước tiên là cao rộng. Kế đến làm rõ về xe trắng sau đó làm rõ chỗ theo sau. Giả gọi là xe, có tướng cao rộng; dụ cho tri kiến của Như Lai sâu xa, bao trùm hết tất cả pháp giới. Tận cùng gốc gác của 3 chơn lý; cho nên nói là cao rộng. Các đồ quý giá bao bọc dụ cho vạn hạnh tu hành, lấy đó làm đồ trang sức. Chung quanh lan can dụ cho tổng trì, giữ gìn vạn điều lành, kế đến là những việc ác. Bốn phía đều có treo linh, dụ cho 4 loại giáo hóa. Bên trên có trên những lọng che, dụ cho Tứ vô lượng, gồm các đức; từ bi tối cao, phổ nhiếp tất cả. Trân quý, tạp bảo đều nghiêm sức nghĩa là chơn thật vạn thiện giữ gìn lòng từ bi nầy.

Đại Kinh nói rằng: Từ ấy là đầy đủ 10 lực vô úy. Gọi Như Lai là từ. Từ ấy ở trong hạnh bố thí v.v… Bảo quy giao cách là dụ cho 4 thệ nguyện kiên cố với tâm đại bi; cùng với các hoa là dụ cho 4 nhiếp thần thông để duyệt qua những động tác của chúng sanh; lại cũng còn dụ cho thất giác, diệu phát. Chồng chất đủ loại là dụ cho việc quán sát luyện tập huân tu tất cả các loại thiền đã thuần

thục mềm mại. An trí trên đó dụ cho xe và trục vận chuyển, tùy nơi mà đến. Đầy đủ như chi mão dụ cho động mà tịnh; tịnh mà động. Hoặc trong xe gối đầu nghĩa là chỗ nghỉ của thân mình dụ cho một hạnh tam muội; tức là tất cả trí, tất cả hạnh. Đau ấy là màu đỏ sáng dụ cho pháp chẳng phân biệt. Giá ấy dùng bò trắng là dụ cho vô lậu bát nhã. Có thể hướng dẫn chân lý và nhân duyên để qua tất cả vạn hạnh, đến được Tát Bà Nhược (Nhất thiết trí). Màu trắng ấy là màu căn bản, tức là cái gốc thanh tịnh, vô lậu tương ưng. Thể ấy gồm đủ vạn đức như ở phía bên ngoài. Phiền não chẳng nhiễm như màu sắc thanh khiết. Lại nữa Tứ Niệm Xứ lấy làm bò trắng. Tứ Chánh Cần trong 2 đời lành đầy đủ như bên ngoài da. Hai đời ác hết, như màu thanh khiết. Tứ như ý túc gọi hạnh ấy là tâm. Như hình thể đẹp đẽ. Gân ấy dụ cho 5 căn đứng vững, có thể sanh ra nghĩa. Lực ấy dụ cho ngũ lực, dùng sức mạnh của cán là nghĩa ý nầy. Đi bộ ngay ngắn, dùng dụ nầy để chỉ cho hạnh huệ quân bình. Lại dụ cho thất giác (chi) điều độ bình thường. Bệnh tật nầy như gió; nghĩa là khi thực hành Bát Chánh Đạo, liền đến được Tát Bát Nhược (Nhất thiết trí). Những người theo giúp đỡ dụ cho phương tiện Ba La Mật có thể khó khăn, tùy theo người mà chu cấp, chờ đợi mệnh lệnh. Chúng ma ngoại đạo, nhị thừa thực hành việc nhỏ. Tất cả đều tùy theo phương tiện trí dụng. Tịnh ấy nói rằng: Tất cả ta đã chờ. Lại cái quả địa là thần thông, vận chuyển tùy ý; tức là người theo phụ giúp.

Kế tiếp từ „Vì sao thế" trở đi; giải thích về việc do có xe; do giàu có chứa nhóm, để dụ cho quả địa phước

huệ viên mãn. Gọi của cải giàu có vô lượng khi chứa đầy đủ. Hành tạng lý tạng là tất cả các pháp như: Đàn, thi, nhẫn v.v… đều là những điều chẳng sai, thì hành nầy sánh với Như Lai Tạng. Tất cả các ấm nhập, giới, căn, trần v.v… là chỗ chẳng thể sai. Tức là cái lý làm sáng tỏ cho Như Lai Tạng. Tự thực hành việc làm nầy, cái lý ấy gọi là đầy đủ. Giúp cho kẻ khác gọi là lợi ích. Thật trí đầy đủ gọi là sung (mãn); quyền trí dụng gọi là đầy tràn; nhập vào trung đạo gọi là sung. Song chiếu cho nên gọi là dật (đầy tràn); chẳng phải hay chứa nhiều mà tất cả đều sung dật (đầy đủ). Pháp nào chẳng phải là Ma Ha Diễn Đại Thừa ? Cho nên Đại Thừa vô lượng vậy, mà tạo ra sự suy nghĩ như sau; tức là rộng làm cho rõ tâm nầy.

Câu văn đây chia làm 2. Một là quảng tâm và hai là giải thích. Quảng tâm nghĩa là tài phú vô lượng; con cái thì vô biên. Đây chính là tâm nầy. Nếu giàu mà không có con; hay có con mà nghèo; tức là chẳng được như vậy. Nay thì xe thất bảo to lớn nhiều vô lượng. Hoặc giáo, hoặc hạnh, đều là Ma Ha Diễn Đại Thừa; tức là tài sản của cải nhiều. Mỗi mỗi đều chẳng nghi ngờ sai biệt; chẳng thay đổi cái gốc mà dùng để chỉ cho sự chơn thật. Như Thân Tử (Xá Lợi Phất) đối với trí tuệ, khai mở Phật tri kiến, đầy đủ tất cả Phật pháp. Ngài Mục Liên đối với Thiền Định khai mở Phật tri kiến, đầy đủ tất cả Phật pháp. Ngoài ra đối với người, thí dụ cũng như vậy. Lại nữa Phương Đẳng Bát Nhã; Niệm xứ, Chánh cần, Căn lực, Giác đạo, đủ loại khác nhau, gọi tất cả là khai thị thật tướng. Trải qua tất cả pháp, lại cũng như vậy. Cho nên nói là vô lượng.

Từ "Vì sao vậy? Ta dùng" trở đi; giải thích 2 điều nầy. Đầu tiên giải thích về tài sản nhiều. Có thể cho một nước, huống hồ gì là các con. Thí dụ nầy dụ cho sự viên mãn hoàn toàn to lớn bao trùm cả thiện ác; huống hồ là tri kiến của Phật sao? Kế đến giải thích về những đứa con. Ngay cả không phải con mà còn đầy đủ, huống hồ là con của mình. Điều nầy dụ cho kẻ vô duyên Phật còn độ cho, huống hồ là những người đệ tử của mình. Nương theo câu văn có thể giải thích như vậy.

Từ "Lúc bấy giờ các con mỗi người đều lên xe lớn" trở đi; phần thứ 4 nầy nói về việc thích hợp với điều mong muốn; nên vui vẻ. Điều nầy dụ cho bên trên thọ nhận việc ngộ nhập. Căn bản của việc cầu xe dê, xe hươu, xe trâu đã ra khỏi. Nay được xe bạch ngưu một cách dễ dàng, quá chỗ mong cầu, há chẳng vui sao?

Từ "Vì sao vậy" trở đi; phần thứ 4 dụ cho việc chẳng hư vọng. Đây là dụ cho vua pháp ấy chẳng hề hư dối. Một là hỏi; hai là đáp và ba là thuật lại việc hân hoan. Hỏi thì như câu văn.

Từ "Xá Lợi Phất nói" trở đi; phần thứ 2 là đáp lại có 2. Một là khỏi khó chẳng hề hư dối. Lại cũng còn gọi là dùng nặng đoạt nhẹ, chẳng hề hư vọng. Hai là chẳng phải con người, mà bổn tâm ấy chẳng hư vọng. Lại còn nói rằng: Quá cái căn bản ấy, vọng kia lại chẳng hư. Mỗi mỗi lại chia ra làm 3. Nghĩa là chương chính giải thích, huống là phần cuối. Điều chính yếu là không gặp nạn, như câu văn nói.

Từ "Hà dĩ cố" trở đi; phần thứ 2 giải thích về mệnh thì trọng, thân thì khinh, toàn thân miễn được khỏi lửa. Nhận được tài bảo quý báu là trọng mệnh, há có hư vọng chăng? Cuối cùng miễn gặp 8 nạn khổ của lửa; toàn thân 5 phần được như của quý. Hà huống là nơi hai vạn Đức Phật nơi chỗ huệ mệnh Đại Thừa viên mãn nhơn duyên, thành tựu Phật tri kiến, khai mở cho, há đây là điều hư vọng?

Kế đến "Thế Tôn nếu là" trở đi; phần thứ hai là chẳng phải bản tâm của người. Phần đầu là chương nói về: Chẳng phải bản tâm người. Gốc ấy rõ biết chẳng có 3 ý, làm cho chẳng hủy báng. Chẳng hủy báng, được chẳng phải bản tâm người. Giải thích rằng: Gốc ấy rõ biết không nhỏ; ý ấy làm cho chẳng bị rơi vào đường ác. Tức là không hủy báng nguyên nhơn; nên quả chẳng rơi vào chốn ác. Chẳng cùng với xe nhỏ; chẳng phải là bản ý của con người. Đoạn kết nói rằng: Tự rõ biết giàu có vô lượng; nên muốn giúp đỡ các con. Với một xe lớn kia, qua ý mong cầu đó; cho nên chẳng phải là chỗ hư vọng. Trước phần kết 2 chương, nói về phương tiện giúp đỡ; giống như thí dụ bỏ mất cái lực của thần thông, do đoạn mất phước đức. Phần kết ở chương sau nói về của cải vô lượng giống như dụ cho cái lực của trí, đức, biện tài. Phía trước như các con chẳng hư vọng, thì phía sau của cải cũng chẳng hư vọng.

Từ "Phật bảo Xá Lợi Phất rằng" trở đi; phần thứ 3 là hân hoan thuật lại. Có 2 điều lành thay! Thuật lại 2 điều nầy chẳng hư vọng.

Hỏi: Phật sao chẳng tự nói việc chẳng hư vọng?

Đáp: Phật hứa cho 3; nhưng tự nói một là khó. Thân Tử nói chẳng vọng; giữ lấy niềm tin là dễ.

Từ "Xá Lợi Phất! Như Lai cũng lại như vậy" trở đi; phần thứ 2 gồm những thí dụ chung lại. Quang Trạch mở ra 10 thí dụ; nhưng chỉ gồm 7; còn 3 kia chẳng hợp. Trong 7 ấy đúng ra chỉ gồm có 5; kiêm cả phần thứ 5 và thứ 8. Chẳng gồm phần thứ 7 và thứ 9. Cho nên rõ biết 10 dụ kia nhiều, mà chẳng hội đủ. Nay hợp lại tổng, biệt chia ra làm 2 thí dụ. Trong tổng ấy lại có 6. Nay câu văn tất cả đều hợp lại nhỏ, chẳng theo thứ tự. Nay ban đầu phần một, hợp bên trên, phần thứ nhất. Trưởng Giả gọi là Hành Vị hiệu là Đức Nghiệp. Hợp lại nói rằng: Như Lai cũng lại như thế. Trước tiên là hợp vị hiệu; Như Lai vô lượng đức hiệu, lược nói chỉ 10 hiệu như bên trên đã nói. Tất cả thế gian, mọi nơi đều định danh là hạnh. Như bên trên nói về quốc ấp, tụ lạc, hợp lại nói chung là tất cả thế gian cùng ở chung với nhau. Tất cả đều là những nơi do quả báo của diệu tâm, diệu sắc. Như Lai hóa hiện ra 3 nơi ấy; tức là tất cả thế gian, giống như tại quốc ấp, tụ lạc vậy.

Đối với những việc sợ hãi như trên ca ngợi cái đức của trong và ngoài; bên trong thì tuổi cao, suy giảm; rõ biết nhiều; giống như Như Lai trí đoạn; đối với những việc sợ hãi vô minh không còn nữa. Bên trên hợp lại về việc suy thoái là hiển bày đoạn trừ của đức. Thành tựu vô lượng tri kiến, hợp lại người tuổi cao ấy hiển thị trí đức cùng với lực vô úy v.v... Hợp lại bên trên về cái đức

bên ngoài là của cải rất nhiều. Thần lực sâu tu thiền định, hay được thần thông; hợp chung lại như đất đai. Trí huệ lực là trí ấy tất nhiên chiếu cảnh, như thân ấy thác nơi nào. Hợp bên trên thành nhà cửa. Đầy đủ phương tiện Ba La Mật, hợp cùng bên trên với kẻ ăn người ở.

Từ "Đại từ đại bi" trở đi; phần thứ 2 hợp bên trên thành 4. Từ bi là sự ban cho căn bản; tất cả trong 5 đường; hằng vì từ bi mà gia bị. Hợp lại bên trên có 500 người, mà sanh vào nhà lửa của 3 cõi; nên phần thứ 3 hợp lại bên trên của phần 2 là nhà cửa. Vì muốn độ chúng sanh; nên phần 4 hợp lại bên trên thành 6. Chúng sanh có duyên gần gũi, thân cận đã được độ trước; hợp lại bên trên gồm 30 người con. Sanh, lão, bệnh, tử là phần thứ 5, hợp thượng của phần 5 là bị lửa đốt cháy cho nên mới đưa ra thí dụ; giáo hóa làm cho được tam Bồ Đề. Phần thứ 6 hợp thượng thành 3. Sự dạy dỗ ấy có thể rõ biết cái lý; rồi tìm cái lý khởi lên việc làm; tức là được Bồ Đề vậy. Cho nên rõ biết giáo lý cùng có công dụng chung. Hợp lại bên trên dụ cho chỉ có một cửa. Nếu giảng thuyết làm cho trước sau có thể giải được; mỗi mỗi ở nơi phẩm dụ Phương Tiện làm căn bản đến được. Sau đó đi khỏi cũng như vậy.

Từ "Thấy các chúng sanh" trở đi; phần thứ 2 hợp lại thành biệt dụ. Biệt dụ nầy có 4. Nay hợp lại thấy dụ về lửa đầu tiên. Dụ nầy có 3 ý. Câu văn nầy lại có 4, hợp lại cũng thành 4. Trong dụ ấy sự lo lắng có trước. Các con luyến tiếc vui mừng có sau. Hợp lại thì thấy trong ấy

chẳng rõ; chẳng sợ nằm ở trước; làm cho tránh xa sự khổ cùng với niềm vui nằm ở sau. Hỗ tương với hiện tại biện nói về điều nầy chẳng nhất định. Nay chỉ dùng một chữ thấy. Phần thứ nhất hợp với phần thứ nhất bên trên có thể thấy bằng mắt, tức là Như Lai hay chiếu trí nhãn, có thể thấy được.

Chúng sanh vì sanh già; phần thứ 2 hợp lại bên trên phần 2 là chỗ thấy lửa bốc lên từ 4 phía. Trong nầy làm sáng tỏ tám nạn khổ vì lửa; bốn nạn khổ như câu văn. Tham trước truy cầu, cầu chẳng được nên khổ. Sau đó đọa vào địa ngục, làm trời, làm người, thì 5 ấm khổ. Ái ly; oán hội như câu văn. Đây là 8 nỗi khổ. Từ 4 điên đảo ở 4 phía nổi lên vậy.

Từ "Chúng sanh chìm ở trong nầy" trở đi; phần 3 hợp với bên trên phần 4 là chỗ thấy lực, dụ cho các con chẳng hay chẳng biết. Chẳng quán khổ, tập; cho nên chẳng xa lìa. Chẳng quán đạo, diệt; cho nên chẳng cầu giải thoát. Chỉ khi gặp khổ lớn, chẳng vì đó mà xung đột. Hợp lại với tâm bên trên là chẳng lo sợ, chẳng có ý cầu ra khỏi.

Từ "Phật thấy điều nầy rồi liền suy nghĩ rằng": Phần thứ 4 hợp với bên trên của phần thứ 3, khởi lên sự lo sợ. Ta tuy có thể ở nơi cửa bị đốt cháy ấy an ổn ra được. Muốn cứu khỏi khổ nạn nầy, liền dùng lực đại bi cùng với vô lượng an lạc; tức là lực đại bi to lớn vậy.

Từ "Như Lai lại suy nghĩ như thế nầy" trở đi; hợp với phần 2, xả bỏ đồ dùng của xe, dụ nầy khuyên nên

giữ giới; nay hợp lại khuyên chẳng cùng hợp lại giữ giới. Trong khi thuyết pháp lại khuyên việc lành; chẳng làm rõ chỗ giữ giới ác. Cho nên khuyên tu là chánh; giữ giới ác là bên cạnh. Lại nữa khuyên việc lành tức là giữ giới ác. Giữ giới ác tức là khuyên làm việc lành. Nay hợp lại khuyên làm lành; tức phải rõ biết hợp lại việc giữ giới ác. Câu văn khuyên bên trên có 3. Nghĩa là căn cứ vào kẻ không có cơ duyên liền tiêu; căn cứ vào kẻ có tay, thân nương vào đây và hay dùng thần lực để hợp chung lại thân lực và trí lực cũng như hợp chung với lực của tay. Tán thán tri kiến của Như Lai hợp lại với sự nương tựa. Lực ấy vô sở úy, hợp lại với đồ đạc. Nếu đầu tiên Phật xuất hiện, tức là dùng việc căn cứ nầy vào chúng sanh. Chẳng thể dùng cái nầy để được độ. Vì sao vậy? Giải thích về việc chẳng được độ, hợp bên trên lại với phần 2 thí dụ cho người con chẳng nhận sự khuyên bảo. Điều căn bản là do ngũ trược chướng nặng nề, chưa thể ra khỏi sự chết sống của lửa; nên chỗ Đại Thừa vi diệu chưa thể vào được. Cho nên nói rằng lý do nào có thể giải được trí huệ của Phật. Đây là một câu liền hợp lại với bên trên; tuy có một cửa mà lại còn nhỏ hẹp nữa. Vì nhỏ cho nên chẳng thể giải được trí tuệ kia. Chẳng thể giải trí tuệ; nên liền có ý đi đến cửa. Như vị Trưởng Giả kia tuy lại có sức mạnh của thân thể và tay chân, mà chẳng dùng đến được. Hợp lại với việc thứ 3 bên trên thì buông bỏ điều lành; cho nên chẳng thể có cơ duyên để có được. Hoặc bị rơi vào hầm lửa bị thiêu đốt. Câu văn nầy nói không lìa bỏ là dụ cho lời thệ nguyện căn bản. Ý nghĩa chữ tức hóa sâu xa rõ ràng. Tức hóa theo câu văn

nầy có 2. Trước lời văn ấy trước sau có 3 thí dụ. Kế đến chánh thức hợp tức hóa. Lời văn phía trước có một thí dụ, chánh thức chiếm hợp tức hóa. Lời văn sau có 2 thí dụ, bên cạnh thành tức hóa. Tuy lại có lực của thân thể, tay chân mà chẳng thể dùng đến được. Câu văn nầy trước nói về tay chân, thân thể dụ cho việc cứu con mà chẳng được; rồi dùng hợp tức hóa. Như Lai lại tẩm đại hóa; thường hay dùng sự khuyến khích. Câu văn ấy thí dụ cho việc cho 3. Tựu chung sau đó mỗi mỗi đều giống. Câu văn lần thứ 3 dụ cho việc cho xe lớn. Như Lai lại cũng như vậy. Trong 16 chữ ấy chính thức hợp lại thành 3 tức hóa.

Từ "Thường dùng trí tuệ phương tiện" trở đi; là thí dụ hợp các xe lại dùng để cứu. Câu văn trên lại có 4. Trong nầy lại cũng có 4; hay dùng trí tuệ; hợp phần một lại để rộng tuyên cho 3 xe. Vì đó mà nói 3 thừa. Hợp bên trên, phần 2 là rõ biết tâm của con mình trước, mà nói lời rằng: Hợp thượng phần ba ca ngợi 3 xe khó có. Bên trên có sự khuyên bảo, chỉ bày, chứng nhập; nay lại làm cho đầy đủ; chẳng cần theo thứ lớp. Phần thứ nhất hợp với phần bên trên của phần 2 là: Các ngươi chưa được vui ở nơi 3 cõi. Đây chính là chỉ chỗ vô sanh vậy. Ba cõi ở đây chỉ cho khổ đế; chớ có tham luyến để sinh ra yêu mến. Chỉ bày cho tập đế. Xa lìa 3 cõi chỉ bày cho diệt, đạo nầy; tức là chỉ bày ngoài 3 cõi nầy có cái quả của trí đoạn tam thừa. Cho nên làm cho ra khỏi 3 cõi thì sẽ được Tam Thừa (3 xe). Tam Thừa ấy chính là giữ cái thể của đạo và diệt.

"Ta nay vì người mà giữ gìn việc nầy cho đến cùng chẳng hư dối". Đây là phần thứ 2 hợp với bên trên của phần thứ 3; tất nhiên sẽ chứng được chỗ chẳng hư. Lại còn nói rằng: "Các ngươi nên biết". Phần thứ 3 hợp với bên trên của phần thứ nhứt tán thán hy hữu. Như 3 thừa nầy là phương tiện của chư Phật; là nghi thức dẫn dụ; cho nên là chỗ xưng tụng của bậc thánh; được vô sanh trí và tự tại; được tận trí, không có chỗ ràng buộc. Ta sanh đã hết; chẳng thọ thân sau; gọi là chẳng có chỗ nương tựa. Chỗ làm đã xong, biện tài, phạm hạnh đã lập; gọi đây là vô sở cầu.

Từ "Nếu có chúng sanh bên trong có trí tánh" trở đi; phần nầy dụ cho sở nguyện của đứa con hợp với phần thứ 4. Bên trên có chơn tợ sánh với Tứ Vị. Nay hợp ấy lại có 4. Thường là bên trên tổng và nay thì biệt. Tam Thừa gọi đây là 4. Tất cả đều dẫn theo ví dụ trên, lại chiếm cứ chỗ hợp lại. Bên trong có trí tánh tức là chứa nhóm Tam Thừa lạc dục thành Tam Thừa trí tánh. Cho nên Phật thí cho Tam Thừa giáo vậy. Bên trong thì rõ biết; cho đến từ Phật nghe pháp rồi tin nhận, thọ trì. Hợp lại khi nghe người cha nói những vật sở thích để chơi là đúng với sự mong cầu. Hợp bên trên nầy thuộc về Văn Huệ; khuyến khích ân cần hợp với tâm bên trên, mỗi mỗi dũng mãnh thuộc về Tư Huệ. Tinh tấn hợp với phần trên của phần thứ 2 để bác bỏ. Đưa cái lý để bài bác là bài bác việc ác. Việc ác ấy đi khỏi, siêng năng là do cái lý ấy sáng tỏ ra; cho nên gọi là tấn (tinh). Hợp lại bên trên, gọi là Tu Huệ. Muốn mau ra khỏi, hợp với bên trên phần 3 cùng cạnh tranh chạy ra khỏi. Đây gọi là Thanh Văn

Thừa. Hợp với bên trên phần thứ 4, tranh nhau ra khỏi nhà lửa. Ba thừa tu hành; tất cả đều có 4, mà Bích Chi Phật thì cầu tự nhiên huệ. Bích Chi là pháp của người thực hành. Từ sự nghe pháp ít kia, tự rõ nghĩa nhiều; cho nên dụ cho con hươu. Con hươu chẳng nương tựa vào người, sống tự nhiên. Từ 12 cửa nhơn duyên mà vào. Cửa nầy vốn đã sẵn có; chẳng phải Phật hay Trời, Người tạo ra. Gọi là huệ tự nhiên, chẳng từ việc nghe kia. Lại còn gọi là tự nhiên huệ. Bồ Tát gọi là tất cả trí. Chẳng giống với Nhị Thừa sánh với Phật trí. Bồ Tát muốn tu nhơn nầy; tức là Đại Thừa ý nguyện.

Như vị Trưởng Giả kia thấy các con được an ổn ra khỏi vậy. Gặp nhau với phần thứ 3 và dụ cho xe lớn. Câu văn trên lại chia làm 4. Một là ra khỏi; hai là xe xấu, hư; ba là đem cho; bốn là vui vẻ. Nay lược bớt, chẳng hợp với phần thứ 2 và phần thứ 4. Hay gặp với nghĩa ra khỏi cùng với xe xấu, hư. Gặp nhau lại với việc cho xe cùng sự vui vẻ. Nay câu văn ra khỏi; cho xe là 2 thí dụ. Sau đó gặp lại 2 thí dụ. Như vị Trưởng Giả kia, câu văn nói là ra khỏi, rồi tự nhớn về tài sản. Câu văn nói cho; cũng giống như Đức Như Lai vậy. Gặp nhau ra khỏi cửa và cửa ấy có 3 nghĩa. Đó là nghĩa vào, nghĩa ra và nghĩa riêng biệt. Ba cõi là nhà, ngũ ấm là phòng. Do mê sắc tâm mà nhập vào sắc tâm; tức là vào trong nhà. Vào ra cửa sống chết. Muốn ra khỏi, thì lên xe, từ đây ra khỏi Tam Giới. Đây có nghĩa là qua Thông, Giáo của Đức Phật kia chỉ bày nơi cửa. Biệt nghĩa tức là biệt giáo kia giải thích rõ ràng về cái cửa ấy. Nay nói Phật chỉ cho cửa ấy tức là chính thức

tạng nầy thông cả hai giáo ấy. Cái lý của giáo là cùng với cánh cửa, được ra khỏi 3 cõi mà được miễn nạn.

Như Lai lúc bấy giờ liền suy nghĩ rằng: Gặp lại để cho chúng; cho đồ tốt nhất; phía trước có chương ví dụ về cánh cửa; hai là nói rộng; ba là giải thích ra khỏi. Nay gặp lại; lược bớt cái khuyết của câu văn, nhỏ ấy chẳng thể theo thứ tự. Như Lai lúc bấy giờ liền suy nghĩ như thế nầy: "Ta có vô lượng trí huệ lực". Phần thứ nhất hợp với bên trên của phần thứ 4, giải thích về nguyên do của việc có xe. Bên trên nói về sự giàu có vô lượng, xa khố đầy dẫy. Đây là ý nói: Tất cả những chúng sanh ấy đều là con của ta. Phần thứ hai gặp với bên trên của phần thứ 5 nói về tâm rộng lượng.

Bên trên nói: Ta có của cải rất nhiều, chẳng nên dùng xe yếu, xe nhỏ. Chẳng làm cho có người riêng được diệt độ, mà tất cả sau khi Như Lai diệt độ thì mới diệt độ. Há chẳng hợp với ý nghĩa của tâm nầy sao? Đây chính là chúng sanh thoát ra khỏi 3 cõi. Phần thứ 3 hợp với phần bên trên của phần thứ nhứt so sánh tâm ấy với chương nói về cánh cửa.

Bên trên nói rằng: Mỗi mỗi đều cho các con. Chư Phật thiền định, giải thoát cùng với phần thứ 4 hợp với bên trên của phần thứ hai điểm chính nói về xe và chương nói về cửa. Tất cả đều là một tướng, một loại. Phần thứ 5 hợp với bên trên của phần thứ 3 chính thức rộng nói về xe lớn.

Bên trên gặp lại với việc cao rộng, cho đến kẻ ăn người ở v.v... một tướng ấy là thật tướng. Tức là pháp thân vậy. Một loại ấy là chủng trí. Bát Nhã có thể sanh được tịnh diệu, vui thích. Niềm vui ấy chính là không có khổ; gọi đây là giải thoát. Ba đức cao rộng đầy đủ trang nghiêm, thâu nạp tất cả các đức; gọi đây là Ma Ha Diễn (Trí) (hay Đại Thừa?). Dụ bên trên về xe lớn là sự tập hợp nầy. Như vị Trưởng Giả kia dùng 3 xe. Hợp với phần thứ 4 là dụ cho việc chẳng hư vọng.

Bên trên đáp có 2. Một là toàn thân mệnh; hai là chẳng phải người có tâm căn bản. Mỗi mỗi đều có 3 riêng biệt. Nay hay gặp lại, chẳng phải là tâm căn bản của con người, kiêm luôn toàn thân. Sao ý căn bản của Phật là trừ đi ngũ trược? Ngũ trược ấy hết thì việc thiện tự hoàn toàn.

Bên trên chẳng phải tâm người lại có 3. Một là lấy tiêu điểm lần lượt giải thích về 3 tình huống. Nay gặp lại giải thích, hợp lại tình huống. Câu văn đầu tiên dẫn đến việc của 3 xe. Sau đó dụ cho xe lớn. Kế đến gặp Đức Như Lai, đầu tiên nói ba thừa để hướng dẫn, sau đó mới dùng đến Đại Thừa. Điều hợp lại và giải thích nầy chẳng phải là tâm gốc của con người.

Bên trên nói rằng: Trước tạo ra ý nầy là ta dùng phương tiện để làm cho những người con ra khỏi. Vì sao vậy? Gặp lại bên trên phần thứ ba, tình huống ra khỏi chẳng phải hư vọng. Tức là Trưởng Giả tự rõ biết của cải vô lượng, muốn làm lợi ích cho con cái cho nên hứa cho 3; nhưng thật ra chỉ một. Chẳng phải là điều hư vọng.

Điều nầy giải thích việc nhỏ nầy khác với trước. Ý trước là làm cho các con được ra khỏi; ý ấy chẳng phải ở 3 nơi. Liền ra khỏi,chẳng cùng lại chẳng phải hư vọng. Nay làm rõ việc Như Lai ra đời đầu tiên muốn nói việc lớn. Tuy nhiên trí nhỏ, vui đắm nơi 3 cõi; cho nên dùng phương tiện để dẫn dụ ra khỏi. Khi ra khỏi được rồi, dùng Đại Thừa để gọi cho bổn tâm. Cho nên nói rằng có thể làm cho chúng sanh pháp Đại Thừa, hằng chẳng tận có thể thọ dụng vậy. Trong kinh Hoa Nghiêm thì có thể thọ, liền cùng với Đại; chẳng khai một mà làm ba. Chẳng thể thọ là dùng phương tiện lực đối với một Phật thừa phân biệt để nói làm ba. Ba ấy là do chúng sanh chứ chẳng phải là bản hoài của chư Phật. Cho nên dùng sự giải thích nầy thành chẳng phải bổn ý của con người cũng là điều chẳng hư vọng vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển 5 (Phần dưới)

Dịch xong phần trên vào ngày 11 tháng 6 năm 2010 tại thư phòng chùa Viên Giác – Hannover - Đức Quốc trong mùa An Cư Kiết Hạ - Phật lịch 2554.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 6
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán văn sang tiếng Việt ngày 2 tháng sáu năm 2010 tại Hannover.

Phần kệ thứ 2 có 165 hàng và chia ra làm 2. Phía trước có 100 hàng; tụng bên trên theo văn trường hàng và sau có 65 hàng, làm rõ phương pháp của kinh. Bên trên trường hàng có khai dụ và hợp dụ. Kệ tụng lại lại chia ra làm 2. Đầu tiên có 65 hàng rưỡi; tụng và khai dụ. Kế đến có 34 hàng rưỡi; tụng về hợp dụ. Đầu tiên ấy lại chia ra làm 2. Phần đầu có 33 hàng kệ; tụng về tổng dụ. Kế đến có 32 hàng rưỡi kệ; tụng về biệt dụ. Tổng tụng ấy có 6 ý. Trong 6 ý ấy dừng tụng ở phần thứ 4 nầy. Kiêm luôn cả phần thứ hai; tụng về nhà cửa và ngay cả việc chỉ có một cánh cửa ra vào. Tụng về 500 người, kể cả 30 người con. Câu đầu nói rõ về vị Trưởng Giả, liền tụng địa vị, danh hiệu trên hết; tức là kiêm luôn việc tán thán về đức hạnh. Lại có cái đức của người lớn; tức là rõ biết việc làm được tôn sùng ở nơi quốc, ấp. Lại biết được thêm cái đức của vị ấy rất cao đối với trong ngoài. Bên trong hợp với vị hiệu Bà Già Bà. Tự rõ, đầy đủ trí đoạn, từ bi vạn đức. Có một ngôi nhà lớn. Phần thứ 3 có 3 hàng và một câu. Tụng bên trên phần thứ hai về nhà lửa và dụ nầy có 2. Câu đầu tiên tụng về nhà, rộng rãi to lớn. Nhà nầy đã có từ lâu. Phần thứ 2 có 3 hàng; nói về cách ra khỏi nhà to lớn rộng rãi ấy. Làm rõ cái

tướng bị thiêu. Cho nên rõ biết về cái thể của nhà nầy qua bài tụng. Ba cõi từ vô thỉ đã bền bỉ; chẳng phải ngày hôm nay mới tạo ra. Bị vô thường chi phối; nên gọi là đốn tệ. Lại nói rằng: Đầu là cung điện; bụng là lầu các và vai là nhà cửa. Niệm niệm thường liên tục, vô thường chỗ ấy thật cao nguy. Một chỗ khác nói: Sắc giới là lầu các. Dụ giới là nhà cửa; chẳng trừ việc rơi vào đó; nên gọi là cao nguy. Mạng căn được duy trì như cây trụ chống đỡ. Quá khứ hành nghiệp là chỗ dựa. Lại nói rằng: Hai chân là 2 cây cột; ba tướng gá vào gọi là nương tựa. Ý thức như mắc lưới làm đòn dông. Các khổ ấy hoại diệt như chớp nhoáng. Lại nói rằng: Da xương như rường cột; các mô là chỗ dựa; suy già là sự hủy hoại. Tường vách một cách nói khác là tứ đại như bức tường. Da thịt như bùn đất. Bốn oai nghi không còn đứng vững; cho nên khốn đốn. Năm thứ chẳng thông, chẳng rõ biết tướng chính và từ đó có việc sai sót.

Lại nói: Bức tường đổ nát giống như da thịt rã rời. Hình thức đẹp đẽ ấy như bùn đất. Khi già sắc đẹp úa tàn và sau đó thì rơi rụng. Tóc râu đổi màu dần dần rụng tiệt. Khổ bị che lấp lại nổi lên. Gân cốt khi già, yếu lại; không còn co giãn như xưa, giống như cây cối khô héo; khắp nơi cong quẹo. Có vị Thầy người Ấn nói rằng: 36 loại đều biến tướng khác thường. Cho nên nói là các nơi đều chướng. Bụng phệ quá cỡ; nên nói là thô xấu. Chẳng phải vô thường đến thăm là gì? Lại còn thêm bất tịnh, khổ sở nữa. Cho nên nói rằng: dẫy đầy hôi thối. Nay lại bảo: Sự hư hoại ấy là 6 thức, sự cong quẹo đó là lục căn. Lực thức duyên vào với 6 căn để giữ đó làm cảnh. Khó

khăn khiếm khuyết; cho nên nói là cong vẹo. Sáu trần đều nhiễm với 6 căn; cho nên nói là dơ uế. Nhơn duyên quán tâm đều có giải thích về những điều nầy v.v…

Có 500 người thuộc phần 3 có nửa hàng. Tụng phần bên trên dụ cho 350 người; lấy 3 Thừa, căn tánh làm 5 đường. Chỗ nhiếp ấy gồm luôn thí dụ 30 người con.

Từ „Diên Cáp" trở đi; phần thứ 4 có 29 hàng kệ. Phần bên trên chính thức tụng về 5 loại lửa bốc cháy. Cuối cùng lại còn 4 loại nầy. Đầu tiên có 22 kệ; làm rõ việc ở trên đất; dụ cho dục giới lửa thiêu đốt; kế đến phần 2 có 3 kệ rưỡi; làm rõ việc trong hang động; dụ cho sắc giới bị lửa đốt cháy. Kế đến phần 3 có 2 kệ rưỡi; làm rõ chỗ không; dụ cho rõ sắc giới bị lửa khởi lên thiêu đốt. Sau đó phần 4 có một kệ tổng kết các nạn; chẳng phải một. Tựu chung khi cõi dục lửa đốt cháy có 4 việc. Đầu tiên 17 hàng rưỡi làm rõ về các loại thiêu đốt. Dụ cho thập sử của chúng oanh. Kế đến phần thứ 2 có một kệ rưỡi. Làm rõ chỗ nguyên do của lửa nổi lên đốt cháy. Dụ cho 5 trược khởi lên. Kế đến phần thứ 3 gồm một hàng rưỡi. Chính thức làm sáng tỏ sức mạnh của lửa khi bắt đầu đốt cháy. Dụ cho việc chánh thức khởi lên 5 trược. Sau cùng phần thứ 4 có một hàng rưỡi, làm rõ cái tướng bị thiêu đốt; dụ cho việc thọ nhận của 8 khổ và 5 trược. Cuối cùng trong 17 hàng rưỡi ấy lại có hai. 16 hàng đầu tiên chính thức làm rõ chỗ thiêu. Một hàng rưỡi sau cùng tổng kết. Tựu chung chỗ thiêu lại có hai. 6 hàng đầu tiên làm rõ cho thấy cầm thú bị thiêu, dụ cho 5 đốn sử của

chúng sanh. 10 hàng sau đó làm rõ chỗ hồn thần (tâm thức) bị thiêu; dụ cho 5 lợi sử của chúng sanh. Phần thứ nhất của ngũ độn sử chia ra làm hai. 5 hàng rưỡi đầu làm rõ chỗ 5 độn. Phần thứ 2 có nửa hàng kết. Nay lấy 5 độn đầu làm 5. Nửa hàng đầu giống như mạn sử; chúng sanh tự khinh mạng người khác. Như giống chim vì tánh hay bay cao và thấy bên dưới thấp. 8 loài chim dụ cho 8 loại mạn ấy. Trong Văn Thù vấn kinh có nói rõ về 8 sự kiêu mạn ấy. Nay dùng đến sự phân phối nơi 8 loài chim. Chim là một loài rất kiêu ngạo. Tánh kiêu ấy thể hiện nơi loài chim nầy; giàu sự kiêu ngạo, khinh miệt. Tự tại kiêu căn như chim Thứu (kênh kênh). Thọ mạng kiêu như loài chim thường. Thông minh kiêu như chim Cú mèo. Làm việc lành kiêu hãnh như con chim tu hú. Kiêu hãnh về sắc đẹp như con chim bồ câu. Lăng mạ kẻ khác và tự kiêu, vì quý trọng mình mà kiêu. Tự yêu mình, vì tham ái kẻ khác, sanh ra dâm. Tự giận làm si; giận kia thành sân. Tự hoặc mình là ngu; hoặc kẻ khác là si v.v…

Kế đến từ „ngươn xà" trở đi; phần thứ 3 có hai câu, dụ cho sân sử. Sân ấy có 3 loại. Độc hại của rắn ấy chẳng tiếp xúc, mà qua hô hấp. Dụ nầy phi lý; nên sanh ra sân hận. Loài rắn độc khi gặp thì nguy to, dụ cho chấp cái lý về sân. Ngô công ở đây thí dụ cho sân hý luận. Người đời nói rằng: Người có trán màu đỏ là ngô công. Chẳng phải người màu đỏ là Do Diên.

Từ „thủ cung" trở đi; phần 3 nầy có 2 hàng, dụ cho si sử: si ấy có sự độc hại; có tướng khởi lên tương ưng. Thủ cung ấy có 100 chân đầy lửa, dụ nầy dụ cho riêng

cái đầu là vô minh. Chồn, cáo, chuột v.v… dụ cho những sự tương ưng khác. Tất cả là những lũ ác trùng.

Từ căn bản của si làm gốc hỗ trợ cho các kết sử khởi lên. Làm rõ cho các sử tương duyên; hoặc duyên vào 3 cõi như ngang dọc giao thoa, khởi lên nhanh chóng rồi chạy trốn. Một hàng nói về nước tiểu, làm rõ chỗ tâm si mê, dính mắc vào cảnh. Tất cả đều là vô thường, khổ, vô ngã và bất tịnh. Do si mê chẳng rõ được sạch dơ; nên bị nhiễm trước; cho nên nói rằng: Giống như đám trùng bọ hung bò lên trên ấy.

Chồn cáo, phần 4 có 2 hàng; làm rõ chỗ tham sử. Tham ấy lại có 2 loại. Một là có sức mạnh; hai là chẳng có sức mạnh. Có sức mạnh là dùng uy thế để gìn giữ như chó sói. Không có sức mạnh có thể chạy tránh đi.

Rách nát, tồi tệ như dã can tranh nhau. Ở đây làm rõ cảnh tham giữ, dẫn đến việc cấu xé với nhau. Chẳng dùng đạo lý để làm bàn đạp, mà giữ tâm tham; hoặc giữ một thành; hoặc giữ một nước. Ở đây có đủ loại như bọ kiến.

Lại nói rằng tâm tham ấy chấp cảnh, có chỗ dùng và không dùng được. Có chỗ dùng là chấp vào chỗ cấu xé nhau. Chẳng dùng được mà giữ lấy như bàn đạp. Lại ít mà còn tranh nhau và nhiều thì giẫm đạp lên nhau. Cốt nhục tương tàn. Tích tụ 5 trần chẳng rõ chỗ dừng nghỉ và biết đủ. Do sự quần thảo và cạnh tranh như chó đánh nhau. Ở đây do lực tham mà chuyển thành không có sức mạnh. Nghĩa là như vua tặc; đói khát, bướng bỉnh

thường chẳng rõ đủ cho sự đói. Cầu chẳng thể được; nên yếu đuối, đói khát. Đủ loại đến lui; nhưng toàn là yếu đuối. Người nhiều ham muốn; tuy giàu nhưng mà nghèo. Tâm tham ái. Tham ấy do ngũ trần, nhục dục; tâm thấy khiến tham. Tham là cốt lõi của đạo lý. Truy cầu chỗ thấy biết, chạy theo nhiều chỗ giải bày; cho nên nhiều lao khổ. Sự khổ ấy như chó chạy đua với nhau. Khi nhìn lại tâm, chưa được chánh pháp; nên tuy ăn mà vẫn đói. Chưa thể thấy đứng đắn; cho nên gọi là yếu kém. Nơi nơi đều cầu cứu giải giúp; nên gọi là sự sợ hãi khôn xiết. Có lần nói rằng: Người tham lam hy vọng, tìm cầu vọng niệm. Đấu tranh, giành giựt với nhau.

Phần thứ 5 gồm 2 câu, dụ cho nghi sử. Do dự hai bên; nên gọi là nghi. Chưa quyết định được là đấu tranh hay không. Ý nghĩa nầy là sự chế ngự. Lại cũng có nghĩa là chẳng cướp được. Đau đớn, khóc lóc la lối luận nói chẳng theo lý lẽ. Sự sợ hãi gồm 2 câu. Phần thứ hai, kết lại bên trên về 5 độn sử. Nơi nơi đều có.

Phần thứ 2 có 10 hàng, làm rõ 5 lợi sử. Phần nầy chia làm 2. Nửa hàng đầu là thông minh lợi sử. Lợi sử biến duyên vào ngũ ấm, tứ đế. Cho nên nói rằng: Nơi nơi đều có. Phàm là quỷ thần thì có trí và thần thông. Cầm thú lại chẳng có. Cho nên phần lợi sử để thí dụ cho quỷ thần. Độn sử để dụ cho cầm thú; Dạ Xoa v.v...

Phần 2 gồm 9 hàng rưỡi; riêng làm rõ 5 lợi sử và chia làm 5. Ba hàng đầu tiên làm rõ về Dạ Xoa. Đây là loại quỷ hay cướp giựt thí dụ cho tà kiến; chấp phá chẳng có nhân quả.

Quả báo lành là làm người, dụ cho việc xuất thế nhân quả, chẳng gồm phiền não. Bát bỏ chẳng có lý, như người ăn thịt người vậy. Còn việc trùng thuộc về ác báo. Giống như thế gian nhơn quả, toàn là những phiền não. Bát bỏ chẳng có lý nầy, giống như loài độc trùng vậy. Những loại sinh ra trôi nổi hay có sữa là các pháp của thế gian, chính từ nguyên nhơn từng loại, sanh ra và tự có kết quả. Mỗi mỗi đều tự chứa chấp và giữ gìn. Nhơn ấy có thể có quả; cho nên gọi là tàng chứa. Tất nhiên được, chẳng mất; nên gọi là giữ gìn. Lại nữa người, thịt thuộc lành và độc. Trùng ấy thuộc ác. Với tâm tà kiến bát bỏ chẳng có thiện ác nhơn quả. Việc nầy giống như ăn thịt lẫn nhau vậy. Loài sanh sản trên nước hoặc có sữa. Nói chung là lành dữ đều có nhơn quả tương sanh với nhau. Ăn tức phải no. Thấy thì tâm thành tựu. Người có tâm ác đốt cháy là tâm thấy nhiều và tăng trưởng thêm. Âm thanh của việc tranh giành với nhau là nội tâm thành tựu, ngoại chướng dùng lời nói để tuyên truyền về pháp chẳng có nhơn và chẳng có quả; khiến cho người nghe bị lạc vào 3 đường dữ cho nên nói là sợ hãi.

Từ "Quỷ Cưu Bàn Trà" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng và 2 câu thí dụ về giới thủ. Cưu Bàn Trà gọi là quỷ thẳng, như có lậu thiện, có thể hơn cả các loài trùng. Ngồi hở hang trên mặt đất. Tu 10 giới lành có thể sanh lên 6 cõi trời. Trong 6 cõi trời ấy, dục giới là nơi cao hơn. Giống như việc ngồi trên đất. Lại nữa ngoại đạo giữ giới có thể tu thiền định. Đầu tiên chứng được dục giới định; hoặc được vị lai định. Vị lai định chưa thoát khỏi dục giới. Trên đỉnh của dục giới, như ngồi trên mặt đất. Hoặc lìa

một thước, hai thước được lên cõi trời sắc giới định như trong một thước. Được vô sắc giới định như trong 2 thước. Được lên cõi trời trên, rồi qua lại. Tiếp đó đọa trở xuống ngược lại, khởi lên chỗ thấy bị che, rồi loay hoay vui vẻ; giống như chó 2 chân. Có người nói rằng: Vì hủy báng không có cái nhơn của khổ; nên giống như chó không đủ chân. Bát bỏ không có cái khổ quả, giống như chân chim. Rồi tập hợp cái gốc gác để được quả; giống như tiếng kêu của chó. Thấy lợi và bát bỏ nói không có tập; nên chẳng có cái lý của sự khổ. Lại mất đi âm thanh. Còn quán giải nghĩa là tu học hạnh, quán phục bần. Bần ấy chẳng làm giống như bị gián đoạn; nên mất âm thanh. Chó ấy là lòng mong muốn, nghèo nàn đôi chân, lấy đó làm giác quán. Giác quán ấy qua lại thường tại nơi cảnh nghèo hèn. Hơi thở dừng thì tâm có thể bị trói buộc, làm chỗ nắm bắt của giác quán. Thường con người nghèo nàn quá khổ hay hướng về cảnh bất tịnh tạo nên bất tịnh quán, lại bần quán. Bần giác trở lại cũng giống như con chó bị nô bộc đánh đập. Nhơn đó chẳng kêu thành tiếng. Lại nói rằng: Tạo sự bất tịnh quán như đánh chó, có thể sanh thiền định. Như bị đánh, liền mất tiếng kêu.

Khước gia cảnh cũng giống như con chó, tuy bị đánh giao động; nhưng chẳng quay lại, mà bỏ chạy. Sự tham lam tuy rõ biết bất tịnh, dừng đó; nhưng sự tham lam giống như chưa thật trong sạch; nên lại phải dùng đến vô thường quán. Thêm vào sức mạnh sẽ sanh sợ hãi; tức là bần giác chẳng thể khởi lên.

Lại nói rằng: Một lần tâm qua lại, như hướng xuống đất để đánh; thường bị trói cột bởi duyên giống như Khước Gia Cảnh (một loại chó) chẳng thể chạy được. Sợ như chó tự vui; nên tu về quán vô thường, giác ngộ tâm tham lam như sợ chó vậy. Nguyên nhơn ấy được thiền vị; gọi là tự vui.

Từ "thân nầy dài" trở đi; phần thứ 3 có một hàng rưỡi kệ, dụ cho thân kiến. Đã vào 3 cõi giống như ta nói là trưởng thành. Qua lại 5 ấm, ta gọi là to lớn. Từ đó ta tự tại, chẳng siêng tu pháp lành; cũng chẳng xấu hổ; cho nên nói là lõa hình. Dùng việc ác để trang nghiêm; cho nên nói là đen đúa. Chẳng có tư lương của công đức; cho nên nói là héo hắt. Do vậy ta chẳng thể ra khỏi 3 cõi. Cho nên nói là thường ở trong ấy. Rồi ở tâm ta, phát ngôn nói năng có tướng của ngã, rồi nói tiếng đại ác, chê nhơn và vọng nói được đạo phủ. Lời nói ấy chỉ để cầu cho miếng ăn.

Từ "lại có những loài quỷ" trở đi; phần thứ 4 gồm nửa hàng dụ cho việc kiến chấp. Khi cổ khô, mệnh nguy mới lo bảo toàn thọ mạng; chẳng nghĩ đến vô thường mà lo chuyện Niết Bàn; cho nên nói là cổ như kim châm.

Từ "đầu như đầu trâu" trở đi; phần thứ 5 có hai hàng dụ cho biên kiến: thôi thúc ta đoạn thường; đoạn thường nhị biên như đầu trâu có 2 sừng. Vì thân là ta và vì ta là thân. Nương vào cái thấy của ta; nên khởi lên biên kiến. Như đầu có 2 sừng vậy. Cho rằng thường đoạn rồi thì có thể đoạn việc lành xuất thế; như người tham ăn thịt; có thể đoạn mất căn lành ở đời; hoặc như cho ăn;

hoặc lúc cho là thường; hoặc lúc cho là đoạn. Trước sau lui tới như đầu tóc rối bù. Cho rằng thường tức là phá đoạn. Cho rằng đoạn tức là phá thường. Như tàn hại hung hiểm; chẳng có trí định, ăn uống tự lo; như đói khát bức bách.

Từ "Dạ Xoa ngạ quỷ" trở đi; phần thứ 2 có một hàng rưỡi. Tổng kết về dục giới là phần não tướng. Cũng kết luận là tướng lợi, độn của chúng sanh; đồng thời cũng có tâm hữu lậu; thường chẳng có đạo vị gì cả; cho nên nói là đói khát.

Khuy khán bích (lỗ thông nơi bức tường) để chỉ rõ cho tà quán nầy không đúng với chơn lý và chưa ngưỡng vọng được đạo vị. Tuy có quan sát; nhưng mà mang tâm chấp trước nhiều; do vậy chẳng gặp lý chơn chánh. Giống như thấy không qua cửa sổ; chẳng được vô ngại.

Từ "đây là cành cây khô và nhà thuộc một người" trở đi; phần thứ 2 có một câu kệ làm rõ lý do mất đi ngọn lửa. Ba cõi chỉ là nơi của Phật hóa hiện. Phát tâm rồi, lại thệ nguyện độ thoát. Cho nên nói rằng: Thuộc về một người. Trưởng Giả ở trong nhà, có thể làm cho hết lửa; nhưng do ra khỏi và sau đó các con chẳng biết; cho nên làm cho lửa bốc cháy lên. Ở bên trong thích hợp với lý do chánh đáng. Như Lai dùng thần thông của Phật để giáo hóa cho chúng sanh và giúp cho chúng sanh trong đời ngũ trược. Cảm ứng tận rồi Đức Như Lai xả bỏ ứng thân nầy; nên sau đó chúng lại khởi lên 5 trược. Ở quốc độ khác phó duyên; chẳng đi khỏi; cho nên nói là gần xuất hiện.

Lại nói rằng: Từ khi được vô sanh rồi, chẳng sanh nơi tam giới; cho nên nói là ra khỏi. Chẳng ứng hiện lâu dài; cho nên nói là gần. Trong phẩm Thọ Lượng nói rằng: Nhiều lần hiện Niết Bàn; tức là cái ý nói ra khỏi nhà nầy.

Từ "ở nơi nhà cửa" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng; chính thức làm rõ về sức mạnh của lửa khi bốc cháy. Tứ bề ý nói các nơi chốn. Thân nầy thọ tâm pháp, cùng khởi lên tứ đảo và ngũ trược, bát khổ; cho nên gọi là một lúc. Lửa ấy liên tục tăng và giảm. Mạng căn nầy mất như sự bạo phát. Gió đao ấy cắt thân thể nầy thành miếng. Lại bảo rằng: Sự thọ hình khổ nhọc, đau đớn kêu gào; nên gọi là bộc phát. Các căn bị phá hết như cắt nát ra. Hơi thở không còn; xương cốt rời rã và gân da chẳng còn; rồi liền rơi vào địa ngục. Bốn đại tan rã như tường vách sụp đổ.

Từ "chư quỷ thần" trở đi; phần thứ 4 có một hàng rưỡi, làm rõ cái tướng bị thiêu đốt. Hoặc nói rằng: Thân thuộc là thần hồn; khóc than cao tiếng nay như ví dụ bên trên về lợi sử; lấy đó thí dụ cho thần hồn. Người lợi sử; hoặc hay đoạn thường. Nếu thường thì nghĩa là pháp định không. Từ hữu trở lại không và không ấy liền thường hằng. Còn kẻ đoạn (thường) nghĩa là pháp định đoạn. Tuy việc nầy một lần chết; lại chẳng liên tục trở lại. Tất cả đều nói là định thuyết và việc nầy đã hiển lộ, cho nên nói rằng: Nghe tiếng lớn la lên. Nếu là độn sử cùng với ác giới thủ thì cái gốc chẳng tính đoạn; nay thấy vô thường; liền sanh nghi, sợ; chẳng rõ biết phương

pháp lìa khổ; cho nên nói là bồn chồn chẳng thể tự ra khỏi.

Từ "ác thú độc trùng" trở đi; phần thứ 2 có 3 hàng rưỡi, làm sáng tỏ việc trong hang ngách. Dụ cho sắc giới lửa đốt cháy. Tất cả các bộ (phái) đều giải thích nghĩa nầy là sân ấy qua đến 3 cõi; tức là câu văn nầy vậy. Câu văn nầy chia làm 4. Hàng đầu tiên làm rõ về loại bị thiêu đốt. Tứ thiền định dụ cho lỗ trống nầy. Tuy chẳng thể cùng ở ngoài cánh cửa, được mở ra; giống như được miễn khỏi ngọn lửa cháy mạnh; tức là khi vào thiền định cũng giống như được miễn nơi các trần xấu ác của dục giới vậy. Lợi sử chúng sanh lại được thiền định. Như quỷ Tỳ Xá Xà lại sống ở trong đó.

Phần "phước đức mỏng manh" có 1 câu; đây là phần thứ 2 khi có lý do để lửa nổi lên. Do thiếu phước đức; cho nên gần với việc xấu ác và gặp khổ.

Vì "lửa thúc bách" gồm 1 câu; đây là phần thứ 3 làm rõ chỗ sức mạnh của lửa khi đã nổi lên. Tuy trong lỗ hang ấy không bị lửa mạnh đốt cháy là dụ cho có nhiệt não. Tứ thiền tuy không phải là dục giới ác, lại vẫn còn vị yêu thương nhỏ nhiệm nên khổ. Cho nên nói là lửa vây bủa.

Từ "cùng với tướng tàn hại" trở đi; phần thứ 4 gồm 2 hàng, làm rõ cái tướng bị thiêu đốt. Làm rõ cái tướng cướp đoạt của lợi độn. Chúng khiến cho chúng sanh được thiền và cũng giống như chỗ tính toán sai khác. Vì chỗ sai khác nầy hỗ tương cho nhau nên không; giống

như tướng tàn hại vậy. Liền khi thiền khởi lên mà thấy; tức là chẳng thể sanh nơi vô lậu định huệ được. Hay tự nhiên đắm trước như uống máu. Lại đắm trước nơi ngũ chi như ăn thịt. Giả can chính là sự tham lam nơi dục giới. Vị lai định đã đoạn; cho nên nói cùng với cái chết phía trước rồi. Lại có tên là ăn nhạt. Thiền định mà còn tham lam như thú dữ có thể ăn nuốt như cái tham của dục giới. Dục giới 4 đảo, 8 khổ như lửa cháy mạnh. Sắc giới như tứ đảo và khổ nầy như khói hôi. Lại qua nơi thọ thân, tâm pháp, tứ đại, da thịt v.v... cho nên nói rằng bốn bề đều hôi thối.

Từ "Ngô Công" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng rưỡi kệ; làm rõ trong chỗ không ấy; dụ như vô sắc giới lửa bắt đầu cháy và chia ra làm 2. Hàng đầu tiên làm rõ loại bị thiêu đốt. Sau đó một hàng rưỡi, làm rõ cái tướng bị thiêu đốt. Xa rời sắc giới định, ra khỏi hướng về vô sắc. Xa rời sắc trần cảnh, quán vô sắc pháp, như những loại rắn độc, bị lửa đốt cháy, ra khỏi hang. Nếu như sân thông qua 3 cõi và nếu được vô sắc định thì tất nhiên liền mất nhơn duyên bên dưới. Cho nên nói rằng: Tùy theo sự chấp thủ mà ăn lấy. Phi Tưởng là cõi trời cao hơn, dụ cho việc chẳng trừ khỏi điên đảo và các khổ, như trên đầu, lửa đang cháy vậy. Phi Tưởng lại cũng có 8 loại khổ của lửa đốt. Tâm sanh niệm khác; cho nên gọi là sanh khổ. Niệm niệm chẳng dừng; nên nói là lão khổ. Tâm hay phỏng định lo lắng; nên gọi là bịnh khổ. Ra khỏi định thì chết khổ. Cầu định chẳng được, là cầu chẳng được nên khổ. Cầu định chẳng được, tất nhiên có sự chướng; liền giận dữ nên gặp khổ. Tứ ấm tâm, tức là

ngũ thạnh ấm khổ; chẳng thể tức là lìa mất các loại (trời) hữu đảnh. Do vậy mà lửa cháy trên đầu. Không vô lậu; cho nên đói khát, khổ sở. Do phải luân hồi lên xuống.

Từ "nhà nầy như thế" trở đi; phần thứ 4 có 1 hàng. Tổng kết về 3 cõi đều khổ nạn, không riêng một cõi nào. Tụng về tổng dụ rồi; lúc bấy giờ người chủ nhà ở trước cửa đứng đó; phần nầy có 32 hàng kệ rưỡi; tụng phần thứ 2 về biệt dụ. Biệt dụ nầy lại có 4. Nay tụng làm 3. Đầu tiên có 2 hàng rưỡi. Tụng về Trưởng Giả thấy lửa. Kế đến phần 2 có 13 hàng, tụng về việc xả bỏ bàn ghế đồ dùng, xe cộ thí dụ cho lớn nhỏ. Kế phần 3 ấy có 17 hàng. Tụng về việc cho xe lớn. Hai hàng rưỡi đầu tiên tụng về việc thấy lửa có 3 phần. Một là hay thấy; hai là chỗ thấy; ba là khởi lên việc lo sợ. Trong nầy đều tụng hết.

Đầu tiên người chủ nhà trở đi có 3 câu; tức là nói về người có thể thấy. Bên trên làm rõ chỗ thấy và nay nói là nghe. Dùng việc nghe để thấy cho việc thấy. Nghe tức là từ người khác. Kẻ đứng bên ngoài cửa là chính thức tụng về ta bên trên; tuy có thể an ổn ra khỏi chỗ thiêu đốt. Đứng đó nghĩa là ở nơi pháp thân địa thường hay đoái tưởng đến lòng từ, muốn cứu chúng sanh, chẳng phải nơi đệ nhứt nghĩa, ngồi nơi không ấy. Xưa nói rằng: Mười phương lời nói của chư Phật do Đức Thích Ca nói. "Ngươi có duyên với các con ở trong 3 cõi, căn lành sẽ mất". Lại nói: Chúng sanh cảm nhận được Phật vì căn cơ của người khác. Nay lại nói rằng: Pháp ấy là Thầy của Phật. Nghĩa là 3 pháp vị vậy. Pháp nầy là Thầy; tức là

người khác. Nếu vào trong 3 muội tức có thể thấy cơ duyên. Tam Muội ấy làm cho thấy Phật; nên nói là có người nói vậy. Lại nói rằng: Đại bi là người khác v.v...

Từ "Ngươi và các con" trở đi: phần thứ 2 có một hàng và 1 câu; tụng về chỗ thấy lửa.

Hỏi: Người con chưa ra khỏi, do nguyên nhân nào mà vui để vào lại?

Đáp: Hoặc gặp sự phát tâm; gọi là ra khỏi 3 cõi, mà còn trở lại; nên gọi đây là vào. Như người bước chân muốn ra khỏi cửa; liền lại quay ngược. Cho nên nói là đi ra mà còn gọi là trở vào. Lại nữa lý tánh ấy gốc là thanh tịnh; không phải pháp của 3 cõi. Nhơn ấy vô minh; cho nên khởi lên sự hý luận, rồi có sanh tử. Cho nên nói rằng nguyên nhơn trước du hí, lại nhập vào vậy. Việc thiện lớn chưa dính vào; nên lấy tạp nhỏ. Vì vô minh che lấp; nên bị vô trí.

Từ "nghe rồi kinh khiếp vào" trở đi; phần thứ 3 có 2 câu; tụng phần bên trên; tức là lo sợ lớn mà khởi tâm đại bi. Rồi từ "cứu tế" trở đi; phần thứ 2 có 13 hàng là tụng về việc xả bỏ bàn ghế đồ dùng, xe cộ, lại chia làm 2. Đầu tiên có 5 hàng rưỡi, tụng phần bên trên, cứu con chẳng được. Bên trên khai mở thí dụ; trong đó có sự khuyên bảo. Nay hay tụng về sự khuyên bảo ấy. Câu văn khuyên bảo lại có 3. Nay làm rõ ra lại có 3. Đầu tiên 4 hàng rưỡi kệ, tụng phần trên về "ta sẽ nói việc sợ hãi, nghĩ bàn. Kế đến từ "các con vô trí" trở đi; phần 2 có 3 câu; tụng về việc chẳng thọ nhận việc khuyên lơn về đùa giỡn chẳng

được. Phần thứ 3 có một câu. Bên trên tụng về việc biến hóa; sau đó mới chỉ bày. Suy nghĩ nói việc lớn. Cái cho biết về thí dụ tức là nói chúng gặp nạn; nên giải bày dạy dỗ. Để chỉ việc nầy có một câu. Phần tụng bên trên về người cha rồi, ý nói từ bỏ cái khổ.

Từ "lúc bấy giờ Trưởng Giả nghĩ rằng" trở đi; phần thứ 2 có 7 hàng kệ rưỡi. Phần tụng bên trên về việc dùng xe, có 4 phần. Một là suy nghĩ về 3 xe; hai là rõ biết về tâm của các con; ba là ca ngợi, tán dương về 3 xe thật là khó có; bốn là nơi lời nguyện của chính các con. Nay tụng đến phần giữa lại có 3 nghĩa. Lược bớt chẳng tụng phần rõ biết trước của các con. Phía trước 3 hàng, tụng về việc suy nghĩ.

Từ "bảo các con rằng" trở đi; phần thứ 2 có 3 kệ khuyến khích, tán thán 3 xe khó có. Bên trên làm rõ chỗ khuyến khích chỉ bày để chứng 3 nghĩa. Nay tụng ấy lại có 3 nghĩa. Tụng chồng lên về việc khuyến khích, thành ra bốn. Hàng đầu tiên tụng về sự khuyến khích. Kế đến nói về xe hươu. Phần thứ 2 có 3 câu tụng về sự chỉ bày.

Tiếp đến từ "các con ra khỏi" trở đi; phần thứ 3 có một câu, lại tụng về sự khuyến khích. Tiếp theo từ "ta vì các ngươi" trở đi; phần thứ 4 nầy có một kệ tụng về sự chứng đạo. Rồi "khai nói như thế nầy về các xe" trở đi; phần thứ 3 có một hàng kệ tụng lại bên trên gồm 6 câu. Chạy khỏi, như tụng bên trên về thấy chân lý. Không địa ấy là tụng về chỗ Vô Học (A La Hán).

Từ "Trưởng Giả thấy con mình ra khỏi nhà" trở đi; phần 3 nầy có 17 hàng kệ. Bên trên tụng phần thứ 3 dụ cho xe lớn cho các con. Câu văn bên trên lại chia ra làm 4. Một là khỏi nạn; hai là xe hư; ba là cho xe lớn; bốn là được xe rồi, sanh ra vui vẻ. Nay tụng ấy lại có 4. Năm hàng đầu tiên tụng về sự khỏi nạn được vui vẻ. Kế đến phần 2 gồm 3 hàng, tụng về sự hư xe. Phần thứ 3 gồm 7 hàng rưỡi, tụng về việc cho. Phần thứ 4 gồm một hàng rưỡi tụng về việc được xe, nên vui mừng. Cuối cùng 5 hàng đầu tụng về việc các con khỏi nạn, lại có 2. Hàng đầu tiên tụng về việc khỏi nạn. Kế đến tự bảo rằng; phần 2 nầy có 4 hàng, tụng về sự vui vẻ.

Ngồi nơi tòa sư tử có 2 lối giải thích. Một là các con ngồi là được ra khỏi 3 cõi; cho nên không sợ. Hai là chỗ ngồi của Trưởng Giả. Trưởng Giả thấy con khỏi nạn; cho nên chẳng sợ hãi nữa. Đầu tiên ở bên phía ngoài cửa; dụ cho sự lo lắng sợ hãi; cho nên bảo là đứng đó. Nay được ra khỏi cửa liền ngồi, không sợ. Do vậy trong phẩm Phương Tiện nói rằng: Nay ta vui, chẳng sợ, khỏi nạn. Qua câu văn ấy mà tự thấy vui. Phần thứ 2 có 4 hàng, tụng về việc Trưởng Giả vui vẻ như câu văn.

Từ "rõ biết người cha ngồi rồi" trở đi; phần thứ 2 nầy có 3 hàng kệ; tụng về 2 chiếc xe hư như câu văn.

Từ "Trưởng Giả giàu có lớn" trở lên; phần thứ 3 có 7 hàng rưỡi; tụng bên trên phần thứ 3 là cho xe lớn. Câu văn trên có 2 chương, 2 rộng và 2 sự giải thích. Hợp lại có 6 việc; nay hay tụng làm 4. Chẳng tụng về tâm rộng rãi; chẳng tụng về lối giải thích. Hàng đầu tiên, tụng

phần thứ 4 giải thích về xe lớn. Chỗ che đậy gọi là nhà kho. Chỗ ấy cũng còn gọi là chỗ cất chứa. Nơi đó đầy đủ tất cả pháp; gọi là tạng. Mắt, tai, sáu căn đầy đủ tất cả pháp; gọi là nhà kho v.v...

Kế đến "dùng các loại vật quý" trở đi; phần thứ 2 có 6 hàng kệ tụng; phần thứ 3 nói về xe rộng lớn. Kế tiếp 2 câu tụng và 2 chương về cánh cửa. Dùng cho xe đẹp nầy chỉ một câu. Phần thứ 3 tụng, phần thứ 2 về xe lớn và chương về cửa ra vào; rồi cho các con, trong một câu. Phần thứ 4 tụng về tâm ban đầu và chương về cửa.

Từ "các con lúc ấy vui vẻ lạ thường" trở đi; phần thứ 4 gồm một hàng rưỡi, tụng về việc được xe vui vẻ, đi khắp bốn phương; leo lên huệ trung đạo. Ngang qua 4 cánh cửa của 4 loại chân lý; đạt đến 41 vị, rốt ráo được cái đức của thường, lạc, ngã, tịnh. Cho nên nói rằng: hoan hỷ tự tại.

"Bảo Xá Lợi Phất rằng: ta cũng lại như thế" trở đi; phần thứ 2 có 34 hàng rưỡi, tức là tụng về tất cả các thí dụ vậy. Bốn hàng đầu tụng về hợp tổng dụ, gồm cả 4 ý và kiêm luôn 6 thí dụ. "Ta cũng như vậy" gồm một hàng, tụng chung về Trưởng Giả; nửa hàng bên trên tụng về hợp vị hiệu. Nửa hàng bên dưới tụng về hợp danh hạnh, kiêm luôn ý nghĩa tán thán về cái đức, bảy loại phương tiện hiền thánh trung tôn. Chín loại người cha của thế gian. Tất cả chúng sanh đều là con của ta gồm 1 kệ; tụng hợp lại 5 đạo; nghĩa ấy kiêm luôn 30 người con. 30 người con ấy là con của nhơn và duyên. Tất cả chúng sanh, tức là những đứa con có nguyên nhơn chính thức.

Tam giới chẳng an gồm nửa câu kệ. Tụng về nhà cửa và kiêm luôn ý nghĩa chỉ có một cánh cửa. Các sự khổ đầy dẫy gồm 1 câu kệ rưỡi; tụng hợp lại việc lửa đốt cháy. Hợp tổng dụ xong rồi.

Từ "Như Lai đã lìa khỏi nhà lửa của 3 cõi" trở đi gồm 30 hàng rưỡi; phần thứ 2 tụng hợp lại phần biệt dụ. Bên trên tụng về việc mở bày; chẳng phải chẳng hư. Nay tụng hợp lại, tức là có. Ba kệ đầu tiên tụng về việc thấy chúng sanh vì sanh già v.v... hợp lại thấy lửa là một thí dụ. Câu văn bên trên tụng về thí dụ thấy lửa có 3. Nay hợp lại cũng có 3. Câu kệ đầu tiên tụng bên trên về "Như Lai hay thấy". Chính là do ở chốn yên tĩnh; nên hay thấy các con trong ngũ trược vậy; tức là hợp lại nghe có người nói.

Kế đến từ "nay 3 cõi nầy" trở đi; phần thứ 2 có một hàng rưỡi; bên trên tụng về chỗ thấy chúng sanh, vì sanh, già, bệnh, chết mà bị thiêu đốt; hợp lại phần 2 để dụ cho chỗ thấy lửa. Từ "chỉ có ta một người" trở đi; phần thứ 3 gồm nửa hàng kệ; tụng bên trên về việc Phật thấy điều nầy rồi, liền suy nghĩ rằng: Thật khủng khiếp khi vào trong nhà lửa. Rồi lại dạy rằng: Phần thứ 2 gồm 4 hàng, tụng về việc xả bỏ đồ dùng, dụ cho xe và chia ra làm 2. Một hàng đầu tiên tụng về việc xả bỏ đồ đạc nầy. Bên trên khai mở thí dụ có 3. Nghĩ nói với những người thiếu cơ duyên. Nay một bài kệ nầy lại có 3 ý. Thường là tổng lược; rồi lại chỉ bày gồm một câu. Tụng về việc nghĩ lại, mà chẳng tin nhận, gồm một câu. Tụng về những kẻ chẳng có cơ duyên, gồm lại 2 câu tụng về việc tiêu mất

nầy. Hoặc có thể bên dưới, 2 câu tụng về người chẳng căn cơ nầy vậy. Về việc tham trước, đắm nhiễm – bên trên tụng về những người chưa khỏi sanh, già, bịnh, chết, ưu, bi, khổ, não v.v... thì đây là phương tiện. Phần thứ 2 có 3 câu kệ. Tụng về việc hợp lại dùng xe để cứu con được, là một thí dụ. Câu văn bên trên có 4. Nay hay tụng làm 3. Hợp lại cũng làm 3. Lược bớt chẳng hợp, rõ biết tâm của con trước tiên. Đầu tiên dùng phương tiện gồm một câu. Phần tụng bên trên hay dùng trí tuệ phương tiện và muốn nghĩ lại.

Từ "vì nói 3 thừa" trở đi; phần thứ 2 có một hàng, một câu. Tụng hợp lại bên trên, phần thứ 3 ca ngợi về 3 xe thật khó có. Rồi từ "những đứa con" trở đi; phần thứ 3 gồm một hàng rưỡi, tụng hợp lại phần thứ 4 đúng với chỗ nguyện. Phía bên trên hợp với 3 thừa; mỗi mỗi đều có 4 câu. Nay tức là tổng tụng. Nếu tâm quyết định thì từ khổ pháp nhẫn rồi, bên trên là quyết định đúng. Phần nầy có một câu. Tổng tụng 3 thừa để đến vị. Sau đó phần phía dưới, đầy đủ gồm một hàng. Mỗi mỗi tụng 3 thừa riêng ra khỏi vị.

Từ "Nầy Xá Lợi Phất! Ta vì" trở đi; phần thứ 3 có 8 hàng. Tụng hợp phần thứ 3 dụ về việc cho xe lớn. Trường Hàng (câu văn dài) chẳng hợp với xe hư, cùng với sự hoan hỷ. Tụng khai; tức là tụng đầy đủ. Nay hợp lại để cho, vui vẻ; chẳng hợp với khỏi nạn, xe xấu. Chạy khỏi, cuối cùng thành ra có 2 câu văn; lại chia ra làm 2. Năm hàng đầu tụng về việc hợp lại cho. Sau đó 3 hàng, tụng về sự hoan hỷ. Bên trên hợp lại cho có 4; chẳng

tụng 2 phần nầy. Nay hợp lại, lại lược bớt. Hay hợp 2 chương về cánh cửa và với chiếc xe to lớn thứ 3. Lại tụng về giải thích nguyên do có xe.

Đầu tiên "ngươi Xá Lợi Phất" trở đi gồm có một hàng. Trước tiên tụng về xe lớn và chương nói về cánh cửa. Câu văn trên do chư Phật thiền định. Kế đến "các con nếu có thể" trở đi; phần 2 có 1 hàng; tụng hợp lại với tâm và chương về cánh cửa.

Bên trên nói về chúng sanh thoát ra khỏi 3 cõi. Kế đến là nói về Thừa (cỗ xe) vi diệu. Phần thứ 3 có 2 hàng; tụng về hợp và chính thức nói về chiếc xe rộng lớn. Bên trên nói tất cả đều cùng một tướng, một loại. Kế đó là vô lượng ức thiên các lực giải thoát. Phần thứ 2 nầy có 3 bài kệ. Tụng về việc được xe hoan hỷ. Tựu chung việc nầy lại có 2. Hai câu kệ đầu tiên làm rõ mỗi mỗi đều được xe lớn. Sau đó dùng nhơn duyên nầy. Phần 2 nầy có 1 kệ và kết lại khuyến khích nên tin. Nay 2 câu kệ đầu nầy nói về ngày đêm. Ban đầu được Phật tri kiến, dùng trí trung đạo thì ánh sáng như một phần của mặt trời. Vô minh ở trong đêm tối. Còn tự chứng được trí trung đạo thì như mặt trời. Từ bi đi vào sanh tử như đêm tối. Thường thực hành 2 pháp ấy; cho nên nói là du hý. Người vào Tam Thừa cùng nhập vào Phật trí. Cho nên nói rằng cùng với các vị Bồ Tát và chúng Thanh Văn. Lại nữa điều nầy làm rõ cho việc tự hành và hóa tha. Tự nhận thừa nầy; cho nên ngày đêm vui chơi. Dùng sự hóa tha nầy; cho nên nói rằng cùng với Bồ Tát và chúng Thanh Văn, hay hóa Tam Thừa và cùng lên thừa (xe) quý báu ấy.

Kế đến một kệ nói về một thừa, chẳng có 3 nhơn duyên. Đối với 10 phương quốc độ, thật ra chỉ cầu một chứ không có 2. Trừ khi chư Phật phương tiện, liền nói chẳng theo lời. Nói rằng: Bồ Tát nếu chẳng hư xe thì vì nhân duyên gì mà vui vẻ về xe?

Từ "bảo Xá Lợi Phất, ngươi cùng với các người" trở đi; phần thứ 4 có 15 hàng kệ rưỡi; tụng bên trên phần thứ 4, hợp lại thí dụ chẳng hư vọng. Bên trên hợp lại có 2. Đầu tiên đưa ra 2 thí dụ; sau đó hợp lại chẳng hư vọng. Nay thường tụng hợp sự chẳng hy vọng, câu văn lại chia làm 2. Ba hàng rưỡi đầu chính thức tụng về hợp, chẳng hư vọng và chương về cánh cửa. Tiếp theo "nếu có Bồ Tát" trở đi; phần thứ 2 có 12 kệ; tụng về hợp lại sự giải thích chẳng hề hư vọng. Thân Tử (Xá Lợi Phất) gọi bản tâm nầy dụ cho việc chẳng hư vọng. Người cha vốn muốn làm cho con được ra khỏi; cho nên mới muốn cho 3 xe, mà khi khỏi nạn rồi, cho đến chẳng cho xe nhỏ, lại chẳng trái với tâm trước. Cho nên noí là chẳng hư vọng. Phật tụng về thí dụ nầy tức là làm rõ chỗ chẳng hư vọng; làm rõ được bản hoài của chư Phật; tức là muốn nói một (thừa) mà vì ngũ trược; nên chẳng chịu tin nhận. Do vậy mà nói rằng 3 trược chướng, rồi liền trở lại nói một lớn; tức là muốn ca ngợi về bản tâm vậy. Nay chương đầu tiên nói về cánh cửa lại chia làm 3. Hàng đầu tiên, định rõ về cha con, làm rõ ý muốn chính là to lớn. Cho nên nói rằng: Tất cả đều là con ta. Cái lý ấy bình đẳng với việc lớn.

Kế đến từ "các ngươi" trở đi; phần thứ 2 có một câu kệ làm rõ chỗ nói về 3 thừa, ý là trừ những chướng (ngại). Cho nên nói rằng các ngươi từ xưa các chỗ ấy vây chặt. Kế đến "ta duy nhất, trước tiên" trở đi; phần 3 nầy có một hàng rưỡi nói về chướng ấy trừ rồi, trở lại bản tâm và pháp Đại Thừa (xe lớn). Cho nên nói rằng: nay chỗ tạo tác ấy chỉ có trí tuệ Phật mà thôi. Từ "nếu có Bồ Tát" trở đi; phần thứ 2 có 12 hàng, tụng về hợp lại giải thích 3 ý trước kia. Hai bài kệ đầu, giải thích giống nhau; tất cả là con ta. Lý nầy được bình đẳng.

Kế đến từ "nếu người trí nhỏ" trở đi; phần thứ 2 có 7 bài kệ. Giải thích việc chẳng thể thọ nhận; cho nên nói 3 thừa. Kế đến từ "sự thật nầy chưa" trở đi; phần thứ 3 có 3 câu kệ; giải thích việc sau đó nếu trở lại với việc lớn. Nay 2 hàng đầu nói: Nếu có Bồ Tát dùng phương tiện 3 Thừa để hóa độ chúng sanh. Tất cả từ xưa nay vẫn là những Phật Tử cùng kết duyên với nhau. Tất cả cũng lại cùng giống nhau về chơn như Phật tánh. Cho nên nói rằng: tất cả đều là Bồ Tát vậy. Từ "nếu có người trí nhỏ" trở đi; phần thứ 2 có 7 hàng làm rõ kẻ trí nhỏ là chướng nặng, chẳng thể tin thọ được. Vì đó mà dùng phương tiện để khai mở ra 3 mà tiếp dẫn. Kẻ trí nhỏ, dùng khổ đế để nói. Thanh Văn đối với 3 thừa thật quá nhỏ. Lại nữa khổ đế là cửa ngõ đầu tiên. Khi chúng sanh tâm hoan hỷ thì gọi đây là có căn bản lâu đời; cho nên vui. Cái gốc ấy là chán sanh tử và tự cầu Niết Bàn. Nay nghe được ra khỏi; nên liền hội họp vui vẻ. Ở trong nầy chính thức làm sáng tỏ việc tạo tác của Tứ Đế, hằng lìa hư vọng. Vô minh thực ra chẳng thật, qua hoặc giúp vào;

nên vô minh mới khởi lên. Cho nên nói: vì đó mà hư vọng. Tạo tác của Tứ Đế mà loại trừ được hoặc nầy thì gọi là giải thoát. Thoát đây là ra khỏi từng phần; phần chưa ra khỏi thì trở nên dễ hơn; cho nên chưa tự tại được.

Từ "sự thật nầy chưa được" trở đi; phần thứ 3 có 3 câu kệ, giải thích về những chướng nạn khi tiêu trừ thì gốc gác của tình cảm lại trở lại theo đuổi bản tâm và pháp Đại Thừa. Phật vốn muốn cùng tất cả được giải thoát. Nay ngươi bắt đầu dứt từng phần, không phải là Đại Niết Bàn; với điều nầy chưa được tất cả vậy. Cuối cùng chưa thể gọi là bổn tâm. Cho nên nói rằng: ý ta chẳng muốn làm cho đến diệt độ; nay liền quay lại, làm cho được vô thượng đạo, nhập vào Đại Niết Bàn. Cho đến rốt ráo, gọi là bản hoài của chư Phật. Tất cả giải thoát tức là chẳng tạo ra Diệt Đế. Vô thượng đạo tức là chẳng tạo Đạo Đế. Dùng nhị đế để phá vô tác khổ đế. Ngày xưa muốn nói điều nầy, chúng sanh chẳng thể kham nổi. Chướng ấy khi đã trừ rồi, liền trở lại nói điều nầy. Phật làm vị Pháp Vương, đối với các vị quyền thật, đều được tự tại. Khai tam nhưng hiểu một thật; há lại có sự hư vọng sao?

Từ "Ngươi Xá Lợi Phất! Ta ấn cho pháp nầy" trở đi; phần thứ 2 có 65 hàng kệ để khuyến tính lưu thông. Kẻ tin thì tin Phật nói và chẳng nói. Còn khuyến tấn nghĩa là khuyên có thể thông qua chuyện không thể thông. Điều nầy có 2 nghĩa; cho nên nói là khuyến tin. Câu văn nầy chia ra làm 2. Một là tiêu đề của 2 chương. Hai là giải

thích. Hàng đầu tiên của tiêu đề là nói và chẳng nói. Như Lai nói pháp ấn nầy, là vì sự lợi ích của thế gian, cho nên mới nói. Chẳng nói có nghĩa là hơn 40 năm ấy chưa hề nói lần nào. 5.000 lần chưa đi khỏi, cho nên nói là chẳng nói.

Kế tiếp từ "từ đây đến kia" trở đi gồm nửa hàng. Tiêu đề chẳng thể thông; cho nên chương ấy cũng chẳng thể thông; chớ có vọng nói tuyên truyền. Kẻ ác nương đây nói thêm; khiến cho rơi vào khốn khổ. Kẻ lành chẳng nói điều sai quấy, mất vui. Nếu đại bi mẫn ác; tức chẳng làm cho thông. Nếu đại bi mẫn thiện; tức có thể làm cho thông. Đây gọi là tiêu đề có thể thông và chẳng thể thông.

Từ "nếu có nghe" thuộc về giải thích phần 2, lại có 2 phần. Đầu tiên 8 hàng, giải thích về việc có thể nói và chẳng thể nói. Phần thứ 2 có 50 hàng rưỡi, giải thích về việc có thể thông và chẳng thể thông. Nay 8 hàng đầu làm rõ tướng của Như Lai làm lợi ích thế gian. Thông ấy luận về sự lợi ích của 3 đời. Biệt ấy luận làm cho nhị thừa đi vào lòng tin. Tứ A Súc Bệ (Phật) cho đến quán sát sự lợi ích trong hiện tại. Hội kiến nghĩa là quan sát quá khứ lành để nói. Tin ngươi, nên ta xem vị lai thiện mà nói vậy.

Câu văn phía dưới nói rằng: Nếu tin tưởng sâu xa giải bày thì thấy Phật thường ở Linh Thứu, là ở nghĩa nầy chính trong kinh Pháp Hoa cũng có lần khai mở như vậy. Như Lai quán rõ biết sự lợi ích của 3 đời; cho nên mới

nói. Kẻ trí mỏng chẳng thể hiểu; nên chẳng nói làm gì. Sự giải thích nầy Như Lai nói và chẳng nói.

Từ "kiêu mạn giải đãi" trở đi giải thích về người thực hành thông hoặc chẳng thông; chương nầy lại chia làm 2. Đầu tiên 36 hàng rưỡi minh chứng rằng: Nếu dùng tâm đại bi thì cánh cửa chưa vì người ác mà nói. Đầu tiên chỉ ra những lần ác. Tất nhiên sẽ gợi lên lời ác hủy báng, rơi vào quả báo ác. Cho nên đại bi chẳng thể nói, làm mất giống Phật ở thế gian. Tên riêng là lấy phiền não làm hạt giống của Như Lai, rồi chấp giữ vào cảnh giới tánh nầy. Trong Đại Phẩm dùng tất cả chủng trí để rõ biết Bát Nhã. Ở đây chấp giữ vào nhơn tánh thuần thục nầy để làm giống Phật. Niết Bàn dùng tâm còn tánh lý thì chẳng dứt. Điều nầy chấp giữ vào chánh nhơn tánh làm giống Phật. Nay kinh lại làm rõ việc nhỏ ít thành Phật. Đây là chấp vào nhơn duyên làm hạt giống Phật. Nếu chẳng tin việc lành nhỏ thành Phật thì liền đoạn Phật chủng của thế gian.

Từ "nếu có lợi căn" trở đi gồm 19 hàng giải thích về sự hoằng truyền kinh điển thì dùng cửa đại bi, vì lành đó mà nói, làm cho chẳng mất đi niềm vui. Phàm là sự hoằng truyền làm cho thông qua việc cần yếu, hòa 2 cửa lại, làm cho điều nầy có thể lành lưu thông riêng ra. Nếu chẳng được như vậy là vọng tưởng tuyên truyền. Câu văn nầy lại chia ra làm 2. Đầu tiên 17 hàng, có 5 cặp 10 cặp có tướng người lành, có thể nói được và hai hàng sau đó tổng kết về việc có thể nói. Đầu tiên thuộc quá (khứ) và hiện (tại) có một cặp. Lợi căn là hiện tại. Trồng

việc lành tức là quá khứ. Sự rõ biết mạnh, tức là hiện tại. Thấy 5.000 là quá khứ. Hai là trên, dưới một cặp. Tu từ tức là có sự thương yêu. Cung kính là tôn trọng bề trên. Ba là trong ngoài gồm một cặp. Bỏ ác gần lành là ngoại cầu. Giữ giới như của báu là nội bộ. Bốn là tự hành hóa tha là một cặp. Chất trực kính Phật là tự hành; thí dụ thuyết pháp là hóa tha. Năm là trước sau làm một cặp. Bốn phương cầu pháp, thỉnh việc lợi ích là đầu. Đảnh thọ, chuyên tu là quy về nương tựa v.v...

Từ "bảo Xá Lợi Phất" trở đi gồm 2 hàng là tổng kết. Lòng tin thật nhiều, lược nói chỉ 10 tướng, để chỉ bày phương pháp lưu thông. Hiển từ bi cả 2 cánh cửa, có thể thông và chẳng thể thông là đại ý vậy.

Giải thích về phẩm Tín Giải

Có người nói rằng: Tín giải gồm 3 pháp. Nghĩa thứ nhứt là vãng hóa tùy theo hóa cảnh hóa. Ngày xưa nói sự to lớn ấy là một vãng. Sau này nói là tùy theo. Cha con gặp nhau tức là rốt ráo. Lại nói rằng: người, trời lành là một vãng. Nói Tiểu Thừa nhỏ nhiệm, Pháp Hoa là tùy theo. Nói Pháp Hoa được thọ ký là rốt ráo. Lại nói: đầu tiên nói Nhị Thừa làm một vãng. Chuyển đổi dạy dỗ lấy đó làm chỗ theo. Pháp Hoa làm chỗ rốt ráo. Lại nói chuyển giáo là một vãng. Qua Phương Đẳng lấy đó làm theo. Ngộ nhứt thừa, lấy đó làm rốt ráo. Lại nói Pháp Hoa làm một vãng. Thập Địa thường giáo hóa làm chỗ nương theo. Cho đến tâm Kim Cang làm cứu cánh. Lại kết với Tăng Na làm một vãng. Trung gian là sự theo đuổi. Được Phật là rốt ráo. Giải riêng từng phần giống như ngọc chẳng thấy quý. Phàm là một vãng (một lần trở lại) thì chẳng phải là bổn hoài. Cứu cánh là tông cực. Nói người, trời Nhị Thừa là một vãng. Có thể chẳng phải là bổn hoài. Ngày xưa nói về lớn; nay lại nói về Pháp Hoa. Cá biệt là rốt ráo, phần kia gọi là một vãng.

Nếu Pháp Hoa rốt ráo mà liền thành một vãng, thì người, trời một vãng lại trở thành rốt ráo. Tức là điên đảo lớn. Lại nữa Nhị Thừa là một vãng, thảo am liền bị phá. Ngày xưa lớn ấy là một vãng. Trói buộc châu báu lại bị đập phá. Nếu một phá một mà chẳng phá thì một ấy là một vãng, một phi và một vãng. Lại nữa cha con gặp nhau là rốt ráo. Trước khi rốt ráo, rõ biết về một. Tức là sau đó cứu cánh chẳng còn dùng lại nữa. Nếu sau rốt ráo mà ngộ một, trước rốt ráo chẳng rốt ráo thì mỗi mỗi có hại; nay tất cả đều chẳng dùng. Có người nói rằng: Phẩm nầy là Tích. Thế nào là Như Lai đã thành đạo từ lâu xa cho đến khoảng giữa dừng lại, lại là Tích sao ? Cái nghĩa lý riêng tư nầy là do tại câu văn chẳng rõ ràng. Sao Phật lại chưa nói bổn tích, nào hay dự lãnh. Nếu như gặp được 3 thì ngộ một v.v...

Nay giải thích phẩm nầy. Phàm là căn thì có lợi độn; hoặc thì có dày mỏng. Nói thì có pháp dụ và ngộ thì có trước sau. Trước thời Pháp Hoa giống như đậu nành. Câu văn nói rằng: Như Lai thuyết pháp lâu dài, còn ta thì ngồi đó thân thể mệt mỏi, tâm lười biếng. Ban đầu nghe nói gọn, động loạn sanh nghi. Khi nghe rộng rồi, 5 vị Phật cũng còn mông lung chưa sáng tỏ. Nay nghe thí dụ lấy làm hoan hỷ lạ thường. Niềm tin phát triển, giải bày thêm ra; nghi ngờ tiêu mất, lý mầu sáng tỏ. Hoan hỷ là thế giới. Niềm tin phát sanh là làm người. Nghi ngờ mất khỏi là đối trị. Lý lẽ được sáng tỏ là nghĩa đệ nhứt. Dùng nhơn duyên nầy; cho nên nói là phẩm Tín Giải. Từ nhỏ kia hay giáo lớn. Ban đầu ngăn chia phàm thành thánh; mỗi mỗi đều có thứ vị. Phàm là Tiểu Thừa thì tín hạnh từ

nghe mà sanh giải. Khổ nhẫn làm sáng tỏ chỗ phát tín tâm; cho nên gọi là hành. Pháp hành trải qua pháp quan sát. Khổ nhẫn làm sáng tỏ nơi pháp phát sanh, gọi là hành. Nếu người tín hành chuyển nhập tu đạo; chuyển ấy gọi là Tín Giải. Pháp hành nhơn vào tu đạo; chuyển ấy gọi là kiến đắc. Lúc nhỏ mong lớn lại đều như điều nầy.

Người trung căn nghe nói về thí dụ, đầu tiên là phá trừ nghi hoặc, vào Đại Thừa thấy đạo; cho nên nói là tín. Tiến nhập vào Đại Thừa tu đạo; cho nên gọi là giải. Câu văn lại nói: Nhiều loại quý giá tụ lại, chẳng cầu mà được. Chúng ta ngày nay thật nghe được điều nầy. Dùng sự nghe nơi Phật đạo, làm cho tất cả được nghe. Nghe đầy đủ và nhập vào viên vị; cho nên gọi là Tín Giải phẩm. Bổn Tích ấy là bốn đại đệ tử đã từ lâu vào nơi Đại Thừa và thành tựu Phật Pháp. Tích ấy dẫn dụ cho những người trung căn, chỉ bày chỗ tin hiểu ban đầu. Cho nên gọi là phẩm Tín Giải. Đây là đoạn lành giải. Gần là lãnh lấy nhà lửa và xa là lãnh lấy phương tiện. Câu văn lại chia làm 2. Một là trải qua ngôi nhà hoan hỷ; hai là bạch Phật để tự trần. Trước là thuần thục nội tâm; kế tiếp là thuần thục sự tôn kính bên ngoài. Lành tốt riêng xưng là Huệ Mệnh. Ba người Ma Ha là thông suốt về luận. Tất cả đều là đại huệ. Biệt luận Thiện Kiết (Tu Bồ Đề) giải không và lấy không huệ làm mệnh. Đây là thuộc về hành. Trong những vị có huệ ấy thì Phật huệ là đệ nhứt. Phật ở nơi Bát Nhã dùng mệnh nầy để chuyển đổi, giáo hóa. Những người huệ mệnh nầy thuộc về mệnh; cho nên gọi là huệ mệnh. Ba là những đệ tử bị bệnh thiểu; nên chẳng dùng không để thực hành tông chỉ. Điều nầy gọi là giáo vậy.

Ma Ha như trước đã nói v.v... Được niềm vui là do xa nghe phương tiện về 5 đoạn thuyết pháp. Trải qua nơi ngôi nhà hay nghe thuần thục, pháp hy hữu, nghe về 2 loại thọ ký. Hoặc có thể nghe pháp hy hữu thuần thục bốn giai đoạn về việc thấy thọ ký, là đoạn thứ 5. Đây là lý do như từ xưa đã nghe thấy điều nầy; nhưng chưa từng có sự hoan hỷ.

Phát tâm hy hữu nghĩa là gần gũi, thuần thục nghe thí dụ nói 4 lần; nên tâm ly hữu phát. Tâm phát cho nên gọi là tín. Dùng sự tin tưởng cho nên nhập vào hoan hỷ vị; tức là ý nói về phẩm Tín Giải.

Từ chỗ ngồi đứng dậy là bên ngoài có chỗ thuần thục cung kính như câu văn. Thí dụ như Thân Tử (Xá Lợi Phất) lại cũng ứng với 3 nghiệp lãnh giải; chuẩn bị cho phía trước có thể giải, rồi bạch Phật, miệng tự nói tự trần. Câu văn nầy chia làm 2. Đầu tiên là Trường Hàng và có 73 câu kệ rưỡi, chánh thức trình bày; nên được giải rõ. Kế đến 13 câu kệ tán thán ân sâu của Phật. Lời giải nầy là do Phật cho nên trước là trần tình, kế đến là ca ngợi. Trường Hàng lại có 2. Đầu tiên là lược nói pháp; thứ hai là dụ nói rộng ra. Lược nói lại có 2 pháp; nói lược cùng với thí dụ. Thuyết pháp ấy lại có 2. Đầu tiên làm rõ chỗ xưa kia là 3, mà chẳng cầu. Hai là làm rõ chỗ nay tự gặp được một. Trong việc chẳng cầu ứng ấy lại có tiêu đề và có giải thích. Tiêu đề ấy chia ra làm 3. Một là Cư Tăng Thủ; hai là tục Niên Ngộ; ba là chẳng đắc.

Đầu tiên Cư Tăng Thủ nghĩa là Pháp của ta lạp cao, miễn học và lấy ta làm chỗ dựa. Cho đến việc thay đổi dễ

dàng bỏ nhỏ cầu lớn. Vì đời sau mà ngờ vực. Tự kiên định giúp kia; cho nên chẳng cầu. Hai là tục niên dĩ ngộ. Nghĩa là nếu Bồ Tát thì chuyên có trách nhiệm cứu độ chúng sanh nơi con đường lớn. Nay già khô rồi, không có chỗ tín nhiệm; cho nên nói là chẳng cầu. Thứ 3 là chứng được Niết Bàn. Vô vi chánh vị chẳng thể phát tâm lớn. Trên cao nguyên lục địa chẳng sanh hoa sen. Tận vô sanh trí đã lập, không có chỗ nương cầu. Vì sao vậy ? Giải nghĩa về 3 việc chẳng cầu ấy câu văn chẳng theo thứ tự.

Trước tiên giải thích về việc được Niết Bàn chẳng cầu. Kế đến giải thích Niên Ngộ rồi kiêm luôn Tăng Thủ; hoặc chỉ theo thuyết pháp xưa; tức là tâm dài lâu chẳng hỷ lạc. Giải thích về Cư Tăng Thủ chẳng cầu, lại nói tại chỗ ngồi, rồi được đạo ở tuổi già. Rõ biết về Tăng Thủ là giải thích về chẳng cầu như câu văn.

Từ "chúng ta nay ở trước Phật" trở đi, do lý do giải bày được. Do xa nghe về 5 chương, lược bớt chỗ rộng, mở bày 3 để hiển thật. Cho nên gọi là khánh hạnh. Hoạch đại thiện lợi là chính thức trần tình được giải bày. Là gần gũi nghe 4 lần về pháp thí dụ hy hữu mà được khai ngộ. Khai ngộ việc lợi lành vậy.

Từ "vô lượng trân bảo" trở đi,; phần thứ 2 là lược nói về thí dụ. Dụ ấy ngày xưa chẳng cầu, mà nay lại tự được pháp hy hữu quý báu ấy.

Từ "Thế Tôn! Chúng con vui nói thí dụ" trở đi là giải rộng phần lãnh giải có khai và hợp với thí dụ. Muốn khai trước phải hỏi ra v.v... Dụ ấy lại có 5.

Một là từ "Bỏ cha để trốn đi" trở đi gọi là thí dụ về sự thất lạc giữa cha con. Gần lãnh nhà lửa là tổng dụ. Xa lãnh phương tiện, lược tụng.

Hai là từ "công tử bị trách" trở đi gọi là dụ về sự gặp gỡ giữa cha con. Gần với nhà lửa nên thấy lửa. Ở xa thì dùng phương tiện ta dùng Phật nhãn để thấy.

Ba là từ "người bên cạnh chạy mau đến rồi trở lại" trở đi, gọi là thí dụ về sự truy tầm. Gần với nhà lửa, xả bỏ bàn ghế, dụng cụ, xe cộ. Xa thì phương tiện lấy lớn cho nhỏ.

Bốn là từ "từ đây trở đi tâm hay sinh thể tín" là thí dụ về việc ủy thác gia nhập cho con. Đây chẳng phải là gần xa mà là cái ý chuyển giáo nơi Đại Phẩm về cách cho.

Năm là từ "trải qua thời gian trước, người cha rõ biết con" trở đi; đây là thí dụ về việc phụ lo cho gia nhập. Gần với nhà lửa; nên cho một xe lớn. Xa rời thuyết pháp, ngay thẳng xả bỏ phương tiện.

Lại hợp với phần 4 và phần 5, cùng với 1, có thí dụ phụ. Phía dưới lại làm sáng tỏ cho ý nầy. Ngày xưa sách Tây Phương Vô Lượng Thọ Phật để ví cho Trưởng Giả; nay thì không còn dùng nữa. Tây Phương Phật là một duyên riêng biệt khác. Phật riêng biệt ấy ở nghĩa ẩn và hiểu chẳng thành tựu. Duyên ấy khác; cho nên cái nghĩa

của cha con chẳng thành. Lại nữa kinh nầy trước sau hoàn toàn không có; điều nầy chỉ như nhắm mắt xâu kim. Nay nương vào câu văn để phụ nghĩa. Nếu giải thích về cùng tử thì dùng người nhị thừa gồm nửa chữ pháp làm tiêu đề cho câu văn.

Nếu giải thích Trưởng Giả là vị Lô Xá Na Phật đã đầy đủ pháp môn, thì câu văn không cần nữa. Sao Trưởng Giả lại ở trong nhà, rồi thoát ra khỏi anh lạc và dính mắc vào áo quần. Nương vào châu báu có sự khác biệt với người; chỉ là một. Dụ về Đức Lô Xá Na Phật là ẩn vô lượng thần đức, thị hiện ánh sáng sáu trượng, giữ gìn đồ bẩn, để giả sử cho 3 thừa giáo. Sự ẩn hiển ấy có đặc thù sao cần phải liên hệ với thể khác ? Xá Na ra khỏi chỗ dính mắc, gần với nơi cao sao lại chẳng rõ ? Di Đà ở xa sao lại biến đổi được v.v...

Cha con mất nhau; câu văn thí dụ nầy có 4. Thứ nhất khi người con bỏ đi, người cha chạy theo. Thứ hai người cha tìm con dừng lại. Thứ ba người con gặp lại gốc gác. Thứ tư người cha lo lắng suy nghĩ. Bốn giai đoạn ấy mỗi mỗi đều có 2.

Đầu tiên là sự bỏ đi và người cha tìm cầu. Trong nầy tổng thí dụ cho 500 người. Ngày xưa nối kết với Đại Thừa làm cha con. Tìm kiếm, lại thất lạc trôi nổi trong 5 đường; cho nên nói rằng: 10, 20 cho đến 50 tuổi. Qua hình bóng Phật, người con nầy rất là yếu đuối; cho nên nói rằng ấu trỉ. Đã chẳng kết duyên với cõi nầy; cho nên nói rằng: Ở lâu tại nước kia.

Hai là hướng đến gốc gác để trở về. Tổng thí dụ cho 30 người con. Duyên nầy là có sự dính mắc vi tế; cho nên nói là lâu lắm. Duyên ấy trải qua sự khổ nạn; liên quan với lòng từ bi của Phật; cho nên nói rằng gặp gỡ rồi trở lại quê xưa.

Người cha tìm con rồi dừng lại cũng có 2 phần. Một là người cha tìm cầu con chẳng được. Trong nầy tổng thí dụ về vị Trưởng Giả. Từ chúng sanh trải qua không biết bao lâu sau đó, cơ hội gặp lại nhau vẫn chưa được; cho nên nói rằng không được. Hai người cùng ở trong một thành. Ngôi nhà nầy tổng dụ cho ngôi nhà mà ông giàu có ở. Trong đó dụ ông Trưởng Giả đức nghiệp trong ngoài của cải quá nhiều. Khi người con đến ở nơi thành của cha cũng chia làm 2. Một là lý do đến thành. Khi đến, thấy cảnh lửa cháy khổ sở nên sầu não. Từ đó thối chí lớn, muốn quay về. Trải qua nhiều nơi khác nhau nếm đủ mùi cay đắng. Thứ hai là theo cha về thành. Vì sự khổ ấy là cơ hội để thấm lòng đại bi; cho nên theo đến nơi thành của người cha. Người cha nầy mừng vui lo rầu cũng có 2. Một là nhớ lại việc mất con; nên khổ. Hai là nhớ đến việc được lại con; nên vui. Trong tổng dụ nầy chỉ có một cánh cửa. Người con còn bé nên ở trong nhà; khiến cho người cha lo rầu. Nguyên thủy cửa nhà nầy mở; cho nên người cha vui mừng. Theo câu văn thì đầu tiên đứa con quay lưng và người cha chạy đi tìm. Việc nầy lại có 2. Đầu tiên thí dụ như có người. Rồi 20 người con dụ cho người theo hai thừa. Địa vị Bồ Tát khó rõ thực hành, huống hồ là chuyện nhỏ có thể lãnh thọ. Tuổi nhỏ tức là còn thơ. Xưa nói rằng: nghe pháp ít tức là ấu

trỉ. Nếu như vậy, câu văn bên dưới nói dài lớn là ứng hợp với việc nghe pháp nhiều. Nay vì vô minh đầy dẫy che lấp tâm giải bày; tâm ấy không có khả năng giải đáp; cho nên nói là ấu trỉ. Căn lành huân tập nơi kia một ít dục nhiễm và gọi đây là trường đại. Xa lìa người cha trốn đi là bỏ cái lớn; nên gọi là xả. Vô minh che khuất nên nói là chạy trốn. Lấy chỗ sanh tử làm chỗ đi không trở lại.

Hỏi: Rời Phật và sau đó chúng sanh khởi lên hoặc. Còn đây là người cha nầy lìa con; chứ đâu phải người con nầy lìa bỏ cha ?

Đáp: Do chúng sanh chẳng cảm Phật, nên mới không còn trên đời. Trở thành người con tự bỏ cha trong nghĩa nầy và ở lâu tại xứ người. Niết Bàn pháp giới là nước của Phật; còn sanh tử ngũ dục là nước của kia. Muốn cầu ra khỏi mà bị rơi chìm, chẳng thể trở lại được; nên nói là ở lâu. Hoặc trong 10 cõi trời; 20 cõi loài người; 50 trong 5 đường. Cho nên một con người phải chạy quanh trong nhiều đường đó và gọi là lâu dài. Hai là hướng về quê hương mà trở lại. Chữ ấu nầy có 2 nghĩa. Nghĩa thứ nhất là vì si mê nên hẹp hòi, nhỏ nhặt. Thứ hai là chưa gặp khổ; nên chưa biết trở về. Thí dụ về kết duyên là sau nầy. Chỗ khác giải rằng: Vì còn nông cạn, ngu si; nên chưa quay về. Lại có phước mỏng; cho nên bị chìm; do vậy chưa quay về. Nay nghiệp lực huân tập vào chỗ tối tăm và đã rõ đường về. Gặp khổ, mất vui mới nhớ nghĩ, tìm cầu ra khỏi nơi nầy; cho nên đã 2 lần cúi đầu trước Phật. Đây gọi là hướng về quê hương của cha mình trong sự chậm chạp.

Câu văn bên trên nói rằng: Nếu người gặp khổ, mới nói Niết Bàn. Nếu dùng đường lành của trời người thì chẳng thể cảm được nhơn duyên nhà Phật. Ở trong 3 cõi chẳng hề thấy Phật như người cha là cùng. Chẳng được ra khỏi; nên lại gọi đây là cùng. Tám khổ, lửa đốt cháy; cho nên nói là khốn đốn. Rong ruổi 4 phương, lấy sự tìm cầu ăn mặc. Xưa nói rằng: Người trời giữ 5 giới và thập thiện; mỗi mỗi đều có nhơn và quả. Do đi 4 nơi tìm cầu đồ dùng cho chính mình. Lại trong 4 loài ấy tìm kế sinh nhai như đồ ăn, áo mặc.

Câu văn tiếp theo nói: Trong 130 kiếp, nay lại được thấy một lần. Khi ở trong những kiếp kia chẳng hề chẳng có nhơn quả của trời người; nên chẳng thể cảm được Phật. Cho nên biết rằng điều lành nầy; chẳng là cơ hội để gặp Phật. Nay Phật lại chưa ra đời, mà kẻ phàm phu với thân người, thọ tâm Pháp và khởi lên 4 chỗ thấy. Ở trong ấy cầu đạo chơn chánh như cầu ăn uống. Cầu trợ đạo như cầu y phục. Muốn xa khổ, cầu chơn lý, vì đó hóa duyên. Khi Phật mới ra đời, được thành đạo trước cả những ngoại đạo; tức là nói ở ý nầy.

Trong Đại Kinh nói rằng: Quán sát tứ phương dụ như tiêu chuẩn của Tứ Đế; điều nầy có thể rõ biết được. Dần dần ra đi, gặp hướng trở về quê cũ. Làm rõ chỗ xa lánh khổ sở; hy vọng thoát khỏi chỗ tà và cầu được Niết Bàn. Chỉ trừ ý chính, lại mong gặp Phật. Cho nên nói rằng: gặp phương hướng vậy. Quê xưa như trên đã nói. Câu văn phía dưới thì làm rõ thành quách, nhà cửa và sao lại phân biệt ? Tất cả Phật pháp đều là quê hương.

Nghĩa nầy ý nói về thành kia có một chút kín đáo. Dùng đoạn đức Niết Bàn để phòng ngừa những việc xấu ác, giữ lấy làm thành. Xá đây cũng có nghĩa là gần gũi, thân thiện. Đồng thể đại bi chính là Xá (nhà cửa) vậy.

Từ "người cha trước đến tìm con mà chẳng được" trở đi; phần thứ 2 cầu con dừng lại; dụ nầy lại có 2. Đầu tiên là thối lui từ chỗ lớn và sau đó tìm cầu cơ hội; nhưng chẳng gặp. Vì chẳng gặp; cho nên nói là không được. Điều thứ 2 là dừng lại ở thành. Chẳng phải vì một đứa con đã bỏ hoang phế gia nghiệp. Thí dụ nầy dụ cho Phật chẳng vì một nơi chẳng có cơ duyên mà phế bỏ bố thí, giáo hóa những nơi khác.

Xưa nói rằng: Sau 2 vạn Đức Phật và trước thời Đức Phật Thích Ca. Hai cột thời gian ấy dừng lại. Nay trong nghĩa nầy có thể rõ. Khi dừng lại ở quê hương, nhà cửa tất cả đều chẳng thể dùng được. Nay lấy phương tiện hữu dư độ làm quê hương. Tại đồng cư thật báo độ, dừng lại ở chỗ 2 khoảng thời gian ấy; lấy hữu dư Niết Bàn làm thành. Trụ ở trong Niết Bàn nầy gọi là dừng. Nơi nầy chính là nhà. Tạo ra sự hơn thua cả hai. Thua ấy giống như Thanh Văn; thắng ấy giống như Bồ Tát. Con người đoạn ngũ thông hoặc thì cùng sanh vào nơi nầy. Tất cả đều là Bồ Tát. Phật là bậc cao cả hơn. Thuần là gia nghiệp Đại Thừa, dạy cho việc tu học. Khoảng giữa dừng lại, đối với việc nầy là cơ duyên để con cùng ở chung. Chẳng phải cái nghĩa giữa đường mà gặp được. Nhà cửa, thành ấp; tất cả đều rõ ràng. Thật giàu ấy nghĩa là thật tướng hoàn cảnh của gia đình. Đầy đủ vạn

đức; gọi là giàu có. Năm độ phước đức; gọi là tài bảo. Hướng dẫn tất cả Ma Ha Diễn (Trí) gọi là vô lượng. Vàng, bạc, châu báu v.v... là Đại Thừa 37 phẩm trợ đạo. Điều nầy nghĩa là Trưởng Giả rất giàu có. Của cải tràn đầy; nghĩa là trong ngoài đều nhiều. Nhiều lúa gạo gọi là lẫm (đồ chứa); nhiều đồ vật; đó là kho. Lẫm (chỗ chứa) dụ cho Thiền Định. Thiền sanh ra 183 vị. Kho ấy dụ cho thật tướng. Có khả năng sinh ra 18 không trí tuệ. Của riêng là giàu; bên ngoài phơi ra là có. Đây tượng trưng cho ý nghĩa của ruộng vườn, nhà cửa vậy. Nô Bộc có nghĩa là phương tiện tri kiến Ba La Mật; tất cả đều đầy đủ. Cong vẹo tùy theo căn cơ; gọi là sự và lý. Vị nầy lại có nhiều nô bộc là nói về địa vị. Ví như Nhị Thừa cùng với Thông, Giáo Bồ Tát; biệt giáo 30 tâm; tất cả đều giống như nô bộc. Biệt Giáo, Viên Giáo Thập Địa như đại thần. Thập (Hồi) hướng như Tá (tướng). Thập hạnh như Sứ (giả). Thập trụ như Dân. Cảnh giới đầu tiên vào Phật, tựa như chỗ kia đối với vị khách ấy không phải là không có vua, dân. Tuy được làm dân, có thể sánh với sứ (giả) và tá (tướng). Điều nầy dụ cho sự thông suốt xa xôi. Thập hạnh trải qua tu tập các pháp riêng biệt. Đủ loại rong ruổi đó đây như vị đi sứ. Thập hồi hướng sự lý đều sâu xa và thân cận gần gũi như vua gần với tá (tướng). Thập Địa chính là cốt lõi việc hành hóa của Đức Phật. Hàng ma, chế ngự địch thủ giống như các vị cận thần. Một tâm 3 quán giống như voi, chuyên chở Viên giáo Đại Thừa. Kế đến lần lượt 3 quán giống như ngựa, vận chuyển Biệt giáo Đại Thừa tức là không bị bẻ gãy, không quán ấy giống như trâu; chuyên chở Thông giáo và Đại Thừa.

Pháp bẻ gãy và quán tự thực hành, giống như hươu, dê; chuyên chở các pháp Nhị Thừa. Vô số có nghĩa là quyền thật các pháp tất cả gọi là Xe. Xe ấy quyền, thật, trí, quán gọi là xe voi, xe trâu, xe dê. Chẳng phải là những giáo pháp quá nhiều. Quán trí lại cũng vô số. Ra vào có nghĩa là hai nhưng chả phải là hai thì gọi là vào. Chẳng phải là hai mà là hai; nên nghĩa là ra. Lại nữa chẳng phải hai mà là hai; nên gọi là vào. Hai mà chẳng phải hai; nên gọi là ra. Vô lượng trở lại một, gọi là nhập. Một trong vô lượng gọi là ra. Dùng hóa tha gọi là ra. Dùng tự hành, gọi là vào. Tạo ra pháp, làm lợi ích chúng sanh gọi là tức. Hóa công trở về với chính mình gọi là lợi. Cho đến các xứ kia. Kia đây là ở 3 nơi chẳng phải đạo qua được Phật đạo. Tức là ở nghĩa nầy. Chỉ có pháp tánh là nước nầy vậy. Khách thương buôn bán cũng nhiều. Các Bồ Tát giống như những thương nhơn. Lại hay vào ra 3 nước để cầu pháp lợi; cho nên nói là nhiều người. Ở nơi đất nầy. Bồ Tát qua lại nơi kia để nghe pháp. Những Đại Sĩ ở phương kia, đến đây nghe kinh; qua lại làm lợi ích. Lại ứng, hóa gồm 2 thân; như khách buôn. Dùng pháp thật để vào nơi 3 cõi, hóa ra nhiều lợi ích cho chúng sanh khiến cho trở về với pháp thân và gọi đây là thật nhiều. Giống như người đời làm cho kia sanh ra tài sản và sinh mạng. Lại tự mình cùng sanh. Lúc ấy gã cùng tử đi đến làng khác. Đến lần thứ 3 thì đứa con trở lại gần gũi với người cha. Dụ nầy lại có 2 nghĩa. Một là đi tìm cầu cơm ăn, áo mặc; hai là đến thành của người cha ở. Đầu tiên hợp, rồi thối lui đại thừa. Gặp những sự khổ, trong thâm tâm khởi lên sự chán nản, muốn cầu ra khỏi, giữ lấy lý lẽ

và chẳng ở trong ấy. Cho đến khi trưởng thành thì tà ty. Nhơn tà ấy mà huệ trải qua, tâm dễ dàng có thể nhập vào chánh và đây là lý do để cầu xuất thế làm cảm hoài chư Phật. Quan sát ngũ ấm là chỗ chứa chấp (làng ấp). 12 nhập ấy là ấp; 18 giới là quốc gia. Trải qua những nơi nầy để tìm cầu chân lý; gọi là cầu ăn uống. Hai là theo đến người cha trở về rồi dừng lại. Đây là chính hướng mà người cha dừng lại ở nơi thành. Khi cảnh khổ ấy cũng làm cơ duyên cảm đến lòng đại bi của Phật; nên gọi là đến thành. Thành ấy tức là Niết Bàn. Niết Bàn nầy qua hơn nữa, chúng sanh tập giải; có thể được ý nghĩa của Niết Bàn. Cho nên nói rằng: đến thành.

Từ "người cha khi nào cũng nhớ nghĩ đến con" trở đi; phần thứ tư tức là người cha lo lắng nhớ nghĩ đến con. Trong thí dụ nầy lại có 2 phần. Một là nhớ nghĩ về đứa con thất lạc; nên khổ sở; Như Lai từ xưa đến nay hằng nhớ đến con cái có cơ duyên lớn cho nên nói lúc nào cũng nhớ nghĩ về 5 đường trong hơn 50 năm ấy. Khai hồn ra khỏi A Tu La; cho nên nói là dư. Chưa hề nói nghĩa là chưa hề hướng đến phương tiện hữu dư độ.

Cận thần, tướng tá, sứ giả, nhân dân được nói ở đây là cơ duyên của người con nầy vậy. Lại nữa sau khi xuất hiện ở đời từ xưa đến nay nói Hoa Nghiêm, Phương Đẳng, Đại Phẩm những chỗ ngồi ấy chưa hề hướng về các Đại Sĩ để nói cho Thanh Văn; đây chính là đứa con của Đại Thừa; tức là chẳng phải Phật Tử; nên chẳng giải nghĩa Phật Pháp. Hoặc như kẻ câm ngọng; hoặc như hoa dính nơi chỗ ngồi. Hoặc cho bát nổi trôi, đủ loại chẳng

đuổi theo kịp. Tâm khắc khoải hối hận, từ xưa chẳng khuyến khích giáo hóa. Làm cho chẳng theo lời dạy, mà bỏ đi nơi khác. Nhớ và giận con chẳng rõ nghĩa ân đức, ta là người thân của nó. Bên trong giống như Đức Phật hối hận chẳng khuyên bảo để vào được bên trong, để phải chạy theo sứ mà làm mất đi chỗ giải bày chân thật; hận cho cái vô tâm nầy, chẳng siêng năng, ý chí cứng cáp, mà mải mê chạy khắp chẳng hề trở lại; cho nên nói là hối hận vậy.

Tự nghĩ rằng mình già nua tức là thời gian hóa độ đã xong, chẳng truyền pháp lớn cho người nữa; như cây già khô không sinh ra trái vậy.

Hỏi: Khi pháp thân biến hóa, các Bồ Tát tất nhiên là kham nhận sự bổ xứ, sao lại phải lo rầu ?

Đáp: Pháp thân biến hóa, gốc ấy chẳng phế bỏ. Ai nói về việc già suy; điều nầy chẳng phải là chỗ luận bàn. Nay làm rõ chỗ hóa thân và quyến thuộc ấy lại có 2 loại. Một là pháp thân Đại Sĩ; tướng nầy ảnh hưởng. Tích ấy là chỉ có một con và Bản ấy hoặc là vị Thầy. Lại nữa chẳng hề nghĩ đến chuyện già suy. Hai là cùng ở với phàm phu, như từ khi mới hóa Phật, mới phát đạo tâm; gọi đây là đứa con. Con ấy kế thừa gia nghiệp của cha, làm cho gia tộc chẳng mất. Nếu Thân Tử (Xá Lợi Phất) được thọ ký và quyết làm Phật Hoa Quang thì một phương giống Phật luôn luôn tương tục chẳng gián đoạn. Đại Thừa gia nghiệp tương tục truyền thừa. Nếu Thân Tử chẳng thể hóa hiện cơ duyên; tức là gia tài giáo pháp của Đại Thừa trong hiện tại không có người để phó chúc. Đời sau giống

Phật ở yên, già suy cùng phấn chấn nằm ở điều nầy. Lại suy nghĩ rằng: ta nếu được con và hai là nhớ nghĩ đến khi được con chắc là vui lắm. Có thể có cơ duyên độ được; cho nên nói là được con. Cùng với lời thọ ký của Phật, gọi đây là nắm giữ gia tài pháp bảo; gọi đây là bản tâm và lại nói là niềm vui lớn. Lãnh lời tổng thí dụ bên trên xong.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Quyển Sáu (Phần trên - Hết)

Dịch xong phần trên vào ngày 22 tháng 6 năm 2010
tại chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc
nhân mùa An Cư Kiết Hạ - Phật lịch 2554.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ Sáu
Phần sau

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 22 tháng 6 năm 2010 nhân mùa An Cư Kiết Hạ - Phật lịch 2554.

Lúc bấy giờ gã cùng tử đảm trách... Phần thứ 2 cha con gặp nhau. Dụ nầy là việc thấy lửa ở trong nhà lửa gần đó. Ở xa thì ý nói về phương tiện trong ngũ trược lại có 3. Một là làm rõ chỗ gã cùng tử đảm trách. Gặp nơi nhà lửa và thấy lửa đốt cháy, pháp ấy nói về chỗ thấy ngũ trược. Hai là người cha thấy con ở trong nhà lửa và Trưởng Giả thấy pháp được nói trong mắt Phật thấy được. Ba là vui mừng thích ứng với lời nguyện là ở trong nhà lửa ấy sợ hãi; nên trong pháp ấy khởi lên tâm đại bi. Pháp ấy dụ cho đứa con thấy ở trước. Ở trong nầy làm rõ chỗ đứa con gặp thấy người cha trước. Cùng đến chỗ Phật tức là linh trí. Đầu tiên rõ biết căn cơ, sau đó mới khởi tâm ứng phó. Cho nên nói rằng người cha thấy con trước. Nếu là chúng sanh thì tất nhiên đầu tiên là cơ duyên, sau đó mới ứng phó. Cho nên nói là con thấy cha trước. Cơ duyên ứng phó thật là bất khả tư nghì. Chẳng có trước, chẳng có sau; cho nên nói rằng: Trước sau cùng một lúc. Nay theo câu văn nầy liền chia ra làm 2 đoạn. Một là con gặp cha và hai là cha gặp con. Trong 2 đoạn nầy mỗi mỗi đều có 4. Đầu tiên con gặp cha chia ra làm 4. Một là lý do gặp cha. Do cầu cơm áo. Hai là gặp nơi chốn, thấy cha. Nơi ấy chính là

phía trước cửa. Ba là thấy cha ngồi trên giường Sư Tử. Bốn là sinh ra sợ hãi và hối hận đã đi đến chỗ nầy.

Lý do gặp cha ấy là do chán khổ, muốn vui, tìm cầu ý nghĩa, dần dần tích chứa, huân tập, quen thành ra đối với căn lành. Cho nên gọi là đảm trách thay thế. Dùng căn lành nầy có thể cúi đầu trước lòng từ bi của Phật. Cho nên nói rằng gặp rồi đến nhà của người cha. Người cha ấy dụ cho con đường sau pháp thân. Nhà cửa ấy dụ cho người vô duyên từ bi. Lớn, nhỏ cả 2 cơ duyên đều cúi đầu trước ngôi nhà nầy. Có cơ duyên lớn; cho nên nói rằng: Xa thấy người cha. Có cơ duyên nhỏ cho nên ở tại cửa. Nếu chỉ có nhỏ mà không lớn (cơ duyên) thì chẳng thể thấy tôn nhan đặc biệt ấy. Người cha chẳng nói ta có tiền của đầy kho nay đem giao cho ông. Nếu là lớn chẳng nhỏ thì chẳng nên đứng ở bên ngoài cánh cửa. Người con cũng chẳng nên nói: Ta chẳng có đảm lực để được những vật nầy. Thấy người cha ở chốn ấy tức là phía trước cửa. Hai là nhìn bằng phương tiện; tức là 2 bên cánh cửa kia. Người có cơ duyên tròn đầy thì sẽ gặp ngay tại cửa. Nhị Thừa còn ở bên chơn (lý); cho nên nói là phía bên cánh cửa. Không, tam muội ấy gồm chơn huệ nhãn; bên cạnh ấy là pháp thân.

Xa trông thấy người cha nầy. Việc gặp ngay nầy có hai loại. Một là thấy gần và hai là thấy xa. Nay nói cơ duyên lớn bắt đầu phát, gọi kêu việc xa; cho nên nói là xa. Lại nữa cơ duyên ấy vi tế, chẳng thể ứng phó được; nên gọi đây là xa vậy. Ngồi nơi giường Sư Tử nghĩa là viên báo pháp thân ở nơi yên ổn, không lý. Lại chẳng có

Thông, Biệt hai hoặc, tám ma cùng sự lo sợ; cho nên mới nói là: ngồi tòa Sư Tử.

Hoa Nghiêm nói: Đệ nhất nghĩa không là lấy tứ vô sở úy làm giường. Người quý đủ chân nghĩa là lấy định huệ làm chân bảo đế của con người. Vô sanh định huệ nương vào cảnh chơn như.

Bà La Môn xưa gọi là: Thuộc dòng họ cao cả; có ruộng đất trên tám (mẫu). Thất lợi thì bảy (mẫu) trở lại

Cư Sĩ nội phàm phu xưa gọi là: Như trong kinh nầy nói rõ là pháp thân; chẳng phải thường trụ pháp thân. Cho đến ứng thân ở phương kia tương ứng với nơi nầy. Tức là pháp thân ở nơi đây. Cho nên nói bên trong có nhiều người vây quanh. Nay thì nghĩa chẳng phải như vậy.

Nếu làm Phật ở phương khác thì cha con cơ duyên ứng, thể, dụng khỏi cảnh dính mắc. Tất cả chẳng giống như trước đã nói. Người cha chẳng dung nạp tiểu cơ (duyên); mà cúi đầu trước việc lớn kia. Lại chẳng nên kết với đại duyên và với kia thì kết với tiểu duyên đối với việc nầy. Lại cũng chẳng nên cùng kết ở đây và cùng kết ở kia. Như vậy sẽ loạn hoặc. Nay làm rõ chỗ hơn ấy là Bồ Tát. Tức là đặc thân của Lô Xá Na Tôn Giả; là chỗ khấu đầu của người có duyên lớn. Đối với nghười yếu đuối Tiểu Thừa thì nương vào chỗ xấu tệ, tiểu cơ mà cúi đầu. Nay kinh làm rõ thường trụ ở Đề Hồ cùng Niết Bàn. Pháp thân viên đốn cùng với Hoa Nghiêm. Chỗ thí dụ Trưởng Giả uy đức có người hầu cận và Sát Đế Lợi, Bà La Môn

cung kính vây chung quanh. Tất cả đều chỉ cho quyến thuộc trong Hoa Nghiêm; tất cả đều chẳng khác; cho nên nói pháp tướng như kia; chỗ làm sáng tỏ lại cũng chẳng khác. Bà La Môn được gọi là tịnh hạnh. Quý tộc cao khiết nghĩa là sánh với các vị Bồ Tát lìa cấu nhiễm. Sát Đế Lợi thuộc dòng dõi vua chúa. Dưới chín địa và trên sơ địa. Cư sĩ giàu mà chẳng sang; tức là 30 tâm vậy. Chơn châu anh lạc tức là giới, định, huệ. Đà La Ni Tam Muội tức anh lạc. Giá trị ngàn vạn, tức là 4 địa công đức, dùng để nghiêm thân. Sứ giả, nhân dân, nô bộc, khác với cửa là làm sáng tỏ cho nghĩa nầy; tức là ở nơi kia dùng phương tiện để giáo hóa. Đoạn lìa thông hoặc gọi là dân. Biệt giáo kia đoạn thông hoặc gọi là sứ giả. Hoặc giống nơi cửa làm sáng tỏ nghĩa nầy và trở lại phương tiện Ba La Mật. Bên trong cùng với thật trí giống nhau. Bên ngoài thì cơ duyên giống nhau. Giống như sứ giả và nhân dân có nghĩa là bên trong và bên ngoài đều có hậu thuẫn. Bạch phất có nghĩa là dùng đến quyền và trí. Gồm có trái, phải. Bên phải tức là vào không trí. Cầm phất trần tứ trụ. Bên trái đây tức là vào giải trí; cầm phất trần vô trí. Trong hai phần nầy trong đạo phương tiện; cho nên nói là thị lập v.v...

Được che bởi lọng báu là lòng từ bi chơn thật. Cầm các nhành hoa và tràng phan. Hoa ấy là Tứ Nhiếp Pháp. Phan ấy tức là thần thông. Hương, thủy rải lên đất nhằm lấy nước pháp nầy rải lên tâm địa của chư vị Bồ Tát để tẩy đi các hoặc trần. Lại là nước định, gạn lọc tâm tán loạn. Họ rải hoa khắp nơi bằng 7 loài hoa báu. Nghĩa là giới định huệ, đoạn con đường nghi, chẳng phải đạo rõ

biết thanh tịnh. Giới ấy là nhiếp luật nghi cùng với 3 loại giới. Định ấy là Thủ Lăng Nghiêm. Huệ ấy là thật trí huệ. Đoạn nghi có nghĩa là đã qua cái nghi của nhị đế. Đạo phi đạo tịnh nghĩa là hành nơi phi đạo, trải qua Phật đạo. Trí kiến tịnh nghĩa là trí đức viên mãn rồi, rõ biết thấy Phật tánh. Đoạn trí có nghĩa là đoạn đức thành tựu, vô minh vĩnh viễn tận diệt. La liệt bảo vật ở đây có nghĩa là la liệt trên mặt đất những công đức chơn thật. Ra vào như bên trên đã giải thích v.v...

Uy Đức Đặc Tôn Giả có ánh sáng vô biên, sắc tượng vô biên, tướng hảo nguy nguy đường đường. Với nghĩa nầy là đầy đủ để làm Phật Lô Xá Na. Há được làm ngoài sự giải thích sao ?

Cùng tử thấy cha có thế lực lớn... Đây là lần thứ 4 thấy cha sợ chạy. Đại thế lực nghĩa là trí lớn; cho nên nói là đại lực. Thần thông lớn nghĩa là thế mạnh. Nghĩa là thân thể tay chân có sức mạnh. Sợ hãi nghĩa là kẻ có cơ duyên thấp và yếu kém, khiếp nhược trước con đường lớn. Hối hận khi đến đây nghĩa là: Vốn Phật muốn dùng pháp lớn để tuyên dương; nhưng chẳng xứng với căn cơ; nên có ý trở lui trước việc lớn. Cho nên nói rằng: Sợ hãi khi đến đây. Riêng nghĩ như thế nầy nghĩa là: Trong cơ duyên ấy mật có việc nầy; chẳng phải là hiện ra cho thấy ở thân nầy hơn hẳn. Hoặc là vua và vua ấy là Vua Ba Tuần chạy phía sau v.v...

Người có cơ duyên nhỏ như than đốt cháy gián đoạn, chẳng nói được đạo tuyệt diệu đối với hình tượng; liền thấy hơn những tượng khác; chẳng sánh với trời

người. Rồi chỗ nói pháp, tướng ấy hướng khác với Nhị Thừa; kẻ trí nhỏ, đức mỏng chưa từng thấy, nghe. Liền cho rằng đây là ma và do ma nói. Lược khai 3 và hiển 1. Thân Tử riêng nghi, chẳng phải ma giả Phật để não loạn tâm ta sao ?

Nếu đầu tiên dùng sự tiêu vong lớn và nghi nhỏ là Phật làm ma, có trong quá khứ, ngày nay cũng vậy.

Lại nữa sự hơn ấy là dụ cho Trưởng Giả. Trưởng Giả tức là biểu thị cho báo thân của Phật; cho nên làm vua, pháp thân tức là báo sư; sư ấy giống như vua. Nhiều kinh gọi đây là Kinh Vương (vua trong các kinh). Trí khế hợp đối với pháp; tức là trí cùng pháp vậy. Nên gọi là báo Phật là thế. Đây cùng với Đại Thừa pháp báo. Chẳng phải là Tiểu Thừa mà được nơi lợi ích vậy. Hoặc là vua cùng sánh với vua. Chẳng phải lực đảm đương của ta mà được vật ở nơi ấy. Kẻ có căn cơ nhỏ chẳng thể thọ sự giáo hóa lớn. Chẳng phải như đến nơi nghèo nàn mà tìm kiếm miếng cơm manh áo dễ dàng được. Tịnh Danh nói rằng: Có thể dùng cái nghèo ấy mà được pháp, độ cho những kẻ yếu đuối vậy. Với cái lý không, chẳng gồm vạn đức; chẳng phải là Như Lai tạng vậy. Cho nên nói là bần lý. Thiên lệch về không, gọi đây là trí nhỏ. Cho nên nói là lực ấy có địa. Y thực dễ được nghĩa là có thể được Hữu Dư Niết Bàn, Vô Lậu y thực. Thực hành pháp hành và nương vào huệ để đi xin ăn. Nếu người ở lâu nơi nầy hoặc thấy bức bách, bảo người sứ giả là ta sẽ làm. Việc thực hành con đường Đại Thừa phải trải qua vô lượng kiếp; cho nên nói là lâu dài. Ta vốn chán ghét sanh tử;

nhưng nếu tu theo Đại Thừa thì phải vào sanh ra tử. Rộng học các hạnh; cho nên nói là bức bách. Ta vốn ít vui mà nay làm cho ta phát tâm Bồ Đề Đại Thừa. Đây là việc làm mạnh mẽ. Bỏ lớn lấy nhỏ; cho nên nói là chạy trốn.

Từ "lúc ấy Trưởng Giả" trở đi; phần thứ 2 là thí dụ cho cha gặp thấy con; lại có 4. Một là cha thấy nơi con; hai là thấy con liền nhận ra; ba là thấy con vui mừng và bốn là thấy con thỏa nguyện. Thấy nơi con nghĩa là tòa sư tử vậy. Pháp thân Như Lai cư ở đệ nhất nghĩa không, chẳng sợ cảnh nào, chiếu sáng tỏ các căn cơ. Thấy con liền nhận ra, rõ biết ngày qua và kết duyên với chúng sanh. Tâm hoan hỷ lớn nghĩa là Phật hằng thương nhớ đến con; nay cơ duyên đã đến, gọi đây là lòng từ. Cho nên nói là vui mừng. Tức là nhân duyên thuyết pháp mà khởi tâm đại bi. Nhà lửa nghĩa là sự sợ hãi lớn. Việc kia làm sáng tỏ chỗ cứu khổ; cho nên nói là lo sợ. Điều nầy cũng làm rõ với niềm vui cho nên nói là hoan hỷ. Liền suy nghĩ rằng kho báu nay sẽ đem giao cho. Đây chính là thấy con rồi thỏa nguyện. Xưa thấy chúng sanh bỏ lớn tìm nhỏ, từ nơi quê nghèo phải tìm cầu thức ăn để sinh sống thật là khó nhọc. Thường mong muốn với tài sản mà không căn cơ thì chẳng được. Nay cơ duyên đã đến gọi là tâm đại bi. Cho nên nói là kho chứa của báu, nay có thể đem giao cho. Ta thường hay suy nghĩ rằng: Điều nầy làm sáng tỏ việc chẳng phải nghèo mà không được tài sản lớn. Lại bị lưu chuyển trong sanh tử và bị các khổ bức bách. Vì lòng đại bi mà đau xót; cho nên nói là thường hay nhớ nghĩ. Tuy muốn cứu giúp; nhưng không

có cơ hội để làm. Cho nên nói rằng do không thấy. Nay có thể độ được qua cơ duyên sanh nhai nầy; cho nên nói rằng: tự đến. Gọi việc căn bản nầy là đại bi; cho nên nói rằng: thật là thỏa nguyện của ta. Ta tuổi đã già dụ cho việc khổ ngày xưa còn tích chứa. Giải thích điều nầy là do nơi thỏa nguyện. Do một thời đã hóa hiện rồi; cho nên nói là tuổi đã già nua. Chưa gặp được cơ duyên lớn, pháp chẳng thể ủy thác giao phó cho ai. Tương lai ấy ai có thể lãnh hội được. Vì có thể độ được; cho nên nói là bần tích. Nay cơ duyên tự đến; không thể không lo lắng cho điều nầy. Do vậy mà nói: Lòng mong đợi của ta đã được thỏa thích; liền cho người mau đi tìm đuổi theo; để bắt đem về.

Phần thứ 3 làm rõ chỗ suy tìm. Thí dụ nầy nói khi gần nhà lửa xả bỏ, con người dùng xe. Xa thì bảo rằng: Pháp ấy nói dùng lớn, cho nhỏ. Câu văn nầy lại chia làm 2. Đầu tiên là sai người đuổi theo và kế đến là dụ dỗ. Phía trước đuổi theo nghĩa là thân thể, tay chân phải mạnh; thế nhưng chẳng dùng đến. Theo phẩm Phương Tiện thì khuyên lơn và giải bày là một. Giải thích câu văn nầy lại có 3. Khi nhà lửa bắt đầu cháy, khuyên lơn nên ra ngoài. Giải thích ấy mỗi mỗi có 3; nhưng phải bớt câu văn ở đây. Câu văn Trường Hàng thường khuyến khích chứ chẳng hợp với lời khuyên răn; mà liền hóa câu văn ấy rộng ra. Trong kệ lại hay tụng lời khuyên; chứ chẳng tụng sự khuyến khích. Lại nữa chẳng tụng sự biến hóa. Tất cả đều ra khỏi. Nhà lửa, Trường Hàng, giới khuyến... những giải thích ấy mỗi mỗi đều có 3. Nay lại tính chung. Tức là sai người chạy đi tìm rồi khuyên răn giải bày. Gã

cùng tử sợ nên không trở về chẳng đủ duyên, liền dùng sức bắt ép đem về nhà. Gã cùng tử tự nghĩ rằng mình chẳng có tội gì; nên đã cự tuyệt. Dùng lời khuyên cũng chẳng đủ.

Từ "người cha liền thấy" trở đi; phải dùng lời dụ dỗ. Đây là ý Phật. Phật tuy khuyến khích, rộng rãi; nhưng chẳng đủ cơ duyên. Ý nầy chưa xong thì dùng giới để khuyên răn. Việc chẳng thành, sau đó lại bỏ đi. Người đi tìm ấy đầu tiên là khuyến khích về lại nhà. Trí là việc hay khiển và giáo là chỗ khiển. Nghĩa của lý ấy là chánh và giáo ấy nghĩa là bên cạnh. Từ khi Phật ra đời, Đại Thừa 12 bộ, rộng tuyên chúng sanh, ai chẳng có cơ duyên thì chẳng thọ nhận loại sữa nầy. Cho nên nói là: Người bên cạnh. Lại nữa những người bên cạnh ấy là những cận thần và tướng tá. Tức là các pháp thân của các Bồ Tát, vì đó mà nói Đại Thừa như trong kinh Hoa Nghiêm làm cho 4 vị Bồ Tát nói 40 địa; tức là người bên cạnh vậy. Liền chạy đuổi theo nghĩa là Đại Thừa làm rõ cái nghĩa hiển lộ ngay thẳng. Dùng cơ hội nầy để chạy thẳng đến Bồ Đề. Cho nên xe lớn ấy chạy như gió. Nếu dùng Bồ Tát là người bên cạnh thì Bồ Tát ấy tự có thần lực. Lại thêm nhờ Phật lực kia gia thêm, lại có thể làm cho kia chạy thẳng vào Bồ Đề. Cùng tử sợ là do khuyến môn ấy không đủ cơ duyên. Liền hiện chẳng có nhân duyên trói buộc như xưa, rồi bỏ việc nhớ lại dài lâu; cuối cùng muốn nghe đại giáo. Do tâm vậy. Lo chẳng rõ cho nên sợ. Gọi đây là nỗi lo lớn. Tiểu Thừa thấy phiền não thì lo. Sanh tử lấy làm khổ. Nếu khuyên rằng: Phiền não tức là bồ đề thì sẽ la to lên là sợ hãi. Nếu nghe sanh tử tức là Niết

Bàn thì la to lên là đau đớn. Chẳng có cơ duyên để khuyến khích vậy.

Ta chẳng hằng phạm. Ta chẳng hay cầu thì với dụng ý gì mà bắt ta như thế ? Đây chính là khuyến khích về cánh cửa có 2 ý chưa mất đi được. Kế đến lại la hoán lên và chẳng chịu trở về lại nhà xưa. Đây là rộng nói về giới môn. Phía trước làm sáng tỏ chỗ khuyên điều lành, dụ việc do dự nầy. Ta sẽ nói về việc sợ hãi tức là việc cấp thiết, chỉ dùng sức mạnh để lôi kéo về nhà lại. Nói theo kiểu khuyên lơn thì dùng lời nói khổ nhọc, làm cho xa rời việc xấu ác kia. Bên trong không có cơ duyên; còn bên ngoài thì bức bách chạy trốn. Nghĩa là sợ phải trở về. Tự nghĩ mình chẳng có tội gì; nên chẳng thọ nhận sự khuyên răn. Tội ấy là lòng từ bi vậy. Vì chúng sanh tội; cho nên vào ngục sanh tử. Bồ Tát lại cũng phải giống tội ấy để đi vào ngục. Người Nhị Thừa chẳng có lòng từ lớn; nên gọi là vô tội mà làm cho vào nơi sanh tử; tức là bị trói buộc vào ngục tù. Không phải phương tiện lớn mà vào sanh tử; tất nhiên sẽ vĩnh viễn mất huệ mệnh Tam Thừa. Cho nên nói rằng phải chết. Suy nghĩ về những việc nầy; cho nên nói là chuyển liền sự sợ hãi. Sức mạnh ấy là sự dạy dỗ to lớn. Người trí nhỏ chẳng thể hiểu được; nên gọi là quá buồn; liền khởi lên sự hủy báng; nên đọa vào tam đồ. Cho nên nói là đất rộng. Lại là sự mê mờ, buồn nản, yếu đuối, vô minh địa.

Từ xa người cha nhìn thấy, liền đó lần thứ ba không muốn khuyên răn đại thừa nữa. Việc nầy chia ra làm 4. Một là suy nghĩ mất đi; hai là giải thích mất đi; ba là

chính thức mất đi và bốn là sự mất đi được tuyên dương. Đầu tiên có 2 ý. Một là rõ biết ý chí lớn yếu kém. Hai là ý chí nhỏ lớn mạnh. Người cha thấy nghĩa là cái nhỏ không hiện hữu, cái lớn ở xa; cho nên nói là trông thấy. Chính là kết duyên với con; cho nên nói là thấy. Qua lời nói của sứ giả và qua lời khuyên của sứ giả. Rõ biết căn bản lời nói ấy không có cơ duyên để hiểu được. Trí mất tức là lời dạy bảo cũng mất. Người sứ ấy nói như các vị Bồ Tát, chẳng đợi ngươi hiện thân đẹp đẽ, làm cho thấy được Nhị Thừa, mà Tịnh Danh nhiếp phục thân thơm của ngươi; chẳng làm cho các chúng sanh kia khởi lên việc dính mắc vào các hoặc. Đức Phổ Hiền vào Ta Bà nầy, làm cho thân nầy nhỏ lại. Tất cả đều ở nghĩa nầy.

Người mạnh chớ đến; nghĩa là chẳng có cơ duyên lớn sợ bị thương tổn đến căn lành nầy. Cho nên nói là chớ mạnh tay. Lời nói riêng chẳng đủ cho người nầy. Suy nghĩ liền khuyến khích rộng hơn. Chớ nên dùng sức mạnh. Suy nghĩ liền khuyến khích giới môn.

Nước lạnh, nước mắt trên mặt. Phần thứ 2 rõ biết ý chí nhỏ. Nói là dùng tro hòa với nước để chẳng thấy nóng nơi mặt. Đây là sợ sự sanh tử nên gọi là chối từ. Hướng đến Niết Bàn như mặt mình vậy. Khi tỉnh ngộ rồi khai mở cơ duyên nhỏ, được lìa phiền não lo sợ, ngộ được 4 chân lý. Nhưng chưa nói quyết định nơi Đại Thừa giáo.

Từ "vì sao vậy" trở đi; phần thứ 2 giải thích về cái ý mất mát kia. Chính là lìa khổ và vui với không. Thân cận đùa bỡn với kẻ yếu kém, tâm chẳng từ bi; liền sợ khó

khăn nơi pháp lớn. Chớ có ý chí nhỏ hẹp nầy mà đè nén bổn hoài của Phật. Cho nên liền hóa vậy. Rõ biết 2 vạn ức Phật; nơi gặp gỡ, phát tâm đạo; chẳng phải cả hai đều chẳng có cơ lớn. Chớ nghĩ việc hóa lớn ấy ý Phật chưa rõ; liền chờ đến kỳ sau; chẳng nói với người khác. Đối với ngày xưa ở trong Tiểu Thừa, tùy theo ý kia nói phương tiện; che khuất, giúp đỡ gọi là Thanh Văn. Chẳng nói dựa theo tự ý nói là Bồ Tát.

Từ "sứ giả nói lời" trở đi; phần thứ 3 chính thức làm sáng tỏ chỗ biến hóa. Ta nay thả ngươi ra; nghĩa là biết căn cơ lớn còn yếu kém. Tùy theo ý hướng; nên liền biết là việc lành nhỏ lại mạnh hơn. Dùng 2 nhơn duyên nầy; nên biến hóa lớn.

Từ "cùng tử vui vẻ" trở đi; phần thứ 4 tức là sự biến hóa nầy gọi là cơ duyên. Chẳng vì việc dạy dỗ lớn bức bách; nên nói là vui vẻ. Chẳng hủy báng việc lớn thì tội được miễn ở tam đồ. Cho nên nói là từ đất là vậy. Có một ít việc lành nhỏ sanh ra; cho nên nói là khởi. Lại như trước tuyên nói về pháp lớn thì mê hoặc, lo ngại, chẳng thể rõ được chỗ nằm nơi đất vô minh. Nay thì bỏ chạy và nhân việc nhỏ ấy có thể được tỉnh ngộ. Cho nên nói rằng: Từ đất mà dậy. Đối với Tứ Đế, muốn cầu đạo pháp; cho nên nói rằng qua đến chỗ người nghèo kia, vì cầu ý thực; hoặc đối với 4 việc thấy gặp ấy để cầu đạo; nên nói là quê nghèo. Rồi muốn dụ dỗ và sai 2 người đến để dỗ dành. Việc nầy lại có 2. Một là sự dạy dỗ gần thì đưa 3 xe để cứu các con. Xa thì dùng Ba La Nại để thí quyền. Kế đến là từ ngày ấy trở đi, dùng ý và pháp thân

địa, hằng chiếu sáng phương tiện; chẳng phải đạo thọ; bắt đầu chỗ rõ biết dùng loại nhỏ. Sớm rõ chúng sanh khó khăn gìn giữ, gần gũi thân cận với y áo nhơ nhớp; cho nên tìm đến phía trước và nay lại rõ điều ấy.

Hỏi: Bốn Đại Đệ Tử với nhơn duyên gì mà rõ biết pháp thân chiếu sáng lâu dài?

Đáp: Khước từ gần, rõ biết xa. Nếu ngay từ đạo thọ mà rõ biết chẳng có cơ duyên lớn thì chẳng nên từ Đẩu Suất giáng thần và gá vào thai bằng trí tuệ; cho đến hiện hữu những phiền não. Rồi lấy vợ sinh con và 34 tâm với hậu thân, đoạn trừ kết sử. Kinh nghiệm rõ biết thoát ra khỏi tướng lớn, nhỏ như biển vi diệu anh lạc. Thô xấu một trượng sáu, y áo dơ bẩn. Điều nầy đã qua lâu rồi. Nay ban sơ lại chớ nên giải thích về những sự dạy dỗ nhỏ nhặt.

Phẩm Thí Dụ câu văn lại có 4. Một là dùng phương tiện để rộng tuyên; hai là rõ biết tâm trước; ba là hoan nghênh 3 xe và bốn là thích ứng với lời nguyện nầy. Phần Phương Tiện lại có 4. Nay sự lãnh hội cũng có 4. Từ "mong muốn dụ dỗ" trở đi là lãnh nhận ý bên trên để rộng nói. Ngay lúc ấy 2 sứ giả liền tìm đến gã cùng tử thì được ngay. Rõ biết được tâm trước của con có cơ duyên; cho nên việc nầy đã khiến vui với 3 xe là việc hy hữu. Gã cùng tử trước nhận giá nầy và lãnh việc thích ứng để ra khỏi nhà lửa. Đầu tiên muốn dụ dỗ; nghĩa là liền hóa ra việc lớn; chẳng dung chứa việc riêng. Muốn tạo ra phương tiện; cho nên nói rằng: sẽ muốn; mới mật sai hai người. Bốn đệ tử đã lãnh phần rồi; nên chẳng can thiệp

vào Bồ Tát; cho nên nói là 2 người. Về pháp ấy chính là nhơn duyên Tứ Đế. Về lý ấy tức là có tạo ra chơn, tục. Về con người là Thanh Văn Duyên Giác. Đầu tiên muốn quảng bá Đại Thừa nên mật sai người bên cạnh. Đây là biểu thị của một thật đế, một Đại Thừa giáo, một vị Bồ Tát. Nay làm cho sáng tỏ phương tiện ẩn thật làm chỗ bí mật. Chỉ lệch chơn là mất. Về giáo mà ẩn hoàn toàn thì chữ kia giấu kín; chỉ còn nửa chữ; nên nói là mất. Về con người thì bên trong có bí truyền Bồ Tát hạnh; cho nên nói là mật. Bên ngoài lại hiện thân Thanh Văn; cho nên nói là mất. Hình thù nghĩa là theo Nhị Thừa giáo chẳng tu về tướng tốt; hay nói về khổ, vô thường và bất tịnh; cho nên nói hình sắc lại tiều tụy. Về con người, phía các vị Bồ Tát ẩn dật về bản sắc là chỉ cho hình tướng của Tích. Chẳng nói hết nghĩa được. Chẳng có 10 lực vô úy; nên gọi là chẳng có uy đức. Ngươi có thể đến kia tức là dùng nhỏ đến giáo hóa thì làm sáng tỏ các lý chơn thật; cho nên nói rằng chạy đến nơi kia. Tiểu Thừa dạy làm rõ cái lý ẩn mật; cho nên nói là thong thả. Điều nầy có tác xứ, thấy tu 2 đường là đoạn hoặc tác xứ và gấp đôi với ngươi là ngũ giới, thập thiện sẽ dừng lại và ra khỏi 3 cõi. Nay Tứ Đế, 12 nhơn duyên có thể làm cho ra khỏi sanh tử. Đây là một lần gấp bội. Lại nữa ngoại đạo lục sư hay thực hành và có thể hàng phục được các hoặc. Nay tu Tứ Đế tức là có thể đoạn hoặc được đến Niết Bàn. Đây là việc gấp đôi. Cùng tử nếu được hứa tức là có cơ duyên về việc hứa nầy; nghĩa là thiết giáo. Không có cơ duyên thì chẳng hứa và chẳng thiết giáo. Muốn làm điều gì ? Nhị Thừa chỉ muốn trừ hoặc và được chứng. Chẳng cần

đến tịnh Phật quốc độ và thành tựu chúng sanh. Cho nên nói: sẽ sai ngươi hốt phân. Chúng ta 2 người lại cùng làm với nhau. Nhị Thừa đốn căn; những việc dạy dỗ ấy nhắm vào chỗ tu nghiệp. Về cái lý tức là rõ biết chơn lý và tướng riêng ấy. Về người thì quyền và thật tu hành. Lúc ấy 2 sứ giả liền dần gặp gã cùng tử. Lần thứ 2 thì rõ biết căn cơ; cho nên nói đã được rồi. Bên trên đã rõ biết tâm trước rồi.

Để sáng tỏ việc trên qua những việc dưới đây. Lần thứ 3 khi giải thích về việc làm thì bên trên liền tán thán về 3 xe. Từ khổ, tập ấy là phẩn. Giữ đạo, diệt ấy là giá cả. Gã cùng tử đầu tiên chịu giá cả và lo việc hốt phân. Phần thứ 4 khi tìm đến thì đi làm. Bên trên thì thấy công việc thích ứng với lòng mong cầu để ra khỏi được nhà lửa. Nhị Thừa mến quả và thực hành nguyên nhơn. Do vậy mà chấp trước. Khi người cha nầy thấy con sinh thương cảm mà kinh ngạc. Kinh vì chẳng cầu Phật đạo. Thương vì chỉ chấp giữ A La Hán. Chỗ mất thì lớn; chỗ được lại nhỏ. Cho nên nói rằng kinh dị. Riêng lẽ trong pháp dụ nầy ý ấy câu văn đã làm rõ.

Từ "lại một ngày kia" trở đi; phần thứ 2 là nhận lấy ý. Linh trí trước chiếu lâu dài về giả sử quyền, mưu rồi đọa lạc. Không dừng lại dưới cây, mà bắt đầu thấy nhơn duyên, như bên trên đã nói. Câu văn nầy lại chia ra làm 4. Một là một ngày kia giữ ý như trước, dùng quyền trí lâu dài muốn tuyên bày, giải nói. Hai là thấy con tiểu tụy và lâu rồi rõ biết phương tiện; cho nên cho đồ chơi tốt. Ba là thoát ra khỏi những đắm nhiễm thô tế. Lâu dài rõ

biết đủ; nên ca ngợi 3 xe. Bốn là gần gũi thân cận và chỉ cho con làm. Lâu dài rõ biết sự thích hợp, nhận làm như lúc đầu. Lại nữa lời nói thêm trịnh trọng. Sẽ muốn giữ ý lãnh và pháp thân ở địa lâu dài; nên rõ biết căn cơ lớn, nhỏ để giáo hóa vậy. Thuật lại ý Phật, cho nên chương nầy được lập lại.

"Ngày khác" theo chính Nhị Thừa nghĩa là phương tiện làm chính. Chẳng phải pháp Nhị Thừa là kia; tức là căn cứ vào pháp thân. Ngày ấy là thời gian, mà cũng là trí vậy. Lúc nương tựa vào pháp thân, dùng trí để chiếu sáng cơ duyên; cho nên nói là ngày kia. Nếu từ ý nghĩa nầy thật trí chiếu, thì thật ấy là chính mình. Quyền trí chiếu sáng phương tiện là của kia. Hướng dẫn rõ ràng do hóa thân dùng đến công việc thì là ngày đã qua. Chẳng phải việc của hóa thân dùng đến thì thuộc "ngày khác". Nếu cuối cùng Đức Như Lai tự thực hành trí tuệ về quyền thật; tất cả đều gọi là cái nầy. Như Lai hóa ra quyền thật để chiếu sáng. Tất cả gọi là kia. Như Lai tự, tha quyền thật chiếu. Chiếu thật ấy là nầy và chiếu quyền ấy là kia. Đó chính là lúc tìm kiếm pháp thân, dùng đến hóa, tha và quyền trí, chiếu nơi quyền cơ, hoặc có, hoặc không, chiếu dùng quyền sự, hoặc có thể hay chẳng có thể. Tất cả là quyền trí được chiếu. Cho nên nói là "ngày khác". Nếu từ nghĩa nầy thì việc chỉ dẫn vi tế cho hóa, tha về quyền sự thì Nhị Thừa gọi là "việc nầy". Tìm tòi về quyền của tự, tha thì quyền nầy chẳng phải là việc của Nhị Thừa. Cho nên gọi là vì kia.

Có 2 ý về "ngày kia" được hình thành. Nay nương vào chỗ giải thích của Nhị Thừa và lại theo câu văn của "ngày kia" dùng để tìm tòi về pháp thân chiếu nơi căn cơ nầy.

Cánh cửa sổ nghĩa là thấy một bên; cho nên nhỏ. Biểu hiện quyền trí chiếu đến cơ duyên kia. Đáo mắt thì thấy nhỏ mất và lớn hiện. Cho nên nói là trông thấy.

Thấy con nghĩa là từ xưa gặp các loại lớn, gọi đấy là con. Dùng lớn để củng cố; cho nên nói là thấy. Cửa sổ thường chật hẹp, chưa chỉ bày giáo hóa việc lớn được. Cho nên nói rằng dùng lớn và cho nhỏ.

Từ "gầy mòn" trở đi; phần thứ 2 nói về trước đó rõ thích chơi việc nhỏ. Vì tu nhơn trí lực kém; nên hao mòn. Tu nhơn phước lực yếu; cho nên mệt mỏi. Bên trong thì sợ vô thường cho nên tiều tụy. Bên ngoài gặp 8 nạn khổ nên héo hắt. Bốn là ở chỗ hốt phân. Vì không trí cho nên như bụi đất.

Từ "liền ra khỏi lầu các" trở đi; phần thứ 3 là trước thấy đầy đủ cho nên vui mừng với 3 thứ xe khó có kia. "Cởi bỏ y phục" là dụ cho ẩn chìm báo thân với vô lượng công đức. 42 địa, giới, định, huệ, đà la ni cùng với anh lạc. Dùng tịch diệt, nhẫn tế để mặc bên trên. Dùng các đồ trang sức lớn nhỏ của biển. Nếu ăn mặc quá sang, đứa con sẽ sợ hãi. Vì Nhị Thừa chẳng hề thấy tướng đẹp nầy.; cho nên nói là "cởi bỏ", liền mặc đồ thô xấu; hiện hình một trượng sáu là thô. Sanh nhẫn, pháp nhẫn là tệ, xấu. Mình mẩy đầy bùn đất là tượng trưng cho phiền não

hữu lậu có trong hiện tại. Chấp nhận lo việc hốt phân là cố giữ cái thấy và sự suy nghĩ về pháp hữu lậu; chẳng luận các địa thanh tịnh, trí huệ. Tay trái dụ cho thật. Tay phải dụ cho quyền. Quyền dụng phương tiện dễ dàng; chính mình dùng pháp nầy để đến đoạn kết (sử) và thành Phật. Lại dùng người hóa hiện nầy.

Lại có chỗ sợ hãi; nghĩa là cũng giống như sự sanh tử. Lại có gió lạnh mùa đông và lúa cho ngựa ăn là báo (nghiệp).

Từ "bảo những người làm" trở đi; phần thứ 4 nói về việc gần gũi, dạy cho con làm việc. Thí dụ nầy tức là 7 tư liệu pháp môn trong đạo phẩm vậy. Dùng sự hiển bày để trừ tướng dơ của phẩn. Các con tâm đã sáng tỏ cùng nhau chạy ra khỏi nhà lửa. Một là thí dụ nói cho người làm công. Dụ về Tứ Niệm Xứ, là việc ở phạm vi bên ngoài. Hai là khuyến khích cho người làm chớ được giải đãi. Dụ về Tứ Chánh Cần. Ba là cho những đứa con ra khỏi, chớ chạy trở lại. Dụ cho Tứ Như Ý Túc. Bốn là thích tự an ổn ý chí; nên gọi là thí dụ về sự an ủi. Dụ cho 5 căn. Năm là từ "vì sao vậy" trở đi gọi là dụ cho việc không ra khỏi 5 căn ấy. Dụ cho 5 lực. Bốn câu trước đây là phần hai bên trong của phàm (phu) vị. Sáu là lúc ấy Trưởng Giả tự viết tên con mình. Đây là dụ cho Bát Chánh (Đạo) và bảy là "tuy vui mừng khi gặp"; gọi đây là sự dạy bảo dụ cho trừ khỏi phẩn dơ. Bảy là giác. Hai câu nầy tức là 3 Thánh Vị vậy. Nay ban đầu nói về những người làm. Tức nói về 3 tạng để chỉ cho Tứ Niệm Xứ, là đồ trừ phẩn, đoạn kết (sử) cảnh giới.

Kinh Di Giáo nói rằng: Thường nương niệm xứ để hành đạo thì có thể phá được tứ (điên) đảo. Khi biết rằng trong nhà lửa ấy theo sự mong cầu mà can đảm lên, đây tức là Văn Huệ. Phần thứ 2 chớ được lười biếng tức là khuyến khích tu Tứ Niệm Xứ. Nếu khởi lên sự giải đãi; tức là chẳng thể diệt hai việc ác; chẳng thể sanh 2 việc thiện. Dùng 2 việc ấy để khuyên, cho nên có thể phát ra cháy ấm. Ngược lại lửa cháy nhà làm cho thôi thúc; nên nhập vào Tu Huệ noãn vị. Dùng phương tiện cho nên được gần gũi con. Niệm xứ chưa được cái lý của lửa làm cho ấm tâm. Dụ nầy nghĩa là bên ngoài chẳng thể gần gũi. Dùng lúc ban đầu được noãn phương tiện. Tức là có thể gần gũi được.

Phần thứ 3 là đốt những người con trai nghĩa là sự đốt cháy nầy làm cho kinh ngạc và rõ biết là trách nhiệm. Bên trên phần Chánh Cần nói về sự ngổn ngang động tỉnh tức là trí pháp. Như người con trai kia là dương tánh; như ý túc kia là định tánh. Còn người nữ là âm tánh. Giỏi dùng Chánh Cần để sách tấn; nhưng chẳng được cùng với chơn tương ưng; cho nên đốt cháy, sợ hãi và trách nhiệm. Nay lại xả bỏ, tản mác và vào chỗ yên tĩnh. Cho nên sự đốt cháy những người con trai cũng như ngươi thường tạo ra việc nầy chẳng thể chạy trở lại được. Niệm xứ Chánh cần, động chẳng chuyển đổi một; nên gọi là thường. Trong đó Tứ Như Ý, định ấy chẳng khác với duyên. Tư duy ấy tức là định tư duy; tức là đoạn. Định, đoạn chuyên nhứt; cho nên thường. Chẳng phân chia, động loạn; cho nên chớ trở lại. Đây là dụ cho sự hỗ tương hối thúc sự bài trừ. Tức là Đảnh Pháp Vị vậy.

"Sẽ trả thêm lương" nghĩa là Noãn Pháp Ý quán, chẳng thể phát ra chơn (thật). Như trong ý quán thì có thể phát ra vô lậu; cho nên nói là thêm giá. Nếu có chỗ đầy đủ nghĩa là lậu, vô lậu, lành trợ đạo và chánh đạo. Tất cả đều là từ như ý quán cầu. Muốn đủ tức là được. Tứ Thiền có thể bao gồm những cành lá như là đồ đầy đủ; sanh không, thô như lúa; pháp không, tế như bột mì. Đây tức là chánh đạo. Tứ Đế trở đi 16 đế quán. Vô thường giống như muối và khổ giống như giấm. Đây tức là trợ đạo. Như lúa mạch khó ăn được khi hòa chung với muối và giấm. Chánh đạo khó hiểu được trợ đạo khi trợ giúp. "Chưa tự nghi nan" nghĩa là việc kết luận bên trên về chánh trợ. Chi tiết tại như ý quán; cho nên chớ nghi ngờ, mà quyết định có thể biện giải như vật nầy, chớ nghĩ nghi nan. Lại có người tớ già xấu tệ hay muốn gặp ngay người giúp việc tay chân như người sứ giả làm kẻ sai bảo; giống như trong ý quan niệm lại cũng có thông qua điều nầy. Thông thường việc yếu đuối đồng nghĩa với việc già tệ. Tuy chẳng phải là người mạnh khỏe nhưng lại có thể sai vặt. Lại dùng chánh đạo để cầu lý mà chánh đạo yếu, chưa thể phát chơn được, muốn đủ trợ đạo thì cửu tưởng, thập tưởng, tám bội xả v.v... Trợ đạo là người sứ, như trong ý quán, lại cũng có pháp nầy. Nếu được trợ (đạo) trợ giúp chánh thì sẽ cùng thành người giải thoát.

Phần thứ 4 là vui tự ý an là được 5 căn an ổn khó hoại. "Ta như cha của ngươi" nghĩa là cố gắng gần gũi, giống nhưng chưa thật; cho nên nói là "giống như cha";

lại là như con. "Chớ có lo buồn" là làm cho ý được an ổn, phá tan chỗ thấy và suy nghĩ.

Phần thứ 5 nói: "ta già, ngươi trẻ" giống như khi Phật tịch rồi thì tất cả trí đều đoạn dứt; cho nên nói là già nua. "Ngươi ở nơi đạo, trước sau có trí đoạn"; cho nên nói là thiếu niên. Đây chính là nhẫn pháp vị vậy.

"Vô ngũ quá" nghĩa là được 5 lực, lìa 5 pháp ác. Được tín lực; cho nên chẳng dối lừa. Tinh tấn lực cho nên chẳng giải đãi; niệm lực cho nên chẳng sân; định lực cho nên chẳng hận; huệ lực cho nên chẳng nói lời oán hờn.

"Người làm dư" nghĩa là chỉ xa cho ngoại đạo vậy. Đi tìm cái thấy để cầu lý, nên gọi là "dư tác nhơn". Gần thì chỉ cho Noãn Đẳng 4 vị, chưa khỏi 5 quá. Lại cũng có tên là "dư tán nhơn". Câu văn nầy không có "ngũ quá"; tức là "ngũ lực" vậy. "Từ nay về sau ngươi như con của ta". Hạ nhẫn 16 sát na, thời tiết giống như sự trưởng thành. Trung nhẫn tuy phải quán lại, lại chưa phải là một sát na. Còn thượng nhẫn, thế gian tối hậu là một sát na của tâm. Gần thành bực Thánh; cho nên ngôi vị nầy sánh như con ruột vậy; tức là "thế đệ nhứt pháp vị".

Phần thứ 6 "lúc ấy Trưởng Giả liền cùng viết lên chữ con". Đây là được bát chánh, nhập vào kiến đạo, chạy đua cùng. Cho nên gọi là con. Thế đệ nhứt pháp cùng với chơn (chánh) chẳng lâu dài; cho nên nói là: liền lúc ấy. Trong kinh A Hàm nói có 5 loại Phật Tử. Bốn quả

và Bích Chi Phật gọi là Chơn Phật Tử. Bồ Tát không đoạn kết (sử) thì nghĩa con ấy chưa thành tựu.

"Lúc bấy giờ gã cùng tử tuy vui mừng về sự gặp gỡ này" trở đi; phần thứ 7 thường thí dụ cho công việc đảm đang. Thí dụ ấy tuy nói là con; nhưng suy nghĩ chưa tường tận là dụ cho ở các học vị chưa được việc chẳng khó; cho nên trong 20 năm trường thường sai hốt phân. Lại cũng tự rõ biết mình chẳng thể đảm nhận được việc lớn. Chính là nương vào lời dạy tu hành hết khổ. Cho nên nói dụ ấy là tự cho mình là khách làm giặc. Nếu được sở quả thì trốn nhỏ, vui lớn.

"Đại Thừa cơ phát" tức là nên cầm giữ Đại Thừa. Lại nữa chẳng đủ đoạn tấn và còn lại kết. Chính là do chẳng bỏ nhỏ, nay được cơ duyên lớn, không phát khởi. Đây là điều ngăn cản, làm chỗ nương tựa học hỏi cho hết lậu (hoặc). Do vậy mới nói rằng: Cả 20 năm thường sai hốt phân. Hai mươi năm ấy là thấy chân lý giải thoát và vô ngại. Suy nghĩ về 9 vô ngại và 9 giải thoát. Cho nên nói là 20 năm. Lại nữa nói rằng: thấy, tư hai đường; giữa đó đoạn kết (sử); gọi là 20 năm. Lại bảo có 5 phần dưới và 5 phần trên; là vì 20 năm nầy. Lại bảo rằng: dụ ấy đối với hai thừa và trong pháp ấy đoạn lấy tư, hoặc vậy; gọi là 20 năm. Lại bảo rằng: nương vào 2 người sứ giả, cùng đoạn dư, kết; cho nên nói là 20 năm. Từ có 2 thừa là cơ duyên mà đến cảm Phật; cho nên nói rằng: tự thấy người con đến rồi, 20 năm. Nếu trụ ở Nhị Thừa vị, chuyển qua Đại Thừa giáo thì đây gọi là trong 20 năm ấy chấp tác làm việc nhà. Hai mươi lời nói ấy giống với mỗi

mỗi cái có ấy. Chỉ có câu nầy; tức là ra khỏi 3 cõi hỏa trạch vị.

"Qua khỏi đây về sau" trở đi; phần thứ 4 là giao phó cho việc nhà. Dụ nầy gần thì cho xe để ra khỏi nhà lửa. Xa thì giao cho pháp vô thượng đạo. Tựu chung điều nầy có 2 việc. Đầu tiên là lãnh và sau đó là giao. Mỗi thứ có 2 việc. Cùng lãnh nhà lửa với việc cho xe lại có 4 ý. Lại là Phương Tiện phẩm hiển thật 4 ý. Phần đầu 2 chương là một lòng tướng, thể và tín. Tức là lãnh rồi được khỏi nạn. Hai là ủy thác cho gia nghiệp, dần dần thông thái, thành tựu chí lớn; liền lãnh những xe ấy. Sau 2 chương; một là phó thác cho gia nghiệp tức là lãnh nhận việc cho xe; hai là được giao cho; nên vui mừng, liền lãnh và được xe vui vẻ. Do tâm, tướng, thể. Cho nên được ủy thác cho gia nghiệp. Gia nghiệp được am tường tất nhiên đều rõ biết tất cả, thành tựu được chí lớn. Do ý chí mà được thông thái, được giao phó cho gia nghiệp. Khi được gia nghiệp lại vui mừng. Do có gần, xa. Nếu trước đó chẳng dạy việc đảm đang công việc và trả giá cho từng ngày thì há được tướng, thể để ủy thác cho gia nghiệp và tài sản của cải sao. Bên trong hợp với lý do của ba tạng, đoạn trừ kết (sử), kham nhẫn việc nghe Đại Thừa, thọ nhận thanh tịnh; nên gọi là chuyển qua dạy Bát Nhã; nếu mà giao phó cho tài sản. Nên biết rằng: đảm trách công việc, giữ lấy giá cả, tức là lý do xa. Thể, tín ủy thác gia nghiệp tức là lý do gần. Lại nữa phía trước có thí dụ về việc dụ dỗ; có chỗ khuyên lơn tế nhị, như khi ban đầu từ khi ở dưới cây đạo thọ và sau cùng đến ra khỏi nhà; lại có tìm tòi lãnh hội. Ban đầu chính tự pháp

thân và cuối cùng là suy nghĩ hết. Nay sự lãnh nhận ấy có 2. Đầu tiên là tìm tòi lãnh nhận từ bi tử vị điều thục. Cuối cùng là nhận lãnh sự giao phó tài sản, cứu cánh một vị. Xa gần, trước sau hợp lại luận bàn là ngũ vị. Vì sao vậy ? Liền bảo với người bên cạnh. Người bên cạnh ở đây là nói thí dụ về Hoa Nghiêm viên đốn. Lời dạy nầy đầu tiên. Người bên cạnh nầy dụ cho trâu. Chỗ nói dụ cho sữa. Bên trong hợp lại từ khi Phật ra đời 12 bộ kinh; tức là sơ vị vậy. Dùng đầy đủ củng cố cho người nhị thừa. Không có nhân duyên; nên chẳng thọ nhận sự mê mờ, giận dữ ở đất xấu. Ở đây hoàn toàn thuộc mùi vị của sữa. Kế đến làm rõ chỗ mật sai 2 người nói là chỉ để hốt phân. Dụ nầy để nói về Đại (Thừa) sau khi ở Lộc Uyển lại nói làm 3. Đối với Tiểu (Thừa) tin đây là khía cạnh của Phàm thành Thánh. Như chuyển đổi từ sữa thành lạc. Bên trong hợp từ 12 bộ kinh đã có; tức là 2 vị nầy vậy.

Kế đến làm sáng tỏ tâm, tướng, thể, tín vào ra chẳng khó khăn. Đây là dụ cho 3 tạng sau khi nói Phương Đẳng, Tịnh Danh (Duy Ma Cật) đưa ra Đại (Thừa) và bẻ Tiểu (Thừa). Nhị Thừa nghe Đại (Thừa) không hủy báng và bẻ gãy Tiểu (Thừa) chẳng trở lui. Đây cũng chính là nơi 3 tạng đoạn kết, giữ giá một ngày. Được rồi vui vẻ với sự trả giá rẻ; nếu chưa đoạn được kết (sử) chẳng kham nghe khi tuyên dương việc lớn. Như phía trước chẳng thọ lãnh sự khuyên bảo; lại chẳng kham nghe lời bẻ gãy Tiểu (Thừa). Như trước chẳng thọ nhận về sự khuyên răn, mà nay chẳng hủy báng lại chẳng trở lui. Đây chính là tâm, tướng, thể, tín vậy. Thân cận tức là chứng Tiểu (Thừa); nghĩa là tin Đại (Thừa)

chẳng hư dối. Được cái giá Niết Bàn; cho nên thể ấy bẻ gãy sự sân hận. Tuy chẳng phải việc nầy mà chẳng nghi ngờ, phỉ báng. Tâm nầy đôn thục như từ lạc biến thành tô vậy. Bên trong thì hợp với kinh điển như kinh Phương Đẳng ở đệ tam vị.

Kế tiếp làm sáng tỏ việc Trưởng Giả tự rõ biết sẽ chết, chẳng còn bao lâu nữa. Thí dụ nầy nói về phương đẳng, tâm, tướng, thể, tín vào ra chẳng khó khăn, sau đó lại ủy thác cho gia nghiệp. Khiến sự dạy dỗ kia làm cho các Bồ Tát nói Ma Ha Bát Nhã; tức thời lãnh hội rõ biết các vật và suốt thông các pháp môn. Tâm làm sáng tỏ cho miệng biện hộ sự lợi ích chưa được vui; nên thường hay ở nơi Tiểu (Thừa); chẳng phải là điều đã phân chia. Thoát ra khỏi rồi, liền hứa cho, há chẳng vui sao! Đối với tâm nầy dần dần thông thái, thành tựu chí lớn; giống như sanh tô biến thành thục tô (sữa tốt nhất). Đây nghĩa là từ Phương Đẳng qua đến thời Bát Nhã thuộc phần đệ tứ vị.

Kế đến lúc lâm chung ra lệnh cho đứa con. Dụ nầy là dụ cho sau thời Bát Nhã, do tánh đã định sẵn, cha con gặp nhau trở về 3 và giao phó một phần tài sản, như nói kinh Pháp Hoa vậy. Đây là khai mở Phật tri kiến để chỉ bày tướng chơn thật của Bồ Tát, trừ nghi của Thanh Văn để làm Phật. Xong rồi sau khi Như Lai diệt độ cũng diệt độ theo. Giống như từ thục tô qua đến đề hồ cũng đồng thời từ Ma Ha Bát Nhã đến Đại Niết Bàn vậy. Đây thuộc về đệ ngũ vị.

Bốn Đại Đệ Tử lãnh sâu ý Phật, thám lãnh một hóa ra 5 vị để dạy vậy. Trước sau lần lượt như câu văn nầy. Câu văn về lãnh gia nghiệp lại chia ra làm 2. Một là tướng, thể và tín. Hai là mệnh lãnh nghiệp. Tựu chung thể, tín ấy lại cũng có 2. Trước tiên làm rõ chỗ thể, tín. Hai là dụ cho cư bổn vị. Nay tướng đầu tiên là sự hỗ tương với tín. Nghĩa là đối với 3 tạng được giá Niết Bàn. Điều nầy chẳng hư vọng. Nay vì Bồ Tát mà nói điều nầy cho Đại Thừa lại cũng chẳng phải hư vọng. Điều nầy nghĩa là con tin nơi cha. Phật rõ biết điều nầy sánh với sự thấy, suy nghĩ đã đoạn và khi nghe thì chẳng phỉ báng, vô lậu căn lợi, khi nghe thì sanh lòng tin. Đây tức là cha tin con. Điều nầy thấy được thân Tôn Đặc (Lô Xá Na Phật); nghe giáo pháp Đại Thừa; nên gọi là nhập. Lại bị bẻ gãy, giống như thấy một trượng sáu nói pháp Tiểu Thừa; gọi đây là ra. Lớn, nhỏ, ra, vào mà chẳng gặp khó khăn.

Phần thứ 2 dừng lại để dụ cho bổn xưa. Tuy là có vào ra nhưng chẳng khó khi nghe Đại Thừa; mà đây cũng là công việc của Bồ Tát, chẳng phải lấy trí để phân chia; chẳng lui trở lại Tiểu (Thừa) mà hướng đến Đại (Thừa). Giống như ở bậc La Hán chẳng nói vị lai sẽ được làm Phật. Điều nầy nghĩa là lãnh nhận Đại (Thừa) nghe lời dạy của Tịnh Danh (Duy Ma Cật) như Tô vậy.

Từ "Thế Tôn, lúc bấy giờ Trưởng Giả bị bịnh" trở đi; phần thứ 2 là ủy thác gia nghiệp. Sự lãnh nhận nầy trong Đại Phẩm, Đức Phật ra lệnh truyền dạy Bát Nhã, tức là

dạy Thục Tô (việc đã chín muồi). Chung quy việc nầy lại chia ra làm 2. Một là ra lệnh cho cả nhà biết và hai là người thọ nhận mệnh lệnh nầy rõ. Hai chương ấy mỗi mỗi đều có 4. Đầu tiên nói về 4 ấy: Một là làm rõ thời gian; hai là chính thức mệnh lệnh cho cả gia đình biết; ba là khuyên lơn về thân thể và tâm của ta; bốn là bảo ban đừng cho mất mát. Việc đầu tiên là (người cha) sẽ chết; chẳng biết lâu mau. Có nhân duyên tức là sẽ có sanh; cơ duyên hết thì cũng nên cảm tạ về sự chết. Nay hóa duyên đã mãn; nên từ tạ, không bao lâu nữa.

"Nói cho gã cùng tử rằng ta nay có nhiều" trở đi; phần thứ 2 là ra lệnh cho cả nhà biết sự việc. Vàng ở đây tức là lời dạy riêng Biệt (giáo); bạc ở đây tức là giáo lý về Thông (giáo). Nơi Đại Phẩm làm việc rõ về chơn đế chẳng ra khỏi 2 việc nầy, mà nói là có nhiều. Lý ấy tức chẳng phải nhiều; nhưng đối với đủ loại (pháp) môn thì lại nói là nhiều. Ví dụ như không ra ngoài 18. Phá 18 pháp ấy gọi là 18 không. Trong khuyến học thì làm rõ tất cả các pháp môn. Tất cả đều là trân bảo vậy. Thương đây chính là định môn; tức là 183 vị. Khố ấy là huệ môn, gồm 18 cảnh giới không. Thông, Biệt cả 2 loại định huệ gọi là Thương Khố (kho chứa). Bao gồm tất cả thiền định trí huệ, chẳng có chỗ thiếu khuyết. Bên trong thì sung mãn; bên ngoài ích lợi; cho nên nói là nhiều lắm. Trong nầy có ít nhiều tức là nói về Bát Nhã; tức là có chỗ rộng và lược nhị môn. Bồ Tát thực hành Bát Nhã nên rõ biết tướng của việc lược và rộng nầy. Lược ấy là ít và rộng ấy là nhiều. Tự thực hành làm chỗ để giáo hóa kẻ khác làm

cùng. Trong Đại Phẩm nói rằng: Ngươi sẽ vì Bồ Tát mà nói; cho nên nói: ngươi tất sẽ rõ.

Từ "tâm ta như thế" trở đi; phần thứ 3 khuyên bảo về thể của tâm ta. Phật dùng Bát Nhã làm tâm. Người nay truyền chứng sẽ theo ý Phật nói. Lại nữa người Nhị Thừa căn bản về sự giải thích nầy là bẻ gãy pháp không. Lệnh là thể của ý nầy. Mệnh lệnh ấy chuyển giáo và dùng sự khuyên răn làm cho giống với thể pháp không của ta. Lúc xưa bị ra lệnh; nghĩa là truyền đăng cùng kia. Nay nhờ rõ biết Phật, làm cho ta hiểu rõ thể của môn. Cho nên nói về đương thể của ý nầy. Nay ta cùng với ngươi lại chẳng khác biệt. Giải thích việc nầy có 3. Một là bị thêm, làm cho nói cùng với Phật chẳng khác; hai là chung quy cái lý là dùng các pháp đều như; nên được sự chẳng khác. Thiện Khiết như; Như Lai như; một như chứ không có hai như. Cho nên nói liền chẳng có khác. Ba là rốt cùng là bây giờ. Đầu tiên rõ biết thiên tánh của cha con bản lai chẳng khác; mà người Nhị Thừa thì tự nghĩ bị thêm khác vậy.

Từ "nói thêm dụng tâm" trở đi; phần thứ 4 là bảo cho đừng làm thất thoát. Ngươi vì Bồ Tát mà nói Bát Nhã, dạy không, làm cho chẳng thất thoát. Hai là cuối cùng lý nầy tức là pháp của ngươi sau đó mới dùng đến. Cho nên chẳng làm cho thất thoát. Tức thời nhận lời dạy bảo. Phần thứ 2 là thọ nhận mệnh lệnh nầy chia làm 4. Một là chính thức thọ nhận mệnh lệnh rõ biết. Hai là chẳng thể giữ. Thiện Kiết tuy là nói Bát Nhã; nhưng không tự phân biệt về ngã ấy không. Ba là chưa xả bỏ

tâm yếu kém; giống như ở bổn xứ. Trụ ở vị A La Hán. Tuy là chưa được Đại (Thừa), lại chưa định, mà nói là muốn làm Bồ Tát. Chưa xả bỏ tâm nhỏ nghĩa là tuy có tâm xấu hổ về việc nhỏ, lại chưa định mà nói xả với việc chứng nhỏ. Bốn là "trải qua lúc nhỏ người cha rất rõ ý con"; tức là dụ cho việc lãnh xe bên trên. Bỏ cái tâm trước kia, muốn cầu đại đạo và cơ duyên lớn đã đến.

Hỏi: Lúc nào gọi là lúc nhỏ ?

Đáp: Một cách nói là Bát Nhã. Đối với nơi khác thấy vậy. Tìm đến chỗ để nhận lãnh Đại Thừa pháp môn sanh tâm tham vui, vì mất và vì chẳng mất. Như những tầm tư nầy; tức là lúc mà cơ duyên Đại Thừa đã phát. Lúc nầy Bát Nhã, Pháp Hoa chưa xa; cho nên nói là niên thiếu. Lại nữa khi nói Vô Lượng nghĩa thì căn cơ Đại Thừa đã phát, sao lại lấy đó rõ biết được ? – Trong Vô Lượng nghĩa làm rõ 7 loại phương tiện vô lượng, dần đốn và từ một pháp sanh; liền nghe thuyết nầy, suy nghĩ xưa có 3 tạng 3 thừa, tất nhiên cũng từ một pháp sanh. Như 3 thừa nầy cũng nên nhập vào một. Thời kỳ suy nghĩ như vậy dần dần thông thái, tâm lớn liền phát khởi. Cho nên nói là thành tựu chí lớn vậy.

Từ "lâm dục chung thời" trở đi; phần thứ 2 chính thức giao phó việc nhà. Lại chia làm 2. Một là giao phó sự nghiệp. Hai là vui mừng. Phần đầu lại có 4. Một là lúc giao phó sự nghiệp; hai là bảo mọi người làm chứng cho con; ba là kết hợp cha con và bốn là chính thức giao phó cho gia nghiệp. Lúc giao phó sự nghiệp là lúc trước khi chết. Đây là làm rõ thời gian hóa duyên đã mãn, nói kinh

Pháp Hoa 8 năm sau cùng tại Linh Sơn, lúc mà báo tin sẽ vào Niết Bàn.

Từ "mà mệnh lệnh cho đứa con nầy" trở đi; phần thứ 2 là tập hợp mọi người lại, liền có 2 vạn ức Phật đến thọ nhận việc nầy. Gọi đây là vì đứa con. Khi đại cơ đã thuần thục thì 10 phương vân tập. Bên trên thì có 4 chúng vây quanh cùng với thân tộc. Xưa nói rằng: phân thân như thân tộc; thập địa như quốc vương; cửu địa như Đại Thần; Bát Địa như Sát Đế Lợi; thất địa như Cư Sĩ. Người phía Bắc dùng phân thân như thân tộc. Đa Bảo là Quốc Vương. Thập Địa là Đại Thần. Bát Địa là Sát Đế Lợi. 30 tâm là Cư Sĩ. Nếu như vậy thì Tích Môn thuyết pháp; phân thân Đa Bảo cũng chưa hiện tiền. Sao lại được chỉ cho việc nầy?

Kia giải thích rằng: chính vì lúc Thân Tử (Xá Lợi Phất) hoài nghi, đối với Pháp Hoa chưa thể sinh lòng tin. Cho nên Đa Bảo phân thân một lúc đến để chứng minh. Nếu nghi trừ Tín Giải và Thọ Ký đã xong rồi. Lại dùng đến Đa Bảo để chứng minh cho điều gì ? Do rõ biết lúc nói pháp; cho nên Đa Bảo đã xuất hiện. Khi đã xuất hiện, nói chẳng được yên. Vì tạo lần lượt nguyên nhơn để phía sau cánh cửa. Nay nghĩa là người nầy, tình chẳng dùng chấp vào sự nương cậy. Nói Tích Môn là việc gần, chưa dùng đến cái chứng đạo ngày xưa. Nếu nói Bổn Môn là việc xa thì tất nhiên trước đó đủ để chứng rồi. Nay chẳng dùng kia để giải thích, mà nương vào kinh Tát Vân v.v...

Nay làm rõ thập phương pháp thân Bồ Tát ảnh hưởng là vì thân tộc. Ảnh hưởng ở đây phần nhiều là

những người thân của Đức Thích Ca ngày xưa. Cùng với Như Lai có 2 vạn ức Phật đã cùng khai hóa. Đối với Tất Đàn (Trí) nầy là những việc làm của thúc, bá. Cho nên dùng điều nầy gọi là thân tộc. Quốc Vương ở đây là tất cả các kinh tiệm, đốn. Chẳng phải chẳng gọi nơi chốn tỏ tường là Kinh Vương. Theo căn cơ lợi ích cùng với lúc bị phế bỏ. Bộ bộ chẳng giống nhau; cho nên nói là quốc (gia). Tất cả đều là số một; nên gọi là Vua. Lại nữa kinh nầy hợp thông với các giáo pháp, há chẳng tụ tập lại với Vua sao ? Cho nên trong Vô Lượng nghĩa, trước đã thu thập về việc nầy.

Kia nói rằng: Đầu tiên nói Tứ Đế, 12 duyên sanh. Kế đó nói Phương Đẳng 12 bộ kinh. Tiếp đó nói Ma Ha Bát Nhã, Hoa Nghiêm phải không. Đây tức là gồm tất cả các kinh, dung thông tiệm, đốn, hội nhập với điển tích nầy. Cho nên gọi là gặp gỡ Quốc Vương.

Di Lặc cùng với các vị Bồ Tát; tất cả những vị Đẳng Giác làm Đại Thần. Sơ địa đến cửu địa làm Sát Đế Lợi. Pháp vương chủng tánh sanh ra trong ấy. 30 tâm làm Cư Sĩ. Tất cả đều nhận từ sự giáo hóa của Đức Thích Ca.

Từ "các vị nên biết" trở đi; phần thứ 3 là cha con gặp nhau. Thật ra ta đã biết từ xưa, thật là con của ta. Từ ta mà lớn lên và biết là chỗ ta sanh ra và ta đã từng gặp hai vạn ức Phật thường giáo hóa pháp lớn. Cho nên ta thật là cha của ngươi và ở trong thành nầy. Bài kinh nầy thuộc câu văn nước phía Tây (Ấn Độ) qua nhiều lần sai khác; hoặc có thể nói ngày xưa gọi chữ là quốc thổ như Đại Thông Trí Thắng nhơn duyên. Nay giản lược gọi

bằng chữ trực tiếp là Mổ, Giáp v.v... Đây là những chúng sanh phản lại Đại Thừa nầy, khởi lên vô minh ám độn; nên vào sanh tử; cho nên nói rằng bỏ đây chạy kia. Bị kinh Lục Thú cho rằng: hơn 500 năm. Xưa kia tại thành chánh đã nhớ kỹ lo lắng về điều gì ? Tự xưa ở nơi pháp thân, thường dùng hai trái để quan sát, có thể biến hóa cơ duyên. Đầu tiên đối với ngày nay là cảm ứng đạo giao. Cho nên nói sự sao lãng đối với việc nầy là cơ hội gặp để thấy.

Từ "nay ta có" trở đi; phần thứ 4 chính thức giao phó gia nghiệp; tất cả Đại Thừa vạn hạnh vạn đức. Do vậy nói là: tất cả sở hữu. Trước đây, chỗ ra vào, người con đều rõ biết. Theo đó xưa và nay Đại Phẩm chỉ bày chỗ ủy thác có rộng, lược về Bát Nhã cộng và chẳng cộng pháp. Do ngươi rõ biết; tức là ngươi sở hữu. Cho nên Pháp Hoa hay làm rõ chỗ tri kiến Phật. Chẳng liền rộng nói tất cả hành tướng vậy.

Từ "Phật tử nghe cha nói lời nầy" trở đi; phần thứ 2 tức là được giao phó hoan hỷ. Nhận lãnh các xe lớn là được điều chưa từng có. Tự nhìn lại chẳng có tâm mong được con đường Phật, mà nay lại hốt hoảng nghe được thọ ký làm Phật. Cho nên nói là chẳng cầu mà tự được. Trong Tam Tạng thì Bản Tâm chẳng cầu; trong Phương Đẳng, xấu hổ ít mong hết; cho nên chẳng cầu. Trong Bát Nhã chỉ có lãnh giải về chẳng phân biệt nầy; cho nên chẳng cầu. Như đây chẳng cầu, mà nay thì tự được.

Từ "Thế Tôn! Vị Đại Phú Trưởng Giả" trở đi; phần thứ 2 hợp dụ với hợp dụ của Quang Trạch. Hoặc trước,

hoặc sau giải thích quá giản lược. Nay lại nương vào câu văn để điểm ý nên chẳng trở lại với phía người con. Hợp dụ lược nghĩa là quý ấy tại được như ý; chẳng phải là lời nói lãng phí. Đại Phú Trưởng Giả là thí dụ gặp lại giữa cha con đã mất lâu nay. Câu văn dụ nầy chia ra làm 4. Sự gặp gỡ giữa cha con, tựu chung là ngoài sự tưởng tượng. Gặp Như Lai là gặp người cha, giống như liền gặp con. Sự giống nầy có 2 nghĩa. Một là giữ cơ duyên lớn làm con. Ngày xưa chưa từng bỏ trốn đi, tức là chưa vào chơn vị; giống như ở bên ngoài phàm phu; cho nên nói là giống. Dùng cơ duyên nhỏ làm con. Cơ duyên nhỏ ấy giống với căn tánh Đại Thừa. Người con liền chạy đi tìm cha mà nói giống như thế v.v...

Hỏi: Ở phẩm đầu giải thích rằng đã được nhập chơn. Sao nay nói điều nầy giống ?

Đáp: Ở đây người con chạy trốn lúc ấy người cha nói là giống. Phẩm đầu làm sáng tỏ chỗ khai ngộ. Ngươi hỏi chẳng phải vậy.

Từ "Như Lai thường nói chúng con là con" trở đi; Đây là dụ cho chỗ cha con gặp nhau. Khi gặp, Trưởng Giả thấy con liền nhận ra.

Từ "chúng con dùng 3 khổ; cho nên" trở đi. Khi gặp thì theo dụ dỗ. Bên trên có 2 việc dụ về việc truy tầm bên cạnh. Nay gặp nhau lại có 2. Bên trên đầu tiên là theo dụ của người bạn. Kế đến lại đuổi theo. Kế tiếp lại thả ra. Nay sự gặp gỡ giữa 2 cánh cửa chẳng có cơ duyên. Sao lại thấy việc bắt ép và tự nghĩ là vô tội. Sự

gặp gỡ ấy lại chẳng có nhơn duyên lớn. Vui đắm nơi pháp nhỏ; sự gặp ấy lại có chí nhỏ, chẳng hợp nên thả ra. Ngày nay Đức Thế Tôn làm cho chúng ta gặp nhau với 2 thí dụ nầy. Bên trên chỉ dạy tỏ tường việc thám lãnh (đảm đang), nay gặp nhau có 2 ý.

Từ "độc trừ" trở đi; gặp nhau chỉ bày tỉ mỉ để giải thích việc trên.

Từ "chúng con đối với trong đây khuyên thêm tinh tấn" trở đi. Gặp bên trên là tìm để hốt phân. Được đến Niết Bàn là gặp nhau ở trước trả giá.

Từ "Thế rồi Đức Thế Tôn, trước rõ biết chúng con" trở đi. Gặp bên trên dò xét. Bên trên dụ ấy có 4 và nay sự gặp nhau ấy còn 3. Chẳng gặp nhau ở việc làm chánh giáo. Chỉ cho việc bên trên khuyến khích làm thêm việc hốt phân tức là kiêm thêm; chẳng liền gặp vậy. Bên trên nói về trông thấy còn nay thì nói trước rõ biết. Bên trên nói: ốm o, tiều tụy; nay thì nói tâm nhiễm trước điều tệ hại. Bên trên nói rằng lúc rời khỏi anh lạc, liền dính mắc chỗ thô dơ. Nay nói liền thấy và bỏ đi chẳng vì phân biệt từng phần của bảo tạng.

Từ "Dùng phương tiện lực nói về trí tuệ của Như Lai" trở đi dụ cho việc gặp nhau rồi, giao phó cho gia nghiệp. Bên trên có lý do để giao phó. Nay sự gặp nhau ấy lại có 2. Lý do ấy lại có 2. Một là cảm thấy tin tưởng; hai là ủy thác gia nhập. Nay sự gặp gỡ lại có 2. Một là cảm thấy tin tưởng cũng có 2. Trước là gặp và thể hiện lòng tin. Dùng phương tiện lực để nói về trí tuệ của Như

Lai. Ngày xưa bảo rằng: cái nhơn về trí tuệ của Như Lai và cái quả là giữ làm Nhị Thừa. Nay làm rõ chỗ dùng Tam Thừa làm phương tiện, nói Đại Thừa thật tướng; cho nên nói dùng phương tiện lực. Đối với chúng con, trước nói pháp Đại Thừa; lại sự gặp gỡ nầy vào ra cũng chẳng khó. Dùng phương tiện lực để ra, biện giải cho Nhị Thừa. Dùng Phật trí lực để nhập vào chỗ sáng của thật tướng. Nếu chẳng thể tin được thì há đối với ta phía trước đã làm sáng tỏ trí huệ Phật ?

Từ "chúng con từ Phật được Niết Bàn, giá của một ngày" trở đi. Sự gặp nhau ấy giống như ở nơi chính.

Từ "chúng con lại do cái nhơn của trí tuệ Như Lai" trở đi; gặp nhau rồi lại lãnh gia nghiệp. Bên trên có mệnh lệnh, có sự thọ nhận. Nay lại gặp và thọ lãnh. Sự thọ lãnh ấy lại có 4. Một là thọ nhận mệnh lệnh; hai là chẳng có hy vọng để giữ lấy; ba là chẳng có kẻ yếu đuối; bốn là dần dần thông thái. Nay sự gặp gỡ ấy có 2. Đầu tiên là gặp rồi thọ nhận mệnh lệnh và lãnh gia nghiệp, mà tự đối với việc nầy. Sự gặp gỡ ấy chẳng hy vọng giữ lại mà còn kiêm thêm việc được nữa. Kẻ chẳng có chí nguyện thì làm rõ nơi Phật gia hộ thêm uy lực làm giống như tâm Phật mà nói. Cho nên ta chẳng có chí nguyện.

Từ "vì sao vậy" trở đi giải thích chỗ chẳng có hy vọng nắm giữ ý chí. Dùng phương tiện lực rồi tùy tâm Tiểu Thừa mà nói không phân biệt. Do điều nầy cho nên chẳng rõ là chơn Phật Tử. Sở dĩ chẳng nhận giữ vì Phật dùng phương tiện lực để tùy theo chúng con mà nói Phật mang lực phương tiện, dùng thật tướng pháp cùng với

việc nói Nhị Thừa. Chúng con chẳng rõ biết chẳng cùng với ý chí. Cho nên chẳng phải là Phật Tử.

Từ "nay chúng con mới rõ" trở đi, gặp nhau rồi giao phó cho gia nghiệp. Bên trên có 2 là có phó chúc và có vui vẻ. Nay sự gặp nhau ấy lại có 2. Bên trên sự phó chúc gia nghiệp ấy có 4. Nay tức là tổng hợp sự phó chúc. Cùng với sự phó chúc ấy có 2. Một là làm sáng tỏ bổn ý của Phật đối với Đại Thừa chẳng có kính trọng. Hai là giải thích việc chẳng kính trọng. Lý do chính là vui với Tiểu Thừa, chẳng sớm phó chúc Đại Thừa. Trong kinh nầy phần phía dưới sẽ đưa ra việc chứng cứ cho xưa và nay. Nay cái lý duy nhất là nên biết ngày xưa 3 ấy chẳng phải thật. Hằng vì chưa sâu sắc. Cho nên đối với Đại Thừa trước thì hủy báng vì tâm nhỏ hẹp. Muốn bỏ điều ngụy và giữ lấy điều chơn. Định ấy rõ biết về việc không kính trọng, rồi Phật mới thật dùng Đại Thừa để giáo hóa.

Từ "chúng con nói gốc vô tâm" trở đi; sự gặp nhau liền hoan hỷ. Lại đối với 3, chẳng cầu nơi ý. 86 hàng rưỡi kệ gồm 73 hàng rưỡi kệ tụng bên trên và kế tiếp 13 hàng tán thán sự suy nghĩ sâu xa của Phật. Đầu tiên lại có 2. Hai hàng đầu tiên tụng về việc thuyết pháp. Sau đó 71 hàng rưỡi tụng về nói thí dụ. Trong việc nói pháp ấy chẳng tụng chẳng cầu; hay tụng việc tự được. Tụng về nói thí dụ. Lại có hai. 41 hàng kệ đầu tụng về lời mở của thí dụ. Kế đến 30 hàng rưỡi tụng về thí dụ việc gặp nhau. Bên trên về lời mở lại có 4. Cha con xa nhau nay gặp lại, rồi ủy thác gia nghiệp tài sản. Nay tất cả đều tụng. Đầu tiên 13 hàng, tụng về việc cha con mất nhau. Phần trên

của việc xa nhau nầy lại có 4. Một là người con quay lưng với cha; hai là người cha đi tìm con; ba là người con dần trở lại; bốn là cha nhớ nghĩ đến con. Nay tụng ấy lại có 4; thường chẳng theo thứ lớp. Một hàng rưỡi đầu tiên tụng về lần thứ nhất người con phản bội cha và bỏ ra đi. Kế đến phần thứ 2; 7 hàng, tụng về lần thứ 2 người cha đi tìm con mà chẳng được. Kế tiếp lần thứ 3 gồm 2 hàng, khởi lên lần thứ 4 tụng về việc lo lắng nhớ nghĩ sâu xa. Kế đến phần 4 gồm hai hàng rưỡi tụng về việc đuổi bắt lần thứ 3 mới dần dần trở về lại để gặp cha. Bên trên bốn phần câu văn mỗi mỗi có 2. Nay phần đầu thí dụ như một hàng rưỡi ở phía dưới, hằng tụng về việc con phản bội cha mà đi; chẳng tụng việc hướng về quê hương để trở lại. Trong ngôi nhà lửa ấy làm rõ chỗ Trưởng Giả giàu có như ông vua gồm có cả làng ấp, lời nói. Trong nầy cũng cho thấy rõ gã cùng tử luân hồi trong 3 cõi; gọi là các nước khác và lục đạo ấy là hơn 50 năm rong ruổi.

Từ "người cha nầy lo lắng" trở đi; phần thứ 2 có 27 hàng. Đây là tụng về việc cha tìm con nhưng chẳng gặp. Bên trên lại chia làm 2. Nay tụng ấy lại có 2. Nửa hàng đầu tụng về chưa gặp được con. Sự tìm cầu mệt mỏi gồm 6 câu kệ rưỡi, tụng về việc mất một đứa con, bỏ bê gia nghiệp, rồi tìm cầu 4 phương chẳng giống như trên đây. Ở bên trên 4 phương ấy là tìm cầu cái lý nơi Tứ Đế. Nay 4 phương đây lại thấy 4 loài sanh trong ấy. Việc tìm ấy có thể là cơ duyên để độ.

Tạo lập nhà cửa nghĩa là có hữu dư quốc và hữu dư Niết Bàn. Khởi lên nhà từ bi; nương vào tánh không trạch. Những người lui tới là những Bồ Tát ở quốc độ kia đến đây để nghe pháp.

Từ "mà già nua" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng; tụng phần thứ 4 về lo lắng nhớ nghĩ sâu xa. Câu văn bên trên lại có 2. Đây là tụng về việc trước tiên mất con và nay thì khổ. Chẳng có nơi để ủy thác, giao phó cho nên lo lắng.

Từ "lúc bấy giờ gã cùng tử đi tìm cầu miếng ăn và đồ mặc" trở đi; phần thứ 4 có hai hàng rưỡi; tụng về sự đuổi bắt bên trên; rồi lần thứ 3 dần trở lại và hướng về người cha. Câu văn bên trên lại có 2. Nay tụng lại có 2. Hai hàng đầu tụng về lý do gần gũi cha mình. Do việc cầu ăn mặc.

Từ "dần đến trải qua" trở đi gồm nửa hàng; tụng về việc chính thức gần nơi cha ở. Đầu tiên nói về lý do đến gần. Từ ấp nầy sang ấp nọ. Đây dụ cho căn trần giống như những ấp ấy. 18 giới như một nước. Tu hữu lậu thiện như được sở đắc. Tu nhị thừa thiện, như chẳng chỗ được. Chẳng được pháp Đại Thừa để ăn; vì đó mà đói khát. Chẳng có lực lớn của Đại Thừa cho nên mỏi; chẳng có công đức lớn cho nên chán nản, mòn mỏi. Việc lành có và không như bên trên là khởi lên chỗ thấy, suy nghĩ như là những ung nhọt.

Từ "đảm trách" trở đi gồm 7 hàng rưỡi kệ, tụng lần thứ 2 cha con gặp nhau. Câu văn trên lại có 2. Nay tụng ấy lại có 2. Sáu hàng rưỡi đầu tụng về người con gặp

cha. Kế đến một hàng tụng về cha gặp con. Bên trên người con thấy cha, câu văn lại có 4. Nay tụng lại thành 3. Nửa hàng đầu tụng về lý do gặp cha. Do việc đảm trách mà theo đến nhà của cha.

Kế tiếp từ "lúc ấy Trưởng Giả" trở đi; phần thứ 2 có hai hàng rưỡi. Tụng về lần thứ 3 gặp nhau với cha. Bên trên làm rõ nơi gặp gỡ người cha. Nơi ấy là phía cửa nhà. Nay lại nói Trưởng Giả ở trong cửa nầy, cùng với chỗ được gặp. Cho những đồ quý báu. Khi chánh thức thấy nơi cha ở và ngồi trên tòa Sư Tử. Pháp thân ấy là Sư là Vương; báo ứng thân ấy là Trưởng Giả. Việc chú thích của các quyển sớ giải thì nói đây là việc thọ ký, làm rõ chỗ tu hành. Tôi thì nghĩ rằng dùng sự rộng rãi ấy để hiển lược làm việc chú giải. Thọ ấy quyết định là ký. Tứ Hoằng Thệ Nguyện ấy là quyển. Sự tu hành ấy là sớ.

Từ "cùng tử gặp cha" trở đi gồm 3 hàng rưỡi; tụng phần 4 có tâm sợ hãi khi sống và tỵ nạn ở nơi khác.

Từ "Trưởng Giả lúc ấy" trở đi gồm một hàng; tụng phần thứ 2 cha gặp lại con. Câu văn trên lại có 4. Một là thấy nơi chốn; hai là sự gặp ấy tức là đã rõ biết; ba là khi gặp nhau hoan hỷ; bốn là thỏa với lòng mong ước. Nay lại tụng có 2. Nửa bên trên tụng về thấy con ở đâu.

Từ "đưa mắt nhìn" trở đi; gồm 2 hàng rưỡi, tụng về việc gặp con và nhận ra. Từ "liền sai sứ đuổi bắt ép đem về" trở đi; phần 3 nầy có một hàng rưỡi; tụng về phần tìm cầu dụ dỗ như thí dụ bên trên. Nay phần đầu 3 hàng tụng về việc tìm cầu bên cạnh. Bên trên phần người bạn

đuổi theo, câu văn ấy có 3. Một là gọi lớn mà người con ấy chẳng đến; hai là kêu nữa nhưng cũng chẳng đến; ba là bỏ đi. Nay 3 câu đầu tụng về việc hô hoán bên trên đầu mà chẳng đủ cơ duyên nên chẳng đến. Kế đến từ "mê lầm, buồn bực" trở đi; phần thứ 2 có một câu. Tụng về việc kêu nữa nhưng lại chẳng đến.

Kế tiếp từ "người nầy" trở đi; phần thứ 3 có hai hàng. Tụng về việc chẳng đầy đủ cơ duyên; tức giống như bên trên, giải thích cái ý là bỏ đi. Sau đó liền dùng phương tiện. Phần 2 nầy có 7 hàng rưỡi; tụng về việc mật sai 2 người đến để dụ dỗ. Câu văn trên lại chia ra làm 2; nay tụng ấy lại có 2. Ba hàng đầu tụng về công việc. Kế đến 4 hàng rưỡi tụng về việc dạy cho việc làm. Công việc như bên trên lại có 4. Một là tạo ra phương tiện; hai là tìm đã được; ba là giải thích về việc làm và 4 là trả giá ngang với việc hốt phân. Nay tụng ấy lại có 2. Hai hàng đầu tụng về phần một là tạo ra phương tiện. Từ "cùng tử nghe vậy" trở đi gồm một hàng. Tụng đến phần thứ 4 là lấy giá để đi gánh phân. Nay phần đầu tạo ra phương tiện, dưới mắt trở thành không. Kẻ hiểu ít ấy là chẳng phải căn nguyên thật tướng tận cùng. Kẻ mà qua lại hẹp hòi ấy là chẳng có Ma Ha Diễn (Trí) và những điều lành trang nghiêm vậy. Chẳng phải Tứ Vô Úy thì gọi là Vô Úy. Khác với thường, lạc, ngã, tịnh thì gọi là Vô Đức.

Kế tiếp từ "gã cùng tử nghe rồi" trở đi; phần 2 là trả giá. Giữ cho 6 căn thanh tịnh và phòng ốc là nhà ngũ ấm.

Từ "Trưởng Giả cho đảm trách" trở đi; phần thứ 2 gồm 4 hàng rưỡi tụng phần trên về việc chỉ dạy việc làm. Câu văn trên lại có 4. Nay tụng ấy lại có 4. Nửa hàng đầu tụng về việc đảm trách.

Từ "nghĩ con ngu muội yếu đuối" trở đi; phần thứ 2 gồm nửa hàng tụng về sự mỏi mòn.

Từ "đối với việc nầy Trưởng Giả mắc vào" trở đi; phần thứ 3 có một hàng tụng về việc thoát diệu trước trần (ra khỏi sự dính mắc của trần lao một cách tuyệt diệu).

Từ "phương tiện giao phó gần gũi" trở đi; phần thứ 4 có 2 hàng rưỡi tụng về việc chính thức chỉ giáo cho việc làm. Bên trên lại có 7 loại pháp môn; nói ấy là gặp nhau với Tứ Niệm Xứ. Nay khuyến khích làm việc tức là Tứ Chánh Cần.

Từ "liền đúng giá với người" trở đi gồm một hàng; tụng về Tứ Như Ý Túc. Dầu mà nhiều có thể che khuất nước sâu, giống như thần thông vậy. Lại nữa dầu có thể trừ được gió. Định ấy làm cho chẳng loạn. Ăn uống đầy đủ; tức gồm những gạo và lúa mạch bên trên. Chỗ cây điểu bám vào thì sâu và ấm; tức là sự quán sát luyện tập huân tu về định, hay trừ được sự tán loạn. Như vậy sự khổ nầy bảo ngươi nên siêng làm gồm nửa hàng. Tổng cộng tụng bên trên có lần thứ 4 an ủi; lần thứ 5 thì không có 5 quá. Căn lực liền thành chỗ sâu xa của lời nói khổ. Lại nữa dùng lời nói mềm mại có nửa hàng. Tổng

cộng lần thứ 6 là viết chữ; phần thứ 7 bảo hay làm, cùng với địa vị của đứa con nầy vậy.

Từ "Trưởng Giả có trí" trở đi; phần thứ 4 có 10 hàng. Tụng phần bên trên thứ 4 là lãnh trách nhiệm, giao phó cho gia nghiệp. Câu văn trên lại có 2. Nay tụng lại có 2. Ba hàng rưỡi đầu nay tụng về lý do giao phó gia nghiệp. Kế đến 6 hàng rưỡi tụng về việc chính thức giao phó. Lý do đầu tiên trong ấy có hai. Nay tụng lại có 2. Đầu tiên từ Trưởng Giả có trí trở đi gồm nửa hàng. Tổng quát tụng về tâm, tướng, thể và tín tức là sự ra vào.

Từ "trải qua 20 năm" trở đi; phần thứ 2 có 3 hàng, tụng về sự ủy thác và nhận lãnh gia nghiệp. Bên trên sự ủy thác gia nghiệp có mệnh lệnh và có sự thọ nhận. Nay hay tụng về sự thọ nhận mệnh lệnh. Bên trên sự thọ nhận mệnh lệnh lại có 4. Nay hay tụng thành 3. Một hàng rưỡi đầu tiên tụng về việc nhận lãnh mệnh lệnh. Tiếp theo từ "giống như ở nơi cửa" trở đi; phần thứ 2 gồm một hàng tụng về việc ở bản vị chưa xả bỏ được tâm nhỏ. Tiếp đến "người cha rõ biết tâm con" trở đi; phần thứ 3 gồm nửa hàng. Tụng về sự thông thái chí lớn Đại Thừa là động cơ. Hai mươi năm đầu chẳng được giống như trên. Bên trên trừ kiến và tư hoặc còn lại 20. Điều nầy làm sáng tỏ sự chấp tác công việc trong nhà. Hoặc nói rằng chuyển Đại Thừa giáo để dạy dỗ cho các vị Bồ Tát. Đoạn Đại Thừa biệt hoặc; kiến tư (hoặc); gọi là 20 năm. Hoặc nói rằng Bát Nhã thì lâu, cả 20 năm; hay nói ở địa vị Nhị Thừa, chuyển Đại Thừa giáo 20 năm. Kinh Nhơn Vương Bát Nhã nói: 28 năm nói Ma Ha Diễn.

Từ "muốn cùng tài vật" trở đi; phần thứ 2 có 6 hàng rưỡi, tụng phần thứ 2 là chính thức giao phó cho gia nghiệp. Câu văn trên lại chia ra làm 2. Nay tụng nầy lại cũng có 2. Bốn hàng rưỡi đầu tiên tụng về sự chánh thức giao phó cho gia nghiệp. Kế đến 2 hàng tụng về việc được giao rồi; nên vui mừng. Bên trên sự chính thức giao phó cho gia nghiệp lại có 4. Nay tụng thành 3 chẳng thời tiết.

Từ "đầu tiên muốn cùng" trở đi, gồm một hàng; tụng phần bên trên, phần thứ 2 là tập trung vào thân tộc. Đối với đại chúng; phần thứ 2 có 2 hàng rưỡi, tụng phần bên trên, phần thứ 3 về định là thiên tánh của cha và con. Từ "phân sở hữu" trở đi; phần thứ 3 có một hàng; tụng phần bên trên thứ 4 là chính thức giao phó. Từ "người con nhớ nghĩ ngày xưa nghèo khổ" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng; tụng về sự được giao phó; nên hoan hỷ. Từ "Phật cũng như vậy" trở đi có 30 bài kệ rưỡi, tụng về thí dụ lúc gặp nhau. Phật cũng lại như vậy, gặp được ở phần một là cha con sau khi xa nhau. Rõ biết ta vui với việc nhỏ gồm một câu. Gặp nhau cha con tương kiến. Chưa từng nói lời nào gồm 2 câu; tụng về sự gặp nhau lần thứ 3 truy đuổi và bắt ép. Phần gặp nhau bên trên nầy lại có 2. Một là gặp nhau và kêu ép; nhưng vẫn không đến. Như vậy sau 2 lần gặp, lại bỏ đi. Nay thì tổng tụng về ý nầy và nói về chúng ta có một hàng. Tụng bên trên về sự gặp gỡ nầy là mật sai 2 người đến để dụ dỗ. Phần gặp nhau bên trên chi tiết dạy dỗ sâu xa gồm 2 chương. Nay điều nầy có một hàng tổng tụng về ý nầy vậy.

Từ "Phật bảo chúng ta" trở đi gồm 28 hàng rưỡi. Gặp nhau lần thứ 4 thọ lãnh gia nghiệp. Bên trên việc gặp nhau nầy có 2 việc tương tin và ủy thác gia nghiệp. Nay 18 hàng rưỡi đầu hay tụng về sự gặp nhau và ủy thác gia nghiệp. Kế đến 10 hàng tụng về sự gặp nhau và chính thức giao phó. Bên trên sự thọ nhận mệnh lệnh ấy tuy chỉ có 2. Một là lãnh nhận mệnh lệnh; hai là chẳng muốn giữ lấy. Nay một hàng dài đầu tiên tụng về mệnh lệnh lãnh rồi rõ biết. Bên trên sự lãnh ấy như không có. Như tối thượng đạo tức là không của Bát Nhã, lại cũng chẳng sai với với điều trên vậy.

Kế tiếp phần dưới 17 hàng rưỡi chính thức lãnh thọ mệnh lệnh và chẳng muốn giữ; chẳng phải chẳng xả bỏ mà là quen thuộc (thông thái).

Từ "ta vâng lời Phật dạy" có 5 hàng; tụng về sự thọ nhận mệnh lệnh bên trên. Phật tử nghe pháp được thọ ký rồi; làm sáng tỏ sự chuyển đổi dạy dỗ lợi ích cho kia. Lúc bấy giờ nghĩa là sự chuyển giáo, giáo hóa cho các vị Bồ Tát chứ chẳng nói là vì ta.

Từ "như gã cùng tử kia" trở đi gồm 12 hàng rưỡi, tụng về phần 2 là chẳng hy vọng giữ gìn. Câu văn nầy đã nói rộng như bên trên. Trong nầy lại có 2. Một là hàng đầu tiên cùng với thí dụ trước chiếm cứ về việc gặp nhau. Kế đến "chúng con tuy nói" trở đi; phần thứ 2 có 11 hàng rưỡi, chính thức gặp nhau nhưng chẳng hy vọng giữ lấy. Lại chia làm 3 ở đây. Một hàng đầu tiên chính thức tụng về việc chẳng hy vọng giữ lấy. Tiếp theo "chúng con mất bên trong" trở đi gồm 9 hàng rưỡi. Với

trí lực đầy đủ đoạn mất; cho nên chẳng hy vọng giữ gìn. Lại có 3 ở đây; nghĩa là tiêu, thích và kết (mục tiêu, giải thích và kết luận). Đầu tiên lại chia làm 2. Hàng đầu là tiêu đề đoạn đức cụ; cho nên chẳng hy vọng giữ gìn.

Kế tiếp "chúng ta nếu nghe" trở đi; phần thứ 2 có một hàng. Tiêu, trí, đức đầy đủ cho nên chẳng hy vọng giữ gìn. Từ "vì sao vậy" trở đi gồm 6 hàng. Giải thích cả 2 về trí, đoạn 2 chương. Tiếp "chúng con chỉ vì" trở đi; phần thứ 3 một hàng rưỡi là kết thích, tự chẳng hy vọng giữ gìn. Tiếp theo "Đạo Sư thấy" trở đi; phần 3 có một hàng, làm rõ chỗ Phật thấy và bỏ ta. Gặp nhau chẳng có hy vọng để giữ gìn. "Như ông Trưởng Giả" trở đi có 10 hàng, tụng về việc chính thức giao phó sự nghiệp. Bên trên sự gặp gỡ lại có 2. Một là chính thức giao phó sự nghiệp; hai là được giao phó vui mừng. Nay thì tụng ấy lại có 2. Ba hàng đầu tụng về sự chính thức giao phó. Kế đến 7 hàng tụng về việc được giao phó nên vui vẻ. Ba hàng đầu giữa; bên trên tổng nói về sự gặp nhau và chính thức giao phó sự nghiệp. Nay lại tổng tụng, duy một hàng rưỡi đầu cùng với thí dụ, chiếm phần gặp nhau. Kế đến một hàng rưỡi chính thức tụng về sự gặp gỡ.

Từ "chúng con ngày nay" trở đi gồm 7 hàng; tụng phần thứ 2 được giao phó thì vui mừng. Được đạo, được bảo tướng đạo. Được quả là được một phần Đại Thừa tập quả vậy. Hai câu nầy làm rõ chỗ khai Phật tri kiến. Đối với pháp vô lậu được thanh tịnh nhân. Hai câu nầy làm sáng tỏ khai mở chỗ thấy của Phật là thấy lý thật

tướng. Xưa nay thấy vô lậu chẳng lạc vào phàm phu. Ngày nay thấy vô lậu là chẳng lạc vào Nhị Thừa vậy. Xưa nay dùng huệ nhãn để thấy không. Nay thì thấy tịnh nhãn là trung đạo. Trì giới chấp rằng: Ngày xưa trì giới là phạm hạnh cùng với hiển vô lậu. Thân tro nầy mất thì rõ biết không có người nào thọ quả báo nầy. Nay thì phạm hạnh có thể được vô lậu. Tức là rõ hết nhân và giữ cái nghĩa của quả. Trì giới tức nghĩa là duyên nhơn. Thanh tịnh nhãn nên thấy được lý. Tức là nghĩa chánh nhơn. Chúng ta thật toàn là Thanh Văn tức là Đại Thừa chơn vị. Thập tín dùng một âm, biến khắp 3.000 thế giới; giống như đạo chẳng chơn. Vào Thập Trụ thì mới chơn. Chơn A La Hán có 3 nghĩa. Trong nầy thường đưa ra ý nghĩa là Ứng Cúng. Nếu chẳng sanh biến dễ dàng, giết thông, biệt hoặc thì chẳng sanh Sát Tặc (A La Hán). Cho đến 10 phước giới pháp điền cũng có nghĩa là Ứng Cúng. Ứng Cúng, Sát Tặc hỗ tương và bổ túc cho nhau vậy. Phía dưới 13 hàng tán thán ân sâu dày của Phật khó báo đáp được như câu văn. Nghĩa là ân lớn của Thế Tôn một vị Phật kiến tạo từ bi, cứu khổ 6 đường khổ cùng vui với 4 quả vị Thánh.

Một là cùng trong 10 pháp giới và vào trong 4 thệ nguyện lớn. Đây chính là Đức Như Lai đến với ân đức.

Hai là Như Lai hành Bồ Tát đạo, để chỉ dạy lợi lạc niềm vui, cùng dạy cho ta Đại Thừa. Tuy lại trong ý chí ấy rõ nguyện chưa mất. Che chở cho Đức Như Lai mát mẻ, ấm yên là lòng đại từ và ân đức an lạc.

Ba là chúng sanh gặp khổ, thấy cha rồi còn Phật thì nói giống như theo mẹ. Hay hành lục độ để lợi lạc cho chúng sanh. Che Như Lai như thể mùa đông lạnh được ấm áp. Ân đại từ cứu khổ ấy.

Bốn là từ khi Phật thành đạo rồi, muốn vào vô vi tịch diệt, vui với sự yên ổn của thần đức, dùng sự nghèo nàn và vui với ngũ giới, thập thiện; nhưng nước lạnh đã thấm vào mặt, làm cho tỉnh ngộ. Che chở Phật, nương vào sự nghèo ấy mà mong muốn ân đức nồng đậm.

Năm là hiển thị hình tướng của vị Tỳ kheo già phương tiện gần gũi cùng với trả giá cho một ngày. Đây chính là sự che chở của Phật, nương trừ chỗ thấy đông sang lạnh lẽo mà yêu thích ân đức ấm áp.

Sáu là sự sai trái về sau; tâm, tướng, thể, tín Đàn Ha Phật. Làm cho xấu hổ việc nhỏ chứ chưa lớn (Đại Thừa). Che chở nương vào nơi Phật là cái ân say sưa việc hẹp hòi xấu xa.

Bảy là qua mệnh lệnh lãnh gia nghiệp, vàng bạc đầy kho, tất cả đều rõ biết. Che chở là nương nhờ vào Phật cùng với ân đức để trang nghiêm ta.

Tám là gặp gỡ thân tộc và chỉ định, cha giao gia nghiệp cho con, vô thượng đồ quý nằm đó, chẳng cầu mà được. Đức Như Lai che chở chỗ ngồi là ân đức.

Chín và mười là chỗ ngồi kia, thân ý được thảnh thơi và vui được chỗ yên ổn ấy.

Dùng lời nói của Phật để cho tất cả nghe được. Tất cả trời người đều ở trong ấy; nên thọ nhận của cúng dường. Như Lai che chở chỗ ngồi, làm cho ta được đầy đủ, là ân nghĩa của tự hành hóa tha vậy. Ân đức Đức Thế Tôn cả 2 vai gánh vác; chỗ ấy chẳng thể báo đền được. Đây là ý nghĩa vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển 6 (Phần sau)

Dịch xong phần trên vào ngày 30 tháng 6 năm 2010 tại thư phòng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc; nhân mùa An Cư Kiết Hạ, Phật lịch 2554 và cũng là ngày bầu cử Tổng Thống của nước Đức trong nhiệm kỳ của Bà Thủ Tướng Merkel.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 7
(Phần trước)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng.

- Sa Môn Thích Như Điển - Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại thư phòng Chùa Viên Giác vào ngày 1 tháng 7 năm 2010 nhân mùa An Cư Kiết Hạ - Phật lịch 2554.

Giải thích
Phẩm Dược Thảo Dụ

Ở trong nầy có cả núi, sông, mây, mưa. Riêng chỉ nói thí dụ về cỏ thuốc làm tiêu đề. Đất đai là chỗ hay sanh. Mây, mưa là việc hay nhuần thấm. Cây cỏ là chỗ sanh và chỗ thấm. Chỗ sanh, chỗ nhuận ấy thông suốt tất cả đều có chỗ dùng được; mà dược thảo thì dùng nhiều hơn. Các việc thiện hữu lậu đều có thể trừ các việc ác, vô lậu là tối cao. Trong những vị vô lậu ấy có 4 vị Đại Đệ Tử. Dùng dụ để lãnh hội sự thâm sâu gặp gỡ với thánh tâm của Phật. Phật ca ngợi là lành thay và thật là hy hữu. Thuật lại việc nầy có thể giải rõ được và dùng dụ của người nầy, cho nên gọi là phẩm Dược Thảo Dụ.

Phàm là cỏ thuốc thì phải chăm lo nhiều ngày. Nhờ mây mưa mà cành lá, mầm rễ tốt tươi bên ngoài. Bên trong thì đượm nhuần sức sống. Dụ cho các vị vô lậu trụ ở thân sau cùng là hữu dư Niết Bàn. Lại chẳng nguyện

cầu vô thượng đạo mà nay được nghe kinh và tự lên được Phật Thừa, đồng với kẻ chuyên chở.

Kinh rằng: Chúng con ngày nay thật là những Thanh Văn, dùng Phật đạo nghe và làm cho tất cả được nghe. Trong ngoài đây đó tất cả đều dùng đến lực ưu việt. Cho nên được gọi là Dược Thảo Dụ phẩm. Phàm là cỏ thuốc thì có thể trừ được 4 loại gió lạnh. Bổ dưỡng ngũ tạng, sắc diện tươi tỉnh. Nay nhờ mây mưa bỗng nhiên thành Dược Vương. Dùng để trị bịnh cho chúng sanh, biến thể thành tiên. Dụ về các lậu khi nghe thì trải qua sự phá bỏ vô minh hoặc và khai mở tri kiến Phật.

Kinh rằng: Chúng con ngày nay thật là những Phật tử. Vô thượng đồ quý báu chẳng cầu mà có được. Phật tử muốn được gì thì tất cả đều đã được. Đối trước Phật đã được thọ ký. Vui thắm mà gọi vậy; cho nên nói là phẩm Dược Thảo dụ. Trước đây một lần là Thầy trò lãnh nhận sự thuật lại cái ý của thế giới Tất Đàn (thành tựu). Kế đến một lần ý nói về việc sanh làm người lành. Kế tiếp một lần đối trị với nghĩa đệ nhứt. Đây là ý của 2 Tất Đàn vậy. Đây lại có tên là phẩm giải thích về nhơn duyên. Ngoài ra dạy cho Bản Tích, quán tâm theo thí dụ có thể rõ; chẳng nói thêm nữa v.v…

Phẩm nầy là nói thí dụ về giai đoạn thành thục thứ 3. Xưa bảo rằng: Thuật lại điều nầy có 13 kệ tán thán ân đức sâu dầy của Phật. Lại nữa thuật nầy chỉ dạy công việc cho người. Câu văn dụ ấy nói khúc mắc nhiều lời. Sư bảo rằng: Chẳng nên thiên lệch như thế. Kinh gọi là những điều nói lành về những công đức chơn thật của

Như Lai. Chuẩn bị lời thuật nầy về lãnh quyền, lãnh thuật, làm rõ câu văn tại nơi đây. 13 kệ dừng lại; đây là 2 Thừa mang ra dạy dỗ về ân nghĩa. Dạy cho người làm dụ cho Phật quyền về công đức.

Nay nói cả sự thuật lại nầy đều rõ biết khắp nơi. Đầu tiên là kết duyên với thiên tánh; ở giữa là đi dụ dỗ và sau cùng là giao phó cho tài sản. Tự mình hay thấm vô lượng vô biên các ân đức. Câu văn nầy lại chia ra làm 2. Một là lược thuật thành (tựu); hai là lược rộng thành (tựu). Lược thuật lại có 2. Một là song thuật lành thay; hai là lãnh nhận chẳng cùng với song thuật. Một là lành thay! thuật nầy 2 nơi đều lãnh nhận thực (tế). Một lành thay! thuật lại có 2 nơi lãnh về quyền (thừa). Lành nói về Như Lai công đức chơn thật. Chơn thật đây là thuật thật. Công đức là thuật quyền. Lại nữa Hoa Nghiêm rộng nói về lãnh thật. Ba Tạng dẫn dụ về lãnh quyền. Phương Đẳng là thể tín. Bát Nhã là lãnh giáo. Cả hai đều lãnh về quyền, thật. Sự giao phó của Pháp Hoa về của cải là chuyên luận về thật vậy. Ngôn từ cho tới chỗ khúc mắc, khéo léo. Cho nên nói là nói lành. Tất cả đều là Phật Pháp; cho nên nói là chơn thật. Thành thực như chỗ nói là tiêu chí ấn định vậy.

Lại nữa từ „Như Lai lại có" trở đi thuật lại việc nhận lãnh nầy chẳng cùng. Vì sao lại chẳng cùng? Nghĩa là lui, tới, ngang, dọc, lại ngang lại dọc; chẳng ngang chẳng dọc. Tất cả đều chẳng cùng. Vì sao vậy? Mây lớn thì che khuất và làm cho mát mẻ. Mưa lớn đều nhuần thấm chẳng có chỗ nào là chẳng thấm. Hay làm cho thế gian

tất cả đều được tri kiến pháp chưa từng gặp. Bỗng nhiên sự chỉ bày chi tiết dừng lại lãnh nhận Nhị Thừa được ích lợi. Chẳng phải con đường trời, người, cây cỏ dại. Đây gọi là thối lui; chỗ ấy chẳng cùng. Bồ Tát gọi là cỏ tốt nhất. Lại cũng còn gọi là cây lớn, cây nhỏ. Tốt xấu tự tha lợi lạc mà lại chẳng nhận lãnh. Đây là tiến tới mà chỗ ấy chẳng cùng. Lại nữa 10 pháp giới cũng thành Phật Pháp giới, cái nào hốt hoảng dừng lại nhận Nhị Thừa. Ngoài 8 pháp giới, cả 2 chẳng dùng đến lời nói. Đây chính là ngang qua chỗ chẳng cùng. Lại nữa 7 phương tiện từ cạn đến sâu tất cả đều vào chỗ chơn thật. Ngoài 5 phương tiện, tất cả 2 việc chẳng ở lời nói. Đây chính là chiều dọc; chỗ ấy chẳng cùng. Lại nữa 3 đời lợi ích chưa hề bỏ dở. Đây chính là ngang, lại là dọc chẳng cùng vậy. Phàm là núi, sông, khe, suối v.v… Tổng nói về một địa. Một chỗ đất có thể sanh mọi thứ và những thứ kia thọ nhận nơi nầy. Cây cỏ hạt mầm tất cả đều nương vào nơi đất, lại chẳng ngoài sự nương tựa.

Một đám mây chẳng nơi nào là chẳng bị khuất. Một trận mưa, một mùi vị không cây khô nào lại chẳng tốt. Tất cả đều nhuần thắm giống nhau và đều được tăng trưởng. Như Lai bình đẳng, bất khả tư nghì. Thật chẳng đốn trước tiên, sau dần đầu 3 cuối 1. Như rồng gặp mây cùng mưa làm cho tất cả thân, tâm chẳng làm mưa trừ nóng bức để được mát mẻ. Đây là 5 thừa, 7 phương tiện, 10 phương 3 đời bình đẳng rộng lớn, sâu xa cùng khắp bất khả tư nghì; chẳng có gì sai biệt. Đây cũng chính là chẳng phải chiều ngang, chẳng phải chiều dọc; chỗ nhận lãnh đều bất cập. Sự bất cập ấy chỉ cho việc chẳng cùng

với đốn đoạt lấy. Đặc biệt dùng sơ tâm để hướng về hậu tâm. Chưa hết nơi đất đai cuối cùng; cho nên nói là bất tận vậy. Lại sơ ngộ, sơ A. Lại đầy đủ sau cùng với trà công đức. Hằng chỉ bày chi tiết về sự lãnh nhận chưa xong thì giả tiến để nhận lãnh ngang dọc khắp nơi. Lại dùng quyền hành của Đại Sĩ để tuyên nói như vậy. Rộng thuật lại thành có 2. Trường hàng kệ tụng và Trường hàng lại có 2. Đầu tiên thuật thành khai 3 hiển 1.

Kế đến từ „các ngươi Ca Diếp đến kết luận hân hoan". Phần đầu có pháp dụ về việc gặp nhau. Trong pháp nầy lại có 2. Đầu tiên lại đưa ra pháp vương. Quyền, tín chẳng hư dối. Kế đến là đối với tất cả pháp trở đi, chánh thức thuật lại việc khai 3 hiển 1. Phàm là người, vua thì bên ngoài chẳng sợ hãi; bên trong chẳng 2 lời. Vua pháp lại cũng như vậy. Những việc ác hết rồi, lời nói phát ra, thành chơn lý.

Xưa bảo rằng: Thuật về trung căn chẳng hư dối; nên kẻ hạ căn tín thọ. Nay nói Phật Pháp tuy nhiều; nhưng chẳng ra khỏi quyền và thật. Quyền, thật ở bên ngoài, liền chẳng khác với pháp, mà nói là vô lượng. Ý nầy khó tin. Cho nên đưa ra pháp vương khuyên tin. Lại vì kẻ dưới mà dụ cho mây, làm chỗ căn bản.

Từ „đối với tất cả pháp" trở đi - Ước giáo làm rõ chỗ khai quyền hiển thật. Từ „Như Lai quán biết" trở đi - Ước trí làm sáng tỏ về khai quyền hiển thật. Do 2 giáo nầy hiểu 2 trí. Do 2 trí ấy, nói 2 giáo và trí giáo tương thành.

Tất cả pháp nghĩa là 7 phương tiện chiều ngang; đối lại với một thật là chiều dài. Nếu nói chẳng như vậy thì vì sao hai vạn ức Phật ở chỗ ban sơ phát đại tâm. Ở khoảng giữa thì giữ lấy nhỏ và lại lưu chuyển vào Ngũ Thú. Lại nữa 10 pháp giới, một người hay đầy đủ, hà huống là 7 phương tiện vậy? – Pháp nầy tuy nhiều phương tiện Ba La Mật chiếu soi; nhưng chẳng phải chẳng cùng tận. Dùng sự tùy theo loại âm thanh nói về không cũng chẳng phải dừng lại gặp. Vì trời, người mà nói giới lành. Vì Nhị Thừa nói Đế, Duyên. Vì Tam Tạng nói sự độ. Vì Thông Giáo nói vô sanh. Vì Biệt Giáo nói lần lượt khai mở Như Lai tạng. Đây gọi là thuật về việc lãnh nhận nầy để khai 3 vậy.

Từ „ở đây thuyết pháp" trở đi - Ước giáo thuật lại sự hiển thật nầy. Địa ấy là thật tướng. Cứu cánh chẳng hai; cho nên gọi là một. Tánh nầy thật rộng; cho nên nói là thiết. Tịch mà thường chiếu sáng; cho nên nói là trí. Vô trụ là căn bản đứng ở tất cả pháp; cho nên nói là địa. Điều nầy Viên Giáo nói là thật. Phàm có nói thì tất cả đều làm cho chúng sanh đến được trí địa nầy.

Hiển thật là câu văn đốt sáng như mặt trời. Vì sao lại tối tăm cần phải giải thích vậy? – Như trong Đại Phẩm rộng trải qua các pháp tất cả Ma Ha Diễn. Diễn ấy là Đại Thừa và Thừa ấy là thật tướng. Thật tướng tức là tất cả trí địa.

Câu văn bên trên nói: Tuy chỉ một việc thật là chỉ cho địa nầy vậy. Ngoài 2 ra thì chẳng phải chơn; chỉ cho

7 phương tiện. Ước (giáo) nầy dẫn đốn nhị giáo. Thuật lại việc ấy là khai quyền hiển thật.

Từ „Như Lai quán rõ tất cả các pháp" trở đi - Ước, Trí (giáo) đều thuật lại về khai quyền hiển thật. Quán tất cả đều quy trở về. Đây có thể chiếu sáng quyền vậy. Cuối cùng làm sáng tỏ và có thể chiếu sáng về thật. Nhị trí thường chiếu đến Viên (giáo); cả 2 cảnh đều thông đạt vô ngại. Cho nên có thể nói quyền thật nhị giáo. Điều nầy đưa ra cho trí và thích giáo. Rõ biết chỗ quay về, đây là biết về thuốc. Tâm nhiễm nơi việc làm; đây là rõ được bịnh. Bịnh, thuốc đều là quyền pháp. Quyền, pháp mỗi mỗi có chỗ quy thú. Giới lành sánh với chỗ gần người, trời. Nếu tạo ra cái nghĩa của duyên thì cuối cùng đưa tay ra xa với Phật quả. Niệm xứ, đạo phẩm sánh với chỗ làm của các ngươi là con đường Bồ Tát và nơi xa xôi kia là bảo sở. Cho đến lục độ Thông, Biệt các pháp, xa gần quy thú giữa chừng khác nhau có thể rõ được. Lại nữa giới lành ấy là trời, người, thuốc. Đế, Duyên, Độ là 3 Thừa, người, thuốc. Cho đến Thông, Biệt v.v… lại có thể giải rõ. Chỗ thực hành sâu xa của tâm có 2 loại. Thân tâm ấy dính mắc vào y và chánh (báo). Lại nữa thân tâm ấy dính mắc vào chỗ chấp ở pháp; dính mắc vào nơi y, chánh (báo) khởi lên sâu xa thập ác, làm chướng ngại nhơn, thiên thừa; dính mắc vào chỗ chấp pháp. Khởi lên tứ đảo, tam đạo, lục tế, tứ trụ, ngũ trụ v.v… sẽ làm trở ngại thánh thừa. Nên biết rằng thân tâm ấy bịnh, tướng chẳng giống nhau. Quyền, trí chiếu sáng thông đạt vô ngại. Lại nữa đối với các pháp cứu cánh tận cùng rõ biết thật trí là chỗ chiếu sáng vậy. Tất cả quyền pháp chẳng

thể chẳng nhập vào thật; cho nên nói là cứu cánh. Thật trí rõ biết; cho nên nói là liễu. Mắt Phật thấy; nên nói là minh. Nếu trí nầy chiếu thuốc nầy và bịnh nầy thì chẳng chiếu thuốc kia, bịnh kia. Trí kia chiếu kia thì chẳng thể chiếu cái nầy. Chủng, biệt chẳng giống nhau về quyền, trí chiếu vậy. Tất cả biến chiếu đến tất cả thuốc và tất cả bịnh. Thật trí chiếu vậy. Hay chỉ bày cho chúng sanh như Viên cảnh trí nầy. Cho nên nói rằng tất cả huệ trí.

Lại nữa nhứt thiết pháp là Thập Pháp Giới. Mười pháp ấy mỗi mỗi tướng dục chẳng giống nhau. Mỗi mỗi nhân quả báo, trước về lại cũng khác. Rõ biết các pháp kết nghĩa là rõ biết bịnh. Rõ tất cả thâm tâm chỗ dính mắc; gọi đây là rõ thuốc. Thuốc ấy có sâu cạn. Đại Phẩm nói rằng: Như thật trí rõ tâm tham dục, tâm sân si. Dùng như thật trí rõ biết, gọi đây là rõ biết thâm tâm. Như lý thông đạt, chẳng có gì làm chướng ngại. Nếu giới lành, đế, duyên, độ và tất cả pháp dược v.v… hết thảy đều dùng như thật trí để rõ biết. Gọi đây là thông đạt vô ngại.

Lại nữa trong câu văn quyền trí thì thông đạt vô ngại. Ước quyền luận thật. Trong câu văn thật trí; lại nữa đối với các pháp thì các pháp là ước thật luận quyền. Hai câu văn hằng hiện hữu. Điều nầy làm sáng tỏ cho thật là quyền thật và quyền là thật quyền. Nên biết rằng cứu cánh chẳng quyền và chẳng thật; chẳng sai biệt mà cũng chẳng phải chẳng sai biệt. Dùng trí phương tiện thì quyền có sai thật. Tất nhiên đến được trí địa tức là không có sự sai biệt. Giống như đất không phân biệt cây,

cỏ. Nếu phạm, nếu phạm. Nếu không phạm, nếu không phạm. Nếu phạm. Lại nữa như Ước tâm luận pháp, Ước pháp luận tâm. Tâm ấy có các số pháp và vô số. Tâm ấy chẳng lìa pháp và pháp ấy chẳng lìa tâm. Vô số mà số; số mà vô số vậy. Quyền, thật lại cũng như thế v.v…

Từ „dụ như" trở đi. Phần thứ 2 nói về dụ và câu văn nầy lại có 2. Đầu tiên nói về dụ. Sau đó lại tổng xưng tán. Dụ ấy lại có khai về sự gặp nhau và khai ấy lại có 2. Một là dụ về sự sai biệt. Dụ bên trên thuật lại quyền giáo và quyền trí. Hai là dụ về vô sai biệt. Dụ bên trên thuật lại thật giáo và thật trí. Ba là cỏ, 2 là cây sâu cạn chẳng giống nhau; cho nên nói là sai biệt. Một đất, một mưa đều mang đến làm thấm ướt; cho nên nói là không sai biệt. Nếu quán điều nầy là cuối dòng nước thì nghĩa là mỗi mỗi đều chẳng giống nhau. Nếu cuối cùng rễ nầy tốt mà chưa có đất, mưa; bên trong hợp với phương tiện trí chiếu 7, 5 mỗi mỗi khác biệt về thật trí đến chiếu sáng; chung quanh là một thật. Một thật ấy là 7, 5, 7, 5 một thật. Sai biệt chẳng sai biệt, vô sai biệt, sai biệt v.v…

Dụ về sai biệt ấy có 6. Một là đất đai; hai là cây cối; ba là mây phủ; bốn là mưa rơi; năm là thấm nhuận và sáu là tăng trưởng. Đầu tiên dụ về đất đai. Xưa kia nói tổng quát là 3.000 đất đai, riêng có núi, sông, khe, suối. Vì Ngũ Thừa huân tập nhơn duyên. Suối ấy dẫn nước nhiều là dụ cho Bồ Tát. Khe ấy dụ cho Bích Chi Phật; sông ấy dụ cho Thanh Văn; núi cao thấm nhuần ít nên dụ cho người, trời. Nay ý nghĩa của sự huân tập nhơn duyên dụ cho hạt giống thọ nhận sự thấm nhuận rồi tăng

trưởng. Tuy đất đai, núi, sông có thọ nhận sự nhuận thấm; nhưng nếu thiếu mầm mống và sự tăng trưởng là 2 nghĩa.

Lại nữa câu văn phía dưới lại dụ về việc gặp nhau và nói rằng: Cùng khắp thế giới trời, người, Tu La. Tụng kệ rằng: Đối với chư thiên, loài người và tất cả chúng sanh. Tất cả đều chẳng dùng đất đai sánh với thí dụ cho sự huân tập của nhơn duyên. Nay chỗ ấy chẳng dùng đến nữa. Nay hay dùng về Đại Thiên thế giới; dụ cho chúng sanh ở thế gian. Núi, sông, khe, suối, đất đai dụ cho ngũ ấm của thế gian. Thế giới chẳng có pháp khác. Vì núi, sông, khe, suối, đất đai, chỗ hợp thành. Chúng sanh không phân biệt pháp, vì ngũ ấm mà thành. Thổ địa liền thông, dụ cho thức ấm. Núi, sông, khe, suối dụ cho 4 ấm. Hay nương vào cây cỏ và nương vào đất đai. Đất đai lại chẳng phải là cây cỏ. Cây cỏ có cành lá nên gọi là cây cỏ. Hạt giống của cây cỏ lại chẳng có tên riêng. Hay giữ gìn công năng có thể sanh trưởng; nên gọi là chủng tử. Nơi ấy sanh ra cành lá; nên gọi là thảo mộc. Tất cả gốc rễ đều nằm nơi đất. Đất ấy là căn bản vậy. Bên trong bao gồm cả nhơn và quả. Tuy nương vào ngũ ấm, mà ngũ ấm chẳng phải là nhơn quả. Điều cần yếu là nương vào nơi ấm để được có sự huân tập của nhơn duyên. Tăng trưởng thành tựu nên gọi là huân tập của quả. Quả, nhơn nương vào ấm mà khởi; tức là núi, sông, đất đai thí dụ được thành hình. Cây cỏ, chủng tử, thọ nhuận, tăng trưởng dụ cho tất đàn (thành tựu) vậy.

Lại nữa liền hiển biệt dụ về núi tuy cao mà lại có chỗ ẩm nơi ngũ tướng. Cho đến đất đai bằng phẳng nhưng lại có đồi hồ và ngũ tướng. Tức là dụ cho 5 thừa và 5 ấm. Núi cao dụ cho Bồ Tát ngũ ấm; sông dụ cho Bích Chi Phật; khe dụ cho Thanh Văn; đất đai dụ cho chư Thiên; suối dụ cho con người. Mỗi một trong ngũ ấm đều có huân tập nguyên nhơn và huân tập kết quả chỗ nương vào. Giống như núi, sông, khe, suối, đất đai. Tất cả đều là chủng tử, cành lá v.v… là chỗ nương tựa vào.

Lại nữa dụng 3.000 Đại Thiên thế giới là dụ cho cái lý nhơn quả chính đáng thông với tất cả những chỗ nương vào. Núi, sông, khe, suối, đất đai dụ cho chúng sanh ấm, giới, nhập, quả báo và sắc tâm. Cây cỏ, rừng rậm dụ cho chúng sanh huân tập nhơn duyên. Đây là 3 pháp chẳng hề lìa nhau. Tập ấy nương vào ấm nhập; ấm nhập chẳng ra khỏi pháp tánh. Như cây cỏ nương vào núi sông. Núi sông nương vào thế giới v.v…

Lục Văn Uyển Nhiên nói về ý nghĩa tạo thành ra sao? Lại nữa lần lượt như thế nầy. Vì sao lại dùng đến lời kinh, sao chép trước sau vậy? Từ „chỗ sanh của cây cỏ" trở đi - phần thứ 2 thí dụ về chỗ sanh của cây cỏ. Cây cũng là cỏ cùng chung giống loại. Cây ấy là cây và cách nói chung chung về các loại cỏ đã thành những chùm cây rậm rạp và biến thành rừng. Người dùng đó để trị bịnh được thì gọi là thuốc. Như trong các pháp thiện đều có thể trị được các việc xấu ác, mà vô lậu thiện thì trị cả được ý nghĩa của hoặc nữa.

Phía dưới nói về cây vừa. Cây cối, cành lá trong rừng che tàn rộng ra to lớn. Cho nên dụ cho 2 vị Bồ Tát. Các loại cùng với 5 thừa 7 thiện nhơn quả chủng tử; cho nên nói là nhược can. Tức là những chủng loại nầy mỗi mỗi đều có xưng gọi ý nghĩa; tức là tên gọi vậy. Mỗi mỗi đều có thể tướng; tức là sắc.

Từ „mây che" trở đi; phần thứ 3 thí dụ cho mây che. Mây ấy có hình sắc che phủ. Câu văn phía dưới lại có nói về nghe âm thanh sét đánh và xa xa có sự chấn động. Cành lá che chở ấy là dụ cho lòng từ bi của Đức Phật. Hình sắc ấy dụ cho Phật ra đời. Âm thanh của tiếng sét ấy là dụ cho lời dạy của Phật. Mây che ấy tức là tam mật. Từ bi tức là ý mật. Hình sắc tức là thân mật. Tiếng sấm sét tức là khẩu mật; theo đó mà biến khắp. Mật ấy lại biến khắp; cho nên nói là di bố. Lấy lòng từ bi để huân tập nơi ứng thân để thuyết pháp khắp 10 pháp giới. Cho nên nói là di bố.

Kinh luật khác lại nói rằng: Mây ấy có 5 màu. Xanh là nhiều gió; đỏ là lửa nhiều; vàng trắng là đất nhiều; đen là nước nhiều. Có 4 điện sư gồm Đông thân vị; Nam bách chủ; Tây A Yết La và Bắc A chúc cái. Tứ điện đấu tranh với nhau cho nên có sấm sét.

Lại nữa nước, lửa, gió, đất tranh giành nhau; cho nên có sấm sét. Năm việc không có mưa. Một là gió thổi; hai là lửa nổi lên; ba là A Tu La vào biển; bốn là Vũ Sư dâm loạn; năm là nhà vua chẳng dùng lý để trị nước. Vũ Sư sân hận; cho nên chẳng mưa v.v…

Từ „một lúc cùng mưa" trở đi - phần thứ 4 nói thí dụ về giáng mưa. Thí dụ dùng khẩu mật về 8 âm và 4 biện (tài). Tuyên nói pháp như mưa, làm lợi lạc quần sanh.

Từ „sự thấm ướt nầy phổ cập các nơi" trở đi; phần thứ 5 thí dụ về sự thấm ướt. Pháp bảo cũng tuông mưa cho 7 loại chúng sanh. Tâm địa sơ hữu, tập nhơn chủng tử nghĩa là khi còn sống nghe được huệ; gọi là nhuần thấm. Cành lá gốc rễ ở đây ví cho niềm tin như là gốc; giới như là ngọn; định ấy là cành; huệ ấy là lá. Lần lượt hỗ tương cho nhau; nên nói về 4 điều nầy. Gốc, ngọn nhỏ nghĩa là người, trời tin về giới. Gốc, ngọn trung tức là Nhị Thừa, tin về giới. Gốc, ngọn lớn tức là Bồ Tát, tin về giới.

Từ „những cây lớn nhỏ" trở đi; phần thứ 6 là dụ cho việc tăng trưởng. Lại lược bớt chỗ lá, làm sáng tỏ nầy tùy theo phần thọ nhận sự nhuần thấm. Tập báo và hai nguyên nhơn của thiện pháp liền cho mưa pháp. Tập báo hai quả mỗi mỗi được tăng trưởng; gọi điều nầy là chủng tánh; làm rõ chỗ thí quyền và xưng cơ. Nhỏ đây là chẳng quá phần. Lớn đây là chẳng giảm thiểu. Tức là 7 loại tập báo cả 2 nguyên nhơn vậy. Hoa quả là thật nghĩa là tập báo 2 quả.

Lại nói rằng: tăng trưởng tức có 3 nghĩa; gọi chủng tánh nầy tức là lý do của sự tăng trưởng. Do thiết lập sự giáo hóa gọi là cơ vậy. Mỗi mỗi được tăng trưởng chính thức làm sáng tỏ sự tăng trưởng. Hoa quả tốt tươi tức là tướng tăng trưởng.

Từ „tuy từ một đất sanh" trở đi; đoạn lớn thứ 2 nói một đất đai, một sự mưa chẳng khác nhau; dụ nầy làm hiển lộ nơi một sự thật. Điều nầy lại có 3. Một ấy là nơi đất sanh; đạo lại là chỗ tâm địa sanh. Cuối cùng là nguyên nhơn của đạo và hậu trí địa. Hai là một mây, chỗ mưa. Một âm thanh là chỗ tuyên nói nhứt thừa pháp môn. Trong khai phát đạo, có 5 loại căn lành. Chung quy là một âm thanh bình đẳng của lời dạy. Ba là 3 cỏ 2 cây kia, sự lợi ích chẳng thể tự giác tri. Năm loại căn lành che mưa Phật Pháp, tùy phần tăng trưởng, mà chẳng tự rõ 5 loại nguyên nhơn, tất cả đều nương vào một Phật tánh. Lại chẳng tự rõ Ngũ thừa giáo, tất cả đều là Đại Thừa. Lại chẳng tự rõ đồng quy về Phật huệ; duy chỉ có Như Lai hay rõ được. Ca Diếp sẽ rõ Như Lai ở phần gặp theo thí dụ sau đây.

Gặp nhau sai biệt, dụ nầy chia làm hai. Trước tiên là gặp nhau chính thức. Kế đến là đưa ra thí dụ về việc chiếm lĩnh việc gặp nhau. Sai biệt dụ ấy lại có 6. Nay việc gặp chẳng thứ lớp. Khai dụ làm sáng tỏ cơ duyên phía trước, luận về chúng sanh. Sự gặp gỡ dụ cho việc làm sáng tỏ nên gặp được Như Lai trước. Như Lai là hóa chủ. Trong nầy gặp lần thứ nhất chánh thức là phần trên của phần thứ 3 về mây che. Lại cũng kiêm luôn việc gặp gỡ lần thứ nhất ở thế giới. Trong nầy phần 2 gặp bên trên lần thứ 4 dụ cho việc thấm nhuận mưa rơi. Trong nầy phần thứ 3 gặp nhau bên trên là phần 1 thế giới dụ cho núi, sông, khe, suối. Trong nầy phần 4 gặp nhau bên trên, phần 2 về cỏ, cây. Trong nầy phần 5 gặp nhau bên

trên và phần 5 về thấm nhuần. Trong nầy phần 6 gặp nhau bên trên; phần 1 dụ cho việc tăng trưởng.

Dụ gặp nhau lần lượt làm rõ việc Đức Như Lai ra đời tức là có 8 âm thuyết pháp. Nói pháp tức là có thọ nhận sự giáo hóa chúng sanh. Chúng sanh khi nghe pháp, mỗi mỗi được thấm nhuần đạo. Được đượm nhuần ở đây giống với việc chẳng thể chẳng sai biệt trong sự tin tưởng v.v…

Phần thứ nhất gặp nhau như mây che. Trước tiên là khen ngợi Đức Phật tự che khuất và khi gặp nhau có hình như vầng mây. Sau đó khen về khẩu mật của Phật; khi gặp thì có tiếng nói được mây che. Như Lai cũng như vậy, khi xuất hiện nơi đời tức là chánh thức gặp lúc dùng ứng thân để xuất thế vậy. Như đám mây lớn nổi lên; tức là khen cho thí dụ chiếm cứ. Làm sáng tỏ lòng đại từ của Như Lai, hiện thân để che chở dạy dỗ tất cả. Dùng âm thanh lớn tức là khen về khẩu mật của Đức Phật. Gặp mây có âm thanh. Trời, người, A Tu La là khen tặng riêng biệt về 3 cõi lành. Sự lợi ích của khẩu mật kia là 3 thừa căn tánh của 30 đứa con. Âm thanh riêng biệt kia làm lợi ích. Như đám mây lớn kia, tức là khen về thí dụ chiếm hợp với mây có âm thanh. Trùm khắp đại thiên nghĩa là Thông (giáo) khen tất cả đều là Phật tử đều che chở bởi lợi ích của khẩu mật. Hoặc gặp lúc nói 5 thí dụ.

Từ „sẽ phổ biến thế giới" trở đi; kiêm cả việc gặp thế giới đất đai. Thế giới ấy tức là quốc thổ thế gian. Nhơn, Thiên, Tu La tức là giả danh của ngũ ấm thế gian.

Giả danh gặp thế giới bên trên. Ngũ ấm hợp với sông, núi, khe, suối bên trên.

„Đối nơi đại chúng mà xướng lên" trở đi tức là phần thứ 2 gặp phần thứ 4 bên trên về thí dụ mưa thấm. Trước tiên là tiêu chương môn và sau đó là khuyên nghe thọ trì.

Chương môn có 6. Một là 10 hiệu. Nghĩa là Như Lai, Ứng cúng v.v… Hai là Tứ Hoằng; nghĩa là kẻ chưa được độ làm cho độ. Ba là tam đạt; nghĩa là đời nầy đời sau. Bốn là 1 tâm 3 trí; nghĩa là hiểu biết đầy đủ. Năm là ngũ nhãn; nghĩa là sự thấy. Sáu là tam nghiệp cùng với trí tuệ, hạnh. Trí đạo nghĩa là ý chẳng hộ. Khai đạo nghĩa là thân chẳng gìn giữ. Thuyết đạo nghĩa là khẩu chẳng gìn giữ. Lại xưng là Đạo Sư; nghĩa là tri đạo v.v…

Từ „các ngươi Trời, Người" trở đi. Khuyến khích nghe, nhận. Phật có 8 giọng nói rõ ràng để nói 6 loại pháp môn. Từ nhiều mà luận khuyên 3 điều lành, tuyên bày đến nghe pháp. Lúc ấy vô số ức loại đến nghe pháp. Trong nầy có dụ thứ 3 gặp bên trên phần thứ nhứt về sông, núi. Nắm cả quả báo mà có chúng sanh, như nương vào nơi núi, sông để được có thế giới.

Trăm ngàn vạn ức nghĩa là 10 pháp giới chúng sanh. Nay nói đúng là 7 phương tiện chúng sanh sai biệt, phân chia như trên đã nói. Hoặc từ „các ngươi Trời, Người" là tất cả hợp lại dụ cho núi, sông. Như Lai lúc ấy cho đến tinh tấn, giải đãi tức là phần thứ tư gặp bên trên, dụ cho cây cỏ phần thứ 2. Ngày xưa nói rằng: Câu

văn nầy đưa ra chẳng hợp bên trên. Nay làm sáng tỏ cho dụ bên trên. Có cây cỏ sai biệt, lớn nhỏ chẳng đồng. Trong nầy làm rõ chỗ căn tánh có lợi, độn. Thực hành có tiến, lười. Chánh thì có tập nhơn sâu, cạn. Cùng với cây cỏ nghĩa ấy giống nhau. Há chẳng phải hợp dụ mà nói cho dài. Lúc ấy nghĩa là đầu tiên luận về chỗ tiệm; tức là lúc đầu tiên tại Lộc Uyển vừa nói 3 thừa. Nếu luận về hoàn cảnh nơi nơi thì được luận là thuở ấy. Lợi, độn ở đây là tổng nói về tam đồ nhơn ác, quả khổ, chẳng thể giữ được đạo nên gọi là độn. Bảy loại phương tiện, nghe lời dạy được lợi ích; gọi đây là lợi. Riêng biệt phê phán về trời, người hay thọ quả báo, chẳng chịu thọ đạo; gọi đây là độn. Tam thừa căn tánh đoạn hoặc xuất giới; gọi đây là lợi. Lại nữa Thanh Văn quán sanh diệt; gọi đây là độn. Bồ Tát quán bất sanh diệt; gọi đây là lợi. Thông, Biệt, Viên v.v…

Ba cõi buông lung; gọi đây là giải đãi. Trời, người giữ thập thiện, ngũ giới là tinh tấn. Người, trời chẳng sợ khổ là giải đãi. Nhị Thừa sợ vô thường là tinh tấn. Nhị Thừa tham lam chứng đắc chẳng cầu làm Phật; nên gọi là giải đãi. Bồ Tát chí cầu Phật đạo lấy đó làm tinh tấn v.v…

Từ „tùy theo nơi đây mà được lợi lành"; tức là phần thứ 5 hợp với bên trên phần thứ 5 thí dụ cho việc thọ nhận việc nhuần thắm. Tùy theo chỗ kham nghĩa là xưng gặp thời cơ; chẳng mất đi sự tăng, giảm; hoan hỷ được lợi ích tức là mỗi mỗi đều thừa mong pháp nhuận thọ nhận sự lợi ích. Các chúng sanh khi nghe pháp rồi; phần

thứ 6 hợp với phần thứ 6 bên trên dụ cho sự tăng trưởng. Đời nầy an ổn, sau sanh vào xứ lành; tức là báo nhơn hoặc báo quả. Hợp với tòa hoa tăng trưởng. Lại được nghe pháp cho đến nhập đạo; tức là tập nhơn và tập quả. Hợp với bên trên là quả thật tăng trưởng. Nghe pháp rồi hợp với lý do tăng trưởng bên trên. Hiện đời an ổn là chính hợp sự tăng trưởng. Sau sanh xứ lành là tướng của sự hợp tăng trưởng. Phật như vầng mây lớn, che khắp tất cả. Tam đồ cũng được gội nhuần tăng trưởng. Như nói Bát Nhã hay Phương Đẳng là làm sáng tỏ cho địa ngục được lợi ích.

Lại nữa trong các kinh có nói về rồng, chim, quỷ, thần v.v… khi nghe pháp đều được đạo. Nếu lửa hết thì nước đông lạnh; tức là hiện đời được an ổn; hoặc sanh nơi cõi trời hay cõi người. Tức là sau đó sanh vào xứ lành. Ở nơi trời, người tu đạo tức là lấy đạo để làm niềm vui, Nếu người, trời nghe pháp, giữ giới, phước đức hộ thân, Quỷ, rồng chẳng phạm đến; tức là hiện đời an ổn; hoặc ở cõi trời thì sanh lại cõi trời và cõi người sanh lại cõi người. Hoặc sanh nơi trời người hỗ tương với nhau. Tức là sau đó sanh vào xứ lành. Sanh hay ngộ giải tức là dùng đạo để lấy đó làm vui. Nhị Thừa nghe pháp được hữu dư Niết Bàn; tức là hiện thế an ổn.

Như câu văn ở phía dưới nói rằng; Người nầy công đức sanh diệt độ tưởng. Ta ở ngoài cõi kia làm Phật, lại có tên khác. Người nầy đối với nước kia được nghe kinh nầy; chỉ có phương tiện hữu dư; cõi đất ấy là cõi lành. Đối với kia, nghe kinh nầy là được đạo, thọ lạc. Nếu sanh

thân Bồ Tát, nghe Lô Xá Na Phật thuyết pháp thì được vô sanh nhẫn; tức là hiện thế được an ổn. Sau đó sanh về thế giới Tịnh Mãn. Vì pháp thân quyến thuộc tức là xứ lành, lấy đạo làm vui. Lìa những chướng ngại tức là hiện đời an ổn, nhiệm lực sẽ kham, dần được vào đạo; tức là đời sau lấy đạo để thọ lạc.

Ngũ Thừa là ngũ giới thừa, ra khỏi khổ Tam Đồ. Thập Thiện thừa ra khỏi 8 khổ của cõi người. Thanh Văn thừa xuất tam giới vô thường khổ. Duyên Giác thừa ra khỏi cái khổ từ việc nghe pháp kia. Bồ Tát thừa ra khỏi, bên trong vô lợi trí, bên ngoài vô tướng hảo khổ. Đây là Ngũ Thừa vậy.

Hỏi: Hay vì nhơn, thiên làm cho thế gian thừa ra khỏi thế gian thừa sao?

Đáp: Lại nữa Phật vì thật thừa; ngoài ra là quyền thừa. Lại nữa Phật vì quả thừa; ngoài ra là nhơn thừa. Lại nữa nên vì 3 thừa. Trời, người vì ở thấp. Nhị thừa ở giữa và Phật ở trên. Lại nữa người, trời được gọi là bất đoạn phiền não thừa. Nhị thừa được gọi là đoạn phiền não thừa. Phật được gọi là chẳng đoạn và chẳng phải chẳng đoạn thừa. Lại nữa người, trời gọi là bất đoạn. Phật được gọi là đoạn Nhị thừa gọi là cũng đoạn mà cũng chẳng đoạn. Lại nữa phàm phu hiền thánh, phi phàm phu hiền thánh, hữu không, phi hữu, phi không các thừa v.v…

Đại Luận làm sáng tỏ ở năm căn lành Thắng Phát biện tử tạng cùng với 3 cỏ 2 cây như thế nào? Nhơn,

Thiên vì 2 đường lành. Nhị thừa vì một. Phật, Bồ Tát vì 5. Khai lớn hợp nhỏ. Ngũ thừa khai nhỏ hợp lớn. Tứ tạng hợp phàm khai thánh. Ngũ thừa tức là phàm thánh đều khai. Tùy việc chẳng giống nhau. Như đám mây lớn kia; phần thứ 2 đề xuất thí dụ chiếm hợp 6 ý. Đám mây lớn chiếm hợp phần một, hình thể âm thanh cả 2 lợi ích. Mưa ấy làm cho tất cả chiếm hợp phần thứ 2 của 6 chương pháp môn. Cây cỏ rừng rậm chiếm hợp phần thứ 4 thọ hóa chúng sanh lợi, độn, nhát, tiến, tập, nhơn, sâu, cạn. Như những loại nầy đều đầy đủ nhuần thắm. Chiếm hợp phần thứ 5 thọ nhận sự nhuận trạch được pháp lợi lạc. Mỗi mỗi được sanh trưởng chiếm hợp; phần thứ 6 hiện thế được an ổn tăng trưởng.

„Như Lai thuyết pháp một tướng" trở đi; phần thứ 2 thí dụ về hợp vô sai biệt. Bên trên khai 3; nay hợp lại cũng 3; lại chẳng lần lượt thứ tự; một tướng, một vị. Cả hai hợp nhứt địa, nhứt vũ. Bởi vì cả hai giải thích một đất, một mưa. Những chúng sanh nầy hợp bên trên với cây cỏ, mỗi mỗi đều có sai biệt. Từ „vì sao vậy" trở đi, giải thích đối với sự sai biệt Như Lai hay rõ biết sự sai biệt và vô sai biệt. Một tướng là chúng sanh tâm giống nhau với một tướng chơn như. Đó là một địa.

Một vị là một thừa pháp giống với sự chú giải một lý. Đây là một cơn mưa. Ngày xưa đối với một thật tướng, phương tiện khai làm 7 tướng. Đối với một thừa pháp phân biệt nói có 7 giáo. Phật rõ cứu cánh chung quy cũng chỉ một tướng, một vị. Nghĩa là cả sự giải thích về một tướng, một vị. Chúng sanh tâm tánh tức là tánh

đức. Giải thoát xa rời, tịch diệt 3 loại tướng. Như Lai nói một âm thanh cho 3 pháp nầy tức là tam vị. Ba tướng nầy tức là lấy làm cảnh giới. Duyên sanh vào việc làm của Trung Đạo. Cuối cùng được tất cả trí quả. Cho nên nói cứu cánh cho đến tất cả chủng trí vậy. Hợp thảo mộc sai biệt dụ, như phía sau giải thích chẳng ghi thêm nữa. Có lúc tạo ra 3 ý hợp. Một là ý vô sai biệt, hợp với một địa một vũ bên trên; hai là ý sai biệt; hợp với cây cỏ sai biệt bên trên; ba là Như Lai hay rõ giải thích thành 2 ý. Vô sai biệt nghĩa là một tướng một vị. Một tướng hợp với bên trên một địa. Giải thoát tướng, vô sanh tử tướng. Lìa tướng thì không có tướng Niết Bàn. Diệt tướng là vô tướng lại vô tướng. Chỉ có thật tướng cho nên nói là một tướng. Một tướng ấy là không trụ bổn lập tất cả các pháp. Vô trụ vô tướng tức là vô sai biệt vậy. Lập tất cả pháp tức là có sai biệt. Sai biệt như cây cỏ. Vô sai biệt như một địa. Địa ấy tuy vô sai biệt mà hay sanh đào, mai, cây cỏ sai biệt với những thứ khác. Đào, mai, cây, cỏ tuy sai mà đồng với một tướng cứng. Nếu rõ biết địa đều là đào, mai tức là rõ biết sự thật trong ấy có quyền. Giải vô sai biệt tức là sai biệt. Nếu rõ biết đào, mai có tướng cứng chắc; tức là rõ biết sự thật trong ấy có quyền. Giải vô sai biệt tức là sai biệt. Nếu rõ biết đào, mai có tướng cứng chắc; tức là rõ biết trong quyền ấy có thật. Giải sai biệt tức là vô sai biệt, dùng nghĩa nầy vậy. Lấy một tướng hợp bên trên với một địa để thí dụ.

Nhứt vị tức là thật giáo độn nhứt không tạp. Ví dụ về một tướng có thể rõ được. Giải thoát ở đây là chẳng phân biệt biến dị nhị biên nghiệp lực trói buộc; cho nên

nói là tướng giải thoát. Lìa tướng ấy là được Trung Đạo trí tuệ. Tuệ nầy có thể xa lìa nhị biên; chẳng dính mắc. Cho nên nói là lìa tướng. Diệt tướng tức là nhị biên nhơn diệt; nên được Hữu Dư Niết Bàn. Nhị biên quả diệt thì được Vô Dư Y Niết Bàn. Cho nên nói diệt tướng. Từng câu thí dụ tạo nên nghĩa sai và vô sai biệt. Tiêu chuẩn một tướng có thể rõ. Cứu cánh đến tất cả chủng trí là nếu được nhị biên diệt tướng thì tức là Thông, Biệt (giáo) hai hoặc hết. Nhập Phật tri kiến, dùng tất cả loại trí tâm để thực hành Bát Nhã. Đầu tiên phát cứu hai chẳng riêng biệt; cho nên nói là cứu cánh. Điều nầy tức là trí huệ Phật; cho nên nói là tất cả chủng trí vậy. Từ điều nầy có chúng sanh nghe pháp Như Lai chẳng tự rõ biết; tức là làm sáng tỏ sự sai biệt. Từ đây trở đi làm sáng tỏ nghĩa sai biệt. Chúng sanh ấy là núi, sông giả thật làm sai biệt; lại là chủng tử sai biệt. Như Lai tức là đám mây. Nghe pháp tức là mưa: Đọc tụng, tu hành tức là nhuần thắm. Công đức tức là sự tăng trưởng. Như những việc nầy sai biệt tất cả đều chẳng rõ biết. Tựu chung câu văn ấy có 5. Một là chúng sanh chẳng rõ; hai là Như Lai có thể rõ biết; ba là đưa ra thí dụ chiếm hợp chúng sanh chẳng rõ; bốn là như trước kết luận, giải thích Như Lai rõ biết; năm là giải thích điều nghi. Có chúng sanh nầy tức là đưa ra việc không rõ về người. Pháp ấy nghĩa là nghe một pháp âm. Trì thuyết nghĩa là chính thức làm rõ sự chẳng biết. Trì thuyết chẳng giống nhau và tu hành mỗi mỗi đều khác. Người, Trời giữ giới lành; ba thừa tạo nên chơn lý Duyên (giáo) và độ (lục). Giải ấy là sự chẳng đồng nhau; tức là sự sai biệt. Được chỗ công đức chẳng tự rõ biết là

minh chứng cho 5 người, tuy mỗi mỗi đều có giáo lý kia; nhưng chẳng rõ Phật là một vị, chẳng phân biệt giáo nào cả. Lại chẳng rõ 7 loại phương tiện, mỗi mỗi tạo ra sự giải thích. Rồi mỗi mỗi chấp vào sự giải thích ấy là thật. Điều nầy tức là chẳng rõ nơi quyền. Lại chẳng biết thật tức là sự sai biệt chẳng tự rõ biết vậy.

Phần thứ 2 Như Lai có thể rõ biết; lược giảm số, đưa ra 10 cảnh hợp lại với 4 ý. Một là ước tứ pháp tri; hai là ước tam pháp tri; ba là ước nhị pháp tri; bốn là ước nhứt pháp tri. Ước tứ pháp nghĩa là chủng tướng tánh. Chủng ấy là 3 đường, là 3 loại đức. Tinh Danh gọi là: Tất cả các loại phiền não làm chủng loại của Như Lai. Điều nầy làm rõ lý do con đường phiền não tức là có Bát Nhã. Lại nói: Ngũ vô gián tất cả đều sanh tướng giải thoát. Do điều chẳng lành nầy; tức là có thiện pháp giải thoát. Tất cả chúng sanh tức là tướng Niết Bàn chẳng thể lại mất. Đây tức là sanh tử làm pháp thân. Đây là chung các tướng đối lại với các loại luận. Nếu tựu chung các loại luận về chủng loại thì tất cả cúi đầu giơ tay, tất cả đều là chủng loại giải thoát. Tất cả thể trí, tam thừa giải tâm tức là chủng loại Bát Nhã. Phàm có tâm là tất cả sẽ làm Phật; nghĩa là chủng tử pháp thân. Các loại sai biệt Như Lai hay rõ. Tất cả loại chỉ là một loại; tức là vô sai biệt. Như Lai lại hay biết. Sai biệt tức là vô sai biệt; vô sai biệt tức là sai biệt. Như Lai lại cũng hay biết.

Tướng thể tánh theo Ước (giáo) về thập pháp giới và thập như (thị) giải thích rằng. Nếu luận về sai biệt tức là tướng của 10 pháp giới; nếu luận về vô sai biệt; tức là

tướng của một Phật cảnh giới. Sai biệt vô sai biệt Như Lai hay rõ. Sai tức là vô sai; vô sai tức là sai. Như Lai lại hay rõ biết. Thí dụ về thể tánh tự nhiên có thể rõ.

Từ „nhớ nghĩ việc gì" trở đi thì Ước (giáo) 3 pháp làm sáng tỏ Như Lai rõ biết. Ba pháp ấy tức là 3 huệ; nhưng lại có 3 loại. Một là tam huệ cảnh; hai là tam huệ thể; ba là tam huệ nhơn duyên. Nhớ nghĩ về việc gì là làm sáng tỏ tam huệ dụng. Nhớ nghĩ dùng nơi chỗ niệm; tức là 3 huệ cảnh.

Từ „niệm như thế nào" thì niệm ấy là kỷ lục của chỗ nghe pháp. Chánh ấy là thể của niệm huệ.

Từ „dùng pháp gì để niệm" trở đi; tức là tam huệ chấp giữ cảnh giới nghe pháp là nhơn duyên nầy. Lại nữa tam huệ cảnh, cảnh giới nhơn duyên hợp; nên được tam huệ pháp, lại có tên là nhơn duyên vậy. Như 3 thừa 3 huệ nầy xưa kia giải thích là cảnh thể nhơn duyên có khác nhau; tức là sai biệt vậy. Nếu vào Viên Diệu Tam Huệ tức là chẳng sai biệt. Những điều có sai biệt và vô sai biệt Như Lai hay rõ biết. Lại nữa sai nghĩa là không sai; vô sai tức là sai. Như Lai lại cũng rõ biết. Lại nữa sai tức là không sai; không sai tức là sai. Như Lai lại cũng hay rõ biết.

Từ „dùng pháp gì" trở đi Ước (giáo) nhị pháp làm sáng tỏ Như Lai hay rõ biết. Dùng pháp gì nghĩa là cái nhơn nầy. Được pháp gì tức là quả nầy. Nhơn của ngũ thừa mỗi mỗi đều được quả nầy; tức là sự sai biệt nầy. Chúng sanh giống như Phật vậy. Một sự giống nhau; chứ

không có 2 cái như. Tuy chỉ là một nhơn và một quả. Tức là vô sai biệt sai biệt. Vô sai biệt Như Lai lại cũng rõ biết. Sai tức là vô sai; vô sai tức là sai. Như Lai lại cũng rõ biết.

Từ „chúng sanh trụ ở các loại địa" là Ước (giáo) một pháp Như Lai cũng rõ biết. Bảy phương tiện trụ nơi thất vị. Cho nên nói là đủ loại địa. Điều nầy tức là sự sai biệt. Như Lai dùng như thật nhãn của Phật để xem; giống như bị trôi vào biển mất đi sự chính yếu; tức là chẳng sai biệt. Tùy theo ý nghĩ và lời nói kia, dùng trí phương tiện mà diễn nói; tức là Như Lai hay rõ biết sự sai biệt. Việc thuyết pháp nầy tất cả đều đến nơi tất cả trí địa. Tức là Như Lai hay rõ biết vô sai biệt v.v…

Từ „như cây cỏ kia" trở đi; phần thứ 3 tán thán thí dụ, chiếm hợp chúng sanh chẳng rõ.

Từ „Như Lai rõ điều nầy" trở đi; phần thứ 4 là tổng quát phía trước có thể rõ; một tướng một vị v.v…. Như trước đã giải thích về một tướng một vị giải thoát, lìa diệt v.v… làm duyên phân biệt. Tức là một trong vô lượng. Cứu cánh Niết Bàn chung quy ở nơi không. Tức là vô lượng trong một. Đây là sự giải thích thêm một lần nữa về sự vô sai biệt. Cái gì? - Một tướng, một vị, giải thoát, ly diệt. Nếu là 2 thừa pháp thể thì giống như sai biệt nầy là lời nói tuyên bày. Nay tạo nên Đại Thừa cứu cánh Niết Bàn chung quy ở nơi không; tức là Thông (giáo) vô sai biệt. Cứu cánh Niết Bàn kết luận 2 câu trước; tất cả đều chẳng phải nhị thừa hữu dư và vô dư. Cho nên đây là cứu cánh Niết Bàn.

Thường tịch diệt tướng tức là kết lại các câu, chẳng phải là Tiểu Thừa tịch diệt, mà là thường trụ tịch diệt. Câu văn bên trên nói rằng: Chư pháp từ xưa nay thường tự tịch diệt tướng; tức là ở nghĩa nầy. Chung quy ở nơi không là chẳng phải tro hết gọi là không, mà trong đạo đệ nhứt nghĩa nầy là không.

Bỉ, trọng, để, chưởng, giản, thật, dị, quyển xưa nói rằng chung quy cũng ở nơi không. Tuy rằng lại được thần thông sống lâu vô lượng thị hiện gấp đôi số trên. Khi thọ mạng hết, chung quy cũng như than tàn; cho nên nói là chung quy không. Điều khổ nầy Phật nói lời gì về khổ kinh nào? Quang Trạch nói rằng: Chung quy nhập vào hữu dư, xả vô thân trí vô thường vậy. Có người khó giải về điều nầy. Nếu như thế thì cùng với Nhị thừa có khác gì đâu? Kinh văn đưa ra hai sự cứu cánh. Cứu cánh đầu đến nơi tất cả chủng trí. Điều nầy đưa ra trí quả đối lại với trí Nhị thừa, chẳng phải cứu cánh. Hai là cứu cánh Niết Bàn thường tịch diệt tướng, chung quy ở nơi không. Điều nầy đưa ra đoạn đối với Nhị thừa và đoạn với phi cứu cánh. Câu văn cứu cánh biết rõ về phi Tiểu Thừa không. Ngài Long Ấn nói: Đại Niết Bàn không, vô pháp tướng, vô phiền não; cho nên nói không. Chung quy thường trụ đệ nhứt nghĩa không. Trung Sư nói: Chung quy đệ nhứt nghĩa không trí tuệ. Có người nói: Phật quả chẳng nhọc; cho nên nói không. Chú Giả nói: Không ấy có lỗ hổng để lại nên gọi là không. Những vị Thầy xưa tất cả đều chẳng giải thích chi tiết. Riêng Quang Trạch có ý gì đặc biệt chăng?

Từ „Phật rõ điều nầy rồi, quán xem chúng sanh" trở đi; phần thứ 5 đoạn vật nghi. Phật xưa liền rõ biết đầu đuôi tất cả chỉ một, cớ gì chẳng phải Lộc Uyển tức là nói thật. Giải thích rằng. Quán chúng sanh tâm dục, tùy 3 tất đàn mà sẽ hộ trì. Sợ điều nầy phỉ báng; cho nên chẳng hề tức là nói vậy.

Từ „các ông Ca Diếp" trở đi - Phần thứ 2 lại Tông xưng thuật muốn giải thích điều nghi. Nghi ấy là: nghe Phật vô lượng công đức; nghĩa là 4 đệ tử Tế Giáo lãnh giải điều gì phải là sự thật? Cho nên Phật xưng thuật tuy chưa đủ, Phật địa Tế Giáo chẳng phải rỗng không. Lại là dẫn phát kẻ hạ căn, làm cho đồng được giác ngộ. Câu văn nầy chia làm 2. Đầu tiên thuật về 2 sự giải thích. Đầu tiên tán thán việc hy hữu. Phàm phu có quay đầu nghe thì có thể được lợi ích. Bồ Tát việc nầy qua rồi, giải thích chẳng nhiều. Vô vi chánh vị hay xả; chứng nhập thật sâu xa là hy hữu. Có thể rõ biết tùy nghi thuyết pháp, thuật lại, có thể lãnh khai ba. Kế đến nói lời nói có thể sinh tin nhận. Tức là thuật lại sự nhiếp lãnh nầy hiển một. Vì sao lại giải thích về cái ý của thuật? - Để làm sáng tỏ, Phật ở nơi một đạo mà nói ba, sâu xa khó hiểu để ngươi có thể tin theo. Riêng điều nầy như câu văn trước đã nói. Như Lai lại có vô lượng công đức, các ngươi nói chẳng thể hết. Câu văn sau lại nói: Các người thật là hy hữu.

Ân Phật phổ cập đến kia giống như mây mưa, mà chẳng che khuất sự thắm đượm. Ân Phật chuyên chở giống như đại địa, gai góc chẳng sanh thành. Há hữu vi

một cơ duyên, một phương hướng mà thành? Cho nên nói là các ngươi nói chẳng thể hết. Ân Phật tuy phổ cập đến chúng sanh hằng ngày nhưng chẳng hề tự rõ biết. Như 3 cỏ và 2 cây cùng trồng trên đất và sự nhuận thấm kia há mưa mà chẳng rõ được sao? Các ngươi nên biết rằng trước sau 10 ân sâu ấy là hy hữu. Chưa độ làm cho độ. Thuật lại điều nầy rõ biết Phật có tứ hoằng thệ nguyện, ân sâu rất là khó có. Chúng sanh đời nầy an ổn, sanh ra đời sau vào nơi lành, lấy đạo làm vui. Thuật nầy rõ biết đại bi cùng vui với ân sâu ấy là một việc hy hữu. Liền nghe pháp rồi, lìa những chướng ngại cùng với sức lực hay dần được vào đạo. Thuật nầy rõ biết đại bi mang ân cứu khổ sâu xa là hy hữu. Luân vương, Thích, Phạm là những cỏ thuốc nhỏ. Thuật nầy rõ biết khuyên lành trừ nhiệt não, ân sâu xa ấy hy hữu. Rõ pháp vô lậu hay được Niết Bàn và chứng Duyên Giác, đây là cỏ thuốc tầm trung. Thuật nầy rõ trừ được các nhiệt kiến, ái. Ân sâu đó thật là khó có.

Cỏ bên trên và cây nhỏ là xấu hổ với việc nhỏ và mong đợi ở việc lớn. Thuật điều nầy rõ biết sự chận giữ cái xấu xa lại. Ân ấy sâu xa thật là hy hữu. Cây lớn là thuật nầy trang nghiêm. Ân ấy thật sâu xa hy hữu. Cái thật cuối cùng là một đất, một mưa. Thuật nầy rõ biết giao phó tiền bạc của cải, ngồi đó thân tâm tài pháp tự tại an lạc. Ân ấy thật là sâu xa khó có. Phật thuật điều sai biệt nầy ca ngợi. Sự ca ngợi về 10 ân câu văn không cùng. Nếu thuật nầy không sai biệt tán thán tức là một ân lớn vậy.

Kệ có 54 hàng rưỡi. Tụng bên trên khai hiển. Khai hiển có pháp dụ. Nay tất cả đều tụng. Bốn hàng đầu tụng về thuyết pháp. Kế đến 5 hàng rưỡi tụng về dụ thuyết. Pháp thuyết lại có 2. Trước tiên là đưa ra pháp Vương nhị, tức là khai hiển. Nay nửa hàng kệ đầu tụng về pháp vương không hư dối. Dưới 3 hàng rưỡi tụng về khai hiển. Câu văn trên 2 giáo 2 trí. Nay lại đều tụng. Một hàng rưỡi đầu tiên tụng về 2 giáo. Hai hàng sau tụng về 2 trí. Đầu tiên tùy thuận chúng sanh và dưới nửa hàng tụng về quyền giáo.

Kế đến Như Lai tôn trọng trở đi - phần thứ 2 gồm một hàng tụng về thật giáo. Tiếp theo „có trí nếu nghe" trở đi gồm một hàng tụng về giải thích quyền trí. Sau đó là „cho nên Ca Diếp" trở đi gồm một hàng tụng về giải thích thật trí. Tùy theo đủ loại duyên, nói đủ các loại giáo. Tất cả làm cho được đại thừa chánh kiến. Từ đây trở đi trước tất cả gọi là tà kiến. Tụng nầy là ý của Như Lai Tứ Tất Đàn. Phá hữu pháp vương tức là ý đối trị. Tùy chúng sanh dục tức là ý thế giới. Rõ biết nghe tin, giải bày điều nghi hối đã mất vĩnh viễn là vì cái ý của con người. Làm cho được chánh kiến là đệ nhất nghĩa ý. Tam Tất Đàn tức là tụng phần bên trên dùng trí phương tiện để diễn thuyết. Nay được chánh kiến, tụng bên trên cho đến tất cả trí địa vậy …

Ca Diếp nên biết, thí dụ như thế có 51 hàng rưỡi. Tụng bên trên về dụ thuyết. 10 hàng rưỡi đầu tiên là khai dụ, kế đến 40 hàng tụng về hợp dụ. Bên trên khai 2 dụ. Nay 9 bài kệ rưỡi phần đầu, tụng về dụ sai biệt. Kế

đến một hàng tụng về vô sai biệt dụ. Sai biệt bên trên lại có 6. Nay lại tụng thành 6, mà chẳng giống như văn trường hàng khai dụ; như hợp lần lượt vậy. Ba hàng đầu tiên tụng về dụ cho 3 đám mây. Mưa nầy phổ cập tất cả. Phần thứ 2 gồm một hàng tụng phần thứ 4 về dụ cho mưa thấm ướt.

Kế đến là núi, sông, khe, suối trở đi. Phần 1 có 3 câu; tụng phần một về đất đai, sông núi và dụ nầy lần lượt che khuất. Phần thứ 4 có 2 câu; tụng phần thứ 2 dụ cho cây cỏ. Kế đến là những cây lớn nhỏ - Phần thứ 5 có 2 hàng 3 câu. Tụng phần thứ 5 là thọ nhận sự thấm được. Tất cả các cây là phần thứ 6 gồm 2 hàng; tụng phần thứ 6 là dụ cho sự tăng trưởng. Mây ấy dụ cho ứng thân. Ứng thân tùy theo trí tuệ để thực hiện cho nên nói là Huệ Vân. Hay đầy đủ 12 bộ pháp cho nên nói là hàm nhuận. Nếu ứng thân chẳng thuyết pháp, như Tu Phiến Đa Đa Bảo thì mưa nầy chẳng bao gồm sự nhuận trạch. Thân phóng ánh sáng lớn như điện chớp. Mộng chấn động với tứ biện tài như tiếng sấm sét. 95 loại ánh sáng tà chẳng hiện ra; cho nên nói là Am Tế. Trừ 98 loại nhiệt não. Như đất bên trên mát mẻ. Như có thể dư sự quấy rối. Ứng thân giáng thế giống như tam hữu. Có tâm đến giữ thật ấy chẳng thể được.

Tám âm tứ biện hay mưa pháp. Bốn phương cùng lúc đều nghe. Lại nói rằng tứ đẳng. Phàm có tâm tức là tất cả đều nhuần thấm; cho nên nói đất tốt được nhuần. Đây tức là sự thành tựu bên trên. Lại thành tựu bên dưới chính là núi, sông. Dụ cho núi, sông, khe, suối gồm một

câu. Tụng phần thứ nhứt về đất đai tức là 7 phương tiện chúng sanh ngũ ấm. Nay mong cho mưa pháp để thân khẩu được nhu nhuyến. Như đất nầy được thấm nhuần vậy.

„U mông sở sanh" là tụng phần trên của phần thứ 2 về chúng sanh tập nhơn sai biệt. Dụ cho chúng sanh từ lâu đời đã trồng tập nhơn ẩn tại ấm giới vào bên trong; cho nên nói là „U mông". Nay „mông" pháp vũ tất cả đều được khai phát. Do vậy nói là sở sanh. 100 loại lúa, đậu nói qua thông (giáo) giữ lại ngũ cốc. Dụ cho ngũ thừa hay sanh ra trăm việc lành. Cam giá bồ đồ dụ cho định huệ. Càng (huệ) địa phổ nhuận dụ cho những kẻ chưa tin làm cho tin. Ngoài ra dụ như câu văn. Giống như thể, tướng, tánh phần, lớn, nhỏ nầy gồm một hàng. Tụng phần thứ 2 về dụ cho vô sai biệt. Câu văn bên trên lại có 3. Trong nầy lược bớt chẳng tụng về một địa mà lại sanh thêm. Hai câu đầu tụng về chỗ sanh và chỗ nhuần thấm. Kế đến một câu tụng về việc hay thấm; tức là tụng về vô sai biệt mà mỗi mỗi thêm tươi tốt tụng về sai biệt, chẳng tự rõ biết.

Phật lại đưa ra như vậy gồm 40 hàng. Tụng phần thứ 2 về hợp dụ. Đầu tiên 35 bài kệ tụng về hợp sai biệt. Kế đến „như vậy Ca Diếp" gồm 5 hàng, tụng về gặp nhau không sai biệt. Bên trên dụ về gặp nhau sai biệt. Phía trước chính thức gặp nhau và phía sau dụ cho việc yên ổn. Nay tụng lại hợp như trước. Kế đến liền tán thán thí dụ về sự yên ổn. Một hàng đầu tụng về thí dụ gặp mây. Bên trên 2 câu dùng thân để gặp mây. Bên dưới 2 câu

tán thán thí dụ việc gặp nhau yên ổn. Tức là xuất hiện gồm 2 phần có 8 hàng rưỡi. Tụng phần 2 hợp với thí dụ về mưa. Bên trên phần trước là tiêu đề về chương cánh cửa. Kế đến là khuyến khích nghe và thọ trì. Liền ra khỏi gồm 3 hàng, lược tụng 10 hiệu. Kế đến một hàng rưỡi tụng về Tứ Hoằng. Trong chương thứ 6 về cánh cửa thì hay tụng 2 chương.

Từ „nhuần khắp tất cả" trở đi gồm một hàng rưỡi là tụng về Tứ Hoằng Thệ Nguyện. Từ chư thiên, loài người trở đi gồm phần 2 có 4 hàng, tụng về sự khuyến khích nghe cùng thọ trì.

Từ „ta xem xét tất cả" trở đi; phần 3 có 4 hàng, tụng phần thứ 3 gặp bên trên về núi, sông để thí dụ. Thí dụ về núi, sông nầy có 7 loại và 5 ấm của chúng sanh. Như mưa xuống chẳng chọn khe, suối. Phật bình đẳng nói (pháp); do vậy không có đây, kia. Có cơ duyên là đây; không cơ duyên là kia. Trồng việc lành là yêu thương; nghịch ghét thì thành giận. Việc Phật là chính mình; ma sự là của kia. Ứng ban đầu là đến; ứng phía sau là đi. Vào chỗ thật là ngồi; ra quyền là đứng. Phật quán chúng sanh là như thế; tức là so với cái ý của việc mưa trên núi, sông.

Tụng bên trên về vô lượng ức loại chúng sanh, đến Phật để nghe pháp. „Quý tặc trên dưới" trở đi, phần thứ 4 gồm 2 hàng. Tụng bên trên phần thứ 4. Như Lai lúc ấy quán xem chúng sanh nầy vì đó mà nói pháp, hợp với phần thứ 2 là chỗ sanh của cỏ cây rừng rậm. „Quý tặc cho đến lợi độn". Ước (giáo) 7 phương tiện chuyển nhau

tạo thành. „Tất cả chúng sanh nghe ta nói pháp" trở đi; phần thứ 5 gồm 11 hàng. Tụng bên trên đủ loại vô lượng. Tất cả làm cho hoan hỷ, hợp với thí dụ thọ nhận, nhuần khắp. Câu văn nầy chia làm 3. Đầu tiên hàng thứ nhứt là kẻ thông minh nhận việc thấm nhuần. Kế đến „hoặc nơi trời, người" trở đi; phần thứ hai gồm 7 hàng, riêng biệt làm rõ chỗ thọ nhận sự nhuần thấm. Kế đến 3 hàng kết là chỗ thấm hay thấm.

Có người giải rằng: Người, trời là cỏ nhỏ. Nhị Thừa là cỏ vừa. Ngoại phàm là cỏ lớn. Nội phàm là cây nhỏ. Từ Sơ Địa đến Thất Địa là cây lớn. Có người lấy nội phàm làm cây cỏ lớn. Sơ địa đến Thất địa là cây nhỏ. Bát địa là cây lớn. Có người lại lấy 30 tâm làm cỏ lớn. Sơ địa đến Lục địa làm cây nhỏ. Sau Thất địa là cây lớn. Tuy nhiên 3 cỏ 2 cây Phật tự gặp dụ ấy và làm sáng tỏ cho câu văn như vậy.

Vì sao mà tâm của Sư ngược lại với Phật và sai với kinh vậy ?

Tựu chung thì trong biệt thọ nhuận ấy câu văn có 5. Một hàng đầu người, trời đều chưa đoạn hoặc, hợp lại làm cỏ nhỏ. Kế đến „rõ biết vô lậu pháp" trở đi; gồm phần thứ 2 có 2 hàng làm rõ chỗ Nhị Thừa. Đều có đoạn chứng, hợp làm cỏ vừa. Kế đến „cầu Thế Tôn xứ" trở đi; phần thứ 3 gồm một hàng làm rõ lục độ. Chí nguyện cầu làm Phật để hóa độ tha nhân. Hơn Nhị Thừa, riêng làm cỏ bên trên. Kế đến „lại nữa các Phật Tử" trở đi; phần thứ tư một hàng rưỡi làm rõ chỗ Thông Giáo. Đã đoạn thông hoặc, thệ nguyện phò trì để hóa tha. Nhìn xuống

dưới thì tốt, so với trên lại kém. Cho nên nói là cây nhỏ. Kế đến „an trụ thần thông" trở đi; phần thứ 5 gồm một hàng rưỡi làm rõ chỗ Biệt Giáo. Tự hành hóa tha, cao rộng làm hơn; cho nên nói là cây lớn. Ước (Giáo) 3 vị Bồ Tát mỗi mỗi làm 3 cây. Lục Độ Ước 3 (A) Tăng Kỳ. Thông Giáo Ước 7, 8, 9 địa. Biệt Giáo Ước 30 tâm. Từ „Phật bình đẳng nói" trở đi; phần thứ 3 có 3 hàng; kết cuộc chỗ nhuận thấm có thể nhuận.

Lại có 2. Đầu tiên một hàng rưỡi dụ tán thán sự yên ổn, giải thích chỗ thọ nhuận. Chỉ làm sáng tỏ 7 loại. Bảy loại là nhỏ như một giọt nước biển. Phật dùng dụ nầy một hàng rưỡi, làm rõ có thể thấm nhuần Phật trí nhiều như biển cả.

Từ „Ta mưa pháp" trở đi gồm tám hàng rưỡi; tụng phần thứ 6 về các chúng sanh nghe pháp nầy rồi cùng hoan hỷ tăng trưởng. Dụ nầy lại có 2. Phía trước 2 hàng là tổng tụng về sự tăng trưởng, lại có 2. Hàng đầu tiên tổng tụng sự tăng trưởng. Kế tiếp một hàng tụng về sự yên ổn và giải thích.

Kế „Pháp của chư Phật là" trở đi gồm 6 hàng rưỡi, riêng làm sáng tỏ sự tăng trưởng và chia ra làm 4. Một hàng rưỡi đầu tiên làm rõ chỗ người, trời tăng trưởng, cho đến được đầy đủ. Đây là tụng về hiện thế an ổn. Dần đến tu hành, là tụng về hậu thế lấy đạo, nhận làm vui. Tiếp theo „âm thanh" trở đi; phần thứ 2 gồm một hàng rưỡi tụng về Nhị Thừa tăng trưởng. Trụ ở thân sau cùng có 2 cách giải. Cách giải thứ nhất nói rằng: Với thân Nhị Thừa nầy nếu chẳng gặp được Phật, thì thân cuối

chắc không phải sau. Do thấy Phật cho nên thành tối hậu thân; tức là ý nghĩa của sự tăng trưởng. Cách thứ 2 nói rằng. Nhị Thừa được hữu dư Niết Bàn, trụ ở tối hậu thân được Phật ngũ vị điều thục, được vào Pháp Hoa, nghe Đại Thừa và được giải thoát; tức là tăng trưởng.

Từ „Nếu chư Bồ Tát trí huệ kiên cố" trở đi; phần thứ 3 gồm một hàng rưỡi là Thông Giáo tăng trưởng. Kiên cố tăng trưởng là thể pháp huệ, rõ biết 3 cõi, là đoạn hết hoặc. Từ „lại có trụ thiền" trở đi gồm phần thứ 4 có 2 hàng, là Biệt Giáo tăng trưởng v.v...

Hỏi: Một mây một mưa cùng với một âm giống hay khác ?

Đáp: Dưới đất dùng một âm làm cho kia nghe một pháp. Phật dùng một âm tùy theo loại, mỗi mỗi đều giải rõ; làm cho một mây một mưa. Chính là tùy theo loại của một âm vậy.

Có người giải rằng: Pháp thân bất nhị; nên gọi là một. Từ pháp thân xuất ra âm thanh; cho nên nói là một âm. Có người lại nói: Một thuở cùng nghe tiếng phát ra; cho nên nói một âm thanh. Có người nói: Trong 5 âm, tùy theo đó dùng một âm. Đại luận làm rõ một âm là (quả) báo của chúng (sanh). Chẳng nói cùng xuất ra; lại chẳng nói là từ pháp thân xuất ra âm thanh ấy.Tỳ Bà Sa nói rằng: Phật dùng một âm để nói Tứ Đế. Năm người nghe tiếng nói người, 8 vạn chư thiên nghe tiếng của chư thiên. Địa ngục, Dạ Xoa mỗi mỗi nghe giống với ngôn ngữ của họ. Xướng cáo đến Phạm Thiên là tiếng của

Phạm Thiên. Lại nữa Phật báo (thân) đã thanh tịnh; nên âm thanh tối diệu nên hiện là Phạm âm. Nếu báo (thân) được Phạm âm thì chỗ người chẳng nghe và nghe lại chẳng rõ biết.

„Như thế Ca Diếp" trở đi; phần thứ 2 có 5 hàng tụng về sự vô sai biệt bên trên. Dụ nầy lại chia làm 2. Phía trước một hàng rưỡi, tụng vô sai biệt của sai biệt. Sau đó 3 hàng rưỡi tụng về sai biệt, vô sai biệt. Dụ như một đám mây lớn, như một vị của mưa. Tức là tụng hợp bên trên một vị mưa chẳng sai biệt. Làm thấm đượm nơi người, hoa; mỗi mỗi được thành sự thật; tức là tụng bên trên sự sai biệt.

Kế đến „Ca Diếp nên rõ, dùng các nhơn duyên" trở đi tức là làm rõ quyền; quyền tức là sai biệt. Hợp lại bên trên là chỗ sanh ra. Nay sẽ vì ngươi; tức là hiển thật. Thật đây tức là vô sai biệt. Hợp với tâm bên trên một địa vậy. Phi diệt độ là chưa độ được dễ dàng. Riêng nói Nhị Thừa là vì bảo chứng nầy mạnh. Người, trời chẳng tính quả là Niết Bàn. Bồ Tát chẳng ở khoảng giữa riêng chứng. Là con đường Bồ Tát là sự hành đạo của Bồ Tát lại đầy đủ đoạn thông hoặc. Ngươi đã đoạn tận tức là con đường Bồ Tát. Pháp Hoa luận nghĩa là phát tâm thối thất rồi, trở lại phát tâm nữa. Trước đó tu thiện, chẳng mất; giống như sau đó được quả. Nhị Thừa trí đoạn là con đường Bồ Tát. Nhị Thừa chấp là quả nầy vậy. Người nói là con đường Bồ Tát. Con đường ấy chính là cái nhơn.

Hỏi: Bồ Tát lại có quả sao ?

Tín giải rằng: Được đạo là được quả. Đại Phẩm nói rằng: Có pháp là Bồ Tát đạo. Vô pháp là Bồ Tát quả.

Vì sao lại chẳng nói là Bồ Tát quả ?

Đáp: Nghĩa nầy lại nên được. Nay nói: hoặc đạo,, hoặc quả; tất cả đều là cái nhơn Phật cả. Nhơn đây tức là đạo vậy.

Giải thích về phẩm Thọ Ký

Phạm Âm và Già La nói về Thọ Ký nầy. Các kinh lại phá bỏ Thọ Ký. Tịnh Danh nói: Từ như sống được thọ ký. Từ như mất được thọ ký. Như chẳng sanh diệt tức là rõ biết vô ký. Ngài Tư Ích nói: Nguyện chẳng nghe về tên Thọ Ký. Đại Phẩm nói: Thọ ký là lý luận. Nay kinh nầy nói những gì ?

Đáp: Nếu thấy có việc thọ ký, người thọ ký; việc thấy nầy đều phá bỏ. Bồ Tát thệ ký và ký nầy cùng đầy đủ. Với thế đế nói là ký và đệ nhất nghĩa, nên không. Tử Tất Đích lúc ấy nói như sau:

Nếu qua các cõi để thọ ký như phẩm Pháp Sư phần đầu; hay biệt cùng với ký sẽ nói ở 3 lần sau. Nếu là chánh nhơn ký thì như Thường Bất Khinh. Nếu là nhơn duyên ký thì như phẩm Pháp Sư 10 loại cúng dường. Nếu là liễu nhơn ký như người thọ 3 căn. Nếu chánh nhơn ký thì rộng. Nếu là duyên liễu ký thì hẹp. Hoặc ký chậm hay ký nhanh. Hoặc Phật ký như câu văn nầy; hoặc Bồ Tát ký như Bất Khinh. Tuy không định ở kiếp số và quốc độ mà

lại được thọ ký. Lại huyền ký như Phẩm Hóa Thành, là những đệ tử vị lai vậy. Kinh khác hay thọ ký cho Bồ Tát và chẳng thọ ký cho Nhị Thừa. Hay thọ ký cho việc lành, chẳng phải việc dữ; hay thọ ký cho người nam, chẳng phải người nữ. Hay thọ ký cho người, trời; chẳng thọ ký cho loài súc sanh. Nay kinh nầy tất cả đều thọ ký.

Nếu là Thủ Lăng Nghiêm thì có 4 loại thọ ký. Nay kinh nầy cũng đầy đủ như thế. Người chưa phát tâm cũng thọ ký, như phẩm Thường Bất Khinh. Phát tâm hiện tiền vô sanh, 3 lần thọ ký vậy. Anh Lạc có 98 loại thọ ký, đã rõ kia hay chẳng rõ. Chúng nhơn rõ hết rồi hay chẳng rõ. Chúng ấy đã rõ biết đầy đủ rồi hay chưa rõ biết. Gần thì rõ biết mà xa chẳng rõ biết; xa thì rõ biết mà gần thì chẳng rõ biết. Đều rõ biết tất cả và chẳng rõ biết. Đã biết kia hay chẳng biết. Phát tâm tự thệ chưa rộng rãi cùng với người. Chưa được Tứ Vô Úy. Chưa được thiện quyền. Chúng nhơn rõ biết hết rồi hay chưa rõ biết. Phát tâm rộng rãi được vô úy, thiện quyền.

Tất cả đều rõ nghĩa là địa vị ở Thất Địa. Vô úy thiện quyền được không quán. Tất cả chẳng rõ biết là chưa vào Thất Địa, chưa được vô trước hạnh v.v...

Kẻ xa mà chưa giác ngộ chính là Di Lặc vậy. Các căn đầy đủ chẳng bỏ, là việc làm vô trước của Như Lai. Kẻ gần không giác ngộ là người nầy chưa thể diễn thuyết các hạnh của Hiền Thánh. Đây là Sư Tử Ưng vậy. Xa gần đều giác ngộ; các căn đầy đủ chẳng xả là hạnh vô trước. Đây là nhu thuận Bồ Tát vậy. Xa gần đầy đủ chẳng giác

ngộ là chưa được thiện huyền; chẳng thể rõ biết Như Lai Tạng. Đây là Đẳng Hành Bồ Tát vậy.

Ngoài ra kinh văn còn nói rằng: Kẻ biết gần là từ Phật trong hiện tại được thọ ký. Như Di Lặc v.v... Kẻ rõ xa là chẳng từ vị Phật nầy mà từ vị Phật tương lai sẽ được thọ ký. Như Phật nói với Tệ Ma rằng: Tương lai Di Lặc sẽ thọ ký cho ngươi. Gần xa đều rõ nghĩa là Phật. Bây giờ và tương lai đều cùng thọ ký. Gần xa đều chẳng rõ là Phật bây giờ và tương lai, tất cả đều chẳng thọ ký.

Nguyên là chư Phật vốn do vì một đại sự nhơn duyên mà ra đời. Nay khai thị cho chúng sanh để ngộ nhập Phật tri kiến. Nay đại sự đang hiển bày. Phật nói điều nầy xong cho chúng sanh thì nhập diệt. Phật đã vì bản hoài mà làm cho chúng sanh mãn nguyện và cung ứng pháp và thọ ký. Như cha gặp con, há chẳng giao cho tài sản. Lại nữa con người vô lượng đã có những hạnh nguyện nhiều đời và nay ở tại Phật nầy.

Kinh lại nói: Bổn nguyện nầy như vậy; cho nên mới cho thọ ký. Hai việc nầy đầy đủ nhơn duyên là thế giới Tất Đàn; nên thọ ký. Lại nữa Nhị Thừa nghe kinh và cải bỏ Tiểu, nhập vào Đại Viên; nhơn ấy đã đủ. Nhơn nầy tất chiêu quả; cho nên nói Như Lai cùng thọ ký. Lúc ấy cả chúng rõ biết, phát nguyện. Nguyện vì khi sinh ra bằng sanh thân hay pháp thân trong ngoài đều là bà con. Hoặc nguyện sanh vào nơi kia để làm lợi lạc cho chúng sanh. Hai nguyện nầy là vị nhơn Tất Đàn mà thọ ký. Lại nữa thọ Nhị Thừa ký là muốn phá bỏ lớn vào nhỏ Bồ Tát.

Vì sao vậy ? Nếu định có Nhị Thừa có thể thoái lui thành nhỏ, thì nay chẳng có Nhị Thừa thì có chỗ nào để mà thối lui? Lại nữa muốn phá kẻ phát tâm Nhị Thừa thì người kia chứng tự xả còn ta là ai mà giữ lại ? Lại chưa phá việc cải đổi thành Tiểu, liền cải đổi thành Tiểu. Sẽ chứng Tiểu; tức là chẳng giữ việc chứng. Đây là 4 đối trị Tất Đàn cùng thọ ký.

Lại nữa vô sanh hiện tiền tất do thật giải về khai Phật tri kiến chẳng nói ngoa. Lại làm sáng tỏ Phật tánh cho nên cùng thọ ký. Tiểu Thừa khi vào thật, quyết định sẽ làm Phật. Nếu mà tất cả chúng sanh như vậy, lại có Phật tánh tại sao lại chẳng thọ ký ? Như vậy chúng sanh ấy hẳng không có duyên sao ? Nay nghe kinh, tin giải duyên vào chánh Cụ Túc. Nghe Phật tri kiến, rõ biết Phật tánh. Gặp Phật Pháp thấy Phật tánh. Hai việc nầy là đệ nhất nghĩa của Tất Đàn cùng thọ ký. Bốn điều thọ ký nầy gồm tất cả những thọ ký bên trên đã hết v.v...

Thọ ký lại nói rằng gồm: Thọ ký, thọ quyết, thọ biệt. Thọ đây là cùng nghĩa với thọ nhận; nghĩa là được thọ ký; là việc thọ ký. Quyết đây là quyết định; biệt đây là liễu biệt. Người căn cơ trung bình nghe nói pháp thí dụ 2 lần liền khai 3 hiển một. Đầy đủ lãnh giải Như Lai thuật thành. Tuy bị rõ biết làm Phật, mà thời gian chưa đến. Nếu mong đợi nơi lời giáo huấn của Phật thọ ký thì cái quả ở tương lai ở nhiều kiếp và nhiều nước, quyết định gần xa, liễu biệt tức liền hoan hỷ lớn.

Nay từ Đức Phật thọ ký và được có tên; cho nên nói rằng: Phẩm Thọ Ký. Câu văn nầy là thí dụ nói về đoạn thứ 4. Ba đoạn bên trên đều nói về thí dụ. Trong nầy việc thọ ký lại dùng đến thí dụ. Luận về thọ ký sao ý ấy không có đoạn thứ 5 ?

Một cách giải rằng: Chỉ bên trên, chỉ bên dưới, lược bớt chẳng luận. Lại nói: Cây cỏ dụ cho tất cả việc thọ nhận sự thấm nhuần và mỗi mỗi được tăng trưởng. Lần lượt rõ biết, tứ chúng đều được lợi ích. Những nhà viết kinh lược bớt chẳng nói thêm. Văn nầy lại chia làm 2. Một là chánh cùng với trung căn thọ ký. Hai là hứa cho những kẻ hạ căn đời sau.

Phần đầu lại có 2. Đầu tiên là thọ ký cho Ngài Ca Diếp. Kế đến là thọ ký cho 3 người. Cũng có văn Trường Hàng và Kệ tụng. Trường Hàng về Ngài Ca Diếp trong ấy có 6. Một hàng nói về nguyên nhân; hai là đắc quả; ba là kiếp số và tên nước là Trang Nghiêm; bốn là thọ mệnh; năm là chánh tượng (pháp) lâu dài như câu văn; sáu là nước ấy thanh tịnh.

Trong phần 3 đệ tử lại có 3. Một là yêu cầu thọ ký; hai là cùng thọ ký. Thỉnh cầu thọ ký lại có 7 kệ. Hàng thứ nhất là chính thức thỉnh. Kế đến 2 hàng rưỡi là khai dụ. Kế đến 2 hàng rưỡi là hợp dụ. Tiếp theo 1 hàng là kết; thọ ký cho 3 người. Mỗi mỗi đều có hành nhơn và được quả, kiếp số, đất nước, thọ mệnh và giáo pháp trụ ở đời bao lâu.

Giống như câu văn từ „Đệ tử của ta" trở đi gồm có 2 hàng rưỡi hứa vì những người căn cơ thấp liền nói đời sau. Người nầy nghe pháp dụ nầy. Lại thấy thọ ký cho bậc cao và bậc trung mà giống như còn nghi ngờ chẳng rõ biết, sau sanh thẹn lòng. Muốn tăng tiến con đường đạo, trước hứa thọ ký tổng quát, sau đó mới nói túc duyên v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

(Hết quyển 7 - Phần trên)

Dịch xong phần trên vào ngày 13 tháng 7 năm 2010

tại chùa Viên Giác Hannover .

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 7
(Phần sau)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư
giảng bằng tiếng Trung Hoa.

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 13 tháng 7 năm 2010 nhằm ngày mồng 2 tháng 6 năm Canh Dần, nhân mùa An Cư Kiết Hạ Phật lịch 2554.

Giải thích
Phẩm HÓA THÀNH DỤ

Hóa là dùng thần lực để làm. Dùng đến thần lực; cho nên không mà trở thành có. Gọi đây là hóa. Đề phòng địch phá nên làm thành. Bên trong thì hợp với Nhị Thừa Niết Bàn. Dùng quyền trí để làm. Lấy quyền trí lực thì không thể nói là có được. Dùng sự dạy dỗ để hóa và đề phòng suy nghĩ nên thấy. Gọi đây là Niết Bàn. Tô tức dẫn vào chỗ thật chưa cứu cánh mà nói là diệt độ. Quyền giả bày ra; cho nên nói là hóa thành. Thí dụ như phía trước đã nói. Đây là giải thích về nhơn duyên vậy.

Ước Giáo cho rằng nếu là nghĩa của Tam Tạng thì đối với Niết Bàn sanh ra tưởng an ổn và sanh ra tưởng diệt độ. Còn nếu là Thông Giáo Nhị Thừa cùng với Tam Tạng giống nhau. Bồ Tát chẳng phải như vậy. Thích Luận nói rằng: Như người cha qua hiểm nguy, một chân bước

vào thành và một chân ở ngoài cửa, nhớ nghĩ đến vợ con. Cho nên từ thành ấy bị nguy hiểm. Phàm là lời thệ nguyện thì phải tập vào trong sanh tử, mà chẳng lấy cái không để làm chứng.

Biệt Giáo thì chẳng đi đến thành để hóa. Dùng thành để phòng ngừa nguy hiểm. Từ cửa thành trải qua, thành ấy sẽ tạo ra phương tiện đoạn trừ kiến, tư, hoặc. Chẳng phải đạo thì đây là tối cao.

Viên Giáo rõ biết chẳng có giặc, bịnh nên chẳng cần thành. Cho nên nói là hóa thành vậy. Nay dùng cái ý của Viên Giáo nầy. Do vậy mà tiêu đề là Phẩm Hóa Thành Dụ. Bổn tích quán tâm chẳng nghi.

Hỏi: Phẩm nầy nói về nhân duyên của những người hạ căn được giác ngộ; nên gọi là túc thế phẩm được chăng?

Đáp: Phẩm nầy ban đầu rộng nói về nhơn duyên; nhưng sau cuối thì dụ cho hóa thành. Nếu từ trước thì nên gọi là túc thế và qua nửa sau; nên gọi là hóa thành. Lại nữa người thượng căn ít nghi; nên hay giữ cây đao; ba, bảy tư duy. Dùng đó để làm rõ cơ duyên. Kẻ trung căn thì nghi cũng ít; nên thêm phần thí dụ. Sâu dùng hai vạn ức Phật để giáo hóa trở thành đạo vô thượng. Dùng lấy cơ duyên nầy. Kẻ hạ căn nghi ngờ lại dày hơn; tức liền dùng chuyện đời trước xa xôi đã có cơ duyên. Nếu bắt đầu từ đời trước tức là làm rõ nhơn duyên sâu xa kia và nói đoạn giữa nầy là hóa thành. Để làm rõ chỗ cứu cánh kia nên nói là bảo sở. Những nhà chú giải kinh điển

thường lấy phẩm nầy làm chuẩn, giữ lại được trước sau là từ ý nghĩa nầy vậy; cho nên nói là Phẩm Hóa Thành.

Hỏi: Hóa thành là quyền bảo sở hay là thật. Với ý gì mà lấy thật làm quyền ?

Đáp: Do rõ biết thành nầy là do hóa ra; tức là rõ biết bảo sở là thật; cho nên mục tiêu hóa ra đó, chẳng mất đi cái thật. Đoạn nầy trong 3 phẩm kinh văn. Thí dụ như trước có 4. Hay lãnh giải thuật thành, tất cả đều ở trong đoạn thọ ký. Người nào chẳng lãnh giải được ? – Yên tâm được thọ ký thuật thành; cho nên kiêm luôn được 2 ý. Lại nữa hiểu rõ thuật thành được thọ ký. Hoặc là trước sau không định. Lãnh giải hay làm thinh, phát ngôn chẳng giống nhau. Câu văn nầy thiếu không đủ chia ra phẩm; nên nhập vào với đoạn khác. Trong phẩm nầy chính nói về nhơn duyên; sau đó 2 phẩm nói về thọ ký. Phần đầu lại có 2. Một là đầu tiên làm rõ chỗ tri kiến dài lâu; hai là làm rõ sự kết duyên của đời trước. Đức Như Lai 3 lần minh chứng cho sự thấy xa ấy như thấy ngày hôm nay. Cho nên dẫn ra các việc, quyết định chẳng hư. Sau đó nói về túc thế vậy. Hai điều nầy mỗi mỗi đều có văn trường hàng và kệ tụng. Trường hàng phần đầu lại có 3. Một là ra chỗ, thấy việc; tức là việc tốt thành tướng tốt của Đại Thông Thắng Phật. Hai là đưa ra thí dụ để minh chứng cho sự lâu dài ấy và ba là đoạn kết, thấy xưa như nay v.v...

Kệ có 7 hàng, tụng về 3 nghĩa phía trước như câu văn. Từ „Phật thọ 540" trở đi là chính thức làm sáng tỏ chỗ kết duyên. Lại nữa đây có 2. Đầu tiên là lý do kết

duyên; hai là chính thức kết duyên. Lý do trong ấy lại có 2. Lý do xa và lý do gần. Lý do xa lại có 2. Một là Đại Thông Trí Thắng Phật thành đạo. 20 phương Phạm âm đến thỉnh cầu nghe pháp. Việc thành đạo lại có 5. Một là tuổi thọ của Phật dài lâu Phật nầy đang ngồi. Phần thứ 2 là những sự việc trước khi thành đạo. Sánh với con đường của chư Phật giống nhau; chỉ vì duyên sự khác nhau. Đức Thích Ca tu khổ hạnh 6 năm. Cỏ mọc chung quanh còn không biết. Chư thiên than khóc, đất rung động mà chẳng nghe để thay đổi chỗ ngồi để được đắc đạo. Di Lặc ngay trong ngày xuất gia liền đắc đạo. Vị Phật kia trong 10 kiếp ở trước mắt. Không có căn nào là lợi, độn; nhưng đạo thì có khó, dễ. Duyên ấy nói đầy đủ để chỉ có ngắn, dài. Ba là các vị Tỳ Kheo của Ngài Đại Thông trải qua 10 tiểu kiếp trở đi là minh chứng cho việc chính thức thành đạo. Bốn là vị Phật nầy chưa xuất gia là minh chứng cho việc sau khi thành đạo, quyến thuộc đến cúng dường. Năm là lúc ấy có 16 vị vua tán thán bằng những bài kệ. Đây là làm rõ chỗ thỉnh chuyển pháp luân.

Câu văn thứ nhất dễ giải thích. Câu văn thứ 2 trước khi thành Phật lại có 2. Một là Phật ngồi nơi Đạo Tràng, trải qua các thời tiết. Hai là chư thiên cúng dường. Từ „Phật bảo chư... đến lúc được tam bồ đề", phần thứ 2 nầy các Phạm Vương thỉnh cầu và câu văn chia làm hai. Một là uy quang chiếu động; 20 phương các vị Phạm Vương đến thỉnh. Uy quang đầu tiên là do nhơn quả trong quá khứ; nên kinh nói rằng: Khi mang thai Tất Đạt Đa, 3000 quốc độ bỗng nhiên có ánh sáng lớn. Mặt trời mặt trăng không chiếu đến mà nơi ấy vẫn được sáng tỏ.

Ở trong nầy chúng sanh mỗi mỗi được thấy tướng ấy. Lúc mới thành đạo lại cũng như vậy. Buổi sáng vì chư Thiên ở cõi Sắc; buổi trưa vì chư Thiên ở cõi Dục rồi dùng thần hồn để thuyết pháp. Buổi tối lại cũng như vậy. Quán tâm cho rằng khi chúng sanh sanh ra thì tâm tánh vốn thanh tịnh. Vì ấm, nhập, giới che khuất nên bị tối. Nếu tu quán huệ bổn tánh thì lý sẽ hiển. Lại nữa 2 núi ấy là 2 chân lý. Giữa thời gian ấy là đạo. Ánh sáng mặt trời, mặt trăng là 2 trí. Ánh sáng của Phật là trung đạo; chẳng phân biệt trí quang. Chiếu sáng cái gốc ấy có 3 chân lý làm cho chỗ tối cũng sáng.

„Lúc bấy giờ ở phía Đông" trở đi - Phần thứ 2 có 10 phương Phạm Vương. Câu văn nầy lại chia làm 2. Trước tiên là 9 phương và sau đó là phương trên. 9 phương nầy chia ra làm 4. Một là Đông. Hai là Đông Nam. Ba là Nam và bốn là tổng cộng làm sáng tỏ 6 phương khác. Trước 3 phương Phạm; câu văn nầy mỗi mỗi có 7. Một là thấy đoan nghiêm; hai là kinh ngạc; ba là muốn hỏi chỗ nghi ngờ; bốn là tìm ánh sáng đến để gặp Phật; năm là 3 nghiệp cúng dường; sáu là thỉnh pháp; bảy là mặc nhiên hứa khả. Tất cả như câu văn. Phương trên Phạm Vương dừng lại có 6. Thế Tôn liền nói cho nên chẳng phải mặc nhiên hứa khả. Ngày xưa nói: Đông, Đông Nam thỉnh nhỏ; bảy phương kia thỉnh lớn. Phương trên thỉnh nhỏ, lớn. Nếu Thích Luân làm sáng tỏ Phạm Vương, gốc chính là thỉnh lớn. Phật tuy nói về nhỏ; nhưng chưa theo chỗ thỉnh. Nếu nói Bát Nhã giống như là 10 Phạm Vương thỉnh. Nếu nương vào câu văn của phẩm Phương Tiện thì Phạm Vương thỉnh lớn. Kế đến Phật Pháp cùng giống

nhau, chẳng nên thỉnh riêng. Nay thì kinh luận còn lại đều lược. Chư Sư sửa rộng ra. Lại như Phật nay tự đầu chí cuối đều chuyển 5 vị Pháp luân, mỗi mỗi đều có mời Phạm Vương thỉnh. Kia lại cũng mặc nhiên. Phần đầu 16 chữ thỉnh chuyển đầy đủ dạy dỗ; rồi nay Phật nói Hoa Nghiêm. Đông, Đông Nam 2 phương ấy thỉnh chuyển nửa sự dạy dỗ. Như nay Phật nói ba tạng. Còn lại 7 phương sau thỉnh chuyển đối lại nửa kia để làm rõ chỗ đầy đủ ấy. Như nay Phật nói Phương Đẳng. Phương trên Phạm Vương thỉnh mang thêm một nửa để làm sáng tỏ chỗ đầy đủ. Như nay Phật nói Bát Nhã. Sau đó 16 chữ thỉnh bỏ phân nửa để làm rõ chỗ đầy đủ. Như nay Phật nói Pháp Hoa là đề hồ giáo vậy. Nay và xưa các tiết mục và văn, nghĩa giống nhau v.v...

„Lúc bấy giờ Đức Đại Thông Trí Thắng thọ nhận 10 phương" trở đi – là lý do kết duyên gần. Do Phật thọ nhận việc thuyết pháp; cho nên sau được che chở giảng chánh thức tạo việc kết duyên. Câu văn nầy chia làm 2. Một là trước khi chuyển về nửa chữ Pháp luân. Hai là các con thỉnh chuyển và phế bỏ một nửa, làm rõ đầy đủ chữ Pháp luân. Đầu tiên ấy lại chia làm 3. Một là thọ nhận việc thỉnh cầu; hai là chính thức chuyển pháp luân; ba là nghe pháp được đạo. Trong nầy nên nói về 3 thừa như câu văn của lời tựa, mà nay chẳng nói là chính thức vì kẻ hạ căn mà nói. Luận về kết duyên khai hiển v.v... Lược chẳng nói về lục độ. Ba lần chuyển nghĩa là biểu thị cho việc khuyến khích chứng đạo v.v...

Lại sẽ có 3 lần chuyển đối với sự chỉ bày giáo hóa làm cho lợi lạc vui mừng. Thị đây tức là thị hiện chuyển pháp luân. Giáo đây tức là khuyên chuyển pháp. Lợi kỷ nghĩa là chứng được việc chuyển pháp. Lại đối với việc thấy chân lý suy nghĩ, vô học. Vì Thanh Văn mà 3 lần chuyển. Vì Duyên Giác mà 2 lần chuyển. Vì Bồ Tát một lần chuyển. Vì sao lại như vậy ?

Do căn lợi, độn đã nói qua một lần rồi. Thông (giáo) cũng ví như tất cả 3 lần chuyển. Vì sao lại 3 lần? – Chư Phật nói pháp; pháp ấy đến với 3. Vì chúng sanh có 3 loại căn cơ vậy. Đại Luận và Bà Sa đều tạo ra thuyết nầy.

Hỏi: Đầu tiên là 5 người. Sao lại thực hiện cho 3 căn cơ ?

Đáp: Lại còn có 8 vạn chư thiên. Vì sao lại chẳng phải 3 căn. Vì sanh tam huệ, tam căn, tam đạo vậy. Có 12 hạnh. Đó là: Một là ước (giáo) về Tứ Đế; hai là ước về 16 hạnh. Giáo 12 tức là hiển thị khuyến khích để chứng được điều nầy. Hành 12 nghĩa là 3 lần chuyển tất cả đều sanh nhãn trí, làm rõ chỗ giác. Lại nữa giáo có 12 vì hay chuyển; hạnh có 12 vì sở chuyển. 12 hạnh là bánh xe; 12 giáo không phải bánh xe. Nếu tạo 2 nghĩa của bánh xe thì nhãn trí làm rõ cho người giác ngộ. Ước (giáo) có 48 pháp. Khai mở 4 tâm này thành 16 tâm. Nghĩa là pháp khổ nhẫn làm nhãn khổ; pháp trí làm trí. So sánh nhẫn nầy thì làm sáng tỏ chỗ so sánh trí làm giác. Ngoài ra 3 đế cũng lại như vậy. Cho nên thành ra 16 tâm. Ba loại căn tánh của người; mỗi mỗi cũng có 16 tâm. Cho nên thành 48 hành. 12 đế là bánh xe giáo pháp; 12 hành là

thực hành bánh xe chuyển pháp. Giáo luân tức là hay chuyển tuy là một quyền trí. Sở chuyển tức là 12 giáo vậy. Nếu hành pháp luân hay chuyển là giáo có 12. Sở chuyển là hành lại có 12. Hoặc Thông (giáo) có 3 người; Ước (giáo) có một người. Nay tựu chung thấy chơn lý đạo có 3 người. Kẻ lợi căn nghe, thấy thị hiện chuyển pháp liền sanh nhãn trí và làm sáng tỏ chỗ giác. Ba người hợp lại đưa ra cho nên nói là 12 hành. Chỗ chẳng thể chuyển là Sa Môn chẳng nghe việc trên, lại chẳng thể hiểu rõ. Hà huống là hay chuyển.

Bích Chi Phật tuy giác ngộ ở miệng; nhưng chẳng thể giảng nói Bà La Môn nghe gọi điều nầy; nhưng chẳng giải rõ lý nầy. Ma Phạm lại cũng như vậy. Phu chuyển nghĩa là chuyển pháp nầy độ nhập vào tâm kia, làm cho kia được giác ngộ và phá trừ 62 kiến chấp. Lại gọi là chuyển pháp luân. Vì chẳng thể sánh nghĩa nầy với Ma Phạm; vì họ không thể chuyển được. Lại có nơi giải về Đại Thừa Tứ Đế. Kế tiếp đó chuyển 2 đế và tiếp theo chuyển 1 đế và lần lượt chuyển không còn đế nào. Tất cả đều được gói trọn ý trong ấy.

Tiểu Thừa Tứ Đế dùng sanh diệt làm thể. Đại Thừa dùng vô sanh diệt làm thể v.v... 12 nhân duyên ấy là trở lại biệt tướng, quán rõ về Tứ Đế. Ước (giáo) nói về khổ tập tức là có vô minh, lão tử. Ước (giáo) đạo diệt tức là có chỗ vô minh diệt cho đến lão tử diệt. Lại có 3 người theo Thông (giáo) thì quán 12 duyên. Nhị Thừa sanh diệt 12 duyên. Vì Bồ Tát vô sanh 12 duyên. Vô sanh 12 duyên. Gốc ấy vốn không sanh cho nên nay chẳng diệt.

Tướng sanh tức là tướng sanh chuyển chuyển đến diệt v.v...

Lại nữa Tam Thừa cũng như Thông (giáo) luận về Tứ Đế. Nhị Thừa có so sánh cùng Tứ Đế. Vì Bồ Tát không so sánh Tứ Đế. Lại nữa lục độ lại Thông (giáo) 3 người. Trong Đại Phẩm phần Phát Thú phẩm nói rằng: A La Hán Bích Chi Phật. Nhơn là 6 Ba La Mật cho đến bờ kia. Nhiếp Đại Thừa nói rằng: Phàm phu nhị thừa tất cả đều có lục độ, thường là chẳng giống nhau. Nếu được đầy đủ Ba La Mật thì hàng Nhị Thừa đến bờ Niết Bàn bên kia. Lại được gọi là Ba La Mật. Thường là chẳng đến được Phật đạo bờ kia. Bồ Tát này khác biệt. A Tỳ Đàm nói có 6 chân. Sáu chân đây là 6 độ. Kinh Bảo Vân làm sáng tỏ 3 thừa Tỳ Ni v.v...

Phần thứ 3 là nghe pháp được giác ngộ. Đầu tiên người kém và trung bình nhiều. Chẳng thọ tức là không giữ 4 việc thấy. Ngộ sơ quả, được giải thoát. Thoát ra khỏi 2 sự trói buộc là quả con, được vô học. Thâm diệu định tức là đều giải thoát cả v.v...

Lúc bấy giờ 16 vị Vương Tử đều xuất gia trở đi - Phần thứ 2 thỉnh thêm một lần nữa về mãn tự Pháp luân. Câu văn nầy lại có 7. Một là xuất gia; hai là thỉnh pháp; ba là cùng xuất gia; bốn là Phật nhận lời thưa thỉnh; năm là lúc chúng có rõ và không rõ; sáu là thời tiết và bảy là nói rồi nhập định. Chủ căn đây tức là 6 căn. 6 căn thanh tịnh cho nên nói là thông lợi. Lại nữa 6 căn hỗ tương với nhau; nên nói là thông. Vào cảnh giới Phật; cho nên nói là lợi. Trí huệ minh liễu nên khai, thị, ngộ, nhập. Phật kia

đầu tiên nói về viên đốn. Chư Thiên Đại Thừa công đức tất cả đều đầy đủ. Thương cho các phương tiện; nên lại khai quyền hiển thật một lần nữa. Thanh Văn tất cả đều đã thành tựu. Làm rõ chứng nầy để trừ những cơ nguy động loạn. Do vậy mới thỉnh. „Chúng con chí nguyện tri kiến của Như Lai" là kinh Pháp Hoa nầy hằng làm rõ chỗ tri kiến Phật. Duy ý chí là đối với việc nầy. Tức là chính thức thỉnh. Câu văn đầy một chữ, bỏ nửa chữ. Làm sáng tỏ chỗ hiển là điều nầy. Qua 2 vạn kiếp là bên trên khai 3 rồi liền lâu dài; chẳng gồm ở giữa, không có việc gì. Nhìn xuống ý những câu văn phía dưới thì 2 vạn kiếp. Tất nhiên nói Phương Đẳng, Bát Nhã. Câu văn nói rằng: Nói lục Ba La Mật và các việc thần thông. Bát Nhã là việc thực hành thần thông. Trong các kinh Phương Đẳng phần nhiều làm sáng tỏ những việc làm bất khả tư nghì. Trong câu văn tụng lại nói rằng: Phân biệt pháp chân thật. Tức là Đại Phẩm làm sáng tỏ thật tướng của ý Bát Nhã.

16 Sa Di tín thọ cùng với Nhị Thừa tức là tin được giải thoát. Ngoài ra một ngàn vạn đều sanh nghi hoặc. Việc nầy chúng không thể giải được. Việc nầy họ không giải được tức là cùng với 16 người con ấy. Phần kết của Pháp Hoa là duyên.

Phần thứ 7 làm sáng tỏ chỗ thuyết pháp rồi nhập định. Đây chính là lý do gần của việc kết duyên. Do Phật nhập định chưa ra khỏi; cho nên những nghi ngờ của mọi người chẳng biết thưa thỉnh ai. Với 16 vị nầy sau đó không giải thích. Kinh che lấp không giảng việc nầy.

Trong câu văn làm sáng tỏ chỗ nhập định; tức là chỗ thanh tịnh. Chánh nhập định tức là trụ ở nơi thiền định. Nhập định thời gian tức là 8 vạn 4 ngàn kiếp v.v...

„Lúc ấy 16 vị Bồ Tát (Sa Di) rõ Phật nhập thất" trở đi. Phần thứ 2 là chánh kết duyên. Tựu chung điều nầy có 2. Trước tiên là nói pháp kết duyên. Kế đến là nói dụ để kết duyên. Tựu chung nói pháp lại có 3. Thứ nhất là làm sáng tỏ xưa nay chỗ cùng kết duyên. Thứ 2 là làm rõ khoảng trung gian lại gặp gỡ. Thứ ba là làm rõ chỗ nay trở lại nói Pháp Hoa.

Phần một lại có 4. Một là rõ việc Phật nhập định; hai là Vương Tử che lấp việc giảng; ba là chúng được lợi ích và 4 là Phật từ định khởi dậy xưng tán các Bồ Tát. Do Phật nhập định cho nên được nói. Phật rõ biết một lần giáo hóa là xong, chẳng cần phải thuần thục những người ở giai đoạn nầy. Cho nên làm cho Vương Tử cùng với sự kết duyên nầy. Lại nữa rõ biết những điều nầy là do các Vương Tử; cuối cùng được độ. Vì nhập định lâu, chẳng ra khỏi v.v...

„16 vị Sa Di nầy" trở đi - Phần thứ nhất là rõ Phật nhập định. „Mỗi vị thăng tòa nói pháp" - Phần thứ 2 chờ nói Pháp Hoa. „Mỗi mỗi đều được độ" - Phần thứ 3 thuyết pháp làm lợi ích. Tất cả đều phát Bồ Đề tâm; cho nên nói rằng độ. Nếu lúc sơ phát tâm thệ nguyện sẽ làm Phật để trải qua ở thế gian; tức nghĩa là trải qua 7 phương tiện bỉ ngạn vậy. „Đại Thông Trí Thắng qua 8 vạn" - Phần thứ 4 là Phật từ định dậy, xưng tán khuyến tin. Trong nầy lại có 2. Một là chính thức xưng tán các Bồ

Tát. Hai là các ngươi tất cả đều sẽ được khuyên là gần gũi giữ thân cận. Trong việc khuyến vật thân cận lại có 2. Trước tiên là khuyên gần gũi. Kế đến từ „vì sao vậy" trở đi - Phần thứ nhất là giải thích cái ý khuyên thỉnh. „Phật bảo 16 vị Tỳ Kheo nầy". Phần thứ 2 làm sáng tỏ ở khoảng thời gian giữa thường hay gặp nhau. Việc gặp nhau lại có 3 loại. Nếu gặp gỡ ngẫu nhiên thì thường là thọ Đại Thừa. Khoảng trung gian nầy tất cả đã thành tựu rồi, chẳng đến ngày hôm nay. Nếu mà sự gặp gỡ ngẫu nhiên thì sẽ bỏ Đại; nhưng lại tiếp nhận Tiểu. Bối cảnh trung gian nầy giống như chưa hết. Nay lại được nghe những lời giáo huấn của Đại Thừa. Ba là chỉ luận việc gặp Tiểu chứ chẳng luận về gặp Đại. Tức là trung gian chưa độ. Ngay cả ngày nay lại cũng chưa hết. Đầu tiên thì thọ nhận Đại, cho đến sau khi diệt độ, được đạo gọi là đây.

Hỏi: Như bên trên có hứa về thời gian lâu dài; nay đầu tiên là La Hán; phải biết rằng vô sanh pháp nhẫn sao lại có thể dễ được các cấp vậy ?

Đáp: Thứ nhất nói rằng: Đại Thánh thiện xảo nương vào Tứ Tất Đàn (4 sự thành tựu) để nói như thế này; hoặc nói Phật đạo dài lâu; hoặc nói Phật dễ được. Đối trị yểm đạo dài thì nói ngắn. Đối với Đạo sanh khinh dị nên nói lâu dài. Hoặc vì phát sanh căn lành đời trước. Hoặc tùy theo sở dục của thế gian; hoặc vì nghe nói dài, ngắn liền được nhập vào đệ nhứt nghĩa. Nên biết rằng: nói như hỏi về số kiếp và nay lại được A La Hán. Đây

chính là quyền thực hành Tứ Tất Đàn. Hướng dẫn họ thực hành nhập đạo vậy.

„Chư Tỳ Kheo! Nay ta nói ngươi ở Đức Phật kia" trở đi - Phần thứ 3 làm rõ ngày nay trở lại nói kinh Pháp Hoa. Câu văn nầy lại chia làm 2. Trước tiên là cũ gặp mới. Sau đó làm sáng tỏ trở lại, nói kinh Pháp Hoa. Phần đầu cũ gặp mới lại cũng có 2. Một là nối kết các Thầy xưa và nay. Hai là gặp đệ tử xưa và nay. 16 vị Sa Di là xưa. 8 phương làm Phật là nay.

„Chư Tỳ Kheo! Chúng ta mỗi người làm Sa Di" trở đi. Kế đến gặp đệ tử lại có 2. Một là gặp trong hiện tại và hai là gặp ở vị lai. Hiện tại lại có 4. Một là chẳng thối lui, trụ ở Tam Bồ Đề. Hai là những chúng sanh nầy thoái chuyển; nay trụ ở Thanh Văn. Ba là „sở dĩ giả hà" trở đi, giải thích cái ý về việc thoái trụ. Bốn là lúc ấy chỗ giáo hóa vô lượng trở đi là chính thức kết hợp lại với xưa và nay. „Và ta diệt độ, vị lai thì" trở đi - Phần thứ 2 là gặp các đệ tử trong tương lai. Phần nầy lại có 2. Một là chính thức gặp; hai là „ta diệt độ rồi sau đó lại có" giải thích phần nghi. Nghi ở đây nói cái gì ? - Hiện tại được nghe Phật nói Pháp Hoa được nhập vào một đạo. Đây có thể là việc kết duyên lưu bố. Vị lai ấy là chẳng nghe Pháp Hoa mà vào diệt độ. Điều ấy há có thể bỏ Tiểu được nhập vào Nhứt Thừa chăng ? - Giải thích rằng: Tuy là diệt độ; nhưng muốn cùng gặp được nghe. „Ta ở nơi các nước ấy làm Phật được nghe kinh nầy. Các nước kia tức là Tam Thừa Thông Giáo, hữu dư quốc. Ngoài ra các Đức Như

Lai phương tiện nói pháp. Đoạn nghi ở đây là 3 phương tiện để nói. Sự thật nầy không có 3.

„Chư Tỳ Kheo! nếu Như Lai" trở đi - Phần thứ 2 chính thức làm sáng tỏ việc ngày nay trở lại nói kinh Pháp Hoa. Việc nầy lại có 3. Một là lúc chúng thanh tịnh. Hai là chính thức nói kinh Pháp Hoa; ba là giải thích phía trước để khai 3 ý. Đến lúc Niết Bàn, chư Phật ra đời dạy đạo và lúc xong rồi, liền nói kinh nầy. Như Phật Ca Diếp và Phật Nhật Nguyệt Đăng Minh v.v... khi các Ngài nói kinh nầy xong, liền nhập Niết Bàn.

Đức Thích Ca nói kinh Pháp Hoa rồi liền xướng lên rằng: Ta sẽ nhập diệt. Chúng lại thanh tịnh tức là đoạn đức vậy. Tín giải kiên cố. Tin ấy tức là 4 lòng tin không hư hoại. Giải tức là vô lậu chánh giải. Liễu đạt chơn đế, đầy đủ những Thiền Định. Trí nầy đoạn lập vậy. Lúc bấy giờ dạy sâu đạo lớn, nghe rồi tất nhiên tin nhận. Lại nữa chúng ấy lại thanh tịnh, được Tam Tạng giáo ích, miễn trừ những việc khổ nạn. Tín giải kiên cố nghĩa là đối với những lời dạy của Phương Đẳng về tâm, tướng, thể và tín. Liễu đạt pháp không, nghe lời dạy của Bát Nhã và thuyết pháp. Đối với trong pháp không, tâm được liễu đạt, tức là chuyển cái ý của sự dạy dỗ. Từ „liền đó các Bồ Tát tập hợp lại". Đây là chính thức nói Pháp Hoa. Tập hợp các Bồ Tát tức là tụ hội thân tộc lại để nói kinh nầy.

Bên trên có giải thích về thân tộc và pháp thân Đại Sĩ ảnh hưởng chúng. Dùng lời văn nầy để làm kinh nghiệm cho nghĩa nầy và xác minh. Tập chư Bồ Tát là hội các thân tộc lại và chúng Thanh Văn là thân mệnh của

những người con nầy. „Tỳ Kheo nên rõ, Như Lai phương tiện" trở đi là giải thích khai mở 3 ý. Nếu ở đời không có Nhị Thừa mà được diệt độ thì vì sao Như Lai trước phải nói về quyền giáo? Giải thích rằng: Tỳ Kheo nên rõ Như Lai phương tiện là sâu rõ chúng sanh có tánh Tiểu, muốn đắm trước vào nơi những tệ hại của ngũ trần nên có 5 sự ô trọc. Do vậy, đầu tiên nói 3, làm cho phá tan những tệ hại ấy để miễn trừ sự khó khăn. Sau đó lại nói một. „Giống như 500" trở đi - Phần thứ thí dụ vậy. Có khai, có hợp khai và dụ ấy lại chia làm 2. Phần thứ nhứt dụ về vị Đạo Sư. Phần bên trên che đậy cùng giảng giải kết duyên lớn tức là nghi về nhà lửa, tổng dụ về phương tiện là con được lược tụng. Phần thứ 2 dụ về vị Đạo Sư tương lai. Dụ bên trên, ở giữa gặp gỡ nhau và nay thì trở lại nói kinh Pháp Hoa vậy. Nếu ở khoảng giữa gặp từ „ta nghe pháp, tất cả đều vì Tam Bồ Đề; chẳng vì người nầy mà tạo ra thí dụ. Nếu ở khoảng giữa mà gặp „nay trụ ở Thanh Văn địa", chính là vì người nầy tạo ra 2 thí dụ vậy. Tức là phỏng theo thí dụ riêng về phương tiện của nhà lửa và tụng rộng ra. Cuối cùng về thí dụ của vị Đạo Sư đầu tiên ấy, qua câu văn nầy có 5.

Thứ nhất tức là phỏng theo thí dụ tổng quát về nhà lửa, về phương tiện lược tụng, trong đó có 6 ý. Dụ 150 do tuần là dụ cho bên trên chưa độ được các niềm vui, mà dính mắc vào các luận, rồi trở lại nơi chốn. Tức là phỏng theo trong nhà lửa rộng rãi nầy của 3 cõi chẳng an ổn; nên phẩm Phương Tiện an ủi đối lại với cái ý chẳng an ổn ấy.

Thứ hai là thí dụ về con đường nguy hiểm xấu ác. Dụ bên trên là chưa độ được những phiền não sâu dày; nên đối với trí tuệ của Như Lai khó tin, khó giải. Tức là phỏng theo trong nhà lửa ấy khởi lên phương tiện phẩm để an ủi đối với pháp chẳng an ổn kia.

Thứ ba là thí dụ về số nhiều. Đây chính là dụ cho bên trên có trăm, ngàn, vạn, ức loại; tất cả đều sanh ra nghi hoặc, chẳng thể rõ được của chúng sanh. Tức là dụ cho trong nhà lửa ấy có 30 đứa con và 500 người là phương tiện để nói về trí của chúng sanh và ý của tánh dục.

Thứ tư là thí dụ về ý muốn qua khỏi con đường nầy để đến nơi có của cải quý giá. Ngày xưa thì chẳng giữ; nhưng nay thì giữ lại thí dụ nầy. Dụ bên trên che đậy việc nói về Pháp Hoa. Phỏng theo thí dụ về cỏ; trong ấy chỉ có một vị của mưa và trong nhà lửa ấy duy nhất chỉ có một cánh cửa, phẩm Phương Tiện là ý nói về chỉ bày cho con đường của Phật ấy.

Thứ năm là thí dụ cho một vị Đạo Sư. Dụ bên trên nầy nói về vị Vương Tử thứ 16. Tức là trong cỏ thuốc ấy có mây dày, nhà cháy và Trưởng Giả phương tiện, nay ta lại có ý như thế.

Hỏi: Trong nầy tạo ra thí dụ, sao chẳng làm cho cha con xa lìa, khiến cho Trưởng Giả lo lắng vào nhà lửa, chẳng phải gọi là hư vọng sao ?

Đáp: Phàm tạo ra tên của thí dụ, mỗi mỗi tùy theo ý nghĩa. Bên trên lấy sự cơ cảm mà có không. Cho nên

nói là cha con xa nhau, rồi cha con gặp nhau. Nếu dùng sự cảm ứng lúc ban đầu là phú thác cho cơ hội; cho nên nói rằng kinh ngạc vào nơi nhà lửa. Ở điều nầy làm rõ chỗ dẫn dắt chúng sanh, đời đời thường gặp nhau. Chỗ nào được gọi là xa nhau. Trước đó lâu dài kết nối nhân duyên, cái nào được nói ban đầu nên như thế. Vì nghĩa nầy cho nên chẳng tạo ra sự xa lìa và gọi là sự kinh ngạc vào vậy, mà đây là ý nầy, chắc rõ.

Hỏi: Vì sao chẳng tạo ra thí dụ chẳng hư ngụy ?

Đáp: Từ trên đến đây đã có 22 lần khai quyền hiển thật là ý nghĩa của hình ảnh nầy. Bất hư, ý muốn chính là khuyên bảo sự tin tưởng. Kẻ hạ căn tin tưởng chẳng lâu dài; cho nên chẳng đầy đủ. 500 do tuần ở đây là ở vị Thầy nầy 3 cõi kết hoặc làm thành 300. Bảy địa chỗ đoạn tập khí làm 400. Bát địa trở lên đoạn vô minh làm 500. Nay ở đây nghĩa là chẳng phải nghĩa riêng biệt chính đáng. Lại nữa chẳng phải nghĩa thông thường của Tam Thừa.

Lại có người nói rằng: Nổi trôi sanh tử, dễ dàng biến thành tử sanh. Ở giữa sự sanh tử ấy phân chia ra sự sanh tử. Thường hay lấy 3 loại khai mở làm 500. Chẳng dùng đến sự nổi trôi. Lưu lại là đầu tiên có sự hiểu biết; ngược lại với lúc ban đầu. Cho nên chẳng nói vậy. Có người nói điều nầy khó. Thắng Phát nói rằng: Nhơn có 5 và quả có 2. Quả 2 nghĩa là Phân đoạn biến dị. Nhơn ấy là 5 trụ. Nói quả tức là biệt khai lưu lại cùng với trung gian. Nói là nhơn, lại liền nói rộng về 5 trụ. Chẳng dựa theo, chẳng thể dùng đến. Đại Luận làm sáng tỏ nhục

thân Bồ Tát, tức là phân đoạn. Pháp thân Bồ Tát tức là biến dị. Lại nói rằng: A La Hán xả bỏ báo thân của 3 cõi, thọ thân Pháp tánh. Cho nên rõ biết sanh tử là 2 vậy. Có người nói rằng: 300 ấy dụ cho 3 cõi. 400 ấy dụ cho Thất Địa. Giữa 2 nước khó qua. 500 ấy dụ cho Bát Địa trở lên. Khó ấy là nói về 400 dụ cho Thất Địa; tức là cùng với 300 dụ cho Lục Địa và Lục Địa ấy cùng với Nhị Thừa tế công. Nhị Thừa lâu dài mà chỉ có 60 kiếp; hoặc giả 100 kiếp. Từ Bồ Tát đến Lục Địa thì 22 Đại Tăng Kỳ. Nhị Thừa đối với con đường thành Phật quanh co qua lại chẳng được dễ dàng. Nay nghĩa nầy chẳng phải là nghĩa khác, lại cũng chẳng phải là nghĩa thông thường. Có người nói rằng: Tam giới là 300. Thất trụ và Nhị Thừa là 400. Từ Thất trụ trở lên là 500.

Như Đại Kinh nói rằng: Quả đầu tiên 8 vạn kiếp cho đến Bồ Đề Tâm xứ. Như con người có 3 gốc, đến được nơi nầy tức là lành giải. 5 loại người cho đến nơi nầy; gọi là qua 500 vậy. Đây chính là chỗ tối gần; cho nên nói là đến 8 vạn kiếp. Kẻ lanh lợi không cần đến như vậy. Như Phật ở đời được Tứ Quả vậy. Khi nghe Pháp Hoa đều phát tâm. Hà tất phải là 8 vạn kiếp. Ngài A Nan nói: Trải qua chỗ sáng tỏ, 300 do tuần, đứng nơi Nhị Địa, há đây là qua chỗ 3 người sao ? Nếu 5 người cùng phát tâm Bồ Đề; gọi đây là qua 500 người. Cùng với ý của Đại Kinh là một. Làm rõ chỗ 5 người phát tâm, lìa nơi Ngũ Vị. Chẳng phải là ý trong nầy. Trong nầy làm sáng tỏ 300 ấy là quyền thừa độ cho hóa thành. 500 ấy đến bảo sở, gọi thật độ, bỏ hóa thành, tiến đến bảo sở. Nếu 5 người đều qua, đều tiến; khi mất hóa thành thì dụ cho ý nầy.

Có người nói rằng: 3 cõi là 300; Thanh Văn là 400. Duyên Giác địa là 500. Phàm phu 3 cõi chướng. Nhị Thừa Niết Bàn chướng. Lại nữa có, không hai cách thấy. Hoa Nghiêm cây thuốc chẳng sanh, thấm nước sâu, đề phòng hầm lửa. Hầm lửa tức là 3 cõi. Nước sâu ấy là Nhị Thừa. Ba cõi đối với Nhị Thừa là lao ngục. Nhị Thừa đối với Bồ Tát là lao ngục. Lại nữa phước trí nhị biên, chẳng thể tự hành, chẳng thể hóa tha. Đại Phẩm làm rõ chỗ 400 do tuần, cùng với Nhị Thừa thành 100. Pháp Hoa khai mở thành 500. Đại Phẩm làm rõ chỗ Bồ Tát qua khỏi Phàm Thánh Nhị Địa; chưa làm sáng tỏ Nhị Thừa tức là quyền. Ý là bỏ hóa thành, liền chưa luận về hóa thành. Lại chưa làm rõ bảo sở.

Đáp rằng Đại Phẩm đã hiển thật; cho nên hiện ra bảo sở; chưa khai quyền, chẳng làm rõ chỗ hóa thành.

Câu văn bên dưới nói rằng: Vì dừng lại; cho nên nói Nhị Niết Bàn. Đây làm cho qua khỏi 300 do tuần. Nơi Trụ Địa của ngươi gần nơi Phật Huệ. Điều nầy làm cho ra khỏi 200 do tuần. Câu văn liền phân chia rõ, không có lao hoặc. Lại làm rõ Nhị Thừa 6 nghĩa cùng với 10 nghĩa riêng biệt. Cùng ra khỏi 3 cõi, cùng hết nơi sanh, cùng đoạn chánh sử, cùng được hữu dư, vô dư; cùng được tất cả trí, cùng gọi là Tiểu Thừa. Cho nên hợp lại làm một hóa thành. Riêng khai 10 nghĩa. Hành nhơn xa gần 10 kiếp, 100 kiếp. Căn lợi độn từ vị Thầy, riêng ngộ không buồn hươu dê. Có tướng, không tướng, quán lược bớt chỗ rộng. Hay nói được Tứ Quả pháp. Chẳng thể nói pháp được noãn pháp. Phật ở đời hay chẳng ở đời. Đốn

chứng, tiệm chứng, hiện nhiều thần thông, ít thuyết pháp. Thanh Văn chẳng định, nhà lửa 3 xe; nay làm 200. Ba căn giống với nhà lửa bị thiêu đốt. Ba căn cầu ra khỏi cho nên có 3 xe. Con đường thành Phật quá xa đối với Nhị Thừa; cho nên phải lìa khỏi 200. Phật Thừa không có chướng ngại, thường hay làm rõ chỗ 200. Vì sao mà Ước (giáo) phàm khai làm 3 và Ước (giáo) với Thánh khai làm hai. Đây chính là lời nói dẫn dụ. Đã qua rồi dụ cho Tiểu. Chưa qua được, dụ cho nhiều. Nếu như vậy thì chưa thành nghĩa rốt ráo mà con đường thành Phật tuy dài xa như vạn lý mà có 500 hơn; tức là dễ dàng.

Hỏi: 200 là Nhị Thừa nan. 3 cõi thì phàm phu nan. Vậy thì Bồ Tát có khó khăn chăng ?

Bồ Tát chẳng lấy nhà lửa làm khó. Nên chẳng cầu xe để ra khỏi mà cầu xe ra khỏi. Làm sao cầu 200 sở chứng để làm gì ? v.v...

Đại Luận quyển thứ 66 nói rằng: Con đường nguy hiểm là thế gian. 100 do tuần là dục giới; hai trăm là sắc giới, 300 là vô sắc giới; 400 là Nhị Thừa. Ngược lại ra khỏi 100 là con đường của Nhị Thừa. 200 là vô sắc và 300 là sắc giới; 400 là dục giới. Kinh nầy làm rõ 500 do tuần tức là con đường của Bồ Tát. Nếu hơn 500 tức là vào con đường thành Phật v.v... Có vị Thầy và kinh luận khác nhau về lối ra như phía trước. Nay nương vào kinh để phán đoán Tam giới quả báo xứ có 300. Hữu dư quốc xứ có 400. Thật báo quốc xứ có 500. Câu văn phía dưới hợp với các thí dụ nói rõ về các việc sanh tử. Sanh tử tức là nơi chốn rõ ràng. Với yếu chỉ Phật thì khó rõ biết, liền

nên giải rộng. Kiến hoặc ấy là 100. Năm phần bên dưới là 200. Năm phần bên trên là 300. Trần sa là 400. Vô minh là 500. Câu văn phía dưới hợp các thí dụ lại nói về phiền não hiểm nguy, ác đạo, nghĩa ấy giống nhau. Nhập vào không để quán hay qua khỏi 300. Nhập vào giải để quán, có thể qua khỏi 400. Nhập vào trung để quán có thể qua khỏi 500.

Câu văn phía dưới hợp với các thí dụ nói về thiện trí hiểm đạo, tướng sai biệt qua lại; tức là 2 trí nhơn quả 2 loại 500 nghĩa phù trợ nhau. Hai là hiểm nạn ác đạo, dụ cho sanh tử nhơn quả vậy. Phân đoạn biến dị điều nầy tức là quả hiểm nạn. Kiến, tư ngũ trụ tức là nhơn hiểm nạn. Do nhơn quả nầy; cho nên nói là ác đạo. Vô nhơn tức là con đường ấy có 2 loại. Một là sáng sủa tuyệt diệu có người có thể nương tựa vào. Hai là không có người có thể nương tựa. Dụ cho trong sanh tử có Niết Bàn, trong phiền não có Bồ Đề. Tuy lại sáng sủa tuyệt diệu tức là có người có thể nương vào. Nếu sanh tử phiền não mà không có Niết Bàn Bồ Đề thì trong thuốc không có bịnh và trong bịnh không có thuốc. Đây là sự sáng sủa tuyệt diệu không người có thể nương tựa. Ba là có nhiều chúng. Đây là dụ cho Vương Tử, chỗ hóa ấy chưa độ được chúng. Bốn là muốn qua khỏi con đường nguy hiểm nầy. Cầu đến các loại giác ngộ. Nói là đến nơi có nhiều của quý. Năm là có một vị Đạo Sư, tức là 16 vị Vương Tử vậy. Mắt tai thanh tịnh nói là thông minh. Ý thanh tịnh tức là lanh lợi. Tổng cộng mà nói tức là 6 căn thanh tịnh. Trí đây tức là một tâm ba trí. Minh đây tức là đầy đủ 5 mắt. Lại nữa tam minh là làm rõ cho Thập Lực đã đạt. Từ

người dẫn đường chúng sanh trở đi là phần thứ 2 thí dụ cho việc dẫn dắt. Đây cùng với nhà lửa phương tiện, việc dụ tụng rồng, ý ấy giống nhau. Tựu chung câu văn nầy có 3.

Một là thí dụ về chỗ gặp người. Dụ căn bản kết duyên với kẻ chưa được độ, bản duyên chẳng mất mà làm đạo sư sẽ gặp. Giống như bên trên nơi nhà lửa Trưởng Giả thấy lửa kinh sợ, nơi phẩm Phương Tiện thấy ngũ trược mà khởi tâm đại bi.

Hai là thí dụ về trên đường đi lười biếng thối lui. Ở khoảng giữa ấy gặp ngay việc thối tâm Đại Thừa; tức là tiếp cận với Tiểu. Cùng với việc ở trong nhà lửa chẳng dùng đến thân hình tay chân mà ca ngợi 3 xe hy hữu. Phẩm Phương Tiện tức là Đại Thừa hóa về niệm dụng với ý phương tiện vậy.

Ba là lúc ấy Đạo Sư biết người nầy trở đi, tức liền diệt mất hóa thành để dụ cho việc đến bảo sở.

Dụ bên trên để trở lại nói kinh Pháp Hoa, liền tập hợp các vị Bồ Tát và các chúng Thanh Văn để nói kinh nầy tức là cùng với nhà lửa chỉ cho một xe phương tiện và nhân đó nói về Vô Thượng Đạo, ý ấy giống nhau. Phân biệt câu văn và lần lượt giải thích câu văn đầu là chỗ gặp người. Qua đó kết duyên với người. Ngày xưa được lợi ích lớn, bị gặp cảnh nầy. Chưa được sự lợi ích lớn, đúng là chỗ nầy. Nếu Ước (giáo) trong 500 người và 30 người con thì vẫn chưa có người khai ngộ. Trên đường đi giải đãi thối lui, tức là thí dụ thứ hai nầy. Câu

văn nầy lại chia ra làm hai. Một là bỏ lớn; hai là tiếp nhận nhỏ. Bỏ lớn là phỏng theo bên trên, tức là một. Tiếp nhận nhỏ là phỏng theo bên trên bỏ ba. Bỏ lớn, câu văn nầy chia làm ba. Một là giữa đường giải đãi thối lui; tức là phỏng theo bên trên không có cơ duyên lớn. Hai là bạch với Đạo Sư rằng: Phỏng theo bên trên chẳng thọ nhận lời khuyên răn. Chúng ta mệt thật tức là chẳng thọ nhận nơi cửa khuyên lơn, mà lại sợ hãi tức là chẳng thọ nhận lời khuyên ở cánh cửa. Ba là chẳng thể tiến tức là phỏng theo việc bên trên liền hóa đi. Phân chia câu văn ấy ra, sẽ giải thích như sau:

Ở đầu và giữa đường là chẳng phải ở giữa mà gọi là giữa đường. Đây là lấy sự phát tâm làm chỗ bắt đầu và cho đến khi thành Phật là cuối cùng. Giữa hai thời gian nầy khởi lên ý thoái lui; cho nên gọi là giữa đường. Lần thứ hai bạch với Đạo Sư rằng: Tự ái qua giữa đường ấy một vị Đạo Sư từ bi. Như câu văn nói: Có một Đạo Sư cùng hướng dẫn mọi người. Tự có kết duyên với Đạo Sư. Như câu văn nói chỗ gặp người và họ bạch với Đạo Sư. Tức là có quyền trí Đạo Sư. Như câu văn nói. Đạo Sư có nhiều phương tiện. Tự có thật trí Đạo Sư. Như câu văn nói. Đạo Sư rõ biết người nầy là vậy. Nay nói bạch với Đạo Sư, chính là nói việc kết duyên Đạo Sư. Dùng sự thối lui nầy từ chỗ lớn; tức là lớn ấy mất và tiếp nhận cái nhỏ: tức là cái nhỏ sanh. Một sanh một diệt, cảm nơi pháp thân; nơi gọi đây là bạch. Vương Tử rõ biết sự thối lui chỗ lớn nầy tức là nghe chỗ thưa nầy. Căn lành yếu ớt. Vô minh là chỗ che lấp cho nên nói là thật mệt. Nản sanh tử nên gọi là sợ hãi. Phần thứ ba là chẳng thể tiến tới

con đường phía trước, dụ cho sự xa xôi. Kiến, tư trần sa và vô minh khó thể đoạn dứt; cho nên mới tiếp nhận Tiểu Thừa. Chẳng làm cho đốn mà trở lại nơi gốc, lại có nghĩa là tiến.

Từ Đạo Sư nhiều phương tiện trở đi. Phần thứ hai tức là dùng sự tiếp cận với Tiểu. Bên trên nhà lửa Phương Tiện khai Tam Thừa pháp; tất cả đều có 4 ý. Trong nầy đầy đủ. Đầu tiên nhiều phương tiện dụ cho sự phỏng theo tuyên bố, mà tạo ra sự nhớ nghĩ. Phần thứ 2 bị thương tổn và mất của quý báu. Dụ cho việc rõ biết có Tiểu mà chẳng có Đại. Kế đến liền nghĩ như sau: Phần thứ 3 là dụ cho sự hóa thành. Đây là chính thức dùng phương tiện, là lúc quá mỏi mệt với chúng. Phần thứ 4 là vào thành, dụ cho ngộ nhập Tam Thừa. Hai ý bên trên như câu văn, tạo ra hóa thành tức là dụ cho tự trở lại chia làm hai. Đầu tiên là tạo ra sự hóa ấy và sau đó nói về hóa. Dùng lực phương tiện để chính thức tạo ra hóa ấy. Bảo cho đại chúng và chính thức nói rằng khác. Bên trên xe dụ nói rằng:

Ta vì các ngươi mà tạo ra xe nầy. Nay thành đã có; cho nên trước là tạo tác và nói là hóa thành dụ, phỏng theo sự khuyến khích chỉ bày chứng đắc bên trên. Các ngươi chớ có sợ hãi, chưa được mà đã muốn trở lui nên khuyên lơn thay đổi, làm cho tiến tới phía trước và vào thành. Nay được ở thành lớn và cho đến việc tùy theo ý mà làm. Đây chính là chỉ bày chuyển đổi. Chỉ cho thành ấy có thể ở. Nếu vào thành rồi được yên vui thì chứng

chuyển, tán thán thành ra an ổn. Trước khi đến bảo sở, lại có thể được rời khỏi.

Trong Tam Tạng chưa luận về việc tiến đến phía trước. Một nói là làm rõ Tam Thừa thì mới nói. Nếu phát khởi Đại Thừa cầu thành Phật thì đó lại là tốt. Như điều nầy chẳng thể hay tạo ra Tam Thừa lại cũng tốt. Ví dụ như Thắng Man nói rằng:

Tam Thừa, nghiệp đầu chẳng ngu nơi pháp, tự rõ biết được làm Phật, thường trốn sợ chẳng kham; cho nên chấp vào sự tịch diệt vĩnh viễn. Nếu như vậy thì thành Biệt giáo. Lại nói rằng: Hay làm cho vào hóa thành, rồi sau đó lại tiến đến phía trước. Đại Phẩm Tịnh Danh đều có ý nầy. Đây chính là biệt tiếp thông ý vậy. Tuy nhiên nay Phật chưa khai hiển bày phía trước, chẳng được ảnh làm sáng tỏ mà có lời nói nầy. Nếu luận về đời trước thì có thể nói rằng: Người nào lại rõ biết ý thối lui? Vương Tử dạy rằng:

Các ngươi nếu sợ sanh tử, há lại giữ cho Niết Bàn mất đi sao? Sau đó lại đi trên con đường lớn. Lại có thể tùy theo ý. Lại như ngày nay người muốn học Đại Thừa mà sợ sanh tử và muốn khởi tâm thối lui và có người khuyên nói rằng: Ngươi nên đoạn trừ phiền não chứng La Hán, sau đó là được Đạo Lớn, lại có thể được vậy. Nay trong hiện tại một đời hóa đạo chưa tròn, chẳng được xao lảng để có lời nói nầy. Nếu khai quyền hiển thật tức là được nói. Như ở trong Niết Bàn giữ lại A La Hán. Tất cả đều ở ý nghĩa nầy. Đại hoan hỷ tức là văn huệ; chưa hề có (Vị Tằng Hữu) tức là Noãn vị. Miễn con

đường ác tức là Đảnh Vị. Vui an ổn tức là Nhẫn Vị. Trước nhập thành tức là Kiến Đế Vị. Đã độ rồi tức là Vô Học Vị. Ở đây cùng với nhà lửa, đích tử nguyện mạnh nhảy ra khỏi nhà ấy giống nhau. Sanh đã qua rồi, tưởng như được tận trí. An ổn tưởng như được vô sanh trí. Lại nữa đầy đủ trí đức như điều nầy đã vượt qua; chứng được đoạn đức như an ổn.

Có người nói bảo sở là 3 cõi Nhị Thừa; nếu qua khỏi tức là đến Phật đạo. Phật đạo chính là bảo sở. Đại Kinh có 3 câu văn. Một là tâm đến Bồ Đề; hai là đến Bồ Đề và ba là đến cửa Niết Bàn. Nếu đến Bồ Đề tâm thì tất nhiên đến Bồ Đề và Niết Bàn. Dẫn dụ qua 3 câu văn nầy thì thấy rằng: Đến Bồ Đề tâm nghĩa là đến cái nhơn. Bồ Đề Niết Bàn nghĩa là đến cái quả. Trong quả ấy có trí đoạn. Bồ Đề tức là trí; Niết Bàn nghĩa là đoạn. Đều nói trước sau, đều nói trí đoạn. Cho nên nói 3 đoạn văn ấy. Tuy nhiên qua 500 ấy có 3 nghĩa. Một là miễn trừ con đường ác; hai là được con đường tốt; ba là bảo sở. Bồ Đề tâm nghĩa là qua khỏi con đường ác. Bồ Đề hạnh, như con đường bằng phẳng. Ba là được con đường Phật, như thế được bảo sở.

Câu văn phía dưới nói rằng: Nay vì ngươi mà nói thật, người sẽ được chỗ chẳng chơn. Đây chính là làm rõ chỗ qua 500 con đường ác. Vì Phật tất cả trí sẽ phát nguyện tinh tấn lớn lao; nghĩa là hành Bồ Đề với con đường tốt. Ngươi chứng tất cả trí; 10 lực và Phật Pháp nghĩa là được con đường Phật. Tại sao lại phải cần đủ

qua khỏi 500 ? Nhị Thừa qua khỏi 300. Bồ Tát qua khỏi 400. Phật Thừa qua khỏi 500 vậy.

„Lúc ấy Đạo Sư rõ biết điều nầy" trở đi. Phần thứ 3 là tiêu mất và dẫn đến bảo sở. Ở trong nầy có 2. Một là trí, tức là điều nầy. Hai là hướng đến bảo sở. Cho nên được ngừng nghỉ, chẳng phải còn mệt nhọc nữa. Dụ bên trên là lúc Niết Bàn đến thì Đại Chúng lại thanh tịnh. Miễn trừ các nạn và cơ lớn phát triển. Tức là tiêu mất hóa thành để dẫn đến bảo sở. Bên trên chính thức nói Pháp Hoa đến chỉ cho tướng chơn thật. Bảo sở có 2 nghĩa. Nếu dùng sự cứu cánh tức là dùng quả tối cao làm bảo sở. Như câu văn bên trên nói: Chỉ có Phật với Phật mới có thể rõ biết hết thật tướng của các pháp. Nếu phân nhập tức là dùng sơ phát tâm trụ làm bảo sở. Cho nên câu văn trên nói rằng: Vô thượng bảo tụ, chẳng cầu tự được. Lại nói rằng: Được phần của Phật Pháp. Phật Tử chỗ nên được thì đều đã được.

Đại Kinh nói rằng: Tu Đà Hoàn là đến 8 vạn kiếp. Đến đó là chỗ sơ phát tâm. Điều nầy nói kẻ độn căn thì cần phải dùng đến 8 vạn mười ngàn kiếp. Nếu như 4 quả trong Tam Tạng, chẳng trải qua lúc Tiểu, tất cả đều được nhập vào Đại; há cần đủ 8 vạn cùng với 10 ngàn nữa sao? v.v...

Nơi tốt đẹp ở gần đây là thành lớn ta đã tạo ra. Tức là đưa ra việc phế bỏ thí dụ về quyền; dùng đến sự chiếm lãnh thí dụ hiển thật. Bên trên nói: Trí huệ Như Lai khó tin, khó hiểu. Với những người nầy nên dùng pháp nầy để lần vào trí huệ Phật; phỏng theo trong Phương

Tiện nói: Ta làm cho thoát khổ ràng buộc, được vào Niết Bàn là do Phật dùng Phương Tiện lực để thị hiện và dạy cho Tam Thừa.

Xin hỏi rằng: Xe, thành đều là dụ cho vô sanh trí. Xe ấy vì sao không có thành mà lại có vậy? mà xe ấy ở 3 thành kia lại chỉ một, là xe động và thành tịnh chăng ?

Đáp: Bên ngoài cửa Trưởng Giả có xe. Có sự cách biệt ngăn che, cho nên các con không thấy được. Có thể giả thiết cho rằng ở ngoài cửa có xe; nhưng xe thật không có. Còn thành thì có đất đai, chẳng thể là giả thiết. Cho nên thành ấy có. Tựu chung theo giáo lý thì dạy rằng: Chấp vào 3 lời dạy cho đó là lý; tức là 3 lời dạy ấy đều được cái lý. Điều nầy có nghĩa là như thành vậy. Về lý ấy chấp giữ giáo lý nên chỉ là một. Điều dạy nầy tức là không có quả của 3 nhà. Tức là nghĩa của xe ấy phỏng theo không vậy. Xe ấy có 3 và thành ấy là một. Mọi người cùng ở một chỗ. Chỉ vì thành có một. Xe thì có 3 người, mà 3 người ấy chỗ vui không giống nhau; cho nên có 3. Theo lý dạy dỗ ấy thì cuối cùng 3 nhà chẳng sanh, chẳng khác như thành kia. Ba người chánh sứ tuy giống nhau hết, mà tập khí thì có tận và không tận; có bạn được tri kiến, mà cũng có sự chẳng được. Cho nên dùng sự trang nghiêm cùng tận vô sanh nầy. Nghĩa nầy chẳng giống như 3 xe. Ba nhà tận vô sanh trí là làm sáng tỏ nguyên nhân tận cùng và cái quả mất. Nơi nầy như thành tuyệt nhiên an tịnh; tận vô sanh trí và vận dụng nhập Vô Dư, như xe chuyển động vậy. Khó ấy v.v...

Nay làm rõ chỗ Ước (giáo) về tâm của chúng sanh; xe, thành đều đầy đủ. Ước (giáo) cho rằng Phật trí làm sáng tỏ, lại có lại không. Chỗ quyền trí làm sáng tỏ vì chỗ có như thành chỗ thật trí làm sáng tỏ vì cái không như xe cộ v.v...

Hóa thành với ý chính là bỏ lớn và lấy người nhỏ. Nương vào đó để sinh ra quanh co học làm người nhỏ. Bên trên 2 lần đủ ý chánh. Vì phát sanh sự quanh co và học làm người nhỏ. Nương theo đó mà thối lui làm người lớn. Ba xe theo Thông (giáo) xưa nay. Hóa thành chính là dẫn theo ý của giáo. Chưa được đạo tức là hóa.

Hỏi: Hóa làm 3 thứ xe và hóa thành khác nhau cái gì ?

Đáp: Ba xe dụ ấy cho việc chuyển bánh xe pháp. Hóa thành là dụ cho việc chuyển biến thần thông. Lại nữa xe ấy theo Ước (giáo) là dụ cho âm thanh. Các người con nghe mà chẳng thấy. Thấy ấy có màu sắc, nên tạo ra thí dụ.

Hỏi về thành cùng nhị sứ ra sao ?

- Sứ ấy hay chỉ bày như dạy cho việc luận lý. Thành ấy liền lo; giáo động mà thành thì tịnh. Giáo ấy tức là Tứ Đế và 12 duyên có khác biệt. Thành ấy lại có 2 trí, nhận vô dư chẳng khác. Giáo ấy xuyên qua nhơn quả. Thành và xe hay ở tại nhơn quả. Giáo ấy thông qua hữu vi, vô vi. Thành và xe hay ở tại vô vi. Quyền trí nghĩa là xe, xe ấy là không. Gọi giáo ấy là thí thất vậy. Thật trí nghĩa là xe, xe ấy là có. Chẳng lìa văn tự để nói giải thoát.

Quyền, trí chiếu vào thành là có, hướng dẫn chúng sanh. Thật, trí chiếu thành là không. Bên cạnh chơn, chẳng phải thật; cho nên quyền chiếu xe ấy là ba. Hòa hợp 3 duyên; cho nên thật trí chiếu vào xe là một. Đầy đủ nhứt thừa. Quyền, trí chiếu thành là một. Đây là bên cạnh chơn vậy. Thật, trí chiếu thành làm ba. Như Lai Tạng vậy, Quyền, trí chiếu thành là tịnh. Đây là thán đoạn vậy. Thật, trí chiếu thành làm động. Diệt cái nầy để hóa. Quyền, trí chiếu xe là vận. Vận ấy nhập vào Vô Dư. Thật, trí chiếu xe là tịnh. Chẳng động, chẳng ra khỏi vậy. Sự giải thích như thế nầy há cùng với xưa giống nhau. Ngày xưa chỉ tại nơi Tiểu Thừa mà tạo ra nghĩa.

Hỏi: Phàm 5 nơi khai 3 hiển một. Vì đó có sự sai khác chăng ?

Đáp: Thông luận không khác; biệt luận có khác. Phương Tiện Phẩm Ước Giáo khai 3 hiển 1. Câu văn nói rằng: Như Lai hay dùng một Phật Thừa, vì chúng sanh thuyết pháp. Chẳng hai lại chẳng ba. Nhà lửa Ước (giáo) khai 3 hiển 1. Xe ấy là nghĩa vận chuyển. Vận ấy là thí dụ cho đi.

Câu văn rằng: Mỗi Thừa với xe lớn dạo đi bốn phương, vui vẻ khoái lạc. Trung Tín Giải Ước (giáo) cho rằng con người mở ra 3 và hiển 1. Kết bạn với người làm thuê, tức là người con của Trưởng Giả. Nghe tiếng của chúng ta mà đến, đó thật là Phật Tử vậy. Trong phẩm Dược Thảo dụ Ước (giáo) nói về sự sai biệt, chẳng sai biệt để làm rõ quyền và thật; chẳng để cho chạy khỏi, mà hay làm rõ chỗ chúng sanh chẳng rõ biết, Phật làm

cho rõ biết việc nầy. Nếu rõ biết 7 sự sai biệt, ấy tức là rõ biết về quyền. Cùng nương tựa vào một lý vô sai biệt; tức là rõ biết sự thật. Sai biệt vô sai biệt, vô sai biệt mà sai biệt, làm cho rõ ý nghĩa nầy vậy. Cuối cùng chẳng nói lời không một, có một. Với điều nầy Ước (giáo) tự làm về quyền, thật 2 trí, tùy theo tự ý nghĩa và lời nói. Cho nên Phật có thể rõ biết mà chúng sanh thì chẳng biết. Lại là thông trước và thông sau; rõ biết hay chẳng rõ biết việc làm sáng tỏ về quyền, thật. Nay việc hóa thành chính là như Ước (giáo) cho rằng cái lý khai 3 và hiển 1. Bảo sở hóa thành, tất cả lớn nhỏ đều có cả 2 lý. Phá trừ cái lý biến hóa của Nhị Thừa. Hiển nơi bảo sở chơn thật một lý vậy.

Phía dưới về 500 sự lãnh hội cùng với thí dụ về châu báu. Đây cũng là cái lý của Ước (giáo) vậy.

Từ „Chư Tỳ Kheo! Như Lai" trở đi cùng hợp lại với thí dụ thứ 2. Đầu tiên là chính thức hợp với phía sau và đưa ra thí dụ cùng chiếm lãnh, mà chẳng phải theo thứ tự.

Từ „Như Lai lại cũng như vậy" trở đi - đầu tiên hợp với thí dụ về vị Đạo Sư thứ 5. „Nay vì các ngươi" trở đi. Phần thứ 2 hợp với phần thứ 3 dụ cho số đông nhiều người.

Từ „rõ biết sanh tử phiền não đạo, hiểm nạn" trở đi. Phần thứ 3 hợp với phần thứ 2 dụ về con đường hiểm ác. Hai chữ „xa xôi" ấy hợp với thí dụ phần thứ nhứt 500 do tuần; nên qua, nên khỏi. Phần thứ 5 hợp với việc thông

tuệ, đạt đến sự sáng suốt. Lại là hợp với phần thứ 4 là muốn qua khỏi con đường nguy hiểm để đến nơi trân bảo ấy.

Từ „nếu chúng sanh hay nghe" trở đi, hợp với phần thứ 2, dụ về vị Thầy trong tương lai. Dụ căn bản ấy có 3; nay hợp lại làm 3. Nếu chúng sanh hợp với phần thứ nhất với nơi đông người ấy thì hay nghe một Phật Thừa. Hợp với phần thứ 2 là bỏ lớn nhận nhỏ là thí dụ.

Từ „nếu chúng sanh trụ nơi Nhị Địa" trở đi, hợp với phần thứ 3 là diệt hóa rồi thí dụ cho đến bảo sở. Phần thứ 2 dụ căn bản có việc thối lui việc lớn, tiếp nhận việc nhỏ. Nay đầy đủ cả.

Phía bên trên về thối lui việc lớn có 3 ý. Hằng nghe một Phật Thừa. Hợp với ở trên, giữa đường giải đãi, thối lui, ý nói không có căn cơ. Chẳng muốn gặp Phật, chẳng muốn nghe Pháp. Hợp với bên trên và bạch với Đạo Sư là chẳng thọ nhận lời khuyên bảo. Liền tạo ra ý niệm rằng. Hợp với bên trên chẳng thể tiến tới phía trước, liền có ý thay đổi. Phật rõ biết tâm nầy, gặp việc trên, nhận việc nhỏ rồi thối lui. Dụ ấy căn bản có 4, nay gặp lại thành 3. Phật rõ biết tâm nầy, gặp vị Đạo Sư bên trên có nhiều phương tiện, phỏng theo ý ấy để tuyên nói. Khiếp nhược hạ liệt, gặp bên trên những điều nầy có thể mẫn cảm, rõ biết có cơ duyên nhỏ, mà ở giữa đường lại dừng nghỉ. Gặp phần thứ 3 là hiện ra hóa thành và thí dụ việc mọi người vào thành, mà ở giữa đường lại nói về hai Niết Bàn. Tam giới hoặc hết; nhưng vô minh trần sa chưa phá được. Đối với 2 việc nầy thường phê phán về Hữu Dư và

Vô Dư Niết Bàn, lại cũng là Thanh Văn, Duyên Giác Niết Bàn. Lại nữa Phần Đoạn đã hết; nhưng biến dị chưa trừ được. Khoảng giữa 2 cái chết ấy, bàn về Hữu Dư và Vô Dư. Cho nên nói Trung Đạo v.v...

Từ „nếu chúng sanh trụ ở Nhị Địa" trở đi, gặp phần thứ 3 sẽ đến bảo sở. Câu văn bên trên lại có 2; nay gặp lại cũng 2. Nếu chúng sanh trụ nơi Nhị Địa. Tức là điều nầy rõ biết sự dừng nghỉ rồi.

Từ „Như Lai lúc bấy giờ liền vì đó nói" trở đi. Điều nầy gặp việc hướng đến bảo sở. Như vị Đạo Sư kia. Phần thứ 2 dụ cho việc theo gặp. Dụ việc chấp nhận thối lui và đến gặp lại có 3. Khi tiêu mất rồi dụ cho việc đến gặp, hiển một. Như câu văn v.v...

Phần thứ 2 kệ tụng có 49 hàng rưỡi, kệ tụng bên trên. Bên trên lại có 2. Nay 22 hàng rưỡi đầu tiên, tụng về lý do kết duyên. Kế đến 27 hàng, tụng phần thứ 2 về chánh thức kết duyên. Bên trên lý do là có gần, xa. Nay 12 hàng đầu tụng việc lý do xa bên trên. Kế đến „Vô lượng huệ Thế Tôn" trở đi gồm 10 hàng rưỡi, tụng về lý do gần. Bên trên lý do xa có 2. Đầu tiên 6 hàng tụng về con đường thành đạo to lớn thông thoáng. Kế đến 6 hàng tụng về 10 phương Phạm Thiên đến thỉnh chuyển pháp luân. Bên trên việc thành đạo lại có 5. 3 hàng đầu tiên tụng về phần thứ 2 trước việc thành đạo.

„Kế tiếp qua 10 Tiểu Kiếp" trở đi; phần thứ 2 có 1 hàng tụng về phần thứ 3 là chính thức thành đạo. Kế đến „vị Phật kia có 16 đệ tử" trở đi; phần thứ 3 gồm 2

hàng tụng. Phần thứ 5; 16 vị Vương Tử thỉnh chuyển Pháp luân, kiêm luôn tụng phần thứ 4 về việc thành đạo rồi, quyến thuộc thân thỉnh cúng dường. Lược bớt chẳng tụng phần một, Phật sống lâu dài.

Từ „Thế Tôn thật khó gặp" trở đi có 6 hàng. Tụng về 10 phương Phạm Thiên mời thỉnh. Bên trên có 2. Một hàng đầu tụng về uy quang chuyển động sáng sủa. „Kế đến hướng Đông" trở đi; phần 2 có 5 hàng tụng về 10 phương Phạm Thiên tìm theo ánh sáng mà đến. Trong nầy phía trước có 3 hàng tụng về Phương Đông. Kế đến 2 hàng tổng tụng về 9 phương vậy.

Từ „Vô lượng huệ Thế Tôn" trở đi; phần thứ hai gồm 10 hàng rưỡi tụng về lý do gần. Bên trên lại có 2. 5 hàng đầu tụng phần thứ nhất, chuyển Nhị Thừa pháp luân.

Kế đến „lúc 16 vị Vương Tử" trở đi; phần thứ 2 gồm 5 hàng rưỡi. Tụng phần thứ 2 lại thỉnh một lần nữa về chuyển Đại Thừa pháp luân. Bên trên phần một, câu văn lại có 3. Đầu tiên từ „Vô lượng" trở đi nửa hàng, tụng phần thứ nhứt việc thọ nhận lời thỉnh.

Kế đến „vì tuyên nói" trở đi. Phần thứ 2 có một hàng rưỡi. Tụng phần thứ 2 là chính thức chuyển Nhị Thừa pháp luân. Kế đến từ „tuyên dương" trở đi; phần thứ 3 có 3 hàng. Tụng phần 3 thì chúng nghe pháp được đạo.

„Lúc ấy 16 vị Vương Tử" trở đi gồm 5 hàng rưỡi. Phần thứ 2, Vương Tử lại thỉnh, lại có 7. Hai câu đầu

tụng về vị Vương Tử thứ nhất xuất gia. Kế đến „tất cả đều thỉnh ông ta" trở đi. Phần thứ 2 gồm 1 hàng rưỡi. Tụng phần thứ 2 là chính thức thỉnh chuyển Đại Thừa.

Kế đến „Phật rõ Đồng Tử" trở đi. Phần thứ 3 gồm 2 hàng tụng về trong 2 vạn kiếp ấy nói Phương Đẳng, Niết Bàn.

Kế tiếp „nói đây là Pháp Hoa" trở đi. Phần thứ 4 có nửa hàng. Chính thức tụng phần thứ 4 thọ thỉnh việc nói Pháp Hoa.

Tiếp theo „vị Phật kia nói kinh rồi" trở đi. Phần thứ 5 gồm 1 hàng. Tụng phần thứ 7 nói kinh rồi nhập định. Lược bớt chẳng tụng phần thứ 3 về Phụ Vương sẽ gặp 8 vạn người cầu xuất gia. Phần thứ 5 nghe kinh thì trong chúng có người rõ biết mà có người chẳng rõ biết. Phần thứ 6 nói kinh thời tiết dài lâu.

Từ „các Sa Di nầy" trở đi gồm 27 hàng, tụng việc chính thức kết duyên. Câu văn trên lại có 2. 8 hàng đầu tụng về việc thuyết pháp. Kế tiếp 19 hàng tụng nói về Thí Dụ. Bên trên thuyết pháp lại có 3. 3 hàng đầu tụng phần thứ nhất về ngày xưa đã kết nhân duyên. Kế đến một hàng tụng về phần thứ 2 giữa sự gặp nhau. Kế đến 4 hàng tụng phần thứ 3 ngày nay trở lại nói kinh Pháp Hoa. Bên trên về ngày xưa kết duyên lại có 4. Nửa hàng đầu tụng về việc Phật nhập định. Kế tiếp „vì vô lượng ức" trở đi. Phần thứ 2 gồm 1 hàng rưỡi, tụng chính thức việc giảng trở lại. Sau đó „mỗi mỗi Sa Di" trở đi; phần 3 gồm một hàng tụng về việc nghe pháp được lợi ích. Lược bớt

chẳng tụng phần thứ 4 về Phật từ định mà dậy rồi xưng tán.

Tiếp đến „Phật kia sau khi diệt độ" trở đi; phần thứ 2 có một hàng tụng về giữa sự gặp gỡ nhau. „Đây là 16 vị Sa Di" trở đi; phần thứ 3 có 4 hàng, tụng về ngày nay nói kinh Pháp Hoa. Câu văn bên trên lại có 2. Đầu tiên là trước sau gặp nhau; có hiện tại và vị lai. 3 hàng đầu tụng về sự kết hợp gặp nhau, trong hiện tại là Thầy trò. Từ „đây là nhơn duyên từ xa xưa" trở đi; phần thứ 2 gồm 1 hàng tụng về việc trở lại nói kinh Pháp Hoa. Câu văn trên lại có 3. Đầu tiên 1 câu tụng phần thứ nhất các chúng thanh tịnh. Đây là nhơn duyên gốc, ngày nay chúng dễ có cơ hội phát tâm. Kế tiếp „nay nói Pháp Hoa" trở đi; phần thứ 2 gồm 3 câu tụng phần thứ 2 vì đó mà nói kinh nầy. Lược bớt không tụng phần thứ 3 giải thích về cái ý của khai ba vậy.

„Con đường hiểm ác" trở đi; phần thứ 2 có 19 hàng, tụng về thí dụ khai mở chỗ gặp gỡ. 11 hàng rưỡi đầu tụng về thí dụ khai mở. Sau đó 7 hàng rưỡi tụng về thí dụ gặp nhau. Bên trên khai dụ lại có 2. Ba hàng đầu tụng về thí dụ 500 do tuần. Kế tiếp 8 hàng rưỡi tụng về thí dụ gặp Đạo Sư. Bên trên thí dụ về 500 lại có 5. Một hàng đầu tụng phần thứ 2 về con đường ác nguy hiểm.

Kế tiếp „vô số thiên vạn" trở đi; phần thứ 2 gồm nửa hàng, tụng phần thứ 3 có nhiều người. Kế tiếp „đường nầy thật xa" trở đi; phần thứ 3 có nửa hàng tụng phần thứ nhất về 500 do tuần. Kế tiếp „lúc ấy có một

Đạo Sư" trở đi; phần thứ 4 gồm 1 câu; tụng phần thứ 5 về một Đạo Sư.

Về việc rõ biết có 3 câu, tụng về thông tuệ minh đạt, chẳng tụng phần thứ 4. Từ „các người đều mệt mỏi" trở đi; phần thứ 2 có 8 hàng rưỡi; tụng phần thứ 2 thí dụ về việc gặp Đạo Sư. Câu văn trên lại có 3. Hai chữ đầu, tụng bên trên phần thứ nhất gặp Đạo Sư. Từ „tất cả đều mệt mỏi"; phần thứ 2 gồm 5 hàng 3 câu 3 chữ. Tụng phần thứ 2 các người lười mỏi thối lui; nên thí dụ về quyền lập hóa thành. Kế tiếp „Đạo Sư rõ biết điều nầy" trở đi; phần thứ 3 có 2 hàng rưỡi, tụng phần thứ 3 về diệt hóa (thành) và thí dụ dẫn đến bảo sở.

Bên trên phần thứ 2 câu văn lại có 2. Nghĩa là đầu tiên giải đãi thối lui; kế đến thối lui. Ba câu đầu chả tụng về sự giải đãi thối lui. Kế tiếp 5 hàng, tụng về sự tạo ra hóa (thành) ấy và tiếp lại thối lui. Sự giải đãi thối lui bên trên lại có 3. Nay lược bớt chẳng tụng phần thứ nhất ở giữa đường. Phần bên trên của việc tiếp đó thối lui rồi hóa (thành); câu văn nầy nay tất cả đều tụng. Hàng đầu tiên tụng về phần thứ 2 bị tổn thương mất việc lớn. Kế tiếp „tìm đến suy nghĩ" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 câu; tụng phần thứ nhất và tạo sự nhớ nghĩ. Kế đến „hóa ra thành lớn" trở đi; phần thứ 3 gồm 2 hàng rưỡi; tụng phần thứ 3 là chỗ tạo ra hóa thành. Câu văn bên trên lại có 2. Một hàng rưỡi đầu tiên, tụng về thí dụ chính thức tạo tác hóa thành. Các nhà cửa đều là quán về cảnh không. Vườn tược là Nhị Thừa, tổng trì vô lậu pháp luân. Cửu Thứ Đệ Định là sông ngòi chảy. Bát Giải là Duyên

Trì. Trọng Môn là Tam Không Môn. Lại nữa đây là trọng không tam muội, tận vô sanh trí. Vì lầu các cao xuất. Nam nữ là Định Huệ. Quán Tâm giải thích rằng: Trí thể đầy khắp như ao trong thành. Thiện pháp đầy đủ như hàng rào vây chung quanh. Cứu cánh không, ấy là nhà. Chơn thiện hay thành tự hành. Như người đàn ông hay cán đáng việc gia đình. Từ bi giáo hóa bên ngoài như người đàn bà bên ngoài đến. Kế tiếp „liền hóa rồi" trở đi; phần thứ 2 gồm 1 hàng tụng việc nói hóa (thành) bên trên. Kế tiếp „mọi người liền vào; phần thứ 4 gồm 1 hàng, tụng phần thứ 4 về vào thành.

Từ „Đạo Sư biết rồi" trở đi; phần thứ 3 gồm 3 hàng rưỡi; tụng phần thứ 3 về diệt hóa đến bảo sở. Câu văn bên trên lại có 2. Một câu đầu tụng phần thứ nhất về việc đã biết rồi. Kế tiếp „tập chúng" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng một câu; tụng về việc diệt hóa và dẫn hướng tới bảo sở. Từ „ta lại cũng như thế" trở đi; phần thứ 2 gồm 7 hàng rưỡi; tụng phần thứ 2 gặp với 2 thí dụ. Nửa hàng đầu tụng về việc gặp lần đầu với thí dụ về 500. Kế tiếp 7 hàng, tụng về việc gặp nhau lần thứ 2 và thí dụ việc gặp Đạo Sư.

Bên trên việc gặp 500 người ấy lại có 4 câu. Gồm nửa hàng tổng tụng đã qua. Thấy những người cầu đạo gồm 2 hàng. Tụng thí dụ về gặp giải đãi thối lui. Bên trên tụng ấy thí dụ về khai mở; chẳng tụng việc giữa đường. Bây giờ có 1 hàng gặp giữa đường giải đãi thối lui. Kế đến 1 hàng tụng việc gặp gỡ và tiếp theo thối lui rồi tạo hóa thành. Từ „rõ biết đến Niết Bàn" trở đi; phần thứ 2

gồm 5 hàng; tụng phần thứ hai gặp diệt hóa đến bảo sở. Câu văn trên gặp nhau hai (lần); nay tụng lại cũng 2. „Cùng với Đại Chúng" trở đi; phần thứ 2 gồm 3 hàng rưỡi; tụng phần thứ 2 gặp diệt hóa, dẫn hướng đến bảo sở. Trong câu kệ gặp liền hóa, tức là có 3 đức bí mật với nghĩa chứa trong ấy. Ngươi chứng tất cả trí tức là Niết Bàn. Đầy đủ 32 tướng tức là pháp thân. Lại là chơn thật diệt tức là giải thoát. Ba pháp chẳng dọc chẳng ngang tức là thấy được Phật tánh.

„Chư Phật là Đạo Sư" trở đi gồm 1 hàng, tụng về việc theo việc gặp nhau.

Giải thích về phẩm thọ ký cho 500 Đệ Tử

Phẩm nầy ghi đủ là 1.200, mà chỉ có 500 là gì ?

500 đây được ghi lại giống tên nhau. 500 ấy nói rõ là sự nhận lãnh, dùng cho tiêu đề của phẩm ấy vậy. Phẩm nầy là nhơn duyên nói trong đoạn thứ 2. Tựu chung được thọ ký có hai. 1.222 ngàn. Một ngàn hai lại thêm 2 nữa. Một là thọ mãn nguyện; hai là thọ 1.200. Mãn nguyện lại có 2. Một lời tựa mặc nhiên lãnh giải. Hai là Như Lai thuật lại việc thọ ký. Ai được việc nầy trước liền được hoan hỷ. Kế đó thì yên lặng nhận lãnh. Hoan hỷ lại có 2. Một là được giải rõ lý do. Hai là được biết rồi hoan hỷ. Được lý do rõ rồi lại có 4. Đầu tiên dụ cho việc nghe pháp; hai lần đầy đủ, khai 3 hiển một. Hai là thọ ký cho Thân Tử cùng với 5 Đại Đệ Tử. Ba là nghe việc kết duyên ở đời trước. Bốn là lại khai mở chư Phật Như Lai tam đạt. Vô ngại quán việc kia lâu dài giống như ngày nay, tức là đại tự tại thần thông lực. Gạc ra sự khác biệt của Nhị Thừa, dừng lại nơi 8 vạn. Nếu từ Phật mà nghe

được trí huệ nầy tức là lãnh phương tiện ở trong nhà lửa hiển thật phương tiện, tùy nghi mà nói. Tức là lãnh 2 nơi để khai quyền. Chư Đại Đệ Tử tức là lãnh khai quyền. Thọ Bồ Đề ký tức là lãnh khai thật. Túc thế nhơn duyên tức là lãnh hiển thật. Thần thông lực tức là lãnh khai quyền.

Từ „được việc chưa từng có" trở đi. Điều nầy đã được hiểu rõ nên hoan hỷ. Trước là làm sáng tỏ sự hiểu biết bên trong nên hoan hỷ. Kế đến là làm rõ biết ngoại hình nên sinh tâm cung kính. Do vì xưa chưa từng nghe về khai, quyền, hiển, thật mà nay lại được nghe; cho nên nói là được điều chưa từng có.

Trừ Niết Bàn phải đoạn ái và biệt hoặc; cho nên nói là tâm tịnh. Khai Phật tri kiến cho nên gọi là dũng xuất. Được hiểu rõ là do Phật; cho nên khởi tâm cung kính. Nếu là Ước (giáo) nói về Bổn, Tích thì rất vui vẻ về việc thực hành. Từ „mà tạo sự suy nghĩ như thế nầy" trở đi; chánh thức làm rõ sự làm thinh nhận lãnh. Đầu tiên làm rõ chỗ làm thinh lãnh nhận và kế tiếp là làm rõ chỗ yêu cầu phát nguyện theo Tích (Môn) để được thọ ký. Bên trên cả hai lần đều được ngộ. Tất cả đều phát ra lời nói hiểu biết việc nầy, sao lại làm thinh ?

Như bên trên vì kẻ hạ căn chưa ngộ được; công việc cần đủ rõ rệt; nên nói là khuyến động. Nay kẻ hạ căn đã ngộ rồi, không có chỗ khuyến động; cho nên làm thinh chẳng nói. Lại nữa như bên trên hay lãnh nhận, chẳng nói lời cầu xin phát về Tích (Môn); tức là chẳng ngờ vực. Nay lại vừa lãnh nhận, vừa phát nguyện. Vừa

lãnh hội cho nên nhớ nghĩ. Để cho việc không nghi ngờ; cho nên yên lặng. Yên lặng là xin vâng lời vậy. Lại nữa làm thinh nhận lãnh ấy là sự nhận lãnh lớn. Như Tịnh Danh (Duy Ma Cật) yên lặng chính là thật nhập vào cửa bất nhị. Lại còn quyền, thật bất khả tư nghì. Chẳng có lời, chẳng có sự nhớ nghĩ mà nói mà nghĩ. Chẳng nói mà nói; cho nên từ trước đến nay có miệng mà làm thinh lãnh hội. Lại chẳng nhớ nghĩ mà nhớ nghĩ. Nay tức là mặc nhiên lãnh nhận. Như bên trên với ý gì mà chẳng cầu phát Tích vậy ?

Vì kẻ hạ căn chưa ngộ; cho nên chẳng cầu phát Tích. Nay người hạ căn đã nhận lãnh rồi; quyền, hóa tất cả các việc đều đầy đủ. Nếu kẻ hạ căn phát Tích, tức là rõ biết trung, thượng đều lại là quyền. Nếu Ước (giáo) nói về Thượng và Trung ấy tức là đối với Hạ chẳng tiện vậy. Đức Thế Tôn thật là đặc biệt; cho nên khó có; lãnh nhận thật trí; tùy thuận thế gian; tùy theo từng loại mà thuyết pháp; tức là nhận lãnh quyền, trí vậy. Đây chính là căn tánh của 7 loại phương tiện. Điều nhận lãnh nầy ở trong phẩm Phương Tiện có ý nói về quyền, hiển và thật. Mong chúng sanh ra khỏi những nơi nghèo khổ đắm trước. Tức là ở trong nhà lửa nhận lãnh khai, quyền, hiện, thật. Chúng ta đối với công đức của Phật, lời nói chẳng thể giải bày hết được. Như sự nhận lãnh trong phẩm Dược Thảo dụ, Đức Như Lai có vô lượng công đức, các ngươi chẳng thể so sánh được. Liền nói rằng: Chẳng thể tuyên nói, lại chỗ nhớ nghĩ nầy cũng chẳng thể sánh bằng.

Từ „chỗ Phật mới có thể rõ" trở đi; tức là yên lặng cầu phát Tích và thỉnh được thọ ký. Chúng ta ở đây Thông (giáo) cho rằng nhớ nghĩ, thỉnh cầu phát ra của những người thuộc Tích (Môn). Tâm sâu xa là gốc; nay hiện làm là Tích. Ấy là bổn nguyện. Đại từ thệ nguyện vậy và đại bi để hóa độ bên dưới cho nên nói là ta vì lời thệ. Bên trên cầu làm Phật cho nên nói là ta có lời nguyện. Thỉnh như bên trên, tức là cầu mong được thọ ký. Thỉnh như bên dưới tức là cầu phát Tích (Môn).

Lại nữa từ „tâm sâu xa ấy, làm rõ 3 đời nầy, giúp Phật tuyên dương giáo hóa. Từ bổn nguyên ấy, tức là cùng thọ ký vậy. Phật bảo": trở đi; Phần thứ 2 Phật thuật lại việc thọ ký. Có kệ tụng Trường Hàng. Trường Hàng ấy có hai. Một là thuật lại Bản Tích và hai là cùng với sự thọ ký. Đầu tiên có 3. Một là nói về Đức Thích Ca ở đời thực hành cái nhơn phát Tích. Hai là theo Ước giáo, trong quá khứ Đức Phật ở đời đã thực hành nguyên nhơn để hiển bổn. Ba là cả 3 đời chư Phật đều tu nhơn và hạnh đầy đủ. Cuối cùng việc Đức Phật Thích Ca chỗ hạnh và nhơn phát tích ấy lại có 3. Một là đưa ra chỉ bày cho người nầy. Hai là chương nói tổng quát về Bản Tích. Ba là giải thích riêng biệt về Bản Tích. Tức là dùng lời nói tiêu biểu nói: Các ngươi chẳng thấy chăng? Có 2 ý. Một là thấy Tích nầy cho là nhỏ chăng? Hai là thấy Bổn nầy có công đức chăng? Mọi người hay thấy Tích là Thanh Văn; mà chẳng thể rõ Bản là Bồ Đề; cho nên nói có thấy chăng. Ta thường gọi điều nầy là mục tiêu, là Tích nầy. Tích vì đó mà nói pháp rằng: trong đó con người là tối vi đệ nhứt. Nếu chẳng có pháp thân diệu bổn, thì chẳng thể

dùng sự rủ lòng nơi đệ nhất thắng Tích. Từ xưa đến nay hằng nói: Ở nơi Tích nói pháp đệ nhất. Nay tức chẳng phải như vậy. Đối với pháp vô thượng, dài lâu được đệ nhất. Điều nầy đưa Tích ra dùng để hiển Bản vậy. Lại cũng thường tán thán mục tiêu bên dưới là bản địa nầy. Phước huệ vạn hạnh pháp môn; nên nói đủ loại. Bản địa ấy lại có đủ loại pháp môn. Như vậy sao Bản ấy hay chia làm Nhị Thừa ? Đây chính là đưa Bản ra để làm rõ chỗ Tích vậy. Phần tinh cầu hộ trì tiếp theo có giải thích riêng; giúp tuyên dương giáo pháp của ta; tức là trong Tích ấy có trợ giúp một phân nửa pháp được viên mãn. Tích ấy là hạ căn Thanh Văn; tức là hộ trì trợ tuyên giáo pháp đã thành lạc. Tích ấy tại Phương Đẳng chỉ bày thọ Đạn Ha, tức là hộ trì trợ duyên pháp Sanh Tô. Tích lãnh Bát Nhã tức là hộ trì trợ duyên pháp Thục tô. Tích ở Pháp Hoa được ngộ tức là hộ trì trợ duyên pháp Đề Hồ.

Tổng quát như trên, ta thường hay xưng tán các loại công đức; tức là ở ý nầy. Đầy đủ quyền thật công đức, mà Tích ấy khởi lên 5 vị, giúp Phật để điều phục thuần thục, thực hành chúng sanh, há chẳng phải là siêng năng với ý trợ ngôn chăng ? Biệt (giáo) giải thích về Bản Tích công đức; hay nơi tứ chúng mà chỉ dạy, phân biệt về nửa chữ giáo. Giải thích đầy đủ trợ tuyên đủ chữ Bát Nhã giáo vậy. Mà làm lợi ích lớn, giúp Phật làm nhiêu ích cho chúng sanh cho đầy nửa chữ kia. Đồng phạm hạnh là Tích, chỗ hóa độ cho đệ tử đầy đủ của phân nửa kia.

Từ „Như Lai từ bỏ" trở đi; Biệt (giáo) thuật về Bản Địa Công Đức. Từ bỏ nghĩa là sau khi giáng trần với trí tuệ vi diệu. Vô năng tri nghĩa là 7 loại phương tiện

Từ „các ngươi chớ nghĩ rằng giúp đỡ giáo pháp của ta" trở đi; phần thứ 2, kể từ trong quá khứ, Phật đã hiển bản hạnh nầy. Chẳng phải trực tiếp giúp ta trợ ngôn một nửa pháp đầy đủ còn lại, mà từ xa xưa ở nơi Phật, lại cũng đã trợ tuyên giáo pháp cho nửa phần đầy đủ còn lại. Giữ cho đến ngày nay trợ tuyên là Phát Tích; giữ trong quá khứ trợ tuyên là hiển tích. Hiển Bổn có hai. Một là Viễn bổn và hai là Cận bổn. Viễn bổn mù tịt xa tít vì lòng tin thật khó. Cho nên lược mà chẳng thuật lại. Thường hay đưa ra Cận bổn của 90 ức. Có túc mệnh trí thì có thể rõ được Cận bổn. Cho nên đưa Cận ra để làm chứng cho Viễn. Tựu chung có câu văn 90 ức, đều làm rõ việc giúp Phật tuyên dương ngũ vị giáo lý ấy để làm điều phục chúng sanh. Hộ trì trợ duyên tức là phỏng theo trợ tuyên nửa chữ của pháp Lạc vị vậy. Chánh pháp của Phật tức là phỏng theo sự trợ tuyên pháp Phương Đẳng Sanh Tô Vị. Lại nữa đối với không pháp rõ ràng; tức là phỏng theo trợ tuyên pháp Thục Tô Vị. Lại nữa như nay Phật chuyển pháp luân nói Bát Nhã làm sáng tỏ Lục Ba La Mật, hỗ tương thâu nhiếp, trở lại chuyển vô ngại. Nơi 90 ức Phật trợ tuyên dương như bây giờ chẳng khác. Phật kia người đời tất cả đều nghĩ thật là Thanh Văn. Lúc ấy lại chưa Phát Tích. Nghĩa là bị thêm lệnh để chuyển Bát Nhã, chẳng nói là Đại Bồ Tát. Hóa ra vô lượng chúng sanh làm cho đứng nơi Tam Bồ Đề. Tức là trợ tuyên Đề Hồ pháp vị vậy. Tại câu văn có thể hiểu v.v...

„Lại có 7 vị Phật" trở đi; phần thứ 3 Ước (giáo) nói về 3 đời chư Phật đã tu nhơn như câu văn. Đây cũng lại là thí dụ trước, trợ tuyên nửa phần pháp còn lại đầy đủ của ngũ vị, làm lợi ích cho lớn, nhỏ vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 7 (Phần dưới)

Dịch xong phần trên vào ngày 16 tháng 8 năm 2010
nhằm ngày mồng 8 tháng 7 năm Canh Dần;
tại thư phòng chùa Viên Giác; nhân mùa An Cư Kiết Hạ,
Phật lịch 2554.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển 8
(Phần trên)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover - Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt vào ngày 16 tháng 8 năm 2010 tại Thư phòng chùa Viên Giác.

Từ „dần dần đầy đủ Bồ Tát" trở đi; phần thứ 2 thọ ký, câu văn ấy chia làm bảy. Một là làm sáng tỏ nguyên nhơn đầy đủ. Hai là trải qua vô lượng, làm sáng tỏ cái quả viên mãn. Ba là làm sáng tỏ quốc độ rộng lớn sạch sẽ. Bốn là làm sáng tỏ kiếp số và tên nước. Năm là làm sáng tỏ Phật thọ lượng. Sáu là làm sáng tỏ pháp trụ lâu dài. Bảy là làm sáng tỏ sau khi Phật diệt, cúng dường xá lợi.

Phần thứ ba nói về đất nước rộng rãi sạch sẽ lại có 5.

Một là nói rõ đất nước ấy to lớn nghiêm tịnh. Đất bằng như bàn tay. Kinh nói thẳng là như bàn tay chứ chẳng nói như cánh tay. Cánh tay không bằng phẳng cho nên chẳng lấy đó làm chỗ dẫn chứng. Ở dưới đáy biển có một loại đá tên là Chưởng. Đá nầy chẳng có một mảy may nào chẳng bằng phẳng; nên gọi loại nầy là như lòng bàn tay của biển cả. Lại nữa trong kinh về Hiền Kiếp chính thức nói sáng tỏ như bàn tay của Phật; chẳng lấy bàn tay người để dẫn dụ.

Hai là làm sáng tỏ sự thuần khiết toàn là con đường lành.

Ba là làm sáng tỏ phước huệ trời, người đầy đủ. Nguyệt Tạng phần thứ 9 nói về pháp thực, hỷ thực và thiền thực. Trong văn của kinh nói tổng quát là pháp hỷ thiền duyệt. Biệt giáo chia ra có 3 loại khác nhau.

Bốn là làm rõ chỗ Bồ Tát, Thanh Văn số đông rất nhiều.

Năm là tổng kết. Nguyên Tạng thứ 5 nói rằng:

Chẳng sát sanh có 10 công đức. Một là đối với tất cả chúng sanh được vô sở úy. Cho đến thứ 10, sau khi mệnh chung sẽ sanh vào đường lành và tiếp đến sẽ làm Phật. Trong nước không có đánh nhau; người trong nước ấy sống lâu.

Chẳng trộm cướp lại có 10 công đức. Một là quả báo đầy đủ to lớn, vì công việc quyết đoán, chẳng có khó khăn trở ngại. Cho đến thứ 10, sau khi chết sanh vào đường lành và kế đó làm Phật. Hoa quý trang nghiêm đầy khắp cả nước.

Chẳng dâm lại có 10 công đức. Một là các căn luật nghi vì công việc mà quyết đoán. Cho đến sau khi chết sanh vào đường lành, sau đó làm Phật, trong nước không có người nữ.

Chẳng nói dối có 10 công đức. Một là chúng sanh tin tưởng vào lời nói nầy; cho đến sau khi chết, sanh vào đường lành, sau đó làm Phật; trong nước không có mùi hôi, thường đầy dẫy các bông hoa quý.

Chẳng nói hai lưỡi có 10 công đức. Một là thân chẳng thể hoại; cho đến sau khi chết, sanh vào đường lành, sau đó làm Phật; trong nước ma chẳng thể làm hại những người thân.

Chẳng nói lời hung ác có 10 công đức. Một là lời nói mềm mại; cho đến sau khi chết, sanh vào con đường lành, sau đó làm Phật và cả nước tiếng Pháp có khắp nơi.

Chẳng ỷ ngữ lại có 10 công đức. Một là trời người ái kính; cho đến sau khi chết, sanh vào đường lành. Làm Phật và chúng sanh trong nước ấy nhớ rõ chẳng quên.

Chẳng tham lại có 10 công đức. Một là thân căn chẳng khuyết. Cho đến khi chết, sanh vào đường lành; sau đó làm Phật; nước ấy chẳng có ma ngoại đạo.

Chẳng sân có 10 công đức. Một là xa lìa tất cả những sự sân hận; cho đến sau khi chết sanh vào con đường lành; sau đó làm Phật và người trong nước ấy được Tam Muội.

Chẳng tà kiến có 10 công đức. Một là tâm tánh mềm, lành; cho đến sau khi chết sanh vào con đường lành; làm Phật và người ở nước ấy có lòng tin chân chánh.

Câu kệ có 21 hàng rưỡi; tụng về phần bên trên về Phát Tích và Thọ Ký. 14 hàng đầu tụng về Phát Tích. Kế tiếp 17 hàng rưỡi tụng về việc Thọ Ký. Đầu tiên ấy lại chia làm 2. Bảy hàng trước tổng phát về các Tích của Thanh Văn. Tụng bên trên về cái ý của chúng ta. Bảy hàng sau đó, tụng bên trên về phát mãn nguyện Tích.

Tổng cộng trong ấy có 5. Hàng đầu tiên nói về Phật Tử vì việc làm khó hiểu và được pháp Thùy Tích rồi. Kế đến „rõ biết chúng vui pháp nhỏ" trở đi; phần thứ 2 có một hàng làm rõ lý do của Thùy Tích. Kế đến „dùng vô số phương tiện" trở đi; phần thứ 3 có hai hàng làm sáng tỏ sự lợi ích của Thùy Tích. Kế tiếp „trong bí mật" trở đi; phần thứ 4 có 2 hàng; nói rõ về bên trong thì mong mỏi đạo lớn và bên ngoài hiện ra việc nhỏ.

Kế đến từ „nếu ta đầy đủ" trở đi; phần thứ 5 có một hàng chỉ lược bớt và giảm nói rộng. Tiểu dục ấy là chỉ cho việc muốn cầu Tiểu Thừa. Giải đãi chỉ cho sự thối lui Đại Thừa. Không hay chỉ ra đấy là Thanh Văn, lại tạo tác với ngoại đạo cùng với Phàm phu tam độc. Thân tử ở đây chỉ cho sân; Nan Đà chỉ cho tham; Điều Đạt chỉ chi si v.v...

„Nay ở đây giàu có" trở đi; phần thứ 2 có bảy hàng. Tụng về phát mãn nguyện Tích Bản. Câu văn trên lại có 3. Nay lược lại tụng chỉ có 2. Năm hàng đầu tụng về việc hiển Bản trong quá khứ. Từ „sau đời vị lai cũng lại cúng dường „ trở đi; phần thứ 2 gồm hai hàng; tụng về 3 thời chư Phật, chỗ nhơn duyên tu hành. Lược bớt không tụng về 7 vị Phật và Phật hiện tại. Từ „cúng dường các Đức Như Lai" trở đi; gồm 7 hàng rưỡi tụng về việc Thọ Ký. Câu văn trên lại chia ra làm 7. Nay tụng phần thứ 4. Nửa hàng đầu tụng về nhơn đã tròn; nửa hàng kế tụng về quả đã mãn. Từ „nước tên là Tịnh" trở đi có 3 câu. Qua khỏi đó tụng về tên hiệu của nước và số kiếp. „Bồ Tát chúng thật nhiều" trở đi gồm 5 hàng 3 câu. Tụng về

quốc độ rộng sạch. Lược bớt chẳng tụng về thọ mạng; sau khi pháp trụ diệt rồi thì dựng tháp. Phần thứ 2 thọ ký cho 1.200 vị. Một là nhớ thưa thỉnh; hai là cùng thọ ký và 3 lành lãnh nhận rõ biết. Thỉnh thọ ký như câu văn. Câu văn thọ ký có tụng kệ Trường Hàng. Trường Hàng lại có 3. Một là hứa thọ ký tổng cộng cho 1.200 vị. Hai là thọ ký riêng biệt cho Trần Như. Trần Như ngộ đạo đầu tiên. Đứng đầu các bậc Thượng Tọa; nên thọ ký riêng biệt. Ba là thọ ký riêng biệt cho 500 vị. 500 vị ấy cùng tên và đều được thọ ký riêng biệt.

Hỏi: Thấy được việc thọ ký cho 500 vị; nhưng chẳng thấy 1.200 vị ?

Đáp: 500 vị nầy tức là trong số 1.200 vị ấy. Trong phần tụng sau cùng có 1 hàng rưỡi nói tổng cộng thọ ký cho 700 vị nữa; cho nên thành 1.200 vị.

Lại nữa ở phẩm Trì nói rằng: „Ta đầu tiên tổng thọ ký cho tất cả các vị Thanh Văn và đã được thọ ký rồi". Tức là để chỉ cho 1 hàng rưỡi nầy; Chứ chẳng phải là không thọ ký cho 700 vị Thanh Văn nầy.

Kệ tụng có 11 hàng và chia ra làm hai. Chín hàng rưỡi đầu tụng về việc thọ ký cho Kiều Trần Như và cùng với 500 vị khác. Sau cùng 1 hàng rưỡi, tổng quát nói về việc thọ ký cho tất cả Thanh Văn.

500 vị ấy lãnh nhận, câu văn có Trường Hàng kệ tụng. Trường Hàng nói về việc đầu tiên trải qua trong gia đình và hoan hỷ việc nầy. Kế đến tự nói lại việc lãnh nhận. Trải qua ở nhà, trước tiên là vui mừng và nay được

nhận lãnh nên hoan hỷ. Kế đến là hổ thẹn vì ngày xưa chẳng hiểu được; cho nên tự trách. Trong việc vui mừng ấy trước tiên làm rõ nội tâm vui mừng. Sau đó làm sáng tỏ phía bên ngoài thì cung kính. Hối quá và tự trách tức là làm sáng tỏ chuyện xấu hổ nầy vì ngày xưa chẳng hiểu rõ.

Từ „Thế Tôn chúng con" trở đi; phần thứ 2 là tự trần việc lãnh hội có 2. Một là nói pháp, nói 2 thí dụ. Trong việc thuyết pháp ấy đầu tiên là hối quá việc được ít mà cho là đủ. Kế đến là tự trách căn cơ độn lụt nên khó tỏ ngộ. Từ „Thế Tôn cho đến khi diệt độ" là hối trách vì ngày xưa mê lầm, được ít cho là đủ, chẳng rõ biết việc cầu chuyện lớn.

Từ „nay lại mới rõ" là tự trách căn cơ chậm lụt, bắt đầu tỏ ngộ và chẳng rõ biết sớm hơn. Nay đã biết rằng việc nhỏ chẳng phải là cứu cánh, việc lớn mới là chơn thật. Trong thí dụ thứ 2. Ban đầu lược bớt; kế đến là chính thức đưa ra thí dụ. Như kẻ vô trí là lược đưa ra thí dụ tình huống như vậy.

Từ „vì sao vậy" trở đi là giải thích cái ý của chữ vô trí. Nói thí dụ ấy có 2. Một là dụ cho việc say rượu. Dụ nói pháp tự trách khi được nhỏ cho rằng đủ, chẳng rõ biết để cầu việc lớn. Trước khi lãnh nhận pháp ấy, dụ về đời trước về cái ý của thí quyền. Hai là thí dụ về những người thân quen được giác ngộ. Dụ thuyết pháp tự trách căn độn; nên khó tỏ ngộ; nay đã được tỏ rõ. Trước khi thọ lãnh, pháp ấy dụ cho đời trước về sự hiển thật. Tựu chung phần đầu ấy lại có 3 ý. Một là thí dụ cho việc

nhiều châu báu. Lãnh nhận rồi kết duyên với các vị Vương Tử. Hai là dụ say nằm chẳng tỉnh. Lãnh rồi gặp điều nầy nên thối lui việc lớn. Ba là thí dụ khi tỉnh dậy liền đi du hành. Lãnh nhận bên trên là tiếp nhận việc nhỏ. Dụ như có người tức là người theo Nhị Thừa.

Thân hữu ở đây là lúc xưa có 16 vị Vương Tử vậy. Nhà ở đây có nghĩa là nhà của Đại Thừa. Say rượu rồi nằm nghĩa là lúc ấy cơ duyên lớn chưa phát, bị vô minh chế ngự. Khi được nghe kinh rồi thì nội tâm mới hiểu rõ. Do vì vô minh chồng chất cho nên trở lại mê mờ. Say ở đây có hai nghĩa. Một là say bất tỉnh, chẳng rõ biết gì cả. Hai là say nhẹ, cái rõ biết nhỏ nhiệm tìm cách quên đi; lại có tên là bất giác. Tuy có 2 nghĩa nhưng chung quy trở thành châu báu nhiều thì như loài độc hại. Quan sự đương làm nghĩa là làm rõ chỗ Vương Tử; ngoài chỗ ấy ra cùng với cơ duyên đi đến; cho nên nói là đương hành. Hoằng pháp độ người khác; việc này chẳng phải là nhiệm vụ riêng tư. Cho nên nói là việc quan.

Vô giá bảo châu nghĩa là Nhứt Thừa thật tướng chơn như, rõ biết là quý giá. Nhiều y áo nghĩa là tàm quý nhẫn nhục hay che đậy sân si và phòng ác bên ngoài; tức là áo bề ngoài. Tâm tin tưởng vui vẻ, phía bên trong gồm các căn lành; tức là áo che bên trong. Lúc ấy nghe pháp, tin tưởng vui ưa; tức là rõ biết nguyên nhơn, trí nguyện chủng tử vậy.

Phần thứ hai người say chẳng rõ biết là tâm vô minh che đậy, lại chẳng hồi tưởng được. Trong sự lãnh hội nầy là do giải đãi thối lui, chẳng thọ nhận pháp lớn

vậy. Phần thứ 3 tỉnh dậy đi đến nước khác. Khoảng giữa sự nhận lãnh bên trên ấy là tiếp nhận việc nhỏ Tam Thừa hóa vậy. Kẻ căn lành muốn phát triển thì phải ẩn khổ cầu vui. Cho nên nói rằng: Tỉnh dậy rồi đi. Vô minh che khuất sự hiểu biết, chẳng rõ hướng gốc, để đi tìm cầu sự ăn mặc nơi Đại Thừa. Cho nên nói rằng: Hướng về nước kia để tìm cầu sự ăn mặc nơi Tiểu Thừa. Nếu vọng tưởng giữa ma và Phật thì sanh tử là cảnh giới ma ở nước kia. Phật pháp lớn nhỏ đều là ở nước nầy. Nói chung việc vọng tưởng nơi Tiểu Đại có nghĩa là: Tiểu Thừa chưa lìa hết sanh tử; giống như ở nước kia. Đại Thừa quyết rời xa sanh tử và lại là ở chốn nầy. Cứu cánh trở lại cái gốc. Ở đây làm sáng tỏ chỗ từ nơi nước Đại Thừa và qua nơi nước Tiểu Thừa, chẳng biết rằng trong mình có châu báu đã nhặt được mà dong ruỗi đi làm thuê để đổi lấy miếng ăn trong một ngày. Được ít cho là đủ.

Rồi „sau đó gặp gỡ" trở đi; phần thứ 2 dụ cho việc người quen phát nguyện giác ngộ. Lãnh nhận việc bên trên là dùng đến nhân duyên căn bản nầy; nay lại nói Pháp Hoa cùng cho xe lớn. Đây lại chia ra làm 3. Trước là Ha Trách; hai là chỉ cho châu báu và ba là khuyến khích. Ha Trách như thí dụ bên trên là động chấp sanh nghi. Dụ về việc chỉ cho châu báu là nhơn duyên của đời trước. Dụ về khuyến mậu là được thọ ký làm Phật. Ba lần đều có 3 ý nghĩa. Trong pháp thuyết ấy ta làm cho thoát khỏi khổ ràng buộc. Tức là Ha Trách. Chương về 5 vị Phật, tức là khai thị. Thân Tử được thọ ký tức là khuyến mậu. Trong thí dụ ấy nói: Ta trước tiên chẳng nói tất cả đều là Bồ Đề; tức là Ha Trách. Ba xe một xe tức là chỉ cho châu

báu. Trung căn được thọ ký; tức là khuyến mậu. Hạ căn đời trước có nhân duyên, các ngươi lành nghe; tức là Ha Trách. Che đậy, giảng nói việc kết duyên, rồi trở lại nói Đại; tức là chỉ cho châu báu. Hạ Căn được thọ ký tức là khuyến mậu. Giàu có của báu trong ý ấy vọng có 3 điều. Đầu tiên là ở dưới gốc cây Đức Phật dùng lớn mà ví tức là nhiều châu báu vậy. Vô cơ tức hóa nghĩa là người say. Tìm thí dụ phương tiện tức là ngồi dậy ra đi. Trong thí dụ có 2 vạn ức chỗ Phật tức ý nói giàu có của cải. Khi người bên cạnh tìm đuổi theo thì cự tuyệt chẳng chịu nhận; tức là kẻ say sưa nầy. Ba xe dẫn đắc tức là trổi dậy để đi. Trong nhân duyên ấy ở nơi Đức Phật Đại Thông Trí Thắng tức là nhiều châu báu. Trong lộ trình giải đãi thối lui ấy là người say rượu nầy. Tiếp nhận việc nhỏ tức là bỏ đi nơi khác. Những điều nầy gọi là lãnh nhận quyền. Ngày, tháng, năm ấy là chỉ cho nơi Đức Phật Đại Thông.

Từ „Phật lại như vậy" trở đi; phần thứ 2 thí dụ về việc gặp nhau. Dụ căn bản nầy có 2. Nay mỗi mỗi có 3 ý. Từ „giáo hóa chúng ta"; đầu tiên là gặp nhiều châu báu, mà quên hẳn đi; gặp lần thứ 2 lại say sưa chẳng rõ biết điều gì cả. Từ „liền được La Hán" trở đi; gặp lần thứ 3 thì bỏ đi nơi khác. Từ „tất cà trí nguyện" trở đi; sau khi gặp người bạn, biết rõ sự chỉ bày qua thí dụ. Bên trên có 3 và nay lại cũng 3. Từ „trí nguyện chẳng mất" trở đi; đây là gặp lần sau và có một Ha Trách. Từ „Tu từ lâu đã làm cho ngươi" trở đi, gặp nhau sau đó lần thứ 2 chỉ cho châu báu. Từ „ta nay cũng rõ" trở đi, gặp lần thứ 3 khuyến mậu sở tu.

Phần thứ 2 kệ tụng có 12 hàng rưỡi, chia làm 2. Một hàng rưỡi đầu tụng về bên trong tâm được hiểu rõ, lại có 2. Một hàng đầu tụng về sự vui mừng. Kế đến nửa hàng tụng về sự hối trách. Kế tiếp „ở nơi vô lượng Phật bảo" trở đi, phần thứ 2 có 11 hàng; tụng về việc tự trần lãnh giải. Câu văn trên lại có 2. Nay nửa hàng đầu tụng về việc hối trách việc được ít mà cho là đủ. Lược chẳng tụng phần khó ngộ; nay thì đã rõ. „Như rất nhiều người ngu" có nửa hàng; tụng lược và đưa thí dụ. Liền tự lấy đó mà cho là đủ. Tụng giải thích về cái ý của vô trí. Kế tiếp 10 hàng tụng thí dụ nói khai mở việc gặp nhau. Sáu hàng đầu tiên tụng khai. Bốn hàng sau tụng về việc gặp nhau. Bên trên khai lại có 2. Nay 4 hàng đầu tụng về xả bỏ của báu mà chẳng rõ. Hai hàng sau tụng về việc bạn bè chỉ cho biết. Ngoài ra câu văn dễ hiểu.

Giải thích phẩm
Thọ Học Vô Học nhơn ký

Nghiên chơn đoạn hoặc được gọi là Học; chơn cùng hoặc tận gọi là Vô Học. Nghiên tu chơn lý, mộ cầu thắng kiến thì gọi đây là học. Học ở tại 3 quả, 4 hướng chơn vô lậu huệ. A La Hán quả. Nghiên lý đến cùng rồi, thắng kiến đến cực rồi; chẳng có chỗ nào để học nữa, cho nên gọi là Vô Học. Ước giáo giải thích phẩm nầy rằng. Bẻ gãy pháp, nghiên chơn thì gọi đây là học. Hoặc tận, chơn cùng gọi đây là Vô Học. Ý của trong Tam Tạng là: Thể, pháp nghiên chơn gọi đây là học. Vô chơn, vô hoặc gọi đây là vô học. Theo Thông (giáo) thì ý rằng: Tự thấy thấp trong sâu xa là học. Thông biệt hoặc tận, quyền thật lý cùng gọi đây là vô học. Đây là ý của Biệt giáo. Nghiên Như Lai tạng hữu học vô học. Pháp tánh thật tướng phi học, phi vô học, mà học, mà vô học v.v...

Đây là 2.000 người. Hoặc là người học, hoặc là người vô học. Cùng trong một lúc và thọ ký cùng một tên; cho nên riêng biệt làm một phẩm nầy vậy. Phẩm nầy là phẩm Thọ Ký. Trong câu văn ấy có 2 đoạn. Tựu

chung câu văn nầy chia làm 2. Một là thỉnh cầu ghi nhận và hai là Thọ Ký. Trong việc thỉnh cầu ấy lại có 2. Một là 2 người thỉnh; hai là 2.000 người thỉnh. Hai người thỉnh cầu ghi nhận lại có 2. Một là yên lặng; hai là phát ngôn thỉnh cầu. Phát ngôn thỉnh cầu lại có 2. Một là dẫn thí dụ, lại nên có phần; hai là dẫn thí dụ ước mong. Hai người quá thân thiết ở trong chúng yêu cầu. La Vân (La Hầu La) là con Phật; ở đời là gần gũi nhất. A Nan là giữ gìn Pháp tạng của Phật; ở trong đạo là gần gũi tối ưu nhất. Ưu tiên cho 2 người nầy chẳng mong có biệt ký. Tức là mọi người đang mong chờ chẳng đủ vậy.

Hỏi: Nếu quý, nếu hơn hẳn thì có phải là bậc thượng lưu chăng? Ý gì ở vấn đề nầy. Nếu như thí dụ thì trong chúng 2 người ấy ở vào thượng thặng nên mới thưa thỉnh. Như vậy là nằm ở ý gì ?

Đáp: Tổng cộng có 1.200 việc ghi nhận, mà 2 người lại ở bậc thượng lưu. Nay lại được thưa thỉnh riêng. A Nan là người có học. La Vân là đệ tử; cho nên nhập chuyện có học và vô học vào một chương. Còn 2.000 người thỉnh cầu để được thọ ký lại có sự mặc nhiên dẫn theo thí dụ. Hai là ý giống nhau; cho nên nói như sự mong mỏi của A Nan vậy.

Không nói ra lời là không quan trọng, không đặc biệt vậy. Việc thọ ký lại có 2. Một là ký trước cho 2 người và sau đó mới nhận lời thọ ký cho 2.000 người. Việc thọ ký cho A Nan cũng có 5. Một là Trường Hàng; hai là kệ tụng; ba là 8.000 Bồ Tát sanh nghi; bốn là Như Lai phát Tích giải thích việc nghi kia; năm là A Nan hiển bản,

thuật lại ca ngợi tán thán. Nghi ngờ ấy là Thông (giáo) nghi Thanh Văn ngày nay mới phát tâm; tức là mong Phật thọ ký cho nước sạch như điều nầy. Xưa kia thời Phương Đẳng thọ ký cho các Bồ Tát. Trải qua vô lượng kiếp cho đến khi được Phật thọ ký. Phật liền phát Tích giải thích điều nghi. „Xưa nay cùng với ta giống nhau khi phát tâm đại bi" tức là đồng học. Do ta tinh tấn nên được thành Phật trước. Còn do các ông đa văn giống như giữ gìn kinh điển. Tích là gần gũi, bản địa như thế nầy. Nay thọ nhận được sự thọ ký vi diệu nầy có lý do gì để nghi ? Ngoài ra việc thọ ký như câu văn.

Giải thích
phẩm Pháp Sư

Phẩm nầy có 5 loại Pháp Sư. Một là thọ trì; hai là đọc; ba là tụng; bốn là giải nói và năm là biên chép. Trong Đại Luận ghi rõ có 6 loại Pháp Sư. Do tín lực nên thọ; niệm lực cho nên trì; xem câu văn cho nên đọc; chẳng quên cho nên tụng; tuyên truyền cho nên nói; kinh văn của bậc Thánh khó giải đều giải thích. Sáu loại Pháp Sư ấy nay kinh gộp lại thọ trì làm một; cùng với lý giải và nói làm một. Khai cho đọc và tụng làm 2. Về biên chép ấy lại có 5. Biệt luận 4 người là tự hành và một người là hóa tha. Đại Kinh phân ra chín phẩm. Trước 4 người không rõ là ở cương vị đệ tử. Sau đó 5 người có hiểu biết là vị trí của bậc Thầy. Thông (giáo) luận rằng: Nếu tự thực hành chỉ 5 pháp. Tức là tự hành Pháp Sư. Nếu dạy cho kẻ khác cũng 5 pháp. Tức là hóa tha pháp sư. Tự thực hành cho nên Thông (giáo) gọi là Đệ Tử. Hóa tha cho nên Thông (giáo) xưng là Pháp Sư. Nay từ nghĩa của Thông (giáo); cho nên gọi là phẩm Pháp Sư.

Nếu nói số giảm lại thì 5 ấy còn lại 4; tức là 4 an lạc hạnh. Như sau nói 4 ấy còn 3. Thọ trì là ý nghiệp; đọc,

tụng, nói là khẩu nghiệp; biên chép là thân nghiệp. Biệt (giáo) cho rằng: Khẩu nghiệp là hóa tha. Thân, ý là tự hành. Thông (giáo) thì cho rằng: 3 nghiệp là tự thành; tức là tự hành Pháp Sư. Ba nghiệp dạy bảo chỉ bày tức là hóa tha Pháp Sư; cho nên nói là phẩm Pháp Sư. Lại là 3 cửa thực hành 5 pháp nầy, dùng sự tự huân tu; tức là phước huệ môn, hoằng tuyên 5 pháp. Lợi ích rộng rãi nghĩa là hóa tha môn. Tư tu lợi ích cho kia đều thuận theo lời Phật dạy; tức là báo ân môn. Biệt (giáo) giải thích rằng: Tự tu báo ân gọi là tự hành; ích lợi cho kia; nên gọi là hóa tha. Thông (giáo) cho rằng: Tự quỷ quỷ tha, đều gọi là Pháp Sư. Cho nên nói là phẩm Pháp Sư. Lại nữa, đọc, tụng, thơ tả là ngoại hành; tức là chiếc áo của Như Lai. Thọ trì là nội hành; tức là chỗ ngồi của Như Lai; giải thích, nói sự lợi ích cho người khác là phòng ở của Như Lai. Phòng ở của Như Lai theo Biệt (giáo) cho rằng tượng tha (người thợ làm cho kia). Thông (giáo) thì chẳng như vậy. Lòng từ bi che khắp các nơi vậy, trí huệ lợi ích trở về mình thì gọi đây là như thất (như căn phòng). Ngăn ngừa ác kia chướng nầy thì gọi là áo. An tâm nầy nơi không thì mới có thể an nơi kia. An nơi kia, an chỗ nầy nên gọi là chỗ ngồi. Đây tức là tự quỷ tam pháp, lại gọi là Pháp Sư. Lợi vật tất dùng từ bi để vào phòng, lấy đó làm đầu.

Kế tiếp lấy nhẫn nhục làm cơ bản; giúp cho người khác là lấy sự quên mình làm căn bản. Hay hành 3 pháp, đại giáo tuyên thông tức là nơi thế gian nương vào; cho nên gọi là Pháp Sư. Ở đây lại chia làm 2. Nghĩa là tự hành hóa tha. Điều dễ hiểu nầy chẳng ghi lần nữa. Lại

chia ra làm một. Nghĩa là Như Lai thực hành đầy đủ tất cả hạnh. Lòng bi mẫn là đánh bạt tất cả những sự khổ. Nghĩa là Tứ Thú, 3 cõi, Nhị Thừa Bồ Tát cùng với các sự khổ. Từ tức là cùng với tất cả niềm vui. Nghĩa là người, trời, Niết Bàn thường trụ hay vui. Y áo nhu hòa làm chướng ngại tất cả việc xấu xa. Nghĩa là tứ trụ, vô trí, vô sanh sánh với sự xấu xa. Chỗ ngồi không, quên hết tất cả tướng. Nghĩa là hữu tướng, vô tướng, phi hữu tướng, phi vô tướng. Đây tức là ý của Thông (giáo).

Ý của Biệt (giáo) là từ bi sanh ra tất cả những điều lành. Nhu hòa ngăn che tất cả các việc ác. Ngồi chỗ không là quét sạch tất cả tướng. Lại nữa từ bi là đứng trên tất cả phước đức. Chỗ ngồi không ấy trở thành tất cả trí tuệ. Trí tuệ là mắt; cho nên nói là ngũ nhãn. Phước huệ là chân; cho nên nói là lục độ. Lại nữa từ bi vượt hẳn khỏi Thanh Văn, Duyên Giác. Nhu hòa vượt hẳn trên tất cả phàm phu, ngoại đạo. Chỗ không ấy hơn tất cả sự chia chẻ từng phần với Bồ Tát. Cho nên Tịnh Danh (Duy Ma Cật) nói rằng: Dụ như vượt lên trên oán thì là sự dũng mãnh. Lại nữa từ bi phá thiên ma. Nhu hòa phá ấm ma. Chỗ không ấy phá phiền não ma, tử ma.

Trong Đại Phẩm nói rằng: Hóa tất cả chúng sanh, quán tất cả không, ma chẳng thể có được v.v... Lại nữa từ bi cho nên hay được hỏi tới. Ngồi chỗ không cho nên hay đáp lại. Đầy đủ 2 việc trang nghiêm. Lại thêm quán không; cho nên hay hỏi. Từ nhẫn cho nên hay đáp. Từ nhẫn cho nên có thể trồng, có thể đứng, có thể nhờ. Không huệ cho nên hay làm sạch cỏ, hay phá bỏ, hay

dẫn đường. Lại nữa từ bi cho nên cái gì là nơi ngăn cách ? Nhu hòa cho nên cái gì là nơi chướng ngại ? Chỗ không cho nên cái gì là tranh cãi ? Ra khỏi 3 chân lý cho nên gọi là thắng tràng. Bao hàm phổ nhiếp cho nên nói là Ma Ha Diễn (Đại Thừa). Những điều nầy Như Lai hành trì cho nên gọi là Tam Muội Vương.

Kinh nói rằng: Tất cả các pháp lành, từ ấy là căn bản. Nhẫn nhục là đạo thứ nhất; không có tướng nào cao hơn nữa. Nếu nói cho đầy đủ về việc thực hành thì nói không bao giờ hết cả v.v...

Hỏi: Vì sao Ước (giáo) tam pháp làm sáng tỏ Pháp Sư ?

Đáp: Việc nầy theo Vãng Luận thì tất nhiên đăng đường; sửa y phục, ngồi xuống chỗ ngồi. Ngay cả cho đến việc ngồi; cho nên Ước (giáo) nói là 3 vậy. Lại nữa sự và lý phải hợp nhau với luận cứ. Phàm còn mê hoặc thì chẳng ra khỏi 3 loại ấy. Một là, theo Ước (giáo) thì khổ quả sẽ khởi lên nghi hoặc; hai là, theo Ước (giáo) kết quả của nghiệp, khởi lên nghi hoặc. Ba là, theo Ước (giáo) chân lý khởi lên hoặc. Cho nên dùng 3 môn mà dẫn đường vậy. Lại nữa theo Ước (giáo) do mê, chơn cho nên đọa vào chốn khổ. Do vậy dùng cánh cửa từ bi, mê tục cho nên đắm vào không ấy để thọ những niềm vui. Do vậy dùng cánh cửa hòa nhẫn. Trong sự mê mờ ấy làm cho tri chướng; cho nên dùng đến không môn v.v...

Pháp ấy là quy tắc. Thầy ấy là người dạy dỗ. Pháp tuy là quỷ thể (thể thức, quy tắc); nhưng tự nó chẳng

thể làm thông đạt ở con người được. Năm loại người thông suốt kinh điển đều gọi là Thầy. Dùng pháp thành tựu mà tự mình thực hành; tất cả lấy đó làm diệu pháp nên gọi là Thầy. Thầy ấy đối với diệu pháp tự thực hành thành tựu; cho nên gọi là Pháp Sư.

Lại nữa có 5 loại người có thể dùng diệu pháp để huấn dục cho kẻ khác; cho nên đưa ra pháp mục sư. Gọi là phẩm Pháp Sư; nếu tự lấy pháp để làm quy tắc; hay lấy pháp ấy làm việc dạy dỗ cho người khác. Tất cả đều gọi là Pháp Sư. Tức là giải thích về phẩm nhân duyên vậy. Phàm cho nhiều loại giải thích. Tất cả theo Ước, Viên giáo pháp môn mà giải thích phẩm nầy vậy. Phía trước 3 lần đầy đủ đã nói về Tích Môn; chính thức nói về việc lãnh nhận việc thọ ký rồi. Bên dưới 5 phẩm nầy là Tích Môn lưu thông. Không phải chỉ là cái bóng che lợi ích một thời, mà lại muốn ảnh hưởng đến đời sau; cho nên có 5 phẩm lưu thông. Pháp Sư Bảo Tháp hai phẩm. Làm sáng tỏ chỗ hoằng hóa kinh điển là công đức sâu dày, phước thêm, lưu thông chưa nghe sự lợi ích thật là to lớn. Đạt Đa một phẩm dẫn chứng qua sự hoằng pháp kinh điển; người ấy và ta đều được lợi ích. Dùng chứng cớ công đức sâu xa ấy.

Ở phẩm Trì có 8 vạn Đại Sĩ nhẫn lực thành tựu; ở nơi quốc độ nầy hoằng truyền kinh điển. Người mới được thọ ký, qua bên đất kia để hoằng kinh. An Lạc Hạnh một phẩm. Xưa nói rằng: Tiếp thoái lưu thông; hoặc sẽ như điều nầy chưa hoàn được hoàn toàn. Ngoài ra phàm là tâm ban đầu thì vui mừng về thắng phước nầy. Thấy

Thanh Văn sợ kiêng. Nghe Bồ Tát thì tủi nhục; quay lại mình thì lực yếu. Chẳng có ích lợi gì cho mình và kia, liền sanh tâm thối lui. Phật và người nầy mà nói An Lạc Hạnh.

Nương vào pháp để hoằng truyền, chẳng lo ngại vấn đề nguy khốn. Lại nữa phẩm Pháp Sư, Đức Thích Tôn tự nói về hoằng kinh công đức, mạng mạch lưu thông. Phẩm Bảo Tháp Đa Bảo phân thân. Vả chứng, vả trợ khuyên quán lưu thông. Phẩm Pháp Sư phần đầu là Trường Hàng kệ tụng. Tán thán cái đẹp của 5 loại Pháp Sư hay hộ trì người nghe pháp. Phần Trường Hàng sau, kệ tụng, tán thán điều đẹp đẽ nơi pháp được hành trì. Lại nữa phần chỉ rõ thông kinh phương quỷ, đầu tiên lại có 2. Một là con đường kia, đệ tử môn, công đức sâu dày. Hai là thọ Đạo Sư Môn, công thâm phước trọng. Đệ tử môn lại có hai. Một là Phật ở đời và Đệ Tử. Hai là chưa có Đệ Tử. Đầu tiên do nguyên nhơn Dược Vương hỏi 8 vạn ấy nghĩa là nguyên nhơn ghé vào nương tựa. Muốn dùng diệu pháp phải nương tựa vào Dược Vương, khiến cho lãnh thọ điều nầy và nói là 8 vạn. Tất cả lưu thông vậy. Chỉ cho người hỏi; nhưng việc thấy nầy chẳng có ai. Chính là người trì kinh được phước vậy.

Phật ở đời lại có 2. Một là từ „Bảo Dược Vương" trở đi; nói đơn giản về việc xuất hiện của con người. Hai là từ „đối trước Đức Phật" trở đi; nói giản lược về việc được nhơn duyên thọ ký. Khổ ấy đối với trước Phật sẽ làm căn cơ diệu ngộ. Đây là đa văn thâm giải của 2.500 người vậy. Tất cả đều đã hiện tiền cùng với tổng, biệt ký rồi.

Nay chỗ giản lược hoặc là 8 bộ; hoặc là 4 chúng 3 thừa. Đều là chỗ ngồi nơi Pháp Hoa. Kể cả ở trước Phật làm sáng tỏ thời tiết nầy, gặp Phật nơi chỗ ngồi. Một câu một kệ, nghe pháp thật ít; cho đến một niệm; thời tiết quá đủ. Tất cả cùng với những người thọ ký sẽ được giác ngộ. Làm sáng tỏ việc nghe cực ít nầy thì cực đủ tùy hỷ theo công đức mà được Phật quả. Hà huống là đầy đủ được nghe tận hình thọ trì. Năm loại lưu thông, ba nghiệp cúng dường v.v...

Nghe một câu, một kệ. Nghe ít, hiểu cạn mà nay tất cả đều được hứa thọ ký. Ít như vậy mà còn ký cho huống hồ là những người hiểu sâu và nhiều. Dùng ít cho đến nhiều để phổ cập rộng rãi cho việc nầy. Tất cả bên dưới đều như vậy thì bên trên và khoảng giữa cũng lại như thế. Có thể dùng ý nầy để rõ, chẳng đợi nói nữa.

Theo Kiến Thật Tam Muội thì biệt cùng với Tứ Thiên Vương ký cùng tên là Hỏa Trì. Trời cõi thứ 33 cùng tên là Nhơn Đà La Tràng Vương. Câu Dực đồng tên là Vô Trước. Diệm Thiên đồng tên là Tịnh Trí. Đẩu Suất đồng tên là Thích Pháp Vương. Hai cõi trời bên trên lại thông cùng với ký, chẳng hiển tên riêng. Phạm Thiên tên là Đại Trí Lực. Đây là những vị nghe nhiều, hiểu sâu. Nay đưa ra những vị nghe ít, hiểu cạn. Xưa nói rằng: Bích Chi Phật, Bồ Tát không thọ ký. Câu văn nầy Tam Thừa tất cả đều ký, chẳng đợi nghi.

Một câu, một kệ theo Tăng Nhứt Tập thì nói rằng: Tùy theo trong kinh, có câu kệ trọng yếu. Ví như nguồn mạch của Tứ Đế vậy. Thập Trụ Tỳ Bà Sa nói rằng: Ác tặc

tên là Yểm Bất Cầu, gọi là Vô Dục. Tân vô cấu gọi là giải thoát. Xả Diêm gọi là Niết Bàn. Ác tặc nơi tập, chẳng cầu nơi khổ. Vô cấu là Đạo, Xả Diêm là Diệt. Lại nói: Lời Phật đầy đủ có 4 câu. Cho nên có Tứ Đế, Tứ Niệm Xứ v.v... Quán tam dùng mỗi một câu mà mỗi một kệ. Không câu, không kệ thì chẳng phải là một, v.v...

Nếu giữ Tích Môn thì trong ấy câu chính yếu là: khai, thị, ngộ, nhập. Thừa ấy là bảo thừa (xe tốt) đi đến bốn phương. Tứ An Lạc Hạnh khuyến phát tứ ý cùng với đây vậy. Nhứt niệm tùy hỷ là tự mình chưa có thực hành, hay tùy hỷ pháp và người. Công, báo thường nhiều, hà huống là đi đến. Tâm tùy hỷ có 2. Nếu nghe khai quyền hiển thật, tức là đối với trong một niệm. Giải sâu phi quyền, phi thật là cái lý tin vào Phật tri kiến. Lại cũng hay giải rõ cả đôi là quyền, thật sự lý viên dung. Tuy đầy tánh phiền não mà có thể rõ biết tạng bí mật của Như Lai. Điều nầy tức là dựng lên lập luận tùy hỷ. Lại nữa nếu nghe ý về khai, quyền, hiển, thật; tức là đối với một tâm giải rộng về tất cả tâm. Cùng tất cả pháp đều là Phật Pháp. Chẳng có chướng ngại. Nếu muốn phân biệt, biện thuyết vô cùng. Mặt trăng thì từ tháng tư đến hết năm hay thay đổi chẳng cùng. Tuy chưa được tâm tùy hỷ mà hay sanh sự hiểu biết như điều nầy. Pháp ấy cùng với người nầy lại cũng như thế. Điều nầy nói với Ước (giáo) là luận nói tùy hỷ theo chiều ngang. Tức là ngang mà dựng đứng; tức là đứng nhưng ngang. Cho nên Đại Kinh nói rằng: Thà nguyện làm việc nghe ít, hiểu nhiều, ý nghĩa đầy đủ là ở ý nầy. Sau sẽ nói thêm.

Từ „Bảo Dược Vương, lại nữa sau khi Như Lai diệt độ" trở đi. Làm rõ chỗ Phật diệt và sau đó đệ tử lại có 2. Đầu tiên là cho ra khỏi các đệ tử, rồi lược cử nơi người. Ví dụ như trên có thể rõ. Kế đến nói: Ta cũng cùng ký cho. Công, báo như trước đã rõ.

Từ „Nếu lại có người" trở đi; phần thứ 2 về Sư môn có Trường Hàng và kệ tụng. Trường Hàng lại có 2. Đầu tiên là biệt; sau đó là tổng. Biệt ấy là người nói bên dưới, bên trên. Thời gian nói là hiện tại, vị lai. Tổng ấy là chẳng luận dưới hay trên; cho đến hiện tại hay vị lai. Thông (giáo) chứng minh rằng: Nghịch thì bị tội và thuận thì được phước. Tựu chung biệt ấy lại có 2. Một là làm sáng tỏ hiện đời và hai là làm sáng tỏ đời sau. Tựu chung hiện đời lại có hai. Trước tiên là làm rõ hạ phẩm Sư. Sau đó làm rõ thượng phẩm Sư. Hạ phẩm Sư lại có 2. Đầu tiên làm rõ Sư tướng. Kế tiếp làm rõ Sư công, báo. Sư tướng nghĩa là 5 loại pháp sư 19 loại cúng dường. Kế tiếp „Dược Vương sẽ rõ đây là những người và đã gặp ta cúng dường" trở đi. Làm rõ về hạ phẩm công, báo. Kẻ gặp cúng dường trước tiên là nguyên nhân sâu xa. Vì thương chúng sanh cho nên sanh về thế gian nầy. Làm rõ công đức hiện tại to lớn. Từ „nếu có người hỏi" trở đi, làm rõ quả báo vị lai sâu dày. Từ „hà huống những người hay siêng thọ trì" làm rõ những thượng phẩm Sư, lại có 2. Trước tiên là „Huống Xuất Thượng Phẩm Sư Tướng". Kế đến là „Dược Vương nên rõ". Người nầy tự xả bỏ nghiệp báo thanh tịnh. Điều nầy làm rõ thượng phẩm công đức và quả báo vậy.

„Nếu là thiện nam tử, sau khi ta diệt độ có thể ăn cắp vì một người" trở đi – Làm rõ việc sau khi (Phật) diệt độ, Sư ấy lại có thượng, hạ. Hạ phẩm lại có 2. Đầu tiên gặp người hạ phẩm tức là dựng được ý nầy. Có huệ không Văn, dừng lại chỗ chiếm cứ ấy, nói chưa được đến các nơi. Cho nên đây là hạ phẩm Sư. Làm một người ăn cắp; nói một câu. Tuy được rõ một câu; nhưng chưa nghe rộng, học nhiều là nghĩa khác. Chẳng thể ở trong chúng mà nói. Tất cả những câu hỏi được đặt ra có chỗ chẳng thông. Liền làm cho giáo lý chánh pháp chẳng được loan truyền rộng ra. Như Thích Luận giải thích có huệ vô văn; giống như mưa nhỏ, không có sấm sét. Nếu muốn nói một câu chánh pháp nầy, vả lại sẽ nói như kẻ trộm. Nên biết rằng người nầy tức là sứ giả của Như Lai. Làm rõ công đức và quả báo nầy. Kinh đây là như trí để nói; nói ấy phải như lý. Ngày nay hành nhơn cầm bút như lời dạy tuyên dương nầy là như lý. Tức là sứ giả của Như Lai.

Hành Như Lai sự tức là như trí chiếu như lý làm sự. Ngày nay hành nhơn nương vào như lời dạy thực hành như giáo lý. Tức là hành Như Lai sự vậy. Một như trí, một như lý. Hóa độ chúng sanh là sự. Ngày nay hành nhơn hay có đặc bi; dùng kinh nầy với cái lý chơn như là vì chúng sanh nói, để cho được lợi ích. Lại có tên là hành Như Lai sự vậy.

Quán tâm giải thích về Như Lai sứ rằng: Dùng tâm trí để quán cảnh, cảnh ấy tức là chơn như. Cảnh lại phát trí. Trí vì như chỗ ấy mà sai sử. Như Lai có dạy rằng:

Quán trí từ như ở giữa đến. Hành Như Lai sự nghĩa là: Trải qua tất cả các pháp, chẳng có pháp nào là chẳng phải chơn như, tức là Phật sự vậy. Từ „Hà huống ở trong Đại chúng" trở đi là làm rõ con người thượng phẩm, lược bớt chẳng chính lượng, công, báo. Ý nầy có thể rõ.

Từ „Nếu có người ác" trở đi; phần thứ 2 tổng làm rõ về 5 loại Pháp Sư. Nghịch lại là bị tội và thuận theo đó thì được phước vậy. Ở trong nầy tội phước chẳng luận; phước điền mỏng gầy; nên theo Ước (giáo) tâm ban đầu và sau cùng làm rõ chỗ nhẹ nặng nầy. Người mới phát tâm tu học có đầy dẫy phiền não. Nếu thêm chướng ngại thì chỗ học tất nhiên lười bỏ; cho nên nhận thêm nhiều tội. Phật tất bình đẳng, ác chẳng cần phước, há có thể chướng ngại sao. Cho nên nói rằng: Tội nhẹ cúng dường lại cũng như thế. Người nầy chờ đợi; nếu được cúng dường thì việc tu sẽ thành; cho nên việc thí ấy là phước lớn. Phật tức chẳng chờ các việc đầy đủ. Tuy thế lại hiến cúng nơi Phật; chẳng lợi lạc; cho nên nói rằng: Báo ấy thấp kém. Giống như Vương Tử gặp chuyện khó khăn, cung phụng đầy đủ thì công nầy thật là lớn. Nếu nhục vì dòng vua chúa, tội ấy rốt cuộc chẳng nhẹ. Rốt cuộc tội phước đều nặng. Nếu dâng cho Đại Vương thức ăn, đồ mặc để bổ sung cho những điều cần yếu thì nếu người muốn xâm lăng cũng chẳng thể tổn hại được; cho nên tội phước đều mỏng.

Từ „Dược Vương" trở đi làm rõ việc đọc tụng như Phật trang nghiêm tức là thuận theo việc được phước. Phật dùng định huệ để trang nghiêm. Người nầy có thể

tu định huệ vậy. Vì Như Lai mà gánh vác. Ở vai ấy là đồ vật; ở vai ấy là mái che. Tu không phải là quyền, không phải thật, thể của pháp thân. Tức là vì Như Lai mà gánh vác; có thể quyền, có thể thật, dùng đến nhị trí; tức là vì sự che chở của Như Lai. Tùy theo phương hướng mà hướng đến đó để lễ. Bên trên đã làm rõ việc lấy pháp làm Thầy. Nay làm rõ chỗ kham năng vì vật Sư. Người nầy có thú hướng; tất nhiên cùng thật tướng tương ưng. Tất cả có thể kính thuận. Thuận đây tức là hướng đến cung kính rồi thì lễ bái. Kính mà thuận và cùng với sự cúng dường v.v...

Kệ có 16 hàng và chia làm 3. Hai kệ đầu chẳng tụng Trường Hàng. Riêng khuyên về tự hành và lợi tha. Kế đến 13 hàng. Tụng về Thượng Sư Môn của Biệt và Thông (giáo). Một hàng sau đó ca ngợi kinh. Tụng về Biệt, Tổng, trong ấy lại có 2. Đầu tiên 7 hàng tụng về Biệt. Sau đó 6 hàng tụng về Tổng. Thượng Biệt Môn có hiện tại và vị lai. Nay 4 hàng đầu tụng về hiện tại. Ba hàng sau tụng về vị lai. Thượng hiện tại, vị lai mỗi Sư mỗi mỗi có thượng, hạ. Nay phần đầu, nếu có thể là hạ gồm 1 hàng tụng hạ phẩm. Nửa bên trên xuất pháp sư.

Từ „sẽ rõ chỗ Phật" trở đi, là phân nửa xuất công báo. Những việc ấy có thể thọ trì. Phần hạ nầy có 3 hàng. Tụng hiện tại Thượng Phẩm Sư. Nửa hàng đầu xuất Thượng Phẩm Sư. „Xả bỏ nơi đất thanh tịnh" trở đi; phần thứ 2 có 2 hàng rưỡi, tụng về công, báo. „Sau khi ta diệt" trở đi. Việc nầy có 3 hàng, tụng về vị lai. Hai hàng đầu siêu tụng huống xuất thượng phẩm; chia làm

hai. Phần đầu „sau khi ta diệt" trở đi nửa hàng tụng Pháp Sư. Trong Trường Hàng căn bản thiếu công, báo. Nay kệ lại có.

Từ „sẽ chắp tay" trở đi; phần thứ 2 có một hàng rưỡi, làm sáng tỏ việc công, báo. Từ „nếu ở đời vị lai" trở đi; phần thứ 2 có 1 hàng tiếp theo tụng Hạ Phẩm Sư. Nửa phần đầu, tụng về xuất nhơn. Kế tiếp „ta lưu ở" trở đi; phần thứ 2 nửa hàng, tụng về công, báo. „Nếu đối với kiếp" trở đi; phần thứ 2 gồm 6 hàng, tổng tụng về Thượng Tổng Môn. Thượng Tổng Môn lại có 2. Hai hàng đầu tụng về người nghịch bị tội. Từ „có người cầu Phật đạo" trở đi; phần thứ 2 gồm 4 hàng, tụng về việc thuận được phước. Từ „Dược Vương! Nay ta bảo ngươi" trở đi; phần thứ 3 một hàng, tán thán ca ngợi kinh quý hiếm. Từ „bấy giờ Phật lại bảo" trở đi; phần thứ 2 tán thán chỗ trì pháp và phương pháp hoằng truyền kinh điển. Sở trì pháp là tự quỹ pháp. Hoằng kinh pháp là quỹ tha pháp. Có trường Hàng kệ tụng. Trường Hàng đầu tiên tán thán, ca ngợi kinh pháp. Kế đến Phương quỹ. Ca ngợi ấy lại chia ra làm 5. Một theo Ước (giáo) về tán thán pháp lại có cách lượng tán thán. Hai là Ước (giáo) nói về người tán thán. Ba là Ước (giáo) tán thán về nơi chốn. Bốn Ước (giáo) tán thán về nguyên nhơn. Năm là Ước (giáo) tán thán về quả.

Pháp diệu cho nên con người là quý. Người quý cho nên tôn trọng nơi chốn. Nơi chốn tôn trọng; nên nguyên nhơn tròn đầy. Nhơn tròn đầy nên quả tốt. Đầu tiên là ca ngợi pháp. Sẽ nói kinh nầy là tối cao, có Sư hiểu rõ. Đây

là Bát Nhã, sẽ là Niết Bàn. Trước Pháp Hoa thì Tiểu; Đại tương dung. Sau Pháp Hoa sẽ được gặp gỡ giống nhau. Kinh nầy chính là gặp 3 lần đầu ấy. Đầu tiên quy về một; nên nói là đệ nhứt. Kinh ca ngợi Pháp Hoa tại đây, nay thì bên ngoài. Sư nầy thiếu một tiết v.v...

Nay lời nói đầu tiên nầy, ở Đại Phẩm trở lên; tiệm, đốn đều nói. Nay người ấy cùng ngồi một chỗ. Nghĩa là vô lượng nghĩa kinh. Người kế tiếp nghĩa là Niết Bàn. Đại Phẩm tiệm, đốn tất cả mang theo phương tiện, lấy sự tin tưởng làm sự dễ dãi. Nay vô lượng nghĩa, một sanh vô lượng. Vô lượng chưa trở lại một, lại là điều dễ tin. Nay Pháp Hoa luận về pháp tất cả sai biệt, dung thông quy về một pháp. Luận về người tức là Thầy, trò Bản, Tích đầy đủ tất cả từ lâu xa. Nhị môn tất cùng ngày xưa ngược lại khó tin, khó hiểu. Sẽ là mũi nhọn, việc khó, Pháp Hoa đã nói về Niết Bàn ở phía sau. Tức là dễ tin được.

Tạng mật yếu là ẩn và chẳng nói; ấy là mật. Tổng quát tất cả những điều cần yếu. Chơn như thật tướng bao che là tạng. Chẳng thể phân bố. Pháp diệu khó tin, tin sâu có thể nắm bắt, vô trí thì lắm tội. Cho nên chẳng thể nói dối được. Từ xưa cho đến nay chưa từng hiển thuyết. Đối với ba tạng, chẳng nói Nhị Thừa làm Phật, lại chẳng làm rõ bản tính giữa Thầy trò. Phương Đẳng, Bát Nhã chỉ nói về tạng thật tướng. Lại cũng chưa nói Ngũ Thừa làm Phật, lại chưa phát Tích hiển bổn. Đốn, tiệm các kinh, tất cả chưa dung hội; cho nên nói là mật. Kinh nầy đều nói chỗ bí pháp xưa kia; tức là khai mở tạng bí mật. Lại cũng là tạng bí mật, như tạng bí mật nầy chưa

hề nói rõ. Như Lai còn tại thế dụ cho nhiều oán tật; trong hơn 40 năm ấy chẳng được liền nói. Nay muốn nói mà 5.000 tầm liền thối lui chỗ ngồi. Phật ở đời còn vậy hà huống là tương lai. Lý ấy khó hóa độ.

Từ „sau khi Như Lai diệt, điều nầy có thể viết, giữ gìn" trở đi. Phần thứ 2, người theo Ước (giáo) cũng hân hoan. Pháp nầy ở con người; tức là con người tôn quý, Như Lai lấy y che cho. Tức là dùng sự tu học nhẫn nhục lớn làm y vậy. Câu văn bên trên nói Đức Như Lai trang nghiêm. Phật hộ niệm. Thật tướng là Phật, thật trí là con. Tôn sùng thật tướng phát sanh thật trí; tức là chư Phật đồng hộ niệm. Tứ tín lấy tín lực; tứ hoằng lấy nguyện lực. Đại trí lấy thiện căn lực. Tín tức là tin vào lý; lý ấy tức là pháp thân. Chí nguyện là lập hạnh. Hạnh ấy là giải thoát. Căn lành, gốc ấy kiên cố, nên khó lay động. Đây tức là Bát Nhã; nên biết ba lực; tức là ba đức, bí mật tạng. Kẻ sơ tâm lấy đây làm nấc thang để đến với Phật, không gì khác. Cho nên nói rằng: cùng Như Lai ở chung vậy. Lại nữa tín lực tu tất cánh không, Như Lai trí. Cái thang Như Lai rốt ráo không làm nhà. Người nầy tín lực lại học tất cánh không. Cho nên cùng với Như Lai ở chung. Thủ Ma Đầu tức là người nầy lấy nguyện lực, thiện lực tự hành quyền thật lấy làm cơ cảm; cơ cảm ấy gọi là đầu. Như Lai dùng hóa tha, quyền thật nhị trí; gọi là Thủ. Khai phát, người trước tự hành quyền thật là đầu. Cảm ứng đạo giao cho nên nói là Ma Đầu. Ma Đầu tức là thọ ký vậy.

Từ „tại tại nơi nơi trở đi. Phần thứ 3 Ước (giáo) ca ngợi về nơi chốn. Pháp nầy tại nơi ấy tức là nơi quý giá. Phàm như chỗ Phật sanh, nơi đắc đạo, chuyển pháp luân, nhập Niết Bàn v.v... Pháp ấy đến đâu, tất cả đều nên dựng tháp. Kinh nầy là pháp thân sanh xứ. Nơi đức đạo, bánh xe pháp chánh thể, sâu vào Đại Niết Bàn. Kinh nầy ở đâu thì nên tạo tháp cúng dường. Chẳng cần để xá lợi. Thích Luận nói rằng: Cốt vụn vặt là sanh thân xá lợi. Kinh quyển là pháp thân xá lợi. Kinh nầy là pháp thân xá lợi; chẳng cần để thêm sanh thân xá lợi. Sanh, pháp hai thân mỗi mỗi đều có toàn, toái. Tất cả có thể giải rõ v.v...

Từ „nếu xuất gia" trở đi. Phần thứ 4 đã đưa ra nguyên nhân ca ngợi. Nếu chưa có hạnh lành trên con đường Bồ Tát. Bẩm tiền tam giáo tức là toái tán pháp thân xá lợi chưa thể xảo độ. Nếu nhập Viên Giáo tức là toàn thân xá lợi; tức là xảo độ. Xảo độ là thiện hạnh.

Từ „kỳ hữu chúng sanh" trở đi. Phần thứ 5 đưa ra cái quả của việc ca ngợi. Văn ấy chia làm 5. Một là làm sáng tỏ quả gần; hai là khai thệ; ba là hợp thệ; bốn là giải thích việc gần gũi và năm là không kén chọn. Nay đầu tiên làm rõ về quả gần sẽ rõ được 3 quả gần của Bồ Đề. Trong phẩm an lạc hạnh gọi đây là cận xứ. Đây là quả bồ đề. Phật nhãn Phật trí tri kiến xứ làm thể. Tức là có 2 loại. Một là sơ tâm bồ đề; hai là hậu tâm bồ đề. Nay nói gần là chánh cận sơ trụ bồ đề. Lại hướng đến Viên quả mà tu viên nhơn, được rõ tương tự như vậy; gọi là gần. Phía trước Ước (giáo) tán thán về nguyên nhơn. Ta

thông, biệt nhơn; tức là chưa thiện. Cho đến Viên quả xa xôi. Nếu tu viên nhơn tức là thiện hạnh. Khỏi Viên quả gần. Nay dùng Viên như thật trí làm nhơn, trở lại lấy làm quả. Đạo tiền chơn như tức là chánh nhơn. Trung đạo chơn như tức là duyên nhơn, lại gọi là liễu nhơn. Đạo hậu chơn như tức là Viên quả. Cho nên Phổ Hiền Quán nói rằng: Đại Thừa nhơn tức là thật tướng. Đại Thừa quả lại cũng là thật tướng. Thích Luận nói rằng: Đầu tiên quán thật tướng, gọi là nhơn quả cảnh, gọi là quả. Theo lý mà luận thì chơn như thật tướng chẳng vì nhơn quả lại chẳng phải trước sau. Nếu Ước (giáo) nói chúng sanh tu hành tức là có trước sau và dùng đến nhơn quả.

Từ „Dụ như có người" trở đi. Phần thứ 2 khai dụ làm 2 lối giải thích. Một là Ước quán môn; hai là Ước giáo môn. Quán Môn là: tâm của chúng sanh đầy đủ các phiền não, gọi là cao nguyên tu tập quán trí, gọi xuyên quật (thông qua) mới chứng lý vị, như được nước mát. Nương vào thông quán thì Càn Huệ Địa như đất khô. Tánh đất là ẩm thấp có bùn. Thấy chơn lý tức là được nước trong. Biệt quán từ giả vào không, hay thấy không, chẳng thấy chẳng phải không. Đoạn tứ trụ như đất khô, nước tới còn xa. Từ không ra giả đầu tiên là rõ không giả; nay rõ được chẳng không. Nhơn ấy là 2 quán được nhập vào Trung Đạo. Hay hàng phục vô minh và chuyển cái thấy thành đất ẩm. Nước xa tức gần vậy. Viên (giáo) quán trung đạo chẳng không, chẳng giả mà chiếu sáng không, giả. Như dần đến đất ướt. Tứ trụ hết rồi, vô minh trở lại. Đã được tướng trung đạo rồi giống như Viên (giáo) đã giải thích; cho nên nói như đất bùn. Khi nhập

vào sơ trụ, phát chơn trung giải; tức là phá vô minh như bùn lắng trong; được thấy trung đạo như thấy nước trong sạch. Pháp Hoa luận rằng: Phật tánh như nước, lần lượt sẽ rõ.

Kế đến Ước (giáo) môn cho rằng đất ấy giống như kinh dạy. Nước ấy dụ cho trung đạo. Lời dạy giải thích rõ ràng trung đạo như đất có chứa nước. Tam Tạng giáo môn còn giải thích trung đạo giống như đất khô. Phương Đẳng, Bát Nhã mang vào phương tiện để diễn nghĩa trung đạo. Như thấy đất thấm ướt. Pháp Hoa chỉ thẳng rõ ràng; nên nói vô thượng đạo, như thấy được đất bùn. Nguyên nhơn theo lời dạy của Pháp Hoa sanh ra văn, tư, tu thì tức là ngộ trung đạo, thấy chơn thật về Phật tánh. Cho nên phát ra trí huệ chơn thật, chẳng lại cần đến câu văn. Như được nước trong, lại chẳng còn tướng của đất; cho nên Hoa Nghiêm nói rằng: Thập Trụ Bồ Tát làm chủ thân huệ mệnh; chẳng do kẻ khác mà ngộ được. Lại có người nói rằng: Đầu tiên, chỉ cho thấy như đất trên cao khô ráo; đại phẩm thì như đất ẩm thấp; Pháp Hoa như đất bùn và Phật quả như nước trong. Có người lại nói: Duy Ma, Tư Ích như đất khô; Vô Lượng Nghĩa như đất ẩm; Pháp Hoa như đất bùn; Phật quả như nước. Có người lại nói: Đại Phẩm như đất khô; Vô Lượng Nghĩa như đất ướt; Pháp Hoa như đất bùn; Phật quả như nước trong; cả 3 (nhà) đều nói về 5 thời (giáo).

Có vị Thầy cho rằng: Thọ trì Pháp Hoa, cầu Phật đạo muốn được đã khát. Ba thừa ở nơi Nhất thừa thì khó tin. Đối với Pháp Hoa, cầu hiểu rõ như trên cao nguyên.

Thọ trì, đọc tụng như sự xuyên suốt; chưa có thể nghe như thế lại được rõ. Vì chưa nghe nên như đất khô; hay rõ nghĩa đến chỗ đất bùn thì sự chú thích nầy các nhà chú giải giống nhau. Có người nói rằng: Đây là một điều giải thích xa rời Phật và là một điều giải thích gần Phật. Đầu tiên 3 vị Sư làm sáng tỏ các sự chỉ bày từ thời Phật xa xưa đến Pháp Hoa là Phật gần. Sau đó 2 lời giải thường đối với Pháp Hoa và trong ấy luận về xa gần. Tìm theo lời kinh nên 2 nghĩa; một là đưa ra ngoài kinh, đối lại với Pháp Hoa để làm sáng rõ chỗ xa gần. Hai là cuối cùng Pháp Hoa luận gần xa. Các vị Thầy mất đi yếu chỉ của kinh.

Hỏi: Kinh khác tại sao cho rằng xa Phật ?

Đáp: Chưa khai quyền cầu Phật, người ấy chưa quyết định. Pháp Hoa chỉ có một chứ không ba. Vĩnh viễn ra khỏi chỗ thối tâm; cho nên đến gần Phật.

Câu văn lại nói: Đã rõ Thanh Văn pháp, hỏi Bát Nhã vì sao lại xa Phật ?

Đáp rằng: Vì chưa khai quyền biên, tức là xa. Đầu tiên hành Bồ Tát, chẳng rõ biết Bát Nhã mật hóa phụ tài; tức là đối với điều nầy là xa. Phàm là Bát Nhã thì thật huệ phương tiện mà ba đời pháp thân của Phật là cha mẹ. Tìm cầu Phật như người già, bịnh. Cả 2 việc được giúp đỡ bên cạnh, thì có thể xa; nên rõ biết Bát Nhã là hơn cả. Pháp Hoa khai quyền; chẳng khác Bát Nhã hiển thật. Chẳng phải Bát Nhã ngoại biệt, mới có Pháp Hoa.

Pháp Hoa Bát Nhã khác tên thôi. Đây là do các Thầy giải thích khác nhau qua việc sao chép vậy.

Kế đến từ „Bồ Tát lại cũng như thế" trở đi. Phần thứ 3 thí dụ lúc gặp nhau. Đối với kinh Pháp Hoa, rộng văn, tư, tu; tức là Viên (giáo) quán tam huệ hay có thể cận kề với quả; chẳng phải khô, ẩm và cùng với lời dạy văn, tư, tu vậy. Từ „vì sao vậy" trở đi. Phần thứ 4 giải thích cái ý được gần gũi. Tất cả Bồ Tát làm rõ những nguyên nhơn của quyền. Tam Bồ Đề là làm rõ tất cả cái quả của quyền. Nhơn của quyền và quả của quyền tất cả đều nhiếp thuộc kinh nầy. Như việc khô hay ẩm thấp cùng với đất, tất nhiên đều nương theo nơi nước. Cho nên nói là nhiếp thuộc. Khai mở cửa phương tiện là chỉ rõ tướng chơn thật. Quang Trạch nói rằng: Xưa ở nơi Lộc Uyển căn cơ phức tạp, riêng nói ba tạng, chưa làm rõ một chân lý. Lúc ấy là dùng quyền ẩn thật. Một lý vì quyền giáo nên đóng lại. Nay ở Vương Thành (Vương Xá) thêm căn cơ lớn; nên hiển sự chơn thật. Sự chơn thật được hiển bày tức là phế trừ cách dạy xưa. Lời dạy xưa bị bỏ rồi; cho nên cửa phương tiện mở ra. Một lý là ảnh của chơn thật tướng hiển ra. Ta vì điều giải nầy lại phá bỏ phương tiện; chẳng khai mở phương tiện. Ngài Đại Lãng ở Hà Tây nói: Gọi ngay là 3 vì phương tiện; tức là khai cửa phương tiện. Ngày xưa chẳng nói 3 ấy là phương tiện; cho nên cửa phương tiện đóng lại. Nay gọi 3 là phương tiện; tức là chỉ rõ một ấy là chơn thật. Ta giải thích điều nầy như câu văn theo sau. Có người giải rằng: Khai, giáo thân ấy cả 2 là phương tiện. Chỉ bày giáo lý ấy với thân, cả 2 chơn thật. Ba đời chư Phật chỉ có hình

tướng là Thanh (Văn) là quyền thật. Ước (giáo) đối với điều khai thị nầy tức là 12 vạn hoát nhiên liễu ngộ. Ta trước nói về 2 vị Sư của Ước giáo khai thị. Người đời sau thêm vào dùng đến thân. Thiết nghĩ nghĩa nầy là của Long (Thọ) Ấn (Độ) mà đã giải thích. Trở lại phá đi cái ý phương tiện, chẳng khai cái nghĩa vậy.

Hỏi: Phương tiện là cái thể của cửa. Vì thông thật tướng cho nên làm cửa chăng ?

Ta đáp rằng: Đầy đủ cả 2 nghĩa. Vì thật tướng môn có thể giải. Đương thể là cửa như Hoa Nghiêm tìm thiện trí thức để được đủ loại pháp môn. Lộng sa quán hải v.v... Đây là 2 cửa; mỗi mỗi có khai, bế. Ngày xưa chẳng nói 3 là phương tiện; cho nên cửa nầy đóng lại. Nay nói 3 là phương tiện; cho nên cửa nầy mở ra. Ngày xưa chẳng nói một là chơn thật; cửa thật đóng lại. Nay nói một là chơn thật; cho nên cửa thật mở ra. Hai là với phương tiện nầy lại thông với thật tướng; cho nên 3 thừa phương tiện lấy cửa của nhứt thừa. Thật tướng lại có 2 nghĩa. Một là đương thể hư thông; cho nên gọi là cửa. Như Tịnh Danh (Duy Ma Cật) chẳng 2 cửa, Hoa Nghiêm pháp giới môn v.v... Hai là hay thông phương tiện tạo cửa. Lưu Cầu nói: Thông tổng là công mà lại do chỗ gọi một. Cho nên một ấy là phương tiện của cửa. Hấp dẫn là Hiệu Pha Lại ở nơi ba. Cho nên 3 ấy là tướng chân thật. Nói chẳng phải 3 tức là cửa phương tiện được khai ngộ chỉ có một; tức là tướng chơn thật có thể chỉ bày. Có người nói rằng: Tất cả luận đều có 3 nghĩa. Một là dùng 3 ấy làm phương tiện; một ấy làm chơn thật. Hai là 3 ấy

là một, tất cả là phương tiện. Chẳng phải 3 chẳng phải một là chơn thật. Ba là 3 ấy là một làm hai. Chẳng phải 3 chẳng phải 1 làm bất nhị. Nhị ấy chẳng phải 2, tất cả là quyền. Chẳng phải 2 chẳng phải chẳng 2 làm thật. Ba việc nầy hỗ tương với nhau được làm cánh cửa. Như lấy 3 dùng làm một cửa. Đây là dùng quyền để thông thật. Nếu dùng một để làm 3 cửa thì lấy thật khởi lên quyền. Cho đến 2 chẳng phải 3 đều hỗ tương với nhau như vậy để được làm cánh cửa. Lại cũng hỗ tương với nhau để được làm tướng. Thường chẳng được hỗ tương với nhau làm quyền, thật vậy.

Ta đã lấy 3 để làm 1 cửa nghĩa là ba thừa thông thật tướng chăng ? Nếu chẳng thông; tức là chẳng phải cửa. Liền mở ra 3, bắt đầu được cửa nầy. Nếu mở ra 3 tức là chưa trở lại 3. Nói như thế nào mà lấy 3 làm cửa thật tướng ? Lại nữa 3 ấy chẳng phải là nhơn của Phật. Cái nào được cửa của tánh tướng. Phá nghĩa thứ nhứt nầy, ngoài ra còn 2 ví dụ khác nữa v.v...

Hỏi: Phương tiện chơn thật hỗ tương nhau để được làm cánh cửa. Lại được phương tiện làm phương tiện môn. Thật tướng làm thật tướng môn chăng ?

Đáp: Điều nầy có 4 câu. Hai là như phía trước. Ba là thật tướng làm thật tướng môn. Bốn là phương tiện làm phương tiện môn. Như tên làm nghĩa môn. Nghĩa làm danh môn. Do phương tiện gọi là hiển nghĩa phương tiện. Cho nên gọi là nghĩa môn. Do nghĩa phương tiện nên gọi tên là phương tiện. Cho nên nghĩa ấy làm tên gọi cánh cửa. Thật tướng lại cũng như thế.

Lời tựa của Trung Luận viết rằng: Thật, phi cách gọi ấy chẳng ngộ. Cho nên dựa vào trong ấy để tuyên nói, tức là việc nầy. Môn ấy được lấy 3 hiển 3, lấy một hiển một chăng ?

Điều nầy lại có 4 câu. Hai là như trước. Lấy 3 hiển 3 là ngày xưa nói 3 khác với bây giờ 1. Ba nầy ở ngoài 1 ấy. Nay 1 nầy khác với 3 ngày xưa. Một nầy ở ngoài 3 ấy; cho nên 1 chẳng phải 3, một mà 3 ấy chẳng phải là 1, 3. Tất nhiên đều là chấp kiến. Phá bịnh nầy; cho nên ở nơi một Phật thừa, phân biệt nói làm 3 vậy. Cho nên 3 ấy là 1, 3. Các ngươi thực hành tức là con đường Bồ Tát. Cho nên 1 ấy là 3, 1; 3, 1 tức là chẳng có tướng khác với cái nghĩa của nhơn duyên. Lấy nhơn duyên 3, 1 hiển tự tánh 3, 1. Lại dùng tự tánh 3, 1 để hiển nhơn duyên 3, 1. Cho nên nói rằng lấy 3 hiển 1; lấy 1 hiển 3.

Có người dựa theo 15 xứ để làm sáng tỏ cho cửa ấy. Phẩm Phương Tiện lại có 2. Phẩm Thí Dụ lại có 6. Phẩm Tín Giải có 3. Phẩm Hóa Thành có 2. Phẩm Pháp Sư có 1. Phẩm Quan Âm có 1.

Phương Tiện có 2 ấy là: Trí Huệ môn và quyền trí làm Thật trí môn. Có vị Thầy nói rằng: Lời nói là cửa ngõ. Lời nói giảng về Thật trí, cho nên nói giáo là Thật trí môn. Pháp Hoa luận giống như vậy. Kế đến nói rằng: Dùng đủ loại pháp môn để chỉ bày con đường Phật. Điều nầy dùng Đại Thừa giáo làm cửa ngõ.

Phần Thí Dụ có 6 đó là: Nhà nầy rộng lớn mà chỉ có một cửa ra vào. Trở lại lấy Đại Thừa giáo làm cửa. Hai là

chỗ cửa bị cháy. Điều nầy Ước (giáo) lấy giới hạn của 3 cõi làm cửa ngõ. Như gọi nhà nầy là cửa. Ba là chỉ có một cửa mà còn nhỏ hẹp nữa. Lại lấy Đại Thừa giáo làm cửa ngõ. Bốn là 3 xe ở ngoài cửa. Trở lại lấy 3 cõi làm cửa. Năm là dùng cửa Phật dạy để ra khỏi cái khổ của 3 cõi. Điều nầy dùng cho Tiểu giáo chi môn. Sáu là đứng ở phía bên ngoài cửa. Nương vào nơi Đại Thừa dùng 2 việc giới hạn của sự chết làm cửa. Tiểu Thừa lại cũng ra khỏi tất cả phiền não, bên ngoài chánh tập đã hết. Gọi đây là đứng ở bên ngoài cửa.

Phẩm Tín Giải thì đứng phía bên ngoài cửa, lấy giáo lý Đại Thừa làm cửa ngõ. Điều thứ 2 giống như ở bên ngoài cửa bên trên. Điều thứ 3 nói là Trưởng Giả ở bên trong cánh cửa, như trước.

Hóa Thành thỉnh mở cửa Cam Lồ; lại là Đại, Tiểu giáo môn. Cửa nhiều lớp nơi lầu các cao, lại dùng đến Tiểu Thừa tam không môn. Phương Tiện môn như trước đã giải thích.

Phẩm Quan Âm cũng lấy Đại Thừa giáo làm cửa.

Nay giải thích về khai phương tiện môn là ngày xưa chẳng nói mà nay tất cả đều nói. Ngày xưa nói tất cả thế gian, trị sanh sản nghiệp thì cần gì đến phương tiện? Nay tất cả đều khai mở tức là thật tướng chẳng sai khác. Các ngươi đang thực hành, là con đường Bồ Tát, rõ cả pháp Thanh Văn. Đây là vua của các kinh. Ngày xưa nói 2 làm phương tiện môn; bây giờ tất cả đều khai mở; tức là thật tướng há lại là cửa. Có ý làm cho chúng sanh khai mở chỉ

bày ngộ nhập vào tri kiến của Phật. Một sắc, một hương chẳng có cái nào chẳng là Phật Pháp. Hoặc là cửa hay chẳng phải cửa, tất cả đều khai mở chỉ bày tướng cho thật, hiển rõ Phật tánh như nước trong. Nếu chẳng mở ra thì nơi sâu xa huyền diệu ấy chẳng có người nào có thể đến được, mà nay khai cho tức là đã thấy nước ở nơi đất chẳng khô.

Lại nữa theo tam huệ thì giải thích rằng: Tất cả đều thuộc về kinh nầy; tức là tròn đầy thinh huệ. Kinh nầy khai mở phương tiện; tức là tròn đầy tư huệ; chỉ bày tướng chơn thật; tức là tròn đầy tu huệ. Ba việc xa xôi diệu vợi ấy với Phật, nay được khai mở chỉ bày; tức là được thấy chơn.

Từ „Dược Vương! nếu có Bồ Tát nghe" trở đi. Phần thứ 5 chẳng chọn lựa. Nếu Bồ Tát nghe lời nói nầy mà kinh ngạc nghi ngờ thì khi nghe với tâm thượng mạn ấy tất nhiên là đất khô; chẳng phải đất ẩm, hà huống là thấy được nước.

Từ „Nếu có người con trai lành, người con gái tốt nào sau khi Như Lai diệt rồi" trở đi. Phần thứ 2 lược, chỉ cho các thức hoằng truyền kinh điển. Lại chia làm 2. Một là chỉ cho phương pháp. Hai là làm sáng tỏ sự lợi ích. Phương pháp ấy lại có 3. Một là Tiêu Chương môn; hai là giải thích và 3 là khuyến tu. Tu nơi nhà của Như Lai đây là đại từ bi. Nếu cùng đồng thể, tức là pháp thân. Nếu bị chúng sanh; tức là giải thoát. Có thể làm cho chúng sanh gặp được đồng thể tức là Bát Nhã. Tu Như Lai y nghĩa là nếu được trùm lên; tức là pháp thân. Nếu có thể che

thân thì tức là tịch diệt nhẫn. Nếu mà hòa quang lợi vật thì là giải thoát. Nếu có thể ngồi, tức là Bát Nhã. Nếu thành tựu chỗ ngồi, tức là pháp thân. Thân ngồi minh xưng tức là giải thoát. Lại nữa đại bi an lạc tức là tư thành. Nhu hòa phục sân đoạn hoặc tức là quán chiếu. Ngồi nơi tòa tức là pháp thân.

Trong phẩm An Lạc Hạnh trở lại với chiều rộng của 3 pháp nầy. Như câu văn trên nói: Như Lai trang nghiêm tức là y áo. Bên trên nói nơi vai của Như Lai mang vác tức là chỗ ngồi nầy. Thiền ấy là mang vào bên trong phòng.

Từ „ta ở nơi nước kia" trở đi. Phần thứ 2 đưa ra 5 sự lợi ích, khuyến khích lưu thông. Một là để lại sự giáo hóa cho người; hai là để lại sự giáo hóa cho tứ chúng; ba là để lại cho Bát Bộ; bốn là thấy thân Phật; năm là cùng với tổng trì. Nếu sơ tâm chưa đôn hậu thì dừng lại có thể giáo hóa cho người. Chưa có thể để lại sự giáo hóa cho tứ chúng, bát bộ được. Hoặc thấy trời rồng dựa vào điều nầy tự cao thì sẽ tổn hại cho con đường nầy. Cho nên chẳng thể gặp được Phật. Nếu tâm không dựa vào sự đắm trước tức là sẽ gặp được Phật. Hà huống là trời rồng, hà huống là được tổng trì, tự chứng lợi ích sao ? Kệ ấy có 18 hàng rưỡi và chia làm 3. Hàng đầu tiên tổng khuyên, chẳng tụng trường hàng. Kế đến 16 hàng rưỡi tụng phần bên trên trường hàng và phần sau một hàng kết khuyến. Bên trên theo Ước (giáo) thì tán thán quả ấy có chia ra làm 5. Nay một hàng rưỡi đầu tiên tụng về việc khai dụ.

Kế đến „Dược Vương! Ngươi nên biết" trở đi. Phần thứ 2 có hai hàng rưỡi, tụng về thí dụ việc gặp nhau. Lược bớt chẳng tụng có 3. Quả gần giải thích, nên chẳng lựa chọn vậy.

Bên trên, theo Thông (giáo) trong kinh, quy cũ ấy có 2, tạo ra sự lợi ích. Nay 12 hàng rưỡi ấy tụng, 3 hàng rưỡi đầu tụng về phương quỹ. Ở giữa có 3. Nay lại tụng 3 ý.

Từ „Ta ngàn vạn ức" trở đi. Kế đến có 9 hàng tụng về sự lợi ích. Hàng đầu tổng quát làm rõ Như Lai dùng 5 việc với ý là lợi ích. Chánh là do ứng thân đầy khắp cả 10 phương. Có thể vì 5 việc ấy mà giữ gìn người hành trì.

Từ „Nếu sau khi ta diệt" trở đi gồm một hàng rưỡi; tụng phần thứ 2 về lời di giáo cho tứ chúng. „Dẫn đạo" trở đi gồm 1 hàng rưỡi, tụng phần thứ nhứt về lời di giáo cho con người.

Từ „Nếu thuyết pháp cho người" trở đi gồm 2 hàng, tụng phần thứ 5 để được tổng trì.

„Nếu người đầy đủ đức nầy" trở đi gồm 1 hàng, tụng phần thứ 4 làm cho được gặp Phật.

„Nếu người ở tại nơi không nhàn" gồm 2 hàng, tụng phần thứ 3 về lời di ngôn cho Bát Bộ v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 8 (Phần bên trên)

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 8
(Phần sau)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng bằng chữ Hán

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại thư phòng Chùa Viên Giác
ngày 31 tháng 8 năm 2010.

Giải thích về
Phẩm Thấy Bảo Tháp

Tiếng Phạn gọi là Tháp Bà (Stupa) hay nói là Du Bà. Đây là gọi theo phiên âm. Cũng còn gọi là Linh Miếu. Lại nói là Chi Đề; không có thân cốt, mà tháp nầy lại có toàn thân chẳng tan hoại. Cho nên chẳng gọi là Chi Đề. A Hàm nói rõ là Tứ Chi Vi; nghĩa là sanh ra nơi ấy, được đạo, chuyển pháp luân, nhập diệt; 4 nơi ấy dựng tháp. Bảo tháp ngày nay là trước khi Đức Phật nhập diệt. Kinh nói rằng: Phật có 3 thân từ kinh nầy sanh. Chư Phật ở nơi nầy mà ngồi đạo tràng; chư Phật đối với nơi nầy mà chuyển pháp luân. Chư Phật đối với nơi nầy mà Bát Niết Bàn. Chỉ riêng kinh Pháp Hoa, tức là 3 đời chư Phật của 4 chi vi. Trước đó Phật đã thường ở. Nay Phật ngồi đây thành Phật lại cũng như vậy. Khi tháp nầy xuất hiện, làm hiển rõ việc nầy cho tứ chúng tất cả đều nhìn thấy. Cho nên gọi là: Kiến bảo tháp phẩm.

Kinh An Lạc, Thiện Kiết hỏi rằng: Sanh thân, toàn thân, toái thân, công đức như thế nào? Phật bảo chẳng giống nhau. Sắc thân gọi là giáo hóa huấn, 3 nghiệp đầy

đủ thanh tịnh. Chúng sanh được đến Niết Bàn. Toàn, toái xá lợi có thể đường đường oai thần quang minh. Cúng dường được phước; cho nên chẳng giống nhau.

Lại hỏi Đảnh Vương Như Lai rằng: 12 kiếp thuyết pháp giáo hóa, xá lợi lại cũng như thế, điều nầy có giống nhau chăng ?

Phật đáp: Tất cả là do thần lực của Đảnh Vương Như Lai tạo ra đấy. Kinh kia chỉ rõ toàn, toái xá lợi, tất cả đều do sanh thân Phật lực mà ra. Nay kinh xét cho cùng thì sanh thân, toàn toái xá lợi, pháp thân trải khắp. Xá lợi đều từ kinh nầy mà ra. Làm hiển lên công đức của kinh nầy, hoằng trì lực rất lớn. Từ dưới đất vọt lên chứng minh cho việc nầy. Bốn chúng đều thấy. Cho nên gọi là phẩm thấy Bảo Tháp.

Thầy Bắc Địa nói rằng: Phật và Thân Tử (Xá Lợi Phất) nói kinh nầy thì bảo tháp hiện ra ở trước để chứng minh. Nếu nói kinh xong thì chứng được những gì ?

Các nhà giải thích kinh lần lượt để yên 3 lần sau đó. Điều nầy để thấy lòng người; tức chẳng phải dễ tin. Nay nương vào kinh Tát Vân Phần Đà Lợi để nói. Phật nói Pháp Hoa với vô số bài kệ, lúc ấy có 7 bảo tháp từ dưới đất mọc lên; trong ấy có giường vàng; bên trên giường có Phật. Chữ ấy gọi là Bào Hưu Lan La. Chữ Hán dịch là Đại Bảo. Tán thán ca ngợi Đức Thích Tôn và nói: Ta vì vậy đến để cúng dường. Mong ngồi nơi giường với ta. Liền vì ta mà nói Tát Vân Phần Đà Lợi (Diệu Pháp Liên Hoa). Nương vào kinh nầy để chứng; tức là nói 3 lần.

Sau đó lại thỉnh thọ lượng. Làm rõ câu văn của bậc Thánh nói mà chẳng chịu dùng. Xuyên Bàn Na của con người có thể thừa nhận sao ?

Tháp nầy chính là vì chứng minh cho việc trước thưa thỉnh, rồi sau mới từ đất vọt lên. Tứ chúng tất cả đều thấy; cho nên nói rằng: Phẩm thấy Bảo Tháp. Địa Sư nói Đa Bảo là pháp thân Phật. Thích Luận nói: Đa Bảo thệ nguyện hóa thân đến để chứng kinh. Câu văn nầy cũng lại như thế. Sư rằng: Pháp thân chẳng đến, chẳng rời khỏi. Báo thân thì nguy nguy đường đường. Ứng thân thì phải ứng tất cả. Nếu cái nầy là 3 thân của Phật; thì chưa hết cái thể nầy. Chỉ có điều là biểu thị mà qua. Đa Bảo biểu hiện cho Phật Pháp. Thích Tôn biểu hiện cho báo thân. Phân thân biểu hiện cho ứng thân. Thân Phật tuy 3 mà chẳng khác một. Nên nói như vậy, như thế mà tin. Bốn phiên nầy chính là tứ Tất Đàn (thành tựu) giải kiến bảo thánh v.v...

Tháp ấy xuất hiện lại có 2. Một là phát ra âm thanh để chứng minh như trước. Mở cửa tháp là phần sau khi nổi lên. Chứng trước có nghĩa là chứng 3 lần thuyết pháp, tất cả đều là chơn thật. Hoặc lược nói là chơn thật. Tất cả cùng với thật tướng tương ưng vậy. Nếu nói rộng về chơn thật nghĩa là lìa 4 câu, tuyệt trăm chẵn. Hoặc ở trong ấy nói là bát bất; gọi là chơn thật. Tháp ấy từ đất vọt lên thấy bất diệt; phân chia chỗ ngồi để cùng ngồi để chỉ cho sự bất sanh. Vào bên trong tháp để chỉ cho chuyện chẳng thường. Hiện ra tháp để chỉ cho sự chẳng đoạn. Phân thân để chỉ cho việc chẳng phải một. Toàn

thân để chỉ cho sự chẳng khác biệt. Đa Bảo nhường cho chỗ ngồi để chỉ cho sự chẳng đến. Thích Ca ngồi nửa chỗ ngồi để chỉ cho sự chẳng ra khỏi. Bất bất hiển nhiên; cho nên nói là chơn thật. Lại chứng Tích Môn, lưu thông trì kinh công đức sâu dầy, hoằng tuyên sức lực to lớn; tất cả đều chơn thật.

Bình đẳng đại huệ cùng với Bát Nhã nói cái gì ?

Thích Luận quyển 79 nói: Bát Nhã là diệu Pháp của 3 đời chư Phật; như một thành, cửa 4 hướng đều có thể vào. Nên biết Bát Nhã lại gọi là diệu Pháp. Kinh nầy gọi là bình đẳng đại huệ. Hai là câu văn, tướng chỉ ý nầy có thể rõ biết.

Khởi lên sau nghĩa là muốn mở tháp, tu tập phân thân, làm sáng tỏ chỗ mờ ảo phụ thuộc; tiếng kêu lớn hơn đối phương để gọi đệ tử chính, luận nơi thọ lượng. Từ xa xưa tháp ấy từ đất vọt lên. Mở tự tại thần thông lực. Hiển bày đời quá khứ làm ích lợi cho muôn vật. Phát ra âm thanh lớn mở bày sức mạnh của tiếng con Sư Tử. Hiển hiện tại 10 phương, khai quyền hiển thật. Có thệ nguyện lớn, vị lai chư Phật nếu nói kinh nầy. Bảo tháp của ta, tất cả đều đến chỗ nầy để làm chứng minh. Khai uy lực mạnh mẽ to lớn, hiển vị lai thường trụ bất diệt. Lại nữa thấy ở trên không, lại chứng trước mà nổi lên sau. Bảy phương tiện người chứa, lý ấy chưa mở vô minh chỗ ẩn nấp. Như tháp ở đất, khi nghe 3 lần thì khai 3 hiển thật, khai mở tri kiến Phật. Hiển xuất pháp thân như tháp vọt lên hư không. Điều nầy tức là chứng tiền. Tu được pháp thân lâu dài rồi, rõ chỗ đắm trước. Như tháp ở trên

không trung chẳng thể mở được. Biểu tượng cho đất nầy lâu rồi, tất cả đều chẳng rõ. Nếu phát tích hiển bổn thì thông suốt chẳng nghi. Đây tức là khởi hậu vậy. Nếu tháp từ đất mà hiện thì sự biểu hiện Pháp thân ấy của hiển cùng với những kinh khác lại giống mà cũng khác nhau.

Nhị Thừa hiển pháp thân lại khác. Nếu tại không trung, mở cửa thấy Phật thì điều ấy là biểu hiện phát tích hiển bổn, cùng với những kinh khác vĩnh viễn khác nhau. Nếu tháp hiện ra từ trước thì sẽ bị che đậy, chẳng cần nghi. Tháp đến sau, có ý mật bảo cho mọi người việc chưa biết. Nay lấy nghĩa sau nầy để tạo ra sự giải thích nầy lại chẳng phải là vô cớ.

Quán Tâm giải thích rằng: Nương vào kinh để tu quán cùng với pháp thân tương ưng cảnh trí tất nhiên sẽ gặp nhau. Như tháp hiện đến để chứng cho kinh. Cảnh trí ấy gặp nhau liền được đại bảo viên mãn. Như Thích Ca cùng Đa Bảo đồng ngồi chung một chỗ ngồi. Dùng đại bảo viên mãn; cho nên tùy cơ xuất ứng, như phân thân rồi tập trung lại. Do Đa Bảo xuất hiện; cho nên có 3 Phật được hiển. Do trì kinh cho nên đầy đủ 3 thân.

Phổ Hiền quán nói rằng: Phật 3 loại thân từ Phương Đẳng sanh tức là ở nghĩa nầy. Có người phân chia phẩm nầy phía sau thành 11 phẩm. Đây là thần thông thân luân mở bản tính.

Từ „Di Lặc hỏi" trở đi là thuyết pháp về khẩu luân khai bản tích. Bản tích ấy chưa chướng. Từ „phẩm nầy

câu văn quá sớm v.v...". Phẩm nầy lại có trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại có 3. Một là làm sáng tỏ Đa Bảo xuất hiện. Hai là làm sáng tỏ sự phân thân từ xa đến. Ba là làm sáng tỏ Thích Ca xướng mộ.

Câu văn đầu lại có 6. Một là tướng của tháp hiện. Hai là chư thiên cúng dường. Ba là Đa Bảo xưng tán. Bốn là đến lúc mọi người kinh nghi. Năm là vui lớn nói hỏi. Sáu là Như Lai đáp. Bảy là lấy của quý giá làm tháp. Làm sáng tỏ pháp thân là đất, dùng tánh ấy để được 7 giác, 7 Thánh Tài bảo. Tháp ấy chính là cảnh của thật tướng, là chỗ nương tựa của pháp thân. Cao 500 do tuần là khoảng 2 vạn lý (dặm). Há làm sáng tỏ cái nhơn trong vạn hạnh và cái quả trong vạn đức vậy. Chiều rộng 250 do tuần tức là một vạn dặm. Chiều ngang dùng vạn thiện trang nghiêm. Đất ấy chính là vô minh tâm địa. Dùng vô để phá. Phá nơi vô minh. Dùng vô để trụ; trụ nơi đệ nhứt nghĩa không. Đủ loại vật quý giá, dùng nhiều định huệ mà trang nghiêm. Lan mi là tổng trì. Phòng ốc có ngàn vạn. Dùng vô lượng từ bi làm phòng. Lại là vô lượng phòng không. Tràng phan và thần thông thắng tướng. Thùy hảo anh lạc là 40 địa công đức. Bên trên trang nghiêm pháp thân. Bên dưới bị chúng sanh. Bảo linh vạn đức, bát âm tứ biện. Bốn mặt tỏa ra mùi hương. Bốn chân lý gió thổi; mùi hương bốn đức. Cao đến cung trời Tứ Thiên Vương, tận cùng đến Tứ Đế lý.

Từ „cõi trời thứ 33" trở đi. Phần thứ 2 là chư thiên cúng dường; việc giải có thể rõ. Lại cùng với lý của Ước (giáo). 30 tâm làm 30. Thập Địa làm nhứt; đẳng giác làm

một; diệu giác làm một. Hợp chung lại là 33. Đồng nương tựa vào cảnh thật tướng. Mưa trời Mạn Đà La. Tâm đầu tiên lại đầy đủ 42 địa công đức. Tâm sau lại cũng như vậy. Tất cả dùng 40 địa nơi có nhơn của hoa, quy hướng về pháp thân. „Ngoài ra các thiên long" trở đi; tức là nội phàm ngoại phàm v.v... Lại nương vào thật tướng, hướng đến quả, hạnh, nhơn vậy. Từ „lúc bấy giờ trong bảo tháp" trở đi. Phần thứ 3 Đa Bảo xưng tán. Chánh thức chứng trước, khai quyền hiển thật chẳng hư ngụy.

Bình đẳng đại huệ tức là trí huệ của chư Phật như trước hình bộ bình chúng nghĩa vậy. Bình đẳng lại có 2. Một là pháp đẳng; tức là lý của trung đạo. Hai là chúng sanh đẳng với tất cả chúng sanh, đồng được Phật huệ. Đại đang như trước là nghĩa của sự cao rộng. Theo Ước (giáo) quán tâm là không quán dựng cùng với giả quán và chiều ngang. Trung quán ngang, cao đều bình đẳng. Bình đẳng song chiếu tức là bình đẳng Đại Huệ. Như vậy nghĩa là nhứt như pháp tướng thị; nhị như căn tánh thị. Tất cả là sự chơn thật. Như pháp tướng nói cho nên nói chơn thật.

Từ „lúc ấy tứ chúng thấy" trở đi. Phần thứ tư là lúc hội chúng kinh ngạc, nghi ngờ. Câu văn nầy có 2. Một là được pháp nên vui. Hai là nghi quán lạ. Từ „lúc ấy có Bồ Tát" trở đi. Phần thứ 5 là vui lớn, nói nguyên nhơn, nghi thỉnh vấn. Nếu nhìn xuống dưới để đáp ý thì nên chia ra làm 3 câu hỏi. Một là hỏi rằng: với nguyên nhơn gì mà có

tháp nầy? Hai là hỏi rằng: vì sao mà tháp lại từ dưới đất hiện ra ? Câu hỏi thứ ba là vì sao phát ra tiếng nói?

Từ „lúc bấy giờ Đức Phật bảo" trở đi. Phần thứ 6 Phật đáp lại 3 điều nầy. Đầu tiên là đáp; thứ hai là hỏi. Đức Phật nầy có lời nguyện làm chứng cho Pháp Hoa; cho nên từ dưới đất xuất hiện ra. Từ „Đức Phật kia thành đạo" trở đi, theo đó mà đáp câu hỏi thứ nhứt. Do vị Phật kia ra lệnh tạo ra tháp nầy. Kế đến từ „vị Phật nầy dùng thân" trở đi. Phần thứ 3 đáp phần 3 vì để làm chứng minh; cho nên phát ra âm thanh.

Thích Luận giải thích rằng Đa Bảo Phật chẳng được thuyết pháp mà thu thần diệt độ. Sư giải chẳng giống như vậy. Vị Phật ấy bảo các Tỳ Kheo. Tỳ Kheo là những vị thọ nhận sự hóa độ; sao lại chẳng nói. Rõ ràng là Đa Bảo lại được mở ra 3 và chẳng được hiển thật. Cho nên Thích Luận nói rằng: Chẳng được thuyết pháp vậy. Dùng nghĩa nầy; tuy lại diệt độ mà tại tại xứ xứ đều có nói kinh Pháp Hoa. Liền tùy hỷ tác chứng. Từ „vui lớn nói dùng Như Lai thần lực" trở đi. Phần thứ 2 làm rõ chỗ phân thân từ xa đến. Việc nầy có 7 phần. Một là vui nói thỉnh thấy Đa Bảo. Hai là ưng tập phân thân. Ba là vui nói thỉnh đến. Bốn là phóng quang từ xa đến. Năm là chư Phật cùng đến. Sáu là nghiêm tịnh cõi nước. Bảy là đồng muốn mở cửa tháp.

Giải thích về phần thỉnh đầu tiên rằng: Nhờ vào thần lực của Phật muốn mở cửa tháp để thỉnh Phật. Tập Phật tức là phụ thuộc. Phụ thuộc tức là mời những vị ở phía dưới. Phía dưới xuất hiện tức là muốn mở gần, hiển

xa. Đây là nguyên do của việc lớn. Há chẳng phải nhờ vào thần lực của Phật, nên mới hỏi. Ngoài ra như đoản văn ấy.

Từ „lúc bấy giờ Phật phóng bạch hào" trở đi. Phần thứ 4 phóng quang mời đến. Ba là biến thành đất sạch. Đây là lý do chính của Tam Muội. Tam Muội lại có 3. Đầu tiên biến Ta Bà, là bội xả hay biến dơ thành sạch. Kế đến là biến 200 Na Do Tha. Đây là thắng xứ chuyển biến tự tại. Sau đó biến 200 Na Do Tha. Đây là tất cả xứ ở cảnh không ngại. Lại nữa lần đầu, một biến tịnh là biểu hiện tịnh trừ Tứ Trụ. Kế đến một là biến tịnh, biểu thị cho tịnh trừ trần sa. Sau đó một, biến tịnh biểu hiện cho tịnh trừ vô minh. Lúc ấy chư Phật ngồi trên tòa Sư Tử. Phần thứ 7 là cùng muốn mở cửa tháp lại có 5. Một là chư Phật hỏi thăm nhau; hai là Đức Thích Ca mở tháp; ba là 4 chúng đều cùng thấy nghe; bốn là 2 Đức Phật phân chia chỗ ngồi để ngồi; năm là 4 chúng thỉnh thêm. Chư Phật đều cùng muốn mở cửa tháp. Tác pháp như trong tăng cùng với ý muốn. Sự tập hợp to lớn làm sáng tỏ chỗ ý Phật muốn. Hoa Nghiêm lại nói mười phương cùng Phật đồng nói Hoa Nghiêm. Đại Phẩm lại nói rằng: Một ngàn vị Phật cùng nói Bát Nhã. Tất cả đều chẳng nói là Đức Thích Ca phân thân. Chuẩn kim kinh là giống với phân thân nầy. Kia mang phương tiện; cho nên trong lúc ấy chẳng hiển nói vậy. Nay kinh chẳng phải thường hay là số nhiều; lại nói thẳng là phân thân, hàm chứa việc đến và sự mong cầu.

Từ „lúc bấy giờ Đức Thích Ca thấy" trở đi. Phần thứ 2 là mở tháp; tức là khai quyền. Thấy Phật tức là hiển thật. Lại là chứng trước, lại sẽ khai sau. Như gỡ chìa khóa cửa là gỡ đi động cơ chướng ngại vậy. Từ „dùng âm thanh lớn" trở đi. Phần thứ 2 Đức Thích Ca xướng lên qua tâm lưu thông với con người. Lại nữa chia làm 3. Một là tiếng lớn xướng tên của Như Lai chẳng lâu dài. Phần thứ 2 là làm rõ sự phụ thuộc lúc đến. Từ „Phật muốn dùng" trở đi. Phần thứ 3 là làm rõ sự phó chúc có nơi đó. „Hữu tại" nghĩa là nếu Phật ở đời thì tùy cơ lợi vật. Tự nói chánh pháp, chẳng chờ người khác. Nay Phật hóa duyên, cơ ấy đã hết và muốn làm cho pháp nầy được lợi ích, vô cùng; cho nên liền phó chúc lưu thông. Phó chúc ấy „hữu tại". Hữu nầy có 2 ý. Một là gần gũi làm cho có sự hiện diện. Phó chúc cho 8 vạn, 2 vạn cựu trụ Bồ Tát ở quốc độ nầy để hoằng khai. Hai là xa xôi làm cho hữu tại; giúp cho đệ tử chính ở nhiều ngàn thế giới vi trần phía dưới, làm cho xúc xứ lưu thông. Lại phát khởi thọ lượng. Kệ có 48 hàng, tụng phần bên trên 3 ý. Đầu tiên có 3 hàng rưỡi. Tụng Đa Bảo diệt độ. Phần thứ 2 có 8 hàng rưỡi, tụng về phân thân tập hội. Phần thứ 3 có 36 hàng, tụng về Thích Ca phó chúc. Phần trước 2 như câu văn.

Từ „Bảo Đại chúng rằng" trở đi. Phần thứ 3 lại có 2. Tám hàng rưỡi đầu cùng với 3 Phật, dùng sự khuyến hóa lưu thông. Kế đến có 27 hàng rưỡi đưa ra việc khó giữ gìn pháp và dùng sự khuyến hóa lưu thông. Tựu chung phần đầu có 3. Một hàng rưỡi đầu là xuyên qua tâm của con người. Kế đến từ „Đa Bảo nầy" trở đi. Phần thứ 2 có

3 hàng, chính thức đưa ra 3 vị Phật dùng làm sự khuyến khích trì kinh. Kế đến từ „việc nầy có thể giữ gìn" trở đi. Phần thứ 3 có 4 hàng hay trì kinh nầy. Tức là cúng dường 3 Phật cùng với việc gặp 3 Phật. Dùng sự giải thích và ý khuyên giải. Từ „chư thiện nam tử" trở đi. Phần thứ 2 có 27 hàng rưỡi, đưa việc pháp khó giữ, lấy đó làm sự khuyến khích lưu thông; lại có 2. Hai mươi hàng đầu chính thức đưa ra việc khuyến khích. 27 hàng rưỡi giải thích ý khuyến khích. Tựu chung đầu tiên ấy lại có 3. Một hàng đầu khuyến khích huấn dục. Kế đến „ngoài ra các kinh điển" trở đi. Phần thứ 2 có 17 hàng, chính thức đưa ra việc khó giữ gìn và lấy đó khuyến khích lưu thông.

Từ „sau ta vì Phật đạo" trở đi. Phần thứ 2 có 2 hàng giải thích ý khó giữ gìn. Nếu có người hay thọ trì tức là giữ gìn thân Phật. Ý nầy há dễ. Phần thứ 2 là „chư thiện nam tử", với ta" trở đi có 7 hàng rưỡi làm sáng tỏ có thể trì, khó trì, hay thành thắng đức, lấy ý ấy để giải thích khuyến tấn. Tựu chung điều nầy lại có 3. Một hàng rưỡi đầu nói về lần nữa người ham trì kinh. Kế đến „kinh nầy khó trì" trở đi. Phần thứ 2 gồm một hàng rưỡi làm sáng tỏ việc hay trì, khó trì, liền đó chư Phật hoan hỷ tán thán.

Kế đến từ „cho nên dũng mãnh" trở đi. Phần thứ 3 có 4 hàng rưỡi, làm sáng tỏ chỗ hay trì, khó trì tức là thành thắng hạnh. Thắng hạnh ấy có tự, tha.

Bố úy thế, bên Thiên Trúc gọi là Sa Bội. Ở đây gọi là Bố Úy Thiên Trúc; còn gọi là Liêu Đà. Ở đây nói sự khác nhau của Hiền Kiếp.

Giải thích về
Phẩm Đề Bà Đạt Đa

Lúc sanh tiền người, trời tâm thục. Nhơn đây mà đặt nên tên gọi. Tức là do nhơn duyên để giải thích về tên. Nguyên nhân thực hành thì nghịch; nhưng lý lại thuận; tức là ý của Viên Giáo; chẳng phải là ý của giáo khác. Bản địa thanh lương, Tích ấy chỉ cho Thiên Nhiệt, giống với bịnh của chúng sanh.

Bảo Xướng Kinh Mục nói rằng: Phàm là Pháp Hoa có 4 cách dịch; 2 còn và 2 mất. Đàm Ma La Lợi. Đây là nói Pháp Hộ, Tây Tấn Trường An dịch, gọi là Chánh Pháp Hoa. Pháp Hộ nhưng phu diễn. An Trấp sở thừa là Cưu Ma La Thập. Ở đây dịch là Đồng Thọ, người thuộc nước Quy Tư. Nhân đời Ngụy Tần, năm Hoằng Thỉ thứ 5 nhằm ngày 23 tháng 4 lưu lạc đến Trường An và dịch Đại Phẩm xong. Đến mùa hè năm thứ 8 ở Thảo Đường tự, dịch Diệu Pháp Liên Hoa nầy, ra lệnh cho Tăng Duệ giảng. Duệ mở ra 9 triệt. Đương thời có 28 phẩm. Cư dân ở Trường An thỉnh phẩm nầy giữ lại bên trong. Cho nên khi truyền đến Giang Đông chỉ còn 27 phẩm.

Đến đời nhà Lương có Mãn Pháp Sư giảng kinh 100 biến; rồi thiêu thân ở quận Trường Sa. Nhưng lấy phẩm nầy để trước phẩm an trì. Vị ấy tự mình an lòng, chẳng nghe thiên hạ. Trần có Nam Nhạc Thiền Sư; kế đến phẩm nầy sau đó tại Bảo Tháp. Sau đó lấy làm Chánh Pháp Hoa. Thật là cân xứng. Nay thì bốn việc nhàm ấy hỗn tạp hòa lẫn. Thấy Trường An có bản cũ; cho nên rõ biết 2 vị Sư sâu được ý kinh. Đề Bà Đạt Đa lại gọi là Đạt Đẩu. Ở đây dịch là Thiên Nhiệt. Kẻ nầy phá tăng cùng với 500 vị Tỳ Kheo đi khỏi. Thân Tử (Xá Lợi Phất) nhắm nghiền mắt. Mục Liên mang chúng trở lại. Khi mở mắt ra phát ra lời thệ, thệ báo oán nầy; dùng gậy và 30 đấu gạch đá, nhiều bằng 15 khuỷu tay dùng để ném Phật. Sơn thần che tay, đá nhỏ đúng vào chân Phật, bị thương và ra máu. Bảo Xà Vương (Vua A Xà Thế) thả voi say ra để giẫm lên Phật. Làm cho Hoa Sắc Tỳ Kheo Ni chết. Bỏ độc vào 10 trái dưa muốn lễ chân Phật và gây thương tích cho Phật. Đây là tội ngũ nghịch. Nếu tạo ra 3 nghịch và dạy cho vua bỏ đồ độc vào trái dưa để hại Phật; nhưng Phật đã nhiếp hóa. Dùng việc nầy để phản nghịch. Lúc sống, trời người tâm nhiệt. Từ đấy được tên gọi là Thiên Nhiệt. Đây là Tích. Nếu theo gốc để giải thích thì: Chúng sanh phiền não; cho nên Bồ Tát lại nhiệt (tâm). Cũng giống như bịnh nầy hành khổ mà được qua khỏi. Phẩm nầy theo ý thì dẫn dụ như xưa để hoằng truyền lợi ích kinh điển, chẳng phải ngoa. Làm sáng tỏ, nay tuyên nói sự việc qua kinh nghiệm chẳng hư. Đưa ra việc khuyến tấn; nay làm cho lưu thông.

Câu văn lại có 2. Một là sanh xong trước Phật, liên hoa hóa sanh. Làm rõ việc ngày xưa Đạt Đa thông hiểu kinh điển, Thích Ca thành đạo. Hai là từ „ở thời ấy cõi dưới, nơi Đa Bảo, từ Bồ Tát" trở đi làm sáng tỏ việc ngày nay Văn Thù thông kinh, Long Nữ làm Phật. Bẩm giáo thượng nhiên, tuyên thông công ích, há chẳng lớn sao! Cho nên Đề Bà Đạt Đa thọ ký. Văn Thù có thể rõ ý v.v...

Phần thứ nhất có 3. Một là làm rõ việc từ xưa đến nay cái tướng trì kinh của Thầy trò. Hai là kết hội xưa nay và ba là khuyên tin. Phần thứ nhứt có trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại có 4. Một là làm sáng tỏ về thời tiết lúc cầu pháp. Hai là đối với trong nhiều kiếp ở giữa và thấp hơn; chánh thức làm rõ việc cầu pháp. Ba là lúc ấy có tiên nhơn trở đi, làm sáng tỏ chỗ cầu được pháp sư. Bốn là vua nghe rồi sáng tỏ và thọ pháp phụng hành. Phần thứ nhất như câu văn, đối với nhiều kiếp giữa và dưới. Phần 2 lại có 2. Một là làm sáng tỏ sự phát nguyện. Vì muốn đầy đủ. Hai là làm sáng tỏ chỗ tu hành. Trong việc hành ấy lại có 2. Một là làm sáng tỏ việc muốn Tín Đồ siêng năng hành trì bố thí như câu văn. Hai là thời thế, nhơn dân làm sáng tỏ vì sự đầy đủ Bát Nhã truy cầu diệu pháp. Kệ có 7 hàng rưỡi, tụng bên trên về trường hàng. Hai câu đầu tụng phần một là thời tiết lúc cầu pháp. Kế đến là tuy làm. Phần thứ 2 gồm 1 hàng rưỡi. Tụng phần 2. Chính thức cầu pháp. Kế đến „thì có A Tư" trở đi. Phần thứ 3 gồm 1 hàng rưỡi, tụng phần thứ 3 được thuyết pháp sư. „Lúc ấy Vua nghe Tiên nói". Phần thứ 4 có 2 hàng rưỡi, tụng về việc thọ pháp phụng hành.

„Sau đó lại chẳng vì đây" trở đi. Phần thứ 5 gồm 1 hàng rưỡi kết chứng khuyến tin.

Từ „bảo chư Tỳ Kheo! Vua là" trở đi. Phần thứ 2 là kết hội xưa nay, lại có 2. Một là chính thức kết hợp xưa nay với câu văn. „Do Đề Bà" trở đi. Phần thứ 2 làm rõ việc Thầy trò công báo đầy đủ. Trong sự đầy đủ ấy lại có 2. Trước tiên làm sáng tỏ đệ tử nguyên nhân của báo đã mãn. Kế đến „Phật bảo tứ chúng" trở đi. Phần thứ 2 là làm sáng tỏ việc Pháp sư, quả lành sẽ thành. Trong đệ tử ấy lại có 3. Trước tiên là làm sáng tỏ cái nguyên nhân đầy đủ. Kế đến 32 tướng. Làm sáng tỏ các quả tròn đầy. Sau đó tất cả là nguyên nhân Đề Bà. Kết luận chứng minh cho việc thông kinh là lợi ích.

Đầu tiên là đầy đủ 6 Ba La Mật. Độ nghĩa là thật nhiều. Như Đại Luận nói: Xả bỏ và nương tựa vào chánh; nên gọi là Đàn. Phòng chỉ thất chi gọi là giới. Dã mạ (mắng chửi) chẳng báo gọi là nhẫn. Vì công việc thị chung, gọi là tinh tấn. Bốn thiền bát định gọi là Thiền. Phân địa liền tránh, gọi là Bát Nhã. Lại nữa nếu gom thập thiện thành 6 là từ chẳng sát sanh đến chẳng vọng ngữ là Đàn. Chẳng nói 2 lưỡi là Thi; chẳng ác khẩu là Nhẫn; chẳng ỷ ngữ là Tinh Tấn; chẳng tham sân là Thiền; chẳng tà kiến là Bát Nhã. Bồ Tát Thiện Giới quyển 10 nói rằng: Lục Ba La Mật có 3 loại. Một là đối trị. Nghĩa là keo kiệt thì ác, sân thì lười, loạn là si v.v... Hai đó là tương sanh; nghĩa là bỏ nhà, trì giới, gặp nhục liền nhẫn. Nhẫn rồi tinh tấn, tinh tấn rồi điều hòa 5 căn. Căn điều phục rồi, rõ biết Pháp giới. Ba đó là quả báo. Giàu có đầy đủ 6

lực, thọ mạng an biện. Lại nữa ngoài ra những kinh khác nói rằng: Quả báo của việc bố thí là giàu có và quả báo của việc giữ giới là sanh vào đường lành. Quả báo của nhẫn nhục là đoan chánh, quả báo của tinh tấn là thần thông. Quả báo của thiền định là sanh thiên; quả báo của trí tuệ là phá phiền não. Như vậy, tất cả thí dụ ấy đều là tam tạng làm rõ tướng của lục đạo vậy. Nếu thí, thọ, tài vật 3 việc ấy tất cả đều không; nên gọi là Đàn. Chẳng thấy việc trì và phạm; nên gọi là giới. Hay nhẫn việc khó nhẫn gọi là nhẫn. Thân tâm chẳng động, gọi là tinh tấn. Chẳng loạn, chẳng mê muội, gọi là Thiền. Chẳng trí chẳng ngu; gọi là Bát Nhã. Như vậy thông suốt qua các thí dụ tức là thông giáo trong tướng của lục độ. Nếu nói Đàn thì có 10 lợi. Keo kiệt, phiền não, xả tâm tương tục cùng với chúng sanh giống nhau của riêng. Sanh vào nhà giàu có; sự sanh ấy là do bố thí trước đó. Bốn chúng ái lạc xứ, chúng không khiếp sợ; nổi tiếng khắp nơi; tay chân mềm mại. Cho đến ở đạo tràng thường gặp những bậc thiện tri thức.

Giới có 10 lợi. Đầy đủ tất cả trí, như sở học của Phật. Trí là chẳng hủy bỏ lời thệ nguyện, chẳng thoái lui, an trụ nơi hạnh nguyện. Bỏ lại sanh tử, ham vui Niết Bàn, được tâm chẳng trói buộc, được cả Tam Muội; chẳng nghèo, tin vào tài vật.

Nhẫn lại có 10 lợi. Đó là lửa, đao, nước độc, tất cả đều chẳng thể hại được. Phi nhơn hộ trì, thân tướng trang nghiêm. Đóng cửa ác lại, sanh vào cõi trời Phạm

Thiên. Ngày đêm thường an lạc, thân chẳng lìa khỏi niềm vui.

Tinh tấn cũng có 10 lợi. Đó là: kẻ khác chẳng thể đánh bại. Phật gìn giữ, phi nhơn hộ trì. Nghe pháp chẳng quên, chưa nghe có thể nghe. Tăng trưởng biện tài, được tánh Tam Muội. Ít bịnh não, tùy theo việc ăn uống có thể tiêu hóa. Như hoa Ưu Đàm tăng trưởng.

Thiền có 10 lợi. Đó là an trụ nơi nghi thức, thể hiện cảnh giới từ bi, chẳng hối nhiệt. Giữ gìn các căn, được niềm vui không cần ăn uống. Lìa ái dục, tu thiền bất không. Ra khỏi lưới ma, an trụ nơi cảnh giới của Phật; thành tựu sự giải thoát.

Bát Nhã có 10 lợi. Đó là chẳng chấp nơi tướng bố thí; chẳng nương vào giới; chẳng trụ ở nhẫn lực; chẳng lìa sự tinh tấn nơi thân tâm. Thiền không chỗ trụ; ma chẳng thể nhiễu hại được. Ngôn luận của kẻ khác, chẳng thể động. Đạt đến việc sống chết; cuối cùng khởi lòng thương cao cả. Chẳng vui với quả vị của Nhị Thừa.

Bốn việc trên thực hiện ở Đàn. Một là kẻ tu đạo, phá sự tham lam keo kiệt. Hai là trang nghiêm Bồ Đề. Ba là mình, người lợi ích. Muốn thí, lúc thí, thí rồi; tất cả đều hoan hỷ; nên gọi là tự lợi. Đói khát được miễn trừ; nên gọi là lợi tha. Bốn là đời sau được quả lành lớn. Đời sau được nhiều tôn quý, tài sản của cải.

Bốn việc trên thực hiện ở việc trì giới. Đó là tự tu thiện pháp, diệt trừ giới ác; trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp hóa chúng sanh. Khi ngủ yên; chẳng hối hận. Nơi chúng

sanh, không có tâm hại. Sau thọ quả báo trời, người được vui cảnh Niết Bàn.

Bốn việc nên tu nhẫn. Tu nhẫn là trừ việc chẳng nhẫn được. Trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp hóa chúng sanh. Đây, kia lìa lo sợ. Đời sau chẳng sân, quyến thuộc không hoại, chẳng thọ khổ não. Được trời người và Niết Bàn an lạc

Bốn việc nên tu tinh tấn. Tinh tấn phá trừ sự giải đãi, trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp phục chúng sanh. Tăng trưởng pháp lành là tự lợi; chẳng não hại kẻ khác là lợi tha. Sau được lực lớn thẳng tiến Bồ Đề.

Bốn việc nên tu Thiền Định. Định là phá trừ tâm loạn, trang nghiêm Bồ Đề; nhiếp hóa chúng sanh. Thân tâm tịch tĩnh là tự lợi; chẳng não chúng sanh là lợi tha. Sau được thân thanh tịnh. An ổn được Niết Bàn.

Bốn việc nên tu Bát Nhã. Trí huệ phá trừ vô minh; trang nghiêm Bồ Đề, nhiếp hóa chúng sanh. Trí huệ tự vui là tự lợi; hay giáo hóa chúng sanh là lợi tha. Hay diệt trừ phiền não và trí chướng v.v... là quả lớn. Như thí dụ nầy. Là biệt giáo làm sáng tỏ lục độ tướng. Nguyệt Tạng phần một nói rằng: Nếu chúng sanh chỉ nương vào sự đọc tụng, cầu bồ đề thì người nầy đắm trước thế tục; thường chẳng trừ khử phiền não, làm sao có thể điều phục kẻ khác. Người nầy chấp trước tật đố; gọi là lợi phú quý. Cống cao ngã mạn là khinh mạn hủy báng kẻ khác. Thường chẳng được căn lành nơi cõi dục huống hồ là căn lành ở cõi sắc hay vô sắc. Hà huống là Nhị Thừa Bồ Đề.

Huống nữa là vô thượng Bồ Đề; như sức nóng của ngôi sao, không thể làm khô biển cả được. Khẩu khí chẳng thể làm cho núi bị giao động. Ngó sen, tơ tằm chẳng tạo thành đồi núi. Cái gì ở trong đời chẳng thể mãn Bồ Đề. Cái gì là đệ nhứt nghĩa ? Đó là tạo ra tất cả những việc phước. Hoặc tu thân, tu tâm, tu huệ. Dùng đệ nhứt nghĩa để huân tu; tức là mau đầy đủ lục Ba La Mật. Hoặc đi, hoặc ngồi, xả phan duyên, tưởng là Đàn. Xả phan duyên, chẳng phạm; gọi là Thi. Ở cảnh giới chẳng sanh bệnh nhọt là lẫn lộn. Chẳng xả nơi lìa là tinh tấn. Đối với việc chẳng buông lung là Thiền. Đối với các pháp, thể tánh chẳng sanh là Bát Nhã.

Lại nữa đối với âm xả là Đàn. Chẳng kể niệm ấm là Thi. Đối với ấm, vô ngã tưởng là lẫn lộn (sằn). Đối với ấm khởi oán tưởng là tinh tấn. Đối với ấm, chẳng đốt cháy là thiền. Đối với ấm, rốt ráo bỏ tức là Bát Nhã.

Đối với cảnh giới xả là Đàn. Đối với cảnh giới chẳng nhiễu trược là Thi. Đối với giới, xả bỏ nhân duyên là Sằn. Đối với cảnh giới, số số xả bỏ là tinh tấn. Đối với cảnh giới, chẳng khởi phát là Thiền. Đối với cảnh giới như huyễn tưởng là Bát Nhã. Những điều như vậy là đệ nhứt nghĩa đế, thiện xảo phương tiện, thậm thâm yếu pháp. Hay đủ sáu Ba La Mật. Dùng pháp nầy tự vi, vi tha. Ba đời Bồ Tát tất tu pháp nầy thành Bồ Đề; cho nên phi thế tục vậy. Pháp nầy hay tưởng đến chúng sanh ở con đường phiền não và khổ sở. Ở yên nơi đạo Bồ Đề. Hoa Nghiêm thất địa mới làm sáng tỏ niệm niệm đủ 10 Ba La Mật, tu tập tất cả Phật Pháp, để cầu Phật đạo, thiện căn;

cùng với tất cả chúng sanh là Đàn. Hay diệt trừ tất cả phiền não nhiệt là Thi. Đối với tất cả chúng sanh, chẳng có chỗ bị thương là nhẫn. Cầu việc lành không chán là tinh tấn. Tu đạo, tâm chẳng tán loạn, thường hướng đến tất cả trí là Thiền. Nhẫn các pháp không sanh môn là Bát Nhã. Hay khởi vô lượng trí môn là phương tiện. Cầu chuyển thắng trí là nguyện. Tà ma chẳng thể làm trở ngại là lực. Đối với tất cả pháp tướng, nói như thật. biết được thật. Đây là 10 Ba La Mật đầy đủ vậy.

Bốn nhiếp đạo phẩm, 3 giải thoát, tất cả các pháp trợ Bồ Đề. Đối với trong từng niệm niệm, tất cả đều đầy đủ. Các địa đều niệm niệm đầy đủ. Địa nầy là hơn cả. Như thí dụ nầy là tướng lục độ của Viên Giáo. Kế đến 32 tướng phía dưới sẽ làm sáng tỏ cái quả của Viên. Ba mươi hai tướng ấy là:

Bàn chân bằng thẳng vững chãi; gót chân nhô lên như mu rùa. Tướng do kiên cố bố thí nên có hàng ngàn nan hoa, an ủi kẻ sợ hãi. Chân dài, tay dài, ngón chân dài, tròn thẳng với thân. Ba tướng ấy cùng một nghĩa là chẳng sát giới. Bảy xứ đầy đủ, mi, trán, tay, chân đều đầy đủ. Nghĩa là thường là thí chủ. Tay chân hợp lại mềm mại, nhu nhuyến. Đó là Tứ Nhiếp. Bàn chân ngay ngắn chẳng hiện ra lông và xoay về phía bên phải. Ba tướng cùng một, hay dùng pháp lành để nhiêu ích chúng sanh. Xương đều và tướng của ruột như nai chúa, dùng kinh thơ dạy người chẳng kiểu cách. Da mũi chẳng dính bụi dơ là một tướng. Như hỏi liền đáp. Tướng màu hoàng kim. Nhẫn nhục thích thú y phục. Nam căn ẩn sâu. Có

tướng hòa hợp tranh tụng, thân cao như Phạm Thiên. Tay dài quá đầu gối là một tướng. Với tâm từ bi dạy dỗ. Vai đầy đặn. Ngực rạng ngời như ngực Sư Tử. Ba tướng ấy cùng một. Hay khiến cho sự bố thí được tăng trưởng. Ngực có chữ vạn là tướng chẳng làm não hại chúng sanh. Lông mi như Ngưu Vương. Hai tướng ấy cùng một; chẳng dùng sự nhuế ái để nhìn chúng sanh. Trên đỉnh đầu có tóc xanh. Hai tướng ấy làm một. Những công đức ở tại trước người. Một lỗ chơn lông có một ánh sáng. Hai tướng ấy cộng lại là chẳng nói dối. 40 răng trắng trong. Hai tướng ấy cộng lại chẳng nói hai lưỡi. Lưỡi dài, rộng, tướng Phạm thinh. Hai tướng ấy cộng lại là chẳng nói lời thô ác. Hai má như Sư Tử, tướng nầy chẳng ỷ ngữ. Bốn răng đều nhau là lìa khỏi tà mạng. Tất cả chúng sanh công đức sánh với một sợi lông của Phật. Những sợi lông công đức của Phật sánh với một vẻ đẹp. Những vẻ đẹp ấy là một tướng. Các tướng ấy cùng với lông trắng, nhục kế. Bạch hào, nhục kế trăm ngàn vạn ức, cho đến thành tiếng của Phạm Thiên.

32 tướng ấy nguyên nhơn tuy khác nhau mà nếu luận về nguyên nhơn chân thật thì do tinh tấn trì giới. Tinh tấn không giới thường chẳng được thân của người, trời; hà huống là tướng khác sao? Đây chính là tam tạng giáo tướng bổn vậy. Không, vô sanh là Thông giáo tướng bổn. Đạo chủng trí là Biệt giáo tướng bổn. Thật tướng là Viên giáo tướng bổn.

80 vẻ đẹp gồm: 20 chỉ tay, chân biểu hiện. 8 nơi bằng thẳng đầy đủ nơi mắt cá chân, đầu gối và đùi vế 6

nơi đều tốt đẹp. Vai đầy, khuỷu tay, bàn tay 6 nơi đầy đủ. Hai xương hông có 3 nơi tốt đẹp. Nơi tiểu tiện hai chỗ ẩn sâu. Hai bắp tay, hai lưng và eo có 2. Sườn, nách nhô lên, 6 nơi ở bụng, ngực, lưng, trán đầu có 4. Răng trên, dưới và môi trên dưới khít khao. Hai má, hai lông mày, hai mắt, hai lông mi, hai lỗ mũi, trán cao, hai nách, hai tai, đầu tròn. Nếu phân biệt 4 loại nghĩa của vẻ đẹp thì theo tướng ấy có thể rõ.

Từ „bảo chư tứ chúng" trở đi. Phần thứ 2 làm sáng tỏ việc Thầy, diệu quả sẽ thành. Trong sự ấy lại có 3. Đầu tiên là làm sáng tỏ chánh quả thành tựu. Kinh Phân Đà Lợi (Pháp Hoa) nói rằng: Điều Đạt làm Phật, hiệu là Đề Hòa La Gia. Tiếng Hán gọi là Thiên Vương. Nước tên là Đề Hòa Việt. Tiếng Hán gọi là Thiên Địa.

„Lúc bấy giờ Thiên Vương khi Phật ở đời 20" trở đi. Phần thứ 2 làm sáng tỏ sự hóa độ. „Lúc ấy Thiên Vương khi Phật vào Niết Bàn" trở đi. Phần thứ 3 là sự lợi ích sau khi diệt độ. „Phật bảo Tỳ Kheo" trở đi. Phần thứ 3 khuyên tu như câu văn.

Liên Hoa hóa sanh theo Thai Kinh nói rằng: Khi Liên Hoa sanh, chẳng phải thai, noãn, thấp, hóa mà là hóa sanh. Chẳng hóa mà nói là hóa vậy. Thật chẳng giống như 4 loại sanh trong đó có hóa sanh.

Thỉnh Quan Âm rằng: Liên Hoa hóa sanh là cha mẹ. Vô Lượng Thọ Quán nói rằng: Ở lâu nơi đài hoa là thai sanh; nhưng thật ra chẳng phải là thai. Ví dụ như hoa

sen sanh lại gọi là thấp, noãn, mà chẳng phải thấp, noãn v.v...

„Lúc ấy nơi hạ phương" trở đi. Phần thứ 2 làm sáng tỏ ngày nay Văn Thù Thông Kinh lợi ích lại có 2. Đầu tiên là làm rõ chỗ Văn Thù thông kinh. Hai là „từ Văn Thù nói rằng: ta ở trong biển ấy" trở đi là làm sáng tỏ chỗ lợi ích. Phần thứ nhất lại có 5. Một là làm sáng tỏ Trí Tích thỉnh lui. Phần Đà Lợi kinh nói rằng: Hạ phương Phật từ chỗ Bồ Tát gọi là Bát Nhã Vật La. Hán dịch là Trí Tích. Phần thứ 2 từ „Thích Ca" trở đi, làm sáng tỏ việc Đức Thích Tôn dừng lại và ra lệnh chờ sự chứng minh việc thông kinh lợi ích. Trí Tích nghĩa là Đa Bảo vì chúng sanh mà xuất hiện. Khuyên việc lưu thông đã xong; nên rút lui. Thích Ca dừng lại tuy là Tích Môn việc đã xong, mà Bản Môn thì chưa ảnh hưởng. Cho nên bảo Văn Thù giữ Đa Bảo. Phật có một ý, không phải Bồ Tát thì chẳng rõ.

Từ „lúc bấy giờ Văn Thù" trở đi. Phần thứ 3 Văn Thù tìm đến. Phần 4 là Trí Tích Bồ Tát. Trí Tích hỏi chỗ hóa cơ. Năm là Văn Thù Sư Lợi nói: Văn Thù đáp chẳng dùng miệng để tuyên dương. Tựu chung phần 5 nầy lại chia ra 7. Một là đáp sự lợi ích sâu xa. Chỗ nói chưa xong. Hai là mông ích tập chứng. „Các Bồ Tát nầy" trở đi. Phần thứ 3 tất cả đều được Văn Thù hóa độ. Chỉ những người Thanh Văn. Phần thứ 4 là gốc của các Thanh Văn. Đầu tiên là thưa về quyền giáo, trụ ở con đường Nhị Thừa. Phần Đà Lợi kinh nói rằng: Liên Hoa từ ao mọc lên, gốc ấy phát tâm Bồ Tát. Hoa nầy ở trên không, nói

Ma Ha Diễn sự. Gốc ấy phát tâm Thanh Văn. Hoa ở tại không trung thường nói việc dứt lìa sanh tử.

Từ „nay tất cả tu hành" trở đi. Phần thứ 5 nay nghe thật giáo, tất sẽ trụ ở pháp Đại Thừa. „Văn Thù nghĩa là Trí Tích" trở đi. Phần thứ 6 Văn Thù kết luận về sự lợi ích. Từ „lúc bấy giờ" trở đi. Phần thứ 7 Trí Tích dùng kệ để tán thán. Từ „Văn Thù nói ta ở nơi biển" trở đi. Phần thứ 2 làm sáng tỏ sự lợi ích. Câu văn chia làm 9. Một là Văn Thù tự thục. Hai là Trí Tích hỏi. Ba là đáp. Bốn là Trí Tích chấp biệt giáo làm nghi. Năm là Long Nữ làm sáng tỏ Viên giáo và giải thích chỗ nghi. Sáu là Thân Tử hiếp tam tạng quyền nan. Bảy là Long Nữ dùng một sự thật trừ nghi. Tám là lúc chúng nghe thấy được lợi ích. Chín là Trí Tích Thân Tử mặc nhiên tin phục.

Phần thứ 5 Long Nữ làm sáng tỏ Viên Giáo giải thích chỗ nghi. Đầu tiên kinh thuật lại, hiện ra thưa thỉnh cung kính. Kế đến có 3 hàng rưỡi kệ lại chia làm 3. Nửa hàng đầu làm sáng tỏ việc trì kinh được hiểu rõ. Kế đến 2 hàng làm rõ sự thành tựu 2 thân. Một hàng sau đó dẫn Phật để làm chứng.

Tội, phước theo Ước giáo có 7 phương tiện chuyển làm. Nay ở câu kệ sâu xa đạt đến chẳng tội, chẳng phước, nhập vào một thật tướng. Gọi đây là sâu đạt. Thập phương tức là 10 pháp giới, cùng dùng thật huệ. Cho nên nói là chiếu khắp. Đầy đủ 32 tướng, sâu được cái lý của pháp thân; cho nên thêm có tướng tốt. Như Đại Phẩm làm sáng tỏ, muốn được tất cả pháp sẽ học

theo Bát Nhã, như được châu như ý. Nhị Thừa hay được không; không, vô tướng hảo vậy v.v...

Phần thứ 6 Thân Tử (Xá Lợi Phất) lại hỏi. Trước tổng nói về việc khó tin, sau giải thích việc ra khỏi 5 ngại.

Phần thứ 7 Long Nữ hiện thành, minh chứng cho việc ấy có 2. Một là dâng châu báu được viên mãn, rõ biết. Hạt châu tròn tượng trưng cho sự tu nầy được nguyên nhân viên mãn. Dâng Phật là sẽ lấy nhơn khắc quả. Phật thọ liền là quả ấy rộng ra. Điều nầy tức là một niệm ngồi nơi đạo tràng, thành Phật chẳng hư. Hai là chánh thức chỉ nhơn viên mãn, quả tròn đầy. Thai Kinh nói rằng: Ma, Phạm, Thích Nữ tất cả đều chẳng bỏ thân, chẳng thọ thân. Tất cả ở nơi thân được thành Phật vậy. Kệ nói rằng: Pháp tánh như biển lớn. Chẳng nói là có, không. Phàm phu, hiền thánh, người – bình đẳng chẳng cao thấp. Chỉ tại tâm dơ nhớp; chấp chứng như tay ngược.

Phần thứ 8 „lúc bấy giờ Sa Bà" trở đi, làm rõ lúc thấy, nghe lại có 2. Trước tiên làm rõ chỗ thấy nghe. Hai là người, trời hoan hỷ. Kia đây đều được lợi ích. Nam Phương duyên theo Thụ Nghi dùng 8 tướng thành đạo; còn ở nơi đây duyên theo Bạc Chỉ, dùng Long Nữ để giáo hóa. Đây là sức mạnh của quyền xảo vậy. Được một thân, tất cả thân và phổ hiện sắc thân Tam Muội vậy.

Giải thích về
Phẩm Trì

Hai vạn Bồ Tát phụng mệnh hoằng truyền kinh điển; cho nên gọi là Phẩm Trì. Lại thêm khuyến khích 80 vạn ức Na-do-tha hoằng kinh nữa; cho nên gọi là phẩm khuyến trì.

Hỏi: Tại sao lại như vậy ?

Đáp: Hai vạn là ở phẩm Pháp Sư, đầu tiên là số lượng riêng. Cho nên phụng chỉ thọ trì. 80 vạn ức na-do-tha cùng với trước, không biệt mệnh. Dừng lại là thông tim. Nay mắt Phật thấy làm cho phát thệ ra điều nầy và đất nầy thông kinh. Thông kinh chứng nghiệm, thâm ý sâu xa của Phật ân cần; cho nên khuyến khích về việc hoằng pháp. Lại có 2 ý. Tựu chung câu văn chia làm 2. Trước tiên làm rõ việc thọ trì. Câu văn đầu tiên ấy lại chia làm 3. Một là 2 vạn Bồ Tát phụng mệnh ở đất nầy trì kinh. Hai là 500 và 8.000 Thanh Văn phát thệ nguyện đến nước kia lưu thông. Ba là chư Ni thỉnh thọ ký.

Hỏi: Những vị Thanh Văn nầy đã thành Đại Sĩ vì sao chẳng thể ở đất nầy để hoằng pháp ?

Đáp: Vì dẫn kẻ sơ tâm ban đầu hành Bồ Tát chưa hay trong đời ác khó làm việc thông kinh. Lại nữa muốn mở ra nơi phẩm An Lạc Hạnh vậy.

Phần thứ 2 khuyến trì có trường hàng kệ tụng. Trường hàng ấy có 5. Một là Phật dùng mắt xem thấy. Hai là Bồ Tát thỉnh cầu. Ba là Phật yên lặng. Bốn là Bồ Tát rõ ý. Năm là phát lời thệ nguyện thông kinh. Mắt thấy, mặc nhiên khuyến thỉnh mà chẳng nói nên lời.

Từ trên đến đây tuy chưa biệt mệnh, mà đưa ra công đức của việc trì kinh, sâu xa dẫn chứng rõ ràng. Đa Bảo phân thân từ xa đến khuyến khích phát tâm. Đây là ý nghĩa ân cần đầy đủ. Có ý muốn mệnh tuyên; tức là phát thệ, không phiền và lại nói. Lại còn hộ trì cho lời nguyện của Thanh Văn ở tha phương; cho nên chẳng xưng dương. Kệ có 20 hàng, thỉnh hộ trì kinh; chẳng phân chia ra nhỏ. Tìm văn có thể rõ được. 17 hàng phía trước là bị nhẫn và nương theo đó hoằng kinh. Lần lượt 21 hàng sau là vào thất để hoằng kinh. Tiếp tục 31 hàng là ngồi chỗ ngồi để hoằng kinh. Kế tiếp 41 hàng tổng kết việc thỉnh thêm.

Trung A Hàm phần thứ 6 nói rằng: A Lan Nhã ở đây dịch là vô sự. Đầu Đà ở đây phiên dịch là Đẩu Số. Kinh Bảo Vân quyển thứ 6 nói rằng: A Luyện Nhi xứ Tỳ Kheo thấy Vua, Vương Tử, Bà La Môn cùng tất cả người đến, Tỳ Kheo xướng lên „lành thay có thể cùng ngồi xuống. Ông ta cũng cùng ngồi. Ông ta không ngồi, Tỳ Kheo lại cũng chẳng ngồi. Vì đó thuyết pháp làm cho hoan hỷ. Sau khi Phật diệt độ, cuối đời ác chẳng cùng thể thức với

Tỳ Kheo. Tuy nói giới pháp mà được linh hoạt, mà ở nơi giới pháp chẳng vui làm. Trải qua 5 lần pháp thân; ngoài tất cả đạo pháp, lại cũng như thế. Nói như dùng lỗ mũi con người để nói Chiên Đàn, liền tự không có mùi thơm lại cũng chẳng tự nghe được. Trời, người, long thần, Cưu Bàn Trà rốt cuộc chẳng cúng dường người không có giới hạnh. Ngoài ra 4 phần lại nói như vậy. Chẳng có thể đến với Diệu Pháp. Tất nhiên phải do tịnh giới là chỗ khởi lên. Ngoài 4 ấy ra lại cũng như vậy. Nếu gặp kẻ sắp chết hay bịnh nặng, đau đớn bức bách, chẳng thể chạy chữa, thì nên niệm Phật Tam Muội, thường chẳng rời bỏ tất cả khổ nạn, cướp đoạt lấy tâm nầy. Người kia tự rõ biết, là pháp nầy vậy. Tức là rõ biết tất cả pháp đều không. Nhẫn nhục là áo giáp bằng đồng.

Trung A Hàm phần thứ 5 nói rằng: Vị Tỳ Kheo răng đen kêu oan với Phật rằng: Xá Lợi Phất mạ lỵ con và mắng con. Phật liền cho đòi Xá Lợi Phật đến để hỏi có thật mạ lỵ chăng ? Ngài Xá Lợi Phất thưa:

Tâm không định thì mới nói lời mạ lỵ. Còn tâm con đã ổn định rồi, sao có thể nói lời mạ lỵ được. Như Tê Giác gãy sừng chẳng thể chạm vào người đẹp được. Như đồng tử tàn ác, xấu hổ chẳng làm não hại người kia. Tâm con như đất, nước, gió, lửa. Tịnh hay chẳng tịnh, đại tiểu tiện, lấy nước sôi, nước rảy đổ lên người, vẫn thọ nhận, chẳng có lời mạ lỵ. Tâm nầy như chổi quét sạch. Tịnh hay không tịnh đều quét hết. Lại như cái bình bị vỡ để trong nhà, thường hay chảy rỉ. Tự quán cửu khổng (chín lỗ) thường chảy ra đồ bất tịnh. Sao còn mạ lỵ kẻ kia để

làm gì ? Lại cũng giống như rắn, chó chết trói vào cổ của đồng tử thanh tịnh; xấu hổ tự thẹn mình; nên chẳng mạ lỵ kẻ kia.

Phật hỏi rằng: Những người xấu ác như vậy thì ông quán ra sao ?

Đáp rằng: Người có 5 loại. Một là thân lành mà miệng, ý chẳng lành. Hay nhớ chuyện lành nầy mà chẳng nhớ đến những chuyện chẳng lành. Như Tỳ Kheo mặc y bá nạp thấy phẩn dính xấu xa. Bên trái thì nắm, bên phải thì bỏ ra. Lìa bỏ cái bất tịnh và chỉ giữ cái sạch sẽ. Nghĩ rằng thân nầy sạch cho nên quy về cho thân của mình. Bỏ miệng, ý nầy lấy giới là miệng, ý của con. Lại nữa miệng thanh tịnh mà thân ý chẳng thanh tịnh. Lại nghĩ rằng miệng nầy, bỏ thân, ý nầy. Như khát nước gặp hồ nhiều cỏ, phá cỏ để tìm nước sạch, thân dừng lại sự khát. Lại nữa ý tịnh mà thân, khẩu không thanh tịnh. Lại nghĩ rằng ý nầy chẳng dùng cho thân, khẩu nầy. Như đi đường khát nước, nước còn ít dưới vũng chân trâu. Nếu ta dùng 2 tay lấy nước thì nước sẽ khuấy lên đục; nên quỳ gối xuống và dùng 2 tay đưa nhẹ vào miệng thì sẽ nhận được nước và trừ sự đỡ khát.

Lại nữa 3 nghiệp đều bất tịnh. Tuy chẳng thể dùng để khổ nhớ, ví như trên đường gặp bệnh nhơn, khiến đặt chỗ yên ổn. Nhớ việc chẳng sạch, liền được gặp thiện tri thức, chữa cho 3 nghiệp nầy; chớ làm cho đọa lạc vào tam đồ.

Lại có 3 loại đều tịnh. Thường nhớ nghĩ người nầy lấy sự tự huấn, hà huống là nhớ nghĩ chuyện nhỏ và nguyện nhỏ. Như hồ nước trong có nhiều hoa và cỏ. Khi khát vào đó thì được tỉnh lại. Thường nhớ nghĩ cảnh giới để lấy cái xấu của ta đi. Đây là trong 3 tạng giáo. Dùng khổ, vô thường, bất tịnh, vô ngã, không, làm áo giáp. Tỳ Bà Sa quyển thứ 8 nói rằng: Nhớ nghĩ mạ lỵ là một lời nói; ngoài ra tất cả đều hô hoán lên. Cuối ngày, sự hô hoán đối với ta là gì ? Lại nữa ở đây là lời nói thô lậu thấp hèn. Ở kia là lời nói xưng tán. Nếu ta cứ nhớ lời nói thấp hèn thì chẳng nơi nào được vui cả. Lại nữa xem chữ mạ lỵ nầy, nếu điên đảo vì chữ ấy tức là thành ra tán thán. Lại nữa mạ lỵ là một giới, ít phần; một nhập, ít phần; một ấm, ít phần. Mạ lỵ ít, chẳng mạ lỵ nhiều. Lại nữa ai thành tựu sự mạ lỵ thì kẻ mạ lỵ thành tựu. Thành tựu tự chính người kia. Đối với ta làm gì ? Lại nữa mạ lỵ ấy là một chữ. Một chữ chẳng thành mạ lỵ; hai chữ thành mạ lỵ. Chẳng phải một lúc mà gọi 2 chữ. Nếu gọi chữ sau thì chữ trước liền mất đi.

Lại nữa có thể mạ chỗ mạ một lúc; giống như một sát na cùng diệt thì đối với ta là gì ? Như vậy thì chỉ có dùng không để làm áo giáp vậy. Phẩm thứ 17 nói rằng: Phàm, Thánh đều có 3 thọ. Vì sao lại khác nhau ?

Phàm phu đối với việc khổ thọ, có 2. Một là thân thọ khổ; hai là tâm thọ sự sầu lo; như 3 mũi tên độc. Mất vui liền sân, được vui liền hoan hỷ. Chẳng khổ, chẳng lạc tức là si. Thánh nhơn hằng thọ thân mà chẳng có tâm thọ. Đối với việc khổ chẳng sân, đối với việc vui chẳng

thích; đối với sự khổ chẳng vui, chẳng si. Ba sử chẳng thể sai sử được. Đối với sử được giải thoát; cho nên nói phàm thánh khác nhau. Như vậy có, không, sai, đúng. Điều nầy dùng Biệt giáo để làm chiếc áo giáp. Nay kinh làm rõ chiếc áo giáp nầy. Dùng niệm Phật làm chiếc áo giáp. Đây là niệm đến Pháp Phật đệ nhứt nghĩa. Phật tức là pháp. Câu văn nói rằng: Niệm Phật cáo sắc; tức là pháp vậy. Phật tức là Tăng; Tăng tức là cái lý đầy đủ của sự hòa hợp. Tỳ Lô Giá Na biến đến tất cả nơi, như chiếc áo giáp nầy vậy. Một chiếc áo giáp, tất cả chiếc áo giáp; tức là chiếc áo của Viên Giáo vậy.

Giải thích
Phẩm An Lạc Hạnh

Giải thích phẩm nầy chia ra làm 3. Nương vào việc phụ của câu văn về pháp môn. Việc ấy chính là thân không nguy hiểm; cho nên an ổn. Tâm chẳng ưu não; cho nên vui vẻ. Thân an tâm lạc; cho nên hay thực hành tinh tấn. Câu văn phụ ấy là: Mặc áo của Như Lai, tức là pháp thân an ổn. Vào nhà của Như Lai cho nên tâm được giải thoát an lạc. Ngồi nơi tòa Như Lai; cho nên Bát Nhã đạo hạnh tinh tấn. Lời phụ nầy phẩm bên trên, câu văn được giải thích như vậy.

Trụ ở nhẫn nhục địa cho nên thân được an lạc, mà chẳng bạo loạn; cho nên tâm vui. Quán về thật tướng của các pháp; cho nên thường hay siêng năng tinh tấn. Lại nữa pháp môn ấy an lạc nên gọi là bất động. Vui nên gọi là vô thọ. Hạnh cho nên nói là vô hạnh. Chẳng động ấy là trong 6 đường sanh tử. Hai bậc Thánh ở Niết Bàn chẳng nên động; tức là chẳng duyên vào 2 nghịch; tức là thân chẳng giao động.

Câu văn trên nói rằng: Thân thể và tay chân; tịnh mà an vui chẳng động. Tâm nầy thường hay lo sợ, chưa

hề có loạn động. Tức an trụ nơi bất động như đảnh Tu Di. Thường trụ ở pháp môn bất động vậy. Vui đây là chẳng thọ nhận việc dùng đến Tam Muội quảng đại. Chẳng thọ nhận ngũ thọ của phàm phu cho đến 5 thọ của Viên Giáo, sanh ra sự thấy; tất cả lại chẳng thọ. Có thọ tức là có khổ. Không thọ tức chẳng khổ. Vô khổ vô lạc lại có tên là vui lớn. Vô hành nghĩa là nếu có chỗ thọ, tức là có chỗ hành. Vô thọ tức là không chỗ hành. Chẳng làm hạnh phàm phu; chẳng hành hạnh hiền thánh; cho nên nói là vô hạnh; mà hành trung đạo; cho nên nói là hành; tức là pháp môn vậy. Nay lại giải rộng về việc nầy. Phàm nói an lạc tức là Đại Niết Bàn. Đây là gọi tên từ quả vị vậy. Hành tức là con đường Niết Bàn. Từ nguyên nhân được gọi tên. Ngoài ra nhơn quả đều khổ, như thường thấy ngoại đạo hành khổ hạnh lại được quả khổ. Nếu như nhơn vui, quả khổ thì như đoạn kiến ngoại đạo, tứ tình giữ niềm vui ấy, sau bị báo khổ. Nếu nhơn khổ quả vui, như bể pháp Nhị Thừa, vô thường vụng độ, gia thêm công khổ cho đến khi nhập Niết Bàn. Nay nói An Lạc Hạnh nghĩa là nhơn quả đều vui. Tức là Đại Phẩm như thật xảo độ. Đại Kinh nói rằng:

Định khổ hạnh là những kẻ phàm phu; khổ lạc hạnh là Thanh Văn, Duyên Giác. Định, lạc hạnh là các Bồ Tát. Cả 7 phương tiện nhơn thô, quả thô thì tất cả chẳng phải là hạnh an lạc. Riêng việc nầy nhơn lành, quả lành nên gọi là An Lạc Hạnh. Lại còn giải thích câu văn rộng rãi thêm nữa. An Lạc Hạnh là con đường Niết Bàn. Niết Bàn lại có 3 nghĩa. Đó là 3 đức mật tạng. Hạnh ấy lại có 3 nghĩa. Đó là chỉ hạnh, quán hạnh và từ bi hạnh.

Chỉ hạnh nghĩa là 3 nghiệp nhu hòa, vi lòng đều yên lặng; tức là thể pháp hành thân. Nghĩa là như câu văn trên, nương vào Đức Như Lai.

Quán hạnh nghĩa là một thật tướng huệ, vô phân biệt quán; tức là thể của Bát Nhã hạnh; tức là ngồi trên tòa Như Lai.

Từ bi hạnh nghĩa là Tứ hoằng thệ nguyện rộng độ tất cả chúng sanh; tức là thể giải thoát hạnh. Tức như câu văn bên trên ở nơi nhà của Như Lai.

Tổng cộng 3 hạnh nầy là con đường Niết Bàn. Tổng nơi 3 đức làm cảnh của hạnh. Cảnh xưng là an lạc, đạo ấy xưng là hạnh.

Đại Luận nói rằng: Bồ Tát từ sơ phát tâm thường quán Niết Bàn hạnh đạo; nhơn ấy là lúc dùng 3 hành pháp nầy. Đạo 3 nghiệp là hạnh. Ba nghiệp thanh tịnh tức là tịnh nơi 6 căn. Sáu căn nếu tịnh phát tương tợ giải mà được vào chơn. Quả ấy là Phật nhãn, nhĩ v.v... Nhơn ấy là chỉ hạnh. Quả ấy là đoạn đức. Nhơn ấy là quán hạnh; quả ấy là trí đức. Nhơn ấy là hạnh từ bi thì quả gọi là ân đức. Lại nữa, nhơn gọi là 3 nghiệp thì quả gọi là 3 mật. Nhơn là từ bi thì hướng dẫn 3 nghiệp lợi tha. Quả là 3 tên tam luân bất tư nghì hóa. Quán như vậy thì chẳng có gì lại phân biệt. Ở trong tất cả các pháp, tất có tánh an lạc. Tất cả chúng sanh tức đại Niết Bàn, chẳng thể mất được. Hành nơi phi đạo, thông đạt Phật đạo. Đây chính là tuyệt đối chờ đợi làm sáng tỏ An Lạc Hạnh. Hạnh nầy cùng với nghĩa Niết Bàn hợp nhau. Nói rằng:

Lại có một hạnh là Như Lai hạnh. Như Lai là người an lạc, là pháp. Như Lai là người an lạc. An lạc là pháp của Như Lai. Nói chung là nghĩa nầy chẳng khác biệt. Sự riêng biệt ấy chẳng khác. Điều nầy làm sáng tỏ sự tịch diệt nhẫn, pháp không, ngồi nơi nhà của Như Lai. Điều kia làm sáng tỏ về kim ngân bảo thọ; tức là vô lậu bảo lâm. Vô lậu cùng với không, tịch diệt nhẫn hợp lại. Cát vàng, sông lớn đều vào thẳng nơi biển Tây; tức là một thật huệ cùng với các pháp không hợp lại. Được đạo người nữ tức là chẳng cười đùa. Vô Duyên đại từ nầy cùng với nhà của Như Lai hợp lại. Điều ấy gọi là nghĩa vì vô dư. Đây gọi là: vì vô thượng đạo. Lại nữa nghĩa ngũ hành lại cùng với y áo, chỗ ngồi, nhà ở, ý ấy giống nhau vậy.

Hỏi: Đại Kinh làm sáng tỏ việc những người thân thuộc nương cậy và nhà vua rồi mang cung tên đi chinh phục kẻ ác. Kinh nầy xa lìa những thế lực; chỉ làm việc từ, cương nhu đều lánh. Vì sao lại chẳng thay đổi ?

Đáp: Đại Kinh biểu luận, cho đứa con ra ở một nơi riêng, sao gặp được mà chẳng nhiếp thọ. Kinh nầy biểu minh cho việc nhiếp thọ. Đầu tiên phá 7 phần, chẳng phải chẳng có sự bẻ gãy. Mỗi mỗi đưa ra sự đi đến đoan chánh, mà việc đã qua. Lý ấy đầy đủ có 4. Kẻ nào thích hợp thì xưng nghi, tức là thế giới ý nhiếp thọ; tức là ý vì người. Triết phục tức là ý đối trị. Ngộ đạo tức là ý đệ nhứt nghĩa. Giải thích pháp môn rộng rãi là nên làm sáng tỏ bất động môn, bất thọ môn và bất hành môn. Lược bớt chẳng nói ra vậy. Phẩm nầy là Tích Môn lưu thông ý

thứ 4. Nếu có 2 vạn 80 ức Na Do Tha thọ mệnh hoằng truyền kinh điển thì sâu xa rõ biết quyền thật, rộng biết tiệm đốn, lại đạt được cơ duyên. Thần lực tự tại, trược thế não loạn, chẳng chướng thông kinh, chẳng đợi, liền chỉ cho phương pháp. Nếu đầu tiên nương vào tâm đầu tiên, muốn tu viên hạnh, vào cõi trước để hoằng kinh. Vì chỗ trược, não tự hành, chẳng đứng, lại chẳng hóa công. Vì người nầy cho nên đủ chứng minh chỉ bày phương pháp, làm sáng tỏ An Lạc Hạnh. Cho nên có phẩm nầy đến. Phẩm An Lạc Hạnh nầy có thứ tự ra sao ?

Như Pháp Hoa Viên Hạnh. Một hạnh chẳng sánh được nhiều hạnh. Chẳng thể nghĩ bàn, làm sao định được trước sau. Nay há cùng một ? Phẩm Pháp Sư lược bớt, chỉ bày sự hoằng kinh; tức là dùng sự lợi tha làm căn bản. Vào trong nhà sáng sủa. Trong đây phân tích việc ác trong đời, hoằng kinh để an các việc bức bách, não hại. Đầu tiên mặc áo Như Lai. Trước sau hỗ tương, hiện bày. Nếu theo Ước (giáo) thì các việc làm lần lượt là: Các pháp từ xưa đến nay thường tự tịch diệt tướng. Nếu trái với tịch diệt mà khởi tương ưng thì đầu tiên dùng Bát Nhã mông mênh tích lũy. Tức là đầu tiên ngồi chỗ ngồi nơi các pháp chẳng sanh, mà Bát Nhã sanh; giống với thể của từ bi, thương xót chúng sanh; cho nên hành đạo. Kế đến vào trong nhà Như Lai tức dùng từ bi để cứu đời, tất nhiên lội qua, lìa khỏi chỗ biết đầu, quyết đủ an nhẫn. Kế đến là mặc áo của Như Lai. Tuy tạo ra việc nầy, lần lượt nói lúc chẳng làm. Lúc làm là vào nhà; tức là đầy đủ tất cả pháp, hà huống là từ bi và nhẫn nhục sao ?

Bốn An Lạc Hạnh là: Theo xưa nói rằng: Một là giả thật, hay là không làm thể. Hai là thuyết pháp làm thể. Ba là lìa quán làm thể. Bốn là từ bi làm thể.

Thầy Cơ nói rằng: Một là không; hai là lìa kiêu mạn; ba là trừ tật đố; bốn là đại từ bi.

Thầy Long nói: Một là thân xa lìa những việc ác, dần dần đến cái lý của không; hai là trừ miệng sai; ba là trừ ý tật đố; bốn là khởi tâm từ bi.

Ngài Nam Nhạc nói rằng: Một là những đắm trước, chánh huệ; hai là miệng chẳng nói lời sai trái; ba là trên kính dưới nhường; bốn là đại từ bi.

Thầy Thiên Thai nói rằng: Chỉ quán từ bi, hướng dẫn 3 nghiệp và lời thệ nguyện. Thân nghiệp có dừng cho nên lìa thân thô nghiệp. Có quán cho nên chẳng được thân. Chẳng được thân nghiệp, chẳng được sự hay lìa khỏi. Vô sở đắc cho nên chẳng đoạn vào phàm phu. Có từ bi cho nên cần tu thân nghiệp. Rộng lợi tất cả. Chẳng rơi vào Nhị Thừa địa. Có chỉ hạnh cho nên mặc áo nhẫn nhục. Có quán hạnh cho nên ngồi tòa Như Lai. Có lòng từ bi cho nên vào trong nhà Như Lai. Chỉ hạnh lìa khỏi; tức là thành đoạn đức. Quán hạnh vô trước; tức là thành trí đức. Từ bi lợi tha tức là thành ân đức. Ân đức sẽ thành trí đức. Trí đức có thể thông đạt đoạn đức. Đây tên là thân nghiệp An Lạc Hạnh. Ngoài ra miệng, ý thệ nguyện lại cũng như thế. Trong phẩm nầy câu văn có hỏi có đáp.

Hỏi: Trong phần đầu ca ngợi phẩm trước sâu xa hành Bồ Tát có thể như đây hoằng kinh. Sau đó hỏi về việc hành Bồ Tát cạn hơn thì trong đời ác tuyên nói kinh nầy phải chăng ?

Phật bảo: Phần thứ 2 ấy đáp lại có 3. Một là đề tài 4 hàng có chương thực hành. Hai là giải thích phương pháp tu hành. Ba là tổng quát làm sáng tỏ tướng thành tựu của việc làm.

Như tiêu đề đầu, chương ấy như câu văn. Một là an trụ trở đi. Phần thứ 2 giải thích phương pháp tức là chia làm 4 sự riêng biệt. Câu văn đầu tiên ấy lại có 2. Một là giải thích phương pháp; hai là kết những việc làm lại. Tu hành có trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại có 2. Đầu tiên là hạ tiêu hành cận. Kế đến là Văn Thù giải thích về hành cận. Hai đề mục đầu như câu văn. Kế đến trong sự giải thích ấy lại có 2. Nghĩa là hành xứ và cận xứ. Hay nói nội phàm sơ hành thì gọi là hành xứ. Nếu lâu dài luyện tập thuần thục thì dần dần có thể gần cái lý; cho nên gọi là cận xứ. Trích dẫn phần trước việc làm gần với quả là thí dụ vậy. Hoặc nói hành xứ theo Ước (giáo) nguyên nhơn cận xứ, Ước (giáo) quả. Hành xứ làm sáng tỏ trí, cận xứ làm sáng tỏ cảnh.

Thầy Giao lại nói rằng: Thất trụ dĩ thượng, tâm thể nơi lý, vì hành xứ, đã qua phân đoạn nầy. Từ đây trở lại vô sanh, chưa thể hiện tiền, dần dần gần đến nơi lý vì cận xứ, đồng là phân đoạn. Phần 2 nầy là hành thỉ, thông (giáo) là một An Lạc Hạnh. Theo tôi (Ngài Trí Giả) thì nhà đầu tiên lấy hành làm chỗ cạn, mà Đại Kinh thì

nói rằng: Thập Địa Bồ Tát lấy hành; cho nên thấy bất liễu liễu. Nên rõ hành tức là chẳng cạn cợt. Nhà kế tiếp dùng cận để làm chỗ cạn cợt.

Nên Tịnh Danh nói: Gần ấy chẳng thể so sánh với Phật tự tại huệ. Điều nầy tức là gần ấy lại thành sâu xa. Nếu cả 2 việc làm đều sâu xa thì phần thành phẩm trước của việc làm thuộc Bồ Tát hoằng kinh. Chẳng quan hệ với phương pháp sơ tâm. Nếu 2 việc làm ấy đều cạn cợt; tức là 7 phương tiện con người thực hành sao lại quan hệ với phương pháp hành của Viên (giáo). Cho nên chẳng thể nói việc sâu cạn. Tuy nhiên hành gọi là tiến thú. Cận gọi là thân tập. Thân tập cho nên tiến thú; tiến thú cho nên thân tập. Sao lại sâu cạn ? Lại nữa hành cận là phương pháp ở trên. Hành xứ là y áo của Như Lai. Cận xứ là chỗ ngồi của Như Lai. Chỗ ngồi và y áo lại chẳng có sâu, cạn. Hành cận sao lại có chỗ ưu liệt ? Lại nữa nhẫn nhục tất nhiên bên trong nhớ lại cho đến lý lịch duyên vào các việc. Con mắt soi việc làm. Ngồi chỗ không, tất nhiên thể đạt duyên bên ngoài, bắt đến cảnh chân thật. Mắt soi việc gần, che đậy công việc, chôn vùi cả hiện tại. Lại vì sao mà có cạn sâu ? Nếu như vậy thì tại sao phân ra việc làm gần ? Tới cái lý lược nói, gọi là hành xứ. Công việc phụ thêm vào, nói rộng ra gọi là cận xứ. Nói có chỗ rộng; nhưng lược bớt cái lý chẳng có sâu cạn. Nay Ước (giáo) làm sáng tỏ 3 pháp hành xứ. Một là duyên ngay thẳng với một chân lý. Một chân lý là vì tất cả chỗ quy về. Vì tất cả tạo ra việc căn bản, mà biến thành chỗ vô phân biệt.

Tất cả chỗ quy về tức là nhẫn nhục địa vậy. Địa đây tức là trung đạo các pháp quy về. Cho nên gọi là địa. Chúng hành hưu tức cho nên gọi là nhẫn nhục. Đây tức là hành bất hành mà hành. Vì tất cả chỗ tạo tác căn bản là như vạn vật được đất mà sanh trưởng. Các việc làm được lý giải mà thành tựu. Nếu được lý căn bản, tại việc cứng có thể trở nên mềm. Tại việc nghịch có thể trở nên thuận. Tại bạo có thể trị; tại sợ hãi có thể yên ổn. Vô lượng công đức từ đất Trung Đạo mà sanh. Đất chẳng thể sanh mà sanh được công đức. Tức là bất hành, hành mà hành. Biến vô phân biệt nghĩa là chẳng phân biệt, chẳng hành cùng hành, cái tướng sai biệt; cho nên nói: Lại nữa bất hành, bất phân biệt tức là phi hành, phi bất hành. Vô tam hành mà tam hành; cho nên nói là hành. Đồng nhứt thật đế; cho nên gọi là xứ. Như hành xứ nầy hợp với kinh văn bên trên, dừng nghỉ các việc làm, hợp lại với áo của Như Lai, theo đó mà sanh ra công đức, hợp với nhà của Như Lai. Biến vô phân biệt cùng với chỗ ngồi của Như Lai thì gọi đây là giải thích một pháp hành xứ. Đây là quy tắc của việc hoằng kinh.

Hai ước hai pháp tức là sanh pháp nhị nhẫn; nhị nhẫn tức là sanh pháp nhị không. Nhị không lại khác nhị thừa. Vì sao vậy ? - Người, pháp 2 không ấy Ước (giáo) chơn tục, giả thật; làm sáng tỏ nhị không, nhị nhẫn. Tất thấy Trung Đạo; cho nên chẳng đồng với Nhị Thừa.

Nếu liền khai tức là tứ nhẫn. Nếu tạo ra ngũ nhẫn, chỉ cho chữ hành làm tín nhẫn. Nếu tạo ra 6 nhẫn, chỉ cho chữ hòa, theo đó nhẫn. Nếu đối địa tức là khai mở

42 nhẫn. Một địa thường có 41 địa công đức. Một nhẫn há chẳng phải 41 pháp nhẫn sao ? Nay vả lại Ước (giáo) 4 nhẫn tiêu văn. Nghĩa là phục thuận vô sanh tịch tịnh nhẫn. Bốn nhẫn nầy cùng với Biệt giáo khác nhau. Hai nhẫn trước là sanh nhẫn vị, tức là chỗ cạn. Hai nhẫn sau là pháp nhẫn vị, tức là chỗ sâu. Nay Viên (giáo) sanh pháp, tất Thông (giáo) 4 nhẫn lại chẳng thông.

Vì sao 2 không lý tức là trung đạo ?

Đầu tiên trụ tu vào 4 nhẫn, nhập vào giữa, thấy 2 không lý. Cho đến tâm sau, lại cùng 2 không lý. Đại Kinh nói rằng: Phát tâm cứu cánh, 2 ấy chẳng phân biệt. Nếu Ước (giáo) không chỗ cạn, sâu mà phê phán về tứ nhẫn thì từ sơ phát tâm Viên (giáo) phục ngũ trụ; cho đến Kim Cang Đảnh; tất cả đều gọi là phục nhẫn. Đầu, sau tất cả đều chẳng sai biệt với thật tướng; nên gọi là thuận nhẫn. Đầu, sau tất cả chẳng khởi nên tâm nhị biên. Gọi là vô sanh nhẫn. Đầu, sau tất cả phải dừng nghỉ các việc làm. Gọi là tịch tịnh nhẫn. Nghe sanh tử chẳng sợ lo khổ. Nghe Niết Bàn chẳng hốt hoảng để chứng được niềm vui. Nghe Phật thường cùng vô thường, nhị thừa làm Phật, chẳng làm Phật. Nghe sanh tử Niết Bàn khác cùng chẳng khác. Nghe Phật đạo dài ngắn, khó dễ; chẳng dài chẳng ngắn chẳng khó chẳng dễ v.v... tất cả chẳng lo sợ.

Hành thử hành nghĩa là từ đầu đến cuối lấy nhị không lý nhẫn các pháp; tức là mặc áo Như Lai. An trụ nơi nhị không lý tức là ngồi nơi tòa ngồi của Như Lai. Thương chúng sanh tức là vào nhà của Như Lai. Nhị không tứ nhẫn gọi là hành. Lý tức là xứ. Đây gọi là Ước

(giáo) 2 pháp làm sáng tỏ hành xứ vì quy tắc của việc hoằng kinh. Tam ước tam pháp. Tam pháp tức là bất tư nghì tam đế. Trụ nhẫn nhục địa tổng luận tam đế. Như có địa có thể nương cậy, rồi có thể nhẫn nhục.

Nhu hòa thiện thuận là thiện thuận chơn đế hay nhẫn hư vọng, thấy thích lạnh nóng v.v... Cho nên nói là thiện thuận, mà chẳng chọn bạo, lại chẳng kinh ngạc. An ở nơi tục đế, nhẫn các căn. Duyên xưng trích cơ tuyên. Cho nên nói là chẳng chọn bạo. Thể nhẫn bao bọc cho nên tâm chẳng sợ. Đối với pháp vô sở hành; tức là an nơi chân lý, có thể nhẫn nhị biên; cho nên nói là vô sở hành. Chính tại trung đạo; cho nên nói quán thật tướng. Lại chẳng được trung thật; cho nên nói bất phân biệt. Điều nầy tức là mở rộng 3 chơn lý địa, gọi là xứ nhẫn. Nhục ở nơi ngũ trụ gọi là hành. Hành đây lại có 3. Nghĩa là chỉ hành; tức là làm mà chẳng làm. Quán hành tức là phi hành phi bất hành. Từ bi hành tức là bất hành hành. Gặp bên trên y áo, chỗ ngồi, nhà cửa v.v... Đây là Ước (giáo) 3 pháp làm sáng tỏ hành xứ. Biện tài hoằng kinh quy tắc.

Thầy Long nói: Trụ nhẫn nhục địa tổng đưa ra sanh pháp 2 nhẫn, bên dưới riêng làm rõ 2 nhẫn. Nhu hòa thiện thuận làm tỏ rõ thân nghiệp; mà chẳng chọn bạo, là khẩu nghiệp. Tâm lại chẳng kinh ngạc là ý nghiệp. Cả 3 nghiệp nầy đều làm sáng tỏ việc tu sanh nhẫn. Đối với các pháp vô sở hành. Chẳng hành có tướng vậy, mà quán tưởng như thật; hành không bình đẳng. Lại bất hành, bất phân biệt chẳng hành vô tướng. Có không, cả 2 mất đều là Trung Đạo. Ba câu nầy làm sáng tỏ việc tu

pháp nhẫn. Được 2 nhẫn nầy, kết làm hành xứ. Kia làm sáng tỏ 2 nhẫn chưa rõ Ước (giáo) ra sao ? Nếu 3 giáo 2 nhẫn toàn chẳng phải nghĩa của Pháp Hoa và nếu Ước, Viên giáo chẳng nên cách biệt, chẳng cách biệt v.v...

Vì sao gọi là gần bên dưới ? Phần thứ 2 cận xứ câu văn lại có 3. Xa lìa 10 não loạn tức là xa; cho nên luận gần. Lại là phụ trợ cho giới môn, giúp cho quán. Tu nhiếp tâm nầy tức là gần; cho nên luận gần. Lại là phụ thuộc vào định môn, trợ giúp quán. Quán tất cả các pháp là không. Tức là chẳng gần chẳng xa, luận gần. Lại điều nầy phụ thuộc vào huệ môn để giúp quán. Bên trên gặp duyên, lý trụ nơi nhẫn nhục địa. Nay giới môn rộng xuất các duyên của nhục; nên tu viễn ly. Chẳng cầm dao, gậy, lại chẳng thí xả. Hằng dùng chánh huệ mà xa lìa. Nên biết rằng xa, gần, rộng những hạnh bên trên là chỗ chẳng làm vậy.

Bên trên thẳng làm sáng tỏ, chẳng bạo loạn kinh ngạc. Nay định môn quảng xuất, tu định tâm. Tu định xứ. Tu định yếu môn, dùng định lực vậy. Tại bạo mà trị. Tại kinh ngạc mà an ổn. Nên rõ tức là gần luận gần. Quảng, thượng chẳng hành hành.

Bên trên thẳng làm sáng tỏ chỗ chẳng hành. Nay rộng thấy tất cả không đều trải qua các cảnh. Vô lượng, vô biên, vô ngại, vô chướng. Nên biết chẳng xa chẳng gần. Quảng thượng phi hành, phi bất hành. Tựu chung phần đầu có 10 loại nên xa. Một là thế lực giàu có. Hai là tà nhơn pháp. Ba là hung hiểm, lý luận. Bốn là Chiên Đà La. Năm là Nhị Thừa chúng. Sáu là xa lìa dục tưởng. Bảy

là xa lìa kẻ bất nam. Tám là xa lìa việc nguy hại. Chín là xa lìa kẻ rầy rà. Mười là xa lìa việc nuôi súc vật v.v...

Lộ Già Gia nói điều nầy là ác luận. Lại nói là phá luận. Nghịch lộ tức là nghịch với vua, cha để luận. Lại nữa lộ ấy gọi là thiện luận. Lại gọi là Thầy phá trò. Nghịch lộ gọi là ác luận. Lại gọi là đệ tử phá Thầy.

Na La Diên là Thượng Kỷ Hí. Lại nói là Thái Trú. Thân nầy tạo ra sự biến dị. Lại nói là Duyên Tràng Trịnh Đáo quyến thuộc. Phân ra làm 10 loại có 2 bên. 9 là sanh tử và 1 là Niết Bàn. Cả 2 đều xa lìa; tức là tịch diệt cũng là cách gọi khác. Quán tâm giải thích 10 loại v.v... Cận cận xứ lại có 3 ý v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 8 (Phần sau)

Dịch xong phần trên vào ngày 7 tháng 9 năm 2010
tại thư phòng chùa Viên Giác – Hannover, Đức Quốc.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 9
(Phần trên)

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 34. Thứ tự Kinh Văn 1718.

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng tiếng Hoa.

- Sa Môn Thích Như Điển –

Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Viên Đức - Ravensburg ngày 27 tháng 9 năm 2010.

Không xa, không gần, câu văn ấy lại chia ra làm 3. Một là cảnh phiêu cảnh trí; hai là giải thích riêng và 3 là kết thành. Quán theo Trung Đạo là quán trí. Tất cả các pháp là cảnh của 10 pháp giới. Nếu luận về trí một cách đơn thuần thì trí không phải là chỗ để quán. Cho nên đưa ra tất cả để hiển thị tất cả chỗ không. Còn như thật là giải thích riêng biệt. Nhị biên, tam đế, không có một nào khác với cách gọi là như. Chẳng phải 7 phương tiện; cho nên có tên là thật. Dùng thật ấy để làm tướng; cho nên nói là như thật tướng. Chẳng điên đảo là không bát đảo vậy. Bất động là chẳng vì 2 việc chết mà động. Bất thoái là tâm tâm tịch diệt, nhập vào Tát Bà Nhược Hải (biển nhất thiết trí). Bất chuyển nghĩa là chẳng phải như phàm phu chuyển nơi sanh tử; chẳng như nhị thừa chuyển với phàm thánh. Như hư không nghĩa là tuy có tên gọi, mà chữ ấy chẳng thể được. Trung Đạo quán trí lại hay có chữ, mà cầu lại chẳng được. Vô sở hữu tánh nghĩa là vô tự tha cùng với vô nhơn đẳng tánh. Tất cả ngôn ngữ đạo đoạn có nghĩa là bất khả tư nghì vậy. Bất sanh là cảm, trí, lý tất cả đều chẳng sanh. Bất xuất là Như Lai sở trị rốt ráo chẳng bộc phát trở lại. Bất khởi là các phương tiện đều tịch diệt. Vô danh nghĩa là tên ấy chẳng có thể là tên. Vô tướng nghĩa

là tướng ấy chẳng thể là tướng. Vô sở hữu là vô nhị biên hữu. Vô lượng là phi số pháp. Vô biên là vô phương sở. Vô ngại vô chướng nghĩa là biến tất cả xứ, thường dùng nhơn duyên hữu là kết quả vậy.

Bên trên là thẳng vào chỗ sáng tỏ của Trung Đạo quán huệ. Nay làm rõ song chiếu nhị biên. Lý tánh cứu cánh thanh tịnh như bên trên đã nói; không giải thích, không hoặc, mà từ hoặc ấy là nhơn duyên sanh ra sanh tử. Từ giải ấy là nhơn duyên sanh ra Niết Bàn. Lại nữa nhơn duyên hữu, hữu ấy đối với Niết Bàn. Từ điên đảo sanh; nghĩa là sanh ở nơi sanh tử. Đây tức là làm hiển rõ cái ý của song chiếu vậy. Thường vui quán các pháp như thế nghĩa là 3 đế cùng với các pháp. Lại thường nhơn duyên hữu từ điên đảo sanh. Kết cuộc bất khả tư nghì tam đế cảnh; cho nên nói là bất tư nghì giáo vậy. Thường lạc quán nghĩa là kết bất tư nghì tam quán. Lại quán tất cả pháp, không như thật tướng. Tiên quán thể chẳng điên đảo, đến 9 câu giải thích về quán tướng. Chẳng vì nhị biên bát đảo mà động; gọi là chẳng phải đảo, chẳng phải động. Chẳng rơi vào nhị thừa phàm phu nhị địa; cho nên nói bất thoái, bất chuyển. Đây là 2 câu làm sáng tỏ trí dụng, lý phi vị lai; cho nên chẳng sanh. Phi quá khứ cho nên chẳng xuất; phi hiện tại cho nên chẳng khởi.

Thích Luận quyển 51 nói rằng: Như hư không, không vào chẳng ra, vô trụ, tướng nhiếp Đại Thừa lại cũng như vậy. Vô vị lai nhập xứ. Vô quá khứ xuất xứ. Vô hiện tại trụ xứ.

Quyển thứ 43 nói rằng: Nhơn biên chẳng khởi; nên gọi là chẳng xuất. Duyên biên chẳng khởi; nên gọi là chẳng sanh. Phàm có 19 câu. Câu đầu tiên là tổng quát và 18 câu sau là đối với Đại Phẩm 18 không. Như thật tướng tức là đệ nhứt nghĩa không. Bất điên đảo tức là nội không. Nội vô lục nhập, ngã, ngã sở. Bất điên đảo bất động tức là ngoại không. Ngoại chẳng vì 6 trần lưu động vậy. Bất thoái ấy tức là nội ngoại không. 12 nhập không; cho nên nói là bất thoái. Bất chuyển tức là không không. Không ấy phá các pháp. Các pháp là chỗ phá. Không ấy là có thể phá. Chẳng có các pháp; chỉ có ở không. Không nầy lại không; cho nên nói là không không. Không ấy liền không; cho nên chẳng thể hay chuyển. Cho nên nói là bất chuyển vậy. Như hư không tức là Đại không. Chấp vào phương kế để phá; cho nên nói là như hư không. Vô sở hữu tánh, tức là cứu cánh không. Các pháp không ngoại trừ; nên gọi là cứu cánh không. Dùng cứu cánh không; cho nên vô sở hữu tánh vậy. Tất cả ngôn ngữ đoạn đạo; tức là tất cả không. Tất cả không ấy chẳng thể nói; cho nên ngôn ngữ đạo đoạn. Chẳng sanh tức là hữu vi không. Hữu vi là nhơn duyên hòa hợp. Liền chẳng hợp tức là chẳng sanh. Bất xuất tức là vô vi không. Vô ấy gọi là xuất ly. Xuất ly pháp không; cho nên gọi là bất xuất. Bất khởi tức là vô thỉ không. Cầu nguyện sơ chẳng thể được; cho nên vô khởi. Vô danh tức là tánh không, có thể giải. Vô tướng tức là tướng không. Thật vô sử hữu; tức là chẳng thể được không. Vô lượng tức là hữu pháp không. Hữu pháp tức là vô lượng. Hữu lượng lại không; cho nên nói là vô lượng. Vô biên tức là

vô pháp không. Vô pháp tức là biên biểu. Nay không cho nên tức là vô biên. Vô ngại tức là hữu pháp vô pháp không. Hai ấy chẳng thể được; cho nên nói là vô ngại. Vô chướng tức là tán không. Phỏng chướng chẳng thể được; cho nên nói là vô chướng.

18 không ấy tất cả đều là Trung Đạo chánh huệ. Tất cả đều gọi là không. Tùy vào 18 loại cảnh cho nên nói là 18 vậy.

Đại Kinh nói rằng: Như Lai thường tu 18 nghĩa không. Cho nên dùng 18 không; dùng để giải thích 18 câu vậy. Kệ ấy có 28 hàng; 3 câu chia làm 3. Hàng đầu tiên tụng về chương tiêu biểu. Kế đến 22 hàng, tụng về sự tu hành. 5 hàng sau 3 câu làm sáng tỏ sự hành thành. Trường hàng, hàng cận, biệt, giải thích. Trong kệ ấy hợp lại tụng. Chánh ngôn, ý đồng, khai hợp hỗ tương hiện ra. Lược bớt chỗ rộng; lời giải như vậy lại có thể y cứ vào. Hàng ở trên cận với 2 và câu văn ấy mỗi mỗi lại có 3. Nay kệ ấy hợp tụng chẳng phải thứ tự. Đầu tiên nên vào hàng, dưới đó 14 hàng, tụng việc xa gần.

Bên trên có 10 loại viễn ly. Trong tụng ấy lược, chẳng theo thứ lớp. Ở nơi câu văn có thể thấy, lại là tụng về nhơn không, hành xứ. Thủ ý tức là kiêm luôn tụng về cận xứ 3 ý; cho nên câu kệ ấy nói điều nầy tức gọi là vi hành xứ cận xứ. Thường lìa quốc vương. Tỳ Kheo gần gũi vua chúa có 10 điều phi pháp. Một là âm mưu cùng mệnh lệnh của vua. Hai là vua giết Đại thần. Ba là điển tạng vong bảo. Bốn là cung nhơn mang thai. Năm là thân vua trúng độc. Sáu là Đại thần cạnh tranh. Bảy là 2

nước đánh nhau. Tám là theo cách của vua, chẳng giúp dân. Chín là kiểm kê vật chất của dân và mười là nhiều tật đố. Nghĩa là Tỳ Kheo thực hành thần chú có 10 sự việc. Một là tất cả thần dân nghĩa là Tỳ Kheo nầy sở tác, làm việc phỉ báng nầy với Tỳ Kheo; đồng nghĩa với phỉ báng Pháp và phỉ báng Phật. Cho nên Phật chẳng cho gần gũi vua chúa là vậy.

Ngoại đạo Phạm Chí nghĩa là theo Kinh Ma Đăng Già nói: Người đầu tiên gọi là Phạm Thiên, tạo ra Vệ Đà (Kinh). Kế đó gọi là Bạch Tịnh, biến một thành ra bốn. Một gọi là tán tụng Vệ Đà; hai gọi là cúng tế; ba gọi là ca vịnh; bốn là cầu nguyện việc tai ách. Mỗi một loại như vậy có 30 vạn bài kệ. Hợp tất cả lại thành 128 vạn bài kệ; có 1.700 quyển. Kế đó tên là Phất Sa, có 25 người đệ tử. Mỗi mỗi đối với một Vệ Đà hay rộng biết phân biệt. Theo đó có 25 Vệ Đà. Kế tiếp có người tên là Oanh Vũ biến một Vệ Đà thành ra 18. Kế đó có người tên là Thiện Đạo, có 21 người đệ tử biến thành 21 Vệ Đà. Như vậy lần lượt biến thành 1.206 Vệ Đà. Tỳ Đà Luận gọi đây là Trí Luận. Bà Gia Tạo Luận. Phàm 4 loại. Một là tín lực Tỳ Đà, làm sáng tỏ việc lấy lửa để tiêu diệt tội lỗi. Hai là Già Thọ Tỳ Đà, làm sáng tỏ việc cúng dường Bà La Môn thì được phước. Ba là Sa Ma Tỳ Đà làm sáng tỏ sự hòa hợp giữa 2 nước với nhau. Bốn là A Đà Bà Tỳ Đà, làm sáng tỏ việc đấu tranh với nhau. Đọc tất cả 4 luận nầy tự xưng là tất cả những người trí.

Tỳ Ca La, tên nầy ghi lại luận. Bà Ni Ni tạo, làm sáng tỏ các loại kinh thơ cùng với các tạp ngữ. Vệ Thế

Sư luận do Ưu Lưu Khư tạo. Ở đây dịch là Tối Thắng xuất thế. 800 năm làm sáng tỏ 6 chân lý. Ca Tỳ La ở đây dịch là Huỳnh Đầu, lại còn nói là thuộc loài rùa. Tạo luận tên là Tăng Khư. Tăng Khư ở đây gọi là Vô Đảnh. Nhơn người nầy gọi luận cho nên nói là Ca Tỳ La. Nói ra 25 chơn lý. Tiểu Thừa Tam Tạng học là khi Phật còn ở tại Ba La Nại. Đầu tiên có 5 người, nói khế kinh Tu Đa La tạng; khi Phật ở La Duyệt Kỳ, đầu tiên vì Tu Na Đề nói tạng Tỳ Ni. Phật ở Tỳ Xá Ly nơi hồ Di Hầu, đầu tiên vì Bạt Xà Tử nói Tạng A Tỳ Đàm. 500 vị La Hán đêm đầu tiên tập hội là Tạng A Tỳ Đàm và tiếp theo là kinh giải thoát. Đây là vì Tam Tạng học vậy.

Thâm trước ngũ dục, dục tướng là trong 4 thiên hạ người, rồng, tu luân, Tứ Thiên Vương tất cả đều có căn tướng. Đao Lợi Thiên lấy gió làm việc. Diệm Thiên tương cận làm việc. Đẩu Suất tương khiên làm việc. Tha Hóa Tự Tại Thiên tâm niệm làm việc. Những cõi trời bên trên đều lìa khỏi dục. Quả nữ xứ nữ là khi A Nan hỏi Phật rằng: Sau khi Như Lai diệt độ rồi thì thấy người nữ như thế nào ?

Phật bảo rằng: Chớ cùng gặp gỡ. Giả sử có thấy thì chớ cùng nói chuyện. Giả thử có cùng nói chuyện thì hãy chuyên tâm niệm Phật. Cùng với những kẻ bất nam thì tên kẻ gọi là Bàn Thác. Ở đây phiên âm là Huỳnh Môn. Huỳnh Môn là có hình thù nam nữ mà chẳng thể là nam nữ.

Khi vào làng khất thực, theo Tạp A Hàm nói: Có một loại dê qua chỗ đống phân để ăn và sau đó trở lại

trong bọn, cống cao ngã mạn bảo là được ăn ngon. Tỳ Kheo lại cũng như thế ấy, được tứ sự (cúng dường) rồi khởi lên sự nhiễm trước, dục tưởng, chẳng rõ biết chỗ căn bản. Giả sử chẳng được thì hằng sanh tưởng; giả thử được rồi thì hướng đến các Tỳ Kheo khác cống cao ngã mạn, mạ lỵ người khác. Cho rằng ta mới được, còn kẻ kia chẳng thể được. Đây là Tỳ Kheo dê đi khất thực vậy.

Khi Sư Tử vương gặp thú lớn liền ăn liền; chẳng vị, chẳng trước; còn được thú nhỏ cũng lại ăn nốt; chẳng bỏ, chẳng chê. Tỳ Kheo lại cũng như vậy, được tứ sự cúng dường chẳng khởi tâm nhiễm trước, chẳng có dục tưởng, tự rõ biết chỗ ra khỏi. Giả thử chẳng được sự lợi dưỡng, chẳng khởi loạn niệm, tâm không tăng giảm. Đây chính là Sư Tử Vương Tỳ Kheo khất thực.

Khất thực hành dịch bịnh có 4 việc, mà trước sau 8 giờ, làm sáng tỏ 8 sự tinh tấn, 8 sự giải đãi. Khất thực trước, liền niệm rằng: Vì tu đạo, giúp cho đỡ đói bịnh. Khất thực tuy chưa được, chẳng phế bỏ tâm thực hành. Khất thực đã được rồi, vì báo ân nhớ nghĩ đến đạo, chẳng có tự phụ. Trước sau 2 thời đều gia tâm tinh tấn. Ngoài ra 3 việc, trước sau lại cũng như thế. Ngược lại với việc nầy gọi là lười biếng. Kinh Bảo Văn nói rõ về việc khất thực có 4 phần. Một phần là cung dưỡng cho kẻ phạm hạnh; một phần cho người bịnh; một phần thì thí cho quỷ thần và một phần khác để cho chính mình ăn. Lại cũng để cho những người không đi được.

Phần thứ 2 gồm 8 hàng tụng về việc chẳng gần chẳng xa nơi xa nơi gần. Từ „nếu có Tỳ Kheo" trở đi gồm

35 hàng, 3 câu làm sáng tỏ chỗ thực hành, lại thành ra 3. Một hàng rưỡi đầu tiên là thành tựu mục tiêu đi. Sự thành, ngoại nghi chẳng mất. Lý thành nội tâm chẳng đọng lại; cho nên nói là chẳng khiếp nhược. Tiếp theo từ „Bồ Tát có lúc" trở đi; phần thứ 2 có 3 hàng. Thực hành mà được an lạc. Sau đó một hàng một câu, tụng trường hàng tổng kết. Từ „Bồ Tát nhập tịnh thất" trở đi là giải thích về nguyên nhơn an lạc. Nhơn tu thiền định, dừng lại việc sai ác, được người vô ngã, bên ngoài chẳng tổn hoại. Nhơn tu trí huệ, lìa các thủ trước, được pháp vô ngã, bên trong không điên đảo. Đây chính là tâm chẳng khiếp nhược. Chẳng khiếp nhược gọi là an lạc vậy.

Từ „Văn Thù" trở đi; phần thứ 3 gồm một hàng và một câu. Tụng trường hàng tổng kết. Phần 2 là khẩu an lạc hạnh, lại trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại chia ra làm 2. Một là tiêu đề của chương ấy; hai là giải thích về pháp hành. Tiêu chương như câu văn.

Từ „nếu dùng miệng để tuyên nói" trở đi thì giải thích về việc thực hành pháp lại có 2. Nghĩa là chỉ hành và quán hành. Chỉ hành lại có 4. Một là chẳng nói quá; hai là chẳng khinh mạn; ba là chẳng ca ngợi việc hủy báng; bốn là chẳng giận giỗi nghi ngờ. Đầu tiên chẳng vui nói người kinh quá là người nghe có sai pháp và sai cái gì ? Bảy pháp phương tiện là Phật tùy theo kia ỷ ngữ nên gọi là bất liễu nghĩa. Nếu sai pháp nầy tức là não hại người nầy. Chẳng phải tướng của sự an lạc hạnh vậy. Hai lại là chẳng khinh mạn. Chẳng ỷ vào việc hoàn hảo mà mạ lỵ việc méo. Trọng thật khinh quyền. Ba là chẳng

nói người khác về dài ngắn. Đầu tiên là chẳng nói về tất cả người.

Kế đến là riêng đưa ra việc Thanh Văn. Phàm là người ác, nghe việc thất thoát, cho nên chẳng đàm việc ngắn. Gặp đối mặt việc hủy báng; cho nên chẳng gọi là dài. Lại chẳng ước trương; nên nói là chạy theo dài. Chạy theo nghĩa là dùng cái dài kia để hủy báng cái ngắn nầy và nương vào kia để gá cho việc nầy. Lại chẳng được cho nên hướng theo và nói thêm lên, chạy theo ngắn. Chê bai hủy báng đối với kẻ kia, lại cũng sẽ phỉ báng đối với ta. Vì ý nghĩa nầy cho nên thiện ác đều dừng lại vậy. Lại chẳng nói dài ngắn như trong Nhựt Tạng phần thứ nhứt nói rằng: Đầu, giữa và sau đêm, giảm bớt việc ngủ nghỉ. Tinh tấn tọa thiền, tụng kinh tu đạo. Xả bỏ sanh tử, hướng đến con đường Niết Bàn. Chẳng gọi kia là ngắn, chẳng nói đây là dài. Khiêm hạ chạy trốn, chẳng tự kiêu mạn cao ngạo. Nương vào việc ăn uống, tri túc, đầu đà tinh tấn chẳng làm việc buông lung. Hệ niệm tư duy, tâm chẳng tán loạn đối với tất cả chúng sanh; khởi tâm từ bi. Lại nữa như Tu Đa La sở thuyết không hành. Tự đọc tụng và dạy người đọc tụng. Chẳng hủy báng kẻ khác, chẳng nói về kẻ khác sai trái, chẳng gọi cái nầy dài. Đối với người Thanh Văn, lại nữa căn tánh chẳng định. Nếu ca ngợi tán thán nhị thừa hoặc làm cho kia thoái Đại giữ lại Tiểu.; hoặc hủy báng Nhị Thừa; hoặc làm cho Đại, Tiểu nầy đều mất cả hai chẳng có chỗ giữ lấy vậy. Bốn là chẳng sanh tâm oán giận nghĩa là nếu người nầy phương hại đến pháp và đạo; tức là oán tâm. Nghĩa là đây, kia yếu kém tức là tâm nghi ngờ. Tâm ấy một tiếng động nói

đến liền phát ra. Nói lấp khuất nguyên nhân của sự sai quấy cho nên chẳng sanh oán hiềm. Lành tu như vậy, hạ quán hạnh môn.

Quán các pháp không, chẳng có chỗ thủ trước, tâm chẳng câu chấp; chẳng nghịch ý người; chẳng sai tướng của pháp. Tức là chẳng nói Tiểu Thừa pháp đáp. Hằng dùng Đại Thừa để đáp lại. Nếu thấy chẳng có cơ duyên lớn mà nói Tiểu, được phương tiện lợi ích. Nếu chẳng thấy không Đại mà nói Tiểu, phòng cho cơ duyên lớn nầy. Tất cả là chẳng thấy, mà nói Đại, không có lỗi.

Kệ có 16 hàng rưỡi và chia ra làm 3. Hai hàng đầu tiên tụng về chương chính. Kế đến 9 hàng rưỡi tụng về tiền hành pháp. Sau đó 5 hàng làm sáng tỏ việc thực hành thành tựu. Đầu tiên 2 hàng tụng về Thượng Trụ An Lạc Hạnh. Bên trên tổng gọi là Ứng Trụ. Trong Tụng ấy có biệt xuất hành tướng. Hành tướng ấy lại có 3. Gồm an ổn thuyết pháp có nửa hàng. Muốn làm cho người trước được đạo an ổn và quả. Tức là cái nghĩa của việc nhập thất. Thanh tịnh địa gồm nửa hàng; tức là nghĩa của việc ngồi Thiền. Du đồ thân có một hàng; tức là ý nghĩa của việc mặc y áo. Ba pháp hướng dẫn khẩu nghiệp gọi đây là An Lạc Hạnh.

Từ „An xứ pháp tọa" trở đi gồm có 9 hàng rưỡi. Tụng về hạnh ấy có 2. Đầu tiên 5 hàng rưỡi tụng về chỉ hạnh. Kế đến 4 hàng tụng về quán hạnh. Chỉ hạnh bên trên lại có 4. Nay đều tụng. Đầu tiên tùy theo câu hỏi mà nói gồm nửa hàng, tụng về việc chẳng khinh mạn. Mạn ấy tức là chẳng thuận theo. Nếu có Tỳ Kheo đến, tùy

theo nghĩa mà đáp. Hai là gồm 2 hàng rưỡi tụng về việc chẳng nói dài ngắn. Hay nương vào nghĩa; chẳng nói người tốt xấu. Nếu có hỏi khó, tùy theo nghĩa mà đáp lại có 2. Một là có thể đáp; hai là chẳng thể đáp. Hỏi đáp khó khăn, hỏi tướng trên dưới. Nếu thắng thua, liền tự rõ. Đây là lời của kẻ trí vậy. Đây là sự phóng tứ bạo dạn, có kẻ sai quấy mưu mô lấy lời của Vua. Dài, ngắn, có, không... tất cả đều chẳng rõ. Tuy đã rõ hơn rồi, thì đây chính là ngôn từ của kẻ ngu. Nhơn duyên, thí dụ, đến nơi nhập vào con đường của Phật. Ba là một hàng rưỡi, theo đó tụng về việc chẳng vui nói người sai pháp. Nếu nói người sai, sanh ra việc nhớ nghĩ ác độc với người. Nay chẳng nói việc sai quấy vậy. Giả sử phát tâm vào Phật đạo thì Phật đạo ấy từ sự hoan hỷ sanh ra. Trừ ra cái ý càn dỡ, ngu si. Bốn là một hàng tụng về việc chẳng giận ghét. Khi tâm oán giận nổi lên tức liền lười biếng, càn dỡ, lo lắng. Nay dùng tâm từ bi để nói pháp, không oán hận hiềm giận. Tinh tấn chẳng lo rầu. Trường hàng bên trên theo Ước (giáo) là dừng lại, nói việc thiện. Trong khi tụng, tất cả theo Ước (giáo) đều là hành thiện.

Từ „ngày đêm thường nghe nói vô thượng đạo giáo" trở đi; phần thứ 2 có 4 hàng; tụng bên trên về quán môn. Bên trên nói thường dùng pháp Đại Thừa để đáp Tụng ấy nói về đạo vô thượng. Bên trên nói, làm cho được tất cả chủng trí. Tụng về việc nguyện thành Phật đạo. Từ „ta diệt độ" trở đi; phần thứ 3 có 5 hàng kệ, làm sáng tỏ cho việc thành tựu của miệng về An Lạc Hạnh. Kế đến từ „chẳng ghen ghét" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng làm sáng tỏ việc bên trong chẳng sai; tức là bên

ngoài khó có thể sanh được. Như không có vật hôi thối thì con rùa chẳng đến. Kế tiếp từ „kẻ trí như vậy" trở đi; phần thứ 3 gồm 1 hàng làm sáng tỏ bên trong có thiện pháp; cho nên việc thực hành thành tựu. Như ta nói bên trên; nếu bên trong chẳng sai, như trong trường hàng nói. Nếu bên trong có việc lành, như trong kệ nói. Kế đến từ „người nầy công đức" trở đi; phần thứ 4 gồm 1 hàng nói cách lượng công đức như câu văn.

Phần thứ 3 về ý An Lạc Hạnh, lại trường hàng kệ, tụng trường hàng lại có 3. Tiêu chương, thích hạnh và kết thành. Trông sự giải thích ấy trước là chỉ và sau là quán. Trong chỉ ấy lại có 4. Một là chẳng ghen ghét gièm pha; hai là chẳng khinh chê; ba là chẳng não loạn và bốn là chẳng cạnh tranh. Phàm là Nhị Thừa thì muốn mau ra khỏi sanh tử; trước tiên trừ tham dục. Bồ Tát thì trước tiên trừ sân, kiến, Ganh ghét là sân cấu; xiểm nịnh là kiến cấu. Sự ganh ghét ấy ghi đậm sự sai quấy nơi tâm từ bi; chẳng thể dạy pháp cho kia. Xiểm nịnh, cuồng loạn ấy trái ngược lại với con đường của trí tuệ. Chẳng thể là pháp tự làm được. Trí huệ mà bị chướng ngại thì làm sao có thể cầu bên trên được ? Từ bi mà bị cấu bẩn thì làm sao hạ hóa được ? An Lạc Hạnh Bồ Tát tối tu vậy. Lại từ „chớ khinh mạn" trở đi, chẳng nên lấy viên hành ha biệt. Rõ biết căn cơ có thể tích chứa, chẳng rõ chớ nên mạ lỵ. Nội dung có ý nghĩa của cái gốc của việc thoái thiện.

Từ „Tỳ Kheo" trở đi, chẳng nên dùng Viên Ha Thông. Điều căn bản nầy không có căn cơ lớn mạnh dùng Viên (giáo) để chửi mắng thì ngược lại với tâm, trở

thành phiền não. Thông (giáo) liền bị chửi mắng (bởi) Viên (giáo) lại chưa giải được. Trước nghi, sau hối, Đại Tiểu đều mất hết. Đến đạo tới lui, gọi là xa lắm. Điều phiền não nầy riêng biệt người thực hành; lắng không, thủ chứng, gọi đây là chẳng được. Sự phiền não nầy theo Thông (giáo) thì chán sanh tử; gọi là giải đãi. Bi Hoa làm sáng tỏ Tiểu Thừa gọi là giải đãi. Khởi tâm đại bi, đến để làm sáng tỏ quán hạnh, lại có 4. Ước (giáo) như trước 4 ác mà khởi nơi thiện hạnh. Một đối với tất cả, khởi tâm đại bi, lìa nơi tật đố, xiểm nịnh. Hai là đối với Như Lai khởi tâm từ như cha, lìa sự khinh mạn. Phàm cầu Phật đạo tức là học nhơn. Cung kính sự học như Phật, chẳng thể khinh mạn. Những kẻ qua ba đời. Đây tức là Vị Lai Như Lai vậy. Ba là đối với Bồ Tát khởi tưởng như Đại Sư, lìa sự não loạn. Lý luận Tam Thừa, tất cả đều là Bồ Tát. Có giáo hóa, khuyên dạy về đức và là Thầy của tất cả chúng sanh. Nên khởi tưởng về Thầy; chớ nói điều ngắn nầy. Bốn là bình đẳng thuyết pháp, lìa những sự tranh luận. Bình đẳng phá biên chấp, tranh luận vậy. Chẳng nhiều, chẳng ít lượng khí, lợi độn.

Từ „Văn Thù" trở đi kết về hạnh thành ra 2. Một là do dừng sự ác, ác ấy chẳng thể tăng; cho nên nói là chẳng thể não loạn. Hai là do quán hạnh; cho nên hơn người, đến hợp lại; được bạn đồng học tốt. Kệ ấy có 6 hàng. 5 hàng đầu tụng bên trên phần chỉ quán; 2 hàng mỗi mỗi có 4 ý. Sau 1 hàng tụng về sự hành trì thành tựu. Phần thứ 4 là thệ nguyện An Lạc Hạnh lại có 2. Đầu tiên là Trường Hàng và kế đến là kệ tụng. Trường Hàng lại có 2. Đầu tiên làm sáng tỏ thực hành. Kế đến là tán

thán kinh. Tựu chung việc thực hành pháp lại có 3. Tiêu chương, hành pháp và kết thành. Tiêu chương thì như câu văn. Hành pháp lại chia làm 3. Đầu tiên là tại gia rồi đến xuất gia, làm rõ mục tiêu thệ nguyện rồi. Hai là „từ ưng tác thị niệm" trở đi làm sáng tỏ chỗ phát khởi lý do thệ nguyện. Ba là từ „ta được" trở đi; chánh thức lập nên thệ nguyện. Đầu tiên làm sáng tỏ lời thệ nguyện từ bi rồi, trải qua phát tâm phương tiện, mà chưa ra khỏi tam giới; nên còn ở nhà. Đoạn trừ thông hoặc tận rồi, gọi đây là xuất gia. Điều nầy nhiếp được 2 loại Đại Thừa và 3 loại Bồ Tát. Khung cảnh nầy cũng đầy đủ vô minh. Lại nên là cảnh của đại bi. Hằng vì điều nầy mà tất cả cùng phát tâm. Cùng với tâm từ thệ nguyện tương ưng. Đầy đủ với sự tròn đủ của đạo quả và của niềm an lạc. Cho nên nói là sanh đại bi tâm. Cảnh của lòng từ bi ấy chẳng phải là người Bồ Tát. Thông (giáo) giữ sự chưa gặp được tâm phát ra phương tiện; gọi là phi Bồ Tát. Toàn thể chẳng quy hướng về phương tiện; huống là sự chơn thật. Bi cảnh nầy nhiếp được tất cả tam giới nội. Những điều nầy lại cũng đầy đủ sự an lạc. Riêng việc nầy lưu chuyển vô cùng. Chánh cùng với lời thệ nguyện tương ưng. Hay đánh bạt tội nhơn và tội quả. Cho nên nói là sanh tâm đại bi.

Từ „nên nghĩ như vậy" trở đi, tùy theo đó mà thuyết pháp; tức là lý do khởi lên lòng từ. Do các niềm an lạc, chấp ít, Phật phương tiện lấy đó làm sự chơn thật. Chẳng cùng với Viên đạo; cho nên gọi là Đại thất. Mất cái lớn là lý do của lời thệ nguyện. Từ „chẳng nghe, chẳng biết" trở đi, là lý do của lời thệ nguyện từ bi. Do

chưa phát, tâm biến khắp tròn đủ, chưa nghe biến khắp tròn đủ 2 đường. Cho nên dùng sự chẳng nghe, biến khắp các đường là vô văn huệ. Chẳng rõ vô tư huệ; chẳng biết vô tư huệ. Lại nữa vô viên tam huệ. Sao lại chẳng hỏi; cho nên lại chẳng nghe; chẳng tin cho nên chẳng rõ; chẳng giải cho nên chẳng tu. Biến viên tam huệ, quyền thật đều không. Thường hay thương xót, lý do để khởi tâm đại bi.

Từ „người nầy chỉ chẳng hỏi, chẳng tin kinh nầy" trở đi, chánh thức phát lời thệ nguyện. Người kia tuy rằng chẳng hỏi,, chẳng tin, biến khắp đầy đủ nơi 2 đường. Bồ Tát chẳng Ước (giáo) biến khắp, phát lời thệ nguyện. Hằng muốn cùng viên đạo tam huệ nầy; cho nên nói là tuy chẳng hỏi, chẳng tin kinh nầy mà ta được tam Bồ Đề hướng dẫn, làm cho được vào (bên trong) vậy. Thệ nguyện bồ đề, trí tuệ thần thông. Tất cả theo Ước (giáo) là được hạnh An Lạc. Còn kẻ sâu quán nơi chỗ ngồi của Như Lai thì sao ? Cho nên được lực trí huệ, tứ biện trang nghiêm, hay dùng trí tuệ để mang lại vậy. Sâu quán nơi ở của Như Lai và áo mặc của Như Lai, được lực to lớn an lành tịch tịnh. Chẳng khởi diệt định, hiện bày những oai nghi. Thần thông phước đức trang nghiêm; trước dùng định động vậy.

Từ „Văn Thù" trở đi, là kết lại việc thực hành thành tựu, chia ra làm ba. Đầu tiên là tổng kết việc không sai sót, tức là hạnh ấy thành tựu. Hành như thế nào thì thành? – Dùng điều nầy lập thệ nguyện lớn. Vào nhà của Như Lai là hành thành. Dùng điều nầy rõ biết tứ chúng,

mất đi đạo hoàn hảo; tức là nơi chỗ ngồi của Như Lai, hạnh nầy thành; dùng điều nầy thệ nguyện chế ngự tâm nầy chẳng giải đãi vậy. Áo của Như Lai, hạnh ấy thành tựu. Ba hạnh đều lập; cho nên nói là hạnh thành. Chẳng có gì sai quấy cả. Từ bi thành tựu; cho nên không có sân hận và cấu uế mất. Như Lai nương vào sự thành tựu ấy; cho nên không giải đãi. Như Lai ngồi thành tựu; cho nên chẳng dối trá.

Từ „thường vì các Tỳ Kheo" trở đi; phần thứ 2 kết luận riêng biệt, từ bi hành thành. Dùng sự từ bi thành tựu ấy nhiếp được tứ chúng; người, trời cúng dường nghe pháp. Thệ nguyện thành tựu cho nên cảm Phật thần thông, chư thiên hộ trì. Như Lai ngồi thành tựu cho nên thính giả hoan nghinh. Từ „ sở dĩ" trở đi; phần thứ 3 giải thích sự thệ nguyện thành tựu; ba đời chư Phật thường hộ trì; huống là chư thiên sao ?

Từ „Văn Thù đến Pháp Hoa nầy" trở đi; phần thứ 2 là ca ngợi kinh khó nghe nầy và chia ra làm hai. Nói pháp và nói dụ. Nói pháp lại có 2. Một là từ xưa đến nay chưa từng hiển thuyết; cho nên xưa chưa được. Hai là ngày nay mới được. Nói về dụ lại có 2. Một là chẳng cùng thí dụ với châu báu. Dụ ấy từ xưa chưa từng hiển thuyết. Hai là dụ cùng châu báu; nay lại được nghe. Hai dụ nầy mỗi mỗi có khai, hợp. Dụ chẳng cùng châu báu lại có 6. Một là uy phục các nước; hai là vua nước nhỏ chẳng thuận; ba là khởi binh đến chinh phạt; bốn là có công hoan hỷ; năm là tùy theo công lao mà thưởng ban; sáu là chẳng cùng với châu báu. Luân Vương dụ cho Đức

Như Lai ra đời để hóa độ. Hàng phục các nước dụ cho âm giới nhập vào các cảnh. Hai nước nhỏ dụ cho những phiền não v.v... Chưa được vô lậu điều phục; gọi là chẳng thuận với mệnh lệnh nầy. Ba là khởi lên đủ các loại binh. Ở đây dụ cho trong bảng hiền, phương pháp vì trước quân lính của Tu Đà (Hoàn), Tư Đà (Hàm); trong phương pháp ấy vì lần lượt các quân A Na (Hàm) và A La Hán; và trong phương pháp kia làm hậu quân. Chỗ phá là 3 độc cùng với 8 vạn 4 ngàn kẻ ăn cướp. Hay phá ấy là 84.000 pháp môn của quan, binh.

Từ „Vua thấy lính" trở đi; phần thứ 4 có công hoan hỷ. „Tùy theo công lao mà thưởng" trở đi; phần thứ 5 là tùy theo công lao mà ban thưởng. Đất đai ở đây tức là tam vị; nhà cửa ở đây là trí tuệ. Tụ lạc ở đây là sơ quả nhị quả; ấp ở đây tức là 3 quả; thành ở đây tức là Niết Bàn. Y phục tức là tàm quý, nhẫn nhục, pháp lành, dùng để nghiêm thân đầy đủ giúp cho các pháp lành của Đạo vậy. Đủ loại thất bảo tức là bảy giác chi. Voi, ngựa, xe cộ tức là Nhị Thừa; tận vô sanh trí vậy. Nô tỳ tức là thần thông, được thiện pháp hữu lậu như người dân.

Từ „chỉ giữa búi tóc" trở đi; phần thứ 6 mà chẳng sánh cùng với châu báu; có xuất phần, hủy cơ, vì công trạng nhỏ; có xuất phần, biến dị của cơ (duyên) và vì công huân lớn. Kinh sợ là chưa có công lao lớn mà được ban cho châu báu trong búi tóc. Các thần đều kinh ngạc. Dụ cho chúng sanh đại cơ chưa động, há nói kinh nầy thì Nhị Thừa nghi hoặc, Bồ Tát rúng động. Hợp 6 dụ ấy mỗi mỗi như câu văn.

Từ „Văn Thù như Luân Vương" trở di; cùng với châu báu, dụ ấy có 2. Một là có công lao lớn; hai là cùng với châu báu. Minh châu ấy là dụ cho sự trong sáng của Trung Đạo; trí viên mãn dụ cho nơi thường. Tại nơi đỉnh (đầu) là cái quả tối tân, Trong tóc ấy, thật vì quyền mà ẩn náu. Xủ tóc ra là khai quyền, cùng với châu báu tức là hiển thật. Hợp ấy lại có 2, có thể làm cho đến tất cả trí. Trí ấy tức là quả; gọi là hành nhất. Nói điều thứ nhất là lời dạy số một. Mật tạng là lý nhất, kiêm thêm việc được làm người là một. Kệ ấy có 14 hàng rưỡi và chia làm 2. Đầu tiên 4 hàng, tụng bên trên về hành pháp. Kế đến 10 hàng rưỡi tụng bên trên về việc ca ngợi kinh. Đầu tiên tụng về pháp hành lại có 2. Một hàng đầu tiên siêu tụng về sự thành quả của hành. Bên trên tổng quát làm sáng tỏ sự thành tựu của việc thực hành, nay tụng về biệt hiển. Thường hành nhẫn nhục, tụng về việc thành tựu trong việc mặc y áo. Thương xót cho tất cả, tụng về việc vào nhà, thành tựu việc thực hành. Lại hay diễn thuyết, tụng về sự thành tựu thực hành việc ngồi chỗ ngồi.

Kế đến „sau đời vị lai" trở đi; phần thứ 2 có 3 hàng; tụng về phương pháp tu hành. Bên trên lại có 3 cảnh thệ nguyện v.v... Kệ ấy đầy đủ tụng. Kế tiếp „dụ như người có sức mạnh" trở đi; phần thứ 2 có 10 hàng rưỡi. Tụng phần trên hoan hỷ tán thán về pháp khó nghe. Bên trên lại có pháp dụ hợp; nay hằng tụng dụ hợp. Tụng dụ ấy lại có 2. Ba hàng đầu tiên tụng về việc chẳng cùng với châu báu. Kế tiếp „như có người nam" trở di; phần thứ 2 có một hàng, tụng về việc cùng châu báu. Kế đến „Như Lai cũng lại như vậy" trở đi; phần thứ 2 hợp dụ; đầu tiên

3 hàng rưỡi, tụng về hợp, chẳng cùng châu báu. Kế đến từ „liền rõ chúng sanh" trở đi; phần thứ 2 gồm 3 hàng, tụng về hợp cùng châu báu. Trong nầy có khai thêm những việc nhỏ v.v...

Từ „sau khi ta diệt độ" trở đi gồm 23 hàng; phẩm nầy là phần tổng kết thứ 3 về thành tựu việc thực hành, cảm với tướng nhỏ nhiệm. Dùng sự khuyến khích tu hành, chia ra làm 3. Một hàng rưỡi đầu tiên kết khuyến 4 hàng. Kế đến 20 hàng rưỡi cùng với 3 báo dùng sự khuyến bảo lại gọi là tam chướng thanh tịnh. Sau đó một hàng là tổng kết. Tam chướng thanh tịnh, chuyển hiện sanh, hậu thế ác nghiệp hết. Tức là có hiện sanh hậu thắng báo vậy. Một hàng đầu tiên về vô ưu não. Đây là báo chướng chuyển chuyển hiện báo. Hai hàng rưỡi chẳng sanh tham cùng, là nghiệp chướng chuyển chuyển sanh báo vậy. Ba là „chúng sanh vui thấy" gồm 19 hàng; phiền não chướng chuyển chuyển hậu báo vậy. Nay lần đầu đọc kinh nầy, một hàng diệt, hiện thế phiền não; tức là trừ khổ thọ báo. Điều chuyển hiện báo tâm nầy, chẳng đao bịnh tức là chuyển báo sắc vậy.

Từ „chẳng sanh tham cùng" trở đi; phần thứ 2 có nửa hàng, chuyển ác nghiệp. Cái nhơn của ác nghiệp, cảm cái quả ác. Trải qua sức mạnh của nhơn chuyển ác, được quả tốt; tức là chuyển sanh báo vậy. Bất sanh tức là chẳng sanh nghiệp ác. Hiện tại trì kinh thì chẳng tạo ra nghiệp bần cùng, đời sau chẳng sanh ti tiện. Từ „chúng sanh vui thấy" trở đi gồm có 19 hàng, làm sáng tỏ hậu báo chuyển; chuyển 3 phiền não chướng vậy. Chia làm 2.

Ba hàng đầu tiên riêng làm sáng tỏ 3 phiền não chướng chuyển. 26 hàng tổng cộng làm sáng tỏ tất cả chướng chuyển vậy. Đầu tiên ấy lại có 3. Từ „chúng sanh vui thấy" trở đi gồm 1 hàng; riêng làm sáng tỏ tham chướng chuyển. Đa dục tức là người chợt ngã mạn. Lại nữa chướng ấy sanh Phạm Thiên. Dục chướng chuyển cho nên người được vui thấy. Thiên Đồng giúp sứ. „Dao, gậy chẳng thêm" trở đi; phần thứ 2 có một hàng rưỡi; riêng làm sáng tỏ sân chướng chuyển. Xả bỏ sân si tức là trừ được nội đao tiễn. Vào trận, tức là dao bên ngoài chẳng bị thương. Từ „trí huệ quang minh" trở đi gồm nửa hàng. Ba sự phân biệt làm sáng tỏ ngu si chướng chuyển.

Từ „nếu ở trong mộng, mộng thấy xe tốt" trở đi; phần thứ 2 có 16 hàng. Tổng cộng làm sáng tỏ tất cả phiền não chướng chuyển; lại là hậu báo chuyển. Trì kinh hiện cảm được tướng nầy. Nên rõ quá khứ lâu xa đã thành tựu rồi; nay nhờ tích chứa nhân duyên mà phát ra vậy. Lại nữa có thành Phật, nhơn quả đẳng tướng, cùng với hậu báo vậy. Đối với trong mộng, thấy tướng vị lai hậu báo; trăm ngàn vạn kiếp việc, ở trong một niệm. Dùng sự biểu tượng của diệu pháp chẳng thể nghĩ bàn; một trong vô lượng; vô lượng trong một. Tướng nầy trước hiện, hậu sẽ khắc quả. Lại chia ra 6. Từ sơ tín tâm cho đến diệu giác 8 tướng thành Phật. Tất cả Như Lai trang nghiêm mà tự trang nghiêm; tức là báo nhẫn nhục. Ước (giáo) đầu tiên 3 hàng là mộng, vào 18 tín lại có 2. Đầu tiên 2 hàng rưỡi là báo của từ bi. Kế đến nửa hàng là chánh thấy chẳng si báo.

Kế đến „lại thấy chư Phật" trở đi gồm 26 hàng rưỡi, mộng nhập vào 18 trụ. Kế đến „lại thấy tự thân tại..." trở đi; gồm phần 3 có 3 câu mộng, tu thập hạnh. Kế đến „chứng các thật tướng" trở đi; phần 4 có 1 câu mộng, ngộ thập hồi hướng. Kế đến là „thâm nhập thiền định" trở đi; phần thứ 5 gồm nửa hàng, mộng nhập Thập Địa.

Kế tiếp „chư Phật thân sắc vàng" trở đi; phần thứ 5 có 5 hàng, mộng nhập vào Diệu Giác. Liền nói chứng bất thối chí, tức là vì thọ ký vậy. Nên rõ ràng: được nhập vào sơ trụ vô sanh, được ghi nhận nơi chốn vậy. Lại thấy tự thân ở tại núi rừng. Rõ biết đây là thập hạnh, tu tập pháp lành, chứng những thật tướng. Rõ biết 10 hồi hướng nầy; chánh quán Trung Đạo vị vậy. Thâm nhập thiền định tức là trong Thập Địa, không dơ tam vị. Nhập Kim Cang định, chư Phật đều hiện (tiền); Ma Danh Thọ Chức vậy. Mộng 8 tướng của Phật, dùng trí Diệu Giác. Trong nầy hoặc là Sơ Trụ, có thể là tướng của tám tướng thành Phật. Tuy nhiên trước những thứ vị, xuyên qua đàm Cực Giác. „Nếu sau đời ác" gồm một hàng là tổng kết việc thực hành thành tựu.

Tín căn đối với Tam Bảo được niềm tin kiên cố. Tất cả chẳng thể làm hại. Tinh tấn căn được Tứ Chánh Cần. Niệm căn được Tín Niệm Xứ quán. Cần phương tiện để điều phục việc tham ưu; định căn được Tứ Thiền. Huệ căn được giải Tứ Đế. Như thật trí vậy. Lại nữa tín căn đối với Như Lai, phát Bồ Đề tâm, chỗ được tâm tin thanh tịnh. Tinh tấn căn đối với Như Lai là chỗ phát tâm khởi lên sự siêng năng. Niệm căn đối với Như Lai là chỗ phát

tâm, khởi lên sự nhớ nghĩ. Định căn đối với chỗ Như Lai, khởi lên Tam Muội. Huệ căn đối với chỗ Như Lai, khởi lên trí huệ. Bát Chánh là con đường Diệu Môn; lại là pháp của Sa môn, thành tựu tam sân, tất cả phiền não hết. Đây là nghĩa Sa Môn; Tứ quả là quả của Sa Môn.

Mộng ấy là từ Tu Đà Hoàn đến Bích Chi Phật đều có mộng. Riêng Phật chẳng mộng, chẳng có nghi ngờ, chẳng có tập khí; cho nên chẳng mộng. Từ 5 việc cho nên có mộng, như kệ nói; dùng nghi tâm để phân biệt. Học tập nhơn hiện sự; chẳng phải người đến cùng với lời nói. Nhơn đây là 5 việc mộng. Lại nữa là chỗ nghe thấy cùng với nhưng sự xung khắc. Vì 7 việc cho nên có mộng. Hiện tại ý thức thường chẳng thấy sắc. Vì sao trong mộng ý địa thấy sắc ?

Đáp rằng: Tất cả đều là hội thấy, hội nghe; cho nên tưởng như vậy. Lại thấy việc tốt, việc chẳng tốt. Trong mộng không thông, không túc mệnh trí. Vì sao có thể thấy vị lai việc đời được ?

Đáp rằng: Điều nầy chẳng phải nguyện trí cảnh giới cùng với điều nầy nên rõ. Các người từng có như thế về mộng nầy và như quả nầy. Nay ở đây rõ điều nầy vậy.

Hỏi: Ai ngủ ?

Đáp: Năm đường và trung ấm, tất cả đều ngủ. Tại nơi bào thai, các căn đều ngủ; cho đến Phật lại cũng ngủ.

Hỏi: Ngủ là ngu si, là che đậy sao ? Điều nầy gọi như thế nào cho thông ?

Đáp: Phật khởi hiện tiền, muốn điều thân cho nên ngủ. Chẳng che đậy, chẳng phải ngủ là ngu vậy.

Giải thích
Phẩm Tòng Địa Dũng Xuất

Thầy nghiêm, trọng đạo, cúc cung hết mình phụng sự. Như Lai một đời bốn phương bôn ba dũng dược; cho nên nói về phẩm Tùng Địa Dũng Xuất là 3 đời hóa đạo, huệ lợi vô song. Một mặt trăng chiếu ra vạn ảnh, đều có thể suy nghĩ được như vậy. Đã qua một lần thị hiện, hoằng truyền kinh điển để làm ích lợi cho người; cho nên nói ra: Tùng Địa Dũng Xuất phẩm. Hư không trạm nhiên, không sớm chẳng tối; hoặc giả chấp vào Tích mà mờ tối nơi Bổn nầy. Giới thiệu ngày xưa để chỉ bày cho ngày nay, phá gần hiển xa; cho nên nói ra Tòng Địa Dũng Xuất phẩm. „Tịch trường thiếu phụ, tịch quang lão nhi" nhằm chỉ cho sức mạnh của thuốc hay; hoặc làm cho được rõ biết; cho nên nói ra phẩm: Tòng Địa Dũng Xuất.

Kinh rằng: Đây từ đâu mà đến ? Vì nhân duyên gì mà lại gặp nhau ? Nay dùng những nghĩa nầy để giải thích phẩm nầy. Dùng tứ tất đàn để hiển nhân duyên mà giải thích. Cho nên nói phẩm: Tòng Địa Dũng Xuất. Bên

dưới là một đoạn lớn. Phần thứ 2 là mở bày Sư Môn của Cận Tích và hiển Phật địa làm Viễn Bổn. Câu văn nầy lại chia ra làm 3. Một là từ đây trở đi cho đến „các con tự sẽ là cái nhơn để nghe điều nầy" là đoạn đầu của lời tựa. Hai là từ „lúc bấy giờ Đức Thích Ca bảo ngài Di Lặc" trở đi, cho đến phẩm Phân Biệt Công Đức, Di Lặc nói gồm 19 hàng kệ. Đây là đoạn nói chánh vậy. Ba là từ „sau kệ 11 phẩm rưỡi" là phần lưu thông v.v...

Lời tựa lại chia ra làm 2. Một là dõng xuất có 2 nghi vấn. Dũng xuất lại chia làm 3. Một là tha phương Bồ Tát thỉnh hoằng truyền kinh điển. Hai là Như Lai chẳng hứa khả. Ba là từ dưới đất vọt lên. Tha phương Bồ Tát nghe qua kinh, phước lớn. Cũng muốn phát nguyện ở lại nơi đây để hoằng truyền. Cho nên mới thỉnh. Như Lai dừng lại ở đây, phàm có 3 nghĩa. Các con mỗi mỗi tự có chỗ trụ. Nếu ở nơi nầy thì bỏ lợi ích của nơi kia. Lại nữa phương kia với đây việc kết duyên quá mỏng. Tuy muốn tuyên nói, tất chẳng được lợi ích cho cả 2. Lại nữa nếu hứa khả, tất chẳng được mời đến đây. Phương dưới nếu chẳng đến. Tích ấy chẳng được phá viễn, chẳng được hiển bày. Đây là 3 nghĩa vậy. Như Lai dừng lại, mời phương dưới đến lại có 3 nghĩa. Là đệ tử của ta muốn hoằng truyền giáo pháp của ta. Do duyên sâu rộng, có thể biến quốc độ nầy được lợi ích, biến hóa phân thân cho quốc độ được lợi ích. Biến quốc độ kia được lợi ích. Lại nữa được khai cận, hiển viễn. Cho nên dừng lại kia mà mời phương dưới vậy.

Từ „Phật nói lúc ấy" trở đi là phần thứ 3 từ phương dưới vọt lên, chia làm 2. Một là trải qua nơi tướng của một nhà. Hai là làm sáng tỏ chỗ thăm hỏi. Hai đoạn ấy mỗi đoạn có 5. Năm phần một ấy là: Một là dõng xuất; hai là thân tướng; ba là trụ xứ; bốn là nghe mệnh lệnh và năm là quyến thuộc. Trụ xứ ấy là Thường Tịch Quang Độ. Thường ấy tức là thường đức. Tịch ấy là lạc đức. Quang ấy là tịnh ngã. Đây chính là 4 đức của Tạng bí mật.

Bên dưới là pháp tánh của vực sâu. Chỗ sâu xa; cho nên nói là phương dưới. Trụ ở phương dưới tức là chẳng thuộc nơi đây. Không trung cũng chẳng thuộc kia. Chẳng phải đây, chẳng phải kia; tức là Trung Đạo vậy. Ra khỏi đây chẳng ở bên trên, chẳng ở bên dưới; chẳng trên chẳng dưới tức là trụ giữa hư không; lại cũng là Trung Đạo vậy. Lý do để đến, vì nghe mệnh lệnh mà đến. Hoằng pháp cho nên đến. Phá chấp cho nên đến; hiển Bổn cho nên đến. Tất cả đều như bên trên đã nói. Đều là những quyến thuộc với nhau cả. Nếu con người vì tình cảm mà qua; nghĩa là gồm 6 vạn, 5 vạn hằng sa là nhiều. Lãnh 3, 2 hay 1 người, gọi là ít. Riêng mỗi một mình là đơn lẻ. Nếu nương vào câu văn qua lại để truy tìm thì 6 vạn, 5 vạn là ít. Đơn lẻ ấy lại là nhiều. Câu văn nói đơn lẻ là độc xứ. Số nầy chuyển lên trên. Nếu nương vào pháp môn thì mỗi mỗi tất cả đều là cái đức của Đạo Sư; hay dẫn mọi người đi đến bảo sở. Phải rõ ràng một ấy chẳng phải là riêng, mà 6 vạn chẳng phải là nhiều. Một ấy chính là một đạo thanh tịnh; hai ấy là định huệ; ba ấy tức là giới, định, huệ. Bốn ấy là Tứ Đế. Năm là ngũ

nhãn; sáu là lục độ. Mỗi một độ như vậy đầy đủ 10 pháp giới. Mỗi một giới như vậy đều có 10. Mười ấy tức là có hằng trăm; hằng trăm tức là 1.000. Thập thiện tức là hằng vạn. Một độ đầy đủ cả vạn. Lục độ tức là lục vạn pháp môn. Nhiều chẳng phải là nhiều, mà một chẳng phải là ít. Chẳng nhiều chẳng ít, mà nhiều mà ít v.v...

Từ „đây là những Bồ Tát từ dưới đất vọt lên" trở đi; phần thứ 2 là thăm hỏi lại chia làm 5. Một là 3 nghiệp cúng dường; hai là ngôn từ thăm hỏi; ba là Phật đáp an lạc; bốn là kệ tụng tùy hỷ; năm là Như Lai thuật lại và tán thán. Tựu chung 3 việc cúng dường ở phần đầu, trải qua 50 Tiểu Kiếp, giống như trong nửa ngày. Tứ chúng chung quanh thấy. Đây chính là ẩn dài mà hiện ngắn. Mượn thần lực nầy làm cho hẹp có thể thấy rộng được. Tất cả đều là việc bất khả tư nghì. Lễ bái nhiêu là thân, tán thán pháp là miệng và chiêm ngưỡng là ý. 50 Tiểu Kiếp sánh với nửa ngày là một thời gian khó thể suy lường được. Chỗ thấy của Như Lai chẳng có 2 tướng. Nên những Bồ Tát ở hạ phương thường gặp nhau và xưng dương. Như Lai mặc nhiên hay thọ nhận việc tán thán nầy. Giải ấy chính là ngắn mà dài. Nghĩa là 50 Tiểu Kiếp; hoặc ấy là dài mà ngắn; nghĩa là như nửa ngày. Riêng vì Bổn Tích mà tạo ra sự hướng dẫn. Như Lai chưa nói ám Bổn mà chấp vào Tích. Phật nếu khai hiển ngộ cận mà đạt viễn. Lại nên biết bất tư nghì là một. Tứ chúng đều thấy các Bồ Tát, lại cũng là việc bất tư nghì. Phàm là nhục nhãn, thiên nhãn, chỗ thấy chẳng xa, mà nay chỗ thấy đầy đủ như hư không. Thấy mưa lớn thì rõ biết là có rồng lớn. Thấy hoa nhiều; rõ biết là ao sâu;

thấy đầy khắp hư không; tức là rõ biết chơn di pháp giới vậy. Đầu tiên chỉ cho 4 Đạo Sư; kế tiếp là ngôn từ thăm hỏi. Hỏi ấy lại có 2. Trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại có 2. Một là hỏi Như Lai có an lạc không. Hai là hỏi chúng sanh có dễ độ chăng v.v...

Hay đơn cử 4 người là muốn rộng khai thị ngộ nhập vào 40 vị vậy. Như Hoa Nghiêm thường đưa ra Pháp Huệ, Đức Lâm, Kim Tràng, Kim Tạng để nói về 40 ngôi vị. Ba là Như Lai đáp đầy đủ. An lạc dễ độ, cả 2 việc đều thành tựu. Dễ độ tức là an lạc. An lạc tức là dễ độ. Dễ độ lại có 2. Một là căn lợi, đức dày. Đời đời cho đến nay thường thọ nhận sự giáo hóa to lớn. Đầu tiên thấy thân ta tức là bẩm Hoa Nghiêm, nhập vào Như Lai huệ. Quả thục dễ lãnh. Là chúng sanh dễ độ. Hai là căn độn, đức mỏng; đời đời đến nay chẳng thọ sự giáo hóa to lớn. Vì người nầy cho nên liền khai đốn, nói tiệm. Ba là tạng Phương Đẳng, Bát Nhã mà điều phục. Lại làm cho người nầy nay nghe Pháp Hoa, nhập vào Phật huệ. Điều nầy trước tuy khó; đối với Phật thật là dễ. Phật rõ biết điều nầy nên chỉ bày phương tiện để được. Kẻ ít thấm nhuần, huệ ngộ giống nhau. Nay lược nói 10 ý ấy để giải thích vậy.

Một là xưa thấy, nay thấy; hai là khai hợp, chẳng khai hợp; ba là bề cao rộng, bền ngang lược bớt; bốn là nhứt Tích đa Tích cùng Bảo đơn chiếc; năm là nói thêm, chẳng nói thêm; sáu là biến thổ, chẳng biến thổ; bảy là nhiều nơi, chẳng nhiều nơi; tám là đuổi đoạt, chẳng đuổi

đoạt; chín là trực hiển thật, khai quyền hiển thật; mười là lợi căn sơ thục, đốn căn hậu thục.

Phần đầu tiên bắt đầu thấy, nay lại thấy; tức là lúc đầu thành đạo gọi là thấy đầu tiên. Dưới chỗ ngồi, Pháp Hoa lâu dài, sau chơn thật; gọi đây là nay thấy. Mặt trời chiếu trên núi cao tức là nói về những người đốn (hiểu liền). Chẳng khai, chẳng hợp, chẳng nhập là khai đốn, nói tiệm (nói xa xa). Ngũ vị điều phục làm cho dần dần quay về đốn. Đốn trực chiều cao, vào nơi pháp giới; cho nên nói là cao rộng. Chẳng trải qua phương tiện; cho nên nói là bề ngang lược bớt. Nay trải qua ngũ vị tức là bề ngang rộng, được vào Phật huệ, lại là bề cao rộng. Một chỗ cho nên Bản một. Một ngàn cho nên Tích nhiều. Tích cùng với mọi người trải qua giống nhau; cho nên nói cùng nhau. Bản cùng với chúng trải qua khác; cho nên nói là riêng biệt. Thêm 4 Bồ Tát nói 40 ngôi vị. Tự nói khai, thị, ngộ, nhập; chẳng thêm đối với kia. Hoa vương thế giới; cho nên nói là bất biến. Nhị biến thổ điền; cho nên nói là biến đất. Thất xứ bát hội là vì chỗ nhiều. Núi Kỳ Xà Quật ở xa với hư không, cho nên chẳng nhiều xứ. Hóa thành mất đi, thay đổi khách làm; cho nên nói là đoạt đuổi. Chẳng có gì như việc nầy; cho nên nói là chẳng đuổi đoạt. Hành trực đạo nên gọi là ngay hiển thật. Quyết liễu pháp Thanh Văn; gọi quyền thật là hiển thật. Lợi căn duyên thục, đầu tiên vào trí huệ Phật. Căn độn sau mới thuần thục; nay được nhập vào Phật huệ. Duyên ấy tuyên nói chẳng giống nhau, lược bớt vì 10 điều khác nhau. Chủng trí pháp giới đẳng vô phân biệt; cho nên câu văn nói rằng:

Đầu tiên thấy thân ta, nghe chỗ ta nói; tức đều tin tưởng thọ nhận và nhập vào trí tuệ của Như Lai. Trừ kẻ trước đó tu tập và học theo Tiểu Thừa; nay đối với kinh nầy nhập vào nơi trí huệ của Phật, làm sáng tỏ câu văn tại chỗ thêm, chẳng đủ nghi. Các Thầy thấy nhơn duyên nầy khác biệt. Theo duyên khác biệt giải mê, chẳng rõ nghịch lại, làm cho đạo chuyển xa hơn. Nếu biết lý cùng với ngàn xe cùng triệt (dấu vết bánh xe) thì trí huệ Phật tức chẳng có đặc thù.

Xưa nói rằng: Hoa Nghiêm liễu nghĩa, đầy chữ thường trụ. Pháp Hoa biết liễu nghĩa, chẳng đủ, chẳng thường. Nay dùng câu văn nầy. Nếu đầu tiên nhập vào liễu nghĩa nầy. Nay nhập vào bất liễu nghĩa thì đầu tiên nhập vào trí huệ Phật; nay lại chẳng vào trí huệ Phật. Nếu trí huê Phật liền rõ nghĩa, lại cũng như thế. Đầy đủ chữ, thường là điều tất nhiên v.v...

Người ở cõi đất, gọi Hoa Nghiêm là Viên Tông; Pháp Hoa là bất chơn Tông. Nay lại dùng câu văn nầy sánh cùng. Phần 4 Bồ Tát lãnh giải tùy hỷ, hay hỏi, tức là trong Hoa Nghiêm có 4 Đại Sĩ. Trong Pháp Hoa Thân Tử (Xá Lợi Phất) 3 lần thỉnh, đều là có thể hỏi. Chỗ hỏi ấy tức là hỏi về trí huệ Phật vậy. Phần thứ 5 Như Lai thuật lại và ca ngợi, cùng hỏi thật khác. Hỏi nhà tùy hỷ có thể hỏi người; tất cả đều là Bồ Tát. Cùng với chỗ người hóa ấy nghe rồi tin làm, chúng ta tùy hỷ. Như Lai thuật lại ca ngợi, có thể hóa nhơn sanh ra tùy hỷ. Nghĩa nầy như thế nào ? mà kẻ hay hỏi đều là những vị Cổ Phật. Nhà ngươi có thể tùy hỷ tức là Như Lai. Bồ Tát tùy hỷ về Tích nầy.

Như Lai thuật lại, ca ngợi về Bản nầy. Điều nầy lại mật biểu việc thọ lượng v.v...

Từ „lúc ấy Ngài Di Lặc cùng với 8 vạn đại sĩ" trở đi; phần thứ 2 nghi vấn nơi lời tựa. Tự yên lặng nay đã giáng rồi, nay ngồi ở tại nơi đây. Mười phương Đại Sĩ đến gặp chẳng ngớt. Tuy chẳng thể hạn định, ta dùng sự bổ xứ trí lực, tất thấy, tất rõ biết, mà đối với chúng nầy chẳng rõ biết một người. Rồi ta du hóa mười phương, gần gũi phụng sự chư Phật. Chư Phật mau rõ được chỗ của Đại Chúng. Cuối cùng chỗ bị che đậy lại chẳng rõ biết. Nếu đến, nếu đi như thế, thì tất cả chỗ cũng chẳng rõ biết. Lại nữa những bậc Đại Sĩ kia đã đến trước và đạt trước. Di Lặc đến sau, chưa hết học. Sau chẳng rõ trước; cho nên chỗ ấy chẳng biết. Lại nữa những Đại Sĩ kia Bản thật tướng thấp, ứng hiện mười phương, riêng biệt giáo hóa; nơi có chơn ứng; chẳng phải cảnh giới Di Lặc; cho nên chẳng rõ. Lại nữa Phật yêu cầu hoằng truyền kinh điển; nên mới triệu tập các vị Đại Sĩ. Đại Sĩ nghe mệnh lệnh của Phật; cho nên đến và mật nghe thọ lượng. Chẳng phải lúc nào cũng biết được, cho nên nói là chẳng rõ. Điều nầy theo Ước (giáo) Tứ Tất Đàn (thành tựu) giải thích những nghi vấn ở lời tựa v.v...

Nghi vấn ấy lại chia ra làm 2. Một là đất nầy Bồ Tát nghi; hai là đất kia Bồ Tát nghi. Đất nầy nghi lại có 2. Đầu tiên trường hàng nghi về sự nhớ nghĩ. Kế đến kệ, gồm 19 hàng rưỡi kệ là chính thức hỏi. Lại chia ra làm 5. Hàng đầu tiên một câu hỏi từ nơi nào đến ? Kế tiếp từ „do nhân duyên gì" trở đi; phần thứ 2 có 1 hàng 3 câu,

hỏi do nhân duyên gì mà đến ? Kế tiếp từ „mỗi mỗi chư Bồ Tát" trở đi; phần thứ 3 có 9 hàng là nói về số lượng. Kế tiếp từ „các đại uy đức" trở đi; phần thứ 4 có 2 hàng hỏi Thầy nầy là ai ? Kế tiếp từ „như thế các vị Bồ Tát thần thông" trở đi; phần thứ 5 gồm 5 hàng rưỡi là cuối, lại việc thưa thỉnh, lại có 5. Hai câu đầu, kết lại sự ca ngợi. Kế đến từ „bốn phương địa" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng, vì sự thỉnh đáp mà đến xứ nầy. Kế tiếp từ „ta đối với chúng nầy" trở đi; phần thứ 3 có 1 hàng là thỉnh đáp nhân duyên đến. Kế tiếp từ „nay ở đây Đại Chúng" trở đi; phần thứ 4 có 1 hàng rưỡi đại hội cùng thỉnh cầu. Kế tiếp từ „vô lượng đức" trở đi; phần thứ 5 gồm 2 câu thỉnh đáp Đức Phật v.v...

Hai là tha phương Bồ Tát nghi. Phân thân quyến thuộc ngang ở trong 10 phương cùng với Di Lặc đồng nghi. Hai quốc độ đều chẳng rõ bổn địa; muốn hiển thành đạo lâu xa. Mỗi mỗi sự nghi đã được Phật giải bày và Phật cùng tất cả đều chờ đợi nơi Ngài Di Lặc v.v...

Từ „lúc bấy giờ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật bảo Ngài Di Lặc rằng" trở đi; phần thứ 2 là chính thức nói; câu văn nầy chia làm 2. Đầu tiên là trường hàng và kế đến là kệ tụng, huấn dạy hứa khả. Sau đó chính thức nói trường hàng, trước thuật lại việc tán thán. Kế đến là răn dạy. Răn dạy chớ loạn, chớ lười, chớ thối tâm. Kế đến là hứa cho quả trí tuệ. Quả trí ấy là Như Lai tri kiến, tri kiến diệu quả vậy. Kế tiếp là khai hóa, dạy dỗ, tuyên nói, chỉ bày, tự tại thần lực; quá khứ là vật lợi ích. Sư Tử phấn tấn - hiện tại phân thân trong 10 phương, đến tất cả các nơi.

Hoặc nói phấn tấn giống như tình trạng phía trước vậy. Đây là biểu thị cho vị lai thường trụ, cái tướng của việc lợi ích. Đại Thế uy mãnh là vị lai việc mạnh mẽ hữu ích; hoặc dùng điều nầy là vì hiện tại. Chấn động 10 phương, tùy theo người mà dụng ý vậy. Hân hạnh theo câu văn, lần lượt là tốt. Lại nữa có nghĩa riêng tư. Như Lai tự tại là ta vậy. Thần thông là niềm vui. Sư Tử Phấn Tấn. Phấn tấn là trừ cấu tịnh. Đại Thế uy mãnh. Vị lai ích vật tức là thường vậy. Điểm nầy là cái ý của tứ đức v.v...

Bốn hàng kệ gồm 3 câu đầu tụng về 3 lời răn dạy. Sau 3 hàng một câu tụng về việc hứa khả. Câu đầu tụng về mục tiêu của trí huệ quả. Kế đến 3 hàng tụng về 3 đời.

„Lúc bấy giờ Đức Thế Tôn" trở đi; phần thứ 2 tức là chính thức nói đoạn nầy. Câu văn ấy chia làm 3. Điều nầy mãi cho đến phẩm Thọ Lượng. Chánh thức khai cận, hiển viễn. Hai là phẩm Phân Biệt phần đầu. Tổng quát về thọ nhận sự thọ ký về pháp thân. Ba là Ngài Di Lặc tổng thưa thỉnh lãnh hội và giải bày. Đầu tiên ấy là chia làm 2. Trước tiên là lược khai cận, hiển viễn, động chấp sanh nghi. Kế đến là quảng khai cận, hiển viễn, đoạn hoặc sanh tín tâm. Lược ấy lại có 2. Một là lược khai; hai là nhơn việc nghi ngờ liền thỉnh cầu. Tựu chung việc lược khai lại có trường hàng kệ tụng. Trong nầy hằng đáp lại 2 vấn đề. Chẳng đáp về vì nhân duyên gì mà tập hội. Do chẳng đáp lại; cho nên thưa thỉnh thêm một lần nữa. Trường hàng cùng đáp cùng giải thích như câu văn. Giải thích ở phương dưới trụ ở không trung. Thích Luận làm

sáng tỏ có sâu tán Tam Muội, nên làm bốn thuyết. Có là 3 cõi vậy. Đệ ấy là phi tưởng phi phi tưởng. Vì thâm thẳng cho nên nói là đệ. Lại hữu ấy gọi là tướng, đệ ấy là không. Dùng không tịch cho nên là đệ (thấp, sâu). Lại nữa hữu ấy có 2 biên tục, đệ ấy là biên tế trí mãn; cho nên nói là đệ. Nay kinh dùng hạ phương không làm đệ. Chẳng phải là thượng giới, chẳng phải là hạ giới. Biểu thị cho Trung Đạo là đệ. Điều nầy theo Ước (giáo) phân biệt v.v...

Đối với những kinh điển giải thích về chữ hạ là việc Thầy rõ Đệ Tử gồm trí đoạn lưỡng đức. Đầu tiên là cùng tu, trí đoạn; kế đến là cùng chứng, trí đoạn. Đối với kinh điển phân biệt là tu trí. Chánh thức nhớ nghĩ lại là tu đoạn. Chẳng vui ở chúng là chứng đoạn. Siêng hành tinh tấn là chứng trí. Từ đó chẳng nương vào người trời mà ở. Đây là giải thích về xứ vậy. Người, trời là nhị biên; chẳng trụ, chẳng dính mắc. Trí sâu vô ngại là nương vào trí bất tư nghì (chẳng thể nghĩ bàn). Vui nơi Phật Pháp là vui với cảnh bất tư nghì. Cảnh trí ấy thật vi tế, chẳng gần hành Bồ Tát.

Kệ 8 hàng rưỡi. Đầu tiên 5 hàng rưỡi tụng đáp cả 2 câu hỏi. Phía dưới 3 hàng tụng cả về việc giải thoát v.v...

Từ „lúc bấy giờ Ngải Di Lặc" trở đi, nhơn nghi ngờ liền thỉnh; có trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại chia làm 2. Một là nghi, hai là thỉnh. Nghe bên trên rằng: ở dưới gốc cây Bồ Đề cùng giáo hóa và nay tất cả trụ ở bất thoái. Lại nghe ta từ xưa đến nay giáo hóa họ như vậy. Nghe 2 điều nầy rồi động chấp sanh nghi. Bạch Phật việc

từ dưới nhảy lên nghi, nên lại thỉnh và chia làm 2. Một là pháp; hai là dụ. Pháp nói ấy có 3. Đầu tiên tức là bạch Phật trở đi. Một là nghi việc mới thành đạo mà chỗ giáo hóa thì nhiều. Chấp gần mà nghi xa vậy. Kế đến từ „Thế Tôn với các vị Bồ Tát nầy" trở đi; phần thứ 2 là chỗ giáo hóa nhiều liền hành nhiều vị thâm diệu. Chấp xa mà nghi gần. Kế đến từ „Thế Tôn như việc nầy" trở đi; phần thứ 3 cuối cùng là thưa thỉnh. Dụ nói có khai hợp. Khai ấy lại có 3. Tóc đen sắc đẹp dụ cho ý của việc thành đạo ở trên. Chỉ cho người trăm tuổi dụ cho ý chỗ hóa độ bên trên thật nhiều. Hoài Bắc quý Thầy dùng thí dụ để giải thích các dụ. Mắt của cha trở lại nhờ thuốc, dáng mạo giống như tuổi 25. Con chẳng dùng thuốc hình thù như trăm tuổi. Nếu rõ biết năng lực của thuốc chẳng nghi con, cha. Chẳng rõ điều nầy nên kinh sợ. Như Lai ngang qua dùng Thùy Tích làm thuốc, thị hiện nơi Già Gia khi bắt đầu sanh. Các Bồ Tát gặp luận về Bản Địa. Xa phát đạo tâm, nay trụ bất thối. Nếu Phật cùng Phật mau rõ biết việc nầy thì tự bên dưới chẳng thấu, chẳng được mà chẳng nghi. Việc nầy khó tin bên dưới nên kết về dụ nầy.

Đầu tiên hợp cận, dụ như câu văn. Từ „mà đại chúng nầy" trở đi, hợp với dụ Xa. Quán sát điều nầy Bồ Tát từ lâu trồng các căn lành; chẳng phải dừng sự phát tâm ở Già Gia, lành nhập, xuất, trụ. Cửu thứ đệ định là thiện nhập. Sư Tử Phấn Tấn là thiện xuất. Siêu Việt là thiện trụ, ý của Thông (giáo) tạng vậy. Từ Sơ Địa đến Thập Địa gọi là Thiện Nhập. Thập Địa nhập vào trạng huyền môn; đến tu phạm hạnh phù sự gọi là Thiện xuất. Diệu Giác biến mãn gọi là Thiện Trụ, đây là ý của Biệt

(giáo) vậy. Cứu cánh pháp tánh Tam Muội gọi là Thiện Nhập. Thủ Lăng Nghiêm gọi là Thiện Xuất. Vương Tam Muội gọi là Thiện Trụ. Đây là ý của Viên (giáo) vậy. Lần lượt tập các pháp lành. Đưa ra nguyên nhơn làm Thiện Tập. Cuối cùng cái quả là Thiện Nhập v.v...

Lành đáp câu hỏi khó là đầy đủ 2 việc trang nghiêm. Bảy phương tiện là tôn quý; cho nên nói là bảo. Ngày nay Thế Tôn vì bên dưới thỉnh cầu mà đáp. Lại có 3. Từ ngày nay trở đi cùng với lời Phật. Từ chúng ta trở đi; phần thứ 2 làm rõ cái ý thưa thỉnh; thỉnh ý ấy lại có 2. Một là hiện tại, ta tuy chưa đạt được mà tin là đã vậy rồi. Rồi từ „các vị Bồ Tát" trở đi; phần thứ 2 vì vị lai, ít thực hành, vui sanh phỉ báng. Tân phát ý là sự hủy báng ấy rơi vào đường ác. Bất thoái là tuy tin, chẳng hủy báng, chẳng thể làm tăng trưởng đạo. Nếu vì phân biệt mà báng ấy liền sinh ra niềm tin thì tin ấy tức là tăng trưởng của đạo v.v...

Từ „tuy nhiên" trở đi; phần thứ 3 là thỉnh đáp. Thỉnh đáp lại có 2. Đầu tiên trừ cái nghi của chúng ta và vị lai trở đi; phần thứ 2 trừ cái nghi của vị lai. Kệ ấy có 14 hàng, tụng bên trên về pháp dụ. 5 hàng tụng về việc thuyết pháp, 9 hàng tụng về việc nói thí dụ. Trong thuyết pháp ấy có 3. Hàng đầu tiên tụng về chấp gần. Kế đến từ „chư Phật Tử" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng 3 câu, tụng về nghi xa. Sau đó „nói những gì mà có thể" trở đi; phần thứ 3 gồm 1 hàng 1 câu tụng hết lại phần thưa thỉnh. Trong thí dụ về tụng ấy đầu tiên 2 hàng tụng về khai dụ. Sau đó Đức Thế Tôn là như thế trở đi gồm 7 hàng, tụng

về hợp dụ. Lại có 3. Tựu chung 2 câu đầu tụng về hợp gần. Kế đến từ „là các Bồ Tát cùng chí nguyện" trở đi; phần thứ 2 gồm 3 hàng rưỡi tụng về hợp viễn. Sau đó từ „chúng ta nghe từ Phật" trở đi; phần thứ 3 gồm 3 hàng tụng về hợp, thỉnh, đáp, v.v...

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 9 (Phần trên)

Dịch xong phần trên ngày 29 tháng 9 năm 2010
tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg - Đức Quốc.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 9
(Phần sau)

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển 34

- Thứ tự Kinh Văn số 1718

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Viên Đức - Ravensburg
ngày 30 tháng 9 năm 2010.

Giải thích
Phẩm Thọ Lượng

Đầu tiên xuất hiện sự giải thích khác.

Thầy Duệ ở lời tựa nói rằng: Thọ vô lượng kiếp chưa đủ nên mới dùng sự giải thích việc lâu dài nầy. Phân thân vô số chẳng đủ, dùng sự khác nhau của thể nầy. Do vậy mà thọ lượng định cho việc nầy là không có số (gọi). Phân thân làm sáng tỏ điều nầy chẳng khác. Phổ Hiền hiển (thị) việc nầy không thành. Đa bảo làm sáng tỏ việc nầy chẳng mất vậy.

Đạo Lãng ở Hà Tây cho rằng: Làm sáng tỏ pháp thân chơn hóa chẳng sai khác tại chưa phải là lý thứ nhất. Đa Bảo hiện ra là chứng minh cho pháp thân thường tại. Thọ Lượng minh chứng cùng thái hư nhiều vô lượng.

Đạo Tràng Quan nói rằng: Đầu tiên là hội tụ 3 và quy về Nhứt Thừa. Cuối cùng là ảnh mất, lắng thần vậy.

Ảnh mất nghĩa là tức Tích. Từng thần, tức là làm sáng tỏ Bản. Cho nên Tích thì vô thường mà Bản là thường hằng.

Người chú thích nói rằng: Số (thời gian) không tồn tại và mất đi, gọi đó là Thọ. Ra khỏi sự tu, không hạn sự non yếu gọi là Lượng. Pháp thân không có hình tướng và năm tháng để nhiếp. Khiến cho Đại Sĩ tu thật thực tiễn trong việc chiếu sáng. Chẳng dùng việc ở Già Gia vì sự thành Phật đã 100 năm mà kỳ hạn được.

Trúc Đạo Sanh bảo rằng: Sắc thân nầy của Phật do ứng hiện mà có, không, có thật hình; mà hình ấy chẳng thật, há lại có Thọ sao ! Rồi thì hằng vạn hình hài đồng với xưa nay vốn chỉ là một. Cổ cũng lại là kim, mà kim cũng lại là cổ. Chẳng có thời gian, chẳng có không nơi chốn, chẳng tồn tại. Nếu có thời gian, chẳng có; có nơi chốn lại chẳng tồn tại. Đối với chúng sanh mà như vậy. Phật chẳng lại như thế. Đây là cực đàm trường thọ. Nói Già Gia là có. Già Gia có ấy là chẳng phải Già Gia. Già Gia lại chẳng phải. Chiều dài ấy riêng có sao ? Dài, ngắn, còn, mất; dài, ngắn hằng tồn tại sao ? Những bậc long tượng đời trước như hướng mà nói. Nhiều Ước (giáo) vô lượng làm sáng tỏ cho thường.

Người đời gần đây đa phần các vị Sư nói Thọ là Lượng pháp; trước quá khứ hằng sa; sau gấp bội số trên; chung quy hạn cực, mà làm sáng tỏ chỗ vô thường. Lại kẻ mê hoặc thì chấp vào phẩm ấy làm sáng tỏ Thọ Lượng. Lượng là vô thường thì cái nào tạo ra thường để giải thích. Nay vì đó mà giải đáp. Phẩm nầy gặp đạo là Thọ Lượng; chẳng phải con đường Thọ có Lượng; chẳng

phải con đường Thọ không Lượng. Rồi tạo ra vô thường, kia tạo ra thường, giải thích điều nầy trở lại để làm gì ? Con vịt và trai tranh nhau, ta thừa điều tệ hại nầy mà nên giải cho đủ 4 loại. Nghĩa là thật có lượng mà nói là vô lượng. Di Đà là có. Thật vô lượng mà nói là Lượng. Như Phẩm nầy cùng với Kim Quang Minh là có. Thật vô lượng mà nói là Vô Lượng. Như Niết Bàn nói: Chỉ Phật với Phật mới là thọ vô lượng nầy. Thật có lượng mà nói là Lượng. Như 80 (tuổi) nói lên sự nhập diệt là có. Câu văn trong phẩm nầy có đầy đủ ở nghĩa nầy. Há có thể là một, mà chẳng phải là ba sao ? Hỏi rằng: Nếu thọ lượng làm sáng tỏ cho thường thì cùng với Niết Bàn lại khác cái gì vậy ? Nay ngược lại. Pháp Hoa nhất thừa cùng với Thắng Man nhứt thừa có gì khác nhau ? v.v...

Nếu phân biệt để đáp thì: Pháp Hoa lược nói, minh chứng cho thường. Niết Bàn nói rộng, chứng minh cho thường. Thắng Man vì một, làm sáng tỏ một ấy. Pháp Hoa gặp 3 làm sáng tỏ cho một v.v...

Hỏi rằng: Gần thành (đạo) là phương tiện. Xa thành (đạo) là chơn thật. Hoa Nghiêm tịch diệt đạo tràng. Đại Kinh siêu tiền 9 kiếp, đều thành phương tiện. Nếu mà Pháp Hoa khai diễn cảnh. Thường Bất Khinh nào lại gần ? Nên rõ ràng Pháp Hoa đã trở lại phương tiện. Nếu vậy thì gặp 3, trở lại một cảnh. Lại nên chẳng gặp 3 trở lại một chăng ? Nếu mà khai 3 hiển một thì chư Phật đạo đồng. Khai cận hiển viễn tất cả chư Phật đều giống nhau. Nếu mà chư Phật đồng như vậy thì chẳng riêng gì Đức

Thích Ca. Nếu chỉ riêng Đức Thích Ca thì trước nghĩa nầy không đúng sao ?

Đáp rằng: Do ta phương tiện; chư Phật lại cũng như vậy. Lại nữa chư Bồ Tát nghe Thọ Lượng thì phát nguyện. Nguyện ta đến đời vị lai nói Thọ cũng lại như vậy. Điều nầy tất cả chư Phật cùng giống nhau. Lại chẳng phải rộng nói một gần, một xa. Cho nên phải biết rằng: Không trước, không sau, không gần, không xa. Hiển pháp thân thường trụ. Có thỉ, có chung, có gần, có xa. Luận nầy hợp với Tích. Dùng nghĩa nầy vọng về các kinh; đối duyên tuy khác, mà chung lại chẳng khác gì. Rồi rõ các kinh. Các vị Thầy chẳng thể là một Thầy vậy.

Hỏi: Nghĩa chọn là thường có thể là vậy mà câu văn với ý gì lại giải rộng ra ?

Đáp: Việc làm sáng tỏ, quý ở lý nầy. Kẻ tăm tối chỉ cốt giữ câu văn, hằng tìm chú thích cho giống Tông (phái). Đây chính là ý chính của lời dạy. Cấu chấp, cặn bã thì hỏi chiếc cầu gì làm lợi ích. Lại nữa lời dạy chính làm duyên. Duyên khác và nói khác. Hoặc tùy theo sự vui mừng; tùy theo sự nghi; tùy theo sự giữ gìn; tùy theo sự ngộ. Ngộ ấy tức là đạt được rồi vậy. Cái nào lại là Bàn Đàn Thiên Bá để làm gì ? cho nên nói Nê Hoàn (Niết Bàn) chơn pháp bảo; chúng sanh có nhiều cửa để vào. Điều nầy là ý ấy vậy.

Lại nữa câu văn lại có nhiều ít. Niết Bàn đối với vị lai, thường trụ ấy làm Tông (Chỉ). Câu văn nầy tức là nhiều. Chẳng phải lấy quá khứ đã thành (Phật) lâu rồi

làm Tông. Câu văn nầy tức là ít. Nếu theo nhiều thì bỏ ít; tức là ma nói, chẳng phải Phật nói. Kinh nầy dùng quá khứ thành Phật lâu rồi làm Tông chỉ. Điểm trần số giới, câu văn nầy lấy làm nhiều. Vị lai thường trụ, câu văn nầy lấy làm ít. Nếu từ nhiều bỏ ít như ban đầu phá, tạo ra 7 phần; giống như cành cây A Lê; giống như Thiên Tử ra lệnh; hoặc nhiều hoặc ít đều chẳng thể sai trái. Sai là bị tội. Phẩm Phương Tiện nói rằng: Tướng thế gian thì thường trụ. Ở nơi Đạo Tràng đã rõ rồi. Đạo Sư phương tiện nói. Câu văn nầy tức là vị lai thường trụ chẳng diệt. Lại nói rằng: Ta thường trụ đối với điều nầy. Lại nói là thường ở tại núi Linh Thứu và ngoài các trụ xứ khác nữa.

Phổ Hiền Quán nói rằng: Thường Ba La Mật là chỗ nhiếp thành nơi chốn. Ba La Mật của ta là chỗ an lập vậy. Như đây Thường (theo) câu văn lại là chẳng ít. Lại theo kinh nầy thì xứ xứ làm sáng tỏ pháp thân. Pháp thân ấy há chẳng thường sao ?

Hỏi: Có phải làm sáng tỏ pháp thân; nên luận về 3 đức chăng ?

Đáp: Quyền, thật nhị trí há chẳng phải là Bát Nhã. Ba đời thị hiện há chẳng phải là giải thoát ? Thật tướng bản địa tức là pháp thân. Tam đức làm sáng tỏ câu văn vì việc nầy vậy. Giải thích phẩm về Như Lai là 3 đời mười phương chư Phật, nhị Phật, tam Phật, Bản Phật, Tích Phật là thông hiệu vậy. Thọ lượng nghĩa là giải thích về lượng vậy. Giải thích về lượng trong mười phương ba đời, 2 Phật, 3 Phật, Bản Phật, Tích Phật là những công đức. Nay chính thức giải thích Lượng Bản Địa, 3 Phật công

đức; cho nên nói Như Lai Thọ Lượng Phẩm. Nghĩa của Như Lai thật nhiều. Vả lại làm sáng tỏ 2, 3 Đức Như Lai; ngoài các thí dụ có thể giải thích được. Hai Đức Như Lai là, theo Thành Luận nói: Thừa Như thật đạo, Lai thành chánh giác; cho nên gọi là Như Lai (lên Đạo như thật để thành chánh giác). Thừa thị pháp như như trí, thật thị pháp như như cảnh. Đạo là nguyên nhân; giác là quả. Nếu đơn giản để luận về Thừa thì như chẳng rõ biết. Đơn giản để làm sáng tỏ cho thật thì như như chẳng thể rõ. Cảnh trí hòa hợp; tức là có nhơn quả. Chiếu cảnh chưa cùng; gọi đây là nguyên nhơn. Tận cùng của khởi nguyên là quả. Đạo giác nghĩa thành. Tức là thừa như thật, đạo lai thành chánh giác. Đây chính là chơn thân Như Lai vậy. Dùng như thật trí, thừa như thật đạo, lai sanh 3 cõi, thị hiện thành chánh giác tức là Ứng Thân của Như Lai vậy.

Tam Như Lai theo Đại Luận nói là: Như pháp, tương giải, như pháp tương thuyết; cho nên nói là Như Lai. Như ấy là pháp như như cảnh; chẳng nhơn chẳng quả. Có Phật, không Phật, tánh tướng thường nhiên; biến khắp các nơi mà chẳng có khác với Như. Bất động mà đến là Lai. Chỉ điều nầy là pháp thân của Như Lai vậy. Pháp như như trí. Thừa nơi như như chơn thật bảo là đạo Lai thành Diệu Giác. Trí xưng như lý. Từ lý gọi Như; từ trí gọi Lai. Tức là báo thân của Như Lai vậy. Cho nên luận rằng: Như pháp tướng mà giải; cho nên gọi là Như Lai, dùng như như cảnh trí để hợp lại. Tức là có thể nơi nơi thị hiện, thành chánh giác. Thủy ngân cùng vàng ròng có

thể dát lên các tôn tượng. Công đức cùng với Pháp thân; nơi nơi ứng hiện ở.

Bát tướng thành đạo, chuyển diệu pháp luân; tức là ứng thân của Như Lai. Cho nên luận rằng: Như pháp tướng nói, cho nên gọi là Như Lai. Pháp thân của Như Lai gọi là Tỳ Lô Giá Na. Ở đây phiên âm là biến tất cả nơi. Báo thân của Như Lai gọi là Lô Xá Na. Ở đây phiên âm là Tịnh Mãn. Ứng Thân của Như Lai gọi là Thích Ca Văn. Ở đây dịch là Độ Ốc Tiêu. Đây chính là 3 Như Lai; nếu chấp giữ riêng lẻ; tức là chẳng thể được.

Đại Kinh nói rằng: Pháp thân chẳng phải là Bát Nhã, lại chẳng phải giải thoát, lại chẳng có. Ba pháp đầy đủ gọi bí mật tạng là Đại Niết Bàn; chẳng thể có một sự sai khác nào tung hoành chia riêng lẻ. Đầy đủ 3 pháp, xưng giả danh là Như Lai. Kinh Phạm Võng kết thành giáo học của Hoa Nghiêm. Đài hoa là gốc và lá là ngọn. Biệt ấy một duyên tạo như lời nói nầy; mà gốc, ngọn chẳng được rời xa nhau. Kinh Tượng Pháp Quyết Nghi kết thành Niết Bàn. Câu văn nói: Hoặc thấy Đức Thích Ca là Tỳ Lô Giá Na; hoặc làm Lô Xá Na. Che khuất phía trước, duyên thấy khác đi. Chẳng phải 3 Phật vậy. Phổ Hiền Quán kết thành Pháp Hoa. Câu văn nói rằng: Thích Ca Mâu Ni gọi là Tỳ Lô Giá Na; cho đến tên khác; chẳng phải là thể biệt. Đây là ý chung trong các kinh vậy. Nên biết rằng 3 thân Phật ấy chẳng phải khác một, làm sáng tỏ như vậy.

Hỏi: Phẩm nầy không có 3 tên gọi của Phật. Theo cái nào mà giải thích điều nầy như thế ?

Đáp: Tuy không nói mục tiêu, mà đầy đủ ở nghĩa nầy. Câu văn rằng: Phi như, phi dị; phi như 3 cõi, thấy nơi 3 cõi. Phi nầy biến như sự hiển bày nơi Viên Như; tức là nghĩa của Pháp thân Như Lai vậy. Lại nói rằng: Như Lai là tướng của như thật tri kiến trong 3 cõi. Tức là như như trí, xưng như như cảnh; tất cả chủng trí tri kiến; tức là Phật nhãn. Đây là nghĩa của Báo Thân Như Lai. Lại nói rằng: Hoặc thị hiện thân nầy việc nầy; hoặc thị hiện ở thân khác việc khác. Đây chính là nghĩa của ứng Thân Như Lai vậy. Nếu thường tánh được 3 Như Lai là chiều ngang. Nếu tu được 3 Như Lai tức là chiều dọc. Đầu tiên là pháp, kế đến là báo và sau cùng là ứng; lại cũng là chiều dọc. Nay kinh nói đầy đủ, chẳng ngang chẳng dọc, 3 Như Lai vậy. Chỉ ngang, dọc Như Lai, thường chẳng phải cái nghĩa ngày nay. Huống là 3 tạng thông giáo Như Lai sao ? Lại nước trước Pháp Hoa, lại làm sáng tỏ Viên Như Lai; giống với Tích nầy; ở trong ấy mà nói vậy. Phát Tích hiển Bổn 3 Như Lai. Vĩnh viễn khác với các kinh. Luận rằng: Thị hiện thành Đại Bồ Đề vô thượng. Thị hiện 3 loại Bồ Đề. Một là ứng hóa Bồ Đề; tùy theo nơi chốn mà ứng hiện.; tức là thị hiện. Như kinh giải thích việc Ngài ra khỏi cung điện. Hai là báo Phật Bồ Đề. Thập Địa đầy đủ được thường Niết Bàn. Như kinh nói: Ta thật thành Phật đến nay vô lượng vô biên kiếp rồi. Ba pháp Phật Bồ Đề. Nghĩa là Như Lai tạng tánh tịnh Niết Bàn chẳng thay đổi. Như kinh nói: Như Lai là tướng như thật tri kiến của 3 cõi. Trải qua đầy đủ ý nghĩa nầy, luận mới xuất hiện tên nầy. Chẳng lẽ tạo ra sự giải thích bên trên, há đúng với kinh luận sao ?

Kế tiếp là làm sáng tỏ Thọ Lượng. Thọ là ý nghĩa của thọ nhận. Chơn như chẳng cách ngăn với các pháp; cho nên gọi là thọ. Lại nữa cảnh trí tương ưng; cho nên nói là Thọ. Lại nữa một thời kỳ báo (thân) được 10 năm chẳng gián đoạn; cho nên nói là Thọ. Lượng được giải thích là lượng. Chữ Lượng tức là thông, không có nghĩa rộng riêng. Giải thích về lượng pháp Như Lai, dùng như lý làm mạng báo Như Lai, dùng trí tuệ làm mạng ứng Như Lai cùng duyên vào lý làm mệnh. Giải thích về lượng các mạng; hoặc có lượng, hoặc vô lượng, hoặc phi lượng, phi vô lượng. Pháp thân Như Lai như lý mạng. Có Phật, không Phật, tánh tướng thường nhiên. Bất luận tương ưng cùng chẳng tương tục; lại vô hữu lượng cùng vô lượng.

Câu văn giải thích rằng: Phi như phi dị, phi hư phi thật. Che đậy là sự giải thích về lượng, pháp thân như lý mạng vậy. Giải thích về lượng báo thân của Như Lai; dùng như như trí, khế hợp với như như cảnh. Cảnh ấy phát trí làm báo. Trí ấy minh cảnh làm thọ. Cảnh ấy lại vô lượng vô biên, thường trụ chẳng mất. Trí ấy lại như thị. To lớn vô cùng.

Câu văn lại nói rằng: Trí lực ta như vậy, dài tu nghiệp chỗ được. Huệ quang chiếu vô lượng. Thọ mệnh vô số kiếp. Đây là sự giải thích về lượng báo thân của Như Lai, trí huệ mạng. Giải thích về lượng ứng thân là: Ứng thân cùng với nhơn duyên. Duyên lâu dài giống với dài nhân duyên và duyên đầy đủ giống như sự đầy đủ v.v...

Tự kia đối với ta là như thế nào ? Kinh rằng: Số số hiện sanh, số số hiện diệt; hoặc lại tự nói; gọi là chữ chẳng giống với năm ghi nhận Đại, Tiểu. Điều nầy giải thích về Lượng Ứng Phật cùng với duyên mệnh vậy. Lại nữa pháp thân thì chẳng phải lượng và chẳng phải vô lượng. Báo thân Kim Cang trước có lượng. Kim Cang sau vô lượng. Ứng thân tùy duyên; tức là có lượng. Ứng dụng chẳng gián đoạn tức là vô lượng. Thông đồ giải thích là lượng 3 câu tại Thánh, một câu thuộc phàm. Hữu lượng vô thường, đều chẳng phải là nghĩa Phật. Xưa kia nói mà sự tăng giảm cả 2 phỉ báng thêm vào rồi vu cho Phật. Chẳng phải ma là cái gì ? Bốn câu giải thích lượng theo nghĩa nầy đã rõ rồi. Vì việc chưa giải thích, lại thường cùng với 4 câu liệu giản. Đầu tiên là biệt tác, kế đến là thông (giáo) tác. Biệt là phi thường, phi vô thường. Song phi lý cực; tức là pháp thân vậy. Thường ấy tức là báo thân. Báo trí cảnh hợp lại thường, phi vô thường. Hằng giả chánh trí viên mãn chẳng sanh, chẳng diệt. Qua khỏi Kim Cang tâm ở trước. Giữa thường là báo thân. Lại thường, lại vô thường là ứng thân. Ứng dụng vô tận lại là thường. Số xướng Niết Bàn gọi là vô thường. Vô thường ấy là Kim Cang tâm ở trước, trí dụng tăng tiến. Cho đến phàm phu sanh diệt, xuất một; tất cả đều là vô thường. Ba Phật mỗi mỗi một câu. Phàm phu cộng lại một câu. Điều nầy Ước (giáo) biệt giáo, phân biệt riêng. Thông Đồ Viên nói là mỗi một Đức Như Lai tất cả đủ 4 câu. Pháp 4 thân. Phi thường, phi vô thường. Song phá phàm thánh bát đảo. Thường là như hư không thường vậy. Vô thường là vô phàm phu tánh diệt đảo. Lại

thường, lại vô thường. Tịch mà song chiếu. Báo thân 4 là phi thường, phi vô thường. Trí minh cảnh, thường là ra khỏi Nhị Thừa. Vô thường là vô sanh diệt đảo vậy. Lại thường, lại vô thường có thể song chiếu. Ứng thân 4 là phi thường, phi vô thường. Phi báo (thân) phi sanh tử vậy. Thường là thường, ứng giống nhau. Vô thường là giống với vô thường. Lại thường, lại vô thường. Cả 2 tồn tại. Phàm phu liền được vô thường một câu. Thông Đồ lại tạo ra 4 câu. Hằng có tánh, được nơi lý. Bên trên không 4 câu danh tự; huống là hành dụng sao ? Có thể lấy ý được, chẳng đợi nói vậy. Một thân tức là 3 thân; chẳng phải một, chẳng khác. Nên rõ rằng một thân Phật tức là đầy đủ thân thọ mạng công đức. Tùy duyên cảm thấy dài, ngắn chẳng giống nhau.

Đại Kinh nói rằng: Phàm phu Nhị Thừa thấy thọ mệnh Phật, giống như ngày của mùa Đông. Bồ Tát được thấy giống như ngày mùa Xuân. Còn Phật thấy Phật thọ mạng vô lượng giống như ngày mùa hạ. Sở dĩ như vậy vì phàm phu uế chướng, đất rộng mông lung. Tạng thông nhị thừa tuy đoạn tứ trụ, chẳng thấy Trung Đạo. Hoặc xả phần đoạn thọ pháp tánh, thân chưa phá vô minh. Đất kia chỗ phụng (sự) giống như Thắng Ứng. Nên rõ là Nhị Thừa chỉ thấy ngày của mùa Đông; hoặc các Bồ Tát chưa chẳng Địa Trụ; nên thấy giống như trước. Hoặc phá vô minh cho đến thọ phần pháp thân, mà cùng với lời nói được thấy báo thân thọ mạng. Đoạt mà vì lời nói; giống như Thắng Ứng; chưa cùng báo thân là khởi đầu. Chưa tận pháp tánh là cực. Chỗ thấy Phật thọ giống như là ngày của mùa Xuân. Chỉ Phật với Phật cùng tánh tận

nguồn, thấy pháp thân thọ mạng giống như là ngày của mùa hạ. Đại kinh cùng với 3 dụ ấy làm thí dụ. Đối với các thường, trong ấy hư không là số một. Tất cả thọ mạng của Như Lai là số một. Thí dụ nầy về pháp thân thọ mạng thì vô thỉ, vô chung, tánh tướng trạm nhiên, chẳng giống với ứng và báo (thân) vậy. Hai là dụ cho 4 sông, tất cả đều quy về biển lớn. Dụ cho báo thân chỗ tu vạn điều lành tất cả đều cảm Phật, báo thọ mệnh như trong biển ấy. Ba là A Nậu Đạt, ao ấy phát xuất 4 con sông. Dụ nầy là dụ cho ứng thân thọ mệnh từ Pháp báo, cùng ra dài, ngắn kia.

Phẩm nầy giải thích về Lượng, Thông (giáo) làm sáng tỏ 3 thân. Nếu từ biệt (giáo) thì ý ấy chánh tại báo thân. Vì sao nghĩa ấy lại gặp nơi câu văn ? Nghĩa nầy là: Báo thân trí huệ, thượng minh hạ khế. Ba thân đầy đủ cho nên nói nghĩa nầy vậy. Gặp câu văn ấy là: Tu thành Phật cho đến nay thật là lâu xa. Cho nên có thể trong 3 đời làm lợi ích cho chúng sanh. Chỗ thành ấy là Pháp Thân. Hay thành tức là báo thân. Pháp thân hợp lại cho nên có thể làm lợi vật và nói là câu văn gặp nhau. Dùng điều nầy để giới thiệu ý chánh là luận về công đức của báo thân Phật vậy.

Lại nữa như 3 thân đầy đủ loại công đức. Tất cả là thời gian căn bản ở Đạo Tràng, dưới gốc cây, trước khi thành tựu lâu xa. Gọi đây là Bản. Khoảng giữa đó và ngày nay tịch diệt đạo tràng là chỗ thành tựu. Gọi đây là Tích. Các kinh đều nói về Bản, Tích; tức là tịch diệt đạo tràng; chỗ thành pháp, báo (thân) là Bản. Từ Bản, nơi ấy

khởi lên được, yếu cả 2 ứng (thân) làm Tích. Nay trải qua nơi chốn, làm sáng tỏ, chấp giữ chỗ tịch (diệt) và ở khoảng giữa, chỗ thành tựu 3 thân. Tất cả gọi là Tích. Giữ vào Bản, ngày xưa ở nơi Đạo Tràng được 3 thân. Gọi đây là Bản. Cho nên cùng với các kinh có sai khác vậy. Không có Bản thì không dùng Thùy Tích. Phi Tích thì chẳng dùng để hiển Bản được. Bản, Tích riêng đặc thù, là một bất tư nghì. Theo ý của Thầy cầm bút thì Bản ấy ở tại Tịch Trường (nơi viên tịch).

Lại nữa Tịch Trường Bản Tích lại có nhiều loại; hoặc dùng Niết Bàn để làm Bản. Từ chơn khởi ứng (thân) làm Tích. Tích Bản cùng không, nói là Tư Song Đoạn. Cho nên đây là một bất tư nghì. Hoặc dùng tục làm Bản. Tứ tục khởi lên ứng (thân) làm Tích. Tích Bản sâu rộng, phần dưới đất chẳng thể nói nghĩ, bàn luận. Cho nên nói bất tư nghì là một. Hoặc dùng trung làm Bản. Từ trong khởi ứng (thân) làm Tích. Tích Bản đều ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Cho nên nói bất tư nghì là một. Lại nữa 3 điều nầy chẳng phải ba, lại chẳng phải một. Chẳng phải 3 chẳng phải 1, lấy đó làm Bản, mà 3 mà 1 làm Tích. Tất cả ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt. Bất tư nghì là một. Chẳng biết các vị Thầy chỉ cho nơi nào là Bản Tích, bất tư nghì là một. Nay nhiếp chấp tứ phiên. Tất cả là Tích trong bất tư nghì là một. Xa chỉ Bản Địa, tam phiên tứ phiên bất khả tư nghì. Dùng làm Bản nầy.

Từ mỗi Bản mà Thùy Tích. Do mỗi Tích mà hiển Bản. Bản Tích duy đặc thù, bất khả tư nghì một. Như đây

thì Bản Tích nầy cái gì chẳng khác với các kinh ? Được gì, chẳng khác với các Sư ?

Hỏi rằng: Các kinh mỗi mỗi nói về vị hạnh; hoặc nhiều hoặc ít. Hoa Nghiêm 41 vị. Anh Lạc 52 vị. Danh nghĩa đều rộng. Kinh nầy đầu, cuối đều chẳng có việc nầy. Nói cái gì là khác biệt ?

Đáp rằng: Dụ như người đời tu các nghiệp, tập hợp đủ loại đồ quý, cầu đủ các vị. Nếu không thọ mạng thì dùng tài vị để làm.

Đại Kinh nói rằng: Giống như vị Trưởng Giả sinh ra và nuôi nấng đứa con một. Thầy tướng xem số và đoán là thọ mạng ngắn ngủi, chẳng còn bao lâu. Cha mẹ rõ biết điều nầy, chợt như cây cỏ. Pháp môn lại cũng vậy, hành đủ loại nguyên nhơn, rộng được các quả. Hiện ra các loại thông, hóa đủ loại chúng, nói đủ các loại pháp, độ đủ loại người. Tổng quát thì ở nơi biển thọ mạng của Như Lai. Trong biển ấy điều cần yếu là pháp tánh trí ứng. Duy Ma Mục Kê không khác với điều nầy sao? Rộng khai, hiểu gần, văn xa lại chia làm 2. Trước tiên là răn dạy tin tưởng, kế đến chính thức đáp lại. Phật chỉ dụ, luận khuyên các chúng, giữ lấy niềm tin.

Câu văn nầy lại có 3 sự giáo huấn, 3 lần thỉnh cầu, lại thỉnh, lại giáo huấn. Tích Môn 3 lần thỉnh, một lần giáo huấn. Trong nầy 4 lần thỉnh, 4 lần giáo huấn. Trước sau gom lại gồm 5 lần giáo huấn, 7 lần thỉnh cầu. Thật phải là việc đặc biệt mới siêng làm những việc như vậy. Thành ấy là trung thành; Đế ấy là thẩm thật. Chẳng dối

lừa đối với vật, liền cho rằng chơn. Xưa kia 7 phương tiện tùy kia, ý ngữ chẳng bảo rằng thành thật. Nay thì tùy tự ý ngữ chỉ bày cho biết điều trọng yếu. Cho nên gọi là Thánh Đế. Bồ Tát lại phụng thành lời giáo huấn, chẳng kham bởi sự nghi ngờ. Nghe tất giữ lòng tin, tin nhận thành thật lời nói vậy. Chánh đáp có trường hàng kệ tụng, lại chia làm 2. Thuyết pháp dụ về pháp. Thuyết pháp ấy lại có 2. Một là 3 đời làm lợi ích các việc. Hai là tổng kết chẳng hư dối. Cận tình tuy thấy, hiện tại 80; chẳng rõ quá khứ, không thiếu vị lai, chẳng mất. Cho nên Ước (giáo) 3 đời khai gần hiểu xa. Như đây là sự lợi ích; chẳng phải riêng ta vậy. Chư Phật lại cũng như thế. Cho nên tổng kết chẳng hư vọng. Thuyết pháp nói ít về vị lại. Trong kệ dụ thì có nói nhiều v.v...

Quá khứ lợi ích vật, câu văn ấy lại có 2. Một là từ „Như Lai bí mật" trở đi là cái tình (cảnh) xuất hiện sự chấp (nhận) gần gũi. Hai là từ „rồi thiện nam tử" trở đi là phá gần hiểu xa. Đầu tiên lại có 3. Một là ra khỏi chỗ, mê pháp. Hai là ra khỏi, có thể mê chúng. Ba là ý nghĩa của việc ra khỏi xa chỗ mê. Bí mật ở đây là một thân tức là 3 thân; gọi là bí. Ba thân tức là một thân; gọi đây là mật. Lại nữa ngày xưa chỗ chẳng nói gọi là bí. Chỉ Phật tự rõ, gọi là mật. Thần thông lực là dùng cho 3 thân. Thần là cái lý mà thiên nhiên bất động. Tức là thân pháp tánh vậy. Thông tức là vô ủng (không lấp), bất khả tư nghì. Tức là báo thân vậy. Lực ấy là căn bản cốt cán dùng tự tại. Tức là ứng thân. Phật ở trong 3 đời đều có 3 thân. Đối với trong những lời dạy bí mật ấy chẳng truyền. Cho nên tất cả thế gian trời, người, Tu La biết nay Phật đầu

tiên là ở nơi gốc cây, rồi được 3 thân. Cho nên chấp vào gần mà lại nghi xa. Trong Bản nầy nói chẳng nói lại cùng với Nhị Thừa mà hay đối với Bồ Tát. Bồ Tát nhiếp ở Trời, người, Tu La và trong 3 đường lành. Ngoại trừ 3 cõi ác, tội dày, căn độn, ít trí. Chẳng rõ việc làm và ý nghĩa nầy cho nên Đại Phẩm hằng nói Ma Ha Diễn ra khỏi thiên, nhơn, Tu La; lại chẳng nói nơi tam đồ vậy.

Bồ Tát có 3 loại: Hạ phương, tha phương, cựu trụ. Hạ phương tức là trong ngày giáo hóa; cho nên chẳng chấp về nghĩa gần. Tha phương, cựu trụ đều có 2 loại. Một là từ pháp thân ứng sanh. Qua đời, được trước tiên là vô sanh. Hoặc trước đây nghe, phát Tích hiển Bản. Giả thử chưa được nghe, khi báo (thân) hết, thọ pháp tánh thân. Đối với pháp thân địa, tự ứng, được nghe nói lâu dài; cho nên ứng sanh vào Bồ Tát. Đa phần không chấp ý nghĩa gần. Hai là nay sanh, bắt đầu được vô sanh nhẫn. Cùng với chưa được, kể cả có trong ý nghĩa nầy.

Từ „Rồi thiện nam tử, ta thật từ khi thành Phật đến nay" trở đi; phần thứ 2 phá chấp trừ mê, dùng sự hiển bày lâu dài làm Bản. Câu văn bên trên là lời giáo huấn với chơn lý thành thật; tức là điều nầy. Tựu chung việc nầy lại có 2. Một là hiển viễn; hai là từ „chính mình và từ đây đến" trở đi; làm sáng tỏ quá khứ ích vật được tuyên dương. Tựu chung phần đầu lại có 2. Một là nói pháp hiển viễn; hai là đưa ra lời thí dụ, cách lượng nói pháp. Thành Phật đến nay đã thật lâu xa rồi. Già Gia gần nghĩa là phá. Phá gần hiển xa, lược có 10 ý; như nghĩa đen của câu văn vậy v.v...

Câu văn nầy chính thức dùng để phá gần hiển xa; phá gần nghĩa là tình phế cận, hiển viễn. Phế đối với việc giáo hóa gần. Trong thí dụ nầy lại chia làm 3. Một là đưa ra thí dụ để hỏi. Hai là đáp. Ba là cùng hiển, cho ra trường viễn. Ngoài ra kinh, hoặc làm sáng tỏ số bất khả thuyết, lấy trần sa làm thí dụ. Rồi ở đây, điều nầy tức là nhiều. Ngày ở phía dưới, trần ấy là điểm bị ở cõi nầy, khó thể nói. Hà huống là chẳng phải trần, há có thể nói sao. Hạ trần, chẳng hạ trần giới, thường cũng khó thể nói. Hạ trần, bất hạ trần; trần ấy há có thể nói sao? Huống là lại quá rồi, há có thể nói sao? Trong sự đáp lại phần thứ 2 của Ngài Di Lặc đưa ra 3 người chẳng rõ. Hợp dụ như câu văn.

Từ „chính mình, từ đây" trở đi làm sáng tỏ ích vật sở tuyên ấy lại có 3. Một là ích vật xứ. Hai là đưa ra nghi về Tích bên trên. Ba là từ „nếu có chúng sanh đến tận nơi ta" trở đi, chính thức làm sáng tỏ ích vật sở nghi. Nên hiển xứ. Bên trên dẫn dụ thật xa xôi lâu dài về chỗ ở nào. Cho nên hay tại nơi đất nước nầy và ở quốc độ kia mà làm Phật sự như câu văn. Đối với khoảng giữa ấy, phải qua cái chấp và nghi về Tích bên trên. Nghi nhơn và nghi quả. Xưa kia dạy về chỗ nói xứ xứ hành nhơn. Lại nữa nơi nơi được ghi nhận; tức là quả nghi. Nay phải trừ đi điều nghi nầy. Chỉ cho Phật Nhiên Đăng; tức là tẩy đi cái nguyên nhân nghi ngờ vậy. Lại nữa nói điều nầy nhập vào Niết Bàn, tức là tẩy đi cái quả nghi. Như vậy thì nhơn quả nầy chẳng phải là một điều. Tất cả ta đều phương tiện; chẳng phải nói thật cho nên nói là chẳng nghi. Hoặc có người nói rằng: Phương tiện nói Nhiên Đăng Phật là

Thầy của ta, mà sự thật là Thích Ca trong hiện tại tạo tác. Chẳng sanh, hiện sanh; chẳng diệt, hiện diệt. Cho nên nói Niết Bàn nầy. Nay nghĩa ấy chẳng hư vậy. Hay giữ lối giải thích trước. Cớ gì mà Nhiên Đăng Phật lúc ấy nhơn duyên thuần thục, dùng Phật tượng để giáo hóa? Ta duyên chưa thuần thục, hằng vì Bồ Tát, từ Phật được thọ ký cho. Được thọ ký tức là được nghĩa của quả. Hành hành tức là nhơn. Tiêu văn tự túc. Lời nói nầy tức là trung gian thí cho sự giáo hóa nầy. Chẳng phải nghĩa Nhiên Đăng vậy.

Lại nữa ở khoảng thời gian giữa ấy ích lợi cho các vật tức là có hình (tướng) và (âm) thanh, cả 2 đều lợi ích. Nếu nói ngay về Phật Nhiên Đăng thì ở đây có hình tướng lợi ích. Lại nữa nếu nói vị nầy đã nhập Niết Bàn rồi thì vị Phật kia sau khi diệt độ, giúp Phật tuyên dương giáo hóa; tức là có sự lợi ích của âm thanh. Nếu như vậy thì hình tướng và âm thanh cả 2 đều lợi ích. Tất cả đều thuộc về nguyên nhơn của thời gian khoảng giữa vậy. Lại có hình tướng và âm thanh phát sanh. Sanh ấy tất có tử; tử ấy tức có vào Niết Bàn. Gọi đây là quả vậy. Chẳng được nói là ở khoảng giữa ấy thành Phật quả rồi. Sao lại trước đó Pháp Hoa chưa được nói, cho đến khi thành Phật. Sao lại được nghi ngờ với Phật quả ấy ? Xưa dùng đến Nhiên Đăng thì ta là đang thực hiện trong hiện tại. Điều nầy lại chẳng giải thích. Pháp Hoa là kinh trước, chưa luận là lúc xưa dùng để thành Phật. Với lời dạy gì mà nói Nhiên Đăng là ta trong hiện tại ? mà khởi lên sự nghi nầy?

Từ „nếu có chúng sanh đến nơi ta" trở đi; phần thứ 3 chính thức làm sáng tỏ sự lợi ích cho muôn vật; chỗ có thể tuyên xưng. Lại chia ra làm 2. Một là cảm ứng; hai là thí hóa. Cho đến nơi ta nghĩa là trong quá khứ, chúng sanh căn cơ gồm cả 2 là tiệm và đốn. Minh khấu (giữ lại) pháp thân. Còn Phật nhãn quán nghĩa là lâu xa đã thành Phật rồi. Dùng con mắt của Phật để quán chiếu thì chẳng có cái gì sai biệt cả. Rồi từ đó muốn khởi lên chỗ yếu, hơn cả 2 đều ứng hợp với sự lợi ích. Phàm là căn cơ lành, lại có 2 sức mạnh. Một là cảm nhơn thiên hoa báo. Hai là cảm Phật đạo quả báo. Nếu dùng pháp nhãn để xem thì rõ biết vạn điều nhơn duyên lành là do nặng, nhẹ; mỗi mỗi đều được hoa báo. Chẳng thể cứu cánh rõ biết điều nầy cuối cùng được chủng trí quả báo. Nếu dùng Phật nhãn viên chiếu vạn thiện, rõ biết đầu đuôi của việc nầy. Kinh nầy một hướng làm sáng tỏ Phật nhãn quan sát rõ biết chúng sanh vạn thiện cứu cánh được làm Phật. Đây là ý chánh của việc lớn khi xuất thế vậy.

Tín đẳng chư căn tức là tín cùng với 5 căn. Huệ căn tín là liễu nhơn. Dư căn tức là duyên nhơn. Hai căn lành nầy mỗi mỗi có lợi độn; thống nhiếp đốn tiệm cơ duyên. Đốn cơ lợi độn tức là viên, biệt căn cơ. Tiệm cơ lợi độn tức là Tạng, thông cơ duyên. Lại nữa căn cơ Tiểu Thừa gọi là độn. Căn cơ Đại Thừa gọi là lợi. Lại nữa Tiểu Thừa căn gọi là lợi. Nhơn thiên thừa gọi là độn. Thập pháp giới chúng sanh đều có căn cơ của căn lành lợi độn. Chẳng dùng ác pháp. Ác pháp chẳng duyên liễu 2 nguyên nhơn vậy. Như Lai tất chiếu 10 cõi thiện cơ. Tùy chỗ ứng hiện mà độ, rồi hiện hình, âm thinh để làm lợi ích vậy.

Từ „xứ xứ tự nói" trở đi, chính thức làm sáng tỏ sự ứng, hóa chỗ tuyên bày lại có 2. Trước tiên là hình tướng, âm thinh lợi ích. Kế đến là được lợi ích, hoay hỷ. Phần trước về hình tướng, lợi ích lại có 2. Đầu tiên là làm sáng tỏ chẳng sanh, hiện sanh. Kế đến là chẳng diệt, hiện diệt. Tự nói gọi chữ ấy chẳng giống nhau. Hình ấy liền hiện ra gọi là chủ nguyên nhơn; nói đây là giới thiệu về thể. Căn cơ ấy có mạnh, yếu; hình ấy chẳng có hơn kém. Hình ấy khác cho nên gọi là chẳng giống nhau. Tuổi tác lớn, nhỏ tức là hình thức hơn, kém. Hơn ấy tức là thắng ứng. Kém ấy tức là liệt ứng. Gọi chẳng giống nhau tức là 2 vị Phật hiện ra tuổi thọ có lượng và vô lượng. Xứ xứ - luận bề cao ấy tức thuộc về các nơi trong quá khứ, về hành nhơn quốc độ vậy. Luận về chiều ngang tức là 10 phương quốc độ. Gọi chữ giống nhau; Ước (giáo) nói là nơi chiều cao.

Lại có sanh pháp; gọi chữ ấy chẳng giống nhau. Như nay ứng thân nghĩ về quá khứ Nhiên Đăng Phật, Ước (giáo) nói quốc độ ngang lại có sanh pháp là tên chữ. Như ngày nay vọng nói về phân thân. Lại như Pháp Hoa 10 hiệu, trong ấy liệt kê Đức Thích Ca khác nhau; nên gọi đây là chẳng giống nhau.

Lại nữa các kinh giải thích rằng: Phật có 3 thân; tên gọi chẳng giống nhau. Cho nên giới thiệu về pháp thể tất cả đều khác. Hoặc nói Tỳ Na hay Xá Na hoặc Thích Ca. Pháp thân Phật hoặc gọi là Như Như thật tướng, đệ nhất nghĩa Bát Nhã Lăng Nghiêm cùng sánh với điều nầy. Điều nầy Ước (giáo) cho rằng thị hiện Phật pháp giới

thân; gọi chữ không giống nhau. Hoặc hiện 9 pháp giới thân; gọi chữ chẳng giống nhau; tức là vô lượng vô biên có thể dùng ý để được.

Niên kỷ đại tiểu tức là điều nầy làm sáng tỏ thọ mệnh dài, ngắn. Tùy theo bên trên, chỗ hiện ứng thân; hoặc nói thọ (lượng) 2 vạn (tuổi). Như thời Phật Ca Diếp; hoặc nói lúc tuổi thọ 8 vạn tuổi. Như thời Đức Phật Di Lặc, truyền cho nhau và làm sáng tỏ chỗ Đại, Tiểu; ngang, dọc có thể biết. Tựu chung về pháp, báo, ứng Phật thọ mệnh lớn, nhỏ. Như nghĩa đen v.v... Hoặc 3 thân cùng vọng đến biện luận về lớn, nhỏ. Hoặc 3 thân mỗi mỗi riêng biệt đều là Tiểu. Hợp lại nói gọi là Đại. Thí dụ 3 sự hiến cúng v.v... Đây tất cả đều tùy chỗ ứng độ, làm sự hiện thân nầy cùng với đời sống dài, ngắn.

Lại nữa hiện ra lời nói, sẽ vào Niết Bàn. Ứng dĩ diệt độ mà được độ tức là hiện diệt độ vậy. Nay ở đây mến ngưỡng mà được giải thoát. Ý nghĩa nầy hiện ra, dụ nói trong ấy. Lại dùng đủ loại phương tiện, nói pháp vi diệu. Tức là hiện ra tiếng nói làm lợi ích. Tiểu thân đoản thọ nghĩa là lời nói nầy đối với tiệm giáo. Cho nói là đủ các loại phương tiện. Đại thân trường thọ tức là nói đốn giáo; cho nên nói vi diệu pháp. Duy ban đầu dùng tiệm mà cuối cùng làm cho nhập vào Đại. Cho nên nói tất cả làm cho được hoan hỷ. Nhưng việc hoan hỷ nầy tức là thí hóa được ích lợi. Phật nương vào tứ tất đàn (thành tựu) thí hình hài, âm thanh; cả 2 sự lợi ích chúng sanh, rộng nơi 4 điều lợi. Xưng cơ tức là vui; trái lại với cơ, tức là não.

Câu văn bên dưới nói rằng: Tất cả thật chẳng hư; tức là ở ý nghĩa nầy. Từ „các Thiện Nam Tử, Như Lai thấy các chúng sanh" trở đi; là hiện tại Sư Tử Phấn Tấn lợi vật. Tam Muội nầy có 10 công đức.

Một là phân biệt tha nhân, các căn thuần thục; thanh tịnh, chẳng thanh tịnh.

Hai là dùng Như Lai pháp luân, giáo hóa cho kẻ chưa độ, đều được vào nơi pháp luật.

Ba là lời thệ nguyện rộng khắp 10 phương, âm thanh lại cũng như thế. Hoặc một âm, biến khắp cả; trăm ngàn vạn ạm; tất cả lại biến mãn, phổ độ giáo hóa các chúng sanh.

Bốn là chuyển vô thượng pháp luân, giáo hóa cho các chúng sanh; tất cả đều giữ việc diệt độ. Ngoài con người chẳng thể chuyển; riêng Phật có thể chuyển.

Năm là có thể chỉ bày xuất gia, thế phát, trì giữ tịnh giới. Hoặc có thể làm cho người vui.

Sáu là tánh, hành hợp không.

Bảy là phóng quang thị hiện sự diệt độ; hoặc còn, hoặc mất. Tướng tốt hoặc ẩn hoặc tốt.

Tám là hàng phục tứ ma.

Chín là làm cho kia được vào đến chỗ quan yếu, tăng trưởng chỉ quán.

Mười là bên trên lấy thập thiện làm căn bản. Thân 3, miệng 4 v.v...

Câu văn nầy lại chia ra làm 2. Một là làm sáng tỏ cơ cảm; hai là làm sáng tỏ ứng hóa. Như Lai thấy tức là Phật nhãn chiếu soi. Chúng sanh vui pháp nhỏ, là chỗ thấy căn cơ vậy. Hoa Nghiêm nói rằng: Đại chúng tuy thanh tịnh, kỳ dư vui với pháp nhỏ. Hoặc sanh nghi, hối tiếc đêm dài buồn lo. Thương điều nầy cho nên mặc nhiên. Kệ rằng: Kỳ dư chẳng cửu hành, trí tuệ chưa làm sáng tỏ; nương vào thức, chẳng nương vào trí. Nghe rồi sanh lo rầu. Việc kia rơi vào đường ác; nhớ việc nầy cho nên chẳng nói, đưa ra kinh kia, không Thanh Văn Nhị Thừa, hằng chỉ chẳng hành lâu dài. Vì người vui với pháp nhỏ. Thầy bảo rằng: Vui với pháp nhỏ là chẳng phải người nhỏ, mà là vui gần; cho nên nói là nhỏ vậy.

Nay sẽ nói qua Thông (giáo). Chỗ nói tức là bần, ái 25 hữu; tức là căn cơ của trời, người. Lại đến chỗ ta; gọi là pháp nhỏ. Tham vui Niết Bàn, cầu tự giải thoát; tức là căn cơ Nhị Thừa, đến với chỗ ta. Lại gọi là vui với pháp nhỏ. Vui nơi tiệm; rồi lần lần hướng đến Phật đạo. Tức là 3 cơ duyên của Bồ Tát, lại đến nơi ta. Lại có tên là vui với pháp nhỏ. Đức bạc ở đây là duyên cùng với 2 điều lành mà công dụng thật yếu kém.

Câu văn bên dưới nói rằng: Các con ấu trĩ, dơ bẩn nhiều; kiến, tư (hoặc) chưa trừ.

Hỏi: Chưa sanh, hiện sanh; bị thí đốn, tiệm 2 sự giáo hóa, bảy phương tiện có thể vui với pháp nhỏ. Viên, đến phó cơ là ứng vui với Đại pháp. Vì sao Thông (giáo) lại phê phán việc vui với pháp nhỏ nầy ?

Đáp: Hướng đến lược bớt ý nầy; nay thì giải thích rộng ra. Phàm vì 4 nghĩa:

Một là theo Ước (giáo) ngày qua. Tuy phát tâm lớn mà chẳng thể chuyên cần, tinh tấn; tham trước nhiều, tệ dục, chẳng ra khỏi cuộc đời. Gọi tệ dục là pháp nhỏ.

Hai là theo Ước (giáo) hiện tại, như Phật chưa ra đời, chư thiên và loài người có cơ duyên lớn, mà tâm nhiễm đời, vui trước với tà kiến; cho nên nói là vui với pháp nhỏ. Đây là 2 ý nghĩa cùng với thí dụ bên dưới giống với ý uyển chuyển so với đất.

Ba là theo Ước (giáo) tu hành, tuy chẳng vui đối với 3 cõi, tệ dục nơi pháp nhỏ, mà vui với Tam Thừa, hôi đoạn; lại có tên là pháp nhỏ. Tuy chẳng vui đối với Tam Thừa cận quả, mà vui trải qua riêng tu đối với nhất thừa. Chẳng thể đối với một tâm viên, đốn phổ tu; cho nên nói là vui với nhỏ. Đây là 3 ý của ước nhơn môn, làm sáng tỏ niềm vui với pháp nhỏ.

Bốn là Ước (giáo) quả môn. Vui nghe gần, thành nhỏ. Ra khỏi cung dòng họ Thích, đầu tiên được Bồ Đề, chẳng muốn vui nghe dài lâu, con đường dài lớn; cho nên nói là vui với nhỏ. Những điều nầy là tâm nhỏ; chẳng phải bắt đầu ngày hôm nay. Nếu trước tiên vui với lớn của Phật; tức là chẳng nói khởi đầu thành. Nói khởi đầu thành, tất cả đều vui với pháp nhỏ.

Từ „vì người nầy nói" trở đi; phần thứ 2 hiện tại ứng hóa lại chia ra làm 2. Một là phi sanh hiện sanh. Hai là phi diệt hiện diệt. Hiện sanh lại có 2. Một là hiện sanh;

hai là lợi ích. Hiện sanh lại có 2. Một là hiện sanh; hai là phi sanh. Hiện sanh chính là Tích hiện nơi sanh. Phi sanh tức là phi thỉ nhĩ sanh. Vì người nầy nói ta đầu tiên được Bồ Đề. Phía trước đã làm sáng tỏ lợi độn, 2 căn cơ đến cảm pháp thân. Nay tức là hiện cao thấp, cả 2 ứng hiện. Liệt ứng ứng độn căn. Thắng ứng ứng lợi căn. Hai điều nầy cùng với hữu sanh pháp hai thân sanh. Liệt ứng nhị thân sanh là dùng chánh huệ để gá vào thai. Khi sanh ra đi bảy bước. Như Ca Chiên Diên Tử đã thuật lại. Cho đến 6 năm khổ hạnh đã trải qua. Đây gọi là sanh thân sanh vậy. Pháp thân sanh tức là 34 tâm đoạn kết, tập tận. Chứng được 5 phần pháp thân. Thắng ứng sanh thân sanh như kinh lớn Hoa Nghiêm đã nói. Cùng với các Bồ Tát xứ; ở nơi thai tạng của Ma Gia hay nói Đại Thừa. Ra khỏi 10 phương, mỗi mỗi 7 bước. Đây gọi là sanh thân sanh; pháp thân sanh là đối với tịch diệt đạo tràng, Kim Cang hậu tâm, đoạn vô minh tận. Được Diệu Giác tương ưng, huệ cùng chiếu pháp tánh. Vạn đức đủ loại trí viên minh phổ bị. Đây gọi là pháp thân sanh. Xuất gia là ra khỏi gia đình thuộc phần yếu kém. Hơn việc nầy là ra khỏi nhà chết. Được Bồ Đề là liệt ứng được có tạo Tứ Đế; chỗ phát vô lậu, tận vô sanh trí. Gọi đây là Bồ Đề. Thắng ứng tức là chiếu Tam Đế, con đường của một sự thật. Tất cả các loại trí, làm Bồ Đề.

Từ „mà tu thật thành" trở đi; làm sáng tỏ bản thật chẳng sanh. Nhưng trời, người, Tu la thấy 2 loại nầy sanh, pháp 2 thân; nghĩa là nói bắt đầu sanh. Đây chẳng phải như vậy. Mà ta đã từ lâu đã được sanh, pháp 2 thân rồi. Ngày nay sanh nhưng chẳng thật sanh. Cho nên nói

lâu xa như vậy. Nhược tư nghĩa là như thí dụ bên trên đã có từ lâu.

Từ „hằng dùng phương tiện" trở đi là làm sáng tỏ chỗ chẳng thật sanh, vì sao mà hiện sanh làm lợi lạc pháp nhỏ; người đức mỏng, cấu dày khiến cho được Phật đạo? Cho nên nói là hằng dùng phương tiện để giáo hóa chúng sanh. Nói như thế nầy. Phi sanh mà hiện sanh; cho nên nói như vậy đó. Ngoài ra kinh điển phá liệt ứng sanh thân, sanh phi thân, mà chẳng phá liệt ứng pháp thân, sanh phi sanh. Nay kinh chính thức phá thẳng ứng pháp thân, sanh phi sanh. Vì sao?

Ta thật ra thành Phật đến nay đã lâu xa rồi. Cho nên rõ rằng ngày hôm nay liệt thẳng 2 pháp thân sanh tất cả đều bị phá; cho nên sanh phi sanh. Cùng với những kinh khác vĩnh viễn sai khác.

Từ „Như Lai sở diễn" trở đi; phần thứ 2 làm sáng tỏ hiện sanh hình tướng, âm thanh lợi ích. Trước tiên làm sáng tỏ hình tướng, âm thanh. Kế đến làm sáng tỏ chẳng hư ngụy. Nói tức là dạy bằng âm thanh; thị tức là hình hài hiện ra. Hình và âm thanh chẳng ra khỏi ở đây và kia. Nếu nói pháp thân là thân nầy. Nếu nói ứng thân là nói thân kia. Nói ích lợi là ngay với Phật Nhiên Đăng. Tức là nói thân nầy. Nhiên Đăng là Thầy ta; nên nói là thân kia. Thị hiện chánh, báo là chính việc nầy. Thị hiện y báo là thị hiện việc kia. Tùy nơi ý kia mà nói là thân kia. Tùy theo lời nói mà nói là thân nầy. Việc thị hiện đây, kia, lại những loại như thế nầy. Những gì đã nói tất cả là chơn thật, chẳng hư. Lại có hai. Trước tiên là làm sáng tỏ

chẳng hư ngụy; kế đến là giải thích chẳng hư ngụy. Đầu tiên làm rộng ra sự lợi ích của âm thanh, giải thích việc chẳng hư vọng; tức là đồng giải thích chẳng hư vọng. Đầu tiên chẳng hư vọng là tiệm, đốn 2 căn cơ bẩm 2 loại hình hài, âm thanh nầy tất cả đều lợi ích, chẳng hư vọng. Bên trên, chương trước đã làm sáng tỏ; tất cả đều hoan hỷ; giống như sự lợi ích của thế giới. Nay làm sáng tỏ tất cả chẳng hư ngụy. Thắng, liệt, hình, thinh đều hòa hợp đối với 2 cơ duyên. Làm rộng Tứ Tất Đàn; tất cả đều chẳng hư vọng.

Đại Luận làm sáng tỏ Tứ Tất Đàn (thành tựu) đều là thật. Thế giới do đó thật. Đối trị vì người; cho nên thật. Thuần nhất mà thuận về ba. Đó là thế gian thật thì thật nầy tức là hư ngụy. Duyên vào trong ấy lại có thế gian 3 thật; phần nghĩa thứ nhất tức là ngụy. Nếu dùng sự hư ngụy về thật nầy thì Ước (giáo) Bản ấy hai môn; tiệm, đốn lợi ích là hư thật. Ngày xưa phương tiện thực hành chưa được sự lợi ích của thật đạo. Đây là nguyên nhân của hư ngụy. Chấp vào nơi cận Tích, chưa được Bản địa, lợi ích chơn thật; tức là quả hư ngụy. Nay nghe nói về Tích môn giống nhập vào thật tướng; tức là được nguyên nhân trong sự thật lợi ích. Nghe nói về Bản môn; tức là trừ chấp vào tình gần, được ở nơi quả địa dài lâu về sự thật lợi ích. Nay được 2 đối lại với xưa, 2 hư ngụy Ước, Viên (giáo) đốn chúng sanh. Đối với Tích Bản 2 môn; một thật, một hư, được thực hành Trung Đạo. Đây được gọi là sự thật lợi ích trong nguyên nhân mà chấp vào quả gần, là đối với quả hư vọng. Nay nghe nói nguyên nhân liền chẳng riêng biệt, được chơn thật lợi

ích. Nghe nói quả xa, tức được thật quả lợi ích. Ngày xưa có một hư ngụy; nay được một sự thật. Cho nên nói tất cả thật chẳng hư vậy.

Hỏi: Xưa nay Đại Thừa hay hiển thật tướng; trước sau ngộ, là việc ứng hiện ấy có khắc chăng ?

Đáp: Đầu tiên nhập, kế đến nhập; cho đến phá bỏ thảo am, thông nhập vào Trung Đạo. Hằng nhập, có tiệm, đốn; cho nên phân làm 2 lời dạy. Thí dụ như nhập chơn đế. Đốn là nương tựa vào chiếc pháp vô thường để quán. Lợi là dùng thể pháp không để quán. Cho nên phân tạng, thông vậy.

Từ „vì sao Đức Như Lai như thật tri kiến" trở đi; phần thứ 2 có tổng quát giải thích lợi ích của vật, chẳng hư ngụy. Đầu tiên giải thích về hình hài và sự lợi ích; sau đó giải thích về sự lợi ích chẳng hư ngụy. Ở trong nầy 6 câu hiểu nơi ứng thân chẳng lìa pháp thân. Pháp thân vô hình lại chẳng khởi diệt. Chúng sanh có khởi diệt là cơ cảm đối với pháp thân. Như Lai nguyện lực ứng đồng khởi diệt. Khởi diệt là sự thấy xuất hiện nơi tự chúng sanh. Cho nên Ước (giáo) 3 cõi dùng sự làm sáng tỏ các câu văn. Lại chia ra làm 2. Một là chiếu lý, chẳng hư ngụy. Hai là từ „dĩ chư chúng sanh" trở đi, làm sáng tỏ xưng cơ chăng hư. Đạt được lý, xưng cơ, giải thử giáo hóa vật, tất chẳng phải hư dối vậy. Như thật tri kiến tức là thật lý. Như lý mà chiếu 3 cõi là thật. Thật tức là chẳng 3 cõi là cái tướng của nguyên nhân chẳng có sanh tử; chẳng có 2 lần chết khổ. Khởi tập khởi là thoái. Vô

thường quả hiện gọi là xuất. Lại chẳng tại sanh tử ở đời và chẳng diệt khi nhập Niết Bàn.

Đây là 2 điều đầy đủ diệt; cho nên nói là chẳng tại thế gian và diệt độ. Chẳng phải đối với diệt độ là thật. Chẳng phải nơi sanh tử là hư; cho nên nói phi thật, phi hư vậy. Phi đối với thế gian là cách dị (ngăn cách, dị biệt); chẳng phải đối với xuất thế là chơn như. Cho nên nói rằng: Phi như, phi dị. Bốn điều nầy làm sáng tỏ Trung Đạo. Nếu cả 2 chẳng nhị biên, kết cú định biên. Giống như thí dụ chẳng sanh, chẳng tử. Kết cuộc là sanh là sanh, tử kết cuộc là tử. Là thoái là xuất, kết cấu là thoái, chẳng thoái, chẳng xuất; kết cấu là xuất, chẳng hư chẳng thật; kết cấu là thật, là hư là thật, kết cấu là hư. Như đây là lưu (chuyển) mà nay tất cả đều không. Cho đến đơn, đôi đều đầy đủ lại không. Rồi mới hiểu ý Trung Đạo.

Chẳng như 3 cõi, thấy nơi 3 cõi. Chẳng như 2 loại 3 cõi chúng sanh, chỗ thấy tướng của 3 cõi. Duy nhất chỉ Phật một mình như thật cùng chiếu 3 cõi là thật. Bên trong đầy đủ dụng của thật trí, lại là tùy tự nơi ý nghĩ lời nói. Lại là hoặc nói việc của thân nầy.

Cho nên Đại Phẩm nói rằng: Trong đệ nhất nghĩa chẳng có chỗ phân biệt. Như Lai quyền trí như lượng. Trí kiến 3 cõi là tướng. Tức là như 3 cõi chúng sanh thấy. Như thật rõ thấy, không 2 sự chết, mà tùy theo ý kia biểu thị 2 lần chết của thân; cho nên nói có 2 lần chết. Chẳng thoái chẳng xuất, mà tùy theo ý kia nói có thoái có xuất. Lại chẳng tại thế và diệt độ, mà tùy theo ý kia,

hiển thị sanh nơi thế gian và thị hiện Niết Bàn. Nói có tại thế có được, mất. Chẳng thật mà nói Niết Bàn là thật. Chẳng hư mà nói 3 cõi là hư. Chẳng 3 đời khác nhau, mà nói có khác. Chẳng chơn đế là như, mà nói là có như. Đồng ở nơi 3 cõi, thấy nơi 3 cõi. Tất cả đều là tùy theo ý nguyện và lời nói kia. Gọi là, hoặc nói việc của thân kia, thị hiện nơi việc của thân kia. Như Lai hai trí làm sáng tỏ thẩm xét về Nhị Đế. Cho nên hình hài, lời nói, cả 2 lợi ích. Tất cả thật, chẳng hư vậy.

Từ „dĩ chư chúng sanh" trở đi; phần thứ 2 giải thích xưng cơ chẳng hư ngụy. Đầu tiên làm sáng tỏ cơ cảm. Kế đến luận thí hóa. Dùng các chúng sanh căn cơ lợi, độn, tiệm, đốn chẳng đồng, tánh dục hành trí, đủ loại sai biệt. Muốn làm cho mỗi mỗi được tăng trưởng những căn lành. Cho nên nói lời dạy của đây, kia. Chẳng hư ngụy là nhơn duyên thí dụ vậy. Tiệm, đốn căn tánh mỗi mỗi đều có loại. Điều nầy dùng làm người Tất Đàn (thành tựu). Vì người Tất Đàn chính thức là sanh ra những căn lành. Căn lành dụ cho tánh nầy. Tập tục thành tánh. Nay vì sao tánh trước mà dục sau? Giải thích rằng: Nguyên nhân có bản nhật căn tánh, có thể khởi lên, ngày nay dục lạc. Như nguyên nhân là phiền não cho nên có ngũ ấm; lại nguyên nhân ngũ ấm lại có phiền não, chẳng trước, chẳng sau.

Tánh dục lại cũng như vậy. Điều trọng yếu là nguyên nhân tập dục mà thành tánh vậy. Dục ấy là tiệm đốn 2 cơ. Nếu các loại dục lạc chẳng giống nhau thì điều nầy dùng cho thế giới Tất Đàn. Hành giả khởi tác nghiệp

hành, tùy theo dục lạc mà tu các hạnh. Điều nầy dùng cho người Tất Đàn. Trong khi hành thích nhiều, đắm trước, lại có phòng chướng. Điều nầy dùng để đối trị với Tất Đàn. Nhớ nghĩ là trí tuệ; tức là tương tợ giải. Do tu hành cho nên có thể được giải sanh.

Đây là phương tiện dụ cho chưa xứng lý, vô ngôn nói đạo. Dụ đây là quán về niệm tưởng. Tiệm, đốn chúng sanh ở tại trong ngoài, phàm vị. Có những căn lành dục lạc. Dục lạc cho nên tu hành. Tu hành cho nên được giải tương tợ. Điều nầy dùng cho đệ nhất nghĩa Tất Đàn. Tùy ở nơi nầy được giải ức tưởng, liền vì đó mà nói pháp. Tức là sáng ngộ đệ nhất nghĩa. Cho đến sơ địa dục lạc tu hành lúc nhị địa. Lại nhớ nghĩ cảnh nhị địa. Tức là niệm tưởng. Nếu phát sanh nhị địa chơn giải tức là niệm tưởng quán trừ ngôn ngữ, pháp diệt. Cho đến Phật mới được cứu cánh lìa nơi ức tưởng. Rộng thường tịch chiếu vậy.

Từ „muốn làm cho sanh" trở đi; phần thứ 2 chính là đối cơ. Thí đây, hình hài, âm thanh lợi ích. Đối với tiệm đốn đủ loại căn cơ, làm cho sanh đủ loại căn lành. Cho nên hiện. Nếu cùng với thân nầy, kia cùng sự việc. Nếu cùng với âm thanh giáo hóa tự, tha. Nếu cùng với nhơn duyên thí dụ. Nếu đối với tiệm cơ dùng tam tạng trong tứ môn hoặc dùng nhơn duyên thí dụ. Đối với mỗi một môn lại có nhược can. Như vì giải đãi mà nói khổ nhẫn. Vì ngã mạn mà nói vô thường nhẫn v.v... Thông giáo tứ môn lại cũng như vậy. Nếu đối lại với đốn cơ. Như biệt (giáo) viên lại mỗi mỗi tứ môn nhược can đủ loại. Như 32 Bồ Tát mỗi mỗi nói vào bất nhị pháp môn. Trong Hoa

Nghiêm đủ loại hạnh, tướng mạo. Tất cả vì đủ loại căn cơ. Thí nhược can thí dụ nói lời thuyết pháp. Chỗ làm Phật sự chưa từng bỏ bê. Tổng kết chẳng hư dối.

Như trên nhược can đây, kia hình (hài) và âm thanh thì tất cả làm cho chúng sanh vào Phật tri kiến. Chẳng vì người, trời Nhị Thừa việc nhỏ. Cho nên nói chỗ làm Phật sự vậy. Hoặc một người riêng được diệt độ; ngoài ra người khác chẳng được thì chỗ làm Phật sự tức là vì có sự bỏ phế. Phế ấy tức là làm cho chẳng được thật lợi ích. Há được gặp nhau, tất cả thật chẳng hư. Vì sao tất cả đều thật ?

Ngày xưa nói rằng ta ngồi nơi Đạo Tràng chẳng được một pháp thật. Bảy phương tiện cùng chẳng phải cứu cánh diệt. Hai là Niết Bàn phương tiện, không quyền. Cho nên rõ tuy hư, chưa thấy, đều là thật. Nếu ngày xưa thí 7 quyền, theo chẳng được nhập vào một thật thì có thể nói về hư vọng nầy. Hư ấy dẫn chứng được ra khỏi không có hư; ra mà chẳng vào thật. Cho nên rõ rằng xưa hư là thật vậy. Tất cả thật, chẳng hư Phật sự, chẳng phế; tức là nghĩa nầy vậy.

Từ „như vậy ta thành Phật thật là lâu xa" trở đi; phần thứ 2 làm sáng tỏ phi diệt, hiện diệt lại có 2. Đầu tiên là làm sáng tỏ phi diệt hiện diệt; thứ 2 là từ „Như Lai dùng phương tiện nầy" trở đi, làm sáng tỏ sự hiện diệt lợi ích. Đầu tiên ấy lại chia làm 2. Phần trước làm sáng tỏ bản chất bất diệt. Kế đến từ „rồi bây giờ" trở đi làm sáng tỏ trong Tích xướng lên sự diệt. Từ „ta thành Phật đến nay" trở đi, làm sáng tỏ quả vị thường. Thường cho nên

bất diệt. Qua điều nầy 4 chữ, làm sáng tỏ vị lai đại thế uy mãnh thường trụ ích vật.

Từ „bản hạnh của ta" trở đi, đưa ra nguyên nhơn huống quả, lấy đó làm sáng tỏ cho thường trụ. Người xưa nương cậy vào điều nầy, dùng chứng vô thường để nói. Trước thì hơn cả hằng hà và sau lại gấp đôi số ấy. Thần thông diên thọ dụ cho vô thường. Giữ lấy câu văn hẹp, ý lớn, có chỗ sai sót. Kinh đưa ra nguyên nhơn luống quả, quả lại chẳng có số. Kinh nói rằng: Từ lâu xa tu nghiệp được thọ mệnh vô số kiếp. Chẳng phải là thần thông diên thọ. Sao vậy? Phật tu viên nhơn. Lúc chứng sơ trụ thì đã được thường thọ. Thường thọ, hèn thọ, thọ gấp bội trên số ấy, huống là quả sao? Sao lại bỏ chỗ luống quả? Câu chấp có thể làm luống mất nguyên nhơn. Qua đó làm cho nguyên nhơn nầy đối với thường, chẳng phải vô thường vậy. Dụ như lúc Thái Tử thì duyên vào việc đã qua chẳng chấm dứt. Huống là chứng đạo cao, lộc ấy há có thể dùng đến hết sao? Làm sáng tỏ câu văn tại đó, sao lại nghi ngờ và sau đó việc lầm lẫn phát sanh sao?

Từ „rồi nay chẳng thật" trở đi; phần thứ 2 trong Tích xướng lên sự diệt. Ba thân cùng với có, không diệt, xướng nghĩa diệt. Như Tịnh Danh nói: Pháp vốn chẳng sanh; nay tức là chẳng diệt; tức là pháp thân chẳng diệt. Lại nói rằng: Ý nghĩa của việc tịch diệt nầy tức là xướng lên sự diệt vậy. Vì sao nếu điều nầy liễu đạt thì chẳng xướng tịch diệt. Vì chưa rõ cho nên xướng lên vậy. Nếu

nói chiếu tịch; tức là xướng diệt. Nếu nói tịch chiếu tức là xướng sanh.

Phàm pháp thân tuy chẳng sanh chẳng diệt, lại có sanh diệt. Nếu tâm mê chấp trước; tức là phiền não sanh mà trí huệ diệt. Nếu giải tâm vô nhiễm; tức là trí huệ sanh, phiền não diệt. Hoặc sanh giải điều nầy là vô thường diệt. Nếu giải sanh hoặc diệt, tức là tịch diệt. Điều sanh diệt nầy tất theo Ước (giáo) pháp tánh mà biện luận. Nếu chẳng mê, giải 2 duyên; tức là chẳng xướng có sự sanh diệt nầy. Báo thân chẳng diệt, xướng diệt. Tuy có trí tuệ mà ai có phiền não? Mà nói trí huệ hay phá.

Đây chính là làm sáng tỏ sự mờ tối chẳng tương trừ. Tức là nghĩa của báo thân chẳng diệt. Chúng sanh chưa rõ, nghe điều nầy liền nghĩ về việc nầy; tức là Phật, mà sanh kiêu tứ, chẳng có tu đạo. Cho nên lại nói rằng: Đạo hay diệt hoặc. Lúc có phiền não, tức là chẳng có trí tuệ. Lúc có trí tuệ, tức là không có phiền não. Há chẳng có trí tuệ lại có thể diệt phiền não chăng? Ứng thân chẳng diệt, xướng diệt. Ứng là dụng của Pháp, báo (thân). Thể liền vô diệt, dụng há có cùng sao? Tức là ứng thân không diệt. Hằng vì chúng sanh. Nếu thường thấy Phật; tức sanh kiêu tứ. Nên ta xướng rằng: Đêm nay sẽ vào diệt độ. Lại nữa pháp thân thường thể sáng tỏ, chẳng diệt. Báo thân nói chẳng diệt, tất Ước (giáo) pháp thân. Dùng lý mà luận, trí tuệ có thể phá. Vì khắp đủ cho nên phá việc chưa chu đáo. Phá vì điều chung làm riêng. Như đây làm rõ lý, chẳng có thể phá công

(đức) được. Tức là trí huệ chẳng diệt nghĩa của hoặc. Tựu chung có trí tuệ, liền chẳng phiền não. Tức là huệ nầy có thể diệt hoặc. Ứng thân nói bất diệt, đủ theo Ước (giáo) pháp, báo (thân). Pháp, báo thường nhiên, ứng dụng chẳng dứt. Chúng sanh không tận tức chẳng diệt độ. Nếu pháp thân sẽ là thể luận thì chẳng sanh diệt. Báo thân liễu đạt, chẳng thể sanh diệt. Ứng thân tương tục, chẳng sanh diệt v.v...

Từ „dùng phương tiện giáo hóa nầy" trở đi; phần thứ 2 làm sáng tỏ hiện diệt ích vật. Lại nữa có 2. Trước là chẳng diệt chúng sanh có tổn (hoại); hai là từ „dùng phương tiện nói Tỳ Kheo nên biết" trở đi. Nếu xướng diệt đối với vật có ích. Đầu tiên lại có 2. Trước là chẳng diệt có tổn. Kế đến là giải thích rộng việc chẳng diệt. Có tổn nghĩa là như người trước vui với pháp nhỏ, thấy Phật thường tại, chẳng trồng căn lành. Tham cùng, hạ tặc, chẳng sanh 2 việc lành; cho nên chẳng lợi ích. Thấy tư (hoặc) chẳng đoạn lìa, chẳng đoạn trừ 2 ác; tức là có tổn (hoại). Tham trước ngũ dục, vào nơi ức tưởng. Ức tưởng tức là kiến hoặc. Ngũ dục tức là tư hoặc. Do đây mà chúng sanh nhiều cấu trước; cho nên nói diệt. Chẳng nói diệt tức là 2 ác sanh mà chẳng diệt. Hai lành tổn (hoại) lại chẳng sanh. Vì diệt 2 ác. Dùng nghĩa của đệ nhất đối trị. Đệ nhất nghĩa diệt chưa sanh ác. Đối trị diệt đã sanh ác rồi. Thế giới vì con người, sanh 2 điều lành. Thế giới sanh, chưa sanh điều lành. Vì con người sanh rồi, sanh điều lành. Lại nữa thế giới diệt rồi, sanh ác. Đối trị diệt chưa sanh ác. Như thiền, ngũ ấm diệt, dục giới ác; tức là

thế giới diệt rồi, sanh ác. Vì con người sanh rồi, sanh thiện. Đệ nhất nghĩa sanh, chưa sanh vô vi thiện.

„Nếu thấy" trở đi; phần thứ 2 giải thích rộng. Nếu thấy Phật thường tại liền khởi tâm mạn tứ; cho nên có sự tổn hại. Chẳng thể sanh cung kính, do vậy chẳng lợi ích gì. Kiêu tứ tức là tăng trưởng kiến hoặc. Yểm đãi tức là sanh tứ hoặc. Chẳng sanh nan tao tưởng tức là chẳng sanh kiến đế giải. Chẳng cung kính tức là chẳng hay sanh tư duy đạo. Vì ý nghĩa nầy cho nên nói ứng hiện diệt. Nếu thấy, nghe 3 Phật chẳng diệt, tất có nghĩa kiêu tứ. Liền vì chúng sanh như Di Lặc, như nhứt, như vô nhị, như bình đẳng tức là chơn. Do sự sinh nầy đối với kiêu tâm thượng mạn. Nghĩa là tất cả phiền não gốc, tự chẳng sanh. Nay lại chẳng diệt thì làm sao tu đạo? Tức là liền tứ tình buông lung. Vì đây mà nói ý nghĩa của tịch diệt.

Lại nữa khi nghe tất cả chúng sanh tức là tướng Bồ Đề. Tướng Bồ Đề tức là tướng của phiền não. Làm sáng tỏ sự đen tối chẳng tương trừ; hiển xuất Phật Bồ Đề. Chúng sanh nghe điều nầy lại khởi mạn tứ; chẳng tu điều lành, giải đãi buông lung. Vì những điều nầy vậy. Xướng nói báo thân trí huệ, hay diệt trừ phiền não vô minh lực, đại Phật Bồ Đề trí, hay có thể diệt. Ứng thân phi diệt, hiện diệt, dễ giải. Nếu xướng nói pháp gốc chẳng sanh; nay lại chẳng diệt, cần tu diệt hoặc, mới hay tịch diệt. Kinh rằng: Trí huệ chẳng diệt phiền não, mà lại làm sáng tỏ lúc chẳng tối tăm. Ngươi nay đầy đủ phiền não sao có thể có huệ được? Nên biết rằng trí huệ có thể diệt chướng hoặc. Chúng sanh nghe điều nầy nói là diệt. Liền

đối với 3 Phật sanh nan tao tưởng, khởi tâm cung kính. Cho nên Như Lai dùng phương tiện vậy.

Để làm sáng tỏ việc xướng lên diệt là có lợi ích. Trước tiên tán thán việc gặp Phật là khó. Kế đến giải thích việc gặp khó kia. Ba Phật lại khó gặp; chúng sanh vui đắm với pháp nhỏ, thấy tư chướng nặng. Nghe ba thân chẳng diệt, tức chẳng tu đạo. Khó được gặp gỡ. Cho nên dưới đây mới giải thích. Những người đức mỏng, qua trăm ngàn kiếp; hoặc có thấy Phật, hoặc chẳng thấy. Nếu thấy được 3 Phật; thì người nầy lành nhiều ác ít; chẳng vì người nầy mà nói diệt. Người nầy thấy Phật vẫn thường ở tại Linh Sơn. Hoặc chẳng thấy Phật, người nầy chướng nhiều lành ít. Vì nói 3 thân khó gặp, chúng sanh nghe, liền nghĩ như thế nầy: Tuy 3 Phật chẳng có sanh chẳng có diệt, tất nhiên là sanh thiện, diệt hoặc, mới được chứng kiến. Việc nầy chẳng dễ; cho nên nói là nan tao. Tâm hoài luyến mộ khát ngưỡng tức là điều nầy làm sáng tỏ hiện diệt, chẳng tổn hại. Diệt ấy đối với kiến tư, gọi là vô tổn. Trồng căn lành gọi là hữu ích.

Lại nữa từ „thiện nam tử" trở đi; phần thứ 2 đại đoạn kết, 3 đời ích vật, vật được thật ích. Lại chia làm 3. Trước tiên làm sáng tỏ chư Phật xuất hiện trong đời ngũ trược tất nhiên trước 3, sau một; trước gần, sau xa. Kế đến làm sáng tỏ tất cả đều để giáo hóa chúng sanh. Sau đó làm sáng tỏ tất cả chẳng hư vọng. Giống như thí dụ ở dưới, phần dụ thứ 2 nói về việc có khai dụ và hợp dụ. Khai dụ lại có 2. Một là thầy thuốc trị con bệnh. Dụ như bên trên 3 đời ứng, hóa mà tuyên nói. Hai là thí dụ việc

trị liệu đứa nhỏ nầy thật là lợi ích. Bên trên 3 đời lợi vật chẳng hư. Bên trên, vị lai, câu văn ít; còn trong nầy thì đầy đủ.

Tựu chung đầu tiên ấy lại có 3. Một là thí dụ cho vị Thầy thuốc ấy đi xa. Dụ cho quá khứ ích vật. Hai là trở lại như cũ. Dụ cho hiện tại ứng hóa. Ba là tìm chỗ trở về. Dụ cho vị lai ứng hóa (thân). Quá khứ câu văn ấy chia làm 2. Một là phát cận, hiển xa. Hai là làm sáng tỏ quá khứ ứng, hóa (thân) mà tuyên nói. Nay hằng dụ ứng, hóa chỗ tuyên bày. Chỗ tuyên nói ấy lại có 3. Một là xứ sở; hai là phất Tích nghi; ba là chánh ứng, hóa. Nay hằng dụ cho ứng, hóa. Ứng, hóa lại có 2. Một là cơ cảm; hai là chánh ứng, hóa. Nay đều thí dụ. Như có vị Thầy thuốc; qua thí dụ bên trên, ta dùng Phật nhãn để quan sát, có thể nên rõ biết. Từ nhiều con cái, là truy theo dụ bên trên. Nếu có chúng sanh nào đến nơi ta, hay cơ cảm.

Bên trên chỗ ứng, hóa ấy tuyên nói lại có 2. Một là ích vật; hai làm làm sáng tỏ sự hoan hỷ. Nay hằng dụ cho sự ích vật. Bên trên, sự ích vật ấy lại có 2. Một là phi sanh hiện sanh; hai là phi diệt hiện diệt. Nay hằng dụ cho hiện diệt. Đầu tiên nói về vị lương y. Y ở đây có 10 loại:

Một là trị bịnh, nhưng bịnh lại tăng, không giảm hoặc có lúc kéo đến sự chết chóc. Dụ không thấy ngoại đạo. Tư ý làm việc ác, rồi bảo người khởi lên đoạn mất căn lành. Pháp thân liền mất, huệ mệnh lại chết đi.

Hai là trị bịnh chẳng tăng, chẳng bớt. Dụ cho việc có thấy việc khổ hạnh của ngoại đạo như lao mình vào lửa, chịu những cực hình để làm việc lành. Chẳng được thiền định, chẳng hay đoạn kết; tức là không bớt. Lại chẳng thể đoạn thiện; tức là chẳng tăng vậy.

Ba là trị bịnh hết mà chẳng tăng. Thường là ở đời chỗ trị của vị Thầy ấy sai; nhưng trở lại sống được. Tức là tu định, đoạn kết ngoại đạo.

Bốn là trị bịnh, rồi chẳng bộc phát trở lại nữa, mà chỗ trị lại chẳng thay đổi. Tức là người nhị thừa dừng trị, một hai loại có duyên. Chẳng thể biến trị cho tất cả.

Năm là tuy có thể cùng biến khắp mà chẳng có công hiệu, dùng để chữa khổ bịnh. Thích Luận gọi đây là chuyết độ (giúp một cách vụng về); tức là sáu độ Bồ Tát từ bi rộng trị.

Sáu là trị bịnh diệu thuật, trị chẳng còn bịnh não, mà chẳng thể trị cho người khỏi chết. Dụ cho Thông giáo Bồ Tát, thể pháp hằng trị có ngược lại. Phàm phu chẳng trị được tiêu chủng Nhị Thừa.

Bảy là tuy trị khó, trị bịnh khỏi hẳn; mà chẳng phải một lúc trị cho tất cả bịnh. Tức là Biệt giáo Bồ Tát vậy.

Tám là hay trong một lúc, trị cho tất cả bịnh, mà chẳng thể hay làm cho bình phục như cũ. Tức là Viên giáo sơ tâm thập tín vậy.

Chín là hay biến trị tất cả, lại hay được bình phục như cũ, mà chẳng thể làm cho qua khỏi gốc cũ. Tức là Viên giáo hậu tâm vậy.

Mười là trong một lúc trị tất cả bịnh; tức có thể làm bình phục hết. Lại làm cho khỏi hẳn cái gốc; tức là Đức Như Lai vậy.

Trước 3 loại Thầy thuốc; tức là trong Đại Kinh, Thầy thuốc cũ dùng thuốc sữa; bảy loại sau cùng với khách y học. Chẳng có thuật nghĩa là hằng dùng pháp vô thường, khổ v.v... Như dùng cay, đắng, chua làm thuốc. Có thuật từ xa đến, lại làm cho uống sữa. Cuối cùng làm lương y hoàn hảo. Lương đây chính là lành vậy. Bên trong lại có 3, đạt được ngũ căn tức là 8 (nghệ) thuật. Diệu tức là được thuốc tánh lành dùng để chữa trị. Bên ngoài rõ biết căn nguyên của bịnh hay dùng đến thuốc.

Trí huệ tức là quyền, thật 2 trí; sâu rõ 2 đế. Thông viễn nghĩa là 5 mắt rõ biết căn cơ đốn tiệm chẳng sai biệt. Trong 12 bộ kinh giáo, văn lý thật sâu xa, như làm sáng tỏ phương dược tốt, nương vào Tứ Tất Đàn để trị bịnh cho chúng sanh. Như lành trị các bịnh vậy. Vô lượng nghĩa là Y Vương, Đại Y Vương dùng y thuật lớn; cho nên gọi là lương y. Nhiều con cái nghĩa là 10 Thinh khai mở 20 Chi Phật, trở thành hằng trăm số Bồ Tát. Bồ Tát là con.

Phàm có ý nghĩa 3 loại con:

Một là thành tựu tất cả chúng sanh. Tất cả có 3 loại tánh, được Phật tánh; tức là Phật Tử. Cho nên nói chúng sanh trong nầy tất cả là con của ta. Câu văn nầy nói có nhiều con cái. Theo Ước (giáo) thì 10 tâm số pháp tức là có 100 con. Tâm vương là chánh nhơn Phật tánh. Huệ là

liễu nhơn tánh. Ngoài ra 9 tướng phù trợ, khởi lên theo duyên Phật tánh. Một số lúc khởi lên 9 số phù trợ. Như vậy thành 100. Tánh Phật ấy của con Phật là phi thiện, phi ác, mà vượt qua thiện ác. Cho nên số 10 nầy cùng với tâm vương là thông tâm số. Là dùng tánh Phật với 3 nguyên nhơn. Tất cả thuộc vào chánh nhơn Phật Tử.

Hai là tựu chung ngày xưa kết duyên làm Phật Tử, như 16 vị vương tử kia. Khi giảng Pháp Hoa thì nghe pháp lại sanh vi giải tức thành liễu nhơn tánh. Xưa kia hay tu hành là vì tánh duyên nhơn nầy. Tánh chánh làm căn bản. Đây là 3 nguyên nhơn cùng với sự lệ thuộc của nhơn duyên vào. Rồi phát ra và ngày nay giải một sự thật. Cho nên dùng ngày xưa để kết duyên. Vì nhơn duyên ấy là Phật Tử tức là 30 đứa con trong nhà lửa. Ở đây với Ước (giáo) là thập tín. Một tín khởi lên tức là đầy đủ 9 loại kia sẽ trở thành 100 tín. Cho nên được kết duyên làm Phật Tử vậy.

Ba là con liễu hết nguyên nhơn; tức là ngày nay nghe kinh Pháp Hoa, an trụ trong thật trí. Ta định sẽ làm Phật, quyết rõ pháp Thanh Văn, là vua của các kinh. Từ miệng Phật sanh, được phần Phật pháp; cho nên gọi là chơn tử. Điều nầy lại có 3 tánh của nguyên nhơn. Nay lại hiển rõ, thấy nơi Phật tánh, cùng với thuộc rõ nguyên nhơn của Phật Tử. Một trăm con là ý nghĩa trở lại 10 số, nhập vào pháp thập thiện. Thập tín nhập vào sơ trụ. Cho nên nguyên nhân chính vượt qua đối với gốc, ngọn. Câu văn nầy làm sáng tỏ cho 10 con. Chẳng dùng liễu nguyên nhơn của con cái. Liễu nhơn tử thuộc phía dưới; chẳng

mất tâm dùng thuốc đã làm sáng tỏ. Dùng hữu sự duyên xa đến tận nước kia. Dụ cho quá khứ ứng hóa trong hiện diệt.

Từ „các con đối với sau" trở đi; phần thứ 2 trở lại như cũ, dụ cho hiện tại ích vật, lại có 2. Một là về sau các con uống thuốc độc. Dụ nầy nói về căn cơ ứng tướng, quan hệ với việc thấy chúng sanh đức mỏng mà cấu uế lại dày. Chúng sanh sau khi Phật diệt độ vui nhiễm nơi ba cõi theo pháp của tà sư. Cho nên nói là uống thuốc độc, liền đó đi đến nước khác, luân chuyển trong các nơi, rơi vào 3 cõi; cho nên nói là uyển chuyển vu địa.

Lúc ấy người cha trở lại nhà. Dụ nầy dụ cho ta lúc nhỏ xuất gia được tam Bồ Đề; phần 2 phi sanh hiện sanh. Phần trên lại có 2. Hình (hài) và (âm) thanh cùng sự lợi ích chẳng hư dối. Nay nói các con trúng thuốc độc nên trở về.

Dụ bên trên về hình hài lợi ích. Tín nhận các pháp nơi tà sư; cho nên uống thuốc độc, đánh mất bản tâm, chẳng sanh cơ cảm lớn nhỏ. Chẳng đánh mất tâm là sanh ra cơ cảm của Đại, Tiểu. Lại nữa mất tâm là tham trước nơi 3 cõi; trước tiên mất chỗ trồng căn lành nơi tam thừa. Vì người nầy phi diệt mà xướng là diệt. Chẳng đánh mất tâm là tuy dính mắc ngũ dục mà chẳng mất Tam Thừa thiện căn là người nầy; cho nên phi sanh hiện sanh. Lành thêm, ác giảm thấy Phật; tức là hay tu đạo đoạn lìa kết (sử). Như con gặp cha, tìm cầu thuốc để chữa lành bịnh. Thiện ít, ác nhiều được thấy Phật lại cầu gìn giữ mà chẳng tu đạo, như con gặp cha cầu cứu mà

chẳng chịu dùng thuốc chữa trị. Cha vì người con nầy mà nói rằng: Phải chết; thấy nghịch là làm sáng tỏ lúc Phật ra đời, chúng sanh lại thấy sắc thân, mà vì thấy tư (hoặc chướng cách ngũ phần; chẳng được gần gũi phụng thờ pháp thân; cho nên nói là nghịch). Thấy Phật ra đời, tất cả đều làm việc cung kính hoan hỷ. Hiện các kinh văn là do Phạm Vương thỉnh cầu. Ví dụ nầy là từ ngữ cầu cứu.

Từ „người cha thấy con khổ sở" trở đi là dụ bên trên nghe được lợi ích lại có 2. Đầu tiên dụ cho Phật nhận lời thưa thỉnh chuyển nhị đế pháp luân, mà tạo ra lời nói nầy là dụ cho việc khuyến khích răn dạy. Kinh phương tức là 12 bộ giáo điển. Dược thảo tức là chỗ dạy dỗ, chú giải 8 vạn pháp môn. Từ khi Phật xuất 12 bộ cho đến khi ra khỏi Niết Bàn. Sự ra khỏi nầy là thuốc chữa bịnh tiệm, đốn. Ngay từ Phật xuất 12 bộ. Sự ra khỏi nầy là dược thảo đốn (giáo). Từ Phật xuất Tu Đa La (Kinh). Sự xuất nầy là dược thảo tiệm (giáo). Sắc ấy là dụ cho giới. Giới phòng thân, miệng sự tướng, chướng hiển. Hương ấy là dụ cho định. Công đức hương xông tất cả. Vị ấy là dụ cho huệ; có thể được lý vị. Giới, định, huệ nầy tức là Bát Chánh Đạo. Tu bát chánh đạo có thể thấy được tánh Phật. Lại nữa sắc là Bát Nhã, chiếu rõ pháp tánh là sắc, phân minh vô ngại. Hướng ấy là giải thoát; đoạn đức, đoạn xú. Vị ấy là pháp thân. Lý vị vậy. Ba pháp chẳng ngang, chẳng dọc; gọi là bí mật tạng. Nương vào lời dạy để tu hành thì được vào trong tạng nầy. Nói tam thừa không, tam muội lực như công kích, vô tướng như dây nhỏ, vô tác như hợp lại. Mỗi mỗi tam vị đều đầy đủ giới, định, huệ. Lại nữa không quán như công kích,

giải quán như dây nhỏ và Trung Quán như hợp lại. Ba quán nầy mỗi mỗi chẳng lìa giới, định, huệ. Với pháp nầy cùng với tiệm, đốn chúng sanh, làm cho tu hành, gọi là phục (điều). Từ đó mà tạo việc nầy và nói cho đến có thể phục được. Tức là khuyến môn vậy.

Từ mau trừ khổ não cho đến chẳng có loại nào lo lắng. Tức là giới môn vậy. Cùng với giới, khuyến 2 giáo làm cho những chúng sanh điều phục pháp dược. Trong những người con nầy chẳng mất tâm; bên trên dụ cho sự lợi ích chẳng hư ngụy. Bên trên lại có 2. Một là chẳng hư dối; kế đến giải thích việc chẳng hư dối. Nay nói trong các con chẳng đánh mất tâm là phục dược bệnh ấy có sai khác. Tức là dụ cho bên trên tất cả là thật chẳng hư vậy. Giải thích việc chẳng hư vọng, chẳng tạo ra thí dụ vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 9 (phần sau)

Dịch xong phần trên đây vào ngày 5 tháng 10 năm 2010 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg - Đức Quốc.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 10
(Phần trước)

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng

- Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt ngày 6 tháng 10 năm 2010 tại Tu Viện Viên Đức – Ravensburg.

Từ „ngoài ra việc đánh mất tâm" trở đi; bên trên dụ cho phi diệt hiện diệt. Bên trên lại có 2. Một là chết chẳng lâu dài; dụ bên trên cho phi diệt hiện diệt. Thứ hai là các con tỉnh ngộ. Dụ bên trên là nói việc diệt độ lợi ích. Lại nói lý do của sự chết, do các con chẳng chịu uống thuốc. Dụ bên trên chỉ cho những kẻ kém đức, thấy Phật ở đời, mà hay sanh tâm kiêu tứ (kiêu mạn và tự hào). Bên trên trong hiện diệt ấy lại có 2. Một là Bản thật chẳng diệt; hai là phi diệt nói là diệt. Lý do chẳng xuất hiện sự nhập diệt. Lại xướng rằng nhập diệt là lợi ích. Nay thí dụ chẳng dụ phần thứ nhất, mà làm sáng tỏ lý do của sự hiện diệt. Chính là do chúng sanh đức kém, thấy Phật mà chẳng tu hành; tức là chẳng chịu uống thuốc vậy.

Từ „Ta nay giả thử" trở đi; chính thức nói lên việc ra đi. Dụ cho phi diệt mà nói là diệt. Ở trong nầy làm sáng tỏ sự buồn khổ, già nua; lại chia ra làm 2. Một là đưa ra lời nói về sự lưu trụ trong quá khứ. Dụ bên trên việc ở ấy có sự tổn hoại (nên) diệt có lợi ích. Hai tức là tạo ra lời nói nầy và xướng lên sự chết. Chính thức dụ cho hiện diệt và việc hóa độ đã xong. Giờ chết đã đến, sẽ vào Niết Bàn. Lưu truyền kinh điển và những lời dạy lại; cho nên nói là thuốc chữa tốt; nay lưu lại ở cõi nầy.

Lại đến nước khác tức là ở nơi đây hiện diệt mà ở phương khác thì hiện sanh. Câu văn trên lại nói rằng: Nguyện ở phương kia đưa mắt nhìn và gìn giữ; tức là ý nghĩa nầy. Di sử có nghĩa là giữ lấy trong Niết Bàn mà nói lớn tiếng cho mọi người, làm sứ giả. Hoặc dùng thần thông; hoặc dùng xá lợi; hoặc dùng kinh dạy mà làm người sứ. Nay dùng sự 4 nương tựa nơi Bồ Tát để nói với chúng sanh là Phật đã diệt độ rồi. Hằng lưu giữ pháp nầy, ta nay tuyên nói hoằng dương; ngươi nên thọ lãnh hành trì. Sau nầy chúng sanh nếu chẳng theo 4 việc nương tựa để truyền thuật kinh pháp thì há có thể tự biết được rằng Phật đã diệt độ rồi chăng? Cho nên phải dùng 4 nơi nương tựa như là một sứ giả.

Thứ 2 là „lúc ấy các con" trở đi! Các con tỉnh ngộ, dụ cho hiện diệt lợi ích. Câu văn trên lại chia làm 2. Một là làm sáng tỏ sự tổn hoại và sự lợi ích; hai là giải thích sự tổn hoại và sự lợi ích. Nay bằng thí dụ cho việc được lợi ích. Trong nầy có „tự suy nghĩ riêng lẻ" trở đi; làm sáng tỏ việc được lợi ích sau khi diệt độ. Như Ưu Ba Cấp Đa đã giáo hóa lưu truyền. Lại chia ra làm 2. Một là hiện diệt lợi ích; hai là vị lai cơ cảm. Lý do tốt là sau khi diệt độ, chúng sanh tỉnh ngộ chịu uống thuốc, tu hành, dùng đó để tạo tác nhơn duyên, có thể cảm được vị lai để ứng, hóa. Như (Kinh) Di Giáo nói rằng: Kẻ chưa độ thì sẽ tạo ra nhân duyên để được độ. Lại có hiện được, cảm thấy. Phổ Hiền Quán nói rằng: Tinh tấn cần khổ cho đến được gặp Thích Ca phân thân, Đa Bảo ở Đông Phương, đức lành ấy cùng với 7 vị Phật Thế Tôn.

Phần thứ 3 là người cha nầy khi nghe các con, tất nhiên đã có sự thể đắc khác nhau. Tức là sức mạnh của vị lai về ích vật uy mãnh. Người cha nghe các con khác nhau nghĩa là căn cơ hoặc khiến cho thấy; tức là khởi lên việc ứng, hóa của vị lai. Rồi mới cùng hình hài, âm thanh cả 2 đều lợi ích như câu văn.

Từ „chư thiện nam tử! Vì sao vậy" trở đi. Lời nói ấy chẳng hư dối dụ cho việc làm sáng tỏ 3 đời làm lợi ích việc chẳng hư vọng vậy. Từ Phật nói „ta lại cũng như vậy" đã làm sáng tỏ cho hợp dụ nầy. Thành Phật tới nay, từ vô lượng kiếp nghĩa là hợp với đời quá khứ. Phương tiện lực nói sẽ diệt độ. Hợp với đời hiện tại. Câu văn lược bớt, chẳng hợp với vị lai. Lại không thể nói: ta hư vọng. Hợp với sự lợi ích chẳng hư vọng vậy.

Kệ có 25 hàng rưỡi; tụng bên trên về pháp dụ. Hai mươi hàng rưỡi hàng đầu tụng về thuyết pháp. Kế đến 5 hàng tụng về thí dụ việc nói. Bên trên thuyết pháp lại có 2. Nay tụng ấy lại có 2. Đầu tiên 19 hàng rưỡi tụng về sự ích vật trong 3 đời. Kế đến một hàng, tụng về tất cả sự thật, chẳng hư ngụy. Đầu tiên 4 hàng tụng về đời quá khứ làm lợi ích vật lại chia ra làm 3. Một hàng đầu tiên tụng về việc bên trên thành đạo đã lâu xa rồi.

Kế đến từ „thường thuyết pháp" trở đi; phần thứ 2 gồm một hàng,tụng bên trên và ở giữa sự ích vật. Kế đến „vì độ chúng sanh"; phần thứ 3 gồm 2 hàng, tụng phần bên trên về trụ xứ. Kế đến „chúng thấy ta" trở đi; phần thứ 2 gồm 5 hàng tụng về hiện tại. Câu văn bên trên lại có 2. Hai hàng rưỡi đầu tiên tụng về phi sanh

hiện sanh. Kế đến „lúc ấy ta nói" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng rưỡi tụng về phi diệt hiện diệt. Tiếp theo „ta thấy họ" trở đi; phần thứ 3 gồm 10 hàng rưỡi; tụng bên trên phần vị lai. Bên trên hay dùng: thường trụ bất diệt gồm 4 chữ. Nay liền tụng rộng ra. Câu văn nầy lại chia làm 4. Đầu tiên „ta thấy" trở đi gồm 1 hàng rưỡi, làm sáng tỏ vị lai cơ ứng.

Kế đến „thần thông lực như vậy" trở đi; phần thứ 2 gồm 4 hàng; tụng bên trên về thường trụ bất diệt. Thường tại núi Linh Thứu. Đây có nghĩa là Thật Báo Độ vậy. Ngoài ra các trụ xứ nghĩa là phương tiện hữu dư độ; tức là bên trên nghĩa nói về các nước khác. Trời, người sung mãn nghĩa là 30 tâm của con người. Thập Địa là trời, đánh trống trời tức là vô vấn tự thuyết vậy. Mạn Đà La hoa là nói địa vị của Hiền Thánh. Kế đến „Tịnh Độ ta" trở đi; phần thứ 3 gồm 2 hàng; làm sáng tỏ việc chẳng gặp nhơn duyên. Kế tiếp „Họ có tu công đức" trở đi; phần thứ 4 gồm 3 hàng, làm sáng tỏ được gặp nhơn duyên.

Kế tiếp „các con có trí" trở đi; phần thứ 2 gồm 1 hàng, tụng về sự lợi ích chẳng hư dối bên trên. Kế đến 5 hàng, dụ ấy lại chia ra làm 2. Một hàng tụng về khai dụ, lại chia làm 3. Một câu đầu, tụng về quá khứ. Vì tự hạ gồm 2 câu tụng về hiện tại. Chẳng tụng về vị lai. „Vô năng thuyết" trở đi; phần thứ 3 gồm 1 câu tụng về việc chẳng hư ngụy. „Sau ta lại làm" trở đi; phần thứ 2 gồm 4 hàng, tụng về hợp dụ. Trong phần hợp bên trên, gốc ấy

chẳng hợp với vị lai. Nay nửa hàng đầu tụng hợp về quá khứ.

Kế đến „phàm phu" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng rưỡi, tụng về hợp hiện tại. Sau đó „mỗi tự làm" trở đi phần thứ 3 gồm 1 hàng; tụng về hợp, chẳng hư ngụy. Khai 3 hiển 1, khai gần hiển xa là muốn làm cho chúng sanh mau vào Phật đạo. Việc nầy tất được, chẳng hư vọng vậy.

Giải thích về phẩm Phân Biệt Công Đức

Phật nói Thọ Lượng 2 đời đệ tử được các loại lợi ích; cho nên nói là công đức ấy cạn sâu chẳng giống nhau. Từ đó nói phẩm Phân Biệt vậy. Câu văn nầy là Bổn Môn, phân đoạn thứ 2 về thọ ký. Luận phân câu văn nầy có pháp lực và tu hành lực. Pháp lực lại có 5. Một là chứng. Hai là tín. Ba là cúng dường tất cả như phẩm nầy. Bốn là nghe như phẩm Tùy Hỷ. Năm là đọc, tụng, giảng, nói. Đọc tụng như phẩm Pháp Sư công đức. Trì là theo lời chỉ dạy của Pháp Sư, như phẩm An Lạc Hạnh và phẩm khuyến trì gồm 3 phẩm. Nói (pháp) đây giống như phẩm thần lực, chúc lũy. Tu hành lực nghĩa là lực khổ hạnh như Dược Vương; giáo hóa như Diệu Âm. Giúp đỡ khó khăn như Quan Âm Đà La Ni; chỉ bày công đức như Diệu Trang Nghiêm Vương. Hộ Pháp như phẩm Phổ Hiền v.v...

Quang Trạch nói rằng: Một theo Ước (giáo) công đức môn, ghi nhận việc nầy, tiến đến hiện tại tu nhơn.

Hai theo Ước (giáo) trí huệ môn, ghi nhận sự tồn sanh nầy và vị lai được quả. Ba là làm sáng tỏ ngoại phàm phát tâm. Phàm là thọ ký, thông nhơn quả. Ba thông nầy là thọ ký vậy.

Bên dưới là 8 thế giới phát tâm, ở tại thí dụ đầu. Dùng ngoại phàm nghe kinh phát tâm, trụ ở 30 tâm. 30 tâm ấy nghe kinh, bắt đầu ra khỏi bên trong, để chứng nơi Sơ Địa, được vô sanh nhẫn. Sơ địa nghe kinh rồi tiến nhập vào Nhị Địa, được nghe liền giữ. Nhị Địa nghe kinh được vào Tam Địa; gọi đây là vui nói biện tài. Tam Địa nghe kinh nhập vào Tứ Địa, được vô lượng toàn. Tứ Địa nghe kinh, nhập vào Ngũ Địa; gọi đây là bất thối. Ngũ Địa nhập Lục Địa; gọi đây là thanh tịnh luân. Ngàn năm trôi qua theo Ước (giáo) thì Tổn Sanh Môn được thọ ký. Thất Địa đã đoạn vô minh hoặc; hoặc có 3 phẩm; hay vì 9 lần sanh, tạo tác nhơn duyên. Từ Thất Địa trở lên, quả báo chẳng có kỳ hạn; khó có thể được phê phán. Thường đoạn trừ 9 phẩm phiền não là lời nói. Phiền não phẩm số trăm ngàn vạn loại. Nay theo Ước (giáo) thì một loại 9 phẩm tạo nghĩa. Thất Địa đã đoạn, tạo hạ, thượng gồm 2 phẩm. Cho đến Thập Địa sở đoạn; lại tạo thượng, hạ 2 phẩm. Kim Cang tâm sở đoạn, tạo một phẩm. Lục Địa nghe kinh, chứng Thất Địa hạ nhẫn đoạn một phẩm. Ngoài ra Bát phẩm ở tại bát sanh tạo ra nguyên nhơn. Cho nên nói bát sanh sẽ được Bồ Đề. Thất Địa thượng nhẫn lại đoạn nhất phẩm. Tức là tổn nhị phẩm sanh. Ngoài 7 phẩm là 7 sanh làm nguyên nhân. Bảy sanh sẽ được Bồ Đề. Các phẩm thí dụ có thượng hạ. Một phẩm hết tổn thì một sanh. Câu văn lược bớt. Cho nên từ Bát

địa đến Tứ sanh; ngoài ra có 1 sanh; tức là tâm Kim Cang đoạn pháp vậy.

Pháp Hoa Luận nói rằng: Được Vô Sanh Nhẫn nghĩa là nhập vào Sơ Địa, chứng trí. Nên biết rằng từ bát sanh cho đến nhứt sanh được Bồ Đề. Nghĩa là phàm phu quyết định sẽ được chứng Sơ Địa, tùy phần sanh và nhứt sanh, liền chứng Bồ Đề. Bồ Đề là lìa 3 cõi phần đoạn sanh tử. Tùy phần mà thấy chơn như Phật tánh; gọi là được Bồ Đề. Chẳng phải là cứu cánh đầy đủ Bồ Đề. Nay nghĩa là luận việc phía trước sâu, phía sau cạn. Quang Trạch thì trước cạn, sau sâu. Hai tướng kia cứ thế thục phán vậy.

Phàm là vô sanh Pháp nhẫn thì kinh luận lại chẳng giống nhau. Ca Chiên Diên Tử làm sáng tỏ 5 pháp thành tựu, liền được bất thối chuyển. Lục độ Bồ Tát vị. Tu Đà Hoàn. Nhược trí, nhược đoạn là Bồ Đề vô sanh Pháp nhẫn. Tam Thừa cộng vị là chứng Sơ Địa được Vô Sanh Nhẫn. Biệt Bồ Tát vị. chứng Sơ Trụ, được vô sanh pháp nhẫn. Viên Bồ Tát vị, tất cả Thánh Giáo làm sáng tỏ câu văn chẳng thể tham lam. Lại nữa Tịnh Danh gọi là gần với vô đẳng đẳng, được vô sanh nhẫn. Nhơn Vương nói rằng: Đến Kinh Cương Đảnh, tất cả gọi là Phục Nhẫn. Lại gọi là tịch diệt nhẫn. Cái thị biệt viên địa địa. Thông (giáo) thì ý đồ chẳng thể định dụng. Liền đó Quang Trạch dùng sự phát tâm làm nội phàm 30 tâm vị, vì vô sanh nhẫn. Là Sơ Địa. Tất cả những nhà Biệt giáo gọi sự dạy dỗ ấy là chẳng thông (giáo) gia môn hộ. Từ Sơ Địa cho đến Lục Địa gọi là phước đức môn. Đại kinh xưng là

hữu vi vô lậu, gọi là Thanh Văn Tăng; tức là ý của Thông giáo vậy.

Thất Địa trở lên đoạn 9 phẩm sanh nhơn. Tiểu Thừa, Đại Thừa được nhập vị nhơn. Ai chưa đoạn hoặc, chưa đủ định để nói. Nếu nói Thất Địa đoạn vô minh thì chẳng phải Thông (giáo) mà cũng chẳng phải Biệt (giáo). Thế mà Biệt lại tiếp với ý của Thông (giáo) vậy. Quang Trạch nổi trôi chẳng gặp kinh nầy. Thiên Thân (Thế Thân) dùng sự phát tâm làm vô sanh nhẫn. Từ bát sanh cho đến nhứt sanh, Phàm phu quyết định đoạn quả báo, sanh tận, được nhập vào sơ địa, được vô sanh pháp nhẫn. Chuyên cứ nghĩa riêng, lại chẳng gặp với kinh. Nay phần câu văn ấy lại chia 3. Một là các nhà chú kinh tổng nói ở phần địa. Hai là Như Lai phân biệt. Ba là lúc chúng cúng dường. Tổng tự như câu văn. Phân biệt là lời Phật viên diệu khó thể dùng để quyền lập và giải thích kinh. Cho nên câu văn bên trên khai, thị, ngộ, nhập, Phật tri kiến.

Nay Bổn Môn tăng đạo tổn sanh, tất cả Ước (giáo) viên vị giải thích. Dưới 8 thế giới phát tâm, người sáu căn thanh tịnh. Đầu tiên nhập vào Thập Tín vị. Cho nên Nhơn Vương nói: Thập Thiện Bồ Tát phát tâm lớn. Trường biệt 3 cõi khổ luân hải; tức là ở ý nghĩa nầy. Được vô sanh pháp nhẫn, nhập vào Thập Trụ vị. Cho nên Hoa Nghiêm nói: Sơ phát tâm trụ nhất, phát nhứt thiết pháp. Được Như Lai một thân vô lượng thân. Thanh tịnh diệu pháp thân thậm nhiên ứng nhứt thiết. Tức là ý nghĩa nầy vậy. Được nghe Trì Đà La Ni nhập vào Thập Hạnh vị, được vui

nói biện tài, nhập vào Thập Hồi Hướng vị, được vô lượng Toàn Đà La Ni. Nhập Sơ Địa, được bất thoái. Nhập nhị địa được thanh tịnh; nhập tam địa bát sanh; nhập trí địa thất sanh; nhập ngũ địa. Lục sanh nhập lục địa. Ngũ sanh nhập thất địa. Tứ sanh nhập bát địa. Tam sanh nhập cửu địa. Nhị sanh nhập thập địa. Nhứt sanh nhập Đẳng Giác Kim Cang tâm. Nếu hiện tăng đạo, tổn sanh; chẳng như Quang Trạch đoạn nhơn sanh của sanh. Chẳng như Thiên Thân đoạn sự sanh của quả báo. Hằng Ước (giáo) trí đức luận tăng. Ước (giáo) đoạn đức luận tổn. Ước (giáo) pháp thân luận sanh. Ước (giáo) vô minh luận diệt. Ví như Đại Kinh Nguyệt Dụ. Từ ngày đầu tiên đến ngày thứ 15 ánh sáng dần tăng lên. Từ ngày 16 đến ngày thứ 30 ánh sáng dần giảm. Ước (giáo) theo thể của một tháng mà luận về sự tăng, giảm. Dụ ấy Ước (giáo) pháp thân mà luận trí đoạn; hoặc có thể một người, một lúc có 8 lần tăng (giảm); hoặc có thể một đời hoặc 8 đời; hoặc vô lượng đời; hoặc có thể một niệm; hoặc có thể 8 niệm; hoặc vô lượng niệm; hoặc có thể nhiều vi trần số người, lại cũng như thế. Cho nên chẳng thể dùng nguyên nhơn sanh hay quả sanh làm bố cục. Chẳng thể lìa tướng trí đoạn, giải thích; mà Bổn Môn được đạo số gấp bội tụng các kinh. Chẳng phải hằng số nhiều, lại huân tu ngày tháng dài lâu. Gốc ấy là Bản Thùy Tích xứ xứ khai dẫn. Trung gian tương trực, số số thành thục. Nay thì ngũ vị mỗi mỗi điều phục. Thu La kết toát trở về Pháp Hoa; giống như đất của gia đình mùa xuân thì sanh, mùa hạ trưởng thành cùng các loại cỏ để giữ gìn. Mùa thu thì thu hoạch; mùa đông khựng lại một thời gian rồi gặt cắt.

Chính sau Pháp Hoa có được đạo như nhặt nhạnh được vậy.

Ba thời chúng cúng dường là lúc nghe pháp sâu xa, được đại nhiêu ích; muốn báo ân Phật mà thiết lễ cúng dường. Lại là việc ghé qua dùng làm biểu tượng của sự thọ nhận. Bên trên Tích Môn Bồ Tát lại ngộ, mà đại sự chưa xong; cho nên chẳng bày đặt. Bản Môn lại xong, Di Lặc đã lãnh bày tất cả sự thưa thỉnh, làm sáng tỏ các vị Bồ Tát cầm giữ tràng phan, bảo cái, lần lượt kéo đến cả Phạm Thiên. Phan ấy chính là nghĩa của chuyển. Cái ấy là nghĩa của sự che khuất. Địa ấy là nghĩa bắt đầu. Phạm ấy là Tịnh. Trí đoạn phiên phiên chuyển. Từ bi phiên phiên phúc (Từ bi lần lượt che khuất). Cao thấp, sâu cạn chẳng mất, lần lượt kéo đến Phạm Thiên. Biểu hiện chư vị Bồ Tát tăng đạo, tổn sanh, lân vu Diệu Giác, cực ư cực tịnh. Nếu tạo theo sự giải thích của Thiên Thân thì chỉ được Sơ Địa một lúc, há được cùng với câu văn nầy gặp nhau sao? Kệ có 19 hàng, phân ra làm 3. Hai hàng đầu tụng lúc chúng được giải thích. Kế tiếp 9 hàng tụng về Như Lai phân biệt. Sau đó 8 hàng tụng lúc chúng cúng dường, được vô lượng vô lậu thanh tịnh quả báo. Chỉ khác với Nhị Thừa có lượng; cho nên nói là vô lượng. Diệu nhơn sở cảm; cho nên nói là thanh tịnh. Đất chẳng chướng ngại; cho nên nói quả báo; khác với Nhị Thừa không báo. Nghe Phật thọ vô lượng. Câu văn nầy định phán về vô lượng. Sao được dùng để giải như xưa là có lượng sao?

Thầy Nam từ sau bài kệ trường hàng trở đi, thuộc về đoạn lưu thông, dẫn thượng Tích Môn. Văn Thù hiện tại lại là lưu thông. Thầy Bắc thì dùng 4 tín đệ tử, hiện tại nghe kinh, bảo rằng chúc chánh thuyết. Từ „lại nữa Như Lai sau khi tịch diệt" trở đi, cũng là phần lưu thông. Hai nhà (Nam, Bắc) cùng có thể tận dùng. Nay lại nương vào Nam phương. Từ sau bài kệ, phàm 11 phẩm rưỡi, phân làm 2. Một là từ dưới qua khỏi phẩm Bất Khinh làm sáng tỏ việc hoằng kinh công đức sâu xa, khuyên lưu thông. Hai là từ „phẩm Thần Lực đến dưới 8 phẩm" là phó chúc lưu thông, mỗi mỗi lại có 2. Nửa phẩm nầy cùng với phẩm Tùy Hỷ làm sáng tỏ phẩm đầu là cái nhơn công đức, khuyến lưu thông. Hai là từ (phẩm) Pháp Sư công đức làm sáng tỏ cái quả công đức của phẩm đầu, khuyên lưu thông. Phẩm (Thường) Bất Khinh dẫn chứng niềm tin, hủy báng, tội phước; chứng khuyến lưu thông.

Sau 3 lần Thần Lực Chúc Lũy. Chúc Lũy lưu thông. Từ hạ phẩm Dược Vương Ước (giáo) hóa tha; khuyến lưu thông. Phổ Hiền Ước (giáo) tự hành, khuyến lưu thông. Sanh khởi là hiện tại nghe kinh được chơn tợ cả hai giải đáp và lợi ích như bên trên đã nói. Nếu nghe thẳng một câu mà sanh tùy hỷ. Như hiện tại 4 niềm tin, cách kỳ công đức. Ở đời vị lai chẳng có vị Phật nào mà sợ người nghi về phước ít cả. Nói sau khi diệt 5 phẩm công đức. Nhơn công đức vi mật. Chưa được quả công đức làm sáng tỏ. Cho nên nói phẩm Pháp Sư công đức. Nhơn quả cùng chưa đưa ra; nếu dẫn chứng rõ ràng; cho nên nói là Bất Khinh. Tuy đưa ra người chưa đến, nếu hiện biến; cho nên nói thần lực. Tuy thị hiện thần lực mà chưa được

xoa đầu phó chúc. Cho nên nói là Chúc Lũy. Tuy thông đồ chúc lũy, mà chưa thị hiện yếu thuật thí thân để giữ đạo; cho nên nói Dược Vương. Tuy răn dạy giáo hóa chưa xong, mà khuyên răn chỗ giáo hóa. Tùy nơi nghe pháp, nên sanh tâm tưởng đến Phật; cho nên nói Diệu Âm Quan Âm. Nếu sơ tâm hoằng truyền kinh điển, lại vô thần lực, mà nên nương vào sự chỉ bên trong; cho nên nói Đà La Ni, đầy đủ ngoại hộ; cho nên nói Nghiêm Vương Phổ Hiền. Hớn hở mừng vui khiến đại pháp hoằng thông vậy. Tựu chung sau kệ trường hàng lại có 2. Một là hiện tại tứ tín; hai là diệt hậu uyên phẩm.

Sao gọi là Tứ Tín? Nói lược là 3 người, nói rộng 2 người, quán thành một người. Tín ấy qua 4 người cho nên nói Tứ Tín. Tứ Tín là mỗi một niệm tín giải chưa thể diễn nói; hai là lược giải nói ra; ba là rộng vì kia nói; bốn là thâm tín quán thành. Đầu tiên là niệm tín giải, có trường hàng kệ tụng. Trường hàng lại có 3. Một là đưa ra người nầy; hai là làm sáng tỏ công đức. Ba là vị hạnh chẳng thoái. Nay giải thích về một niệm tín giải. Nghĩa là tùy theo chỗ nghe, khai thông và làm sáng tỏ. Tùy theo lời nói mà nhập vào vô hữu quái ngại. Tin tất cả pháp; tất cả là Phật pháp. Lại tin rằng Phật pháp chẳng ngăn cách bởi tất cả pháp. Chẳng được Phật pháp, chẳng được tất cả pháp, mà gặp được tất cả pháp. Lại thấy được Phật pháp tức là một mà ba; tức ba mà một. Lại là hành nơi phi đạo mà thông đạt được Phật đạo. Hành nơi Phật đạo, thông đạt tất cả đạo. Chẳng được Phật đạo tất cả đạo, mà thông đạt Phật đạo, tất cả đạo. Chẳng sở hữu mà lại có, mà lại có vô sở hữu. Phi sở hữu, phi vô sở

hữu. Như trước cửa có con đường chạy qua, tất cả đông, tây, nam, bắc đều thuận lợi, chẳng trở ngại. Mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Phàm có chỗ đối lại, tức cũng như vậy.

Chẳng nghi nói về tín, làm sáng tỏ nói về giải. Đây là một niệm tâm tín giải. Nếu ngồi tư duy; tùy theo chỗ suy nghĩ mà được thông thoáng khai ngộ. Thông đạt tam đế lại cũng như thế. Như vậy tín giải có tên là thiết luân vị. Lại nữa một giải, chưa gọi là đầy đủ thiết luân; cho đến thập tín là sơ tâm. Người nầy chưa được 6 căn thanh tịnh; cho nên chẳng phải là thiết luân chánh vị.

Kế tiếp là cách lượng. Trước tiên tổng luận về vô lượng; kế tiếp là cách lượng nhiều ít, lại chia làm 2. Đầu tiên đưa ra 5 độ làm cách lượng bổn. Bát Nhã tức là ngay đây là chánh huệ. Cho nên nói là trừ bát nhã.

Hỏi: Lìa Bát Nhã tức là 5 chưa gọi là độ?

Đáp: Tất cả đều vì cầu Phật huệ, tận thí giới biên. Lại được gọi là độ. Che khuất lần lượt ý vậy.

Từ „dùng công đức nầy" trở đi; phần thứ 2 chánh cách nhiều ít. Từ „Nếu thiện nam tử" trở đi; phần thứ 3 làm sáng tỏ vị hành chẳng thoái. Riêng 6 tâm, dụ thoái; 7 tâm dụ cho bất thoái. Viên sơ trụ tâm tức là bất thoái. Nghe Thọ Lượng công đức, tự ngoại nhi tư. Viên ấy thuận với tín giải, tự nội mà huân; cho nên chẳng thoái. Đại Phẩm nói rằng: Có Bồ Tát thoái, có vị chẳng thoái. Có ma, không ma; tất cả đều ở nghĩa nầy.

Kệ có 19 hàng rưỡi. Đầu tiên 12 hàng. Trước tiên tụng về cách lượng nhiều ít. Kế đến 2 hàng tụng về

tướng người; sau đó 5 hàng rưỡi, tụng về hành vị bất thoái. Vô lượng kiếp hành đạo là dài lâu tu các độ. „Nguyện con nơi vị lai" tức là khởi nguyện từ bi. Tích chứa dài lâu hạnh nguyện nghe kinh, tín giải. Nay ở phẩm đầu nghe kinh nầy, một niệm tín giải. Công ấy sánh với sự hành trì lâu dài, lại là thời gian đã trôi qua. Lại nữa A Dật Đa nghe Phật thọ mạng lâu dài, thuộc phẩm thứ 2. Trước tiên hằng tín giải mà chưa thể nói rộng. Nói từng bước gọi là số tu thiện phương ngôn. Nay phẩm nầy đầy đủ; cho nên nói vì kẻ khác mà giải nói.

Từ „thẳng thọ danh, danh phẩm đệ nhứt" dùng sức để nói; cho nên có thể khởi tự, tha vô thượng huệ. Câu văn nầy trước tiên làm mục tiêu cho tướng của con người. Kế đến là cách lượng. Hà huống nghe rộng kinh nầy như sau.

Phần phẩm thứ 1 rộng nghe, rộng giải. Rộng vì người khác nói; rộng tu cúng dường. Cúng dường là vật bên ngoài, làm cho trí bên trong biết tật mà nhập vào và sanh ra tất cả chủng trí. Đầu tiên thể hiện nơi tướng người. Kế đến là cách lượng.

Từ „A Dật Đa" trở đi. Phần thứ 4 – con người sẵn sàng, phẩm thứ 3 bên trên là gia tu quán hạnh. Nhập thiền, dùng trí tuệ tưởng thành, tưởng khởi. Hay thấy hữu dư thật báo, cả tướng mạo của 2 cảnh giới. Thấy Phật cùng các Tỳ Kheo Tăng thường tại núi Kỳ Xà Quật. Tướng của phương tiện hữu dư độ. Lại gặp Ta Bà toàn các Bồ Tát; thật báo tướng. Hai phẩm đầu là văn huệ vị, rộng nghe rộng nói là tư huệ vị. Quán hạnh tưởng thành

là tu huệ vị. Từ cạn đến sâu, thành 6 căn thanh tịnh, thập tín vị.

Lại nữa „sau khi Như Lai diệt độ" trở đi; làm sáng tỏ 5 phẩm. Câu văn ấy lại chia làm 2. Đầu tiên liệt 5 phẩm là cách lượng; 4 phẩm là công đức. Sau đó phẩm tùy hỷ cách lượng, phẩm đầu công đức.

Hỏi: Vì sao vậy ?

Đáp: Bốn phẩm thô cách lượng. Phẩm đầu quảng cách lượng. Quảng cách lượng đã hằng ra khỏi tốt đẹp, có thể đắc ý. Phật chẳng phiền, câu văn xảo nói như việc nầy.

Ngũ phẩm - Một là trực khỏi tâm tùy hỷ; hai là thêm tự thọ trì đọc tụng; ba là thêm khuyến khích kia thọ trì đọc tụng; bốn là thêm kiêm hạnh lục độ; năm là thêm chánh hạnh lục độ. Năm người nầy là thông luận, tất cả tự hành hóa tha.

Câu văn bên dưới nói rằng: 50 người triển chuyển tương giáo. Tất cả liền có tự hạnh, thông xương đệ tử. Tất cả có hóa tha thông xưng pháp sư. Biệt luận 2 người hằng tự hành. Ba người đều hóa tha; tác pháp sư; gọi là vãng; tại 3 chẳng tại 5. Tự hành đã thông qua; cho nên tất cả gọi là đệ tử. Phẩm đầu làm mục tiêu cho người. Cách lượng thì nói ở phần sau.

Từ „hà huống" trở đi; phẩm thứ 2. Luống xuất hay thọ trì đọc tụng là đây. Người là mục tiêu có thể rõ. Từ „người nầy đảnh tải, chẳng là cách lượng"; kẻ sơ tâm sợ duyên vào chỗ phấn động, phỏng tu chánh nghiệp, ngay

đó chuyên trì kinh nầy. Tức là bên trên cúng dường, bỏ việc tồn lý, chỗ làm lợi ích hoằng pháp nhiều hơn. Sau đó dùng tâm lý quán để cho thành thục. Vượt khỏi bên ngoài và chẳng làm hại bên trong. Việc ấy ở nơi đạo; như dầu nhiều thì lửa mạnh. Nếu chảy thuận thì buồm căng. Lại gia thêm công lực. Sức mạnh nầy chuyển đổi bệnh hoạn. Nơi kinh văn thì pháp thân xá lợi chẳng được an, sanh thân xá lợi. Câu văn chú giải; nơi chú giải, có thể chú giải là tháp, chẳng phải là việc của tháp. Câu văn kinh ấy có thể dung chứa ý nghĩa thứ nhất về Tăng; chẳng phải theo tướng từ Tăng.

Hỏi: Nếu như vậy thì việc trì kinh; tức là đệ nhứt nghĩa giới. Vì sao lại nói hay trì giới?

Đáp: Điều nầy làm sáng tỏ ý của phần đầu; chẳng nên dùng phẩm sau, tạo ra khó khăn. Nếu muốn giải thích, trì kinh tức là thuận lý giới, lại là nhiệm vận trì, được một biến, hai biến. Nay nói hay trì giới là đây vậy.

Trước tiên „phiêu nhơn từ khởi lập" trở đi là cách lượng. „Huống nữa có người" trở đi; phẩm thứ 4 hay cùng với hành lục độ là đây vậy. Đầu tiên tiêu nhơn, từ "đức nầy tối thắng" trở đi là cách lượng. „Nếu có người đọc tụng" trở đi; phẩm thứ 5 lại là chánh hạnh lục độ vậy. Trước tiêu nhơn từ „nếu ta sau khi diệt" trở đi là cách lượng. Kết cuộc của 5 phẩm nầy trước 3 người là văn huệ vị. Cùng với hành lục độ tư huệ vị. Chánh hạnh lục độ là tu huệ vị. Cả 2 đều là trước thập tín vậy.

Hoặc nói về phần đầu của phẩm Tùy Hỷ. Đây là nhập tín tâm vị. Phần một phẩm là 2 tâm. Ngũ phẩm là thập tín tâm; tức là thiết luân lục căn thanh tịnh vị. Kệ có 19 hàng rưỡi. Năm hàng rưỡi đầu tụng phần phẩm thứ 2. Kế đến „nếu hay trì" trở đi 3 hàng; tụng phần phẩm thứ 3. „Nếu có tín giải" trở đi gồm 4 hàng; tụng phẩm thứ 4. Kế đến „cung kính" trở đi gồm 7 hàng; tụng phẩm thứ 5; sanh tâm như Phật tưởng; đầu tiên nương vào người, hiệu là Như Lai. Chẳng dài lâu, ngồi nơi đạo thọ. Vị trí nầy tại thiết luân; chẳng bao lâu được nhập vào đồng luân, hay 8 tướng làm Phật. Nơi đạo tràng nầy là hành xứ. Tam Bồ Đề là cận xứ. Phẩm thứ 5 nầy cùng với Tín thứ tư giống nhau; chính là tu huệ vị. Nếu luận nhập vị giống nhau là 6 căn thanh tịnh vị; mà còn hiện (tại) vị (lai) Phật ở đời, sau khi tịch diệt là kết quả vậy.

Giải thích phẩm
Tùy Hỷ Công Đức

Tùy là tùy thuận, sự lý chẳng hai, không phân biệt. Hỷ là vui, là người đã trải qua việc vui. Nghe sâu ý nghĩa giáo pháp, thuận lý, có thật là nhiều công đức. Thuận sự có quyền công đức. Khánh nầy là có trí huệ. Người hoan hỷ có từ bi, quyền thật trí đoạn, hợp lại mà nói. Cho nên nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

Lại nữa thuận theo lý là nghe Phật bản địa, thật xa, thật xa, tin thuận chẳng nghịch. Chẳng có một mảy may nào nghi ngờ cả. Thuận sự là nghe Phật 3 đời làm lợi ích quần sanh, cao thấp, ngang dọc hằng nói pháp khắp các mọi nơi, lại chẳng có một mảy may nào nghi ngờ. Tức là ở nơi rộng ấy đạt được cái lý sâu xa. Tức là lý sâu mà đạt được việc rộng. Chẳng hai mà hai; chẳng biệt mà biệt. Tuy 2, tuy biệt mà chẳng 2 chẳng biệt. Như sự tín giải nầy gọi là Tùy. Như Lai ra đời hơn 40 năm chẳng hiển chân thật. (Dùng) bảy phương tiện, con người chẳng ngộ thánh đế, vui với ta và người; dùng tâm phàm

phu để biết nơi Phật; dùng mắt sanh ra để thấy giống Như Lai. Như đây là tri kiến cứu cánh, pháp giới rộng khắp, chẳng có bờ mé, cao thấp. Chẳng thể sánh, chẳng thể sánh cùng, lại cũng chẳng không trên. Phật nay nói điều nầy, ta được nghe điều nầy; cho nên gọi là phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

Phần 50 người là phần đầu của phẩm. Đầu tiên hằng có một niệm lý giải. Hằng có một niệm vui mừng đây và vui mừng kia. Chưa có việc làm, suy nghĩ chẳng cùng với người. Chỗ rộng công đức, Như Lai xảo dụ, công ấy che những kẻ vô học. Hơn nữa là tối sợ để gặp mà nghe. Huống là 2, 3, 4, 5 phẩm. Huống là nhập vào vị cũ Thập Trụ, Thập Hạnh cho đến tâm sau. Ai nghe những công đức thâm diệu như thế mà chẳng mến mộ. Như Lai nói điều nầy làm cho vật trên hết; cho nên nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức. Ngày xưa gọi hay hơn là trì kinh công đức. Nay thì chúng hàm ý nghĩa là vào chơn nhơn vị; cho đến cái đức ở nơi sơ tâm, sơ khởi tưởng tượng yếu kém. Bỗng nhiên nghe nơi tốt lành, mầm ấy như hằng trăm Vi Trần Già ở tại chỗ nghe tốt đẹp mà các loài chim hy hữu đặc biệt nhẹ nhàng giải thích điều nghi. Cho nên nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức.

Ngoại đạo được ngũ thông hay dời núi lấp biển mà chẳng phục, thấy thương. Chẳng cùng với người noãn pháp. Nhị Thừa vô học, tử quả đều thoát. Giống như Niết Bàn kia bị ràng buộc; chẳng rõ nhơn quả nầy đều là quyền. Thông giáo, người tu nguyên nhân tuy là xảo, mà phát tâm chẳng rõ là 500 do tuần, được quả chỉ trừ tứ

trụ. Biệt (giáo) nhơn tuy hơn Nhị Thừa; tu nhơn liền biến môn nầy. Lại nữa khuất phục chẳng tán thán nơi Phật. Tất cả chẳng cùng với người mới tùy hỷ. Phật nay đưa ra A dùng về sau khi trà tỳ thì hơn cả các giáo lý khác. Cho nên nói là phẩm Tùy Hỷ Công Đức vậy.

Hỏi: Điều nầy cùng với Đại Phẩm Tùy Hỷ như thế nào ?

Đáp: Pháp nầy, người kia, pháp và người cùng hỗ tương với nhau. Câu văn ấy có hỏi đáp, mỗi mỗi có trường hàng kệ tụng. Phẩm trước về cách nầy 4 người chẳng nói là đầu. Di Lặc thừa cơ hỏi, mới ra nghĩa câu văn như vầy.

Phật đáp có làm 2. Đáp đầu tiên là về người có nội tâm tùy hỷ. Phần thứ 2 là trực tiếp làm sáng tỏ cho người bên ngoài khi nghe pháp. Đầu tiên ấy lại chia ra làm 5. Một là triển chuyển tương giáo. Hai là cách lượng bổn. Ba là vấn. Bốn là đáp và năm là chánh cách lượng. Nam phương giải 50 người ấy chia ra làm 3. Một là triển chuyển thắng. Hai là triển chuyển bình. Ba là triển chuyển biệt. Thắng là khó được. Bình là có hy vọng. Liệt chính là điều nầy.

Cách, biệt, huống, xuất, bình, thắng. Người phương Bắc giải rằng: Tối sơ Diệu Giác là nói về người ở Thập Địa. Người ở Thập Địa vì người ở đệ cửu địa mà nói. Như thế triển chuyển cho đến Thập Tín. Cách hậu huống sơ. Nay nghĩa chẳng phải như vậy. Phật làm sáng tỏ lời nói ở phẩm đầu đối với việc trong khi gặp nhau, truyền truyền

tương giáo, triển chuyển 50 cách, hậu huống sơ (sau so sánh với đầu). Sau ấy chẳng phải bắt đầu bằng Thập Tín. Đầu ấy chẳng phải kết thúc bằng Diệu Giác. Phải dùng sự giải thích nầy ra sao ? Sự giải nầy cùng thâm, chẳng cùng với ý chỉ của kinh. Nay lại có 2. Một ngang theo Ước (giáo) là những lời dạy cho tứ chúng. Hai là chẳng theo Ước (giáo) Viên giáo là số lượng.

Tam Tạng có 4 cửa. Mỗi một cửa có 4 chúng. Lại khai mở cho Sa Di, Sa Di Ni; hợp lại thành 6 người. 4 cửa thì có 24 người. Ước (giáo) tin hành và pháp hành; tức là có 48 người. Cả đầu lẫn cuối hợp chung lại thành 50 người. Thông, Biệt 4 cửa lại cũng như vậy. Ngay cả Viên môn, số ấy, pháp số có 7 nhỏ và 7 lớn. 7 lớn lại có 7 nhân 7 bằng 49. Tất cả là Thầy trò đều tự hành hóa tha là cái đức. Cuối cùng một người hẳng là tự giải vô số với các đức khác; cho nên cách bên dưới, dùng hiển bên trên.

Trong cách lượng, trước tiên cùng với đời vui, mang đến quả khổ. Sau cùng với Niết Bàn vui, mang đến sanh tử khổ. Đây là lược, cùng với phước của Phạm (Thiên). Nay lại nói rộng ra. Đầy Diêm Phù Đề, phước của con người; chẳng sánh với Tây Cù Già Nị, phước của một người. Đầy Tây Cù nhơn phước; chẳng sánh với Đông Phất Bà Đề, phước của một người. Đầy dưới 3 cõi trời với phước của người. Chẳng sánh với Bắc Uất Đan Việt, phước của một người. Đầy tứ thiên hạ, phước của một người; chẳng sánh với một Tứ Thiên Vương. Tứ Thiên Vương chẳng sánh với một Đế Thích. Cho đến lục (dục)

thiên chẳng sánh với phước của một Phạm (Thiên). Phước của Phạm có định, tán. Tán ấy vào nơi không có tháp thì tạo ra tháp. Tháp hoại thì gìn giữ. Hòa hợp Tăng chúng, thỉnh chuyển pháp luân. Chúng tan rồi hợp; chính là 4 phước nầy. Cùng sánh với Phạm Thiên; cho nên nói là Phạm Phước. Còn Thánh Phước nghĩa là A La Hán trụ thân sau cùng, được hữu dư Niết Bàn là đây vậy. Lại nữa có thể Pháp, người tam thừa. Đồng học, vô sanh, đoạn trừ hết phiền não; như đốt gỗ thành than vậy.

Lại nữa Tát Đỏa Thánh phước là tự hành hóa tha. Dùng đó không lời, giảng đạo; đoạn phiền não, nhập Vô Dư. Lại nữa phước tát đỏa nghĩa là từ khi mới phát tâm, lần lượt giáo hóa người, vào Đại Niết Bàn. Như cách lượng Phạm phước nầy chẳng thể sánh với Thánh phước vậy. Thánh phước lại chẳng thể sánh với Thể Thánh phước. Thể Thánh phước chẳng thể sánh với Tiểu Tát Đỏa phước. Tiểu Tát Đỏa phước chẳng thể sánh với Đại Tát Đỏa phước. Đại Tát Đỏa phước chẳng thể sánh với việc nghe kinh Pháp Hoa với phước tùy hỷ đầu tiên. Vì sao vậy ? Việc kia chẳng phải Phật pháp cho nên phi thật; cho nên phi viên. Tuy trụ ở quả sau, chẳng thể sánh với sơ tâm của tôi. Ý nghĩa nầy là như vậy. Tôi ở đây nghĩa là khuyên người nghe pháp. Từ „cùng với Đà La Ni Bồ Tát cùng sanh một chỗ; cho đến tướng người đầy đủ" hợp lại có 50 công đức, cùng với công đức mắt của người, lại thành 50. Hằng trên 50 luận bên trong, giải tùy hỷ. Nay tuy luận việc bên ngoài, làm khác đi vậy.

Lại nữa câu văn nầy có 6 căn công đức. Lợi căn trí tuệ là ý công đức. Chẳng câm ngọng là lưỡi công đức. Mũi cao, ngay thẳng là tỉ công đức. Thấy Phật là nhãn công đức. Nghe pháp là nhĩ công đức. Ngoài ra là thân công đức. Trước là tương tợ vị công đức. Nay là tương trợ vị tiền công đức. Nghe kinh văn lại có 4. Một là tự đến; hai là phân chia chỗ ngồi; ba là khuyên kẻ kia; bốn là đều cùng nghe và tu hành v.v... Kệ ấy có 18 hàng và chia làm 2. 9 hàng đầu là tụng về tùy hỷ. Kế đến „nếu có khuyên chỉ" trở đi; phần thứ 2 có 9 hàng, tụng về việc nghe kinh tùy hỷ có 3. Trước gồm một hàng rưỡi, tụng về 50 người. Kế đến „cuối cùng" trở đi; phần thứ 2 gồm 5 hàng rưỡi, tụng về cách lượng bổn. Kế tiếp cuối cùng, phần thứ 3 gồm 2 hàng, tụng về cách lượng, lược bớt chẳng tụng về phước thật nhiều. Sau cùng 9 hàng tụng về việc nghe kinh. Nhỏ ấy chẳng lần lượt lại có 4. 5 hàng đầu tiên tụng về khuyến khích nghe kinh. Kế đến „nếu có đến" trở đi; phần thứ 2 gồm 2 hàng, tiếp theo tụng về việc tự đến. Kế tiếp „nếu đối với việc giảng Pháp Hoa" trở đi; phần thứ 3 có 1 hàng, tụng về việc phân chia chỗ ngồi. Kế tiếp „hà huống" trở đi; phần thứ 4 gồm 1 hàng, tụng về sự tu hành v.v...

Giải thích phẩm
Pháp Sư Công Đức

Pháp Sư nghĩa như trên đã nói. Còn công đức, nghĩa như phần công đức đầu tiên của phẩm đầu. Nay từ 5 phẩm trở lên. Nghĩa là 6 căn thanh tịnh. Nội ngoại trang nghiêm 5 căn thanh tịnh gọi là ngoại trang nghiêm. Ý căn thanh tịnh gọi là nội trang nghiêm. Lại nữa từ địa ngục cho đến Phật rồi trở lại, tất cả sắc tượng tất cả đều hiện trong thân. Gọi đây là nội trang nghiêm. Từ địa ngục trở lên Phật rồi trở lại, tất cả sắc tượng dùng phổ hiện Tam Muội mà ngoại hóa. Gọi đây là ngoại trang nghiêm. Thân căn lại cũng như vậy; ngoài ngũ căn lại cũng như thế. Đọc tụng lại cũng như vậy, 4 loại lại cũng như thế. Phẩm đầu cũng như vậy và 4 phẩm sau thêm vào. Tương tựa như vậy phân chia rõ gấp đôi lên. Hành giả nghe nói công đức nầy lợi lạc, vui chẳng tự thắng mình, cần cầu chẳng yên, niềm tin tăng gấp bội, tăng sự sáng tỏ về ý thức Đại Thừa, có thế lực lớn, quyết chẳng nghi, tương tợ lời giải đầu tiên vậy. Qua khỏi Nhị

Thừa cực gấp trăm ngàn vạn lần. Chỉ cho ban đầu, hiển phần cuối cùng, siêng giải cứu cánh nghĩa đế đệ nhất, bất khả tư nghì. Nơi phẩm nầy làm sáng tỏ đầy đủ 4 ý; cho nên nói là phẩm Pháp Sư công đức vậy.

Sáu căn công đức theo Quang Trạch nói là: Tam Thừa cùng với Thập Thiện. Mỗi thiện đầy đủ 10 là 100. Tự hành hóa tha, tùy hỷ tán thán, hợp chung lại thành 400. Ước (giáo) có 5 loại Pháp Sư và chia làm 2.000. Phân ra 3 phẩm tức là 6.000 công đức. Ở đất nước nầy 3 căn dùng yếu, đoạt lời nói của 800. Ba căn dùng mạnh cùng nói với 1.200 cùng đoạt, hợp với luận, trở lại thành 6.000. Có người làm sáng tỏ số ấy với Quang Trạch giống nhau. Phẩm hạ 800, trung 1.000. Phẩm thượng 1.200. Các sự biên giải chưa gặp nhau ở kinh nầy. Nay lại chẳng giống nhau ở số lượng dạy dỗ.

Đại Phẩm nói rằng: Sắc tịnh cho nên Bát Nhã tịnh. Bát Nhã tịnh cho nên sắc tịnh. Sắc tịnh thì ngũ căn tịnh. Bát Nhã tịnh nên ý căn tịnh. Nếu 6 căn nầy phê phán và nói gì về thượng, trung, hạ, dùng mạnh, yếu ra sao? Nếu một mạnh, một chẳng mạnh; một tịnh, một chẳng tịnh; một thượng phẩm, ngoài ra là phi thượng phẩm v.v...

Chánh Pháp Hoa hoàn chỉnh, đầy đủ là 6.000 công đức. Bất luận là thượng, trung, hạ v.v... Pháp Hoa luận nói rằng: Người phàm dùng lực của kinh cho nên được thắng căn dụng. Tuy chưa nhập vào Sơ Địa, dùng cha mẹ, nơi sinh ra nhục nhãn, thấy đại thiên trong ngoài. Đại Kinh nói rằng: Như Lai mỗi căn liền có thể thấy sắc, nghe âm thinh, ngửi mùi thơn; biệt vị rõ biết riêng về

pháp. Nay kinh nói 6 căn thanh tịnh cùng Đại Phẩm giống nhau. Dùng công đức nầy để trang nghiêm 6 căn, cùng với chánh Pháp Hoa giống nhau. Mũi, thấy sắc, nghe âm thanh, rõ biết cùng Niết Bàn giống nhau. Mắt thường, thiên nhãn, huệ pháp, Phật nhãn cùng dùng sánh với luận giống nhau. Nghĩa của câu văn như đây chẳng thể dùng biên kiến mà đè nén chánh kinh. Nay sẽ nói. Quang Trạch số ấy chỉnh đốn đầy đủ căn, chẳng nương vào câu văn. Nay đặt để 3 nghiệp ở An Lạc Hạnh; tức là có 10 điều lành. Một thiện có 10; tức là 100 thiên. Trong một thiện lại có 10 như; tức là 1.000 thiện. Tựu chung giáo hóa kẻ khác làm thành 2.000. Ước (giáo) nói về nhà cửa Như Lai, y của Như Lai và tòa ngồi của Như Lai; tức thành 6.000. Năm loại Pháp Sư tất đầy đủ 6 căn thanh tnịh. Mỗi một căn đều có 1.000 công đức.

Lại nữa trong mỗi tâm, lại có 10 pháp giới; mỗi một pháp giới lại có 10 như thế. Tức là thành 100. Mỗi căn thông qua 6 trần. Tức là có 600. Ước (giáo) định, tuệ 2 trang nghiêm; tức là 1.200. Căn căn đều dụng định tuệ trang nghiêm cùng với 1.200.

Nếu luận về 6 căn thanh tịnh thì thanh tịnh ấy tức là chẳng nói công đức; hoặc ít, hoặc nhiều; hoặc nói trang nghiêm có thể đầy đủ, có thể thiếu sót, có thể so sánh trang nghiêm căn căn 6.000. Nếu nói 1.200 hiển thị điều nầy có thể đầy đủ. Nếu nói 800 hiển thị điều nầy có thể thiếu. Nếu nói thanh tịnh thì không đủ, không thiếu, chẳng so sánh. 6 căn hỗ tương, dụng căn tự tại, bất khả tư nghì. Nếu phê phán một bên tức là sai tông chỉ; tương

tợ như vị vậy. Nếu nương vào tứ luân; tức là thiết luân vị. Nếu nương vào 52 vị; tức là thập tín tâm. Nếu nương vào Nhân Vương; tức là thập thiện đại tâm. Nay đối với thường tinh tấn; tức là 10 tín của tâm thứ 3. Các kinh gọi từng loại tuy khác; nhưng giống ở Viên giáo tương tợ vị vậy.

Câu văn lại chia ra làm 2. Đầu tiên là tổng liệt 6 căn đầy đủ, thiếu sót số công đức. Kế đến riêng tạo 6 chương để giải thích. Mỗi mỗi có trường hàng kệ tụng. Chương nhãn căn làm sáng tỏ chỗ cha mẹ sanh; gọi là nhục nhãn mà chỗ thấy qua khỏi nơi thiên nhãn. Quả báo Phạm Vương sẽ được Thiên nhãn. Tại thế giới nầy biến thấy khắp đại thiên. Ngoài Đại Thiên có phong luân và tạo chướng ngại cho mắt; nên chẳng thể thấy bên ngoài được. Nếu ở thế giới khác; tức chẳng thể thấy Đại Thiên. Chẳng phải chỗ thống hợp. Tiểu La Hán thấy được Tiểu Thiên. Đại La Hán thấy được Đại Thiên. Bích Chi Phật thấy được thế giới của hằng trăm vị Phật; chẳng bị phong luân làm chướng ngại. Lại chẳng bị thế giới nầy, kia làm ngăn cách.

Nay kinh luận về mắt, có thể thấy Đại Thiên trong ngoài, ứng với Thiên Nhãn. Kia gọi là nhục nhãn. Đây là giống như vị của Viên giáo. Lực của Đại Kinh có dùng thắng kinh. Lại chưa phát ra chơn thật; nên chẳng được gọi là Thiên Nhãn. Dụ như nhục nhãn, lại giống như Tiểu Thừa phương tiện chưa được thần thông, liền chẳng gọi là Thiên Nhãn vậy. Giống như thân của từng phần; cho nên nói là chỗ cha mẹ sinh ra. Tuy gọi là nhục nhãn mà

đầy đủ dùng ngũ căn. Thấy trong ngoài Đại Thiên là dùng Thiên Nhãn. Thấy tất cả chúng sanh và nghiệp nhơn viên thì dùng Pháp nhãn. Mắt nầy thật thanh tịnh dùng đến huệ nhãn. Một lúc thấy được trong ngoài Đại Thiên, thấy nghiệp, thấy tịnh. Lại nữa Viên phục pháp giới thượng hoặc, dùng Phật nhãn.

Đại Kinh nói rằng: Tuy có nhục nhãn mà gọi là Phật nhãn. Phật Nhãn cho nên thanh tịnh. Đầy đủ ngũ nhãn cho nên nói là trang nghiêm. Có thể đầy đủ, thiếu sót, dùng đến thắng căn. Nói căn là tự tại, há có thể chỉ tạo ra 800.200 giải sao?

Chương về nhĩ căn, trùm khắp sự nghe đến trong ngoài Đại Thiên và âm thanh của 10 pháp giới. Nghe lục thông, tức là nhục, thiên (nhĩ) gồm 2 loại nhĩ. Nghe Nhị Thừa tức là huệ nhĩ. Nghe Bồ Tát tức là Pháp nhĩ. Nghe Phật tức là Phật nhĩ. Lại nữa chỗ cha mẹ sanh nhục nhĩ có thể nghe trong ngoài; tức là Thiên nhĩ vậy. Sự nghe ấy chẳng dính mắc; gọi là huệ nhĩ. Chẳng ngoa tức là pháp nhĩ. Một lúc cùng nghe, tức là Phật nhĩ; dùng tai ấy để thí dụ về mắt thì mắt lại cũng như vậy. Thấy người, trời là 2 mắt. Thấy của Nhị Thừa là huệ nhãn. Thấy của Bồ Tát là Pháp nhãn. Thấy của Phật gọi là Phật nhãn v.v...

Chương về tỉ căn lại cũng như vậy. Chỗ cha mẹ sinh ra tức là nhục tỉ. Trong ngoài Đại Thiên tức là Thiên tỉ. Chẳng nhiễm, chẳng dính mắc, tức là huệ tỉ. Phân biệt chẳng dối; tức là pháp tỉ. Một lúc cùng dùng tới là Phật tỉ.

Chương nầy làm sáng tỏ sự tác dụng hỗ tương nhau. Mũi rõ biết tốt xấu, riêng biết quý trọng, hèn kém. Thấy cả thiên cung trang nghiêm; tức là mũi ấy dùng như con mắt. Đọc kinh, thuyết pháp, nghe mùi được rõ biết. Mũi ấy lại có công dụng như con mắt. Các cây 2 trái, hoa quả thật và tô du, hương khí; mũi ấy có công dụng như lưỡi. Nhập thiền, xuất thiền; thiền có 8 xúc. Ngũ dục vui đùa lại là xúc pháp. Tỉ ấy lại có công dụng như thân. Tâm nhiễm dục ngu si lại rõ tu điều lành. Tỉ ấy lại có công dụng như ý. Tỉ căn tự tại thắng dụng lại thêm lên. Ví dụ ngũ căn cũng lại như thế.

Chương về lưỡi lại cũng như vậy. Chỗ cha mẹ sinh ra tức là nhục thiệt. Hay tạo tác 10 pháp giới ngữ. Ước (giáo) nói đây tức là làm sáng tỏ ý nghĩa của 5 lưỡi vậy. Hay tạo tác 10 pháp giới ngữ tức là Thiên thiệt. Chẳng hoại tức là huệ thiệt. Chẳng nói xằng bậy tức là pháp thiệt. Một lúc có thể dùng được; tức là Phật thiệt v.v... Hỏi rằng mùi đắng, vị xấu đến được lưỡi thì lại biến thành vị ngon sao?

Các màu sắc cho đến mắt, sao lại chẳng biến thành những màu đẹp? Xưa chẳng có thí dụ. Vị ấy có tổn ích. Tổn ấy là biến; bất tổn là chẳng biến. Các màu sắc ấy chẳng hoại mắt; cho nên chẳng thí dụ. Nay giải chẳng phải như vậy. Tất cả sắc giống như sắc của Phật. Tất cả thinh giống như tiếng nói của Phật. Sánh với tất cả sự thanh tịnh thí dụ; tức chẳng có sai. Rõ khắp tất cả sắc pháp, thinh pháp. Không loạn, không sai quấy, phân

biệt; lại chẳng sai. Tự tại ở căn nào tạo ra tham ngại có thể giải đáp được sao?

Chương về thân căn lại cũng như thế. Cái có nơi thế gian tất cả đều ở thân, hiện dùng bằng nhục thân. Bên trên cho đến (cõi trời) Hữu Đảnh với thân nầy hiện dùng thiên thân. Trong thân Nhị Thừa thì thân hiện tại dùng huệ thân. Bồ Tát đối với thân trong hiện tại, dùng Pháp thân. Đối với thân Phật trong hiện tại, dùng phát tâm. Đối với thân Phật trong hiện tại, dùng Phật thân. Một thời hiện viên mãn, một thời dùng sự hỗ tương. Một lúc chẳng xẳng bậy; một lúc chẳng dính mắc v.v...

Chương ý căn lại cũng như vậy. Thế gian sinh sống nghề nghiệp tất cả đều thuận theo chánh pháp; người, ý thanh tịnh. Tâm trời sở hành; động tác chỗ trời, tất rõ, thiên ý thanh tịnh. Tháng tư tức là Tứ Đế. Một tuổi gồm 12 tháng. Đây là 12 nhơn duyên, cùng với thật tướng chẳng sai khác vậy. Tức là huệ ý thanh tịnh. Một tháng tức là Nhứt Thừa Bồ Tát ý thanh tịnh. Có chỗ tư lượng; tất cả đều là trước đó kinh Phật đã nói; tức là ý Phật tịnh vậy. Một thời tròn sáng; một thời tròn đầy hỗ tương; một thời không nhiễm; một thời chẳng xẳng bậy. Căn dùng tự tại hay đầy đủ, hay thiếu sót, hay cùng, hay thanh tịnh v.v...

Giải thích
Phẩm Thường Bất Khinh Bồ Tát

Giải về sự nội hoài bất khinh và cảnh bên ngoài thì bên ngoài cung kính, chẳng khinh mạn. Khi đi thì thân lập chẳng khinh khi. Khi tuyên bày lời nói thì chẳng khinh nơi miệng. Người làm, dưới mắt mình, chẳng khinh. Lời giải về việc chẳng khinh nầy Pháp Hoa luận rằng: Bồ Tát nầy rõ biết chúng sanh có Phật tánh, chẳng khinh chê. Phật tánh ấy có 5. Chánh nhơn Phật tánh thông qua cái gốc. Duyên liễu Phật tánh trồng vào gốc có, không, thích đương với nay. Quả tánh, quả quả tánh, định sẽ được. Quyết chẳng hư ngụy. Đây gọi là việc giải thích về bất khinh. Sẽ giải thích dùng việc của người nầy, kia lại cũng như vậy. Đây gọi là cảnh bên ngoài của việc cung kính chẳng khinh mạn. Cung kính cảnh nầy, cho nên gọi là việc làm chẳng khinh. Tuyên nói lời nầy; cho nên nói là chẳng khinh. Xưa kẻ hủy báng, dùng mắt người nầy. Nay những nhà giải thích kinh dùng làm phẩm nầy. Thấy thật tam muội; nên nói rằng: Phật

vì Phụ vương mà nói tất cả là Phật. Vua hỏi, tất cả chúng sanh tức là Phật sao ?

Phật đáp: Nếu như thật thấy chúng sanh. Đối với việc nầy tức là Phật. Cảnh riêng, lời nói nầy, nếu chẳng như thật thấy Phật. Đối với điều nầy tức chẳng phải là Thánh. Ví dụ như người mới học bắn tên thì đích ấy ít lúc bắn đúng. Dùng địa vì mục đích, chẳng đến, chẳng dính mắc. Nếu phân biệt hiền thánh, đôn thị, đôn phi. Như thật quán tức là Phật vậy. Đầu tiên là giải thích về nhơn duyên; sau đó giải thích về Viên giáo v.v...

Phẩm nầy dẫn con người làm chứng. Chứng 5 phẩm công đức sâu dày và lục căn báo trọng. Ta xưa tùy hỷ, làm cho đời nầy hậu báo. Dùng đó làm chỗ lưu thông. Văn ấy có trường hàng kệ tụng. Trường hàng ấy chia làm 3. Một cặp chỉ phía trước về tội phước; hai cặp khai cho bây giờ phẩm tin, hủy. Ba cặp sau đó khuyên 2 việc nghịch, thuận. Cặp chỉ là trước chỉ tội, như phẩm Pháp Sư đã nói. Kế đến chỉ phước; như phẩm công đức nói. Như câu văn, phần 2 song khai về niềm tin và sự hủy báng. Có sự bổn, bổn sự. Sự bổn có thời tiết; gọi hiệu là kiếp quốc thuyết pháp. Giống như câu văn. Phần thứ 2 từ tối sơ Uy Âm Vương cho đến phía dưới, làm sáng tỏ bản sự, lại chia làm 3. Đầu tiên làm sáng tỏ thời tiết. Hai là đối với thời tượng pháp trở đi. Song phiêu cả 2 người là tên gọi. Còn hủy đây là nguyên nhơn, gọi tăng thượng mạn. Tin ấy là nguyên nhơn và gọi là Thường Bất Khinh. Kế đến phần thứ 3 được thế lực lớn trở đi, cặp ấy làm sáng tỏ chỗ được, mất. Được, mất lại có 2. Đầu tiên là

đều tin, luận được; được chánh nói hoành tông (tông to tát, rộng rãi) được lưu thông diệu ích. Gọi Thường Bất Khinh là một người. Phàm có chỗ thấy là một lý. Đều lễ bái cả thảy là một. Rồi tạo ra lời nói nầy. Đây là một. Đây là khai quyền hiển thật, là 4 loại 1.

Từ „cho đến từ xa" trở đi; đây là một lý; cho nên liền lễ bái là một hạnh, rồi tạo ra lời nói, và đây là một lời dạy chính; ít có người nào có thể giải được điều nầy. Đây là khai gần hiển xa, là một trong bốn ấy.

Câu văn lại nói rằng: Chẳng chuyên đọc tụng kinh điển mà hay làm việc lễ bái. Đây là vị của người mới bắt đầu tùy hỷ. Tùy hỷ tất cả pháp, tất có tánh an lạc; tất cả là một thực tướng. Tùy hỷ tất cả người tất cả có 3 Phật tánh. Đọc tụng kinh điển tức là liễu nhơn tánh. Tất cả hành Bồ Tát đạo là nhơn duyên tánh chẳng hề khinh mạn mà lại thâm kính; tức là chánh nhơn tánh. Kính nhơn, kính pháp; chẳng khởi lên sự cạnh tranh; tức là ý tùy hỷ vậy. Chẳng kinh, thâm kính là ngồi tòa Như Lai. Dùng tâm từ bi, thường hành chẳng tranh tức là ở trong nhà của Như Lai. Nhẫn với việc bị đánh đập, mạ lỵ là mặc y Như Lai. Dùng tâm từ bi, thường hành chẳng tranh tức là ở trong nhà của Như Lai. Lại nữa thâm kính là ý nghiệp. Nói chẳng khinh là khẩu nghiệp. Rồi đến lễ bái, là thân nghiệp. Ba điều nầy đều từ bi cả thảy. Tức là thệ nguyện an lạc hạnh. Như 3, 4 nầy há chẳng phải sự lợi ích lưu thông mà ý nghĩa là gì vậy ?

Từ „trong tứ chúng" trở đi; phần thứ 2 làm sáng tỏ sự hủy báng là mất đi. Sanh tâm sân si, chẳng thanh

tịnh. Chẳng thọ 1 trong 4 ấy. Nói lời mạ lỵ vô trí, vô tri đối với cái lý. Nghĩa là nói, không có trí, chẳng thọ nhận một lý vậy. Tỳ Kheo tức là một trong người chẳng thọ nhận.

Từ „Từ đâu đến, chẳng thọ nhận là một việc làm". Hư vọng thọ ký, chẳng nhận lấy một lời giáo huấn. Trải qua nhiều năm thường bị mạ lỵ. Kết quả là chẳng thọ nhận việc khai quyền hiển thật một trong 4 ấy. Bỏ chạy đi xa và cất cao tiếng lên nói, lại chẳng thọ nhận. Sự chẳng thọ nhận nầy là khai cận hiển viễn bổn địa của 1 trong 4. Thường tạo ra lời nói nầy. Kết quả là người có lòng tin, tin sâu chẳng dừng nghỉ. Tứ chúng vì làm việc ấy; nên đặt cho là bất khinh. Kết quả của sự hủy báng nầy là việc hủy báng chẳng dừng lại.

Hỏi: Đức Thích Ca ra đời do dự chẳng nói, Thường Bất Khinh thấy một, lần lượt tạo ra mà nói cái gì ?

Đáp: Bản thân kẻ ấy có điều thiện; cho nên Đức Thích Ca dùng Nhỏ mà hỗ trợ. Bản vị có thiện, Bất Khinh dùng Đại mà cường độc v.v...

Từ „Khi phước hết thì" trở đi, cả 2 làm sáng tỏ lòng tin về quả báo của sự hủy báng. Câu văn đầu lại có chia ra làm 2. Thứ nhất là làm sáng tỏ về quả báo. Hai là kết hợp cổ kim. Sự tin ấy luận về 3 quả báo. Hiện đời được 6 căn thanh tịnh. Sanh ra gặp ngay được ánh sáng của Phật. Sau đó gặp 2.000 ức Phật. Thần thông lực là thân nghiệp nầy thanh tịnh. Vui nói biện lực là khẩu nghiệp

thanh tịnh. Thiện tịch lực là ý nghiệp thanh tịnh v.v... Sự gặp gỡ ấy có 2. Đầu tiên gặp gỡ ấy như câu văn.

Từ „Nếu ta ở đời trước" trở đi; phần thứ 2 là đưa ra niềm tin mà khuyến cho thuận theo, như câu văn. Từ „lúc ấy tứ chúng" trở đi; làm sáng tỏ kẻ hủy báng bị quả báo. Lại chia ra làm 2. Trước tiên làm sáng tỏ được quả. Sau đó kết hợp xưa nay. Kẻ hủy báng được lành, ác cả 2 quả. Chê bai cho nên rơi vào đường ác. Nghe nói về Phật tánh lại tạo ra lời thô ác, mà nhận được quả báo lành. Kết quả xưa nay lại có 2. Kết quả đầu và xưa nay. Từ „nên rõ" trở đi; đưa ra việc nghịch lại và dùng hiển để thuận theo. Khuyến Trì dùng làm chận lại sự hủy báng. Trải qua có lực lớn, cuối cùng cảm được quả lớn. Việc nầy sẽ cần thực tập 5 loại hành động. Kệ có 19 hàng rưỡi. Đầu tiên 15 hàng rưỡi hay tụng về niềm tin về nhơn quả của sự hủy báng. Sau đó 4 hàng tụng về Khuyến Trì. Ở câu văn có thể thấy, chẳng chia nhỏ ra.

Kẻ trước pháp là pháp ấy chẳng thể chỉ ra. Nếu định nghĩa là có; tức là trước pháp. Cho đến định vị là phi hữu, phi vô, lại có tên là trước pháp. Phật Tạng bảo rằng: Đao Luân hại người (Diêm) Phù Đề; việc nầy mất, dụ cho ít. Có chỗ được tâm nói Đại Thừa. Tội nầy qua khỏi kia v.v...

Đại Luận nói rằng: Chấp có cùng chẳng tranh; cho đến chấp không có, không không cùng với có, không tranh luận. Như da trâu, rồng, rùa đều là việc chẳng có thật.

Trung Luận lại nói rằng: Chư Phật nói pháp không. Căn bản là vì hóa độ đối với việc có. Nếu có dính trước vào không, thì chư Phật chẳng giáo hóa. Nếu nhất định nói các pháp phi hữu phi vô thì đây gọi là luận ngu si. Hay mất đi cái ý của Tứ Tất Đàn (thành tựu). Tự hành hóa tha, tất cả gọi là trước pháp. Hoặc được ý của Tứ Tất Đàn. Tự, tha đều chẳng dính mắc vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Quyển thứ 10 (Hết phần trên)

Dịch xong phần trên vào ngày 10 tháng 10 năm 2010
tại Tu Viện Viên Đức – Ravensburg, Đức Quốc.
Kỷ niệm ngày lễ Quốc Khánh lần thứ 99 của
Trung Hoa Dân Quốc Đài Loan.

DIỆU PHÁP LIÊN HOA KINH
VĂN CÚ

Quyển thứ 10
(Phần sau)

- Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh quyển thứ 34

- Thứ tự Kinh văn số 1718

- Thiên Thai Trí Giả Đại Sư giảng tiếng Hán

- Sa Môn Thích Như Điển – Phương Trượng Chùa Viên Giác Hannover, Đức Quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg, Đức Quốc, ngày 11 tháng 10 năm 2010.

Giải thích phẩm
Như Lai Thần Lực

Như Lai như bên trên đã giải thích rồi. Còn Thần nghĩa là chẳng đo được; Lực là dùng làm cán. Bất trắc nghĩa là thể của thiên nhiên sâu xa. Cán ấy dùng để chuyển biến thành cái lực lớn. Trong nầy vì phó chúc pháp sâu xa nên hiện ra 10 loại lực lớn. Cho nên gọi là phẩm Thần Lực. Từ phẩm nầy trở đi, phàm có 8 phẩm, là phó chúc lưu thông. Nay phẩm nầy làm sáng tỏ Bồ Tát thọ nhận mệnh lệnh để hoằng truyền kinh điển.

Phẩm kế là Như Lai sờ đầu phú chúc. Câu văn lại có trường hàng kệ tụng. Trường hàng ấy chia ra làm 3. Một là Bồ Tát thọ mệnh. Hai là Phật hiện Thần Lực. Ba là kết yếu khuyến trì kinh, ở nhà cung kính lễ bái. Kế đến là phát nguyện hoằng truyền kinh điển. Hoằng kinh ấy lại có 3. Một là thời gian sau khi Phật diệt độ. Hai là nơi chốn phân thân và quốc độ. Ba là thệ nguyện. Chẳng phải là phụng mệnh để làm lợi ích cho kia. Lại tự nguyện

với pháp lớn chơn tịnh nầy. Cùng với những điều nhỏ nhẳn đẹp đẽ.

Từ „lúc bấy giờ" trở đi. Đây là phần thứ 2, hiện ra 10 Thần Lực và lại chia ra làm 2. Đầu tiên là chỗ đối với chúng. Kế đến là chính thức hiện thần lực. Đối với Văn Thù cùng Tích ấy hóa độ chúng sanh vào thời xa xưa. Ở phương dưới vốn đã giáo hóa họ và cùng với tất cả những phương khác đến đây. Cùng phân thân với Phật để đến.

Hỏi: Hằng thấy ở phương dưới mà phát ra lời thệ nguyện. Chẳng thấy Ngài Văn Thù phát nguyện điều gì cả ?

Đáp: Câu văn bên trên nói rằng: „Đất nước ta có các Bồ Tát hay trì kinh nầy. Tức là kiêm luôn việc đã được. Mười Thần Lực ấy là:

Một là tướng của lưỡi; nay chỗ nói kinh điển khai 3 hiển 1; bên trong thì bí mật, bên ngoài lại hiện ra. Bỏ gần hiển xa; làm sáng tỏ 3 đời lợi ích. Tất cả là chơn lý thành thật, chẳng hư ngụy. Phước đức của lưỡi con người cho đến mũi. Tam Tạng Phật cho đến tóc. Nay thì cho đến Phạm Thiên qua khỏi việc bên ngoài của phàm thánh. Cao nhất là ở trên đảnh của Tịnh Thiên. Tướng ấy đặc thù, thường nói những gì có thể tin.

Hai là qua khỏi lỗ chân lông của thân hình, biến khắp thân thể toàn là ánh sáng. Chiếu khắp 10 phương; chẳng có nơi nào là chẳng đến. Biểu hiện cho cảnh giới của trí tuệ. Bên trên lông trắng ấy bắt đầu chiếu diệu

đến phía đông, biểu hiện cho 7 phương tiện, đầu tiên thấy một lý. Nay Bản Môn rốt ráo, phóng ra tất cả ánh sáng chiếu đến tất cả các nơi. Hay làm cho nguyên nhơn đầu, cuối đều được giác ngộ rốt ráo trí huệ Phật. Chư Phật phân thân lại cũng như vậy.

Ba lời thệ ấy phát ra sẽ nói lời hàng phục. Lại là tướng của thần thông sắc tướng. Ngoài 40 năm ẩn mặt chơn thật. Nay lại làm cho rộng mở nơi nơi, chẳng có giới hạn. Đây chính là việc ra đời của ta, một sự việc to lớn, thông suốt sảng khoái. Cho nên nói là muốn đem điều nầy để giao phó cho các Bồ Tát, làm cho đời sau và hướng dẫn để được lợi ích chúng sanh. Sẽ nói việc nầy, cho nên thốt ra như vậy. Thốt ra đầy đủ có 2 nghĩa. Một là thốt ra đã xong; hai là thốt ra phú cho người khác.

Bốn đàn chỉ (tiếng gảy móng tay) là tùy hỷ. Tùy hỷ 7 phương tiện giống như nhập vào con đường viên mãn. Tùy hỷ viên đạo, tăng trí tổn sanh. Tùy hỷ theo các Bồ Tát, trì giữ Đại Pháp Chơn Tịnh. Tùy hỷ đời sau được vô thượng bảo. Đây là một đàn chỉ cao triệt 3 đời mà bề ngang thì thấu đến 10 phương. Năm sáu loại động. Biểu hiện sơ tâm đến hậu tâm, lục phiên động vô minh. Nay làm sáng tỏ lại động tất cả người, lục căn, làm cho được thanh tịnh.

Sáu là cùng với sự thấy gặp nhau lớn, biểu hiện con đường của chư Phật giống nhau. Mà bây giờ, mai sau lại cũng như vậy.

Bên trên 5.000 khởi lên, đến 3 sự biến hiện bị di chuyển, liền mất bản tâm, chẳng thể hiện được sự lợi ích. Dùng lời nói phi diệt hiện diệt. Từ khi chư Bồ Tát hoằng truyền kinh điển được đạo, nhập vào nơi Phật huệ, như nay gặp, chẳng khác nhau. Lại biểu hiện vị lai có một cơ hội.

Bảy là từ trên không trung xướng lên nghĩa là biểu hiện có một sự dạy dỗ trong vị lai.

Tám là Nam Mô quy mệnh, làm đệ tử Phật. Biểu hiện trong vị lai có người là một.

Chín là các vật dao động theo mây mà đến. Biểu thị vị lai có một hành động.

Mười là 10 phương thông đồng với nhau như một quốc độ Phật. Biểu thị về một cái lý.

Hỏi: Vì sao rõ biết 10 tướng, biểu thị, hiện ý, lại biểu thị ý của tương lai ?

Đáp: Như câu văn nói. Ta dùng thần lực của Như Lai là phó chúc kinh nầy; cho nên dụ ấy chẳng thể hết. Biểu hiện, biểu tướng là làm sáng tỏ ở ý nghĩa nầy.

Từ „Lúc bấy giờ Phật bảo Thượng Hạnh" trở đi; phần thứ 3 là kết yếu phó chúc. Câu văn ấy lại có 4. Một là xưng tán phó chúc; hai là kết yếu phó chúc; ba là khuyến tương phó chúc; bốn là giải thích phó chúc. Đầu tiên tán thán như câu văn. Kết yếu lại có 4 câu. Tất cả pháp là tất cả đều là Phật Pháp. Điều kết nầy tất cả đều gọi là Diệu. Tất cả lực là thông đạt vô ngại đầy đủ 8 tự

tại. Kết nầy là diệu dụng. Tất cả mật tạng khắp tất cả nơi, đều là thật tướng. Kết nầy là diệu thể. Tất cả những việc sâu xa là nhơn quả, là việc sâu xa nầy. Kết nầy là diệu tông. Tất cả đều ở nơi kinh nầy tuyên nói, chỉ bày, hiển thuyết. Tổng kết một kinh tuy 4 mà là điều nầy. Gồm chung lại điều cốt lõi căn bản mà giữ lấy.

Từ „cho nên các ngươi" trở đi; phần thứ 3 là tương khuyến phó chúc như câu văn. Từ „vì sao vậy" trở đi; phần 4 ấy là giải thích sự phó chúc. Bên trên nói kinh điển ở nơi đâu, nên dựng tháp. Trong kinh nói trọng yếu ở tại 4 việc. Đạo tràng giải thích việc thậm thâm vi diệu bên trên. Được bồ đề, giải thích tạng bí mật bên trên. Chuyển pháp luân giải thích tất cả pháp bên trên. Nhập Niết Bàn giải thích những thần lực bên trên. Đây là 4 việc trọng yếu, nhiếp hết tất cả các kinh văn; cho nên đều nên dựng tháp. Nói là quan trọng, vì được Bồ Đề là pháp thân. Chuyển pháp luân là Bát Nhã. Nhập Niết Bàn là giải thoát. Ba pháp thành Mật Tạng, Phật trụ ở trong nầy. Tức là ý nghĩa của tháp vậy.

A Hàm nói rằng: Phật ra đời ở 4 nơi nên dựng tháp. Đó là nơi sanh; nơi đắc đạo; nơi chuyển pháp luân và nơi nhập Niết Bàn. Tọa đạo tràng là pháp thân sanh xứ. Ngoài ra tất cả đều như câu văn.

Kệ có 16 hàng. 4 hàng đầu tụng về 10 thần lực. Kế đến 12 hàng tụng về kết yếu. Phó chúc bên dưới có 2 hàng. Công đức của người nầy tổng cộng 4 pháp. Hay trì tức là làm cho việc gặp ta. Phần thứ 2 gồm có 8 hàng rưỡi. Riêng tụng 4 pháp. Đầu tiên một kệ rưỡi tụng về tất

cả pháp; tức là trì thân Phật v.v... Làm cho ta cùng phân thân 2 câu kệ tụng về thần lực. Thần lực khuyên, Phật làm cho hoan hỷ. Chư Phật ngồi nơi đạo tràng gồm 1 kệ. Tụng mật yếu có thể giải. Đối vơí các pháp là nghĩa của 4 kệ. Tụng việc sâu xa. Thuyết pháp phá ám, nhập vào nhứt thừa. Đây là việc sâu xa của Phật. Sau đó một kệ rưỡi tổng tụng về kết quả.

Giải thích phẩm
Chúc Lũy

Chúc ở đây chính là Phật phú chúc. Lũy nghĩa là phiền mà tuyên truyền. Đây chính là từ Thánh Chỉ có tên; nên nói là Chúc Lũy. Chúc tức là đảnh thọ chỗ chúc. Lũy là cam khổ, lao nhọc. Điều nầy từ Bồ Tát kính thuận, được tên ấy; nên gọi là Chúc Lũy. Chúc là chính từ kim khẩu của Đức Như Lai để chúc vậy. Lũy là Bồ Tát cam tâm gánh vác nhận lãnh. Đây chính là việc thọ nhận hợp với luận cứ; cho nên nói là phẩm Chúc Lũy. Vì vậy Đức Như Lai mới từ chỗ ngồi đứng dậy, dùng tay để xoa đầu, là pháp khó có. Đại chúng cung kính chắp tay. Như lời dạy của Đức Thế tôn đều phụng hành và thọ nhận một cách tinh tấn. Do vậy nói là phẩm Chúc Lũy. Câu văn nầy lại chia làm 2. Đầu tiên là việc phó chúc. Kế đến là lúc đó mọi người hoan hỷ. Phần đầu lại có 3. Một là Như Lai phó chúc. Hai là Bồ Tát lãnh thọ. Ba là khi việc xong thì xưng tán. Đầu ấy lại có 3. Một là chính thức phó chúc; hai là giải thích việc phó chúc; ba là răn dạy việc

phó chúc. Chính thức phó chúc là Phật dùng tay làm quyền trí thiện xảo rồi xoa lên trên đỉnh đầu của các vị Bồ Tát thật trí trên hư không ở tận 3.300 Na Do Tha cõi nước. Như Lai dùng đạo để giáo hóa cho họ. Gọi đây là cánh tay quyền trí. Bồ Tát tự đến để thọ nhận đạo. Gọi đây là thật trí đảnh. Nếu dùng tay để xoa đầu; tức là tự thân phó chúc. Quyền trí lâm thật trí tức là ý phó chúc. Mà nói nên lời, tức là dùng miệng để phó chúc. Câu văn nầy có ý của Tứ Tất Đàn (thành tựu). Ta ở nơi vô lượng kiếp, tu pháp khó được nầy. Ở đây thọ nhận học hỏi từ trước Phật; nay dùng sự giao phó. Do vậy sự lãnh thọ kia là kế tục cho 3 đời; tức là thế giới Tất Đàn vậy. Một lòng tuyên dương rộng rãi tức là vì người Tất Đàn. Rộng làm cho tăng trưởng; tức là đối trị Tất Đàn. Ích lợi ấy tức là nghĩa đệ nhất của Tất Đàn.

Từ „vì sao vậy" trở đi; giải thích về việc giao phó. Có đại từ bi nghĩa là nhà của Như Lai. Chẳng có sự keo kiệt. Áo của Như Lai lại cũng chẳng có chỗ sợ hãi. Chỗ ngồi của Như Lai là trí huệ Phật. Tất cả trí là trí huệ của Như Lai: đạo chủng trí; tự nhiên trí tuệ, tất cả chủng trí. Đối với nhà của Như Lai hay cho chúng sanh 3 loại trí tuệ. Cho đến chỗ ngồi lại cũng như vậy. Như vị thí chủ nầy chẳng có keo kiệt; cho nên nói là chẳng có chỗ lo. Các con sẽ học pháp nầy của Như Lai. Đây chính là giải thích sự xuất phát ý của Phật để phó chúc.

Từ „đối với đời vị lai" trở đi, là sự khuyên răn giao phó. Nếu kẻ căn sâu, trí lợi thì nghe ngay lời dạy trí huệ của Phật. Nếu chẳng kham nổi thì trong pháp sâu xa ấy,

chỉ bày cho được lợi lạc. Trí huệ Phật rất sâu xa mà chẳng thừa. Sáu phương tiện là dư mà chẳng sâu. Biệt giáo lần lượt dư mà lại sâu. Ngươi hay dùng dư, sâu để trợ giúp thừa thỉnh Phật huệ; tức là thiện xảo báo ân Phật. Đây gọi là dạy răn phó chúc.

Từ „lúc ấy các vị Bồ Tát" trở đi; đây là phần 2 lãnh thọ. Ý hoan hỷ lãnh thọ. Cúi rạp mình xuống, đầu sát đất là thân lãnh thọ. Đều phát ra lời là miệng lãnh thọ, kiêm luôn cả ý lãnh thọ nữa. Như Đức Thế Tôn dạy, lãnh thọ cái ý về ngôi nhà của Đại Thí Chủ là Đức Như Lai, sẽ đầy đủ phụng hành lãnh thọ, chẳng tham lam bỏn xẻn là ý nói y của Như Lai. Nguyện chẳng mệt mỏi lãnh thọ, là ý chẳng lo lắng nơi tòa ngồi của Như Lai. Phật liền 3 lần phó chúc và các vị Bồ Tát cũng 3 lần nhận lãnh. Tất cả đều như câu văn.

Từ „lúc bấy giờ Đức Thích Ca" trở đi, là phần thứ 3 xưng tán. Ngài Đa Bảo vì chứng kinh mà đến. Nay Tích Bảo nhị môn đã xong; cho nên tôn kính lời di chúc như thế. Phân thân ra để mở cửa tháp và vân tập lại. Khi mở cửa tháp xong, làm cho phân thân trở nguyên lại như cũ. Tháp chẳng thể mở một lần nữa; cho nên phân thân rồi, không hiện ra nữa. Tháp ấy giống như việc nghe pháp; cho nên đóng lại để tồn tại.

Hỏi: Tháp ấy nếu là việc nghe pháp, lại chẳng nên đóng lại sao ?

Đáp: Chứng chánh (giáo) rồi mới đóng. Nghe lưu thông; nên hiện hữu v.v...

Từ „lúc nói những lời ấy" trở đi, là việc Đại Chúng hoan hỷ. Chư Phật vì sự hóa tha mà tùy theo đó để vui. Bồ Tát vì tự hành, được pháp cho nên vui vẻ. Lại nói người thanh tịnh, cho nên vui. Phật là thế. Nghe thanh tịnh pháp nên hoan hỷ. Diệu kinh là thế. Nghe pháp liền chứng; nên được vui vẻ. Hiện tại vị lai được lợi ích là thế. Ba việc đầy đủ cho nên hoan hỷ lớn v.v...

Giải thích phẩm
Dược Vương Bồ Tát Bổn Sự

Quán Kinh nói rằng: Xưa gọi là Tịnh Quang. Từ Tôn Giả Nhựt Tạng nghe nói trí huệ Phật dùng thuốc quý của núi Tuyết cúng dường cho chúng tăng. Nguyện con ở đời vị lai có thể trị được thân và tâm, cả 2 bịnh của chúng sanh. Cho nên ở đời đã hoan hỷ gọi là Dược Vương. Câu văn nầy làm sáng tỏ tất cả chúng sanh hỷ kiến, đốn xả một thân. Kế đến lại thiêu 2 cánh tay, xem nhẹ sinh mạng và coi trọng về pháp để giữ đạo được tồn tại. Đưa ra việc ngày xưa để hiển việc ngày nay. Nên nói phẩm Bổn Sự. Nếu đưa ra nghĩa nầy thì Tịnh Quang có niềm vui sau đó. Từ khi bỏ thuốc, phát lời thệ nguyện đến nay, gọi là Dược Vương v.v...

Từ đây đến sau 5 phẩm, tất cả đều là phần lưu thông của việc giáo hóa cho người khác. Nay phẩm nầy làm sáng tỏ sự hóa tha của Thầy mình. Chỉ nguyện cho pháp lớn được hoằng truyền rộng rãi và đại nguyện đối với chúng sanh gặp được nhiều lợi ích. Sở dĩ thần lực

nầy, cho đến hình hài thân mệnh nầy ân ân kiền kiền (thịnh thịnh bền chặt) chí ấy giống như vị kỷ. Giá làm cho đệ tử tông pháp như Thầy, ta lại truyền sự sáng tỏ, sẽ được truyền sang. Sáng sáng chẳng phải cho mình, đó là ý chí của Sư. Cho nên rõ biết phẩm nầy chính là sự hoằng pháp của Sư. Bên dưới như Diệu Âm Quan Thế Âm 2 phẩm làm sáng tỏ tha phương Đại Sĩ phụng mệnh hoằng truyền kinh điển. Phổ hiện hình thù, sắc thân, chẳng định chuẩn. Chẳng thể dùng mắt trâu, dê thấy được. Chẳng có thể dùng phàm ngu mà rõ được. Đối với nghe thấy, chớ sanh khinh tưởng. Khinh tưởng tức là pháp ấy chưa nhiễm vào tâm. Cho nên ở phẩm dưới lại thọ pháp làm Đệ Tử. Bồ Tát vì Phật sự. Một lần qua đây vậy.

Phẩm bên trên lại có Bồ Tát. Phẩm bên dưới lại có chư Phật v.v... Nay làm sáng tỏ phẩm phương tiện khai 3 hiển một, viên nhơn đã hoàn thành.

Phẩm An Lạc Hạnh làm sáng tỏ pháp của các Thừa (Phẩm) Thọ Lượng làm sáng tỏ cái quả của Thừa nầy rồi. Phẩm nầy bên dưới làm sáng tỏ Thừa của con người. Cho nên Thập Nhị Môn luận rằng. Đại Thừa là chỗ lên của bậc Đại Nhơn như Phổ Hiền Văn Thù. Dược Vương dùng sự khổ hạnh để bước lên xe. Diệu Âm Quan Âm dùng Tam Muội để bước lên xe. Đà La Ni dùng Tổng Trì để bước lên xe. Diệu Trang Nghiêm dùng lời thệ nguyện để bước lên xe. Phổ Hiền dùng thần thông để bước lên xe. Tạo ra việc giải thích nầy là đối với nghĩa lưu thông hóa tha vậy. Câu văn lại có 4. Một là hỏi; hai là đáp; ba

là lợi ích và bốn là Đa Bảo gọi tốt. Hỏi ấy lại có 3. Một là thông vấn du hóa; hai là biệt vấn khổ hạnh; ba là thỉnh đáp như câu văn. Phần đáp lại có 2. Một là hay đáp khổ hạnh. Du hóa tức là chỉ cho sắc thân Tam Muội. Hoặc chỉ cho bên dưới 2 phẩm. Hai là tán thán kinh.

Trong sự đáp lại về khổ hạnh, trước tiên làm sáng tỏ việc chính. Kế đến làm sáng tỏ Bản sự. Sự bản lại chia làm 3. Nghĩa là thời tiết, có Phật nghe và quốc độ v.v... Tất như câu văn. Bản sự lại có 3. Một là Phật nói pháp; hai là tu cúng dường; ba là kết hội. Rồi Phật mới vì tất cả, sao lại thấy vui riêng. Điều nầy đối với cành dương là phó (chúc) lưu thông. Như ngày nay Thân Tử (Xá Lợi Phất) gởi một lời nói đến các vị khác vậy.

Khổ hạnh ấy lại có 2. Một là hiện tại và hai là vị lai. Hiện tại lại chia ra làm 2. Một là tu hành được pháp; hai là tạo ra sự nhớ nghĩ báo ân. Báo ân ấy lại có 2. Một là lực Tam Muội; hai là chánh báo thân lực. Thân lực ấy lại có 3. Một là thân tâm; hai là Phật xưng tán; ba là thời tiết.

Chơn pháp cúng dường sẽ là bên trong dùng nội vận trí quan sát, quán sát về nhơn quả phiền não. Tất cả đều dùng không huệ mênh mông. Cho nên gọi là chơn pháp. Lại quán về thân, về lửa hay cúng, chỗ cúng (dường) tất cả đều là thật tướng. Ai thiêu, ai đốt, hay cúng, chỗ cúng đều là việc khó thể được. Cho nên nói là chơn pháp.

Từ „tất cả chúng sanh" trở đi. Vị lai khổ hạnh lại chia ra làm 5. Một là sanh vào nhà vua chúa; hai là nói bản sự; ba là đến chỗ Phật; bốn là Như Lai phó chúc; năm là phụng mệnh nhiệm trì. Tất cả như câu văn. Nhiệm trì lại có 4. Một là xây tháp; hai là thiêu cánh tay; ba là lợi ích; bốn là hiện báo. Tất cả đều như câu văn.

Từ „Phật bảo" trở đi; phần thứ 3 là kết hội xưa nay. Lại có 2 phần. Một là kết hội; hai là khuyến tu. Khuyến tu là hay đốt một ngón tay cho đến xả bỏ thân bên ngoài. Bên ngoài nhẹ, bên trong nặng; cho nên công (đức) và phước (báu) khác nhau. Câu văn nói rằng: Vợ con là bên ngoài thân. Quốc thành cũng là tài sản bên ngoài.

Từ „Nếu lại có người dùng bảy loại báu" trở đi là tán thán kinh điển. Trước tiên ca ngợi kẻ trì kinh. Kế đến ca ngợi pháp trì. Sau đó làm sáng tỏ trì kinh phước đức sâu xa. Bảy loại của quý đem dâng cho Tứ Thánh chẳng bằng như một bài kệ của người trì kinh. Pháp là Thánh Sư, hay sanh, hay dưỡng, hay thành, hay phát. Tất cả đều từ Pháp. Cho nên nói rằng: Người thì nhẹ, pháp trọng là vậy.

Từ „đời Vua trước" trở đi; phần thứ 2 tán thán việc trì pháp lại có 2. Đầu tiên là ca ngợi pháp thể; kế đến ca ngợi pháp dụng. Sông nhỏ chảy vào sông lớn, nước ấy chảy ra biển cả. Biển là số một. Vô lượng nghĩa nói dụ cho 4 loại nước về lời dạy. Trong Dược Thảo dụ, một đám mây hay mưa, lấy dụ nầy để nói. Nay lại dùng nước, là tổng thể của tất cả giáo, biệt cùng 4 loại. Dụ cho sữa, lạc, sanh tô, thục tô. Bốn mùi vị nầy là lời dạy. Kinh Pháp

Hoa dạy cho chúng ta dụ cho biển nước Đề Hồ. Nói cùng bản địa là chỗ sâu xa, biến tất cả nơi, gọi là lớn. Thuần ấy làm sáng tỏ Phật Pháp; chẳng nói ngoài pháp làm. Tối vi sâu xa to lớn. Nghĩa nầy như vậy. Thập Bảo Sơn gọi là xuất Hoa Nghiêm và các loại kinh v.v... Đất đen bao bọc chung quanh; cho nên chẳng có đồ quý giá. Thập Sơn tuy quý; hoặc có 1 hay 2 Thần Long tạp cư. Tu Di bốn bên đều báu và nơi ấy thuần là chư Thiên ở. Dụ cho việc ngoài lời dạy ấy có thể nương tựa vào Thập Địa và 40 tâm; hoặc phàm; hoặc Hiền (Thánh) nói chỗ nương tựa; hoặc tục; hoặc chơn.

Từ „Đây là bia" trở đi, là nói về đế lý của kinh Pháp Hoa về thường, lạc, ngã, tịnh. Như 4 loại quý báu hợp thành. Khai, thị, ngộ, nhập là chỗ nương tựa. Cho nên nghĩa nầy tối vi cao thượng. Ngôi sao, mặt trăng là những âm tinh đều hiện trong ban đêm. Ngôi sao chẳng đủ ánh sáng sánh với mặt trăng. Các kinh nói về quyền, trí chẳng được tự tại. Kinh nầy làm sáng tỏ quyền; tức là thật; thật tức là quyền. Tướng ấy đầy đủ, chỉ cho bất nhị mà nhị. Như ở đây nói quyền, trí hơn các lời dạy khác vậy. Mặt trời là dương tinh, riêng một mình có thể phá trừ sự tối tăm. Các kinh làm sáng tỏ thật trí, phá trừ các nghi hoặc. Như chẳng thể sánh bên trên là thật mà quyền. Mà được cái nào đó; tức là quyền mà thật. Cho nên rõ biết kinh nầy làm sáng tỏ thật trí là điều số một.

Hiệu lệnh của Luân Vương là dừng lại ở 4 phía thành (Đế) Thích ở cõi thứ 33. Phạm (Vương) hiệu lệnh rằng bên trên tổng và bên dưới mão. Ngoài ra các kinh

còn dụ về Tam Đế Tam Muội, mỗi mỗi chẳng có tướng thu (nhiếp); chẳng được tự tại. Chỗ nói kinh nầy dùng thật tướng để nhập vào chơn. Quyết rõ pháp Thanh Văn, là Vua của các kinh. Thật tướng vào đời, tất cả giữ gìn mạng sống, sản nghiệp, chẳng giống nhau và chống chọi nhau. Thật tướng vào trong các pháp, không có cái nào không là Phật Pháp. Câu văn nói rằng: Tất cả học, vô học và là cha của kẻ phát tâm Bồ Tát. Nghĩa nầy như vậy. Tất cả phàm phu, Tứ quả, (Bích) Chi; Phật là đệ nhứt. Ở đây làm sáng tỏ nhiệm vận chẳng có công dụng. Ngoài ra kinh quan yếu là nhơn công dụng, có thể được nhập lưu. Như Tứ quả, con người là cái nhơn của văn, tư, tu; mới có thể được giác ngộ.

Kinh nầy làm sáng tỏ không làm Tứ Đế, chẳng tạp phương tiện. Tự nhiên lưu nhập vào biển trí tuệ. Như con bò trắng to lớn mạnh mẽ có sức mạnh, phóng như gió thổi v.v... Thanh Văn, Chi Phật, Bồ Tát là số một. Điều nầy làm sáng tỏ các nguyên nhơn là số một. Ngoài ra kinh làm sáng tỏ nguyên nhơn chính là thất phương tiện. Nay kinh làm sáng tỏ nguyên nhơn rời phương tiện bên ngoài. Cho nên nguyên nhơn ấy là số một.

Như Lai là số một. Điều nầy làm sáng tỏ cái quả vậy. Ngoài ra kinh làm sáng tỏ quả gần ở nơi yên tĩnh. Ở đây kinh làm sáng tỏ quả xa, chỉ cho bản địa; gọi là điều quan trọng nhất. Kinh nầy có thể giáo hóa cho kẻ thấp; ca ngợi việc dùng pháp. Đầu tiên là tán thán cách dùng đánh bạt khỏi sự khổ. Kế đến 12 việc, ca ngợi cùng sự vui dùng. Sau kết quả, tất cả đều như câu văn.

Từ „Nếu có người được nghe" trở đi, làm sáng tỏ việc trì kinh phước đức sâu xa. Trước tiên đưa ra việc toàn thể nghe kinh là phước đức. Kế đến đưa ra việc nghe phẩm phước (đức). Có cách lượng, có chúc lũy như câu văn. Mở miệng ra có mùi thơm là hiện báo. Ngoài ra là hậu báo. Được nghe kinh nầy chẳng già, chẳng chết. Điều nầy nên quán giải. Chẳng già là lạc; chẳng chết là thường. Nghe kinh nầy được hiểu rõ về thường, lạc.

Từ „thường hay ở chỗ mong nhớ, chẳng có lo ngại" trở đi là phần thứ 3 nghe phẩm nầy được lợi ích như câu văn. Phần thứ tư Đa Bảo gọi là thiện như câu văn.

Giải thích phẩm
Diệu Âm Bồ Tát

Trong câu văn tự giải thích: Ngày xưa phụng hành Phật Vân Lôi Âm Vương với 10 vạn người hầu. Nay du hóa đến quốc độ kia, âm nhạc tự theo. Xưa kia phụng giữ 84.000 bảo bát. Nay lại hứa rằng đạo khí làm quyến thuộc chung quanh. Ngày xưa được tất cả chúng sanh ngữ ngôn Đà La Ni. Nay dùng phổ hiện sắc thân, dùng diệu âm thanh biến khắp đến 10 phương, hoằng truyền lời dạy nầy. Cho nên gọi là phẩm Diệu Âm. Phẩm nầy làm sáng tỏ Bồ Tát dùng lực khó nghĩ bàn. Tùy loại tùy kinh. Vật thấy ở Tích nầy mà chưa đo lường được ở Bản kia. Hay kham với vị nầy mà chẳng chọn hình thức ấy. Sẽ ghi lại ở bia nầy, từ lấp dòng chảy kia. Tức là hóa tha môn, ý thứ 2 vậy. Câu văn ấy có 6. Một là phóng quang và mời phía Đông đến. Hai là phụng mệnh từ Tây đến. Ba là phương hoằng truyền kinh điển. Bốn là 2 quốc độ được lợi ích. Năm là trở về nước mình và sáu là nghe phẩm tiến đạo.

Tướng người lớn là tướng biển to lớn. Trùm khắp công đức các nơi, chẳng kể một công đức nào tốt. Những công đức tốt chẳng kể với một tướng công đức nào. Các tướng ấy từ bên dưới hướng lên trên, triển chuyển tương thắng. Chẳng sánh với công đức lông trắng. Bạch hào công đức chẳng sánh với nhục kế công đức. Cho nên nói đây là tướng người lớn vậy. Tướng nầy là do từ sự hiếu thuận với Thầy Tổ mà khởi lên. Nay phóng ra ánh sáng để mời gọi bản đệ tử. Trong kinh nói là đạo ấy khiến cho hoằng truyền, làm lợi ích cho người có căn cơ lớn. Bạch hào là từ một đường thanh tịnh mà khởi. Nay phóng ra ánh quang minh nầy làm cho sự hoằng truyền giáo pháp nầy.

Hỏi: Phật mỗi tướng đều là pháp giới hải. Vì sao lại có tốt xấu?

Đáp: Kinh kia, chỗ làm sáng tỏ, tuyên nói và tạo ra việc nầy.

Hỏi: Phật có duyên với đệ tử khắp cả 10 phương. Vì sao lại mời bên Đông rồi nói với bên Tây, mà chẳng đợi cả 8 phương ?

Đáp: Đây là có chỗ biểu tượng. Tịnh Danh nói: Mặt trời, mặt trăng với ý gì mà lưu hành ở cõi Diêm Phù Đề. Muốn dùng ánh sáng quang minh để trừ khỏi những tối tăm. Đông là ánh sáng bắt đầu, Tây là ánh sáng chấm dứt. Có đầu có đuôi. Ở đây chỉ có Thánh nhơn thôi. Kẻ chưa phát tâm làm cho họ phát tâm. Kẻ chưa rốt ráo, làm cho họ rốt ráo. Một vị Bồ Tát như vậy mà nhiều vị

cũng thế. Một phương là như vậy thì nhiều phương cũng như thế. Bậc Thánh chẳng phiền. Câu văn đưa ra một trong nhiều như vậy. Cho nên hay nói Đông Tây là thế.

Câu văn phát ra đó có 2. Một là phát lai duyên; hai là chánh thức phát lai. Lai duyên lại có 6. Một là các nhà chú giải kinh thuần thục với phước huệ nầy. Hai là bị chiếu soi; ba là lời; bốn là răn dạy; năm là thọ nhận thánh chỉ; sáu là hiện tướng đến. Do phước đức thuần thục, do gieo trồng nhơn duyên với Phật trước đó nhiều. Trí huệ sâu xa tức là trí huệ trang nghiêm. 16 Tam Muội tức là phước đức trang nghiêm vậy. Ánh sáng chiếu, thân qua lời nói của Phật, tất cả đều như câu văn. Phật răn dạy, mà pháp thân Đại Sĩ thì chẳng cung kính mà thành. Chỗ cùng là quyến thuộc hoặc chưa đạt được cho nên nương vào kia mà quy về việc nầy vậy.

Phàm là Phật thân thì cùng xưng với cái lý của tướng. Chẳng được thấy bia nhỏ mà quên đi sự tôn nghiêm nầy. Điều nầy Ước (giáo) nói chỗ ngồi của Như Lai là sự giáo huấn. Phàm là Thầy và Đệ Tử thì trí đoạn đầy đủ. Thầy lại thí quyền; đệ tử lại ẩn trong thật nầy. Điều nầy Ước (giáo) nói lấy y của Như Lai để làm việc răn dạy. Phàm là quốc độ y báo, tất cả đều là chỗ cảm được của chánh báo. Như Lai dùng lòng từ đến đại thiên, tuyên nói việc cao, thấp. Chớ thấy y báo mà hốt hoảng về chánh báo vậy. Điều nầy Ước (giáo) nói là nhà của Như Lai là nơi răn dạy vậy. Việc hoằng truyền kinh nầy đối với Phật thì cho thấy 3 ý. Sự tôn kính kia và răn dạy ấy Ước (giáo) con đường của chư Phật giống nhau.

Thọ chỉ tức là do Như Lai lực là tọa lực. Thần thông lực là thất lực. Trang nghiêm lực là y lực. Sự thọ nhận hoằng truyền kinh nầy là một sắc chỉ lớn là tông yếu nhằm làm lợi vật. Cho nên có thể chẳng động do việc gặp nầy. Du hóa 10 phương rồi hiện tướng như câu văn có 6. Một là để lại Liên Hoa; hai là hỏi; ba là đáp; bốn là thỉnh; năm là giới thiệu công đức; sáu là do mệnh lệnh mà đến. Tất cả đều như câu văn.

Hỏi: Nếu Văn Thù vị hạ, nói chẳng cầu thấy. Nếu Văn Thù ở vị cao, tướng ấy đến sao lại hốt hoảng mà chẳng rõ ?

Đáp: Tuy đồng một vị mà có trước, giữa và sau. Dừng ở nơi nầy một sự việc, chẳng rõ, không cung kính cao, thấp. Lại nữa ở trong chúng đoan nghiêm chẳng tường; nên phát khởi làm cho rõ biết; do vậy mới hỏi Phật vậy.

Từ „lúc bấy giờ" trở đi là phát lai. Câu văn ấy lại có 6. Một là cùng với quyến thuộc qua lại; hai là tướng quen thuộc đăng đài; ba là hỏi thăm, truyền chỉ dụ; bốn là thỉnh cầu được gặp Đa Bảo; năm là Thế Tôn vì đó mà thông qua; sáu là trong tháp tán thán việc lành. Tất cả đều như câu văn.

Phần thứ 3 về việc hoằng truyền kinh điển lại chia ra làm hai là vấn và đáp. Đầu tiên vấn về căn lành gì. Hai là hỏi về thần lực. Thiện căn là hỏi về ngày xưa. Thần lực là hỏi về ngày nay. Phật đáp lại 2 ý. Ngày xưa vì hiến cúng âm nhạc và phụng nạp các khí cụ để kết hợp xưa

nay. Tất cả đều như câu văn. Sự đáp lại nầy là trồng căn lành của câu hỏi.

Từ „Hoa Đức" trở đi, đáp lại câu hỏi về thần lực nầy. Lại có 34 phàm thân và 4 thân Thánh nhơn; kết thành 10 pháp giới, lục đạo vậy.

Từ „lúc bấy giờ Hoa Đức" trở đi là hỏi ngày nay đang trụ ở định nào mà có thể như thế nầy, tự tại lợi ích như vậy. Phật đáp như câu văn.

Từ „nói phẩm nầy" trở đi là phần thứ 4, lợi ích của 2 quốc độ. Tam Muội cùng với Đà La Ni, thể một mà dụng khác; tịch dụng là Tam Muội; trì dụng gọi là Đà La Ni. Lại nữa sắc thân biến hiện, gọi là âm thanh biện; gọi là Đà La Ni. Thượng Phẩm nói rằng: Đầu tiên được nhứt thiết sắc thân tam muội, chuyển thân được tất cả ngữ ngôn Đà La Ni. Nên biết rằng âm thanh giống như sắc pháp; cho nên nói thể một ấy nhưng dụng thì sai biệt. Lại nữa lưỡi căn thanh tịnh; cho nên nói là Đà La Ni. Ngoài ra các căn khác thanh tịnh; nên gọi là Tam Muội. Cả 6 căn thanh tịnh pháp môn vậy.

Từ „lúc bấy giờ Diệu Âm" trở đi là phần thứ 5 trở lại bổn quốc, đất động hoa rơi. Bồ Tát trải qua những việc lợi ích như trên. Chú nguyện trước Phật phóng quang. Bèn chiếu đến phương Đông, trăm, ngàn, vạn, ức Na Do Tha quốc độ, lại luận về sự lợi ích. Phần thứ 6 khi nghe phẩm nầy liền tiến tu đạo nghiệp như câu văn.

Giải thích phẩm
Quan Thế Âm Bồ Tát Phổ Môn

Phẩm nầy là từ Đổ Vương Kinh, giảng cho nhiều người nghe. Nay giải thích, chẳng giống như kia được. Có ghi lại riêng làm 2 quyển. Lược lại toát yếu sự giải thích kia làm đề tựa nầy. Có Thông (giáo) có Biệt (giáo). Thông có 10 cặp; Biệt có 5 cặp. Mười cặp ấy là: Pháp một người cho đến phần thứ 10 là trí đoạn v.v...

Quan Thế Âm là người. Phổ Môn là pháp. Người có nhiều loại v.v... Pháp có nhiều loại v.v... Nương vào câu hỏi phía trước để luận đáp về người Quan Thế Âm. Nương vào câu hỏi, đáp phía sau để luận về pháp Phổ Môn. Người, Pháp hợp chung một đề. Cho nên nói là phẩm Quan Thế Âm Phổ Môn.

Quan Thế Âm là lòng từ bi đánh bạt đi sự khổ. Nương vào việc hỏi và đáp ở phía trước, có trăm ngàn khổ não tất cả đều được giải thoát. Phổ Môn có nghĩa là lòng từ lớn cùng với nhiều niềm vui. Nương vào những câu hỏi đáp sau thì, nên vì sự đắc độ mà vì đó nói pháp.

Quan Thế Âm là trí huệ trang nghiêm. Trí ấy hay đoạn trừ các hoặc, như lúc sáng thì chẳng có bóng tối. Phổ Môn là phước đức trang nghiêm. Phước ấy hay chuyển thọ như mưa châu bảo.

Quan Thế Âm là quan sát cảnh tối tăm; tức là pháp thân. Phổ Môn là tùy theo nơi mà ứng hiện. Tức là ứng thân vậy.

Quan Thế Âm là dụ cho cây thuốc vua, biến thể dụ cho bịnh. Phổ Môn là dụ chu vua Như Ý châu, tùy theo ý mà trở nên vậy.

Quan Thế Âm là ngầm làm việc lợi ích; chẳng có chỗ thấy nghe. Ba độc bảy nạn đều lìa khỏi. Hai sự cầu khẩn của 2 nguyện đều đầy đủ. Phổ Môn có nghĩa là hiển tác sự lợi ích. Mắt nhìn 33 dung nhan bậc Thánh. Tai nghe 19 sự tôn trọng giáo hóa.

Quan Thế Âm nghĩa là tùy theo tự ý, chiếu thật trí. Phổ Môn nghĩa là tùy nơi ý người khác mà chiếu huyền trí.

Quan Thế Âm nghĩa là bất động bổn tế. Phổ Môn nghĩa là Tích nhiệm phương viên.

Quan Thế Âm là căn bản đã liễu nhơn chủng tử. Phổ Môn là căn bản duyên vào nhơn chủng tử.

Quán Thế Âm là cứu cánh trí đức, như tối 14 trăng sáng tỏ: Phổ Môn là cứu cánh đoạn đức; như đêm tối trời thứ 29 không sáng tỏ.

Kinh văn qua sự hỏi đáp có rất nhiều nghĩa. Lược dùng chỉ 10 cặp như trên. Bắt đầu bằng pháp của con người và kết cuộc cho đến trí đoạn. Giải thích phẩm nầy qua tên gọi nghĩa là như vậy.

Riêng Biệt (giáo) thì chỉ hiện 5 cặp. Một là quán. Quán ấy có nhiều loại. Nghĩa là chiết quán và thể quán. Có thứ đệ quán, viên quán. Chiết quán có nghĩa là diệt sắc nhập không. Thể quán tức là sắc tức là không. Thứ đệ quán nghĩa là từ chiết quán cho đến viên quán. Viên quán là chiết quán thật tướng nầy; cho đến thứ đệ quán lại là thật tướng vậy. Nay giảng lược 3 quán, chỉ luận về viên quán.

Câu văn nói Phổ Môn nghĩa là quán chẳng viên môn thì chẳng gọi là Phổ; tức là ý nghĩa nầy.

Thế có nghĩa là đối với việc thực hành thì trước là thế và sau là quán. Hoặc cũng có thể nói quán trước và thế sau. Nay từ sự nói ấy cho nên về sau luận về thế. Thế đây lại có nhiều loại. Nghĩa là hữu vi thế, vô vi thế, nhị biên thế, bất tư nghì thế. Hữu vi thế nghĩa là 3 cõi thế (gian). Vô vi thế tức là 2 Niết Bàn. Nhị biên thế tức là sanh tử Niết Bàn. Bất tư nghì thế là cảnh thật tướng. Giảng lược đi các thế mà chỗ giữ lại bất tư nghì thế.

Âm ở đây có nghĩa là cơ. Cơ ấy lại có nhiều loại. Nhơn thiên cơ, nhị thừa cơ, Bồ Tát cơ, Phật cơ. Nhơn thiên cơ nghĩa là các việc ác chớ làm, các việc lành nên làm. Nhị Thừa cơ nghĩa là sợ hãi sanh tử, vui cảnh vô vi. Bồ Tát cơ nghĩa là trước người, sau mới đến mình, từ bi

nhơn đức giúp đỡ. Phật cơ nghĩa là tất cả trong các pháp đều dùng quán nhập. Tất cả vô ngại nhơn; một đường ra khỏi sanh tử. Lược bớt các cơ của âm khác. Chỉ giữ lại Phật âm cơ mà thôi. Dùng cơ nầy ứng với nhơn duyên; gọi là Quan Thế Âm.

Phổ ở đây nghĩa là cùng khắp. Các pháp vô lượng; nếu chẳng được, phổ ấy là Biến pháp. Nếu được, thì phổ ấy là Viên pháp. Cho nên Tư Ích nói: Tất cả các pháp tà, tất cả những pháp chánh, lược theo Ước (giáo) có 10 pháp làm sáng tỏ phổ. Được ý nầy rồi thì tất cả pháp, chẳng có cái nào chẳng là phổ. Cho nên từ bi phổ, hoằng nguyện phổ, tu hành phổ, ly hoặc phổ, nhập pháp môn phổ, thần thông phổ, phương tiện phổ, thuyết pháp phổ, thành tựu chúng sanh phổ, cúng dường chư Phật phổ.

Bắt đầu từ người, trời; kết cuộc đến Bồ Tát. Tất cả đều có từ bi. Rồi có phổ, có bất phổ. Sanh pháp 2 duyên từ, thể lại biến. Bị duyên chẳng rộng, chẳng được xưng là phổ. Vô duyên cùng thật tướng, thể ấy giống nhau. Lý nầy lại viên, từ ấy chẳng khắp. Như đá mài hấp thụ sắt thép, nhiệm vận tương ưng. Như từ bi xông khắp tất cả nơi; cho nên được gọi là từ bi phổ.

Hoằng thệ phổ nghĩa là hoằng (pháp) thì rộng mà thệ (nguyện) thì hạn chế. Rộng, hẹp do tâm; cho nên nói là hoằng thệ. Hoằng thệ theo Ước (giao) là Tứ Đế khởi. Hoặc Ước (giáo) có tác, vô sanh, vô lượng Tứ Đế. Thân pháp chẳng tận nên gọi là phổ. Hoặc Ước (giáo) vô túc Tứ Đế, gọi là hoằng thệ phổ.

Tu hành phổ - ví dụ như Phật chưa gặp Định Quang Phật; trước phàm, có chỗ tu, chẳng cùng với lý hợp nhau. Từ khi được (thọ) ký, liền riêng việc ấy liền là lý. Lý trí trải qua tu hành pháp. Vô hình mà chẳng phổ.

Đoạn hoặc phổ nghĩa là nếu dùng tất cả trí, đạo chủng trí; đoạn trừ tứ trụ trần sa đẳng hoặc. Như bỏ cành lá; chẳng gọi là đoạn hoặc phổ. Hoặc dùng tất cả chủng trí, đoạn vô minh. Ngũ trụ tất cả tận trừ căn bản, gọi đây là đoạn hoặc phổ.

Nhập Pháp Môn phổ nghĩa là trước con đường gọi là tu phương tiện; sau con đường sở nhập, gọi là nhập pháp môn. Nếu Nhị Thừa dùng một tâm nhập vào nhất định. Nhứt tâm tạo một, chẳng được số nhiều. Lại nữa vì chỗ định trói buộc; cho nên chẳng gọi là Phổ. Nếu trải qua biệt các địa cạn sâu thì có sự sai khác, lại chẳng gọi là Phổ. Nếu vào Vương Tam Muội tất cả Tam Muội, tất cả đều nhập vào trong ấy, chẳng khởi diệt định, hiện các uy nghi; cho nên gọi là Pháp Môn Phổ.

Thần thông phổ nghĩa là Đại A La Hán, thiên nhãn chiếu đại thiên. (Bích) Chi Phật chiếu đến thế giới hằng trăm vị Phật. Bồ Tát chiếu đến hằng sa thế giới. Tất cả đều duyên vào cảnh hẹp, phát ra thần thông, lại biến khắp. Nếu duyên vào thật tướng để tu thì một phát tất cả phát, tương tợ như thần thông như bên trên đã nói. Huống là thần thông chơn thật mà chẳng phải Phổ sao ?

Phương Tiện Phổ nghĩa là gồm 2 loại. Đạo tiền phương tiện tu hành nhiếp. Đạo hậu lại có 2. Một là pháp

thể; như nhập vào pháp môn để nói; hai là hóa dạng, như hiện tại đang nói. Cơ lưu lại lợi vật, gọi là thích hợp với duyên, tuyên nói một lúc viên biến. Tuy đủ loại vận chuyển, mà đối với Pháp tánh thật tế thì không tổn giảm. Đây gọi là Phương tiện Phổ.

Thuyết pháp phổ nghĩa là hay dùng một âm thanh êm dịu, xưng 10 pháp giới cơ. Tùy theo đây mà chia loại, rồi đồng cùng làm cho giải thoát. Như đàn của Tu La; cho nên nói là Thuyết pháp Phổ.

Thành tựu chúng sanh phổ nghĩa là tất cả thế gian và xuất thế gian cho đến sự nghiệp; tất cả đều là chỗ làm của Bồ Tát. Đào giếng, tạo thuyền, thần nông, thuốc ngọt, mây che, mặt trời chiếu, làm lợi ích chúng sanh; cho đến lợi ích tất cả hiền thánh. Chỉ bày dạy dỗ, lợi ích vui vẻ, làm cho vào được Bồ Đề. Đây gọi là thành tựu Chúng sanh Phổ.

Cúng dường chư Phật phổ nghĩa là nếu làm việc ngoại sự cúng dường. Dùng một thời gian, một món ăn, một hoa, một hương để phổ cúng dường lên tất cả các vị Phật. Chẳng trước chẳng sau, một lúc đồng cúng dường. Đối với trong một trần xuất ra tất cả trần. Lại cũng như vậy, nếu tạo ra nội quán thì viên trí dẫn dắt các việc làm. Viên trí ấy gọi là Phật. Các việc làm của chúng là tư viên trí; tức là cúng dường Phật vậy. Hoặc thực hành tư duy trí, thì chẳng gọi là cúng dường phổ. Chúng hành tư viên trí, gọi đây là Cúng dường Phổ.

Môn ấy là từ giả nhập vào không, không thông mà giả che lấp. Từ không nhập vào giả, giả thông mà không lấp. Biến thông tức là chẳng phải Phổ. Che lấp ấy cho nên chẳng phải Môn. Trung Đạo thì phi không, phi giả. Chánh thông thật tướng, song chiếu nhị đế; cho nên nói là Phổ. Chánh thông cho nên gọi là Môn. Nghĩa Phổ Môn viên thông có nhiều lắm. Lược cử ra 10 loại, liền có thể rõ. Phẩm nầy giống như phổ hiện Tam Muội hóa tha, lưu thông vậy. Câu văn lại chia ra làm 3. Một là vấn; hai là đáp; ba là nghe phẩm nầy được lợi ích. Vấn đáp lại có 2 phiên. Phiên đầu hỏi lại chia ra làm 2. Đầu tiên các nhà chú giải kinh sách nói ở phía Đông Bồ Tát cảnh. Kế đến nói Tây Phương Bồ Tát thời. Đây là nói Đông Tây đã sanh ra việc lành rồi. Kế đến nói Tây Phương sanh ra thiện thời. Nói Đông Phương đoạn nghi rồi. Kế tiếp nói Tây Phương lúc đoạn nghi. Nói Đông Phương được đạo rồi. Kế nói Tây Phương lúc được đạo.

Vô Tận Ý theo Đại Phẩm làm sáng tỏ cái không ấy vô tận. Đại Tập làm sáng tỏ 80 vô tận môn. Tịnh Danh nói: Phàm là vô tận thì chẳng hết, chẳng chẳng hết; nên có tên là Vô Tận. Tổng cộng 3 kinh, dạy 3 quán, 3 trí để giải thích vô tận vậy.

Ý ở đây chính là trí. Vô Tận cảnh giới, trí khế hợp với cảnh. Đơn thuần là từ nơi cảnh nên nói là Vô Tận. Đơn thuần từ nơi trí, nên nói là ý. Cảnh, trí cùng hợp lại; nên gọi đây là Vô Tận Ý vậy. Lại nữa Ý ấy là căn bản của thế và xuất thế. Lại ý ấy tức là con đường của pháp giới; cho nên nói là hay quán tâm tánh; nên gọi là thượng

định. Điều nầy Ước (giáo) gọi là tam trí, tam quán; giải thích tên ấy, cùng với lời hỏi kia.

Đại Kinh nói rằng: Đầy đủ 2 trang nghiêm hay hỏi hay đáp. Vô Tận Ý trước đó dùng huệ trang nghiêm hỏi Quan Thế Âm huệ trang nghiêm. Phật dùng huệ trang nghiêm để đáp Quan Thế Âm huệ trang nghiêm. Phật đáp ấy lại có 3. Một là tổng đáp; hai là biệt đáp; ba là khuyến trì danh đáp. Tổng ấy lại chia ra làm 4. Một là số người; hai là gặp khổ; ba là nghe tên xưng hiệu; bốn là được giải thoát. Tự có nhiều khổ khổ, một người, nhiều người; thọ một khổ. Một người thọ nhiều khổ; một người thọ ít khổ. Nay câu văn nói có trăm, ngàn, vạn, ức chúng sanh tức là có nhiều người, thọ các khổ não, nhiều khổ. Đưa ra nhiều, hiểu ít nhiều, thường hay cứu, hà huống là ít khổ sao ? Gặp khổ là xấu, gọi xưng danh (hiệu) lại lành. Lành, ác gặp nhau là ý nghĩa của cơ duyên vậy; mà được giải thoát, chính là ứng vậy. Đây là cơ cảm nhơn duyên; gọi Quan Thế Âm, lại là người, pháp nhơn duyên; cho đến trí đoạn nhơn duyên, gọi Quán Thế Âm. Phía sau cũng thí dụ như vậy. Kết cuộc là gọi tên chẳng phiền như câu văn. Phần biệt đáp lại có 3. Một là dùng cơ duyên của miệng để ứng; hai là ý cơ ứng; ba là thân cơ ứng. Miệng ấy lại có 2. Đầu tiên làm sáng tỏ 7 nạn; kế đến là kết. Hỏa nạn lại có 4. Một là trì danh liền lành (tốt); hai là gặp lửa là xấu (ác); ba là ứng; bốn là kết. Đối với trong một nạn, thí dụ ấy chia ra 3 phiên. Một là quả báo lửa. Từ địa ngục trở lên Sơ Thiền rồi trở lại, tất cả luận cơ ứng. Hai là ác nghiệp hỏa. Địa ngục trở lên (cõi trời) Phi Tưởng rồi trở lại; tất cả luận cơ ứng. Ba là lửa phiền

não. Từ địa ngục trở lên đến Đẳng Giác rồi trở lại; tất cả đều luận theo cơ ưng. Bảy nạn 3 độc 2 cầu theo thí dụ; tất cả đều như đây. Nghĩa nầy lại rộng, có thể dùng ý để rõ biết, chẳng thể dùng lời văn để ghi lại.

Thân cơ ấy lại có 2. Đầu tiên là 2 sự cầu và kế đến là kết. Cầu con trai, có lập nguyện tu hành theo đức nghiệp. Cầu con gái như cầu văn lược bớt về sự tu hành. Chính thức mà nói thì sự lễ bái giống với điều nầy; nên lược bớt. Nguyện nghiệp mỗi mỗi khác nhau; cho nên xuất hiện thêm nữa. Kết lại như câu văn.

Từ „cho nên chúng sanh" trở đi là khuyên trì danh, lại có 3. Khuyên trì, cách lượng, kết thán. Bên trên thuật lại thắng danh, mỹ đức; chẳng nói đến hình chất. Nếu muốn quy kính, sùng bái thì tuyên trì danh tự. Cho nên khuyến trì vậy.

Nhập Đại Thừa luận nói rằng: Pháp thân tuy một mà ứng, sắc (thân) lại nhiều. Cách ấy là 62 ức ứng thân, sánh với một pháp thân. Trí Giả bảo rằng: Viên nhơn tuy một mà biến nhơn lại nhiều. Cách ấy có 62 ức biến Bồ Tát, sánh với một Viên Bồ Tát.

Phần thứ 2 hỏi ấy lại chia ra làm 3. Vì sao hỏi về thân du hành? Vì sao miệng hỏi nói? phương tiện hỏi ý? Thánh nhơn nầy tam mật, quyền hiện chẳng có mưu. Tùy theo cơ nghi thích ứng.

Phật đáp lại có 3. Một là riêng đáp; hai là tổng đáp và ba là khuyên cúng dường. Ưng dĩ ấy là đáp lại lực phương tiện. Hiện thân đáp câu hỏi nầy về du hóa.

Thuyết pháp đáp lại câu hỏi về miệng. Phàm có 33 thân, 19 việc thuyết pháp v.v...

Từ „thành tựu" trở đi, kết riêng, khai chung. Câu văn riêng thì rộng mà ý thì hẹp. Tổng đáp câu văn hẹp mà ý thì rộng v.v...

Từ „cho nên khuyến thỉnh cúng dường". Trong nầy thấy hình (tướng) nghe pháp; cho nên khuyên cúng dường. Đầu tiên là khuyên sau đó là thọ nhận lời khuyên. Thọ chỉ ấy lại có 6. Phụng mệnh, chẳng thọ, lại phụng mệnh, Phật khuyên tức là thọ kết. Tất cả đều như câu văn.

Từ „Trì Địa" trở đi, đây là phẩm nghe công đức v.v... Vô đẳng đẳng nghĩa là 9 pháp giới tâm chẳng thể sánh với lý. Phật pháp giới tâm có thể sánh với lý nầy. Cho nên vô đẳng mà đẳng vậy. Lại nữa cái lý cứu cánh là không thể sánh; đầu tiên nương vào lý cứu cánh để mà phát tâm. Có thể sánh với lý; cho nên nói là vô đẳng đẳng. Lại nữa tâm ấy cùng với lý đều chẳng thể giải được, rồi vật gì sánh với vật gì mà nói là vô đẳng đẳng vậy?

Tâm cùng với lý đầy đủ chẳng thể nói, chẳng thể nói, mà nói. Nói tâm nầy sánh với lý nầy; cho nên nói là vô đẳng đẳng vậy. Phần một ban đầu là giải thích theo chiều rộng. Kế đến lần kế tiếp là giải thích theo chiều cao. Kế đến là giải thích chẳng rộng, chẳng cao v.v...

Giải thích phẩm
Đà La Ni

Ở đây dịch là Tổng Trì. Tổng Trì cho việc ác chẳng khởi lên, việc thiện chẳng mất đi. Lại cũng có nơi dịch là năng giá, năng trì. Năng trì thiện, năng giá ác. Năng giá nầy biên ác; năng trì kia trung thiện. Các kinh giải thích chẳng giống nhau. Hoặc chuyên dùng trị bịnh như Na Đạt Cư Sĩ, hoặc chuyên hộ pháp như câu văn nầy. Hoặc chuyên dùng để diệt tội như phương đẳng. Hoặc thông dụng trị bịnh, diệt tội, hộ kinh như thỉnh Quan Âm. Hoặc đại minh chú, vô thượng minh chú, vô đẳng đẳng minh chú. Tức là chẳng phải trị bịnh, chẳng phải diệt tội, chẳng hộ trì kinh điển. Nếu là kẻ Thông (giáo) lại cùng với ứng. Nếu luận Biệt (giáo) thì hạnh phúc là nương vào kinh, chớ ngược lại lời dạy v.v...

Quý Sư hoặc nói chú là tên của các loại quỷ thần chúa. Xưng tên vị vua nầy, bộ lạc kia, cung kính với chủ, chẳng cam chịu là không; cho nên hay hàng phục tất cả quỷ mị. Hoặc kẻ nói chú như mật hiệu trong quân lính, gọi hiệu lệnh tương ưng, chẳng có gì để thắc mắc. Nếu

chẳng tương ưng, liền vin vào đó để trị tội. Nếu kẻ nào chẳng thuận với chú thì đầu phá 7 lần. Nếu thuận theo chú thì chẳng bị mất mát gì. Hoặc kẻ nói chú là mật mặc trị ác ác, tự nghỉ ngơi, dụ như kẻ hèn từ nước này chạy đến nước khác, cải xưng là Vương Tử; nước kia gả công chúa làm vợ. Đa sân đa sự, rồi có một người sáng suốt từ nước nầy đến, nói cho người chủ tại đó. Người nầy nói người chủ; nếu mà sân thì nên nói bài kệ.

Kệ rằng: Chẳng gần gũi nước kia, khi cuồng tất cả người, ăn uống thô tháo là việc thường. Khó khăn gì mà sân hận. Nói bài kệ nầy xong mặc nhiên sân ấy giảm, sau đó chẳng sân lại nữa. Người chủ nầy và tất cả mọi người thường nghe bài kệ nầy, tất cả đều chẳng rõ ý. (Thần) Chú lại cũng như thế, mặc nhiên sẽ chế ngự việc xấu; ngoài ra chẳng phải để hiểu.

Hoặc nói chú là những mật ngữ của chư Phật, như Vua Tác Tiên Đà Bà, tất cả quần thần bên dưới chẳng có thể hiểu được. Duy chỉ có vị thần có trí thì mới có thể rõ được. Chú ấy lại cũng như vậy. Chỉ là một pháp, biến ra những sức mạnh. Bịnh tiêu, tội giảm, lành sanh, đạo hợp. Vì ý nghĩa nầy cho nên giữ lại âm căn bản. Người dịch chẳng dịch ý ở đây.

Đời ác hoằng truyền kinh điển vui nhiều, não nạn, dùng chú để hộ trì là sứ giả làm cho con đường đạo được lưu thông. Câu văn nầy lại có 4. Một là hỏi về trì kinh công đức; hai là đáp thật nhiều; ba là thỉnh dùng chú để hộ thân; bốn là nghe phẩm nầy được lợi ích. Một là hỏi như câu văn; hai là đáp như cách lượng bổn. Vấn nhiều

chăng? Đáp thì thật nhiều. Cách xuất công đức như câu văn. Thỉnh nói chú có 5 phiên. Một là Dược Vương; hai là Dõng Thí; ba là Tỳ Sa Môn; bốn là Trì Quốc; năm là 10 người nữ. Dược Vương lại chia ra làm 4. Một là thỉnh; hai là nói; ba là tán thán; bốn là ấn chứng. Ví dụ bên dưới lại có 3 như câu văn. Mười người nữ lại có 5. Một là liệt danh; hai là thỉnh nói; ba là tán thán; bốn là thệ nguyện; năm là ấn chứng.

Dạ Xoa dịch là Tiệp Tật quỷ. La Sát dịch là quỷ ăn thịt người. Nhị bộ là Bắc phương sở lãnh. Phú Đơn Na Nhiệt bịnh quỷ, Kiết Giả khởi thi quỷ. Nếu người, hoặc Dạ Xoa đều có quỷ nầy. Tỳ Đa La quỷ màu đỏ. Kiến Đà La quỷ màu vàng. Quảng Ô Ma Lặc màu đen; quỷ A Bạt Ma La màu xanh. Cành cây A Lê rơi xuống đất, dùng pháp để phá thành 7 miếng. Giết cha, mẹ, phá Tăng là 3 tội nghịch. Dầu thắp ngoại quốc của vừng hay sanh trùng, ướt át. Quy Đa Thấp Ích Phì. Điều nầy thật là lạ. Đong nhẹ, cân nặng vào đó như oán trách việc khinh khi, trộm cắp. Gần đây có chén vại nhỏ đong ra; chén vại lớn đong vào làm chấn động để lại nơi đây. Tội nầy lại cũng chẳng nhẹ.

Giải thích phẩm
Diệu Trang Nghiêm Bản Sự

Do nhơn duyên nầy mà đưa ra kinh khác. Ngày xưa Phật ở thời mạt pháp có 4 Tỳ Kheo. Đối với kinh Pháp Hoa thật là ân cần tôn trọng. Chỉ quyển thư bí giáo cam lồ thì chưa bỏ ngày đêm và chưa hề quên. Tán thán rằng: Người nầy chẳng cẩu thả. Đất lại chẳng có nơi nào như thế. Ở đời cuối cùng tranh nhau thù oán, trái nghịch với nhau. Gặp thế muốn yên rồi thì xa lánh hà huống là tôn sùng nền đạo sao? Đối với đây là kết quả khế hợp với núi rừng, chí vui với trí huệ Phật. Ở nơi u tịch, ngày chứa, y lương đơn giản; có chờ đợi, nhiều phiền não, chẳng có thời gian là chẳng phạm đến. Một bữa cơm nôn oẹ, bỏ qua vạn lý mà đi. Mười tuần (100 ngày) 9 bữa ăn. Ý chí như mây trời. Có thể nói được sao? Có một người nói rằng: Chúng ta bốn cùng khổ, thân nầy chẳng tồn tại thì pháp sẽ an vào đâu? Các anh 3 người hằng dùng thân mạng để phụng đạo, chưa mệt; nên đi triêu bái; còn ta xả bỏ thân nầy, thệ nguyện cho

các nơi. Đối với sự chấn tích môn lư để cầu cúng tiếp thì từ Xuân đến Đông trở lại như ban đầu. Như người tớ cung phụng đại gia, cam khổ, không vui hận. Ba người được triển (khai) rồi; sự thành tâm nầy là công viên, sự biện. Một đời lợi ích cho vô lượng sanh linh. Một người nầy là số lịch thiệp trong nhân gian. Gặp gỡ thinh, sắc, đồ đất chưa nung, khó có thể giữ gìn được. Ngẫu nhiên gặp Vua ra quân. Ngựa hí cờ bay, sanh tâm động niệm, yêu hào quang tốt ấy. Công đức huân tu tùy niệm thọ báo. Trong người, trên trời thường được làm vua. Phước tuy chẳng lường, lại có giới hạn. Ba người được đạo ngồi lại mà bàn với nhau rằng:

Ta bỏ công là do vị vua nầy. Sự vui nầy là quả báo tăng trưởng hữu vi. Từ đây cho đến chết rồi, chẳng trở lại làm vua. Nếu chìm vào hầm lửa, khó khăn gì còn có thể cứu được. Hạnh phúc thay việc khổ nầy chính là có thể khai hóa. Một người khác nói:

Vị vua nầy đắm say dục lạc và tà kiến. Nếu chẳng ái sủng, chẳng có lý do để có thể đánh bạt được. Một người có thể làm người vợ đoan chánh; hai là tạo ra đứa con thông minh. Khi mẹ con nói, tức nhiên là vua tùy thuận.

Như lời nói, kết quả của sự khuyến hóa là dùng để cải tà. Người vợ ấy chính là Diệu Âm Bồ Tát. Ngày xưa có 2 con. Nay là Dược Vương và Dược Thượng hai vị Bồ Tát. Còn vị vua ngày xưa, nay là Hoa Đức Bồ Tát. Cho nên bạch hào triệu từ Đông phương đến rồi phóng lên đài mà hướng đến phía Tây rồi dùng thần chú hộ kinh, làm cho lưu thông, được lợi ích lớn. Nói Tứ Thánh là nhơn duyên

đời trước; cho nên gọi là: Diệu Trang Nghiêm Vương bản sự phẩm.

Lại nữa Diệu Trang Nghiêm là Diệu Pháp công đức trang nghiêm nơi các căn. Vị vua nầy ngày qua đời, lấy Diệu Pháp làm duyên. Đạo huân tập thì thuần thục các căn thanh tịnh. Sanh tuy chưa được cái lý rộng rãi nầy; nhưng tất nhiên linh đoan cảm thông lại thêm; nên gọi là Tảo Vị. Ví dụ như Thiện Kiết tuy chưa vô tránh mà hiệu là Không Sanh; do vậy câu văn phía dưới nói rằng:

Được thanh tịnh công đức trang nghiêm Tam Muội là dùng ở nghĩa nầy; cho nên gọi là Diệu Trang Nghiêm Vương. Phẩm trước nói thần chú để hộ thân. Nay phẩm nầy nói con người hộ trì. Người hộ trì cũng giống như chú hộ trì, lại cũng tốt.

Phần Phổ Khuyến lưu thông ấy câu văn chia ra làm 6. Một là làm sáng tỏ sự bổn; hai là song phiêu năng sở; ba là hay hóa phương tiện; bốn là chỗ hóa được lợi ích; năm là kết hợp xưa nay; sáu là nghe phẩm nầy rồi ngộ đạo. Sự Bản như câu văn.

Từ „trong khi Phật Pháp kia" trở đi; phần thứ hai là song phiêu năng sở. Sở hóa một người, hay hóa 3 người đều ra từ tên nầy. Biệt hiển hai con, phước huệ, lục độ, tứ hoằng. Ngoài ra kinh chỉ việc nầy là 10 Ba La Mật. Hoành pháp môn vậy. 37 phẩm trợ đạo là pháp môn chiều cao. Ngoài ra kinh vì chánh đạo. Hành hành là trợ đạo. Nay kinh chỉ cho 10 độ là chánh. Gọi việc nầy là trợ đạo. Trong Thiền độ đầy đủ có Tam Muội. Trong Đạo

Phẩm mỗi mỗi đều có Tam Muội. Liền đó là mục tiêu của 7 tam muội. Đây là hiển pháp môn rộng vậy.

Từ „ở thời gian vị Phật kia" trở đi; phần thứ 3 là hay hóa phương tiện. Câu văn lại chia làm 3. Một là thời chí; hai là luận nghị; ba là hiện hóa. Sơ thời chí nghĩa là vị Phật kia ra đời thường tuyên nói chánh pháp. Đối với vua duyên vào chỗ yếu thì chẳng phải thời nầy. Nếu nói Pháp Hoa; tức là thời nầy vậy. Câu văn nầy nói vị Phật kia sẽ muốn dẫn đạo, nói kinh Pháp Hoa; tức là nghĩa nầy. Phần thứ 2 là luận nghị. Trong câu văn ấy con nói với mẹ là đến thời. Mẹ hộ trì làm cho cải hóa người cha. Người con lo sợ, ra khỏi nhà tà kiến. Người mẹ trách, làm cho lo nghĩ. Tất cả như câu văn.

Từ „đối với điều nầy 2 con" trở đi là phần thứ 3 hiện hóa. Hiện hóa ứng với 18 biến, có thể giải thích đầy đủ.

Từ „lúc ấy cha thấy con" trở đi; phần thứ 4 là chỗ nhiếp hóa được lợi ích. Câu văn ấy có 10.

Một là tin rằng người con phục tùng Thầy. Vua thấy tà biến; hoặc 1 hoặc 2 hẹp mà chớ cách ngăn. Thấy con chỗ làm, ca ngợi việc chưa từng có. Tin đứa con nầy mà phục vị Thầy nầy. Hỏi rằng vị Thầy ấy là ai? Ta lại cũng muốn gặp.

Hai là vua cha đã tin rồi, trong cung 84.000 lại thuần thục rồi thưa với mẹ, gọi là vui mừng, nguyện cũng sẽ xuất gia. Mẹ lại nghe theo.

Ba là lại thúc giục cha mẹ. Nay chính là lúc khó gặp được Phật.

Bốn là giáo hóa công đức xong rồi, ở trước Phật tán thán công đức. Pháp Hoa Tam Muội là nhiếp tất cả pháp, quy về một thật tướng như trước đã nói. Lìa khỏi chốn ác. Một là đi khỏi chốn tam đồ, ác khổ. Đều luận về 25 cõi hữu. Tất cả ngược lại với chơn, khởi vọng; tất cả đều là xấu tệ. Nay tất cả đều lìa khỏi. Tức là 25 Tam Muội, phá 25 cõi hữu tình. Phật gom các Tam Muội tức là tạng bí mật, Phật gom lại. Chỉ là hành xứ của Phật; chẳng phải người ngoài khác.

Năm là đầy đủ chỗ Phật ngồi, nghe pháp cúng dường và thấy đoan nghiêm hoan hỷ.

Sáu là Phật cùng thọ ký.

Bảy là xuất gia tu hành.

Tám là xưng tán 2 người con.

Chín là Phật thuật lại hành vi cao cả.

Mười là ca ngợi Phật và tự nguyện thệ ước.

Phật tán thán thiện tri thức, có ý nghĩa lớn. Thiện tri thức hay tác Phật sự. Ở đây tức là ngoại hộ Thiện Tri Thức. Chỉ bày giáo hóa làm lợi ích hoan hỷ. Đây tức là giáo thọ thiện tri thức. Cho nên hóa đạo làm cho được gặp Phật. Đây tức là đồng hành thiện tri thức. Làm cho vào trong Bồ Đề, ở đây chính là thật tế, thật tướng thiện tri thức.

Kinh Tạp A Hàm nói: Thiện Tri Thức - nếu là trinh tiết, vợ hiền thì đây tức là nghĩa của ngoại hộ. Lại nữa Thiện Tri Thức như tông thân, tài sản. Đây tức là nghĩa đồng hành. Lại nữa Thiện Tri Thức như thương chủ dẫn đường. Đây tức là nghĩa giáo thọ. Lại nữa Thiện Tri Thức như con nằm, cha nhớ mong. Đây tức là nghĩa thực tế vậy.

Phật bảo đại chúng rằng: Đây là kết hợp cổ kim. Trước kết hợp, sau sự kết hợp là ca ngợi 2 vị Bồ Tát. Nói như phía dưới và nghe phẩm nầy rồi, được đạo, như câu văn.

Giải thích phẩm
Phổ Hiền Bồ Tát khuyến phát

Đại Luận quán kinh đồng gọi là Biến Kiết. Kinh nầy gọi là Phổ Hiền. Tất cả tiếng Hán chuyển dịch âm từ tiếng Phạn. Đây nghĩa là Phổ Hiền. Kinh Bi Hoa nói rằng: Ta thề đến đời uế ác của thế giới, hành Bồ Tát đạo, khiến được thanh tịnh. Tu thực hành việc trọng yếu sẽ hơn hẳn các vị Bồ Tát. Phật Bảo Tạng nói rằng: Dùng nhơn duyên nầy, nay đổi lại chữ của ngươi và tên là Phổ Hiền. Đây tức là ý của 3 Tất Đàn vậy. Lại nữa nhơn duyên nầy sẽ giải thích. Lại lấy hạnh nguyện ấy để đặt tên. Nguyên do là từ nơi niệm xứ cho đến 4 căn lành. Thông (giáo) gọi là Phổ Hiền. Biệt, Ước (giáo) gọi trong đời, đây là pháp đệ nhất sáng sủa, gần gũi với bậc chơn thánh. Gọi đây là Hiền. Trong Tam Tạng nói như vậy. Nay làm sáng tỏ điểm cao của con đường phục tùng ấy. Nhơn nầy có khắp nơi; gọi đây là Phổ. Đoạn được con đường phía sau, gần gũi với bậc Thánh sáng suốt, gọi là Hiền. Hoặc bắt đầu con đường phục tùng ấy bằng Thập

Tín thì chẳng bên trên, chẳng bên cạnh của phần đầu bậc Thánh ấy; chẳng sau, chẳng cùng. Cho đến thập địa lại chẳng chu khắp. Hà huống là trước các vị sao! Nay luận về vị Đẳng Giác. Nơi mà mọi người phục tùng cao cả. Phục đạo khắp nơi gọi là Phổ. Đoạn đạo vừa hết chỗ tay xe kéo thì chẳng hẹn. Kẻ bên cạnh cuối cùng thật rõ; ấy là Hiền.

Thích Luận dẫn dụ về đến trăng 14 cũng như trăng rằm là ở nghĩa nầy làm sáng tỏ vậy. Đây là Ước, Viên giáo vị. Giải thích hậu vị là Phổ Hiền.

Khuyến phát là việc nói về sự yêu mến pháp. Ngài Diêu ở nước kia đều đã nghe kinh nầy trước sau đầy đủ. Muốn làm cho tự hành, hóa tha vĩnh viễn chẳng có cái ta. Cho nên từ Đông chí Tây, đến để khuyến khích phát tâm. Đầy đủ ý Tứ Tất Đàn v.v...

Câu văn nói rằng: Ta vì cúng dường pháp của kinh Pháp Hoa mà tự hiện ra thân nầy. Nếu thấy thân ta mà thật vui mừng thì dùng sự thấy ta đó mà chuyển đổi được tinh tấn, tức là được Tam Muội và Đà La Ni rồi. Được Đà La Ni là không có, không người hay phá hoại. Lại cũng chẳng phải nữ nhơn ở chỗ hoặc loạn. 3.000 Đại thiên Thế giới vi trần Bồ Tát đầy đủ đạo Phổ Hiền. Như đây làm sáng tỏ câu văn tức là Tứ Tất Đàn, mà đến để khuyến khích phát tâm.

Bên trên nói về phần lưu thông lại có 3. Sau 19 hàng kệ trở đi 5 phẩm rưỡi đưa ra phần kinh lực thật lớn để khuyến khích lưu thông. Từ phẩm Dược Vương đến

sau 5 phẩm đưa ra lực hóa độ to lớn của các Bồ Tát để khuyến khích lưu thông. Đưa ra một phẩm nầy là lực thệ nguyện to lớn của Phổ Hiền dùng để khuyến khích lưu thông.

Phân đoạn câu văn ấy ra là 4. Một là phát nguyện đến; hai là khuyến phát; ba là thuật lại sự phát nguyện; bốn là phát nguyện lợi ích. Đầu tiên các nhà chú giải kinh điển chia „phát lai" ấy ra làm 3. Một là thượng cúng; hai là hạ hóa; ba là tu kỉnh. Tự tại là một lý. Thần thông là một hạnh. Uy đức là một người. Danh văn là một giáo. Lại nữa Tự tại là thường, Thần thông là lạc. Uy đức là Ngã và Danh văn là Tịnh. Nói như thế nầy tức là một mà bốn đức, chẳng phải chẳng đầy đủ nghĩa Tự Tại sao ?

Lực thanh tịnh cho nên mưa hoa. Lực vui cho nên tấu lên hỹ nhạc. Thần thông cho nên động địa. Tự tại lực cho nên tùy theo ý mà mưa. Tùy khứ, tùy vũ, tùy động và tùy tấu. Giống như rồng lớn bay đi chẳng ngại thân biến, mây mưa đầy dẫy khắp nơi. Phổ Hiền và quyến thuộc dùng thân Bồ Tát với lực của Trí Đức để khuyến thỉnh phát nguyện một trong bốn ấy. Trải qua các nơi, tự đi đến và dâng cúng. Việc nầy như vậy.

Từ „lại nữa cùng chư thiên, long" trở đi trải qua những nơi hạ hóa làm lợi ích. Tùy theo chỗ kia mà tuyên nói hiện ra 8 bộ tượng. Lược dùng chỉ 2 lực, tùy theo chỗ ấy mà kham nhận. Việc nầy như thế.

Ba là tu kỉnh thân quay lại, đầu lễ bái như câu văn. Khuyến phát ấy lại chia làm hai. Một là thỉnh vấn khuyến

phát; hai là thệ nguyện khuyến phát. Có vấn có đáp. Vấn là Ngài Diêu nghe kinh rồi, do mến pháp quên mình. Từ xa đến với ý chí y nguyên khuyến phát. Cho nên liền thỉnh chính thức nói khuyến phát tự làm. Rồi thỉnh lưu thông, khuyến phát hóa tha. Như Lai nếu hứa 2 lần tái diễn thì ánh sáng không giới hạn; cho nên 2 lần thỉnh. Phật đáp:

Đầu tiên tổng, kế đến là biệt và thứ ba là kết. Biệt liệt kê ra 4 pháp như câu văn. Ở đây 2 lần thỉnh, Như Lai khéo đáp. Lược cử ra 4 mà che những cái khác. Thế nào là chỗ trọng yếu của tứ pháp, cái nhân bao quát để chánh thông? Sao Phật lại chẳng thiên lệch? Nếu hay xa ác thì thiện cùng mê trở lại chánh, thì khai quyền tri kiến hiển Phật tri kiến tức là kêu cả tâm Thánh và chư Phật hộ niệm. Nếu Phật rõ thấy, nghe; tức là Bát Nhã chiếu sáng, là trồng các đức căn bản. Lại là nhập vào Chánh Định Tụ. Chẳng loạn, chẳng vị, chẳng thủ, chẳng xả. Lại là phát thệ, cứu độ chúng sanh. Nên rõ 4 điều nầy cùng với khai quyền hiển thật, gọi là dị thể đồng. Không hai không biệt.

Lại nữa chư Phật hộ niệm là khai Phật tri kiến. Trồng những gốc phước đức là thị Phật tri kiến. Phát nguyện cứu độ chúng sanh, là ngộ Phật tri kiến. Nhập Chánh Định Tụ là nhập Phật tri kiến. Tích Môn là yếu chỉ, thu nhận 4 việc nầy. Lại nữa Tích ấy chính là Bản. Từ Bản mà khai, thị, ngộ, nhập; cho nên có Tích trong khai, thị, ngộ, nhập. Nay khai Tích tức là hiển Bản. Bản, Tích

không hai, không biệt. Dùng 4 pháp để đáp về việc thỉnh chính thức nầy. Đối với nghĩa ấy sáng tỏ rồi.

Dùng 4 pháp để đáp lại việc thỉnh lưu thông. Phần lưu thông ấy tuy 3, tuy 4, mà phát nguyện cứu chúng sanh là vào nơi nhà của Như Lai. Nhập vào Chánh Định Tụ là chỗ Phật hộ niệm. Đó chính là mặc áo của Như Lai. Trồng các đức căn bản là ngồi tòa Như Lai. Đây là hoằng tuyên điểm chính yếu của 4 mà 3. Phát nguyện cứu độ chúng sanh là thệ nguyện an lạc hạnh. Nhập Chánh Định Tụ là ý an lạc hạnh. Trồng các đức căn bản là khẩu an lạc hạnh. Hộ niệm là thân an lạc hạnh. Nên biết rằng sau 4 tức là trước 4. Một lần đáp trả cho 2 lần thỉnh nầy, đưa ra 4 đầu đề của một kinh. Pháp Hoa là trọng điểm. Kinh nầy nói trở lại. Từ xa đến khuyến khích phát tâm. Nghĩa nầy như thế ấy.

Ba là kết - Đối với Đức Như Lai sau khi tịch diệt tất được kinh nầy. Xưa nói rằng: Hay thực hành 4 pháp đối với đời vị lai, thường thủ đắc kinh nầy. Nay nghĩa ấy chẳng phải như vậy.

Câu văn trên nói rằng: Nghĩa của thật tướng các pháp, đây vì các ngươi mà nói. Lại nói: hoặc làm cho chúng sanh ngộ, nhập, Phật tri kiến. Che chở Pháp Hoa là chánh thể. Hay hành 4 pháp, tất được sự giải thích nầy. Tên giải là kinh. Đây kết lại lời thỉnh nầy chính là câu hỏi. Nếu hay mang điều nầy, giải hành, truyền cùng với người khác thì người khác được tín giải và trở thành người nương tựa đầu tiên. Có thể được chơn giải, thành đệ nhị, đệ tam, đệ tứ của người nương tựa. Kết luận với

lời thỉnh nầy là câu hỏi về việc lưu thông. Ý nầy chẳng thấy bàn bạc ở ngoài việc nói sao ?

Từ „bạch Phật" trở đi; phần thứ 2 là thệ nguyện khuyến phát. Câu văn lại chia làm 2. Một là hộ nhơn; hai là hộ pháp. Hộ nhơn lại chia làm 6.

Một là đẩy việc khó nầy ra bên ngoài. Đầu tiên tổng quát là đẩy việc khó nầy. Cho nên nói làm cho không tự cầu được là chính người nầy vậy. Kế đến là đẩy riêng việc khó nầy, đưa ra 12 việc đúng, sai.

Hai là chỉ cho pháp bên trong. Phàm là 3 lần dạy bảo. Đầu tiên là đứng lên đọc tụng, cỡi lên voi trắng 6 ngà, an ủi tâm nầy. Kế đến ngồi suy nghĩ, lại cỡi lên 6 ngà chỉ bày cho kinh nầy. Cùng với Tam Muội nầy vậy. Đà La Ni toàn giả nhập không. Trăm ngàn toàn, toàn không ra khỏi giả. Phương tiện là 2 làm phương tiện đạo, được vào Trung Đạo đệ nhất nghĩa đế. Sau 37 gồm 1 tâm tinh tấn. Lại lên 6 ngà chỉ dạy làm lợi ích, vui vẻ nói thần chú. Như câu văn.

Ba là che thần lực. Hoặc nghe, hoặc trì, chưa phải là thần lực. Như câu văn.

Bốn là chỉ cho nhơn duyên thù thắng. Hoặc có thể là 5 loại pháp sư; tức là 3 đời chư Phật vì chủng loại, vì sự thành thục, vì sự giải thoát. Người nầy cùng với vị lai chư Phật được giải thoát. Cho nên nói là giống với hạnh của Phổ Hiền. Người nầy đã đối trước Phật trồng được việc lành; cho nên nói là trồng sâu căn lành. Người nầy vì

chỗ Phật mà hiện ra thuần thục. Cho nên nói là Thủ Ma Kỳ Đầu.

Năm là chỉ cho quả gần. Hằng hay biên chép, gần cõi Đạo Lợi. Đầy đủ 5 pháp sư. Kế đến là tại Đẩu Suất, như câu văn.

Sáu là tổng kết. Cho nên kẻ trí ở phía dưới đây.

Từ „Thế Tôn! Con nay dùng thần lực" trở đi. Đây là phần thứ 2 thệ nguyện hộ pháp. Như câu văn. Phần thứ 3 thuật lại việc phát nguyện; tức là Như Lai đưa ra phần thắng thuật, thành sự yếu kém nầy. Tăng tiến thực hành tức là dũng mãnh cương quyết hằng truyền tuyên nói.

Trước tiên thuật về việc hộ pháp. Nói rằng: Ngươi hay như vậy, bên ngoài thì nhiều lợi ích; bên trong lại tích chứa lòng từ bi. Lại từ các kiếp lâu xa đến nay làm việc hộ trì như vậy. Ta lại dùng thần lực Phật để gìn giữ pháp nầy. Hãy chỉ là ngươi. Như câu văn.

Từ „nếu có ngươi" trở đi. Thuật lại người hộ pháp nầy. Tuy chẳng lần lượt tường thuật lại thành ý đầy đủ, sẽ rõ người nầy tức là gặp được Đức Thích Ca Mâu Ni Phật. Thuật điều nầy chỉ cho thân dạy pháp. Điều nầy chính là thấy ta vạn đức quả nơi thân. Huống chi là ngươi ở trong cái nhơn của voi trắng 6 ngà ấy. Điều nầy chính là từ miệng Phật, nghe kinh đầy đủ. Huống hồ là ngươi, chỗ dạy quên mất chương cú, mà còn được Phật dùng miệng để tán thán, tay xoa đầu, dùng y Phật để trùm lên. Huống hồ là ngươi với cái nhơn là người ấy được bao phủ bởi Đà La Ni.

Từ „chẳng tham trước đời vui" trở đi, thuật lại việc nầy rồi đưa ra nguyên nhơn. Rộng đưa ra trong nhơn ấy không phải là những điều ác. Thiểu dục tri túc, tu Phổ Hiền hạnh, thuật lại nguyên nhơn thắng diệu kia.

Từ „Nếu sau khi Đức Như Lai diệt độ" trở đi, thuật lại điều nầy đưa ra quả gần. Người nầy sẽ đến nơi Đạo Tràng và tất nhiên sẽ thành chánh quả về sau nầy. Hà huống là quả gần sao?

Lại nữa đối với hiện đời được gần quả nầy, chẳng hằng được sanh thiên.

Từ „Nếu có người khinh chê, hủy báng" trở đi; thuật lại điều nầy hay đẩy việc khó ra bên ngoài. Phật rộng chỉ bày tội của người hủy báng. Làm cho rõ biết việc sai quấy kia, tất nhiên cải đổi, chẳng phải não phiền loạn. Chẳng hay trì kinh thì khó mất. Lại với kẻ muốn hủy báng lại phước sanh. Không hủy, không nạn, kẻ kia đối với việc nầy an lạc. Rộng độ với lòng từ bi không thiên vị.

Từ „Xa xa đứng lên nghinh đón, giống như kính Phật" là thuật lại kết luận về lòng tin nầy là công đức.

Phần thứ 4 từ „nói như vậy" trở đi là câu văn phát nguyện lợi ích. Một là nghe phẩm nầy được lợi ích. Từ Đà La Ni nầy là ở vị Sơ Địa. Đầy đủ con đường của Phổ Hiền là thập địa. Hai là nghe kinh được lợi ích. Đại chúng hoan hỷ là điều nầy. Hoan hỷ như trước đã nói.

Trong việc nầy vì sao dụ ấy gọi là Thanh Văn. Cho đến các nhà chú giải kinh điển cũng còn tồn tại ở bản vị nầy? Lại nữa các nhà giải kinh gọi đây là Đại Thừa Thanh

Văn. Dùng Phật đạo để nghe và làm cho tất cả đều nghe. Lại nữa các nhà giải thích kinh gọi điều nầy là Đại Thừa Thanh Văn dùng việc nghe Phật đạo, làm cho tất cả đều nghe. Nghĩa nầy lại được hiểu vậy.

Diệu Pháp Liên Hoa Kinh Văn Cú

Hết quyển thứ 10 (phần sau)

Phiên dịch công đức khó nghĩ bàn

Vô biên thắng phước đều hồi hướng

Khắp độ chúng sanh trong Pháp giới

Đều được vãng sanh về Cực Lạc.

Dịch xong phần trên nầy vào ngày 14 tháng 10 năm 2010 tại Tu Viện Viên Đức Ravensburg - Đức quốc.

Ghi chú : Sau khi tổ chức và tham dự ngày Về Nguồn 4 và lễ Hiệp Kỵ Chư Lịch Đại Tổ Sư từ ngày 16 đến 19 tháng 9 năm 2010 tại Tu Viện Viên Đức; chúng tôi ở lại

đây và dịch tất cả phần còn lại của bản kinh trên trong dịp nầy.

PHỤ LỤC A

Tiểu sử của
Ngài Trí Giả (Khải) Đại Sư (538 – 597)

Ngài là một cao Tăng người Trung Quốc, sống vào đời nhà Tùy, người ở Hoa Dung, Kinh Châu thuộc phía Tây Nam huyện Tiền Giang, tỉnh Hồ Nam. Ngài họ Trần, tự là Đức An, người đương thời gọi là Trí Giả Đại Sư, Thiên Thai Đại Sư, Tổ khai sáng Tông Thiên Thai (có thuyết cho rằng Ngài là Tam Tổ, tức lấy Ngài Tuệ Văn làm Sơ Tổ, Ngài Tuệ Tư làm nhị Tổ).

Năm 7 tuổi Ngài đã thích đến chùa, chư Tăng truyền miệng cho Ngài phẩm Phổ Môn chỉ một lần, Sư liền trì tụng.

Năm 18 tuổi, Ngài theo Ngài Pháp Tự ở chùa Quả Nguyện xuất gia (555). Sau đó không lâu, Ngài đến Ngài Tuệ Khoáng cầu học tạng Luật và các kinh Phương Đẳng, sau Ngài vào núi Thái Hiền tụng các kinh Pháp Hoa, Vô

Lượng Nghĩa, Phổ Hiền quán, chỉ trong 2 tuần đã thông suốt ý nghĩa.

Niên hiệu Thiên Gia năm đầu (560) đời nhà Trần, Ngài đến núi Đại Tô ở Quang Châu tham yết Ngài Tuệ Tư, Ngài chỉ dạy cho Ngài Phổ Hiền Đạo Tràng, giảng nói 4 hạnh an lạc, Ngài bèn trụ lại tại đó. Một hôm Ngài tụng phẩm Dược Vương trong kinh Pháp Hoa thì hoát nhiên khai ngộ, sau đó Ngài thay Ngài Tuệ Tư khai giảng và nhận sự phó chúc của Ngài, vào Kim Lăng hoằng truyền Thiền Pháp. Ở chùa Ngõa Quan, Ngài khai diễn đề kinh Pháp Hoa, lập ra Tông nghĩa mới, phán thích kinh giáo, đặt vững nền tảng cho giáo quán Tông Thiên Thai.

Năm Thái Kiến thứ 7 (575) đời nhà Trần, Ngài lên núi Thiên Thai thuộc tỉnh Chiết Giang, xây chùa ở phía Bắc Phật Lũng.

Năm Thái Kiến thứ 9 (577) Vua ban hiệu chùa là Tu Thiền tự.

Năm Chí Đức thứ 2 (584) Trần Hậu chủ đưa Hậu Phi đến lễ Ngài và xin thọ giới Bồ Tát.

Năm Chí Đức thứ 3 (585) Ngài vâng Sắc Vua xuống núi đến ngụ ở chùa Linh Diệu tại Kim Lăng, không bao lâu, Ngài tuyên giảng Luận Đại Tứ Độ và kinh Nhân Vương Bát Nhã ở Điện Thái Cực, rồi giảng kinh Pháp Hoa ở chùa Quang Trạch. Đến khi quân nhà Tùy đánh phá Kim Lăng, Ngài dời đến Kinh Châu ở phía Tây.

Đến năm Khai Hoàng thứ 11 (591) đời Tùy, Tấn Vương Dương Quảng mấy phen thỉnh Ngài về lại phía

Đông. Vì lòng thành của Tấn Vương, nên Ngài đã đến Dương Châu truyền giới Bồ Tát cho Vương và được Vương ban hiệu là „Trí Giả". Về sau trở lại phía Tây, đến núi Ngọc Truyền ở Đương Dương, xây chùa.

Năm Khai Hoàng thứ 13 (593), Ngài giảng Pháp Hoa Huyền Nghĩa ở chùa nầy, Vua Văn Đế bèn ban tên chùa là „Ngọc Tuyền tự". Năm sau Ngài lại giảng thuyết Ma Ha Chỉ Quán.

Năm Khai Hoàng thứ 15 (595), Ngài lại theo lời thỉnh cầu của Tấn Vương trở về Kim Lăng.

Năm Khai Hoàng thứ 17 (597), Ngài ngồi thị tịch trước tượng đá lớn trên núi, hưởng thọ 60 tuổi, 40 tuổi đạo. Sinh tiền, Ngài xây dựng được 36 ngôi chùa lớn (có thuyết nói 35 ngôi), độ rất nhiều đệ tử, trong đó nổi tiếng hơn cả là các vị: Quán Đính, Trí Việt, Trí Tảo v.v... Sau khi Ngài thị tịch Dương Quảng sai người y theo bức họa đồ Ngài để lại, xây chùa dưới chân núi Thiên Thai.

Niên hiệu Đại Nghiệp năm đầu (605) sau khi lên ngôi, Dương Quảng (Tùy Dạng đế) ban hiệu chùa là Quốc Thanh tự.

Đến đời Hậu Chu, Vua Thế Tông ban cho Ngài thụy hiệu là „Pháp Không Bảo Giác Tôn Giả".

Năm Khánh Nguyên thứ 3 (1197) đời Nam Tống, Vua Ninh Tông lại ban thêm thụy hiệu là „Linh Tuệ Đại Sư".

Tư tưởng của Ngài được hình thành từ việc hệ thống hóa tinh thần Kinh Pháp Hoa và giáo học của Ngài Long Thọ theo hình thức đặc thù của Trung Quốc. Ngài lại chia kinh điển của Phật giáo làm 5 loại như:

Hoa Nghiêm tối sơ tam thất nhựt

A Hàm thập nhị, Phương Đẳng bát

Nhị thập nhị niên Bát Nhã đàm

Pháp Hoa, Niết Bàn cộng bát niên.

Nghĩa:

Hoa Nghiêm (1) đầu tiên hăm mốt ngày

A Hàm (2) mười hai, Phương Đẳng (3) tám

Hai hai năm nói kinh Bát Nhã (4)

Pháp Hoa, Niết Bàn (5) cộng tám năm.

Ngài chia phương pháp giáo hóa và nội dung tư tưởng của Đức Phật thành 4 loại. Đó là Tạng (Ước), Thông, Biệt và Viên. Sự tổ chức của hệ thống Phật giáo có tính cách tổng hợp nầy được xem là sự phán giáo có tính cách đại biểu đầy đủ. Pháp môn chỉ quán tu theo Thiền quán là pháp môn có tính sáng tạo độc đáo nhất của Ngài. Bình sinh, Ngài soạn thuật rất phong phú. Phần nhỏ do chính Ngài soạn thuật và viết chép. Còn phần lớn

thì do đệ tử Quán Đính lắng nghe Ngài giảng nói và ghi chép thành sách. Sự soạn thuật của Ngài đã tạo nên khuôn phép về hành giải cho Tông Thiên Thai.

Các tác phẩm của Ngài gồm có: Pháp Hoa sớ, Tịnh Danh sớ, Ma Ha chỉ quán, Duy Ma kinh sớ, Tứ giáo nghĩa, Kim Cương Bát Nhã kinh sớ, Thiền Môn yếu lược, Quán Tâm luận, Pháp Hoa kinh huyền nghĩa, Pháp Hoa kinh Văn Cú, Quán Âm huyền nghĩa, Quán Âm nghĩa sớ, Kim Quang Minh kinh huyền nghĩa, Kim Quang Minh kinh Văn Cú, Quán Vô Lượng Phật kinh sớ.

(Xem thêm: Tục cao Tăng truyện; Đại Đường nội điển, Lục Quyển 10, Chỉ Quán phụ hành truyền hoằng quyết quyển 1, Thiên Thai cửu Tổ truyện, Phật Tổ thống ký quyển 6, 25, 37, 39, 49; Trí Giả Đại Sư biệt truyện chú).

Trích: Dựa theo Phật Quang Đại Từ Điển quyển 6, từ trang 6345 đến trang 6347 do Hòa Thượng Thích Quảng Độ dịch và chú giải.

Chú thích:

(1) Kinh Hoa Nghiêm - chỉ cho giáo lý tối thượng thừa.

(2) Gồm 5 bộ kinh. Đó là: Trường A Hàm, Trung A Hàm, Tăng Nhất A Hàm, Tăng Chi Bộ kinh và Tạp A Hàm.

(3) Những kinh điển có nội dung dần cao lên Đại Thừa.

(4) Nói về Tánh Không.

(5) Những bộ kinh sau cùng, trước khi Đức Phật Nhập diệt.

PHỤ LỤC B

Vài lời của người dịch

Dịch kinh, luật từ chữ Hán sang tiếng Việt đã khó, mà dịch luận do các vị Đại Sư nổi tiếng trải qua nhiều thời đại của Trung Hoa dịch và chú giải thuyết giảng bằng tiếng Trung Quốc cổ đại lại còn khó hơn nữa.

Suốt trong nhiều năm trời, trong thời gian trở về ngôi Phương Trượng của chùa Viên Giác tại Hannover - Đức quốc, kể từ năm 2003 đến nay 2010, tôi cố gắng dịch „Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh" quyển 32 thuộc về luận tạng. Trong đó có vài phần đã được xuất bản như: Đại Thừa Tập Bồ Tát học luận; Phước Cái Chánh Hạnh sở tập kinh; Phật nói luận A Tỳ Đàm về việc thành lập thế giới v.v... Số còn lại của quyển 32 độ hơn 5.000 trang viết tay, kể cả quyển: „Kinh Diệu Pháp Liên Hoa Văn Cú" nầy cũng đã có 770 trang viết tay, khổ giấy A4 nầy. Đây là một sự thử thách về trách nhiệm, về ý chí, về thời gian, về sự tìm tòi học hỏi v.v...

Dĩ nhiên là việc dịch kinh, luật, luận không phải để được nổi danh, mà cốt là để chuyển tải lời Phật, Tổ đến nhiều thế hệ sau hơn nữa qua ngôn ngữ mẹ đẻ của chính mình. Vì lẽ càng ngày người quan tâm đến chữ Hán không nhiều bằng tiếng Anh hay những sinh ngữ khác trên thế giới đang được mọi người chú ý đến như Pháp, Đức, Nga v.v...

Ý của Phật và Tổ đôi khi khác nhau rất nhiều. Còn ý của chúng ta lại càng lạc hậu nhiều hơn nữa. Vì lẽ hậu sinh có nhiều cái non kém của kẻ hậu sinh. Riêng tôi không kể sức Hán học còn giới hạn, cố gắng dịch những luận giải về kinh điển chưa có mấy người dịch để gởi đến quý độc giả xa gần là thể hiện mục tiêu như đã trình bày bên trên. Nếu có những sai sót, không đúng ý tác giả và câu văn v.v... Kính xin quý vị cao minh chỉ giáo cho. Đó là điều hạnh phúc vô biên của dịch giả.

Ngài Thiên Thai Trí Giả Đại Sư xuất thân tại Trung Quốc vào thế kỷ thứ 6 sau Tây lịch, tính đến nay cũng đã trải qua 14, 15 thế kỷ rồi. Cách diễn dịch, cách tỏ bày, cách dạy đạo ngày đó đến nay quá xa cách. Vì vậy người đời sau chưa chắc nắm hết ý và ngôn từ của bậc Đại Nhân đi trước đã hoằng truyền kinh pháp. Ngay cả Ngài Quán Đính là đệ tử thân tín của Ngài Trí Khải đã ghi lại rất tỉ mỉ lời dạy của Thầy mình qua bản chú giải 10 quyển Pháp Hoa Văn Cú nầy; nhưng đôi khi dịch giả cảm thấy lúng túng. Vì lẽ tất cả mọi góc độ nhìn của Ngài Trí Khải, Ngài đều quy về 4 tư tưởng chính của Đức Phật, qua sự chia chẻ của Ngài Trí Khải qua cái nhìn của Tạng

(Ước) giáo, Biệt giáo, Thông giáo và Viên Giáo. Do đó những ai chưa quen với giáo nghĩa của Thiên Thai giáo quán tông, quả là điều không dễ dàng chút nào.

Tuy nhiên Phật Giáo Việt Nam, Nhật Bản và Đại Hàn nằm trong vùng ngôn ngữ, văn tự có liên quan mật thiết với ngôn ngữ Trung Hoa. Do đó chúng ta có thể nắm bắt ý chính của từng Phẩm một qua 28 Phẩm của kinh Diệu Pháp Liên Hoa nầy. Người xưa bảo rằng:

„Học hải vô nhai, cần thị ngạn

Thanh không hữu lộ, chí vi thê"

Nghĩa:

„Biển học không bờ, siêng là bến

Trời xanh có lối, chí là thang‟

Hôm nay tôi thể hiện sự siêng năng và ý chí ấy qua dịch phẩm nầy. Mong rằng quý độc giả, kể cả chư Tôn Đức hoan hỷ đón nhận sự trân quý nầy từ người dịch.

Nam Mô Hoan Hỷ Tạng Bồ Tát Ma Ha Tát

Dịch giả: Sa Môn Thích Như Điển
Phương Trượng chùa Viên Giác Hannover - Đức quốc